THẦY THUỐC ƯU TÚ
LY. DSCKII. NGUYỄN ĐỨC ĐOÀN

南醫驗方

NAM Y NGHIỆM PHƯƠNG



NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

THẦY THUỐC ƯU TÚ
LY.DSCKII NGUYỄN ĐỨC ĐOÀN

NAM Y NGHIỆM PHƯƠNG

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC
HÀ NỘI - 2004

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Y dược cổ truyền Việt Nam là một di sản văn hoá của dân tộc được hình thành và phát triển trong quá trình lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước.

Những kinh nghiệm phòng bệnh, chữa bệnh của các cha ông ta, trải qua nhiều thế hệ được tích luỹ và giao lưu cùng y dược của các nước láng giềng và các nước trong khu vực đã đúc kết phát triển thành một nền Nam y hoàn chỉnh. Nhiều Danh y dưới các Vương triều xưa đã để lại cho chúng ta nhiều trước tác y dược cổ truyền nổi tiếng như "*Nam dược thần hiệu*", "*Hải thượng Y tông tâm lĩnh*", "*Châm cứu tiệp hiệu diễn ca*..." làm rạng rỡ nền y dược Việt Nam.

Các lương y đương thời và cộng đồng các dân tộc Việt Nam: Kinh, Thượng, Tày, Nùng, Dao, Mường, Mán, Thái, Mông, Khơ - me, Chàm, Hoa... đã hưởng ứng chủ trương của Đảng và Chính phủ, sưu tầm, cống hiến hàng trăm trước tác Y dược cổ truyền, hàng vạn phương thuốc kinh nghiệm, bài thuốc, cây con thuốc gia truyền quý.

Nhiều bài thuốc cây thuốc đã được đưa vào ứng dụng, nghiên cứu điều trị trong các cơ sở y tế của dân y, quân y ở địa phương và trung ương. Một số đã được chọn lọc in thành sách phổ cập trong ngành. Tuy nhiên các sách phát hành phần lớn mang tính địa phương chưa có sự tổng hợp trên phạm vi cả nước nên còn hạn chế trong việc phổ biến ứng dụng rộng rãi.

Để góp phần vào việc gìn giữ bảo tồn, phát huy di sản văn hoá dân tộc làm phong phú thêm kho tàng y dược cổ truyền mà ngày nay nhiều người ở trong và ngoài nước đang tiếp tục nghiên cứu tìm hiểu kho tàng quý giá đó, Nhà xuất bản Y học cho xuất bản và phát hành cuốn sách "*Nam y nghiệm phương - Những bài thuốc nam kinh nghiệm* ".

Sách do Thầy thuốc ưu tú LY.DSCKII Nguyễn Đức Đoàn người đã hơn 45 năm gắn bó với sự chấn hưng nền Y học cổ truyền của nước nhà biên soạn. Tác giả đã cố gắng sưu tầm, ghi chép, tập hợp chọn lọc từ rất nhiều tư liệu của nhiều cơ sở nghiên cứu và thực hành Đông y ở nhiều địa phương và Hội Đông y Việt Nam để biên soạn thành cuốn sách.

Cuốn sách đã ghi lại gần 3000 bài thuốc chữa 440 chứng bệnh thuộc các chuyên khoa: Nội khoa, Phụ khoa, Nhi khoa, Ngũ quan khoa và Thương khoa (ngoại khoa) với gần 900 vị thuốc.

Các bài thuốc giới thiệu trong cuốn sách là các bài thuốc nam, thuốc dân tộc và một số ít cổ phương của Đông y đã được Việt Nam hoá. Các bài thuốc hầu hết đã được sử dụng đánh giá sơ bộ trong các cơ sở điều trị của ngành Y tế, của Quân y, của Hội Đông y Việt Nam và sẽ còn được tiếp tục ứng dụng rộng rãi và nghiên cứu trên cơ sở khoa học hiện đại ở Việt Nam.

Nhà xuất bản Y học xin trân trọng giới thiệu với các bạn độc giả và mong rằng các bạn độc giả sẽ tìm thấy những điều bổ ích trong cuốn: *Nam y nghiệm phương*.

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

ĐÔI LỜI VỀ TÁC GIẢ

THẦY THUỐC ƯU TÚ, LƯƠNG Y, DƯỢC SĨ CHUYÊN KHOA II NGUYỄN ĐỨC ĐOÀN

Sinh năm 1934 tại Tân An - Yên Dũng - Bắc Giang.

- 1949 gia nhập Quân đội nhân dân Việt Nam
- 1953-1955 học tại Trường Dược sĩ Việt Nam (hệ Trung cấp)
- 1965 tốt nghiệp Đại học Dược Hà Nội
- 1983 tốt nghiệp Dược sĩ chuyên khoa II.

Trong lĩnh vực Đông y:

- 1958 học hàm thụ Đông y khoá 1 do Trung ương Hội Đông y Việt Nam mở; lớp bồi dưỡng Đông y - Đông dược do Bộ Y tế và Viện nghiên cứu Đông y mở.
- 1967 học lớp giảng viên Thuốc nam châm cứu (Bộ Y tế và Viện Đông y mở)
- 1958 - 1962 Chánh thư ký Phân hội Đông y tỉnh Bắc Ninh
- 1965 - 1999 Công tác tại Bộ Y tế
- 1985 - 1992 Phó Vụ trưởng Vụ y học cổ truyền
- 1992 - 1997 Vụ trưởng Vụ Y học cổ truyền
- 1985 - 1995 Uỷ viên Ban chấp hành trung ương Hội y học cổ truyền Việt Nam các khoá VI - VII.
- 1995 - 2000 Uỷ viên thường vụ Ban chấp hành trung ương Hội y học cổ truyền Việt Nam khoá VIII
- 1995 tại Hội nghị Hội Y học Quốc tế Đông phương có 34 nước thuộc năm châu lục tham dự tại Seoul (Hàn Quốc) được bầu làm uỷ viên Ban chấp hành Hội y học Quốc tế Đông phương khoá 8 (1995 - 1998).
- Đã tham dự nhiều Hội nghị Quốc tế về Đông y và thăm quan trao đổi nghiệp vụ về lĩnh vực Đông y tại các nước Ấn Độ, Bangladesh, Trung Quốc, Hàn Quốc....
- 1997 được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Thầy thuốc ưu tú".
- 1998 được suy tôn là "Cá nhân điển hình tiên tiến" trong phong trào thi đua người tốt việc tốt của Ngành Y tế toàn quốc trong thời kỳ đổi mới. Tại Hội nghị điển hình tiên tiến biểu dương người tốt việc tốt toàn quốc của ngành Y tế Bộ trưởng Bộ Y tế đã biểu dương: "DS chuyên khoa II Nguyễn Đức Đoàn - Vụ trưởng Vụ Y học cổ truyền là một thương binh chống Pháp đã bền bỉ vượt lên mọi khó khăn, không ngừng phấn đấu nâng cao năng lực và phẩm chất hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, làm tốt chức năng của một Vụ trưởng tham mưu cho lãnh đạo Bộ trong việc chỉ đạo cũng như nghiên cứu đề xuất các chủ trương đổi mới tổ chức, quản lý và xây dựng chính sách kế thừa phát huy, phát triển y học cổ truyền từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển mới của đất nước".

Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng 3 (1998) cùng nhiều Huân, Huy chương khác.

LỜI NÓI ĐẦU

Y dược cổ truyền Việt Nam là một di sản văn hoá của dân tộc đã có lịch sử hàng ngàn năm hình thành và phát triển.

Từ những kinh nghiệm giản đơn như ăn Trầu để bảo vệ răng miệng và chống rét; ăn Gừng để chống ho; ăn Riềng, Tía tô để chống rối loạn tiêu hoá; ngủ nhà sàn để chống sơn lam chướng khí; khơi mương, phát quang, hun khói trong nhà để chống muỗi; đào giếng để có nguồn nước sạch v.v... Những kinh nghiệm phòng bệnh, chống bệnh đó của ông cha ta được tích luỹ và giao lưu cùng Y dược của các nước trong khu vực, trước hết là với Y - Dược Trung Hoa đã dần dần phát triển thành một nền Y Dược hoàn chỉnh, được phát triển mạnh mẽ dưới các Triều đại Lý - Trần - Lê - Nguyễn ...

Nhiều danh y dưới các Vương triều xưa đã để lại nhiều trước tác Y - Dược cổ truyền nổi tiếng bao gồm nhiều lĩnh vực chuyên khoa như: Nội khoa - Nhi khoa - Phụ khoa - Thương khoa - Ngũ quan khoa - Châm cứu, Xoa bóp, bấm nắn - Dưỡng sinh - Dinh dưỡng - Vệ sinh phòng bệnh - Dược vật và Bào chế, làm rạng rỡ cho nền y học Việt Nam.

Từ khi nước Việt Nam bị thực dân Pháp đô hộ (1858), chúng giải tán các tổ chức y tế của Vương triều Nguyễn, loại y dược cổ truyền ra khỏi tổ chức y tế nhà nước phong kiến, đưa y học phương Tây vào nước ta, đồng thời ra sức ngăn cản sự phát triển của y dược cổ truyền dân tộc. Đây là một trong những biểu hiện của kẻ xâm lược âm mưu xoá bỏ nền Văn hoá Việt Nam trong đó có Y dược cổ truyền mà phải trải qua nhiều thế hệ ông cha ta mới xây dựng được.

Tuy nhiên, bất chấp ý đồ của kẻ xâm lược, Y dược cổ truyền vẫn được nhân dân bảo vệ và coi là một di sản văn hoá của dân tộc. Y dược cổ truyền vẫn giữ vai trò cực kỳ quan trọng trong việc bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

Cách mạng tháng 8 năm 1945 thắng lợi dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh y dược cổ truyền đã được chấn hưng, được trả lại vị trí Nhà nước. Y dược cổ truyền được kế thừa,phát huy,phát triển,kết hợp với Y dược hiện đại đã trở thành một binh chủng hợp thành không thể thiếu của y dược học Việt Nam trong suốt chặng đường dài của các cuộc kháng chiến chống xâm lược bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước hiện nay.

Ngày nay, trong thời đại Y dược hiện đại trên thế giới phát triển mạnh mẽ nhưng y dược cổ truyền Việt Nam, một di sản Văn hoá dân tộc vẫn được Nhà nước ta trân trọng giữ gìn, bảo vệ và không ngừng được phát huy,phát triển.

Trong suốt hơn 50 năm qua Chính phủ, Bộ Y tế đã phát động phong trào vận động các thầy thuốc cổ truyền và nhân dân sưu tầm, phát hiện, cống hiến các trước tác y dược của các danh y dưới các Vương triều xưa cùng các bài thuốc kinh nghiệm, bài thuốc gia truyền, bài thuốc và cây thuốc dân gian...

Theo báo cáo của Bộ Y tế, của Hội y học cổ truyền Việt Nam (từ năm 1960 đến năm 1990), chúng ta đã sưu tầm được 497 trước tác y dược cổ truyền bằng chữ Hán - Nôm; 202 tác phẩm y dược cổ truyền bằng chữ Quốc ngữ của các Danh y như: Tuệ Tĩnh, Nguyễn Đại Năng, Lê Đức Vọng, Hoàng Đôn Hoà, Hải Thượng Lãn Ông, Nguyễn Gia Phan, Nguyễn Trực, Đào Công Chính, Nguyễn Tử Siêu, Phó Đức Thành... 12.513 Lương y đương thời và cộng đồng các dân tộc Việt Nam (Kinh, Thượng, Tày, Nùng, Dao, Mường, Mán, Thái, Mông, Khơ - me, Chàm, Hoa...) cống hiến gần 40.000 phương thuốc kinh nghiệm, bài thuốc gia truyền, bài thuốc và cây thuốc dân gian quý.

Sau nhiều thập kỷ một số trước tác của Tuệ Tĩnh, Hải Thượng Lãn Ông, Nguyễn Đại Năng đã được dịch ra quốc ngữ và in ấn phổ cập; nhiều bài thuốc, cây thuốc được đưa vào ứng dụng điều trị trong các cơ sở y tế ở địa phương cũng như ở trung ương và đưa vào sản xuất trong các xí nghiệp dược phẩm. Một số đã được chọn lọc biên soạn thành sách phổ cập trong cả nước và trong địa phương.

Tuy nhiên các tài liệu phát hành không nhiều, không đầy đủ các chuyên khoa, nhiều vị thuốc được gọi bằng tên riêng của nhân dân địa phương, của đồng bào dân tộc nên nhiều người không biết, mặt khác các tài liệu phát hành còn mang tính cục bộ địa phương chưa có sự tổng hợp được các phương thuốc kinh nghiệm, bài thuốc, cây thuốc dân gian gia truyền trên phạm vi cả nước nên còn hạn chế nhiều trong việc phổ biến ứng dụng rộng rãi.

Trong khi đó đông đảo bạn đọc mong muốn có được cuốn sách ghi chép, tập hợp đầy đủ hơn các bài thuốc kinh nghiệm, bài thuốc dân gian đã kế thừa được của các lương y và đồng bào các dân tộc trong cả nước đã được đánh giá chọn lọc để thuận tiện sử dụng chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ.

Trước tình hình đó, mặc dù với hiểu biết còn rất hạn hẹp trong rừng y biển dược mênh mông, tác giả đã cố gắng hết sức sưu tầm, ghi chép tập hợp chọn lọc và sắp xếp lại từ những trước tác, sách báo của một số Viện, Bệnh viện Tây y, Đông y ở Trung ương và địa phương, của một số tỉnh, thành Hội và Trung ương Hội Đông y Việt Nam, của Bộ Y tế, của Cục Quân y, cùng một số tư liệu mà tác giả ghi chép lại được tại các Hội nghị khoa học về y dược cổ truyền, Hội nghị cống hiến tâm đắc từ những năm đầu thập kỷ 60 của thế kỷ 20 đến nay để biên soạn cuốn "*Nam y nghiệm phương* - những bài thuốc Nam kinh nghiệm" nhằm đáp ứng phần nào mong muốn của đông đảo bạn đọc, đồng thời giúp cho các thầy thuốc rút ngắn thời gian suy nghĩ lập phương, chọn dược. Trên cơ sở này trong điều trị thầy thuốc có thể gia giảm vị thuốc, liều lượng thuốc phù hợp với bệnh tình của mỗi người bệnh và nguồn dược liệu ở địa phương.

Trong quá trình sưu tầm, ghi chép, tập hợp, chọn lọc, sắp xếp hệ thống lại các bài thuốc, tác giả nhận thấy một điều hết sức lý thú là sự thống nhất cao của các thầy thuốc trong toàn quốc (dù đó là thầy thuốc có lý luận hay thầy thuốc gia truyền kinh nghiệm, thầy thuốc dân tộc ít người...) trong việc sử dụng cùng một vị thuốc để điều trị cùng một loại chứng bệnh ở khắp ba miền đất nước.

Điều đó đủ nói lên sự tin cậy, tác dụng và hiệu quả chữa bệnh của các vị thuốc Nam, Bắc lâu nay vẫn được sử dụng trong lâm sàng; mặc dù chưa được nghiên cứu, chứng minh đầy đủ dựa trên cơ sở khoa học hiện đại.

Việc làm này cũng là để góp phần nhỏ bé của tác giả vào việc bảo tồn một di sản văn hoá của dân tộc, làm phong phú thêm kho tàng y dược cổ truyền nước ta và phương Đông mà ngày nay nhiều người ở trong và ngoài nước đang tiếp tục nghiên cứu tìm hiểu kho tàng quý giá đó, khám phá ra nhiều công dụng mới mang lại hiệu quả to lớn hơn nữa trong việc bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân ta và cho nhân loại.

Cuốn *Nam y nghiệm phương* gồm 6 phần chính:

Phần một: Các bài thuốc trị các bệnh nội khoa.

Cảm sốt, phong tê thấp, tiêu hoá, gan mật, tiết niệu, tim mạch, hô hấp, thần kinh, bổ dưỡng...

Phần hai: Các bài thuốc trị bệnh phụ khoa:

Kinh, đới, thai, sản

Phần ba: Các bài thuốc trị bệnh trẻ sơ sinh và trẻ em (Nhi khoa)

Phần bốn: Các bài thuốc trị bệnh Ngũ quan:

Răng miệng, mắt, tai mũi họng, ngoài da.

Phần năm: Các bài thuốc trị bệnh ngoại thương (Thương khoa):

Gẫy xương, bong gân, trật khớp, vết thương phần mềm, bỏng...

Rắn rết côn trùng độc cắn.

Phần sáu: Phụ lục

- Một số bài thuốc chữa ngộ độc, giải độc.
- Một số bệnh án nội khoa hay.
- Đại cương về bào chế Đông dược
- Bảng tra cứu giải thích một số danh từ Đông y gặp trong cuốn sách
- Bảng tra cứu tên các vị thuốc, cây thuốc được sử dụng trong các bài thuốc. (Tên thường dùng, tên khác, tên khoa học)
- Bảng tra cứu phân loại các bài thuốc theo chứng bệnh: Để các độc giả tiện tra cứu khi sử dụng. Tuy nhiên sự phân loại này cũng chỉ là tương đối không thể chính xác tuyệt đối được. Bởi vì một bài thuốc có nhiều tác dụng trị bệnh khác nhau nên khi sử dụng độc giả cần xem kỹ phần hướng dẫn chủ trị đối chiếu với hội chứng lâm sàng mà ứng dụng điều trị một cách linh hoạt.

Cuốn sách giới thiệu gần 3000 bài thuốc sử dụng gần 900 vị thuốc (chủ yếu là các bài thuốc nam, thuốc dân tộc và một số ít cổ phương của Đông y đã được Việt Nam hoá) hầu hết là những bài đã được sử dụng chọn lọc ở các cơ sở điều trị, nghiên cứu của Nhà nước, của Quân y, của Hội Đông y Việt Nam, có nhiều bài có cùng một tác dụng giống nhau, từ những bài thuốc chữa bệnh giản đơn theo đối

chứng trị liệu, đến những bài thuốc chữa bệnh phải vận dụng theo biện chứng luận trị ở trình độ cao để các thầy thuốc và bạn đọc chọn lựa sử dụng.

Các bài thuốc giới thiệu trong cuốn sách hầu hết là những bài thuốc nam kinh nghiệm của các lương y và nhân dân cống hiến không có tên gọi, tác giả đã chủ động đặt cho một tên gọi thích hợp để tiện sử dụng.

Tên một số vị thuốc nam trong một số bài thuốc dùng tên gọi riêng của địa phương của dân tộc, được đối chiếu tìm hiểu ghi thêm tên gọi phổ thông ở bên cạnh như: Tua rễ Gừa (Tua rễ Đa), Mã chiên (Mã tiên thảo), Thàu tan huyết (cây tan huyết), Cẩu ngầu lực (Thổ phục linh), Chù chuây mây (Dây chẽ ba) v.v... Một số vị không đối chiếu được tên phổ thông thì ghi thêm dấu ? ở trong ngoặc sau tên vị thuốc như: Lá thương bẩy (?), Độc muối (?) Dắc dốm (?) v.v... Phần phụ lục có bảng tra cứu tên các cây thuốc được sử dụng trong các bài thuốc có trong cuốn sách gồm tên thường dùng, tên khác, tên khoa học thuận tiện cho việc sưu tầm sử dụng, tránh nhầm lẫn.

Để có được những thành quả hôm nay, tác giả xin kính cẩn nghiêng mình trước anh linh của các bậc tiền bối đã lưu lại cho hậu thế một di sản văn hoá Y - Dược cổ truyền vô giá mà ngày nay các hậu thế được thừa hưởng.

Tác giả xin chân thành cám ơn các lương y - các nhà khoa học đã có những tác phẩm công bố, đó là những thành quả lớn lao về tri thức mà tác giả đã thừa hưởng được để có điều kiện chọn lọc, tập hợp nên cuốn "*Nam y nghiệm phương*" này.

Tác giả xin chân thành cảm ơn Nhà xuất bản Y học, đặc biệt là Giám đốc Hoàng Trọng Quang, BS. Phó Giám đốc Nguyễn Thị Kim Liên và Dược sĩ Lê Thị Minh Nguyệt đã động viên khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi để cuốn sách được ra đời.

Cuốn *Nam y nghiệm phương*, tuy là ghi chép, tập hợp những phương thuốc được chọn lọc trong các tác phẩm, những tư liệu đã công bố, nhưng do trình độ có hạn và lại là lần đầu tiên ghi chép tổng hợp hệ thống hoá để xuất bản chắc chắn là không thể tránh khỏi sai sót. Rất mong được sự cảm thông lượng thứ, góp ý của các bậc học giả và các bạn đọc để có thể sửa chữa, bổ sung cho lần in sau tốt hơn.

Thủ đô Hà Nội

Mùa xuân năm Quý Mùi

(tháng 5 năm 2003)

Tác giả

Thầy thuốc ưu tú LY.DSCKII Nguyễn Đức Đoàn

Nguyên Vụ trưởng Vụ y học cổ truyền Bộ Y tế

MỤC LỤC

Lời nhà xuất bản 1
Lời nói đầu 3

Phần một

NỘI KHOA

Các bài thuốc trị cảm sốt 9
A. Các bài thuốc trị cảm sốt bốn mùa 9
B. Các bài thuốc trị cảm mạo phong hàn 14
C. Các bài thuốc trị cảm mạo phong nhiệt 18
D. Các bài thuốc trị cảm thử (cảm nắng) 21
Các bài thuốc trị bệnh cảm sốt truyền nhiễm (trị ôn dịch) 29
A. Các bài thuốc trị cảm cúm 29
B. Các bài thuốc trị sốt xuất huyết (do muỗi truyền) 36
Các bài thuốc trị sốt rét cơn (ngược tật) 42
Các bài thuốc trị bệnh phong tê thấp 55
Các bài thuốc trị bệnh hệ tiêu hoá 109
A. Các bài thuốc trị bệnh đau dạ dày 109
B. Các bài thuốc trị bệnh rối loạn tiêu hoá 123
C. Các bài thuốc trị bệnh kiết lỵ, tả lỵ, viêm đại tràng, trĩ 150
Các bài thuốc trị bệnh gan mật 179
Các bài thuốc trị bệnh hệ tiết niệu 200
Các bài thuốc trị bệnh hệ tim mạch 229
Các bài thuốc trị bệnh hệ hô hấp 249
Các bài thuốc trị bệnh hệ thần kinh 278
Các bài thuốc bồi dưỡng cơ thể 302
Các bài thuốc thuộc toa căn bản 325
Các bài thuốc thuộc bài bình can chứng 331

Phần hai

PHỤ KHOA

Các bài thuốc trị kinh, đới, thai, sản 355

Phần ba

NHI KHOA

Tóm tắt phương pháp xem bệnh cho trẻ sơ sinh và trẻ em 441
Sử dụng và liều lượng thuốc dùng cho trẻ em 443
Các bài thuốc trị bệnh trẻ sơ sinh và trẻ em 444

Phần bốn

NGŨ QUAN KHOA

Các bài thuốc trị bệnh mắt 529
Các bài thuốc trị bệnh ngoài da 540
Các bài thuốc trị bệnh mũi - họng 558
Các bài thuốc trị bệnh răng - miệng 567
Các bài thuốc trị bệnh tai 573

Phần năm

NGOẠI THƯƠNG

Các bài thuốc chữa choáng, ngất, chấn thương, bong gân, sai khớp, vết thương phần mềm, bó gẫy xương, chảy máu, bỏng, viêm cơ, ung nhọt... 575
Một số bài thuốc chữa rắn, rết, côn trùng độc cắn, đốt. 606

Phần sáu

PHỤ LỤC

Một số bài thuốc chữa ngộ độc, giải độc 612
Một số bệnh án nội khoa hay 622
Đại cương về bào chế thuốc đông dược 724
Bảng tra cứu giải thích một số danh từ Đông y gặp trong sách 758
Bảng tra cứu tên các vị thuốc, cây thuốc sử dụng trong các bài thuốc (Tên thường dùng, tên khác, tên, họ khoa học) 786
Bảng tra cứu phân loại các bài thuốc theo chứng bệnh 859
Danh mục các tài liệu tổng hợp và tham khảo chính dùng biên soạn cuốn sách 941
Những sách cùng tác giả đã xuất bản 945

PHẦN I

NỘI KHOA

CÁC BÀI THUỐC TRỊ CẢM SỐT

A. CÁC BÀI THUỐC TRỊ CẢM SỐT BỐN MÙA (CẢM MẠO BỐN MÙA)

1. BỘT TÍA TÔ HƯƠNG PHỤ

Hương phụ (chế)	240g
Tía tô	320g
Trần bì	120g
Bạch chỉ	160g
Cam thảo	80g
Sinh khương	40g

Chủ trị:

Cảm mạo bốn mùa: Người sốt, nhức đầu, sợ lạnh, không ra mồ hôi, ho, cơ thể đau nhức, đau bụng, đầy trướng bụng.

Cách dùng - liều lượng:

Trần bì ủ mềm cạo bỏ cùi trắng, thái nhỏ phơi khô.

Bạch chỉ, Cam thảo, Sinh khương thái lát mỏng phơi khô.

Hương phụ, Tía tô sấy khô.

Tất cả các vị tán bột mịn, trộn đều.

Trẻ em: 5 - 10 tuổi mỗi lần dùng 4 - 6g

11 - 16 tuổi mỗi lần dùng 6 - 8g

Người lớn: Mỗi lần dùng 10 - 16g

Các vị hãm với nước sôi, gạn nước uống. Ngày uống 2 lần (sáng, chiều). Nếu uống bột thì giảm liều xuống một nửa.

Kiêng kỵ:

Các chất tanh, mỡ.

Trường hợp cảm sốt cao, mê sảng, có mồ hôi, khát nước không dùng.

2. VIÊN HOẠT THẠCH PHÈN CHUA
(Còn gọi là Thuốc phong trắng)

Bạch phàn (phi)	400g
Hoạt thạch	600g
Địa liền	400g
Long não	200g

Chủ trị:

Cảm sốt, nhức đầu, đau mình, nhức xương, hắt hơi, trong người cảm thấy nặng nề khó chịu, gai rét, sợ lạnh, sợ gió không ra mồ hôi.

Cách dùng - liều lượng:

Hoạt thạch rây lấy bột mịn, phần to còn lại đem tán mịn rồi thuỷ phi.
Long não nghiền thành bột.

Địa liền sấy khô tán bột mịn.

Dành lại một ít bột Hoạt thạch để làm áo. Tất cả các vị nghiền nhỏ rây lấy bột mịn trộn đều luyện với hồ nếp làm viên hoàn bằng hạt đậu

xanh, áo bằng bột hoạt thạch, sấy khô ở nhiệt độ 40 - 50°C.

Trẻ em: Dưới 5 tuổi mỗi lần uống 1 - 2 viên

5 - 10 tuổi mỗi lần uống 2 - 4 viên

Trên 10 tuổi mỗi lần uống 4 - 6 viên

Người lớn: Mỗi lần uống 6 - 10 viên

Uống với nước nóng, ngày 2 lần (sáng, chiều). Uống xong nằm đắp chăn cho ra mồ hôi. Ra mồ hôi thì ngừng thuốc.

Kiêng kỵ:

Không ăn các chất sống lạnh

Trường hợp ngoại cảm phong hàn, trong có sẵn thấp nhiệt hoặc trường hợp sốt cao mê man, mồ hôi ra nhiều không dùng.

3. KINH TÔ THANG

Bạc hà	8g
Kinh giới	4g
Tía tô	6g
Bạch chỉ	6g
Sài hồ	8g
Quế chi	6g
Hành tươi	3-4 tép

Chủ trị:

Các chứng ngoại cảm

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc. Uống 1 lần lúc thuốc còn ấm. Uống xong nằm đắp chăn ra mồ hôi. Ra mồ hôi ngưng thuốc, lau khô mồ hôi, tránh gió lùa.

4. BẠCH HƯƠNG THANG

Bạch chỉ	20g
Hương nhu	20g
Cát căn	20g
Kinh giới	10g
Tía tô	10g
Trúc diệp	10g
Hành khô	3 củ

Chủ trị:

Tứ thời cảm mạo (cảm mạo bốn mùa), sốt có mồ hôi hoặc không có mồ hôi, chảy nước mắt, nước mũi, ho, đau họng.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước sắc lấy 200ml, uống lúc thuốc còn ấm, ngày uống 1 thang.

Trẻ em liều lượng bằng 1/3-1/2 liều người lớn.

5. THANG HƯƠNG CĂN

Hương nhu	10g
Cát căn	10g
Bạch chỉ	10g
Bạch biển đậu	10g
Sinh khương	5 lát

Chủ trị:

Tứ thời cảm mạo

Liều lượng - cách dùng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống lúc thuốc còn ấm.

Ngày uống 1 thang.

6. CHÈ GIẢI CẢM

Lượng cho một gói trà.

Tô diệp	5g
Kinh giới	6g
Bạc hà	4g
Cam thảo	5g
Xuyên khung	6g
Cát căn	6g
Bạch chỉ	3g

Chủ trị:

Làm thuốc giải cảm

Cách dùng - liều lượng:

Các vị thuốc thái nhỏ, sấy khô, tán thô. Cho hãm với 1 lít nước sôi, chia uống nhiều lần trong ngày. Uống nóng.

Người lớn ngày 1 gói.

Trẻ em tuỳ tuổi dùng 1/3 - 1/2 gói.

7. ĐẠI BI KINH GIỚI TÍA TÔ THANG

Lá đại bi (tươi)	60g
Kinh giới (tươi)	40g
Tía tô (tươi)	40g
Lá sả (tươi)	20g
Lá chanh (tươi)	20g
Sinh khương	5 lát
Hành hoa (tươi)	10g

Chủ trị:

Cảm mạo: Phát sốt, nhức đầu, ho, sổ mũi, gai rét, cơ thể đau nhức, chân tay, buồn mỏi.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị rửa sạch thái nhỏ cho vào 500ml nước đun sôi 5-10 phút, gạn nước thuốc chia uống2 lần trong ngày, uống lúc thuốc còn nóng. Đồng thời cho người bệnh ăn bát cháo hành nóng nằm đắp chăn cho ra mồ hôi.

8. BỘT CẢM MẠO

Hoạt thạch	120g
Cát căn	80g
Tử tô diệp	40g
Hương phụ	40g
Bạc hà diệp	40g
Bán hạ chế	20g
Trần bì	20g
Cam thảo	12g
Địa liền	20g
Phèn chua phi khô	8g

Chủ trị:

Cảm mạo gặp trong bốn mùa (cảm mạo bốn mùa) có phát sốt, hơi sợ rét, cơ thể đau mỏi, nhức đầu, ho, ăn uống, đại tiểu tiện bình thường, nước tiểu hơi vàng và đục.

Cách dùng - liều lượng:

Hoạt thạch để riêng, còn tất cả các vị thuốc khác phơi hoặc sấy khô tán mịn trộn đều với Hoạt thạch, rây mịn.

Người lớn ngày dùng 25 - 30g bột. Hoà bột thuốc vào nước sôi, hãm, chia uống làm 3 lần, uống nóng, mồ hôi ra đều, hết sốt thì thôi.

9. CẢM MẠO PHONG TÀ THANG

Tô diệp	10g
Sài hồ biển (rễ lức)	10g
Tang bạch bì (tẩm mật sao)	8g
Xuyên khung	6g
Cát căn	6g
Cát cánh	6g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Cảm mạo phong tà: Váng đầu ngạt mũi, hắt hơi luôn, thường chảy nước mũi trong liên tục, tiếng nói khàn đục, họng khô, ho (thường ho khan), sợ gió, có sốt nhẹ hoặc không sốt, mạch phù hoãn.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc sôi 5 - 10 phút, chắt lấy nước thuốc, chia uống làm 2 lần lúc thuốc còn nóng; lần uống sau cách lần uống trước 3 - 4 giờ.

Bã thuốc lại cho 300 ml nước sắc lần 2; gạn nước thuốc cho uống như trên.

Mỗi ngày một thang.

Kiêng kỵ:

Tránh ăn các chất cay, nóng.

10. BẠI ĐỘC TÁN

Kinh giới	90g
Phòng phong	90g
Sài hồ	90g
Tiền hồ	90g
Chỉ xác	90g
Cát cánh	90g
Bạch linh	90g
Kim ngân	90g
Độc hoạt	90g
Xuyên khung	60g
Khương hoạt	45g
Cam thảo	45g
Bạc hà	40g

Chủ trị:

Cảm mạo, nhức đầu, đau mỏi thân thể

Cách dùng - liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn

Người lớn ngày uống 12 - 20g

Trẻ em tuỳ tuổi ngày uống 4 - 12g

Hoà bột thuốc vào nước sôi, quấy đều, gạn bỏ bã lấy nước thuốc uống.

Kiêng kỵ:

Bệnh nội thương sốt về đêm, hoặc đau bụng do cảm lạnh không nên dùng.

Kiêng các thức ăn: cay, nóng, khó tiêu, mỡ

11. HƯƠNG TÔ TÁN GIA GIẢM

Hương phụ (sao cháy lông)	250g
Bạch chỉ	200g
Tía tô (lá)	350g
Trần bì (ủ cạo bỏ cùi trắng sao thơm)	100g
Cam thảo	100g

Chủ trị:

Cảm mạo bốn mùa, cảm cúm, sốt có hoặc không có mồ hôi, thân thể đau nhức mỏi, nhức đầu hoặc nôn mửa.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị đã bào chế sấy khô tán bột mịn

Người lớn ngày uống 12 - 24g

Trẻ em tuỳ tuổi ngày uống 6 - 12g

Hãm thuốc với nước sôi trong 10 phút, gạn lấy nước thuốc uống. Uống liên tục trong vòng 3 ngày. Khi hãm có thể cho thêm 3 lát gừng tươi càng tốt.

Kiêng kỵ:

Người suy nhược kéo dài, táo bón, khát nước không nên dùng.

Kiêng ăn các thứ lạnh, khó tiêu.

12. BỘT CẢM CÚM

Trần bì	140g
Bạch chỉ	180g
Hương phụ	180g
Tô diệp	320g
Cam thảo	80g

Chủ trị:

Cảm cúm, viêm đường hô hấp trên, sốt không rõ nguyên nhân, các chứng nhức đầu.

Cách dùng - liều lượng:

Trần bì rửa sạch phơi khô sao giòn

Bạch chỉ, cam thảo rửa sạch thái mỏng phơi khô sao vàng.

Hương phụ rửa sạch, tán dập sao giòn,

Tô diệp rửa sạch phơi khô sao giòn,

Trộn đều các vị, tán bột mịn

Trẻ em dùng 3 - 6g

Người lớn dùng 9 - 12g

Hãm bột thuốc với nước sôi, gạn chia uống 2 lần trong ngày.

13. CHÈ CẢM CÚM

Lượng cho một gói chè

Cam thảo	6g
Cúc hoa	1g
Tô diệp	0,3g
Hạ khô thảo	1,4g
Tiểu hồi (sao qua)	2,8g
Trần bì (sao qua)	0,3g
Hương phụ chế	0,6g
Hoè hoa (sao qua)	2,8g

Chủ trị:

Cảm cúm sốt không có mồ hôi

Cách dùng - liều lượng:

Tất cả các vị thuốc thái nhỏ, tán thô, trộn lẫn, sấy khô

Trẻ em dùng 1/2 - 1 gói ngày

Người lớn dùng 2 gói ngày.

Hãm với 500ml nước sôi chia uống nhiều lần trong ngày, uống nóng.

14. THANG XUYÊN HƯƠNG

Xuyên khung	6g
Hương phụ (Tứ chế)	6g
Tế tân	4g

Chủ trị:

Nhức đầu, chóng mặt

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 200ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc; sắc 2 lần, trộn chung nước sắc lần 1 và nước sắc lần 2, chia uống làm 3 lần trong ngày.

15. SÀI HỒ KINH GIỚI TỬ TÔ THANG

Sài hồ	15g
Kinh giới tuệ	20g
Tía tô	20g
Cát căn	10g
Bạc hà	10g
Uất kim	10g
Sinh khương	8g

Chủ trị:

Cảm mạo bốn mùa

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc.

Người lớn: Uống 1 lần lúc thuốc còn nóng

Trẻ em:

- Dưới 14 tuổi uống 100ml, uống lúc thuốc còn ấm.
- Dưới 5 tuổi uống 50ml, lúc thuốc còn ấm.

Uống xong đắp chăn kín cho ra mồ hôi.

Kiêng kỵ:

Người có bệnh ho lao, thổ huyết, nục huyết, khái huyết và trẻ em có lở, nhọt không được dùng.

16. HƯƠNG PHỤ XUYÊN KHUNG THANG

Hương phụ	16g
Xuyên khung	8g
Tía tô	12g
Trần bì	8g
Kinh giới	8g
Phòng phong	8g
Tần giao	8g
Cam thảo	4g
Sinh khương	4g

Chủ trị:

Cảm mạo bốn mùa.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày vào lúc đói. Trẻ em tuỳ tuổi giảm bớt liều lượng.

Chú ý gia giảm:

- Ho gia thêm:

Hạnh nhân (bỏ vỏ)	8g
Cát cánh	8g

- Đau họng gia thêm:

Ngưu bàng	8g

- Tiểu tiện đỏ gia thêm:

Phục linh	8g
Mộc thông	8g

- Đau đầu gia thêm:

Khương hoạt	8g

- Đau trán, nhức mắt, khát nước gia thêm:

Cát căn	12g

- Đắng miệng gia thêm:

Sài hồ	8g

- Lệ khí lưu hành gia thêm:

Thương truật	12g

B. CÁC BÀI THUỐC TRỊ CẢM MẠO PHONG HÀN

1. TIÊU PHONG THANG

Tía tô	12g
Hương nhu tía	12g
Trần bì	8g
Củ sả	8g
Ngũ trảo	12g
Cam thảo đất	8g
Sinh khương	8 lát

Chủ trị:

Chữa cảm mạo phong hàn: Người nóng sốt, sợ lạnh, cổ gáy cứng nặng nề không có mồ hôi, ngạt mũi, sổ mũi, ho khan, rêu lưỡi trắng, không muốn ăn uống, mạch phù khẩn.

Liều lượng - cách dùng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày, uống lúc thuốc còn ấm.

2. VIÊN BẠCH PHÀN HỒ TIÊU

Phèn chua (Phi)	800g
Hồ tiêu	20g
Long não	200g
Địa liền	200g
Sinh khương đủ dùng	

Chủ trị:

Cảm lạnh (hàn), nhức đầu, đau bụng, ỉa lỏng, tay chân lạnh.

Cách dùng - liều lượng:

Sinh khương chọn củ già thái lát thật mỏng phơi sấy khô, cân lấy 200g cho vào công thức trên.

Tất cả các vị sấy khô tán bột mịn, trộn đều, luyện với hồ nếp làm viên hoàn 0,005g (hoặc bằng hạt đậu xanh).

Trẻ em: Dưới 10 tuổi mỗi lần uống 3-5 viên

Trên 10 tuổi mỗi lần uống 6-10 viên.

Người lớn: Mỗi lần uống 12 - 20 viên. Ngày uống 2 lần (sáng, chiều) với nước chín nóng.

Kiêng kỵ:

Không ăn các chất tanh, lạnh.

Cảm sốt, đau bụng ỉa chảy thuộc nhiệt không dùng.

3. TRÀ KINH GIỚI HOẮC HƯƠNG

Kinh giới	120g
Hoắc hương	120g
Tô diệp	80g
Cát căn	120g
Bạc hà	80g
Hương phụ tứ chế	80g
Sinh khương	40g
Thông bạch	40g

Chủ trị:

Cảm phong hàn: Người sốt gai rét, nhức đầu, cứng gáy, không ra mồ hôi, đau bụng, đầy trướng bụng, nôn mửa.

Cách dùng - liều lượng:

Kinh giới, hoắc hương, tía tô, bạc hà, sinh khương, thông bạch (hành tăm) rửa sạch, phơi âm can hoặc sấy nhẹ 40 - 50°C. Cát căn rửa sạch, thái mỏng phơi hoặc sấy khô, hương phụ tứ chế sấy khô.

Tất cả các vị tán thô trộn đều.

Trẻ em: 1 - 5 tuổi ngày dùng 10g;

6 - 10 tuổi ngày dùng 15g

11 - 16 tuổi ngày dùng 20g

Người lớn: Ngày dùng 30g

Hãm với nước sôi gạn lấy nước, uống như nước trà. Uống xong đắp chăn nằm cho ra mồ hôi.

Kiêng kỵ:

Kiêng các chất tanh, mỡ, sống, lạnh.

Trường hợp cảm sốt không có mồ hôi, không sợ rét không dùng.

Chú ý:

Trà có thể dùng dạng thuốc thang. Lượng các vị thuốc giảm xuống 10 lần. Sắc uống, ngày 1 thang.

4. HƯƠNG TÔ BẠCH THANG

Hương phụ (tẩm gừng sao)	12g
Tía tô	12g
Thông bạch	8g
Trần bì (sao thơm)	8g
Cam thảo đất	8g
Sinh khương	8g

Chủ trị:

Ngoại cảm phong hàn: Sợ lạnh, nhức đầu, không có mồ hôi, không khát nước.

Cách dùng - liều lượng:

Tất cả các vị cho vào 300ml nước, đun sôi 5 phút gạn lấy nước thuốc uống 1 lần lúc còn ấm, nằm đắp chăn cho ra mồ hôi. Ngày uống 2 lần.

5. CẢM PHONG HÀN THANG

Tía tô	10g
Kinh giới	10g
Thông bạch	10g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Cảm phong hàn có các triệu chứng: Sốt nhẹ, gai rét, sợ lạnh, sợ gió, không có mồ hôi, viêm họng, hắt hơi, sổ mũi, đau vai cổ gáy.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước đun sôi 10 phút, gạn nước thuốc chia uống làm 2 lần trong ngày. Uống lúc thuốc còn ấm đắp chăn cho ra mồ hôi.

6. THANG GIẢI CẢM HÀN (TRÚNG HÀN)

Can khương	12g
Sinh khương	10lát
Lá lốt tươi	20g
Hành (Thái lát mỏng)	1 củ

Chủ trị:

Cảm lạnh (mùa đông): Người lạnh toát, môi thâm, mặt tái mét, thân thể cứng đờ, không nói được, có thể đau bụng, nôn mửa, không sốt, lưỡi trắng nhuận, mạch trầm khẩn hoặc trầm tế, hoặc không thấy mạch.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 200ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, thêm 1 thìa cà phê đường trắng, quấy tan hết đường, cho người bệnh uống.

7. RƯỢU GỪNG

Gừng tươi (Sinh khương)	20g
Rượu trắng 40°	30ml

Chủ trị:

Cảm lạnh (trúng hàn)

Cách dùng - liều lượng:

Gừng tươi giã nhỏ cho rượu, đem đun cách thuỷ sôi 10 phút, gạn lấy rượu cho người bệnh uống. Mỗi lần uống 10ml, cách 20 phút uống 1 lần. Bã Gừng bọc vào miếng gạc hay vải xoa vào lòng bàn chân bàn tay.

8. RƯỢU ĐỊA LIỀN

Địa liền	40g
Sinh khương	30g
Rễ lá lốt	20g
Rượu trắng 40°	300ml

Chủ trị:

Phòng ngừa cảm lạnh khi tiết trời thay đổi, mưa gió rét lạnh.

Cách dùng - liều lượng:

Địa liền, gừng tươi, lá lốt rửa sạch thái mỏng, phơi khô ngâm vào rượu.

Khi đi sản xuất hoặc đi xa về uống 15 ml và dùng xoa khắp cơ thể.

9. BÀI THUỐC XÔNG CẢM

Lá Hồng bì tươi	100g
Lá Bưởi tươi	100g
Lá Cúc tần tươi	50g
Lá Ngải cứu tươi	50g

Chủ trị:

Cảm mạo phong hàn: Phát sốt, sợ rét, không ra mồ hôi, nhức đầu, ngạt mũi, chảy nước mũi trong, hắt hơi, đau lưng, đau mình.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị thuốc rửa sạch cho vào nồi, đổ vào 2 - 3 lít nước đun sôi, đem ra để nồi xông vào nơi kín gió, người bệnh cởi trần trùm chăn kín cho nồi xông vào trong chăn, mở vung hé từ từ (sức nóng người bệnh chịu được) cho hơi nóng bốc ra khắp quanh người. Khi thấy toàn thân mồ hôi đã ra đều khắp là tốt, nếu mồ hôi chỉ ra từng phần cơ thể thì phải xông thêm cho tới khi mồ hôi ra đều khắp cơ thể; lấy khăn lau khô mồ hôi, thay quần áo nằm nghỉ.

Ngày xông 1 lần, hôm sau còn sốt có thể xông tiếp lần nữa.

Chú ý:

- Bài thuốc này có thể cho thêm lá chanh, lá duối tươi.

- Trong bài thuốc nếu thiếu 1 vị cũng dùng được, vẫn tốt.

Kiêng kỵ:

Cảm sốt đã có mồ hôi ra hoặc về chiều và đêm sốt tăng lên, mệt mỏi ly bì thì cấm dùng xông. Nếu dùng lầm làm cho mồ hôi ra quá nhiều sẽ mất tân dịch (do ngộ hãn) dễ biến chứng hoặc sốt kéo dài.

10. CHÁO GIẢI CẢM

Gạo tẻ	3 phần
Gạo nếp	1 phần
Lá Tía tô tươi	1 chét nhỏ tay
Hành hoa tươi (cắt bỏ rễ)	5 cây
Gừng tươi	1 củ nhỏ

Chủ trị:

Phát sốt, sợ rét, không ra mồ hôi, nhức đầu, ngạt mũi, chảy nước mũi trong, hắt hơi, đau mình do nhiễm cảm phong hàn.

Cách dùng - liều lượng:

Cháo đã nấu chín, các thứ lá rửa sạch thái nhỏ, gừng giã dập băm nhỏ cho tất cả vào bát tô, múc cháo nóng đổ lên trên, có thể cho thêm một chút ít muối, mì chính, quấy đều ăn nóng, ăn xong đắp chăn nằm nghỉ, cho mồ hôi ra khắp người là tốt. Trường hợp thấy người mệt mỏi nhiều, bụng không đầy, đại tiện không lỏng thì nên dùng thêm quả trứng gà cho vào bát cùng với các vị thuốc, múc cháo nóng đổ lên trên, nêm gia vị, quấy đều ăn nóng sẽ giúp cho cơ thể tăng thêm sức chống bệnh, đẩy tà khí ra ngoài sẽ hết sốt và hết mệt mỏi.

11. THANG TỬ TÔ KINH GIỚI

Tía tô (khô)	20g
Hoa kinh giới (khô)	15g
Hoa ngũ sắc (cứt lợn) khô	12g
Gừng tươi	3 lát

Chủ trị:

Cảm mạo phong hàn: Phát sốt, gây rét, không ra mồ hôi, nhức đầu, ngạt mũi, chảy nước mũi trong, tiếng nói khàn đục, ngứa cổ, ho luôn có đờm, mạch phù.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lửa to, sôi 5 - 10 phút gạn nước thuốc uống nóng, uống xong nằm nghỉ cho ra mồ hôi khắp người là tốt. Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Nếu sốt cao, nên ăn cháo cho dễ tiêu hoá, cháo ăn nóng có thể thêm chút hành, lá tía tô và gừng tươi đã thái băm nhỏ.

12. THANG HƯƠNG TÔ

Hương phụ	12g
Tử tô	10g
Hoa kinh giới	8g
Bạc hà	8g
Gừng tươi	5 lát
Hành tươi (bỏ rễ)	5 cây

Chủ trị:

Cảm mạo phong hàn kèm thêm Thượng tiêu (vùng ngực trở lên) có khí trệ: phát sốt, ghê rét, không ra mồ hôi, nhức đầu ngạt mũi, chảy nước mũi trong, tiếng nói khàn đục, ngứa cổ, ho luôn có đờm, mạch phù; ngực tức khó chịu, ăn ít, chán ăn, có lúc buồn nôn hoặc nôn, miệng nhạt.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lửa to, sôi 5 - 10 phút gạn nước thuốc uống nóng.

Có hiện tượng nôn thì nên uống ít một, uống vặt nhiều lần, khi đỡ nôn có thể cho uống nhiều một lúc được.

13. BỘT CẢM MẠO PHONG HÀN

Cây sả (Khô bỏ rễ)	40g
Hoắc hương (Khô)	40g
Bạc hà (Khô)	40g
Trần bì	20g
Hương phụ	20g
Cam thảo	20g

Chủ trị:

Cảm mạo phong hàn: Phát sốt, ghê rét, không ra mồ hôi, nhức đầu, ngạt mũi, hắt hơi, nước mũi trong chảy nhiều, tức ngực, buồn nôn, miệng nhạt, chán ăn, bụng đầy hơi.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị thuốc phơi hoặc sấy khô tán bột nhỏ mịn, trộn đều.

Người lớn: Ngày dùng 40g

Trẻ em: Tuỳ tuổi ngày dùng 5 - 20g. Hoà bột thuốc vào nước sôi, hãm, gạn lấy nước thuốc chia uống 4- 5 lần trong ngày. Uống lúc nóng.

Nếu bụng đầy, nôn dùng gừng tươi sắc lấy nước hãm với bột thuốc trên, uống nóng, nằm nghỉ.

14. HƯƠNG TÔ GIA VỊ THANG

Tía tô	8g
Hương phụ	8g
Trần bì	8g
Cam thảo	4g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Ngoại cảm phong hàn: Nhức đầu nóng lạnh, tức ngực khó chịu

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc uống 1 lần, lúc thuốc còn ấm. Ngày uống 1 thang.

15. TRẢO QUẾ THANG

Lá Ngũ trảo	6g
Lá Đại bi	4g
Quế chi	6g
Nam Sài hồ (rễ Lức)	8g
Tía tô	8g
Trần bì	4g
Ngải cứu	4g
Nhân trần	4g
Dây thần thông	2g
Cam thảo	4g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Ngoại cảm phong hàn: Phát sốt sợ lạnh, đau mình ngạt mũi, không có mồ hôi, mạch phù khẩn.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày, uống lúc thuốc còn ấm. Ngày uống 1 thang.

16. TANG TÔ ẨM

Tang chi (cành dâu)	4g
Nam Sài hồ (rễ lức)	8g
Tử tô	8g
Cỏ màn chầu (mần trầu)	8g
Quế chi	4g
Đại bi	4g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Ngoại cảm biểu hư, đổ mồ hôi, sợ gió, mạch phù hoãn.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, để nguội uống; ngày uống 1 thang.

17. GIẢI CẢM THANG

Rễ Lức	8g
Hương phụ (tẩm rượu sao)	8g

Tía tô	8g
Vòi voi (sao)	8g
Thương nhĩ diệp (lá ké)	8g
Hương nhu	4g
Ngũ trảo	4g
Đại bi	4g
Trần bì	4g
Cam thảo	4g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Ngoại cảm phong hàn, thấp nhiệt, đau mình không có mồ hôi.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày, uống lúc thuốc còn ấm. Ngày uống 1 thang.

18. HƯƠNG TÔ ẨM

Tía tô	24g
Hương nhu	12g
Sài hồ	12g
Kinh giới	12g
Bạc hà	12g
Cỏ màn chầu	12g
Cam thảo đất	12g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Ngoại cảm phong hàn

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 400ml, sắc sôi 10-15 phút, chắt lấy nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày, uống lúc thuốc còn nóng. Ngày uống 1 thang.

19. THÁI BÌNH HOÀN

Trần bì (sao thơm)	20g
Đại hồi	20g
Củ riềng	15g
Tạo giác	20g
Ngũ trảo	20g
Bán hạ chế	20g
Củ sả	20g
Bồ bồ	20g
Vỏ chanh	20g
Thì là	10g
Can khương	15g
Hương nhu tía	20g
Lá lốt (tiêu lốt)	20g
Hậu phác	20g
Hoắc hương	20g
Thương nhĩ tử	10g

Chủ trị:

Chữa cảm thượng phong: Người nóng sốt, nóng ít lạnh nhiều, nhức đầu, chóng mặt, không có mồ hôi, ngạt mũi, ho, mạch khẩn, đau bụng, ăn không tiêu, đầy trướng bụng, nôn ói.

Liều lượng - cách dùng:

Các vị tán bột mịn. Ngày uống 3 lần, mỗi lần 4-5 g chiêu với nước ấm, uống xong đắp chăn hay ăn cháo nóng cho ra mồ hôi.

C. CÁC BÀI THUỐC TRỊ CẢM MẠO PHONG NHIỆT

1. NGÂN TRÚC CÁT CĂN THANG

Kim ngân	16g
Trúc diệp	16g
Cát căn	16g
Tang diệp	16g
Cam thảo đất	12g
Bạc hà	8g
Kinh giới	8g

Chủ trị:

Ngoại cảm phong nhiệt: Sốt cao, sợ nóng, sợ gió, có mồ hôi, khát nước, rêu lưỡi vàng mỏng, tiểu tiện vàng.

Cách dùng - liều lượng:

Tất cả các vị cho vào 400ml, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

2. BẠC HÀ HƯƠNG NHU THANG

Bạc hà	8g
Hương nhu tía	8g
Cối xay	12g
Cỏ mần chầu	12g
Tang diệp	12g

Chủ trị:

Cảm mạo phong nhiệt: Sốt cao, sợ nóng, sợ gió, ra mồ hôi, ho đờm đặc dính vàng, chảy nước mũi, có thể chảy máu cam, máu chân răng, chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc còn 150ml để nguội chia uống làm 2 lần trong ngày.

3. TRÚC DIỆP CÁT CĂN THANG

Cam thảo đất	12g
Cỏ mần trầu	12g
Bèo cái (phù bình)	12g
Trúc diệp	12g
Cát căn	12g

Chủ trị:

Cảm mạo phong nhiệt: Sốt cao, sợ nóng, sợ gió, có mồ hôi, khát nước, rêu lưỡi vàng mỏng, tiểu tiện vàng

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

4. BẠC KINH TÔ THANG

Rau má	12g
Mạch môn	12g
Bạc hà	12g
Tía tô	12g
Kinh giới hoa	10g
Cam thảo chích	8g

Chủ trị:

Cảm mạo phong nhiệt: Sốt nóng, hơi sợ gió hoặc không, có ít mồ hôi hoặc không, ho khan hoặc ho có đờm, cổ họng đau mạch phù sác.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị thuốc cho vào 300ml nước, sắc sôi 10 - 15 phút, gạn nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày, uống lúc thuốc còn ấm.

Chú ý gia giảm:

Người bệnh về chiều sốt nhiều thì gia thêm: lá dâu 10g.

Người bệnh mệt nhiều gia thêm: Bố chính sâm 10g.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất cay nóng: ớt, hồ tiêu, rượu và các thức ăn chiên, nướng.

5. NGÂN CÁT KINH TÔ THANG

Cát căn	20g
Kim ngân hoa	20g
Tử tô	12g
Kinh giới hoa	12g
Màn kinh tử	12g
Cam thảo nam (dây chi chi)	12g
Bạc hà	8g
Sài hồ nam (cây lức)	8g
Búp tre tươi	8g

Chủ trị:

Cảm mạo phong nhiệt: Sốt nóng, nhức đầu căng, khó chịu, khát nước, cổ họng đau rát, ho khan, nước tiểu hơi vàng, mạch phù xác.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml, chia uống làm 2 lần trong ngày, uống ấm.

6. HẠN LIÊN TANG DIỆP BẠC HÀ THANG

Cỏ nhọ nồi tươi	30g
Lá dâu tươi	20g
Rau má tươi	20g
Bạc hà tươi	15g
Ngải cứu tươi	15g

(Nếu dùng lá phơi khô thì lượng mỗi vị bằng 1/2 lượng trên)

Chủ trị:

Cảm mạo phong nhiệt: Người sốt nóng, nhức đầu, phần đầu mặt có lúc có mồ hôi, cổ họng đau rát, ho khan, khát nước, đại tiện thường táo, tiểu tiện vàng, về chiều thường sốt nặng hơn.

Liều lượng - cách dùng:

Các vị thuốc cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần, lúc còn ấm. Mỗi ngày uống 1 thang. Trẻ em dùng 1/2 liều trên.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất cay, nóng.

Cảm phong hàn có rét nhiều, ỉa phân lỏng không dùng thuốc này.

7. TANG DIỆP CÁT CĂN THANG

Tang diệp	12g
Cát căn	12g
Cát cánh	10g
Xạ can chế	12g
Kim ngân hoa	10g
Cúc hoa	10g
Búp tre tươi	10g
Bạc hà	5g
Cam thảo dây (dây lá chi chi)	5g
Trúc nhự (Tinh tre)	5g

Chủ trị:

Cảm mạo phong nhiệt: Người phát sốt, hơi ớn lạnh hoặc không, đầu nhức căng, ho nhiều và ho khan, cổ họng rát, nuốt đau, khát nước, vùng ngực cảm thấy nóng bức, khó chịu, về chiều vẫn sốt, đêm nằm trằn trọc khó ngủ, nước tiểu vàng, mạch phù sác.

Cách dùng - liều lượng:

Chế Xạ can: củ xạ can thái mỏng ngâm nước vo gạo đặc 1 ngày đêm, rửa sạch phơi khô sao vàng.

Các vị thuốc cho vào 500ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, chia uống 3 lần, 3 giờ uống 1 lần lúc thuốc còn ấm.

Ngày uống 1 thang, uống liền 2 -3 thang.

Trẻ em dùng 1/2 liều người lớn.

Chú ý gia giảm:

Nếu người bệnh có đại tiện táo bón gia thêm: mạch môn 10g

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất cay nóng, chiên rán như: ớt, hồ tiêu, rượu, cá rán, thịt nướng.

8. SÀI ĐẤT CÚC HOA THANG

Sài đất khô	16g
Cúc hoa khô	16g
Bạc hà khô	12g
Cam thảo	8g

Chủ trị:

Cảm mạo phong nhiệt: Người bệnh sốt đã mấy ngày mà sốt không lui, đầu nhức căng, họng khô đau rát, ho khan hoặc có đờm sát, nóng ruột, khát nước mạch phù sác.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị thuốc cho vào 400ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần lúc thuốc còn ấm. Ngày uống 1 thang, uống liền 2 - 3 ngày, chưa khỏi uống tiếp.

Chú ý gia giảm:

Nếu người bệnh có chảy máu cam gia thêm: Chi tử (sao đen) 16g.

9. CẢM MẠO PHONG NHIỆT THANG

Cỏ xước (rễ)	12g
Lá vông	8g
Lá dâu	8g
Cỏ mần chầu	8g
Rau má	8g
Cỏ nhọ nồi	8g
Cam thảo dây (Dây lá chi chi)	8g
Dây mơ lông	8g
Búp tre non	8g

Chủ trị:

Cảm mạo phong nhiệt: Sốt nóng cao, hơi sợ gió, đầu nhức căng, có nước mũi đặc, khát nước, cổ họng đỏ đau, đại tiện hơi táo, tiểu tiện hơi vàng, rêu lưỡi vàng mỏng, mạch phù sác.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị thuốc cho vào 400ml, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần, lúc thuốc còn ấm. Ngày uống 1 thang, uống liền 2 - 3 ngày, khỏi thì thôi.

Chú ý gia giảm:

Trường hợp người bệnh ho nhiều thì gia thêm:

Lá gai	8g
Hương phụ	4g

10. THANG THUỐC CẢM

Xuyên khung	5g
Cát căn	15g
Hương nhu	5g
Tía tô	5g
Bạch chỉ	5g
Mạch môn	10g
Bạc hà	5g

Chủ trị:

Cảm phong nhiệt sốt nhiều và ho khan.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị thuốc cho vào 300ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc để nguội chia uống 2 lần trong ngày. Ngày uống 1 thang.

11. BỘT THẠCH HÀ

Thạch cao	40g
Bạc hà	20g
Kinh giới	20g
Chanh tươi	1 quả

Chủ trị:

Nhức đầu do phong nhiệt: Nhức hai bên thái dương kịch liệt, đại tiện táo, người nóng nhiều.

Cách dùng - liều lượng:

Thạch cao nướng trên bếp than hồng đến đỏ, lấy ra còn đang nóng, vắt nước chanh vào Thạch cao cho ngấm hết. Kinh giới, Bạc hà phơi âm can hoặc sấy nhẹ thật khô. cả 3 vị tán bột mịn.

Người lớn mỗi ngày uống 4g với nước chín, ngày uống 2 lần. Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều.

12. PHÒNG KỶ BẠCH HƯƠNG THANG

Phòng kỷ	20g
Bạch truật	15g
Hương nhu	12g
Biển đậu	12g
Ý dĩ	12g
Cối xay (rễ)	12g
Hạnh nhân	10g
Cam thảo (chích)	5g

Chủ trị:

Ngoại cảm thấp nhiệt cấp tính: Mặt đỏ, sốt cao 40°C, rêu lưỡi trắng, miệng khô, tiếng nói cao giọng, khát nước, cơ thể đau, nằm không trở mình được, đại tiện rắn, tiểu tiện khai, mạch hoạt sác có lực.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc nhỏ lửa gạn lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày. Mỗi ngày 1 thang.

Kiêng kỵ:

Các chất cay, tanh, chua, măng, riềng, mẻ.

D. CÁC BÀI THUỐC TRỊ CẢM THỬ (CẢM NẮNG)

1. HƯƠNG NHU BIỂN ĐẬU TÁN

Lá hương nhu	320g
Bạch biển đậu	320g
Cát căn	240g
Sinh khương	120g

Chủ trị:

Cảm thử (nắng) người choáng váng, nôn nao, mắt đỏ, da nóng, họng khô, miệng ráo, khát nước nhiều, nhức đầu, mỏi mệt, ra mồ hôi.

Cách dùng - liều lượng:

Lá hương nhu phơi âm can hoặc sấy ở nhiệt độ thấp đến khô; Bạch biển đậu sao vàng; cát

căn rửa sạch, thái lát mỏng phơi sấy khô; sinh khương thái lát mỏng phơi khô.

Tất cả tán bột mịn, trộn đều.

Trẻ em: 5 - 10 tuổi mỗi lần uống 4 - 6g

10 - 16 tuổi mỗi lần uống 6 - 8 g

Người lớn: Mỗi lần uống 8 - 12g

Hãm với nước sôi gạn nước thuốc uống. Ngày uống 2 lần (sáng, chiều). Không hãm có thể uống bột, uống 1/2 liều trên.

Kiêng kỵ:

Các chất cay nóng.

Cảm lạnh mùa đông, cảm cúm mùa đông xuân không nên dùng.

2. CÁT CĂN, HOẠT THẠCH TÁN

Tô diệp	200g
Cát căn	400g
Hương nhu	200g
Cam thảo	60g
Hoạt thạch	400g
Bạch phàn (phi)	40g
Trần bì	60g
Bạc hà	100g
Bán hạ (chế)	60g

Chủ trị:

Cảm mạo về mùa hè do thử thấp gây ra: người nóng rét, đau đầu khát nước, nước tiểu đỏ, ho đờm, hoặc có nôn mửa ỉa chảy.

Cách dùng - liều lượng:

Tất cả các vị phơi sấy khô tán bột mịn trộn đều.

Trẻ em: 1 - 5 tuổi mỗi lần uống 2 - 4 g

6 - 10 tuổi mỗi lần uống 4 - 6 g

10 - 16 tuổi mỗi lần uống 6 - 8g

Người lớn mỗi lần uống 8 - 12g

Ngày uống 2 lần (sáng, chiều), hãm với nước sôi, gạn lấy nước thuốc uống (nếu uống bột không hãm thì giảm liều xuống một nửa).

Uống xong nằm nghỉ thấy ra mồ hôi thì ngừng thuốc.

Kiêng kỵ:

Không ăn chất cay nóng và sống lạnh.

Trường hợp sốt cao mê sảng, sốt âm ỉ, sốt về đêm, ít ngủ, táo bón và các trường hợp cảm lạnh về mùa đông không dùng.

3. TRÚC DIỆP CÁT CĂN THANG

Cát căn	40g
Trúc diệp	40g
Lá chè xanh	40g
Lá Hương nhu	20g
Lá rau má	20g
Lá bông mã đề	15g

Chủ trị:

Cảm nắng: Sốt nhức đầu, khát nước, đau mình râm rấp ra mồ hôi.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, đun sôi 15 phút, gạn nước thuốc chia uống làm 3 lần trong ngày, mỗi ngày 1 thang uống luôn 3 ngày.

4. HƯƠNG NHU TANG DIỆP THANG

Hương nhu (tươi)	30g
Cỏ mần chầu (tươi)	30g
Tang diệp (tươi)	30g

Chủ trị:

Cảm nắng (mùa hè, thu): Người nóng sốt bứt rứt khó chịu, mồ hôi ra nhiều, khát nước, lưỡi đỏ, mắt đỏ, mạch phù hư.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị rửa sạch, giã nhỏ, thêm 200ml nước chín quấy đều, lọc lấy nước thuốc cho người bệnh uống.

5. HƯƠNG NHU BIỂN ĐẬU THANG

Hương nhu	20g
Cối xay	20g
Bạch biển đậu	20g
Chi tử	12g
Cát căn	20g
Cỏ mần chầu	20g

Chủ trị:

Cảm nắng (trúng thử).

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 400 ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc để nguội chia uống làm 2 lần trong ngày.

Trẻ em dùng 1/2 liều người lớn.

6. BẠCH HƯƠNG ẨM

Lá tre	30g
Hương nhu	20g
Bạch biển đậu (Sao)	20g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Cảm nắng (trúng thử)

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml, uống 1 lần lúc còn nóng.

7. SINH KHƯƠNG ĐỒNG TIỆN THANG

Gừng tươi	20g
Đồng tiện	100ml

Chủ trị:

Say nắng: Phát nóng, sợ rét, mình nặng nề và đau nhức: Tiểu tiện xong rùng mình nổi gai ốc, làm việc mệt thì lên cơn sốt.

Cách dùng - liều lượng:

Gừng tươi rửa sạch, giã nhỏ, cho vào nước tiểu trẻ em dưới 5 tuổi mới tiểu đang nóng, trộn nghiền thật kỹ, vắt lấy nước uống.

Kiêng kỵ:

Không cho người bệnh uống nước lạnh, các thức ăn tanh, lạnh.

Để người bệnh nằm chỗ có ánh nắng hoặc gần lửa, không để nằm chỗ mát quá, tránh gió lùa.

8. BẠCH BIỂN DIỆP THANG

Lá đậu ván trắng	40g

Chủ trị:

Say nắng.

Cách dùng - liều lượng:

Hái lá bạch biển đậu tươi non, rửa sạch, giã nhỏ thêm 100ml nước chín quấy đều vắt lọc lấy nước bỏ bã, chia uống làm 2 lần trong ngày.

9. CẢM THỬ THANG

Cát sâm	25g
Hương nhu	20g
Cát căn	20g
Bạch chỉ	15g
Mạch môn	10g

Chủ trị:

Người cơ thể suy yếu bị nhiễm cảm thử.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày, mỗi ngày uống 1 thang.

10. TY QUA DIỆP DIỄM MAI THANG

Lá mướp (ty qua diệp)	1 - 2 lá to
Diễm mai (Mơ muối)	1 - 2 quả

Chủ trị:

Cảm nắng đi ỉa

Cách dùng - liều lượng:

Mơ muối tách lấy cùi bỏ hạt, giã nhỏ cùng với lá mướp, cho vào 100ml nước chín nguội, trộn quấy kỹ, lắng gạn lấy nước uống.

Kiêng kỵ:

Không cho người bệnh uống nước nóng ngay.

11. HOÀNG OANH NGẢI DIỆP THANG

Ngải diệp	30g
Hoàng oanh diệp (lá duối)	30g

Chủ trị:

Cảm nắng đi ỉa

Cách dùng - liều lượng:

Hai vị rửa sạch, giã nhỏ, cho vào 100ml nước chín nguội, vắt bỏ bã, lấy dịch thuốc chia uống làm 3 lần trong một giờ.

12. HƯƠNG BẠCH CÁT SINH THANG

Hương nhu	20g
Bạch biển đậu	20g

Cát căn	12g
Sinh khương	5 lát

Chủ trị:

Chứng thương thử: Người nóng, không có mồ hôi, khát nước nhiều, nôn khan, mặt đỏ, bụng đau quằn quại, chỉ muốn nằm không muốn ăn.

Cách dùng - liều lượng:

Cả 4 vị trên cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc người lớn uống 1 lần, trẻ em tuỳ tuổi chia uống làm 2 - 3 lần.

13. THỰC SINH THANG

Thực diêm (Muối ăn)	40g
Sinh khương	20g

Chủ trị:

Thử khí hiệp với hàn thấp biến chứng thương thử

Cách dùng - liều lượng:

Sinh khương rửa sạch, thái mỏng, cho rang cùng với muối ăn đến hơi cháy cho vào 200ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc để nguội uống.

Kiêng kỵ:

Nên ăn cháo lỏng 3 ngày sau mới ăn cơm.

14. KIỀU CÁT HẠNH NHÂN THANG

Liên kiều	20g
Kim ngân hoa	20g
Cát cánh	12g
Hạnh nhân	12g
Hoàng cầm	10g
Xích tiểu đậu	10g
Trúc diệp	8g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Phục thử: Người nóng, nhức đầu, sợ rét, mặt đỏ, khát nước, ra mồ hôi.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Thang với nước sắc rau má. Trẻ em tuỳ tuổi uống 1/4 - 1/2 liều người lớn.

Kiêng kỵ:

Không ăn các chất cay, nóng, khó tiêu.

15. HOẠT HOẮC HƯƠNG THANG

Hoạt thạch	12g
Kim ngân hoa	12g
Liên kiều	12g
Trúc diệp	12g
Hoắc hương	8g
Ngưu bàng	8g
Bạc hà diệp	4g
Hà diệp (Lá sen)	4g

Chủ trị:

Phục thử biến chứng hoắc loạn (thổ tả)

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc.

Người lớn uống 1 lần. Trẻ em tuỳ tuổi chia uống 3 - 4 lần uống trong ngày.

Kiêng kỵ:

Kiêng thức ăn cay, nóng, chiên xào, chất khó tiêu.

Những ngày đang đau nên ăn cháo loãng.

16. ĐÀO KIM NƯƠNG THANG

Nụ sim	60g
Rau má (cả rễ)	40g
Hoắc hương	40g
Bồng mã đề	40g
Đọt chè xanh	40g
Bạch biển đậu	20g

Chủ trị:

Phục thử biến chế hoắc loạn: bụng bồn chồn, bứt rứt, bí đái, bụng đau rêu lưỡi trắng bẩn, thổ tả.

Cách dùng - liều lượng:

Tất cả các vị rang vàng, tán bột mịn.

Người lớn mỗi lần uống 12g, ngày uống 3 lần với nước chè hoặc nước chín nguội.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều lượng.

Nếu uống thuốc thang sắc thì giảm lượng thuốc trong bài trên xuống còn 1/2.

Kiêng kỵ:

Không ăn các thứ chua, ngọt, khó tiêu.

Nên ăn cháo loãng cho đến khi khỏi bệnh.

17. CÁT CĂN BẠCH BIỂN DIỆP THANG

Cát căn	30g
Lá đỗ ván trắng (tươi)	20g
Lá tre (tươi)	40g

Chủ trị:

Phòng ngừa cảm nắng do mùa hè thời tiết nóng nực, nắng chiều.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc kỹ. Khi đi sản xuất dùng uống thay nước chè, nước vối.

18. THƯƠNG THỬ THANG

Trúc diệp (tươi)	25g
Thạch cao (bột)	25g
Sinh địa	20g
Mạch môn (Bỏ lõi)	30g
Cam thảo	5g

Chủ trị:

Sốt do thương thử: Người ghê rét, phát nóng, mê sảng nói linh tinh.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, để nguội chia uống 2 lần trong ngày, ngày uống 1 thang.

Chú ý:

- Khi dùng bài thuốc này nên kết hợp với Lục nhất tán. Dùng như sau:

+ Ngày đầu dùng Lục nhất tán, ngày uống 3 lần, mỗi lần 8 - 10g, hoà vào nước sôi, quấy đều để nguội gạn uống.

+ Ngày thứ hai trở đi dùng bài thuốc trên.

Kiêng kỵ:

Các chất cay nóng, tanh, măng, thịt vịt, thịt gà, thịt chó.

19. CỬU DIỆP THANG

	Dùng tươi	Dùng khô
Lá bạch biển đậu	20g	12g
Lá dâu	20g	12g
Lá hương nhu	20g	12g
Lá sung tật	15g	8g
Lá khế	15g	8g
Lá duối	15g	8g
Cỏ nhọ nồi	15g	8g
Lá chè	15g	8g
Búp tre non	15g	8g

Chủ trị:

Người nóng bừng, mồ hôi ra nhiều, miệng khát, hơi thở to, trong ngực nóng, buồn bực khó chịu. tay chân mỏi, tiểu tiện ít, nước tiểu vàng hoặc đỏ có, khi tiểu tiện dắt, rêu lưỡi vàng nhờn, mạch nhu sác.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 500ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, để nguội uống. Nếu khát nhiều sắc tiếp lần 2 cho người bệnh uống.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm lượng xuống 1/2 hoặc 1/3 lượng trên.

Chú ý:

Hương nhu là vị thuốc tính ấm làm ra mồ hôi mạnh, trường hợp cảm nắng người bệnh mồ hôi ra quá nhiều thì nên giảm bớt lượng hương nhu xuống bằng 1/3 liều trên.

20. SÀI THẠCH BẠCH CÁT SÂM THANG

Sâm bố chính	20g
Cát căn	20g
Bạch biển	15g
Thạch cao sống (tán nhỏ)	15g
Mạch môn	15g
Rau má tươi	10g
Búp tre non tươi	10g
Sài hồ (rễ lức)	10g
Mía tươi (chẻ nhỏ)	20g

Chủ trị:

Sốt nóng cao, mặt đỏ, mồ hôi ra nhiều, khát đòi uống nước luôn, nhức đầu, toàn thân mệt

mỏi, hơi thở ngắn (đoản khí), vùng ngực nóng khó chịu, thỉnh thoảng có tiếng thở dài, khi ngủ trằn trọc không yên, tiểu tiện vàng, lượng ít.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc để nguội cho người bệnh uống ít một, cho uống nhiều lần (nếu uống lượng nhiều người bệnh dễ bị nôn) trong ngày. Trẻ em giảm bớt lượng xuống 1/2 - 1/3 lượng trên. Chưa khỏi sốt có thể uống thêm thang nữa.

Chú ý gia giảm:

Nếu người bệnh có thêm ỉa chảy, phân thối, tiểu tiện ít thì gia thêm.

Xa tiền tử	12g
Hoắc hương	8g

+ Hoặc người bệnh thỉnh thoảng lại có nôn thì gia thêm:

Gừng tươi	3 lát

21. CẢM THỬ TÁN

Bạch biển đậu	200g
Búp tre non (sấy khô)	200g
Sâm bố chính (tẩm gừng sao)	160g

Chủ trị:

Sốt nóng cao, mồ hôi ra nhâm nhấp, miệng khô, khát nước nói như người đứt hơi, rất mệt mỏi, buồn bực khó chịu, tiểu tiện vàng đi sẻn mỗi lần 1 ít.

Cách dùng - liều lượng:

Bạch biển đậu ngâm vào nước nóng cho mềm, sát bỏ vỏ phơi, sấy khô cùng các vị khác, tán mịn.

Người lớn ngày dùng 30g

Trẻ em tuỳ tuổi ngày dùng 10 - 15g

Hoà vào nước sôi để nguội chia uống 3-4 lần.

Trẻ em có thể pha thêm ít đường trắng cho dễ uống.

22. CẢM THỬ THANG

Búp tre non	20g
Hương nhu	12g
Tổ tò vò	1 cái

Chủ trị:

Cảm nắng: Sốt da se không có mồ hôi, khát nước uống nhiều, uống vào lại bị nôn, ỉa lỏng nhiều lần, hậu môn nóng có cảm giác tức nặng.

Cách dùng - liều lượng:

Búp tre và hương nhu cho vào 200ml nước sắc sôi trong 10-15 phút, gạn nước thuốc để riêng.

Tổ tò vò để nguyên đem nung đỏ, gắp bỏ vào bát thuốc, để trong 5 phút, chắt lấy nước thuốc uống dần trong ngày (khi uống pha thêm nước mưa vào thuốc, cứ 2 chén nước thuốc pha thêm 1 chén nước mưa). Chưa khỏi có thể uống tiếp thang nữa.

Chú ý gia giảm:

Nếu không có tổ tò vò có thể thay bằng:

Hoắc hương	8g
Sinh khương	3 lát

23. BẠC HƯƠNG TÔ THANG

Bạch biển đậu	12g
Lá cối xay	12g
Tía tô	12g
Nhân trần	8g
Hương nhu	8g

Chủ trị:

Cảm nắng: Sốt mặt đỏ bừng, khát nước, chóng mặt không thể ngồi dậy được, thậm chí nôn mửa, tay chân rã rời.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị thuốc cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, để nguội chia uống 2 lần trong ngày.

Chú ý gia giảm:

Nếu người bệnh:

Khát nhiều gia thêm Cát căn 12g

Nôn mửa nhiều gia thêm Hoắc hương 12g

Tiểu tiện nóng đỏ gia thêm Chi tử (sao) 8g

Mặt bốc nóng đỏ gia thêm Hậu phúc nam 8g

Bụng đầy trướng gia thêm Hương phụ 8g

24. THỬ THẤP THANG

Lá sen non	20g

Biển đậu (sao)	20g
Lá ngành ngạnh (đỏ ngọn)	20g
Kim ngân hoa	10g
Hậu phác	10g
Hương nhu	8g

Chủ trị:

Cảm nắng có kèm thấp: Sốt nóng không cao, buồn bực, đầu nhức có cảm giác nặng như đội đá, khát nước nhưng không thích uống nhiều, ngực bụng có cảm giác đầy tức khó chịu, đi tiểu ít và nước tiểu đục.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc để ấm chia uống 2 lần trong ngày. Trẻ em tuỳ tuổi giảm 1/3 - 1/2 liều lượng trên.

25. LỤC NHẤT TÁN

Hoạt thạch	60g
Cam thảo chích	10g

Chủ trị:

Cảm nắng có kèm thấp sốt nóng cao, khát nước, tiểu tiện vàng sẻn, hoặc đi dắt buốt, ỉa lỏng, mùi phân thối, đầu mặt có mồ hôi, choáng váng nặng đầu.

Cách dùng - liều lượng:

Hoạt thạch, Cam thảo tán bột mịn.

Người lớn ngày uống:

Bệnh nặng	40g
Bệnh nhẹ	30g
Trẻ em ngày uống	20g

Uống với thang nước sau:

Mía chẻ nhỏ	30g
Búp tre non	20g

Cho vào 300 ml nước, sắc lấy 200ml cho bột Lục nhất vào quấy đều để nguội uống.

26. THỬ THẤP THANG

Búp trẻ non	30g
Củ Ráy dại chế	20g
Kim ngân hoa	15g
Hương nhu	10g
Bạc hà	10g
Kinh giới hoa	10g
Trần bì	5g

Chủ trị:

Cảm nắng có kèm thấp: người sốt nóng cao, khát nước, tiểu tiện vàng sẻn hoặc đi dắt buốt, ỉa lỏng, mùi phân thối; Đầu mặt có mồ hôi, đầu nặng choáng váng.

Cách dùng - liều lượng:

Củ ráy dại gọt bỏ vỏ (khi gọt, thái cần lót tay tránh để nhựa, nhớt chạm vào da gây ngứa, mẩn) thái mỏng, ngâm nước phèn chua (2 bát nước cho 15g phèn) 1 đêm, đổ ra rổ, sóc cho hết nhớt, rửa qua, phơi khô tẩm nước gừng sao khô.

Các vị cho vào 500ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc để nguội, chia uống 2 lần trong ngày. Khi uống pha thêm một ít muối.

Kiêng kỵ:

Trẻ em, phụ nữ có thai không dùng thuốc này.

27. BỘT KINH GIỚI THẠCH CAO

Kinh giới tuệ (hoa)	600g
Bạc hà	310g
Thạch cao	620g
Phác tiêu	160g
Bạch phàn	310g

Chủ trị:

Ngoại cảm phong tà, trong có sẵn tích nhiệt: Nhức đầu, người bừng bừng khó chịu, môi khô, khát nhiều, hơi thở nóng, nước tiểu đỏ, đại tiện táo.

Cách dùng - liều lượng:

Hoa kinh giới, lá bạc hà sấy nhẹ đến khô tán mịn.

Bạch phàn phi khô, phác tiêu, thạch cao rang khô tán mịn.

Tất cả các vị hợp lại trộn thật đều.

Trẻ em: Từ 1 - 5 tổi mỗi lần uống 2g

Từ 5 - 10 tuổi mỗi lần uống 4g

Từ 11 - 16 tuổi mỗi lần uống 6g

Người lớn: Mỗi lần uống 8g

Ngày uống 2 lần (sáng, chiều) uống với nước chín.

Kiêng kỵ:

Các chất cay nóng. Cảm lạnh, ỉa chảy thuộc hàn không nên dùng.

28. BỘT HOẠT THẠCH THẠCH CAO

Hoạt thạch	200g
Thạch cao	200g
Bạch phàn	100g
Cam thảo	50g

Chủ trị:

Thấp nhiệt: Sốt, nóng nhiều, mặt đỏ, môi khô, khát nhiều, nước tiểu đỏ và có khi sẻn (ít), rêu lưỡi khô, chất lưỡi đỏ, ỉa lỏng phân vàng, đỏ khẳn.

Cách dùng - liều lượng:

Bạch phàn phi khô tán mịn. Hoạt thạch, thạch cao rang khô tán mịn, cam thảo sấy khô tán mịn.

Tất cả các vị hợp lại trộn đều.

Trẻ em: Từ 5 - 10 tuổi mỗi lần uống 2 - 4g

Từ 11 - 16 tuổi mỗi lần uống 4 - 6g

Người lớn: Mỗi lần uống 6 - 8g

Ngày uống 2 lần (sáng, chiều) uống với nước chín.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất nóng và khó tiêu.

CÁC BÀI THUỐC
TRỊ BỆNH CẢM SỐT TRUYỀN NHIỄM
(Bài thuốc trị ôn dịch)

A. CÁC BÀI THUỐC TRỊ CẢM CÚM

1. BỘT CÀ GAI TÍA TÔ

Lá Tía tô (khô)	80g
Dây cà gai leo (khô)	160g
Thanh hao (khô)	80g
Kim ngân hoa (khô)	100g

Chủ trị:

Cảm cúm trong mùa đông xuân: Sốt nóng, sợ gió, gai rét, đau đầu, ngạt mũi khô mũi, cơ thể đau nhức, không có mồ hôi.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị tán bột mịn.

Trẻ em: Từ 5 - 10 tuổi ngày uống 8g

Trên 10 tuổi ngày uống 12g

Người lớn ngày uống 16g

Cho bột thuốc hãm với nước sôi, gạn lấy nước thuốc chia uống 2 lần (sáng và chiều).

Nếu uống trực tiếp bột thì dùng 1/2 liều trên.

Kiêng kỵ:

Các chất tanh, mỡ và khó tiêu.

2. BỘT THANH HAO ĐỊA LIỀN

Thanh hao	300g
Địa liền	150g
Cà gai leo	50g
Tô diệp	150g
Kinh giới	150g
Kim ngân hoa	150g
Bạc hà	50g
Thông bạch	50g
Sinh khương	50g

Chủ trị:

Cảm cúm người nóng, ho, gai rét, nhức đầu, sổ mũi, hắt hơi, cơ thể đau ê ẩm, nhức mỏi gân xương, không có mồ hôi.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị sấy khô ở nhiệt độ 40-45°C, tán bột mịn.

Trẻ em: 1 - 3 tuổi uống 4g

4 - 8 tuổi uống 8g

9 - 12 tuổi uống 12g

13 - 16 tuổi uống 16g

Người lớn: Uống 20g

Cho bột thuốc hãm với nước sôi, gạn lấy nước thuốc uống, ngày uống 2 lần (sáng chiều). Nếu không hãm, uống trực tiếp bột thì dùng 1/2 liều trên.

Kiêng kỵ:

Nên ăn cháo, không nên ăn cơm và các chất khó tiêu. Thuốc không có tác dụng với cảm hàn trong mùa đông, cảm nắng trong mùa hè.

3. TRẦN HƯƠNG TÔ THANG

Tía tô	10g
Hương nhu	10g
Trần bì	10g
Can khương	2g
Cam thảo đất	10g

Chủ trị:

Cảm cúm (do virus gây thành dịch) sốt cao, đau đầu nhiều, họng khô đau, ho, chảy nước mũi, nôn mửa, toàn thân nhức mỏi, trẻ em kinh giật, thở khó.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 200ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc uống lúc nóng, ngày uống 1 thang. Chưa khỏi hôm sau uống tiếp thang nữa.

4. RƯỢU TỎI

Tỏi	100g
Rượu 40°	500ml

Chủ trị:

Phòng lây lan bệnh cúm trong thời kỳ có dịch cúm.

Cách dùng - liều lượng:

Tỏi giã nát cho vào rượu ngâm trong 2 ngày, lọc bỏ bã.

Uống: Mỗi tuần uống 3 lần, mỗi lần 20 - 30 giọt.

Nhỏ mũi: Ngày nhỏ 2 - 3 lần.

5. TANG DIỆP NGÂN HOA TÁN

Tang diệp	120g
Kim ngân hoa	120g
Tử tô diệp	120g
Mạn kinh tử	120g
Cát căn	120g
Bạc hà	80g
Sài hồ (rễ lức)	80g
Cúc hoa	80g
Mạch môn	80g
Trúc diệp	80g

Chủ trị:

Phát dịch Cúm, sốt cao đột ngột, nhức đầu, không có mồ hôi, ho, khát nước, đau lưng, đau mình, chân tay mỏi rã rời, tiểu tiện hơi vàng, đại tiện hơi táo.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị thuốc phơi hoặc sấy khô tán bột mịn.

Người lớn ngày dùng 50g: Trẻ em ngày dùng 10g

Hoà vào nước sôi, quấy đều, chia uống 2 lần, uống lúc thuốc còn ấm. Nếu sốt nặng có thể uống tăng liều gấp đôi.

6. BÁT DIỆP THANG

Cỏ màn chầu	24g
Tía tô	20g
Bông mã đề	16g
Cỏ xước	16g
Lá sung tật	12g
Lá duối (sao qua)	16g
Lá tre	12g
Hương nhu	12g

Chủ trị:

Cúm sốt cao đột ngột, không có mồ hôi hoặc có ít mồ hôi, nhức đầu, ho, khát nước, đau lưng, đau mình, mỏi mệt, chân tay rã rời, tiểu tiện hơi vàng, đại tiện hơi táo (thể phong nhiệt).

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 500ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày, uống lúc thuốc còn ấm. Ngày uống 1 thang.

Trẻ em uống 1/2 liều người lớn.

7. ĐẠI BI KINH GIỚI TÍA TÔ THANG

Lá đại bi tươi	60g
Lá tía tô tươi	40g
Lá kinh giới tươi	20
Lá chanh tươi	20g
Lá sả tươi	20g
Hành hoa tươi (bỏ rễ)	5 cây
Gừng tươi	5 lát

Chủ trị:

Sốt cao đột ngột, rét run, nhức đầu, không ra mồ hôi, sổ mũi, ho, toàn thân đau nhừ, mỏi mệt bải hoải (thể phong hàn).

Cách dùng - liều lượng:

Các vị thuốc cho vào 400ml nước, sắc sôi 5 - 10 phút gạn nước thuốc chia uống 3 lần uống nóng. Uống xong đắp chăn nằm nghỉ cho ra mồ hôi. Sau uống thuốc nên ăn thêm bát cháo hành, tía tô, gừng nóng. Nếu sốt chưa giảm uống tiếp thang nữa.

Nếu dùng các vị thuốc khô, liều bằng nửa liều trên.

8. SÀI QUẾ NGÂN HOA NIÊN KIỆN THANG

Sài hồ	16g
Quế chi	12g
Thiên niên kiện	12g
Lá chanh	12g
Kim ngân hoa	20g

Dây trầu không già	8g
Củ nghệ già	8g

Chủ trị:

Cúm hoặc dịch cúm: Sốt ghê rét, không ra mồ hôi, nhức đầu, đau lưng, đau mình, tay chân mỏi, ngạt mũi, sổ mũi (thể phong hàn).

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống làm 2 lần, uống nóng. Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Phụ nữ có thai và trẻ nhỏ không dùng thuốc này.

9. SÂM TÔ TÁN

Sa sâm	600g
Tô diệp	600g
Sài hồ	600g
Bạch linh	600g
Đại táo	600g
Sinh khương	600g
Cát căn	600g
Bán hạ (Chế)	600g
Trần bì	400g
Chỉ xác	400g
Cát cánh	400g
Cam thảo	400g

Chủ trị:

Cảm cúm, ho nhiều, đau rát cổ, nôn oẹ

Cách dùng - liều lượng:

Đại táo bỏ hạt lấy cùi đem sấy khô trộn lẫn với các vị khác. Gừng tươi cạo vỏ, rửa sạch, giã nhỏ ép lấy nước.

Nước gừng tẩm vào các vị thuốc trong phương thuốc, sấy khô, tán bột mịn.

Người lớn ngày uống 2 lần, mỗi lần 10g; hãm với nước sôi, gạn lấy nước thuốc, uống lúc nóng. Trẻ em tuỳ tuổi uống mỗi lần 1/3 - 1/2 liều người lớn.

10. NHÂN SÂM BẠI ĐỘC TÁN

Nhân sâm hoặc đẳng sâm	1500g
Khương hoạt	1500g
Độc hoạt	1500g
Xuyên khung	1500g
Chỉ xác	1500g
Bạch linh	1500g
Tiền hồ	1500g
Sài hồ	1500g
Trần bì	1500g
Cát cánh	0,900g
Cam thảo	0,600g

Chủ trị:

Cảm cúm thương phong, thương thấp, toàn thân đau nhức.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn.

Người lớn ngày dùng 12g uống với nước chín. Uống trong 3 ngày.

11. CẢM SỐT HOÀN

Sài hồ	500g
Bạc hà	200g
Đại bi (từ bi)	200g
Cối xay	200g
Trần bì sao thơm	200g
Tía tô	200g
Hoắc hương	200g
Tang diệp	200g
Ngũ trảo	200g
Màn ri (Tía hay trắng)	200g

Chủ trị:

Ngoại cảm, cúm.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt tiêu sọ.

Người lớn ngày uống 20 - 30 viên

Trẻ em tuỳ tuổi ngày uống 5 - 15 viên.

Chia làm 2 lần, uống với nước chín.

12. TỪ BI NGŨ TRẢO THANG

Từ bi	12g
Cây Lức	12g

Ngũ trảo	10g
Bạc hà	10g
Cối xay	12g
Tía tô	8g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Cảm cúm.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần (sáng và chiều). Ngày uống 1 thang.

13. KINH PHÒNG BẠI ĐỘC TÁN

Kinh giới hoa	4g
Phòng phong	4g
Khương hoạt	4g
Độc hoạt	4g
Tiền hồ	4g
Sài hồ	4g
Chỉ xác (Sao cám)	4g
Cát cánh	4g
Xích phục linh	4g
Xuyên khung	4g
Nhân sâm	2g
Cam thảo	2g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Bệnh xuân ôn thuộc khí phận: Lúc mới phát nóng mặt đỏ, mắt đỏ, đau đầu, trán hơi nặng, cơ thể đau nhức khó chịu, sợ lạnh, không có mồ hôi; còn dùng trị chứng mụn nhọt mới sưng tấy.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 500ml nước thuốc, sắc lấy 200ml chia uống 2 lần, uống xa bữa ăn. Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Nếu sợ lạnh nhiều gia thêm: Thông bạch 3 củ.

14. NGÂN KIỀU TÁN

Liên kiều	100g
Kim ngân hoa	100g
Bạc hà	60g
Cát cánh	60g
Đạm đậu sị	50g
Ngưu bàng tử	60g
Cam thảo	50g
Trúc diệp	40g

Chủ trị:

Ôn bệnh thuộc khí phận thời kỳ sơ khởi: Phát nóng không ra mồ hôi, hoặc có ít mồ hôi, sợ gió, đau đầu, tâm phiền, miệng khát, ho khạc, đau họng, đầu lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng mỏng, mạch phù xác.

Cách dùng - liều lượng:

Tất cả các vị sấy khô tán bột mịn. Mỗi lần dùng 6g. Sắc nước lô căn tươi (rễ lau) làm thang; gạn lấy 100ml nước sắc lô căn, cho bột thuốc vào quấy đều đun sôi thấy có mùi thơm thì uống ngay.

Bệnh nặng ban ngày uống 3 lần, ban đêm uống 1 lần.

Bệnh nhẹ ban ngày uống 2 lần, ban đêm uống 1 lần.

15. LƯƠNG CÁCH TÁN

Đại hoàng	100g
Mang tiêu	100g
Liên kiều	100g
Hoàng cầm	60g
Bạc hà	60g
Chi tử nhân	60g
Trúc diệp	
Mật ong	

Chủ trị:

Bệnh ôn nhiệt thuộc khí phận kèm thêm chứng: nóng dữ, đại tiện bí kết, nước tiểu đỏ, hung cách nóng, phiền khát mặt đỏ, mắt đỏ, môi se, thổ huyết, nục huyết.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị sấy khô, tán bột mịn, mỗi lần dùng 12g; thêm vào Trúc diệp 4g mật ong 1 muỗng nước 200 ml sắc kỹ gạn lấy nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

16. NGƯU GIÁC TIÊU ĐỘC THANG

Ngưu giác (sừng trâu)	8g
Sinh địa	10g
Phòng phong	8g
Ngưu bàng tử	8g
Kinh giới	8g
Cát cánh	6g
Đơn bì	6g
Bạch thược	4g

Chủ trị:

Bệnh xuân ôn thuộc huyết phận: lúc mới phát cảm thấy gai rét, phát sốt không có mồ hôi, cổ họng khô đau, miệng ráo, răng khô.

Cách dùng - liều lượng:

Sừng trâu mài để riêng.

Các vị cho vào 500ml nước, sắc lấy 200ml, hợp với nước mài sừng trâu, chia uống làm 3 lần trong ngày.

17. NGƯU ĐỊA THANH LẠC ẨM

Ngưu giác (sừng trâu)	8g
Sinh địa	30g
Đào nhân	10g
Đơn bì	8g
Xích thược	6g
Liên kiều	6g
Trúc diệp	8g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Bệnh xuân ôn thuộc huyết phận khởi phát nóng dữ nhiều như đốt, phiền táo không yên, có lúc sinh chứng nục huyết, ho khạc có dây huyết.

Cách dùng - liều lượng:

Sừng trâu mài để riêng.

Các vị cho vào 500ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, hợp cùng nước mài sừng trâu chia uống 2 lần trong ngày.

18. THĂNG MA TIÊU ĐỘC ẨM

Thăng ma	8g
Cát căn	8g
Kinh giới	8g
Ngưu bàng tử	8g
Bạch thược	6g
Phòng phòng	6g
Cam thảo chích	4g

Chủ trị:

Bệnh xuân ôn thuộc huyết phận: Phát sốt, sợ lạnh không ra mồ hôi, mình mẩy tay chân đau đớn khó chịu, đầu đau, trán nặng, mũi khô, mắt nóng chảy nước mắt, ngủ không yên, mạch phù khẩn.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần, uống cách nhau 3 giờ. Ngày uống 1 thang.

19. BẠCH HỔ THANG

Thạch cao	40g
Tri mẫu	12g
Cam thảo chích	8g
Gạo trắng	40g

Chủ trị:

Bệnh thử ôn: Đau đầu, nóng nhiều, khát nhiều, mồ hôi nhiều, mạch hồng đại mà sác.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc đến khi gạo chín (còn 300ml). Chắt lấy nước thuốc chia uống làm 3 lần, uống lúc thuốc còn ấm.

20. THANH THỬ ÍCH KHÍ THANG

Sa sâm	10g
Mạch môn đông	8g
Thạch hộc	8g
Trúc diệp tươi	8g
Hoàng liên	4g
Cam thảo	2g
Vỏ đậu xanh	8g
Gạo trắng	8g

Chủ trị:

Bệnh thử ôn gây thương tổn đến khí làm hao tổn tân dịch, thân thể nóng tự ra mồ hôi, người mệt nhọc, mạch hư hơi thở ngắn như suyễn.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml, uống 1 lần. Ngày uống 1 thang.

21. SINH MẠCH TÁN

Nhân sâm	20g
Mạch môn đông	12g
Ngũ vị tử	8g

Chủ trị:

Bệnh thử ôn thương tổn nguyên khí, khiến cho thần khí tiêu hao, mồ hôi ra nhiều, miệng khát, suyễn, mạch hư tế.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc (sắc 3 lần), uống trong ngày không kể giờ giấc.

22. LINH DƯƠNG CÂU ĐẰNG GIA VỊ THANG

Linh dương giác (hoặc sừng trâu)	10g
Câu đằng	10g
Sinh địa	8g
Tang ký sinh	8g
Ngưu tất	8g
Huyền sâm	8g
Cúc hoa	8g
Thiên ma	6g
Long đởm thảo	6g
Bạch cương tằm	4g
Ngô công	4g
Toàn yết	4g

Chủ trị:

Bệnh thử phong (nội phong) do nhiệt và thử thịnh ở can gây ra:

Phát sốt, đau đầu dữ dội, nôn mửa, co giật hôn mê, nói sảng, buồn bực vật vã (thử phong thể nhẹ) hoặc sốt cao, có rét run, rồi co giật hôn mê, hàm răng nghiến chặt, thở khò khè tay chân co lạnh.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cương tằm, toàn yết, ngô công sấy khô tán bột mịn để riêng. Các vị khác cho 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc hoà với bột cương tằm, toàn yết, ngô công, quấy đều chia uống làm 2 lần. Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Chứng bệnh thử phong nếu kèm chứng:

- Đại tiện bí, rêu lưỡi vàng gia thêm:

Địa long	6g
Huyền minh phấn	6g
Qua lâu nhân	8g

- Tiểu tiện không lợi, vàng đỏ gia thêm:

Liên tâm	6g
Hoạt thạch	8g
Cam thảo	4g

- Do thời gian hôn mê và tay chân cứng đờ, móp lạnh lâu dẫn đến không nói được, chân tay mình mẩy không mềm mại, điều hoà hoặc liệt nửa người gia thêm

Xương bồ	8g
Thuyền thoái	3g
Trúc nhự	10g

23. CÁT TÔ KINH BẠC THANG

Cát căn	20g
Tía tô	15g
Cỏ màn chầu	15g
Kinh giới	10g
Bạc hà	10g
Tỏi	3 - 5 nhánh

Chủ trị:

Cảm cúm triệu chứng giống như cảm mạo, nhưng người mệt hơn và đau các khớp xương bắp thịt nhiều hơn. Bệnh hay lây truyền, nhiều người mắc bệnh giống nhau.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị rửa sạch, thái nhỏ cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống làm 2 lần trong ngày; uống luôn trong 3 ngày;

đồng thời lấy lá đại bi, bưởi, sả, tía tô, tre, duối nấu nước xông cho ra mồ hôi.

24. ĐẠT NGUYÊN GIA VỊ THANG

Sài hồ	12g
Hoàng cầm	12g
Hậu phác	12g
Tri mẫu	12g
Bạch thược	12g
Cam thảo	4g
Khương hoạt	8g
Cát căn	12g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Cảm cúm: Mới phát gai rét, sốt, đầu mình đau nhức mỏi, khát nước, ho, sổ mũi, khi phát hiện bệnh dễ lây lan từ người này qua người khác; trẻ già trai gái bệnh đều giống nhau. Bài này được dùng chữa cả cảm mạo bốn mùa.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần, ngày uống 1 thang.

Chú ý:

- Trường hợp người bệnh uống thuốc này rồi mà bệnh tình càng tiến triển thêm: người nóng, cởi trần, khát nước nhiều, mồ hôi ra nhiều mạch hồng sác.

Đó là tà đã truyền vào vị phủ tạo thành vị nhiệt, tân dịch khô cạn thì phải dùng bài sau:

Bạch hổ thang gia giảm:

Thạch cao	20g
Tri mẫu	12g
Cam thảo	4g
Gạo tẻ	20g
Sinh khương	3 lát

Sắc uống.

- Trường hợp bệnh tà đã uất lại ở vị, phủ: Người nóng dữ, tân dịch khô, khát nước nhiều, rêu lưỡi vàng sẫm, đại tiện bí kết, bụng đầy (lý chứng rõ rệt) phải dùng bài sau:

Tiểu thừa khí thang gia giảm:

Đại hoàng	12g
Chỉ xác	10g
Hậu phác	12g
Sinh khương	3 lát

Sắc sôi trong 5-10 phút gạn nước thuốc uống.

- Sau khi lý chứng đã hết không nên dùng thuốc bổ dưỡng ngay mà nên dùng thuốc hoà giải để điều hoà vinh vệ.

+ Nếu là bệnh ôn dịch thì dùng bài dưới đây để hoà giải:

Hao cầm thanh đởm thang:

Thanh hao	6 - 8g
Trúc nhự	12g
Bán hạ	6g
Xích linh	12g
Hoàng cầm	6 - 12g
Chỉ thực	6g
Trần bì	6g
Bích ngọc tán (1)	12g

Sắc uống.

(1) Bích ngọc tán gồm có các vị Hoạt thạch, cam thảo, thanh đại.

+ Nếu là cảm mạo phong hàn, phong nhiệt thì dùng bài sau để hoà giải:

Tiểu sài hồ thang

Sài hồ	12g
Hoàng cầm	9g
Bán hạ	9g
Sinh khương	9g
Nhân sâm	6g
Đại táo	4 quả
Cam thảo chích	4g

Sắc uống.

B. CÁC BÀI THUỐC TRỊ SỐT XUẤT HUYẾT

(Do muỗi truyền)

1. THANG TRỊ SỐT XUẤT HUYẾT

Cỏ nhọ nồi	16g
Mã đề hoặc lá tre	16g
Hoạt thạch hoặc cối xay	12g
Cam thảo nam	6g

Chủ trị:

Sốt xuất huyết, sốt cao trên 40°C

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc sôi 15 phút, gạn lấy nước thuốc để nguội uống 1 lần. Trẻ em tuỳ tuổi uống 1/3 - 1/2 liều trên.

Nhiệt độ giảm ngừng thuốc ngay.

2. THANG BỔ TRUNG ÍCH KHÍ

Đảng sâm	16g
Bạch truật	12g
Hoàng kỳ	12g
Đương quy	12g
Sài hồ	10g
Thăng ma	8g
Trần bì	8g
Cam thảo	6g

Chủ trị:

Điều trị sốt xuất huyết giai đoạn sốt lui

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc để ấm chia uống 2 lần trong ngày.

Trẻ em tuỳ tuổi uống 1/3 - 1/2 liều trên.

Chú ý:

Thang bổ trung ích khí có thể dùng dạng viên hoàn.

3. THANG TRỊ SỐT XUẤT HUYẾT

Lá cúc tần	12g
Cỏ nhọ nồi	16g
Mã đề	16g
Rau má	16g
Lá tre	16g
Cát căn hoặc lá dâu	20g
Trắc bách diệp (hoặc lá sen hoặc kinh giới) sao đen	16g

Chủ trị:

Sốt xuất huyết giai đoạn sốt cao

Cách dùng - liều lượng:

Cho các vị vào 400ml nước, sắc sôi 15 phút, gạn lấy nước thuốc, để ấm chia uống 3 lần trong ngày. Trẻ em tuỳ tuổi uống 1/3-1/2 liều người lớn.

4. THANG TRỊ SỐT XUẤT HUYẾT

Cỏ nhọ nồi	16g
Rễ cỏ tranh	16g
Hạ khô thảo hoặc bồ công anh	12g
Sài đất	16g
Kim ngân hoa	12g
Hoè hoa (sao đen)	12g

Chủ trị:

Sốt xuất huyết giai đoạn sốt cao.

Cách dùng liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc sôi 15 phút, gạn lấy nước thuốc, để ấm chia uống 3 lần trong ngày uống xa bữa ăn.

Trẻ em tuỳ tuổi uống 1/3 - 1/2 liều người lớn.

5. THANG TRỊ SỐT XUẤT HUYẾT

Rau sam	12g
Lá dành dành	12g
Cỏ màn chầu	12g
Rau má	12g
Lá sen	16g
Rau ngót	8g
Hoa mã đề	8g

Cỏ nhọ nồi	8g
Lá duối	8g
Lá tre	10g
Lá kinh giới (sao)	10g
Mía đỏ	20g
Cam thảo đất	4g

Chủ trị:

Sốt xuất huyết thời kỳ khởi phát: Sốt cao không có mồ hôi hoặc có ít, phiền khát nước, sợ lạnh, đau đầu, ho, rêu lưỡi đỏ hoặc trắng vàng, nổi ban chẩn dưới da, mạch phù sác.

Cách dùng - liều lượng:

Cho các vị vào 600ml nước, sắc sôi 15 phút, gạn lấy nước thuốc.

Người lớn chia uống 2 lần trong ngày.

Trẻ em tuỳ tuổi uống 1/4 - 1/2 liều người lớn.

6. BỘT TRỊ SỐT XUẤT HUYẾT

Bố chính sâm hay đẳng sâm	20g
Sinh địa	20g
Huyền sâm	15g
Hoè hoa	12g
Kinh giới	12g
Mạch môn	12g
Chi tử (sao đen)	12g
Cỏ nhọ nồi	12g
Rau má	12g
Rau ngót	8g
Củ nâu sao cháy	8g

Chủ trị:

Sốt xuất huyết thời kỳ toàn phát: Sốt cao, xuất hiện ban chẩn, xuất huyết dưới da, ra mồ hôi, miệng khô, lưỡi đỏ, buồn bực mê sảng, nói nhảm, mạch sác thực.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị sao, sấy khô tán bột mịn.

Người lớn ngày uống 3 lần mỗi lần 10g

Trẻ em tuỳ tuổi uống 1/3 - 1/2 liều người lớn.

Uống với nước thuốc của bài số 5 (thang trị sốt xuất huyết khởi phát).

7. THANG TRỊ SỐT XUẤT HUYẾT

Lá tre tươi	30g
Cỏ màn chầu	20g
Cam thảo đất	20g
Cỏ nhọ nồi (sao đen)	20g
Lá Sen	20g
Lá dâu tằm	20g
Hương nhu	20g
Cối xay	20g
Chi tử	10g

Chủ trị:

Sốt xuất huyết giai đoạn sốt cao: sốt 39 - 40°C, sốt nóng rét, mũi khô, họng đau, đau đầu, đau mình mẩy, xuất huyết nhẹ có những nốt dạng ban ở dưới da thường gặp ở cẳng tay, bụng chân.

Cách dùng - liều lượng:

Cho các vị vào 600ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, để nguội chia làm 3 lần uống trong ngày. Uống liền 3 ngày, mỗi ngày 1 thang.

Trẻ em tuỳ tuổi uống 1/3 - 1/2 liều người lớn.

8. THANG TRỊ SỐT XUẤT HUYẾT

Cát căn	20g
Mạch môn	20g
Bạch biển đậu	20g
Hắc đậu (đỗ đen) sao	20g
Vỏ rễ đinh lăng (sao thơm)	20g

Chủ trị:

Sốt xuất huyết giai đoạn sốt lui

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 500ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, để nguội chia làm 2 lần uống trong ngày. Uống liền 3 ngày mỗi ngày 1 thang. Trẻ em tuỳ tuổi uống 1/3-1/2 liều người lớn.

Chú ý:

Nếu thấy người bệnh có hiện tượng xuất huyết như: Chảy máu cam, máu chân răng, xuất huyết đường tiêu hoá, phụ nữ kinh ra nhiều (băng kinh, rong huyết) choáng ngất, huyết áp tụt phải cho đi bệnh viện cấp cứu kịp thời.

9. NGƯU GIÁC ĐỊA HOÀNG GIA VỊ THANG

Ngưu giác (sừng trâu)	10g
Bạch thược	20g
Sinh địa	20g
Đơn bì	10g
Hạn liên thảo	20g
Bạch mao căn (sao đen)	12g

Chủ trị:

Sốt xuất huyết thời kỳ toàn phát

Cách dùng - liều lượng:

Sừng trâu mài ra để riêng

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc trộn với bột nước sừng trâu, chia uống làm 3 lần trong ngày. Ngày uống 1 thang.

Uống liên tục tới khi khỏi.

10. NGÂN KIỀU TÁN

Liên kiều	40g
Kim ngân hoa	40g
Kinh giới hoa	16g
Cát cánh	24g
Bạc hà	24g
Ngưu bàng tử	24g
Đạm đậu sị	20g
Cam thảo	20g
Trúc diệp	16g

Chủ trị:

Sốt xuất huyết thời kỳ sơ khởi: Phát sốt không mồ hôi, mặt thoáng đỏ, hơi thở gấp, cổ họng khô đau, ho miệng ráo, răng khô, hơi sợ gió, sợ lạnh, đau đầu, khát nước, đầu lưỡi đỏ, rêu lưỡi trắng hoặc hơi vàng, mạch phù sác.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn.

Mỗi lần uống 24g, sắc nước sôi uống. Bệnh nặng ngày sắc uống 4 lần; bệnh nhẹ ngày sắc uống 3 lần. Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều lượng xuống 1/3 hay 1/2.

11. ĐÔNG QUA LIÊN THẢO THANG

Đọt bí đao (tươi)	100g
Hạn liên thảo (tươi)	100g
Lá cải rổ (tươi)	100g
Đồng tiện (nước tiểu trẻ em)	

Chủ trị:

Sốt xuất huyết thời kỳ sơ khởi

Cách dùng - liều lượng:

Cả 3 vị rửa sạch giã nát, thêm 100ml tiểu trẻ em dưới 5 tuổi (mới tiểu tiện) quấy đều vắt bỏ bã lấy nước thuốc cho uống.

Chú ý:

- Cải rổ là một loại rau ăn mát chỉ có ở miền Nam nước ta.

- Nếu kiếm không đủ cả 3 vị thì dùng 1 hoặc 2 vị cũng được, nhưng cần nhất là phải có nước tiểu trẻ em.

12. CỐI XAY NHỌ NỒI MÃ ĐỀ THANG

Lá cối xay	50g
Cỏ nhọ nồi	20g
Lá mã đề	30g

Chủ trị:

Sốt xuất huyết thời kỳ sơ khởi: Sốt cao đột ngột, nhức đầu đau xương khớp, người mệt mỏi, phát ban chẩn hoặc da tím bầm từng chỗ.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống làm 2 lần trong ngày, ngày uống 1 thang. Uống liền 3 ngày.

13. LINH DƯƠNG CÂU ĐẰNG THANG

Linh dương giác (sừng dê)	8g
Câu đằng	8g
Sinh địa	12g
Bạch thược	8g
Tang diệp	8g
Bối mẫu	8g
Phục linh	8g

Trúc nhự	8g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Sốt xuất huyết thời kỳ toàn phát, tay chân co giật mạch phù huyền hữu lực.

Cách dùng - liều lượng:

Linh dương giác cho sắc trước với 600ml nước trong 30 phút, sau đó cho tất cả các vị thuốc còn lại vào sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần.

Ngày uống 1 thang.

14. HOÈ HOA SÀI NGẢI CỎ NHỌ NỒI THANG

Hoè hoa	20g
Ngải cứu	10g
Cỏ nhọ nồi hoặc	
Trắc bách diệp sao cháy	20g
Sài hồ	15g
Củ sả	5g
Hương nhu	5g

Chủ trị:

Sốt xuất huyết do muỗi truyền giai đoạn sơ khởi.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

15. HOẠT THẠCH THẠCH CAO TÁN

Hoạt thạch	1000g
Thạch cao	
(không có thay bằng sắn dây)	1000g
Cam thảo hoặc dây chi chi	
(sao qua)	200g

Chủ trị:

Sốt xuất huyết do muỗi truyền giai đoạn sơ khởi.

Cách dùng - liều lượng:

Tất cả tán bột mịn.

Tuỳ theo thể bệnh ngày uống 20 - 40g, chia uống 2 lần.

Hoà bột vào nước chín quấy đều uống.

16. HẠN LIÊN TRÚC DIỆP HOÀNG BÁ NAM THANG

Trúc diệp	20g
Cỏ nhọ nồi sao đen	20g
Hoàng bá nam (vỏ núc nác)	20g
Bồ công anh (sao qua)	20g
Bạch mao căn	12g

Chủ trị:

Sốt xuất huyết thời kỳ sơ khởi.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

17. MẦN CHẦU RAU MÁ HOÈ HOA THANG

Hoè hoa	20g
Lạc tiên	50g
Cỏ mần chầu	50g
Rau má	80g
Sài đất	12g
Cỏ nhọ nồi	20g
Cam thảo nam	8g

Chủ trị:

Sốt xuất huyết thời kỳ sơ khởi.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho nước nấu lấy 150ml cao lỏng thêm đường làm thành xirô.

Người lớn ngày uống 2 lần mỗi lần 30ml

Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều xuống 1/4 - 1/3 - 1/2

18. CÁT CĂN HOẠT THẠCH THANG

Cát căn	20g
Hoạt thạch	20g
Hạn liên thảo	20g
Huyền sâm hay sinh địa	16g

Biển đậu	12g
Chi tử (sao)	12g
Hoè hoa	12g
Núc nác hay kim ngân	12g

Chủ trị:

Sốt xuất huyết thể nhiệt nhiều hơn thấp: Sốt cao trên 40°C, khát nước, nước tiểu vàng, lưỡi đỏ rêu vàng, mạch phù sác.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày. Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Khi sốt cao có hiện tượng xuất huyết thì tăng lượng:

Cỏ nhọ nồi (sao đen)	40g

Và gia thêm:

Trắc bách diệp (sao đen)	20g
Hoặc Kinh giới hoa (sao đen)	12g
Hoặc Tiên hạc thảo (Long nha thảo)	20g

19. SÀI CÁT GIẢI THẠCH THANG

Cát căn	16g
Sài hồ	12g
Hoạt thạch	12g
Tỳ giải	12g
Biển đậu	20g
Ý dĩ	16g
Hậu phác	8g
Hoắc hương hoặc Hương nhu	8g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Sốt xuất huyết thể thấp nhiều hơn nhiệt. Người bệnh sốt dưới 40°C, thân thể đau mỏi, sôi bụng, đầy bụng, ăn ít nước tiểu trong, rêu lưỡi trắng nhờn, mạch hoạt sác.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày, ngày uống 1 thang.

Chú ý:

+ Nếu ngày thứ 5, thứ 6 nhiệt độ người bệnh xuống thấp dưới 36,5°C thì dùng bài thuốc sau:

Bố chính sâm hay cát lâm sâm	16g
Hoài sơn	12g
Bạch truật	12g
Liên nhục	16g
Trần bì	8g
Hậu phác	8g
Can khương	8g
Cam thảo	4g

Sắc uống.

+ Nếu nhiệt độ người bệnh xuống đột ngột dưới 36°C thì dùng bài trên tăng thêm lượng can khương 20 - 30g và gia thêm: Quế tâm 6 -10g.

Có thể dùng phụ tử chế 10g sắc cho người bệnh uống cho đến khi thân nhiệt trở lại 37°C thì thôi.

20. HƯƠNG LIÊN TRÚC MẠCH THẠCH CAO THANG

Hương nhu	16g
Liên kiều	16g
Trúc diệp	16g
Mạch môn	16g
Thạch cao	20g
Huyền sâm	12g
Sinh địa	12g
Tri mẫu	12g
Sài đất	20g
Liên diệp tươi	50g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Sốt xuất huyết thời kỳ sơ khởi: Sốt cao sợ nóng lạnh, không ra mồ hôi hoặc có ra ít, đầu nhức choáng váng, đau mình mệt mỏi, khát nước, đại tiện khó hoặc táo, hoặc nôn hoặc đau bụng, rêu lưỡi trắng hơi vàng, chất lưỡi trơn.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày. Ngày uống 1 thang. Trẻ em tuỳ theo tuổi uống 1/4 hay 1/3 liều người lớn.

21. KIM TRẮC TRÚC BẠCH THANG

Kim ngân hoa	20g
Trắc bách diệp	16g
Trúc diệp	20g
Bạch mao căn	16g
Hạn liên thảo	16g
Hạ khô thảo	20g

Chủ trị:

Sốt xuất huyết thời kỳ huyết dịch bị tổn thương (cơ thể mất nước, thần kinh bị nhiễm độc) gây chứng mê sảng, lưỡi khô, mạch phù sác, bắt đầu có hiện tượng xuất huyết.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

22. SÂM THỤC PHỤ TỬ THANG

Nhân sâm	8g
Phụ tử chế	12g
Thục địa	10g
Ngũ vị tử	8g
Mạch môn	8g
Long cốt	8g
Mẫu lệ nung	20g

Chủ trị:

Sốt xuất huyết đột nhiên nhiệt độ hạ thấp, mạch nhanh, huyết áp tụt, người mệt mỏi, vật vã, vã mồ hôi, chất lưỡi đỏ, mạch trầm tế sác.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước. Sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày, uống lúc thuốc còn ấm.

23. THANH NHIỆT GIẢI ĐỘC THANG

Cát căn	15g
Kim ngân	10g
Trúc diệp	15g
Cúc hoa	10g
Kinh giới	10g
Mạch môn	15g
Cát sâm	15g
Chi tử	10g
Cam thảo đất	8g

Chủ trị:

Sốt xuất huyết do muỗi truyền, giai đoạn đầu. Sốt kéo dài 2 - 3 ngày, sợ gió, có ít mồ hôi, miệng đắng, nốt lưỡi đỏ, môi khô, ho rát cổ, đại tiện táo, tiểu tiện vàng, cơ nhục đau mỏi, mạch phù xác.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày. Ngày uống 1 thang.

24. LƯƠNG HUYẾT TIÊU ĐỘC CHỈ HUYẾT THANG

Huyền sâm	20g
Kim ngân	10g
Trắc bá diệp (sao)	10g
Sinh địa	15g
Cỏ mực (sao cháy)	10g
Mạch môn	15g
Hoè hoa (sao đen)	10g
Cam thảo đất	8g

Chủ trị:

Sốt xuất huyết do muỗi truyền giai đoạn sau:

Sốt còn cao hoặc giảm, nhưng có dấu hiệu xuất huyết dưới da từng điểm hoặc như hạt cải ở tay chân và toàn thân, có lúc mê sảng, mạch trầm tế sác.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày. Ngày uống 1 thang.

CÁC BÀI THUỐC TRỊ BỆNH SỐT RÉT CƠN
(Ngược tật)

1. THANG LÁ NA MẬT MÍA

Lá na (mãng cầu ta) tươi	100g
Mật mía	10g

Chủ trị:

Sốt rét từng cơn, rét xong lại nóng, nhức đầu khát nước, mỗi ngày 1 cơn hoặc 2 ngày 1 cơn.

Cách dùng - liều lượng:

Lá na rửa sạch, giã nát, cho vào 30ml nước chín, trộn đều, ép lọc lấy nước, cho mật mía vào quấy tan đều, uống 1 lần vào lúc sáng sớm. Uống luôn 3 ngày.

2. BỘT THƯỜNG SƠN BINH LANG

Thường sơn	20g
Thảo quả	20g
Hoạt thạch	20g
Binh lang	15g
Bạch phàn	10g
Cam thảo	8g

Chủ trị:

Sốt rét cơn

Cách dùng - liều lượng:

Thường sơn tước bỏ gân lá tẩm giấm sao.

Thảo quả đập bỏ vỏ lấy nhân sao.

Bạch phàn phi khô

Binh lang, cam thảo sấy khô.

Tất cả tán bột mịn.

Mỗi lần uống 4g, ngày uống 2 lần, chấm với chuối tiêu ăn, uống trước khi ăn cơm 2 giờ.

3. NHÂN SÂM BẠI ĐỘC GIA THƯỜNG SƠN THẢO QUẢ THANG

Nhân sâm hoặc đảng sâm	4g
Khương hoạt	4g
Độc hoạt	4g
Tiền hồ	4g
Sài hồ	4g
Xuyên khung	4g
Chỉ xác	4g
Cát cánh	4g
Phục linh	4g
Trần bì	4g
Cam thảo	4g
Lá Thường sơn bỏ gân (sao rượu)	12g
Thảo quả nhân (sao)	12g

Chủ trị:

Sốt rét

Cách dùng - liều lượng:

Cho 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống làm 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

4. HÀ SƠN HOÀN

Hà thủ ô đỏ (chế)	300g
Lá Thường sơn (bỏ gân)	160g
Đảng sâm	160g
Binh lang	120g
Thảo quả	120g
Can khương	60g

Chủ trị:

Sốt rét lâu ngày không khỏi, rét nhiều nóng ít hoặc không sốt, không khát nước, người mỏi mệt, ăn ít.

Cách dùng - liều lượng:

Đảng sâm, binh lang, can khương thái mỏng sấy khô.

Thường sơn tẩm rượu sao vàng.

Thảo quả sao cháy vỏ. Hà thủ ô sấy khô.

Tất cả các vị tán bột mịn trộn đều, luyện hồ làm viên bằng hạt đậu xanh, sấy khô.

Trẻ em: 5-10 tuổi ngày uống 1 lần 10-15 viên

Trên 10 tuổi ngày uống 1 lần 15-20 viên.

Người lớn ngày uống 1 lần 30 - 40 viên.

Uống với nước chín nóng trước khi lên cơn 2 giờ.

Kiêng kỵ:

Các chất tanh, mỡ.

Trường hợp: sốt rét, nóng nhiều rét ít và phụ nữ có thai không dùng.

5. THƯỜNG THẠCH HOÀN

Thường sơn	320g
Binh lang	80g
Thạch cao	240g

Chủ trị:

Sốt rét: nóng nhiều rét ít, khát uống nhiều nước.

Cách dùng - liều lượng:

Thường sơn bỏ cuống tẩm giấm sao (tẩm 3 lần).

Binh lang thái mỏng. Các vị sấy khô tán bột mịn trộn đều, luyện hồ làm viên bằng hạt đậu xanh.

Trẻ em: 5 - 8 tuổi uống 10 - 15 viên

9 - 10 tuổi uống 15 - 20 viên

11 - 16 tuổi uống 20 - 25 viên

Người lớn uống 25 - 30 viên

Ngày uống 1 lần với nước chín trước khi lên cơn 2 giờ. Nếu nóng nhiều dùng nước sắc lá tre làm thang.

Kiêng kỵ:

Mỡ, tanh, cay nóng.

Trường hợp: sốt rét, mà người bệnh rét nhiều nóng ít và phụ nữ có thai không dùng.

6. TẢO THANH HUYẾT QUẢN HOÀN

Lá thường sơn khô	100g
Can khương	200g
Nhục quế	100g

Chủ trị:

Sốt rét lâu năm dây dưa không khỏi.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu đen.

Ngày uống 2 lần mỗi lần 6 - 8 viên.

7. TRIỆT NGƯỢC KIM ĐƠN

Lá Thường sơn (khô)	500g
Thân, cành Thường sơn (khô)	500g
Thảo quả (sao đen vỏ, giã nát dập)	40g
Thương truật	40g
Hậu phác,	80g
Đường trắng	100g
Rượu trắng 45°	500ml

Chủ trị:

Sốt rét dây dưa lâu năm.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho nước ngập xác thuốc, sắc cạn còn phân nửa, gạn lấy nước 1. Đổ thêm nước tiếp tục sắc cạn còn phân nửa, gạn lấy nước 2. Hỗn hợp cả 2 loại nước sắc lại, lọc sạch cặn, cho đường vào quấy tan tiếp tục sắc cạn lấy 500ml nước thuốc hoà vào 500ml rượu trắng.

Mỗi ngày uống 1 thìa canh vào lúc sáng sớm.

8. TRIỆT NGƯỢC HOÀN

Cam thìa (mật đất)	100g
Thường sơn (chế rượu)	80g
Thảo quả	80g
Binh lang	50g
Thanh bì	40g
Thương truật	40g
Hậu phác (sao gừng)	40g
Miết giáp (chế giấm)	40g
Cam thảo (chích)	40g

Chủ trị:

Sốt rét cách nhật cấp và mạn tính, lách to.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị sao chế, sấy khô tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Ngày uống 3 lần, mỗi lần 8 - 10g, chiêu với nước gừng.

9. HÀ SƠN HOÀN

Hà thủ ô chế	120g
Thường sơn chế	80g
Binh lang	40g
Hậu phác	40g

Chủ trị:

Sốt rét cơn do muỗi truyền.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị sao chế, sấy khô tán bột mịn, luyện hồ là hoàn bằng hạt đậu xanh.

Ngày uống 20 - 30g, chia uống làm 2 lần với nước trà.

10. THẢO SƠN HOÀN

Bột thường sơn	3000g
Bột thảo quả	2000g
Bột can khương	2000g
Bột quế khâu	2000g
Bột riềng	1000g

Chủ trị:

Sốt rét cơn

Cách dùng - liều lượng:

Các vị trộn đều luyện hồ làm hoàn bằng hạt ngô (bắp).

Người lớn ngày uống 20 hoàn, uống với nước trà trước khi lên cơn.

Trẻ em tuỳ tuổi uống 1/4 - 1/3 liều người lớn.

Kiêng kỵ:

Thức ăn sống lạnh, khó tiêu, mỡ dầu, thịt vịt, trái cây xanh.

11. HÀ LANG TÁN

Hà thủ ô chế	12g
Binh lang	12g
Tang chi	12g
Huyết dụ	12g
Men rượu	1 bánh
Mật mía	đủ dùng

Chủ trị:

Sốt rét có báng, bụng to trướng.

Cách dùng - liều lượng:

Hà thủ ô tẩm rượu sao khô, trộn cùng các vị khác và men rượu tán bột mịn.

Mỗi ngày dùng 12g nhào đều với mật mía đem hấp chín trong nồi cơm hoặc đun cách thuỷ sôi 15 phút, cho người bệnh ăn lúc đói, ăn hàng ngày cho đến khi bụng và báng xẹp.

12. BỘT GIẢI ĐỘC TRIỆT NGƯỢC

Thổ phục linh	32g
Lá Thường sơn	15g
Binh lang	15g
Thảo quả	9g

Chủ trị:

Sốt rét cơn

Cách dùng - liều lượng:

Thổ phục linh, binh lang thái nhỏ sao thơm.

Lá Thường sơn bỏ cuống, gân tẩm rượu sao.

Các vị sau khi sao, tẩm sao xong tán bột mịn, luyện hồ làm viên bằng hạt đậu xanh.

Người lớn ngày uống 30 viên chia làm 2 lần, uống với nước nóng, trước khi lên cơn sốt rét.

Trẻ em 5 - 10 tuổi ngày uống 10 viên chia làm 2 lần, uống với nước nóng, trước khi lên cơn sốt rét.

Kiêng kỵ:

Trẻ em dưới 5 tuổi và phụ nữ có thai không dùng.

13. TRIỆT NGƯỢC THANG

Thanh hao	15g
Thường sơn tẩm giấm sao	12g

Binh lang sao qua	8g
Thảo quả	8g
Thổ phục linh	24g

Chủ trị:

Sốt rét cơn

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia làm 2 lần uống trong ngày. Uống lúc thuốc còn ấm, trước khi lên cơn sốt rét 1 giờ.

14. TRIỆT NGƯỢC TÁN

Bột cây lá thanh hao (hoa vàng)	300g
Bột thảo quả	200g
Bột can khương	200g
Bột quế nhục	200g
Bột riềng	200g

Chủ trị:

Sốt rét cấp tính (kịch phát).

Cách dùng - liều lượng:

Các vị trộn đều luyện hồ làm hoàn bằng hạt ngô.

Người lớn ngày uống 20 hoàn, uống với nước trà trước khi lên cơn.

Trẻ em tuỳ tuổi uống giảm xuống 1/4, 1/3 liều.

15. HÀ THANH HOÀN

Bột thanh hao (hoa vàng)	80g
Bột binh lang	40g
Bột hậu phác	40g
Bột thanh bì	40g
Bột thảo quả	40g
Bột hà thủ ô chế	120g

Chủ trị:

Sốt rét cách nhật cấp và mạn tính.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị trộn đều cho luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu xanh. Ngày uống 3 lần, mỗi lần 8 - 10g chiêu với nước gừng ấm.

Chú ý: Không nên nhầm lẫn cây thanh hao với cây chổi xuể cũng có tên gọi là thanh hao.

16. THANH TỲ ẨM GIA VỊ

Hà thủ ô	10g
Dây thần thông	8g
Lá Thường sơn (tẩm giấm sao)	12g
Thanh bì	8g
Thảo quả	8g
Sài hồ	8g
Bán hạ chế	8g
Hậu phác	8g
Bạch truật	8g
Hoàng cầm	8g
Cạm thảo	4g
Phục linh	15g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Bệnh sốt rét buổi sáng hoặc buổi chiều phát sốt phát rét, miệng đắng, họng khô, tiểu tiện sẻn, đỏ.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống trước cơn 2 giờ, lúc thuốc còn ấm. Ngày uống 1 thang.

Ghi chú:

Trường hợp sốt rét lâu ngày (kinh niên), sức khoẻ suy sụp, ăn uống ngày một kém sút, bụng to, dày da bụng, thì cho uống kèm với Quy tỳ hoàn gia xương bồ.

17. THANG TRIỆT NGƯỢC

Thường sơn	8g
Binh lang	4g
Thảo quả	2g
Cát căn	4g

Chủ trị:

Sốt rét cơn

Cách dùng - liều lượng:

Cho 400ml nước, sắc lấy 100ml, chia uống 3 lần trong ngày.

Chú ý gia giảm:

Nếu sốt nhiều rét ít tăng lượng cát căn lên 10g, nếu rét nhiều sốt ít tăng thảo quả lên 3 - 4g.

18. LỤC ĐẬU KÊ ĐẢN BẠCH THANG

Đậu xanh cả vỏ xay mịn

Lòng trắng trứng gà

Giấm thanh 10%

Chủ trị:

Bệnh lách to (báng) do sốt rét.

Cách dùng - liều lượng:

Liều lượng:

+ Lách số 4 dùng Bột đậu xanh 400g

Lòng trắng trứng gà	4 quả
Giấm thanh	2ml

+ Lách số 3 dùng Bột đậu xanh 300g

Lòng trắng trứng gà	3 quả
Giấm thanh	2ml

+ Lách số 2 dùng:

Bột đậu xanh	200g
Lòng trắng trứng gà	2 quả
Giấm thanh	2ml

Cách làm:

Thuốc điều trị lách số 4, 3, 2 đều làm như sau:

Trộn đều 3 thứ với nhau gói vào một miếng gạc đắp kín vùng lách sưng từ bờ sườn trái trở xuống, trên phủ giấy nilon để giữ độ ẩm được lâu.

Ba ngày thay thuốc một lần,1 đợt điều trị đắp thuốc 9 - 15 lần. Trong thời gian đắp thuốc, kết hợp với tập khí công.

Ghi chú:

Sau khi đắp lần 3 lách co được 1 - 2 cm, lách mềm dần người bệnh thường cảm thấy dấm dứt khó chịu ở vùng lách, kèm theo sôi bụng và ỉa lỏng là báo hiệu có kết quả tốt, không cần phải xử trí gì. Sau lần đắp thuốc thứ tư trở đi các dấu hiệu trên sẽ tự nhiên hết.

19. THUỐC SỐT RÉT "CẨU TÀO"

Binh lang	100g
Thảo quả	20g
Thường sơn	50g
Quả ngái	50g

Chủ trị:

Sốt rét cơn.

Cách dùng - liều lượng:

- Thường sơn tuốt bỏ gân lá, rửa sạch phơi khô, đun rượu ủ một đêm, phơi khô rồn (không sao).

Binh lang thái mỏng sấy khô.

Thảo quả bỏ vỏ cứng sao thơm.

- Quả ngái thái nhỏ phơi khô sao qua.

Cả 4 vị hợp lại tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 8g, uống với nước chín hơi ấm. Không uống với nước nóng, uống với nước nóng sẽ bị nôn.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất sống, lạnh, tanh, dầu mỡ.

20. THƯỜNG SƠN HOÀN

Hà thủ ô trắng (tẩm rượu sao vàng)	250g
Dây thần thông	100g
Thường sơn (bỏ gân lá tẩm rượu sao vàng)	40g
Thảo quả (đập bỏ vỏ lấy nhân hạt sao thơm)	40g
Miết giáp (tẩm giấm sao vàng)	50g
Mã tiền chế	10g

Chủ trị:

Sốt rét ngã nước do muỗi truyền:

Khi lên cơn sốt thì lỗ chân lông sởn gai; ngáp vươn vai, rồi rùng mình, rét run cầm cập, đắp bao nhiêu chăn chiếu vẫn rét, đầu nhức, mình và chân tay mỏi, mặt tái da nhợt.

Hết cơn rét thì tiếp luôn cơn sốt, trong ngoài đều nóng toàn thân như thiêu đốt, đầu nhức như búa bổ, ngực sườn đều tức, miệng đắng, lợm oẹ, khát muốn uống nhiều nước lạnh. Mặt đỏ, môi hồng. Sau cùng, khắp người ra mồ hôi như tắm thì sốt mới lui. Rêu lưỡi trắng mỏng hoặc vàng nhợt tuỳ theo mức độ nóng nhiều hoặc rét nhiều.

Cơn sốt có thể kéo dài khoảng 5 - 6 giờ, thường mỗi ngày lên 1 cơn hoặc 2 - 3 ngày lên 1 cơn đúng kỳ. Tuỳ sự chống đỡ của cơ thể mà có người nóng nhiều hơn rét, có người rét nhiều hơn nóng.

Bệnh nặng lâu ngày không khỏi thì lách sưng.

Cách dùng - liều lượng:

Hà thủ ô trắng, dây thần thông, thường sơn sao tẩm xong cho nước vào nồi đất (không dùng nồi kim loại) đổ ngập nước nấu cao lỏng.

Miết giáp, thảo quả, mã tiền chế sao sấy khô tán bột mịn, cho vào cao lỏng thường sơn, hà thủ ô, thần thông luyện kỹ làm hoàn bằng hạt hồ tiêu và áo viên bằng bột hoạt thạch.

Người lớn mỗi lần uống từ 2 - 4g, uống trước cơn sốt rét 2 giờ. Trẻ em rút bớt 1/2 liều lượng.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các loại cà, các loại rau cải, củ cải, cá không vảy, sò, hến, cá mực.
- Phụ nữ có thai cấm dùng

21. THUỐC SỐT RÉT "CHÍNH ĐẠI"

Thường sơn (bỏ gân lá tẩm rượu sao vàng sẫm)	20g
Thảo quả	8g
Cát căn	16g
Binh lang	8g
Thạch cao (nung kỹ)	2g
Cam thảo	4g
Cát sâm (sao vàng)	16g

Chủ trị:

Sốt rét cơn do muỗi truyền.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần, uống lúc thuốc còn nóng, uống trước khi lên cơn sốt rét 6 giờ. Không uống thuốc lúc đang lên cơn sốt.

Chú ý:

Nếu sốt rét đã lâu ngày, thân thể suy nhược thì dùng phương thuốc sau:

Thường sơn (bỏ gân lá tẩm rượu sao vàng sẫm)	16g
Ý dĩ (sao vàng)	20g
Miết giáp (tẩm giấm sao)	12g
Trần bì (sao)	8g
Bán hạ chế	8g
Cát sâm (sao vàng)	20g
Cam thảo	2g

Nếu có báng (lách sưng to) thì gia thêm:

Tam lăng (tẩm giấm sao)	8g
Nga truật (tẩm giấm sao)	8g

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần (buổi sáng và tối), uống lúc thuốc còn nóng.

Kiêng kỵ:

- Kiêng các vị cay, nóng, các thứ khó tiêu, sò, hến, cá mực, các loại cà, các loại rau cải, củ cải.
- Phụ nữ có thai cấm dùng.

22. THANH BÌ MIẾT GIÁP THANG

Thanh bì (bỏ ruột sao)	40g
Miết giáp (tẩm giấm nướng giòn)	40g

Chủ trị:

Sốt rét có báng (ngược mẫu)

Cách dùng - liều lượng:

Hai vị tán bột mịn, luyện hồ làm viên bằng hạt đậu đỏ, mỗi ngày uống 10 - 16 viên với nước chín trước khi lên cơn chừng 4 giờ.

23. BINH LANG THẢO QUẢ THƯỜNG SƠN THANG

Thường sơn (sao rượu)	40g
Binh lang	12g
Thảo quả	12g
Thương truật	20g
Hậu phác (cạo bỏ vỏ thô)	12g
Sa sâm	20g
Bạch linh	12g
Cam thảo chích	4g
Trần bì	8g
Bán hạ (tẩm gừng sao)	12g
Sinh khương	12g

Chủ trị:

Sốt rét nặng, cơ thể suy nhược

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc để ấm chia uống 2 lần, uống trước bữa ăn 2 giờ.

24. THƯỜNG SƠN THANH HAO HOÀN

Thường sơn (tẩm giấm sao giòn)	400g
Thanh hao hoa vàng (phơi khô)	200g

Chủ trị:

Sốt rét nóng lạnh, sốt rét cách nhật

Cách dùng - liều lượng:

Các vị phơi sấy, sao giòn tán bột mịn, luyện hồ làm viên bằng hạt ngô.

Người lớn uống 10 viên ngày. Trẻ em tuỳ tuổi uống 2 - 5 viên ngày.

Uống trước lúc lên cơn 1-2 giờ, với nước chín.

25. SÀI HỒ ĐỊA LONG THANG

Địa long (ken sạch đất sao vàng)	10 con
Rễ lức (sài hồ)	20g
Dây lá chi chi (cam thảo dây)	10g
Bố chính sâm (tẩm gừng sao)	20g
Trần bì	20g
Hà thủ ô trắng	20g
Chi tử	8g
Thảo quả (bỏ vỏ)	12g
Cây ớt (thái nhỏ sao vàng)	20g

Chủ trị:

Sốt rét ngã nước

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc để ấm uống trước khi lên cơn 1 giờ.

26. CHÍNH NGƯỢC THANG

Sài hồ	12g
Địa long (sao gừng)	12g
Thường sơn (sao rượu)	16g
Dây cóc (dây ký ninh)	12g
Muồng trâu hoặc muồng ngủ	12g
Thảo quả	8g
Binh lang	8g
Trần bì	8g
Rễ bá bệnh	8g
Bán hạ chế	8g

Chủ trị:

Sốt có cơn, rét run, sởn gai ốc, mình mẩy chân tay đau nhức trong người nóng như thiêu, đầu đau như búa bổ, khát, tức ngực, miệng rất đắng, người toát mồ hôi, ướt đầm dề. Mạch đang cơn sốt phù huyền sác, có khi hồng đại sác.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, uống ngày 1 thang.

27. ÔN NGƯỢC THANG

Thường sơn (bỏ gân lá, sao rượu)	12g
Dây thần thông	12g
Rễ bá bệnh	12g
Địa long (sao gừng)	12g
Cây cơm nguội	12g
Bán hạ chế	12g
Rễ cây chùm hôi (cây cari)	12g
Thảo quả	8g
Binh lang	8g
Trần bì	8g
Vỏ sầu đâu	8g
Rễ cỏ tranh	30g
Muồng trâu hoặc muồng ngủ	20g
Gừng tươi	3 lát.

Chủ trị:

Sốt nóng nhiều rét ít, nặng thì chỉ nóng không rét hoặc chỉ gây rét, chân tay mỏi, khát, thỉnh thoảng hay buồn nôn; ra được mồ hôi, người sẽ bớt nóng dần, mạch huyền sác.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Dùng thêm các vị dưới đây (toa căn bản gia vị) sắc uống thay nước trà, uống hàng ngày để giải độc, thanh nhiệt.

Rau má	20g
Cỏ mần chầu	12g

Cam thảo nam	8g
Rễ cỏ tranh	12g
Cát căn	12g
Sinh địa	16g
Cỏ mực	12g
Rễ nhàu	12g
Chi tử	8g
Ké đầu ngựa	12g
Bồ bồ nước (thuỷ xương bồ)	8g

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 500ml nước thuốc thay nước trà uống hàng ngày.

28. ĐAN NGƯỢC THANG

Địa long (sao gừng)	20g
Thường sơn lá (bỏ gân) sao rượu	12g
Rễ bá bệnh	16g
Dây cóc (dây ký ninh)	12g
Thảo quả	8g
Binh lang	8g
Thanh bì	8g
Thạch xương bồ	8g
Gừng tươi	3 lát

Chủ trị:

Chứng trạng giống như ôn ngược, nhưng chứng ôn nặng thêm lên, chỉ nóng, nóng đến cao độ phát sinh điên cuồng mơ sảng (sốt rét ác tính), lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng mỏng, táo kết có khi đái ra máu.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày. Dùng thêm toa căn bản gia vị sắc uống làm thang thay nước uống trong ngày.

Chú ý gia giảm:

- Nếu có biến chứng đái ra máu cho uống thêm bài thuốc thanh nhiệt, lương huyết chỉ huyết sau:

Địa long	20g
Tóc rối đốt (hoặc da trâu đốt) tồn tính	12g
Rễ tranh	30g
Cỏ hàn the (sao)	20g
Muồng ngủ (sao)	12g
Rau dền trắng (cây, rễ)	40g
Cỏ mực (đốt cháy xém)	20g
Rau má	20g
Phèn chua phi	6g
Hoè hoa (sao cháy)	12g
Chi tử (sao cháy)	12g

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc uống.

- Nếu có đầy bụng gia thêm:

Gừng tươi	4 - 8g
Củ sả	4 - 8g
Hậu phác	4 - 8g

- Nếu có mất ngủ gia thêm

Lá vông	12g
Lạc tiên	12g

- Sau khi khỏi sốt cho uống thêm thuốc bổ để trợ sức.

Kiêng kỵ:

Đối với sốt rét cấp tính thuộc cả ba thể: chính ngược, ôn ngược và đan ngược đều phải kiêng ăn các thức sống, lạnh như: giá sống, dưa leo, đu đủ, cua, cá biển, thịt gà, ba ba, thịt vịt, trứng vịt lộn, ốc các loại, đậu xanh...

Kiêng ăn cơm, nên ăn cháo loãng và các thức ăn như thịt lợn nạc, cá lóc, cá trê, nước các trái cây tươi: cam, chanh, chuối; rau luộc chín.

29. TRỢ TỲ BỔ CHÍNH KHÍ THANG

Hà thủ ô (Chế: rượu, giấm, nước đậu đen)	12g
Hoài sơn	12g
Ý dĩ	16g
Lá sung vú (tật)	12g
Nam mộc hương	12g
Vỏ quýt	8g
Dây ký ninh	8g
Thường sơn (bỏ gân lá sao rượu)	8g
Thạch xương bồ (bồ bồ)	8g

Chủ trị:

Sốt rét thể tân ngược: sốt rét lạnh nhiều nóng ít, ngực sườn đầy tức, bức rứt khó chịu, không khát nước, bụng đầy, ăn uống khó tiêu. Mạch trầm trì có khi đới huyền.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc uống trong ngày.

Chú ý gia giảm:

Nếu người bệnh muốn nôn gia thêm:

Bán hạ chế	8g
Muống	8g

Sắc cùng thang trên uống.

30. TÂN NGƯỢC THANG

Lá gõ (sao thơm)	40g
Rễ cơm nguội	16g
Rễ bách bệnh	20g
Bán hạ chế	8g
Thảo quả	8g
Binh lang	8g
Địa long (sao rượu)	8g
Vỏ quýt	8g
Vỏ sấu đâu	8g
Củ sả	4g

Chủ trị:

Sốt rét kéo dài lạnh nhiều nóng ít, ngực sườn đầy tức, bứt rứt khó chịu, không khát nước, bụng đầy, ăn uống khó tiêu.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc uống trong ngày.

31. CÔNG Ứ TRỤC ĐÀM THANG

Miết giáp (tẩm giấm nướng)	20g
Thường sơn (bỏ gân lá tẩm rượu sao)	12g
Đào nhân	20g
Tam lang	12g
Nga truật	8g
Hậu phác	12g
Bán hạ chế	8g
Thảo quả	8g
Binh lang	12g
Hà thủ ô	16g
Trần bì	8g
Gừng già	8g

Chủ trị:

Sốt rét thể ngược máu (thiếu máu): Cạnh dưới sườn tái đầy tức do sốt rét lâu ngày có báng, sờ thấy một đám cứng phát triển gần đến rốn (4 khoát ngón tay). Nóng rét qua lại, bụng khó chịu, ăn uống khó tiêu, có thể có nước, cổ trướng nhẹ. Người gầy, da sạm đen, mắt vàng, mạch nhu tiểu.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc uống trong ngày.

Kiêng kỵ:

- Phụ nữ có thai không dùng
- Không tắm nước lạnh
- Không ăn rau muống, giá sống, thịt vịt, cua ốc...

32. THƯỜNG SƠN MIẾT GIÁP SA NHÂN HOÀN

(Còn có tên gọi viên sơn lăng truật)

Lá thường sơn (bỏ gân sao rượu)	400g
Sa nhân	200g
Miết giáp (tẩm giấm nướng giòn)	200g
Trần bì	200g
Tam lăng	200g
Thảo quả (bỏ vỏ cứng)	200g
Nga truật	200g
Ô mai nhục	200g
Binh lang	200g
Thanh bì	200g
Bán hạ chế	200g

Chủ trị:

Sốt rét thể ngược máu: Da vàng, bụng to, thũng báng.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị sao chế, sấy giòn tán bột mịn luyện hồ làm hoàn bằng hạt ngô.

Trẻ em: 5 - 10 tuổi ngày uống 8 - 10 viên

11 tuổi trở lên ngày uống 10 - 20 viên

Người lớn: mỗi ngày uống từ 20 - 30 viên với nước sắc cây muồng làm thang.

Uống trước khi lên cơn 2 giờ.

Kiêng kỵ:

- Phụ nữ có thai không dùng.
- Không tắm nước lạnh.
- Kiêng ăn rau muống, giá sống, măng, thịt vịt, cua, ốc, mỡ...
- Trường hợp sốt rét lâu ngày không có báng, cơ thể suy nhược không nên dùng.

33. SƠ GIẢI THANH LÝ NHIỆT THANG

Thạch cao	12g
Lúa lâu năm	40g
Đăng tâm	8g
Cam thảo	8g
Phèn phi	2g
Gương sen (sao cháy)	20g
Huyết dụ	20g
Dền trắng	20g
Địa long (sao rượu)	12g
Chi tử (sao cháy)	12g
Cỏ mực	20g
Tóc đốt (tồn tính)	5g
Cỏ màn chầu (sao)	12g

Chủ trị:

Sốt rét kéo dài thể chướng nhiệt: Nóng nhiều rét ít, khát, tiểu tiện đỏ, đại tiện bí, ói ra huyết hoặc có máu cam, da vàng, nặng hôn mê, mê sảng, điên cuồng, mạch huyền sác rất sác.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc uống trong ngày.

34. NGƯỢC CHƯỚNG HÀN THANG

Hoắc hương	12g
Hương phụ chế	12g
Nam mộc hương	12g
Ngũ gia bì	12g
Tô mộc	12g
Vỏ bưởi đào	8g
Long đởm thảo	8g
Trần bì	8g
Can khương	8g
Muồng (sao)	8g
Bách thảo sương	4g

Chủ trị:

Sốt rét kéo dài thể chướng hàn: Sợ lạnh run rẩy, đau đầu, khi lạnh đắp chăn mấy cũng không hết lạnh, tình trạng nặng dẫn đến hôn mê, cấm khẩu, mạch vi tri.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc uống trong ngày.

Chú ý gia giảm:

- Có sốt gây nóng rét gia thêm

Rễ thường sơn (hoặc lá)	
(sao rượu)	12g
Rễ bách bệnh	12g
Dây cóc	12g
Binh lang	8g
Thảo quả	8g
Bán hạ chế	8g

Hợp cùng thang trên sắc uống.

- Sốt rét lâu ngày cơ thể suy nhược quá phải dùng thêm thuốc bổ dưỡng để trợ sức.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thức ăn sống lạnh, cua cá biển, thịt gà, thịt vịt, ba ba, các loại ốc, giá sống, dưa leo, đậu xanh...

35. HOÀN TRƯỜNG SƠN I

Vỏ cây sầu đâu	2000g
Hậu phác	
(cạo bỏ vỏ thô, sao gừng)	1000g
Vỏ quýt	800g

Rễ hoặc lá thường sơn (tẩm rượu sao)	1000g
Dây cóc	10.000g
Địa long (sao gừng thơm)	1000g
Binh lang	200g
Bán hạ chế	300g
Gừng tươi	300g

Chủ trị:

Sốt rét cơn

Cách dùng - liều lượng:

Hai vị thường sơn và dây cóc nấu cao lỏng (1/1).

Các vị khác sao chế, sấy khô giòn tán bột mịn, trộn với cao lỏng hai vị trên luyện làm hoàn bằng hạt ngô.

Ngày uống 30 viên chia làm 3 lần, uống với nước cơm hoặc nước sắc toa căn bản làm thang.

Trường hợp đang sốt có thể uống tới 50 viên ngày.

36. HOÀN TRƯỜNG SƠN II

Vỏ sầu đâu	1000g
Địa long (sao thơm)	200g
Hậu phác	500g
Trần bì	200g
Gừng tươi	200g
Dây cóc	10.000g

Chủ trị:

Sốt rét cơn

Cách dùng - liều lượng:

Dây cóc nấu cao lỏng tỷ lệ 1/1.

Các vị khác sấy khô tán bột mịn, trộn với cao lỏng dây cóc luyện làm hoàn bằng hạt ngô. Ngày uống 20 - 30 viên. Uống với nước cơm hoặc nước sắc toa căn bản.

37. HOÀN TRƯỜNG SƠN III

Rễ cây keo	2000g
Lá măng cầu ta (sao gừng)	1000g
Bán hạ chế	100g
Lá thường sơn (bỏ gân)	200g
Thảo quả	100g
Địa long	200g
Dây cóc	2000g
Vỏ quýt tươi	100g
Gừng già tươi	50g

Chủ trị:

Sốt rét cơn

Cách dùng - liều lượng:

Rễ keo, dây cóc nấu cao lỏng (1/1)

Các vị khác sao giòn tán bột mịn trộn với cao lỏng rễ keo, dây cóc luyện làm hoàn bằng hạt ngô.

Ngày uống 20 - 30 viên uống với nước chín nguội trước khi lên cơn.

38. VIÊN THƯỜNG SƠN BINH LANG

Lá thường sơn (bỏ gân, tẩm giấm sao vàng)	449g
Hoàng nàn (chế)	110g
Sài hồ	78g
Binh lang	173g
Thảo quả nhân	150g
Bột hoạt thạch	78g
Bột hồ	100g

Chủ trị:

Sốt rét ngày 1 cơn hay 2 ngày 1 cơn, nóng nhiều hơn rét.

Cách dùng - liều lượng:

Bột hoạt thạch để riêng, các vị khác sao chế, sấy khô giòn tán bột mịn, trộn đều luyện bột hồ làm viên 0,25g. Áo viên bằng bột hoạt thạch.

Trẻ em:

5 - 10 tuổi mỗi lần uống 1/2 viên, ngày 3 lần.

Trên 10 tuổi mỗi lần uống 1 viên, ngày 3 lần.

Người lớn: Uống 1 viên, ngày uống 4 lần.

Uống với nước chín, uống trước khi lên cơn (cách nhau 3 giờ uống 1 lần) trong khi lên cơn không uống.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các chất sống, lạnh.

- Phụ nữ có thai không dùng.

- Trường hợp sốt rét: Rét nhiều nóng ít thiên về hàn không nên dùng.

39. VIÊN CAO LƯƠNG THƯỜNG SƠN

Cao lương khương	50g
Thường sơn lá (bỏ gân sao giấm)	50g
Dây thần thông (tẩm rượu sao vàng)	50g
Thảo quả (sao cháy vỏ)	30g
Vỏ vối (tẩm gừng sao)	50g
Hùng hoàng	10g
Lá mãng cầu (na) khô	30g
Gừng tươi thái lát mỏng phơi khô	20g

Chủ trị:

Sốt rét mỗi ngày 1 cơn hoặc 2 ngày 1 cơn, rét nhiều nóng ít.

Cách dùng - liều lượng:

Hùng hoàng tán bột mịn để riêng, các vị còn lại sao chế, sấy giòn tán bột mịn, trộn đều luyện hồ làm viên bằng hạt đậu đen, lấy bột Hùng hoàng làm áo.

Trẻ em: 5 - 10 tuổi mỗi lần uống 10 - 15 viên.

Trên 10 tuổi mỗi lần uống 20- 25 viên.

Người lớn mỗi lần uống 30 - 40 viên.

Ngày uống 1 lần, uống với nước nóng trước khi lên cơn 2 giờ.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các chất tanh, mỡ, thịt lợn, lòng lợn.
- Trường hợp sốt rét nóng nhiều rét ít thiên về nhiệt không nên dùng.

40. THƯỜNG SƠN THẢO QUẢ HOÀN

Thường sơn lá (bỏ gân tẩm rượu sao vàng)	200g
Thảo quả (sao cháy bỏ hết vỏ)	400g
Hoàng nàn chế	88g
Khô phàn	20g
Hồ tiêu	20g
Bột hồ	100g

Chủ trị:

Sốt rét, rét nhiều nóng ít, ăn uống kém.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị sao chế, sấy giòn tán bột mịn trộn đều, luyện bột hồ làm hoàn cỡ 0,25g (trong 1g thuốc có 0,10 hoàng nàn). Trẻ em: 5 - 10 tuổi mỗi lần uống 1 viên ngày uống 2 đến 3 lần, người lớn mỗi lần uống 1 viên ngày uống 4 lần. Uống với nước chín trước khi lên cơn, khoảng 2 - 3 giờ uống 1 lần.

Trong khi lên cơn không uống.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các chất tanh, mỡ
- Phụ nữ có thai không dùng
- Chứng sốt rét nóng nhiều rét ít không nên dùng.

41. BỘT THƯỜNG QUẾ

Lá thường sơn (bỏ gân, tẩm rượu sao vàng)	80g
Quế chi	24g
Binh lang	20g
Thảo quả (sao cháy vỏ)	30g

Chủ trị:

Sốt rét, rét nhiều nóng ít, sốt rét cách nhật, đau mình.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị sao chế, sấy khô tán bột mịn, trộn đều.

Trẻ em: 3 - 7 tuổi mỗi lần uống 2g

8 - 10 tuổi mỗi lần uống 4g

Trên 10 tuổi mỗi lần uống 6g

Người lớn mỗi lần uống 8 - 12g

Ngày uống 2 lần, uống với nước nóng trước khi lên cơn 2 giờ.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các chất tanh, mỡ, sống, lạnh.
- Phụ nữ có thai không dùng.
- Chứng sốt rét nóng nhiều rét ít không dùng.

42. THƯỜNG BỐ THỦ Ô HOÀN

Lá thường sơn (bỏ gân, tẩm rượu sao vàng)	160g

Bố chánh sâm (tẩm gừng, sao)	160g
Hà thủ ô đỏ (thái mỏng, phơi khô)	300g
Binh lang	120g
Thảo quả (sao cháy vỏ)	120g
Can khương	60g

Chủ trị:

Sốt rét lâu ngày không khỏi, rét nhiều nóng ít, hoặc chỉ rét không sốt, mỏi mệt, không khát nước.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị sao chế, sấy giòn, tán bột mịn, trộn đều luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Trẻ em: 5 - 10 tuổi mỗi lần uống 15 - 20 viên

Trên 10 tuổi mỗi lần uống 25 - 30 viên

Người lớn mỗi lần uống 40 - 50 viên

Ngày uống 1 lần, uống với nước nóng trước khi lên cơn 2 giờ.

43. VIÊN HÀ THỦ Ô

Hà thủ ô đỏ (chế)	2000g
Lá tầm gửi cây khế ngọt (khô)	1000g
Xi rô đường đủ dùng	

Chủ trị:

Sốt rét lâu ngày (mạn tính) cơ thể suy nhược người gầy yếu, ăn ngủ kém.

Cách dùng - liều lượng:

Lá tầm gửi (không có tầm gửi cây khế ngọt, dùng tầm gửi các cấy khác cũng được) tẩm rượu sao giòn. Hà thủ ô chế sấy khô. Cả hai vị tán bột mịn, thêm xi rô đường luyện làm viên bằng hạt đậu đen.

Trẻ em: 5 - 10 tuổi uống mỗi lần 10 - 20 viên

10 - 16 tuổi uống mỗi lần 25 - 30 viên

Người lớn uống mỗi lần 30 - 40 viên

Ngày uống 2 - 3 lần, uống với nước nóng.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn tiết canh và các thức ăn sống lạnh.

44. BỘT NGỌC NÚI

Diêm tiêu	1000g
Lưu hoàng	400g
Phèn chua	200g

Chủ trị:

Sốt rét, cảm sốt, trúng phong, trúng hàn, kinh giản, suyễn ho, nôn mửa, đau bụng.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị tán nhỏ để riêng từng vị

Dùng chảo gang đánh rửa thật sạch, rải vào chảo một lớp bột lưu hoàng, rồi rải bột diêm tiêu và phèn chua lên trên. Đun lửa nấu, lửa sẽ bốc cháy trong chảo ngọn lửa lúc đầu màu xanh sau dần dần ra màu trắng. Thuốc trong chảo chẩy ra nước hết là được, nếu thuốc chưa tan hết rắc thêm bột lưu hoàng cho cháy thêm để tan hết. Đổ ra khay nhôm hay mâm nhôm để nguội đem tán bột mịn.

Trẻ em:

Dưới 5 tuổi mỗi ngày uống 1/4 - 1/2g chia uống 2 lần.

5-10 tuổi ngày uống 1/2 - 2/3g chia 2 lần.

10-16 tuổi mỗi ngày uống 1g chia 2 lần.

Người lớn mỗi ngày uống 1,5g chia 2 lần

Chú ý: Ngọc núi là phương thuốc cổ truyền lâu đời, công thức tuỳ theo từng chỗ, từng nơi liều lượng và cách bào chế cũng có khác nhau. Ngọc núi chữa được nhiều bệnh như nói trên.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ tiết.

CÁC BÀI THUỐC TRỊ BỆNH PHONG TÊ THẤP

1. NHIỆT THẤP THANG

Thổ phục linh	20g
Lá lốt (tươi)	30g
Ý dĩ (sao vàng)	20g
Trinh nữ (sao vàng)	20g
Vỏ cây núc nác (tẩm muối sao vàng)	10g
Cam thảo đất	10g

Chủ trị:

Chứng phong thấp thể nhiệt (thấp nhiệt): Khớp xương sưng, nóng, đỏ, đau; nơi sưng đau di chuyển từ khớp này sang khớp khác kèm theo sốt nóng, khát nước, đại tiện táo, ăn kém, mệt mỏi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Người lớn ngày uống 1 thang.

Trẻ em 2 ngày uống 1 thang.

Bệnh nhẹ uống 3 - 5 thang; bệnh nặng uống 6 - 10 thang cho 1 đợt điều trị.

Kiêng kỵ:

Kiêng thịt gà, thịt chó, ớt, hạt tiêu.

2. HÀN THẤP THANG

Thổ phục linh	20g
Trinh nữ (sao vàng)	20g
Thiên niên kiện	20g
Lá lốt khô	10g
Ngưu tất	10g
Trần bì (sao vàng)	10g
Cam thảo nam (sao vàng)	10g
Bán hạ chế	5g
Quế thông	5g

Chủ trị:

Phong hàn thấp: Thân thể khớp xương đau, nhức, mỏi, nặng nề, các khớp xương đau không sưng nóng đỏ, đau không di chuyển từ khớp này sang khớp khác, không khát nước, tiểu tiện trong ăn ngủ kém.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Người lớn ngày uống 1 thang; trẻ em 2 ngày uống 1 thang. Một đợt điều trị uống 6 - 10 thang tuỳ theo bệnh nặng nhẹ.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất sống lạnh, dầu mỡ, nơi ở ẩm thấp.

3. LỤC VỊ TIỄN

Gối gạc	18g
Cát bối (bưởi bung)	16g
Kim ngân	15g
Trinh nữ	14g
Dây đau xương	15g
Uy linh tiên	13g

Chủ trị:

Phong thấp tê bại, đau nhức tê mỏi ở gân, xương khớp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng hạ thổ cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Tôm, cua, thịt bò, thịt trâu.

Chú ý:

Bài thuốc trên có thể thay thế các vị như sau:

Gối hạc thay bằng xoan gai 18g

Cát bối thay bằng tầm xuân (tường vi) 16g

Kim ngân thay bằng quán chúng	15g
Trinh nữ thay bằng rễ gắm	14g
Uy linh tiên thay bằng mỏ quạ	13g

4. PHONG THẤP THANG

Rễ bưởi bung (cát bối)	20g
Rễ tầm xoọng (độc lực)	20g
Rễ cỏ xước	20g
Thổ phục linh	15g
Ngũ gia bì hương	15g
Kê huyết đằng	15g
Dây đau xương	12g
Cẩu tích	12g
Tục đoạn	12g
Tang ký sinh	12g
Trinh nữ (sao)	12g
Cốt khí	12g
Hy thiêm	12g
Rễ rung rúc (sao vàng)	12g
Cam thảo nam	10g

Chủ trị:

Phong tê thấp: đau lưng nhức xương, chân tay nhức mỏi, tê bại co duỗi khó.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Các chất tanh, lạnh, tôm, cua, rau muống.

5. THANG TRỊ PHONG THẤP

Dây chìa vôi (Bạch phấn đằng)	15g
Hoài sơn	15g
Rễ cỏ xước	15g
Quả vú bò	15g
Rễ bưởi bung	12g
Lá lốt	12g
Rễ gấc	10g
Cơm lênh	10g
Rễ cau (chìm dưới đất)	10g
Rễ tầm xuân (tường vi căn)	12g

Chủ trị:

Phong thấp: khớp xương đau nhức, vận động khó khăn, người mệt mỏi, sức khoẻ giảm sút.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị thuốc cắt ngắn phơi khô tẩm rượu sao vàng hạ thổ. Cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

- Thịt gà, cá diếc, cà chua, cà pháo.
- Tránh lao động nặng, tránh sinh hoạt vợ chồng trong thời gian uống thuốc.

6. THANG TRỊ PHONG THẤP

Độc lực	15g
Gối hạc	15g
Cốt khí	15g
Rễ gấc	15g
Cà gai leo	15g
Lá lốt	15g
Ba chạc	15g
Dây chìu	15g
Bưởi bung	15g
Lá cà phê	15g

Chủ trị:

Phong thấp: đau lưng mỏi gối, đau nhức gân xương, tê mỏi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

7. PHONG TÊ THẤP THANG

Rễ cỏ xước	20g
Rễ trinh nữ	15g
Hy thiêm	12g

Rễ, thân cây bấn trắng	12g
Rễ, thân cây bấn đỏ	12g
Rễ dắc dốm (?)	12g
Củ cốt khí	200g

Chủ trị:

Phong tế thấp: Đau lưng nhức xương.

Cách dùng - liều lượng:

Củ cốt khí ngâm vào 1000ml rượu trắng 45°. Ngày uống 2 lần sáng, tối. Mỗi lần 1 chén con (20 - 25ml).

Các vị khác sao vàng thơm cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

8. TỨ VẬT GIA VỊ THANG

Sinh địa	18g
Xích thược (sao vàng)	12g
Xuyên khung	12g
Xuyên quy	12g
Quế chi	12g
Tục đoạn (tẩm rượu sao)	12g
Mộc thông	12g
Thổ phục linh	12g
Chi tử (sao vàng)	12g
Phòng kỷ (sao vàng)	12g
Kim ngân	12g
Bạch chỉ	12g
Tỳ giải	15g
Thiên niên kiện	8g

Chủ trị:

Phong thấp nhiệt: Toàn thân đau nhức mỏi các khớp xương cử động khó khăn, da khô, lưỡi đỏ tiểu tiện ít, đại tiện hơi táo, mạch phù sác, có lực.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Cua, ếch, cà, các chất cay, đắng, nóng, chua.

9. THANG TRỪ HÀN THẤP

Bạch kiên đằng (?)	15g
Uy linh tiên	12g
Thổ phục linh	12g
Phòng kỷ	10g
Thiên niên kiện	12g
Ý dĩ	12g
Ngưu tất	12g
Mã tiền chế	0,3g
Quế chi	8g

Chủ trị:

Phong hàn thấp: các cơ gân khớp đau nhức, co duỗi đi lại khó khăn phải bò, tê bại để lâu bị teo cơ, teo chân.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

- Bạch kiên đằng có thể là dây chìa vôi. Dây chìa vôi còn có tên gọi là Bạch liễm đằng (phải chăng đây có sự nhầm lẫn tên gọi).

- Mã tiền là vị thuốc độc bảng A, dùng phải hết sức thận trọng. Liều tối đa dùng 1 lần 0,1g. Liều tối đa dùng 24 giờ 0,3g

10. THANG TRỊ TÊ THẤP

Thổ phục linh	15g
Hy thiêm	15g
Mộc miên bì	15g
Thiên niện kiện	10g
Kê huyết đằng	10g
Cốt khí	10g
Lá lốt	10g
Thương nhĩ	10g
Địa liền	8g
Quế chi	8g

Chủ trị:

Phong hàn thấp, các khớp, gân, cơ đau nhức tê mỏi.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

11. THANG TRỊ PHONG THẤP

Rễ cỏ xước	30g
Rễ cỏ may	20g
Rễ trầu không	8g
Rễ lá lốt	4g

Chủ trị:

Phong thấp đau nhức gan bàn chân.

Cách dùng - liều lượng:

- Rễ cỏ xước tẩm rượu sao vàng hạ thổ.
- Rễ cỏ may tẩm muối sao vàng hạ thổ.
- Rễ trầu tẩm nước đồng tiện sao thơm hạ thổ
- Rễ tiêu lốt tẩm giấm sao thơm hạ thổ.

Các vị tẩm sao xong cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

12. THANG TRỊ ĐAU KHỚP

Chù chuây mây (dây chê ba)	15g
Cỏ xước (ngưu tất)	15g
Dây đau lưng (dây gân)	10g
Lồ lào vâm (vót thơm)	10g
Lồ lào piêu xuây (chòi mòi)	10g
Cây đu đủ rừng (thầu dầu núi)	10g
Cây vang (Tô mộc)	10g
Ngổng chan hây (chòi mòi tía)	10g
Lồ lào hông (bòn bọt)	10g

Chủ trị:

Phong thấp tê mỏi, lưng gối, các khớp xương đau nhức.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị trên dùng thân và rễ thái mỏng phơi khô, cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày, uống lúc thuốc còn nóng.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Trường hợp người bệnh các khớp đau có kèm sưng thì gia thêm năm loại khiển khiu, mỗi loại 10g sắc cùng các thuốc trên. Năm loại khiển khiu là 5 vị thuốc sau:

Xìn phìu lâu (cây cách hoặc bạch đàn hương)

Xìn phìu kiềm (cây ngũ trảo)

Chân chim (cây ngũ gia bì)

Củ dòm trắng (củ bình vôi)

Xìn phìu (Mạn kinh)

13. RƯỢU PHONG THẤP

Thiên ma	2g
Hương phụ (sao)	2g
Sinh địa	2g
Cúc hoa	2g
Phục thần	2g
Táo nhân	2g
Tần giao	2g
Kỷ tử	2g
Hoài sơn	2g
Quế chi	2g
Bách hợp	2g
Đương quy	2g
Đảng sâm	2g
Độc hoạt	2g
Xuyên khung	2g
Đỗ trọng	2g
Ngưu tất	2g
Tiền hồ	2g
Cốt toái bổ	20g
Bạch tật lê	20g
Khương hoạt	2g
Hồng hoa	2g
Màn kinh tử	2g
Long nhãn	60g
Rượu trắng 45°	3 lít.

Chủ trị:

Phong thấp: Xương cốt nhức mỏi, miệng đắng, mắt mờ, xương gân đau nhức, đàm lưu khí trệ.

Cách dùng - liều lượng:

Tất cả các vị thuốc và rượu cho vào bình sành nút kín, nấu cách thuỷ sôi trong 30 phút. Sau đó đem chôn bình rượu thuốc xuống đất 7 ngày đêm (để lấy âm khí), sau đó lấy bình rượu lên, mỗi ngày uống 3 lần sáng trưa, tối.

Mỗi lần uống 1 ly nhỏ (15 - 20ml).

Uống hết rượu lại đổ thêm 1,5 lít rượu trắng tiếp tục làm và uống như trên.

14. KHU PHONG TÁN HÀN THANG

Kê huyết đằng	20g
Dây gấm	20g
Vỏ vông nem	20g
Ngũ trảo	10g
Dây thần thông	10g
Thiên niên kiện	10g
Nga truật	8g
Uy linh tiên (kiến cò)	8g
Tùng tiết	6g
Gối hạc (củ rối)	6g
Quế chi	6g
Ngưu tất	6g

Chủ trị:

Phong hàn thấp: Sưng đau các khớp xương và bắp thịt mỏi tê, nhức, sợ mưa nắng, rêu lưỡi trắng, mạch trầm.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Các vị trên có thể tán dập ngâm với 2.000ml rượu trắng 45°. Người lớn ngày uống 3 lần (trước hai bữa cơm và trước khi đi ngủ); mỗi lần uống 15 - 20ml.

Chú ý gia giảm:

- Nếu phong thắng, đau nhức nhiều chỗ không nhất định gia thêm:

Hy thiêm	12g
Bọ cạp (nướng)	12g

hoặc

Ngô công (nướng)	5g

- Nếu hàn thắng, đau nhức kịch liệt cố định một chỗ, sợ lạnh thích ấm gia thêm:

Cây nụ áo	5g
Rau răm	10g

- Nếu thấp thắng chỗ đau nặng nề, các khớp xương sưng to gia thêm:

Cây ké đầu ngựa	12g
Ý dĩ	12g
Ngũ gia bì chân chim	12g

15. THANH NHIỆT KHU PHONG THANG

Kim ngân hoa	20g
Thổ phục linh	10g
Cây chòi mòi	20g
Củ tầm sét	15g
Vỏ vông nem	15g
Dây đau xương (khoan cân đằng)	10g
Xuyên tâm liên	8g
Vỏ cây mù u	8g
Cây kiến cò	8g
Trùn đất (bỏ ruột)	6g

Chủ trị:

Phong thấp nhiệt: Các khớp xương sưng đỏ, hơi nóng, ấn tay vào đau buốt, ngày nhẹ, đêm nặng, co duỗi khó khăn phát nóng, hay ra mồ hôi, sợ gió, khát nước, rêu lưỡi mỏng vàng, chất lưỡi đỏ, mạch sác.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày, uống trước bữa cơm.

Ngày uống 1 thang.

Các vị trên có thể tán thành bột mịn.

Người lớn ngày uống 2 lần mỗi lần 5g với nước chín. Uống trước bữa ăn.

Chú ý gia giảm:

- Trường hợp thấp nhiệt xuống các khớp dưới hai chân sưng đỏ đau nhức, nước tiểu vàng gia thêm:

Rễ cây ké đầu ngựa	10g
Dây khổ qua	10g
Rễ cây mấn (bấn)	10g

- Trường hợp thấp nhiệt ngoài da nổi mẩn đỏ, nổi hạch gia thêm:

Bồ công anh	10g
Đơn bì	10g
Chi tử	10g
Cỏ mần chầu	12g

- Trường hợp thấp nhiệt làm thương tổn đến phần âm nóng liên tục, mồ hôi ra nhiều, miệng khô, khát, chất lưỡi đỏ gia thêm.

Mạch môn	10g
Miết giáp (nướng thơm)	12g
Rau dền tía	12g

16. SƯU PHONG THÔNG LẠC THANG

Bán hạ chế (nước phèn, gừng, trúc lịch)	15g
Cốt khí	15g
Xương ống chân cọp (nướng)	(1)15g
Bạch cương tằm (sao)	12g
Tổ ong	12g
Thịt trăn	12g
Dây thần thông	10g
Rễ cây gừa	10g
Xuyên sơn giáp (nướng phồng)	8g
Nga truật (sao giấm)	10g
Con ong bầu (nướng)	8g
Bọ cạp (nướng)	8g

Chủ trị:

Viêm khớp mạn tính do ứ huyết và đàm kết lâu ngày: Bệnh hay tái phát lúc lạnh bệnh nặng thêm, các khớp xương đau nhức, cứng khó cử động, sưng to, dạng dị hình (như có tật) rêu lưỡi trắng nhớt, chất lưỡi tím, mạch tiểu.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị tán dập, ngâm vào 1.500ml rượu trắng 45°. Người lớn ngày uống 3 lần, mỗi lần 15 - 20ml trước mỗi bữa ăn và trước khi đi ngủ.

Các vị trên cũng có thể sấy khô tán mịn. Ngày uống 15g chia làm 3 lần (trước bữa ăn và trước khi đi ngủ).

Chú ý gia giảm:

- Trường hợp các khớp xương đau nhức dữ dội gia thêm

Tùng tiết	10g
Vỏ cây mù u	10g
Ngô công (nướng)	2 con

- Trường hợp các khớp xương sưng to, mềm không cứng gia thêm:

Phù hải thạch (Bọt đá biển nổi)	10g
Phèn phi (Bạch phàn)	6g

(1) Không có xương ống chân Hổ (cọp) có thể thay bằng xương thú khác (xương ống chân mèo, chân chó).

17. KHU PHONG TRỪ THẤP HOÀN

Thương nhĩ tử	500g
Cây vòi voi	800g
Thổ phục linh	500g
Tang ký sinh	400g
Huyết giác	500g
Hà thủ ô chế	500g
Thiên niên kiện (tẩm rượu sao)	500g
Ngưu tất (tẩm rượu sao)	600g
Dây lá lốt	500g

Chủ trị:

Phong nhiệt thấp (thấp khớp thuộc nhiệt): Người bệnh cảm thấy đau nhức uể oải, khớp xương sưng đỏ, cử động khó khăn, sờ vào thấy nóng, mạch phù sác hữu lực.

Cách dùng - liều lượng:

Cây vòi voi, rễ cỏ xước, dây lá lốt rửa sạch cho vào nồi đổ ngập nước, nấu sôi 2 giờ, vớt bỏ bã, lọc trong cô lại thành cao lỏng.

Các vị còn lại sấy khô tán bột mịn, dùng nước cao lỏng thêm mật luyện làm viên hoàn bằng hạt đậu xanh.

Người lớn ngày uống 3 lần mỗi lần 5g, uống với nước chín nguội. Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều.

Kiêng kỵ:

Các chất tanh, dầu mỡ.

Phụ nữ có thai không dùng.

18. TRỪ THẤP HOÀN

Cốt toái bổ	500g
Thổ phục linh	500g
Hà thủ ô chế	600g
Rễ trinh nữ (tẩm nước gạo sao)	450g
Phòng kỷ nam (rễ gấc tẩm nước gạo sao)	500g
Tỳ giải (tẩm nước gạo sao)	500g
Rễ rau muống biển (tẩm nước gạo, sao)	500g
Quế chi	400g

Chủ trị:

Phong hàn thấp (thấp khớp thuộc hàn chứng). Thân thể, khớp xương đau nhức mỏi nặng nề, các khớp xương đau không sưng, nóng đỏ, không di chuyển từ khớp này sang khớp khác, không khát nước, tiểu tiện trong, ăn ngủ kém.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn hoặc luyện hồ làm viên hoàn. Người lớn ngày uống 2 lần mỗi lần uống 5g. Uống thuốc xong uống thêm 1 ly rượu trắng (30ml) để dẫn thuốc. Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều.

19. THANG TRỊ PHONG THẤP

Vỏ cây vông đồng	15g
Cây ngà voi	12g
Dây khổ qua	12g
Cây thương nhĩ	12g
Cây bần rạch (Bần sẻ)	12g
Cây kiến cò	8g
Cây chòi mòi	12g

Chủ trị:

Phong thấp: Viêm sưng đau các khớp nhỏ, thường là đối xứng phần nhiều là các đốt ngón tay, cổ tay, ngón chân, cùi chỏ, đầu gối, khớp háng, đốt sống... bệnh dây dưa, phát đi phát lại nhiều lần.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Bệnh nóng nhiều, gia thêm:

Cỏ mần chầu	12g
Kim ngân hoa	12g
Bồ công anh	15g

- Bệnh mạn tính phát đi phát lại nhiều lần, gia thêm:

Dây thần thông	12g
Cỏ xước	12g
Quế chi	8g

- Thể phong thắng: Khớp xương hoặc da thịt nhức mỏi, đau di chuyển không nhất định, khi nặng khi nhẹ, gia thêm:

Hy thiêm	10g
Ô rô	10g

- Thể hàn thắng: Các khớp đau nhức nhiều, đau có chỗ nhất định, hoạt động hạn chế, sợ lạnh, nóng ấm thì khoan khoái, gia thêm:

Vỏ mù u	10g
Nga truật	8g
Ngũ trảo	10g

- Thể thấp thắng: Chỗ đau nặng nề không di chuyển, khớp sưng láng bóng, sắc da không thay đổi, gia thêm:

Củ tầm sét	8g
Củ đậu sương (chìa vôi)	12g

20. THANG TRỊ PHONG TÝ

Ké đầu ngựa	10g
Tang bì	5g
Hoàng cầm	5g
Sài hồ	5g
Kim ngân hoa	10g
Vòi voi	5g
Phòng phong	5g
Khương hoạt	5g
Rễ trinh nữ	5g
Bán hạ chế	3g
Ngưu tất	3g
Độc hoạt	5g

Chủ trị:

Phong nhiệt lý (phong nhiệt tà xâm nhập): Thân thể nóng, đầu mắt nhức buốt (đầu thống), trong ngực buồn bực (tâm thống), chân tay nhức mỏi (tý thống), đại tiện táo, tiểu tiện vàng, sợ gió, khát nước, ra mồ hôi, mạch phù sác.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

21. THANG TRỊ HÀN TÝ

Bạch truật	10g
Khương hoàng	5g
Rễ dâu	5g
Râu ngô	5g
Phòng phong	5g
Thiên niên kiện (tẩm rượu sao)	10g
Hoắc hương	5g
Ngũ trảo	5g
Hương phụ chế	5g
Tía tô	5g
Trung quân	5g

Chủ trị:

Phong hàn tý (Trúng thấp): Thân thể mệt mỏi, vận động kém, cơ thể đau nhức dữ dội, sợ lạnh, các khớp biến dạng, bầm tái, không sưng, ăn uống kém, tỳ vị đình trệ, lạnh ở phần bụng, đại tiểu tiện ít, mạch trầm hoãn hoặc trầm tế.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

22. THANG TRỊ THẤP TÝ

Thương truật	10g
Trạch tả	5g
Rễ nhàu	5g
Thiên niên kiện (sao rượu)	10g
Phục linh	5g
Tang ký sinh	10g
Kê huyết đằng	10g
Đan sâm	10g
Cây lếnh (sao rượu)	10g
Bạch chỉ	5g
Thăng ma	5g
Quế chi	5g
Ngải cứu	5g
Đại phúc bì	5g
Hồng hoa	2g

Chủ trị:

Phong thấp tý (Phong thấp nhập lý): Thân thể nặng mệt, ưa nằm co quắp, bàn tay, bàn chân ra mồ hôi, thường thường các khớp sưng phù đau nhức tê buồn như kiến bò trong da, cơ nhục mềm nhẽo, sắc mặt vàng, rêu lưỡi trắng, ăn uống kém, đại tiểu tiện ít, khó, mạch trầm tiểu hoặc trầm trì.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

23. RƯỢU XOA BÓP

Long não	10g
Đại hồi	5g
Hương phụ	5g
Quế chi	10g
Tiểu hồi	5g
Can khương	5g
Địa liền	5g
Xuyên ô	5g

Chủ trị:

Thấp khớp thể hàn tý và thấp tý

Cách dùng - liều lượng:

Các vị phơi khô, tán dập ngâm với 500ml rượu trắng trong 24 giờ. Dùng bông gạc thấm rượu xoa bóp vào các vùng khớp đang nhức buốt. Ngày xoa 2 - 3 lần.

Ghi chú:

Rượu xoa bóp này chỉ dùng xoa bóp, không được uống. Xoa bóp xong phải rửa tay kỹ tránh độc xuyên ô.

24. ÁC THƯƠNG PHỤ CỐT HOÀN

Tổ ong (sao vàng)	30g
Xà thoái (sao vàng)	20g
Phát khôi thán (tóc đen sao tồn tính)	20g
Thương nhĩ tử	100g

Chủ trị:

Khớp và xương đau nhức dần dần lớn nhô lên (ác thương phụ cốt = xương mọc lớn ra).

Cách dùng - liều lượng:

Các vị tán bột mịn luyện hồ làm viên bằng hạt đậu xanh.

Người lớn ngày uống 3 lần, mỗi lần 3g

Trẻ em 12 tuổi dùng 1/2 liều người lớn.

Kiêng kỵ:

Phụ nữ có thai không được dùng.

25. THUỐC THOA TRỊ THẤP KHỚP

Tạo giác	30g
Chí tử	40g
Mộc miết tử (15 nhân hạt)	20g
Rễ vú bò	30g
Lá trầu không tươi	20 lá
Lá lốt tươi	10 lá

Chủ trị:

Tê thấp các khớp xương sưng đau nhức hoặc sưng bao hoạt dịch.

Cách dùng - liều lượng:

Tất cả các vị giã nát thêm vào:

- 1 muỗng canh nước tiểu trẻ em mới tiểu.
- 1 muỗng canh giấm thanh.
- 1 muỗng canh rượu trắng
- 1 muỗng cà phê muối ăn.

Trộn đều, sào sôi 5 - 7 phút đem ra để nguội còn âm ấm, phết lên các chỗ đau.

Ngày phết 3 lần.

26. THẤP KHỚP CẤP TÁN

Hy thiêm (tẩm mật, sao vàng)	500g
Đậu đen (đồ chín, sao khô)	300g
Ý dĩ (sao vàng)	300g
Cam thảo dây	100g

Chủ trị:

Thấp khớp cấp: Bệnh phát mau, các khớp sưng nóng đỏ, đau, sốt khát nước, buồn phiền bực bội, rêu lưỡi nhờn mỏng, mạch khẩn hay phù sác.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị tán bột mịn.

Người lớn ngày uống 6 - 8g, chia làm 2 lần. Uống với nước trà.

Uống liền 2 - 4 tuần.

27. THẤP KHỚP CẤP THANG

Cây dâu (sao vàng)	20g
Ngưu tất (sao vàng)	10g
Kim cang (sao vàng)	10g
Lá thương nhĩ (sao vàng)	8g
Xa tiền tử (sao)	12g
Cây vòi voi	12g
Kinh giới	8g
Hương nhu	8g
Cam thảo	6g
Củ dền tía	6g

Chủ trị:

Thấp khớp cấp: Các khớp xương sưng, nóng, đỏ, đau, phát sốt, mạch phù sác, khẩn.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

28. LỤC VỊ GIA VỊ THANG

Thục địa	16g
Hoài sơn (sao)	12g
Phục linh	12g

Đan bì	8g
Sơn thù nhục	8g
Trạch tả (sao)	8g
Tần giao	12g
Tang ký sinh	12g
Tục đoạn	12g
Đỗ trọng (sao)	10g
Ngưu tất	6g
Ý dĩ (sao)	6g

Chủ trị:

Thấp khớp thể cấp: Các khớp xương sưng, nóng đỏ, đau, người sốt khát nước, mệt mỏi buồn bực, rêu lưỡi nhờn mỏng, mạch phù khẩn.

Cách dùng - liều lượng

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang, uống 10 thang.

29. THẤP KHỚP MẠN THANG

Thiên niên kiện	12g
Củ khúc khắc (sao)	16g
Cây cà gai leo	12g
Ý dĩ	12g
Hà thủ ô chế	12g
Rễ gấc (sao)	12g
Địa liền (sao)	8g
Lá lốt khô	8g
Quế chi	6g
Cam thảo dây	6g

Chủ trị:

Phong hàn thấp mạn: Đau nhức các khớp toàn thân, các khớp xương đau không sưng, nóng, đỏ vận động khó khăn, tiểu tiện trong, ăn ngủ kém, mạch trầm nhu hay trầm hoãn.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống 10 thang.

30. THẤP KHỚP MẠN THANG

Bố chính sâm (sao gừng)	16g
Thổ phục linh (sao)	12g
Đỗ trọng nam	12g
Dây đau xương (sao)	8g
Bạch truật nam (sao)	12g
Hoài sơn (sao vàng)	8g
Ngưu tất (rễ cỏ xước) sao	8g
Lá bồ đề (sao vàng)	12g
Cam thảo dây	6g
Gừng sống	4g

Chủ trị:

Tê thấp thể mạn: Thân thể khớp xương đau nhức mỏi nặng nề, khó co duỗi cử động, thời tiết thay đổi thường đau nhức nhiều hơn, ăn ngủ kém, mạch trầm hoãn.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang

31. THANG TRỊ THẤP KHỚP MẠN

Địa cốt bì (sao)	12g
Ô dược (sao)	8g
Hột tơ hồng (sao)	16g
Tầm gửi (ký sinh) sao	16g
Rễ bạch hạc (sao)	12g
Rễ sung (sao)	10g
Đỗ trọng nam (sao)	8g
Cam thảo dây	6g

Chủ trị:

Thấp khớp mạn tính

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

32. RƯỢU ĐỊA LIỀN PHỤ TỬ

Địa liền	30g
Sinh phụ tử	20g

Rượu trắng 45°	1000ml

Chủ trị:

Phong hàn tê thấp

Cách dùng - liều lượng:

Các vị trên cho vào rượu ngâm trong 24 giờ, dùng bông gạc thấm rượu xoa bóp lên các nơi khớp đang nhức buốt.

Ngày thoa 2 - 3 lần.

Chú ý:

Rượu thuốc này chỉ dùng xoa bóp, không được uống. Khi xoa bóp xong phải rửa sạch tay để phòng ngộ độc phụ tử.

33. THỐNG PHONG THANG

Khoai môn hoặc khoai sọ	1 hoặc 2 củ
Gừng tươi lượng bằng	1/3 khoai

Chủ trị:

Thống phong, Hạc tất phong hay còn gọi là đầu voi (phía trên to dưới nhỏ giống như đầu và vòi voi) và còn được dùng chữa trường hợp bị chấn thương sưng khớp gối bị mọng máu hay nước nhờn (vỡ bao hoạt dịch), đi lại khó khăn.

Cách dùng - liều lượng:

Hai thứ giã nát nhuyễn, đắp lên đầu gối sưng đau, dùng băng hay vải sạch băng lại. Nên đắp vào buổi tối để qua đêm sáng hôm sau bỏ ra. Tối tiếp tục bó tiếp làm như vậy cho tới khi khớp gối hết sưng đau trở lại bình thường.

Chú ý:

Đắp như vậy một vài trường hợp da nơi đắp có thể bị phỏng mọng nước, những lần đắp thuốc sau cần giảm bớt lượng gừng.

34. THANG TRỊ TÊ THẤP (THẤP KHỚP)

Ngưu tất	6g
Xuyên khung (sao)	6g
Sâm đại hành (sao)	8g
Hà thủ ô chế	8g
Phục linh	8g
Ý dĩ (sao)	10g
Biển đậu (sao)	10g
Đỗ trọng	6g
Trần bì	4g
Quế chi	4g
Cam thảo (chích)	4g
Tế tân	2g
Tam lăng	2g
Địa liền	2g

Chủ trị:

Thấp khớp cấp tính và mạn tính

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Có thể tán bột mịn luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu xanh ngày uống 3 lần, mỗi lần 10 - 15 viên với nước chín.

Hoặc các vị trên cho ngâm vào 1500ml rượu trắng 45°, ngày uống 3 lần, mỗi lần uống 1 ly (20 - 30ml), trước bữa ăn và trước khi đi ngủ.

35. PHONG THẤP TÁN

Sâm Đại hành	100g
Hà thủ ô chế	100g
Bách bệnh (Bá bệnh)	30g
Trần bì	10g
Quế chi	20g
Tô mộc	20g
Thiên niên kiện	80g
Dây thần thông	80g
Rễ cỏ xước	30g
Lá lốt khô	20g
Chó đẻ răng cưa	20g
Kê huyết đằng	50g
Vòi voi	100g
Cành sung	50g
Bồ bồ	50g
Mỏ quạ (rễ)	50g

Chủ trị:

Phong thấp.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột.

Mỗi lần dùng 30g thêm 250ml nước quấy đều đun sôi trong 5 - 10 phút, để nguội, gạn nước chia uống 2 lần uống liên tục trong 1 tháng.

36. QUẾ LINH SÂM THANG

Quế chi	100g
Uy linh tiên	100g
Sa sâm	100g
Hồng hoa	100g
Cam thảo	100g

Chủ trị:

Tê thấp.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị phơi khô tán dập, ngâm vào 2500ml rượu trắng. Ngày uống 1 ly nhỏ (20 - 30ml).

Chú ý gia giảm:

- Nếu đau nhức nửa người trên gia thêm:

Phòng phong	100g

- Nếu đau nhức nửa người dưới gia thêm:

Phòng kỷ	100g

37. THẤP KHỚP CẤP THANG

Muống biển (sao vàng)	100g
Củ chìa vôi (sao)	50g
Địa liền (sao)	50g
Rễ gối hạc	20g
Dây kim ngân	10g
Cỏ xước	20g
Ké hoa đào	20g
Vòi voi (rễ)	20g
Lá thông	10g
Lá bạc thau (sao vàng)	20g
Câu đằng	20g
Kê huyết đằng	20g
Củ khúc khắc	10g
Cây dâu (bỏ vỏ sao)	10g
Vương tôn (rễ gắm) sao vàng	10g

Chủ trị:

Thấp khớp cấp: bệnh phát đột ngột bất ngờ sưng tấy, nóng đỏ, đau nhiều, phát sốt, khát nước.

Cách dùng - liều lượng

Các vị cho nấu thành cao lỏng, chế thêm rượu (tuỳ ý).

Ngày uống 3 lần (sáng, trưa, tối), mỗi lần 1 ly nhỏ (15 - 20ml).

38. THẤP KHỚP MẠN THANG

Rễ bươm bướm	15g
Hà thủ ô chế	20g
Rễ gối hạc	10g
Thiên niên kiện	20g
Ngải cứu	10g
Rễ cỏ xước	10g
Rễ gấc	10g
Ké đầu ngựa	10g
Tầm gửi	10g
Củ ráy tía (sao chế)	20g
Độc lực (rễ tầm xoọng)	10g
Hoàng lực (rễ sưng)	10g
Lá lốt (sao)	10g
Đảng sâm	10g
Cốt toái bổ	10g
Cối xay	20g
Kê huyết đằng	20g
Ô dược	10g
Chân chim (ngũ gia bì hương)	10g

Chủ trị:

Thấp khớp mạn tính: bệnh phát từ từ (hoặc từ cấp tính chuyển thành) các khớp đau nhưng không sưng, nóng thường ngoài da có chỗ tê dại, chân tay co duỗi khó khăn, có lúc không vận động được.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

39. RƯỢU THẤP KHỚP

Rắn	
(mai gầm, rắn ráo, rắn lục, rắn nước)	1 bộ
Tắc kè	1 cặp

Thổ phục linh	10g
Hy thiêm	8g
Cẩu tích	8g
Phòng kỷ	6g
Trần bì	4g
Thiên niên kiện	6g
Đương quy	4g
Xuyên khung	4g
Quế chi	4g
Ngũ gia bì	8g
Đảng sâm	8g
Một dược	6g
Nhũ hương	2g
Ô dược	6g
Mộc hương	6g
Ngưu tất	8g
Thương nhĩ	8g
Độc hoạt	6g
Đỗ trọng	6g
Trầm hương	4g
Tang ký sinh	10g
Rượu trắng 45°	đủ dùng

Chủ trị:

Thấp khớp cấp và mạn tính

Cách dùng - liều lượng:

- Rắn rạch mổ bụng bỏ hết ruột gan - sau đó rửa bằng rượu ngâm gừng hay quế (không rửa nước, rửa nước sẽ tanh).

- Tắc kè chặt bỏ mắt và bốn bàn chân, băm nhỏ.

Rắn, tắc kè cùng các vị thuốc khác cho vào bình lớn, đổ rượu ngập 5cm, đậy kín ngâm trong 1 - 3 tháng. Chắt rượu dùng người lớn ngày uống 3 lần (sáng, trưa, trước khi đi ngủ), mỗi lần uống 1 ly nhỏ (15 - 20ml).

Uống liên tục cho đến khi hết đau nhức.

40. NHIỆT TÝ THANG

Tang bì	40g
Rễ trinh nữ	40g
Đơn tướng quân	40g
Vòi voi	40g
Ké đầu ngựa	40g
Phòng kỷ	40g
Kê huyết đằng	20g
Hoàng cầm	20g
Kim ngân hoa	20g
Rễ vú bò	10g

Chủ trị:

Thấp khớp cấp: Các khớp đau, nóng đỏ dữ dội, sưng đối xứng, đau khi di động, phát sốt sợ lạnh, tiểu tiện vàng, đại tiện táo, khát nước, rêu lưỡi vàng ráo, bệnh tiến triển nhanh, mạch hoạt, sác.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

41. PHONG TÝ THANG

Phòng phong	16g
Khương hoạt	16g
Phục linh	16g
Cốt khí	20g
Cỏ xước	20g
Bạch chỉ	8g
Ý dĩ	8g
Mộc thông	8g
Quế chi	3g
Tần giao	6g

Chủ trị:

Phong tý: Đau di chuyển (hành tý) đau phần nửa trên người, ngứa, sợ gió đôi khi có sốt, môi se khô, rêu lưỡi vàng nhuận, mạch phù.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

42. HÀN TÝ THANG

Thiên niên kiện	20g
Phòng phong	20g
Ma hoàng	10g
Bạch truật	10g

Quế chi	5g
Phụ tử chế	5g
Khương hoàng	5g
Sinh khương	5 lát

Chủ trị:

Hàn tý: Khớp đau dữ dội, không sưng, bầm tái, sợ lạnh, khớp biến dạng, rêu lưỡi trắng, ỉa chảy, mạch huyền, sác, khẩn.

Các dùng - liều lượng

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 tháng.

43. THẤP TÝ THANG

Thương truật	20g
Ý dĩ	20g
Phục linh	20g
Ngưu tất	20g
Trạch tả	20g
Mã đề	20g
Thương nhĩ tử	16g
Râu ngô	40g

Chủ trị:

Thấp tý: Chỗ đau sưng phù nặng nề hơn, có cảm giác kiến bò trong da, cơ nhục mềm nhão, cảm giác nặng nề, tiểu tiện chậm, rêu lưỡi vàng nhuận, mạch nhu hoãn.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

44. RƯỢU XOA TRỪ THẤP

Huyết giác	80g
Long não	40g
Hương phụ	40g
Quế chi	20g
Địa liền	40g
Đại hồi	20g
Khương hoàng	20g
Tiểu hồi	20g

Chủ trị:

Thấp khớp các thể (Hàn tý, Nhiệt tý, Phong tý, Thấp tý).

Cách dùng - liều lượng:

Các vị tán dập, đổ rượu ngập dược liệu 5 - 10cm, lắc đều, ngâm 24 giờ, lấy bông gạc thấm rượu xoa bóp vào các nơi sưng và đau nhức.

Chú ý: Rượu không được uống.

45. RƯỢU THẤP KHỚP

Ngưu tất	40g
Đỗ trọng (tẩm muối sao)	40g
Khoan cân đằng	30g
Ký sinh (tầm gửi)	20g
Cốt toái bổ (sao)	35g
Cam thảo đất (sao qua)	20g
Hà thủ ô chế	40g
Cẩu tích	30g
Xương bồ	30g
Vòi voi (sao vàng, hạ thổ)	30g
Ngũ gia bì	30g

Chủ trị:

Thấp khớp tê bại, chân sưng đau.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho ngâm vào 3 lít rượu trắng 45°, sáng đem ra phơi nắng, phơi trong 1 tuần lễ. Người lớn ngày uống 3 lần (sáng, trưa, tối) mỗi lần uống 1 ly nhỏ (15 - 20ml).

Chú ý gia giảm:

- Trường hợp người bệnh tay chân lạnh gia thêm:

Quế chi	15g

- Người bệnh thấy trong người nóng, khó ngủ gia thêm:

Cam giá (mía)	50g
Chanh (nướng xém vỏ)	1 quả

- Người bệnh chân sưng, gân yếu gia thêm:

Đậu đỏ	30g
Chanh	1 quả

- Người bệnh thấy chân sưng, máu chạy không đều gia thêm:

Củ cốt khí	30g

46. RƯỢU THẤP KHỚP

Trầm hương	20g
Một dược	16g
Lô hội	12g
Đại hoàng	12g
Nhũ hương	12g
Đại hồi	16g

Chủ trị:

Phong tê thấp các khớp xương sưng, đau nhức, tê bại.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho ngâm vào 1000ml rượu trắng 45° trong một tuần lễ.

Người lớn: Ngày uống 2 lần, mỗi lần 1 ly nhỏ (15 - 20ml) sáng trước bữa ăn, tối trước khi đi ngủ.

Trẻ em: Uống nửa liều người lớn. Trong uống ngoài xoa.

47. THẤP KHỚP THANG

Tang ký sinh	20g
Thổ phục linh	15g
Ngũ gia bì chân chim	15g
Thiên niên kiện	20g
Hà thủ ô chế	15g
Rễ xuyên tiêu (cây sẻn)	10g

Chủ trị:

Đau nhức các khớp tay, khớp chân, sưng đau nhức đầu gối, mắt cá chân, cùi chỏ tay... trở trời bệnh hay tái diễn.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

48. THANH PHONG BỔ HUYẾT THANG

Hà thủ ô chế	15g
Ngưu tất (sao)	12g
Cam thảo (chích)	12g
Thổ phục linh	12g
Sâm đại hành	12g
Trần bì	10g
Hậu phác	8g
Quế chi	4g

Chủ trị:

Phong tê thấp: các cơ khớp đau nhức mỏi, các khớp đau di chuyển, người nặng nề khó chịu, ăn uống kém, chậm tiêu, rêu lưỡi trắng, mạch phù hoãn hoặc trầm hoãn.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Các vị trên cũng có thể sấy khô tán bột mịn luyện hồ làm viên hoàn bằng hạt đậu xanh.

Người lớn ngày uống 6 - 12g, chia làm 2 lần.

Tuỳ bệnh nặng nhẹ mà tăng hay giảm liều.

49. DƯỢC TỬU PHƯƠNG TRỊ

Cẩu tích	20g
Ngưu tất	12g
Uy linh tiên	12g
Mộc qua	12g
Thiên niên kiện	8g
Huyết giác	12g
Đỗ trọng	12g
Quế chi	12g
Ký sinh (chùm gửi)	28g
Thục địa	16g
Lão tang chi (cành dâu già)	40g

Chủ trị:

Phong thấp đau xương, đau lưng, khu phong bổ huyết bổ thận.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán dập cho vào 500ml rượu trắng 45°, chưng cách thuỷ 30 phút, lấy ra đổ thêm vào 1500ml rượu trắng 45°.

Người lớn ngày uống 3 lần, mỗi lần 1 ly nhỏ (15 - 20ml)

Kiêng kỵ:

Phụ nữ có thai không được dùng.

50. THẤP KHỚP THANG

Cỏ xước	20g
Tiêu lốt (lá lốt)	20g
Rễ kiến cò	10g
Củ khúc khắc	12g
Sinh địa	20g
Vòi voi	12g
Trinh nữ	12g
Củ đậu sương	12g
Kinh giới	12g
Thương nhĩ tử	20g
Tang ký sinh	20g

Chủ trị:

Các khớp xương (đầu gối, cổ chân, cùi chỏ, bả vai, cườm tay, các khớp ngón tay, chân, các khớp xương sống); sưng, đỏ, đau, người khi nóng, khi lạnh, tiểu vàng nóng, khi đại tiện táo bón.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang, uống liên tục trong 4 tuần lễ.

Kiêng kỵ:

Các món ăn kích thích, muối, mỡ, dầu, tôm, cua, cá biển, cà, đậu đũa, khổ qua, măng, thịt gà.

51. HOÀN THẤP KHỚP

Dây đau xương	250g
Sơn đứng (?)	250g
Rễ cỏ xước	250g
Vòi voi (Dền voi)	250g
Bá bệnh	250g
Nhàu	250g
Dây gắm	200g
Hà thủ ô chế	150g

Chủ trị:

Thấp khớp do phong, hàn, thấp. Các khớp xương đau nhức nhiều hoặc đau nhức âm ỉ nhất là về đêm, các khớp có sưng nóng đỏ hoặc không sưng, di động khớp này sang khớp khác, tê dại nặng nề, vận động bị hạn chế, có khi phát sốt.

Cách dùng, liều lượng:

- Dây đau xương, sơn đứng, nhàu, bá bệnh, dây gắm thái mỏng sao khô nấu cao lỏng.

- Rễ cỏ xước, vòi voi, hà thủ ô sấy khô tán bột mịn. Dùng nước cao (nếu không dính thêm hồ nước) luyện làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Người lớn: Ngày uống 3 lần mỗi lần 10 - 15 viên.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều.

52. PHONG THẤP THANG

Hy thiêm	12g
Nụ áo	8g
Ngà voi	12g
Kiến cò	8g
Cối xay	12g
Cỏ xước	8g
Vỏ vông đồng	15g
Hà thủ ô chế	12g
Gây gắm	10g
Chùm gởi	12g

Chủ trị:

Chứng phong thấp

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Có nóng khát, đau nhức nhiều (cấp) gia thêm:

Cỏ mần chầu	12g
Măng sậy	10g
Chua me đất	8g

- Phong thắng gia thêm:

Trung quân	12g
Ngô công (nướng)	8g

- Hàn thắng, gia thêm

Quế chi	8g
Riềng	6g

- Thấp thắng, gia thêm

Rễ cây mắm	12g

Rễ cây dứa	12g

- Mạn tính gia thêm

Kê huyết đằng	15g
Dây thần thông	10g

53. PHỤ TỬ CAM THẢO THANG GIA GIẢM

Hắc phụ	20g
Quế chi bì	10g
Cam thảo nam	10g
Bạch truật (tẩm hoàng thổ sao)	12g
Ý dĩ (sao vàng)	60g
Cốt toái bổ (sao vàng)	40g

Chủ trị:

Phong hàn thấp

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Uống liên tiếp 3 thang.

Kiêng kỵ

Kiêng ăn tôm, cua, cá biển, thịt bò, trâu, chó.

54. NGŨ LINH TÁN GIA XA TIỀN Ý DĨ

Bạch truật (tẩm hoàng thổ sao)	50g
Trạch tả (tẩm muối, sao vàng)	40g
Quế chi bì	20g
Ý dĩ (sao vàng)	40g
Cam thảo dây (sao)	10g
Thổ phục linh (sao vàng)	40g
Trư linh	20g
Xa tiền tử (sao vàng)	20g
Rễ gấc (sao vàng)	20g

Chủ trị: Phong thấp

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 20 - 30g, hoà bột vào nước sôi để nguội, quấy đều, chia uống làm 3 lần trong ngày.

Uống liên tiếp trong 1 tháng.

55. TOA CĂN BẢN GIA GIẢM

Rễ tranh	10g
Rau má	10g
Muồng trâu	10g
Cỏ màn chầu	10g
Cam thảo đất	10g
Ké đầu ngựa	10g
Cỏ nhọ nồi	10g
Vỏ quýt	5g
Củ sả	5g
Gừng tươi	3 lát
Gối hạc	12g
Dây kim ngân	10g
Đơn tướng quân	8g
Lá bạc thau	5g
Lá thông	5g
Đơn mặt trời	5g

Chủ trị:

Thấp khớp cấp: Phát bệnh đột ngột, các khớp sưng tấy, nóng đỏ, đau nhức, kịch liệt hoặc phát sốt, có khi khát nước buồn bực khó chịu, rêu lưỡi nhờn, mạch phù sác hoặc khẩn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc chia uống làm 3 lần trước khi ăn và khi đi ngủ.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia thêm:

- Trường hợp phong thắng gia thêm:

Vòi voi	16g
Kinh giới	12g

- Trường hợp hàn thắng gia thêm:

Quế chi	10g
Rễ bạch hoa xà (sao vàng)	8g

- Trường hợp thấp thắng gia thêm:

Tỳ giải	16g
Củ khúc khắc	16g

56. TOA CĂN BẢN GIA GIẢM

Muồng trâu	10g
Cỏ màn chầu	10g

Cam thảo đất	10g
Ké đầu ngựa	10g
Cỏ nhọ nồi	10g
Vỏ quýt	5g
Củ sả	5g
Gừng tươi	5g
Rễ gối hạc	12g
Củ thiên tuế	12g
Rễ bươm bướm	12g
Chùm gửi	12g
Rễ rung rúc	8g
Tơ mành	8g

Chủ trị:

Thấp khớp mạn: bệnh phát từ từ hoặc từ cấp tính chuyển sang mạn tính, các khớp không tấy đỏ, không nóng, tím tái có khi ngoài da tê dại, tay chân co duỗi khó khăn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước sắc lấy 300ml nước thuốc chia uống làm 3 lần trước khi ăn và khi đi ngủ.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia thêm:

- Trường hợp người bệnh ăn kém gia thêm

Ý dĩ	20g

- Trường hợp người bệnh có huyết hư gia thêm:

Rễ gắm (vương tôn)	10g

57. TAM TÊ THANG

Dây đau xương (sao rượu)	8g
Vòi voi (sao)	8g
Trinh nữ (sao)	8g
Cối xay	8g
Rễ nhàu	8g
Dây thần thông	4g
Cỏ xước (rễ)	8g
Ngũ trảo	5g
Quế chi	4g
Gừng tươi	3g

Chủ trị:

Phong hàn thấp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia thêm:

- Phong thắng: Thể hiện đau sưng, nóng, đỏ, đau di chuyển, gân co rút gia thêm:

Khổ qua	8g

- Thấp thắng: Thể hiện sưng đau nặng nề thân mình, gia thêm:

Ý dĩ	12g
Cối xay	8g

- Hàn thắng: Thể hiện người đau ê ẩm như rần da thịt, mình mẩy chân tay lạnh gia thêm:

Quế chi	8g
Can khương	5g

- Khí suy: Thể hiện đau liệt về phía phải gia thêm:

Rễ đinh lăng	8g
Đậu săng (sao)	8g
Cây thần sạ	4g

- Huyết kém: Thể hiện đau liệt về phía trái gia thêm:

Hà thủ ô chế	8g
Cây bù ngót (rau ngót)	8g
Cây bá bệnh	4g

- Đau lưng, hai chân cứng đơ, co rút tay, gia thêm:

Đỗ trọng	8g
Rễ cỏ xước	8g
Ngũ gia bì	8g

58. CÓC KÈ ĐẰNG THANG

Rễ dây cóc kèn	20g
Kê huyết đằng	12g
Ngưu tất	12g
Mộc thông	12g
Tỳ giải	12g
Gối hạc	8g
Thiên niên kiện	8g

Chủ trị:

Phong thấp, khớp xương đau nhức, chân gối sưng phù, đau thần kinh hông hay lao động đi đứng nhiều xuống máu sưng chân.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày, uống xa bữa ăn.

Ngày uống 1 thang.

59. RƯỢU THUỐC CHỮA TÊ BẠI

Rễ dây cóc kèn	200g
Rượu trắng 45°	1500ml

Chủ trị:

Phong thấp tê bại

Cách dùng, liều lượng:

Rễ Cóc kèn tẩm rượu sao vàng hạ thổ, cho vào rượu ngâm trong 7 ngày.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 30ml trước bữa ăn.

60. RƯỢU XOA BÓP

Hạt tiêu sọ	10g
Riềng	10g
Gừng khô	10g
Nhục quế	10g
Long não	3g
Băng phiến	3g
Cồn 70°	1000ml

Chủ trị:

Tê thấp - các khớp xương đau tê, nhức buốt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán dập cho vào cồn ngâm trong một tuần lễ. Dùng bông gạc thấm cồn thuốc thoa bóp lên các khớp sưng đau.

Chú ý: Chỉ dùng xoa ngoài không được uống

61. THƯƠNG THỦ NGƯU THANG

Thương truật	16g
Hà thủ ô chế	16g
Đỗ trọng	16g
Ngưu tất	12g
Kê huyết đằng	12g
Ký sinh	12g
Chỉ xác	12g
Quế chi	8g
Tần giao	8g
Tục đoạn	8g
Khương hoàng	8g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Tê thấp: đau nhức 2 chân và xương sống, đi lại phải có nạng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

62. THỦ Ô PHÒNG KỶ THANG

Hà thủ ô	16g
Phòng kỷ	8g
Ngũ gia bì	12g
Cỏ mực	12g
Ký sinh	16g
Rễ nhàu	16g
Kinh giới	16g
Đỗ trọng	12g
Ý dĩ	12g
Chỉ xác	12g
Ngưu tất	12g
Khương hoàng	8g
Hoàng đằng	6g

Chủ trị:

Đau lưng nhức mỏi, chân tê thắt ruột.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

63. ĐỘC BỘ CƯỜNG CÂN HOÀN

Mã tiền chế	300g
Bạch linh	150g
Cam thảo	150g

Chủ trị:

Phong thấp tê bại, đau nhức mỏi, chân tay co duỗi, đi đứng khó khăn.

Cách dùng, liều lượng:

Tán bột mịn riêng từng vị, trộn đều 3 vị theo phương pháp trộn bột kép (có thuốc độc). Sau đó luyện hồ làm viên hoàn bằng hạt đậu xanh.

Người lớn thể trạng khoẻ ngày uống 15 - 20 viên chia uống làm 3 lần.

Người thể trạng yếu dùng liều ít hơn.

Chú ý:

Thuốc có Mã tiền độc dùng phải hết sức thận trọng. Bệnh nhân uống thấy có hiện tượng giật chân tay phải ngừng thuốc ngay.

64. CAO PHONG THẤP

Dây gắm	3000g
Dây chiều	3000g
Dây gùi	2000g
Vòi voi	2000g
Trinh nữ	2000g
Ngũ gia bì	2000g
Cỏ xước	2000g
Dây tơ hồng	2000g
Lá cành mít non	2000g
Độc muối (?)	2000g

Chủ trị:

Tê thấp, đau nhức gân xương

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị cho ngập nước nấu thành cao lỏng. Ngày uống 2 lần, mỗi lần 30 ml trước khi ăn.

65. THẤP KHỚP THANG

Ké đầu ngựa	6g
Rễ cỏ tranh	6g
Cây nhàu	4g
Vỏ cây vông đồng	6g
Cây lức	6g
Khổ qua	8g
Cỏ xước	4g
Thổ phục linh	6g
Kiến cò	6g
Kinh giới	4g

Chủ trị:

Bạch hổ lịch tiết phong: Do chính khí suy ngoại tà phong hàn thấp xâm nhập vào kinh mạch, khớp xương làm trở ngại sự vận hành của khí huyết gây đau nhức các khớp xương, gặp lạnh đau dữ dội, gặp nóng đỡ (hàn tà thắng).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

66. PHONG TÊ THẤP HOÀN

Vòi voi	300g
Rễ nhàu	100g
Củ bồ bồ	150g
Cỏ nhọ nồi (khô)	100g

Chủ trị:

Phong tê thấp

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi sấy khô tán bột mịn luyện hồ làm hoàn bằng hạt tiêu sọ.

Người lớn ngày uống 30 hoàn chia uống 3 lần.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm xuống 1/4-1/3-1/2 liều.

67. THANH NHIỆT TIÊU PHONG CHỈ THỐNG THANG

Tang chi	20g
Vòi voi	10g
Tang ký sinh	15g
Ké đầu ngựa	10g
Hoàng bá	10g

Cối xay	10g
Tô mộc	10g
Cam thảo đất	8g

Chủ trị:

Phong thấp thể nhiệt tý: Da môi đỏ hồng, đại tiện táo, tiểu tiện vàng, ban ngày thường đau nhức nhiều, mạch trầm sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

68. KHU PHONG TRỪ THẤP THANG

Vòi voi	30g
Tầm gửi cây dâu	20g
Quế chi	20g
Rễ dứa dại	20g
Rễ cỏ xước	20g
Muồng trâu	40g

Chủ trị:

Phong tê thấp

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

69. PHONG TÊ THẤP THANG

Hà thủ ô chế	16g
Kinh giới	16g
Chùm gửi	16g
Cỏ mực	12g
Ý dĩ	12g
Ngũ gia bì	12g
Chỉ xác	12g
Ngưu tất	12g
Rễ nhàu	12g
Phòng kỷ	8g
Khương hoàng	8g
Hoàng đằng	6g

Chủ trị:

Phong tê thấp: Các khớp xương đau nhức, mỏi, chân tê thắt ruột đi lại khó khăn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày. Ngày uống 1 thang.

70. RƯỢU BỔ HUYẾT TRỪ PHONG

Hà thủ ô đỏ chế	40g
Kê huyết đằng	40g
Thiên niên kiện	30g
Hy thiêm	30g
Tang chi	30g
Hoàng tinh chế	20g
Tục đoạn	20g
Cẩu tích	20g
Ngưu tất	10g
Ngũ gia bì	10g
Huyết giác	10g
Thổ phục linh	10g

Chủ trị:

Phong tê thấp: Đau nhức mình mẩy, khớp xương, ăn uống kém, suy yếu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi khô tán dập cho ngâm vào 2000ml rượu trắng, ngâm trong 1 tuần.

Người lớn ngày uống 3 lần trước bữa ăn và trước khi đi ngủ. Mỗi lần uống 30ml.

71. CAO HY THIÊM

Hy thiêm	1000g
Thiên niên kiện	50g
Rượu trắng	

Chủ trị:

Phong thấp đau lưng, nhức mỏi, tê dại.

Cách dùng, liều lượng:

Hy thiêm, Thiên niên kiện cho nước ngập nấu thành cao lỏng, pha thêm rượu uống.

Ngày uống 2 lần trong bữa ăn, mỗi lần uống 30ml.

72. CAO HY THƯƠNG

Hy thiêm	10kg
Thương nhĩ tử (sao)	5kg
Thổ phục linh	3kg

Chủ trị:

Phong thấp: đau nhức các khớp xương, nóng sốt.

Cách dùng, liều lượng:

Các dược liệu cho nấu thành cao lỏng.

Trẻ em trên 10 tuổi mỗi lần uống 3 - 5 thìa cà phê.

Người lớn mỗi lần uống 6 - 8 thìa cà phê.

Ngày uống 2 lần, uống sau bữa ăn 2 giờ.

Kiêng kỵ:

Không ăn các chất tanh lạnh.

73. CAO HOẠT HUYẾT TRỪ THẤP.

Dây đau xương	1000g
Thiên niên kiện	1000g
Huyết giác	1000g
Thổ phục linh	2000g
Hà thủ ô chế	1500g
Hy thiêm	1000g
Cốt toái bổ	1000g
Rễ cỏ xước (Nam ngưu tất)	1000g
Đường kính	2500g
Cồn 50°	3500ml

Chủ trị:

Phong thấp: Đau nhức, tê buốt các khớp xương.

Cách dùng, liều lượng:

Thiên niên kiện tán dập (thái mỏng) cho ngâm với cồn 50° trong 7 ngày, gạn lọc lấy cồn thuốc.

Các vị khác đổ nước ngập đun sôi trong 6 giờ, ép gạn lấy nước thuốc, lọc trong cho đường vào hòa tan, tiếp tục cô đến cao lỏng, để nguội cho cồn đã ngâm thiên niên kiện vào quấy đều dùng.

Người lớn mỗi lần uống 30ml (2 thìa canh)

Trẻ em 10 - 15 tuổi mỗi lần uống 15ml (1 thìa canh). Ngày uống 2 lần, uống xa bữa ăn.

Kiêng kỵ:

- Kiêng các chất tanh, mỡ

- Trường hợp người bệnh gầy yếu, suy nhược và phụ nữ có thai không nên uống.

74. BỘT TẦM XUÂN

Rễ cây tầm xuân	3000g
Thổ phục linh	300g
Lá thầu dầu tia	50g
Rễ cây tầm soong (quýt rừng)	50g
Dây lá lốt	100g
Lá cối xay	100g

Chủ trị:

Phong thấp: Đau nhức xương mình, các khớp chi, có sưng đỏ, có sốt hoặc không sốt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi sấy khô, tán bột mịn.

- Trẻ em: 5 - 10 tuổi mỗi lần uống 6 - 8g

  10 - 16 tuổi mỗi lần uống 8 - 16g

- Người lớn mỗi lần uống 20 - 30g

Hãm với nước sôi, gạn lấy nước trong uống. Ngày uống 2 lần.

Chú ý gia giảm:

- Người mới đẻ bị bệnh dùng:

Rễ bưởi bung	16g
Gừng tươi	3 lát

Sắc lấy nước hãm thuốc uống như trên

- Người già, yếu mắc bệnh dùng:

Hoài sơn	8g
Bạch thược	8g

Sắc lấy nước hãm thuốc uống như trên.

Kiêng kỵ:

- Kiêng các chất tanh: Tôm, cua, ếch, mỡ

- Phụ nữ có thai không nên dùng.

75. CAO VÒI VOI CỎ XƯỚC

Vòi voi	200g
Rễ cỏ xước	200g
Rễ và cây thương nhĩ	200g

Rễ và cây lá lốt	200g
Rễ bưởi bung	200g

Chủ trị:

Phong thấp: Đầu gối sưng đau, nóng, đỏ, có sốt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng hạ thổ, nấu cao lỏng thêm rượu để có độ rượu 15°.

- Trẻ em trên 7 tuổi mỗi lần uống 10 - 20ml (thêm chút đường cho dễ uống).

- Người lớn mỗi lần uống 25 - 30ml.

Ngày uống 2 lần (trưa và tối trước khi đi ngủ).

Kiêng kỵ:

- Kiêng các chất tanh, mỡ.

- Người già yếu âm hư và phụ nữ có thai không nên dùng.

76. VIÊN THỦ Ô HOÀNG NÀN

Hà thu ô chế	400g
Hoàng nàn chế kỹ	120g
Huyết giác	120g
Thiên niên kiện	80g

Chủ trị:

Thấp khớp: Các khớp xương sưng đau gân cơ nhức mỏi, tê bại vận động khó khăn.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị phơi sấy khô tán mịn, trộn đều theo phương pháp làm bột kép, luyện hồ làm viên, mỗi viên nặng 0,5g.

Trẻ em trên 10 tuổi mỗi lần uống 1 viên, ngày 2 lần.

Người lớn mỗi lần uống 2 viên, ngày uống 3 lần. Uống với nước chè, uống xa bữa ăn (lúc không no, không đói).

Kiêng kỵ:

- Kiêng các chất tanh, mỡ.

- Phụ nữ có thai và trẻ em dưới 10 tuổi không dùng.

Chú ý:

Trong phương có hoàng nàn chế là thuốc độc khi chế và sử dụng phải theo đúng quy chế thuốc độc.

77. VIÊN MÃ TIỀN HOÀNG TINH

Mã tiền chế	1600g
Dây tơ hồng xanh (khô)	1000g
Bột Hoàng tinh chế	500g

Chủ trị:

Tê thấp: lưng, hông, chân, đầu gối sưng đau nhức mỏi tê bại, cử động đi lại khó khăn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, trộn đều theo phương pháp trộn bột kép, luyện hồ làm viên, mỗi viên nặng 0,5g.

Trẻ em trên 10 tuổi mỗi lần uống 1 viên.

Người lớn mỗi lần uống 2 viên.

Ngày uống 2 lần với nước nóng, uống xa bữa ăn (lúc không no không đói).

Chú ý: Trong phương có mã tiền là thuốc độc, khi chế và sử dụng phải theo đúng quy chế thuốc độc.

Kiêng kỵ:

- Thời gian uống thuốc không ra gió, dầm mưa.

- Phụ nữ có thai, trẻ em dưới 10 tuổi không dùng.

78. RƯỢU BƯỞI BUNG CỎ XƯỚC

Rễ bưởi bung (sao rượu)	160g
Rễ cỏ xước (sao rượu)	160g
Thiên niên kiện (tẩm nước gạo, sao)	120g
Hà thủ ô đỏ chế	200g
Tục đoạn (sao rượu)	120g
Củ cốt khí (sạo rượu)	120g
Thổ phục linh (tẩm nước gạo, sao)	120g
Cam thảo dây (sao)	80g
Quế chi	80g
Bạch chỉ	80g
Tang ký sinh (sao)	120g
Ngũ gia bì hương	120g

Chủ trị:

Phong tê thấp đau nhức các khớp xương, đau tê nhức chân tay.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho nấu thành cao lỏng, gạn ép bỏ bã, thêm rượu để có độ rượu 15°.

Trẻ em trên 10 tuổi uống mỗi lần 10ml

Người lớn mỗi lần uống 20 - 25ml

Ngày uống 2 lần.

Kiêng kỵ:

- Kiêng các chất tanh, mỡ
- Phụ nữ có thai không dùng.

79. VIÊN MÃ TIỀN

Mã tiền chế	800g
Ý dĩ	200g
Rễ cỏ xước	200g
Vỏ cây gạo (mộc miên bì)	200g
Trinh nữ	200g
Kê huyết đằng	200g
Quế chi	100g

Chủ trị:

Phong tê thấp, đau nhức gân xương, đau lưng gối, chân tay co duỗi khó, tê bại.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị sao giòn tán bột mịn, trộn đều theo phương pháp trộn bột kép, luyện hồ làm viên, mỗi viên 0,5g.

Trẻ em trên 10 tuổi mỗi lần uống 1 viên.

Người lớn mỗi lần uống 2 viên.

Ngày uống 2 lần với nước nóng, uống xa bữa ăn (lúc không no không đói).

Chú ý: Phương thuốc có mã tiền là vị thuốc độc, khi chế và sử dụng phải theo đúng quy chế thuốc độc.

Kiêng kỵ:

- Kiêng các chất tanh, mỡ.
- Trẻ em dưới 10 tuổi và phụ nữ có thai không dùng.

80. RƯỢU KHU PHONG BỔ HUYẾT

Thục địa	100g
Hà thủ ô đỏ chế	50g
Xuyên khung	20g
Hy thiêm	200g
Thiên niên kiện	100g
Tục đoạn (sao vàng)	50g
Ngũ gia bì hương	50g
Thổ phục linh	50g
Ngưu tất (sao vàng)	50g
Cốt toái bổ (sao vàng)	50g
Cẩu tích (sao vàng)	50g
Quế chi	20g

Chủ trị:

Phong thấp nhức mỏi gân xương

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán dập ngâm trong 3 lít rượu 7-10 ngày.

Người lớn ngày uống 2 lần mỗi lần 15 - 20ml. Uống trước bữa ăn. Có thể thêm đường cho dễ uống.

Kiêng kỵ:

Phụ nữ có thai và trẻ em dưới 15 tuổi không dùng.

81. THƯƠNG NHĨ CAO

Thương nhĩ (cây, lá, quả)	10kg
Nước sạch	đủ dùng

Chủ trị:

Thấp khớp: Khớp xương sưng đau lâu năm, da thịt tê.

Cách dùng, liều lượng:

Thương nhĩ chặt nhỏ, rửa sạch đổ nước ngập nấu sôi kỹ, bỏ bã gạn ép lấy nước thuốc, lọc trong, thêm 400g đường trắng cô lấy 1 lít cao. Người lớn mỗi lần uống 1 thìa canh. Ngày uống 3 lần.

Trẻ em tuỳ tuổi uống 1/4 - 1/3 - 1/2 liều người lớn.

82. TỨ VẬT GIA VỊ THANG

Sinh địa	16g
Xuyên quy	12g
Bạch thược	12g

Xuyên khung	8g
Ý dĩ	16g
Hà thủ ô	16g
Khương hoạt	12g
Độc hoạt	12g
Xuyên sơn giáp	12g
Rễ si	12g
Thiên niên kiện	8g
Nhũ hương	8g
Xuyên ô	8g
Quế chi	4g
Đơn lút (muống biển (?))	12g

Chủ trị:

Phong hàn thấp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

83. TỨ VẬT GIA VỊ THANG

Khương hoạt	12g
Độc hoạt	12g
Củ đơn xạ (đơn gối hạc)	12g
Thương truật	12g
Rễ cỏ xước	12g
Đơn lút	12g
Phòng kỷ	12g
Xuyên quy	12g
Bạch thược	12g
Sinh địa	16g
Ý dĩ	16g
Xuyên khung	8g
Nhũ hương	8g
Xuyên xơn giáp	8g
Hoàng bá	8g

Chủ trị:

Phong thấp nhiệt

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

84. TỨ VẬT GIA VỊ THANG

Xuyên khung	12g
Xuyên quy	16g
Sinh địa	12g
Bạch thược	12g
Xuyên sơn giáp	12g
Rễ si	12g
Rễ gấc	12g
Rễ cỏ xước	12g
Quế chi	8g
Xuyên ô	8g
Nhũ hương	4g
Muống biển	12g
Thiên niên kiện	8g

Chủ trị:

Phong hàn thấp: Tay chân lạnh đau nhức run rẩy, tê liệt, không đứng được, không cầm nắm được, toàn thân có cảm giác như kiến bò, da xanh người gầy yếu, các khớp đều đau, mạch trầm trì.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

85. TỨ VẬT HỢP TAM DIỆU GIA VỊ THANG

Xuyên khung	12g
Xuyên quy	12g
Sinh địa	12g
Bạch thược	12g
Thương truật	12g
Hoàng bá	12g
Ngưu tất	12g
Phòng phong	8g
Kinh giới	4g
Bồ công anh	20g
Kim ngân	12g
Liên kiều	12g
Rễ si	10g
Rễ gấc	12g

Chủ trị:

Phong thấp nhiệt (thể nhiệt thắng) biểu hiện: Hai đầu gối sưng to đau nhức, các khớp đỏ, đau, sưng tấy, đại tiện táo, tiểu tiện vàng, mạch huyền sác.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

86. THANG TRỊ THẤP KHỚP

Hy thiêm	15g
Bấn đỏ	10g
Độc lực	10g
Thiên niên kiện	10g
Xích thược	10g
Dây trầu không	10g
Bồ cu vẽ	10g
Cát bối (chiêng chiếng)	10g
Cây mắt gà	10g
Bấn trắng	10g
Cốt khí	15g
Thổ phục linh	15g
Xương bồ	10g

Chủ trị:

Đau sưng các khớp chân tay, tê buồn trong xương, buốt nhức co quắp gân xương, tê liệt nửa người.

Cách dùng, liều lượng:

Hy thiêm tẩm rượu và mật mía ủ một đêm, đồ chín phơi sương một đêm, sấy khô.

Thiên niên kiện tẩm nước gạo sao vàng.

Các vị khác đều sao thơm.

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

87. KHU PHONG THANH NHIỆT TRỪ THẤP THANG

Uy linh tiên	15g
Ngũ gia bì	15g
Thiên niên kiện	10g
Thổ phục linh	15g
Sinh địa	12g
Huyền sâm	12g
Kim ngân	15g
Bồ công anh	10g
Ngưu tất	10g
Ý dĩ	10g
Tỳ giải	15g

Chủ trị:

Viêm đa khớp dạng thấp có đợt tiến triển cấp tính: sưng, nóng, đỏ, đau thường gặp ở các khớp nhỏ đối xứng với nhau, có khi cả khớp lớn như khớp háng, cột sống (Phong thấp nhiệt tý).

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Nếu hàn thấp thì bỏ sinh địa và huyền sâm gia thêm:

Quế chi	10g
Bạch chỉ	10g

- Nếu đau nhức nhiều gia thêm:

	Xuyên sơn giáp	15g
hoặc	Một dược	10g

88. PHONG TÊ THANG

Mã tiền chế	20g
Xuyên sơn giáp (nướng phồng)	12g
Hương phụ chế	10g
Bạch cương tằm (sao vàng)	10g

Chủ trị:

Phong tê đau nhức do phong hàn thấp xâm nhập và khí huyết ngưng trệ gây nên.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị tán bột mịn, luyện hồ làm viên bằng hạt ngô. Mỗi lần uống 5 viên với nước chín trước bữa ăn.

Ngày uống 2 lần.

89. PHONG THẤP THANG

Rễ lá lốt	40g
Rễ cà gai leo	40g
Rễ cỏ xước	40g
Rễ gấc	10g

Chủ trị:

Phong thấp: đau mình, nhức mỏi gân xương, đau khớp chân tay.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị sao thơm cho vào 1 lít rượu, ngâm 5 ngày.

Mỗi ngày uống 50ml vào buổi tối trước khi đi ngủ.

90. THANG TRỊ PHONG THẤP

Hy thiêm	40g
Ý dĩ	40g
Rễ cỏ xước	40g
Lá thông	40g
Thổ phục linh	8g

Chủ trị:

Đau mình, nhức mỏi gân xương, các khớp chân tay đau.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị sao thơm cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

91. PHONG THẤP THANG

Rễ và cây lá lốt	40g
Rễ và cây ngải cứu	20g
Rễ bưởi bung	20g
Riềng (cao lương khương)	20g
Củ rảy	12g

Chủ trị:

Phong tê thấp: Đau mình, nhức mỏi gân xương, các khớp chân tay đau nhức.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị tẩm nước tiểu trẻ em (mới tiểu) sao khô, cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp uống trong và chườm ngoài.

Chườm ngoài dùng bài thuốc uống trong tán dập cho thêm nước tiểu trẻ em, sào nóng rồi bọc vào vải màn (gạc) chườm sát vào chỗ đau, ngày chườm 1 lần.

92. THẤP TIM THANG

Lạc tiên (sao vàng)	100g
Thổ phục linh	40g
Cỏ màn chầu (sao thơm)	60g
Ngưu tất (sao vàng)	60g
Thạch xương bồ	12g
Bông mã đề	20g
Ích mẫu (sao thơm)	20g

Chủ trị:

Thấp khớp và thấp khớp có biến chứng vào tim (thấp tim có tổn thương van tim thực thể, suy tim nặng còn bù trừ, người đã bị mổ tim sau lại tái phát cũng phục hồi được sức khoẻ).

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 1500ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc chia uống 3 - 4 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Người tạng hàn gia thêm:

Quế chi	12g
Sinh khương	6g

- Thuốc không độc, cần kiên trì uống mỗi tháng 15 - 20 thang, uống đến khi khỏi thì thôi.

93. CAO LƯƠNG TRỪ THẤP THANG

Cao lương khương	30g
Thanh bì (sao thơm)	30g
Tử tô	40g

Chủ trị:

Phong hàn thấp mới phát: Nóng rét, ho, tức đầy bụng đau bụng, buồn nhức đau các khớp

xương chân tay, người nặng nề tê lạnh, không có mồ hôi không khát nước, sắc mặt vàng hay trắng nhợt bủng, sưng các khớp xương đau nhức không co duỗi được, mạch trầm khẩn.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc uống nóng đắp chăn cho ra mồ hôi, tránh gió lùa.

94. TỲ GIẢI TRỪ THẤP THANG

Tỳ giải (sao rượu)	15g
Mộc qua (sao muối)	15g
Hoàng bá (sao thơm)	15g
Cát bối (sao rượu)	10g

Chủ trị:

Phong nhiệt thấp mới phát: sốt, ho, có mồ hôi, khát nước, tiểu tiện sẻn đỏ, buồn nhức chân tay và các khớp xương, đầu gối và các khớp sưng, mạch hoạt sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày 1 thang.

Các vị có thể sấy khô tán bột mịn.

Người lớn mỗi lần uống 10g, ngày uống 3 lần với nước chín.

95. HY THIÊM TRINH NỮ CAO

Hy thiêm (tẩm rượu sao)	2000g
Trinh nữ (tẩm rượu sao)	1000g
Ngưu tất	1000g
Hà thủ ô chế	1000g
Thổ phục linh	1000g
Kê huyết đằng	1000g
Xương bồ	500g

Chủ trị:

Phong tê thấp, suy nhược

Cách dùng - liều lượng:

Các vị nấu thành cao đặc, pha thêm rượu trắng đủ uống trong 20 ngày. Mỗi ngày uống 3 lần trước bữa ăn và trước khi đi ngủ, mỗi lần uống 30ml.

96. GỐI HẠC CAO

Gối hạc	
(nam xích thược) sao vàng	5000g
Vòi voi (sao vàng)	3000g
Bưởi bung (sao vàng)	2000g
Hy thiêm (sao rượu)	2000g
Trinh nữ (sao rượu)	1000g
Ngưu tất	1000g
Hà thủ ô chế	1000g
Thổ phục linh	1000g
Kê huyết đằng	1000g
Xương bồ	500g
Cây dâu	500g
Rễ Quế	50g

Chủ trị:

Hạc tất phong

Cách dùng - liều lượng:

Các vị nấu thành cao đặc, pha thêm rượu trắng đủ uống trong 30 ngày.

Người lớn mỗi ngày uống 3 lần trước bữa ăn và trước khi đi ngủ. Mỗi lần 30ml.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều xuống 1/4 - 1/3 - 1/2 liều người lớn.

97. CAO THẤP KHỚP

Thổ phục linh	1000g
Thiên niên kiện	500g
Sài đất	1000g
Ngưu tất	1000g
Trinh nữ	500g
Lá lốt	1000g
Cẩu tích	1000g
Hy thiêm	1000g
Đỗ trọng nam	1000g

Chủ trị:

Các khớp xương, gân cơ đau nhức mỏi, tê buồn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị nấu thành cao lỏng (tỷ lệ 1/1) hoặc các vị cho ngâm vào 10 lít rượu trắng trong 30 ngày.

Dùng cao lỏng:

Người lớn ngày uống 60 - 80ml, bệnh nặng có thể uống 100 - 120ml chia uống 2 lần.

Dùng rượu thuốc:

- Người lớn uống 20 - 30 ml, bệnh nặng uống 30 - 40ml, chia uống 2 lần trong ngày.

- Nếu dùng thuốc sắc thì lượng dùng mỗi vị 12 - 16g

Riêng thiên niên kiện lượng dùng chỉ từ 6 - 8g

Chú ý:

Khi uống thuốc này thường 3 ngày đầu các triệu chứng đau nhức tăng lên rồi giảm dần từ ngày thứ 4 trở đi cho đến khi khỏi hẳn.

98. THẤP KHỚP THANG

Lá đơn (1)	50g
Hy thiêm	20g
Thiên niên kiện	12g
Cốt toái bổ	12g
Rễ thân cây lá lốt	10g
Cẩu tích	20g
Ngưu tất	12g
Thổ phục linh	25g
Cà gai leo	30g
Kê huyết đằng	30g

(1) Lá đơn có thể dùng một trong các loại lá cây sau: Đơn gối hạc, Đơn châu chấu (cuống), Đơn răng cưa, Đơn đỏ (mẫu đơn hoa đỏ) Đơn trắng (mẫu đơn hoa trắng).

Chủ trị:

Các khớp xương, gân cơ nhức mỏi đau, vận động khó khăn.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Bệnh thuộc hàn các vị đều sao vàng.

- Bệnh thuộc nhiệt các vị không sao.

- Khi uống thuốc cần kết hợp dùng các lá: Bời lời nhót (Bời lời, mò nhớt), Bạch hoa xà, ngải cứu, cúc tần giã nát bó vào các khớp đau sưng kết quả sẽ nhanh hơn.

99. THANG THẤP KHỚP

Rễ trinh nữ	20g
Rễ cỏ xước	10g
Rau muống biển	10g
Lá lốt	10g
Cối xay	10g
Lạc tiên	10g

Chủ trị:

Viêm đa khớp dạng thấp.

Cách dùng -Liều lượng:

Các vị cho vào 400 ml nước, sắc lấy 100 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày - Ngày uống 1 thang.

100. THANG TRỊ THẤP KHỚP CẤP

Đơn gối hạc	16g
Dây đau xương (Khoan cân đằng)	16g
Rễ cỏ xước	16g
Thổ phục linh	16g
Ngũ gia bì	16g
Sài đất	20g
Sài hồ	12g
Lạc tiên	12g

Chủ trị:

Thấp khớp cấp tính

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý: Khi uống lúc đầu đau tăng, sau đó giảm dần đó là dấu hiệu thuốc có tác dụng không phải xử trí gì.

101. THANG TRỊ VIÊM ĐA KHỚP DẠNG THẤP

Thiên niên kiện	16g
Dây đau xương (khoan cân đằng)	12g

Hy thiêm	16g
Tỳ giải	16g
Cốt toái bổ	20g
Thạch xương bồ	12g
Rễ cỏ xước	18g
Thổ phục linh	20g
Hoàng bá	12g

Chủ trị:

Viêm đa khớp dạng thấp và đau nhức các khớp xương đi lại vận động khó khăn.

Cách dùng - liều lượng:

Dây đau xương tẩm rượu sao vàng, các vị khác sao vàng.

Cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý: Khi uống lúc đầu đau tăng sau đó giảm dần đó là dấu hiệu thuốc có tác dụng không phải xử trí gì.

102. THẤP KHỚP THANG

Dây đau xương (Khoan cân đằng)	12g
Cẩu tích	10g
Huyết giác	10g
Ngũ gia bì	16g
Uy linh tiên	12g
Cốt khí	12g
Độc hoạt	6g
Hà thủ ô trắng chế	16g

Chủ trị:

Phong thấp các khớp xương sưng, đau nhức.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

103. THẤP KHỚP HOÀN

Cao lá lốt nấu theo tỷ lệ 1/10		50g
Cao cối xay	"	100g
Cao cỏ xước	"	25g
Cao hy thiêm	"	25g
Bột mịn cẩu tích		50g
Bột mịn thổ phục linh		50g

Chủ trị:

Viêm đa khớp dạng thấp

Cách dùng - liều lượng:

Các vị trộn đều luyện hồ làm thành 1000 viên (0,3g). Người lớn ngày uống 10 viên, chia 2 lần. Uống với nước chín.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều.

104. RƯỢU CHỈ THỐNG

Đại hồi	100g
Địa liền	150g
Quế chi	100g
Huyết giác	100g
Thiên niên kiện	150g
Ô đầu	50g
Mã tiền hạt	20g

Chủ trị:

Các khớp xương, sưng tấy, đau nhức.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị tán dập cho vào 15 lít rượu trắng ngâm trong 30 ngày.

Khi dùng tẩm vào gạc xoa bóp vào các khớp sưng đau.

Ngày xoa bóp 2 - 3 lần.

Chú ý:

Rượu thuốc độc không được uống.

Khi xoa bóp xong phải rửa sạch tay. Thuốc có hiệu lực cao khi dùng phối hợp với các thuốc thang điều trị khớp.

105. THỔ PHỤC QUẾ CHI THANG

Thổ phục linh	16g
Hy thiêm	16g
Dây đau xương (Khoan cân đằng)	24g
Trinh nữ	24g

Ngưu tất	12g
Cốt toái bổ	12g

Chủ trị:

Phong tê thấp các khớp sưng, nóng, đỏ đau.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100 nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

106. CAO THÔNG TÝ

Hà thủ ô chế	600g
Cỏ xước	600g
Ba kích	600g
Thiên niên kiện	600g
Trinh nữ	600g
Phòng đảng sâm	800g
Thổ phục linh	500g
Đương quy	600g
Sinh địa	600g
Quế chi	600g
Dây đau xương (khoan cân đằng)	600g
Ngưu tất	600g
Cam thảo	400g

Chủ trị:

Thấp khớp đau nhức các khớp xương, đau thần kinh ngoại biên, tê mỏi tay chân thuộc thể hư hàn, thời tiết lạnh đau tăng.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị nấu thành cao lỏng.

Người lớn ngày uống 50ml chia làm 2 lần.

Uống xa bữa ăn.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ tanh.

107. CAO THÔNG TÝ

Cẩu tích	600g
Thiên niên kiện	600g
Trinh nữ	600g
Thổ phục linh	500g
Đương quy	600g
Sinh địa	600g
Quế chi	600g
Dây đau xương	600g
Ngưu tất	600g

Chủ trị:

Đau nhức xương, đau dây thần kinh ngoại biên, thời tiết lạnh đau tăng.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị nấu thành cao lỏng.

Người lớn ngày uống 50ml, chia làm 2 lần uống trước bữa ăn.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ tanh.

108. BỘT TRỊ ĐAU NHỨC XƯƠNG KHỚP

Xuyên khung	8g
Đương quy	12g
Bạch truật	12g
Độc hoạt	12g
Xương truật	12g
Ngưu tất	12g
Thiên niên kiện	12g
Huyết giác	20g
Rễ cây lá lốt	12g
Phòng kỷ	10g
Hy thiêm	10g
Quế chi	8g
Củ gấu tàu (ô đầu Việt Nam)	5g
Cam thảo	5g

Chủ trị:

Phong hàn thấp. Xương khớp đau nhức, khu trú một vài điểm nhất định, không sưng nóng đỏ, thân thể cảm giác nặng nề, khó chịu, mệt mỏi.

Cách dùng - liều lượng:

Củ gấu tàu thái phiến dày, tẩm nước đỗ đen 24 giờ. Phơi khô, trộn cùng các vị khác sấy khô tán bột mịn, rây đều.

Người lớn ngày dùng 10 - 15g, chia uống 2 lần, uống lúc đói với nước chín.

Kiêng kỵ:

Kiêng các thức sống, lạnh, tôm, cua, ốc.

109. PHONG THẤP THANG

Đơn gối hạc (cả rễ)	20g
Đơn tướng quân	20g
Rễ cỏ xước (sao vàng)	20g
Rễ cây lá lốt (sao thơm)	20g
Dây đau xương (sao rượu)	20g
Thổ phục linh	20g
Địa liền	20g
Bạch chỉ	12g
Cẩu tích (sao rượu)	20g
Cam thảo	8g
Thiên niên kiện	20g

Chủ trị:

Phong thấp, đau các khớp, đầu gối sưng đau có khi sưng đau một bên có khi sưng đau cả 2 bên (có tính di chuyển).

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần, uống lúc đói. Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất cay nóng, chè rượu.

110. ĐAU LƯNG THANG

Uy linh tiên	12g
Ý dĩ	20g
Tỳ giải	12g
Cẩu tích	12g
Cỏ xước (rễ)	12g
Củ cốt khí	12g
Thổ phục linh	12g
Xương truật	8g
Độc hoạt	8g
Mộc qua	12g
Dây đau xương	12g
Trinh nữ	12g
Đậu đen	12g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Đau vùng thắt lưng lan toả xuống hông, đùi, sốt nhẹ hoặc không sốt, khó ngủ, cột sống có thể vẹo lệch.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần sau bữa cơm 1 giờ.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Nếu bệnh thiên về hàn gia thêm:

Nhục quế	4 - 12g
Phụ tử chế	4 - 12g

- Nếu bệnh thiên về nhiệt gia thêm:

Hoàng bá (tẩm rượu sao)	4 - 8g

Kiêng kỵ:

Kiêng thịt gà, thịt chó, tôm cua.

111. TÊ THẤP THANG

Phòng phong	10g
Độc hoạt	10g
Bạch linh	10g
Tần giao	10g
Ngưu tất (sao rượu)	8g
Đương quy	16g
Cẩu tích	10g
Uy linh tiên	10g
Đỗ trọng	10g
Bạch thược (sao rượu)	12g
Tang ký sinh	8g
Quế tâm	8g
Tế tân	3g

Chủ trị:

Đau nhức chân tay, nhất là hai chi dưới, thậm chí tê liệt không co duỗi được, đôi khi đau lưng, đau mình khó xoay trở.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Phụ nữ có thai không được dùng.

112. THẤP NHIỆT THANG

Xuyên khung	8g
Hoàng bá	12g
Phòng kỷ	10g
Độc hoạt	10g
Cam thảo	10g
Trạch tả	12g
Cẩu tích	15g
Ý dĩ	20g
Sinh địa	15g
Xương truật	10g
Đương quy	12g
Ngưu tất	12g
Xa tiền	12g
Thổ phục linh	15g

Chủ trị:

Phong thấp nhiệt, thân thể nặng nề, các khớp đau nhức mỏi, sưng nóng; hạn chế cử động, tiểu tiện vàng lượng ít, đại tiện khi táo khi lỏng.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần vào lúc đói.

Ngày uống 1 thang.

Hoặc các vị sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần mỗi lần 10 - 15g uống với nước chín vào lúc đói.

Kiêng kỵ:

Không ăn các thức cay, nóng.

113. VIÊN THẤP KHỚP

Tang ký sinh	200g
Thổ phục linh	200g
Kim ngân hoa	200g
Sâm đại hành	150g
Quế chi	150g
Đỗ trọng	50g
Thiên niên kiện	50g

Chủ trị:

Đau nhức xương khớp, người mệt mỏi thuộc loại viêm đa khớp dạng thấp.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Ngày uống 15 - 30g chia làm 3 - 4 lần, uống với nước chín sau bữa cơm 30 phút.

Kiêng kỵ:

- Phụ nữ có thai và trẻ em dưới 12 tuổi không dùng.
- Kiêng ăn các loại cà, chuối tiêu, các thứ cay nóng.

114. RƯỢU PHONG THẤP

Hy thiêm	2800g
Kê huyết đằng	960g
Dây đau xương	960g
Thiên niên kiện	1000g
Rượu trắng	10000ml
Đường trắng	8400g
Nước chin vừa đủ	20 lít

Chủ trị:

Thấp khớp sưng đau các khớp gối và các khớp nhỏ.

Cách dùng - liều lượng:

Thiên niện kiện tán thô cho ngâm với 10 lít rượu trắng.

Các dược liệu khác thái nhỏ nấu lấy 5 lít cao lỏng, thêm đường hoà tan.

Gạn ép lấy rượu thiên niên kiện cho hỗn hợp với dịch cao lỏng và đường, thêm nước chín vừa đủ được 20 lít rượu ngọt thấp khớp.

Người lớn ngày uống 2-3 lần mỗi lần 30-50ml.

115. RƯỢU RẮN

Rắn	1 bộ (3 con)
(Rắn hổ mang, rắn cạp nong, rắn ráo)	
Xương truật	150g
Xuyên khung	150g
Xuyên quy	200g
Tần giao	150g
Dây đau xương	350g
Trinh nữ	1000g

Thiên niên kiện	150g
Mộc qua	150g
Bạch chỉ	100g
Ngưu tất	100g
Độc hoạt	250g
Huyết giác	100g
Rễ cây lá lốt	100g
Địa liền	50g

Chủ trị:

Phong tê thấp, đau lưng, nhức xương, mỏi gối, viêm đa khớp dạng thấp, đau di chuyển hoặc cố định, người mệt mỏi, kém ăn.

Cách dùng - liều lượng:

Rắn tươi bắt mổ bụng, bỏ hết ruột gan, tim, dùng rượu rửa sạch, thấm khô bằng giấy bản.

Các vị thuốc tán dập cho vào 10 lít rượu ngâm cùng với rắn. Ngâm trong 30 ngày (ngâm càng lâu càng tốt).

Người lớn ngày uống 2 lần (sáng, tối) sau bữa cơm 20 phút, mỗi lần uống 20 - 40ml.

Kiêng kỵ:

Phụ nữ có thai, trẻ em, người âm hư hoả vượng không dùng.

116. THANG THẤP KHỚP

Cỏ xước	12g
Lá lốt	10g
Trinh nữ	12g
Rễ nhàu	12g
Ké đầu ngựa	12g
Củ đậu sương	10g
Chùm gởi	12g

Chủ trị:

Phong thấp. Đau nhức xương khớp, người mệt mỏi.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày (sáng, chiều).

Ngày uống 1 thang.

117. KHU PHONG TÁN HÀN TRỪ THẤP THANG

Hy thiêm	12g
Rễ lá lốt	12g
Kim ngân	16g
Ké đầu ngựa	12g
Rễ cỏ xước (sao)	12g
Bồ công anh	16g
Ích mẫu	12g
Cốt khí muồng	12g
Bạch giải (?)	12g
Đơn tướng quân	12g
Gừng tươi	10g

Chủ trị:

Phong hàn thấp (thấp khớp mạn).

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

118. KHU PHONG THANH NHIỆT TRỪ THẤP THANG

Hy thiêm	12g
Kim ngân	16g
Ké đầu ngựa	12g
Cỏ xước (sao)	12g
Bồ công anh	16g
Ích mẫu	12g
Cốt khí muồng	12g
Bạch giải	12g
Đơn tướng quân	12g
Cây dâu	20g
Cà gai leo	20g

Chủ trị:

Thấp nhiệt (đợt cấp của viêm đa khớp tiến triển) khớp xương sưng, nóng đỏ, đau đột ngột, sốt khát nước, đại tiện táo, rêu lưỡi vàng mỏng, chất lưỡi đỏ, mạch phù sác.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

119. THUỐC XOA BÓP

Hồ tiêu (hạt)	10g
Gừng khô	10g
Quế chi	10g
Thiên niên kiện	20g
Rễ cây lá lốt khô	20g
Rễ cúc tần (khô)	20g
Kê huyết đằng	20g

Chủ trị:

Phong tê thấp, các khớp xương đau nhức.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị tán dập ngâm với 500ml rượu trắng trong 7 ngày. Dùng bông gạc thấm rượu xoa bóp vào nơi đau nhức.

Chú ý: Không được uống.

120. PHONG THẤP THANG

Rễ cây lá lốt	12g
Cây dâu	20g
Đùm đũm	20g
Ké đầu ngựa	12g
Kim ngân	12g
Hạt cốt khí muồng	12g
Dây đau xương (khoan cân đằng)	12g
Đậu đen (sao)	20g

Chủ trị:

Phong thấp đau các khớp, đau mình, đau gân, đau cơ.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

121. TỨ THỜI PHONG THẤP THANG

Xương truật (sao)	12g
Mộc thông	24g
Dây đau xương (sao vàng)	24g
Bạch chỉ	16g
Củ cốt khí	20g
Địa liền	20g
Cẩu tích	20g
Huyết giác	24g
Thổ phục linh	24g
Thiên niên kiện	16g
Bách bộ	20g
Liên kiều	12g

Chủ trị:

Phong thấp bốn mùa (Xuân - Hạ - Thu - Đông) đau nhức các khớp xương, đau cơ, đau mình và chứng đau do trúng phong kinh lạc.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Trẻ em tuỳ tuổi dùng 1/3, 1/2 lượng của từng vị trong bài.

Chú ý gia giảm:

- Có đái buốt gia thêm:
  - Đỗ đen (sao vàng ruột) 30g
- Có tê như kiến bò gia thêm:
  - Vỏ bưởi chua (sao vàng) 12g
- Có ho gia lượng bách bộ lên: 30g
- Có mẩn ngứa ngoài da bỏ thiên niên kiện, địa liền gia thêm:
  - Kim ngân 20g
  - Củ dứa dại 20g
- Dày da bụng gia thêm:
  - Vỏ dụt 12g
- Chân tay co quắp gia thêm
  - Tục đoạn 16g
- Đau lưng nhiều gia thêm:
  - Quế chi 5g
- Có phù gia thêm lượng:
  - Liên kiều 20g

- Tác dụng trị bệnh của bài thuốc tăng lên khi dùng thêm thuốc xoa bóp ngoài.

122. BỘT XOA BÓP TRỊ THẤP KHỚP

Huyết giác	60g
Thiên niên kiện	40g
Quế chi	40g
Xương truật	20g
Củ cốt khí	40g
Thảo quả	40g
Đại hồi	30g

Chủ trị:

Phong tê thấp các thể.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị tán bột thô. Mỗi lần dùng 20g (1 thìa canh) hoà vào 250ml (1 cốc) rượu trắng. Ngâm trong nửa giờ. Dùng bông gạc tẩm rượu xoa bóp vào nơi đau.

123. THANG TRỊ THẤP KHỚP

Rễ cói	12g
Rễ mua sẻ	20g
Dây Gắm (Vương tôn)	20g
Rễ bồng bồng (nam tỳ bà)	20g
Rễ bông trang (mẫu đơn đỏ)	8g
Rễ đậu hòm (đậu chiếu)	12g
Rễ quýt rừng (Độc lực)	12g
Rễ trâng (Hoàng lực)	12g
Rễ ngón đất (?)	12g
Gừng tươi	5 lát

Chủ trị:

Đau các khớp tay, chân (không sưng), hai chân lạnh.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị rửa sạch, thái phiến phơi khô, tẩm giấm cho ướt đều, ủ trong 10 phút, sao vàng hạ thổ, thêm gừng cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày (ban ngày uống 2 lần, trước khi đi ngủ uống 1 lần).

Chú ý gia giảm:

- Khớp xương đau nhức nhiều gia thêm"

Nhũ hương	4g
Một dược	4g

- Khi bệnh đã khỏi hẳn uống thêm 2 - 3 thang Thập toàn đại bổ để bồi bổ khí huyết.

124. LỊCH TIẾT PHONG TỬU

Tùng tiết	40g
Cây dâu	40g
Ngũ gia bì	40g
Tang ký sinh	40g
Cẩu tích	40g
Thiên ma	40g
Cúc hoa	40g
Tần giao	40g
Mộc hương	40g
Xuyên quy	120g
Mộc thông	40g
Câu đằng	40g
Quế chi	40g
Xương động vật	40g

(trăn hoặc chó hoặc mèo hoặc chân gà..)

Chủ trị:

Thân thể và các khớp xương sưng nóng đỏ và đau nhức kịch liệt, không co duỗi được.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị thuốc tán dập cho vào nồi đất nhỏ miệng thêm 7 lít rượu trắng, bịt kín miệng nồi đậy vung, đun lửa nhẹ sôi âm ỉ trong 1 giờ để nguội, gạn chắt lấy rượu uống dần.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 30ml, uống trước bữa ăn.

Chú ý gia giảm:

- Bệnh thuộc hàn gia thêm:

Phụ tử chế	20g

- Đau các chi dưới gia thêm:

Ngưu tất	20g

- Cách chế xương động vật: Nạo sạch bên ngoài các xương, đập nát nạo bỏ hết tuỷ khô, ngâm vào nước vôi trong, cạo rửa sạch hết tuỷ, tạp chất, phơi khô chẻ nhỏ tẩm giấm

thanh sao giòn, tán dập dùng cùng các vị thuốc khác.

Kiêng kỵ:

Kiêng các thức ăn lạnh.

Phụ nữ có thai không dùng.

125. NGƯU TẤT TRINH NỮ THANG

Rễ cây cỏ xước (sao muối)	16g
Rễ cây xấu hổ (sao)	16g
Ký sinh (chùm gửi) (sao)	16g
Rễ dứa gai (sao)	16g
Rễ cà gai leo (sao)	16g
Tua rễ si (sao)	12g

Chủ trị:

Đau mỏi thắt lưng

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Một đợt điều trị 5-7 ngày.

126. THÔNG HUYẾT GIẢI CƠ THANG

Sắn dây	20g
Quế chi	12g
Hành tăm	8g
Sinh khương	6g

Chủ trị:

Đau nhức buốt cổ, vai, cánh tay.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống 1 lần.

Ngày uống 1-2 thang.

127. PHONG THẤP THANG

Cà gai leo	16g
Trinh nữ	16g
Rễ dứa dại	16g
Rễ tầm soọng	16g
Cây lá lốt (cả rễ)	16g
Cỏ xước (rễ)	16g
Cam thảo nam	10g

Chủ trị:

Phong tê thấp, các khớp đau nhức, mỏi.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị sao vàng cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

128. RƯỢU XOA BÓP

Quế chi	20g
Đại hồi	20g
Gừng khô	20g
Bạch hoa xà	20g
Rượu trắng 40°	500ml

Chủ trị:

Phong tê thấp, các khớp đau nhức, mỏi.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị tán dập cho vào rượu ngâm trong 7 - 10 ngày. Dùng bông gạc tẩm rượu xoa bóp vào các nơi đau nhức.

Ngày xoa bóp 3 - 4 lần.

Chú ý:

Không được uống, chỉ dùng xoa bóp ngoài da.

129. BỔ THẬN ÍCH TINH THÔNG KINH GIẢI TÁN PHONG TÀ PHƯƠNG

Hà thủ ô	10g
Cây đậu săng (sao)	8g
Đậu đen (sao)	10g
Cây dâu	8g
Vòi voi (sao)	8g
Lạc tiên	8g
Rau mơ (mơ lông)	8g
Rễ nhàu	8g
Tang ký sinh	8g
Dây tơ hồng	8g
Ngải cứu	4g
Trắc bách diệp (sao)	8g

Trần bì	4g
Giàng xay (Cối xay)	8g

Chủ trị:

Thận suy, âm tinh huyết dịch kém, can kinh thất dưỡng, phong nhiệt tà thừa cơ xâm nhập gây vai đau nhức như bị gậy đánh, đau lan xuống lưng nằm không được, hai cánh tay đau và nặng mỏi không cầm xách được vật gì, thân mình bải hoải không muốn cử động, tiếng nói nhỏ nhẹ, hơi thở ngắn đầu nặng mắt hoa choáng váng, ăn kém, khó ngủ, hình dáng tiều tuỵ. Mạch bộ thận trầm tế, tả quan và thốn phù hư.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

130. ĐIỀU KHÍ HOẠT HUYẾT TIÊU Ứ GIẢI PHONG THẤP THANG

Rễ đinh lăng	16g
Trắc bách diệp	16g
Hương phụ (chế)	8g
Vòi voi (sao)	8g
Ngải cứu	4g
Nhục quế	4g
Sinh khương	3g
Kê huyết đằng	8g
Cây dâu	8g
Thiên niên kiện	8g
Cối xay	8g
Dây thần thông	4g
Trinh nữ	8g

Chủ trị:

Phong thấp tà xâm nhiễm kinh mạch lâu ngày không giải làm khí huyết không lưu thông ứ trệ từ vai xuống lưng gây đau vai trái, đau lan toả xuống lưng ngực, khó thở, vai và cả cánh tay trái không dám cử động nhiều, nặng như bại liệt nửa người, mất ăn mất ngủ, mệt nhọc, mạch can huyền vô lực, phế phù sác, tỳ phù hoãn.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm: Tuỳ chứng trạng:

- Hàn thấp ứ trệ nặng nề gia thêm lượng thiên niên kiện, giàng xay, ý dĩ và thổ phục linh.
- Khí hư hàn gia thêm can khương
- Huyết ứ do hàn thấp gia khương hoàng và nhục quế.
- Tỳ hàn thấp ăn uống chậm tiêu gia rau mơ, củ sả, trần bì.
- Khó ngủ gia thêm lá vông, lạc tiên.
- Tiêu ứ hoạt huyết gia thêm trâu cổ, rễ nhàu.

131. ÔN KINH NHUẬN HUYẾT TÁN HÀN KHAI UẤT THANG

Rễ đinh lăng	8g
Trắc bách diệp (sao)	8g
Đậu săng (sao)	8g
Gừng khô	4g
Nhục quế	4g
Ngải cứu	4g
Kê huyết đằng	8g
Hương phụ (chế)	8g
Khương hoàng	6g
Xương bồ	4g
Trần bì	4g
Tía tô cành	8g
Rễ tức	8g
Cây dâu	8g
Chỉ xác (sao)	8g

Chủ trị:

Phong hàn uất bế gây đau tức nhói hông phải, hạ sườn phải không đứng thẳng được, đi cử động đau tức không chịu nổi, hai bên đùi nổi lên những vệt bầm tím rải rác ấn tay vào không thấy đau, chỉ thấy gân mạch chạy rần rần và chân đau mỏi, mạch các bộ trầm trì, can mạch huyền trì.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Mỗi ngày 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Sau khi uống thuốc trên người bệnh chân tay còn lạnh và nặng nề, chưa muốn ăn (là do

trung khí còn suy, tỳ vị vận hoá kém) khí huyết còn suy, ngủ kém các vệt tím bầm chưa tan hết cho dùng thêm thang sau:

Điều khí hoạt huyết khai uất thang

Rễ đinh lăng	8g
Cây đậu săng (sao)	8g
Cây dâu	8g
Huyết rồng	8g
Trần bì	4g
Hương phụ (chế)	8g
Rau mơ	8g
Thương nhĩ	8g
Từ bi	4g
Sinh khương	3g
Hà thủ ô	8g
Lạc tiên	8g
Lá vông	6g
Xương bồ	4g

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống liên tục cho đến khi bệnh khỏi hẳn.

132. BỔ ÂM CỨU HUYẾT DỊCH THANG

Hà thủ ô (chế đậu đen)	10g
Cây dâu	8g
Dây gùi	8g
Rễ cỏ xước	8g
Ngũ gia bì	8g
Tang ký sinh	8g
Rễ nhàu	8g
Vòi voi (sao)	8g
Thần thông	8g
Huyết rồng	8g
Đỗ trọng	8g
Tục đoạn	6g

Chủ trị:

Thận thuỷ suy, âm tinh huyết dịch hao kiệt, phong hoả kích động trong các gân mạch, thiêu đốt cơ nhục, gây cơ thể suy nhược, da nhăn má hóp, người gầy guộc đi đứng không nổi do: đau còng (khòm) lưng khi đi phải khòm không ngay lên được, mỗi khi phát ban đau cơ lưng như rút lại, nằm xuống, ngồi lên rất khó khăn phải có người nâng đỡ, không dám chạm mạnh, không dám trở mình, đau không ngủ được, mệt nhọc, lúc giảm đau đi đứng thẳng lên được, mạch thận trầm tế, tỳ hoãn đại, tâm can huyền hữu lực.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày. Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Sau khi uống bài thuốc trên liên tiếp trong 3 tuần thay dùng phương sau:

Bổ âm tiêu thấp lợi thuỷ giải uất nhiệt thang

Hà thủ ô	10g
Đậu đen (sao)	10g
Huyết rồng	8g
Cây dâu	8g
Rễ nhàu	8g
Rễ cỏ xước	8g
Ý dĩ	10g
Thiên niên kiện	8g
Đỗ trọng	8g
Quế chi	4g

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Uống liên tiếp cho đến khi bệnh khỏi hẳn.

Chú ý gia giảm:

Trong khi uống thang thuốc này tuỳ diễn biến chứng trạng mà gia vị:

- Tỳ suy ăn uống chậm tiêu gia thêm: Rau mơ, vỏ quýt.
- Đại tiện táo gia thêm: lá muồng trâu (sao).
- Tiểu tiện nóng, gắt gia thêm: Rễ cỏ tranh hoặc thổ phục linh.
- Hư hoả xông lên váng đầu hoa mắt gia thêm: Cúc hoa, lá từ bi.
- Tim nóng ít ngủ gia thêm: lạc tiên, tơ hồng.

dám chạm mạnh, không dám trở mình, đau không ngủ được, mệt nhọc, lúc giảm đau đi đứng thẳng lên được, mạch thận trầm tế, tỳ hoãn đại, tâm can huyền hữu lực.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày. Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Sau khi uống bài thuốc trên liên tiếp trong 3 tuần thay dùng phương sau:

Bổ âm tiêu thấp lợi thuỷ giải uất nhiệt thang

Hà thủ ô	10g
Đậu đen (sao)	10g
Huyết rồng	8g
Cây dâu	8g
Rễ nhàu	8g
Rễ cỏ xước	8g
Ý dĩ	10g
Thiên niên kiện	8g
Đỗ trọng	8g
Quế chi	4g

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Uống liên tiếp cho đến khi bệnh khỏi hẳn.

Chú ý gia giảm: Trong khi uống thang thuốc này tuỳ diễn biến chứng trạng mà gia vị:

- Tỳ suy ăn uống chậm tiêu gia thêm: Rau mơ, vỏ quýt.

- Đại tiện táo gia thêm: lá muồng trâu (sao).

- Tiểu tiện nóng, gắt gia thêm: Rễ cỏ tranh hoặc thổ phục linh.

- Hư hoả xông lên váng đầu hoa mắt gia thêm: Cúc hoa, lá từ bi.

- Tim nóng ít ngủ gia thêm: lạc tiên, tơ hồng.

133. ÔN BỔ THẬN DƯƠNG TÁN HÀN KHU PHONG TRỪ THẤP THANG

Hà thủ ô	8g
Đậu đen (sao)	10g
Dây gùi	8g
Huyết rồng	8g
Cây dâu	8g
Rễ đinh lăng	8g
Đậu săng (sao)	8g
Đỗ trọng	8g
Tục đoạn	8g
Thiên niên kiện	8g
Ngũ gia bì	8g
Quế chi	8g

Chủ trị:

Cơ thể suy nhược thận dương hư hàn. Phong hàn thấp thừa cơ xâm nhiễm từ dưới chân trước lên đến thắt lưng ngưng tụ gây đau ngang thắt lưng, chỉ đau giữa xương sống rồi lan ra hai bên lưng lan dần xuống hai chân, đau và nặng đi đứng khó khăn, nằm ngồi bất tiện, mỗi khi phát đau, khí nóng từ dưới xông lên nóng ngực, nặng đầu, hoa mắt choáng váng vai và cổ cũng lâm râm đau, thân mình ngoài da và chân tay lạnh, mạch thận trầm trì, tâm can huyền khẩn.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Trong quá trình điều trị ở một cơ thể suy nhược, bệnh này có nhiều diễn biến phức tạp; tuỳ theo chứng mà gia giảm thành nhiều phương, nhưng cơ bản vẫn là phép: ôn bổ thận dương, tán hàn, khu phong trừ thấp như sau:

- Thắt lưng còn đau, đầu nặng, mắt mờ dùng phương trên gia thêm:

Cúc hoa	8g

- Huyết suy hàn khí chưa giải hết dùng phương trên bỏ các vị: Tục đoạn, cành dâu, gia thêm:

Dây đau xương (sao)	8g
Rễ nhàu	8g
Trần bì	4g

- Thấp khí chạy dồn xuống dưới (thân mình giảm đau hai chân còn nặng mà muốn sưng) dùng phương trên bỏ: Dây gùi, cành dâu, tục đoạn, đậu săng gia thêm:

Ý dĩ	10g

Giằng xay (cối xay)	8g
Thổ phục linh	8g

- Thấp khí và trọc thuỷ ở trung tiêu chưa giải hết theo uất nhiệt nghịch xông lên ngực ngăn trở khí quản gây nặng ngực, ho khò khè. Tiếp tục dùng phương trên bỏ: Đậu đen, dây gùi, cành dâu, tục đoạn, đậu săng, ngũ gia bì gia thêm:

Rễ chỉ thiên (sao)	8g
Vỏ quýt	4g
ý dĩ	10g
Kiến cò	8g
Rau tần dày lá (húng chanh)	5 lá
Gừng tươi	3 lát

134. ÔN BỔ THẬN DƯƠNG TÁN HÀN THÔNG KINH HOẠT LẠC THANG

Dây gùi	10g
Đỗ trọng	8g
Huyết rồng	8g
Quế chi	4g
Rễ nhàu	8g
Ngũ gia bì	8g
Đậu săng (sao)	8g
Sa nhân	5g
Vỏ quýt	4g
Gừng tươi	3g

Chủ trị:

Thận dương khí suy, ngưng trệ, hàn thấp khí xâm nhập:

Đau lưng rất nặng, khi đau mặt tái xanh, hơi thở đoản, thân mình chân tay đều lạnh, đau không ngồi được, người lừ đừ mệt nhọc, buồn bực, hỏi không muốn nói, đầu nặng mắt mờ, mạch mệnh môn trầm vi, các bộ trầm tế nhược.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Hàn thấp còn ứ trệ nơi mạch Đốc và sau xương sống dùng thang trên gia thêm:

Ý dĩ	10g
Thổ phục linh	8g
Ổi khương	4g

- Dương khí còn suy, tâm huyết chưa đủ bổ sung, kinh mạch thiếu ôn ấm và hoạt lợi bình thường, thấy còn ứ trệ dùng thay phương trên bằng phương sau:

Bổ thận dương điều huyết ích khí trừ thấp phương.

Hà thủ ô	10g
Đỗ trọng	8g
Huyết rồng	8g
Rễ nhàu	8g
Vỏ quýt	4g
Củ sả	4g
Xương bồ	4g
Quế chi	4g
Dây gùi	10g
Kinh giới	8g
Cúc hoa	4g
Tục đoạn	8g
Thổ phục linh	8g
Ý dĩ	10g
Thiên niên kiện	8g

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống liên tục cho đến khi các chứng đều khỏi.

135. BỔ HUYẾT KHU PHONG TRỪ THẤP DƯỠNG CỐT TUỶ THANG

Dây đau xương (sao)	8g
Vòi voi (sao)	8g
Trinh nữ (sao)	8g
Thần thông	2g
Rễ nhàu	8g
Rễ cỏ xước	8g
Thổ phục linh	8g
Ngũ gia bì	8g
Dây gùi	8g

Huyết rồng	8g
Cốt toái bổ	8g
Thiên niên kiện	8g
Ngũ trảo	4g

Chủ trị:

Cảm nhiễm phong thấp lâu ngày, xâm nhập cốt tuỷ, đau đốt xương cùng , đau như lấy đá đập vào nhức lan toả ra hai bên hông (bàn toạ), đau thẳng xuống hai chân, không ngồi và đi đứng được, chỉ nằm sấp eo lưng hơi sưng và nhức không dám chạm vào, đau quá không thể nói được, từ đầu xuống cuối gân rút cứng, mạch thận trầm vi, tỳ hoãn, can trầm vô lực.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Người bệnh xương cùng đã giảm đau, đi đứng được, phong thấp đã giải nhưng eo lưng còn đau chưa giảm xoay trở. Dùng thang trên bỏ các vị:

Vòi voi, thần thông, thổ phục linh, ngũ trảo, huyết rồng.

Gia lượng: Dây gùi 10g và thêm:

Tang ký sinh	8g
Nhục quế	4g

để bổ thận sinh tinh tuỷ dưỡng cốt và nhuận huyết thông kinh khí. Uống liên tục đến khi các chứng trên đều khỏi.

136. ĐIỀU KHÍ HOẠT HUYẾT KHU PHONG TIÊU ĐỘC THANG

Dây gùi	8g
Huyết rồng	8g
Rễ đinh lăng	8g
Cây đậu săng (sao)	8g
Ké đầu ngựa	8g
Vòi voi (sao)	8g
Thần thông	2g
Ý dĩ	10g
Thiên niên kiện	8g
Ngũ gia bì	8g
Quế chi	4g
Khương hoàng	6g
Rau mơ	8g
Sinh khương	3g

Chủ trị:

Người khí hư, huyết kém cảm nhiễm phong hàn thấp tà xâm nhập cân mạch khiến khí huyết khó lưu thông ứ trệ sinh đau nhức cánh tay, cả tay nặng không cử động được, ngón tay co rút không co duỗi, không nắm được.

Khi phát đau thì cánh tay, bàn tay, thân mình thấy nóng và mỏi, ngực hơi nặng, cổ vướng đờm, thúng thắng ho. Đùi vế, ống chân loáng thoáng có những nốt xanh tím bằng hạt đậu nổi lên, ấn vào mềm không đau chỉ hơi rát. Mạch phế và tỳ nhu nhược, can huyền đại vô lực, tâm huyền nhược.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày, ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Sau 2 tuần dùng thuốc thấp chưa giải hết, gân mạch chưa thông hoạt tiếp tục dùng phương trên bỏ: Đậu săng, thương nhĩ, huyết rồng gia thêm:

Rễ nhàu	8g
Hà thủ ô	10g

Tiếp tục uống mỗi ngày 1 thang cho tới khi bệnh khỏi hoàn toàn.

137. ĐIỀU BỔ KHÍ HUYẾT NHUẬN DƯỠNG CÂN LẠC GIẢI PHONG NHIỆT THANG

Huyết rồng	8g
Cây dâu	8g
Trinh nữ	8g
Vòi voi	8g
Thần thông	2g
Ý dĩ	10g
Vỏ quýt	4g
Thiên niên kiện	8g
Rễ nhàu	8g
Đậu săng (sao)	8g

Chủ trị:

Đau cánh tay phải do khí suy huyết kém, phong thấp nhiệt xâm nhập cơ nhục kinh mạch làm cánh tay phải đau đớn nặng nề, co rút không duỗi thẳng ra được. Từ vai đến cùi tay đau nhức nặng nề khó cử động, muốn nâng lên phải dùng tay trái đỡ. Mạch phế phù sác, tỳ hoãn, tâm can huyền đại, vô lực.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Sau 2 tuần điều trị phong nhiệt đã giảm nhưng thấp còn ứ trệ, huyết dịch chưa bổ sung đầy đủ dùng tiếp phương trên bỏ trinh nữ.

Gia thêm:

Đỗ trọng	8g
Rễ cỏ xước	8g
Tang ký sinh	8g
Quế chi	4g

Tiếp tục uống mỗi ngày một thang cho tới khi bệnh khỏi hoàn toàn.

138. NHUẬN HUYẾT TIÊU PHONG GIẢI ĐỘC THANG

Cối xay	8g
Trinh nữ	8g
Thương nhĩ	8g
Thần thông	2g
Ngũ trảo	4g
Từ bi	4g
Cây dâu	8g
Tang ký sinh	8g
Huyết rồng	8g
Vòi voi (sao)	8g
Thiên niên kiện	8g
Rễ nhàu	8g
Gừng tươi	3 lát

Chủ trị:

Sưng nhức tay và lưng do huyết hư, phong nhiệt phát động kết độc, cánh tay đau nhức sưng lan ra sau lưng và xương sống, mỗi khi cử động đau không chịu được, nặng nề khó co duỗi, ngoài da nổi mụn nhỏ ngứa ngáy khó chịu, chỉ ngứa từ nách ra cánh tay, người nóng, ít ngủ vì ban đêm ngứa và đau nhức. Mạch tả quan, thốn, phù sác vô lực.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Sau 2 tuần uống thuốc cánh tay bớt nhức, mụn giảm rất nhiều nhưng độc chưa giải hết, khí huyết còn ứ trệ: thay dùng phương sau để điều khí hoạt huyết và tiêu độc.

Hà thủ ô	8g
Huyết rồng	8g
Rễ nhàu	8g
Cây dâu	8g
Tang ký sinh	8g
Thiên niên kiện	8g
Ngũ trảo	4g
Thần thông	2g
Gừng tươi	3 lát

Uống liên tục mỗi ngày 1 thang đến khi các chứng bệnh khỏi hẳn thì thôi.

139. TIÊU Ứ GIẢI ĐỘC THANG

Củ ráng bay (cốt toái bổ lá sồi) sao muối	8g
Thổ phục linh	8g
Thiên niên kiện	8g
Bồ công anh	8g
Kim ngân hoa	8g
Ý dĩ	10g
Xa tiền	8g
Cây dâu	8g
Quế chi	4g
Trinh nữ	8g
Rễ cỏ xước	8g
Xuyên sơn giáp (sao)	8g
Một dược	4g
Hà thủ ô	8g
Trần bì	8g

Chủ trị:

Đau chân sưng to do phong đờm thấp trệ huyết ứ chân trái sưng to từ gối xuống, cẳng chân to bằng cái gối nhỏ, sắc da bầm tím, sờ tay vào cứng như da cây, ấn tay thật mạnh thì hơi lún vào một ít, không biết đau mất cảm giác. Các nơi khác đùi về và chân phải động vào đau nhưng không cứng, đi lại nặng nề chậm chạp phải có người dìu đỡ, ăn ngủ kém mệt nhọc.

Mạch thận trầm hoạt, tỳ hoãn.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày. Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Sau 3 tuần uống phương trên nơi cẳng chân sưng cứng bớt bầm tím, sắc da có màu ửng tươi, mềm bớt nặng, các nơi khác cảm thấy nhẹ nhàng, thay dùng phương thuốc sau:

Hà thủ ô	8g
Kim ngân hoa	8g
Ý dĩ	10g
Vỏ quýt	4g
Xuyên sơn giáp	8g
Quế chi	4g
Thổ phục linh	8g
Bồ công anh	8g
Củ ráng bay (sao)	8g
Một dược	4g

Cho uống liên tục thang này mỗi ngày uống 1 thang cho đến khi chân nhỏ lại, sắc da tươi lại, đi đứng nhẹ nhàng thì thôi.

140. TRỢ THẬN DƯƠNG TIÊU Ứ THẤM THẤP HẠ TRỌC THỦY THANG

Dây gùi	8g
Rễ cỏ xước	8g
Vòi voi (sao)	8g
Ngũ gia bì	8g
Thiên niên kiện	8g
Ý dĩ	10g
Vỏ quýt	4g
Quế chi	4g
Từ bi	4g
Cây dâu	8g

Chủ trị:

Hai bàn chân sưng to, bầm tím đau nhức từ đùi xuống, hai bàn chân nặng trĩu không đi đứng được, đi đứng nhiều hai chân phát run kèm đau lưng nhức mỏi, thể trạng tiều tuỵ, hơi thở mệt... mạch trầm tế, tâm can huyền hoạt, tỳ hoãn. Các chứng trên đều do thận thiếu chức năng bài tiết trọc thuỷ, hàn thấp ứ trệ hiệp với huyết hư.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Hàn thấp còn gia thêm:

Cối xay	8g
Cỏ xước	8g

- Ăn chậm tiêu gia thêm:

Rau mơ	8g
Vỏ quýt	8g

- Đau mỏi lưng, vai, cơ thể gia thêm:

Rễ nhàu	8g
Trâu cổ	10g
Đỗ trọng	8g

- Tiểu ít gia thêm:

Thổ phục linh	8g
Rễ cỏ tranh	8g

141. ÔN BỔ THẬN DƯƠNG HOẠT HUYẾT HÀNH KHÍ TIÊU THẤP THANG

Dây gùi	8g
Cây dâu	8g
Đậu đen sao	10g
Đỗ trọng	8g
Quế chi	4g
Tang ký sinh	8g
Rễ cỏ xước	8g
Ngũ gia bì	8g
Cối xay	8g
Thần thông	2g

Rễ nhàu	8g
Thảo quyết minh	8g
Lạc tiên	8g
Bù ngót	8g
Huyết rồng	8g

Chủ trị:

Vọp bẻ chân đau gân rút (chuột rút)

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

142. BỔ HUYẾT TƯ DƯỠNG CÂN MẠCH TIÊU THẤP GIẢI PHONG PHƯƠNG

Hà thủ ô	8g
Cây dâu	8g
Huyết rồng	8g
Tang ký sinh	8g
Dây đau xương (sao)	8g
Vòi voi (sao)	8g
Cối xay	8g
Thiên niên kiện	8g
Thổ phục linh	8g
Mộc thông	6g
Thần thông	2g
Rễ đinh lăng	8g
Cây đậu săng	8g
Vỏ quýt	8g

Chủ trị:

Sưng đau khớp mắt cá chân và dưới hai bàn chân không đi lại được, đau chạy lan khắp thân mình xoay trở khó khăn, mười ngón tay co rút không duỗi thẳng được, mạch thận trầm nhược, can huyền cấp, tỳ hoãn đại. Các chứng trên là do nhiễm phong tà kết hợp thấp khí phục sẵn bên trong dẫn động gây khí huyết ngưng trệ. Khí huyết ngưng trệ ở đâu gây đau nhức nặng nề nơi đó.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Người bệnh ăn chậm tiêu bỏ: vòi voi, cối xay, mộc thông gia thêm:

Rau mơ	8g

- Âm huyết còn suy kém, hư hoả bốc lên nhiều làm đầu choáng váng, nóng hầm hầm, ít ngủ người mệt mỏi ngón tay co duỗi còn hơi cứng thay dùng phương sau:

Hà thủ ô	8g
Đậu đen (sao)	8g
Dây gùi	8g
Sài đất	8g
Cúc hoa	8g
Lạc tiên	8g
Tơ hồng	8g
Rau mơ	8g
Rễ cỏ xước	8g
Từ bi	5g

Sắc uống liên tục mỗi ngày 1 thang cho đến khi hết bệnh, tay chân co duỗi đi lại bình thường.

143. TÁN PHONG THÔNG KINH HOẠT HUYẾT THANG

Huyết rồng	8g
Ngũ trảo	5g
Quế chi	6g
Sinh khương	3 lát
Lá lốt	4g
Cối xay	8g
Trinh nữ	8g
Rễ nhàu	8g
Đỗ trọng	8g
Tang ký sinh	8g
Vòi voi	8g

Chủ trị:

Đau ngang thắt lưng nhiều ngày như có vật gì châm chích vào lưng chạy xuống chân trái khi nằm ngồi thì lưng đau chân co rút rất khó chịu, ngại đi đứng, vận động khó khăn, đêm đau nhiều khó ngủ, mạch thận trầm tri, tả quan và thốn đều phù nhu. (Các chứng trên do phong hàn tà xâm nhập làm khí không

thông, huyết không hoạt, phong hàn tà lưu trệ từ lưng xuống chân trái mà sinh đau).

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày. Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Thấp khí còn lưu trệ, huyết phận chưa được bổ sung, gân mạch thiếu hoạt nhuận bỏ các vị: Lá lốt, ngũ trảo, vòi voi, giảng xay, gia thêm:

Hà thủ ô	10g
Cành dâu	8g

- Ăn chậm tiêu, ít ngủ, người nặng nề và mệt mỏi dùng phương đã gia giảm trên gia thêm:

Rau mơ	8g
Lạc tiên	8g
Hương phụ	8g
Từ bi	4g
Vỏ quýt	8g

Sắc uống liên tục mỗi ngày 1 thang cho đến khi các chứng bệnh khỏi hết.

144. NHÂN SÂM BẠI ĐỘC GIA VỊ THANG

Nhân sâm	8g
Độc hoạt	8g
Xuyên khung	8g
Cát cánh (sao)	8g
Khương hoạt	8g
Tiền hồ	8g
Phục linh	8g
Chỉ xác	8g
Sài hồ	8g
Cam thảo	4g
Lá lốt	4g
Phòng phong	8g
Bạch chỉ	8g
Mộc qua	4g
Phòng kỷ	8g

Chủ trị:

Phong thấp nhức mỏi vai trái kèm theo cảm giác tê rần mặt ngoài cánh tay chủ yếu là mỏi khi cánh tay trái không cử động (lúc cử động thì hết mỏi) đồng thời từ thắt lưng xuống chân cũng tê mỏi, sắc mặt xanh, người uể oải, tiếng nói và hơi thở nhỏ yếu, mạch trầm hoạt hữu lực.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Sau 3 tuần điều trị đau nhức vai tê rần giảm nhiều nhưng khí huyết còn suy kém đổi dùng thang sau:

Độc hoạt ký sinh

Độc hoạt	8g
Bạch thược	12g
Phòng phong	8g
Xuyên khung	8g
Tang ký sinh	20g
Ngưu tất	8g
Tần giao	12g
Đỗ trọng	12g
Tế tân	4g
Đảng sâm	8g
Đương quy	12g
Phục linh	12g
Cam thảo	6g
Quế tâm	4g
Sinh địa	12g

Để vừa thông kinh, hoạt huyết vừa bổ khí bổ huyết, bổ can thận và trừ phong thấp. Sắc uống mỗi ngày 1 thang, uống đến khi lành bệnh hẳn.

145. ĐỘC HOẠT KÝ SINH GIA VỊ THANG

Độc hoạt	8g
Tang ký sinh	16g
Tần giao	8g
Phòng phong	8g
Tế tân	4g
Xuyên khung	4g
Đương quy	12g
Thục địa	12g

Bạch thược	12g
Nhục quế	4g
Phục linh	12g
Đỗ trọng	12g
Ngưu tất	12g
Đảng sâm	8g
Cam thảo	4g
Mộc qua	8g
Phòng kỷ	8g
Tục đoạn	8g
Ý dĩ	20g
Nhũ hương	6g
Một dược	6g
Mã tiền chế	2g

Chủ trị:

Ma mộc chứng (viêm thần kinh toạ) đau từ thắt lưng dẫn xuống mông lan xuống đùi đến bàn chân, rồi chân không cử động được, không co duỗi được, mất cảm giác, mạch trầm tế vô lực, do cảm nhiễm phong hàn thấp, khí huyết hư.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia làm 3 lần uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Chứng ma mộc liệt cả hai chân chữa cũng dùng phương Độc hoạt ký sinh gia mộc qua, phòng kỷ, tục đoạn, nhũ hương, một dược với lượng thích hợp.

146. MỘC QUA PHÒNG KỶ THANG

Mộc qua	10g
Phòng kỷ	8g
Lá lốt	10g
Ý dĩ	20g
Quế chi	6g
Phòng phong	6g
Độc hoạt	8g
Hà thủ ô	10g
Ngưu tất	8g
Ngũ gia bì	8g
Thiên niên kiện	8g
Thổ phục linh	8g
Xuyên khung	6g
Hắc khương	6g
Ké đầu ngựa	10g
Phục linh	8g
Nhũ hương	6g
Một dược	6g

Chủ trị:

Phong hàn thấp gây đau từ lưng xuống đến mông, đến bàn chân, gót chân (toạ cốt thống).

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia 2 lần uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

147. ĐỘC HOẠT KÝ SINH THANG GIA VỊ

Độc hoạt	8g
Tang ký sinh	16g
Tần giao	8g
Phòng phong	8g
Tế tân	4g
Xuyên khung	4g
Đương quy	12g
Thục địa	12g
Bạch thược	12g
Nhục quế	4g
Phục linh	12g
Đỗ trọng	12g
Ngưu tất	12g
Đảng sâm	8g
Cam thảo	4g
Tục đoạn	8g
Nhũ hương	6g
Một dược	6g

Chủ trị:

Đau nhức dữ khớp háng phải khi đi phải có gậy chống, duỗi thẳng chân như người cứng khớp gối, không ngồi chàng hảng được, bệnh tiến triển không còn sử dụng được chân phải, muốn đi lại, di chuyển phải có nạng; mạch

trầm trì, rêu lưỡi trắng mỏng, đại tiểu tiện bình thường là do hàn khí xâm nhập dinh huyết làm đình trệ sự lưu hành huyết dịch nuôi dưỡng hạ chi bị hạn chế.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

148. TÊ THẤP TÁN

Cốt khí căn	28g
Cốt toái bổ	12g
Hà thủ ô đỏ chế	20g
Trần bì	4g
Thiên niên kiện	8g
Quế tiêm	4g
Xương bồ	8g
Ngưu tất	12g
Hy thiêm	12g
Trinh nữ	12g
Hoa đu đủ đực	8g
Cam thảo	4g
Dây đau xương	12g
Xương truật (tẩm nước gạo sao vàng)	12g
Ngũ gia bì	8g

Chủ trị:

Tê thấp: Da thịt, khớp xương đau nhức, sưng to, nặng nề hoặc tê dại, có khi từng khớp sưng tấy đỏ đau nóng, phát bệnh có khi đột ngột, có khi từ từ.

Bài thuốc này kiêm trị cả phong hàn thấp tý và nhiệt tý khác nhau ở chỗ gia giảm vị thuốc và liều lượng của vị thuốc cho phù hợp với từng loại hình bệnh cảnh (thiên thắng) trên thực tiễn lâm sàng như sau:

- Loại phong hàn thấp tý:

+ Hành tý (phong thắng) chứng chủ yếu chân tay, thân mình, khớp xương đau nhức không ở một chỗ nhất định mà khi ở chỗ này khi chạy chỗ khác thì dùng bài trên gia thêm lượng của:

Trinh nữ từ 12g lên 16g

Hy thiêm từ 12g lên 16g

+ Thống tý (hàn thắng) chứng chủ yếu chân tay thân mình, khớp xương đau nhức một chỗ cố định không di chuyển. Đau kịch liệt đau như dùi đâm. Lạnh càng đau dữ, khớp xương khó co duỗi. Chỗ đau không đỏ, sờ không nóng thì dùng bài trên gia thêm lượng của:

Thiên niên kiện từ 8g lên 12g

Quế tiêm từ 4g lên 12g

+ Trước tý (thấp thắng) chứng chủ yếu chân tay, thân mình nặng nề, da thịt tê dại, đau cố định một chỗ không chạy thi dùng bài trên gia thêm lượng của:

Xương truật từ 12g lên 16g

Ngũ gia bì từ 8g lên 12g

- Loại nhiệt tý:

Chứng trạng chủ yếu: khớp xương đau nhức, chỗ đau sưng tấy, đỏ, nóng, dùng thức mát thì dễ chịu, một hoặc nhiều khớp xương hoạt động khó khăn, phần nhiều có phát sốt, sợ gió, miệng khát, tâm phiền không yên dùng bài trên bỏ quế tiêm và gia thêm:

Sinh địa	10g
Cát căn	16g

Cách dùng - liều lượng:

Các vị phơi sấy khô, trộn đều các vị thuốc theo liều lượng của từng loại hình bệnh, tán bột mịn và để riêng từng loại bột thuốc, gặp loại hình bệnh nào sẽ sử dụng bột thuốc của loại bệnh ấy.

- Đối với từng loại hình bệnh (hành tý, thống tý, trước tý) thuộc phong hàn thấp tý: Sau khi đã chẩn đoán chính xác thì cân lấy 100g bột thuốc của từng loại hình đó ngâm với 100ml nước sôi trong 30 phút, sau đó cho thêm 500ml rượu trắng 45°, ngâm 24 giờ.

Mỗi ngày uống 3 lần, mỗi lần uống 30ml (1 chén con) (trước 2 bữa ăn và trước khi đi ngủ).

Người không uống được rượu thì pha thêm ít nước sôi vào thuốc cho nhẹ bớt độ rượu.

- Đối với loại hình bệnh thuộc thể nhiệt tý thì lấy 50g thuốc bột của loại nhiệt tý cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày (sáng, chiều và tối).

Chú ý:

Sử dụng thang với thuốc bột trước hết phải chẩn đoán xác định là tê thấp thuộc loại hình nào thì dùng thuốc bột theo loại hình bệnh ấy và tuỳ sự biến chứng của từng loại mà uống với thang như sau:

- Nếu phù nề bụng và chân: Lấy 16g rễ cây dứa dại cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc uống với 50g bột thuốc chia uống 3 lần trong ngày (sáng, chiều, tối). Phù nề rút thì thôi ngay không dùng dứa dại nữa.

- Nếu mẩn ngứa dữ dội ngoài da, thang bằng:

Ké đầu ngựa	8g
Thổ phục linh	20g
Huyền sâm	12g

Cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, uống với 50g bột thuốc chia uống 3 lần trong ngày (sáng, trưa, tối) khỏi mẩn ngứa thì thôi ngay không dùng thang nữa.

- Phụ nữ rối loạn kinh nguyệt, huyết có hòn cục, ra khí hư hoặc đau ở vùng dạ con, thang bằng:

Địa du	16g
Bạch đồng nữ	12g
Ngải diệp	8g
Ích mẫu	12g

Cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc uống với 50g bột thuốc chia uống 3 lần trong ngày (sáng, trưa, tối). Hết rối loạn kinh nguyệt, khí hư và đau vùng dạ con thì thôi không dùng thang nữa.

Tất cả các trường hợp hết biến chứng thì thôi không dùng thang nữa nhưng vẫn uống tiếp tục thuốc ngâm rượu và sắc như trên theo từng loại hình bệnh.

- Kết hợp thuốc uống trong với thuốc ngâm, đồ, đắp ngoài:

+ Bã rượu thuốc còn lại cho thêm:

Lá bưởi tươi	400g
Lá cúc tần tươi	400g
Lá sả tươi	100g

Đun trong 15 phút, đổ ra chậu để vừa nóng, cho 2 chân vào ngâm, ngâm đến khi nước nguội thì thôi.

+ Thuốc đồ ngoài tan sưng.

Củ chìa vôi

Lá sài đất tươi

Lá Ngải cứu tươi

Lá thầu dầu tươi

Các vị lượng bằng nhau, giã nát nhuyễn, tối đi ngủ đắp vào chỗ đau băng lại, sáng bỏ đi, tối lại đắp miếng khác.

- Nếu chỗ đau lạnh dùng:

Củ sả tươi	20g
Ngải cứu tươi	20g
Gừng sống	5g

Các vị giã nát, sao nóng với rượu. Tối đắp vào chỗ sưng đau băng lại, ngày bỏ đi, tối lại đắp miếng khác.

- Nếu ngoài da bị lở loét dùng:

Hoa chổi xể sao vàng, tán bột mịn, rắc lên chỗ lở loét đã được rửa sạch.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn cua, ếch, lươn, thịt chó, cà chua, cá không vẩy, tôm.

- Phụ nữ có thai cấm dùng.

149. TỲ GIẢI THƯƠNG NHĨ THANG

Tỳ giải	20g
Thương nhĩ tử (sao hết gai)	15g
Rễ cỏ xước (sao vàng)	12g
Trinh nữ (thân, rễ sao vàng)	12g
Tầm xuân (thân, rễ sao vàng)	15g
Ngũ gia bì	15g
Bồ công anh	10g

Chủ trị:

Tê thấp: Da thịt bị tê, các ống xương chân tay đau nhức.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày. Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng cà, cá không vẩy, rau muống sống.

- Phụ nữ có thai không dùng.

150. THUỐC THẤP CHÙA ĐỒNG 1 hay THUỐC THẤP TRẮNG

(Thuốc có màu trắng)

Hoàng nàn chế (sao vàng)	280g
Nam sâm (sao vàng)	120g
Bạch đàn (sao vàng)	120g
Thanh đậu (sao vàng)	120g
Hương phụ (tứ chế)	120g

Thăng ma	40g
Cam thảo	40g

Chủ trị:

Chứng phong thấp nhiệt, các khớp sưng đau, tê mỏi, háo khát, nước tiểu vàng, đau nhức và nóng rát bàn chân.

Cách dùng - liều lượng:

Hoàng nàn chế: Hoàng nàn ngâm nước gạo đặc 3 ngày 3 đêm, thay nước gạo nhiều lần cạo sạch vỏ vàng thái nhỏ phơi khô.

Hương phụ tứ chế: Hương phụ ngâm nước tiểu trẻ em mới tiểu một đêm, rửa sạch phơi khô chia làm ba phần: một phần tẩm rượu, một phần tẩm muối, một phần tẩm giấm sao giòn.

Tất cả các vị sao chế, sấy khô hợp lại tán bột mịn.

Mỗi lần uống 4g. Ngày uống 2 lần (sáng và tối), uống với nước chín nguội.

Thuốc có Hoàng nàn độc sử dụng phải hết sức thận trọng.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các chất cay, nóng, dầu, mỡ.
- Phụ nữ có thai không được dùng.

151. THUỐC THẤP CHÙA ĐỒNG 2 hay THUỐC THẤP ĐỎ

(thuốc có màu đỏ)

Mộc hương	40g
Đinh hương (sao giòn)	40g
Quế chi (sao giòn)	120g
Đại hồi (sao giòn)	80g
Huyết giác (sao giòn)	120g
Thương truật (tẩm nước gạo một đêm sao)	120g

Chủ trị:

Chứng hàn thấp, đau sưng các khớp, chân tay lạnh, nước tiểu vàng, trời lạnh đau tăng.

Cách dùng - liều lượng:

Tất cả các vị tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần (sáng, tối) mỗi lần 4g uống với nước chín ấm.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các chất sống, lạnh, khó tiêu.
- Phụ nữ có thai không được dùng.

152. THUỐC PHONG BÀ GIẰNG

Bột mã tiền chế	50g
Bột hương phụ tứ chế	13g
Bột mộc hương	8g
Bột địa liền	6g
Bột thương truật	20g
Bột quế chi	3g

Chủ trị:

Tê thấp, đau nhức, sưng khớp.

Cách dùng - liều lượng:

Các bột trên luyện hồ và tá dược vừa đủ hoàn 1000 viên (0,1g).

Mỗi ngày uống 4 viên, chia uống 2 lần với nước chín. Liều tối đa 6 - 8 viên ngày. Mỗi đợt điều trị uống 50 viên.

Chú ý:

Theo hướng dẫn (kinh nghiệm gia truyền) uống khi nào người bệnh thấy giật giật mới có kết quả , cần lưu ý thuốc có mã tiền độc, việc sử dụng phải hết sức thận trọng.

153. VIÊN PHONG THẤP

Bột mã tiền chế	40%
Bột cương tàm (tẩm rượu sao, tán)	20%
Bột uất kim	20%
Bột xuyên sơn giáp (sao cát, tán)	20%

Chủ trị:

Phong tê thấp: các khớp xương đau nhức, gân cốt suy yếu có duỗi khó khăn, tay chân tê buốt hoặc co quắp run rẩy, teo cơ, tê bại đi lại khó khăn.

Cách dùng - liều lượng:

Các bột sao chế đúng phương pháp, luyện hồ làm viên bằng hạt đậu xanh.

Người lớn: Ngày uống 1 lần 10 viên.

Trẻ em: 7 - 12 tuổi ngày uống 1 lần 3 - 4 viên.

13 - 16 tuổi ngày uống 1 lần 4 - 7 viên.

Uống với rượu hoặc nước chín.

Kiêng kỵ:

Phụ nữ có thai không được uống.

154. THẤP KHỚP THANG

Thàu tan huyết (giây tan huyết) (?)	20g
Rạc mạt vài (Rễ xuyên tiêu)	15g
Rạc tào đông (Rễ Đào rừng)	15g
Phác khảo cài (tầm gửi cây thảo rậm) (?)	15g
Cẩu ngẩu lực (Thổ phục linh)	10g

Chủ trị:

Viêm đa khớp cấp và đa khớp dạng thấp: sốt viêm rầm rộ có sưng nóng đỏ đau hoặc đau nhức mỏi các khớp, đau nhiều các khớp một lúc, khu trú một số khớp nhất định, đau các khớp ngón chân, ngón tay, tái đi tái lại nhiều lần, đau làm hạn chế vận động.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Trong điều trị, bài thuốc này cần kết hợp với xoa bóp, đắp lá và uống thêm rượu khớp như sau:

- Rượu xoa bóp:

Thiên niên kiện	100g
Xuyên tiêu	100g

Các vị tán dập ngâm vào 1000ml rượu trắng 45° trong hai ngày, đem xoa bóp lên các khớp sưng đau nhức mỏi.

- Đắp lá:

Lá bẩu chặm (lá sau sau hay thau thau) giã nhỏ trộn với rượu trắng, ngày đắp 2 lần (sáng, chiều).

- Rượu khớp:

Rễ cây Đào rừng	100g

Ngâm vào 1000ml rượu 45°, ngâm trong một tuần, đem uống. Ngày uống 2 lần (sáng, chiều), mỗi lần uống 20ml trước bữa ăn.

- Bệnh nhân mới uống thuốc lần đầu thường có phản ứng đau tăng ở tuần đầu, có bệnh nhân kêu đau không chịu được. Nhưng sang tuần 2 bệnh đã giảm dần.

155. THANH NHIỆT TIÊU PHONG HOẠT HUYẾT THANG

Ích mẫu	20g
Kinh giới	10g
Huyền sâm	10g
Sinh địa	10g
Ngải cứu	10g
Phòng phong	10g
Khương hoạt	10g
Kim ngân hoa	10g

Chủ trị:

Thấp khớp thể phong thắng: Bệnh mới phát, các khớp sưng đau nóng đỏ, di động, kèm sốt.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc để nguội chia uống 2 lần trong ngày vào lúc đói.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp dùng lá sống đối hoặc lá chỉ thiên giã nát thêm chút muối đắp vào nơi sưng.

Ngày đắp 1 lần.

156. TÁN HÀN HOẠT HUYẾT TRỪ THẤP THANG

Cỏ xước	20g
Cà gai	20g
Trinh nữ	10g
Phòng kỷ	20g
Lá lốt	10g
Củ dứa gai (dại)	10g
Ý dĩ	20g

Chủ trị:

Thấp khớp thể hàn thắng có các triệu chứng: Đau nhức, buốt mỏi các khớp, chân tay lạnh.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc để ấm chia uống 2 lần trong ngày vào lúc đói.

Ngày uống 1 thang.

157. ÔN TRUNG TÁN HÀN HOẠT HUYẾT TRỪ THẤP THANG

Cẩu tích	20g
Cốt toái bổ	10g
Thiên niên kiện	10g
Ý dĩ	20g
Ngải cứu	10g
Ngũ gia bì	10g
Quế chi tiêm	10g
Đậu đen (sao tồn tính)	10g

Chủ trị:

Thấp khớp thể hàn thắng

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc để ấm chia uống 2 lần trong ngày. Ngày uống 1 thang.

158. THẤM THẤP TRỪ PHONG LỢI TIỂU THANG

Ý dĩ	20g
Lá lốt	10g
Củ dứa dại	10g
Cà gai	10g
Thổ phục linh	10g
Ngũ gia bì	10g
Trinh nữ	10g
Một dược	4g
Hương nhu	4g

Chủ trị:

Thấp khớp thể thấp thắng có các triệu chứng: Thân thể nặng nề, mỏi, da trắng bạch.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày, ngày uống 1 thang.

159. RƯỢU THẤP KHỚP

Đinh hương	4g
Hồi hương	4g
Huyết giác	8g
Quế chi	8g
Mộc qua	8g
Bột long não	8g
Tục đoạn	4g
Nhục đậu khấu	8g
Thương truật	8g
Hắc phụ tử	4g
Tần giao	4g
Thiên niên kiện	8g

Chủ trị:

Thấp khớp các thể: phong, hàn, thấp

Cách dùng - liều lượng:

Các vị thuốc tán dập cho vào 1000ml rượu 45°, ngâm trong 7 ngày. Dùng xoa bóp vào các khớp sưng, đau.

Ngày xoa 2 lần (sáng và tối).

Kiêng kỵ:

Rượu thuốc này chỉ để xoa bóp cấm không được uống.

160. NGŨ GIA UY LINH THANG

Ngũ gia bì	16g
Uy linh tiên	12g
Hà thủ ô trắng	16g
Cẩu tích	10g
Cốt khí	12g
Huyết giác	10g
Độc hoạt	5g
Giây đau xương	5g

Chủ trị:

Viêm đa khớp dạng thấp

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

161. HUYẾT ĐẰNG ĐỘC HOẠT KÝ SINH THANG

Kê huyết đằng	60g
Tang ký sinh	60g
Độc hoạt (rễ muống biển)	40g
Hô đông bì (rễ dầu trẩu tía)	20g
U trặc chìu	20g
Tùng tiết	20g
Thạch xương bồ	12g
Thổ phục linh	40g
Nam khương hoạt (rễ cây hàm ếch)	40g

Chủ trị:

Thấp khớp

Cách dùng - liều lượng:

Rễ dầu trẩu tía cạo vỏ ngoài, thái mỏng tẩm mật sao.

Tăng ký sinh sao vàng.

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc cho thêm 30ml rượu trắng khuấy đều, chia uống 2 lần (sáng, chiều), uống lúc thuốc còn nóng.

Chú ý gia giảm:

- Hàn thắng gia thêm:

Quế chi	10g
Phụ tử chế	10g

- Thấp thắng gia thêm:

Tỳ giải	20g
Thương truật	16g

- Nhiệt thắng gia thêm:

Hoàng bá (vỏ núc nác)	20g
Nhân trần	16g

- Bệnh lâu ngày cơ thể suy nhược gia thêm:

Đảng sâm (sao gừng)	40g
Hoài sơn	40g
Thục địa (sao rượu, gừng)	60g

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ sống lạnh.

162. THANG TRỊ THẤP KHỚP

Rễ trinh nữ	12g
Rễ cỏ xước	12g
Nam phòng kỷ (rễ gấc)	12g
Rễ ngấy hương (đùm đũm)	12g
Rễ sắn thục (thiên niên kiện)	20g
Rễ mã chiên (mã tiên thảo)	8g
Rễ vòi voi	8g
Tang ký sinh	20g
Tỳ giải	16g
Độc lực (rễ quýt rừng)	12g
Quế chi	8g
Củ riềng	8g

Chủ trị:

Thấp khớp đầu gối sưng, đỏ, đau nhức không đi được.

Cách dùng - liều lượng:

Quế chi để sống, còn các vị khác sao vàng hạ thổ.

Tất cả các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần.

Uống nóng vào lúc đói.

Ngày uống 1 thang .

Chú ý:

Sau khi uống bài thuốc trên khỏi bệnh, uống thêm bài Tứ vật gia vị thang để củng cố, bồi bổ sức khoẻ:

Xuyên khung	12g
Đương quy (tẩm rượu sao)	16g
Thục địa (sao nước gừng, tẩm rượu)	20g
Bạch thược (sao rượu)	12g
Ngưu tất (tẩm rượu sao)	8g
Đảng sâm (tẩm gừng sao)	20g
Ý dĩ (sao vàng)	20g
Hoài sơn (sao nước gạo, vàng)	16g
Đỗ trọng	12g
Tục đoạn	12g

Các vị cho vào 600ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 3 lần lúc đói bụng và trước khi đi ngủ.

Uống 5 - 7 thang.

163. PHONG TÊ THẤP HOÀN

Bột mã tiền chế	40%
Bột uất kim	20%
Bột bạch cương tằm	20%
Bột xuyên sơn giáp	20%

Chủ trị:

Các khớp xương đau nhức, gân cốt suy yếu, co duỗi khó khăn, tay chân tê buốt hoặc co quắp run rẩy, thọt chân teo cơ, tê bại khó cử động, đi đứng khó khăn không vững.

Cách dùng - liều lượng:

- Mã tiền ngâm vào nước vôi loãng 1 đêm, nấu sôi 30 phút, lấy ra cạo sạch vỏ, rửa sạch thái mỏng tẩm dầu vừng sao khô giòn tán bột mịn.

- Uất kim (nghệ) rửa sạch thái nhỏ, luộc chín phơi khô tán bột mịn.

- Bạch cương tằm tẩm rượu, sao vàng tán bột mịn.

- Xuyên sơn giáp sao cát phồng giòn, loại sạch cát, tán bột mịn.

Các bột cân theo tỷ lệ % như công thức, trộn lẫn theo phương pháp trộn bột kép cho thật đều, luyện hồ làm viên to bằng hạt đậu xanh.

Người lớn ngày uống 1 lần 10 viên

Trẻ em: 7 - 12 tuổi ngày uống 1 lần - 4 viên.

13 - 16 tuổi ngày uống 1 lần 7 viên.

Uống với rượu hoặc nước chín.

Kiêng kỵ:

Phụ nữ có thai không được uống.

CÁC BÀI THUỐC TRỊ BỆNH HỆ TIÊU HOÁ

A. CÁC BÀI THUỐC TRỊ BỆNH ĐAU DẠ DÀY

1. ĐỘC LỰC Ý DĨ THANG

Độc lực (lá khôi)	20g
Ý dĩ	20g
Lá khổ sâm	12g
Thổ phục linh	12g
Chỉ thực	12g
Nga truật	8g
Uất kim	8g
Thổ tam thất	4g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Vị thống thể nhiệt (đau dạ dày thể nhiệt).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày, Uống xa bữa ăn.

Ngày uống 1 thang.

2. ÔN TRUNG KIỆN TỲ ÍCH VỊ TÁN

Hậu phác	48g
Bạch thược	48g
Thương truật	45g
Hương phụ	36g
Trần bì	36g
Quyết minh	18g
Can khương	18g
Bán hạ chế	18g
Ô dược	18g
Bạch linh	18g
Bạch truật	15g
Sa nhân	9g
Hồng hoa	9g
Ô tặc cốt	5g

Chủ trị:

Viêm loét dạ dày hành tá tràng thể hư hàn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, ngày uống 2 lần, uống xa bữa ăn, mỗi lần uống 10g với nước chín.

3. HOÁ TRỆ ĐỊNH THỐNG TÁN

Huyền hồ sách	50g
Đại hoàng	50g
Trầm hương	50g
Nga truật	50g
Nhũ hương	50g

Chủ trị:

Đau dạ dày hành tá tràng, đau vùng thượng vị do khí trệ, huyết ứ.

Cách dùng, liều lượng:

Nhũ hương để riêng. Các vị khác sao khô để nguội đem tán cùng với nhũ hương thành bột mịn.

Người lớn ngày uống 2 lần, mỗi lần 15g, uống với nước chín nguội.

Kiêng kỵ:

- Không ăn các thứ cay nóng, không uống rượu.
- Người đau vùng thượng vị, đau dạ dày tá tràng không phải khí trệ, huyết ứ không dùng.

4. BỘT DẠ DÀY

Mẫu lệ (nướng qua lửa)	20g
Lá khôi	16g
Hương phụ (chế)	12g
Khương hoàng	12g
Hoài sơn (sao vàng)	12g
Cam thảo nam	12g

Chủ trị:

Đau dạ dày thể tỳ vị hư hàn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 10g uống với nước chín nguội.

5. BỘT BỐI THẢO

Thổ bối mẫu	600g
Cam thảo	600g
Mai mực (ô tặc cốt)	2800g

Chủ trị:

Đau dạ dày ợ hơi, ợ chua (thể tăng tiết dịch vị).

Cách dùng, liều lượng:

Ô tặc cốt cạy vỏ cứng ở ngoài, ngâm nước gạo 2 ngày 1 đêm (hàng ngày thay nước gạo 2 lần) rửa sạch sấy khô hợp cùng thổ bối mẫu, cam thảo tán bột mịn.

Ngày uống 2 - 3 lần, mỗi lần 10g uống với nước chín nguội, uống trước bữa ăn 30 phút.

6. BỘT DẠ DÀY

Bạch thược (tẩm rượu sao)	200g
Cam thảo	60g
Thanh bì (sao thơm)	300g
Bạch linh	200g
Ngô thù (tẩm rượu sao)	100g
Chỉ xác (sao thơm)	200g
Binh lang	100g
Can khương (tẩm đồng, tiện sao)	50g
Chỉ thực (sao thơm)	150g
Bạch phàn (phi khô)	50g
Phác tiêu (phi khô)	50g
Mộc hương	400g
Ô tặc cốt (bỏ vỏ cứng, nướng)	400g
Mẫu lệ (tẩm đồng tiện, nướng)	200g

Chủ trị:

Đau dạ dày mạn tính thể can tỳ bất hoà.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao, sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 3 lần, mỗi lần uống 10g, uống chặn trước cơn đau, uống với nước chín.

Kiêng kỵ:

- Trẻ em không dùng thuốc này
- Kiêng kỵ các loại chè, chuối tiêu, thịt trâu, cá mè, dấm ớt, rau sống quả xanh.

7. BỘT ĐỘC LỰC KHỔ SÂM

Độc lực (sao vàng)	50g
Lá khổ sâm (sao vàng)	50g
Bồ công anh (sao vàng)	50g
Ô tặc cốt (nướng vàng)	15g

Chủ trị:

Đau dạ dày, đau âm ỉ vùng trung quản, thời tiết lạnh đau nhiều, hay ứa nước chua, đại tiện thường táo.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần (sáng, tối) mỗi lần uống 12g với nước chín. Có thể uống thêm những lúc đang có cơn đau.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn măng, rau cải, cua ốc, chuối tiêu.

8. BINH LANG Ý DĨ GIA VỊ THANG

Binh lang	10g
Ý dĩ	10g
Kim ngân	12g
Bạch chỉ	12g
Nhũ hương	6g
Hắc phụ tử (chế đỗ đen)	4g

Chủ trị:

Đau vùng thượng vị, ợ hơi, đau có chu kỳ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày, uống lúc đói.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Không ăn măng, chuối tiêu, rau cải..

9. THANG TRỊ ĐAU DẠ DÀY TÁ TRÀNG

Binh lang	10g
Ý dĩ	10g
Kim ngân	12g
Bạch chỉ	12g
Nhũ hương	6g
Hoàng kỳ	10g
Ô tặc cốt	12g
Hương phụ	8g
Thanh bì	10g
Bạch thược	8g
Ô dược	6g
Mộc hương	2g

Chủ trị:

Loét dạ dày tá tràng do nhiệt: Đau bụng ợ hơi, táo bón, khát nước, cơn đau có chu kỳ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày. Uống lúc đói.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Không ăn măng, chuối tiêu, rau cải.

10. CỐM M.B.C

Bột mai mực (sao vàng)	700g
Thổ bối mẫu (sao vàng)	300g
Cam thảo (sao vàng)	150g
Đại hoàng (sao vàng)	20g
Bột nếp	12g
Đường kính	1000g

Chủ trị:

Đau dạ dày tá tràng thể đa toan: Đau tức bụng, ợ chua, đầy hơi, cảm giác nóng rát vùng thượng vị.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn, luyện hồ nếp và đường làm thành cốm.

Ngày uống 30 - 50g chia làm 3 lần uống với nước chín, uống xa bữa ăn.

Kiêng kỵ:

Kiêng các thứ cay, nóng, mỡ.

11. CỐM NGHỆ

Nghệ	100g
Mai mực	700g
Hoài sơn	300g
Đường kính	1000g

Chủ trị:

Đau dạ dày tá tràng thuộc thể đa toan.

Cách dùng, liều lượng:

Mai mực tách vỏ cứng ngâm nước trong 24 giờ, trong khi ngâm thay nước nhiều lần để khử hết mùi tanh. Vớt ra sấy khô, rang vàng. Nghệ, hoài sơn thái mỏng sấy khô hợp với mai mực, đường tán thành bột mịn, thêm nước làm thành cốm.

Ngày uống 30 - 50g chia làm nhiều lần, uống xa bữa ăn 1 giờ.

12. ĐẢN SÁT TRẦN BÌ TÁN

Đản sát (vỏ trứng gà)	300g
Trần bì	100g

Chủ trị:

Vị quản thống (đau viêm loét dạ dày).

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ trứng gà rửa sạch phơi khô sao hơi vàng.

Trần bì sao vàng.

Cả 2 vị tán bột mịn.

Ngày uống 3 lần, mỗi lần 4 - 6g uống trước bữa ăn.

13. DỊCH CHIẾT HẠT BƯỞI

Hạt bưởi (để cả vỏ cứng)	100g
Nước sôi	200ml

Chủ trị:

Viêm loét dạ dày tá tràng.

Cách dùng, liều lượng:

Hạt bưởi rửa sạch cho vào một cốc thuỷ tinh to (250ml) rót vào 200ml nước sôi đậy kín, ủ nóng trong 2 - 3 giờ. Hạt bưởi sẽ tiết ra chất nhầy (pectin) và tinh dầu thơm mùi bưởi, làm cho cốc nước đặc sánh như nước cháo, lấy ra gạn lấy nước bỏ hạt thêm 1 thìa đường đủ ngọt, uống 1 lần sau bữa ăn 2 giờ. Ngày uống 1 - 2 lần. Hàng ngày làm và uống liên tục đến khi hết đau thì thôi.

14. BỘT LÁ KHÔI

Lá khôi (khô)	500g
Bồ công anh (khô)	250g
Chút chít (khô)	100g
Nhân trần (khô)	100g
Lá khổ sâm (khô)	50g

Chủ trị:

Đau dạ dày thuộc nhiệt: ợ chua (do thừa nước toan) táo bón, rêu lưỡi hơi vàng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn.

Người lớn ngày uống 24-32g cho vào nước sôi hãm, gạn lấy nước chia uống làm 2 lần, bỏ cặn.

Kiêng kỵ:

Không ăn các chất cay nóng, các chất khó tiêu.

15. BỘT MAI MỰC

Gạo tẻ (sao vàng)	300g
Mai mực (bóc vỏ cứng sao)	600g
Hoàng bá (sao vàng)	200g
Cam thảo (sấy khô)	200g
Hàn the (phi khô)	100g
Mẫu lệ (nướng chín qua lửa)	300g
Kê nội kim (sao vàng)	200g

Chủ trị:

Bệnh đau dạ dày, loét hành tá tràng: Thường xuyên đau tức ở vùng thượng vị đầy hơi, ợ nước chua, đại tiện táo bón. Khi đau đánh rắm thì đỡ, da vàng, ăn kém.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị hợp lại tán bột mịn.

Trẻ em: 5 - 10 tuổi mỗi lần uống 2g

Trên 10 tuổi mỗi lần uống 4g

Người lớn mỗi lần uống 6 - 8g.

Ngày uống 2 lần, uống với nước chín hoặc hãm với nước sôi gạn lấy nước trong uống.

Kiêng kỵ:

Kiêng các thức ăn nguội lạnh, khó tiêu, dầu mỡ và cay nóng.

16. CAO DẠ CẨM

Dạ cẩm (lá và cành khô)	3000g
Đường kính	900g
Mật ong	100g

Chủ trị:

Đau và loét dạ dày, ợ chua, đầy hơi.

Cách dùng, liều lượng:

Dạ cẩm chọn lựa, rửa sạch, cho nước ngập nấu 2 nước. Nước đầu nấu trong 8 giờ, nước sau nấu 4 giờ kể từ khi bắt đầu sôi. Gạn lấy nước, lọc trong, hợp cả 2 nước cô lấy 1 lít nước cao cho đường quấy tan cô tiếp còn 900ml cho mật ong vào quấy đều để có 1 lít cao.

Trẻ em tuỳ tuổi mỗi lần uống 1- 2 thìa cà phê.

Người lớn mỗi lần uống 3 - 4 thìa cà phê.

Ngày uống 2 - 3 lần, sau mỗi bữa ăn.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các thứ chua, cay, nóng, tanh.
- Tỳ vị hư hàn: Đau bụng, đầy bụng, sôi bụng, ỉa lỏng không được dùng.

17. VIÊN Ô BỐI

Ô tặc cốt	400g
Thổ bối mẫu	100g
Bột nghệ	200g

Bột lá cà độc dược	30g
Địa liền	100g
Bột gạo nếp rang chín	100g

Chủ trị:

Đau dạ dày, ợ chua, bụng đầy trướng

Cách dùng, liều lượng:

Mai mực ngâm nước, rửa sạch nướng bóc bỏ vỏ cứng hợp cùng các vị khác sấy khô tán bột mịn, dập viên 0,5g.

Người lớn:

- Ngày đầu và ngày thứ 2 uống 6 viên, chia uống 2 lần.
- Ngày thứ 3 uống 8 viên, chia uống 2 lần.
- Những ngày sau mỗi ngày uống 10 viên, chia uống 2 lần. Một liệu trình uống 10 ngày.

Kiêng kỵ:

Kiêng các chất cay, nóng, khó tiêu.

18. VIÊN HƯƠNG PHỤ Ô DƯỢC

Trần bì (bỏ cùi trắng)	100g
Thanh bì (bỏ cùi trắng)	100g
Chỉ xác (bỏ ruột)	100g
Hậu phác (cạo bỏ vỏ ngoài)	100g
Ô dược	150g
Hương phụ (giã sạch lông)	200g

Chủ trị:

Đau vùng thượng vị, đau bụng cuộn lên vùng dạ dày, hay ợ hơi do can khí uất.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao giòn tán bột mịn, luyện hồ làm viên bằng hạt đậu đen.

Trẻ em trên 10 tuổi mỗi lần uống 10 - 15 viên.

Người lớn mỗi lần uống 20 - 30 viên.

Ngày uống 2 lần với nước chín nóng.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các chất dầu mỡ, cay, nóng, các chất khó tiêu.
- Trường hợp đau bụng thuộc nhiệt không dùng.

19. BỘT Ô CAM

Ô tặc cốt (chế)	2000g
Cam thảo	2000g
Lá cà độc dược khô	120g
Kê nội kim	200g
Hương phụ (chế)	200g
Hàn the (phi khô)	100g
Phèn chua (phi khô)	100g
Trần bì	80g

Chủ trị:

Viêm loét dạ dày và tá tràng.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị sấy khô tán bột mịn.

Người lớn mỗi lần uống 4g, ngày uống 3 lần với nước sôi nóng, uống vào giữa 2 bữa ăn.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các chất khó tiêu, các chất cứng.
- Trẻ em nhỏ tuổi và phụ nữ không dùng.

20. BỘT LÁ KHÔI

Lá khôi	20%
Củ gấu (tứ chế)	10%
Củ nghệ	15%
Khổ sâm	10%
Mai mực (bỏ vỏ cứng)	15%
Riếp rừng (bồ công anh)	5%
Vỏ quýt	10%
Ô dược	10%
Cam thảo	5%

Chủ trị:

Đau dạ dày các thể: khí trệ, hoả uất, huyết ứ, hư hàn.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị sấy khô, tán bột mịn dùng dần hoặc luyện hồ làm viên (viên khôi dạ dày).

Người lớn ngày uống 30 - 45g (người thể lực yếu dùng 20 - 30g) cho vào nước sôi hãm, gạn lấy nước bỏ cặn chia uống làm 3 lần trong ngày vào lúc đói.

21. BỔ TỲ VỊ BÌNH CAN KHÍ THANG

Ý dĩ	12g
Bố chính sâm	16g
Chỉ xác	8g
Bán hạ	12g
Hương phụ	12g
Xuyên quy	12g
Trần bì	12g
Hậu phác	12g
Chi tử	12g
Mộc hương	4g
Cam thảo	4g
Sinh khương	4 lát

Chủ trị:

Đau dạ dày thể can khí phạm vị, huyết không sung mãn: người gầy, da xanh, rêu lưỡi hơi vàng mỏng, tiếng nói yếu, hơi thở hôi. Đau vùng thượng vị tức ngực, ợ chua, hai bên hông sườn tức, thường đau về chiều; bụng nóng cồn cào, đầy chậm tiêu, nếu ợ hơi hoặc trung tiện thì giảm đau, đỡ trướng đầy dễ chịu, đại tiện táo, tiểu tiện vàng, đau đầu chóng mặt, khó ngủ, ấn mạnh tay vào bụng đau chói, mạch trầm, huyền, hoãn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý: Trong điều trị đau dạ dày bằng bài thuốc này kết hợp dùng viên khôi dạ dày (bài trên); mỗi ngày uống 2 lần, mỗi lần 15g.

22. HOẮC HƯƠNG CHÍNH KHÍ GIA VỊ THANG

Hoắc hương	12g
Trần bì	8g
Tử tô	8g
Bán hạ chế	8g
Bạch chỉ	8g
Hậu phác	8g
Đại phúc bì	8g
Cát cánh	8g
Phục linh	8g
Bạch truật	8g
Cam thảo	8g
Ô tặc cốt (bỏ màng cứng nướng)	12g
Câu đằng	10g
Địa long	10g
Thảo quyết minh	10g
Cúc hoa	10g
Ngưu tất	10g
Xa tiền	8g
Bạch mao căn	8g

Chủ trị:

Đau dạ dày do can dương thịnh lấn át tỳ thổ người thường choáng váng, thần sắc tái mét, tiếng nói nhỏ yếu, đau vùng thượng vị, hay ợ chua, ói ra nước chua, nấc cụt, đau từng cơn nếu có ăn hay uống nước vào thấy giảm đau, sau đó lại tiếp tục đau trở lại, đại tiện táo, tiểu tiện khó gắt, ngủ ít, mắt mờ đồng thời bị tăng huyết áp; mạch trầm hoạt, đại.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Uống liên tục 1 tháng, bệnh ổn định, đổi uống tiếp thang Bổ trung ích khí gia vị dưới đây:

Hoàng kỳ	12g
Đảng sâm	12g
Đương quy	8g
Bạch truật	8g
Cam thảo	6g
Trần bì	4g
Sài hồ	6g
Thăng ma	6g
Câu đằng	10g
Địa long	10g
Ngưu tất	10g
Ô tặc cốt (bỏ màng cứng nướng)	12g

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống liên tục thấy trong người trở lại bình thường thì thôi.

23. BÁ ỨNG TIÊU HẠ TÁN

Vỏ quýt	100g
Củ bồ bồ (thạch xương bồ)	100g
Hậu phác	100g
Dây rơm	100g
Hoắc hương	100g
Dây mơ	100g
Cam thảo nam	100g
Củ sả	50g
Tiêu lốt	50g
Bá bệnh	50g
Củ gấu (sao hết lông)	50g

Chủ trị:

Đau bụng, đau vùng thượng vị, đầy hơi trướng bụng, ăn không tiêu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy giòn, tán bột mịn.

Người lớn ngày uống 12g chia uống 2 lần với nước chín.

Trẻ em tuy tuổi 1/4, 1/3/, 1/2 liều người lớn.

24. Ô KÊ HOÀN

Ô tặc cốt	500g
Kê nội kim	16g
Lá cà độc dược khô	30g
Cam thảo dây	20g
Vỏ cây mù u	1000g

Chủ trị:

Đau dạ dày

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ mù u cạo bỏ vỏ thô ngoài, lấy phần đỏ bên trong thái mỏng sấy khô.

Mai mực tách bỏ vỏ, ngâm nước 24 giờ, thay nước nhiều lần, sấy khô.

Màng mề gà sao vàng.

Cam thảo dây sấy khô

Cà độc dược sấy khô.

Tất cả các vị bào chế xong, tán bột mịn luyện hồ làm hoàn 0,30g.

Người lớn ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 2 - 3g. Uống lúc đói bụng.

25. DƯỠNG VỊ HOÀ TRUNG TÁN

Cám gạo (rang cháy khét)	12g
Hương phụ (sao)	10g
Hậu phác (tẩm gừng sao)	6g
Củ sả (sao)	6g
Củ bồ bồ (thạch xương bồ)	4g
Củ Riềng (lùi)	4g
Dạ dày heo (sấy khô giòn)	1 cái

Chủ trị:

Đau dạ dày thể tỳ vị khí uất nhiệt, nóng rát, ăn vào khó chịu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn.

Người lớn ngày uống 12g, uống 1 lần với nước chín.

Chú ý: Phương thuốc này có dạ dày heo rất dễ nhiễm khuẩn phải bảo quản khô, kín. Chế ít một, dùng đến đâu chế đến đó, không để lâu được.

26. ĐỘC LỰC THANG

Lá khôi	40g
Bồ công anh	20g
Lá khổ sâm	12g
Uất kim	12g
Hậu phác	12g
Ngải cứu	8g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Đau dạ dày kinh niên (mạn tính)

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày, uống xa bữa ăn.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thức cay nóng, khó tiêu.

27. TRẤN THỐNG TÁN

Lá cà độc dược	100g
Ô tặc cốt	200g
Gạo nếp	500g

Chủ trị:

Cơn đau dạ dày, đau vùng thượng vị, ợ hơi, ợ chua.

Cách dùng, liều lượng:

Lá cà độc dược rửa sạch đồ chín phơi khô, sao vàng.

Ô tặc cốt ngâm nước 24 giờ thay nước nhiều lần, bóc bỏ màng cứng, sấy khô.

Gạo nếp sao cháy thành than (thán sao).

Tất cả các vị tán bột mịn.

Ngày uống 2 - 4g với nước chín. Uống hết đau thì thôi.

28. TRẤN ĐỞM HOÀN

Nhân trần	10000g
Mật bò, heo	1000g
Mai mực (bột)	1000g

Chủ trị:

Đau dạ dày

Cách dùng, liều lượng:

Nhân trần cho vào 40 lít nước, nấu cạn còn 10 lít, ép bỏ bã, lọc trong tiếp tục cô cạn lấy 1 lít nước cao.

Mật bò, mật lợn chích lấy nước mật, cho vào nấu chung với cao nhân trần đến dạng cao mềm, cho bột mai mực vào luyện làm hoàn bằng hạt đậu đen.

Người lớn ngày uống 2 lần mỗi lần 6 - 10 g uống với nước chín.

29. Ô KÊ SƠN HOÀN

Mai mực	400g
Kê nội kim	100g
Hoài sơn	400g

Chủ trị:

Đau dạ dày thể tỳ vị hư hàn.

Cách dùng, liều lượng:

Kê nội kim, sao cát, phồng.

Mai mực ngâm nước 24 giờ, tách bỏ màng cứng, thay nước nhiều lần - sao vàng.

Hoài sơn ủ mềm thái phiến sao vàng.

Các vị tán bột mịn luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Ngày uống 3 lần, mỗi lần uống 2 - 5g.

30. KHƯƠNG HƯƠNG TÁN

Khương hoàng	100g
Hương phụ	100g
Cam thảo	100g

Chủ trị:

Đau dạ dày thể can uất

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 12g chia làm 2 lần, uống với nước muối nhạt.

31. TRẤN BÌ KÊ NỘI KIM TÁN

Trần bì (sao thơm)	60g
Kê nội kim (sao giòn)	40g

Chủ trị:

Đau dạ dày thể hư hàn

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn.

Ngày uống 8 - 12g, uống với nước đường.

32. BỘT DẠ CẨM

Dạ cẩm (cây loét mồm)	100g
Vỏ bưởi đào	100g
Vỏ quýt	100g

Chủ trị:

Đau loét dạ dày, hành tá tràng, đầy hơi, ợ chua.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần mỗi lần 5g, uống với nước chín.

33. LƯƠNG PHỤ HOÀN

Riềng (tẩm rượu sao)	100g
Hương phụ (tẩm giấm sao)	100g

Chủ trị:

Đau dạ dày thể tỳ vị hư hàn

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn, thêm vào một chút nước cốt gừng tươi, một ít muối luyện hồ làm hoàn bằng hạt ngô.

Đang cơn đau cho uống, mỗi lần uống 5g với nước sôi để nóng.

34. BỘT DẠ DÀY

Củ bình vôi	200g
Bồ công anh	100g
Lá khổ sâm	100g
Lá ngải cứu	60g

Chủ trị:

Viêm loét dạ dày.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 1 - 2 lần khi đau. Mỗi lần uống 8g với nước chín ấm.

35. MỄ Ô TÁN

Nhu mễ (chưa giã)	400g
Ô tặc cốt	200g

Chủ trị:

Đau dạ dày, vùng thượng vị đau ê ẩm, ợ hơi, ợ nước chua.

Cách dùng, liều lượng:

Gạo nếp (nhu mễ) ủ nước, sao vàng

Mai cá mực ngâm nước 24 giờ thay nước nhiều lần, tách bỏ màng cứng, sấy khô.

Cả hai vị tán bột mịn.

Người lớn mỗi lần uống 15g với nước chin nóng. Ngày uống 2 lần, uống khi đói.

36. Ô KÊ CHANH THỰC PHƯƠNG

Trứng gà (mới đẻ)	1 quả
Chanh to	1 quả
Đường	10g

Chủ trị:

Đau dạ dày có viêm loét

Cách dùng, liều lượng:

Trứng gà rửa sạch cho vào cốc to, cắt chanh vắt nước vào trứng đậy kín ngâm 24 giờ, lấy trứng ra đập bỏ vỏ trứng, cho đường vào, đánh kỹ, uống.

Mỗi ngày uống 1 quả trứng và 1 quả chanh, uống khi đói, uống liên tục đến khi hết viêm đau.

37. KHƯƠNG HOÀNG TÁN

Khương hoàng	500g
Mật ong tốt đủ dùng	

Chủ trị:

Viêm loét dạ dày.

Cách dùng, liều lượng:

Nghệ rửa sạch, thái mỏng phơi sấy khô tán bột mịn ngày uống 2 lần, mỗi lần 2 - 3g, hoà vào mật ong và nước chín nguội uống. Uống liên tục đến khi hết đau.

38. ĐAU DẠ DÀY HOÀN

Bột khương hoàng	500g
Bột cam thảo	10g
Bột nhục quế	20g
Bột rau mơ tím (mơ tam thể)	100g
Bột hương phụ (tứ chế)	100g
Bột bạch đậu khấu	10g
Bột gạo nếp xay rang thật vàng đủ dùng.	

Chủ trị:

Viêm loét dạ dày, tá tràng

Cách dùng, liều lượng:

Trộn chung các bột thuốc thật đều với bột gạo nếp, thêm nước, luyện làm hoàn bằng hạt tiêu.

Ngày uống 10g chia làm 2 lần, uống với nước chín.

39. CHỈ TRUẬT BẠCH BÁ LÁ DUNG THANG

Lá dung	20g
Bạch truật	16g
Chỉ thực	12g
Ngưu tất	12g
Bạch thược	10g
Hoàng bá	10g
Mộc hương	14g
Nghệ vàng	14g
Cam thảo	12g

Chủ trị:

Viêm loét dạ dày tá tràng thuộc thể can tỳ bất hoà.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

40. NƯỚC SẮC LÁ DUNG

Lá dung	20 - 30g

Chủ trị:

Đau dạ dày tăng toan

Cách dùng, liều lượng:

Lá dung cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước chia uống 2 lần trong ngày.

Uống xa bữa ăn.

Ngày uống 1 thang.

41. CHÈ DÂY THANG

Chè dây	30g
Bồ công anh	20g
Lá khổ sâm	12g
Uất kim	12g
Hậu phác	12g
Ngải cứu	8g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Đau dạ dày mạn tính. Loét dạ dày hành tá tràng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày. Uống xa bữa ăn.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ cay nóng, khó tiêu.

42. BỘT DẠ DÀY

Lá khôi	200g
Dạ cẩm	200g
Cỏ hàn the	200g
Vỏ dụt (nam mộc hương)	200g

Chủ trị:

Hội chứng dạ dày tá tràng đau vùng thượng vị có chu kỳ, ợ hơi, ợ chua, táo bón.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao giòn, tán bột mịn.

Ngày uống 20g chia làm 3 lần (sáng, chiều, tối) uống trước cơn đau, nếu đau liên miên uống trước bữa ăn 1 giờ.

43. XUYÊN TIÊU DẠ CẨM THANG

Rễ xuyên tiêu (Hoàng lực) sao qua	20g
Dạ cẩm (sao qua)	40g
Củ bình vôi (sao vàng)	20g

Chủ trị:

Cắt cơn đau dạ dày, tá tràng

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Không có dạ cẩm thay thế bằng lá khôi (sao qua) 40g.

- Sau khi cắt cơn đau bỏ xuyên tiêu, các vị còn lại sắc uống thường xuyên.

44. BÌNH CAN KIỆN TỲ HÀNH KHÍ THANG

Khổ sâm	12g
Bồ công anh	12g
Nghệ vàng	10g
Hậu phác	10g
Trần bì	10g
Hương phụ chế	10g
Hoài sơn	10g
Ý dĩ	10g
Mẫu lệ	10g
Mộc hương	10g
Cam thảo	12g

Chủ trị:

Đau dạ dày thể can khí phạm vị (can khắc tỳ): Đau thượng vị, đau từng cơn có chu kỳ. Đau xiên ra lưng hoặc hai bên sườn. Nhức đầu, hay cáu gắt, ợ hơi, ợ chua, rêu lưỡi vàng, chất lưỡi đỏ. Mạch huyền hoạt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Nếu đau nhiều gia thêm:

Xuyên khung	10g

- Nếu ợ chua nhiều gia thêm:

Ô tặc cốt	12g

- Nếu ợ hơi nhiều gia thêm:

Chỉ thực	12g

45. ÔN TRUNG KIỆN TỲ TÁN

Cao lương khương	10g
Can khương	10g
Nhục quế	6g
Ngô thù	8g

Chủ trị:

Đau dạ dày thể tỳ vị hư hàn: Bệnh nhân đau liên miên, chu kỳ không rõ ràng, sợ lạnh, chân tay lạnh, chườm nóng dễ chịu, thích ăn nóng không khát,lưỡi nhợt, phân nát hay táo, nước tiểu trong, mạch trầm nhược, yếu nhỏ vô lực.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 4 - 6g với nước sôi để ấm

46. ÔN TRUNG KIỆN TỲ THANG

Đảng sâm	12g
Bạch truật	10g
Hoài sơn	12g
Biển đậu	12g
Sa nhân	8g
Trần bì	10g
Mộc hương	10g
Cam thảo	12g

Chủ trị:

Đau dạ dày thể tỳ vị hư hàn: Đau bụng liên miên, không có chu kỳ rõ ràng, sợ lạnh, chân tay lạnh, chườm nóng dễ chịu, thích ăn nóng, không khát, sắc lưỡi nhạt, đại tiện phân nát hoặc táo, tiểu tiện trong, mạch trầm nhược, yếu nhỏ vô lực.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

47. CỐM K.B.C

Kê nội kim	12g
Bằng sa	10g
Lá cà độc dược	2g
Cam thảo nam	6g
Ô tặc cốt	12g
Trần bì	12g
Hương phụ	12g
Khô phàn (Phèn chua phi khô)	8g

Chủ trị:

Vị quản thống các thể hàn, nhiệt, hư, thực.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn thêm xirô đường làm cốm.

Ngày uống 30g chia làm 3 lần uống lúc đói (8h - 15h - 20h). Uống với nước chín.

Chú ý:

Trong khi dùng thuốc những ngày đầu có thể cơn đau tăng lên ở một số ít bệnh nhân.

48. SƠ CAN TIỄN GIA VỊ THANG

Sài hồ	12g
Xích thược	12g
Hương phụ	10g
Chỉ tử	12g
Trầm hương	10g
Thanh bì	12g
Chỉ xác	12g
Đan bì	12g
Sa nhân	8g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Đau dạ dày thể can khí phạm vị, khí trệ: Vị quản trướng đầy, đau xuyên sang hai bên sườn, ấn mạnh tay thấy dễ chịu, hay ợ, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch trầm huyền.

- Hoả uất: trạng thái đau kịch liệt, buồn bực hay cáu giận, ứa nước chua, bụng cồn cào, miệng đắng, khô, chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng, mạch huyền sác.

- Ứ huyết: đau có chỗ nhất định, sợ ấn nắn, sau khi ăn đau nặng hơn, hoặc thấy nôn ra máu đi đại tiện phân đen, chất lưỡi tia (nặng) mạch sáp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị thêm 3 lát gừng tươi cho vào 800ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý: Trong khi uống thuốc thang trên, uống thêm thuốc bột dưới đây:

Ô bối cập tán

Bạch cập	200g
Hoài sơn (sao)	200g
Thổ bối mẫu	50g
Ô tặc cốt (bỏ màng cứng)	20g
Trầm hương	100g

Các vị sấy khô tán bột mịn. Ngày uống 20g, chia 2 lần uống với nước chín, lúc đói bụng.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ: cay, nồng, rượu, ớt, hạt tiêu, hành tỏi, các chất chua, sống lạnh, cứng rắn khó tiêu.

49. TRẦM HƯƠNG GIÁNG KHÍ TÁN

Trầm hương	8g
Sa nhân	8g
Huyền hồ sách	8g
Hương phụ	8g
Xuyên luyện tử	6g
Cam thảo chích	4g

Chủ trị:

Đau dạ dày thể khí trệ: Đau vùng thượng vị từng cơn, đau lan ra hai bên sườn suyên ra sau lưng, bụng cứng đè đau, ợ chua, ợ hơi. Chất lưỡi hồng đỏ, rêu lưỡi trắng hoặc vàng mỏng, mạch trầm huyền.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 8 - 15g chia làm 2 lần, uống với nước chín.

50. SÀI HỒ THANH CAN THANG

Sinh địa	12g
Xuyên khung	6g
Sơn chi tử	6g
Ngưu bàng tử	6g
Đương quy	10g
Sài hồ	8g
Thiên hoa phấn	6g
Liên kiều	6g
Bạch thược	10g
Hoàng cầm	6g
Phòng phong	8g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Đau dạ dày thể hoả uất kết: Đau dữ dội vùng thượng vị, có cảm giác nóng rát, đè đau,

miệng đắng, môi khô, ợ chua, phiền táo, hay giận và cáu gắt, chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng. Mạch huyền sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày, uống xa bữa ăn.

Ngày uống 1 thang.

51. HOÀ CAN TIỄN

Thanh bì	6g
Chi tử	10g
Bối mẫu	10g
Đơn bì	10g
Thược dược	12g
Trạch tả	10g
Trần bì	6g

Chủ trị:

Đau dạ dày thể hoả uất kết.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày, uống xa bữa ăn.

Ngày uống 1 thang.

52. THỬ NIÊM TÁN

Diên hồ sách	8g
Ngũ linh chi	8g
Thảo đậu khấu	6g
Một dược	6g

Chủ trị:

Đau dạ dày thể huyết ứ thuộc thực chứng: Đau dữ dội ở một vị trí nhất định, đè ấn càng đau, đau như đâm, đau khi đi đại tiện, cơn đau phát sau khi ăn, nôn ra máu, ỉa phân đen, môi đỏ, lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng, mạch huyền sác có lực (thể cấp chứng).

Cách dùng, liều lượng:

Ngũ linh chi nghiền rượu. Các vị khác tán bột mịn hợp cùng ngũ linh chi trộn đều.

Ngày uống 2 lần mỗi lần 6 - 8g, uống với nước chín trước bữa ăn 1 giờ.

53. THẤT TIÊU GIA VỊ TÁN

Bồ hoàng	12g
Ngũ linh chi	12g
Thục địa	12g
Bạch thược	10g

Chủ trị:

Đau dạ dày thể huyết ứ thuộc hư chứng: Đau dữ dội ở một vị trí nhất định, đè ấn càng đau, đau như đâm, đau khi đi đại tiện, cơn đau phát sau khi ăn. Người bệnh sắc mặt nhợt, tái xanh, người mệt mỏi, tay chân lạnh, môi nhợt, chất lưỡi bệu, trên mặt lưỡi có hiện rõ điểm ứ huyết rêu lưỡi nhuận, mạch hư đại hoặc tế sác (thể hoãn chứng).

Cách dùng, liều lượng:

Ngũ linh chi nghiền rượu; các vị khác sấy khô tán bột mịn hợp với ngũ linh chi trộn đều.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 6 - 10g, uống với nước chín trước bữa ăn 1 giờ.

54. HƯƠNG SA LỤC QUÂN TỬ THANG

Nhân sâm	12g
Sa nhân	8g
Mộc hương	6g
Bán hạ chế	6g
Phục linh	10g
Bạch truật	10g
Trần bì	6g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Đau dạ dày thể hư hàn: Đau âm ỉ, khi ấn đè vào hoặc xoa, chườm thì dễ chịu, ói mửa nước trong, thích ấm, sợ lạnh, đại tiểu tiện thông lợi, ỉa chảy nước dãi, tay chân lạnh, chất lưỡi bệu nhạt, rêu lưỡi mỏng, mạch trầm tế.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày. Uống lúc thuốc còn ấm, xa bữa ăn.

Ngày uống 1 thang.

55. LƯƠNG PHỤ HOÀN

Cao lương khương	8g
Thanh bì	6g
Hương phụ	8g
Trầm hương	6g
Mộc hương	6g
Can khương	6g
Đương quy	10g

Chủ trị:

Đau dạ dày thể hư hàn: Bụng trên đau sườn ngực căng đầy, không muốn ăn uống, chân tay bải hoải, mệt mỏi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt ngô.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 8 - 10g với nước chín ấm trước bữa ăn.

56. BẢO HOÀ THANG

Sơn tra	6g
Bán hạ	6g
Thần khúc	6g
Trần bì	6g
Liên kiều	8g
Phục linh	8g
Bạch truật	8g

Chủ trị:

Đau dạ dày thể thực trệ: Ăn vào càng đau, vùng hông bụng đầy trướng, chán ăn, ngại uống, đại tiện không thông, rêu lưỡi dầy, trơn, mạch huyền hoạt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

57. VIỆT CÚC HOÀN

Thương truật	8g
Hương phụ	8g
Xuyên khung	8g
Thần khúc	6g
Chỉ tử	6g

Chủ trị:

Đau dạ dày thể khí trệ

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Ngày uống 8 - 12g chia làm 2 lần. Uống với nước chín ấm.

58. HOÁ ĐÀM AN VỊ TÁN

Nam tinh chế	6g
Hoạt thạch	6g
Thương truật	6g
Mộc hương	4g
Chỉ xác	6g
Sa nhân	6g
Quất hồng bì	8g
Thanh bì	4g
Phục linh	8g
Hương phụ chế	6g
Huyền hồ	4g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Đau dạ dày thể đàm ẩm: Đau râm ran bên trong, nôn oẹ nước chua, ăn cay nóng thì giảm đau, bụng có tiếng kêu, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch huyền hoạt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 8 - 10g, uống với nước chín xa bữa ăn.

59. MẬT ONG CAM THẢO TRẦN BÌ THANG

Mật ong	10g
Cam thảo	4g
Trần bì	4g

Chủ trị:

Đau loét dạ dày tá tràng.

Cách dùng, liều lượng:

Cam thảo, trần bì cho vào 200ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, hoà mật ong vào, chia uống 2 lần trong ngày. Uống liên tục 1 - 2 tháng.

60. BẠCH TRUẬT TRẦN BÌ HẬU PHÁC THANG

Bạch truật	8g
Trần bì	6g
Hậu phác	6g
Toan táo nhân	4g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Viêm dạ dày cấp và mạn

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

61. UẤT KIM Ô DƯỢC HƯƠNG PHỤ THANG

Hương phụ chế	12g
Ô dược	12g
Uất kim	12g
Rễ xương sông	12g
Chỉ xác	8g
Quế tiêm	4g
Trần bì	4g
Bán hạ chế	4g
Cam thảo	4g
Đại táo	3 quả
Sinh khương	3 lát mỏng

Chủ trị:

Chữa đau dạ dày vùng hạ vị: Đau bụng vùng hạ sườn phải, ăn uống chậm tiêu nhất là ở người già và phụ nữ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thức ăn: cay, nóng, sống lạnh, kích thích, khó tiêu.

62. CHI TỬ CÁT CÁNH HOÀNG CẦM THANG

Chỉ tử (sao đen)	8g
Cát cánh	4g
Hoàng cầm	4g
Trắc bách diệp (sao đen)	4g
Xích thược	4g
Bạch mao căn	4g
Cam thảo	4g
Tri mẫu	4g

Chủ trị: Chảy máu dạ dày

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

B. CÁC BÀI THUỐC TRỊ BỆNH RỐI LOẠN TIÊU HOÁ

1. HOẮC HƯƠNG PHỤC LONG CAN THANG

Hoắc hương	12g
Phục long can (đất giữa lòng bếp)	16g
Sa nhân (sao thơm)	8g
Mộc hương	8g
Rộp cây ổi (sao vàng)	8g
Đọt sim (sao vàng)	8g
Trần bì (sao vàng)	8g
Bạch biển đậu (sao vàng)	8g
Đậu xanh (sao vàng)	8g
Cát căn (sao vàng)	8g
Cam thảo chích	4g
Hạt tiêu sọ (tán dập)	4g
Gừng tươi (giã dập)	2g

Chủ trị:

Ỉa phân loãng, ngày đêm đi 5 - 7 lần, bụng đau lâm râm, xoa chườm nóng thì dễ chịu, người hơi sốt, ớn lạnh nhức đầu, có lúc buồn nôn, tiểu tiện trong hoặc đục, người mệt lả, do cảm nhiễm tà khí phong hàn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị thuốc cho vào 800ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày. Uống ấm hoặc nóng. Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Trẻ em dưới 1 tuổi không dùng thuốc này.

2. TỬ TÔ HOẮC HƯƠNG THANG

Tử tô	15g
Hoắc hương	15g
Bạch chỉ	10g
Cát cánh	10g
Đại phúc bì	10g
Hậu phác (tẩm gừng sao)	10g
Bán hạ (chế gừng sao)	10g
Trần bì (sao vàng)	10g
Bạch truật (sao gạo vàng sẫm)	10g
Thổ phục linh (sao cháy)	10g
Hương phụ (sao vàng)	10g
Cam thảo chích	5g
Bạch phàn phi khô	3g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Đau bụng, sôi bụng, ỉa phân lỏng loãng, ngày đêm đi hàng chục lần, có ngày ngấy sốt, ghê lạnh, nhức đầu, vùng ngực đầy tức khó chịu, buồn nôn hoặc nôn oẹ, miệng nhạt ít uống nước, tay chân lạnh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày, uống lúc thuốc còn nóng.. Trẻ em liều lượng giảm tuỳ tuổi dùng 1/4-1/3-1/2 lượng của thang trên.

Ngày uống 1 thang.

Bài này có thể tán bột dùng:

Người lớn mỗi lần uống từ 10 - 15g, ngày uống 2 - 3 lần.

Trẻ em tuỳ từng tuổi mỗi lần uống từ 2 - 4g, ngày uống 2 - 3 lần. Hoà với nước sôi uống khi nước thuốc còn nóng.

3. LỆ CHI HOẮC HƯƠNG TÁN

Lệ chi (gọt vỏ thái mỏng sao vàng)	100g
Hoắc hương khô	100g
Vỏ dụt (cạo bỏ vỏ thô, thái nhỏ tẩm gừng sao)	100g
Vỏ quýt (sao vàng sẫm)	80g
Hương phụ tứ chế (sao vàng sẫm)	80g
Sa nhân (sao thơm)	50g
Vỏ vối (cạo bỏ vỏ thô, thái nhỏ tẩm nước gừng sao vàng)	25g

Chủ trị:

Đau bụng, sôi bụng, ỉa phân lỏng loãng, ngày đêm đi hàng chục lần, người hơi sốt, ớn lạnh nhức đầu, vùng ngực đầy tức, khó chịu, buồn nôn hoặc nôn oẹ, miệng nhạt, ít uống nước, tiểu tiện trong hoặc đục, tay chân mát lạnh, người mệt lả.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô hoặc sao giòn tán bột mịn.

Người lớn: mỗi lần uống 10g, ngày uống 3 - 4 lần.

Trẻ em: mỗi lần uống 5g, ngày uống 3 - 4 lần.

Người bệnh:

- Không có nôn thì hoà thuốc với nước chín còn ấm uống.

- Nếu có nôn thì dùng gừng tươi 10g sắc lấy nước hoà thuốc cho uống. Cho uống vặt mỗi lần một ít, đỡ nôn sẽ uống nhiều một lúc.

Kiêng kỵ

Kiêng ăn các thứ lạnh, quả xanh, rau sống, đậu phụ, bún, các chất khó tiêu.

4. CAO LƯƠNG KHƯƠNG HƯƠNG PHỤ HOÀN

Cao lương khương (phơi khô tẩm nước gừng sao vàng)	80g

Hương phụ tứ chế (sao vàng)	80g
Hậu phác (cạo vỏ thô, thái nhỏ tẩm nước gừng sao)	60g
Thổ phục linh (tẩm nước gừng sao vàng sém cạnh)	60g
Đại phúc bì khô	60g
Hoắc hương khô	60g
Trần bì (sao vàng)	30g
Vỏ dụt (cạo vỏ thô ngâm nước gạo một đêm, thái nhỏ tẩm nước gừng sao)	30g
Hạt tiêu	10g

Chủ trị:

Ỉa chảy, ngày đi 5 - 7 lần, phân loãng như nước, bụng đau liên miên, hay sôi bụng, bụng đầy trướng khó chịu, có lúc buồn nôn, chán ăn, tiểu tiện trong, thân thể nặng và mỏi, miệng tuy khát nhưng lại ít uống nước.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi sao chế khô tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt tiêu sọ.

Người lớn mỗi lần uống 10g.

Trẻ em tuỳ tuổi uống mỗi lần 3 - 5g.

Ngày uống 3 - 4 lần, với nước chín ấm.

Nếu bệnh nhân có nôn mửa thì dùng:

Bán hạ chế	10g
Ổi khương (gừng tươi nướng)	5g

Sắc lấy nước uống với thuốc viên.

Kiêng kỵ:

Ỉa chảy nhiệt: Phân thối khẳn, hậu môn nóng cấm dùng thuốc này.

5. THANG TIÊU CHẢY

Hoắc hương khô	20g
Cao lương khương khô (sao vàng)	12g
Lá ổi già (sao vàng)	8g

Chủ trị:

Đau bụng, sôi bụng, ỉa chảy phân lỏng, loãng, ngày đêm đi 5 - 7 lần, có hiệu tượng buồn nôn hoặc nôn, ngực tức miệng nhạt, người ớn lạnh không sốt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước sắc lấy 100ml nước thuốc, uống lúc thuốc còn ấm.

Ngày uống 1 thang.

Trẻ em giảm bớt lượng.

6. CAO LƯƠNG KHƯƠNG THANG

Cao lương khương	8g
Đại táo	1 quả

Chủ trị:

Đau bụng nôn mửa

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 200ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

7. RƯỢU CAO LƯƠNG KHƯƠNG

Cao lương khương tươi (nướng thơm)	200g
Rượu trắng 45°	1000ml

Chủ trị:

Thổ tả đau bụng dữ dội

Cách dùng, liều lượng:

Riềng tươi nướng thơm thái mỏng cho vào rượu, nấu sôi nhẹ (nhỏ lửa) trong 20 phút. Đem cho người bệnh uống cứ 15 phút uống một lần 15 - 25ml (một muỗng canh). Uống cho đến khi cầm đi ỉa và bụng hết đau.

8. HOẮC HƯƠNG HẬU PHÁC TRẦN BÌ THANG

Hoắc hương	10g
Hậu phác (tẩm gừng sao)	15g
Trần bì (sao vàng)	12g
Mộc hương	12g
Đại phúc bì	12g
Sa nhân (sao thơm)	8g
Can khương	8g

Chủ trị:

Kém ăn, hay ợ chua, đầy bụng hoặc đau bụng có khi ỉa lỏng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày, uống sau bữa ăn.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Trong khi dùng thuốc cho ăn cháo là tốt nhất, nếu phụ nữ có thai dùng thuốc này thì bỏ hai vị: Hậu phác và can khương, thêm vào:

Ngải cứu	10g

9. THÔNG LỢI TÁN

Đại hoàng	400g
Chỉ xác	350g
Cam thảo	250g

Chủ trị:

Đại tiện táo bón cứng bụng, ấn đau, rêu lưỡi bẩn, trung tiện và phân thối khẳn hoặc là ra nước vàng nóng rát hậu môn, mót rặn ỉa không ra phân.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao giòn tán bột mịn.

Trẻ em mỗi ngày uống 5 - 10g

Người lớn mỗi ngày uống 10 - 20g

Hãm thuốc với nước sôi gạn nước trong hoặc uống cả bã.

Chú ý: Sử dụng thuốc này cần có sự theo dõi hướng dẫn của thầy thuốc. Dùng thuốc không quá 3 ngày. Thấy nhuận tràng thì ngừng không uống nữa.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn mỡ, các chất cay nóng.

- Người thể lực suy kiệt, mắc bệnh mạn tính, không có hiện tượng táo kết không dùng.

10. BỔ TRUNG ÍCH KHÍ THANG GIA GIẢM

Phòng đảng sâm	16g
Hoài sơn	16g
Đương quy	16g
Thục địa	20g
Thăng ma	16g
Sài hồ	10g
Trần bì	10g
Mạch môn	16g
Thảo quyết minh	16g
Liên nhục	12g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Chữa táo bón thể âm hư.

Táo bón kéo dài, miệng khô, thường loét miệng, khát nước, hay cáu gắt, lưỡi đỏ, ít rêu, mạch tế.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Mỗi ngày uống 1 thang. Uống liên tục 1 tuần lễ.

11. ĐẠI HOÀNG HẬU PHÁC THANG

Đại hoàng	8 - 12g
Hậu phác	10g
Chỉ xác	10g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Táo bón sau mổ trĩ, bệnh nhân bị táo bón không đại tiện được bình thường.

Cách dùng, liều lương:

Các vị cho vào 500ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 4 lần trong ngày. Hoặc thái vụn nhỏ các vị cho hãm nước sôi uống thay nước chè, uống vặt nhiều lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang, đại tiện trở lại bình thường ngừng thuốc.

12. KIỆN TỲ HÀNH KHÍ CHỈ TẢ THANG

Phòng đảng sâm	16g
Sa sâm	12g
Hoài sơn	16g
Bạch truật	16g
Trần bì	10g
Bán hạ	10g
Cam thảo	4g
Sa nhân	6g
Bạch linh	10g

Mộc hương	4g
Chỉ xác	10g
Hậu phác	10g

Chủ trị:

Ỉa chảy mạn tính nguyên nhân do tỳ vị hư. Ăn kém, người mệt, sắc mặt vàng nhợt, chất lưỡi nhợt, mạch nhu hoãn, đại tiện phân sống hoặc nát, bệnh kéo dài có thể gây phù.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Bệnh nhân ỉa chảy ngày 3 - 4 lần gia thêm:

ý dĩ (sao)	20g
Trạch tả (sao)	12g

- Người bệnh tay chân lạnh, lưng đau nhiều gia thêm:

Hắc phụ tử chế	8 - 12g

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ tanh lạnh, mỡ, đồ nếp.

13. Ô LỆ TÁN

Ô tặc cốt (ngâm nước 24 giờ, bỏ vỏ cứng, nướng vàng)	100g
Lệ chi hạch (bỏ vỏ ngoài, thái mỏng, sao vàng)	80g
Khô phàn (phèn phi khô)	50g
Trần bì (sao vàng)	20g
Mộc hương (bỏ vỏ thô, thái nhỏ sao vàng)	50g

Chủ trị:

Đau bụng ỉa chảy cả hai thể hàn và nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn.

Người lớn mỗi lần uống 10g, ngày uống 3 lần với nước chín.

Trẻ em giảm bớt liều lượng.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất dầu mỡ, các chất tanh.

14. LỤC QUÂN GIA VỊ TÁN

Đảng sâm (tẩm gừng sao)	15g
Xương truật (tẩm nước gạo sao)	12g
Hoài sơn (sao giòn)	12g
Cát cánh (sao giòn)	12g
Chỉ thực (sao giòn)	12g
Bạch linh (sao giòn)	10g
Cam thảo (sấy giòn)	6g
Trần bì (sao giòn)	8g
Bán hạ chế với bồ kết sao	4g

Chủ trị:

Ỉa sống phân hoặc ỉa chảy

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn.

Người lớn ngày uống 12 - 20g

Trẻ em tuỳ tuổi ngày uống 3 - 12g

Hoà thuốc vào nước sôi, gạn nước trong chia uống 2 - 3 lần.

Kiêng kỵ:

- Đang sốt cao hoặc táo bón không được dùng.
- Kiêng ăn trứng, mỡ, đậu phụ.

15. TIÊU THỰC HÀNH TRỆ TÁN

Lệ chi hạch (bỏ vỏ ngoài, thái mỏng sao vàng)	100g
Nam mộc hương (cạo vỏ thô, thái nhỏ sao vàng)	60g
Bắc mộc hương	40g
Thần khúc (sao qua)	40g
Hương phụ tứ chế (sao vàng)	60g
Cam thảo (sao qua)	40g
Xa tiền (phơi khô)	30g

Chủ trị:

Ỉa chảy do thực tích (tích tả): Do ăn uống quá độ, tiêu hoá không kịp đình trệ lại gây đau bụng, sôi bụng dữ dội.

Ỉa chảy phân thối khẳn, bụng đầy ấm ách, trung tiện luôn, đi đại tiện được thì đỡ đau

bụng, tiểu tiện vàng lượng ít, rêu lưỡi vàng có nhiều cáu nhớt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn.

Trẻ em: 1 - 5 tuổi mỗi lần uống 4g

6 - 10 tuổi mỗi lần uống 6g

11 - 15 tuổi mỗi lần uống 8g

Người lớn: mỗi lần uống 10g

Ngày uống 3 lần, hoà với nước chín ấm uống.

Kiêng kỵ:

- Phụ nữ có thai không được dùng.
- Kiêng ăn các thứ tanh, mỡ, đường mật.

16. ÔN TRUNG KHU HÀN KIỆN TỲ CHỈ TẢ HOÀN

Nam mộc hương (cạo vỏ thô, thái nhỏ sao vàng)	120g
Hoàng nàn chế (sao vàng)	80g
Thảo quả (sao qua)	40g
Can khương	40g
Hoắc hương (sao qua)	40g
Lá ổi tàu (thứ lá dài soăn)	40g

Chủ trị:

Hàn tả: Ngày đêm đi ỉa chảy nhiều lần, phân lỏng không thối, sắc vàng nhợt hoặc không có phân mà ra toàn nước; lúc đi không có tiếng kêu phành phạch, hậu môn không nóng, bụng sôi, đau lâm dâm hoặc không đau, xoa ấm thì dễ chịu, không muốn ăn, không muốn uống nước, nếu muốn uống thì chỉ uống một chút nước nóng. Người xanh xao, mệt mỏi, rêu lưỡi trắng nhợt, tiểu tiện trong.

Cách dùng, liều lượng:

Hoàng nàn chế: vỏ hoàng nàn ngâm nước 24 giờ cạo sạch vỏ vàng sau đó ngâm nước vo gạo đặc 3 ngày 3 đêm (trong khi ngâm thay nước vo gạo nhiều lần) rửa sạch thái nhỏ, phơi khô.

Các vị sao chế khô giòn trộn đều tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu đen.

Trẻ em: 1 - 3 tuổi mỗi lần uống 2 viên

4 - 7 tuổi mỗi lần uống 4 viên

8 - 12 tuổi mỗi lần uống 6 viên.

13 - 16 tuổi mỗi lần uống 10 viên.

Người lớn: Mỗi lần uống 20 viên.

Ngày uống 3 - 4 lần tuỳ bệnh nặng nhẹ, cách 4 giờ lại uống một lần. Khỏi đi ngoài thì thôi. Uống chiêu với nước chín ấm, nước chè hoặc nước vối, nuốt dần thuốc không nên nhai vì rất đắng. Trẻ bé quá không nuốt được thì hoà tan thuốc với nước cho uống.

Chú ý:

Thuốc có hoàng nàn độc, không được uống quá liều lượng ghi trên.

Nếu uống quá liều sẽ có phản ứng ngộ độc như say rượu lảo đảo hoặc giật gân cơ.

Nếu có biểu hiện độc thì sắc cam thảo lấy nước uống sẽ khỏi ngay.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất tanh, sống, dầu mỡ, các thức chậm tiêu như: Trứng, nếp, các thứ hoa quả, đường mật.

17. KHỔ LUYỆN HOÀN

Khổ luyện tử (bỏ vỏ lấy nhân sao vàng hạ thổ)	200g
Rộp ổi (sao vàng hạ thổ)	300g
Búp ổi (sao vàng hạ thổ)	300g
Lệ chi hạch (bỏ vỏ ngoài lấy nhân thái mỏng sao vàng hạ thổ)	400g
Hoè hoa (sao vàng hạ thổ)	250g

Chủ trị:

Ỉa chảy (cả thể nhiệt và thể hàn).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng hạ thổ xong, đem tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đỗ xanh.

Trẻ em: 1 - 3 tháng ngày uống 3 - 4 viên.

4 - 12 tháng ngày uống 4 - 6 viên

1 - 3 tuổi ngày uống 8 - 10 viên

4 - 8 tuổi ngày uống 10 - 15 viên

9 - 15 tuổi ngày uống 15 - 20 viên

Người lớn ngày uống 30 viên.

Chia uống 2 - 3 lần.

- Nếu là nhiệt tả thì uống thuốc với nước lã đun sôi, hoặc nước chè, nước vối.
- Nếu là hàn tả thì nướng gừng thái 3 lát hãm với nước sôi làm thang uống với thuốc.

- Trẻ em sơ sinh không nước được thì nghiền thuốc với nước đổ cho uống.

18. HẬU PHÁC HOẮC HƯƠNG THANG

Hậu phác (vỏ vối)	10g
Hoắc hương	10g
Bạch chỉ nam (sao)	10g
Thổ phục linh (sao)	10g
Bán hạ (chế gừng sao vàng)	10g
Vỏ quýt (sao)	8g
Đại phúc bì (cùi quả cau khô)	8g
Cam thảo nam (dây chi chi)	8g
Rễ bướm trắng (bướm bạc)	8g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Ỉa chảy phân lỏng loãng, ngày đi 5 - 7 lần đau bụng, sôi bụng, có khi phát sốt, sợ lạnh, nhức đầu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

19. THẠCH CAO GIA VỊ THANG

Thạch cao sống (tán nhỏ)	40g
Cam thảo	10g
Xa tiền tử	20g
Trúc diệp (hoặc búp tre non)	20g
Gạo tẻ	20g
Đăng tâm	5g

Chủ trị:

Ỉa chảy do cảm nhiễm tà khí thấp nhiệt: Ỉa chảy lúc đầu phân lỏng sau đi ra toàn nước màu vàng, ngày đêm đi nhiều lần, phân có mùi hôi thối cứ đau bụng lại buồn đi ngoài ngay, hậu môn nóng đỏ, mình nóng buồn bực khó chịu trằn trọc không yên, chán ăn khát nước, tiểu tiện vàng đỏ lượng ít, môi đỏ và khô se, mạch nhu hoạt mà sác.

Cách dùng, liều lượng:

Gạo tẻ, thạch cao cho vào 1 lít nước nấu sôi 15 phút, cho tiếp các vị thuốc khác vào, sắc lấy 500ml nước thuốc để riêng. Cho thêm 700ml nước vào bã thuốc, nấu lần hai lấy 300ml nước thuốc, hợp cả nước 1 và nước 2 để nguội, cho người bệnh uống thay nước trong ngày (khát lúc nào cho uống lúc đó). Người lớn ngày uống 1 thang. Trẻ em tuỳ tuổi giảm bớt liều lượng.

Kiêng kỵ:

Trường hợp ỉa chảy thuộc hàn, thuộc hư cấm dùng.

20. CÁT CĂN TÍCH TUYẾT THẢO THANG

Cát căn	30g
Rau má khô	30g
Búp tre non	20g
Cam thảo dây (dây chi chi)	10g

Chủ trị:

Ỉa chảy, bụng quặn đau lại mót đi ngoài ngay. Phân lỏng hoặc loãng như nước màu vàng, đi toé như xối nước, có tiếng kêu bành bạch ở đoạn sau, biểu hiện trong ruột có nhiều hơi, ngày đi 5 - 7 lần, thậm chí hơn chục lần, phân mùi thối nồng. Có khi phát sốt nhẹ, khát đòi uống nước, thích nước mát, tiểu tiện lượng ít màu vàng hoặc đỏ. Ở trẻ em ỉa chảy vài ngày là hậu môn đã đỏ và có cảm giác nóng, người mệt lả không muốn ăn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 500ml nước thuốc để nguội cho uống thay nước trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Trẻ em giảm liều lượng xuống một nửa.

Kiêng kỵ:

Ỉa chảy hư hàn không dùng.

21. CÁT CĂN BIỂN ĐẬU HOẮC HƯƠNG TÁN

Bạch biển đậu (tẩm gừng sao)	80g
Hoắc hương	48g
Cát căn	48g
Hậu phác (cạo vỏ thô, thái mỏng tẩm gừng sao)	48g

Hương nhu	32g
Cam thảo	32g
Xa tiền tử	32g
Trạch tả sao	20g

Chủ trị:

Ỉa chảy do cảm nhiễm tà khí thấp nhiệt: ỉa chảy đi toé như xối nước, hoặc đi lỏng có kèm chất nhầy phân có mùi chua thối, khi đi có tiếng kêu bạch bạch, ngày đi nhiều lần, hậu môn nóng đỏ, mình nóng như phát sốt, khát nước, bụng đầy hơi sôi bụng, có lúc buồn nôn hoặc nôn, tiểu tiện vàng và ít, người mệt lả, mạch nhu xác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy giòn, tán bột mịn.

Người lớn ngày uống 30-40g chia uống 3-4 lần.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều xuống 1/4 - 1/3 - 1/2 liều người lớn.

Hoà thuốc với nước chín hoặc nước gạo rang nguội uống.

Kiêng kỵ:

Ỉa chảy thuộc hư hàn không dùng.

22. LỤC NHẤT TÁN

Hoạt thạch (thuỷ phi)	60g
Cam thảo	10g

Chủ trị:

Ỉa chảy thuộc nhiệt, mình nóng, khát nước, ngày đi ỉa nhiều lần phân lỏng như nước, mùi thối khẳn, hoặc đi toé phân ra có tiếng kêu bạch bạch, hậu môn đỏ, môi khô se có màu đỏ, miệng ráo, tiểu tiện lượng ít, vàng hay đỏ có khi còn đi dắt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi sấy khô, tán bột mịn.

Người lớn ngày uống 30 - 40g, chia uống 4 lần. Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều lượng ngày uống từ 15 - 20g chia uống 4 - 5 lần.

Hoà với nước chín nguội uống.

23. TRÚC LỊCH HOẶC HƯƠNG THANG

Búp tre non (tẩm nước gừng phơi tái)	40g
Hoắc hương khô	12g
Bạch biển đậu	12g
Hương nhu khô	8g
Hậu phác (cạo bỏ vỏ thô thái mỏng)	8g

Chủ trị:

Ỉa chảy nhiệt: phân lỏng hoặc đi toé như xối nước, đoạn sau có tiếng kêu bạch bạch, ngày đêm đi nhiều lần, người nóng, đầu váng, chán ăn buồn nôn, đầu mặt có lúc ra ít mồ hôi, miệng khát, hậu môn nóng đỏ hoặc rát, tiểu tiện vàng ít, có lúc đi dắt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml để nguội uống.

Ngày uống 1 thang.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm bớt lượng thuốc trong thang xuống còn 1/4 - 1/3 - 1/2.

Chú ý:

Nếu người bệnh khát nước đòi uống luôn, lấy cám gạo nếp sao đen 40g, gừng tươi 3 lát nấu kỹ, gạn bỏ bã lấy nước uống trong ngày thay nước chè.

Kiêng kỵ:

Ỉa chảy thuộc hư hàn không được dùng.

24. HOÀI SƠN HOẶC HƯƠNG THANG

Hoài sơn (sao vàng)	24g
Hoắc hương	20g
Hương nhu	20g
Xa tiền tử	20g
Cát căn	20g
Trần bì	8g

Chủ trị:

Ỉa chảy phân lúc đầu đi toé ra như nước, sau có tiếng bạch bạch, ngày đi 5 - 7 lần, người nóng, đầu váng và nặng, miệng khát nhưng uống không nhiều, mệt mỏi, tiểu tiện vàng đỏ, ít, bụng hơi đầy lúc đau lúc giảm, chán ăn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc để nguội uống.

Ngày uống 1 thang.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm bớt liều lượng.

Kiêng kỵ:

Ỉa chảy thuộc hư hàn không dùng.

25. CHỈ TẢ TIÊU TRỆ THANG

Sơn tra (phơi khô sao vàng)	12g
Mạch nha (sao vàng)	10g
Thần khúc (sao thơm)	10g
Cam thảo	10g
Hoàng liên	10g
Khổ sâm	10g
Trần bì	8g

Chủ trị:

Đau bụng là mót đi ngoài, phân lỏng loãng, ngày đi nhiều lần, bệnh thường xẩy ra sau những bữa ăn quá nhiều chất ngọt, béo, hoặc ăn phải chất ôi thiu. Phân mùi chua thối nồng, bụng đầy trướng và hay sôi ùng ục, thỉnh thoảng bụng đau quặn, đi ngoài xong thì giảm đau.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, để ấm uống.

Ngày uống 1 thang.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm bớt liều.

26. SƠN MẠCH TRẦN BÌ THANG

Sơn tra (sao)	10g
Mạch nha (sao)	10g
Trần bì (sao)	10g
Thổ phục linh	8g
Bán hạ chế	8g
La bặc tử (sao qua)	8g

Chủ trị:

Đau bụng ỉa chảy ngày đi 5 - 7 lần, phân lỏng mùi như trứng gà ung, đi xong bụng giảm đau, ợ lên cổ chua hăng khó chịu, chán ăn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc để nguội uống.

Ngày uống 1 thang.

27. SƠN MẠCH THẦN CHỈ THỰC THANG

Sơn tra (sao thơm)	20g
Mạch nha (sao nổ thơm)	12g
Thần khúc (sao thơm)	12g
Chỉ thực (sao cám)	12g
La bặc tử (sao nổ thơm)	10g
Trần bì (sao vàng)	10g
Bán hạ (tẩm gừng sao vàng sẫm)	10g
Kê nội kim (sao cát phồng)	5g

Chủ trị:

Do ăn uống thức ăn không thích hợp sinh đau bụng đi ngoài phân lỏng, ngày đi 5 - 7 lần phân vàng chua thối khẳn, khó chịu, bụng đầy ậm ạch, ợ hơi xông lên cổ chua hăng, đau bụng, sôi bụng là mót đi ỉa ngay, ỉa xong bụng giảm đau, ăn vào lại đầy tức, ậm ạch, tiểu tiện bình thường, không sốt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2 lần.

Ngày uống 1 thang.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều lượng của thang trên xuống còn 1/3 hoặc 1/2.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các chất bổ, béo khó tiêu tiêu, các chất tanh.
- Nên ăn cháo cho nhẹ dạ.

28. CHỈ THỰC BẠCH PHÀN TÁN

Chỉ thực (sao cám vàng đều)	100g
Phèn chua phi khô	20g

Chủ trị:

Đau bụng, sôi bụng đi ỉa phân lỏng loãng, ngày đi 5 - 7 lần phân màu vàng, thối. Lúc đầu đi ỉa chảy về sau chuyển đi lỵ, rặn tức hậu môn khó chịu (tiền tả hậu lỵ). Trẻ em ăn sữa chua đi ngoài lỏng có những vón nhỏ như hoa cà, hoa cải, chua nồng, rặn è è.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị thuốc tán bột mịn (có thể luyện hồ làm viên hoàn bằng hạt đậu xanh).

Người lớn ngày uống 30g chia làm 3 lần.

Trẻ em tuỳ tuổi ngày uống từ 5 - 20g chia làm 3 - 4 lần. Uống với nước chín nguội.

29. TIÊU TRỆ CHỈ TẢ TÁN

Nam mộc hương (cạo bỏ vỏ thô, thái mỏng sao vàng)	80g
Hương phụ tứ chế (sao vàng)	80g
Bạch phàn	6g
Bạch phàn phi khô	6g

Chủ trị:

Đau bụng, đầy bụng đi ngoài, lúc sền sệt, lúc lỏng loãng, ngày đi 7 - 8 lần, bụng sôi, phân thối, vùng ngực tức khó chịu, hay ợ xông lên cổ chua hăng, đi tiểu bình thường.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn.

Người lớn ngày uống 30g chia làm 4 lần.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều xuống 1/4 - 1/3 - 1/2 chia làm 4 lần uống.

Chú ý: Dùng nước thang sau uống với thuốc:

- Nếu phân thối, nóng, khát nước dùng:

Cát căn	20g

Sắc lấy nước hoà bột uống.

- Nếu khát nước vừa dùng:

Búp ổi (hay rộp cây ổi)	20g

Sắc lấy nước hoà bột uống

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn cá, mỡ, đậu phụ, bún, các chất khó tiêu sống, lạnh, ôi thiu.

30. MỘC HƯƠNG HẬU PHÁC TÁN

Nam mộc hương (cạo vỏ thô, thái mỏng tẩm gừng sao)	40g
Hậu phác (cạo vỏ thô thái mỏng tẩm gừng sao)	40g
Hoắc hương khô	20g
Thảo quả (nướng bóc bỏ vỏ)	16g
Binh lang	16g
Trần bì (sao)	10g

Chủ trị:

Đau bụng, sôi bụng, đi ỉa lỏng loãng, ngày đi 7 - 8 lần có khi hàng chục lần, tức ngực, buồn nôn, thậm chí nôn cả ra thức ăn (thượng thổ hạ tả) tiểu tiện bình thường. Bệnh phát sinh sau khi ăn phải chất ôi thiu, sống lạnh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn.

Người lớn ngày uống 30g, chia làm 4 lần.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều xuống, ngày uống từ 5 - 15g chia làm 4 lần. Hoà với nước đun sôi, uống ấm.

Chú ý:

- Trẻ em dưới 12 tháng không uống thuốc này.
- Nên ăn cháo loãng, khỏi bệnh hẳn mới ăn cơm.

31. BỘT TRỊ ỈA CHẢY

Búp ổi khô	120g
Nụ sim khô	120g
Binh lang (thái mỏng khô)	40g
Lệ chi hạch (cạo vỏ, thái mỏng phơi khô)	40g
Xa tiền tử	40g

Chủ trị:

Rối loạn tiêu hoá do ngộ độc thức ăn: đau bụng, sôi bụng đi ỉa lỏng loãng, ngày đi hàng chục lần, nôn, nôn cả ra thức ăn (thượng thổ hạ tả); tiểu tiện bình thường.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn

Người lớn ngày uống 30 - 40g, chia làm 3 lần.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm lượng từ 6 - 20g ngày, chia uống 4 - 5 lần. Hoà thuốc vào nước sôi, uống ấm.

Chú ý: Người bệnh có nôn dùng:

Hoắc hương	12g
Sinh khương	3 lát

Sắc lấy nước hoà thuốc bột uống.

32. XA TIỀN HOẮC HƯƠNG TÁN

Xa tiền tử (sao)	40g
Hoắc hương	40g

Lệ chi hạch (bỏ vỏ cứng, thái mỏng sao vàng)	40g
Vỏ cây sung tía (thái mỏng sao)	40g
Mộc thông	20g
Ngải cứu	12g
Can khương	12g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Ỉa chảy do ăn uống ngộ độc các thức ăn sống lạnh ôi thiu: Đau bụng, sôi bụng, đi ngoài toé ra nước, đi xong đỡ đau bụng, một lúc sau lại mót đi, ngày đi 5 - 7 lần có khi hàng chục lần, mệt lả, tiểu ít, nước tiểu bình thường.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị sấy giòn tán bột mịn.

Người lớn ngày uống 30g, chia 2 lần.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm bớt liều ngày uống từ 6 - 20g, chia 4 lần. Hoà vào nước sôi để ấm uống.

33. HOÀN CHỈ TẢ

Thóc nếp (sao đen tồn tinh)	100g
Giả khôi (củ nâu đỏ) sao vàng xém cạnh	100g
Thổ phục linh (sao vàng xém cạnh)	100g
Đầu ruồi quả chuối tiêu xanh (phơi khô sao vàng)	50g
Xa tiền tử (sao nổ thơm)	50g
Bạch phàn phi khô	25g

Chủ trị:

Đau bụng lâm dâm, ỉa chảy phân lỏng, có lúc loãng hoặc thường xuyên sống phân, ngày đi nhiều lần, chán ăn, cố ăn vào bụng lại sình đầy khó chịu, hoặc ăn phải thức ăn lạ không thích hợp lại đau bụng ỉa chảy liền; cơ thể suy nhược mệt mỏi, da vàng bủng, tinh thần ủ rũ.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị sao sấy khô tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Người lớn ngày uống 40g chia làm 3 - 4 lần.

Trẻ em tuỳ tuổi ngày uống 6 - 20g chia làm 3 - 4 lần. Chiêu với nước sôi để ấm.

Kiêng kỵ:

Bệnh ỉa chảy thuộc nhiệt, thuộc thực: Đại tiện phân thối và phải rặn không được uống thuốc này.

34. CHỈ TẢ HOÀN

Khang tỳ (cám gạo mới giã sao vàng sẫm)	50g
Hoắc hương khô	20g
Rộp cây ổi (hoặc búp ổi khô)	20g
Rễ củ gừng (phơi khô)	20g
Giả khôi (củ nâu đỏ gọt bỏ vỏ, thái mỏng sao giòn)	20g
Lệ chi hạch (thái mỏng)	10g
Trần bì (sao vàng)	10g
Cam thảo chích	10g
Quế nhục (loại tốt)	5g

Chủ trị:

Đau bụng, sôi bụng, bụng đầy trướng, đại tiện lúc lỏng, lúc loãng, ngày đêm đi hàng chục lần. Bệnh nặng lâu ngày đại tiện còn ra nguyên thức ăn chưa tiêu hoá, ăn rất kém, người mệt, khí đoản (nói hụt hơi), tay chân lạnh.

Cách dùng - liều lượng:

Rễ củ gừng, rộp ổi cho nước sắc lấy nước, thêm bột làm hồ để hoàn viên.

Các vị khác sao, sấy khô tán bột mịn, dùng nước hồ (rễ gừng, rộp ổi) luyện làm hoàn to bằng hạt đậu xanh.

Người lớn: ngày uống 30g, chia làm 3 lần.

Trẻ em:

4 - 9 tuổi ngày uống 6 - 10 g, chia làm 3 lần.

10 - 16 tuổi ngày uống 10-15g, chia làm 3 lần.

Chiêu thuốc với nước sôi để ấm, uống lúc đói.

Kiêng kỵ:

Trẻ em dưới 3 tuổi không dùng thuốc này.

35. BỘT TRỊ ỈA CHẢY

Lệ chi hạch (gọt vỏ thái mỏng sao vàng)	100g
Hương phụ (sao thơm)	100g

Vỏ dụt (cạo bỏ vỏ thô, thái mỏng tẩm gừng sao vàng)	100g
Hoắc hương khô	50g
Sa nhân (sao thơm)	50g
Can khương	50g

Chủ trị:

Đau bụng lâm dâm, đại tiện khi lỏng khi loãng như nước ngày đi 4 - 5 lần, bụng đầy hay sôi bụng, ngực tức, ít khát tuy có khô miệng, cho uống nước chỉ thích uống nước nóng không muốn ăn. Cố ăn là bụng đầy khó chịu, nước tiểu trong, tay chân mát.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị sao, sấy khô tán bột mịn.

Người lớn: ngày uống 30-50g, chia làm 3-4 lần.

Trẻ em: 5 - 10 tuổi ngày uống 15 - 25g, chia làm 3 - 4 lần.

2-4 tuổi ngày uống 10-15g, chia làm 3 - 4 lần.

Hoà với nước sôi để ấm uống.

Kiêng kỵ:

- Ỉa chảy nhiệt không dùng

- Kiêng ăn rau sống, quả xanh

36. NGẢI CỨU CAN KHƯƠNG GIA VỊ THANG

Ngải cứu (sao)	30g
Can khương (sao xém cạnh)	20g
Vỏ quả lựu (nướng vàng)	12g
Trần bì (sao vàng)	10g
Lá chanh già (thái phơi khô sao vàng)	5g

Chủ trị:

Ỉa chảy đã nhiều ngày, cơ thể suy yếu, bụng đau, đại tiện ngày 3 - 4 lần phân lỏng có lúc như nước, có khi ra cả thức ăn chưa tiêu hoá, thậm chí đi không kịp phân đã són ra quần, người mệt nói như người mất hơi, ăn rất ít, đầy tức khó chịu tay chân thường lạnh, mỗi lần đi đại tiện lại sa trực tràng ra ngoài (lòi dom).

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày, uống lúc đói và lúc thuốc còn ấm.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm bớt liều lượng.

Chú ý:

Sau khi uống thuốc trên, ỉa chảy đã khỏi dùng bài "bổ trung ích khí" cho uống để bồi dưỡng trung khí.

Kiêng kỵ:

- Phụ nữ có thai và ỉa chảy thể nhiệt không dùng.

37. HÀNH KHÍ PHÁ KẾT TIÊU THỰC THANG

Hương phụ	12g
Uất kim	12g
Ô dược	12g
Rễ sương sông	12g
Chỉ xác	8g
Cam thảo	4g
Bán hạ chế	4g
Quế tiêm	4g
Trần bì	4g
Đại táo	3 quả
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Đau bụng vùng hạ sườn phải, ăn uống chậm tiêu, bụng đầy trướng nộn oẹ (nhất là đối với người già và phụ nữ).

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

38. BÌNH VỊ GIA VỊ TÁN

Trần bì	12g
Thương truật	8g
Hậu phác	4g
Cam thảo	4g
Bạch biển đậu	8g
Mộc thông	4g

Chủ trị:

Thấp tả ỉa chảy kéo dài kèm theo đau bụng, đầy trướng, tứ chi mỏi mệt.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị sao vàng thơm, tán bột mịn.

Người lớn ngày uống 4 - 6g chia làm 2 lần.

Trẻ em tuỳ tuổi dùng 1/4-1/3-1/2 liều người lớn.

Hoà thuốc với nước chín nguội uống.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất tanh, mỡ, chất khó tiêu, sống lạnh.

39. LỤC QUÂN THANG

Đảng sâm	20g
Bạch truật	15g
Bạch linh	10g
Cam thảo	6g
Trần bì	8g
Bán hạ chế	8g

Chủ trị:

Tỳ vị hư nhược, khí trệ sinh bụng đầy trướng, ăn không tiêu, lợm giọng buồn nôn, người mệt mỏi, đại tiện khó khăn.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ sống, lạnh, chậm tiêu, đồ nếp, đậu xanh, bột sắn dây, tôm, cua, cá.

40. BỔ TRUNG ÍCH KHÍ THANG GIA GIẢM

Đảng sâm (hoặc nhân sâm)	20g
Hoàng kỳ	20g
Đương quy	7g
Bạch truật	20g
Thăng ma	10g
Trần bì	8g
Cam thảo chích	8g
Bạch linh	20g
Trư linh	12g
Trạch tả	12g
Hậu phác	10g
Sa nhân	10g
Sinh khương	8g
Tiêu khương	8g
Đại táo	2 quả

Chủ trị:

Đại tiện lỏng lâu ngày thể hàn (tiết tả thể tỳ vị hư nhược).

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày. Uống lúc thuốc còn nóng.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mỡ, các thứ sống, lạnh.

41. KHỬ TÍCH PHƯƠNG TÁN

Nam mộc hương	100g
(cạo bỏ vỏ thô thái nhỏ sao vàng)	
Ô dược (sao giòn)	100g
Chỉ xác (sao giòn)	100g

Chủ trị:

Đau bụng, đầy trướng bụng, táo kết do chức năng vận chuyển tiêu hoá suy yếu (khí hư). Phụ nữ đau bụng do khí hư huyết tích.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị tán bột mịn.

Người lớn ngày uống 20g chia uống 2 lần. Hoà vào nước chín uống.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm bớt liều lượng.

42. TỨ QUÂN GIA VỊ THANG

Đảng sâm	20g
Bạch truật	16g
Phục linh	12g
Cam thảo chích	6g
Sa nhân	6g

Chủ trị:

Chứng tỳ vị khí hư vận hoá kém cùng các chứng do chính khí hư suy kém gây nên: Người mệt mỏi đầu váng mắt hoa, khí đoản ngại nói, ăn kém miệng nhạt, đầy bụng

trướng bụng, ăn uống không tiêu, đại tiện phân nhão, lưỡi nhợt, rêu lưỡi mỏng, mạch trầm nhược vô lực.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Thang trên có thể thay bạch truật bằng 2 vị:

Hoài sơn	16g
Trần bì	16g

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ cay, nóng, rượu, bia, ớt, tỏi, hồ tiêu; các thứ sào, rán (chiên) béo, ngọt.

43. TIÊU CHẢY THANG

Lá sả	10g
Lá ổi	10g
Củ riềng	10g
Vỏ măng cụt	10g

Chủ trị:

Tiêu chảy: Đi nhiều lần trong ngày, phân lỏng nhiều nước, đau bụng.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

44. CHỈ TẢ HOÀN

Hương phụ tứ chế	20g
Binh lang	15g
Mộc hương	15g
Nga truật	15g
Mã tiền chế kỹ (1)	30g

Chủ trị:

Đau bụng đi tả (ỉa chảy), đầy bụng ăn không tiêu, tích trệ lâu ngày.

Cách dùng - liều lượng:

(1) Mã tiền chế kỹ: hạt mã tiền ngâm nước gạo đặc 3 ngày đêm, thay nước gạo nhiều lần, cạo sạch lông, rửa sạch, nấu với nước cam thảo trong 3 giờ (100g hạt + 400ml nước + 20g cam thảo) lấy dần ra khi còn đang nóng dùng dao tách hạt bỏ mầm. Nấu dầu vừng cho thật sôi bỏ hạt mã tiền vào rán tới khi hạt mã tiền bắt đầu nổi lên thì vớt ra ngay, thái nhỏ sấy khô.

Các vị tán bột mịn thêm tá dược luyện hồ làm viên bằng hạt đậu xanh (khoảng 600 viên).

Người lớn ngày uống 4 - 6 viên

Trẻ em ngày uống 1 - 2 viên.

Chiêu với nước sắc gừng tươi.

Chú ý:

Trong thuốc có mã tiền độc không được uống quá liều đã định.

45. HOÀNG ĐÀN PHÁC TIÊU HOÀN

Hoàng đàn (Hoàng nàn) chế kỹ (1)	24g
Phác tiêu	4g

Chủ trị:

Bệnh tả không kể người lớn hay trẻ em, bệnh mới phát hoặc đã lâu (cấp tính hay mạn tính).

Cách dùng - liều dùng:

(1) Hoàn đàn chế kỹ: Hoàng đàn ngâm nước vo gạo đặc 24 giờ cho mềm, cạo bỏ hết lớp vỏ vàng bên ngoài cho đến lần vỏ đen bên trong lại tiếp tục cho ngâm nước vo gạo đặc 3 ngày 3 đêm nữa (thay nước vo gạo hàng ngày), sau đó vớt ra phơi sấy khô.

Hai vị tán bột mịn thêm tá dược luyện hồ làm viên hoàn bằng hạt đậu xanh (khoảng 500 viên).

Người lớn ngày uống 6 - 8 viên.

Trẻ em ngày uống 1 - 2 viên

Uống trước bữa ăn với nước sôi.

Chú ý:

Thuốc có vị Hoàng đàn độc, không được uống quá liều đã định.

Kiêng kỵ:

Phụ nữ có thai không được uống.

46. THỜI KHÍ THỔ TẢ THANG

Huyền sâm	40g
Phòng đảng sâm	20g

Thiên hoa phấn	20g
Mạch môn	12g
Thạch cao	12g
Tri mẫu	12g
Đại hoàng	12g
Sài hồ	8g
Bạch thược	8g
Kinh giới	8g
Hoạt thạch (để riêng)	20g

Chủ trị:

Bệnh thời khí thổ tả: Người nóng, điên cuồng, vật vã, khát nước nhiều, miệng nôn trớn tháo (thượng thổ hạ tả) rất nguy cấp.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 1000 ml nước, sắc lấy 500ml nước thuốc hoà bột hoạt thạch vào chia uống 2 - 3 lần.

Ngày uống 1 thang.

47. THỜI KHÍ THỔ TẢ HOÀN

Lục đậu (đậu xanh)	400g
Một dược	100g
Nhũ hương	100g
Hạt tiêu sọ	20g

Chủ trị:

Bệnh thời khí thổ tả và bệnh tả.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu xanh. Mỗi lần uống 5 viên với nước chín tuỳ theo triệu chứng bệnh như sau:

- Nếu chỉ có thổ (nôn) uống với nước nóng
- Nếu chỉ có tả (ỉa) uống với nước nguội
- Nếu cả thổ và tả (thượng thổ hạ tả) hoà lẫn một nửa nước nóng và một nửa nước nguội uống.

48. HOÀN HOẠT THẠCH

Hoạt thạch	20g
Cam thảo	3g
Chuối tiêu xanh	3g

Chủ trị:

Ỉa chảy: người nóng, buồn bực, khát nước.

Cách dùng - liều lượng:

Chuối tiêu nướng chín, bóc vỏ thái mỏng, phơi sấy khô tán bột mịn cùng với hoạt thạch, cam thảo luyện hồ làm hoàn bằng hạt ngô.

Người lớn mỗi lần uống 5 - 10 viên.

Trẻ em giảm liều. Uống với nước sôi để ấm, uống trước bữa ăn.

Chú ý:

Nếu người bệnh có nóng nhiều dùng lá Hương nhu sắc nước làm thang chiêu thuốc viên.

49. BÌNH VỊ THANG

Hậu phác	14g
Trần bì	14g
Thương truật	20g
Cam thảo	6g

Chủ trị:

Đau bụng, đầy trướng, nôn mửa do đồ ăn tích lại không tiêu hoá (thực tích).

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Tuỳ theo nguyên nhân gây thực tích mà gia vị như sau:

- Tích cơm: Gia mạch nha, sơn tra, thần khúc
- Tích thịt lợn: Bội sơn tra
- Tích thịt chó: Gia hạnh nhân
- Tích thịt trâu: Gia lá cúc tần.
- Tích giun: Gia binh lang, sử quân tử, phi tử, vu di.
- Tỳ hư vận chuyển, khí hoá không thông (tích tụ) bụng đau: gia mộc hương, sa nhân.
- Khí ùn ùn xông ngược lên (thượng xung) gia: Ô dược, trầm hương.
- Đại tiện ra huyết (màu huyết thâm) gia: Hoè hoa, xuyên quy, chỉ xác.

50. TIỂU HỒI MỘC HƯƠNG TÁN

Tiểu hồi (sao vàng)	120g
Mộc hương	40g

Chủ trị:

Đau bụng ỉa chảy

Cách dùng, liều lượng:

Cả 2 vị sao, sấy khô tán bột mịn.

Người lớn mỗi lần uống 20g

Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều lượng.

Uống với nước sôi để hơi âm ấm, ngày uống 2 lần.

Chú ý:

- Trong những ngày đau nên ăn cháo lỏng.

- Mộc hương có thể thay bằng vỏ cây bùi tía (nam mộc hương).

51. PHÚC THỐNG TÁN

Hoàn nàn chế	80g
Độc lực (rễ quýt rừng)	40g
Hậu phác	20g
Bạch phàn	20g
Rễ hoàng lực (cây trâng)	40g
Hoắc hương	120g
Trần bì	12g
Thương truật	20g
Mộc hương	12g

Chủ trị:

Các chứng: đau bụng, đầy bụng, ăn không tiêu, đau bụng ỉa chảy, nôn mửa, đau tức ngực, kiết lỵ ra máu.

Cách dùng, liều lượng:

Hoàn nàn ngâm nước vo gạo một đêm cho mềm, cạo bỏ vỏ vàng ngoài, lấy lớp vỏ mỏng đen bên trong ngâm tiếp nước gạo 3 ngày 3 đêm (thay nước gạo nhiều lần) thái mỏng phơi khô, ngâm tiếp nước tiểu trẻ em (dưới 8 tuổi) 2 - 3 giờ, sao khô.

Độc lực bỏ lõi, hậu phác cạo bỏ vỏ thô thái nhỏ sao nước gừng.

Các vị khác rửa sạch thái nhỏ sấy khô.

Hợp tất cả các vị lại tán bột mịn luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu đen.

Người lớn mỗi ngày uống 20 viên, chia 3 lần.

Trẻ em: 1- 3 tuổi ngày uống 2 viên, chia 2 lần.

4-7 tuổi ngày uống 5 viên, chia 3 lần.

8-15 tuổi ngày uống 10 viên, chia 3 lần.

16 - 20 tuổi ngày uống 15 viên, chia 3 lần.

Uống lúc bụng còn đói.

Tuỳ chứng bệnh dùng thang như sau:

- Đau bụng ỉa lỏng sắc nước búp ổi làm thang chiêu thuốc viên.

- Đau bụng không đi ỉa, sơ nhiễm cảm đau đầu, thân thể đau nhức mỏi, người nóng chân tay lạnh lấy nước chè làm thang chiêu thuốc.

- Đầy bụng ăn không tiêu, đau tức ngực khó thở (do đờm thấp) sắc nước gừng làm thang chiêu thuốc.

- Đau bụng đi ỉa ra huyết sắc nước rễ mơ lông sao vàng hạ thổ làm thang chiêu với thuốc.

Kiêng kỵ:

- Phụ nữ có thai không dùng.

- Không ăn các thức ăn khó tiêu, nên ăn cháo lỏng.

52. GIẢ KHÔI TÁN

Củ nâu	100g
Cơm nguội	100g

Chủ trị:

Rối loạn tiêu hoá, đau bụng, sôi bụng, ỉa chảy.

Cách dùng, liều lượng:

Củ nâu bỏ vỏ ngoài, thái mỏng sấy khô, cơm nguội sao vàng thơm. Tất cả tán bột mịn.

Trẻ em tuỳ tuổi ngày uống 5 - 10g, chia uống 2 lần.

Người lớn ngày uống 30 - 40g, chia uống 2 lần.

Hoà bột vào nước sôi, quấy đều, để lắng chắt nước uống.

53. GIẢI BIỂU TÁN HÀN CHỈ TẢ THANG

Củ riềng (sao)	12g
Nụ sim (hoặc búp ổi hay rộp ổi)	8g
Khổ sâm	10g

Chủ trị:

Đau bụng lâm dâm, ỉa chảy nhiều nước, không khát, không sốt, người lạnh, tiểu tiện trong (do hàn thấp).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần.

Ngày uống 1 hoặc 2 thang.

54. THANH NHIỆT LỢI THẤP CHỈ TẢ THANG

Cát căn	30g
Bông mã đề	20g
Khổ sâm	12g
Cối xay	12g

Chủ trị:

Ỉa chảy do thấp nhiệt: Đau bụng dữ dội ỉa lỏng, phân thối, hậu môn đỏ (trẻ em) sốt khát nước, tiểu tiện đỏ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

55. TIÊU THỰC THANG

Củ sả	10g
Vỏ quýt	10g
Lá lốt	10g
Hương phụ	10g

Chủ trị:

Thương thực (tích thực): Đau bụng, đầy bụng, bụng sôi; đại tiện và trung tiện được đỡ đau, phân thối, không muốn ăn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

56. THANG TRỊ RỐI LOẠN TIÊU HOÁ

Đơn kim	20g
Mơ lông	30g
Tầm vông (?)	32g
Bùng bục	22g
Phượng vĩ	20g
Bồ cu vẽ	25g

Chủ trị:

Rối loạn tiêu hoá do ăn uống.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2,lần.

Ngày uống 1 thang.

57. BÁ ỨNG TIÊU HẠ TÁN

Vỏ quýt	100g
Củ bồ bồ	100g
Hậu phác	100g
Dây rơm (?)	100g
Củ sả	50g
Tiêu lốt	50g
Hoắc hương	100g
Dây mơ	100g
Cam thảo nam	100g
Bá bệnh	50g
Hương phụ	50g

Chủ trị:

Đau bụng, ăn không tiêu, bụng đầy trướng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi sấy khô tán bột mịn.

Người lớn ngày uống 12g chia 2 lần.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều.

Uống với nước chín.

58. LƯƠNG HƯƠNG NGẢI TÁN

Cao lương khương (khô)	80g
Hương phụ sao	40g
Ngải cứu (khô)	60g

Chủ trị:

Rối loạn tiêu hoá: Đau bụng, ăn không tiêu, bụng đầy trướng ỉa chảy.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô giòn tán bột mịn.

Ngày uống 3 lần mỗi lần 8g, uống với nước chín.

59. NGẢI DIỆP THANG

Lá ngải cứu tươi	200g
Giấm thanh	20ml

Chủ trị:

Đau bụng do giun

Cách dùng, liều lượng:

Lá ngải cứu rửa sạch, giã nát, vắt lấy nước cốt hoà với 20ml giấm thanh cho uống.

60. SINH KHƯƠNG THANG

Gừng tươi	50g
Nước chín	20ml

Chủ trị:

Đau bụng do nhiễm lạnh.

Cách dùng, liều lượng:

Gừng tươi giã nát, thêm 20ml nước chín vắt lấy nước cho uống. Bã xoa vào bụng và đắp vào rốn.

61. THANG TIÊU THỰC

Hương phụ (sao cháy vỏ)	16g
Trần bì (sao)	12g
Củ sả (sao)	12g
Vối (vỏ cây, nụ, lá)	12g
Gừng tươi	6g

Chủ trị:

Đầy bụng, trướng bụng, ợ hơi, đau bụng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

62. GIẢI BIỂU TÁN HÀN CHỈ TẢ THANG

Riềng (sao)	12g
Ổi khương	8g
Củ sả (sao)	12g
Búp ổi (sao)	6g

Chủ trị:

Ỉa chảy do bị lạnh (hàn tả): không khát nước, đau bụng lâm dâm, phân loãng như nước, ngày đi 5 - 7 lần hay hơn nữa, tiểu tiện trong.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 3 - 4 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

63. THANH NHIỆT CHỈ TẢ THANG

Búp tre	16g
Rau má	16g
Lá mơ	16g
Bông mã đề	16g
Trần bì	8g

Chủ trị:

Ỉa chảy do nhiệt (nhiệt tả): Đau bụng đi ỉa lỏng, phân khẳm, hậu môn nóng rát, sốt khát nước, tiểu tiện đỏ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

64. SINH KHƯƠNG TRẦN BÌ THANG

Sinh khương	12g
Trần bì	8g
Gạo (rang vàng)	12g
Cúc hoa	12g

Chủ trị:

Nôn mửa ra nước hoặc thức ăn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

65. CHỈ ẨU THANG

Phục long can lâu năm	80g
Sinh khương	10g

Chủ trị:

Nôn mửa ra nước hoặc thức ăn.

Cách dùng - liều lượng:

Đất lòng bếp (phục long can) giã dập, cho vào 600ml nước đun sôi 5 phút quấy đều gạn ra bát để nguội lắng trong, gạn bỏ cặn lấy nước trong. Giã gừng vắt lấy nước hoà vào nước thuốc, uống từ từ, mỗi lần uống nửa bát.

66. HOẮC HƯƠNG THANG

Hoắc hương	20g
Riềng khô (sao)	12g
Lá ổi già (sao)	8g

Chủ trị:

Ỉa chảy: đi ngoài nhiều lần, phân lỏng, hoặc đau bụng, nôn mửa.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm bớt liều lượng.

67. TIÊU THỰC TÁN

Hương phụ tứ chế	400g
Trần bì (sao vàng)	250g
Hậu phác (tẩm gừng sao)	250g
Củ sả (sao vàng)	250g
Hoắc hương	16g
Can khương	4g

Chủ trị:

Thực tích: đau bụng, sôi bụng, đầy bụng, không muốn ăn.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị tán bột mịn.

Người lớn ngày uống 15 - 30g. Hoà vào nước chín uống.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm bớt liều lượng.

68. THANG TRỊ TIÊU CHẢY

Hoắc hương	12g
Hương nhu	12g
Búp ổi	8g
Bông mã đề	6g
Vỏ vối	6g
Sa nhân	4g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Đau bụng, sôi bụng, tiêu chảy, nặng đầu, sợ gió, sợ lạnh, tiểu đỏ và ít.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, uống một lần trong ngày.

69. CHỈ TẢ THANG

Bạch truật	6g
Bạch linh	4g
Trạch tả	4g
Sa nhân	4g
Xa tiền	4g
Xuyên khung	2g
Trư linh	4g
Bạch biển đậu	6g
Ý dĩ	4g
Mộc hương	2g

Chủ trị:

Tiêu chảy đau bụng, sôi bụng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml chia uống 3 lần trong ngày. Ngày uống 1 thang.

70. BỔ TỲ DƯỠNG VỊ CHỈ TẢ THANG

Đảng sâm (sao)	6g
Hoài sơn (sao)	6g
Bạch truật	6g
Trần bì (sao)	6g
Hoắc hương	6g
Bông mã đề	6g
Vỏ vối (sao vàng)	6g
Sa nhân (sao)	4g

Vỏ dụt (sao)	4g
Trạch tả	4g
Can khương	2g

Chủ trị:

Tỳ vị hư hàn: Ăn ít, người mệt mỏi, sắc mặt vàng nhợt, đại tiện phân nát, sền sệt, hay sống phân.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất tanh, nhờn, khó tiêu.

71. LINH ĐƠN CHỈ TẢ HOÀN

Hoàng đàn (chế kỹ)	0,030g
Hoắc hương	0,020g
Bạch phàn (sinh phàn)	0,016g
Khô phàn (phèn phi)	0,016g

Chủ trị:

Đau bụng tiêu chảy

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả tán bột mịn rây đều luyện hồ làm 20 hoàn bằng hạt đậu xanh.

Người lớn ngày uống 2 lần mỗi lần 8 - 10 viên.

Trẻ em cứ mỗi tuổi uống một nửa viên, ngày uống 2 lần, chiêu với nước chín âm ấm.

72. PHỤC LONG BÚP ỔI THANG

Đất lòng bếp (phục long can)	20g
Củ riềng	6g
Rễ tranh	8g
Gừng lùi (ổi khương)	5g
Cây ré sao	12g
Củ sả	6g
Búp ổi hay lá ổi non	15g
Cam thảo nam	15g

Chủ trị:

Tiêu chảy nhiều lần trong ngày.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống một nửa, 2 giờ sau uống tiếp phần còn lại.

73. MĂNG CỤT LÁ ỔI THANG

Lá ổi khô	20g
Vỏ măng cụt	20g
Vỏ lựu	10g
Cam thảo	10g
Hột cau già thái mỏng	1 trái

Chủ trị:

Tiêu chảy.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước sắc lấy 100ml nước thuốc hoà thêm vào 15ml mật ong, chia uống 4 lần trong ngày.

Ngày hôm sau thay uống thang.

Hương phụ	10g
Quế khâu	5g
Ổi khương	10g
Vỏ mặng cụt	20g

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, hoà thêm 15ml mật ong chia uống 2 lần trong ngày.

74. NHỊ KHƯƠNG TÁN TÀ THANG

Cao lương khương	20g
Ổi khương	20g
Hậu phác	12g
Ô dược	12g
Hoắc hương	12g
Nhục quế	12g
Cam thảo chích	4g

Chủ trị:

Tiêu chảy

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Thời gian điều trị bằng bài thuốc này không nên dùng quá 3 ngày.

75. TIÊU CHẢY THANG

Lá ổi	50g
Vỏ măng cụt thái mỏng	20g
Củ sả	20g
Nhục quế	8g
Gừng khô	5g
Cam thảo dây (dây chi chi)	8g

Chủ trị:

Tiêu chảy.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc.

Người lớn chia uống 2 lần.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều lượng.

Ngày uống 1 thang.

Ghi chú:

- Nếu bệnh nhân mệt nhiều gia thêm:

Rễ đinh lăng sao	20g
Lúa (thóc) lâu năm	50g

- Nếu có sốt (nhiệt) bỏ can khương gia thêm

Bạch biển đậu (sao)	40g
Cát căn	40g

76. HẬU PHÁC TÁN

Hậu phác (cạo bỏ vỏ thô thái nhỏ)	200g
Sinh khương	200g
Bạch truật	40g
Thần khúc	40g
Mạch nha (sao vàng sẫm)	40g
Ngũ vị	40g

Chủ trị:

Đại tiện ra máu lâu ngày (tiện huyết). Mỗi ngày đi đại tiện 1 hay 2 - 3 lần, lần nào cũng có ra máu, có khi máu ra trước phân, có khi ra sau phân, hoặc có khi máu phân lẫn lộn. Máu đỏ nhợt, nhỏ giọt nhiều, ít không đều.

Khi đi cầu không quặn trong ruột, không phải rặn như kiết lỵ chỉ hơi phải rặn khi mới ngồi, nước tiểu trong, thân thể tứ chi không nóng, không khát nước, ăn kém ngon, ngủ không bình thường, người mệt mỏi bần thần, tinh thần uể oải.

Cách dùng, liều lượng:

Sinh khương giã chung với hậu phác cho thật nát, sao vàng sẫm hợp cùng các vị khác, tán bột mịn.

Máu ra nhiều, người mệt mỏi phải trị gấp:

Người lớn ngày uống 2 lần mỗi lần 10g

Bình thường mỗi ngày uống 1 lần 6g. Uống với nước chín.

Trẻ em tuỳ tuổi uống từ 1/2g đến 2g.

Hoà thuốc vào nước cháo loãng, uống sau khi ăn.

Chú ý:

- Trong bài thuốc trên một số vị có thể thay như sau:

+ Thay bạch truật bằng:

Liên nhục (sao vàng sẫm)	12g
Ý dĩ (sao vàng sẫm)	28g

+ Thay thần khúc bằng:

Trần bì	26g
Rau răm	14g

+ Thay ngũ vị bằng:

Sơn tra (sao gần cháy)	40g

- Bài thuốc này tán bột mịn có thể luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu xanh uống tốt hơn thuốc bột và thuốc sắc.

- Thuốc này khi mới uống, tối đầu, hơi nóng ruột khó ngủ, tối sau bình thường. Sáng dậy đi cầu phân có khuôn và ít máu, vài hôm sau hết máu, ăn ngủ được, người khoẻ.

Kiêng kỵ:

- Phụ nữ khi hành kinh và có thai không được dùng.

- Kiêng ăn các chất ngọt, lạnh, không tắm nước lạnh.

77. RƯỢU TRỊ THỔ TẢ

Sa sâm	120g
Thương truật (ngâm nước gạo 24 giờ sao thơm)	40g
Trần bì	40g
Cam thảo	40g
Phục linh	40g
Trạch tả	60g
Phụ tử chế	60g
Sa nhân	80g
Hậu phác (tẩm gừng sao)	120g
Mộc hương	40g
Chỉ xác	40g
Bạch thược	4g
Bạch đậu khấu	40g
Thục địa	120g
Châu linh (trư linh)	40g
Hương phụ (chế đồng tiện sao)	60g
Nhục quế	4g
Hoắc hương	40g
Bạch truật	80g
Hoài sơn (sao vàng)	80g
ý dĩ (sao vàng nổ)	40g
Mộc qua	4g
Ngô thù du	40g

Chủ trị:

Bệnh dịch tả, thổ tả, thiên thời ỉa mửa.

Cách dùng, liều lượng:

Thục địa thái mỏng để riêng.

Các vị khác tán thô.

Tất cả các vị cho vào bình đổ ngập rượu trắng 40° ngâm trong 1 tuần lễ.

Từ: 3 - 10 tuổi uống 5ml

10 - 20 tuổi uống 10 ml

20 tuổi trở lên uống 20ml.

Chú ý:

Cách uống thuốc và ăn sau khi uống thuốc:

- Uống thuốc rồi mà còn thổ tả thì cho uống tiếp liều lượng trên 1 lần nữa.

Khi bệnh nhân dùng thuốc này thấy đói bụng thì cho ăn vài ba muỗng nước cháo lỏng, sau khi ăn 2 giờ người bệnh bình thường thì cho ăn tiếp 1 lần nữa.

+ Sau 6 - 7 lần ăn nước cháo: Nếu bệnh nhân thấy khoẻ thì cho ăn 1 muỗng cháo đặc, bệnh nhân vẫn bình thường thi 2 giờ sau cho ăn vài muỗng cháo đặc nữa. Ăn như thế trong vài ngày mới cho bệnh nhân ăn tăng dần.

+ Nếu ăn nước cháo người bệnh vẫn thổ tả thì tiếp tục cho uống thêm thuốc liều lượng như trên.

+ Nếu ăn cháo lỏng không thấy thổ tả nữa mà bụng vẫn lình sình không tiêu người mệt thì cho bệnh nhân uống nước gạo rang và chút ít muối trắng rang thật kỹ.

- Nếu bệnh nhân bị thổ tả mà bị vọp bẻ (chuột rút) chân tay trong lúc bệnh thì dùng rượu này cùng với gừng tươi giã dập xoa bóp chân tay, lưng cho nóng lên.

Kiêng kỵ:

Phụ nữ có thai cấm dùng.

78. VIÊN TIÊU CHẢY

Đọt trâm bầu (phơi khô)	100g
Gừng khô	100g

Chủ trị:

Tiêu chảy.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn, luyện hồ dập viên 250mg. Người lớn mỗi lần uống 3 viên.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều.

Kiêng kỵ:

Phụ nữ có thai không nên dùng.

79. CAN KHƯƠNG BINH LANG LỰU BÌ TÁN

Can khương	8g
Binh lang	16g
Củ riềng	8g
Vỏ lựu	8g
Vỏ măng cụt	16g
Hạt tiêu	20 hạt

Chủ trị:

Tỳ vị hư hàn: Ỉa chẩy, ỉa nước (thuỷ tả)

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi sấy khô tán bột mịn.

Mỗi lần uống 2g ngày uống 2 - 3 hay 4 lần tuỳ bệnh nặng hay nhẹ. Hoà bột vào nước chín uống.

Chú ý:

Nếu ỉa nước (thuỷ tả) thì dùng thêm 7 trái cau già (bỏ vỏ) giã nát, cho vào hãm nước sôi uống, hãm 2 - 3 lần, nếu thấy bệnh giảm thì thôi uống.

Kiêng kỵ:

Phụ nữ có thai không dùng.

80. CẤP CỨU HỒI SINH THANG

Hoắc hương	12g
Trần bì	8g
Hoàng thổ	8g

Chủ trị:

Ỉa chảy cấp (hoắc loạn, thổ tả đau quặn bụng, cảm mạo 4 mùa, không phân biệt chứng hàn, chứng nhiệt, chứng hư đều dùng được).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 80ml nước thuốc, uống gấp 1 lần.

81. NGŨ LINH HỢP LÝ TRUNG THANG

Bạch truật (sao vàng)	12g
Phục linh	8g
Nhân sâm (sao)	8g
Can khương	8g
Quan quế (quế tốt)	4g
Trư linh	8g
Trạch tả	8g
Cam thảo chích	4g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Ỉa chảy (hoắc loạn, thổ tả).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống.

Nếu bệnh nhân đau bụng gia vị mộc hương mài vào nước thuốc cho uống.

Kiêng kỵ:

Bệnh nhân kiêng ăn cơm, cho ăn cháo loãng.

82. HOẮC HƯƠNG TÁN

Hoắc hương	8g
Lá ổi	8g
Trần bì	10g
Củ riềng	5g
Vỏ măng cụt	10g

Chủ trị:

Tiêu chảy các thể.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi sấy khô tán bột mịn.

Mỗi lần uống 5g ngày uống 2 lần sáng, chiều.

83. TIÊU CHẢY HOÀN

Hậu phác (tẩm gừng sao)	200g
Củ sả già (sao)	150g
Củ bồ bồ (sao)	150g
Can khương	30g
Hương phụ	20g
Lá ổi non (phơi âm can khô)	250g

Chủ trị:

Tiêu chảy.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi sấy khô tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt ngô (bắp).

Người lớn ngày uống 3 lần mỗi lần 10 - 15 viên, chiêu với nước chín.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều.

84. RƯỢU BỔ ĐỂ DƯỢC THUỶ

Vỏ cây sầu đâu (khổ luyện bì)	20g
Gừng khô (sao)	15g

Quế chi	15g
Trần bì (sao)	10g
Vỏ măng cụt	10g
Vỏ cây xoài (cạo bỏ vỏ thô)	10g
Ô môi (bỏ vỏ, hột)	10g
Đinh hương	5g
Long não	5g
Tinh dầu bạc hà	10ml

Chủ trị:

Hoắc loạn: Bất thình linh vừa ói vừa ỉa mà không thấy đau bụng, thỉnh thoảng bụng đau lâm dâm. Vật ói ban đầu giống như thức ăn chưa tiêu kịp, kế đó lẫn lộn với chất nước đục như nước cơm, không mót rặn, miệng khô khát nước, chân tay lạnh giá, mình mẩy đổ mồ hôi, tiếng nói khàn, bắp chân bị chuột rút (vọp bẻ), sắc mặt trắng bệch, 2 mắt lõm sâu, lượng nước tiểu ít, người bệnh mất nước nhiều.

Cách dùng, liều lượng:

Long não, tinh dầu bạc hà để riêng.

Các vị khác tán nhỏ cho ngâm vào 1500ml rượu trắng 40° trong 5 ngày, chắt lấy rượu thuốc (bỏ bã) cho long não, tinh dầu bạc hà, đóng chai dùng.

Mỗi lần uống 1 thìa cà phê, cứ 5 phút uống 1 lần.

Tuỳ theo bệnh nặng, nhẹ, hoãn, cấp mà thêm bớt liều lượng. Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều.

Chú ý:

Đây là bệnh cấp tính phải được điều trị khẩn cấp. Trong cho uống Bồ đề dược thủy, ngoài dùng rượu Gừng hâm nóng xoa bóp khắp chân tay mình mẩy và cạo gió hai bên cột sống lưng, trước ngực bụng (chỉ cạo xuôi xuống, không được cạo ngược lên).

85. THANH TRƯỜNG CHỈ TẢ THANG
(Thanh nhiệt ngân hoa thang)

Kim ngân hoa	8g
Bồ công anh	8g
Dây khổ qua	8g
Lá sống đời	8g
Cây mã đề	8g
Lá cây bàng	8g
Rau má	8g
Vỏ đậu xanh	6g
Cam thảo đất	6g
Xuyên tâm liên	4g
Khổ luyện bì	4g
Củ ráng	8g

Chủ trị:

Tiêu chảy thuộc thể nhiệt tả. Đi tiêu nước toé ra như xối. Tiêu ra vật giống gợn dơ tích trữ ở trong ruột, hơi bay lên nóng, mùi hôi thối khó chịu, bụng đau dữ, khi tiêu thì hậu môn nóng rát, tiểu gắt đỏ, trong người nóng, bức rứt, khát nước, lưỡi đỏ, rêu vàng, mạch huyền sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, thêm 3 lát gừng tươi, một nhúm trà; sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 4 lần trong ngày.

Chú ý:

Bệnh nhân hết tiêu chảy, bụng hết đau nhưng người còn mệt mỏi, ăn uống ít.

Dùng thang trên bỏ các vị:

Khổ luyện bì (vỏ sầu đâu), xuyên tâm liên, kim ngân hoa, bồ công anh, lá cây bàng, củ ráng.

Thêm các vị:

Hoài sơn	8g
Củ Đinh lăng	8g
Hậu phác (sao gừng)	6g
Trần bì (sao gừng)	6g

Sắc uống.

86. GIẢI THỬ LỢI THẤP CHỈ TẢ THANG

Hương nhu	6g
Trần bì	4g
Thương nhĩ	6g
Mã đề	8g
Hoắc hương	8g
Củ ráng	8g
Rễ tranh	8g
Cỏ sữa	8g
Húng quế	8g
Tinh tre	6g
Cát căn (tươi)	4g
Rau sam	6g

Chủ trị:

Tiêu chảy do nhiễm thử tà: Sôi bụng, đau bụng đi tiêu, tiêu phun vọt ra nước trong như tiểu, đau bụng quanh rốn, trong người bức rứt, đổ mồ hôi, khát nước, nước da sạm lại, mắt lõm sâu (do mất nước), rêu lưỡi vàng, mạch nhu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, thêm 3 lát gừng sống, một nhúm trà, sắc lấy 150ml chia uống 4 lần.

Chú ý:

Bệnh nhân hết tiêu chẩy, các chứng bớt nhiều nhưng người còn mệt mỏi, tay chân bải hoải. Dùng tiếp thang trên bỏ các vị: Hương nhu, củ ráng, cỏ sữa, mã đề, rễ tranh. Gia thêm các vị:

Hậu phác (sao gừng)	6g
Bán hạ chế gừng	4g
Củ bạc hà (khoai mùng) tẩm nước gạo sao	6g
Thán khương	4g
Hoài sơn (sao thơm)	8g
Biển đậu (sao thơm)	8g

Sắc uống.

87. THẬN HƯ CHỈ TẢ THANG

(Ôn thận sáp trường thang)

Hà thủ ô	20g
Sâm đại hành	15g
Vỏ măng cụt	8g
Quế chi	12g
Ổi khương (gừng lùi)	8g
Cây tổ rồng	15g
Củ ráng	8g
Đại hồi (sao)	8g
Rễ táo	12g
Cam thảo dây	8g
Thiên niên kiện	8g
Cỏ xước	8g
Hoài sơn	12g
Quả ré (ích trí nhân) sao	12g

Chủ trị:

Tiêu chảy kéo dài (thận tiết), tái phát nhiều lần, bệnh nhân sắc mặt vàng, nước da bủng, tinh thần mệt mỏi, mắt lờ đờ, tiếng nói nhỏ, mỗi khi trời gần sáng dưới rốn bị đau, sôi bụng và tiêu chảy (ngũ canh thận tả = tiêu chảy lúc canh năm hay kê minh tiết tả = tiêu chảy lúc gà gáy); đại tiện ra đồ ăn không tiêu hoá được, vùng bụng trướng đầy, ăn không ngon, sợ lạnh, rêu lưỡi màu trắng nhợt, mạch trầm tế, hai bộ xích đều vô lực.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, thêm gừng tươi 3 lát, liên nhục 20 hạt, sắc lấy 200ml nước thuốc (chia uống 2 lần (sáng và chiều)...

88. ÔN TRUNG KIỆN TỲ TÁO THẤP THÔNG LỢI TIỂU TIỆN THANG

Hương phụ (chế rượu)	8g
Trần bì (nướng)	4g
Sa nhân (sao)	5g
Gừng khô (nướng)	4g
Xương bồ	4g
Rau mơ (sao)	8g
Củ sả (sao)	6g
Biển đậu (sao)	10g
Thiên niên kiện	8g
Ngũ gia bì	8g
Nhục quế	4g
Dây đau xương (sao)	8g

Chủ trị:

Tỳ hư tiết tả. Bụng sôi đau lâm dâm, người và chân tay lạnh, ăn vào trong giây lát cảm thấy bụng đau, nặng nề. Ngày đi cầu ít cũng 3 - 4 lần, hễ bụng quặn đau có tiếng kêu róc róc là phải đi lập tức, ỉa ra phân lỏng lợn cợn mới êm bụng. Lâu ngày khí lực suy kiệt, người mệt mỏi chân tay bải hoải nặng nề không muốn đi đứng, co duỗi khó khăn. Miệng hôi rêu lưỡi trắng, không muốn ăn uống, sắc mặt trắng nhợt, hơi thở yếu. Mạch tâm, can huyền nhược, phế tỳ trầm tri.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Bệnh nhân hết tiêu chảy, chân tay bớt bải hoải nặng nề, nhưng ăn còn chậm tiêu, người còn mệt mỏi. Dùng tiếp thang trên bỏ bớt các vị tán tán: Gừng khô, xương bồ, củ sả, gia thêm.

Huyết rồng	8g
Cây dâu	8g
Rễ cỏ xước	8g

Sắc uống.

89. KIỆN TỲ CHỈ TẢ TÁN

Hoắc hương	30g
Tô diệp	20g
Thương truật	16g
Trần bì	10g
Phục linh	12g
Hậu phác	6g
Cam thảo	6g
Đại táo	8g

Chủ trị:

Đau bụng đi ngoài, ăn uống không tiêu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi sấy khô, tán bột mịn.

Người lớn ngày uống 10 - 20g có thể uống tới 30g, chia 4 - 5 lần trong ngày.

Trẻ em: 2-3 tuổi ngày uống 4g, chia 2 lần.

4-7 tuổi ngày uống 6g, chia uống 2 lần.

8-10 tuổi ngày uống 10g, chia 2 lần.

Hoà thuốc vào nước chín uống.

Chú ý:

Trẻ em dưới 1 tuổi không dùng.

90. TIÊU THỰC HÀNH KHÍ TRỪ THẤP THANG

Xương truật	20g
Hậu phác	16g
Trần bì	12g
Mộc hương	10g
Sa nhân	10g
Cam thảo chích	8g

Chủ trị:

Ỉa chảy do rối loạn tiêu hoá: Đầy trướng bụng, ăn chậm tiêu, mệt mỏi, mỗi khi đi ngoài bụng quặn đau, phân lỏng hoặc sền sệt, ngày đi 3 - 4 lần hay hơn nữa.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 - 3 lần.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng các chất tanh, chua, dầu mỡ, hoa quả sống lạnh.

91. RƯỢU THỜI KHÍ

Chanh già dầy vỏ (lùi tro nóng)	4 quả
Gừng già lùi tro nóng (ổi khương)	30g
Muối ăn rang khô	40g
Nhục quế (tốt)	40g
Đường trắng	60g
Rượu trắng 45°	1000ml

Chủ trị:

Thổ tả, tiêu thực đầy trướng bụng.

Cách dùng, liều lượng:

Chanh, gừng lùi rửa sạch, thái nhỏ, nhục quế đập vụn, tất cả các vị cho vào rượu trắng, thêm đường ngâm trong 1 tuần (ngâm càng lâu càng tốt).

Người lớn mỗi lần uống 20ml, 20 - 30 phút uống 1 lần.

Ngày uống 4 - 5 lần.

92. HOÀNG KỲ CHỈ THỰC THANG

Hoàng kỳ	40g
Chỉ thực (sao cháy)	20g

Chủ trị:

Đại tiện ra máu (tràng phong hạ huyết): Đại tiện táo nhiệt thường ra máu tươi trước hoặc sau phân, hoặc máu lẫn với phân.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 500ml nước, sắc lấy 150ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

93. THỎ TY THANG

Xuyên quy	8g
Thục địa	20g
Hoàng kỳ	12g
Ô mai	8g
Địa du (sao cháy)	8g
Táo nhân (sao cháy)	8g
Viễn chí	8g
Sa sâm	12g
Bạch truật	8g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Tràng phong hạ huyết: Đại tiện táo nhiệt thường ra máu tươi trước hoặc sau phân hoặc máu lẫn với phân - thoát giang, trĩ ngoại.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

94. NHUẬN TRƯỜNG THANG

Vừng đen (hoặc vừng trắng)	50g
Mật ong	30g

Chủ trị:

Táo bón.

Cách dùng, liều lượng:

Vừng đen sao thơm giã dập, trộn với mật ong uống trong ngày.

Chú ý:

Nếu không có vừng thì dùng 2 thìa con mật ong hoà với nước chín uống.

Ngày uống 1 - 2 lần. Uống liền trong 1 tuần.

95. HOẮC HƯƠNG ĐẬU KHẤU TRẦN BÌ THANG

Hoắc hương	5g
Bạch đậu khấu	5g
Trần bì	5g
Sinh khương	5g

Chủ trị:

Nôn, ói, oẹ

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 3 lần.

Ngày uống 1 thang.

Hết nôn, ói, oẹ thì thôi.

96. TRẦN BÌ SINH KHƯƠNG THANG

Trần bì	9g
Sinh khương	6g

Chủ trị:

Nôn oẹ, ợ hơi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 200ml uống trong ngày.

97. CAO LƯƠNG KHƯƠNG THANG

Cao lương khương	10g
Đảng sâm	10g
Phục linh	10g

Chủ trị:

Nôn mửa do hư hàn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, uống một lần trong ngày.

C. CÁC BÀI THUỐC TRỊ BỆNH KIẾT LỴ, TẢ LỴ, VIÊM ĐẠI TRÀNG, TRĨ

1. HÀNH TRỆ HOÁ THẤP THANH NHIỆT TÁN

Xuyên hoàng liên chế	100g
Khổ luyện nhân	50g
Bình lang	12g
Bách thảo sương	20g
Hoắc hương	12g

Chủ trị:

Xích bạch lỵ, ngày đêm đi đại tiện nhiều lần, có quặn đau bụng hoặc không đau bụng. Lúc buồn đi tưởng như đi ngay được, nhưng khi đi thì ngồi rặn mãi mới được một tý phân, phân ra có lẫn máu và nhầy mũi, nặng thì đi ra toàn máu và mũi không có phân, tiểu tiện sẻn đỏ, rêu lưỡi hơi vàng có nhớt.

Cách dùng, liều lượng:

Hoàng liên chế: Lấy 20g ngô thù sắc lấy nước đặc tẩm vào Hoàng liên, sao khô.

Khổ luyện tử đập bỏ vỏ, lấy nhân ép bớt dầu trong nhân sao kỹ.

Các vị bào chế xong hợp lại tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt gạo.

Trẻ em: 2 tháng đến 1 tuổi mỗi lần uống 1 viên.

2 - 4 tuổi mỗi lần uống 2 viên

5 - 10 tuổi mỗi lần uống 3 viên.

Người lớn mỗi lần uống 5 - 6 viên.

Ngày uống 3 - 4 lần tuỳ bệnh nặng nhẹ, chiêu thuốc với nước chín.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ hoa quả, các thức ăn tanh, béo, các thứ chiên, sào, các thứ cay, hăng, nóng.

2. BẠCH PHÀN TẠO GIÁC TÁN

Bồ kết nướng tồn tính	40g
Bạch phàn	20g
Khô phàn (phèn phi)	20g

Chủ trị:

Xích bạch lỵ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Trẻ em: 1 - 2 tuổi, mỗi lần uống 1 viên.

3 - 5 tuổi, mỗi lần uống 2 viên.

6 - 10 tuổi, mỗi lần uống 3 viên.

11 - 15 tuổi, mỗi lần uống 4 viên.

Người lớn: mỗi lần uống 5 - 6 viên.

Tùy bệnh nặng nhẹ, mỗi ngày uống 2 - 3 lần. Chiêu thuốc với nước chín.

Chú ý:

Chỉ nên cho người bệnh ăn cháo thì bệnh chóng khỏi.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các thứ ngọt, béo, sào, rán, chiên, hoa quả. Các thứ tanh, hăng, cay, nóng.
- Phụ nữ có thai không dùng.

3. THANG RAU SAM CỎ SỮA

Rau sam tươi	100g
Cỏ sữa (lá to hoặc lá nhỏ) tươi	100g

Chủ trị:

Thấp nhiệt lỵ: Bệnh phát nhanh, bụng đau quặn, đại tiện mót rặn, ngày đêm đi rất nhiều lần không có phân mà chỉ ra chất nhầy nhớt như mủ và máu lẫn lộn, phát sốt, người mệt lả.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày. Uống nguội vào lúc đói.

Các vị có thể giã nhỏ, cho thêm nước sôi lọc lấy nước uống thay sắc.

Ngày uống 1 liều.

Chú ý:

Nếu đại tiện ra máu nhiều thì gia thêm:

Cỏ nhọ nồi tươi	50g

4. ĐẬU ĐEN HOA ĐẠI THANG

Đậu đen (sao qua)	40g

Hoa Đại (sao qua)	30g
Chỉ xác	10g

Chủ trị:

Thấp nhiệt lỵ: Bụng đau quặn, đại tiện rất mót rặn, ngày 9 - 10 lần có ngày trên 10 lần, không có phân chỉ ra chất nhầy mũi và máu lẫn lộn, có khi rặn nhiều chỉ són ra ít máu, hậu môn tức khó chịu và có cảm giác nóng rát, tiểu tiện vàng và lượng ít.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, để nguội uống 1 lần lúc đói.

Ngày 1 thang, trẻ em giảm liều lượng.

Chú ý:

Nếu đại tiện chỉ ra máu nhiều, chất nhầy mũi ít thì dùng đậu đen không sao và gia thêm trách bách diệp sao đen 20g cùng sắc uống.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất cay, nóng, chất khó tiêu, dầu mỡ ôi, cá tanh.

5. THANG CỎ PHƯỢNG VĨ VỪNG ĐEN

Cỏ phượng vĩ (cỏ seo gà) tươi	40g
Vừng đen (không có vừng đen thay vừng trắng) sao qua	30g

Chủ trị:

Kiết lỵ mới phát mấy ngày, bụng đau quặn đại tiện ngày đi hàng chục lần, rất mót rặn, không có phân chỉ ra chất nhầy, máu và mủ lẫn lộn, hậu môn tức khó chịu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, để nguội uống 1 lần lúc đói.

Ngày uống 1 thang. Trẻ em giảm liều lượng.

Chú ý:

- Nếu bụng đau nhiều, mót rặn nhiều, phân chỉ có chất nhầy gia:

Chỉ thực (sao qua)	12g
Binh lang	12g
La bạc tử (sao qua)	12g

- Nếu đại tiện có máu nhiều gia:

Sơn tra (sao đen)	12g

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất cay nóng, khó tiêu, dầu mỡ ôi, cá tanh.

6. MƠ LÔNG CỎ SỮA RAU SAM THANG

Lá và dây mơ lông tươi	30g
Cỏ sữa nhỏ lá tươi (bỏ rễ)	20g
Rau sam tươi	20g
Vừng đen	20g
Cỏ phượng vĩ (cỏ seo gà)	10g

Chủ trị:

Kiết lỵ do thấp nhiệt: Bệnh phát sinh đột nhiên đau bụng muốn đi đại tiện và đi luôn hàng chục lần, lúc đầu có ít phân về sau chỉ ra chất nhầy mũi lẫn máu, khi đi rất mót rặn hậu môn tức khó chịu có cảm giác nóng rát, tiểu tiện vàng người mệt lả.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, để nguội uống 1 lần lúc đói.

Ngày uống 1 thang. Trẻ em giảm bớt liều lượng.

Chú ý:

- Đại tiện có máu nhiều gia thêm:

Cỏ nhọ nồi tươi	12g
Lá trắc bách sao đen	12g

- Đại tiện có chất nhầy, mủ nhiều gia thêm:

Hạt cau khô thái nhỏ	12g
Búp tre tươi (70 - 80 búp)	12g

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất cay, nóng, khó tiêu, dầu mỡ ôi, cá tanh.

7. DỀN GAI HUYẾT DỤ THANG

Rễ cây dền gai khô (sao khô)	20g
Lá huyết dụ khô (sao qua)	12g
Trắc bách diệp khô (sao đen)	12g
Hoè hoa (sao vàng)	8g

Chủ trị:

Kiết lỵ: Đau quặn vùng bụng dưới mót đi ngoài, ngày đi hàng chục lần, đại tiện lúc đầu có lẫn ít phân, các lần sau chỉ ra chất nhầy,

rất mót rặn, hậu môn tức khó chịu, rặn mãi chỉ ra chất máu nhiều, chất nhầy, mủ ít miệng khát nước, tiểu tiện vàng, người rất mệt nhọc.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc để nguội chia uống 2 lần lúc đói.

Ngày uống 1 thang. Trẻ em giảm bớt liều lượng.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất cay, nóng, khó tiêu, các chất tanh.

8. PHÈN ĐEN HOÀN

Lá phèn đen (chế)	500g
Rễ cây phèn đen khô	1200g

Chủ trị:

Lỵ mới phát hoặc đã nhiều ngày. Có khi bệnh đỡ lại tái phát, bụng đau quặn mót đi ngoài, ngày đi 5 - 7 - 10 lần, mỗi lần đi rất mót rặn bài tiết ra chất nhầy, máu, mủ lẫn lộn, có mùi khó chịu, thể lực bình thường.

Cách dùng, liều lượng:

Lá phèn đen dùng loại lá bánh tẻ, rửa sạch, đồ qua (vừa chín đến, đồ lâu sẽ bị nát) phơi sấy khô tán bột mịn.

Rễ phèn đen, thái mỏng nấu cao lỏng.

Dùng nước cao lỏng phèn đen thay hồ, cho bột lá phèn đen vào luyện kỹ làm hoàn bằng hạt ngô.

Người lớn ngày uống 30g

Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều ngày uống 5 - 15g.

Chia uống làm 3 lần trong ngày. Uống với nước đun sôi để nguội, uống lúc đói.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn chất tanh, thịt chó, chất béo, dầu mỡ ôi, các chất cay nóng.

9. PHƯỢNG VĨ TRÂU CỔ THANG

Cỏ phượng vĩ tươi	60g
Lá trâu cổ (vẩy ốc) tươi	40g
Lá tía tô tươi	20g
Lá phèn đen tươi	20g

Chủ trị:

Kiết lỵ mới phát, bụng đau quặn, đại tiện ngày hàng chục lần, hậu môn tức rặn khó chịu, bài tiết chỉ ra chất nhầy nhớt mũi và máu lẫn lộn, người mệt mỏi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày, uống khi thuốc còn ấm vào lúc đói.

Ngày uống 1 thang. Trẻ em tuỳ tuổi giảm bớt liều lượng.

Chú ý gia giảm:

- Đại tiện máu nhiều nhầy mủ ít thì gia tăng lượng:

Phượng vĩ, phèn đen mỗi thứ thêm 15g nữa.

- Đại tiện nhầy, mủ nhiều máu ít thì tăng lượng:

Lá trâu cổ lên gấp đôi.

- Mót rặn tức nhiều, thậm chí rặn mãi không ra chất gì thì gia thêm:

Hạt cau khô	12g

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất cay, nóng, tanh, khó tiêu, dầu mỡ.

10. KÊ TỬ LÁ MƠ THANG

Trứng gà mới đẻ	2 quả
Lá mơ tam thể tươi non	40 - 50g

Chủ trị:

Lỵ bụng quặn đau mót ỉa, ngày đêm đi 5 - 7 lần hay hơn. Ỉa ra không có phân, chỉ ra chất nhầy, mủ, máu lẫn lộn, sức khoẻ giảm sút, người mệt mỏi.

Cách dùng, liều lượng:

Lá mơ rửa sạch thái nhỏ, đập trứng vào đánh đều thêm vài hạt muối. Dùng lá chuối sạch lót lên chảo, đun nóng đổ trứng lá mơ vào, trứng chín bọc lá chuối lật đi lật lại cho chín đều. Lấy ra ăn lúc còn đang nóng, ăn vào lúc đói.

Bệnh nhẹ ngày ăn 1 liều trên. Bệnh nặng ngày ăn 2 lần.

Kiêng kỵ:

- Trẻ nhỏ không dùng thuốc này.

- Kiết lỵ chán ăn, bụng đầy khó chịu không dùng thuốc này.

11. KÉ HOA VÀNG XÍCH ĐỒNG NAM THANG

Rễ ké đồng tiền hoa vàng (khô)	30g
Rễ xích đồng nam (khô)	20g

Chủ trị:

Kiết lỵ mới phát, bụng quặn đau là mót đi ngoài. Ngày đi hàng chục lần, có khi phát sốt, đại tiện đi ra chất nhày mủ máu lẫn lộn, rất mót rặn, hậu môn nóng tức.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần, uống lúc đói. Trẻ em giảm bớt liều lượng.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

- Không có thấp nhiệt tích trệ không dùng thuốc này.
- Kiêng ăn các chất cay nóng, khó tiêu.

12. CANH CHÂU GIẤP CÁ KIM NGÂN THANG

Cây canh châu (khô)	40g
Cây giấp cá (khô)	20g
Kim ngân hoa (khô)	20g
Ngũ liêm tử (quả khế) khô	20g

Chủ trị:

Lỵ mới phát do thấp nhiệt (hoặc trẻ em sau khi lên sởi, dư độc còn lại phát sinh kiết lỵ) ngày đi hàng chục lần, đại tiện mót rặn, đi ra chỉ có chất nhầy mủ máu lẫn lộn, da nóng, mệt mỏi, khát nước kèm theo có ho khan.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc chia uống nhiều lần trong ngày (uống vặt thay nước uống trong ngày).

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất tanh, cay nóng, khó tiêu.

13. KHỔ SÂM CÁT CĂN HOÀN

Cát căn	120g
Lá khổ sàm khô	100g
Chè hương (búp)	100g
Sơn tra (sao vàng)	80g
Mạch nha (sao thơm)	80g
Vỏ quýt (sao qua)	40g
Xích thược (hoặc rễ cây gối hạc)	40g

Chủ trị:

Thấp nhiệt lỵ, bụng đau quặn đi la ngày hàng chục lần, chỉ ra chất nhầy mủ máu lẫn lộn, người mệt mỏi, hậu môn rất mót rặn tức, bụng đầy khó chịu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy giòn tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn to bằng hạt ngô.

Người lớn ngày dùng 30 - 40g, chia uống 3- 4 lần.

Trẻ em tuỳ tuổi dùng 10-20g chia uống 3-4 lần.

Uống với nước chín nguội.

Chú ý:

Nếu đại tiện mót rặn, không bài tiết ra chất gì, bụng đầy ậm ạch khó chịu gia thêm:

Đại hoàng	10g
Phác tiêu	8g

Hai thứ sấy khô tán bột mịn, mỗi lần lấy 5g uống cùng với thuốc viên trên.

Khi thấy đi đại tiện đỡ mót rặn, bụng hết đầy thì thôi dùng đại hoàng, phác tiêu.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ tanh, cay nóng, khó tiêu.

14. LỘC VỪNG MỰC HOA TRẮNG THANG

Vỏ cây lộc vừng (cạo bỏ vỏ thô thái mỏng)	20g
Vỏ cây mực hoa trắng (thái mỏng)	15g
Lá sắn thuyền tươi	10g

Chủ trị:

Lỵ phát thành dịch (Dịch độc lỵ): Đột nhiên đại tiện đi luôn ngày ít nhất cũng trên chục lần, mót rặn, đi chỉ ra chất nhầy mũi và máu lẫn lộn màu hung đỏ, sốt cao, có ghê rét, kèm theo nôn oẹ. Đa số các cháu mắc bệnh trên 1 tuổi, trẻ biếng ăn mệt lả.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, cho uống vặt nhiều lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

15. PHÈN ĐEN PHƯỢNG VĨ THANG

Rễ cây phèn đen (thái mỏng)	20g
Phượng vĩ thảo	20g
Vỏ cây mực hoa trắng (thái phiến)	20g
Nam mộc hương (vỏ rụt) cạo vỏ thô thái phiến	20g

Chủ trị:

Lỵ phát thành dịch, đau bụng đi ngoài mót rặn, ngày đi hàng chục lần, đi ra chất nhầy mủ, máu lẫn lộn, kèm sốt ghê rét, hậu môn rất mót rặn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, cho uống vặt nhiều lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất tanh, thịt chó, chất cay nóng ôi thiu. Các chất khó tiêu.

16. RAU SAM CỎ SỮA NGÂN HOA THANG

Rau sam tươi	100g
Cỏ sữa lớn lá tươi	100g
Kim ngân hoa	20g
Búp ổi	20g
Búp sim	15g

Chủ trị:

Dịch lỵ: Đau bụng nhiều có kèm sốt, ngày đêm đi ỉa rất nhiều lần, có thể trên 20 lần, hậu môn rất mót rặn, đi ỉa chỉ ra chất nhầy mũi nhiều đặc dính, có lẫn ít máu mùi hôi nồng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc chia uống 2 - 3 lần trong ngày vào lúc đói.

Người suy yếu và trẻ em dùng một nửa liều trên.

Ngày uống 1 thang.

17. HOÈ HOA BỒ CU VẼ THANG

Lá bồ cu vẽ (sao vàng hạ thổ)	40g
Hoè hoa (sao vàng hạ thổ)	30g
Lá niệt gió (sao vàng hạ thổ)	20g

Chủ trị:

Bỗng nhiên bụng đau quặn và đi ỉa ngày trên chục lần hoặc hơn; đại tiện ra chất nhầy đặc dính trắng như mũi có máu lẫn lộn, hoặc có lúc đi ra nhiều máu tươi, bụng đầy tức khó chịu, sốt khát nước, tiểu tiện vàng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc để ấm chia uống 3 lần trong ngày. Uống lúc đói bụng.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

- Thuốc có vị niệt gió độc dùng phải cẩn thận.
- Người suy nhược, phụ nữ có thai, trẻ em không dùng.

18. KIM NGÂN HOÀNG BÁ HOÀNG LIÊN THANG

Kim ngân hoa	20g
Hoàng bá	20g
Hoàng liên	10g
Đơn bì	10g
Cỏ nhọ nồi	16g
Chi tử	12g
Đại hoàng	4g

Chủ trị:

Bụng đau quặn vùng hố chậu, ngày đi ỉa hàng chục lần, rất mót rặn, đi ra nhiều máu tươi, có lẫn ít nhầy mũi, sốt, khát nước, buồn bực khó chịu, ruột nóng như đốt, mệt mỏi, hậu môn nóng tức, có khi đi đại tiện không ra chất gì.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm bớt liều lượng xuống 1/3 hay 1/2.

Chú ý gia giảm:

- Sốt cao vật vã gia thêm:

Sừng trâu	20g

Tán bột mịn hoà vào nước thuốc uống.

- Biến chứng xuất hiện co giật gia:

Câu đằng	20g
Thạch quyết minh (nung tán)	20g

Cho sắc cùng thang trên.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất cay nóng, khó tiêu hoá.

19. VƯƠNG HẠN LIÊN THANG

Hạn liên thảo (khô)	40g
Vương bất lưu hành khô	20g
Cỏ phượng vĩ khô	16g
Bình lang khô	16g
Bách bộ khô	12g
Vỏ đại khô (gọt bỏ vỏ thô)	8g

Chủ trị:

Lỵ cấp tính, bụng đau quặn, ngày đêm đi đại tiện nhiều lần, đi ra máu và nhầy mũi lẫn lộn, có lúc chỉ ra máu tươi, hậu môn rất mót rặn, hoặc có phát sốt, người sút cân mệt mỏi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, để ấm chia uống 3 lần trong ngày. Ngày 1 thang. Trẻ em dùng 1/3 liều trên.

Chú ý:

- Nếu dùng:

Cỏ nhọ nồi tươi lượng dùng là	100g
Lá mua tươi lượng dùng là	50g
Cỏ phượng vĩ tươi lượng dùng là	40g

- Không có lá mua thay bằng rau sam tươi 40g

- Không có phượng vĩ thay bằng lá bọ mẩy tươi 20g

Kiêng kỵ:

- Chứng lỵ hư hàn: Tự són phân không nín giữ được, cấm dùng thuốc này.

- Kiêng ăn các thức ăn cay nóng, tanh, khó tiêu.

20. LIÊN TIỀN HẮC ĐẬU TÁN

Liên tiền thảo	50g
Hắc đậu (đậu đen) sao cháy	20g
Hoè hoa (sao vàng)	20g
Vỏ rụt (cạo bỏ vỏ thô)	20g
Cỏ phượng vĩ	15g
Vỏ vối (cạo bỏ vỏ thô)	10g
Bình lang	10g
Mộc hương	6g

Chủ trị:

Lỵ cấp tính: bụng đau quặn, ngày đêm đi đại tiện trên dưới 20 lần, ra máu tươi hoặc máu và chất nhầy mũi lẫn lộn, rất mót rặn hậu môn tức khó chịu. Biếng ăn, mệt mỏi, sốt, khát nước.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao, sấy khô tán bột mịn.

Người lớn ngày uống 40g chia 3 - 4 lần uống.

Trẻ em tuỳ tuổi uống 10-20g chia 3 - 4 lần uống.

Uống với nước chín nguội.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất tanh, cay nóng, khó tiêu.

21. KIẾT LỴ TÁN

Hoài sơn (sao vàng)	40g
Liên nhục (sao vàng)	40g
Phục linh	20g
Sa nhân (bỏ vỏ sao)	20g
Can khương	15g
Hạt tiêu sọ	30 hạt

Chủ trị:

Hư hàn lỵ: bụng dưới đau lâm râm, ngày đi ngoài 5 - 7 lần, đi ra ít chất nhầy trắng, loãng. Người mệt nhọc, tay chân không ấm, ăn kém, tiểu tiện trong hoặc hơi vàng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao, sấy giòn tán bột mịn.

Người lớn ngày dùng 25 - 30g chia uống làm 3 lần.

Trẻ em tuỳ tuổi ngày dùng 8 - 15g chia uống làm 4 lần.

Hoà bột vào cháo nóng để ấm uống.

Chú ý gia giảm:

Nếu đại tiện thường xuyên bị són ra, không chủ động nín nhịn được gia thêm:

Vỏ quả lựu (nướng vàng xèm) 15g

Sắc lấy nước hoà với thuốc trên uống hoặc có thể tán bột mịn để riêng, mỗi lần uống thuốc trên cho thêm 5g bột vỏ quả lựu hoà vào cháo nóng để ấm uống.

22. HOẮC HƯƠNG TÁN

Hoắc hương	100g
Giả khôi (củ nâu) chế	40g
Binh lang	30g

Chủ trị:

Bụng đau lâm râm, đại tiện ngày 3 - 4 lần có khi hơn, thậm chí són cả ra quần. Đi ra chất nhầy trắng loãng, ăn yếu, bụng có cảm giác như đầy, tay chân mát, người mệt mỏi ủ rũ.

Cách dùng, liều lượng:

Củ nâu chế: Củ nâu loại đỏ, gọt bỏ vỏ ngoài, thái mỏng ngâm nước vo gạo trong 24 giờ (thay nước vo gạo nhiều lần) lấy ra phơi khô, sao đen.

Các vị phơi sao sấy khô tán bột mịn.

Người lớn ngày dùng 30-40g, chia uống 4 lần.

Trẻ em tuỳ tuổi ngày dùng 10-20g, chia uống 4 lần.

Hoà vào nước đun sôi để ấm uống.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất lạnh, mỡ ôi, cá tanh, bún, đậu phụ.

23. NỤ SIM RIỀNG ẤM HOÀN

Nụ sim (phơi khô sao vàng)	100g
Riềng ấm (phơi khô)	50g

Chủ trị:

Bụng đau lâm râm lại mót đi ngoài. Đại tiện 5 - 6 lần ngày. Đi ra chất nhầy trắng loãng ăn kém.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu tương. Người lớn ngày dùng 40 - 60 viên, chia uống 3 - 4 lần. Trẻ em tuỳ tuổi ngày dùng 20 - 40 viên, chia uống 3 - 4 lần.

Uống với nước nóng.

24. NHA ĐẢM TỬ NHÂN PHƯƠNG

Nha đảm tử nhân (chế)	tuỳ ý
Long nhãn	tuỳ ý

Chủ trị:

Lỵ lâu ngày, đã dùng nhiều thuốc, bệnh đỡ một thời gian lại tái phát. Bụng đau lâm râm, đau nhiều ở vùng hố chậu, ngày đi 5 - 7 lần, mót rặn nhiều, hậu môn tức khó chịu, rặn mãi ra ít chất nhầy nhớt như máu cá, trắng đỏ lẫn lộn, thể lực giảm sút.

Cách dùng, liều lượng:

Nha đảm tử (quả sầu đâu cứt chuột) dập dập bóc vỏ lấy nhân, gói trong giấy bản ép hết dầu, lấy long nhãn bọc kín rồi nuốt. Không được nhai vì nhân nha đảm rất đắng, dễ gây nôn.

Người lớn ngày dùng 10 - 14 nhân.

Người suy nhược, trẻ em trên 5 tuổi ngày dùng 5 - 7 nhân.

Chia uống làm 3 lần.

Chú ý:

- Uống thuốc xong nằm nghỉ, sau khi uống 1 giờ cho người bệnh ăn một bát cháo loãng.

- Thuốc có độc, ngày chỉ dùng 1 liều trên không được uống quá liều chỉ định.

Uống với liều trên nếu thấy người nôn nao khó chịu buồn nôn ngừng thuốc sẽ hết.

Kiêng kỵ:

Phụ nữ có thai, trẻ em dưới 5 tuổi, người tỳ vị hư nhược nôn mửa cấm dùng.

25. VIÊN NHA ĐẢM

Nha đảm nhân	50g
Bách thảo sương	50g

Chủ trị:

Lỵ amib dai dẳng lâu ngày, đau bụng vặt, ỉa ra máu lẫn chất nhầy.

Cách dùng, liều lượng:

Nha đảm tử đập dập bóc bỏ vỏ sấy khô để riêng lấy nhân gói vào giấy bản ép hết dầu (vì dầu có tính chất kích thích gây nôn và ỉa lỏng) sấy khô. Vỏ và nhân hạt Nha đảm đã ép hết dầu và sấy khô hợp cùng với bách thảo sương tán bột mịn, luyện hồ làm viên 0,10g.

Người lớn uống 6 - 10 viên. Chia uống 3 - 4 lần trong ngày. Chiêu thuốc bằng nước chín ấm, uống lúc đói.

Kiêng kỵ:

Người tỳ vị hư nhược, nôn mửa không dùng.

26. VIÊN SẦU ĐÂU CỨT CHUỘT

Quả sầu đâu cứt chuột chế	40g
Bách thảo sương	40g

Chủ trị:

Khởi đầu rối loạn tiêu hoá, đau bụng đi ngoài phân lỏng, ăn kém người mệt mỏi sút cân mau, bụng đau quặn từng lúc. Đại tiện mót rặn, bài tiết ra chất nhầy như mủ lẫn máu. Bệnh lúc đỡ lúc tăng, có ngày đi 1 - 2 lần, có ngày đi hàng chục lần, nhất là sau bữa ăn có thức ăn không thích hợp là đi ngoài ngay.

Cách dùng, liều lượng:

- Quả sầu đâu chế: Quả sầu đâu cứt chuột tẩm rượu trắng 40° đem sao khô, sao tẩm như vậy 3 lần, ủ giòn tán bột mịn.

- Bách thảo sương: Cạo lấy muội trôn nồi đun bằng các loại rơm rạ, củi (không lấy muội đun bằng than đá, dầu hoả), đem sao lại, tán bột mịn.

Hai thứ bột trộn đều luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Người lớn ngày uống 15 - 20 viên, chia làm 3 lần.

Trẻ em tuỳ tuổi uống 5 - 15 viên, chia làm 3 lần.

Uống với nước thang sau:

Vỏ quả lựu (sao vàng)	20g
Búp hoặc rộp ổi	20g

Sắc kỹ, mỗi lần lấy một chén con, uống với thuốc viên trên, uống lúc đói.

Kiêng kỵ:

- Phụ nữ có thai không dùng thuốc này.
- Tỳ vị hư yếu, nôn mửa không dùng.
- Không uống quá liều quy định trên.

27. NƯỚC SẮC ĐINH NAM

Cây đinh nam (thảo long) cả rễ 40g

Chủ trị:

Lỵ amib.

Cách dùng, liều lượng:

Đinh nam rửa sạch, thái nhỏ sao vàng hạ thổ. Cho vào 600 ml nước, sắc lấy 400ml nước thuốc chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

28. VIÊN SẦU ĐÂU CỨT CHUỘT

Quả sầu đâu cứt chuột (chế)	100g
Hạt cau già (thái mỏng phơi khô)	70g
Bách thảo sương	50g
Rễ cây mơ lông (thái phơi khô sao vàng)	50g
Thịt quả mơ muối (Diêm mai)	40g
Cam thảo	20g
Can khương (sao cháy sém)	12g

Chủ trị:

Lỵ kéo dài nhiều tháng, ngừng một thời gian rồi lại tái phát nhất là ăn phải thức ăn không thích hợp, ngày đi 4 - 5 lần, bụng đau quặn, đại tiện mót rặn, đi ra mủ, máu lẫn lộn như màu óc cá, có lúc són cả ra quần.

Cách dùng, liều lượng:

Thịt quả mơ để riêng.

Sầu đâu cứt chuột đập bỏ vỏ, lấy nhân ngâm vào nước gạo 24 giờ lấy ra phơi khô sao vàng, cùng với các thuốc khác tán bột mịn.

Thịt quả mơ muối cho vào hai chén con nước đun sôi kỹ gạn lấy nước thêm bột mì nấu hồ, còn thịt quả thì giã nát hợp cùng với bột thuốc, cho dần nước hồ vào luyện kỹ làm viên bằng hạt đậu xanh.

Người lớn ngày dùng 30-35 viên, chia uống 3 lần.

Trẻ em trên 7 tuổi trở lên ngày dùng 10 - 15 viên, chia uống 3 lần. Uống với nước chín.

Kiêng kỵ:

- Trẻ em dưới 7 tuổi, phụ nữ có thai không dùng.

- Kiêng ăn các thứ tanh, khó tiêu.
- Người tỳ vị hư yếu, nôn mửa không dùng

29. HƯU TỨC LỴ THANG

Bố chính sâm (tẩm gừng sao vàng với gạo)	30g
Kim ngân hoa	20g
Diêm mai (bỏ hạt)	10g
Cam thảo chích	4g
Binh lang (thái mỏng phơi khô)	8g
Nhân quả sầu đâu cứt chuột (sao vàng)	20 nhân

Chủ trị:

Bệnh kiết lỵ lâu ngày, người gầy mệt mỏi. Bệnh đỡ rồi lại tái phát, tái đi tái lại nhiều đợt cứ mỗi lần ăn phải thức ăn không thích hợp là bệnh lại tăng lên. Ăn kém, đại tiện ngày đi 5 - 7 lần, bụng đau, có hiện tượng mót rặn, có lúc són ra chất nhầy máu mũi lẫn lộn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc để ấm chia uống 2 - 3 lần trong ngày. Uống lúc đói.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Nếu cơ thể suy nhược, huyết suy da xanh, ỉa máu nhiều thì gia thêm, tam thất (sâm tam thất) thái mỏng sao với ít gạo nếp (sao tới khi gạo nếp vàng sẫm là được). Tam thất và gạo gạo cùng tán bột mịn.

Mỗi lần uống thuốc trên cho thêm 4g bột tam thất hoà vào nước thuốc uống.

Trẻ em liều lượng giảm 1/2 thang trên.

30. KÊ TỬ BẠCH PHÀN THANG

Trứng gà (kê tử) mới đẻ	3 quả
Bạch phàn sống tán bột mịn	6g

Chủ trị:

Bệnh lỵ mắc lâu ngày (mạn tính), bệnh khi đỡ khi tăng, ngừng rồi lại tái phát dai dẳng. Cứ đau bụng quặn lại đi ngoài, ngày đi 4 - 5 lần hay hơn nữa, đi ra ít chất nhầy có mót rặn. Mót rặn nhiều lại lòi dom không tự thu vào được phải đẩy lên mới vào được, người mệt mỏi.

Cách dùng, liều lượng:

Trứng gà dùi thủng một đầu to bằng đầu đũa, mỗi quả cho vào 2g bột phèn chua, lấy giấy dán kín lỗ thủng đem hấp cơm hoặc nấu cách thuỷ. Trứng chín lấy ra ăn vào lúc đói bụng. Ngày ăn ba lần mỗi lần ăn một quả.

Chú ý:

Khi nào ăn mới làm trứng, không làm trước.

Kiêng kỵ:

Kiết lỵ thuộc hư, thuộc hàn hoặc cơ thể suy nhược bụng hay đầy chậm tiêu không dùng bài này.

31. MĂNG CẦU TÁN

Quả na khô chế	100g

Chủ trị:

Mắc chứng lỵ đã khỏi được một thời gian, ăn phải thức ăn không thích hợp bệnh lại tái phát, tái đi tái lại nhiều lần, đau bụng đại tiện ra chất nhầy như mủ, lẫn máu, bệnh kéo dài không khỏi hẳn. Thể lực bình thường, ăn uống thất thường khi ăn nhiều khi ăn ít.

Cách dùng, liều lượng:

Quả na khô còn ở trên cây chưa rụng, lấy xuống thái nhỏ, phơi khô, sao vàng sẫm tán bột mịn.

Người lớn ngày dùng 30g chia uống 3 lần.

Trẻ em tuỳ tuổi ngày dùng 10 - 15g chia uống 3 lần.

Hoà vào nước đun sôi để ấm uống. Uống liền nhiều ngày.

32. HOÀNG HƯƠNG HOÀN

Hoàng liên	100g
Mộc hương	100g
Hoàng nàn chế	100g

Chủ trị:

Ỉa chảy, kiết lỵ cấp tính hoặc mạn tính; viêm đại tràng cấp hoặc mạn tính.

Cách dùng, liều lượng:

Hoàng nàn ngâm nước gạo 10 ngày đêm (mỗi ngày thay nước vo gạo một lần) sau đó cạo sạch hết vỏ vàng, thái mỏng phơi khô, sao vàng.

Hoàng liên, mộc hương phơi, sấy khô hợp cùng hoàng nàn tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đỗ xanh.

Người lớn mỗi lần uống 10 - 15 viên, ngày uống 2 lần.

Trẻ em trên 10 tuổi mỗi lần uống 5 - 10 viên, ngày uống 2 lần.

Uống thuốc với nước sôi để nguội.

Chú ý:

Dùng bài thuốc này phải hết sức thận trọng vì bài thuốc có vị hoàng nàn rất độc. Nếu dùng quá liều hoặc dùng dài ngày có thể phát sinh ngộ độc nguy hiểm.

Kiêng kỵ:

Trẻ em dưới 10 tuổi và phụ nữ có thai tuyệt đối cấm dùng.

33. VIÊM ĐẠI TRÀNG THANG

Rễ cây khôi (độc lực)	12g
Địa sản (?)	10g
Tầm khiển biệt (chỉ thiên)	10g
Cỏ xước	10g
Đùm đũm trắng (đũm hương)	10g
Dây máu người (huyết đằng)	10g
Dây móc hùm (móc diều)	12g
Cây phèn đen	10g
Rễ xoan rừng	10g
Đùm đũm tía (mâm xôi)	10g
Cây vang (Tô mộc)	10g

Chủ trị:

Viêm đại tràng mạn và cấp tính, tả lỵ

Cách dùng, liều lượng:

Các vị thuốc trên (dùng thân và rễ) cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày (uống ấm

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Kiêng các thứ cay, lạnh, mỡ, chất tanh.

34. HƯƠNG LIÊN BỔ VỊ THANG

Mộc hương	12g
Hoàng liên	6g
Hồng sâm	8g
Ngô thù	2g

Chủ trị:

Kiết lỵ ra máu mũi, đau quặn bụng đi ngoài nhiều lần.

Cách dùng, liều lượng:

Ngô thù sắc gạn bỏ bã, tẩm hoàng liên sao khô, cho vào 300ml nước, sắc cùng các vị khác lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Chú ý:

Không có hồng sâm dùng đảng sâm hoặc sa sâm thay thế nhưng liều lượng nhiều hơn.

Kiêng kỵ:

Kiêng các chất tanh, mỡ

35. GIA VỊ NGŨ QUÂN THANG

Hồng sâm	12g
Hoài sơn	12g
Bạch linh	8g
Trần bì	6g
Cam thảo	4g
Mộc hương	6g
Hoàng liên (tẩm ngô thù sao)	6g
Thăng ma	6g
Trư linh	6g
Trạch tả	6g

Chủ trị:

Bị kiết lỵ ra máu mũi, đau quặn bụng, đi ngoài nhiều lần, mót rặn ra máu chất nhầy mũi lẫn lộn.

Cách dùng, liều lượng:

Dùng 2g ngô thù sắc lấy nước (bỏ bã) tẩm hoàng liên sao.

Các vị cho vào 600ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ sống, lạnh, mỡ, tanh.

Ăn cháo loãng.

36. PHÈN ĐEN MƠ LÔNG THANG

Rễ phèn đen (sao vàng hạ thổ)	30g
Dây mơ lông	30g
Binh lang (5 hạt)	15g
Rau má	12g
Rễ cỏ xước	12g
Sinh khương	6g

Chủ trị:

Kiết lỵ (không phân biệt thể hàn, thể nhiệt).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất tanh, mỡ, cay, nóng.

37. LIÊN NHỤC KHỔ SÂM TÁN

Hạt sen già	300g
Lá khổ sâm	200g

Chủ trị:

Kiết lỵ mạn tính đi ngoài ra máu mũi lẫn lộn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 3 - 4 lần, mỗi lần 4 - 5g.

Uống với nước chín nguội.

38. CHỈ LỴ TÁN

Khổ sâm	14g
Mộc hương	6g

Chủ trị:

Đau bụng đi ngoài, rối loạn tiêu hoá, kiết lỵ bụng đau quặn, đi ngoài nhiều lần, mót rặn phân lẫy nhầy máu mũi lẫn lộn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn.

Trẻ nhỏ 2 - 3 tuổi ngày uống 5 - 10g chia uống 2 - 3 lần. Hoà với nước cháo, hoặc hãm với nước sôi gạn lấy nước cho uống (thuốc rất đắng khó uống).

Trẻ 5 - 15 tuổi. Ngày dùng 10 - 20g, chia uống 2 - 3 lần.

Người lớn ngày dùng 20 - 30g hay 40 g, chia uống 2 - 3 lần.

Chú ý:

- Cho người bệnh ăn cháo nấu thật nhừ.

- Khổ sâm có độc, uống quá liều có thể gây đau bụng, nôn mửa, kém ăn, người mệt. Ngừng thuốc các triệu chứng ngộ độc sẽ hết ngay.

39. KHỔ LUYỆN BINH LANG THANG

Khổ luyện tử	10g
Binh lang	10g
Xuyên khung	20g
Bạch thược	15g
Hậu phác	12g
Chỉ xác	12g
La bạc tử	12g
Xa tiền	10g
Đinh hương	8g

Chủ trị:

Kiết lỵ thể hàn và thể nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Hàn lỵ: Gia tăng lượng đinh hương, giảm lượng khổ luyện tử.

Nhiệt lỵ: Gia tăng lượng khổ luyện tử.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất tanh, mỡ, các thứ sống lạnh.

40. BỔ TRUNG ÍCH KHÍ GIA VỊ THANG

Đảng sâm	16g
Đương quy	16g
Hoàng kỳ	16g
Bạch truật	12g
Thăng ma	8g
Sài hồ	8g
Trần bì	6g
Cam thảo	4g
Trắc bách diệp (sao đen)	6g
Hoàng liên	4g
Ngô thù	2g

Chủ trị:

Kiết lỵ ra máu lâu ngày, cơ thể suy nhược, bụng đau quặn muốn đi đại tiện gấp nhưng ngồi rặn mãi phân vẫn không ra được, có khi gây lòi dom (lý cấp hậu trọng, khí hư hạ hãm).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày. Cho người bệnh ăn cháo nhẹ.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất tanh, béo (mỡ, dầu).

41. THẤP NHIỆT LỴ THANG

Cỏ sữa (lớn hoặc nhỏ lá)	20g
Lá khổ sâm	16g
Tía tô	12g
Kinh giới	12g
Cam thảo dây	12g
Ké hoa vàng	20g

Chủ trị:

Thấp nhiệt lỵ: Đau bụng mót rặn, đi ngoài lúc đầu có phân sau phân ít có máu mủ, có sốt hay không sốt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần cách nhau 30 phút.

Ngày uống 1 thang.

42. HÀN THẤP LỴ THANG

Lá nhót (sao)	20g
Lá mơ	16g
Khổ sâm	12g
Gừng khô	4g

Chủ trị:

Hàn thấp lỵ: Đau quặn bụng, mót rặn, ỉa khó, phân nhầy mũi trắng, có khi đau dội lên ngực, không sốt người mệt mỏi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước sắc lấy 300ml để ấm chia uống làm 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

43. TẢ LỴ THANG

Lá phèn đen	20g
Cỏ phượng vĩ	20g
Vỏ mức hoa trắng	10g
Vỏ rụt	10g

Chủ trị:

Tả lỵ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc uống.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Nếu nôn gia thêm:

Sinh khương	5g (5 lát)

Giã hoà với nước thuốc uống.

- Đau bụng, trướng bụng gia thêm:

Đại toán (tỏi) 5g (2 - 3 nhánh).

Nướng ăn, chiêu bằng nước thuốc.

- Ỉa chảy kéo dài gia thêm:

Nụ sim	20g
Rộp ổi	20g

- Lỵ có phù gia thêm:

Lạc tiên	20g
Dây bìm bìm (khiên ngưu)	20g

- Cơ thể hư nhược gia thêm:

Hoài sơn	20g
Bạch biển đậu	20g

44. CHỈ TẢ LỴ THANG

Chỉ thiên	20g
Kim ngân	20g
Ké hoa vàng	20g
Phèn đen	20g
Rễ cỏ tranh	20g

Chủ trị:

Tả lỵ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao qua cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày. Ngày uống 1 thang.

45. THƯƠNG LẪM THANG GIA GIẢM

Đảng sâm	12g
Sài hồ	12g
Cát căn	12g
Tô diệp	12g
Kinh giới	12g
Bán hạ chế	12g
Xuyên khung	8g
Chỉ xác	8g
Bạc hà	4g
Cam thảo	4g
Sinh khương	4g

Chủ trị:

Viêm đại tràng co thắt (thể thực chứng do ngoại cảm) gây nên đau vùng sườn ngực, chậm tiêu, đầy tức, bụng đau quặn, bứt rứt, dễ cáu gắt, đắng miệng, đại tiện táo bón, mạch phù huyền.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

46. BỔ TRUNG HỢP HƯƠNG LIÊN HOÀN GIA GIẢM

Phòng đảng sâm	16g
Hoàng kỳ	16g
Đương quy	16g
Sài hồ	12g
Trần bì	10g
Bạch truật	16g
Thăng ma	12g
Hoàng liên	8g
Cam thảo	4g
Binh lang	10 hạt

Chủ trị:

Viêm đại tràng gây trĩ (hưu tức lỵ): Đại tiện khi lỏng khi táo, kéo dài hay tái phát, có khi đại tiện máu ra theo phân, kèm theo trĩ hoặc sa trực tràng (thoát giang) đau bụng âm ỉ, xoa bóp chườm nóng dễ chịu, sợ lạnh, mạch tế nhược hoặc nhu hoãn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

47. CHÚT CHÍT MUỒNG TRÂU TÁN

Rễ chút chít (củ)	400g
Lá muồng trâu	200g

Chủ trị:

Táo bón thuộc nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi sấy khô, tán bột mịn.

Trẻ em tuỳ tuổi mỗi lần uống 6 - 12g, ngày uống 1 - 2 lần.

Người lớn mỗi lần uống 12 - 20g, ngày uống 1 - 2 lần.

Hãm với nước sôi, gạn bỏ bã, uống vào lúc đói.

Kiêng kỵ:

- Không ăn các chất cay, nóng.
- Táo bón do hư hàn không được dùng.

48. LƯU HOÀNG XUYÊN TIÊU TÁN

Vừng đen (sao)	800g
Xuyên tiêu (bỏ hạt sao)	800g
Lưu hoàng (chế)	400g
Ô tặc cốt (bỏ vỏ cứng nướng)	400g
Tiểu hồi (tẩm rượu sao)	120g
Đại hồi (tẩm rượu sao)	80g

Chủ trị:

Táo bón do hư hàn, ăn kém, đau bụng ấm ỉ, da mặt xanh nhợt, ngủ nhiều.

Cách dùng, liều lượng:

Lưu hoàng chế: Cho lưu hoàng nấu với đậu phụ một ngày, bỏ đậu phụ lấy lưu hoàng dùng.

Các vị sao chế xong tán bột mịn.

Người lớn ngày uống 2 lần mỗi lần 4 - 12g. Uống với nước chín nguội.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các thứ tiết.
- Táo bón do nhiệt kết, phụ nữ có thai không dùng.

49. VIÊN BỔ ÂM NHUẬN TRÀNG

Bột lá dâu	200g
Bột vừng đen	150g
Mật ong cô đặc	300g

Chủ trị:

Người âm hư, huyết kém ăn ngủ kém, táo bón.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị trộn đều, luyện kỹ làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Trẻ em: Dưới 10 tuổi mỗi lần uống 10 - 15 viên.

Trên 10 tuổi mỗi lần uống 15-20 viên.

Người lớn mỗi lần uống 20 - 30 viên.

Ngày uống 2 - 3 lần, uống với nước nóng.

Kiêng kỵ:

Kiêng các chất cay nóng.

50. RAU SAM CỎ SỮA MƠ LÔNG HOÀN

Rau sam tươi	400g
Cỏ sữa (nhỏ hoặc lớn lá) tươi	400g
Cỏ phượng vĩ (khô)	100g
Lá mơ lông tươi	300g
Hạt cau già (khô)	100g

Chủ trị:

Kiết lỵ mới phát (thuộc nhiệt) đại tiện ra máu lẫn nhầy mũi như máu cá, mót rặn ngày đi nhiều lần.

Cách dùng, liều lượng:

Rau sam, cỏ sữa, mơ lông rửa sạch giã nhỏ vắt lấy nước cốt cô đặc. Phượng vĩ, hạt cau tán bột mịn trộn với nước cốt rau sam, cỏ sữa, mơ lông, thêm bột nếp (hay bột khoai lang khô sao vàng) luyện hoàn bằng hạt đậu đen.

Trẻ em: 5 - 10 tuổi mỗi lần uống 10 - 20 viên.

10 - 15 tuổi mỗi lần uống 20- 30 viên.

Người lớn mỗi lần uống 30 - 40 viên.

Ngày uống 2 lần, uống với nước chè nóng.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ: sống lạnh, mỡ, béo nhờn, tanh, cay, nóng.

51. VIÊN RAU SAM NHỌ NỒI

Rau sam tươi	50
Cỏ nhọ nồi tươi	50g
Trắc bách diệp (khô)	30g
Vỏ rụt khô	20g
Hoè hoa (sao)	20g
Hạt cau già khô	20g
Chỉ xác (bỏ ruột)	12g

Chủ trị:

Nhiệt lỵ: Đại tiện ra nhiều máu, mót rặn, ngày đi nhiều lần.

Cách dùng, liều lượng:

Rau sam và cỏ nhọ nồi nấu cao mềm.

Các vị khác sấy khô tán bột mịn, trộn với cao mềm rau sam, cỏ nhọ nồi thêm bột nếp luyện hồ làm viên bằng hạt đậu đen.

Trẻ em: 5 - 10 tuổi mỗi lần uống 10 - 20 viên.

10 - 15 tuổi mỗi lần uống 20- 30 viên.

Người lớn mỗi lần uống 30 - 40 viên.

Ngày uống 2 lần, uống với nước chín hoặc nước chè nóng.

Kiêng kỵ:

Các chất tanh, mỡ và cay nóng.

52. XIRÔ CAO RAU SAM

Rau sam (tươi)	500g
Rau má (tươi)	300g
Cỏ nhọ nồi (tươi)	300g
Hoa lựu hoặc vỏ quả lựu tươi	300g
Hoa kim ngân (tươi)	300g
Rễ cây cúc áo (tươi)	100g

Chủ trị:

Kiết lỵ ỉa ra máu nhiều và mới phát bệnh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch thái nhỏ cho vào nồi nhôm, đổ ngập nước, nấu sôi kỹ gạn lấy nước một, đổ ngập nước nấu tiếp gạn lấy nước lần hai để lấy hết hoạt chất.

Hai nước nấu hợp lại làm một, lọc trong, cô thành cao lỏng, thêm đường làm xirô.

Trẻ em: 5 - 10 tuổi mỗi lần uống 5 - 10 ml.

Trên 10 tuổi mỗi lần uống 10 - 15ml

Người lớn mỗi lần uống 20 - 30ml

Ngày uống 2 lần.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các chất cay nóng, dầu mỡ.
- Đối với chứng lỵ lâu ngày (mạn tính) không dùng.

53. VIÊN KHỔ SÂM

Khổ sâm	200g
Hoè hoa	100g
Kim ngân hoa	100g

Chủ trị:

Kiết lỵ ỉa ra máu thể nhiệt lỵ

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao giòn, tán bột mịn luyện hồ làm viên bằng hạt đậu xanh.

Người lớn mỗi lần uống 25 - 30 viên.

Trẻ em: 5 - 10 tuổi mỗi lần uống 10 - 15 viên.

Trên 10 tuổi mỗi lần uống 15-25 viên.

Ngày uống 2 lần với nước chín.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các chất cay nóng, dầu mỡ.
- Kiết lỵ ỉa ra nhầy mũi không có máu không dùng.

54. VIÊN KHỔ LUYỆN ĐẠI HOÀNG

Khổ luyện tử (sao)	50g
Hoàng liên (sấy giòn)	20g
Bồ kết (bỏ hạt đốt cháy)	20g
Binh lang (sao giòn)	20g
Hạt dưa hấu lâu năm (sao vàng cháy)	20g
Đại hoàng (sấy giòn)	20g

Chủ trị:

Các chứng lỵ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn, luyện hồ làm viên bằng hạt đậu xanh.

Trẻ em: 1 - 5 tuổi mỗi lần uống 5 - 10 viên.

6 - 10 tuổi mỗi lần uống 10 - 15 viên.

Trên 10 tuổi mỗi lần uống 15-20 viên.

Người lớn mỗi lần uống 20 - 30 viên.

Uống với nước nóng hoặc nước chè.

Ngày uống 2 lần sáng, chiều.

Kiêng kỵ:

- Các chất cay nóng, dầu mỡ và các chất khó tiêu.
- Trường hợp lỵ lâu ngày tỳ vị hư hàn, ăn uống kém tiêu không dùng.

55. VIÊN HƯƠNG LUYỆN

Mộc hương	40g
Khổ luyện tử (sao)	20g
Hoàng liên	80g
Vỏ rụt (cạo vỏ thô)	80g
Địa du (sao)	40g
Rễ cỏ tranh (sao)	40g

Chủ trị:

Kiết lỵ đau bụng, ỉa ra máu, mót rặn nhiều.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao, sấy giòn, tán bột mịn luyện hồ làm viên bằng hạt đậu xanh.

Trẻ em: 1 - 5 tuổi mỗi lần uống 5 - 10 viên.

6 - 10 tuổi mỗi lần uống 10 - 15 viên.

Trên 10 tuổi mỗi lần uống 15-20 viên.

Người lớn mỗi lần uống 20 - 30 viên.

Uống với nước nóng hoặc nước trà.

Ngày uống 2 lần sáng, chiều.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các chất cay nóng, dầu mỡ, khó tiêu.
- Trường hợp kiết lỵ lâu ngày ỉa nhiều nhầy mũi không nên dùng.

56. CỎ SỮA HOÀN

Cỏ sữa (lá to, lá nhỏ)	2000g
Mơ lông (lá)	1000g
Hoàng đằng	600g

Chủ trị:

Kiết lỵ

Cách dùng, liều lượng:

Mơ lông, cỏ sữa, sấy khô tán bột mịn.

Hoàng đằng nấu cao đặc luyện với bột mơ lông, cỏ sữa làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Người lớn ngày uống 18g chia làm 3 lần.

Trẻ em:

1 - 3 tuổi ngày uống 2 - 6g chia làm 3 lần

4 - 7 tuổi ngày uống 6 - 9g chia làm 3 lần

8 - 12 tuổi ngày uống 10 - 12g chia làm 3 lần.

Chú ý:

- Bệnh nhân đi ỉa nhầy, mũi, nhiều quặn bụng dùng mộc hương mài vào nước chín làm thang uống với thuốc.
- Bệnh nhân đi ỉa máu nhiều dùng:

Địa du, lá sen sao tồn tính sắc lấy nước làm thang uống với thuốc.

- Bệnh nhân đi ỉa máu tươi lẫn nhầy mũi dùng A giao sao phồng sắc lấy nước mài mộc hương làm thang uống với thuốc.

57. HƯƠNG PHỤ TÁN

Hương phụ tán (sao cháy lông)	100g
Hậu phác (cạo bỏ vỏ thô)	40g
Hoàng liên	12g

Chủ trị:

Kiết lỵ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao sấy giòn, tán bột mịn.

Người lớn ngày uống 6 muỗng cà phê, chia 2 lần uống.

Trẻ em: Uống bằng nửa lượng người lớn.

Uống với nước chín.

58. LÁ MƠ CỎ SỮA THANG

Lá mơ tam thể	20g
Cỏ sữa (lá to hay nhỏ)	20g
Phượng vĩ thảo	12g
Bạch mao căn	10g
Sầu đâu cứt chuột	10g
Lá phèn đen	10g
Vỏ mặng cụt	12g

Chủ trị:

Kiết lỵ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho 700ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Ngày đêm mót đi ỉa nhiều lần (hàng chục lần) gia thêm:

Hương phụ	10g

- Đau quặn trong ruột nhiều gia thêm:

Rau má	10g
Quả quýt non (thanh qua tử)	5g

- Ỉa ra máu nhiều gia thêm:

Cỏ nhọ nồi	10g

59. RAU MÁ BÁ BỆNH THANG

Rau má khô	20g
Cỏ nhọ nồi khô	10g
Bá bệnh khô	20g
Muồng trâu khô	20g
Cam thảo nam khô	10g

Chủ trị:

Kiết lỵ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, để nguội uống.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ nóng, cay.

60. TẢ LỴ THANG

Rau má	20g
Cỏ mực	20g
Lá mơ	15g
Rau sam	20g
Cỏ sữa (lá to hay lá nhỏ)	20g
Tô mộc	8g
Mộc thông	8g
Rễ cỏ tranh	8g
Bông mã đề	8g
Vỏ măng cụt	8g
Mộc miên hoa	8g
Bình lang	8g
Trắc bách diệp (sao cháy)	12g
Xuyên tâm liên	8g
Hoàng đằng	8g
Trần bì (sao qua)	8g
Hậu phác	8g
Biển đậu (sao qua)	8g
Hương nhu	8g
Trúc diệp	8g

Chủ trị:

Tả lỵ do thử, thấp nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Hoặc các vị sấy giòn tán bột mịn, luyện hồ làm viên hoàn bằng hạt ngô.

Người lớn ngày uống 3 lần mỗi lần 10-15 viên.

Trẻ em tuỳ tuổi uống nửa liều trên hoặc ít hơn.

Uống với nước chín.

61. TẢ LỴ THANG

Đảng sâm	12g
Can khương	6g
Riềng khô	8g
Hoắc hương	10g
Quế khâu	4g
Sa nhân	4g
Hương phụ	12g
Cam thảo	4g
Trần bì	6g
Hậu phác	8g

Chủ trị:

Tả lỵ do lạnh hoặc ăn phải đồ sống lạnh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

62. THANH THỬ GIẢI NHIỆT ĐỘC THANG

Trúc diệp	12g
Hoạt thạch	16g
Cát căn	20g
Chi tử	8g
Bạch mao căn	12g
Hương nhu	8g
Sài hồ	12g
Đông qua nhương (ruột quả bí xanh)	1 quả

Chủ trị:

Thực nhiệt cực lỵ: Phiền khát tiết tả, tiêu chảy có đờm máu lẫn lộn, mạch trầm sác hữu lực.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Ruột quả bí xanh thu hái vào mùa đông tốt hơn.

63. RAU MƠ CỎ MỰC THANG

Rau mơ	20g
Cỏ mực	20g
Rễ tranh	10g
Lá dâu	15g
Rau mẹ đất	20g
Rau má	15g
Lá sâm nam	15g
Đậu ván trắng	30g

Chủ trị: Kiết lỵ

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc để nguội người lớn uống 1 lần, trẻ em chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Bệnh nhân suy yếu, mệt gia thêm:

Rễ đinh lăng (sao)	20g
Mè đen (sao)	20g
Đậu đen (sao)	20g

- Đại tiện ra máu hoặc đờm nhiều gia thêm:

Chỉ thiên	10g
Cỏ mực	10g

64. TÁO THẤP SÁP TRƯỜNG CHỈ TẢ LỴ HOÀN

Hoàng nàn (cạo bỏ hết vỏ vàng, ngâm nước gạo 3 ngày đêm sao vàng)	4g
Kha tử (bỏ hột, nửa để sống, nửa chích)	6g
Thổ phục linh	10g
Cát căn (sao tồn tính)	4g
Hương phụ tứ chế (sao đen)	6g
Cam thảo (chích mật)	2g
Ngũ bội tử (sao vàng)	8g
Ngô thù du	2g
Mộc hương	4g
Hải phiêu tiêu (nướng vàng tán mịn)	6g
Xích thạch chi (tán thuỷ phi)	6g

Chủ trị:

Tả lỵ (tiêu chảy và kiết lỵ).

Cách dùng, liều lượng:

Bột Hải phiêu tiêu và Xích thạch chi để riêng.

Các vị khác cho vào 500ml rượu trắng 45° ngâm trong 48 giờ, sau đó đem đun nhẹ cho bay hết rượu, cô cách thuỷ thành cao đặc, cho bột Hải phiêu tiêu và xích thạch chi vào luyện đều làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Người lớn uống mỗi lần 5 viên

Trẻ em: 7 - 15 tuổi mỗi lần uống 3 - 5 viên.

1 - 6 tuổi mỗi lần uống 2 - 3 viên.

Cách 2 giờ uống 1 lần cho đến khi cầm lỵ.

65. KIẾT LỊ TÁN

Muồng trâu	8g
Rau sam	12g
Vỏ lựu	8g
Rau mơ	10g
Củ riềng	6g
Hành tăm	8g
Trái (quả) cốc chín	8g

Chủ trị:

Kiết lỵ lâu ngày, đau bụng đi tiêu phải rặn, hậu môn sưng có khi bị thoát giang.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Phụ nữ có thai không dùng.

66. ĐẠO TRỆ THANG

Bạch thược	8g
Hoàng cầm	12g
Đại hoàng	8g
Chỉ xác	8g
Mộc hương	4g

Đương quy	8g
Hoàng liên	4g
Binh lang	8g
Chi tử	8g

Chủ trị:

Nhiệt lỵ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng, cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc chia uống 2 lần trước bữa ăn.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn: cá, thịt, các thứ cay nóng, thức đêm, phòng dục.

67. MỘC HƯƠNG THUẬN KHÍ THANG

Mộc hương	4g
Xương truật	8g
Thanh bì	8g
Phục linh	12g
Trạch tả	12g
Thăng ma	8g
Thảo đậu khấu	8g
Hậu phác	8g
Ích trí nhân	8g
Bán hạ (chế)	8g
Ngô thù	8g
Sài hồ	4g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Hàn lỵ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng, cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2 lần (lúc đói sáng sớm và chiều).

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

- Kiêng các thứ sống, lạnh, dầu mỡ, trái cây lạnh, các thứ khó tiêu.
- Không nên ăn cơm. Cho ăn cháo hoặc sữa.

68. THANH NHIỆT TIÊU TÍCH THANG

Bông mã đề	12g
Bạch biển đậu (sao vàng)	40g
Chỉ xác (sao)	12g
Kim ngân hoa (sao đen)	20g
Binh lang	16g
Củ gai (sao vàng)	16g
Cam thảo nam	4g

Chủ trị:

Thấp nhiệt lỵ thể cấp: Đau bụng sối sả, quặn ruột lại mót đi cầu gấp mà rặn nhiều, tiểu tiện đỏ mà ít, miệng khô khát nước, phân đi ra có máu đỏ hồng và nhầy mũi trắng lẫn lộn, người sợ lạnh, ớn sốt, mỗi cơn đau bụng đi cầu được là tạm yên, mạch hoạt sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

69. ÔN TRUNG TRỪ THẤP CHỈ LỴ THANG

Hoắc hương	8g
Can khương	6g
Binh lang	8g
Trần bì (sao)	6g
Vỏ rụt (sao vàng)	8g
Vỏ vối (tẩm gừng sao vàng)	8g
Sa nhân (sao)	4g
Hoài sơn (sao vàng)	12g
Hương phụ (sao)	6g
Trắc bách diệp (sao đen)	8g
Bông mã đề (sao vàng)	4g
Biển đậu (sao vàng)	12g

Chủ trị:

Hàn thấp lỵ: Đau bụng lâm dâm, mót đi cầu gấp, ít rặn phân lẫn nhiều dịch lầy nhầy trắng nhợt (bạch lỵ). Đi cầu rồi mà bụng vẫn đau lâm dâm, lưỡi trắng, người mát ưa chườm nóng, mạch nhu hoãn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

70. SƠN BINH NHA ĐẢM TÁN

Nha đảm (đã ép dầu)	18g
Binh lang (sao)	8g
Sáp ong (tốt)	12g
Hoài sơn (sao vàng)	16g
Liên nhục (sao)	12g
Trần bì (sao)	8g
La bạc tử (sao vàng)	12g
Bách thảo sương	18g

Chủ trị:

Lỵ mạn tính: Bụng đau liên miên, đi cầu nhiều lần trong ngày, thoát giang, phân ra có lẫn máu, đờm nhớt, bệnh kéo dài lâu ngày hoặc tái đi tái lại nhiều lần, người da xanh, không muốn ăn, ít khát. Mạch tế nhược hay nhu hoãn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị đã sao chế, tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 8 - 12g, uống với nước chín, xa bữa ăn.

Chú ý:

Nếu có thoát giang dùng Ngũ bội tử và phèn chua phi nấu nước rửa nhiều lần trong ngày.

71. CHỈ LỴ TÁN

Đương quy	12g
Xuyên khung	8g
Sinh địa	12g
Hoàng liên (sao)	8g
Chi tử (sao)	8g
Địa du	8g
Trắc bách diệp (sao cháy)	4g
Bạch truật	12g
Hoàng cầm (sao rượu)	8g
Hoàng bá (sao)	12g
Hoè giác (sao)	4g
A giao (sao)	8g

Chủ trị:

Nhiệt lỵ: Bụng quặn đau, hậu môn tức, mót rặn đi ra máu nhầy mũi trắng đỏ lẫn lộn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế sấy giòn tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần mỗi lần 5 - 10g, uống lúc đói với nước chín.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn thịt các loại, trái cây lạnh, các thứ sống lạnh khó tiêu.

72. BỘT KIẾT KỴ

Ô mai nhục	12g
Ngũ bội tử (sao)	8g
Hoè hoa	8g
Chỉ xác (sao)	8g
Hoàng liên (sao)	4g
Địa du	8g
Kinh giới tuệ	8g
Bạch chỉ	8g

Chủ trị:

Kiết lỵ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao sấy giòn, tán bột mịn, mỗi lần uống 1 muỗng cà phê, uống với rượu trắng, ngày uống 2 lần.

73. CỎ SỮA RAU SAM PHƯỢNG VĨ THANG

Cỏ sữa	20g
Phượng vĩ thảo	20g
Rau sam	20g
Bồng mã đề	12g
Chè tươi	12g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Kiết lỵ: Đau quặn đi ngoài ra phân lẫn máu và nhầy mũi, ngày đi nhiều lần nước tiểu vàng, có sốt hoặc không sốt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

74. PHƯỢNG VĨ TRẮC BÁCH DIỆP THANG

Phượng vĩ thảo	20g
Trắc bách diệp	10g
Bông mã đề	20g
Cỏ hàn the	50g
Hoa và lá tử vi	20g
Rễ mơ lông	10g
Huyết dụ	20g

Chủ trị:

Kiết lỵ cấp hay mạn tính

Cách dùng, liều lượng:

Các vị thái nhỏ sao vàng hạ thổ. Cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

75. HOÈ HOA KINH GIỚI TÁN

Hoè hoa	40g
Kinh giới	40g

Chủ trị:

Đại tiện ra máu lẫn với phân hoặc ra máu trước phân sau.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao cháy tán bột mịn.

Người lớn mỗi lần uống 10g với nước chín hoặc nước chè xanh càng tốt.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm bớt liều lượng.

Ngày uống 1 - 2 lần.

76. MÃ ĐỀ CỎ TRANH THANG

Rễ cỏ tranh	30g
Bông mã đề	30g
Trắc bách diệp (sao đen)	15g
Cỏ màn chầu	30g
Lá huyết dụ	20g

Chủ trị:

Đại tiện ra máu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

77. GIẢI NHIỆT LỴ THANG

Rau sam	8g
Rau má	8g
Trà ngon (trà búp)	6g
Cỏ sữa (to hay nhỏ lá)	8g
Rễ mua	8g
Vỏ măng cụt	6g
Cỏ mực	8g
Vỏ quýt	4g
Cam thảo	4g
Gừng tươi	3 lát

Chủ trị:

Kiết lỵ đi ỉa ra máu, nhầy mũi, bụng đau quặn mót rặn vội đi ngay.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

78. HỒNG BẠCH LỴ THANG

Củ dền tía	8g
Khổ sâm	8g
Rau má	10g
Vỏ lựu (sao)	8g
Gương sen	8g
Vỏ măng cụt (nướng)	8g
Vỏ quýt (sao)	4g
Binh lang	6g
Cam thảo	4g
Củ rối (gối hạc) sao đen	8g

Chủ trị:

Kiết lỵ do thấp nhiệt, đi ngoài phân lẫn nhiều máu và nhầy mũi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

79. TIÊU TÍCH TRỆ THANG

Rau sam	8g
Rau má	8g
Cỏ sữa (lá to hoặc lá nhỏ)	8g
Cỏ hàn the	8g
Rau mơ	8g
Củ rối (sao đen)	8g
Vỏ lựu (sao đen)	6g
Binh lang	6g
Vỏ quýt	4g
Cam thảo chích	4g

Chủ trị:

Hồng bạch lỵ, đau quặn bụng vội đi cầu ngay, mót rặn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

80. KHỔ KIẾT BẠCH HẬU THANG

Khổ sâm	15g
Bạch thược	10g
Cát cánh	12g
Hậu phác	8g
Thăng ma	8g

Chủ trị:

Hàn lỵ, nhiệt lỵ: đau bụng mót rặn, đại tiện ra máu và nhầy mũi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống ngày 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Nếu có sốt cao, khát nước, tâm phiền gia thêm:

Hoàng liên	12g

- Nếu ngực bụng đầy trướng, đau bụng mót rặn gia thêm:

Mộc hương	6 - 12g

81. CHỈ LỴ THANG

Xuyên tâm liên	16g
Rau giấp cá	16g
Hoàng bá	8g

Chủ trị:

Kiết lỵ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

82. HOÀNG ĐẰNG HOÀN

Hoàng đằng	1000g
Lá mơ (khô)	600g
Vỏ quả lựu (khô)	200g
Cỏ sữa lá nhỏ (khô)	200g
Cam thảo dây (khô)	100g

Chủ trị:

Kiết lỵ các thể.

Cách dùng, liều lượng:

Hoàng đằng nấu cao lỏng. Các vị khác sấy khô tán bột mịn, trộn đều dùng cao lỏng hoàng đằng luyện với bột làm hoàn bằng 0,30g.

Ngày uống 3 lần mỗi lần uống 4 - 6 viên.

Uống với nước chín.

83. KIẾT LỴ THANG

Rau mơ tam thể	30g
Cỏ sữa (lá to hay lá nhỏ)	25g
Rau sam	20g
Binh lang	10g
Vỏ măng cụt	10g
Thổ phục linh	5g
Bạch thược	5g

Chủ trị:

Kiết lỵ

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

84. QUY TỲ GIA VỊ THANG

Đảng sâm	12g
Mộc hương	4g
Bạch truật	10g
Thán khương	4g
Đương quy	8g
Hương phụ	8g
Táo nhân (sao đen)	12g
Bạch đậu khấu (sao)	10g
Long nhãn	12g
Bạch biển đậu (sao)	12g
Cam thảo chích	4g

Chủ trị:

Viêm đại tràng thể nát (hàn) ngày đi ngoài nhiều lần phân lẫn máu và nhầy mũi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

85. ĐAN CHI TIÊU GIAO GIA VỊ THANG

Đan bì	12g
Trúc nhự	8g
Cúc hoa	8g
Bạc hà	6g
Đảng sâm	12g
Thương truật	12g
Táo nhân (sao đen)	12g
Sài hồ	10g
Đương quy	12g
Nhân trần	12g
Chi tử	12g
Chỉ thực	8g
Bạch thược	12g

Chủ trị:

Viêm đại tràng thể táo (nhiệt).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

86. XUYÊN TÂM LIÊN ĐỘC VỊ THANG

Xuyên tâm liên (toàn cây khô) 15-20g

Chủ trị:

Viêm đại tràng thể nát và thể táo

Cách dùng, liều lượng:

Xuyên tâm liên cho vào 200ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Kết hợp dùng thêm nước sắc Xuyên tâm liên thụt hậu môn hằng ngày vào buổi sáng trước khi đi ngoài:

Xuyên tâm liên 30 - 50g

Thêm nước,sắc đặc lấy 100ml, nước thuốc - thụt vào hậu môn.

87. BẦU GIÁC BỌT CUA THANG

Bầu giác (bông trang trắng)	50g
Bọt cua (bòn bọt)	50g
Bồ cu vẽ	50g
Dây móng hươu (?)	50g

Chủ trị:

Viêm đại tràng

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn cá mè, thịt mỡ, các gia vị cay, nóng.

88. BẦU GIÁC BÒNG BONG THANG

Bầu giác	20g
Bòng bong	50g
Chỉ thiên	50g

Chủ trị:

Viêm đại tràng thể nát và thể táo

Cách dùng, liều lượng:

Thể nát các vị cho sao vàng, thể táo các vị để tươi. Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Nếu thể nát tăng lượng chỉ thiên lên gấp đôi (100g).

- Nếu thể táo tăng lượng bòng bong lên gấp đôi (100g)

89. VIÊN MẬT LỢN

Mật lợn	10 cái
Bột hoàng bá	1500g
Bột hương phụ	1500g
Cao lỏng lá lấu 1/1	1.500g

Chủ trị:

Viêm đại tràng (thể sung huyết, thể xơ teo, thể trợt loét).

Cách dùng, liều lượng:

Mật lợn, cắt bỏ lớp vỏ túi, lấy mật trộn với bột hoàng bá, hương phụ, cao lỏng lá lấu, luyện kỹ làm hoàn 0,20g.

Mỗi ngày uống 20 viên, chia uống 2 lần trong ngày. Mỗi đợt điều trị 10 - 15 ngày.

Tuỳ theo thể bệnh và bệnh có thể dùng 1 - 2 - 3 đợt.

90. THANG ĐT1

Bòng bong	12g
Bồ cu vẽ	15g
Xích đồng nam	20g
Rau má	12g
Đuôi phượng (lân - tơ - uyn)	15g
Đơn kim	10g

Chủ trị:

Viêm đại tràng thể táo.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trước bữa ăn. Ngày uống 1 thang.

Thang trên nấu thành cao lỏng tỷ lệ 5/1 (5 dược liệu 1 cao). Mỗi ngày uống 40 - 60ml trước bữa ăn.

Chú ý:

Uống cao ĐT1 cần kết hợp dùng thêm thuốc thụt vào hậu môn sau khi đi ngoài vào buổi sáng.

Thuốc thụt:

Cao lỏng ĐT1	20ml
Dung dịch tỏi 30%	5ml

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mỡ, các chất tanh trong tuần đầu uống thuốc.

91. THANG ĐT2

Bòng bong	20g
Bồ cu vẽ	20g
Xích đồng nam	20g
Bùng bục (bùm bụp)	20g

Chủ trị:

Viêm đại tràng thể nát.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang, uống trước bữa ăn.

Thang trên nấu thành cao lỏng tỷ lệ 5/1 (5 dược liệu 1 cao) mỗi ngày uống 40 - 60ml trước bữa ăn.

Chú ý:

Uống cao ĐT2 cần kết hợp dùng thêm thuốc thụt vào hậu môn sau khi đi ngoài vào buổi sáng.

Thuốc thụt:

Cao lỏng ĐT2	20ml
Dung dịch tỏi 30%	5ml

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mỡ, các chất tanh trong tuần đầu uống thuốc.

92. MỘC NHĨ MƠ LÔNG THANG

Mộc nhĩ (loại mọc ở cây duối, cây mít thì tốt)	59g
Lá mơ lông (mơ tam thể càng tốt)	50g
Gạo tẻ	20g

Chủ trị:

Kiết lỵ: máu và nhầy mũi lẫn lộn.

Cách dùng, liều lượng:

Mộc nhĩ rửa sạch thái nhỏ nấu cháo với gạo tẻ. Khi cháo chín nhừ, cho lá mơ đã rửa sạch thái nhỏ trộn với cháo thêm chút muối, ăn lúc còn hơi ấm.

Ngày ăn 1 - 2 lần.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất tanh, cay nóng, khó tiêu.

93. PHƯỢNG VĨ BÒNG BONG THANG

Cỏ phượng vĩ	24g
Bòng bong	24g
Gừng tươi	3 lát

Chủ trị:

Kiết lỵ ra máu nhiều

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Trẻ em dùng 1/3 liều người lớn.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ cay, cứng khó tiêu. Nên ăn cháo lỏng.

94. RAU SAM CỎ SỮA NHỌ NỒI THANG

Cỏ sữa lá to hay lá nhỏ	25g
Cỏ nhọ nồi	20g
Rau sam	15g
Rau má	20g
Cỏ phượng vĩ	10g

Chủ trị:

Kiết lỵ: Đi ngoài ra máu và nhầy mũi lẫn lộn, mót rặn đi nhiều lần.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày, uống trước bữa ăn.

Ngày uống 1 thang.

95. HOÀN KHỔ LUYỆN XÍCH THẠCH CHI

Khổ luyện tử	12g
Xích thạch chi	2g

Chủ trị:

Kiết lỵ: Đi ngoài ra máu hay nhầy mũi mới mắc hay mắc lâu.

Cách dùng, liều lượng:

Khổ luyện tử đập lấy nhân ép bỏ dầu.

Xích thạch chi tán thuỷ phi.

Hai vị luyện với sáp ong làm viên bằng hạt đậu xanh. Mỗi lần uống 5 - 10 viên. Trẻ em giảm bớt liều lượng. Uống trước bữa ăn.

Chú ý:

Khi uống lấy:

Lá hàn the	12g
Lá cỏ sữa	12 - 20g
Lá cỏ mực	12 - 20g

Sắc lấy nước làm thang chiêu thuốc viên.

96. HOÁ TRĨ HOÀN

Xuyên quy	50g
Hoè hoa	50g
Phòng phong	50g
Chỉ thực	50g
Hoàng liên	25g
Đại hoàng	25g

Chủ trị:

Trĩ ngoại (thoát giang) thường thường ra máu hoặc máu và nhầy mũi lẫn lộn.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị đều sao rượu giòn tán bột mịn, luyện hồ, hoàn viên bằng hạt ngô.

Ngày uống 30 viên, chiêu với rượu hoà thêm nước chín.

97. MAO CĂN Ý DĨ THANG

Bạch mao căn	8g
Ý dĩ	8g
Liên nhục	8g

Chủ trị:

Trĩ: mọc mụn giữa hậu môn, có lỗ nhỏ chảy nước ra hoài, đại tiện hay chảy máu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng hạ thổ, cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml pha thêm 1/2 thìa cà phê đường, uống trước khi đi ngủ.

Mỗi đêm uống 1 thang.

Chú ý:

Người bệnh có táo bón nấu nước phan tả diệp hoặc chút chít uống thay nước nước chè hàng ngày.

98. THANH LỢI ĐẠI TRÀNG, THĂNG ĐỂ CỬ HÃM THANG

Khổ qua	15g
Cỏ nhọ nồi	10g
Cây muồng (muồng trâu)	10g
Cây lức	10g
Cây nhàu	10g
Rau mơ	15g
Màn chầu	8g
Rau má	10g
Rau đắng đất	8g
Củ nghệ	8g
Vỏ cây vông	10g

Chủ trị:

Thoát giang (lòi trôn trê) mỗi lần đi đại tiện trực tràng lòi ra độ 5cm phải lấy tay ấn đẩy mạnh mới vào, ăn ngủ ít, đại tiện táo bón, tiểu tiện bình thường.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml chia uống 2 lần trong ngày.

Chú ý:

Uống thuốc này cần kết hợp với châm cứu, hiệu quả tốt, nhanh hơn.

99. THẢO Ô KHÔ PHÀN TÁN

Sinh thảo ô	8g
Khô phàn	4g
Thực diêm (sao)	2g
Băng phiến	2g

Chủ trị:

Nhử trĩ: tống trĩ lòi ra ngoài.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn, nhào với nước cho nhão, nhét sâu vào hậu môn 4cm, chờ 3-5 phút bệnh nhân mót rặn, rặn nhiều búi trĩ sẽ lòi ra ngoài.

Sau khi búi trĩ lòi ra ngoài, lần lượt sử dụng tiếp 5 bài thuốc sau: *để phá màng trĩ*

Bài 1: Bột phá màng trĩ

Khô phàn	4g
Thực diêm (sao)	2g
Băng phiến	2g

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn, dùng tăm bông (đã làm ẩm bằng nước chín) chấm thuốc vào gốc búi trĩ để phá màng trĩ (vì khi búi trĩ lòi ra vẫn còn màng bao bọc ở ngoài và người bệnh chỉ mót rặn), những múi trĩ sẽ nở to, người bệnh không mót rặn nữa.

Bài 2: Hồng châu thần ô tán (để làm rụng trĩ)

Hồng thạch tín (hồng phê)	16g
Châu thần (thần sa)	32g
Ô mai (bỏ hạt)	32g
Khô phàn	8g
Băng phiến	8g

Cách dùng, liều lượng:

Châu thần thuỷ phi để riêng, bốn vị còn lại tán chung thành bột mịn, hợp cùng với bột Châu thần trộn đều theo phương pháp trộn bột kẹp

Dùng tăm bông (đã làm ẩm bằng nước chín), chấm bột thuốc, chấm vào các búi trĩ.

Hoặc dùng bài sau để làm rụng trĩ:

Hồng đơn thanh phàn thiềm tô tán:

Hồng đơn	32g
Thanh phàn (Đởm phàn)	32g
Thiềm tô	16g
Băng phiến	8g
Châu thần	8g

Cách dùng, liều lượng:

Châu thần thuỷ phi để riêng, bốn vị còn lại tán chung thành bột mịn, hợp cùng với bột Châu thần theo phương pháp trộn bột kép. Dùng tăm bông (đã làm ẩm bằng nước chín) chấm bột thuốc chấm vào các búi trĩ.

Sau đó để diệt búi trĩ, làm búi trĩ teo thành sẹo bong ra dùng tiếp bài 3:

Bài 3: Thang đốt trĩ

Bột cùi trắng quả bưởi	20g
Hạt châm bầu	16g
Khô phàn	16g
Thực điêm	8g

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị cho vào nước (khoảng 200 - 300ml nước) nấu sôi kỹ, lấy tăm bông nhúng vào nước thuốc đang sôi chấm vào búi trĩ đã chấm thuốc làm rụng trĩ (chỗ chấm không nóng là búi trĩ) sau khi chấm thuốc đốt trĩ thì mặt trĩ (niêm mạc búi trĩ) sẽ tái ngắt. Nếu chấm thuốc đốt trĩ vào người bệnh thấy nóng thì chỗ đó là thịt không phải búi trĩ.

Khi búi trĩ khô bong ra, nơi bong ra sẽ chẩy nhiều máu dùng bài 4 để cầm máuL

Bài 4: Bột cùi bưởi tóc rối hương phụ

Bột cùi trắng quả bưởi	20g
Hương phụ sao tồn tính	12g
Tóc rối (loạn phát) thán sao	12g
Băng phiến	8g

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị tán bột mịn, khi búi trĩ khô bong ra dùng một muỗng canh bột thuốc cho vào bát con thêm rượu trắng nấu sôi lên thoa vào chỗ chảy máu, sẽ cầm không chảy máu nữa.

Nếu nơi búi trĩ rụng bị viêm nhiễm hoặc người bệnh bị táo bón thì dùng bài 5 để chống viêm nhiễm, táo bón.

Bài 5: Tiêu độc thang

Vòi voi	12g
Muồng trâu	20g
Vỏ cây sứ tây	20g
Phác tiêu	20g

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Uống liên tục trong khi điều trị trĩ.

Chú ý gia giảm:

Người bệnh táo bón ít thì bỏ phác tiêu, ăn các chất loãng.

Kiêng kỵ:

Kiêng các thứ cay nóng.

100. THUỐC TIÊM MINH ĐỞM PHÀN

Minh phàn	15g
Đởm phàn	2g
Nước cất	90ml

Chủ trị:

Các thể trĩ: Trĩ nội, trĩ ngoại, trĩ hỗn hợp, trĩ tụ máu (huyết).

Cách dùng, liều lượng:

Minh phàn cho vào nước cất đun sôi trong bình thuỷ tinh nút kín cho tan hết, rồi cho tiếp Đởm phàn vào tiếp tục đun cho tan hết rồi lọc cho thật trong, đóng vào lọ thuỷ tinh sạch, hấp tiệt khuẩn.

Gây tê cục bộ múi trĩ bằng dung dịch Novacain 0,5-1% để tiến hành thắt trĩ. Sau khi thắt trĩ tiêm thuốc Minh đởm phàn (điều chế như trên) vào nhân múi trĩ đã thắt. Đợi cho niêm mạc búi trĩ tái màu thì rút kim ra.

Sau khi búi trĩ rụng dùng bài thuốc Cao sinh cơ dưới đây bơm vào hậu môn để chống viêm nhiễm và kích thích khả năng tạo niêm mạc của sẹo trĩ.

Cao sinh cơ

Hoàng cầm	55g
Hoàng liên	50g
Keo da trâu (A giao)	50g

Bột đậu xanh	100g
Long não	6g
Vaselin	500g

Cách dùng, liều lượng:

Hoàng liên, Hoàng cầm tán bột mịn trộn với bột Đậu xanh mịn. Keo da trâu hoà tan trong nước cho hỗn hợp bột Hoàng cầm, Hoàng liên, Đậu xanh vào trộn đều, rồi hoà vào Vaselin đã đun nóng chảy trộn đều, để nguội cho bột Long não vào quấy đều đậy kín.

Khi búi trĩ rụng, bơm vào hậu môn.

Trong khi điều trị để giảm đau chống nhiễm khuẩn và chống chảy máu cho người bệnh dùng bài sau:

Thuốc ngâm trĩ

Cúc hoa	12g
Hoè hoa	12g
Sa sàng tử	
hoặc Ngũ bội tử	12g
Kinh giới tuệ (Hoa kinh giới)	15g

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, pha thêm nước sôi vừa đủ cho người bệnh ngâm trĩ, ngâm lúc nước thuốc còn ấm.

Hàng ngày cho người bệnh ngâm 1-2 lần.

101. LỤC MA ẨM

Trầm hương	6g
Binh lang	6g
Chỉ thực	6g
Mộc hương	6g
Ô dược	8g
Đại hoàng	8g

Chủ trị:

Viêm đại trường mạn thể khí uất, khí trệ do thấp nhiệt: Đại tiện không thông, bụng đầy trướng ậm ạch, ợ nhiều.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng các thức ăn cay, nóng, kích thích như: ớt, tiêu, rượu, giấm.

102. XÍCH TIỂU ĐẬU ĐƯƠNG QUY TÁN

Xích tiểu đậu (đậu đỏ)	500g
Đương quy	300g

Chủ trị:

Viêm đại trường thể thấp nhiệt. Thanh nhiệt hoà huyết.

Cách dùng, liều lượng:

Xích tiểu đầu sao giòn thơm.

Đương quy sấy khô.

Tất cả các vị tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần mỗi lần 10-15g với nước chín.

103. LONG ĐỞM TẢ CAN THANG

Long đởm thảo	12g
Đương quy	10g
Sài hồ	10g
Sinh địa	10g
Chi tử	8g
Hoàng cầm	8g
Trạch tả	8g
Xa tiền	8g
Mộc thông	8g
Cam thảo	6g

Chủ trị:

Thanh giải đại trường thấp nhiệt: thấp nhiệt chứa tích ở đại trường gây viêm đại trường, đại tiện ra máu. Chất lưỡi vàng, rêu vàng nhạt, mạch nhu sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày, uống nóng xa bữa ăn.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng các thức ăn cay nóng có tính kích thích như ớt, tiêu, rượu, giấm, cà phê và sữa.

104. CHÂN NHÂN DƯỠNG TẠNG THANG

Nhân sâm	15g
Bạch thược	12g

Đương quy	12g
Nhục đậu khấu	8g
Bạch truật	8g
Bạch lựu bì	8g
Nhục quế	6g
Mộc hương	6g
Kha tử bì	6g
Cam thảo	6g

Chủ trị:

Viêm đại trường thể tỳ hư: Đại trường hư nhiệt đại tiện không cầm, bụng lạnh đau, ưa chườm nóng, thoát giang (lòi trôn trê), chất lưỡi bệu, rêu ít, mạch hoãn nhược.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày, uống nóng.

Ngày uống 1 thang.

105. ÍCH HUYẾT NHUẬN TRƯỜNG HOÀN

Thục địa	15g
Đương quy	12g
A giao	10g
Kinh giới	8g
Ma nhân	8g
Nhục thung dung	8g
Chỉ xác	8g
Hạnh nhân	8g
Tô tử	8g
Quất hồng bì	6g

Chủ trị:

Viêm đại trường thể tỳ hư.

Đại trường nóng khô, tinh huyết suy, đại tiện uất kết (bổ huyết lợi khí).

Cách dùng, liều lượng:

A giao sao cát khô giòn, các vị khác sấy khô giòn hợp cùng A giao tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu đen.

Ngày uống 2 lần mỗi lần 8 - 10g với nước chín ấm.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ sống, lạnh.

106. NGŨ NHÂN HOÀN

Đào nhân	20g
Bá tử nhân	20g
Sung uý nhân	20g
Hạnh nhân	20g
Úc lý nhân	12g
Trần bì	6g

Chủ trị:

Viêm đại trường thể tỳ hư

Dịch đại trường khô, đại tiện sáp kết, chất lưỡi bệu, rêu ít mạch hoãn nhược.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn.

Ngày uống 10g chia làm 2 lần, uống với nước chín ấm.

CÁC BÀI THUỐC TRỊ BỆNH GAN MẬT

1. TIÊU GIAO GIA VỊ THANG

Xuyên quy	12g
Bạch thược	12g
Bạch truật	12g
Sài hồ	12g
Bạch linh	12g
Cam hảo	4g
Thanh bì	12g
Hương phụ	12g
Uất kim	8g
Bạc hà	8g

Chủ trị:

Viêm gan mạn thể can khí uất kết: Hông sườn như muốn đầy trướng căng ra, vùng ngực bứt rứt khó chịu, buồn nôn, ợ hơi, có khi nôn ra nước trong, hoặc tức nghịch lên, ăn uống sút kém, rêu lưỡi mỏng mạch huyền.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Nếu bệnh dai dẳng kiêm chứng nhiệt: Miệng khô, đại tiện táo, tiểu tiện vàng, lưỡi đỏ rêu vàng, mạch huyền sác gia thêm:

Đan bì	12g
Chỉ tử	12g
Xuyên khung	12g

để thanh hoả điều khí

2. TIÊU GIAO GIA GIẢM THANG

Sài hồ	12g
Xuyên quy	16g
Cam thảo	4g
Sâm đại hành	12g
Xuyên sơn giáp	12g
Trạch lan	15g
Qua lâu nhân	12g
Uất kim	12g
Đào nhân	12g
Chỉ xác	12g

Chủ trị:

Viêm gan mạn thể can huyết ứ: Hông sườn đau, có cảm giác như kim châm, chỗ đau không di dịch, xoa nóng cảm giác thấy dễ chịu, chiều và đêm đau nặng hơn, lưỡi tía, mạch trầm sáp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

3. TIÊU GIAO GIA GIẢM THANG

Sài hồ	12g
Bạch thược	12g
Xuyên quy	12g
Mạch môn	12g
Chi tử	12g
Sa sâm	12g
Sinh địa	12g
Kỷ tử	12g
Xuyên liên	8g

Chủ trị:

Viêm gạn mạn thể can huyết hư: Đau hông sườn âm ỉ, miệng khô, lồng ngực bứt rứt, thỉnh thoảng có sốt đầu choáng, mắt mờ, tiểu tiện vàng, đại tiện táo, rêu lưỡi ít, mạch tế sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

4. NHÂN TRẦN GIA VỊ THANG

Nhân trần	12g
Chi tử	12g

Đại hoàng	8g
Thanh bì	12g
Hương phụ	12g
Ô dược	12g
Chỉ xác	12g

Chủ trị:

Viêm gan siêu vi trùng (virus), thiểu năng gan (can khí uất kết): Bụng to, da vàng, mắt vàng, lưỡi hơi xám, giữa bụng nóng, lòng bàn tay bàn chân nóng, nước tiểu vàng đậm, ấn vào vùng hạ sườn phải đau, thường sốt 39°C, gan sa (3 khoát tay) dưới hạ sườn phải.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Nếu sau khi uống thang trên hết sốt, các triệu chứng đều giảm nhưng ăn còn chậm tiêu, gan còn sa dưới hạ sườn (1 khoát tay): thì:

- Giảm lượng: Đại hoàng xuống 4g
- Tăng lượng: Nhân trần lên 20g
  Chi tử lên 16g
- Kết hợp uống thêm bài *Tiêu giao gia giảm:*

Bạch linh	12g
Xuyên quy	12g
Bạch thược	8g
Bạch truật	8g
Cam thảo	4g
Chi tử	12g
Hương phụ	12g
Chỉ xác	12g
Mạch nha	12g
Ý dĩ	12g
Cát cánh	12g
Ô dược	12g

Sắc uống, mỗi ngày 1 thang, bình phục thì thôi.

5. THANH CAN HOẠT HUYẾT THANG

Xuyên khung	12g
Uất kim	12g
Xuyên quy	15g
Ô dược	12g
Đan bì	10g
Nga truật	10g
Nhân trần	10g
Đào nhân	10g
Chỉ xác	10g
Hồng hoa	5g
Xuyên luyện tử	10g
Xích thược	10g
Thanh bì	10g

Chủ trị:

Viêm gạn mạn do nhiệt tà uất kết huyết ứ: Đau hông sườn bên phải, khi nằm ngửa chuyển sang sườn bên trái, thở cũng đau cựa mình cũng đau. Mắt, da hơi vàng tiêu hoá chậm, tiểu tiện ít, đại tiện táo, hạ sườn phải có cảm giác nặng khó chịu, mạch trầm huyền sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Sau khi uống thang trên, các triệu chứng giảm rõ rệt thì bỏ xích thược, gia thêm:

Bạch thược	10g
Sinh địa	15g

6. THANH NHIỆT TIÊU HOÀNG LỢI TIỂU THANG

Rau má (khô)	15g
Cây chó đẻ răng cưa (khô)	15g
Lá giấp cá (khô)	10g
Bông mã đề (khô)	15g
Rễ dền gai (khô)	20g
Cỏ nhọ nồi (khô)	15g
Ốc bươu (bỏ vỏ) sống	3 con
Gan lợn tươi	3 lát

Chủ trị:

Viêm gan vàng da (Hoàng đản): Đau nhói vùng hạ sườn phải, tức ngực da vàng như nghệ tươi, mắt, mặt đều vàng. Mí mắt dày, ăn

ít, chậm tiêu, đại tiện táo, tiểu tiện vàng. ấn vào vùng gan tức, mạch huyền đới sác.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị là cây cỏ đều sao vàng sau đó toàn bộ kể cả ốc bươu và gan lợn cho vào 800ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Trẻ em giảm nửa liều.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Kết hợp uống thêm: *Viên nhân trần.*

Nhân trần (sấy khô giòn)	100g
Chi tử (sao đen)	50g
Nga truật (sao vàng)	50g
Cám gạo nếp (sao chín thơm)	100g

Các vị trên tán bột mịn trộn đều, luyện mật ong làm tễ (5g), ngày uống 2 lần, mỗi lần 2 - 3 tễ.

7. VIÊM GAN HOÀN

Nhân trần	100g
Hương phụ chế	100g
Thanh bì (sao thơm)	80g
Uất kim (tẩm đồng tiện sao)	100g
Nga truật (tẩm đồng tiện sao)	100g
Ngán khoái (củ đợi ?)	400g

Chủ trị:

Viêm gan mạn: Đau tức vùng hông sườn bên phải, thỉnh thoảng ớn rét, gai sốt, da vàng rơm, mắt vàng, ăn ít chậm tiêu, đại tiện táo bón hoặc đi lỏng sống phân không thông, tiểu tiện vàng sẻn, ngủ kém, mệt mỏi, mạch trường hoạt sác.

Cách dùng, liều lượng:

Củ đợi ngâm nước gạo 1 đêm phơi khô, tẩm giấm sao vàng.

Tất cả sao giòn tán bột mịn luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu đỏ, mỗi lần uống 20 - 30 viên ngày uống 2 lần trước bữa ăn, uống với nước chín.

Nếu bệnh nhân có phù dùng:

Mộc thông	100g

sao vàng, sắc lấy nước uống với thuốc hoàn.

8. TỨ VẬT GIA VỊ THANG

Xuyên khung	8g
Xuyên quy	12g
Thục địa	12g
Bạch thược	12g
Đan sâm	12g
Chỉ xác	8g
Đan bì	8g
Hồng hoa	4g
Ô dược	12g
Mộc hương	4g
Nhân trần	8g
Hương phụ	8g

Chủ trị:

Teo gan: Đau sườn bên phải, có lúc chuyển sang đau lưng sắc da xám tối, thể trạng gầy yếu, môi thâm và quầng mắt thâm, thỉnh thoảng nhức đầu hoa mắt, đại tiện táo, tiểu tiện ít, mạch huyền nhược.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý kết hợp:

Trong điều trị teo gan cần kết hợp uống gián phục với bài: Lục vị quy thược, sài hồ tức là khi uống hết bài Tứ vật gia vị thì uống đến bài Lục vị quy thược sài hồ cứ uống liên tiếp như vậy cho đến khi các chứng bệnh đều khỏi:

Thục địa	16g
Đan bì	12g
Sơn thù	12g
Hoài sơn	12g
Bạch linh	12g
Trạch tả	8g
Đương quy	12g
Bạch thược	12g
Sài hồ	12g

9. NHÂN TRẦN CHI TỬ THANG

Nhân trần	30g
Chi tử	24 quả

Thạch cao	16g

Chủ trị:

Hoàng đản: Toàn thân, mắt, mặt đều vàng như giấy vàng.

Cách dùng, liều lượng:

Nhân trần và chi tử cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc. Thạch cao nung chín đỏ vào bát nước thuốc quấy tan, uống khi nước thuốc còn nóng, nằm chùm kín chăn, ngoài xoa bột thạch cao.

Ngày uống 1 thang.

10. SƠ CAN THUẬN KHÍ HÀNH Ứ THANG

Xuyên khung	12g
Nga truật	12g
Xuyên quy	12g
Huyền hồ	8g
Ngũ linh chi	12g
Hương phụ	12g
Xích thược	12g
Mộc hương (nam)	12g
Dây bìm bìm (khiên ngưu đằng)	12g
Chỉ xác	12g
Ô dược	12g

Chủ trị:

Xơ gan cổ trướng (huyết cổ = can tỳ hư): bụng to phệ ấn vào vùng gan chắc đau, ăn uống sút kém, ăn vào khó chịu ách nghịch lên khó thở; tay chân gầy guộc da xám có trường hợp nổi gân xanh ở bụng (tuần hoàn bàng hệ). Đại tiện bất thường khi táo bón, khi đi lỏng; tiểu tiện khi thông khi bí, đỏ vàng, rêu lưỡi trắng bợt, mạch sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

- Bệnh sơ gan cổ trướng (huyết cổ) nguyên nhân là do hai tạng can tỳ đều hư do đó trong điều trị phải điều trị song song cả can - tỳ; điều trị can trước tỳ sau. Điều trị can dùng bài: Sơ can thuận khí hành ứ trên. Điều trị tỳ hư dùng *Bài Lý tỳ* dưới đây:

Sa sâm (hay Đảng sâm)	12g
Bạch linh	12g
Bạch truật	8g
Cam thảo	4g
Huyền hồ	12g
Đào nhân	12g
Ngũ linh chi	12g
Dây bìm bìm	12g
Tam lăng	12g
Ô dược	12g
Nga truật	12g
Hương phụ	12g
Mộc hương (nam)	8g

Khi vận dụng vào lâm sàng cần vận dụng linh hoạt: Nhất công nhị bổ hoặc nhất bổ nhị công nghĩa là dùng bài thuốc sơ can thuận khí hành ứ hai tuần chuyển sang dùng bài Lý tỳ hai tuần, sau đó lại chuyển sang bài Sơ can thuận khí hành ứ ... luân phiên nhau mới có tác dụng kết quả tốt.

- Bệnh này là một bệnh rất khó chữa, dễ tái phát, phải dặn dò bệnh nhân kỹ lưỡng về chế độ ăn uống, phòng dục, vận động cơ thể.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất khó tiêu như: Mỡ, rau sống, trứng, các chất tanh, các chất kích thích như ớt, tỏi, tiêu, giấm, rượu, cà phê, thuốc lá... Kiêng phòng dục.

11. BÌNH VỊ HỢP NGŨ LINH GIA VỊ THANG

Thương truật	15g
Trần bì	12g
Hậu phác	12g
Cam thảo	4g
Bạch truật	12g
Bạch linh	12g
Trạch tả	12g
Trư linh	10g
Quế chi	4g
Chỉ xác	10g
Binh lang	10g

Chủ trị:

Cổ trướng: Da vàng xám, bụng to căng như cái trống, hai tay phù nhẹ, hai chân phù mềm, bụng nổi gân xanh, tiếng nói ách tức, hơi thở bình thường, ấn vào tức ách khó chịu, ngủ ít,

đại tiện táo, tiểu tiện vàng ít, ấn vào bụng căng, rêu lưỡi vàng, mạch trầm sác, tinh thần tỉnh táo.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Kết hợp cho người bệnh ăn:

Cá trê 1 con khoảng 3 lạng

Rửa sạch, mổ bụng bỏ ruột, lấy mủ xương rồng 3 cạnh (bá vương tiên) xát khắp bụng cá nướng chín, ăn trong ngày trước khi ăn cơm (ăn xong ngày đi đại tiện 2 - 3 lần, phân xám đen, tiểu tiện thông da bụng nheo mềm đỡ ách tắc). Cho người bệnh ăn 2 - 3 con.

- Khi bệnh nhân bụng hết căng, hết bí trướng thì dùng bài thuốc trên nhưng bỏ: Chỉ xác, Binh lang và gia thêm hai vị:

Nhân sâm	
(hoặc phòng đảng sâm)	15g
Bán hạ chế	10g

Sắc uống tiếp cho đến khi các triệu chứng hết, sức khoẻ trở lại bình thường.

12. HÀNH KHÍ LỢI THUỶ SÁT TRÙNG THANG

Hương phụ	12g
Mộc thông	12g
Trạch tả	10g
Hắc sửu	12g
Khương bì	10g
Binh lang	12g
Mộc hương (nam)	15g
Ngũ gia bì	15g
Chỉ xác	10g
Tỳ giải	15g
Nga truật	12g
Mã đề	12g

Chủ trị:

Xơ gan cổ trướng (do uống nhiều rượu): Bụng căng to, chân tay phù mềm, tinh thần yếu, mệt, ăn uống kém, tiếng nói yếu, tức thở, đại tiện khi lỏng khi đặc, tiểu tiện ít dần ấn vào bụng mềm, hai dịch hoàn to long lóng nước, không đứng dậy được. Rêu lưỡi trắng mỏng, mạch hai bộ quan xích huyền hoãn vô lực.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Hàng ngày dùng 15 lá trầu không tươi vò nhỏ và 1 củ gừng tươi nhỏ (10g) giã dập sắc lấy nước uống thay nước.

- Khi các triệu chứng phù giảm hẳn, đại tiện thông, tiểu tiện đi nhiều, bụng cảm giác nhẹ đỡ căng to thì chuyển uống tiếp bài:

Lục quân gia vị

Sa sâm	20g
Bạch linh	15g
Bạch truật	15g
Cam thảo	4g
Bán hạ	12g
Trần bì	12g
Thương truật	12g
Binh lang	10g
Hậu phác	10g
Mộc hương	4g

Sắc uống mỗi ngày 1 thang, uống đến khi hết các triệu chứng bệnh, sức khoẻ trở lại bình thường.

13. KIỆN TỲ DƯỠNG VỊ HÀNH KHÍ TIÊU THỰC TRỪ TRƯỚNG THANG

Phòng Đảng sâm	15g
Bạch truật	15g
Ý dĩ	15g
Hoài sơn	12g
Hương phụ	12g
Hậu phác	10g
Chỉ xác	8g
Mộc hương	5g
Nga truật	15g
Binh lang	10g
Cam thảo	5g

Chủ trị:

Xơ gan cổ trướng thể khí cổ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

14. SƠ CAN LÝ KHÍ HOẠT HUYẾT TIÊU Ứ THANG

Xuyên khung	10g
Đương quy	15g
Nga truật	15g
Huyền hồ	15g
Chi tử	15g
Hoàng bá	10g
Nhân trần	20g
Hương phụ	10g
Mộc hương	5g

Chủ trị:

Xơ gan cổ trướng thể huyết cổ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Nếu có xuất huyết ngoài da hoặc nội tạng gia thêm:

Kim ngân hoa	8g
Hoè hoa	10g
Hoàng liên	6g
Cỏ nhọ nồi	12g

15. KIỆN TỲ LỢI THUỶ TIÊU PHÙ THANG

Trư linh	10g
Trạch tả	15g
Ý dĩ	15g
Bạch truật	15g
Xa tiền	15g
Đình lịch	15g
Mộc thông	12g
Hắc sửu	10g
Nhục quế	5g

Chủ trị:

Xơ gan cổ trướng thể thuỷ cổ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Nếu phù, bụng to căng trướng thì hợp thêm bài Ngũ bì ẩm dưới đây:

Ngũ bì ẩm

Ngũ gia bì	9g
Đại phúc bì	9g
Phục linh bì	9g
Tang bì	9g
Trần bì	9g

- Nếu ỉa lỏng, sôi bụng, đầy bụng gia thêm:

Sa nhân	4g
Nhục đậu khấu	6g
Mộc hương	6g
Binh lang	10g

- Nếu bệnh thuộc tỳ thận dương hư kết hợp dùng thêm bài phụ tử lý trung thang gia giảm:

Phụ tử lý trung thang gia giảm

Phòng đảng sâm	12g
Bạch truật	12g
Bào khương (càn khương)	12g
Cam thảo (chích)	12g
Sa nhân	4g
Phụ tử	8g

16. THANH CAN GIẢI ĐỘC THANG

Rau đắng	6g
Nhân trần (bồ bồ)	5g
Chi tử	5g
Cỏ xước	6g
Rau má	6g
Ké đầu ngựa	6g

Dây khổ qua	6g
Cỏ mực	8g
Muồng trâu	6g
Rễ tranh	6g
Sài đất	6g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Viêm gan vàng da, tiểu tiện ít.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

17. NHÂN TRẦN THANG

Nhân trần	24g
Chi tử	12g
Đại hoàng	4g

Chủ trị:

Sốt vàng da do virus: ra mồ hôi ở đầu mà người không có mồ hôi, miệng khô, tiểu tiện khó khăn, nước tiểu vàng đậm, đầy bụng, bí đại tiện.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

18. NHÂN TRẦN NGŨ LINH THANG

Nhân trần	20g
Trư linh	10g
Trạch tả	10g
Phục linh	10g
Bạch truật	10g
Quế chi	5g

Chủ trị:

Viêm gan virus mạn tính, vàng da, tiểu tiện không lợi, nước tiểu vàng đậm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

19. NHÂN TRẦN BỒ CÔNG ANH THANG

Nhân trần	30g
Bồ công anh	30g
Uất kim	30g
Khương hoàng	12g

Chủ trị:

Viêm: túi mật, ống dẫn mật.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

20. THANG TUA RỄ ĐA

Tua rễ đa (cả vỏ và lõi)	250g

Chủ trị:

Xơ gan cổ trướng.

Cách dùng, liều lượng:

Cho tua rễ đa vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

21. NÚC NÁC CỐI XAY THANG

Cối xay	20g
Rau sam	20g
Vỏ cây núc nác	12g
Vỏ rụt	12g
Tua rễ si	10g
Vỏ vối	8g
Vỏ quýt	8g

Chủ trị:

Viêm gan mạn

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml chia uống 2 lần trong ngày, ngày uống 1 thang.

22. NÚC NÁC TƠ HỒNG PHÒNG KỶ THANG

Tơ hồng	20g
Núc nác (vỏ cây)	20g

Phòng kỷ	20g
Lá bưởi	16g
Ô rô	16g
Cối xay	16g
Vỏ cam	8g
Bạch truật	8g
Cam thảo nam	8g
Tinh tre	6g

Chủ trị:

Viêm gan mạn thể nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

23. NGẢI TRUẬT TƠ HỒNG NÚC NÁC THANG

Tơ hồng	20g
Núc nác (vỏ cây)	20g
Ngải diệp	16g
Bạch truật	8g
Lá bưởi	16g
Kim tiền thảo	16g
Chỉ thực	8g
Vỏ cam	8g
Tinh tre	6g
Phòng kỷ	10g

Chủ trị:

Viêm gạn mạn thể hàn

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

24. MỘC TRẦN THANG

Mộc thông	16g
Nhân trần	16g
Rễ cỏ tranh	16g
Nàng nàng (cây tử châu)	16g
Sài đất	16g
Lá gai	12g
Rau má	16g
Thổ phục linh	16g
Ngũ gia bì dây (dùm dũm hương)	20g

Chủ trị:

Xơ gan cổ trướng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần vào 10 giờ sáng và 15 giờ chiều.

Ngày uống 1 thang; uống liên tục 3 - 6 tháng.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn, mỡ và các thứ gia vị như ớt, tỏi, giấm, tiêu...

25. TIÊU GIAO GIA GIẢM THANG

Sài hồ	12g
Thổ phục linh	12g
Cam thảo	12g
Bạch truật	8g
Đương quy	8g
Nhân trần	20g
Vỏ cây núc nác	16g
Hà thủ ô đỏ	16g
Tua rễ đa	12g
Quế chi	8g
Long nhãn	8g
Trần bì	8g
Chỉ xác	8g
Đại táo	8g

Chủ trị:

Viêm gan mạn có phù.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trước bữa ăn.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mỡ.

26. THÔNG MẬT THANG

Rễ cây Rụt	20g
Rễ cây Bươm bướm	20g
Rễ cây Mật quỷ	20g
Rễ cây Dành dành	20g

Chủ trị:

Vàng da tắc mật.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trước khi ăn.

Ngày uống 1 thang.

27. RAU MÁ SÀI HỒ CHI TỬ THANG

Rau má	20g
Chi tử	20g
Sài hồ (nam)	12g
Rễ cỏ tranh	20g
Lá muồng trâu	12g
Cây cứt lợn (heo)	12g
Mơ tam thể	12g
Cỏ cú	8g
Củ nghệ	8g
Hậu phác	8g
Vỏ quýt	8g
Củ đèn (vỏ)	8g

Chủ trị:

Viêm gan: Đau dữ dội vùng gan.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

28. TIÊU GIAO GIA GIẢM THANG

Phòng đảng sâm	12g
Bán hạ	10g
Xuyên khung	10g
Sinh địa	12g
Sài hồ	16g
Đương quy	12g
Bạch thược	12g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Viêm ống mật, sỏi mật: Đau hạ sườn phải, sốt cao ghê nóng, ghê rét, miệng đắng chán ăn, buồn nôn chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng mạch huyền (đông y gọi là Hiếp thống thể khí trệ).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

29. TIÊU GIAO GIA VỊ THANG

Sài hồ	8g
Bạch thược	12g
Đương quy	12g
Bạch linh	12g
Thương truật	12g
Cam thảo	6g
Đảng sâm	16g
Bán hạ	10g
Hậu phác	12g
Hoàng cầm	12g
Trần bì	12g
Đại táo	12g
Sa nhân	4g
Mộc hương	2g

Chủ trị:

Viêm túi mật thể khí trệ: Đau hạ sườn phải, đau tức âm ỉ miệng đắng, họng khô, chán ăn, không sốt cao, có hoặc không có hoàng đản, rêu lưỡi trắng, mỏng hơi vàng, mạch huyền khẩn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

30. HƯƠNG SA HỢP NHỊ TRẦN GIA VỊ THANG

Mộc hương	6g
Sa nhân	6g

Bán hạ chế	6g
Trần bì	4g
Bạch linh	10g
Cam thảo	6g
Xuyên quy	12g
Mạn kinh tử	6g

Chủ trị:

Hoàng đản, da vàng, mắt vàng, người bủng yếu, thường có hơi sốt hoặc bốc lên váng đầu hoa mắt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

31. NHÂN TRẦN CHI TỬ HOÀN

Nhân trần	4000g
Chỉ xác	600g
Vỏ núc nác	1600g
Chi tử (sao)	600g
Mộc thông	1600g

Chủ trị:

Viêm gan siêu vi khuẩn: Da vàng, niêm mạc mắt vàng ăn kém, mệt mỏi, tiểu tiện ít, nước tiểu vàng, đau nhẹ vùng gan, ấn đau vùng gan...

Cách dùng, liều lượng:

Nhân trần, mộc thông nấu cao đặc (sền sệt).

Chỉ xác, vỏ núc nác, chi tử sao sấy giòn tán bột mịn trộn với cao đặc Nhân trần, Mộc thông thêm hồ nước luyện kỹ làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 10 - 15g với nước chín.

Trẻ em dùng nửa liều người lớn.

Ghi chú:

Nếu dùng dạng thuốc thang thì liều lượng dùng như sau:

Nhân trần	40g
Vỏ núc nác	16g
Mộc thông	16g
Chi tử (sao)	8g
Chỉ xác	6g

Ngày sắc uống 1 thang.

32. CAO BỔ GAN

Hà thủ ô đỏ chế	100g
Hà thủ ô trắng chế	100g
Hương phụ tứ chế	50g
Củ sả	30g
Vỏ quýt	20g
Rau má	5000g
Lá tre	4000g
Lá Dâu	3000g

Chủ trị:

Viêm gan, suy gan

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho nấu cao lỏng.

Ngày uống 2 lần mỗi lần 30-40ml trước khi ăn.

33. CHÂN VŨ HỢP NHÂN SÂM THANG

Hắc phụ	12g
Bạch thược	12g
Bạch linh	12g
Bạch truật	8g
Sinh khương	12g
Nhân sâm	12g

Chủ trị:

Viêm túi mật: Có các triệu chứng bụng đau từng cơn quằn quại, sốt nóng và rét về chiều (ngày 1 cơn), cổ khô háo nhưng không uống nước nhiều, ăn kém, ỉa lỏng ngày 4 - 5 lần, tiểu tiện sẻn ít, hai chân hơi nề, tiếng nói nhỏ thở không ra hơi, chóng mặt, mạch trầm tế vô lực.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

34. BỘT NHÂN TRẦN CHI TỬ

Nhân trần	500g
Chi tử (sao)	150g
Ý dĩ (sao vàng)	500g

Chủ trị:

Viêm gan siêu vi khuẩn: Vàng da, vàng mắt, nước tiểu vàng đậm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao sấy khô giòn, tán bột mịn.

Trẻ em: 5 - 10 tuổi mỗi lần uống 20g

Trên 10 tuổi mỗi lần uống 30g

Người lớn mỗi lần uống 40g

Ngày uống 2 lần (sáng, chiều), hãm với nước sôi, gạn lấy nước uống.

Kiêng kỵ:

- Kiêng các chất cay nóng.
- Bệnh vàng da, vàng mắt lâu ngày, đầy bụng ỉa chảy không dùng.

35. XI RÔ NHUẬN GAN

Lá mua (khô)	1000g
Chè vằng (khô)	500g
Chi tử (sao)	500g
Hoàng bá	300g
Rau má (khô)	500g
Lá bồ câu vẽ (khô)	300g
Thanh bì	200g
Đường kính vừa đủ	200g

Chủ trị:

Bệnh vàng da, mắt mặt đều vàng do thấp nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị nấu cao lỏng, thêm đường nấu thành xi rô.

Trẻ em:

5-10 tuổi mỗi lần uống 2 - 3 thìa cà phê.

Trên 10 tuổi mỗi lần uống 3 - 4 thìa cà phê.

Người lớn: mỗi lần uống 5 - 6 thìa cà phê.

Ngày uống 2 lần (sáng và chiều).

Kiêng kỵ:

- Kiêng các chất cay nóng.
- Không có thấp nhiệt không nên dùng.

36. NHÂN TRẦN GIA VỊ THANG

Nhân trần	12g
Chi tử	10g
Đại hoàng	8g
Ma hoàng	12g
Cam thảo	8g
Đậu đỏ	12g
Hoàng bá	10g
Liên kiều	10g
Rễ mướp đắng	16g
Sinh khương	8g

Chủ trị:

Dương hoàng đản: Toàn thân đều vàng màu vàng bóng, đại tiện bí kết, phân đen, tiểu tiện ít, đỏ, không ra mồ hôi, mình nóng, miệng khát, ăn chóng đói. Tâm phiền nhiệt, bụng hơi đầy, muốn nôn. Rêu lưỡi vàng nhờn, mạch huyền sác.

Cách dùng, liều lượng:

Cho Ma hoàng vào 600ml nước tiểu trẻ em dưới 8 tuổi. (Bỏ đầu và cuối hứng lấy đoạn giữa). Sắc sôi gạt bỏ bọt (2 - 3 lần), xong cho các vị thuốc còn lại vào sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 lần, uống lúc thuốc còn hơi nóng.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất cay nóng.

37. NHÂN TRẦN GIA VỊ TÁN

Nhân trần	16g
Chi tử	12g
Đại hoàng	8g
Lá quýt	16g
Tinh tre	16g
Bạch tiền	12g
Hoàng liên	4g
Long đởm thảo	8g
Phèn chua	4g

Chủ trị:

Dương hoàng đản

Cách dùng, liều lượng:

Lá quýt, tinh tre, bạch tiền sao qua.

Nhân trần, chi tử sao vàng.

Long đởm thảo tẩm nước cam thảo sao.

Đại hoàng sao nóng.

Hoàng liên tẩm nước mật lợn sao. Phèn chua 1/2 để sống; 1/2 phi khô.

Tất cả các vị sao chế xong, sấy giòn tán bột mịn.

Trẻ em: 4-7 tuổi mỗi lần uống 1/2 thìa cà phê.

8-10 tuổi mỗi lần uống 1 thìa cà phê.

11-15 tuổi mỗi lần uống 1,5 thìa cà phê.

Ngày uống 2 lần với nước chín. Uống lúc đói bụng.

38. NHÂN TRẦN TỨ NGHỊCH GIA VỊ THANG

Nhân trần	16g
Phụ tử chế	4g
Càn khương	8g
Cam thảo chích	8g
Đảng sâm	12g
Bạch truật	12g
Hoàng kỳ	12g
Quế chi	8g

Chủ trị:

Âm hoàng đản: Toàn thân màu vàng xám (ám khói) đại tiện lỏng, tiểu tiện không lợi. Người lạnh, sợ rét, miệng không khát, đầu choáng váng, không ra mồ hôi chân, tay mỏi rã rời, tinh thần mỏi mệt, bụng đầy tức hay nôn oẹ, rêu lưỡi trắng nhợt. Mạch trầm trì vô lực.

Cách dùng, liều lượng:

Hoàng kỳ tẩm mật sao thơm.

Bạch truật tẩm Hoàng thổ sao vàng.

Nhân trần sao vàng. Càn khương nướng xém cạnh.

Các vị sao chế xong cho vào 800ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trước bữa ăn. Uống lúc thuốc còn ấm.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các thứ lạnh sống.
- Phụ nữ có thai không dùng.

39. NHÂN TRẦN GIA VỊ THANG

Nhân trần	16g
Chi tử	12g
Đại hoàng	4g
Sinh địa	16g
Đan bì	8g
Bạch thược	8g
Chỉ thực	12g
Cát căn	8g
Cam thảo	4g
Trần bì	8g
Đậu đỏ	24g

Chủ trị:

Tửu đản (do vị uất nhiều khí thấp nhiệt, cơ thể yếu lại uống rượu quá độ):

Toàn thân đều vàng, bụng bình bịch như chứa nước, tâm phiền, ăn ngủ không được, thường lợm giọng, nôn mửa, dưới chân nóng, đầu gối chân sưng thũng, tiểu tiện vàng và ít, đại tiện phân đen, trên mặt nổi nhiều ban đỏ.

Cách dùng, liều lượng:

Nhân trần, chi tử, đậu đỏ sao vàng.

Trần bì cạo bỏ lớp trắng phía trong vỏ.

Tất cả các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày. Uống lúc thuốc còn ấm và đói bụng.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các thứ cay nóng, khó tiêu.
- Kiêng uống rượu, kiêng phòng dục.

40. LONG ĐỞM TẢ CAN THANG GIA GIẢM

Long đởm thảo	12g
Hoàng cầm	12g
Chi tử	12g
Sài hồ	12g
Cam thảo	4g
Bạch truật	12g
Nhân trần	12g
Chỉ thực	8g

Sinh khương	8g
Mật lợn (để ngoài)	1 cái

Chủ trị:

Cốc đản: Toàn thân đều vàng, phát nóng rét không ăn được, hễ ăn vào là bụng đầy ách, chóng mặt, trong miệng có nhớt lầy nhầy, tiểu tiện bế, hơi thở ra hôi.

Cách dùng, liều lượng:

Long đởm tẩm nước cam thảo sao.

Bạch truật tẩm Hoàng thổ sao thơm.

Tất cả các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc hoà mật lợn vào, chia uống 2 lần trong ngày. Uống lúc đói bụng.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các thức cay, nóng, khó tiêu.
- Kiêng ăn nhộng tằm, đậu xanh, rau muống.

41. NHÂN TRẦN GIA GIẢM TÁN

Nhân trần	40g
Chi tử	40g
Long đởm thảo	20g
Lá chanh	20g
Tinh tre	20g
Phèn chua	20g

Chủ trị:

Cốc đản.

Cách dùng, liều lượng:

Phèn chua 1/2 phi, 1/2 để sống.

Các vị đều phơi sấy giòn trộn lại tán bột mịn. Người lớn uống mỗi lần 3 thìa cà phê.

Trẻ em: 5 - 10 tuổi uống 1 thìa cà phê.

11 - 16 tuổi uống 2 thìa cà phê.

Ngày uống 2 lần với nước sôi để nguội.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ cay, nóng.

42. LỤC VỊ GIA VỊ THANG

Thục địa	12g
Hoài sơn	12g
Sơn thù	8g
Đan bì	8g
Trạch tả	8g
Phục linh	8g
Nhân trần	20g
Sinh địa	12g
Qua lâu nhân	12g
Khô phàn	8g

Chủ trị:

Nữ lao đản: Toàn thân đều vàng, trán xám đen, mồ hôi dầm dấp, gan bàn tay, bàn chân đều nóng, chập tối thì phát sốt, bụng trướng, tiểu tiện tự lợi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày, uống lúc thuốc còn ấm và đói bụng.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

- Kiêng phòng dục.
- Kiêng các thức ăn cay, nóng.

43. NHÂN TRẦN KHỔ QUA CĂN THANG

Nhân trần tươi	160g
Rễ mướp đắng tươi	400g

Chủ trị:

Hắc đản: Da mặt, thân mình đều đen xám, tròng mắt trong xanh, đại tiện phân đen, tâm phiền nóng, buổi chiều đến lòng bàn chân bàn tay đều nóng, tiểu tiện tự lợi (Di chứng của Dương đản, âm đản, tửu đản, cốc đản và nữ lao đản).

Cách dùng, liều lượng:

Hai vị sửa sạch, giã nát, vắt lấy nước uống (có thể thêm nước sôi để nguội).

Ngày uống 1 lần.

44. SÀI HỒ CHI TỬ BẠCH CẦM THANG

Sài hồ	12g
Chi tử	8g
Bạch thược	8g
Hoàng cầm	12g

Hoàng liên	4g
Hoàng bá	6g
Liên kiều	8g

Chủ trị:

Chứng Dương hoàng đản thất trị mà phát sinh Hắc đản.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày lúc đói bụng.

Trẻ em dùng liều lượng ít hơn.

Ngày uống 1 thang.

45. NHÂN TRẦN TỨ NGHỊCH GIA VỊ THANG

Nhân trần (sao)	16g
Phụ tử chế	8g
Càn khương (nướng)	8g
Cam thảo chích	8g
Đảng sâm	12g
Bạch truật (tẩm Hoàng thổ sao)	12g

Chủ trị:

Chứng âm hoàng đản do thất trị mà phát sinh Hắc đản.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị cho vào 600ml nước sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày, lúc thuốc còn ấm và đói bụng.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

- Không ăn các thức sống, lạnh.
- Phụ nữ có thai không dùng.

46. SINH TÂN THÔNG Ứ HUYẾT THANG

Xuyên khung	12g
Xích thược	12g
Xuyên quy (tẩm rượu sao)	12g
Đào nhân (bỏ vỏ lụa)	8g
Bạch truật (tẩm Hoàng thổ sao)	12g
Quế chi	8g
Mang tiêu (nghiền nhỏ)	8g
Cam thảo chích	8g

Chủ trị:

Ứ huyết hoàng đản: Toàn thân đều vàng ám khói, tiểu tiện tự lợi, đại tiện phân đen, phát nóng vào buổi chiều, bụng dưới có cục đầy, đau, mạch trầm mà kiết.

Cách dùng, liều lượng:

Bột mang tiêu nghiền nhỏ để riêng. Các vị khác cho vào 1000ml nước, sắc lấy 300ml, cho bột mang tiêu vào đun sôi quấy cho tan hết, chia uống 3 lần trong ngày, uống lúc đói bụng.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các chất sống,lạnh.
- Kiêng phòng dục.

47. HOÀNG HƯƠNG NHÂN TRUẬT THANG

Hoàng kỳ (xé nhỏ tẩm mật sao)	12g
Hương phụ (giã nhỏ tứ chế)	20g
Bạch truật (tẩm Hoàng thổ sao)	12g
Nhân trần	12g
Trần bì (bỏ cùi trắng sao thơm)	8g
Cam thảo chích	8g

Chủ trị:

Hoàng hãn: Toàn thân đều vàng và thũng trướng, tiểu tiện không lợi, lòng bàn chân và cả hai chân đều giá lạnh, phát nóng từ ngang thắt lưng trở lên; mồ hôi toát ra vàng như nghệ. Từ ngang thắt lưng trở xuống thì ẩm giống như kiến bò trong da.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị cho vào 600ml nước sắc lấy 150ml nước thuốc chia uống 3 lần (ngày 2 lần, đêm 1 lần) uống lúc thuốc còn hơi nóng, bụng còn đói.

Ngày uống 1 thang.

48. NHÂN TRẦN CHI TỬ THANG

Nhân trần (sao vàng)	16g
Chi tử (sao vàng)	16g
Cây cối xay (tẩm mật sao)	12g
Trần bì (sao vàng xém cạnh)	16g
Hương phụ tứ chế	20g
Hạt mã đề	12g

Chủ trị:

Chứng Hoàng hãn

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế xong cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 3 lần (ngày 2 lần, đêm 1 lần) vào lúc đói bụng và thuốc còn hơi nóng.

Ngày uống 1 thang.

49. NHÂN TRẦN QUẤT BÌ THANG

Nhân trần	12g
Trần bì	8g
Bạch linh	10g
Bán hạ chế	6g
Bạch truật	8g

Chủ trị:

Dương hoàng đản thể thấp nhiều hơn nhiệt. Bệnh nhân mệt mỏi, không muốn ăn, lợm giọng buồn nôn, không khát nước, rêu lưỡi nhờn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 500ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

50. NHÂN TRẦN NGŨ LINH TÁN

Nhân trần	12g
Bạch linh	10g
Bạch truật	10g
Trư linh	8g
Trạch tả	8g
Quế chi	8g

Chủ trị:

Dương hoàng đản thể thấp nhiều hơn nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 500ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

51. CHI TỬ BÁ BÌ THANG

Chi tử nhân	12g
Hoàng bá	10g
Cam thảo	6g

Chủ trị:

Dương hoàng, thể nhiệt nhiều hơn thấp: Bệnh nhân khát nước nhiều, rêu lưỡi vàng khô, tiểu tiện ít và đỏ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

52. GIA GIẢM CAM LỘ TIÊU ĐỘC THANG

Nhân trần	12g
Hoàng cầm	8g
Hoắc hương	8g
Bạc hà	6g
Mộc thông	8g
Thạch xương bồ	6g
Bạch đậu khấu	4g
Hoạt thạch	12g
Chi tử	8g
Chỉ xác	6g

Chủ trị:

Dương hoàng thể thấp và nhiệt đều thịnh: Người nóng, mệt mỏi, ngực tức, ít muốn nói, rêu lưỡi vàng nhờn, tiểu tiện ít và đỏ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

53. NHÂN TRẦN PHỤ TỬ CÀN KHƯƠNG THANG

Nhân trần	8g
Phụ tử chế	6g
Càn khương	6g
Bạch truật	12g
Bán hạ chế	6g
Bạch linn	8g
Thảo đậu khấu (sao cháy)	8g
Chỉ thực (sao cám)	4g
Trạch tả	8g
Quất hồng bì	6g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Âm hoàng đản phần nhiều do hàn thấp thuộc chứng hư.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế xong cho tất cả vào 800ml nước sắc lấy 300ml nước thuốc, chia uống 3 lần (ngày 2 lần đêm 1 lần), uống sau khi ăn cơm.

Ngày uống 1 thang.

54. NHÂN TRẦN TỨ NGHỊCH THANG

Nhân trần	12g
Phụ tử chế	6g
Can khương	6g
Cam thảo chích	4g

Chủ trị:

Âm hoàng đản.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 500ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia làm 2 lần uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

55. NHÂN TRẦN CHI TỬ PHỤC LINH THANG

Nhân trần	30g
Chi tử	9g
Phục linh	12g
Bạch truật	9g
Trạch tả	9g

Chủ trị:

Viêm gan siêu vi khuẩn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

56. NHÂN TRẦN CHI TỬ THẠCH CAO TÁN

Nhân trần	12g
Chi tử	16g
Thạch cao	20g
Ý dĩ (sao)	20g
Mộc thông	16g
Hoàng bá	8g
Thanh bì	8g
Chỉ thực	8g

Chủ trị:

Hoàng đản: Vàng da, vàng mắt, do thấp nhiệt, can nhiệt, viêm gan truyền nhiễm do virus.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị sao sấy giòn tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần mỗi lần 4g. Uống với nước chín.

57. HƯƠNG MỘC SỬ QUÂN BINH LANG THANG

Hương phụ chế	40g
Binh lang	40g
Sử quân tử	16g
Mộc hương	6g
Ô mai (bỏ hạt)	10g
Xuyên liên	6g
Vỏ rễ xoan	15g
Chỉ xác	6g
Cây phượng vĩ	6g

Chủ trị:

Giun chui ống mật

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ rễ xoan: Cạo bỏ hết lớp vỏ nâu bên ngoài, chỉ lấy lớp vỏ lụa, thái nhỏ, sao qua hơi vàng cho đỡ mùi hăng, hợp cùng các vị khác cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày. Khi đỡ đau cho ăn cháo loãng.

Chú ý gia giảm:

- Nếu đau nhiều kết hợp thuỷ châm huyệt Trung quản.
- Nếu còn đau ít cho uống thêm bột bình vị tán như sau:

Bột bình vị tán

Trần bì	20g
Hậu phác	20g

Thương truật	32g
Cam thảo	12g

Tất cả các vị sấy giòn tán bột mịn.

Mỗi lần uống 12g với nước sắc Gừng, Đại táo.

- Hết đau cho uống thêm thang:

Bổ khí huyết trừ thấp nhiệt kiện tỳ tiêu thực

Cát lâm sâm	20g
Nhân trần	20g
Sinh địa	15g
Nam mộc hương	15g
Sơn tra	15g
Hoài sơn	15g
Chi tử	12g
Đương quy	12g
Ô dược	12g
Địa liền	10g
Sa nhân	10g
Chỉ thực	8g
Trần bì	6g

Các vị sắc uống.

58. KHU TRÙNG THANG A

Ômai	12g
Hoa đại	12g
Bách bộ	60g

Chủ trị:

Giun chui ống mật

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Chú ý:

Nếu không có Hoa đại thay bằng Đại hoàng 10g

Kiêng kỵ:

- Không dùng cho trẻ em.
- Kiêng ăn mỡ, thịt, cá, cho ăn cháo nhẹ.

59. KHU TRÙNG B

Bách bộ	40g
Hậu phác	12g
Chỉ xác	10g
Sơn tra (bỏ hạt)	10g
Xuyên tiêu	4g
Đại hoàng	4g

Chủ trị:

Giun chui ống mật.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Trẻ em 5 tuổi trở lên giảm bớt liều.

Kiêng kỵ:

- Trẻ em dưới 5 tuổi không dùng.
- Kiêng cá, thịt, chất tanh. Cho ăn cháo nhẹ.

60. THANG ACTISÔ KIM TIỀN THẢO

Actisô	20g
Kim tiền thảo	20g
Râu ngô	16g
Chi tử	12g
Râu mèo	6g
Hoàng bá	5g

Chủ trị:

Sỏi mật, sỏi đường tiết niệu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày, uống nóng trước lúc ăn cơm. Uống luôn 8 ngày, nghỉ 2 - 4 ngày lại uống tiếp.

61. SƠ CAN THÔNG MẬT THANH NHIỆT GIẢI ĐỘC THANG

Nhân trần	15g
Quả dành dành	8g
Mã đề	8g
Rễ tranh	8g
Màn chầu	8g
Bồ công anh	8g
Khổ qua	8g
Muồng trâu	8g
Thương nhĩ	8g

Củ nghệ	8g
Cây nhàu	8g
Hà thủ ô	10g

Chủ trị:

Dương hoàng đản: Da vàng, mắt vàng, nước tiểu vàng đỏ, hông sườn bên phải tức đau, ngực nặng, lợm giọng buồn nôn, miệng đắng, cổ khô, đại tiện táo, rêu lưỡi vàng nhợt, mạch huyền sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

62. THANH TỲ ẨM GIA VỊ

Thanh bì	8g
Thảo quả	8g
Sài hồ	8g
Bán hạ chế	8g
Hậu phác	8g
Bạch truật	8g
Hoàng cầm	8g
Cam thảo	4g
Phục linh	15g
Hà thủ ô	10g
Nhân trần	10g
Thần thông	8g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Hoàng đản kèm chứng ớn lạnh dọc xương sống rồi sau đó lạnh toàn thân, bệnh nhân phải đốt lửa sưởi hoặc xông hơi nước nóng. Sau khi qua cơn lạnh thì người nóng và đổ mồ hôi. Cứ 2 - 3 ngày lên cơn nóng lạnh một lần, kéo dài trong 2 - 3 giờ, ăn được nhưng khó tiêu, da bụng dày hay buồn nôn, đau lâm dâm vùng thượng vị, da mặt, niêm mạc mắt vàng tươi, mạch huyền hữu lực.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Bệnh nhân hết sốt rét, ăn uống hết buồn nôn lợm giọng. Niêm mạc mắt, da mặt còn hơi vàng, thỉnh thoảng còn đau vùng thượng vị, mạch trầm hoãn thay dùng thang sau:

Hoắc hương chính khí gia vị

Hoắc hương	12g
Trần bì	8g
Tử tô	8g
Bán hạ chế	8g
Bạch chỉ	8g
Hậu phác	8g
Đại phúc bì	8g
Cát cánh	8g
Phục linh	8g
Cam thảo	8g
Bạch truật	8g
Bạch truật	8g
Nhân trần	10g
Thảo quả nướng	3 quả
Nghệ	8g
Chi tử	8g
Rễ tranh	8g
Mướp gai (chóc gai)	20g

Sắc uống, mỗi ngày 1 thang.

63. VIÊN MẬT

Cao mật bò hay mật lợn	100g
Lưu hoàng rửa lại	100g
Bột Hoạt thạch	150g
Tinh dầu Bạc hà	20 giọt

Chủ trị:

Viêm mật, viêm gan vàng da, rối loạn tiêu hoá, chậm tiêu, phân sống, táo bón.

Cách dùng, liều lượng:

Bột Lưu hoàng, bột Hoạt thạch trộn đều với cao mật, thêm hồ luyện kỹ làm viên 0,15g.

Ngày uống 20-30 viên, chia làm 2-3 lần uống.

Dùng trong vòng 10 - 30 ngày tuỳ theo bệnh nặng nhẹ.

Chú ý:

Cách làm Cao mật như sau:

Lấy 20 - 30 túi mật (hay hơn nữa hoặc ít hơn tuỳ theo lượng cao muốn có) rửa sạch vỏ túi mật bằng dung dịch nước muối 9%. Sau đó ngâm vào cồn 90° trong vài phút để sát khuẩn, rồi cắt thủng túi mật và hứng nước mật vào túi vải để lọc. Nước mật đã lọc được đem đun cách thuỷ sôi, vừa đun vừa khuấy cho tới thành cao đặc. (Kinh nghiệm là đun cho tới khi nghiêng bát cao mà không chảy là được). Cao màu vàng hơi xanh, vị rất đắng.

64. VIÊN LÔ ĐẢM

Cao mật	0,5g
Lô hội	0,08g
Tá dược vừa đủ	1 viên

Chủ trị:

Táo bón, ăn uống khó tiêu do thiếu mật, vàng da ứ mật, suy gan, sỏi mật.

Cách dùng, liều lượng:

Người lớn ngày uống 2 - 4 viên chia làm 2 lần uống. Uống sau các bữa ăn.

Nuốt chửng chiêu với nước chín. Không nhai vì rất đắng.

65. BỘT NHÂN TRẦN CHI TỬ

Nhân trần (khô)	500g
Ý dĩ (sao vàng)	500g
Chi tử (sao)	150g
Hoàng bá (tẩm nước muối sao vàng)	150g

Chủ trị:

Hoàng đản: Vàng da, vàng mắt, nước tiểu vàng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao sấy khô tán bột mịn.

Trẻ em: 5-10 tuổi ngày uống 20g chia làm 2 lần.

Trên 10 tuổi ngày uống 30g chia làm 2 lần.

Người lớn ngày uống 40g chia làm 2 lần.

Khi uống cho vào hãm với nước sôi, gạn lấy nước uống.

Kiêng kỵ:

- Vàng da, vàng mắt lâu ngày, đầy bụng, ỉa chảy không dùng.
- Kiêng ăn các chất cay nóng.

66. NHÂN TRẦN UẤT KIM THANG

Nhân trần	20g
Uất kim	8g
Bồ công anh	12g
Khương hoàng	8g

Chủ trị:

Viêm túi mật, ống dẫn mật.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày 1 thang.

67. NHÂN TRẦN CHI TỬ ĐẬU CĂN THANG

Nhân trần	6g
Chi tử	4g
Sơn đậu căn	6g
Sinh địa	4g

Chủ trị:

Viêm ống mật cấp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống một lần.

Ngày uống 1 thang.

68. KHỔ LUYỆN SỬ QUÂN THANG

Khổ luyện bì (vỏ xoan)	9g
Sử quân tử	9g
Binh lang	9g
Mộc hương	6g
Ô mai nhục	3g

Chủ trị:

Giun chui lên ống mật, bụng trên đau quặn.

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ xoan cạo hết lớp vỏ nâu bên ngoài, sao hơi vàng, hợp cùng các vị khác cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

69. ĐAN SÂM BẠCH THƯỢC UẤT KIM TÁN

Đan sâm	9g
Bạch thược	3g
Uất kim	9g
Đương quy	9g
Đảng sâm	9g
Trạch tả	9g
Hoàng tinh	9g
Hoài sơn	9g
Sơn tra	9g
Thần khúc	9g
Tần giao	9g
Hoàng kỳ	18g
Nhân trần	18g
Cam thảo	9g
Sinh địa	9g
Bản lam căn (rễ cây Chàm)	9g

Chủ trị:

Viêm gan mạn tính, đau tức vùng gan; viêm gan do bị ngộ độc, xơ gan thời kỳ đầu.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị sấy khô giòn, tán bột mịn.

Mỗi lần uống 6g, ngày uống 2 lần trước bữa ăn sáng và tối với nước ấm.

Uống 1 đợt 6 ngày nghỉ 1 ngày. Uống liền 6 tuần. Nghỉ 1 tuần lại uống tiếp lần thứ 2 như vậy.

70. KHƯƠNG SÀI BẠCH THƯỢC THANG

Khương hoàng	5g
Sài hồ	5g
Bạch thược	15g
Mộc hương	5g
Uất kim	5g
Liên kiều	5g
Đương quy	15g
Bạch truật	15g
Cam thảo	3g

Chủ trị:

Xơ gan.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

71. ĐAN SÂM TẤT LÊ THANG

Đan sâm	9g
Bạch tật lê	9g
Đương quy	9g
Bạch biển đậu	9g
Hồng hoa	6g
Hương phụ	6g

Chủ trị:

Ung thư gan (cancer du foie), vùng gan đau dữ dội.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

72. LIÊN CHI HOA XÀ THIỆT THẢO THANG

Bán liên chi	20 - 30g
Bạch hoa xà thiệt thảo	20 - 30g
Nhân sâm	12g
Hoàng kỳ	20g
Bạch thược	12g

Chủ trị:

Ung thư gan

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

73. LIÊN CHI HOA XÀ THIỆT THẢO THANG

Bán liên chi (Hoàng cầm râu)	40g
Bạch hoa xà thiệt thảo	80g

Chủ trị:

Khối u tân sinh; ung thư gan, ung thư phổi, ung thư trực tràng ở thời kỳ đầu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày vào lúc đói.

Ngày uống 1 thang.

Cũng có thể nấu nước uống thay nước trà trong ngày.

74. TAM BẠCH ĐẠI KẾ THANG

Tam bạch thảo (cây Hàm ếch)	20g
Đại kế	15g

Chủ trị:

Ung thư gan ở thời kỳ đầu

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

75. ĐAN SÂM NỌC SỞI THANG

Đan sâm	15g
Nọc sởi (Ban)	15g

Chủ trị:

Viêm gan mạn tính, đau xuyên vùng hông.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

76. MIẾT GIÁP BẠCH THƯỢC HOÀNG KỲ THANG

Miết giáp (tẩm giấm sao)	10g
Bạch truật	8g
Hoàng kỳ	10g
Xuyên khung	6g
Thảo quả	4g
Bạch thược	8g

Chủ trị:

Chứng gan to, lách to

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, thêm 3 lát gừng sống, 2 quả Đại táo. Sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

CÁC BÀI THUỐC TRỊ BỆNH HỆ TIẾT NIỆU

1. TIÊU TÍCH TRỆ TRỤC THUỶ LỢI THẤP THANG

Ngũ gia bì	20g
Trư linh	12g
Vỏ đại	12g
Xa tiền	12g
Đại hồi	8g
Mộc thông	12g
Thổ phục linh	12g
Đại hoàng	12g
Trần bì	12g
Dây bìm bìm	20g
Trạch tả	12g

Chủ trị:

Phù thũng thể dương thuỷ: Phù nề nửa người trên trước, ăn vào chậm tiêu đầy ậm ạch, đại tiểu tiện bí kết, toàn thân phù nề.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn. Tiết chế phòng dục.

2. BÁT VỊ QUẾ PHỤ GIA GIẢM THANG

Thục địa	20g
Bạch linh	12g
Trạch tả	12g
Đan bì	12g
Hoài sơn	16g
Phụ tử	4g
Nhục quế	4g
Ngưu tất	12g
Ngũ gia bì	12g
Dây bìm bìm	20g

Chủ trị:

Phù thũng thể âm thuỷ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn.

3. BỔ KHÍ KIỆN TỲ TRỤC THUỶ THANG

Phòng Đảng sâm	16g
Bạch truật	16g
Trạch tả	12g
Ngũ gia bì	12g
Trư linh	12g
Hạt mã đề	12g
Hoài sơn	16g
Khiên ngưu đằng	16g
Thổ phục linh	16g
Trần bì	8g

Chủ trị:

Phù thũng thể tỳ hư.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Trường hợp phù nề nặng thì gia thêm:

Vỏ Niệt (niệt gió bì) 8g

(Vỏ Niệt ngâm nước gạo 1 đêm, sao vàng hợp với thang trên sắc uống).

4. TIÊU TÍCH TRỆ TRỤC THUỶ LỢI THẤP THANG

Khiên ngưu đằng	40g
Mộc thông	20g
Ngũ gia vì	20g
Nga truật	16g

Nam mộc hương	16g
Vỏ Đại	12g
Trạch tả	12g
Xa tiền	12g
Chỉ xác	8g
Đại hồi	4g

Chủ trị:

Phù thũng thể dương thuỷ: Sắc mặt xám, toàn thân phù nề, sưng phù ở mặt trước, tiểu tiện ít; đi nhiều lần khó đi, muốn ăn, ăn vào đầy ách, khó chịu, chậm tiêu, ấn vào chỗ sưng phù nề lõm xuống lâu lên, tiếng nói ậm ạch, khó thở, mạch trầm thực vô lực.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Khi bệnh đã thuyên giảm: Đi tiểu được nhiều, đỡ đầy ách, dễ chịu bệnh tiếp tục thuyên giảm nhưng chậm lại tức là tà khí đã lùi nhưng chính khí chưa hồi phục thì phải thay dùng thang sau:

Lục quân hợp trư linh gia vị

Sa sâm	12g
Bạch linh	12g
Bạch truật	12g
Bán hạ chế	8g
Trần bì	8g
Cam thảo	4g
Trư linh	12g
Trạch tả	12g
Sơn tra	8g
Mạch nha	8g
Sa nhân	4g
Đại táo	4 quả

Các vị sắc uống. Ngày uống 1 thang, uống liên tục đến khi khỏi bệnh.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn.

5. LỤC QUÂN GIA KHƯƠNG QUẾ THANG

Sa sâm	12g
Bạch linh	12g
Bạch truật	12g
Trần bì	8g
Bán hạ	8g
Cam thảo chích	4g
Can khương	8g
Nhục quế	4g

Chủ trị:

Phù thũng thể âm thuỷ: Phù nề toàn thân, bệnh phát nửa người dưới trước dần dần lên bụng, lên mặt và khắp người, sắc mặt xanh, ăn kém, ăn vào chậm tiêu nước tiểu trong, đại tiện 2 - 3 lần/ngày, phân nhão. Tiếng nói nhỏ yếu, đoản hơi, nắn bụng trên chắc, mạch trầm nhược.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Khi bệnh đã thuyên giảm: Đầu mặt, hai chi sưng phù nề đều giảm thì uống tiếp bài trên, bỏ: Can khương - Nhục quế.

Gia thêm:

Ngũ gia bì	20g
Hắc sửu	20g
Chỉ xác	12g
Mộc thông	12g

Sắc mỗi ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn: Tiết chế phòng dục.

6. ÔN KINH HOẠT HUYẾT LỢI TIỂU TIÊU PHÙ THANG

Xuyên khung	15g
Xuyên quy	15g
Hương phụ	12g
Nga truật	12g
Tô mộc	12g
Huyết giác	10g
Can khương	10g
Ô dược	10g
Ngưu tất	10g

Mộc thông	10g
Xa tiền	12g
Bạch mao căn	12g

Chủ trị:

Phụ nữ phù thũng thể huyết thũng: Mặt phù, hai mắt sưng híp, da màu xạm nâu, nhuận, từ đùi đến bàn chân và hai cánh tay đến bàn tay, phù to, bụng căng trướng, lưỡi màu nhạt không có rêu, tiếng nói vang hơi thở thô, ậm ạch khó thở, ăn vào anh ách khó chịu, ngủ kém, đại tiện táo, tiểu tiện vàng lượng rất ít, ấn tay vào bụng, chân tay thấy phù chắc, bụng dưới ấn vào đau. Kinh nguyệt mới thấy đã mất. Mạch hai bộ quan, xích: Trầm, sác, thực.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Khi các triệu chứng bệnh đã thuyên giảm: Tiểu tiện thông, da thịt đỡ căng phù, mình tay chân cảm thấy nhẹ nhàng, mi mắt đỡ sưng bụng ngực đỡ tức, mạch trầm hơi hoãn, uống tiếp thang trên nhưng bỏ can khương gia thêm:

Quế nhục	8g
Lá móng tay	8g

Sắc uống ngày 1 thang, đến khi bụng nhỏ, tay chân còn phù nhẹ, mạch trầm hoãn cho uống tiếp thang Bổ huyết điều kinh dưới đây.

Bổ huyết điều kinh

Sinh địa	15g
Đương quy	15g
Xuyên khung	12g
Ngải cứu	5g
Mộc thông	10g
Xa tiền	10g
Nga truật	12g
Bạch mao căn	10g
Ô dược	10g
Quế chi	8g
Hương phụ	15g
Sâm đại hành	15g

Sắc uống ngày 1 thang. Uống đến khi bệnh ổn định, ăn ngủ bình thường.

7. THANH NHIỆT LỢI TIỂU THANG

Kim ngân hoa	12g
Thương nhĩ tử	12g
Thạch cao	12g
Ngưu tất	12g
Cát căn	12g
Sinh địa	12g
Hoài sơn	12g
Mộc thông	12g
Cam thảo	6g

Chủ trị:

Tiểu tiện buốt, tiểu tiện vặt nhiều lần, nước tiểu nóng vàng sẫm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Tiểu tiện ra máu gia thêm:

Chi tử (sao đen)	8 - 10g

8. BỘT TIÊU PHÀN

Diêm tiêu	80g
Phác tiêu	80g
Phèn đen	80g
Phèn chua	80g

Chủ trị:

Phù thũng toàn thân thể thực.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị thuốc cho vào một nồi đất mới, trong đáy nồi lót lá trầu không (khoảng 7 lá) đậy vung thật khít buộc chặt bằng dây thép, rồi dán giấy bản chung quanh vung và miệng nồi cho thật kín nhiều lớp để không bay hơi thuốc. Sau đó đem hầm lửa trấu hoặc mùn cưa (trấu hoặc mùn cưa đổ trùm lên đáy và trên nồi dày độ 30cm) đốt lửa, khi lửa trấu hoặc mùn cưa cháy hết là được.

Để nguội lấy thuốc ra tán bột mịn. Bọc bột thuốc vào giấy bản rồi vê tròn thành viên bằng hạt đậu đen.

Người lớn mỗi ngày nuốt 20 viên.

Trẻ em: 10-12 tuổi mỗi ngày nuốt 5 - 7 viên.

13-16 tuổi mỗi ngày nuốt 10-12 viên.

Kiêng kỵ:

Tuyệt đối không được ăn mặn.

Chú ý:

Sau khi khỏi phù được 10 ngày phải uống thuốc giải độc rồi mới bắt đầu ăn mặn.

Thuốc giải độc gồm có:

Bột Thần sa (thuỷ phi)	8g
Cá trê (khoảng 3 lạng)	1 con

Cá trê làm thịt, rửa sạch đem nướng chín, lấy 2g bột thần sa rắc vào cá, cho thêm 10 giọt nước mắm cho bệnh nhân ăn. Ăn 4 lần, mỗi lần nướng cá tăng thêm 10 giọt nước mắm. Sau đó ăn mặn dần.

* Đối với bệnh phù thũng thuộc thực thuốc này có kết quả nhanh chóng; đối với phù thũng thuộc hư cần phải phối hợp thêm thuốc bổ không nên dùng lâu dài một thuốc này.

9. BỘT ĐẠI HỒI THẦN KHÚC

Đại hồi (phơi khô)	120g
Thần khúc (sao thơm)	240g
Phèn chua phi	80g
Nhục quế (loại tốt) cạo bỏ vỏ ngoài	120g
Mã nha tiêu (?)	120g

Chủ trị:

Phù thũng toàn thân thể hư hàn, bụng cứng, ăn uống kém, đại tiểu tiện ít.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị tán bột mịn.

Người lớn ngày uống 8g

Trẻ em 5 - 15 tuổi ngày uống từ 2 - 6g.

Uống 1 lần, khi uống cho thuốc vào miếng chuối tiêu nuốt.

Sau khi uống thuốc trong 3 ngày đầu người bệnh cảm thấy thuốc chạy lên mặt và ở mặt chạy xuống chân.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn mặn.

- Trường hợp phù thuộc thấp nhiệt, phụ nữ có thai không nên dùng.

10. THUỐC PHÙ HỒI VĨ

Đại hồi (tán dập thô)	1.800g
Ô long vĩ (chế)	1.800g
Trần bì (tán dập thô)	360g
Quế quan (tán dập thô)	120g
Đinh hương (tán dập thô)	120g
Diêm tiêu (tán mịn)	1000g
Hồ tiêu (tán mịn)	20g

Chủ trị:

Phù toàn thân thể hư hàn: Rốn lồi cao, bụng trướng, đại tiểu tiện rất ít, không ăn được, đau lưng, hoa mắt.

Cách dùng, liều lượng:

Bột Diêm tiêu, Hồ tiêu trộn lẫn đều để riêng.

Đại hồi, Trần bì, Quế, Đinh hương, Ô long vĩ cho vào 35 lít nước quấy đều, đậy kín sắc cách thuỷ sôi 2 giờ, lấy ra lọc qua vải bỏ bã lấy được khoảng 30 lít nước thuốc.

Cứ 1000ml nước thuốc sắc cho vào 25g bột hỗn hợp Diêm tiêu và Hồ tiêu (mùa hè bỏ bột Hồ tiêu) cho bệnh nhân uống vào lúc đói.

Người lớn mỗi ngày uống 500ml chia làm 3 lần.

Trẻ em: 10 - 12 tuổi mỗi ngày uống 300ml chia làm 3 lần.

15 tuổi trở lên mỗi ngày uống 400ml chia làm 3 lần.

Chú ý gia giảm:

Trường hợp phù thũng nhiều, không đi đại tiện được thì mỗi lần uống thuốc trên thêm 3g bột hỗn hợp Diêm tiêu, Hồ tiêu, uống cho đến khi đi đại tiện được thì thôi.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn mặn

- Trường hợp phù do thấp nhiệt, hoặc phù lâu ngày cơ thể suy yếu quá không nên dùng.

11. VIÊN Ô MÃ

Ô long vĩ (chế)	40g
Mẫu lệ (chế)	40g
Vỏ bưởi đào (khô)	80g
Mã nha tiêu	160g
Lưu hoàng	40g

Phèn chua phi	40g
Hoa chổi xuể	80g
Thảo quả	8g
Đại hồi	8g
Đinh hương	8g
Quế chi	8g
Hạt tiêu trắng	6g

Chủ trị:

Phù thũng toàn thân thể hư hàn có đàm tích, chân tay lạnh, ỉa phân nhão.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị phơi sấy khô tán bột mịn, luyện hồ làm viên bằng hạt đậu đen.

Trẻ em trên 10 tuổi mỗi lần uống 10 - 20 viên.

Người lớn mỗi lần uống 30 - 40 viên.

Ngày uống 2 lần. Uống khi bụng đói. Chiêu thuốc với nước sắc râu ngô hay dây Bìm bìm làm thang.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn mặn, sau khi khỏi bệnh vẫn phải kiêng mặn ngoài 100 ngày.

- Trường hợp phù do thấp nhiệt và phụ nữ có thai, trẻ em dưới 10 tuổi không dùng.

12. THANG VIÊM THẬN 1

Ngũ gia bì chân chim	50g
Lá cối xay	50g
Dây bìm bìm	50g
Cây Mía dò	25g

Chủ trị:

Viêm cầu thận mạn

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng hạ thổ cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Nếu có kèm các chứng: Đau mỏi xương khớp, đau thần kinh, bạch cầu tăng, ra mồ hôi trộm gia thêm:

Cỏ màn chầu	10g
Mộc thông	12g
Chỉ thiên	12g

- Nếu thiểu niệu kéo dài tăng lượng Mía dò lên 50g và gia thêm:

Củ Dứa dại	20g
Mộc thông	20g

- Nếu bệnh không chuyển biến gia thêm:

Quế chi	8g
Can khương	4g

13. THANG TPK 1

Da trâu nướng phồng	50g
Chè búp	10g
Gừng tươi	15g

Chủ trị:

Thận hư nhiễm mỡ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc uống.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Sau khi uống thuốc bệnh nhân đã giảm phù nề thay dùng thang TPK 3 sau:

THANG TPK 3

Tơ hồng xanh	20g
Ngũ gia bì	20g
Lá cối xay	20g
Ké đầu ngựa	20g
Sâm bố chính	20g
Củ Dứa dại	20g
Vẩy rồng (kim tiền thảo)	20g

Sắc uống mỗi ngày 1 thang để củng cố và bồi bổ nâng đỡ cơ thể.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn

14. THANG TPK 2

Bồ công anh	30g
Mộc thông	20g
Củ Dứa dại	30g

Ngũ gia bì (dây)	15g
Lá vẩy rồng	20g
Vòi voi	30g
Mộc hương	10g
Rễ cỏ tranh	20g
Tơ hồng xanh	20g
Kim ngân	20g

Chủ trị:

Thận hư nhiễm mỡ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Sau khi uống thang trên bệnh nhân đã giảm phù nề thay dùng thang TPK 3 ở trên:

Sắc uống mỗi ngày 1 thang để củng cố và bồi bổ nâng đỡ cơ thể.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn.

15. THANG PHÈN ĐEN

Rễ cây Phèn đen (sao vàng) 300g

Chủ trị:

Thận hư nhiễm mỡ

Cách dùng, liều lượng:

Cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc uống.

Ngày uống 1 thang.

Bã thuốc cho thêm nước nấu sôi uống thường xuyên thay nước chè.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn.

16. THANG TIÊU PHÙ 1

Phụ tử chế	8g
Cam thảo chích	8g
Quế tâm	15g
Ích mẫu	20g
Cây sả già	30g
Cấy cối xay	10g
Diêm tiêu chế	10g
Tỏi	4 củ
Rễ Dứa dại (sao vàng)	20g
Ô long vĩ	50g
Vỏ quýt	20g
Rễ cỏ tranh	20g
Phèn chua	20g

Chủ trị:

Thận hư nhiễm mỡ.

Cách dùng, liều lượng:

Diêm tiêu, phèn chua tán bột để riêng

Các vị khác sao vàng hạ thổ, cho vào 1200ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, cho bột Diêm tiêu, Phèn chua vào tiếp tục đun quấy tan. Để nguội chia uống 2 lần.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Khi uống Tiêu phù 1 đã hết phù, thì chuyển cho uống thang Tiêu phù 2.

TIÊU PHÙ 2

Lá Ngải cứu	10g
Mộc hương	10g
Thảo quả	20g
Dây tơ hồng	10g
Trạch tả	15g
Hoàng đằng	5g
Đảng sâm	20g
Sinh địa	15g
Hương phụ	10g
Rễ Nhài	15g

Sắc uống mỗi ngày 1 thang.

- Uống tiêu 2 mà phù tái phát (hoặc chưa hết phù) thì bỏ Sinh địa, Tơ hồng, Hương phụ.

Thay bằng:

Nhục Đậu khấu	15g
Thổ phục linh	15g
Tỳ giải	15g
Hà thủ ô	15g

- Nếu có tăng huyết áp gia thêm:

Vỏ cây đại	15g

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn.

17. TIÊU PHÙ VIÊM THẬN MẠN THANG

Lá cổ bình (Cổ bồng)	20g
Vỏ cây gáo (sao vàng)	15g
Củ sả	10g
Tháp bút (mộc tặc thảo)	10g
Vỏ bưởi đào	20g
Dây tơ hồng	15g
Vỏ quýt	12g
Râu ngô	15g
Vỏ gừng (sao vàng)	10g

Chủ trị:

Viêm thận mạn

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn.

18. THANG TIÊU PHÙ

Vỏ cây sảng chân chim	50g
Cối xay	50g
Dây bìm bìm	50g
Kim ngân	50g
Can khương	10g

Chủ trị:

Viêm cầu thận mạn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các gia vị cay, nóng, giấm, thịt chó, cá quả.

Kiêng ăn mặn.

19. KHIÊN NGƯU DIỆP THANG

Lá Bìm bìm	40g
Cây Thóc lép (cỏ cháy)	40g
Bông mã đề	40g
Sinh khương	5 lát

Chủ trị:

Phù chân, phù mặt, hoặc phù toàn thân mới phát, tiểu tiện bí không lợi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng hạ thổ, cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia làm 2 lần uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn và mỡ.

20. VÒI VOI VỌNG CÁCH THANG

Cây Vòi voi	80g
Lá Vọng cách	40g
Nhân trần	40g
Bông Mã đề	20g

Chủ trị:

Phù chân, phù mặt hoặc phù toàn thân mới phát, tiểu tiện bí không lợi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi khô sao vàng, cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml, chia làm 2 lần uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn.

21. KIM TIỀN THƯƠNG NHĨ THANG

Kim tiền thảo	16g
Ké đầu ngựa	16g
Cối xay	16g
Cỏ xước (rễ)	16g
Đinh lăng (rễ)	16g
Cỏ tranh (rễ)	16g

Mã đề	16g
Thổ phục linh	16g
Vỏ Bí ngô	16g
Mộc thông	10g

Chủ trị:

Sỏi đường tiết niệu: Đau bụng dưới, đau lan ra phía sau, có những cơn đau quặn kéo dài, đau kéo dài hàng tháng lúc tăng lúc giảm. Đi tiểu buốt, lúc thông lúc bí, thường phải đi nhiều lần, lượng nước tiểu ít, nước tiểu đỏ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Bệnh nhân hết đau nhưng đái còn buốt, nước tiểu vàng đỏ chuyển uống thang sau:

CHỈ HUYẾT THÔNG TIỂU BỔ THẬN

Cỏ mực (sao đen)	20g
Chi tử (sao đen)	20g
Ngân hoa	20g
Liên kiều	20g
Thương nhĩ	20g
Đinh lăng (rễ)	20g
Mã đề	20g
Cối xay	20g
Đỗ trọng	20g
Cẩu tích	20g
Cam thảo	10g
Đại táo	5 quả

Các vị sắc uống mỗi ngày 1 thang, đến khi các triệu chứng khỏi hết.

22. HUYẾT DỤ RAU MÁ MẢNH CỘNG THANG

Lá Huyết dụ (tươi)	20g
Cây mảnh cộng (Bìm bịp) tươi	20g
Rau má (tươi)	20g
Rau ngót (tươi)	20g
Lá Bưởi bung (tươi)	20g
Bồ công anh (tươi)	20g
Cỏ Mần chầu (tươi)	20g
Lá Bồ cu vẽ (tươi)	20g
Mã đề (tươi)	20g
Bạc thau (tươi)	20g
Búp Găng (tươi)	5g
Lá tầm sọng (tươi)	3 - 7 lá

Chủ trị:

Đái ra máu, đái buốt, đái dắt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch, giã nhỏ, thêm nước đun sôi để nguội (100ml), trộn đều, ép lọc bỏ bã lấy (150 - 200ml) nước uống 1 lần trong ngày.

Chú ý gia giảm:

Riêng đối với lá Tầm sọng:

Người tạng hàn dùng 7 lá.

Người tạng nhiệt dùng 3 lá.

23. DU LONG THÁI THANG

Du long thái (Rau dừa nước) khô 100 - 150g

Chủ trị:

Đái dưỡng chấp (chứng Cao lâm) do thận hư bàng quang thấp nhiệt: Đái đục như nước vo gạo, để giữ lại lắng đông như thạch, đau ngang thắt lưng, rêu lưỡi khô, đỏ, khát nước hoặc không khát, hơi thở bình thường có khi tức ngực, sắc da nhợt, thể trạng gầy yếu.

Cách dùng, liều lượng:

Cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn, kiêng mỡ, kiêng sữa.

24. DU LONG BIỂN SÚC THANG

Du long thái khô	100g
Biển súc (Rau đắng) khô	12g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Đái ra dưỡng chấp: Nước đái trắng như sữa, có khi vón cục trong như thạch, có khi hơi hồng, để

lâu lắng đông như thạch; còn chữa viêm bàng quang, đái buốt, đái rắt, đái ra máu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn mặn, ăn mỡ, ăn sữa.
- Không có thấp nhiệt không dùng.

25. MÃ ĐỀ BIỂN SÚC THANG

Cây Mã đề	30g
Biển súc (Rau đắng)	15g
Dây bòng bong (Hải kim sa)	30g

Chủ trị:

Sỏi trong hệ niệu đạo.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Không có thấp nhiệt không dùng.

26. THẠCH VI BIỂN SÚC THANG

Biển súc	15g
Thạch vi dây (dây Bòng bong)	10g
Bông Mã đề	10g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Chữa tiểu tiện khó khăn, nhỏ giọt (Nhiệt lâm), đái buốt, đái rắt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Không có thấp nhiệt không dùng.

27. THÀI LÀI ĐẬU ĐỎ PHỤC LINH THANG

Thài lài trắng (khô)	20g
Đậu đỏ nhỏ	15g
Phục linh	5g
Trạch tả	5g
Ý dĩ	10g

Chủ trị:

Phù thũng do tim, thận.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn.

28. BIỂN SÚC HOẠT THẠCH THANG

Biển súc (khô)	12g
Hoạt thạch	10g
Xa tiền thảo	8g
Mộc thông	5g

Chủ trị:

Viêm đường tiết niệu, viêm bàng quang, đái buốt, đái rắt, đái ra sỏi sạn.

Cách dùng, liều lượng:

Cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Không có thấp nhiệt không dùng.

29. MÃ ĐỀ BIỂN SÚC CỐI XAY THANG

Cây Mã đề (tươi)	30g
Lá và rễ Thài lái tía (tươi)	30g
Lá và cây Cối xay (tươi)	30g
Rau má (tươi)	30g
Lá Hàn the (tươi)	30g
Rễ Cỏ xước (tươi)	30g
Rễ Cỏ tranh (tươi)	30g

(Nếu dùng khô liều lượng giảm còn 1/3 = mỗi vị 10g).

Chủ trị:

Đái buốt do có sỏi (Thạch lâm): Vùng bọng đái căng tức, mót đi đái nhưng khi đi đái nước tiểu không ra được, thậm chí đau buốt ngọc hành, có khi đái ra máu hoặc ra sạn như cát (đây là do thấp nhiệt tích lại ở bóng đái gây nên).

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị sao qua hạ thổ, để nguội. Cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

30. HOÀI THẠCH TỲ GIẢI TRÍ NHÂN THANG

Hoài sơn	20g
Thạch xương bồ	12g
Tỳ giải	12g
Ích trí nhân	8g

Chủ trị:

Đái di trích: Người bị bệnh cứ buồn đi đái luôn, nước tiểu trong, mỗi lần đi đái chỉ được một ít như có gì vướng tắc, khi đi đái xong rồi lại ra vài giọt rây ra quần. (Đây là do vùng bóng đái bị hư hàn gây nên).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần (sáng, tối).

Ngày uống 1 thang.

31. MỘC KHƯƠNG MAO HƯƠNG THANG

Mộc hương	40g
Khương hoàng	40g
Củ sả	40g
Bấc lùng (Đăng tâm thảo)	4g
Diêm tiêu	12g

Chủ trị:

Phù thũng toàn thân, khát nước, tiểu tiện đỏ không lợi.

Cách dùng, liều lượng:

Diêm tiêu để ngoài.

Còn 4 vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chắt ra để nguội cho Diêm tiêu vào đun sôi quấy cho tan hết Diêm tiêu.

Người tạng hàn cho thêm vào một chén con rượu (30ml).

Người tạng nhiệt cho thêm vào một chén con nước tiểu trẻ em dưới 8 tuổi (30ml) quấy đều, chia uống làm 2 lần trong ngày. Uống lúc đói. Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn, cay, lạnh.

32. TRẦM HƯƠNG UẤT KIM TÁN

Trầm hương	50g
Uất kim	50g
Tế tân	50g
Kinh giới	50g

Chủ trị:

Chứng phù thũng toàn thân.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần mỗi lần 10g (sáng và chiều) khi đói bụng (sáng và chiều), chiêu thuốc với nước chè.

Kiêng kỵ

Kiêng ăn mặn.

33. ĐUÔI CHỒN NGẢY HƯƠNG THANG

Lá đuôi chồn	20g
Lá ngấy hương	20g
Củ sả	18g
Rễ cỏ xước	18g

Chủ trị:

Phù thũng toàn thân.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước sắc kỹ uống thay nước chè trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn.

34. LÀNH NGẠNH THANG

Lá Lành ngạnh khô	160g

Chủ trị:

Sưng phù toàn thân (Nhục thũng mạn tính).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần (sáng và chiều) khi đói bụng.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn.

35. NGẢY HƯƠNG DÂY VẰNG THANG

Ngấy hương cả lá	40g
Dây Vằng cả lá	40g
Lá Bưởi bung	80g
Hoa Mã đề	10g

Chủ trị:

Sưng phù toàn thân.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng, cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần (sáng và chiều) khi đói bụng.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn mặn.
- Phụ nữ có thai không dùng.

36. THÀI LÀI THƯƠNG NHĨ THANG

Thài lài (Rau trai)	40g
Thương nhĩ (ké đầu ngựa)	40g
Bồng mã đề	40g
Thiên niên kiện (sắn sục)	40g
Rễ cây Vòi voi	40g
Xác Ve sầu (xác ve ve)	12g
Bẹ ấp buồng cau (Bẹ cau)	40g

Chủ trị:

Bệnh cổ trướng (thấp thũng thực chứng).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị đều dùng tươi, rửa sạch, thái nhỏ cho vào 1000ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày (ngày uống 2 lần, đêm uống 1 lần).

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn.

37. RÂU NGÔ VỎ QUÝT THANG

Râu ngô	20g
Vỏ quýt	16g
Củ Riềng	20g
Củ sả	12g
Cỏ đĩ (Hy thiêm)	20g
Măng vòi (măng tre cành)	20g
Cám nếp (sao vàng)	20g
Đọt lúa ma (loại trắng)	12g

Chủ trị:

Phù trướng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị thái mỏng sao vàng cho vào 800ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày (ngày uống 2 lần, đêm uống 1 lần).

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn.

38. THÀI LÀI XÍCH TIỂU ĐẬU THANG

Thài lài trắng	15g
Xích tiểu đậu	50g

Chủ trị:

Phù thũng do tim.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn.

39. RAU TRAI CỎ XƯỚC MÃ ĐỀ THANG

Rau trai	30g
Cỏ xước	30g
Mã đề	30g

Chủ trị:

Viêm cầu thận cấp, phù thũng, đái ít.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn.

40. TỨ DIỆP THẢO THANG

Tứ diệp thảo tươi (cỏ bợ)	50g
Búp Dứa dại tươi	20g
Ngải cứu tươi	10g
Lá phèn đen tươi	10g

Chủ trị:

Sỏi thận, sỏi bàng quang.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch, giã nát, thêm nước sôi nguội, trộn đều vắt lấy 100ml nước thuốc, uống 1 lần vào sáng sớm.

Ngày uống 1 thang.

41. NGŨ BÌ GIA VỊ THANG

Đại phúc bì	20g
Phục linh bì	20g
Sinh khương bì	12g
Trần bì	12g
Tang bạch bì	12g
Xa tiền	12g
Trư linh	8g
Trạch tả	8g

Chủ trị:

Phù thũng, thuỷ thũng, thấp thũng đầu mặt, chân tay phù thũng, bụng đầy trướng, khó thở tiểu tiện ngắn ít ở người trẻ tuổi nguyên khí còn vượng (viêm thận cấp, mạn).

Cách dùng, liều lượng:

Đại phúc bì cạo bỏ vỏ ngoài tẩm mật sao vàng, hợp cùng các vị khác cho vào 800ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mỡ, tôm, cua, ốc, các thứ sống lạnh. Kiêng ăn mặn.

42. KIM QUỸ THẬN KHÍ THANG

Thục địa	20g
Hoài sơn	16g
Phục linh	16g
Trạch tả	16g
Đan bì	12g
Sơn thù	10g
Nhục quế	4g
Phụ tử (chế)	4g
Ngưu tất	16g
Xa tiền	12g

Chủ trị:

Phù thũng ở người già can thận suy nhược. Viêm thận mạn tính thể thận dương hư gây lưng mỏi chi dưới phù, tiểu tiện ít.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn.

Kiêng ăn mỡ, rượu, các chất tanh.

43. TIỀN THẢO MAO CĂN THANG

Kim tiền thảo	20g
Bạch mao căn	20g
Xa tiền	12g
Mộc thông	12g
Trạch tả	8g
Chi tử	8g

Ngưu tất	8g
Rễ si	8g

Chủ trị:

Sỏi đường tiết niệu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

44. ĐƯƠNG QUY KHÔ THẢO SINH BÁ SÀI HỒ THANG

Đương quy	20g
Hạ khô thảo	20g
Sinh địa	20g
Hoàng bá nam	20g
Sài hồ nam	20g
Mẫu lệ (nung)	20g
Vòi voi	20g
Tiền hồ	20g
Lá cối xay	20g
Đảng sâm	20g
Trâu cổ	20g
Thương truật	12g
Cam thảo	6g

Chủ trị:

Viêm tuyến tiền liệt, phì đại tuyến tiền liệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

45. LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG THANG GIA VỊ

Thục địa	12g
Hoài sơn	12g
Trạch tả	12g
Bạch linh	12g
Sơn thù	8g
Đan bì	8g
Thài lài tía	20g
Cỏ bợ	20g
Mộc thông	20g
Tỳ giải	20g
Kim tiền thảo	20g
Xa tiền tử	12g

Chủ trị:

Sỏi thận, sỏi bàng quang (làm mòn sỏi thải ra ngoài theo đường tiết niệu).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Trường hợp sỏi quá to phải uống lâu, có khi không đạt yêu cầu.

46. TIỀN THẢO TRẠCH TẢ MỘC THÔNG THANG

Kim tiền thảo	40g
Trạch tả	16g
Mộc thông	12g
Rễ sâm cau lá lớn	12g

Chủ trị:

Sỏi đường tiết niệu (làm mòn dần thải sỏi ra ngoài).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn cải củ, cá mè.

47. HOẮC HƯƠNG CHÍNH KHÍ THANG GIA GIẢM

Đại phúc bì	8g
Phục linh	8g
Bán hạ chế	8g
Trần bì	8g
Hậu phác	8g
Cát cánh	8g
Bạch chỉ	4g
Tử tô	4g

Hoắc hương	12g
Cam thảo	10g
Thương truật	8g
Hắc sửu	8g
Xa tiền	12g
Rễ tranh	12g
Mớp gai	12g
Ngũ gia bì	10g

Chủ trị:

Phù thũng (thể lý thực thuỷ tích do tỳ thổ hư):

Mí mắt sưng, khắp người phù thũng chân tay mặt mày đều sưng, tiểu ít, thần sắc xanh mét, hơi thở ngắn, người cảm giác nặng nề. Mạch trầm hoạt tiểu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Khi chứng phù thũng đã xẹp hết, mạch đi trầm hoãn đổi thuốc dùng sau:

SÂM LINH BẠCH TRUẬT TÁN

Đảng sâm	10g
Bạch truật (sao hoàng thổ)	10g
Hoài sơn	10g
Phục linh	10g
Biển đậu (sao)	8g
Cam thảo (chích)	10g
Liên nhục	6g
Ý dĩ (sao)	6g
Sa nhân	6g
Cát cánh	6g
Đại táo	2 quả

Sắc uống để bổ tỳ ích phế, để có thể ăn mặn mà không bị tái phát.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn trong lúc bệnh.

48. SÒI TÍA MỘC THÔNG THANG

Vỏ cây Sòi tía	20g
Rễ cây Ruột gà (mộc thông)	20g
Rễ cây Bưởi bung	20g
Rễ cây Cúc tần	40g

Chủ trị:

Tiểu tiện đau buốt, chỉ ra từng giọt, đái dắt, mót đi luôn mà không đi được nhiều. Sỏi bàng quang, sỏi thận.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

49. TỨ DIỆP THẢO THANG

Tứ diệp thảo tươi (Lá cỏ bợ)	200g
Muối ăn	5g
Đồng tiện (nước tiểu trẻ em)	100ml

Chủ trị:

Sỏi thận (Thạch lâm); tiểu tiện buốt, dắt.

Cách dùng, liều lượng:

Tứ diệp thảo tươi, rửa sạch, giã nhỏ, vắt lấy nước thêm nước tiểu trẻ em dưới 5 tuổi mới tiểu, muối ăn, quấy đều uống.

Ngày uống 1 thang.

50. THÔNG LÂM TRỪ THẤP NHIỆT THANG

Kim tiền thảo	10g
Mắc cỡ	6g
Cây Ké (Thương nhĩ)	6g
Cỏ Mần chầu	6g
Chi tử	6g
Mã đề	6g
Rễ tranh	8g
Cỏ mực	8g
Khổ qua	8g
Thuốc cứu (ngải cứu)	4g

Chủ trị:

Đi tiểu buốt ra máu (Huyết lâm) thể thực chứng (thấp nhiệt kết ở hạ tiêu): Eo lưng đau thắt, bụng dưới đau quặn từng cơn, tiểu không thông, nước tiểu đỏ, miệng đắng, mạch trầm sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Bệnh nhân hết tiểu đỏ, hết buốt, eo lưng còn đau, đại tiện táo, ăn chậm tiêu, dùng thang trên bỏ Dành dành, Mã đề.

Gia thêm:

Cây muồng trâu	8g
Củ nghệ	6g

51. SƠ PHONG THẤM THẤP LỢI TIỂU THANG

Quế chi	5g
Cây Ké (Thương nhĩ)	8g
Hoắc hương	6g
Cỏ xước	6g
Mã đề	10g
Bèo cái	10g
Râu ngô	8g
Rễ Tranh	8g
Dây Bạc sau (Bạc thau)	10g
Vỏ Bầu	10g
Rễ Dừa	8g
Vỏ Bưởi	10g

Chủ trị:

Phù thũng thể dương thuỷ sưng phù khắp mặt, tay chân, ngực bụng, da mỏng bóng láng, ấn vào cứng mau nổi lên, hơi thở mệt nhọc, tiểu ít màu vàng đỏ, đại tiện táo, rêu lưỡi trắng nhợt mạch phù sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Bệnh nhân đi tiểu nhiều, bụng xẹp chân hết sưng bỏ các vị: Bèo cái, Dây Bạc sau, Vỏ bầu.

Gia thêm:

Trái ré (ích trí nhân)	10g
Vỏ quýt	8g

52. TAM LONG TRỊ THUỶ

Ô long vĩ	400g
Mã tiên thảo	500g
Vỏ bưởi đào	600g
Khô phàn	200g
Bạch phàn	100g
Đại hồi	200g
Thảo quả	200g
Quế thanh	200g
Ích mẫu	300g
Bích ngọc đơn *	400g

* gồm có Diêm tiêu, Lưu huỳnh

Chủ trị:

Phù thũng do tỳ thận dương hư (viêm thận nhiễm mỡ).

Cách dùng, liều lượng:

Bích ngọc đơn luyện chế riêng.

Ích mẫu, mã tiên thảo nấu cao lỏng.

Các vị khác sấy khô, hợp cùng Bích ngọc đơn tán bột mịn luyện hồ, hoàn viên bằng hạt tiêu.

Trẻ em: Dưới 12 tuổi uống mỗi ngày 20g

13 - 16 tuổi uống mỗi ngày 30g.

Trên 16 tuổi uống mỗi ngày 40g.

Chia làm 2 - 3 lần uống trong ngày; uống liên tục cho đến hết phù.

Chú ý gia giảm:

Trong quá trình điều trị có kết hợp thang dược như sau:

- Nếu phù nửa người trở lên ngực, cổ, đầu, mặt dùng thêm:

Tô diệp	12g
Đình lịch tử	4g
Tang bạch bì	16g

Phù bình	16g
Xạ can	4g

Sắc uống.

- Nếu phù chi dưới nhiều hơn thì dùng thêm:

Phòng kỷ	12g
Ngũ gia bì	16g
Ngải diệp	20g
Bán hạ chế	8g
Ích mẫu	20g
Hà thủ ô trắng	20g

- Nếu phù tập trung ở bụng nhiều, cổ trướng thì dùng thêm:

Trần bì lâu năm	12g
Vỏ bưởi đào	16g
Nga truật	12g
Hương phụ	12g
Ích mẫu	16g
Ngải diệp	12g
Bẹ cau (Bẹ ấp buồng cau)	20g

Sắc uống.

- Nếu nhiệt hoả: Khát nước, môi khô, lưỡi khô, chảy máu cam, tiểu đỏ thì dùng thêm:

Lá dâu	12g
Hạn liên thảo	20g
Hà diệp	20g
Rễ cỏ tranh	20g

Sắc uống.

- Nếu thoát dương hoả: Môi thâm, lưỡi thâm, móng tay chân thâm, tứ chi quyết lạnh, chóp mũi lạnh hơi thở mát, mạch trầm trì, thần kinh mê mệt, ỉa chảy, huyết áp thấp thì dùng thêm:

Phụ tử	8g
Cam thảo chích	8g
Nhục quế	6g
Can khương	12g
Đảng sâm	20g

Sắc uống nóng 1-2 thang. Kết hợp châm cứu.

Nếu phế quản phế viêm: Sốt, ho, nhiều đờm, tức ngực, khó thở, mặt, mắt sưng húp, mạch phù sác thì dùng thêm:

Thạch cao	20g
Hoàng bá nam	10g
Củ sả già	10g
Gừng tươi	12g
Hạnh nhân	12g
Cam thảo	6g
Bèo cái	12g

Sắc uống 4 - 5 thang.

- Nếu viêm tắc tĩnh mạch hai bên đùi, cẳng chân, sau lưng, sưng nóng đỏ đau bằng bàn tay nổi trên mặt da, phát sốt, mạch tế sác, bạch cầu tăng thì dùng thêm:

Liên kiều	12g
Bồ công anh	16g
Ngân hoa	12g
Xích thược	12g
Ích mẫu	20g
Rễ cỏ tranh	16g

Sắc uống 6 - 8 thang.

- Nếu ngoại cảm phong hàn thấp: Phát sốt, sợ gió, đau cứng cổ gáy, mạch phù khẩn thì dùng thêm:

Kinh giới	12g
Bạch truật (sao)	12g
Can khương	8g
Bán hạ chế	8g
Tế tân	6g
Cam thảo chích	6g
Quế chi	4g
Ngũ vị tử	2g

Sắc uống 3 thang.

- Nếu ngoại cảm phong nhiệt: Phát sốt, sợ nóng, lưỡi đỏ rêu vàng, đau mình, nước tiểu đỏ, mạch phù sác thì dùng thêm:

Lá dâu	12g
Hạnh nhân	12g
Cúc hoa	12g
Liên kiều	12g
Cát cánh	12g
Lô căn (Rễ lau sậy)	12g
Bạc hà	6g
Cam thảo	4g

Sắc uống 3 thang.

- Nếu đau bụng cấp: Đau dữ dội vùng hố chậu, đại tiện táo kết, bụng mềm, mạch trầm nhược thì dùng thêm thuốc nhuận táo kết hợp với châm cứu.

- Nếu nôn oẹ ra thức ăn chưa tiêu thì dùng thêm:

Bột sa nhân

Ngày uống 2 lần mỗi lần 5g uống sau bữa ăn, uống 4 - 5 ngày.

- Nếu ỉa chảy hoặc hay bị di tinh (tỳ thận hư) thì dùng thêm:

Bạch truật	12g
Đảng sâm	12g
Thổ phục linh	12g
Cam thảo chích	6g
Hoài sơn sao	12g
Thần khúc	12g
Mộc hương nam	12g
Trần bì	12g
Hoàng liên nam	6g
Nhục Đậu khấu (ép bỏ dầu)	8g

Tất cả sấy khô tán mịn luyện hồ làm hoàn.

Mỗi ngày uống 20g, uống liên tục 10 ngày đến 1 tháng.

- Nếu màng phổi có nước (có thể có 1 bên hay cả 2 bên) thì dùng thêm:

Trần bì	12g
Bán hạ chế	10g
Thổ bối mẫu	16g
Tang bạch bì	20g
Xạ can	6g
Thạch xương bồ	6g
Hạ khô thảo	16g
Phục linh	16g
Đình lịch tử	4g

Sắc uống đến khi hết nước.

Nếu gan to thì dùng thêm:

Thanh bì	6g
Nhân trần	6g
Chi tử	8g
Sài hồ	12g
Uất kim	12g
Hương phụ	8g
Thổ phục linh	12g
Sài đất	12g

Sắc uống cho đến khi khỏi.

Điều trị protein niệu sau khi rút hết phù:

- Sau khi hết phù còn lại các chứng: Toàn thân mệt mỏi, bứt rứt, sắc lưỡi nhợt có vết răng, người hâm hấp sốt, mạch trầm tế, hoạt, sác thì dùng một trong hai bài sau:

BỔ TRUNG ÍCH KHÍ

Đảng sâm	12g
Hoàng kỳ	12g
Đương quy	8g
Bạch truật	8g
Thăng ma	6g
Sài hồ	6g
Trần bì	4g
Cam thảo	6g

Hoặc bài:

PHÒNG KỶ HOÀNG KỲ THANG

Phòng kỷ	12g
Hoàng kỳ	12g
Bạch truật	10g
Cam thảo	6g

- Sau khi hết phù còn lại các chứng: Sắc mặt trắng khô, tinh thần mệt mỏi, khí đoản, phụ nữ kinh nguyệt không thấy, lưỡi nhợt không có rêu, mạch trầm tế vô lực thì dùng thang: Đại bổ khí huyết.

ĐẠI BỔ KHÍ HUYẾT

(Thập toàn đại bổ)

Nhân sâm	4g
Thục địa	4g
Hoàng kỳ	4g
Bạch truật	4g
Đương quy	4g
Bạch thược	4g
Xuyên quy	4g
Bạch linh	4g
Cam thảo (chích)	2g
Nhục quế	4g

Sắc với 3 lát gừng tươi và 2 quả Đại táo uống trước bữa ăn.

- Sau khi hết phù còn lại các chứng: Bụng trướng, sợ lạnh, chân tay lạnh, đau lưng gối mỏi, thịt cứng - co cơ, mạch trầm tế nhược, vô lực thì dùng thang sau:

ÔN TỲ THẬN TÁN

Bột chuối tay chín	600g
Cẩu tích	200g
Ba kích	200g
Bột thịt cóc	300g
Củ Cói tròn	100g
Củ Sả già	50g

Tất cả các vị tán bột mịn, luyện mật ong làm hoàn.

Mỗi ngày uống 20g

- Sau khi hết phù còn lại chứng âm hư nội nhiệt (do quá trình điều trị dùng ôn dược nhiều) bàn tay, bàn chân nóng, họng khô ráo, mắt đỏ, thân gầy người nóng da khô, mạch tế sác hay cấp sác thì dùng:

THỤC HUYỀN KÊ THỦ MẠCH MÔN THANG

Huyền sâm	12g
Thục địa	16g
Kê huyết đằng	16g
Hà thủ ô	16g
Mạch môn	12g
Thiên môn	12g
Hoài sơn	12g
Thổ phục linh	12g
Tỳ giải	12g
Cam thảo chích	8g

Sắc uống 15 thang.

- Sau khi hết phù còn lại các chứng: Thân thể gầy, bàn tay bàn chân lạnh, môi thâm mặt xạm (mặt bủng da chì) rêu lưỡi nhợt bệu, không có vết răng thỉnh thoảng có đợt phù kín ở mắt cả chân và mi mắt, không đủ sức làm việc, mạch trầm tế vô lực (thường gặp ở những người mắc bệnh từ 10 - 15 năm trở lên) thì dùng bài Bát vị quế phụ gia giảm.

BÁT VỊ QUẾ PHỤ GIA GIẢM

Thục địa	40g
Hoài sơn	16g
Trạch tả	12g
Đan bì	12g
Phục linh	12g
Sơn thù	10g
Quan quế	4g
Ích mẫu	12g
Xa tiền tử	8g

Sắc uống 3 - 4 tháng.

Điều trị tăng huyết áp sau khi rút hết phù:

- Tăng huyết áp do can thận âm hư: Lưng mỏi, gối yếu, tâm phiền nhiệt, tự ra mồ hôi, váng đầu, ù tai, chất lưỡi đỏ không có rêu, mạch trầm tế hay huyền tế thì dùng bài:

TƯ DƯỠNG CAN THẬN

Thục địa	20g
Chi tử	12g
Hoài sơn	16g
Cao ban long	16g
Thổ phục linh	16g
Ngưu tất	12g
Vừng đen	12g
Thỏ ty tử	10g
Đỗ trọng	12g
Cỏ nhọ nồi	18g
Cam thảo	8g
Quả Dâu chín	12g

Các vị tán bột mịn luyện mật ong làm tễ. Ngày uống 20g.

- Tăng huyết áp do âm hư dương thịnh: Đầu váng, ù tai, phiền táo, dễ cáu giận, hai tay run rẩy, đầu nặng chân nhẹ, chất lưỡi đỏ, mạch huyền hay huyền tế thì dùng bài Dưỡng âm bình can.

DƯỠNG ÂM BÌNH CAN

Lá dâu	12g
Câu đằng	16g

Cúc hoa	10g
Bạch thược	12g
Trúc như	12g
Đỗ trọng	12g
Cải trời hoặc Hạ khô thảo	12g

Sắc uống 1 - 2 tháng.

Điều trị urê huyết trong khi dùng Tam long trị thuỷ:

Khi dùng Tam long trị thuỷ, urê huyết diễn biến phức tạp thi tuỳ theo triệu chứng lâm sàng mà xử phương như sau:

- Nếu hoả nhiệt nhập tâm bào mà sinh ra co giật, hôn mê, mạch tế sác thì dùng:

Tang diệp	12g
Câu đằng	12g
Sinh địa	16g
Mạch môn	16g
Huyền sâm	12g
Rau má	12g
Thạch xương bồ	8g
Cam thảo	8g

Sắc uống để thanh nhiệt sinh tân, trấn kinh, thông khiếu giải độc.

Uống 3 thang.

- Nếu dương vong hư thoát, tứ chi quyết lạnh, ra nhiều mồ hôi, ỉa chảy nôn mửa, huyết áp thấp, mạch trầm trì vô lực thì phải dùng:

Phụ tử	8g
Can khương	12g
Nhục quế	4g
Hoàng kỳ	16g
Bạch truật	12g
Sinh khương	3 lát

Sắc uống để hồi dương cứu nghịch.

Uống 1 - 3 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn tuyệt đối, kiêng mỡ, kiêng ăn các thứ sống lạnh khó tiêu. Nên ăn các thức ăn có chất đạm cao như thịt bò, thịt dê, thịt lợn nạc, cá, ếch, lươn, thịt gà luộc chấm bột quế, rau cải, trái cây...

53. CAM HÀN NHUẬN PHẾ THANH NHIỆT SINH TÂN THANG

Sâm bố chính	20g
Hồng sâm	12g
Hải sâm (Hải sa sâm)	20g
Sâm voi (?)	20g
Thiên môn	20g
Củ Đinh lăng	20g
Cát căn	20g

Chủ trị:

Đái tháo đường (tiêu khát) thể thượng tiêu (Phế tiêu): Khát hay uống, uống xong lại khát ít tân dịch, cổ họng khô, lưỡi đỏ, đái càng nhiều rêu lưỡi vàng khô, mạch sác (Trên lâm sàng chứng thượng tiêu là nhẹ).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị thái mỏng sao qua, cho vào 600ml nước, đem chưng cách thuỷ sôi lấy nước để uống dần trong ngày sẽ hết khát.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Kết hợp trong khi uống thuốc:

- Kết hợp ăn:

Phổi động vật (trâu, bò, dê, lợn có loại nào dùng loại nấy):	1.000g
Quả cốc chua	7 quả
Dứa tây (Khóm)	1 quả
Vôi tôi	30g

Vôi tôi hoà vào 100ml nước, lắng gạn lấy nước trong trộn với phổi đã thái nhỏ, để trong 1 giờ, sau đó rửa sạch nước vôi trộn lẫn với cốc và dứa (đã thái sẵn) cho vào 5 lít nước, sắc cạn lấy 1 lít chia ăn 3 lần (sáng sớm, trưa, chiều). 3 ngày sau lại làm cho ăn lần nữa.

- Kết hợp uống nước May sen.

MAY SEN

Cỏ may (cả gốc rễ)	100g
Gương sen	50g

Các vị sao vàng cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước chia uống 2 lần trong ngày.

Uống thuốc, kết hợp với ăn phổi động vật, uống nước May sen cho đến khi đi tiểu không còn kiến bu là hết đường.

54. TAM HIỆP BỔ PHẾ KHÍ HOÀN

Rễ dâu tằm	1000g
Sâm voi	500g
Tắc kè khô	5 con
Tơ hồng xanh	100g

Mật ong nguyên chất đủ dùng.

Chủ trị:

Đái tháo đường thể phế tiêu (Thượng tiêu). Khát hay uống, uống xong lại khát, ít tân dịch cổ họng khô, chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng khô, mạch sác (trên lâm sàng chứng thượng tiêu là nhẹ).

Cách dùng, liều lượng:

Tắc kè dúng vào nước nóng (60 - 70°C) cọ rửa sạch lớp phấn ngoài da (độc uống vào bị ho hen), chặt bỏ đầu từ 2 mắt trở lên và các bàn chân. Cắt ra từng khúc dài 2cm, để ráo tẩm mật ong sấy khô giòn.

Sâm voi thái mỏng tẩm nước gừng sao thơm.

Rễ Dâu thái nhỏ sấy khô.

Tơ hồng xanh cho nước (250ml) nấu kỹ ép lọc lấy nước nhớt hoà với mật ong luyện hoàn.

Ngày uống 6 - 8g, chia làm 2 lần.

Uống với nước sắc lá Vú sữa vàng úa mới rụng. (Lá vú sữa vàng úa mới rụng 15 lá, rửa sạch thái nhỏ sao thơm, cho vào 600ml nước, sắc uống thay nước chè). Uống liên tục cho tới khi xét nghiệm nước tiểu thấy hết đường thì thôi.

55. NGŨ ẨM HOÀN

Hoài sơn	1000g
Liên nhục	1000g
Sâm voi	500g
Củ Đinh lăng	500g
Hà thủ ô trắng chế	500g

Chủ trị:

Tiểu đường thể trung tiêu (Vị tiêu): Ăn nhiều chóng đói, thân thể ngày càng gầy, khát hay uống, hay đái vặt, đại tiện táo bón, chất lưỡi đỏ rêu lưỡi vàng, mạch hoạt sác (trên lâm sàng chứng trung tiêu là nặng).

Cách dùng, liều lượng:

Hà thủ ô trắng sao vàng hạ thổ.

Sâm voi cạo bỏ vỏ, thái mỏng tẩm muối sao vàng.

Củ Đinh lăng thái mỏng sao vàng.

Hạt sen tẩm rượu sao vàng.

Tất cả tán nhỏ mịn, luyện mật ong làm hoàn.

Ngày uống 6 - 8g chia làm 2 lần. Uống với nước sắc cây Cối xay (cây Cối xay 20g nước 200ml).

Chú ý:

Kết hợp trong khi uống thuốc:

- Kết hợp cho ăn:

Lá lách động vật (trâu, bò, lợn, dê... có gì dùng nấy) 500g

Cốc chua 7 quả (hoặc Khế chua 5 quả, hoặc Dứa 1 quả).

Tất cả rửa sạch thái nhỏ cho vào 5 lít nước, sắc lấy 1 lít. Chia ăn 3 lần trong ngày (sáng sớm, trưa, chiều tối).

Mỗi tuần ăn 3 lần.

- Kết hợp uống nước May sen:

Cỏ may (cả gốc rễ)	100g
Gương sen	50g

Các vị sao vàng cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Uống thuốc kết hợp với ăn lách động vật và uống nước May sen cho đến khi đi tiểu không còn kiến bu là hết đường.

56. BỔ THẬN CỐ TINH HOÀN

Chó mực đen tuyền 1 con	4 - 5 kg
Đậu đen	1000g
Ngải cứu	100g
Sâm voi	400g
Quả tơ hồng xanh	200g
Quả Trâu cổ	400g
Hà thủ ô trắng chế	200g
Hoài sơn	200g
Sừng nai	200g

Củ Đinh lăng	200g

Mật ong đủ dùng.

Chủ trị:

Tiểu đường thể hạ tiêu (Thận tiêu) thuộc thận âm hư. Hay đái vặt (đái nhiều hơn các thể thượng tiêu, hạ tiêu) khát uống nhiều, tâm phiền, lòng bàn tay bàn chân nóng, lưỡi đỏ sẫm không rêu, mạch tế sác. Hoặc tiểu đường thể hạ tiêu thuộc âm dương lưỡng hư: Cứ một lần uống lại một lần đi tiểu, chân tay không ấm, thân thể gầy yếu, tinh thần mỏi mệt, rêu lưỡi tróc hoặc khô nứt, mạch tế sác không có lực.

Cách dùng, liều lượng:

Chó làm lông thui vàng, mổ bỏ hết tạng phủ. Chặt ra từng miếng. Đậu đen sao tồn tính.

Thịt chó, Đậu đen và Ngải cứu cho vào túi vải buộc lại để vào nồi đổ vào 15 lít nước nấu cạn, dỡ túi thuốc ra lựa lấy đậu đen sấy khô.

Sừng nai cưa khúc 3cm, chẻ nhỏ cạo bỏ hết tuỷ và sừng xốp bên trong, rang cát chín giòn (bẻ thử thấy giòn là được).

Các vị khác sấy khô hợp cùng đậu đen, sừng nai tán bột mịn luyện mật ong cô thành châu làm tễ (2g) ngày uống 2 lần, mỗi lần 1 - 2 tễ.

Uống với nước sắc cây Râu mèo (50g/ngày).

Chú ý:

- Kết hợp trong khi uống thuốc:

- Kết hợp ăn các loại thực phẩm, hoa quả:

Quả cốc chua, me, dứa, lựu, lê, măng cầu, cà chua, bào ngư, cá mực, vây cá, bong bóng cá, lươn, rùa, ba ba, tôm, cua biển...

57. THANG CỐI XAY CƯỜM GẠO

Rễ bù ngót	20g
Rễ Tiêu lốt	20g
Rễ Bùm sụm (chùm sụm)	20g
Rễ cườm gạo (ý dĩ)	20g
Cối xay	20g

Chủ trị:

Tiểu đường thể thực.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao qua cho vào 800ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống liên tục theo dõi thấy tiểu hết đường thì thôi.

58. GIÀNG XAY CƯỜM GẠO THỐT NỐT THANG

Rễ Giàng xay	20g
Rễ Thốt nốt	20g
Rễ cườm gạo (ý dĩ)	20g
Rễ Bông trang trắng	20g
Rễ Bạch đồng nữ	20g
Rễ tre mỡ	20g
Rễ mắc cỡ	20g
Cam thảo nam	20g

Chủ trị:

Tiểu đường.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Mỗi ngày 1 thang, uống liên tiếp thấy tiểu hết đường thì chuyển uống thang sau:

THANG TRIỆT CĂN

Dứa (khóm) chín	1 quả
Phèn chua (một cục nhỏ)	20g

Trái dứa khoét bỏ lõi cho phèn chua vào rồi đốt một lúc lâu cho phèn tan hết, đem ra để nguội, gọt bỏ vỏ thật sạch, ép lấy nước dứa, lọc kỹ (qua vải gạc) rồi chưng (cô) lại tới khi sánh như sirô.

Ngày uống 3 lần mỗi lần 1 thìa cà phê (chỉ uống 1 trái dứa thôi).

59. KHỔ QUA SINH ĐỊA HOÀI SƠN THANG

Khổ qua	20g
Sinh địa	15g
Hoài sơn (sao thơm)	20g
Khiếm thực (sao thơm)	20g
Kỷ tử	10g

Chủ trị:

Tiểu đường.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

60. NGỌC TRÚC KHỔ QUA SINH ĐỊA THANG

Ngọc trúc	10g
Khổ qua	20g
Sinh địa	10g
Phá cố chỉ	12g
Thỏ ty tử	10g

Chủ trị:

Tiểu đường.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

61. QUA LÂU ĐIỀN THẢO TÁN

Qua lâu căn (Thiên hoa phấn)	100g
Tứ điền thảo (Cỏ bợ)	100g

Chủ trị:

Tiêu khát, tiểu đường.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy giòn, tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 10g.

62. HOÀI SƠN ĐIỀN THẢO THANG

Hoài sơn (sao vàng)	20g
Tứ điền thảo	20g
Nhàu quả	12g
Thỏ ty tử	10g

Chủ trị:

Tiểu đường, tiêu khát.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

63. QUA LÂU ĐIỀN THẢO THANG

Qua lâu căn	12g
Tứ điền thảo	20g
Khiếm thực sao thơm	20g
Sinh địa	15g
Quả dâu chín	15g

Chủ trị:

Tiêu khát, tiểu đường.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

64. TRƯ TỲ THANG

Trư tỳ (Lá lách lợn)	1 bộ
Tấm ngô (ngô xay)	40g

Chủ trị:

Tiểu đường thuộc phế vị âm hư: Khát nước, luôn cảm thấy đói, đi tiểu nhiều lần, phân khô, thân thể gầy, chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi ít, mạch yếu.

Cách dùng, liều lượng:

Lách lợn rửa sạch, thái nhỏ, cùng với tấm ngô cho vào nước nấu cháo ăn.

Ngày 1 thang, một liệu trình là 10 ngày.

Chú ý:

Kết hợp uống thêm thuốc trị tiểu đường khác.

65. CÁP ĐIỂU MỘC NHĨ THANG

Cáp điểu (chim bồ câu)	1 con
Mộc nhĩ (nấm tai mèo)	30g

Chủ trị:

Tiểu đường thuộc phế vị âm hư mà chủ yếu là khát, uống nhiều nước.

Cách dùng, liều lượng:

Chim bồ câu (dùng chim bồ câu trắng tốt hơn) làm sạch lông bỏ hết nội tạng, chặt nhỏ cho vào nồi đất, đổ nước đun sôi kỹ sau đó cho mộc nhĩ vào (loại mộc nhĩ trắng tốt hơn) tiếp tục đun sôi, thịt chim chín nhừ, mang ra ăn cả nước lẫn cái.

Ngày 1 thang.

Chú ý:

Có thể kết hợp uống thêm thuốc trị tiểu đường khác.

66. TRƯ TỲ SƠN DƯỢC THANG

Lách lợn (trư tỳ)	1 bộ
Hoài sơn (sao khô)	30g

Chủ trị:

Tiểu đường thuộc khí âm hư: Miệng khát uống nhiều nước đái nhiều, thân thể gầy còm, sức yếu đoản hơi,lưỡi mềm, rêu lưỡi ít, mạch nhỏ yếu.

Cách dùng, liều lượng:

Lách lợn luộc chín thái nhỏ, Hoài sơn tán bột mịn. Trộn lẫn Lách lợn với bột Hoài sơn ăn.

Chú ý:

Có thể kết hợp uống thêm thuốc trị tiểu đường khác.

67. CÁP ĐIỂU HOÀI SƠN NGỌC TRÚC THANG

Chim bồ câu trắng	1 con
Hoài sơn	30g
Ngọc trúc	20g

Chủ trị:

Tiểu đường thuộc thể khí âm hư.

Cách dùng, liều lượng:

Chim bồ câu làm sạch lông, bỏ hết nội tạng, cho vào nấu với Hoài sơn, Ngọc trúc. Thịt chín nhừ bỏ ra ăn thịt chim và uống nước.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Có thể uống thêm thuốc trị tiểu đường khác.

68. DƯỠNG ÂM ÍCH KHÍ TRỪ KHÁT THANG

Nhân sâm	6g
Hoàng kỳ	24g
Hoài sơn	30g
Huyền sâm	15g
Thiên hoa phấn (Qua lâu căn)	15g
Tri mẫu	12g

Chủ trị:

Tiểu đường thuộc thể khí âm hư: Chủ yếu là đi đái nhiều, uống nhiều, đoản hơi sức yếu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml chia uống 2 lần trong ngày, uống lúc thuốc còn nóng.

Ngày uống 1 thang.

69. HOÀNG TINH HOA PHẤN THANG

Hoàng tinh (chế)	20g
Thiên hoa phấn	15g
Hoài sơn	15g
Tri mẫu	12g
Mạch môn	12g

Chủ trị:

Tiểu đường thuộc thể khí âm hư.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày, uống lúc thuốc còn nóng.

Ngày uống 1 thang.

70. TRI MẪU HOA PHẤN THANG

Tri mẫu	12g
Thiên hoa phấn	12g
Hoài sơn	12g
Hoàng kỳ	9g
Cát căn	9g
Ngũ vị tử	6g

Chủ trị:

Tiểu đường thuộc thể khí âm hư.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày (uống nóng).

Ngày uống 1 thang.

71. RƯỢU HOÀNG TINH KỶ TỬ THỦ Ô

Hoàng tinh (chế)	50g
Kỷ tử	30g
Hà thủ ô đỏ chế	30g
Rượu trắng 45°	1.000ml

Chủ trị:

Tiểu đường thuộc thể can thận dương hư: Đi tiểu nhiều lần, lượng nước tiểu nhiều vẩn đục, di tinh, ù tai, hoa mắt, đau rát sau lưng, sức khoẻ giảm sút, nữ giới thì kinh nguyệt không đều; chất lưỡi đỏ, ít rêu, mạch yếu chậm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào rượu ngâm trong 7 ngày.

Mỗi ngày uống 2 - 3 lần, mỗi lần uống 30 - 40ml uống lúc đói.

72. LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG THANG GIA GIẢM

Thục địa	20g
Hoài sơn	15g
Sơn thù	9g
Đan bì	9g
Mạch môn	12g
Thiên môn	12g
Ngũ vị tử	10g

Chủ trị:

Tiểu đường thuộc chứng can thận dương hư.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

73. HỮU QUY ẨM GIA GIẢM

Thục địa	20g
Hoài sơn	15g
Đỗ trọng	9g
Kỷ tử	9g
Cao ban long	6g
Ích trí nhân	12g

Chủ trị:

Tiểu đường kéo dài thuộc chứng âm dương lưỡng hư: Đi tiểu nhiều lần, lượng nước tiểu nhiều, họng khô, lưỡi khô, chân tay lạnh, sợ lạnh, lưng đau rát, mệt mỏi, da mặt đen sạm, nam giới còn thấy liệt dương, xuất tinh sớm, tình dục giảm sút, nữ giới thì kinh nguyệt không đều, hoặc bế kinh.

Cách dùng, liều lượng:

Cao ban long để riêng.

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, cho cao Ban long vào hoà tan, chia uống 2 lần trong ngày. Uống lúc thuốc còn nóng.

Ngày uống 1 thang.

74. RÂU MÈO CỎ SỮA THANG

Cỏ sữa đỏ nhỏ lá	40g
Cây râu mèo	30g
Hoài sơn	20g
Vỏ sầu riêng	20g

Chủ trị:

Tiểu đường (tiêu khát) thuộc chứng lý âm hư, mạch trầm hoạt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống trong ngày.

Uống liên tục trong 3 tháng.

Chú ý gia vị:

Kết hợp mỗi ngày ăn 1 lá lách lợn (heo) với hình thức thái nhỏ lách nấu lấy nước uống, bã lách còn lại xào hoặc nấu canh ăn.

75. LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG THANG GIA VỊ

Sinh địa (hoặc thục địa)	32g
Hoài sơn	16g
Sơn thù	16g
Phục linh	12g
Trạch tả	12g
Đan bì	12g
Ngưu tất	12g
Xa tiền	12g

Rễ tranh	10g
Cỏ Nhọ nồi (sao đen)	10g
Kinh giới (sao đen)	10g
A giao	10g

Chủ trị:

Tiểu tiện ra máu (Huyết lâm) thể lý nhiệt: sốt, đau nhức đường tiết niệu, tiểu gắt, nước tiểu có máu, có lúc lẫn trắng đục như mủ, sức khoẻ suy sụp nhanh, mạch trầm huyền sác hữu lực.

Cách dùng, liều lượng:

A giao để riêng.

Còn các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, cho A giao vào đun quấy tan, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

76. LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG GIA VỊ THANG

Sinh địa (hoặc Thục địa)	32g
Hoài sơn	16g
Sơn thù	16g
Phục linh	12g
Trạch tả	12g
Đan bì	12g
Ngưu tất	12g
Xa tiền	12g
Ké đầu ngựa	10g
Cây râu mèo	10g
Hoạt thạch	8g
Xương bồ	8g

Chủ trị:

Viêm đường tiết niệu thể lý âm hư: Da mặt xanh, thần sắc, kém, đái buốt mỗi lần đi tiểu tê rần cả người và 10 đầu ngón tay, ngón chân cũng tê buốt, ngực nặng khó thở, ăn ngủ kém, nóng trong người, mạch trầm tế sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Bệnh nhân tiểu tiện hết buốt trở lại bình thường, hết tê rần cả người và hết buốt 10 đầu ngón chân, ngón tay nhưng sinh chứng nê trệ, bụng đầy, ăn uống kém thì chuyển dùng thang sau:

Hoắc hương chính khí gia vị

Đại phúc bì	4g
Bạch chỉ	4g
Tử tô	4g
Phục linh	4g
Bán hạ	8g
Trần bì	8g
Bạch truật	8g
Hậu phác	8g
Cát cánh	8g
Hoắc hương	12g
Cam thảo	10g
Xương bồ	8g
Ngưu tất	12g
Xa tiền	12g

Sắc ngày uống 1 thang.

77. LONG ĐỞM TẢ CAN THANG GIA VỊ

Long đởm thảo (sao rượu)	8g
Chi tử (sao rượu)	8g
Mộc thông	8g
Đương quy (rửa rượu)	6g
Sài hồ	8g
Hoàng cầm (sao)	8g
Trạch tả	12g
Xa tiền tử	8g
Sinh địa (sao rượu)	8g
Cam thảo	6g
Câu đằng	10g
Ngưu tất	8g
Thảo quyết minh	12g
Cúc hoa	8g

Chủ trị:

Viêm đường tiết niệu kèm tăng huyết áp: Đái rắt, đái rát mỗi khi mắc đái thì bụng dưới đau, khi đi đái thì đau gắt đường tiết niệu, ngày đi nhiều lần mà lượng nước tiểu không, đi vừa xong lại bị són vài giọt.

Thường váng đầu, hoa mắt, mặt thường đỏ ửng nóng rát bừng bừng. Mạch trầm huyền, sác, hữu lực (huyết áp tối đa từ 180 - 190mmHg).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày. Uống xa bữa ăn.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Khi bệnh nhân tiểu tiện, huyết áp trở lại bình thường 130/80mmHg mà mạch lại huyền hoãn thì chuyển cho uống thang sau:

Kỷ cúc địa hoàng thang

Kỷ tử	10g
Cúc hoa	8g
Thục địa	16g
Đan bì	6g
Phục linh	6g
Sơn thù	8g
Trạch tả	6g
Hoài sơn	8g

Sắc mỗi ngày uống 1 thang để bổ thận thuỷ thanh can mộc. Uống liên tiếp 10 thang cho lành hẳn bệnh.

78. SƠN THỤC THANG

Hoài sơn	16g
Đảng sâm	12g
Thục địa	9g
Ngũ vị tử	6g

Chủ trị:

Tiểu đường

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

79. SINH ĐỊA HOÀI SƠN THANG

Sinh địa	30g
Hoài sơn	30g
Hoàng kỳ	15g
Kỷ tử	15g
Lá lách lợn (tuỵ)	9g

Chủ trị:

Tiểu đường.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

80. NHỎ GỪA RÂU BẮP RAU TRAI THANG

Nhỏ gừa (tua Rễ đa)	6g
Râu bắp (râu ngô)	8g
Rau trai (Thài lài trắng)	8g
Cây Cối xay	8g
Củ Khúc khắc	6g
Rễ Tranh	8g
Cỏ Màn chầu	6g
Cam Thảo đất	4g
Hậu phác	8g
Lá Dâu	4g

Chủ trị:

Đái đục, đái dưỡng chấp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn, mỡ, sữa.

81. HOÀNG KỲ CAM THẢO TÁN

Hoàng kỳ	180g
Cam thảo	30g

Chủ trị:

Đái tháo đường phát sinh mụn nhọt ngoài da.

Cách dùng, liều lượng:

Hai vị sấy khô, tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 9g.

82. HOÀNG TINH HOÀNG KỲ THANG

Hoàng tinh	30g
Hoàng kỳ	30g

Chủ trị:

Đái tháo đường

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc uống.

Ngày uống 1 thang.

83. TRƯ LINH BIỂN SÚC TÁN

Trư linh	9g
Biển súc	6g
Mộc thông	6g
Hổ phách	1,5g

Chủ trị:

Bí đái, khát nước nhiều.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn.

Chia uống 2 lần, uống với nước ấm.

84. RAU ĐẮNG KIM ANH KHIẾM THỰC TÁN

Rau đắng (Biển súc)	30g
Kim anh	30g
Khiếm thực	30g

Chủ trị:

Đái dưỡng chấp.

Cách dùng, liều lượng:

Kim anh nạo bỏ hết hạt và lông trong ruột sấy khô. Rau đắng, Khiếm thực sấy khô, hợp cùng với Kim anh tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 6g với nước chín.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn, mỡ, sữa.

85. THIÊN HOA TRI MẪU THANG

Thiên hoa phấn	12g
Tri mẫu	12g
Hoài sơn	12g
Cát căn	9g
Hoàng kỳ	9g
Ngũ vị tử	6g

Chủ trị:

Đái tháo đường.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

86. ĐÔNG QUỲ KIM HOẠT THANG

Đông quỳ tử	15g
Kim tiền thảo	15g
Hoạt thạch	15g
Hải kim sa (Bòng bong)	15g
Biển súc	12g
Cù mạch	12g
Xa tiền tử	30g
Đại hoàng	5g

Chủ trị:

Kết sỏi trong hệ tiết niệu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

87. ĐÀO NHÂN XÍCH THƯỢC THANG

Đào nhân	12g
Xích thược	12g
Đan sâm	6g
Hồng hoa	6g

Chủ trị:

Viêm tiền liệt tuyến, tiểu tiện đau buốt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

88. SÀI ĐẤT BỒ CÔNG ANH THANG

Sài đất	30g
Bồ công anh	20g
Ké đầu ngựa	15g
Thổ phục linh	10g
Tỳ giải	10g
Cối xay	15g
Mã đề	15g

Chủ trị:

Viêm bàng quang cấp: Đột nhiên đái dắt, đái buốt, đái nhiều lần mỗi lần một tý, đái xong lại muốn đái ngay, có khi đái đỏ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

89. DÀNH DÀNH CAM THẢO CỎ TRANH THANG

Quả dành dành	10g
Cam thảo	4g
Rễ cỏ tranh	12g

Chủ trị:

Viêm bàng quang cấp, đái ra máu, buốt nóng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

90. HOÀI SƠN HOÀNG KỲ HOA PHẤN THANG

Hoài sơn	18g
Hoàng kỳ	9g
Thiên hoa phấn	9g
Cát căn	9g
Tri mẫu	9g
Kê nội kim	6g
Ngũ vị tử	5g

Chủ trị:

Đái tháo đường, sốt cao, khát, tân dịch khô kiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

91. MÀN CHẦU HOẠT THẠCH THANG

Cỏ Màn chầu (phơi âm can)	300g
Hoạt thạch (tán bột mịn)	15g
Sinh khương (thái nhỏ)	6g

Chủ trị:

Sỏi thận, sỏi mật, sỏi bàng quang, sỏi niệu đạo do thấp nhiệt phát sinh.

Cách dùng, liều lượng:

Bột hoạt thạch để riêng.

Cỏ Màn chầu thái nhỏ và gừng cho vào 1500ml nước, sắc lấy 500ml, chia uống 3 lần, mỗi lần uống hoà thêm vào 5g bột Hoạt thạch. Mỗi đợt uống 5 - 6 ngày. Mỗi tháng uống 2 - 3 đợt. Sỏi sẽ tiêu dần.

92. CỎ BỢ DỨA GAI THANG

Cỏ bợ tươi	60g
Nõn dứa gai tươi	40g
Ngải cứu tươi	30g
Lá Huyết dụ tươi	20g
Cỏ Hàn the tươi	20g

Chủ trị:

Sỏi đường tiết niệu, viêm bàng quang, viêm niệu đạo do thấp nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch giã nhỏ hoà vào 400ml nước sôi nguội, khuấy đều để lắng, lọc lấy nước đặc chia uống nhiều lần trong ngày. Uống liên tục 10 - 15 ngày nghỉ 1 - 2 tuần, lại uống tiếp đợt nữa.

93. MÀN CHẦU THỔ PHỤC THANG

Cỏ Màn chầu	60g
Thổ phục linh	40g
Trạch tả	20g
Bột hoạt thạch	15g

Chủ trị:

Sỏi đường tiết niệu. Đái dắt, đái ra máu do thấp nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Bột Hoạt thạch để riêng. Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 300ml. Chia uống 3 lần, mỗi lần uống hoà thêm vào nước thuốc 5g bột Hoạt thạch. Mỗi lần uống cách nhau 3 giờ.

Ngày uống 1 thang.

94. NGỌC TRÚC MẠCH MÔN THANG

Ngọc trúc	8g
Mạch môn	6g
Sa sâm (Bắc)	4g
Cam thảo	3g
Đại táo	8g (2 quả)

Chủ trị:

Tiểu đường, miệng khát, họng khô.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

95. BIỂN SÚC PHỤC LINH THANG

Biển súc	12g
Phục linh	12g
Xa tiền	12g
Bạch truật	12g
Trư linh	10g
Mộc thông	6g
Trạch tả	6g
Đăng tâm	4g
Xuyên quy	12g
Sa sâm	16g
Đại táo	16g

Chủ trị:

Lao lâm thuỷ thũng thể thấp nhiệt: Hâm hấp sốt, phù nhẹ mặt và 2 chân, da trắng bệch, đái ít vàng, đại tiện bình thường, ăn kém, đau đầu chóng mặt, đau ngang thắt lưng, chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi trắng dầy, bụng to sờ nắm mềm không thấy nổi u cục.

Mạch phải: Thốn huyền

Xích trầm, huyền, sác.

Mạch trái: Thốn huyền, sác.

Xích trầm, huyền, sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn.

CÁC BÀI THUỐC TRỊ BỆNH HỆ TIM MẠCH

1. LONG ĐỞM TẢ CAN THANG GIA GIẢM

Sài hồ	10g
Chi tử	10g
Long đởm thảo	10g
Sinh địa	15g
Xa tiền	5 - 8g
Trạch tả	10g
Mộc thông	16g
Hoàng liên	5 - 8g
Cam thảo chích	5g
Mạn kinh tử	8g
Cúc hoa	6g

Chủ trị:

Tăng huyết áp thuộc thể can hoả vượng (giai đoạn đầu của tăng huyết áp): Đau đầu dữ dội, mắt đỏ, mặt đỏ, họng khô, rêu lưỡi vàng, tiểu tiện đỏ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng các chất cay nóng: rượu, cà phê, ớt, tiêu...

2. NHỊ TRẦN THANG GIA VỊ

Bán hạ chế	12g
Phục linh	12g
Trần bì	10g
Cam thảo	8g
Huyền sâm	16g
Ngưu tất	12g
Chi tử	12g
Cúc hoa	10g

Chủ trị:

Rối loạn tiền đình thuộc thực thể đờm hoả thượng nghịch: Khi quay đầu thấy chóng mặt, nhà cửa đảo lộn, nôn, mặt đỏ bừng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần (sau hai bữa ăn).

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Rối loạn tiền đình kèm thêm tăng huyết áp thì tăng lượng

Ngưu tất lên	20g

gia thêm:

Câu đằng	16g

- Rối loạn tiền đình kèm thêm tăng huyết áp và đau đầu, mắt mờ thì:

Tăng lượng:

Ngưu tất lên	20g

gia thêm:

Câu đằng	16g
Mạn kinh tử	10g
Quyết minh tử	16g

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn: thịt gà, thịt chó, ớt tiêu, tỏi.

Kiêng uống: Rượu, bia...

3. HƯƠNG NHU HẬU PHÁC THẠCH CAO THANG

Hương nhu tía (é tía)	8g
Hậu phác	8g
Thạch cao	20g
Ngũ trảo	8g
Vỏ quýt	8g
Vỏ bưởi	8g
Rau mơ	12g
Đậu săng (Đậu cọc rào)	8g
Lá tre	8g
Cỏ mần chầu	8g

Chủ trị:

Tăng huyết áp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

4. BÌNH CAN HOẠT HUYẾT THANG

Hạ khô thảo	12g
Rau má	12g
Hoè hoa	20g
Mã đề	12g
Cúc hoa	12g
Thảo quyết minh (sao)	12g
Cam thảo nam	12g
Cỏ xước	12g
Ích mẫu	12g
Cối xay	12g

Chủ trị:

Tăng huyết áp thể thực nhiệt (can hoả vượng) thường gặp ở người trẻ, béo: Biểu hiện nhức đầu, hoa mắt, chóng mặt, dễ cáu gắt, miệng đắng họng khô, rêu lưỡi vàng mỏng, đại tiện táo bón, nước tiểu đỏ mạch huyền hoạt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống đến khi huyết áp ổn định.

Chú ý gia giảm:

- Nếu bệnh nhân mất ngủ gia thêm:

Lạc tiên	10g
Toan táo nhân (sao đen)	12g

- Nếu bệnh nhân chóng mặt nhiều gia thêm:

Khương hoàng	12g
Câu đằng	12g
Tang ký sinh	12g

5. BỔ CAN THẬN HOẠT HUYẾT AN THẦN LỢI NIỆU THANG

Thục địa	12g
Quy bản	12g
Cỏ nhọ nồi	12g
Hoè hoa	16g
Cúc hoa	16g
Ngưu tất	12g
Xuyên khung	12g
Ích mẫu	16g
Thảo quyết minh	16g
Mã đề	12g
Lạc tiên	12g
Tang ký sinh	12g

Chủ trị:

Tăng huyết áp thuộc thể can thận âm hư (can huyết hư và thận âm hư) thường gặp ở người cao tuổi (do xơ,cứng động mạch) và phụ nữ thời kỳ mãn kinh, biểu hiện các triệu chứng: Nhức đầu, hoa mắt, chóng mặt, ngủ kém, đầu lưỡi hơi đỏ, hay thấy bốc nóng, mạch huyền tế.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang, uống đến khi huyết áp ổn định.

Chú ý gia giảm:

Nếu bệnh nhân hoa mắt chóng mặt nhiều gia thêm:

Sài hồ	12g
Câu đằng	12g

6. CAO BẠCH HẠC

Cây Bạch hạc (kiến cò)	1000g
Nước	5000ml

Chủ trị: Tăng huyết áp.

Cách dùng, liều lượng:

Cây bạch hạc rửa sạch, băm nhỏ cho vào nấu với 5000ml, cạn gan ép lấy 1000ml.

Mỗi ngày uống 8 - 10ml.

Mỗi đợt uống từ 20 - 30 ngày.

7. CHÈ DỪA CẠN HOA ĐẠI LÁ DÂU

Lá dừa cạn khô (sao vàng)	100g
Hoa đại khô (thái nhỏ sao giòn)	300g
Lá dâu khô (thái nhỏ sao giòn)	400g

Cao lỏng cỏ màn chầu (tỷ lệ 10/1) đủ để tẩm ướt các dược liệu trên.

Chủ trị:

Tăng huyết áp.

Cách dùng, liều lượng:

Cỏ màn chầu nấu thành cao lỏng theo tỷ lệ: 10 kg dược liệu lấy 1 lít cao lỏng.

Các vị dược liệu khác sao chế xong vò vụn đem tẩm cao lỏng Cỏ màn chầu cho ướt đều rồi sao lại cho khô.

Mỗi lần dùng 16 - 24g hãm nước sôi uống trong ngày.

Uống liên tục đến khi huyết áp trở lại bình thường.

Chú ý:

- Cây hoa Dừa cạn có hai loại là Dừa cạn hoa hồng và Dừa cạn hoa trắng. Cả hai loại đều được dùng chữa tăng huyết áp và bệnh bạch cầu (Leucémie).

- Cây hoa Đại hay còn gọi là cây hoa Sứ cũng có hai loại: Hoa sứ trắng và Hoa sứ đỏ, hoa rất thơm đều được dùng làm thuốc chữa bệnh tăng huyết áp nhưng loại hoa trắng dùng tốt hơn, (không nên nhầm lẫn với cây Sứ Tây cũng có hoa màu đỏ, không thơm là cây được trồng làm cảnh).

8. CHÈ AN THẦN HẠ ÁP

Hoa đại (sao vàng)	10g
Hoa hoè (sao vàng)	6g
Hoa Cúc (sao vàng)	6g
Thảo quyết minh (sao đen)	10g

Chủ trị:

Huyết áp giao động, tăng nhẹ, nhức đầu, chóng mặt, mất ngủ.

Cách dùng, liều lượng:

Hoa Cúc, hoa Đại vò vụn trộn với hoa Hoè và thảo quyết minh, chia đôi hãm nước sôi uống 2 lần trong ngày.

9. LỤC VỊ GIA GIẢM THANG

Thục địa	16g
Hoài sơn	16g
Mẫu đơn bì	12g
Trạch tả	12g
Sơn thù	12g
Ngưu tất	12g
Hà thủ ô đỏ chế	12g
Mạch môn	12g
Trần bì	10g

Chủ trị:

Tăng huyết áp thể can thận âm hư: Nhức đầu, hoa mắt, chóng mặt, ù tai, hoảng hốt dễ sợ, kém ngủ, họng khô, đau mỏi lưng, chất lưỡi đỏ, mạch huyền tế sác (những triệu chứng này thường gặp ở người tăng huyết áp do sơ cứng động mạch).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Nếu bệnh nhân có kèm thêm chân tay lạnh, ăn uống chậm tiêu gia thêm:

Sa nhân	4g
Can khương	4g

10. SÀI HỒ THANH NHIỆT THANG GIA GIẢM

Sài hồ	16g
Hoàng cầm	12g
Sinh địa	16g
Địa cốt bì	10g
Cam thảo	4g
Đảng sâm	12g
Bán hạ chế	12g
Huyền sâm	12g
Chi tử	10g
Xuyên khung	12g
Táo nhân (sao đen)	10g

Chủ trị:

Tăng huyết áp thể can dương vượng: bệnh nhân thể trạng béo, có chứng hoa mắt chóng

mặt, nhức đầu, ù tai dễ cáu gắt, họng khô, ngủ kém, chất lưỡi hồng, rêu lưỡi trắng mỏng hơi vàng, mạch huyền.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất cay nóng.

11. TƯ ÂM BỔ THẬN THANH CAN GIÁNG HOẢ THANG

Dây gùi	8g
Hà thủ ô	8g
Đậu đen (sao)	10g
Hoài sơn	8g
Khiếm thực	8g
Đỗ trọng	8g
Ba kích	8g
Thảo quyết minh (sao)	8g
Xa tiền tử	8g
Lạc tiên	8g
Tơ hồng	8g
Tục đoạn	8g
Ngưu tất	8g
Cúc hoa	6g

Chủ trị:

Tăng huyết áp thể can thận âm hư: Ăn uống suy kém mất ngủ, thân hình tiều tuỵ, xây xẩm, đầu nặng, ù tai, hoa mắt, ngủ thì mộng mị tiết tinh, mạch thận trầm vi, tâm can huyền đại, phế phù sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Khi bệnh nhân hết choáng váng, ngủ yên, huyết áp giảm, thỉnh thoảng tinh còn tiết ra theo nước tiểu khi đi tiểu buổi sáng sớm thì gia thêm:

Ích trí nhân	5g
Liên nhục	8g
Tiểu hồi	4g

Sắc uống đến khi các chứng đều hết, huyết áp trở lại bình thường.

12. LONG ĐỞM TẢ CAN THANG GIA VỊ

Long đởm thảo (sao rượu)	8g
Chi tử (sao rượu)	8g
Mộc thông	8g
Đương quy (rửa rượu)	6g
Sài hồ	8g
Hoàng cầm (sao)	8g
Trạch tả	12g
Xa tiền tử	8g
Sinh địa (sao rượu)	8g
Cam thảo	6g
Câu đằng	10g
Ngưu tất	8g
Thảo quyết minh	12g
Cúc hoa	8g

Chủ trị:

Tăng huyết áp do viêm đường tiết niệu (thuộc thể can dương thịnh lý âm hư): Người thường nhức đầu, hoa mắt, mặt thường đỏ ửng nóng rát bừng bừng, đái gắt, đái rát, lúc đái thì bụng dưới đau và khi đi thì đau gắt đường tiết niệu, ngày đái nhiều lần mà lượng nước tiểu không nhiều, đái vừa xong lại bị són vài giọt.

Mạch trầm huyền, sác, hữu lực.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày, uống xa bữa ăn.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Khi bệnh nhân huyết áp, tiểu tiện trở lại bình thường (13/8 cmHg) mà mạch huyền hoãn thì chuyển cho uống:

Kỷ cúc địa hoàng thang

Kỷ tử	10g
Cúc hoa	8g
Thục địa	16g
Đan bì	6g
Phục linh	6g
Trạch tả	6g

Sơn thù	8g
Hoài sơn	8g

Sắc, mỗi ngày 1 thang để bổ thận thuỷ thanh can mộc. Uống luôn tiếp 10 thang cho lành hẳn bệnh.

13. BÁCH HỢP ĐỊA HOÀNG THANG

Bách hợp	18g
Địa hoàng	18g

Chủ trị:

Hư phiền, tim đập mạnh, hồi hộp, mất ngủ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

14. BẠCH TRUẬT HOÀNG KỲ THANG

Bạch truật	9g
Hoàng kỳ	9g
Phù tiểu mạch	15g

Chủ trị:

Chứng tim hồi hộp, lo âu, tự ra mồ hôi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

15. CAM THẢO ĐẢNG SÂM QUẾ CHI THANG

Cam thảo (chích)	12g
Đảng sâm	9g
Quế chi	9g
Sinh khương	9g
Hoả ma nhân (Gai dầu)	9g
Thục địa	12g
Mạch môn	9g
A giao	9g
Đại táo	4 quả

Chủ trị:

Khí huyết hư tim hồi hộp, nhịp đập không đều, tự ra mồ hôi.

Cách dùng, liều lượng:

A giao để riêng.

Các vị khác cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, cho A giao vào đun, quấy tan hết, chia uống 1 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

16. CÂU ĐẰNG ĐỊA LONG THANG

Câu đằng	12g
Giun đất khô	10g
Kim ngân hoa	10g
Cúc hoa	10g
Bạc hà	5g

Chủ trị:

Tăng huyết áp, đầu váng bứt dứt khó chịu do can dương bốc lên.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

17. ĐỊA CỐT BÌ THANG

Địa cốt bì	12g
Tang bạch bì	12g
Cúc hoa	12g
Cây Ké đầu ngựa	24g

Chủ trị:

Chứng tăng huyết áp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

18. TANG CHI UÝ TỬ THANG

Tang chi	15g
Tang diệp	15g
Sung úy tử (Hạt cây ích mẫu)	15g

Chủ trị:

Tăng huyết áp giai đoạn đầu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

19. ĐẠI KẾ TRẮC BÁ LÁ SEN THANG

Đại kế	12g
Lá trắc bá (sao cháy)	12g
Lá sen	12g
Tiểu kế	12g
Thiến thảo	12g
Rễ cỏ tranh	12g
Chi tử (sao cháy)	12g
Đan bì	12g
Đại hoàng	12g

Chủ trị:

Nôn ra máu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

20. ĐẠI TÁO LÁ SEN THANG

Đại táo	30g
Lá sen	100g

Chủ trị:

Chứng giảm tiểu cầu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

21. ĐAN SÂM TÁN

Đan sâm	100g

Chủ trị:

Dưỡng tâm, lưu thông huyết mạch, đi chứng chấn thương sọ não, cầm máu và tan máu ứ, tăng huyết áp, tăng lipid máu, co thắt động mạch vành.

Cách dùng, liều lượng:

Đan sâm sấy khô tán bột mịn.

Mỗi lần uống 6g, ngày uống 2 lần, uống với nước pha đường đỏ.

Có thể dùng dạng rượu Đan sâm như sau:

Đan sâm (tán dập)	1500g
Rượu trắng 45 - 50°	5.000ml

Ngâm trong 7 ngày, thỉnh thoảng quấy.

Mỗi lần uống 20 - 30ml.

Ngày uống 2 lần.

22. ĐAN SÂM THANG

Đan sâm	15g
Đương quy	9g
Nhũ hương	5g
Một dược	5g

Chủ trị:

Chứng đau vùng tim do ứ huyết khi trệ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

23. ĐẬU SỊ CHI TỬ THANG

Đạm đậu sị	10g
Chi tử	4g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Tim hồi hộp do nhiệt uất trong ngực.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

24. NHÂN ĐINH THỊ ĐẾ THANG

Nhân sâm	3g
Đinh hương	1,5g
Thị đế	3g
Trần bì	3g
Thanh bì	3g
Bán hạ	1,5g
Sinh khương	3g

Chủ trị:

Mắc bệnh nội thương lâu ngày thuộc thể hư hàn sinh nấc nghẹn, tức ngực, mạch đập chậm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Nếu nhiệt nhiều thì giảm đinh hương, tăng lượng thị đế.

- Nếu hàn nhiều thì giảm lượng thị đế, tăng lượng đinh hương.

25. KHÔ THẢO ĐỖ TRỌNG HOÀN

Hạ khô thảo	60g
Đỗ trọng	60g
Đơn bì	30g
Thục địa	30g

Chủ trị:

Tăng huyết áp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu đen.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 9g, uống với nước chín.

26. HÀ SINH BẠCH THƯỢC THANG

Hà thủ ô đỏ chế	9g
Sinh địa	9g
Bạch thược	9g
Cỏ nhọ nồi	9g
Hoài ngưu tất	9g
Huyền sâm	9g
Hy thiêm	9g
Tang ký sinh	9g

Chủ trị:

Tăng huyết áp: Váng đầu, hoa mắt, chân tay tê dại, thiếu máu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

27. THỦ Ô TANG KÝ SINH THANG

Hà thủ ô đỏ chế	16g
Tang ký sinh	12g

Chủ trị:

Tăng huyết áp do mạch máu xơ cứng ở người cao tuổi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

28. HOÈ HOA BẠCH THẢO SƯƠNG THANG

Hoè hoa (sao thơm)	9g
Bách thảo sương (nhọ nồi)	4g

Chủ trị:

Chảy máu cam và các bệnh chảy máu khác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn, uống với nước sắc rễ cỏ tranh.

Ngày uống 1 thang.

29. HOÈ HOA HY THIÊM THANG

Hoè hoa (sao thơm)	30g
Hy thiêm	30g

Chủ trị:

Tăng huyết áp, đề phòng đứt mạch máu não, xuất huyết cấp tính.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

30. HY THIÊM UÝ TỬ THANG

Hy thiêm	15g
Sung úy tử	15g
Hoè hoa	15g
Đan sâm	15g
Cúc hoa	12g

Chủ trị:

Tăng huyết áp, đề phòng đứt mạch máu não, co thắt mạch vành, di chứng chấn thương sọ não.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

31. TRẮC BÁ NHỌ NỒI THANG

Lá trắc bách diệp (tươi)	40g
Cỏ nhọ nồi (tươi)	40g
Lá mần tưới (tươi)	20g

Chủ trị:

Đổ máu cam.

Cách dùng, liều lượng:

Ba thứ lá rửa sạch, giã nát, cho vào bát tô, đổ nước sôi vào (khoảng 150ml) đậy kín hãm 10 phút, vắt lấy nước uống.

Ngày làm uống 2 lần. Uống luôn 3 ngày.

32. LẠC TIÊN THỔ PHỤC MÀN CHẦU THANG

Lạc tiên sao vàng	100g
Thổ phục linh	40g
Cỏ màn chầu (sao thơm)	60g
Ngưu tất (sao vàng)	60g
Thuỷ hoặc thạch xương bồ	12g
Bông mã đề	20g
Ích mẫu (sao thơm)	20g

Chủ trị:

Thấp tim, suy tim nặng còn bù trừ, tổn thương van tim thực thể, người đã bị mổ tim sau lại tái phát.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị cho vào 1500ml nước, sắc lấy 500ml chia uống 3 - 4 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Người tạng hàn gia thêm:

Quế chi	12g
Gừng tươi	6g

33. NGỌC TRÚC ĐAN SÂM THANG

Ngọc trúc	8g
Đan sâm	4g
Đảng sâm	8g
Đương quy	4g
Tang ký sinh	8g

Chủ trị:

Thiểu nang tuần hoàn não (hoạt huyết lưu thông máu).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

34. TỨ NGHỊCH THANG

Phụ tử chế	20g
Can khương	12g
Cam thảo	16g

Hoặc:

Sinh phụ tử	8 - 10g
Can khương	6 - 9g
Cam thảo	6g

Chủ trị:

Vong dương - hồi dương cứu nghịch.

- Ỉa chảy mất nước gây truỵ tim mạch.

- Ra mồ hôi, mất máu nhiều gây choáng, truỵ tim mạch.

- Nôn mửa, ỉa chảy đau bụng, bên trong người lạnh giá, mạch mất hoặc mạch trầm vi hình như không còn.

Cách dùng, liều lượng:

Cho phụ tử vào 600ml sắc trước 1 giờ, sau đó cho can khương, cam thảo vào sắc tiếp lấy 100ml nước thuốc, uống lúc thuốc còn ấm.

Nếu uống thuốc lúc còn ấm mà nôn thì chuyển sang cho uống thuốc lúc đã nguội lạnh.

Chú ý gia giảm:

- Nếu sau khi uống Tứ nghịch thang, hết ỉa lỏng song các chứng chân tay lạnh giá, nằm co, mạch vi vẫn còn (là do âm huyết bị tổn thương) thì gia thêm

Nhân sâm 4 - 8g.

Sắc riêng hoà với nước thuốc sắc Tứ nghịch thang uống gọi là: *Nhân sâm tứ nghịch thang.*

- Nếu ỉa lỏng mà mạch vi là do âm hàn thịnh ở hạ tiêu thì bỏ cam thảo gia thêm:

Thông bạch (hành tươi) 4 nhánh

để thông dương phá âm, hồi dương thông mạch gọi là: *Bạch thông thang.*

Nếu ỉa lỏng không cầm được mà lại có quyết nghịch, nôn khan, vô mạch thì dùng Bạch thông thang gia thêm:

Mật lợn 20ml

Đồng tiện (nước tiểu trẻ em) 50ml

để tư âm hoà dương gọi là: *Bạch thông gia trư đởm thang:*

- Nếu dương khí thoát: Quyết lạnh, khí đoản, đầu váng vã mồ hôi trán, choáng, mạch vi thì bỏ can khương, chích thảo gia thêm

Nhân sâm 9g

để hồi dương cố thoát gọi là: *Sâm phụ thang.*

35. TAM LIÊN THANG

Liên tâm (tâm sen)	5g
Liên hoa (Nụ hoa sen chưa nở)	5g
Liên tu (tua nhị sen)	5g

Chủ trị:

Tâm phiền (tức ngực, đau nhói ở tim khó chịu), nôn ra máu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào hãm với 400ml nước sôi, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Không dùng tua nhị sen đã mất hạt gạo trắng (túi phấn hoa).

36. SINH ĐỊA TRẮC BÁ THANG

Sinh địa	24g
Lá trắc bách (tươi)	9g
Lá ngải cứu (tươi)	6g
Lá sen (tươi)	6g

Chủ trị:

Chứng huyết nhiệt, thổ huyết, chảy máu cam.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

37. SƠN THÙ NHÂN SÂM THANG

Sơn thù	30g
Nhân sâm	6g

Chủ trị:

Giảm tiểu cầu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Người huyết nhiệt không dùng.

38. NHÂN SÂM TAM THẤT LINH CHI TÁN

Nhân sâm	12g
Tam thất	12g
Linh chi	10g

Chủ trị:

Tăng huyết áp, tăng cholesterol máu, viêm động mạch vành, nhiễm mỡ xơ mạch, tim đau thắt, bổ tim.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn.

Ngày uống 3 lần, mỗi lần 2g

Hãm với nước sôi có thêm vài lát gừng tươi.

39. ĐAN SÂM UỶ TỬ THANG

Đan sâm	15g
Sung uý tử	15g
Cúc hoa	12g

Chủ trị:

Tăng huyết áp, co thắt động mạch vành, tăng lipid máu, di chứng chấn thương sọ não.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

40. LẠC TIÊN THANG

Lạc tiên	25g
Lá Vông	20g
Lá Dâu	16g
Liên tâm	12g

Chủ trị:

Tim hồi hộp, bồn chồn, mất ngủ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống trước khi đi ngủ.

Ngày uống 1 thang.

41. TAM THẤT HUYẾT DƯ TÁN

Tam thất	6g
Huyết dư thán	6g

Chủ trị:

Chảy máu cam, nôn ra máu, đái ra máu, ỉa ra máu.

Cách dùng, liều lượng:

Tam thất tán bột mịn.

Huyết dư thán: Tóc người (thu ở các tiệm cắt tóc) đem về tẩy sạch chất nhờn bằng dung dịch loãng Na_2CO_3, sau đó rửa sạch Na_2CO_3 bằng nước thường, phơi khô, bọc đất sét nhão vùi vào giữa chấu hay mạt cưa dầy 10cm đốt khi chấu hay mạt cưa cháy hết lấy ra để nguội, đập vỡ bọc đất sét, cạo lấy than tóc, đen bóng, sốp nhẹ, dễ vỡ vụn có mùi đặc biệt của tóc đốt, tán mịn trộn với bột tam thất, cho vào 50ml nước chín quấy đều uống.

42. TAM THẤT BẠCH CHỈ TÁN

Tam thất	30g
Bạch chỉ	30g

Chủ trị:

Xuất huyết nội tạng.

Cách dùng, liều lượng:

Hai vị tán bột mịn.

Ngày uống 3 lần, mỗi lần 3g.

Uống với nước ấm.

43. TAM THẤT THIÊN THẢO NGÓ SEN THANG

Tam thất	9g
Thiến thảo	9g
Ngó sen	30g
Sinh địa	9g
Kỷ tử	15g
Bạch mao căn	30g
Hạt sen	30g
Thạch cao	3g

Chủ trị:

Các vết tím bầm do giảm tiểu cầu trong máu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

44. NHÂN SÂM TAM THẤT TÁN.

Nhân sâm	12g
Tam thất	12g

Chủ trị:

Cơn đau thắt tim, viêm động mạch vành.

Cách dùng, liều lượng:

Hai vị tán bột mịn.

Ngày uống 3 lần, mỗi lần 2g.

Hãm nước sôi, thêm vài lát gừng quấy đều, uống.

45. A GIAO THIẾN THẢO THANG

A giao	10g
Thiến thảo	10g
Trắc bách diệp	5g
Sinh địa	15g
Hoàng cầm	5g
Cam thảo	3g

Chủ trị:

Chảy máu cam, đại tiểu tiện ra máu do huyết nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

A giao để riêng.

Các vị khác cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, cho A giao vào đun tiếp, quấy tan hết, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

46. Ô TẶC CỐT TÁN

Ô tặc cốt	100g

Chủ trị:

Nôn ra máu.

Cách dùng, liều lượng:

Ô tắc cốt tách bỏ màng cứng, nướng, tán bột mịn, ngày uống 4-5 lần, mỗi lần 1g với nước sắc Bạch cập (Bạch cập 10 -20g - nước 300ml) hoặc nước cơm.

47. KÝ SINH KHÔ THẢO THANG

Tầm gửi (ký sinh)	30g
Hạ khô thảo	15g
Bạch thược	9g
Hoàng cầm	6g

Chủ trị:

Tăng huyết áp.

Cách dùng, liều lượng;

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

48. THÀI LÀI XÍCH TIỂU ĐẬU THANG

Thài lài trắng	20g
Xích tiểu đậu (đậu đỏ nhỏ)	15g
Ý dĩ	10g
Trạch tả	5g
Phục linh	5g

Chủ trị:

Phù thũng do suy tim, thận.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

49. TRÚC NHỰ THANG

Trúc nhự (tươi)	8g
Sinh địa	8g
Hoàng cầm	4g
Thược dược	4g
Mạch môn	4g

Chủ trị:

Chảy máu cam, nôn ra máu do huyết nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

50. CỒN TỎI

Tỏi (Đại toán)	10g
Cồn 60° vừa đủ	50g

Chủ trị:

Tăng huyết áp.

Cách dùng, liều lượng:

Tỏi giã dập, ngâm vào cồn 60°.

Sau 24 giờ lấy dùng.

Mỗi lần uống 8 giọt - 10 giọt, ngày uống 3 - 4 lần, với nước chín.

51. CÂU ĐẰNG THANG

Câu đằng	10g
Xuyên khung	5g
Cam thảo	2g
Quế chi	3g

Chủ trị:

Tăng huyết áp, đau đầu, chóng mặt, hoa mắt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

52. MỘC THÔNG NGƯU TẤT HỒNG HOA SINH ĐỊA THANG

Mộc thông	10g
Ngưu tất	10g
Hồng hoa	6g
Sinh địa	12g

Chủ trị:

Mạch máu tắc nghẽn, đau co rút khắp người.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

53. SINH ĐỊA TRẮC BÁ THANG

Sinh địa	18g
Trắc bách diệp tươi	9g
Ngải cứu tươi	9g
Bạc hà tươi	9g

Chủ trị:

Chảy máu cam do nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

54. THUỶ NGƯU GIÁC THANG

Thuỷ ngưu giác (sừng trâu)	20g
Sinh địa	20g
Thược dược	16g
Đơn bì	10g

Chủ trị:

Chảy máu cam, nôn ra máu.

Cách dùng, liều lượng:

Sừng trâu thái mỏng cho vào 800ml sắc trước 2 - 3 giờ (cạn cho thêm nước) sau đó cho các vị thuốc khác vào sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

55. QUYẾT MINH SINH ĐỊA CÚC HOA THANG

Bột thạch quyết minh chế	10g
Sinh địa	10g
Cúc hoa	8g
Ngưu tất	10g
Bột mẫu lệ chế (tẩm giấm)	6g
Kỷ tử	10g
Bạch thược	10g

Chủ trị:

Tăng huyết áp do can dương vượng: Váng đầu, hoa mắt, không ngủ được.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

56. TRÂN CHÂU TÁO NHÂN VIỄN CHÍ THANG

Trân châu mẫu (vỏ con trai ngọc)	15g
Viễn chí	3g

Táo nhân (sao)	9g
Cam thảo chích	5g

Chủ trị:

Tim hồi hộp, mất ngủ.

Cách dùng, liều lượng:

Trân châu mẫu tán dập, hợp cùng các vị khác cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

57. PHỤC LINH CỎ XƯỚC THANG

Thổ phục linh	40g
Cỏ xước (sao thơm)	60g
Tạo giác thích (bỏ mũi nhọn)	20g
Đỗ đen	20g
Gừng tươi	4g

Chủ trị:

Thoát thư (viêm tắc động mạch); ngón chân đột nhiên bị sưng tím đau nhức dữ dội như lên đinh, kéo dài từ nhẹ đến nặng, sau vỡ mủ hoại tử rụng dần từng đốt (khớp đốt).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc (đun bằng củi dâu hay củi duối thì tốt) Chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Nếu bệnh nhân táo bón gia thêm:

Đại hoàng (tẩm rượu sao)	8g

58. THẬP BÁT ĐỊNH THỐNG THANG

Kim ngân hoa	15g
Ngưu tất	12g
Lá bèo cái (phù bình)	15g
Cam thảo	8g
Cây cải trời (Hạ khô thảo nam)	12g
Thổ phục linh	15g
Tang ký sinh	12g
Huyền sâm	12g
Thạch hộc hoặc gai bò kết	12g
Cốt toái bổ	12g
Phòng kỷ nam hoặc tỳ giải	10g
Đương quy	12g
Độc hoạt hoặc thiên niên kiện	12g

Chủ trị:

Viêm tắc động mạch chi.

Cách dùng, liều lượng;

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp với xoa Cao Chỉ thống (*) lên vùng phù nề (sưng) tím tái và Cao hoại tử (**) đắp vào nơi hoại tử hằng ngày.

(*) CAO CHỈ THỐNG

Đương quy	25g
Độc hoạt	20g
Rễ lá lốt	25g
Đại hoàng	20g
Ngưu tất	20g
Nhũ hương	25g
Miết giáp (mai ba ba)	25g
Thiên niên kiện	20g
Ma hoàng	15g
Ngô công	10g
Than tóc rối	15g
Long nhãn	6g
Một dược	25g
Nghệ tươi	100g
Nhựa thông (Tùng hương)	25g
Hồng đơn	12g
Sáp ong	200g
Dầu lạc	1000ml

Các vị thuốc nghệ, hồng đơn, nhựa thông, sáp ong để riêng. Còn các vị khác sấy khô giòn tán bột mịn.

Cho nghệ tươi thái lát mỏng vào dầu lạc, đun đến khi miếng nghệ teo nhỏ lại, vớt bỏ bã nghệ. Cho bột thuốc và tùng hương vào đun trong 1 giờ, lọc bỏ bã thuốc cho tiếp hồng đơn sáp ong vào quấy đều, để nguội dùng thoa lên nơi phù nề tím tái đau nhức.

(**) CAO HOẠI TỬ

Hồng đơn	20g
Hùng hoàng	5g
Dầu lòng đỏ trứng gà	25g

Trộn đều ba vị trên để được một thứ cao sền sệt. Rửa sạch chỗ dò hoặc hoại tử, chấm khô rồi bôi cao hoại tử lên.

59. HOA ĐẠI THANG

Hoa đại khô	120g

Chủ trị:

Viêm tắc động mạch chi

Cách dùng, liều lượng:

Hoa đại khô cho vào 1.200ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống liên tục trong 2 tháng, nếu bệnh nặng uống kéo dài 4-5 tháng.

60. CÂU ĐẰNG THANG

Câu đằng	15g
Mẫu lệ chế	20g
Rễ cỏ xước	20g
Liên nhục	12g
Liên tu	10g
Cúc hoa	10g
Tang ký sinh	12g

Chủ trị:

Vữa xơ động mạch do có mỡ (lipid) trong máu cao.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang

61. HƯƠNG SA THANG

Mộc hương	5g
Sa nhân	5g
Đảng sâm	12g
Bạch biển đậu	12g
Ý dĩ	12g
Trần bì	10g
Bán hạ chế	8g
Cam thảo	6g

Chủ trị:

Xơ vữa động mạch do có mỡ trong máu cao.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

62. HƯƠNG SA CÂU ĐẰNG HOÀN

Mộc hương	5g
Sa nhân	5g
Đảng sâm	12g
Bạch biển đậu	12g
Ý dĩ	12g
Trần bì	10g
Bán hạ chế	8g
Cam thảo	6g
Câu đằng	15g
Mẫu lệ chế	20g
Ngưu tất	20g
Liên nhục	12g
Tang ký sinh	12g
Liên tu	10g
Cúc hoa	10g

Chủ trị:

Vữa xơ động mạch do có mỡ trong máu cao.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị đem sấy khô, tán bột mịn, trộn đều luyện mật làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Ngày uống 12 - 15g chia làm 2 lần.

Uống với nước chín.

63. BẤT TRÂN GIA GIẢM THANG

Sa sâm	12g
Bạch truật	12g
Thục địa	16g

Bạch thược	12g
Xuyên quy	12g
Mạch môn	12g
Ngưu tất	12g
Đỗ trọng	12g
Ngũ vị	4g
Hắc phụ tử	4g

Chủ trị:

Tăng huyết áp có biểu hiện các triệu chứng: đau đầu, chân tay lạnh, miệng khô, hay bốc hoả, ngủ ít hoặc mất ngủ, ăn kém, đau lưng, đại tiểu tiện bình thường.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang hoặc 2 ngày uống 1 thang.

64. HY THIÊM CHI TỬ THANG

Hy thiêm	20g
Chi tử	8g
Long đởm thảo	8g
Thảo quyết minh	16g
Ngưu tất	12g
Hoàng cầm	12g
Mộc thông	16g

Chủ trị:

Tăng huyết áp có biểu hiện các chứng. Đau đầu chóng mặt, mất ngủ hoặc ít ngủ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

65. TRẮC BÁCH NGẢI DIỆP CAN KHƯƠNG THANG

Trắc bách diệp (sao đen)	15g
Ngải diệp (sao đen)	15g
Can khương (sao đen)	6g

Chủ trị:

Các chứng chảy máu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

66. HY THIÊM THỔ PHỤC HUYẾT ĐẰNG THANG

Hy thiêm	20g
Thổ phục linh	20g
Kê huyết đằng	15g
Thương nhĩ tử	15g
Thương nhĩ tử	20g
Kim ngân hoa	20g
Ý dĩ	12g
Cam thảo	12g

Chủ trị:

Thấp tim, viêm cơ tim, viêm nội tâm mạc.

Cách dùng, liều lượng:

Thương nhĩ tử sao cháy lông, các vị khác sao vàng.

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

67. NHÂN TRẦN HOÈ HOA CAM THẢO THANG

Nhân trần	20g
Hoè hoa	15g
Cam thảo	8g
Tâm sen	12g
La bạc tử	12g

Chủ trị:

Tăng huyết áp, đau đầu mất ngủ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng, cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

68. LINH CHI THANG

Linh chi	12g
Củ đinh lăng	20g

Sinh địa	12g
Ngọc trúc	12g
Trần bì	8g

Chủ trị:

Đau thắt động mạch vành.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

69. HỒI DƯƠNG THANG

Đại hồi	4g
Nhục quế	4g
Can khương	4g
Cam thảo	8g

Chủ trị:

Tụt huyết áp, huyết áp thấp người mệt mỏi hay ngất.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

70. NGŨ TỬ THANG

Quyết minh tử	20g
Kim anh tử	10g
Kỷ tử	12g
Tang thầm	12g
Hạt tơ hồng	20g
Hoè hoa	12g
Trinh nữ	12g

Chủ trị:

Tăng huyết áp: Đau đầu, chóng mặt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng, cho vào 800ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc, Chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

71. QUYẾT MINH CÂU ĐẰNG THANG

Quyết minh tử	20g
Câu đằng	16g
Rễ cỏ tranh	12g
Cỏ Xước	12g
Hoè hoa	12g
Vỏ quýt	10g
Tang ký sinh	10g

Chủ trị:

Tăng huyết áp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng, cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

72. LIÊN TIỀN LONG NHÃN THANG

Liên tiền thảo (Rau má)	20g
Long nhãn	12g
Liên nhục	12g
Hoài sơn	12g
Hà thủ ô chế	12g
Tang thầm	12g
Táo nhân	8g

Chủ trị:

Tăng huyết áp do can thận hư.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng, cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, Chia uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

73. TÁO NHÂN LONG NHÃN MẠCH MÔN THANG

Toan táo nhân	12g
Long nhãn	12g
Mạch môn	12g
Ngũ vị tử	8g
Huyền sâm	12g

Chủ trị:

Rối loạn thần kinh tim.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng, cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

74. BÁCH DIỆP MẠCH MÔN THANG

Trắc bách diệp	30g
Mạch môn	20g
Cỏ nhọ nồi	20g
Huyền sâm	10g

Chủ trị:

Nhiễm khuẩn gây rối loạn thành mạch.

Cách dùng, liều lượng:

Trắc bạch diệp sao cháy hợp cùng các vị khác, cho vào 600ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

75. TRƯỜNG XUÂN HOA THANG

Cây trường Xuân hoa (cây hoa Dừa cạn) khô	40g

Chủ trị:

Bệnh bạch cầu lympho cấp.

Cách dùng, liều lượng:

Cho vào 600ml sắc lấy 200ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

76. TRƯỜNG XUÂN QUYẾT MINH THANG

Cây dừa cạn (cả lá và thân) khô	20g
Thảo quyết minh tử (sao)	10g
Hy thiêm	8g
Cúc hoa	6g

Chủ trị:

Huyết áp tăng cao.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

CÁC BÀI THUỐC TRỊ BỆNH HỆ HÔ HẤP

1. KHƯƠNG MAO THANG

Sinh khương (Gừng tươi)	40g
Hương mao (củ Sả tươi)	20g
Đường kính	100g

Chủ trị:

Ho do bị cảm lạnh (cảm phong hàn).

Cách dùng, liều lượng:

Gừng tươi, củ Sả tươi rửa sạch, giã nhỏ vắt lấy nước trộn với đường, đun nhỏ lửa cô thành kẹo ngậm dần.

2. TANG BÌ CỬU THÁI THANG

Rễ dâu	
(cạo vỏ đỏ, tẩm mật sao)	20g
Cửu thái (Cây Hẹ)	20g
Mạch môn	20g
Phiên mộc hoa	
(Hoa Đu đủ đực)	20g

Chủ trị:

Ho nhiệt: Ho khan, sát đờm vướng ở họng, hay ho từng cơn đỏ mặt tía tai, khát nước.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc thêm đường vừa ngọt chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

3. BÁCH BỘ VỎ SUNG CAO

Bách bộ	200g
Vỏ cây Sung	200g
Vỏ cây Táo	200g
Vỏ rễ cây Dâu	200g
Mạch môn	100g

Chủ trị:

Ho suyễn, đờm nhiều, người gầy.

Cách dùng, liều lượng:

Bách bộ, Mạch môn đồ chín, bỏ lõi tẩm mật sao.

Vỏ rễ Dâu cạo bỏ vỏ đỏ phơi khô tẩm mật sao.

Vỏ sung, vỏ Táo cạo sạch vỏ ngoài sao vàng hạ thổ.

Tất cả các vị cho vào 3 lít nước, sắc lấy 500ml nước thuốc thêm 800g đường trắng, đun tiếp tan hết đường uống:

Trẻ em:

1 - 3 tuổi mỗi lần uống 5ml ngày uống 2 lần.

4 - 7 tuổi mỗi lần uống 10ml ngày uống 2 lần.

8-15 tuổi mỗi lần uống 15ml ngày uống 2 lần.

Người lớn mỗi lần uống 20 - 30ml ngày uống 2 lần.

Khi uống pha thêm nước chín ấm.

Kiêng kỵ:

- Ho do cảm phong hàn, phong nhiệt hay mới ho không dùng.
- Kiêng ăn các thứ cay, nóng, dầu mỡ.

4. VIÊN HO LONG ĐỜM MÁT PHỔI

Tỳ bà diệp	
(sát sạch lông, sao mật)	200g
Qua lâu nhân (sao vàng)	200g
Tô tử (hạt Tía tô) (sao thơm)	50g
Chỉ xác (sao cám thơm)	50g
Trần bì (sao cám thơm)	50g
Kinh giới tuệ	50g
Xạ can (sao vàng)	100g
Bán hạ	100g
(tẩm gừng, phèn chua, sao vàng)	
Cam thảo	100g
Bách bộ (bỏ lõi tẩm mật sao)	150g
Tô diệp	50g
Tang bạch bì	300g
(cạo bỏ vỏ ngoài, tẩm mật sao vàng)	

Khô phàn	10g
Bạc hà não (Menthol)	10g

Chủ trị:

Trị các chứng ho do cảm sốt sát đờm, phổi nóng, viêm khí quản.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế khô, tán bột mịn, luyện mật làm hoàn (8g một hoàn).

Người lớn mỗi lần uống 1 viên.

Trẻ em 1 - 3 tuổi uống mỗi lần 1/4 viên.

4 - 7 tuổi uống mỗi lần 1/3 viên.

8 - 14 tuổi uống mỗi lần 2/3 viên.

Trẻ em trên 14 tuổi uống liều như người lớn.

Ngày ngậm hoặc uống 2 - 3 lần với nước chín.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các chất cay nóng, tôm, cá đỏ đuôi.
- Kiêng hút thuốc lào, thuốc lá.

5. VIÊN HO MÁT PHỔI

Ô mai (dùng cả nhân hạt và thịt)	50g
Tang bạch bì (tẩm mật sao)	100g
Qua lâu nhân (sao vàng)	100g
Tiền hồ (tẩm rượu sao)	30g
Xạ can (tẩm rượu sao)	50g
Bán hạ (tẩm gừng, phèn chua) (sao vàng)	30g
Bạch giới tử (sao thơm)	30g
Tô tử (sao thơm)	20g
Trần bì (sao cám)	100g
Bách bộ (bỏ lõi) (tẩm mật sao)	150g
Can khương	15g
Bạc hà não (Menthol)	2g

Chủ trị:

Ho rát cổ, khô cổ, ít nước bọt, khó thở tức ngực, đờm khò khè ở cổ.

Cách dùng, liều lượng:

Ô mai tách hết thịt tẩm mật chưng cách thuỷ cho mềm, quết cho thật nhuyễn.

Hạt Ô mai đập bỏ vỏ cứng, lấy nhân hạt sao vàng đem hợp cùng các vị khác (đã sao chế, khô) tán bột mịn, trộn cùng với thịt Ô mai đã quết nhuyễn luyện mật làm hoàn. Mỗi hoàn 5g.

Người lớn mỗi lần uống hoặc ngậm 1 viên.

Trẻ em:

1 - 3 tuổi mỗi lần uống hoặc ngậm 1/4 viên.

4 - 7 tuổi mỗi lần uống hoặc ngậm 1/3 viên.

8 - 14 tuổi mỗi lần uống hoặc ngậm 2/3 viên.

Trên 14 tuổi mỗi lần uống hoặc ngậm 1 viên

Mỗi ngày ngậm hoặc uống 2 - 3 lần. Chiêu thuốc với nước chín.

Kiêng kỵ:

Kiêng cay, nóng, thuốc lào, thuốc lá.

6. THANH PHẾ TIÊU VIÊM HOÀN

Lá Hổ thiệt tươi	5000g
Xạ can	500g
Can khương	200g

Chủ trị:

Viêm phế quản cấp và mạn tính.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Hổ thiệt rửa sạch, giã nhỏ, thêm nước quấy đều vắt lấy nước đem cô thanh cao đặc. Xạ can, Can khương sấy khô giòn tán bột mịn, trộn với cao đặc Hổ thiệt thêm xirô đường luyện làm hoàn. Mỗi hoàn nặng 1g.

Người lớn mỗi lần ngậm 1 hoàn, ngày ngậm 5 - 10 hoàn.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm bớt liều.

7. CAO LỎNG MÃ ĐỀ

Mã đề (thân lá)	200g
Bách bộ (tẩm mật sao)	200g
Lá chanh (sao thơm)	400g
Bán hạ chế	400g

Chủ trị:

Ho các loại

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào nước, nấu thành cao lỏng (1/1).

Người lớn: mỗi ngày uống 30ml chia làm 3 lần.

Trẻ em: Tuỳ tuổi giảm bớt liều.

8. VIÊN TANG BÌ CÁT CÁNH

Tang bạch bì (tẩm mật sao)	100g
Cát cánh	50g
Cam thảo	50g
Thổ phục linh	50g
Trần bì	20g
Bán hạ chế	20g
Xạ can	30g
Bạc hà diệp	30g
Thạch xương bồ	30g

Chủ trị:

Các chứng ho cả bốn mùa.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng giòn, tán bột mịn, luyện với đường làm viên 0,5g.

Người lớn mỗi lần ngậm 2 viên, ngày ngậm 5 lần.

Trẻ em 5 - 10 tuổi mỗi lần ngậm 1 viên, ngày ngậm 5 lần.

9. VIÊN MÃNG CẦU XẠ CAN

Mãng cầu điếc (quả Na điếc) đốt tồn tính	100g
Xạ can (sao vàng)	50g
Mộc miết tử (đập bỏ vỏ cứng)	30g
Đại hồi	10g

Chủ trị:

Viêm họng, viêm họng hạt, viêm amydan.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế sấy khô, tán bột mịn, luyện mật làm viên 0,5g

Người lớn mỗi lần ngậm 2 viên, ngày ngậm 5 lần.

Trẻ em 5 - 10 tuổi mỗi lần ngậm 1 viên, ngày ngậm 5 lần.

10. TỬ TÔ CỬU THÁI THANG

Lá Tử tô	12g
Lá Hẹ	12g
Lá Xương sông	12g
Kinh giới	8g
Gừng tươi	8g

Chủ trị:

Ho có đờm loãng có kèm chứng nhức đầu, ngạt mũi, ngứa cổ, tiếng nói nặng, rêu lưỡi trắng mỏng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần uống lúc no.

Trẻ em tuỳ tuổi chia uống 3 - 4 lần trong ngày, uống lúc no.

11. HOÁ SUYỄN HOÀN

Trần bì (tẩm gừng sao vàng)	200g
Củ Sả già (sao vàng)	200g
Hậu phác (sao vàng)	200g
Tạo giác (sao vàng)	200g
Bạch phàn	200g
Khô phàn	200g
Hoạt thạch	200g

Chủ trị:

Suyễn khó thở.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn, luyện mật làm hoàn 1g. Mỗi khi lên cơn suyễn khó thở uống 1-2 hoàn.

12. BÁN HẠ HÙNG HOÀNG HOÀN

Bột Bán hạ chế	60%
Bột Hùng hoàng	25%
Bột Khô phàn	10%
Bột Ba đậu chế	5%

Chủ trị:

Ho hen, đờm suyễn: Khi thay đổi thời tiết lên cơn hen suyễn thở gấp và khó thở, người rất mệt, đờm khò khè trong cổ, tức trướng lồng ngực, thúng thắng ho.

Cách dùng, liều lượng:

- Cân lấy 1000g bán hạ, rửa sạch, phơi khô; 100g quả Bồ kết cho vào 150ml nước đun sôi 10 - 15 phút, gạn lấy nước tẩm Bán hạ ủ trong 2 giờ, phơi khô, tẩm nước Phèn chua (100g Phèn phi khô hoà tan vào 100ml nước) ủ trong

2 giờ phơi khô, lại đem tẩm nước Gừng (100g Gừng tươi, giã nhỏ hoà vào 100ml nước) ủ 2 giờ, phơi khô sao vàng giòn tán bột mịn.

- Bạch phàn cân lấy 200g phi khô, tán bột mịn.

- Ba đậu cân lấy 100g, đập lấy nhân, bỏ vỏ, sao tồn tính tán bột mịn.

- Hùng hoàng cân lấy 400g tán bột mịn.

Các vị sau khi tán bột mịn để riêng từng vị, cân đúng phần của từng vị rồi trộn đều với nhau (theo phương pháp trộn bột kép có độc), luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu đen.

Người lớn mỗi ngày uống 10 viên, uống 1 lần với nước chín nguội.

Trẻ em 2 - 5 tuổi uống 3 - 5 viên, uống 1 lần với nước chín nguội.

6 - 12 tuổi uống 5 - 7 viên, uống 1 lần với nước chín nguội.

13. VIÊN MP

Cao mật lợn khô	100g
Tá dược trơ đủ dùng	
Hoạt thạch đủ làm áo	

Chủ trị:

Hen phế quản.

Cách dùng, liều lượng:

Cao mật lợn khô thêm tá dược luyện hồ làm viên 0,50g, áo viên bằng bột Hoạt thạch.

Người lớn ngày uống 5g

Trẻ em tuỳ tuổi ngày uống 1 - 3g.

Chia uống 2 - 3 lần với nước chín, uống xa bữa ăn.

14. CÁT CÁNH CAM THẢO TÁN

Cát cánh	100g
Cam thảo	150g
Cửu thái (lá Hẹ) khô	50g
Trần bì (khô)	50g

Chủ trị:

Ho, đau bụng, sát đờm do ngoại cảm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi sấy khô, tán bột mịn.

Người lớn ngày uống 2 lần, mỗi lần 8g với nước chín.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều cho thích hợp.

15. NHÂN SÂM BẠI ĐỘC THANG

Nhân sâm	10g
Cát cánh	12g
Xuyên khung	12g
Bạch linh	12g
Tiền hồ	10g
Sài hồ	8g
Chỉ xác	8g
Độc hoạt	8g
Khương hoạt	6g
Cam thảo	6g
Sinh khương	4g

Chủ trị:

Ho sốt do ngoại cảm phong hàn kèm đau các khớp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 lần (sáng, trưa, tối) trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Nếu bệnh nhân có sốt ghê rét gia thêm:

Tô diệp	8g

Nếu cơ thể bệnh nhân suy yếu gia thêm:

Đương quy	12g
Thục địa	12g
Bạch truật	8g
Đại táo	3 quả

16. HOÀN LA BẠC TỬ

La bạc tử	100g
Mật ong	20ml

Chủ trị:

Hen suyễn.

Cách dùng, liều lượng:

La bạc tử nghiền mịn, luyện với Mật ong làm hoàn bằng hạt ngô.

Ngày uống 15 - 20g chia làm 2 lần.

17. CHỈ KHÁI TIÊU ĐỜM THANG

Lá Chanh già (sao vàng)	20g
Ngư tinh thảo (tươi)	20g
Tang bạch bì (sao vàng)	15g
Dây tơ hồng (đồ chín phơi khô)	12g
Khô phàn	2g

Chủ trị:

Ho hen nhiều đờm có kèm theo sốt.

Cách dùng, liều lượng:

Khô phàn để riêng.

Các vị khác cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, cho khô phàn vào quấy tan, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

18. TANG BÌ HẠNH TỬ TÁN

Tang bì (tẩm mật sao)	100g
Hạnh tử (sao cám)	100g
Bách bộ (sấy khô)	100g
Cam thảo (sấy khô)	100g

Chủ trị:

Ho nhiều về đêm, kèm theo khó thở.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn.

Người lớn ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 8g với nước chín.

Trẻ em tuỳ theo tuổi, giảm liều lượng thích hợp.

19. TẠO GIÁC TÁN

Tạo giác nhân (hạt quả Bồ kết) 100g

Mật ong loại tốt đủ dùng.

Chủ trị:

Ho hen, đờm suyễn cấp hoặc mạn tính, ngực tức, luôn nhổ ra đờm dãi, trúng phong cấm khẩu.

Cách dùng, liều lượng:

Tạo giác nhân sao vàng tán bột mịn.

Khi thời tiết thay đổi lên cơn ho hen suyễn, lấy khoảng 1,5 - 2g bột Tạo giác nhân trộn lẫn với 1 thìa cà phê mật ong uống trước bữa ăn 1 giờ. Ngày uống 2 lần để ngăn chặn cơn ho hen suyễn.

Người bệnh nên dành sẵn 2 thứ này khi cần là có ngay.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các chất tanh, lạnh.
- Tránh gió lùa, ở nơi kín gió.

20. TANG BÌ BẠCH QUẢ HẠNH NHÂN THANG

Tang bạch bì	16g
Bạch quả nhân	6g
Hạnh nhân	8g
Cát cánh	8g
Tô tử	6g
Khoản đông hoa	8g
Bán hạ chế	10g
Hoàng cầm	6g
Ma hoàng	2g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Ho do cảm nhiễm phong hàn, hen suyễn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml, nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày. Uống lúc đói.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mỡ, thịt quay, rượu.

21. TƠ HỒNG LÁ NHÓT THANG

Dây tơ hồng (khô)	30g
Lá nhót (khô)	20g

Chủ trị:

Hen suyễn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

22. TANG BÌ MẠCH MÔN THANG

Tang bì	20g
Mạch môn (bỏ lõi)	20g
Sài đất	12g
Cam thảo đất	12g
Bán hạ chế	8g
Trần bì	10g

Chủ trị:

Ho sát đờm (đờm không long) có kèm sốt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng, cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

23. MẠCH MÔN BÁCH BỘ TANG BÌ THANG

Mạch môn (bỏ lõi)	16g
Bách bộ	10g
Tang bạch bì	10g
Trần bì	10g
Rau má	20g
Bán hạ chế	4g

Chủ trị:

Viêm phế quản

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

24. TIỀN HỒ TỬ TÔ BÁN HẠ THANG

Tiền hồ	12g
Tử tô	8g
Bán hạ chế	4g
Ngưu tất	12g
Cam thảo	6g

Chủ trị:

Hen suyễn, ho nhiều đờm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

25. TÍA TÔ CỬU THÁI TRẦN BÌ THANG

Tía tô	12g
Cửu thái (lá Hẹ)	10g
Trần bì	6g
Kinh giới	10g
Bạch chỉ	8g
Rễ Chỉ thiên	8g

Chủ trị:

Viêm phế quản cấp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước sắc lấy 200ml chia uống 2 lần.

Ngày uống 1 thang

26. TANG DIỆP THANG

Tang diệp	15g
Bạc hà	12g
Cúc hoa	8g
Ngải cứu	12g
Xạ can	5g
Kim ngân hoa	12g

Chủ trị:

Viêm phế quản.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml chia uống 2 lần.

Ngày uống 1 thang.

27. TANG DIỆP BẠC HÀ CÚC HOA THANG

Tang diệp	16g
Tang bì	12g
Bạc hà	8g
Cúc hoa	8g

Rễ Chanh	8g
Rễ Chỉ thiên	8g

Chủ trị:

Viêm phế quản cấp có sốt cao.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

28. TRẦN BÌ LA BẠC THANG

Trần bì (sao vàng)	10g
La bạc tử (sao thơm)	10g
Vỏ Vối (sao thơm)	10g
Cam thảo dây	8g
Gừng tươi	4g

Chủ trị:

Viêm phế quản mạn, ho khạc đờm trắng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần.

Ngày uống 1 thang.

29. BỘT TRỊ HEN

La bạc tử (sao vàng)	40g
Tạo giác nhân (sao giòn)	20g

Chủ trị:

Hen phế quản.

Cách dùng, liều lượng:

Hai vị tán bột mịn.

Ngày uống 8 - 10g, chia uống 2 lần khi đang lên cơn hen. Uống với nước chín.

30. TIỀN HỒ BÁCH BỘ MẠCH MÔN THANG

Tiền hồ	12g
Bách bộ	12g
Mạch môn (bỏ lõi)	12g
Trần bì	12g
Thiên môn	12g
Thạch cao	12g

Chủ trị:

Hen phế quản có sốt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

31. TANG BÌ SÀI ĐẤT BỒ CÔNG ANH THANG

Tang bì	12g
Sài đất	10g
Bồ công anh	16g
Kim ngân hoa	16g
Cỏ màn chầu	20g
Cam thảo dây	12g

Chủ trị:

Viêm phổi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

32. XẠ CAN TANG BÌ THANG

Xạ can	6g
Tang bì (tẩm mật sao)	12g
Bạch mao căn	12g
Cát căn	12g
Ô mai	6g
Cam thảo dây	12g

Chủ trị:

Viêm họng, yết hầu sưng đau.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

33. TAM TỬ GIÁNG KHÍ THANG

Tô tử	10g
La bạc tử	10g
Bạch giới tử	10g

Chủ trị:

Hen suyễn, đờm khò khè, khó thở, ho do lạnh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

34. MA HOÀNG TÔ TỬ MẠCH MÔN THANG

Ma hoàng	12g
Tô tử	10g
Mạch môn	12g
Hoài sơn	12g
Đảng sẩm	12g
Ý dĩ	16g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Hen gốc tại tỳ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

35. TÔ TỬ MẠCH MÔN BÁN HẠ TRẦN BÌ THANG

Tô tử	12g
Mạch môn	12g
Bán hạ chế	12g
Trần bì	10g
Đảng sâm	16g
Hương phụ chế	16g
Bạch truật	12g
Ma hoàng	12g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Hen gốc tại tỳ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

36. LỤC VỊ GIA VỊ THANG

Thục địa	16g
Hoài sơn	12g
Sơn thù	10g
Đan bì	8g
Phục linh	8g
Trạch tả	8g
Ma hoàng	12g
Bán hạ (chế)	12g
Chỉ thực	8g
Cát cánh	8g

Chủ trị:

Hen gốc tại thận.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

37. MẠCH MÔN BỐI MẪU THANG

Mạch môn	12g
Bối mẫu	8g
Cát cánh	8g
Tô tử	12g
Bạch giới tử	10g
Viễn chí	8g
Hoàng kỳ	12g
Ý dĩ	16g
Hoài sơn	12g

Chủ trị:

Hen gốc tại phế.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

38. MA HOÀNG MẠCH MÔN CÁT CÁNH THANG

Ma hoàng	12g
Mạch môn	12g
Cát cánh	8g
Tô tử	10g
Bán hạ chế	12g
Xạ can	8g

Chủ trị:

Hen thể hàn (lãnh háo).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

39. HUYỀN SÂM SINH ĐỊA TANG BÌ THANG

Huyền sâm	12g
Sinh địa	10g
Tang bì	12g
Mạch môn	12g
Ma hoàng	12g
Cát cánh	8g
Hoàng kỳ	12g
Ý dĩ	16g

Chủ trị:

Hen thể nhiệt (nhiệt háo).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

40. MẠCH MÔN CÁT CÁNH TIỀN HỒ THANG

Mạch môn	12g
Cát cánh	8g
Tiền hồ	8g
Xạ can	8g
Hoài sơn	12g
Ý dĩ	16g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Viêm họng, viêm phế quản mạn tính.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

41. HUYỀN SÂM SINH ĐỊA MẠCH MÔN THANG

Huyền sâm	12g
Sinh địa	12g
Mạch môn	12g
Cát cánh	8g
Viễn chí	8g
Kha tử	8g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Viêm phế quản mạn tính, viêm họng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

42. NGÂN HOA THỔ PHỤC TANG BÌ THANG

Kim ngân hoa	12g
Thổ phục linh	12g
Tang bì	12g
Trần bì	12g
Mạch môn	12g
Thương nhĩ tử	10g
Vỏ Núc nác	10g
Ý dĩ	10g

Chủ trị:

Cơ địa dị ứng, viêm xoang, ho hen.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

43. HUYỀN SÂM SINH ĐỊA TANG BÌ THANG

Huyền sâm	12g
Sinh địa	12g
Tang bạch bì	12g
Mạch môn	12g
Phù bình	12g
Kim ngân hoa	12g
Bạch mao căn	12g

Chủ trị:

Cơ địa dị ứng, viêm xoang, ho hen.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

44. THANH PHẾ CHỈ KHÁI THANG

Tang bạch bì (tẩm mật sao)	40g
Tô tử (sao thơm)	8g
Bạch cúc (Cúc hoa trắng)	20g

Chủ trị:

Ho, nóng phổi, đờm vàng, họng đau, khô miệng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

45. TANG BÌ BÁCH BỘ THANG

Tang bạch bì	12g
Bách bộ	12g
Thuốc giòi (Bọ mắm)	12g
Thiên môn	12g
Mạch môn	12g
Cam thảo	12g

Chủ trị:

Ho, phổi nóng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao qua, cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

46. KHỔ PHÀN CHANH THỰC THANG

Khô phàn	20g
Chanh thực (quả Chanh)	1 quả

Chủ trị:

Ho lâu ngày nhiều đờm tắc cổ.

Cách dùng, liều lượng:

Khô phàn tán mịn.

Chanh nướng chín, vắt lấy nước dịch cho bột phèn vào quấy tan, gạn lấy nước trong, chia uống 3 - 4 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

47. KHƯƠNG HẠ THANG

Gừng già	12g
Bán hạ chế	12g
Trần bì	12g
Cam thảo	12g

Chủ trị:

Ho nhiều đờm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

48. TRẦN BÌ CỎ ỐNG THANG

Trần bì	20g
Cỏ ống (cỏ Gừng) sao cháy	20g
Củ Sả (sao vàng)	12g
Gừng tươi	6g

Chủ trị:

Ho gió nhiều đờm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

49. PHÀN KHƯƠNG HOÀN

Khô phàn	40g
Khương hoàng (sao vàng)	8g

Chủ trị:

Ho có nhiều đờm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Trẻ nhỏ hoà thuốc với Sữa uống, ngày uống 1 - 2 lần mỗi lần 2 - 5 hoàn.

Người lớn cho thuốc vào Ô mai ngậm tan dần. Ngày ngậm 2 - 3 lần mỗi lần 3 - 5 hoàn.

50. THANH PHẾ THANG

Tang bạch bì	20g
Sò lẻ bạn (cây Sò huyết)	20g
Sâm đại hành	20g
Lá Chanh	12g
Cam thảo nam	12g

Chủ trị:

Viêm phế quản - ho.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

51. BỔ HUYẾT THANH TÂM TRỪ KHÁI HUYẾT THANG

Bố chính sâm (sao vàng)	20g
Ngải (lá, vỏ cây) sao vàng	40g
Thuốc giòi (Bọ mắm)	30g
Chua me (cây Chua me lá me)	10g

Chủ trị:

Hư lao khái huyết.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, cho thêm chút đường vừa ngọt quấy tan chia uống 2 lần (sáng sớm và trước khi đi ngủ).

Ngày uống 1 thang.

52. LIÊN NGẪU TRẮC BÁ THANG

Liên ngẫu (sao)	30g
Trắc bá diệp (sao đen)	30g
Hạn liên thảo (sao đen)	30g
Huyết dụ	20g

Chủ trị:

Ho ra máu (khái huyết).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

53. XƯƠNG SÔNG ĐU ĐỦ NGHỆ CHANH THANG

Rễ Xương sông	12g
Hoa Đu đủ đực	12g
Nghệ vàng	12g
Rễ Chanh	12g
Khô phàn	4g

Chủ trị:

Ho lâu ngày không khỏi, ho gà.

Cách dùng, liều lượng:

Khô phàn để riêng.

Các vị khác sao vàng hạ thổ, cho vào 600ml nước, sắc lấy 150 ml nước thuốc, cho Khô phàn vào quấy tan, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

54. TANG BẠCH BÌ THANG

Tang bạch bì	20g
Trúc nhự (Tinh tre)	20g
Cửu thái căn (rễ Hẹ)	20g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Ho lâu ngày không khỏi, ho gà.

Cách dùng, liều lượng:

Tang bạch bì: cạo hết vỏ đỏ ngoài, tước nhỏ tẩm mật sao vàng.

Trúc như: Tẩm Giấm sao vàng.

Rễ hẹ: Sao vàng.

Các vị sao chế xong cho vào 600ml nước, thêm 3 lát Gừng tươi sắc lấy 150ml nước thuốc chia uống 2 lần.

Ngày uống 1 thang.

55. VIÊN HO PHÈN NGHỆ

Khô phàn (Phèn chua phi)	160g
Nghệ vàng (sao vàng)	80g
Hạt tiêu (sao thơm)	20g
Hoàng nàn chế	12g

Chủ trị:

Ho gió, ho đờm, ho cảm lạnh, ngứa cổ, nhiều đờm, đờm loãng.

Cách dùng, liều lượng:

Hoàng nàn chế: Ngâm nước gạo đặc một đêm, cạo bỏ hết vỏ vàng bên ngoài, ngâm tiếp nước gạo 3 ngày đêm (mỗi ngày thay nước vo gạo một lần), thái nhỏ phơi sấy khô.

Tất cả các vị đã sao chế hợp lại tán bột mịn, luyện hồ làm viên 0,25g.

Trẻ em: 5 - 10 tuổi mỗi lần uống 1 - 2 viên.

trên 10 tuổi mỗi lần uống 2 - 3 viên.

Người lớn mỗi lần uống 4 - 6 viên.

Ngày uống 2 lần với nước chín.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các chất tanh, nhờn.
- Trường hợp ho thuộc nhiệt, ráo đờm không nên dùng.

56. VIÊN TIÊU ĐỜM

Nam tinh	20g
Bán hạ	20g
Bồ kết nhân	20g
Khô phàn	20g
Hạnh nhân (bỏ vỏ)	20g
Ba đậu nhân	20g
Đại táo	80g

Chủ trị:

Ho nhiều đờm, suyễn.

Cách dùng, liều lượng:

Nam tinh, bán hạ thái nhỏ tẩm gừng sao, ba đậu nhân giã giập hợp cùng các vị thuốc khác sao vàng (sao xong nhặt bỏ hết nhân Ba đậu không dùng). Các vị sao chế xong tán bột mịn, trộn với 80g Đại táo (bỏ hạt) luyện nhuyễn, kỹ đều, làm viên bằng hạt đậu xanh.

Trẻ em: 5 - 10 tuổi mỗi lần uống 5 - 10 viên.

10-16 tuổi mỗi lần uống 10 - 15 viên.

Người lớn mỗi lần uống 15 - 25 viên.

Ngày uống 2 lần (sáng, chiều) với nước chín.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các chất tanh, lạnh, dầu mỡ.
- Phụ nữ có thai, những người gầy khô, ho khan không dùng.

57. NHUẬN PHẾ THANG

Thiên môn (bỏ lõi)	16g
Mạch môn (bỏ lõi)	16g
Bách bộ (bỏ lõi)	16g
Tang bì (đập giập tẩm mật sao)	12g
Diêm mai (quả Mơ muối)	3 quả

Chủ trị:

Ho lâu ngày người nóng háo, khô gầy, ho khan, ho ra máu, ho về đêm, ngủ ít, nóng âm ỉ, buồn phiền khó chịu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều thích hợp.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các chất cay, nóng, dầu mỡ.
- Những người ăn kém tiêu, đầy bụng, ỉa lỏng không nên dùng.

58. THIÊN MÔN TRẮC BÁ THANG

Thiên môn (bỏ lõi)	16g
Mạch môn (bỏ lõi)	16g
Bạch bộ (bỏ lõi)	16g
Trắc bách diệp sao cháy	16g
Thuốc giòi (Bọ mắm) sao qua	8g

Chủ trị:

Ho khan ít đờm, tiếng ho yếu, khản cổ, đờm trắng, nước bọt đặc, trong đờm có lẫn máu, hoặc thỉnh thoảng ho ra máu hoặc có cơn sốt về chiều, miệng khô, họng ráo.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế xong cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày (sáng, chiều).

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

- Kiêng các chất cay, nóng.
- Trường hợp ho do cảm, mới ho không nên dùng.

59. VỎ SUNG BÁCH BỘ THANG

Vỏ cây Sung	40g
(cạo bỏ vỏ ngoài sao vàng hạ thổ)	
Bách bộ (bỏ lõi tẩm mật sao)	40g
Mạch môn (bỏ lõi tẩm mật sao)	20g
Tang bạch bì (tẩm mật sao)	40g
Vỏ cây Táo (khô)	40g

Chủ trị:

Ho suyễn lâu ngày, đờm nhiều, sát đờm, đờm trắng, họng khô, người gầy.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày. Uống nóng.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các chất cay, nóng, dầu mỡ.
- Trường hợp ho cảm, mới ho không nên dùng.

60. NAM UY LINH TIÊN THANG

Nam uy linh tiên (cây Kiến cò)	70g
Củ Hẹ tươi	20g
Vỏ quýt	10g

Chủ trị:

Hen, suyễn.

Cách dùng, liều lượng:

Cây, lá Kiến cò sao vàng hợp cùng củ Hẹ, vỏ Quýt cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

61. HOÁ ĐỜM THANH PHẾ CHỈ KHÁI THANG

Tang diệp	20g
Tang bạch bì (tẩm mật sao)	20g
Rễ cây Chỉ thiên (Thổi lửa)	12g
Kim ngân	12g
Mạch môn (bỏ lõi)	12g
Sâm đại hành	12g
Cam thảo nam	12g
Trúc nhự	12g
Thiên môn	12g
Xạ can	12g
La bạc tử	12g

Chủ trị:

Viêm phế quản cấp và mạn thể phong nhiệt: Bệnh nhân ho sốt ngày càng tăng, đầu tiên ho khan, sau ho có đờm đặc nhầy vàng, tức ngực, rêu lưỡi vàng dày.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

62. ÔN PHẾ CHỈ KHÁI HOÁ ĐỜM THANG

Trần bì	6g
Bán hạ chế	6g
Tô tử	10g
Cam thảo nam	10g

Bách bộ	10g
Sinh khương	10g
La bạc tử	10g
Kim ngân	12g
Rễ cây Chỉ thiên (cây Thổi lửa)	12g
Tang bì (tẩm mật sao)	12g

Chủ trị:

Viêm phế quản cấp và mạn thể phong hàn: bệnh nhân ho sốt ngày càng tăng, đầu tiên ho khan, sau ho có đờm trắng loãng, rêu lưỡi trắng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

63. THANH PHẾ NHUẬN TÁO CHỈ KHÁI THANG

Mạch môn (bỏ lõi)	12g
Thiên môn	12g
Hoài sơn	20g
Bố chính sâm	20g
Thanh cao	20g
Trắc bách diệp	10g
Lá Táo	10g
Lá Chanh	10g
Cam thảo nam	10g
Táo nhân (sao)	12g

Chủ trị:

Viêm phế quản cấp và mạn thể phế táo (khí táo): Bệnh nhân ho sốt ngày càng tăng, ho khan nhiều.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

64. MẠCH MÔN BÁCH BỘ TANG BÌ THANG

Mạch môn	15g
Bách bộ (tẩm mật sao)	12g
Tang bì (tẩm mật sao)	15g
Thục địa	30g
Đảng sâm	20g
Xạ can	10g
Hạnh nhân	5g
Ô mai	5g

Chủ trị:

Viêm phế quản mạn: Ho lâu ngày, người mệt mỏi, có đờm, mạch hoạt sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Nếu có ho ra máu gia thêm:

Thán khương (Gừng khô sao cháy)	5g
Trắc bách diệp (sao đen)	12g
A giao	10g

65. MẠCH MÔN ĐỘC LỰC CHỈ THIÊN THANG

Mạch môn (bỏ lõi)	20g
Độc lực (rễ)	20g
Rễ Cchỉ thiên	20g
Rễ Cam thảo dây	20g
Rễ Chanh	20g
Đỗ đen	20g

Chủ trị:

Ho, hen phế quản.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao qua cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, người lớn chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm 1/3, 1/2 liều người lớn.

Chú ý gia giảm:

- Ho có đờm gia thêm:

Sinh khương	5g (3 lát)

- Ho đờm không khạc được gia thêm:

Hành nướng	3 củ

- Ho ra máu tăng lượng:

Rễ Chỉ thiên lên	30g
Đậu đen (sao vàng hạ thổ) lên	30g

- Ho dai dẳng lâu ngày tăng lượng

Rễ Độc lực lên	30g

Sắc uống đến khi khỏi bệnh.

66. TỬ TÔ KINH GIỚI LÁ CHANH THANG

Lá Tử tô	12g
Kinh giới	8g
Lá Chanh	8g
Lá Hẹ	12g
Gừng tươi	4g

Chủ trị:

Ho có đờm, nhức đầu ngạt mũi, hoặc gai sốt do cảm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

67. KHƯƠNG HOÀNG CHANH THỰC THANG

Khương hoàng (nghệ) tươi	20g
Chanh quả	1 quả to
Muối ăn (Thực diêm)	20g
Đường kính	15g

Chủ trị:

Các chứng ho thường, viêm họng, ngứa họng, ho rát cổ khản tiếng.

Cách dùng, liều lượng:

Chanh để cả vỏ thái nhỏ, Nghệ tươi nướng chín, gọt bỏ vỏ, giã nát hợp với đường kính, muối ăn, chanh thái nhỏ trộn đều.

Dùng ngậm trong ngày và trước khi đi ngủ.

68. TIÊU ĐỜM NHUẬN PHẾ HOÀN

Phân sâu dâu (sao vàng)	1000g
La bạc tử (sao qua)	300g
Hạnh nhân (bỏ vỏ)	800g
Cam thảo	200g

Chủ trị:

Các thể bệnh hen suyễn hàn và nhiệt người lớn và trẻ em.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị trộn lẫn tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn 1g.

Người lớn ngày uống 20 - 30 hoàn, chia làm 2 lần (sáng, tối) chiêu với nước hãm Gừng tươi (Gừng tươi 5 lát giã dập + nước sôi 200ml).

Trẻ em tuỳ tuổi giảm bớt liều lượng.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn tôm, cua, vừng, lạc, mỡ, thịt gà.

69. BÁN HẠ HẠNH NHÂN TÁN

Bán hạ chế	105g
Hạnh nhân	105g
Bạch linh	105g
Hoàng cầm	105g
Kinh giới	105g
Cát cánh	105g
Trần bì	80g
Chỉ xác	80g
Cam thảo	80g
Uất kim	80g
Khô phàn	50g

Chủ trị:

Hen phế quản mới phát thể hàn và thể nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Bán hạ chế: bán hạ tẩm nước Bồ kết 1 ngày 1 đêm, phơi khô tẩm tiếp nước Gừng tươi một ngày một đêm, rửa sạch nhớt sao vàng sẫm. Các vị khác sao sấy giòn hợp cùng bán hạ chế tán bột mịn.

Người lớn mỗi lần uống 15 - 25g

Trẻ em: 1 - 5 tuổi mỗi lần uống 5g

6 - 10 tuổi mỗi lần uống 5 - 8g

11 - 16 tuổi mỗi lần uống 10 - 15g.

Ngày uống 2 lần hãm với nước sôi, gạn lấy nước trong uống.

Thuốc cần uống nhiều đợt, mỗi đợt uống 6 ngày, nghỉ 3 ngày, sau mới uống tiếp đợt khác. Phải uống nhiều đợt mới kết quả.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn: thịt ngan, ngỗng, cua ốc, dầu mỡ, chất cay.

- Người bệnh quá suy yếu không nên dùng.

70. TRẦN BÌ BÁN HẠ TÔ DIỆP THANG

Trần bì	10g
Bán hạ chế	10g
Tô diệp	10g
Quế chi	10g
Can khương	10g
Sâm đại hành	10g
Thần khúc	10g
Hậu phác	15g
Tế tân	5g

Chủ trị:

Thể hen do nhiễm lạnh, khó thở ra, ho nhiều, đờm trắng loãng, người gầy sút, mặt nhợt, chân tay lạnh, đại tiện nhão, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch trầm nhược hoặc trầm tế.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 - 4 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn: chua, lạnh, cua, ốc.

71. THUỐC HO DO NGOẠI CẢM

Lá Cỏ gà (tươi)	20g
Lá Chua me đất (tươi)	20g
Lá Rau má (tươi)	20g
Lá Xương sông (tươi)	20g

Chủ trị:

Người lớn, trẻ em phát sinh ho do ngoại cảm, có đờm loãng hoặc dính đặc, ho từng lúc, hoặc kéo dài lâu ngày không khỏi.

Cách dùng, liều lượng:

Bốn vị rửa sạch, giã nhuyễn thêm 50ml nước chín trộn đều vắt lấy nước đặc, cho vào 20g đường phèn, đun cách thuỷ sôi hoặc hấp cơm mỗi lần uống 10-20ml, cách 3 giờ uống 1 lần.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn cua, ốc, tỏi, tiêu, ớt, tôm, ếch.

72. CÁT CÁNH CAM THẢO THANG

Cát cánh	12g
Cam thảo	16g
Bán hạ (chế)	10g
Trần bì	10g
Bách bộ (tẩm mật sao)	12g
Tang bì (tẩm mật sao)	12g

Chủ trị:

Viêm họng, ho tức ngực, nhiều đờm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

73. SA SÂM BÁN HẠ TANG BÌ THANG

Sa sâm	12g
Bán hạ (chế)	12g
Tang bì (tẩm mật sao)	12g
Hạnh nhân	12g
Tử tô	16g
Bạch truật	12g
Ý dĩ	24g
Bạch linh	16g
Phong mật (mật ong)	8g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Ho do tỳ phế khí hư: Ho đờm loãng, kém ăn, bụng đầy đại tiện phân nhão.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 lần (sáng, trưa, chiều) uống xa bữa ăn 30 phút.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn cua, ốc, các loại cà.

74. MA HOÀNG XẠ CAN HỢP TAM TỬ THANG

Ma hoàng	8g
Xạ can	12g
Tế can	4g
Tử uyển	12g
Khoản đông hoa	8g
Ngũ vị tử	4g
Bán hạ chế	12g
Tô tử	12g
Bạch giới tử	12g
La bạc tử	12g
Cam thảo	4g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Hen thể hàn biểu hiện: Hơi thở dồn dập, đờm trong, dính dẻo, lồng mà ít, lồng ngực đầy tức, da mặt xanh, trong cổ nghe có tiếng kêu rít, không khát nước hoặc khát nhưng ưa uống nước nóng, rêu lưỡi trắng trơn, mạch trầm khẩn (thường có kiêm chứng trạng thuộc về biểu như đau đầu, sợ rét, phát sốt không có mồ hôi).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Sau khi uống bài thuốc trên bệnh nhân đỡ hen thì đổi cho uống bài:

TÔ TỬ GIÁNG KHÍ THANG

Tô tử	12g
Trần bì	12g
Bán hạ chế	12g
Hậu phác	8g
Nhục quế	4g
Tiền hồ	12g
Đương quy	16g
Cam thảo	8g
Đại táo	12g
Sinh khương	3 lát

để thuận khí, ôn hoá hàn đờm.

Sắc uống ngày 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn: Các chất cay nóng, kích thích, tôm, cua, ốc, cà...

75. LÃNH HÁO HOÀN

Ma hoàng	8g
Hạnh nhân	12g
Tử uyển	8g
Bán hạ chế	12g
Khô phàn	8g
Tạo giác (nướng)	4g
Nam tinh	12g
Xuyên tiêu	8g
Khoản đông hoa	8g
Tế tân	4g
Xuyên ô	4g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Hen phế quản thể hàn mạn tính, đờm rãi nhiều.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế sấy khô tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Ngày uống 6 - 8g chia làm 2 lần uống với nước chín.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất cay nóng, tôm, cua, ốc...

76. VIỆT TỲ GIA BÁN HẠ THANG

Ma hoàng	8g
Thạch cao	12g
Đại táo	12g
Bán hạ chế	12g
Cam thảo	4g
Sinh khương	4 lát

Chủ trị:

Hen phế quản thể nhiệt: Biểu hiện hơi thở dồn dập, thở to và mạnh hơn so với thể hen hàn,

đờm vàng đặc, quánh, ho khạc nhổ khó ra, lồng ngực có hiện tượng nhô cao lên, da mặt đỏ, tự ra mồ hôi, lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng trơn, mạch hoạt sác thường có kiêm hiện tượng phát sốt, đau đầu, ra mồ hôi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Nếu biểu tà lui (các chứng đau đầu, sốt, ra mồ hôi hết) mà hen suyễn chưa dứt, nhiệt đờm còn lưu ở phế thì thay dùng:

ĐỊNH SUYỄN THANG

Bạch quả	12g
Khoản đông hoa	8g
Hạnh nhân	12g
Ma hoàng	8g
Bán hạ chế	12g
Hoàng cầm	12g
Tang bì (tẩm mật sao)	12g
Tô tử	12g
Cam thảo	4g

Sắc ngày uống 1 thang. Khi uống thuốc cần uống từ từ.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn: Tôm, cua, ốc, các chất cay nóng.

77. ĐỊNH SUYỄN GIA GIẢM THANG

Bạch quả	12g
Khoản đông hoa	8g
Hạnh nhân	12g
Bán hạ chế	12g
Hoàng cầm	12g
Tang bì (tẩm mật sao)	12g
Tô tử	12g
Sa sâm	12g
Ngọc trúc	12g
Bối mẫu	8g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Hen suyễn do phế âm bị tổn thương.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

78. VIÊN HEN

Bột Thạch tín	25%
Bột Mã đâu linh	30%
Bột Phèn phi	10%
Bột Hùng hoàng	5%
Bột Đậu xanh	25%

Chủ trị:

Hen phế quản: người da xanh nhợt, ngực tức, mệt rũ vì khó thở, thở ra càng khó phải há mồm mới thở được, trong cổ có tiếng đờm khò khè nằm xuống tức rộn lên, phải ngồi dựa ngực suốt đêm không ngủ được, mạch tế, hoạt, sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị trộn đều, luyện hồ làm viên bằng hạt vừng. Ngày uống 3 lần (sáng, trưa, chiều), mỗi lần uống 3 - 4 viên. Uống liên tục trong 4 - 6 ngày.

Chú ý gia giảm:

Bệnh nhân uống viên hen, cơn hen giảm, đờm rãi khạc ra được nhiều, ho ngực đỡ tức, nằm được, ngủ được cho uống kết hợp thêm thang:

LỤC VỊ GIA GIẢM

Thục địa	20g
Trạch tả	8g
Ngũ vị tử	4g
Thổ bối mẫu	8g
Đan bì	12g
Hoài sơn	16g
Bạch linh	12g
Mạch môn	12g
Tử uyển	12g

Ngưu tất	12g
Bố chính sâm	12g

Sắc uống ngày 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn: Tôm, cua, ốc, các chất cay, nóng, kích thích.

79. CAO ỚT RỪNG

Cây Ớt rừng (Kim sương)	10g
Nước đủ dùng.	

Chủ trị:

Hen phế quản.

Cách dùng, liều lượng:

Cây Ớt rừng tức cây Kim sương phơi khô, băm nhỏ, rửa sạch cho nấu cao lỏng theo tỷ lệ: cứ 10kg dược liệu lấy 1 kg cao lỏng.

- Chỉ uống khi lên cơn hen.
- Cơn hen nhẹ và trung bình uống 100-150ml ngày.
- Cơn hen nặng uống 250 - 300 ml ngày.
- Nếu trong đêm có xuất hiện cơn hen thì cho uống tiếp liều trên 1 lần nữa.

Tổng liều của 1 đợt điều trị là 2.500 ml cao.

80. THANG LÁ HEN

Lá Hen (Bồng bồng)	10g
Hoàng bá nam	40g
Ngưu tất nam	40g
Xạ can	4g
Cam thảo nam	10g

Chủ trị:

Cắt cơn hen phế quản nhẹ và vừa

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Nếu cơn hen kéo dài tăng liều:

Nam hoàng bá lên	60 - 80g
Cam thảo nam lên	20g
Ngưu tất nam lên	80g

81. HOÀN TẠO GIÁC KHÔ PHÀN

Bột Bồ kết sao	3 phần
Bột Khô phàn	1 phần
Bột Mai mực chế	3 phần

Chủ trị:

Cắt cơn hen phế quản nhẹ và trung bình.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán mịn trộn đều, luyện mật ong làm hoàn 5g, mỗi ngày uống 1 hoàn với nước chín. Sau khi cắt cơn hen uống tiếp 7 - 10 ngày nữa.

Chú ý gia giảm:

Trong khi dùng hoàn Tạo giác khô phàn cho người bệnh kết hợp uống thêm thang sau:

MẠCH MÔN BÁCH BỘ THANG

Mạch môn (bỏ lõi)	16g
Bách bộ (tẩm mật sao)	12g
Kim ngân hoa	12g
Thổ phục linh	16g
Hoài sơn	16g
Bán hạ chế	8g
Bạch mao căn	16g
Hoàng bá	12g
Thạch xương bồ	12g
Ngũ gia bì	16g
Bạch phàn	5g

Bạch phàn để riêng. Các vị khác cho vào 800ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc, cho bạch phàn vào quấy tan, chia uống 2 lần trong ngày.

82. BẠC HÀ CÁT CÁNH CAM THẢO THANG

Bạc hà	3g
Cát cánh	6g
Kinh giới	6g
Phòng phong	6g
Bạch cương tằm	9g
Cam thảo	6g

Chủ trị:

Ho, họng sưng đau do phong nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

83. BÁCH BỘ THANG

Bách bộ	8g
Mạch môn	10g
Sa sâm	8g
Tang bạch bì	8g
Hoàng kỳ	8g
Bách hợp	8g
Phục linh	8g
Địa cốt bì	8g
Ý dĩ	8g

Chủ trị:

Ho lâu ngày, nôn ra đờm dãi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

84. BẠCH TIỀN BÁCH BỘ THANG

Bách bộ	12g
Bạch tiền	9g
Cát cánh	9g
Kinh giới	9g

Chủ trị:

Ho, ngứa đau họng, có ít đờm do cảm mạo, chữa các chứng lao phổi, ho lâu ngày, hâm hấp sốt về buổi chiều, viêm phế quản, ho gà.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

85. BẠCH CẬP THANG

Bạch cập	9g
Bách bộ	9g
Bách hợp	9g
Phục linh	9g
Bối mẫu	5g
Ý dĩ	15g

Chủ trị:

Viêm màng phổi, ho ra máu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

86. BẠCH CẬP TAM THẤT TÁN

Bạch cập	24g
Tam thất	12g

Chủ trị:

Ho lao, đờm có máu

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 3g với nước ấm.

87. BẠCH QUẢ THANG

Bạch quả (hạt) đập vỡ	12g
Khoản đông hoa	9g
Bán hạ chế	9g
Tang bạch bì (tẩm mật sao)	9g
Tô tử	9g
Hạnh nhân	9g
Cam thảo	9g
Hoàng cầm	6g
Ma hoàng	6g

Chủ trị:

Hen phế quản, ho, nhiều đờm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày. Uống xa bữa ăn.

Ngày uống 1 thang.

88. BÁCH HỢP BẠCH TIỀN THANG

Bách hợp	9g
Bạch tiền	9g
Khoản đông hoa	6g
Ma hoàng	4g

Chủ trị:

Các chứng ho, hen, suyễn, viêm phế quản.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

89. BẠCH TIỀN THANG

Bạch tiền	9g
Tang bạch bì	9g
Địa cốt bì	9g
Phục linh	9g
Ma hoàng	4g
Sinh địa	12g
Sinh khương	6g

Chủ trị:

Ho, hen, suyễn do phế nhiệt, đờm vàng đặc dính, khó khạc ra, nước tiểu đỏ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

90. BÁN HẠ SINH KHƯƠNG THANG

Bán hạ	10g
Sinh khương	6g

Chủ trị:

Đàm ẩm (đờm đặc như hồ hoặc đờm loãng như nước), nôn mửa, đau tức ngực, không khát.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, đun sôi kỹ gạn lấy nước chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

91. TRẦN BÌ BÁN HẠ THANG

Trần bì	8g
Bán hạ chế	8g
Phục linh	6g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Ho có đờm, nhức đầu, nôn mửa, tiêu hoá kém.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

92. MẠCH MÔN BỐI MẪU THANG

Mạch môn (bỏ lõi)	9g
Bối mẫu	9g
Hạnh nhân	9g
Từ uyển	9g

Chủ trị:

Ho lâu ngày, khó thở.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

93. LA BẠC HẠNH NHÂN THANG

La bạc tử (sao nhẹ)	10g
Hạnh nhân (giã dập)	10g
Cam thảo	6g

Chủ trị:

Viêm phế quản mạn tính, ho có nhiều đờm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

94. TỲ BÀ CÁT CÁNH THANG

Tỳ bà diệp	9g
Cát cánh	6g
Tang diệp	9g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Ho nhiệt, đờm dính đặc.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống một lần.

Ngày uống 1 thang.

95. HẠNH NHÂN CÁT CÁNH THANG

Hạnh nhân đập giập	9g
Cát cánh	6g
Tô diệp	9g
Bạc hà	4g

Chủ trị:

Ho hàn, đờm trong loãng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống 1 lần.

Ngày uống 1 thang.

96. CÁT CÁNH CAM THẢO THANG

Cát cánh	4g
Cam thảo	4g
Giấp cá	6g
Kim ngân	9g
Bối mẫu	6g
Ý dĩ	15g
Nhân hạt Bí đao	18g
Bạch mao căn	30g

Chủ trị:

Viêm phổi, ho nhiều đờm, ngực tức.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

97. THANH ĐẠI HUYỀN SÂM THANG

Lá Thanh đại (Chàm mèo)	15g
Huyền sâm	12g
Bồ công anh	15g

Chủ trị:

Viêm amidan, sưng hạch lymphô ở cổ (tràng nhạc).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

98. TAM THẤT TANG BÌ TÁN

Tam thất	50g
Tang bì	50g

Chủ trị:

Khái huyết.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô, tán bột mịn.

Ngày uống 3 lần, mỗi lần 3g uống với nước ấm.

99. TANG CỐT BÌ THANG

Tang bì	10g
Địa cốt bì	10g
Cam thảo	4g
Gạo tẻ	10g

Chủ trị:

Chứng phổi nóng, ho hen, nóng hâm hấp trong xương, khát, tự ra mồ hôi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

100. TANG BÌ THANG

Tang bì (tẩm mật sao)	15g
Tô tử (sao qua)	9g
Tỳ bà diệp (sao)	9g
Cam thảo	6g

Chủ trị:

Viêm phổi, ho, hen, suyễn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 500ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

101. GIẤP CÁ PHÙ DUNG THANG

Lá giấp cá tươi	60g
Hoa Phù dung tươi	30g
(Không có hoa dùng lá tươi = 60g)	

Chủ trị:

Viêm màng phổi có mủ (phế ung), ho nhiều đờm (khạc ra đờm vàng, hôi có khi lẫn máu mủ), lao phổi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 500ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

102. HẬU PHÁC MA HOÀNG THANG

Hậu phác	8g
Thạch cao (sống)	15g
Ma hoàng	4g
Ngũ vị tử	4g
Hạnh nhân	9g
Bán hạ chế	9g
Tế tân	2g
Can khương	2g

Chủ trị:

Viêm phế quản mạn tính, ngực tức đầy sinh hen suyễn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

103. HẬU PHÁC QUẾ CHI THANG

Hậu phác	9g
Bạch thược	9g
Đại táo	9g
Quế chi	9g
Hạnh nhân	9g
Cam thảo	9g
Sinh khương	9g

Chủ trị:

Chứng sợ gió, tự ra mồ hôi, ho suyễn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 500ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

104. HOÀNG CẦM CÁT CÁNH HẠNH NHÂN THANG

Hoàng cầm	6g
Cát cánh	6g
Hạnh nhân	6g
Cam thảo	6g
Chi tử	6g
Đại hoàng	3g
Chỉ xác	3g
Liên kiều	3g
Bạc hà	3g

Chủ trị:

Phổi nóng phát sinh ho, hen, bí đại tiện.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

105. BÁCH BỘ HOÀNG TINH THANG

Bách bộ	12g
Hoàng tinh chế	12g
Sa sâm	10g
Ý dĩ	12g
Bạch cập	9g

Chủ trị:

Ho lao, ho ra máu, cơ thể suy nhược.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 500ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

106. NHÂN SÂM HỔ ĐÀO THANG

Nhân sâm	6g
Hổ đào nhục	10g

Chủ trị:

Lên cơn hen tức ngực, không nằm ngủ được.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 200ml nước, đun sôi kỹ uống.

Ngày uống 1 thang.

107. DƯỠNG ÂM NHUẬN PHẾ THANG

Huyền sâm	15g
Sinh địa	12g
Mạch môn	4g
Cam thảo	4g
Bối mẫu	6g
Đan bì	9g
Bạch thược	12g
Bạc hà	2g

Chủ trị:

Bạch hầu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

108. HUYỀN SÂM SINH ĐỊA CÁT CÁNH THANG

Huyền sâm	6g
Sinh địa	6g
Chi tử	4g
Cát căn	4g
Hoàng cầm	4g
Kinh giới	4g
Cát cánh	4g

Chủ trị:

Các chứng viêm đau họng, ho.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml chia uống 2 lần.

Ngày uống 1 thang.

109. CÁT CÁNH CAM THẢO THANG

Cát cánh	10g
Kha tử	10g
Cam thảo	5g

Chủ trị:

Phổi yếu, ho, hen, khản mất tiếng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

110. THANH ĐẠI LIÊN KIỀU THANG

Lá Thanh đại (Bản lam diệp)	15g
Liên kiều	10g
Kim ngân hoa	10g
Bạc hà	5g
Kinh giới	5g

Chủ trị:

Người sốt sợ gió, ho ra đờm đặc vàng, kho rát họng do cảm mạo phong nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

111. MẠCH MÔN CAM THẢO THANG

Mạch môn (bỏ lõi)	15g
Cam thảo	5g
Bán hạ chế	5g
Đảng sâm	9g
Gạo tẻ	15g
Đại táo	4 quả

Chủ trị:

Họng khô, khát, lưỡi đỏ, phổi yếu, ho, nôn ra dãi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

112. BÁCH BỘ MỎ QUẠ THANG

Rễ cây Mỏ quạ	30g
Bách bộ	12g

Chủ trị:

Ho do phế nhiệt, lao phổi, ho ra máu, hâm hấp sốt về buổi chiều, đờm vàng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

113. NGÂN SÀI ĐỊA CỐT BÌ THANG

Ngân sài hồ	10g
Địa cốt bì	10g
Miết giáp (tẩm giấm sao)	10g
Tri mẫu	10g
Thanh cao	6g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Lao phổi, sốt nóng hâm hấp bên trong xương, huyết nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

114. MẠCH MÔN NGŨ VỊ THANG

Mạch môn (bỏ lõi)	10g
Ngũ vị tử (bắc)	5g
Đảng sâm	10g
Tang phiêu tiêu	10g

Chủ trị:

Phổi yếu, ho, hen suyễn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc ấy 200ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

115. NGƯU BÀNG THANG

Ngưu bàng tử	10g
Kinh giới	10g
Kim ngân hoa	10g
Liên kiều	6g
Bạc hà	6g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Ho, họng khô rát, đờm vàng, hen do cảm nhiễm phong nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày,

Ngày uống 1 thang.

116. NGƯU BÀNG CAM THẢO BẠC HÀ THANG

Ngưu bàng tử	12g
Cam thảo	4g
Bạc hà	4g
Phòng phong	10g
Đại hoàng	10g
Kinh giới tuệ	4g

Chủ trị:

Viêm họng, viêm amidan.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

117. QUA LÂU CAM THẢO SINH KHƯƠNG THANG

Qua lâu bì	10g
Cam thảo	10g
Sinh khương	4g
Bạch cương tàm (sao thơm)	10g

Chủ trị:

Viêm họng, khản mất tiếng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

118. RAU MÁ LÔNG THANG

Rau má lông (Liên tiền thảo)	10g
Ngân sài hồ	10g
Tô tử	4g

Chủ trị:

Hen suyễn, ho do lạnh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

119. XẠ CAN TÁN

Xạ can	8g
Hoàng cầm	4g
Cam thảo	4g
Cát cánh	4g

Chủ trị:

Cổ họng tắc, nguy cấp, viêm họng cấp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao khô tán bột, ngậm và nuốt dần.

120. XẠ CAN MA HOÀNG THANG

Xạ can	4g
Ma hoàng	2g
Sinh khương	4g
Từ uyển	4g
Bán hạ chế	4g
Khoản đông hoa	4g
Ngũ vị tử	4g
Tế tân	2g
Đại táo	4g

Chủ trị:

Ho hen, hơi đưa ngược (khí nghịch) đờm rãi tắc, phổi nóng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

121. SA MỘC HƯƠNG THANG

Sa nhân	3g
Mộc hương	2g
Trần bì	5g
Nhân sâm	3g
Phục linh	3g
Bán hạ chế	3g
Bạch truật	5g
Cam thảo	3g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Người sức yếu suy nhược, đờm khò khè khó thở, nôn mửa, đầy tức yếu dạ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

122. SA SÂM BỐI MẪU THANG

Bắc sa sâm	6g
Xuyên bối mẫu	4g

Hoàng kỳ	6g
Sinh địa	6g
Huyền sâm	4g
Tri mẫu	4g
Ngưu bàng tử	4g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Người yếu mệt, ho sốt nóng, phổi yếu, khản tiếng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

123. SINH ĐỊA HUYỀN SÂM THANG

Sinh địa	12g
Huyền sâm	9g
Mạch môn (bỏ lõi)	9g
Củ gió (Kim quả lãm)	6g
Cam thảo	6g

Chủ trị:

Bạch hầu, viêm họng, sốt nóng, miệng khát.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

124. ĐẬU CĂN CÁT CÁNH CAM THẢO THANG

Sơn đậu căn	6g
Cát cánh	6g
Cam thảo	2g
Kinh giới	6g
Phòng phong	4g
Bạch cương tàm (sao thơm)	4g
Bạc hà	3g
Xích thược	4g
Quy vĩ	4g
Chi tử	4g

Chủ trị:

Viêm họng sưng đau, ho.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

125. ĐẬU CĂN CÁT CÁNH NGƯU BÀNG THANG

Sơn đậu căn	6g
Cát cánh	6g
Ngưu bàng tử	4g
Tiền hồ	4g
Tỳ bà diệp	4g

Chủ trị:

Ho do phế, vị nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

126. NƯỚC NHỎ MŨI TÂN DI

Tân di	10g
Thương nhĩ tử	10g

Chủ trị:

Viêm mũi mạn tính, viêm xoang, tắc mũi, chẩy nước mũi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 150ml nước, sắc lấy 30ml nước thuốc, để nguội nhỏ mũi. Ngày nhỏ 4 - 5 lần. Sắc xong dùng ngay trong vòng 2 ngày, không để lâu. Muốn nhỏ tiếp lại sắc lần mới.

127. TÂN DI THƯƠNG NHĨ THANG

Tân di	8g
Thương nhĩ tử	8g
Câu đằng	8g
Kim ngân hoa	8g
Cúc hoa	8g

Phòng phong	5g
Bạc hà	5g
Cam thảo	5g

Chủ trị:

Viêm mũi, viêm xoang cấp có mủ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

128. MA HOÀNG TẾ TÂN THANG

Ma hoàng	4g
Tế tân	2g
Can khương	2g
Phụ tử chế	4g

Chủ trị:

Ho, ngạt mũi do cảm hàn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

129. TẾ TÂN CAM THẢO THANG

Tế tân	2g
Cam thảo	4g
Phục linh	6g
Ngũ vị tử	6g

Chủ trị:

Ho tức ngực, kéo đờm nhiều.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

130. RAU TRAI THANG

Rau Trai (Thài lài trắng)	20g
Liên kiều	10g
Kim ngân hoa	5g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Viêm họng, viêm amidan phát sốt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

131. THANH CAO MIẾT GIÁP THANG

Thanh cao	15g
Miết giáp (tẩm giấm sao)	30g
Hoài sơn	15g
Đại táo	60g
Đường phèn	30g

Chủ trị:

Chứng lao phổi kèm hư nhiệt, sốt hâm hấp về buổi chiều.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Sắc uống liên tiếp nhiều đợt.

132. MẠCH MÔN THANH CAO THANG

Mạch môn (bỏ lõi)	10g
Thanh cao	15g
Đảng sâm	10g
Sinh địa	15g
Hoài sơn	15g

Chủ trị:

Lao phổi ra nhiều mồ hôi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Sắc uống liên tiếp nhiều đợt.

133. TƯ ÂM NHUẬN PHẾ THANG

Thiên môn	12g
Mạch môn	12g

Chủ trị:

Chứng phế vị nóng khô, ho nhiều đờm, họng sưng đau.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, cho thêm 1 thìa canh mật ong quấy đều chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

134. TIỀN HỒ BỐI MẪU TANG BÌ THANG

Tiền hồ	10g
Bối mẫu	10g
Tang bì	10g
Đào nhân	10g
Khoản đông hoa	8g
Cát cánh	5g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Ho nhiều đờm không khạc ra được do nhiệt, viêm phế quản.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

135. HẠNH NHÂN CÁT CÁNH TIỀN HỒ THANG

Hạnh nhân (giã dập)	10g
Cát cánh	6g
Tiền hồ	6g
Ngưu bàng tử	8g
Bạc hà	6g

Chủ trị:

Cảm sốt nóng, đau họng, ho nhiều đờm, khó thở.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

136. TRẦM HƯƠNG TÁN

Trầm hương	2g
Trắc bách diệp	5g

Chủ trị:

Hen phế quản

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, uống 1 lần, uống với nước chín.

Uống lúc sắp đi ngủ.

137. TRI BÁ ĐỊA HOÀNG THANG

Tri mẫu	5g
Hoàng bá	5g
Địa hoàng	10g
Đan bì	5g
Hoài sơn	5g
Sơn thù	5g
Trạch tả	5g
Phục linh	5g

Chủ trị:

Lao sốt nóng hâm hấp trong xương, hay bị di mộng tinh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

138. TỬ UYỂN CÁT CÁNH TRẦN BÌ THANG

Tử uyển	10g
Cát cánh	6g
Trần bì	6g
Bách bộ	10g
Kinh giới	6g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Ho do cảm mạo, do lạnh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

139. TỬ UYỂN TRI BỐI MẪU THANG

Tử uyển	10g
Bối mẫu	10g
Tri mẫu	6g
A giao	10g
Đảng sâm	10g
Phục linh	10g
Cát cánh	6g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Ho do âm hư, người yếu mệt, lao phổi ho khạc đờm có lẫn máu.

Cách dùng, liều lượng:

A giao để riêng. Các vị khác cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc. Khi thuốc còn nóng cho A giao vào quấy tan chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

140. TỲ BÀ TANG BẠCH THANG

Tỳ bà diệp (tẩm mật ong sao)	8g
Tang bạch bì (tẩm mật sao)	6g
Chỉ tử	6g
Hoàng liên	2g
Hoàng bá	2g

Chủ trị:

Phổi nhiệt nóng sinh khó thở, ho.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 50ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

141. VIỄN CHÍ TRẦN BÌ CAM THẢO THANG

Viễn chí	10g
Trần bì	4g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Ho nhiều đờm, viêm phế quản mạn tính.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 50ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

142. XUYÊN TÂM LIÊN THANG

Xuyên tâm liên	8g
Huyền sâm	8g
Bách bộ	8g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Ho, viêm phổi, viêm amidan

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 50ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

143. LÔ CĂN Ý DĨ THANG

Lô căn (rễ cây Lau)	40g
Ý dĩ (để sống không sao)	40g
Hạt Bí đao	40g
Bồ công anh	40g
Kim ngân hoa	40g
Diếp cá	40g
Đào nhân	10g
Cát cánh	10g
Cam thảo	10g

Chủ trị:

Áp xe phổi, viêm màng phổi, nôn oẹ ra đờm mủ hôi tanh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, chia uống 3 lần (sáng, chiều, tối).

Ngày uống 1 thang.

144. THANH NHIỆT NHUẬN PHẾ TIÊU ĐỜM THANG

A giao	10g
Hạnh nhân	10g

Ngưu bàng tử	6g
Cam thảo	4g
Gạo nếp	12g

Chủ trị:

Phế nhiệt, sinh ho khan, ho có đờm lẫn máu.

Cách dùng, liều lượng:

A giao hấp cách thuỷ để riêng.

Các vị khác cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc cho vào A giao quấy tan, uống lúc còn nóng ấm.

Ngày uống 1 thang.

145. TỬ HÀ SA HOÀN

Rau thai nhi	30g
Hoài sơn	30g
Bạch linh	30g
Đảng sâm	30g
Bạch cập	30g

Chủ trị:

Ho lâu ngày không khỏi, có đờm nhiều, ho ra máu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, luyện mật ong làm hoàn 5g. Mỗi lần uống 10g ngày uống 3 lần.

Chú ý:

Rau thai nhi trước khi sử dụng phải chọn lọc cẩn thận và được kiểm nghiệm đầy đủ, đạt các tiêu chuẩn quy định trong dược điển.

146. NHÂN SÂM TẮC KÈ TÁN

Nhân sâm	30g
Tắc kè khô	1 đôi

Chủ trị:

Chứng yếu phổi, yếu thận (đều hư), ho hen lâu ngày không khỏi, yếu sinh lý.

Cách dùng, liều lượng:

Tắc kè bỏ đầu, bỏ chân, rửa sạch, sấy khô.

Nhân sâm thái lát mỏng sấy khô.

Cả hai trộn lẫn tán bột mịn.

Mỗi lần uống 2 - 3g. Ngày uống 2 lần, hoà vào nước cháo hay nước cơm uống.

147. CÁP NHÂN HẠNH TÁN

Cáp giới (Tắc kè) khô	1 đôi
Nhân sâm	12g
Hạnh nhân	8g
Phục linh	8g
Bối mẫu	8g
Tang bì	12g

Chủ trị:

Người ốm yếu lâu ngày, cơ thể suy nhược, ho hen, tức ngực mắt sưng húp, phù nề.

Cách dùng, liều lượng:

Tắc kè bỏ đầu, bỏ chân, rửa sạch sấy khô.

Các vị khác sấy khô, trộn lẫn tán bột mịn, chia uống trong 4 ngày với nước cháo hay nước cơm.

148. NGƯU BÀNG CÁT CÁNH THANG

Ngưu bàng tử	10g
Cát cánh	5g
Thuyền thoái	4g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Viêm khí quản, ho khản mất tiếng do cảm mạo.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

149. LA BẠC TRẦN BÌ THANG

La bạc tử (sao thơm)	12g
Trần bì (sao thơm)	8g
Thổ phục linh (sao)	16g
Cam thảo nam (sao)	8g
Bán hạ chế	8g

Chủ trị:

Ho có nhiều đờm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

150. MẠCH MÔN TANG BÌ THANG

Mạch môn (bỏ lõi)	12g
Tang bạch bì	12g
Lá chanh	16g
Cúc hoa	8g
Bạc hà	8g

Chủ trị:

Ho khan, đau rát họng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống nhiều lần trong ngày (ngậm nuốt dần có tác dụng giảm ho tốt hơn).

Ngày uống 1 thang.

CÁC BÀI THUỐC TRỊ BỆNH HỆ THẦN KINH

1. ĐIỀU HOÀ VỊ KHÍ AN THẦN TRẤN TÂM THANG

Khổ qua	8g
Bán hạ chế	6g
Long nhãn	10g
Trinh nữ	6g
Thảo quyết minh (sao)	8g
Ý dĩ (sao)	8g
Lá Vông	6g
Hậu phác (sao)	6g
Hoài sơn (sao)	8g

Chủ trị:

Mất ngủ kinh niên, đầu xây xẩm, bụng nóng xót ruột, ăn kém.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần (sáng, tối).

Ngày uống 1 thang.

2. LIÊN THẢO HOÀN

Long nhãn	200g
Liên nhục	200g
Đại táo	200g
Lá Vông (tươi)	1500g
Hoài sơn	160g
Cam thảo	130g
Táo nhân	200g

Chủ trị:

Mất ngủ do suy nhược, nằm hay mơ, ngủ dễ tỉnh hay không ngủ được.

Cách dùng, liều lượng:

Long nhãn, Đại táo, lá Vông nấu cao lỏng (tỷ lệ 5/1). Cam thảo, Liên nhục, Táo nhân, Hoài sơn sao giòn tán bột mịn, luyện đều với cao lỏng Long nhãn, Đại táo, lá Vông làm viên bằng hạt ngô.

Ngày uống 20 - 40 hoàn, chia làm 2 lần. Uống với nước chín nguội.

Kiêng kỵ:

Kiêng các thứ cay nóng.

3. THỦ Ô TY TỬ HOÀN

Hà thủ ô đỏ chế (sao vàng)	260g
Thỏ ty tử (sao qua)	260g
Cám gạo nếp mịn (sao vàng)	260g
Đậu đen (sao cháy 6/10)	80g
Ngải cứu (khô)	80g
Thực diêm (rang khô)	50g
Lộc giác sương (sao vàng)	260g
Kê nội kim (tẩm giấm sao)	50g
Mộc nhĩ (tẩm giấm sấy khô)	50g
Liên nhục (bỏ tim sao giòn)	130g
Lòng đỏ trứng gà (luộc chín)	10 quả
Kẹo mạch nha	520g
Mật mía	520g

Chủ trị:

Thần kinh suy nhược, kém ăn, kém ngủ, mỏi mệt, hư lao, thiếu máu, di mộng hoạt tinh.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị đã sao chế tán bột mịn, luyện với kẹo mạch nha và mật mía đã cô thành châu, làm hoàn bằng hạt ngô.

Mỗi lần uống 20 hoàn, ngày uống 2 lần với nước chín.

Kiêng kỵ:

Kiêng các thứ cay nóng và rau thơm.

4. TANG DIỆP HẮC ĐẬU THANG

Tang diệp (tươi sao qua)	20g
Hắc đậu (sao vàng)	40g
Lá Vông (tươi sao qua)	30g
Thảo quyết minh (sap thơm)	20g

Chủ trị:

Đêm không ngủ được hoặc ít ngủ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày (sáng, trưa, tối).

Ngày uống 1 thang. Uống luôn 3 - 4 ngày.

5. KHUNG CHỈ THẢO QUYẾT TÁO NHÂN THANG

Xuyên khung	12g
Bạch chỉ	12g
Thảo quyết minh (sao thơm)	12g
Táo nhân (sao cháy)	12g
Trinh nữ tử (sao thơm)	12g
Lạc tiên (khô)	12g
Vừng đen (rang khô bỏ vỏ)	20g
Tang diệp (khô)	8g
Lá Vông (khô)	8g
Bình vôi	8g

Chủ trị:

Suy nhược thần kinh: Đau đầu, mất ngủ, hoa mắt, chóng mặt (đơn thuần).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần (sáng, tối) trong ngày.

Ngày uống một thang.

6. THANH CHÂN HOÀN

Liên diệp	1000g
Xương truật	20g
Thăng ma	10g

Chủ trị:

Đau đầu liên miên hoặc đau dữ dội, đau mới hoặc đau lâu, đau bất kể về mùa nào.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Sen thái nhỏ phơi khô sao vàng hạ thổ.

Xương truật tẩm nước gạo sao vàng.

Thăng ma tẩm rượu sao giòn.

Tất cả các vị tẩm sao xong trộn đều tán bột mịn luyện hồ làm hoàn bằng hạt ngô.

Ngày uống 2 lần. Mỗi lần uống 20 - 25 hoàn với nước chín sau bữa ăn.

7. ĐÔNG QUA ĐỊA LONG THANG

Đông qua (quả bí xanh)	1 quả to
Địa long (Giun đất)	30 con
Trúc nhự (Tinh tre)	20g
Thạch cao	40g

Chủ trị:

Tinh thần rối loạn, ăn ngủ bất thường, khi hát, khi cười, khi nói nhảm nhí, có lúc mất trí, có lúc như điên. Giọng nói trong, cao, sắc da đỏ, tiểu tiên vàng, rắt, đại tiện táo.

Cách dùng, liều lượng:

Quả bí cắt bỏ đầu, khoét bỏ hết ruột, hạt. Cho các vị thuốc vào, bịt kín miệng cắt. Đem nướng trong lò than củi cho thật chín, bỏ ra vắt lấy nước cho người bệnh uống nhiều lần trong ngày. Khi người bệnh ngủ dùng rượu trắng tốt xoa lên đầu, lên trán cho đến khi người bệnh tỉnh dậy, xoa nhiều lần như vậy.

Ngày uống 1 quả, uống liền 3-5 ngày.

Chú ý gia giảm:

- Khi người bệnh hết rối loạn tinh thần thì cho uống tiếp bài thuốc sau:

Táo nhân	20g
Long nhãn	20g
Viễn chí	12g
Xương bồ	8g
Hoàng cầm	12g
Bạch linh	12g
Bán hạ	8g
Cam thảo	4g
Xuyên quy	20g
Bạch thược	12g
Thục địa	20g
Sa sâm	12g
Hoàng kỳ	20g

Tất cả các vị sắc uống ngày một thang.

- Riêng đối với người bệnh là phụ nữ dùng phương Đông qua địa long thang, sau khi hết rối loạn tâm thần thì cho uống bài sau:

Bát vị tiêu giao thang gia Đào nhân, Hồng hoa

Sài hồ	6g
Bạch linh	8g
Bạch thược (sao)	12g
Bạch truật (sao)	8g
Đương quy	8g
Cam thảo (chích)	4g
Bạc hà	2g
Ổi khương (Gừng tươi nướng)	3 lát
Đào nhân	6g
Hồng hoa (tẩm rượu sao)	4g

Tất cả các vị trên sắc uống ngày 1 thang.

8. ĐỊA LONG MÃ TIỀN TÁN

Mã tiền chế	10g
Địa long sấy khô giòn	10g

Chủ trị:

Bệnh kinh giản phát sinh bất thường. Khi Phát người bệnh tự nhiên ngã quay bất tỉnh, run rẩy, thở đờm khò khè, sùi bọt mép, mắt trợn trừng.

Bệnh nhẹ thì không bất tỉnh, đờm rãi run rẩy ít hoặc người chỉ choáng váng ngã quay một lúc lại tỉnh.

Cách dùng, liều lượng:

Cả 2 vị tán bột mịn, trộn đều.

Mỗi lần uống 2-3g với nước sôi, trước bữa ăn.

9. BA BA THẦN SA THANG

Ba ba (Con Cua Đinh) tươi	1 con
Bột thần sa thuỷ phi	0,5g
Rượu trắng tốt	25ml-30ml

Chủ trị:

Bệnh kinh giản.

Cách dùng, liều lượng:

Ba ba tươi, cắt cổ hứng tiết vào bát rượu trắng cho bột thần sa vào quấy đều uống một lần.

Bệnh nhẹ uống	5 con.
Bệnh nặng uống	10 con.

10. SƠ KINH ĐIỀU VỊ THANG

Khổ qua (quả)	8g
Thương nhĩ (cây)	8g
Hy thêm	8g
Nhàu (cây)	8g
Thảo quyết minh (cây)	8g
Trinh nữ (cây)	6g
Quyết minh tử (sao thơm)	6g
Bạc hà	6g
Bạch chỉ	6g
Kiến cò (cây)	6g
Bông sứ (Hoa)	6g

Chủ trị:

Đau giây thần kinh tam thoa: Đau nhức trước trán, nhức lên đến đỉnh đầu, mắt và mũi cũng nhức nhất là đau ở mí mắt và tròng mắt, (nhãn áp tăng), mạch phù sác, chất lưỡi đỏ, đại tiện táo.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

11. HOÀN BÌNH THẢO

Bột Bình vôi	20g
Bột Hoài sơn	10g
Bột Thảo quyết minh	10g
Bột Liên nhục	5g

Chủ trị:

Khó ngủ, mất ngủ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế sấy giòn tán bột mịn, trộn đều, luyện hồ làm hoàn 0,5g.

Ngày uống 4 - 6 hoàn với nước chín nguội, trước khi ngủ buổi tối 30 phút.

12. ÔN ĐỞM THANG GIA VỊ

Bán hạ chế	12g
Trần bì	12g
Bạch linh	12g

Cam thảo	6g
Chỉ thực	10g
Trúc nhự	12g
Bạch chỉ	12g

Chủ trị:

Suy nhược thần kinh thể tâm đởm thực nhiệt (thể hưng phấn tăng) có chứng nhức đầu, khi ngủ có ác mộng, ngực sườn đau tức, trí nhớ giảm, huyết áp dao động hoặc hơi tăng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày. Uống trước khi ăn.

Ngày uống 1 thang.

13. BỔ TÂM TỲ AN THẦN HOÀN

Hoài sơn (sao vàng)	40g
Liên nhục (để cả tim) sao	40g
Tang diệp non	20g
Hải đồng diệp (Lá Vông)	20g
Bá tử nhân (sao)	20g
Táo nhân (sao đen)	20g
Long nhãn	20g

Chủ trị:

Mất ngủ do tâm tỳ yếu: Sắc mặt không tươi, mệt mỏi, uể oải, ăn kém hay quên tim đập hồi hộp, mạch tế nhược.

Cách dùng, liều lượng:

Long nhãn giã nhuyễn để riêng.

Các vị khác sao vàng tán bột mịn, trộn với Long nhãn luyện kỹ làm hoàn bằng hạt ngô nhỏ.

Người lớn ngày uống 2 lần, mỗi lần 12g.

14. BÌNH CAN GIÁNG HOẢ AN THẦN THANG

Câu đằng	12g
Hạ khô thảo	12g
Long nhãn	15g
Chi tử (sao)	12g
Táo nhân (sao đen)	8g
Hải đồng diệp	20g
Đại hoàng	8g

Chủ trị:

Thần kinh suy nhược thể can hoả vượng: Nhức đầu mất ngủ, mặt đỏ, phân táo, nước tiểu đỏ, lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng. Mạch huyền hoặc huyền sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần (sáng, tối) uống lúc đói.

15. TƯ ÂM THANH NHIỆT AN THẦN HOÀN

Hắc đậu (Đậu đen) sao chín	40g
Hắc chi ma	40g
Hải đồng diệp	40g
Mộc hồ điệp bì (Vỏ Núc nác) sao rượu	12g
Tang diệp (non)	40g
Lạc tiên (dây và lá)	20g
Thảo thuyết minh (sao)	20g

Chủ trị:

Mất ngủ do âm hư hoả vượng: Mất ngủ đầu nặng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tẩm sao, sấy khô tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt ngô nhỏ.

Người lớn ngày uống 2 lần, mỗi lần 20g, uống với nước chín nguội.

16. BỔ TỲ GIA GIẢM

Đương quy	10g
Bạch truật (sao cám vàng)	10g
Đảng sâm	12g
Hương phụ chế	12g
Liên nhục	12g
Táo nhân (sao vàng)	12g
Hoài sơn (sao)	12g
Mộc hương	4g
Can khương	5g
Cam thảo (chích)	8g

Long nhãn	12g
Hậu phác	8g
Hoàng kỳ	12g
Viễn chí	8g

Chủ trị:

Hội chứng suy nhược thần kinh, suy nhược cơ thể do tâm tỳ hư (thể ức chế giảm) có chứng nhức đầu căng nặng, ngủ ít hay mê, mệt mỏi chán ăn, sút cân, sợ lạnh, bụng đầy có khi ỉa lỏng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày. Uống lúc thuốc còn ấm.

Ngày uống 1 thang.

17. TIÊU DAO THANG GIA VỊ

Phục linh	8g
Đương quy	8g
Bạch thược (sao)	8g
Bạch truật (sao)	8g
Sài hồ	8g
Táo nhân (sao)	8g
Hương phụ	8g
Đơn bì	4g
Uất kim (Nghệ vàng)	4g
Chi tử	4g
Xuyên khung	4g
Bạc hà	4g
Thục địa	12g
Cam thảo	2g

Chủ trị:

Suy nhược thần kinh: Ít ngủ, mệt mỏi, ăm kém, rêu lưỡi trắng, mạch phù sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

18. NHÂN SÂM DƯỠNG VINH THANG GIA VỊ

Nhân sâm	8g
Phục linh	8g
Bạch truật	8g
Cam thảo	2g
Xuyên khung	8g
Đương quy	8g
Thục địa	12g
Bạch thược	8g
Hoàng kỳ	8g
Quế tâm (tán để riêng)	4g
Trần bì	4g
Ngũ vị	8g
Viễn chí	8g
Phúc bồn tử	8g
Kỷ tử	8g
Đại táo	2 quả
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Lao động trí óc nhiều, lo nghĩ, phiền muộn, mất ngủ, hồi hộp, đầu váng, tai ù, nôn nao; Khí huyết lưỡng hư, lưỡi nhợt, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch tế hư.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, cho bột Quế tâm vào quấy đều, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

19. QUY TỲ THANG GIA GIẢM

Đảng sâm	8g
Bạch truật	8g
Long nhãn	8g
Táo nhân	8g
Hắc đậu	12g
Phục thần	8g
Mộc hương (tán bột để riêng)	4g
Ý dĩ	8g
Viễn chí	8g

Liên nhục	8g
Hoàng kỳ	8g
Đương quy	8g
Kỷ tử	8g
Đại táo	2 quả

Chủ trị:

Thần kinh suy nhược lâu ngày, ăn ngủ kém, hốt hoảng, người mệt mỏi, mắt thâm quầng, lưỡi trắng, mạch hoãn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc cho bột Mộc hương vào quấy đều. Chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

20. AN THẦN CỐ TÍNH THANG

Thục địa	12g
Hoài sơn	8g
Sơn thù	8g
Trạch tả	4g
Phục linh	8g
Đơn bì	4g
Phụ tử chế	8g
Nhục quế (tán hột gói riêng)	4g
Táo nhân	12g
Viễn chí	8g
Kim anh tử	8g
Khiếm thực	8g
Ba kích	8g
Thỏ ty tử	8g
Kỷ tử	8g
Nhục thung dung	12g
Phúc bồn tử	12g
Đỗ trọng	12g
Đại táo	2 quả

Chủ trị:

Thần kinh suy nhược có biểu hiện: Sắc mặt trắng, lưng, gối yếu mỏi, di tinh, liệt dương, chân tay lạnh, người sợ lạnh, ít ngủ, đi tiểu nhiều lần nước tiểu trong, lưỡi trắng nhợt, mạch trầm tế vô lực.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc cho bột Nhục quế vào quấy đều, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

21. RƯỢU AN THẦN

Táo nhân (sao đen)	100g
Bá tử nhân (sao)	100g
Ngũ vị tử	100g
Rượu trắng 40°	1000ml

Chủ trị:

Thần kinh suy nhược, mất ngủ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị thuốc đã sao chế cho vào rượu, ngâm trong 7 ngày. Ngày uống 2 lần (trưa, tối trước khi đi ngủ) mỗi lần uống 15 - 25ml (1 ly nhỏ).

Kiêng kỵ:

Người dị ứng với rượu, người mắc bệnh gan không dùng.

22. TANG DIỆP QUYẾT MINH THANG

Tang diệp	20g
Thảo quyết minh (sao)	20g
Hải đồng diệp	30g
Lạc tiên	30g
Liên nhục (cả tâm)	10g

Chủ trị:

An thần, mất ngủ, buồn phiền, hồi hộp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày (trưa, tối trước khi đi ngủ).

Ngày uống 1 thang.

23. TÁO NHÂN VIỄN CHÍ PHỤC THẦN THANG

Táo nhân (sao đen)	8g
Viễn chí	6g
Phục thần	6g

Xuyên khung	4g
Tri mẫu	4g
Cam thảo	2g

Chủ trị:

Thần kinh suy nhược, mất ngủ, hồi hộp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần (trưa, tối trước khi đi ngủ).

Ngày uống 1 thang.

24. LIÊN ANH TỬ THANG

Liên tử (cả tâm) giã dập	30g
Kim anh tử	12g
Ba kích	8g

Chủ trị:

Thần kinh căng thẳng, trằn trọc khó ngủ, ăn uống kém.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 3 lần (sáng, chiều, tối).

Ngày uống 1 thang.

25. THUỶ LỤC NHỊ TIÊN ĐƠN

Kim anh tử (bỏ hột, lông)	500g
Khiếm thực	500g
Mật ong đủ làm hoàn	

Chủ trị:

Thần kinh suy nhược, lưng đau gối mỏi, đàn ông di mộng, hoạt tinh, phụ nữ bạch đới, đại tiện thường loãng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi sấy khô ở nhiệt độ 50°C, tán bột mịn cho vào Mật ong đã cô thành châu luyện kỹ làm hoàn. Mỗi hoàn 12g.

Ngày uống 3 lần, mỗi lần 1 hoàn, uống với nước chín nguội.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ cay, nóng.

26. BỔ TÂM HOÀN

Long nhãn	500g
Liên nhục (cả tâm)	500g
Mật ong đủ làm hoàn.	

Chủ trị: Thần kinh suy nhược, khó ngủ, người mệt, ruột sót xa như bào.

Cách dùng, liều lượng:

Long nhãn chưng cách thuỷ cho mềm (khi chưng đậy kín không cho hơi nước vào) quết thật nhuyễn.

Liên nhục sấy khô ở nhiệt độ 50°C, tán bột mịn.

Long nhãn quết nhuyễn trộn đều với bột Liên nhục cho vào Mật ong đã cô thành châu, luyện thật kỹ làm hoàn, mỗi hoàn 12g.

Ngày uống 3 lần, mỗi lần 1 hoàn, uống với nước chín nguội.

27. CHÈ SEN CÚC

Liên tâm	4g
Tang diệp (sấy giòn vò vụn)	4g
Cúc hoa	4g
Táo nhân (sao đen)	12g
Cam thảo	2g

Chủ trị:

An thần, mất ngủ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước sôi hãm uống dần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

28. NHỊ TRẦN GIA VỊ THANG

Trần bì	10g
Bán hạ	12g
Bạch linh	12g
Cam thảo	8g
Huyền sâm	16g
Ngưu tất	12g
Chi tử	12g
Cúc hoa	10g

Chủ trị:

Rối loạn tiền đình do đờm hoả thượng nghịch xông lên não gây ra, biểu hiện triệu chứng chủ yếu là: Khi quay đầu thấy chóng mặt, nhà cửa đảo lộn, nôn, kèm theo mặt đỏ bừng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần sau bữa ăn trưa và tối.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Nếu rối loạn tiền đình có kèm tăng huyết áp thì dùng bài thuốc trên gia bội lượng Ngưu tất lên 20g, gia thêm Câu đằng 16g.

- Nếu rối loạn tiền đình có kèm thêm tăng huyết áp, đau đầu, mờ mắt thì điều trị bằng bài thuốc trên gia bội lượng Ngưu tất lên 20g và gia thêm các vị:

Câu đằng	16g
Mạn kinh tử	10g
Quyết minh tử	16g

Kiêng kỵ:

Kiêng thịt gà, rượu, bia, tiêu, ớt, tỏi, thịt chó.

29. LẠC TIÊN HẢI ĐỒNG TANG DIỆP THANG

Lạc tiên	60g
Hải đồng diệp	20g
Tang diệp	20g
Hắc đậu	20g
Xích đậu	20g

Chủ trị:

Suy nhược thần kinh, hồi hộp, mất ngủ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng rượu, cà phê, thuốc lá, các thứ cay nóng.

30. GIẢI CƠ THANH CAN TƯ THẬN THANG

Quyết minh tử (sao đen)	20g
Hắc đậu (sao qua)	20g
Sinh địa	12g
Mộc tặc	8g
Bạc hà diệp	12g

Chủ trị:

Đau dây thần kinh liên sườn do can khí nghịch.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

31. BÁT VỊ QUẾ PHỤ THANG GIA VỊ

Thục địa	12g
Hoài sơn	12g
Mẫu đơn bì	10g
Trạch tả	8g
Bạch linh	12g
Sơn thù	8g
Nhục quế	4g
Phụ tử chế	10g
Đỗ trọng	12g
Ngưu tất	12g
Mộc qua	12g
Tần giao	12g

Chủ trị:

Viêm rễ thần kinh toạ: Đau ngang thắt lưng lan xuống mông, cẳng chân đến gót chân. Đi lại đau nhiều phải chống gậy, không cúi ngửa được.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày. Uống xa bữa ăn.

Ngày uống 1 thang.

32. NGŨ LONG HOÀN

Táo nhân (sao đen)	100g
Tâm sen (sao thơm)	200g

Quyết minh tử (sao vàng)	100g
Bạch thược (sao)	200g
Cam thảo (sao)	100g

Chủ trị:

Chứng suy nhược thần kinh thể cường (hưng phấn): Mất ngủ, đau đầu, táo bón, nóng ruột, tăng huyết áp (thể can hoả vượng).

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị sao chế khô giòn, tán bột mịn, trộn đều luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Ngày uống 10 - 15g, chia uống 2 lần với nước chín nguội.

Kiêng kỵ:

Người tỳ vị, thận dương hư, ỉa chẩy do lạnh không dùng.

33. KHU PHONG TỨ VẬT THANG

Thục địa	20g
Xuyên quy	16g
Xuyên khung	12g
Bạch thược	12g
Tần giao	12g
Phòng phong	10g
Bạch chỉ	10g
Thạch xương bồ	8g
Độc hoạt	8g
Khương hoạt	8g
Kinh giới	10g
Tế tân	4g

Chủ trị:

Trúng phong kinh lạc thuộc thể nhẹ: Méo miệng, liệt chân tay.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 lần (sáng, trưa, tối) lúc đói.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thức ăn có rán mỡ. Giữ cơ thể luôn ấm và tăng cường xoa bóp.

34. QUY TỲ GIA VỊ THANG

Đảng sâm	15g
Hoàng kỳ	15g
Đương quy	15g
Bạch truật	15g
Bạch linh (hoặc Phục thần)	10g
Mộc hương	6g
Viễn chí	5g
Táo nhân (sao đen)	12g
Cam thảo (chích)	5g
Đan sâm	12g
Thảo quyết minh (sao đen)	12g
Kỷ tử	10g
Mạch môn (sao kỹ)	12g
Xương bồ	8g
Bình vôi	8g
Hà thủ ô (chế)	15g
Hoài sơn (sao vàng)	15g
Đại táo	15g

Chủ trị:

Thần kinh suy nhược thể tâm tỳ, khí huyết hư có các triệu chứng:

Đau đầu, mất ngủ, tim hồi hộp, chóng mặt, rối loạn cảm giác, hoa mắt, trí nhớ giảm sút, kém ăn mệt mỏi suy nhược, sắc mặt vàng miệng nhạt, mạch nhược.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1200ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các chất cay nóng: tiêu, ớt, tỏi...
- Kiêng ăn các chất kích thích: rượu, chè, cà phê, thuốc lá...

35. QUYẾT MINH TANG DIỆP THANG

Tang diệp	30g
Lá Đinh lăng (sao thơm)	30g
Quyết minh tử (sao đen)	20g
Sâm Đại hành	10g

Cam thảo	5g
Củ Bình vôi	10g

Chủ trị:

Chứng mất ngủ, tim hồi hộp, đau đầu, mệt mỏi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

- Kiêng rượu bia, thuốc lá và các chất kích thích khác.
- Kiêng phòng dục.

36. LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG HOÀN

Thục địa	32g
Sơn thù	16g
Hoài sơn	16g
Phục linh	12g
Trạch tả	12g
Đan bì	12g

Chủ trị:

Thần kinh suy nhược, can thận âm hư, gây lưng đau, gối mỏi, hoa mắt đầu váng tai ù, ra mồ hôi trộm, di tinh, hoặc hư hoả bốc lên gây cốt chưng triều nhiệt: nhức trong xương lòng bàn tay bàn chân nóng. Răng đau mồm khô, họng khô, lưỡi đỏ ít rêu, mạch tế sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, luyện mật làm hoàn mỗi hoàn 5g.

Ngày uống 3 lần, mỗi lần uống 3 hoàn vào lúc đói bụng. Uống với nước muối nhạt.

Chú ý gia giảm:

- Đối với trường hợp suy nhược thần kinh thuộc thể âm hư, dương cang sinh nội nhiệt thì dùng bài Tri bá địa hoàng hoàn tức là: Lục vị địa hoàng hoàn gia thêm:

Tri mẫu	8g
Hoàng bá	8g

để tư âm giáng hoả mạnh hơn.

- Đối với trường hợp suy nhược thần kinh có thêm can âm hư có chứng quáng gà, giảm thị lực nhìn không rõ, ra gió chẩy nước mắt, khô mắt thì dùng bài Kỷ cúc địa hoàng hoàn tức là: Lục vị địa hoàng hoàn gia thêm:

Kỷ tử	12g
Cúc hoa	12g

để tư thận dưỡng can.

- Nếu chứng thần kinh suy nhược mà thiên về thể tâm thận bất giao (cùng một lúc biểu hiện hội chứng hư của Tâm, của Thận) thì dùng Lục vị địa hoàng hoàn gia thêm:

Hoàng liên	6g
Toan táo nhân	20g
Ngũ vị tử	8g

để tư âm, dưỡng thận, liễm phế, cầm mồ hôi, cố tinh.

37. TRI BÁ ĐỊA HOÀNG THANG GIA GIẢM

Thục địa	20g
Sinh địa	15g
Hoài sơn	16g
Phục linh	12g
Mẫu đơn bì	12g
Trạch tả	10g
Sơn thù	10g
Tri mẫu	6g
Hoàng bá	6g

Chủ trị:

Suy nhược thần kinh thuộc thể âm hư hoả vượng gây nên các chứng:

Di tinh mộng tinh, mỏi lưng, chóng mặt, ù tai, mặt đỏ, ít ngủ, tiểu tiện vàng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn đồ tanh: tôm, cua, cá, ốc; Các thứ cay, nóng; rượu, bia, ớt, tiêu, thịt chó.

38. THẤT DIỆP NHẤT CHI HOA THANG

Bảy lá một hoa	6g
Mạch môn	6g

Kim ngân hoa	10g
Bạch cúc hoa	10g
Mộc hương	3g

Chủ trị:

Các bệnh truyền nhiễm cấp tính (ôn bệnh): Viêm não truyền nhiễm, viêm não Nhật Bản B, sốt cao mê man co giật.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

39. BỘT BỒ KẾT PHÈN CHUA

Quả bồ kết (sao cháy)	20g
Phèn chua (phi)	20g

Chủ trị:

Trúng phong hai hàm răng cắn chặt.

Cách dùng, liều lượng:

Bồ kết, Khô phàn tàn bột mịn, trộn đều, lấy 10g bột hoà vào chén nước ấm, cậy răng đổ vào miệng cho thổ ra.

40. BỒ KẾT TẾ TÂN TÁN

Quả bồ kết (sao giòn)	5g
Tế tân	5g
Bán hạ	5g
Bạc hà	5g
Hùng hoàng	5g

Chủ trị:

Trúng phong hôn mê bất tỉnh, cấm khẩu, ngạt thở.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn, lấy một ít bột bằng hạt đậu xanh thổi vào mũi cho hắt hơi, bệnh nhân sẽ tỉnh.

41. THƯỢC DƯỢC CAM THẢO THANG

Thược dược	12g
Cam thảo	12g

Chủ trị:

Các chứng bắp thịt co rút (chuột rút, vọp bẻ) đau buốt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Nếu bắp thịt co rút liên tục có thể uống thêm 1 thang nữa.

42. SÀI HỒ CÁT CĂN THANG

Sài hồ	4g
Cát căn	8g
Khương hoạt	4g
Bạch truật	4g
Hoàng cầm	4g
Thược dược	4g
Cam thảo	2g
Cát cánh	2g
Thạch cao	6g
Đại táo	3 quả
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Trằn trọc khó ngủ, tim hồi hộp, nhức đầu, nhức mắt, khô mũi, mỏi chân tay, sốt cao mà hơi rét, mạch vi hồng, do ngoại cảm gây nên.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

43. THIÊN MA CÂU ĐẰNG THANG

Thiên ma	10g
Câu đằng	12g
Thuỷ ngưu giác (sừng Trâu)	15g
Mộc hương	4g
Bọ cạp (Toàn yết)	4g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Các chứng phong do can nhiệt, động kinh, co giật do sốt cao.

Cách dùng, liều lượng:

Sừng trâu thái lát mỏng cho vào sắc trước với 800ml nước trong 1 giờ, sau cho các vị khác vào sắc cùng. Sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày

Ngày uống 1 thang.

44. NGÔ CÔNG THUYỀN THOÁI CÂU ĐẰNG THANG

Ngô công (tán vụn)	10g
Thuyền thoái (tán vụn)	8g
Câu đằng	20g
Thạch cao (tán vụn)	12g
Hoàng cầm	10g
Bạch phụ tử	12g
Thiên nam tinh (Củ Nưa)	6g
Tang diệp	15g
Bọ cạp (tán vụn)	8g

Chủ trị:

Sài uốn ván (kết hợp với tiêm vaccin chống uốn ván).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

45. NGÂN HOA THANH ĐẠI THẠCH CAO THANG

Kim ngân hoa	30g
Lá Thanh đại (Chàm mèo)	15g
Thạch cao (tán dập)	20g

Chủ trị:

Viêm não tuỷ, sốt cao, khát nước.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

46. HÀ QUY THANG

Hà thủ ô đỏ (chế)	9g
Quy bản (chế giấm)	9g
Bắc sa sâm	9g
Mẫu lệ (sống)	9g
Bạch thược	9g

Chủ trị:

Thần kinh suy nhược, mất ngủ, lo âu hồi hộp, huyết hư thiếu máu, râu tóc bị bạc sớm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

47. HÀ ĐAN TRÂN CHÂU MẪU THANG

Dây Hà thủ ô đỏ	9g
Đan sâm	9g
Trân châu mẫu (vỏ con trai ngọc)	30g

Chủ trị:

Chứng buồn phiền, mất ngủ.

Cách dùng, liều lượng:

Trân châu mẫu tán giập trộn lẫn với dây Hà thủ ô đỏ, Đan sâm cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

48. HỔ PHÁCH THỌ TINH HOÀN

Bột Hổ phách	1,5g
Bột Chu sa (thuỷ phi)	1,5g
Bán hạ chế	3g

Chủ trị:

Động kinh

Cách dùng, liều lượng:

Các bột trộn đều theo phương pháp trộn bột kép, luyện hồ làm hoàn bằng hạt cải.

Chia uống làm 2 lần trong ngày với nước chín ấm.

49. HỔ PHÁCH ĐỊNH CHÍ HOÀN

Bột Hổ phách	3g
Bột chu sa (thuỷ phi)	1,5g
Bột Nhũ hương	3g

Bột Thạch xương bồ	6g
Bột Phục thần	9g
Bột Đảng sâm	9g
Bột Nam tinh (chế)	6g
Bột Viễn chí	6g

Chủ trị:

Thần khí không yên, hay quên, người mệt mỏi.

Cách dùng, liều lượng:

Các bột trộn đều theo phương pháp trộn bột kép luyện hồ làm hoàn bằng hạt cải.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 6g. Uống với nước chín ấm.

50. HOÈ HOA HY THIÊM THANG

Hoè hoa (sao thơm)	15g
Hy thiêm (tẩm rượu sao vàng)	15g

Chủ trị:

Thần kinh suy nhược, mất ngủ, tăng huyết áp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tẩm sao xong cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

51. HY THIÊM THƯƠNG NHĨ TÁN

Hy thiêm (tẩm rượu sao vàng)	10g
Thương nhĩ tử	10g
Ngũ gia bì	10g
Địa cốt bì	5g
Đương quy	10g
Hồng hoa	5g
Kim ngân hoa	5g
Phòng phong	5g

Chủ trị:

Phong tê, nửa bên người đau nhức.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 3 - 6g uống với nước chín nguội.

52. CAO KIM ANH

Quả kim anh	600g
Đường trắng	1000g

Chủ trị:

Các chứng bệnh thần kinh bất định, lo âu, trằn trọc thâu đêm không ngủ, ăn kém, mồ hôi tự ra. Người thận hư: nam di tinh, nữ bạch đới, đái vãi không giữ được, trẻ em đái dầm.

Cách dùng, liều lượng:

Kim anh bỏ hết hột và lông trong ruột, tán vụn, bọc vào túi vải cho vào 3000 ml nước, sắc kỹ lấy 1000ml, cho đường vào quấy tan, tiếp tục cô cạn lấy 1000ml.

Người lớn ngày uống 2 lần, mỗi lần 1-2 thìa canh.

53. QUY TỲ HOÀN

Bạch truật (sao)	30g
Đảng sâm	30g
Phục linh	30 g
Mộc hương	30g
Hoàng kỳ (tẩm mật sao)	30g
Long nhãn	30g
Đương quy	30g
Toàn táo nhân (sao đen)	30g
Viễn chí	30g
Cam thảo (chích)	15g

Chủ trị:

Thần kinh suy nhược: Mất ngủ, trí nhớ giảm sút hay quên rối loạn tinh thần sau 1 thời kỳ ốm bệnh lâu dài, tiêu hoá kém do tỳ hư, hồi hộp hay sợ hãi do huyết hư.

Cách dùng, liều lượng:

Long nhãn đun cách thuỷ cho mềm, quết thật nhuyễn để riêng. Các vị khác tẩm sao, sấy khô giòn tán bột mịn trộn với long nhãn đã quết nhuyễn cho thật đều, luyện với mật ong đã cô thành châu, giã kỹ đến khi khối thuốc không bám vào chày là được, làm hoàn nặng 1g.

Người lớn ngày uống 2 - 3 lần, mỗi lần uống 2 - 4g (2 - 4 hoàn) với nước chín nguội.

54. LONG ĐỞM LÔ HỘI HỒ HOÀNG LIÊN THANG

Long đởm thảo	6g
Lô hội	4g
Hồ hoàng liên	4g
Xuyên khung	4g
Đương quy	10g
Bạch thược	12g
Mộc hương	4g

Chủ trị:

Thần chí không yên, hồi hộp, có khi co giật, đầu váng, mắt đỏ sưng đau, ù điếc tai, táo bón, nước tiểu đỏ do can - đởm có thực nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

55. BẠCH THƯỢC QUẾ CHI THANG

Bạch thược	8g
Quế chi	8g
Sinh khương	8g
Cam thảo	4g
Đại táo	2 quả

Chủ trị:

Trúng phong (cảm, ngất) nhức đầu, nóng sốt, ngạt mũi, sợ gió.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, uống 1 nửa lúc thuốc còn nóng.

Uống thuốc xong ăn thêm bát cháo nóng, đắp chăn cho ra mồ hôi dầm dấp.

Sau khi uống thuốc, mồ hôi ra dầm dấp, bệnh giảm thì thôi không uống tiếp nữa.

Nếu chưa ra mồ hôi thì uống nốt nửa thuốc còn lại. Tránh gió lạnh.

Kiêng kỵ:

Kiêng các chất sống lạnh, mỡ, thức ăn ôi thiu.

56. PHỤC THẦN VIỄN CHÍ LIÊN NHỤC THANG

Phục thần	10g
Viễn chí	10g
Liên nhục (cả tâm)	10g
Hoàng kỳ	10g
Táo nhân (sao đen)	10g
Đảng sâm	10g
Trần bì	6g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Tâm thần bất an, mất ngủ hoa mắt, váng đầu, người suy nhược.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ cay, nóng: Tiêu, ớt, tỏi.

Các chất kích thích: Chè, thuốc lá, cà phê, bia, rượu.

57. TIÊN ĐỊA HOÀNG HOÀN

Tiên địa hoàng (củ sinh địa tươi)	120g
Nhân sâm	15g
Phục linh	15g
Ngũ vị tử	30g
Bá tử nhân	30g
Đan sâm	15g
Mạch môn (bỏ lõi)	30g
Huyền sâm	15g
Đương quy	30g
Viễn chí	15g
Táo nhân (sao đen)	30g
Cam thảo	15g
Cát cánh	15g
Thiên môn	30g
Thạch xương bồ	15g

Chủ trị:

Chứng tinh thần bất định, trí nhớ giảm sút hay quên, tim hồi hộp, thiếu máu, ra quá nhiều mồ hôi, đại tiện táo.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế, sấy khô tán bột mịn, luyện với Mật ong làm hoàn bằng hạt ngô nhỏ áo bằng bột Chu sa (thuỷ phi).

Ngày uống 2 lần mỗi lần 4 - 6g, uống với nước chín ấm.

Kiêng kỵ:

Người yếu dạ, lạnh bụng, ỉa chảy không được dùng.

58. TÁO NHÂN VIỄN CHÍ THANG

Táo nhân (sao đen)	12g
Viễn chí	6g
Thạch xương bồ	6g
Đảng sâm	10g
Phục linh	10g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Thần kinh suy nhược, trí nhớ giảm hay quên, ngủ mê nhiều, biếng ăn, ngủ kém, mệt mỏi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

59. TÁO NHÂN TRI MẪU THANG

Toan táo nhân (sao đen)	10g
Tri mẫu	6g
Xuyên khung	4g
Phục linh	6g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Suy nhược thần kinh, mất ngủ, ra mồ hôi trộm, người yếu mệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

60. PHÒNG PHONG THIÊN MA TÁN

Phòng phong	15g
Thiên ma	15g
Khương hoạt	15g
Bạch phụ tử	15g
Nam tinh (chế)	15g

Chủ trị:

Chứng co giật, sài uốn ván.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi sấy khô, tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 3 - 6g với nước chín ấm.

61. PHỤC THẦN BÁ TỬ XƯƠNG BỒ THANG

Phục thần	6g
Bá tử nhân	6g
Thạch xương bồ	4g
Mạch môn	6g
Kỷ tử	6g
Đương quy	6g
Huyền sâm	6g
Thục địa	6g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Thần kinh suy nhược, mất ngủ, trí nhớ giảm sút hay quên, tinh thần hoảng hốt, tim yếu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

62. THIÊN TRÚC HOÀNG TÁN

Thiên trúc hoàng	4g
Uất kim	2g
Phục thần	4g
Cam thảo	4g
Bạch chỉ	4g
Xuyên khung	4g
Bạch cương tằm (sao thơm)	2g

Chỉ xác	2g
Thuyền thoái (bỏ đầu, chân)	2g
Bằng sa	1g
Chu sa (thuỷ phi)	0,2g
Xạ hương (bột)	0,1g

Chủ trị:

Trúng phong, nhiệt kết ở thượng tiêu, co giật, hôn mê, đờm dãi tắc khó thở.

Cách dùng, liều lượng:

Bột Chu sa, bột Xạ hương để riêng.

Các vị khác sấy khô tán bột mịn, cho bột Chu sa, Xạ hương vào trộn đều theo phương pháp trộn bột kép. Chia uống 2 lần uống với nước sắc Bạc hà hay nước Mạch môn.

Kiêng kỵ:

Người không thuộc chứng thực nhiệt không được dùng.

63. TỬ NHÂN VIỄN CHÍ THANG

Bá tử nhân	6g
Viễn chí	6g
Táo nhân (sao đen)	6g

Chủ trị:

Chứng mất ngủ, yên thần, yên tâm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

64. VIỄN CHÍ XƯƠNG BỒ HOÀN

Viễn chí	30g
Thạch xương bồ	20g
Nhân sâm	30g
Phục linh	30g

Chủ trị:

Tinh thần hoảng loạn không yên.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô, tán bột mịn luyện mật làm hoàn bằng hạt ngô.

Người lớn ngày uống 2 lần, mỗi lần 8 - 10g, uống với nước chín nguội.

65. VIỄN CHÍ XƯƠNG BỒ TỬU

Viễn chí	6g
Xương bồ	4g
Quy bản	6g
Long cốt	4g

Chủ trị:

Chứng bệnh đọc sách, học tập hay quên.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy nhẹ, khô giòn, tán bột nhỏ.

Hoà vào rượu (11 - 12 độ) quấy đều uống. Ngày uống 1 thang.

66. THANH NHIỆT THÔNG KHIẾU TRỪ ĐÀM THANG

Thạch xương bồ	4g
Cúc hoa	6g
Liên kiều	10g
Mẫu đơn bì	6g
Uất kim	6g
Hoạt thạch	4g
Ngưu bàng tử	10g
Chi tử (sao)	6g
Nước ép Gừng tươi (Khương trấp)	18g

Chủ trị:

Bế khiếu do đờm dãi kín khiếu gây mê sảng, mất trí.

Cách dùng, liều lượng:

Nước ép Gừng tươi để riêng.

Các vị khác cho vào 600ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc, cho nước ép Gừng tươi vào quấy đều, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

67. NGÔ CÔNG TOÀN YẾT TÁN

Ngô công	2 con
Toàn yết (Bọ cạp)	2 con
Bạch cương tàm	4g
Câu đằng	4g

Bột Chu sa (thuỷ phi)	0,1g
Bột Xạ hương	0,1g

Chủ trị:

Kinh giản, co giật, sài uốn ván.

Cách dùng, liều lượng:

Bột Chu sa thuỷ phi, bột Xạ hương để riêng.

Các vị khác sao thơm, giòn tán bột mịn, trộn lẫn với bột Chu sa và Xạ hương theo phương pháp trộn bột kép cho thật đều.

Chia uống nhiều lần trong ngày với nước chín nguội.

68. CƯƠNG TẰM TOÀN YẾT TÁN

Bạch cương tằm	10g
Toàn yết	4g
Bạch phụ tử	10g

Chủ trị:

Trúng phong méo miệng, mắt xếch.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao thơm, trộn lẫn tán bột mịn.

Mỗi lần uống 3g trong 20 - 30ml rượu trắng 35°. Ngày uống 2 - 3 lần.

69. AN THẦN ĐỊNH TRÍ TÁN

Tang phiêu tiêu	5g
Viễn chí	5g
Phục linh	5g
Thạch xương bồ	5g
Đương quy	5g
Nhân sâm	5g
Quy bản	5g
Cam thảo	5g

Chủ trị:

Chứng giảm trí nhớ, hay quên, người mệt, đái dắt.

Cách dùng, liều lượng:

Nhân sâm hãm nước sôi để riêng.

Các vị sao sấy ở nhiệt độ thấp, tán bột mịn, cho vào nước hãm Nhân sâm, quấy đều uống trước khi đi ngủ.

70. CÂU ĐẰNG ĐỊA LONG THANG

Câu đằng	12g
Địa long (Giun đất) khô	10g
Toàn yết	3g
Kim ngân hoa	12g
Liên kiều	10g

Chủ trị:

Sốt cao kinh giật.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

71. ĐỊA LONG HOÀN

Bột Địa long	10g
Bột Chu sa (thuỷ phi)	3g

Chủ trị:

Sốt cao kinh giật

Cách dùng, liều lượng:

Trộn đều bột Chu sa với bột Địa long theo phương pháp trộn bột kép, luyện hồ làm hoàn bằng hạt cải.

Ngày uống 2 lần mỗi lần uống 1,5g với nước chin nguội.

72. NGƯU HOÀNG HOÀN

Bột Ngưu hoàng	40g
Bột Uất kim	40g
Bột Thuỷ ngưu giác	40g
Bột Hoàng liên	40g
Bột Hoàng cầm	40g
Bột Chi tử	40g
Bột Chu sa (thuỷ phi)	40g
Bột Hùng hoàng	40g
Bột Xạ hương	10g
Bột Băng phiến (Mai hoa băng phiến)	10g
Bột Trân châu	20g

Chủ trị:

Sốt cao mê sảng co giật, viêm não.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị trộn đều theo phương pháp trộn bột kép, luyện mật làm viên hoàn.

Mỗi hoàn nặng 4g.

Người lớn ngày uống 2 - 3 lần. Mỗi lần 1 hoàn. Uống với nước chín nguội.

Kiêng kỵ:

Người huyết phận không có nhiệt, phụ nữ có thai không được dùng.

73. NGƯU HOÀNG HOÀN

Bột Ngưu hoàng	0,3g
Bột Uất kim	9g
Bột Hoàng cầm	9g
Bột Hoàng liên	4g
Bột Chu sa (thuỷ phi)	3g
Bột Chi tử	9g

Chủ trị:

Sốt nóng cao, phát cuồng, mê sảng; động kinh đờm dãi tắc.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị trộn đều theo phương pháp trộn bột kép, luyện mật làm thành 2 hoàn.

Chia uống 2 lần trong ngày. Mỗi lần uống 1 hoàn với nước chín nguội.

74. NGÔ CÔNG TÁN

Rết	1 con
Nam tinh chế	4g
Phòng phong	8g

Chủ trị:

Cơn co giật sài uốn ván.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy nhẹ khô giòn tán bột mịn.

Chia uống trong 2 ngày. Khi uống quấy đều vào một ly con nước cốt rượu nếp hay rượu trắng.

75. CƯƠNG TẰM TANG DIỆP THANG

Bạch cương tằm (sao thơm)	6g
Tang diệp	10g
Câu đằng	10g
Hoàng cầm	10g
Cúc hoa	10g

Chủ trị:

Chứng phong nhiệt lên cơn kinh giật, nhức đầu. Trẻ em khóc đêm (dạ đề).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 1 - 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

76. BẠCH CƯƠNG TẰM TÁN

Bạch cương tằm	6g
Khương hoạt	10g
Gừng tươi	20g
Xạ hương bột	0,2g

Chủ trị:

Trúng phong (ngất, choáng) mất giọng, không nói được ra tiếng.

Cách dùng, liều lượng:

Xạ hương bột để riêng. Gừng tươi giã ép lấy nước để riêng. Bạch cương tằm sao thơm, Khương hoạt sấy nhẹ khô giòn trộn lẫn tán bột mịn. Trộn đều với bột Xạ hương hoà vào nước ép Gừng tươi, quấy đều uống với nước chín ấm.

77. THUỶ NGƯU GIÁC THANG

Thuỷ ngưu giác (Sừng Trâu)	10g
Liên tâm (Tâm sen)	10g
Liên kiều	10g
Trúc diệp quyển tâm (Búp tre)	10g
Huyền sâm	14g
Mạch môn	14g

Chủ trị:

Sốt cao cấp tính, hôn mê, phát cuồng, co giật, viêm não cấp tính, viêm não B.

Cách dùng, liều lượng:

Thuỷ ngưu giác tán bột mịn để riêng.

Các vị khác cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, cho bột Thuỷ ngưu giác vào quấy đều để nguội uống.

Ngày uống 1 thang.

78. TRÂN CHÂU TÁN

Trân châu	0,3g
Hải phiêu tiêu	2g
Hoạt thạch	2g
Bạch linh	4g
Nhân sâm	4g
Bạch phụ tử	2g
Cam thảo	4g
Toàn yết	1g
Xạ hương	0,1g

Chủ trị:

Các chứng kinh phong, nóng khát phát cuồng, mất ngủ.

Cách dùng, liều lượng:

Trân châu, Xạ hương nghiền thật mịn để riêng. Các vị khác sấy nhẹ khô tán bột mịn trộn đều với bột Trân châu và Xạ hương. Hoà vào 100ml nước sắc Mạch môn đông 10g, Đăng tâm 2g làm thang uống kèm với mật ong.

79. TRÂN CHÂU MẪU THANG

Trân châu mẫu (Vỏ con trai ngọc)	15g
Viễn chí	4g
Táo nhân (sao đen)	10g
Cam thảo chích	6g

Chủ trị:

Mất ngủ, tim hồi hộp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống trong ngày.

80. NAM TINH THUYỀN THOÁI THANG

Thiên Nam tinh (chế)	4g
Thuyền thoái	4g
Toàn yết	1,5g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Chứng kinh phong mạn tính, trẻ em sốt nóng lên kinh giật, trẻ sơ sinh không chịu bú.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán sơ qua thêm Sinh khương 2 lát. Đại táo 2 quả cho vào 300ml nước sắc lấy 80ml nước thuốc,chia uống 2 lần.

Ngày uống 1 thang.

81. BỔ HUYẾT AN THẦN HOÀN

Chu sa	6g
Hoàng liên	9g
Đương quy	3g
Sinh địa	3g
Cam thảo chích	3g

Chủ trị:

Tâm thần bất an, lo phiền, mất ngủ do huyết hư hoả thịnh.

Cách dùng, liều lượng:

Chu sa tán thuỷ phi để riêng.

Các vị khác sấy khô tán bột mịn, trộn với bột Chu sa theo phương pháp trộn bột kép cho đều luyện với mật ong làm hoàn bằng hạt cải.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 3g vào lúc sắp đi ngủ. Uống với nước chín ấm.

82. BẠCH HỔ THANG

Thạch cao	16g
Tri mẫu	6g
Ngạnh mễ	12g
Cam thảo	2g

Chủ trị:

Sốt cao, mê sảng, khát nước.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

83. THẢO LIÊN HOÀN

Thảo quyết minh (sao đen)	300g
Liên tâm (sao qua)	250g
Thạch xương bồ (sao qua)	200g
Mạch môn (bỏ lõi sao kỹ)	250g

Chủ trị:

Hồi hộp ngủ kém, trằn trọc khó ngủ, tiểu tiện ít, đau đầu, chóng mặt do tăng huyết áp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế xong tán bột mịn, luyện mật làm hoàn, mỗi hoàn nặng 0,5g.

Người lớn ngày uống 10g chia làm 2 lần (sáng, tối) uống với nước chín nguội.

Trường hợp mất ngủ nhiều ngày có thể uống tới 20g.

Trẻ em tuỳ tuổi uống 2-4-8g ngày chia 2 lần.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn chua, thức ăn nhiều mỡ.
- Người rối loạn tiêu hoá, huyết áp thấp không dùng.

84. VIÊN AN THẦN

Bột Xuyên khung	15%
Bột Táo nhân	10%
Bột Lá Vông non	5%
Bột Trinh nữ tử	10%
Bột Bạch chỉ	15%
Bột Vừng đen	10%
Bột Lạc tiên	5%
Bột Củ Bình vôi (chế)	10%
Bột Thảo quyết minh	10%
Bột Tang diệp	5%
Bột Liên diệp	5%

Chủ trị:

Đau đầu, mất ngủ.

Cách dùng, liều lượng:

Các bột dược liệu trộn đều, luyện hồ làm viên bằng hạt đậu đen.

Ngày uống 20 - 30g chia làm 3 lần (sáng, chiều, tối trước khi đi ngủ) uống với nước chín nguội.

85. LỤC VỊ GIA VỊ THANG

Thục địa	20g
Hoài sơn	15g
Bạch linh	15g
Trạch tả	10g
Sơn thù	10g
Đan bì	10g
Táo nhân (sao đen)	15g
Hoàng bá	10g
Huyền sâm	15g
Cúc hoa	10g
Kinh giới	8g

Chủ trị:

Suy nhược thần kinh, rối loạn tiền đình do can thận hoả thượng xung: đau đầu, chóng mặt ù tai, buồn nôn mắt nhìn không rõ, ăn không biết ngon, ngủ bàng hoàng hay mơ, nhiều đêm không ngủ được, đại tiện táo, tiểu tiện vàng,lưỡi khô, mạch huyền đới sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày, uống xa bữa ăn.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ cay, nóng, các chất kích thích: rượu, cà phê, thuốc lá, chè.

86. QUY TỲ GIA THỤC ĐỊA THANG

Đảng sâm	15g
Bạch linh	12g
Viễn chí	10g
Mộc hương	4g
Táo nhân (sao đen)	12g
Bạch truật (sao)	15g

Bạch thược	12g
Hoàng kỳ	15g
Cam thảo chích	4g
Đại táo	10g
Long nhãn	10g
Đương quy	15g
Thục địa (sao khô)	20g
Ngũ vị tử	2g

Chủ trị:

Suy nhược thần kinh. Tinh thần mệt mỏi, sắc da xanh, miệng khô, người gầy, mi mắt thâm quầng, tiếng nói nhỏ, hơi thở yếu. Đầu đau ê ẩm, mắt hoa choáng, ngủ ít, ăn ít chậm tiêu ợ hơi, đại tiện loãng thỉnh thoảng có máu tươi lẫn lộn, rêu lưỡi vàng mỏng, mạch trầm huyền, hoãn yếu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

87. NGƯU TẤT KỶ SINH TRINH NỮ THANG

Ngưu tất (sao muối)	16g
Ký sinh (sao vàng)	16g
Trinh nữ (sao vàng)	16g
Rễ Dứa gai (sao vàng)	16g
Rễ Cà gai leo (sao vàng)	16g
Tua rễ Si (sao vàng)	12g

Chủ trị:

Đau mỏi ngang thắt lưng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế xong cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang, một đợt điều trị từ 5-7 ngày.

88. THANG HƯƠNG NGHỆ

Hương phụ (sao cháy lông)	16g
Nghệ đen (sao)	12g
Trần bì (sao thơm)	8g
Rau má (sao vàng)	16g
Tua rễ Si (sao)	12g
Cát căn	20g

Chủ trị:

Đau thần kinh liên sườn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế xong cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

89. QUẾ KHƯƠNG THANG

Quế chi	12g
Sinh khương	6g
Hành tăm	8g
Cát căn	20g

Chủ trị:

Đau cổ, vai, cánh tay.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước sắc lấy 100ml nước thuốc, uống 1 lần lúc thuốc còn ấm.

Ngày uống 1 - 2 thang.

90. LẠC TIÊN THANG

Dây lạc tiên (khô)	16g
Lá Vông (khô)	16g
Lá Dâu (khô)	16g
Cây Trinh nữ (khô)	16g

Chủ trị:

Mất ngủ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao thơm cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần (sáng, chiều) trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

91. BÌNH VÔI THANG

Củ Bình vôi	
(thái mỏng sao vàng)	6g

Liên tâm (Tâm sen sao vàng)	6g
Chè Vằng (sao thơm)	6g

Chủ trị:

Chứng mất ngủ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào ấm, đổ nước sôi hãm như pha chè uống thay nước trong ngày.

92. DƯỠNG NÃO HOÀN

Đương quy	100g
Viễn chí	40g
Thạch xương bồ	40g
Táo nhân (sao đen)	60g
Ngũ vị tử	60g
Kỷ tử	80g
Đởm tinh	40g
Thiên trúc hoàng	40g
Long cốt	40g
Ích trí nhân	60g
Hổ phách	40g
Nhục thung dung	80g
Bá tử nhân (sao)	60g
Hồ đào nhục	80g
Chu sa (thuỷ phi)	40g

Chủ trị:

Mất ngủ, đau đầu, ngủ hay mê sảng.

Cách dùng, liều lượng:

Bột Chu sa thuỷ phi để riêng.

Các vị khác sao chế phơi sấy khô giòn tán bột mịn trộn đều với bột Chu sa thuỷ phi theo phương pháp trộn bột kép, luyện Mật ong (đã cô thành châu) làm hoàn. Mỗi hoàn nặng 4g.

Người lớn ngày uống 2 lần, mỗi lần 1 hoàn với nước chín nguội, uống luôn 15 ngày.

93. NGŨ THẦN THANG

Nam sài hồ (cây lức)	20g
Ngũ trảo	16g
Thần thông (dây)	12g
Kiến cò	12g
Rễ nhàu	12g
Đỗ trọng	8g
Muồng trâu	24g

Chủ trị:

Đau dây thần kinh hông to (thần kinh toạ)

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

94. ÔN KINH ĐIỀU KHÍ THANG

Rễ Đinh lăng	10g
Dây đau xương	8g
Đậu săng (sao)	8g
Trinh nữ (sao)	8g
Trâu cổ (sao)	8g
Cây Thần sạ	6g
Rễ tiêu lốt	5g
Quế chi	5g
Cây bả bệnh	4g
Gừng tươi	3g

Chủ trị:

Bại liệt nửa người bên phải do dương khí suy, phong tê mình lạnh, tê dại.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

95. TƯ ÂM HOẠT LẠC THANG

Hà thủ ô đỏ chế	10g
Đậu đen	12g
Kê huyết đằng	8g
Cây dâu	8g
Ngưu tất	8g
Dây gùi	8g
Rau muống biển	8g
Rễ nhàu	8g
Rễ ô môi	8g

Cây bá bệnh	6g
Dây thần thông	4g

Chủ trị:

Âm huyết suy kém người nóng đau, tê dại liệt nửa người bên trái.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

96. THẦN KINH TOẠ THANG

Đương quy	12g
Ý dĩ	12g
Bạch chỉ	12g
Ngũ gia bì	16g
Quế chi tiêm	12g
Táo nhân	16g
Uy linh tiên	12g
Bạch truật	12g
Xuyên ô chế	12g
Can khương	12g
Hoài sơn	12g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Đau dây thần kinh hông to thể hàn thấp: Đau nhức một bên hông trái hoặc phải, đau lan toả tới đùi và ống chân, thời tiết lạnh đau tăng.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

97. CÁT CĂN THANG GIA GIẢM

Cát căn	16g
Ý dĩ	20g
Hy thiêm	12g
Tỳ giải	12g
Ngưu tất	12g
Cốt khí	12g

Chủ trị:

Đau dây thần kinh hông to do phong thấp (đau nhức một bên hông trái hoặc phải, đau lan toả tới đùi và ống chân).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

98. HƯƠNG PHỤ NGA TRUẬT THANG

Hương phụ (sao cháy lông)	16g
Nga truật (sao)	12g
Vỏ quýt (sao)	8g
Rau má (sao)	16g
Tua rễ si (sao)	12g
Sắn dây	20g

Chủ trị:

Đau thần kinh liên sườn.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

99. HOẮC HƯƠNG CHÍNH KHÍ GIA VỊ THANG

Hoắc hương	12g
Trần bì	8g
Tử tô	8g
Bán hạ chế	8g
Bạch chỉ	8g
Hậu phác	8g
Đại phúc bì	8g
Cát cánh	8g
Phục linh	8g
Cam thảo	8g
Bạch truật	8g
Mộc qua	8g
Ngưu tất	8g
Quế chi	6g
Phòng kỷ	8g
Ý dĩ	20g

Nhũ hương	6g
Một dược	6g

Chủ trị:

Viêm thần kinh toạ: đau một bên mông trái lan xuống đùi đến bắp chân do cảm nhiễm khí hàn thấp gặp lạnh thì tê rần, khi ho hoặc cử động thì đau nhiều ăn vào đau vùng thượng vị hay ợ hơi, ợ chua, thần sắc kém, người uể oải, mạch trầm tiểu tế.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần.

Ngày uống 1 thang.

100. THANG TRỊ VIÊM DÂY THẦN KINH TOẠ

Lá lốt	16g
Thiên niên kiện	12g
Củ Ráy (sao)	12g
Tô mộc	12g
Cẩu tích	16g
Đỗ trọng	16g
Ngải cứu	8g
Lá thông	12g
Lá khoai môn tươi	12g
Ngưu tất	12g
Ý dĩ (sao vàng)	20g

Chủ trị:

Viêm dây thần kinh toạ

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Viêm dây thần kinh toạ thể hàn thấp gia thêm:

Quế chi	8g

Sắc cùng thang thuốc trên uống.

101. THANG TRỊ VIÊM DÂY THẦN KINH TOẠ

Rễ lá lốt	12g
Thiên niên kiện	12g
Cẩu tích	16g
Quế chi	8g
Ngải cứu	8g
Chỉ xác	8g
Trần bì	8g
Ngưu tất	12g
Xuyên khung	12g

Chủ trị:

Viêm dây thần kinh toạ thể hàn.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

102. THANG TRỊ VIÊM DÂY THẦN KINH TOẠ MẠN

Thục địa	12g
Ý dĩ	12g
Cẩu tích	12g
Bạch truật	12g
Tang ký sinh	16g
Hà thủ ô	12g
Tục đoạn	12g
Tỳ giải	12g
Đảng sâm	12g
Hoài sơn	12g
Ngưu tất	12g

Chủ trị:

Viêm dây thần kinh toạ kéo dài làm cho ăn ngủ kém, dẫn đến teo cơ ở mông và chi dưới, phản xạ gân gót giảm hoặc mất (do can thận âm hư).

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

CÁC BÀI THUỐC BỒI DƯỠNG CƠ THỂ

1. TƯ ÂM GIÁNG HOẢ THANG

Sinh địa	16g
Đương quy	12g
Xuyên khung	8g
Thược dược	12g
Hoàng tinh chế	8g
Bố chính sâm	12g
Hoài sơn (sao)	12g
Ưu đàm bì (vỏ cây Sung) sao	12g
Liên tiền thảo (rau má)	8g
Cam thảo dây	6g

Chủ trị:

Suy dinh dưỡng ở người lớn (lao tổn hay hư tổn) thể nhiệt: Người nóng ưa mặc áo mỏng, da nhăn, gầy sút, đại tiện táo bón, tiểu đỏ, rêu lưỡi trắng nhợt, mạch phù hoạt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước sắc lấy 300ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

2. THANG BỔ TỲ VỊ

Ý dĩ (sao)	12g
Hoài sơn (sao vàng)	16g
Xa tiền tử (sao thơm)	8g
Bố chính sâm (sao thơm)	12g
Nam bạch truật (Thổ tam thất)	12g
Trần bì	8g
Thổ phục linh (sao)	8g
Nhục quế	4g

Chủ trị:

Suy dinh dưỡng ở người lớn (hư tổn) thuộc thể hàn: Chân tay sưng, bụng to, ăn uống kém, người mát, tiểu tiện trong và ít; hơi thở ngắn và yếu, mạch trầm trì.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

3. TIÊN THIÊN THANG GIA GIẢM

Đảng sâm	10g
Bạch linh	6g
Bạch truật (sao)	6g
Cam thảo	2g
Thục địa	12g
Hoài sơn (sao vàng)	12g
Trạch tả	6g
Mẫu đơn bì	6g
Toan táo nhục	6g
Đương quy	12g
Đỗ trọng	4g
Táo nhân (sao đen)	6g

Chủ trị:

Cơ thể suy nhược, khí huyết hư.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

4. HOÀN BỔ

Tử hà xa (chế khô)	1 cái
Hà thủ ô đỏ chế	300g
Đậu xị	500g
Đậu tương (đã nảy mầm sao khô)	200g
Vừng đen (rang thơm)	200g
Tang diệp (sao thơm)	500g
Lá Sung tật (sao thơm)	200g
Hoài sơn (sao vàng)	200g

Thỏ ty tử	100g
Hạt mít (thái lát mỏng tẩm gừng sao)	200g
Củ Sả (sao)	50g
Ổi Khương	50g

Chủ trị:

Tâm, tỳ, thận, khí, huyết hư.

Cách dùng, liều lượng:

Tử hà xa chọn lấy ở những sản phụ khoẻ mạnh, không mắc các bệnh truyền nhiễm còn nguyên vẹn không sây sát, dùng vải, gạc mềm đã luộc sôi, lau khô máu và chất nhờn dính ở rau thai. Sau đó rửa bằng nước muối nhạt (9 - 10g muối ăn trong một lít nước sôi nguội) rồi rửa lại bằng rượu trắng, thái mỏng sấy khô tán bột mịn để riêng.

Các vị thuốc khác sao, tẩm sao, sấy giòn tán bột mịn trộn thật đều với bột Tử hà xa, luyện với nước cao đặc Rau má, Cỏ nhọ nồi, Lạc tiên và keo mạch nha làm hoàn bằng hạt ngô.

Ngày uống 20 - 30g chia làm 2 - 3 lần, uống với nước chín nguội.

5. BẠCH LIÊN TÁN

Bạch biển đậu	100g
Liên nhục	100g
Ý dĩ	100g
Đậu đen	100g
Nếp lức (gạo Nếp xay)	400g

Chủ trị:

Phù do suy dinh dưỡng (do tỳ vị hư hàn và thận hoả suy).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao giòn vàng thơm tán bột mịn, trộn đều.

Ngày uống 8 - 12 hay 20g. Hoà vào nước sữa hay súp hoặc nước sôi uống.

Ngày uống 2 lần.

6. BIỂN ĐẬU ĐINH LĂNG HOÀN

Bạch Biển đậu	300g
Đinh lăng (rễ bỏ lõi tẩm gừng sao)	200g
Đậu tương	300g

Chủ trị:

Cơ thể suy nhược gầy yếu do suy dinh dưỡng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô thơm, giòn tán bột mịn, luyện với kẹo mạch nha làm hoàn bằng hạt ngô.

Ngày uống 6 - 12g chia uống 2 lần với nước chín nguội.

7. TƯ THẬN BỔ ÂM THANG

Sinh địa	20g
Hoài sơn (sao vàng)	12g
Phục linh	12g
Liên nhục	12g
Vỏ rễ Bông trang trắng	8g
Hà thủ ô đỏ (chế)	16g
Ý dĩ (sao)	20g
Quế chi	6g
Rễ cỏ xước	8g
Cám gạo (Khang tỳ) sao thơm	20g

Chủ trị:

Suy nhược cơ thể ăn uống kém.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

8. ĐẠI BỔ KHÍ HUYẾT TINH

Hoàng tinh chế	20g
Cẩu tích	20g
Kỷ tử	10g
Dâm dương hoắc	12g
Lá Quao nước	20g
Huyết rồng	20g
Bố chính sâm	20g
Khương hoàng (Nghệ vàng)	12g
Dây Gắm (Vương tôn)	20g
Ngải diệp	12g
Phục linh	12g
Cao Quy bản	50g
Hải sâm khô	50g

Hải mã	1 đôi
Cao xương Dê	50g
Dây Trâu cổ	20g
Cam thảo dây	30g
Hà thủ ô đỏ chế	20g
Rượu trắng 40°	4.000ml

Chủ trị:

Cơ thể suy nhược - khí huyết hư.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào ngâm với rượu trắng trong 7 ngày, thỉnh thoảng lắc đều.

Ngày uống 3 lần mỗi lần 15 - 20ml. Uống trước bữa ăn và trước khi đi ngủ.

9. HOÀNG TẦN THANH HOÀN

Hoàng liên	20g
Tân lang	20g
Thanh bì	20g
Trần bì	10g
Lô hội	10g
Khương hoàng	12g
Nga truật	8g
Cam thảo	8g

Chủ trị:

Cơ thể suy nhược ăn kém, ngủ ít, phụ nữ suy yếu đang thời kỳ cho con bú.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, luyện hồ hoàn viên bằng hạt đậu xanh.

Ngày uống 2 - 4g. Uống với nước cháo hoặc nước chè.

10. NHÂN SÂM DƯỠNG VINH THANG GIA GIẢM

Thục địa (tẩm rượu sao)	22g
Bạch thược (tẩm rượu sao)	12g
Đảng sâm (sao vàng)	20g
Bạch truật (sao vàng)	12g
Bạch linh (sao vàng)	10g
Đương quy	12g
Hoàng kỳ (tẩm mật sao)	12g
Viễn chí (tẩm Cam thảo sao vàng)	8g
Cam thảo (chích mật sao vàng)	4g
Ngũ vị tử	4g
Nhục quế	4g
Trần bì	6g
Đại táo	2 quả

Chủ trị:

Suy nhược cơ thể, khí huyết hư.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày. Uống lúc đói hoặc trước khi đi ngủ.

Ngày uống 1 thang.

11. DƯỠNG DINH HOÀN

Hà thủ ô đỏ chế (sao đen)	200g
Đậu đen (sao chín)	300g
Cỏ Mực (sao vàng)	200g
Mẫu lệ (nung chín)	150g
Lá Dâu non (sao vàng)	300g
Vừng đen (sao hết nổ)	200g
Lá Sung già (sao vàng)	200g
Lá Vông (sao vàng)	200g
Dây lá Lạc tiên (sao vàng)	200g
Hương phụ tứ chế (sao đen)	200g
Mơ tam thể (sao đen)	200g
Ngải cứu (sao đen)	100g

Chủ trị:

Người cơ thể suy nhược, đau lâu mới lành mạnh, ăn ít, ngủ ít. Khí huyết, tâm, tỳ, thận hư yếu.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị sao chế khô giòn, tán bột mịn, luyện với kẹo mạch nha và mật (đã cô thành châu) làm tễ nặng 10g.

Ngày uống 3 lần, mỗi lần uống 2 hoàn với nước chín nóng.

Chú ý gia giảm:

Trường hợp người già yếu thì gia thêm vào bài thuốc trên trước khi làm hoàn:

Phòng đảng sâm (sao vàng)	100g
Hoài sơn (sao vàng)	100g
Nhục quế	100g
Đương quy (tẩm rượu sao)	100g
Can khương (sao đen)	50g

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất sống lạnh.

12. BỔ ÂM ĐƠN

Nữ trinh tử (sao vàng)	500g
Hạn liên thảo (sao vàng)	500g
Hà thủ ô đỏ chế (sao đen)	200g
Bạch biển đậu (sao vàng)	300g

Chủ trị:

Suy nhược cơ thể, gân cốt yếu, râu tóc bạc sớm. Điều bổ âm dương, bổ huyết, bổ thận âm, bổ tâm tỳ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao giòn, tán bột mịn, luyện mật làm hoàn bằng hạt ngô.

Ngày uống 3 lần, mỗi lần 6 - 8g. Uống với nước chín nguội.

Kiêng kỵ:

Các chất dầu, mỡ; các chất tanh lạnh khó tiêu.

13. LỘC NHUNG TÁN

Lộc nhung (chế biến khô và hết lông)	50g
Quy bản (sao giấm)	50g
Nhục quế	30g
Ba kích (bỏ lõi sao)	50g
Sơn tra (sao)	30g
Kỷ tử (sao)	30g

Chủ trị:

Suy nhược cơ thể, suy nhược thần kinh: ngủ ít, mỏi gân, đau lưng, mắt mờ, trí nhớ kém, ăn kém.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị tán bột mịn, hoà uống với mật ong, ngày uống 2 - 3 lần. Mỗi lần 3g

Kiêng kỵ:

Phụ nữ có thai không được dùng.

14. HÀ LIÊN KHANG TỲ HOÀN

Hà thủ ô đỏ chế (sao vàng)	200g
Liên nhục (sao vàng)	300g
Khang tỳ (cám gạo mới sao vàng)	200g
Hắc đậu (sao chín)	100g
Đậu tương (sao chín vàng)	100g
Quả cốc chín khô (sao vàng)	150g
Vừng đen (sao hết nổ)	50g
Ý dĩ nhân (so vàng)	100g

Chủ trị:

Ốm yếu, suy nhược cơ thể, gân cốt yếu, lông tóc rụng, tiêu hoá kém.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế khô giòn tán bột mịn, luyện mật ong đã cô thành châu làm hoàn bằng hạt ngô.

Ngày uống 2 - 3 lần, mỗi lần uống 3g với nước chín nguội.

15. BỔ KHÍ KIỆN TRUNG HOÀN

Thổ nhân sâm	50g
Hà thủ ô đỏ chế	40g
Hoài sơn (sao vàng)	40g
Đậu Nành (rang ủ lên men)	40g
Liên nhục (bỏ tim sao vàng)	40g
Thiên môn	30g
Cam thảo chích	15g
Trần bì (sao vàng)	15g
Dây Huyết rồng	50g
Bạch hoa xà thiệt thảo (cây Lưỡi rồng)	40g
Rễ Đinh lăng (bỏ lõi)	40g
Ý dĩ nhân (sao vàng)	40g
Hạt Điều (bỏ vỏ sao vàng)	40g
Mộc nhĩ	30g
Trái Ré (Ích trí nhân) sao vàng	15g
Củ Nghệ vàng (sao)	15g

Chủ trị:

Bổ tỳ sinh huyết trị tỳ khí suy hư: Toàn thân mệt mỏi, mất sức yếu đuối, ăn uống không ngon, bụng đầy, sôi bụng, đại tiện thường lỏng hoặc phế khí hư yếu không đủ: Sắc mặt trắng nhợt, tiếng nói khẽ, trầm, ho hen, thở vắn, đổ mồ hôi trộm hoặc tự đổ mồ hôi...

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế khô giòn, tán bột mịn, luyện với kẹo mạch nha và mật ong cô thành châu làm tễ 5g - 10g.

Ngày uống 2 - 3 lần mỗi lần uống 10g với nước chín nguội.

16. ÔN BỔ THẬN DƯƠNG HOÀN

Tử hà sa	200g
Dây Gắm	100g
Ngũ gia bì chân chim	100g
Rễ Cỏ xước	50g
Nhục quế	50g
Gạc Nai (nướng vàng)	100g
Yếm Rùa (nướng vàng)	100g
Hà thủ ô đỏ chế	100g
Thiên niên kiện	50g
Tang phiêu tiêu (ổ Ngựa trời)	50g

Chủ trị:

Bổ thận tráng dương chữa thận dương suy nhược: thắt lưng, đầu gối lạnh, mỏi, cúi khom đau, di tinh, hoạt tinh, liệt dương, tiểu tiện nhiều lần, thường bị tiêu chảy, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch hư tế... hoặc người cao tuổi lão suy người bệnh mới khỏi, trẻ em gầy còm do tiên thiên thiếu kém.

Cách dùng, liều lượng:

Rau thai nhi chọn lấy ở những sản phụ khoẻ mạnh, không bệnh tật còn nguyên vẹn không sây sát, dùng vải gạc mềm đã vô khuẩn lau khô máu và chất nhờn dính ở rau thai. Rửa sạch bằng nước muối nhạt (9 - 10g muối ăn trong 1 lít nước chín nguội) rồi rửa lại bằng rượu trắng, thái mỏng sấy khô tán bột để riêng.

Các vị khác sao chế sấy khô, tán bột mịn trộn đều với bột Tử hà sa, luyện với kẹo mạch nha và mật ong cô thành châu làm tễ 5 - 10g.

Ngày uống 2 lần mỗi lần 10g, với nước chín nguội.

Kiêng kỵ:

Phụ nữ có thai không nên uống.

17. TƯ DƯỠNG VINH HUYẾT HOÀN

Thổ nhân sâm	100g
Dây Huyết rồng	100g
Hà thủ ô đỏ chế	100g
Dây Gắm	100g
Sơn dương can (Gan Dê rừng)	100g
Trư tuỷ (tuỷ sống Heo)	80g
Củ Rau Dền tía (hay Dền điều)	80g
Củ nghệ	50g

Chủ trị:

Huyết hư: Người sắc mặt không tươi, miệng môi tay chân xanh mét, xây xẩm chóng mặt, lỗ tai lùng bùng, tim yếu hồi hộp, phụ nữ kinh nguyệt không đều...

Cách dùng, liều lượng:

Gan Dê, tuỷ sống Heo rửa sạch bằng nước muối nhạt thái nhỏ sấy khô tán bột mịn để riêng.

Các vị khác sấy khô giòn tán bột mịn, trộn đều với bột gan Dê, tuỷ sống Heo luyện kỹ với mật ong cô thành châu làm tễ 5 - 10g.

Ngày uống 2 lần. Mỗi lần 10g uống với nước chín nguội.

Kiêng kỵ:

Phụ nữ có thai không dùng.

18. TƯ ÂM GIÁNG HOẢ HOÀN

Thổ nhân sâm	100g
Mạch môn	80g
Thiên môn	80g
Xích tiểu đậu (sao chín)	80g
Thủy thát can (gan Rái cá)	80g
Yếm rùa (nướng vàng)	50g
Mai Ba ba (nướng vàng)	50g
Vừng đen (sao hết nổ)	50g
Bồ công anh	50g
Thạch hộc	50g
Vỏ cây Gáo vàng	50g

Cỏ nhọ nồi	50g

Chủ trị:

Tư dưỡng phần âm, sinh tân dịch, thanh nhiệt nhuận táo. Chứng phế âm hư: Ho khan, khạc ra máu, nóng từng cơn, đổ mồ hôi trộm... hoặc chứng vị âm hư: miệng khô cổ ráo, ụa ói... hoặc chứng thận âm hư: đau lưng gân cơ nhức mỏi, di tinh, hoạt tinh... hoặc chứng can âm hư: đầu nặng xây xẩm tối tăm, chóng mặt...

Cách dùng, liều lượng:

Gan Rái cá rửa sạch bằng nước muối nhạt, thái mỏng sấy khô tán bột để riêng.

Các vị khác sao, nướng, sấy khô giòn tán bột mịn, trộn đều với bột gan Rái cá luyện kỹ với mật ong cô thành châu làm hoàn 5 - 10g.

Ngày uống 2 lần. Mỗi lần 10g uống với nước chín nguội.

Kiêng kỵ:

Những người tỳ thận dương suy, dạ dày yếu hay rối loạn tiêu hoá phải cẩn thận khi dùng.

19. BỔ THẬN ÂM HOÀN

Thục địa	150g
Toan táo nhục	95g
Trạch tả	70g
Khiếm thực	70g
Hoài sơn	95g
Thạch hộc	60g
Tỳ giải	50g

Chủ trị:

Âm hư, tinh huyết suy kém hay mỏi mệt, đau lưng mỏi gối, nhức đầu ù tai hoa mắt, khát nước, tiểu tiện vàng, đại tiện táo da hâm hấp nóng, di mộng tinh, tinh thần mệt mỏi.

Cách dùng, liều lượng:

Thục địa thái mỏng chưng cách thuỷ cho mềm, quết nhuyễn. Các vị khác sao vàng tán bột mịn, trộn đều với Thục địa. Cho vào mật ong đã luyện thành châu luyện kỹ làm tễ 10 - 12g.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 1 hoàn, uống với nước chè hoặc nước muối nhạt.

Kiêng kỵ:

Người hoả hư (cơ thể lạnh) ăn ít, khó tiêu, ỉa lỏng không nên dùng.

20. NGŨ CỐT CAO

Xương Bò, Heo	7000g
Xương Chó	3000g
Xương Trăn	1000g
Xương Khỉ	1000g
Chân Gà	2000g

Chủ trị:

Suy nhược cơ thể, các chứng hư, cốt chứng, lao nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các xương đập dập, nạo bỏ hết tuỷ, ngâm luộc nước rau cải, rửa sạch, sấy khô. Nấu thành cao như cao ban long. Ngày uống 2 lần, mỗi lần 8 - 10g. Hoà tan cao trong rượu trắng, nước cơm hoặc nước cháo, uống trước bữa ăn.

21. CAO ĐẠI BỔ

Kỷ tử	60g
Đỗ trọng	60g
Ngưu tất	60g
Hoàng bá	40g
Trần bì (nướng thơm)	40g
Can khương	15g
Rau thai nhi	1 cái

Chủ trị:

Âm tinh suy kiệt, di tinh, đau lưng mỏi gối, hay sốt về chiều, đổ mồ hôi trộm.

Cách dùng, liều lượng:

Rau thai nhi lấy ở những sản phụ đẻ con so khoẻ mạnh, không bệnh, loại bỏ gân màng, ngâm rượu một đêm rồi nấu nhừ vắt lấy nước để riêng.

Kỷ tử, Đỗ trọng, Ngưu tất, Hoàng bá, sắc lấy nước thật đặc, trộn lẫn với nước rau thai.

Trần bì, Gừng khô tán bột mịn hoà vào nước thuốc trên cô cách cát thành cao lỏng sánh pha thêm 25% rượu trắng dùng.

Ngày uống 3 lần (sáng, trưa, tối) mỗi lần 1 - 2 thìa canh, pha thêm nước sôi nóng uống.

22. CAO BỔ THẬN CỐ TINH

Đậu đen (sao)	200g
Hà thủ ô đỏ chế	160g
Ba kích (bỏ lõi sao rượu)	160g
Ngưu tất (sao rượu)	160g
Dây Gùi	200g
Đỗ trọng	160g
Khiếm thực	160g
Tang chi	160g
Mẫu lệ (nung chín)	80g
Tiểu hồi	80g
Nhục quế	80g

Chủ trị:

Ôn bổ thận, cố tinh, chữa đàn ông thiểu năng sinh lý, liệt dương, phụ nữ huyết hư hàn,lãnh dục sợ đàn ông, khí hư bạch đới.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị đổ ngập nước, sắc cô đặc lấy 800ml cao lỏng.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 1 thìa canh pha thêm rượu trắng uống, uống xa bữa ăn.

23. BỔ THẬN TRÁNG DƯƠNG HOÀN

Hoài sơn	1000g
Liên nhục	1000g
Cẩu tích	1000g
Sừng nai	1000g
Tục đoạn	1000g
Bố chính sâm	1000g
Ba kích (bỏ lõi)	1000g
Liên tu	1000g
Đậu đen	1500g
Hoàng tinh	500g
Thỏ ty tử	200g

Chủ trị:

Thận suy yếu, thiểu năng sinh lý, liệt dương.

Cách dùng, liều lượng:

Ba kích tẩm muối sao vàng tán bột mịn.

Đậu đen sao tồn tính tán bột mịn.

Sừng Nai bọc đất sét nung tồn tính tán bột mịn.

Các vị khác sấy khô giòn tán bột mịn, trộn đều với các bột Ba kích, sừng Nai, Đậu đen luyện mật làm viên bằng hạt đậu đen.

Ngày uống 2 lần (sáng, tối) mỗi lần 8 - 12g uống với nước muối nhạt.

24. THUỐC BỔ CON TẰM

Tằm chín	1500g
Tang diệp (bỏ hết gân)	1000g
Hà thủ ô đỏ chế	1000g
Lạc tiên	5000g
Vừng đen	800g
Kim anh tử (bỏ hạt, lông)	500g
Thạch xương bồ	300g
Lộc giác sương	500g
Liên nhục	400g

Chủ trị:

Bổ khí huyết, bổ thận cố tinh, cơ thể suy nhược.

Cách dùng, liều lượng:

Lạc tiên, Kim anh nấu cao lỏng sánh.

Tằm chín để riêng cho đái ỉa hết, nhúng vào nước sôi sấy khô, tẩm nước gừng sao thật khô giòn tán bột mịn. Vừng đen lót giấy bắn trên chảo rang hết nổ.

Các vị khác phơi sấy khô giòn hợp với Vừng rang tán bột mịn. Trộn đều với bột Tằm chín và cao Lạc tiên Kim anh. Phơi sấy khô, tán bột mịn, rây lại cho đều luyện với mật ong đã cô thành châu làm hoàn 10g.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 1 hoàn với nước chín nguội.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất dầu, mỡ. Các chất kích thích: chè, thuốc lá, cà phê, rượu, bia. Các chất tanh.

25. ĐẠI BỔ HOÀN

Rau thai nhi	1 bộ
Bố chính sâm	100g
Củ Đinh lăng (bỏ lõi sao)	100g
Hà thủ ô đỏ chế	60g
Trần bì (sao thơm)	20g

Chủ trị:

Suy nhược cơ thể - bổ khí huyết.

Cách dùng, liều lượng:

Rau thai nhi lấy ở những sản phụ đẻ con so khoẻ mạnh không bệnh tật, loại bỏ gân màng, rửa sạch bằng nước muối nhạt, rửa lại bằng rượu trắng, thái mỏng sấy khô tán bột mịn.

Các vị khác sao chế sấy khô giòn tán bột mịn. Trộn đều tất cả các bột luyện với mật ong đã cô thành châu làm hoàn 12g.

Ngày uống 1 hoàn với nước chín nguội trước khi đi ngủ.

Uống 15 ngày liền.

26. CHÍ CƯỜNG LỰC TRÁNG TỬU

Nhân sâm	20g
Tang ký sinh	40g
Tang thầm	40g
Hoàng tinh chế	80g
Thỏ ty tử (sao)	40g
Kê huyết đằng	20g
Hà thủ ô đỏ (chế)	40g
Đỗ trọng	40g
Ba kích	20g
Bạch mã cốt cao (cao Ngựa trắng)	20g

Chủ trị:

Người lao lực quá sức, kém ăn, mất ngủ hay mệt, ngực nặng, xanh xao thiếu máu, hay ốm đau...

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 3 lít rượu trắng 45° ngâm 2 ngày đêm, rồi chưng cách thuỷ sôi 2 giờ, sau đó hạ thổ một tuần lễ. Uống mỗi lần 1 - 2 thìa canh (20-30ml) ngày uống 2 lần trong bữa ăn.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thức ăn sống, các thứ tanh, các thứ kích thích: Cà phê, thuốc lá, chè...

27. BỔ THẬN BỒI NGUYÊN THANG

Hà thủ ô đỏ chế	12g
Hoài sơn	6g
Gạc Nai (nướng)	6g
Mẫu đơn bì	4g
Bố chính sâm	6g
Kê huyết đằng	6g
Liên tu	4g
Tang ký sinh	6g

Chủ trị:

Thận khí suy kém, đầu nặng, lưng mỏi, miệng khô, nóng nhiều, toàn thân mỏi mệt, chân tay bủn rủn kém sức.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

28. HÀ SA ĐẠI TẠO HOÀN

Tử hà sa (chế khô)	50g
Phòng đảng sâm (tẩm gừng sao)	100g
Thục địa (chưng mềm)	300g
Cát sâm (tẩm gừng sao)	200g
Thạch hộc (sấy khô)	50g
Khiếm thực (sao vàng)	100g
Hoài sơn (sao vàng)	100g
Liên nhục (sao vàng)	100g
Ý dĩ (sao vàng)	150g
Mẫu lệ (nung chín)	100g
Ba tiêu hương quả (quả Chuối tiêu chín)	200g

Chủ trị:

Cơ thể suy nhược: Người hâm hấp nóng, sót ruột như cào, nhọc mệt, tiểu tiện vàng, đại tiện táo, di tinh, mộng tinh, thần kinh suy nhược, phụ nữ khí hư.

Cách dùng, liều lượng:

Rau thai nhi lấy ở những sản phụ đẻ con so khoẻ mạnh không bệnh, còn nguyên vẹn không xây xát, rửa sạch bằng nước muối nhạt, rửa lại bằng rượu trắng, thái mỏng, sấy thật khô tán bột mịn để riêng.

Ba tiêu hương quả bóc vỏ bổ đôi sấy khô, Thục địa thái mỏng, chưng cách thuỷ mềm, giã cùng với Chuối tiêu cho thật nhuyễn để riêng.

Các vị khác tẩm sao, sấy khô giòn tán bột mịn trộn đều với bột Tử hà sa, Thục địa, Chuối tiêu đã tán mịn và giã nhuyễn.

Cho tất cả vào luyện với mật ong đã cô thành châu làm hoàn 10g - 12g.

Người lớn ngày uống 2 - 3 lần, mỗi lần 12g

Trẻ em 3 - 5 tuổi mỗi lần uống 2g

6 - 8 tuổi mỗi lần uống 4g

9 - 12 tuổi mỗi lần uống 6g

13 - 15 tuổi mỗi lần uống 8g

16 tuổi trở lên uống liều người lớn.

Uống với nước chín nguội.

Kiêng kỵ:

- Không dùng cho:

+ Những người đang mắc bệnh cấp tính.

+ Phụ nữ có thai dưới 2 tháng.

+ Trẻ em dưới 3 tuổi.

- Không ăn các thứ cay, nóng, lạnh, khó tiêu.

29. HÀ SA ĐẠI TẠO HOÀN

Rau thai nhi	1 cái
Hoàng bá	40g
Đỗ trọng	20g
Ngưu tất	60g
Mạch môn	60g
Thiên môn	60g
Hoài sơn	40g
Đảng sâm	40g
Thục địa	60g
Quy bản (nướng giòn)	40g
Mẫu lệ (nung chín)	40g

Chủ trị:

Ích thận, cố tinh, bổ âm, bổ phế âm, thanh lưu nhiệt, dùng cho những người cơ thể suy nhược, can thận hư tổn, thiếu máu, âm hư, di tinh, hoạt tinh, ra mồ hôi trộm, ho lao hâm hấp sốt buổi chiều, người mới khỏi bệnh.

Cách dùng, liều lượng:

Rau thai nhi lấy ở những sản phụ đẻ con so khoẻ mạnh không bệnh tật, loại bỏ gân màng, rửa sạch bằng nước muối nhạt, rửa lại bằng rượu trắng, thái mỏng sấy khô tán bột mịn để riêng.

Thục địa thái mỏng đun cách thuỷ cho mềm giã nhuyễn.

Các vị khác sấy khô giòn, tán bột mịn, trộn đều với bột Rau thai nhi và Thục địa, luyện với mật ong đã cô thành châu làm hoàn 10 - 12g.

Ngày uống 2 lần mỗi lần 10g uống với nước muối nhạt.

30. BỔ THẬN DƯƠNG HOÀN

Thục địa	50g
Hoài sơn	30g
Toan táo nhục (sấy khô)	20g
Tỳ giải (sao)	20g
Thạch hộc	30g
Phụ tử (tẩm gừng sao)	10g
Nhục quế	10g

Chủ trị:

Bổ thận và tăng dương lực (sức nóng) trị các chứng: nhức đầu, hoa mắt, ù tai, đau lưng, ăn không biết ngon,ỉa lỏng, chân lạnh, tinh thần mệt mỏi.

Cách dùng, liều lượng:

Thục địa chưng cách thuỷ cho mềm, giã nhuyễn để riêng. Các vị khác tẩm sao, sấy khô giòn, tán bột mịn trộn đều với Thục địa, luyện với mật ong đã cô thành châu làm hoàn 10 - 12g.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 10 - 12g uống với nước muối nhạt.

Kiêng kỵ:

Người nóng, đại tiện táo, tiểu tiện vàng, hay khát nước, cảm sốt và các bệnh cấp tính khác; trẻ em và đàn bà có thai không nên dùng.

31. BỔ KHÍ HUYẾT HOÀN

Phòng đảng sâm (sao chín)	50g
Thục địa	30g
Hoài sơn (sao vàng)	40g
Xuyên khung (sao)	20g
Uất kim (sao)	10g
Tang diệp	40g
Ý dĩ (sao vàng)	30g

Hương phụ tứ chế	10g
Cam thảo chích	10g
Nhục quế	10g

Chủ trị:

Khí huyết suy yếu, da vàng nhợt, chân mỏi, ù tai hoa mắt, tỳ vị suy yếu ăn không biết ngon, ỉa lỏng.

Cách dùng, liều lượng:

Thục địa thái mỏng chưng cách thuỷ cho mềm giã nhuyễn để riêng. Các vị các sao chế khô giòn tán bột mịn trộn đều với Thục địa, luyện với mật ong đã cô thành châu làm hoàn 10 - 12g.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 10 - 12g uống với nước chín nguội.

Kiêng kỵ:

- Người cơ thể nóng (tạng nhiệt) không nên dùng.
- Không ăn những thứ sống,lạnh, khó tiêu.

32. BỔ THẬN TRÁNG DƯƠNG HOÀN

Phòng đảng sâm (sao chín)	50g
Lộc giác giao (cao Ban long)	10g
Thục địa	60g
Ba kích (bỏ lõi sao)	50g
Hoài sơn (sao vàng)	40g
Tục đoạn (sao)	20g
Cẩu tích (bỏ lông sao)	30g
Khiếm thực (sao vàng)	30g
Liên tu	20g
Cốt toái bổ (sao)	30g
Kê huyết đằng	50g
Sà sàng tử (sao thơm)	10g
Nhục quế	12g

Chủ trị:

Bổ thận dùng chữa các chứng: da thịt lạnh, khí huyết hư, ăn không ngon, ngủ không yên, gân cốt nhức mỏi, thiểu năng sinh lý, liệt dương.

Cách dùng, liều lượng:

Kê huyết đằng nấu cao để riêng. Lộc giác giao để riêng, Thục địa thái mỏng chưng cách thuỷ cho mềm, giã nhuyễn để riêng.

Các vị khác sao chế, giòn, tán bột mịn trộn đều với Thục địa. Cao Kê huyết đằng, cao Ban long cho vào mật ong luyện thành châu cho các bột khác vào luyện kỹ làm hoàn 10 - 12g.

Ngày uống 2 lần mỗi lần 10 - 12g, uống với nước chín nguội.

Kiêng kỵ:

- Trẻ em và phụ nữ có thai không dùng.
- Không ăn các thứ sống lạnh, khó tiêu.

33. KIM TOẢ NGỌC QUAN HOÀN

Kim anh tử (bỏ hột, lông)	200g
Khiếm thực (sao vàng)	200g
Long cốt (nung chín)	100g
Liên tu	200g
Mẫu lệ (nung chín)	100g
Ba kích (bỏ lõi)	200g
Liên nhục	100g

Chủ trị:

Bổ thận trị các chứng di tinh, hoạt tinh, mộng tinh, đái đục, đái vặt, phụ nữ bạch đái.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế xong tán bột mịn (Riêng bột Mẫu lệ để lại một ít làm áo hoàn) luyện nước đường làm hoàn bằng hạt đậu đen, áo hoàn bằng bột Mẫu lệ.

Ngày uống 2-3 lần. Mỗi lần uống 6-8g với nước chín nguội. Nên uống kèm với Bổ thận hoàn.

Kiêng kỵ:

Không ăn các thứ cay nóng, kích thích như: ớt, tiêu, tỏi, cà phê, thuốc lá, chè...Tránh phòng dục, tránh thức khuya, không nên ăn quá no trước khi đi ngủ. Nên ăn nhiều các chất bổ dưỡng dễ tiêu.

34. BỔ THẬN HOÀN

Thục địa	250g
Lộc giác giao (Cao ban long)	50g
Hoài sơn (sao vàng)	200g
Khiếm thực (sao vàng)	150g

Liên nhục (sao vàng)	100g
Ba kích (sấy khô)	80g
Kim anh (bỏ lông hạt) sấy khô	50g
Cẩu tích (tẩm rượu sao)	50g
Mẫu lệ (nung chín)	50g
Ba tiêu hương quả	100g

Chủ trị:

Bổ thận cố tinh trị di tinh, mộng tinh, hoạt tinh, phụ nữ bạch đới, người thần kinh suy nhược nhức đầu, khó ngủ, ù tai hoa mắt, lưng đau gối mỏi.

Cách dùng, liều lượng:

Thục địa thái mỏng, chưng cách thuỷ cho mềm, giã nhuyễn để riêng.

Cao ban long cho vào mật ong luyện thành châu.

Ba tiêu hương quả (Chuối tiêu chín) bóc bỏ vỏ, bổ đôi sấy khô giã nhuyễn trộn đều với Thục địa đã giã nhuyễn.

Các vị khác sao, tẩm sao, sấy giòn ,tán bột mịn trộn đều với Thục địa, Ba tiêu hương quả, cho vào Cao ban long và mật ong đã luyện thành châu, luyện kỹ làm hoàn 12g.

Ngày uống 2 - 3 lần, mỗi lần 1 hoàn, uống với nước muối nhạt hay nước chín nguội.

Kiêng kỵ:

Khi uống thuốc không ăn các thứ cay, nóng, kích thích.

35. VIÊN BỔ LÁ SUNG

Lá Sung (khô)	200g
Hoài sơn (sao vàng)	100g
Liên nhục	100g
Đảng sâm	100g
Thục địa	100g
Hà thủ ô đỏ chế	100g
Táo nhân (sao đen)	100g
Ngải cứu (tươi)	100g

Chủ trị:

Suy nhược cơ thể, người mới ốm khỏi, gầy còm xanh sao, kém ăn kém ngủ, Bổ khí huyết, bổ tâm tỳ.

Cách dùng, liều lượng:

Thục địa tẩm nước gừng sao thơm, giã nhuyễn để riêng, Ngải cứu sắc kỹ lấy nước để riêng.

Các vị khác sao, sấy khô tán bột mịn trộn đều với Thục địa giã nhuyễn và nước Ngải cứu, luyện thêm hồ làm viên bằng hạt ngô.

Người lớn mỗi lần uống 18 viên.

Trẻ em tuỳ tuổi mỗi lần uống 2 - 6 viên.

Ngày uống 2 lần với nước chín nguội.

Kiêng kỵ:

Các chất cay nóng.

36. NHU MỄ KHANG TỲ HOÀN

Cám gạo Nếp (mới xay)	600g
Trần bì	200g
Sinh khương	100g

Chủ trị:

Chứng phù do tỳ hư: Da vàng, mắt sáng, chân tay nặng nề, tê mỏi rã rời, ăn kém.

Cách dùng, liều lượng:

Cám gạo nếp hấp chín, rang vàng; Gừng tươi giã vắt lấy nước tẩm vào cám sao lại cho khô. Trần bì sao vàng tán bột mịn, trộn đều với cám, luyện mật làm hoàn bằng hạt ngô.

Người lớn mỗi lần uống 20 - 25 viên.

Trẻ em tuỳ tuổi mỗi lần uống 5 - 15 viên.

Ngày uống 2 lần, uống với nước chín nóng sau bữa ăn.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất sống lạnh.

37. VIÊN BỔ THỦ Ô

Hà thủ ô đỏ chế	500g
Bố chính sâm (đồ chín)	300g
Liên nhục (đồ chín)	300g
Cam thảo (chích)	100g
Đại hồi	100g
Thảo quả (bỏ vỏ)	100g

Chủ trị:

Khí huyết hư, can thận yếu.

Sốt rét, gầy yếu, ăn ngủ kém, Đàn ông di tinh, phụ nữ bạch đái; Trẻ em chậm mọc răng, chậm mọc tóc, chậm đi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao tẩm chế xong, sấy khô tán bột mịn, luyện mật ong đã cô thành châu làm hoàn bằng hạt đậu đen.

Người lớn mỗi lần uống 20 viên.

Trẻ em tuỳ theo tuổi mỗi lần uống 6 - 15 viên.

Ngày uống 2 lần với nước chín nóng.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất sống lạnh.

38. HOÀN BỔ TỲ

Hoài sơn (sao vàng)	300g
Ý dĩ (sao vàng)	300g
Mạch nha (sao nổ loại bỏ vỏ)	200g
Thần khúc (sao thơm)	50g
Bạch biển đậu (sao vàng)	150g

Chủ trị:

Kích thích tiêu hoá, chữa la chảy kéo dài, ăn uống không tiêu do tỳ vị yếu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế giòn tán bột mịn luyện mật làm hoàn bằng hạt ngô.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 5g, uống với nước chín nguội.

39. BỘT BỔ TỲ

Bạch biển đậu (sao vàng)	200g
Ý dĩ (sao vàng)	200g
Hoài sơn (sao vàng)	200g
Phòng đảng sâm	200g
Liên nhục sao	100g
Mạch nha (sao nổ loại bỏ vỏ)	100g
Nhục đậu khấu	4g
Sa nhân	4g
Trần bì (sao thơm)	6g

Chủ trị:

Kiện tỳ, kích thích tiêu hoá,kém ăn, ăn uống không tiêu, đầy trướng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế, sấy khô giòn, tán bột mịn trộn thật đều theo phương pháp trộn bột kép.

Người lớn ngày uống 20 - 30g

Trẻ em tuỳ tuổi ngày uống 10 - 20g

Chia uống 2 lần trộn với nước cơm, uống trước bữa ăn.

40. RƯỢU MINH MẠNG

Thục địa	6,5%
Đỗ trọng	6,5%
Nhân sâm	6,5%
Kỷ tử	6,5%
Ba kích (bỏ lõi)	6,5%
Đương quy	6,5%
Hoàng kỳ	6,5%
Bạch cúc hoa	6,5%
Liên nhục	4,8%
Táo nhân (sao đen)	4,8%
Viễn chí	4,8%
Hoàng tinh chế	4,8%
Dâm dương hoắc	4,8%
Nhục thung dung	4,8%
Xa tiền tử (sao)	4,8%
Sà sàng tử (sao thơm)	4,8%
Cam thảo	4,8%
Đại táo	4,8%

Chủ trị:

Suy nhược cơ thể, suy nhược thần kinh; Ăn kém, ngủ kém, mệt mỏi, đau lưng, trí nhớ giảm, thiểu năng sinh lý.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào rượu ngâm trong 10 ngày.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 15 - 20ml uống trước bữa ăn.

Kiêng kỵ:

Người cao huyết áp; Viêm loét dạ dày tá tràng, mắc bệnh gan, thận mạn; đang bị cảm mạo; phụ nữ có thai không dùng.

41. TỨ QUÂN TỬ THANG GIA VỊ

Đảng sâm	20g
Bạch truật	16g
Phục linh	12g
Cam thảo	6g
Sa nhân	6g

Chủ trị:

Chính khí suy kém có hiện tượng váng đầu hoa mắt, đoản hơi, ngại nói, mệt mỏi, không muốn ăn, đại tiện nhão, lưỡi nhợt, rêu lưỡi mỏng, mạch trầm nhược vô lực.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ: Cay, nóng, (rượu, bia, ớt, tỏi, hồ tiêu). Các thức ăn sào, rán, béo, ngọt.

42. BÁT TRÂN THANG

Đảng sâm	12g
Bạch linh	12g
Bạch truật	12g
Cam thảo chích	6g
Xuyên khung	6g
Đương quy	12g
Thục địa	12g
Bạch thược	12g

Chủ trị:

Suy nhược cơ thể, khí huyết lưỡng hư: Sắc mặt trắng nhợt hay vàng nhạt, thường hồi hộp đánh trống ngực, ăn kém chậm tiêu. Phục hồi sức khoẻ mau chóng sau khi khỏi bệnh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày. Uống xa bữa ăn.

Ngày uống 1 thang.

43. MINH MẠNG THANG
(Bát trân gia vị)

Xuyên khung	12g
Đương quy	12g
Thục địa	20g
Bạch thược	12g
Đảng sâm (hoặc Nhân sâm hoặc Sa sâm)	20g
Phục linh	12g
Bạch truật	8g
Cam thảo	12g
Đào nhân	20g
Đỗ trọng	8g
Tục đoạn	8g
Mộc qua	8g
Thương truật	8g
Tần giao	8g
Trần bì	12g
Phòng phong	12g
Độc hoạt	8g
Đại hồi	8g
Khương hoạt	8g
Kỷ tử	8g
Nhục quế	4g
Hoàng Cúc hoa	8g
Đại táo	8g

Chủ trị:

Bổ khí huyết, tăng cường sinh lực, tráng dương bổ thận.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị cho vào 3 lít rượu trắng 40° ngâm 5 ngày, chắt lấy rượu, cho thêm 300g đường trắng (hoặc đường phèn) và 500ml nước chín nguội khuấy tan hết đường.

Ngày uống 3 lần mỗi lần 20ml trước bữa ăn và trước khi đi ngủ. Hết thuốc có thể uống thêm 1 thang nữa. Uống liến tiếp sẽ giữ cho cơ thể thường xuyên khoẻ mạnh.

Chú ý gia giảm:

- Người tạng nhiệt bỏ:

  Đại hồi

  Nhục quế

- Người tạng hàn gia thêm:

Ngưu tất	12g

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất cay, kích thích.

44. TIÊU THỰC TÁN

Hương phụ tứ chế	400g
Trần bì (sao vàng)	250g
Hậu phác (tẩm gừng sao)	250g
Củ Sả (sao vàng)	250g
Hoắc hương	16g
Can khương	4g

Chủ trị:

Kích thích tiêu hoá chữa chán ăn, bụng đầy trướng, đau bụng, sôi bụng, rối loạn tiêu hoá.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế sấy khô giòn tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần mỗi lần 8 - 12g, uống với nước chín ấm.

45. HOÀN BỔ TỲ VỊ

Hột Mít (tươi hoặc khô)	400g
Cám gạo nếp (mới xay)	200g
Mầm mạ	40g
Thịt quả mơ tươi	20g
Gừng tươi	12g
Đường trắng	180g

Chủ trị:

Bổ tỳ vị, dùng cho người ốm mới khỏi, sức còn yếu, khí huyết còn suy nhược; Trẻ em biếng ăn chậm lớn, hay chảy dãi.

Cách dùng, liều lượng:

- Hạt Mít đồ chín, bóc bỏ vỏ cứng, giã thật nhuyễn mịn.

- Cám gạo nếp mới, rây bỏ trấu và mày thóc nấu cháo đặc.

- Mầm mạ tươi dài 1,5-2cm, giã thật nhừ, mịn.

- Chọn quả Mơ vừa chín tới gọt bỏ vỏ và hạt giã mịn.

- Gừng tươi cạo bỏ vỏ giã nhỏ nhặt bỏ sơ.

Các thứ giã nhỏ mịn trộn đều với đường trắng, vảy thêm một ít nước chín ấm vào thuốc trộn đều, cho thuốc vào chõ đồ sôi bằng đất đậy kín bằng lá sen và vung, ủ cho lên men.

Trong khi ủ phải bọc chõ thuốc hoặc vùi vào thúng trấu để giữ sức nóng, 3 - 5 giờ mở vung chõ thuốc, quấy đều một lần để tránh lên mốc. Mùa hè ủ chừng 3 ngày, mùa đông ủ chừng 7 ngày là được.

Sau khi ủ được lấy thuốc ra nếu khô quá thì cho thêm 1 ít nước sôi vào cho loãng như cháo đặc, đun sôi thuốc trong 30 phút (kể từ khi sôi). Khi đun quấy luôn tay để tránh bị bén nồi, khê. Đun xong để nguội làm hoàn bằng hạt ngô.

Người lớn mỗi ngày uống 2 lần, mỗi lần 30 hoàn với chút ít rượu trắng.

Trẻ em tuỳ tuổi mỗi lần uống 10 - 20 hoàn; Ngày uống 2 lần, uống lúc đói với nước chè tươi hoặc nước chín.

Chú ý:

Khi uống thuốc vài ngày đầu dùng thuốc có thể trung tiện nhiều hơn thường lệ.

46. BỔ HUYẾT HOÀN

Rau má (sao giòn)	200g
Đan sâm	80g
Ngải cứu (sao giòn)	30g
Hoài sơn (sao vàng)	160g
Cỏ Nhọ nồi (sao giòn)	160g
Hạt Sen (sao vàng)	200g
Củ Sả	30g
Hoàng tinh chế	160g

Chủ trị:

Huyết hư, tâm tỳ hư.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao, sấy giòn, tán bột mịn luyện với kẹo mạch nha làm hoàn bằng hạt ngô.

Ngày uống 2 lần, Mỗi lần uống 20g với nước chín.

47. VIÊN BỔ SÂM

Bố chính sâm (tẩm gừng sao)	500g
Đảng sâm (tẩm gừng sao)	500g

Hoài sơn (sao vàng)	500g
Liên nhục (sao vàng)	500g

Chủ trị:

Ăn ngủ kém, suy nhược thần kinh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị chế biến xong trộn đều, tán bột mịn, luyện hồ làm viên 0,5g.

Mỗi ngày uống 10 viên chia làm 2 lần, uống với nước chín nguội.

Chú ý:

Bố chính sâm có thể thay bằng Nhân sâm 200g.

48. THẬP TOÀN ĐẠI BỔ

Xuyên khung	4g
Đương quy	8g
Bạch thược	4g
Thục địa	10g
Nhân sâm	6g
Phục linh	4g
Bạch truật	4g
Cam thảo	2g
Hoàng kỳ	6g
Quế chi	4g

Chủ trị:

Khí huyết lưỡng hư có biểu hiện hư lao, di tinh, băng lậu ở nữ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml và 2 quả Táo, 3 lát Gừng tươi, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày. Uống trước bữa ăn.

Ngày uống 1 thang.

49. PHÒNG PHONG BẠCH TRUẬT THANG

Phòng phong	9g
Bạch truật	9g
Mẫu lệ (nung chín)	18g

Chủ trị:

Chứng tự ra mồ hôi do khí hư, mệt mỏi, hơi thở ngắn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 500ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc uống 1 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

50. BẠCH TRUẬT ĐẢNG SÂM THANG

Bạch truật (sao cám)	10g
Đảng sâm	10g
Sinh khương	6g
Cam thảo (chích)	4g

Chủ trị:

Người mệt mỏi, biếng ăn, bụng đầy trướng, ỉa lỏng do tỳ hư thấp trệ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

51. HOÀN SÂM THỤC

Nhân sâm	10g
Thục địa	20g
Ba kích (bỏ lõi)	20g
Nhục thung dung	20g
Ngũ vị tử	20g
Cốt toái bổ	10g

Chủ trị:

Bổ thận tráng dương; Chữa liệt dương, thiểu năng sinh lý.

Cách dùng, liều lượng:

Thục địa hấp cách thuỷ cho mềm, giã nhuyễn để riêng. Các vị khác sấy khô, tán bột mịn, trộn đều với Thục địa, cho vào mật ong đã cô thành châu, luyện kỹ làm hoàn 5g.

Ngày uống 20g, chia làm 2 lần, uống với nước chín nguội.

52. TƯ THẬN DƯỠNG CAN HOÀN

Thục địa	12g
Hoài sơn	6g
Sơn thù	6g

Phục linh	4,5g
Trạch tả	4,5g
Mẫu đơn bì	4,5g
Kỷ tử	9g
Cúc hoa	9g

Chủ trị:

Can thận âm hư, lưng đau gối mỏi, đầu váng, chóng mặt, tai ù, sốt về chiều, ra mồ hôi trộm, mắt mờ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao, sấy khô tán bột mịn, luyện với mật ong đã cô thành châu làm hoàn 2g.

Ngày uống 8 - 10g, chia uống 2 lần, uống với nước muối loãng còn hơi ấm.

53. HOÀI SƠN TRI MẪU THANG

Hoài sơn	18g
Tri mẫu	9g
Hoàng kỳ	9g
Cát căn	9g
Thiên hoa phấn	9g
Kê nội kim	6g
Ngũ vị tử	5g

Chủ trị:

Âm hư, tân dịch khô kiệt, sốt cao, khát.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

54. ÔN THẬN TRÁNG DƯƠNG HOÀN

Đỗ trọng	120g
Mạch môn (bỏ lõi)	120g
Hoài sơn	120g
Sơn thù	120g
Thổ ty tử	120g
Ngũ vị tử	30g
Thục địa	240g
Ngưu tất	120g
Lộc nhung	60g

Chủ trị:

Thận hư, liệt dương, di tinh, dương sự kém.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô, tán bột mịn trộn đều, luyện mật ong đã cố thành châu làm hoàn 2g.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 8 - 10g

Uống với nước muối nhạt hoặc nước chín.

55. RƯỢU ĐỖ TRỌNG

Đỗ trọng	12g
Đan sâm	12g
Xuyên khung	5g
Tế tân	5g
Quế tâm	4g

Chủ trị:

Thận hư, lưng đau mỏi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1 lít rượu trắng 40° ngâm trong 7 ngày, chiết ra uống.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 15 - 20ml, uống trong bữa ăn.

56. BỔ HUYẾT HOÀN

Hà thủ ô đỏ chế	100g
Ngưu tất	60g
Kỷ tử	60g
Phá cố chỉ	40g
Bạch linh	40g
Đương quy	60g
Thỏ ty tử	40g

Chủ trị:

Huyết hư sức yếu thiếu máu, thận suy, di tinh, không có con, phụ nữ khí hư.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, trộn đều, luyện với mật ong đã cô thành châu làm hoàn 0,5g.

Ngày uống 3 lần, mỗi lần 10 - 15 viên.

Sáng dùng Rượu trắng, trưa dùng nước Gừng, tối dùng nước Muối nhạt chiêu thuốc.

57. ÍCH TRÍ NHÂN TÁN

Ích trí nhân	12g
Phục linh	12g
Phục thần	12g

Chủ trị:

Thận hư: Nam di tinh, nữ bạch đới.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô, tán bột mịn, trộn đều.

Ngày uống 2 lần. Mỗi lần 6g uống với nước muối nhạt.

58. Ô HOÀI ÍCH TRÍ HOÀN

Ô dược	20g
Hoài sơn	20g
Ích trí nhân	20g

Chủ trị:

Đái vặt, đái són, đái dầm đau vùng bụng dưới do thận, bàng quang hư hàn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô, tán bột mịn riêng từng vị; Ô dược, Ích trí nhân trộn thật đều.

Dùng bột Hoài sơn nấu hồ luyện với bột Ô dược, Ích trí nhân làm hoàn bằng hạt ngô.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 10g, uống với nước chín hay nước muối nhạt.

59. QUY TỲ HOÀN

Bạch truật (sao)	30g
Đảng sâm	30g
Phục linh	30g
Mộc hương	30g
Hoàng kỳ (tẩm mật sao vàng)	30g
Cam thảo (chích)	15g
Long nhãn nhục	30g
Đương quy	30g
Táo nhân (sao đen)	30g
Viễn chí (tẩm mật ong sao vàng)	30g
Đại táo (bỏ hạt)	15g

Chủ trị:

Tâm tỳ hư, khí huyết hư: Tiêu hoá kém, trí nhớ kém, hay quên, hồi hộp, mất ngủ, mệt mỏi, sắc mặt vàng, miệng nhạt, kinh sợ ra mồ hôi trộm, phụ nữ kinh nguyệt quá nhiều.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao, tẩm sao, sấy khô xong tán bột mịn, cho vào mật ong đã cô thành châu, luyện kỹ làm hoàn 1g.

Ngày uống 2 - 3 lần, mỗi lần uống 3 - 6g, uống với nước chín nguội.

60. CỐC NHA BẠCH TRUẬT THANG

Cốc nha (mầm hạt thóc) sao nhẹ	15g
Bạch truật (sao)	10g
Sa nhân	3g
Cam thảo (chích)	6g

Chủ trị:

Tỳ vị hư nhược, tiêu hoá kém, nôn mửa, ỉa chảy.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

61. SƠN THẦN CỐC MẠCH THANG

Sơn tra (sao xém)	10g
Thần khúc (sao xém)	10g
Cốc nha (sao nhẹ)	10g
Mạch nha (sao nhẹ)	10g
La bạc tử	6g

Chủ trị:

Tiêu hoá kém thức ăn tích đọng, bụng đầy trướng,

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

62. CỐC NHA KÊ NỘI KIM THANG

Cốc nha (sao nhẹ)	10g

Kê nội kim	6g
Thương truật	6g
Cam thảo (chích)	6g

Chủ trị:

Tiêu hoá kém, bụng đầy trướng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

63. SÂM MẠCH BẠCH TRUẬT THANG

Đảng sâm (tẩm gừng sao)	10g
Mạch nha (sao nhẹ)	10g
Bạch truật (sao)	10g
Phục linh	10g
Thảo quả	5g
Trần bì (sao thơm)	5g
Hậu phác	5g
Can khương	3g
Cam thảo	3g

Chủ trị:

Tỳ vị hư hàn, ăn không tiêu, bụng đầy trướng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước tuhốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

64. SƠN MẠCH THANG

Sơn tra (sao sém)	10g
Mạch nha (sao nhẹ)	10g

Chủ trị:

Tỳ suy, biếng ăn, tiêu hoá kém, thức ăn tích đọng, bụng đầy trướng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 200ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

65. MỘC HƯƠNG HOÀN

Mộc hương	18g
Bạch truật (sao)	18g
Chỉ thực (sao thơm)	18g

Chủ trị:

Tiêu hoá kém, biếng ăn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế, sấy khô tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 5g với nước Gừng tươi.

66. NHÂN SÂM NGŨ VỊ HOÀN

Nhân sâm	30g
Ngũ vị tử	30g
Bạch truật (sao thơm)	30g
Mẫu lệ (nung chín)	30g
Ma hoàng căn	30g
Bá tử nhân	60g
Đại táo nhục	200g

Chủ trị:

Cơ thể suy nhược, mồ hôi tự ra hoặc ra quá nhiều.

Cách dùng, liều lượng:

Đại táo nhục giã nhuyễn để riêng.

Các vị sao, chế, sấy khô tán bột mịn, trộn đều, luyện với Đại táo nhục làm hoàn bằng hạt ngô.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 6g với nước chín.

67. MẪU LỆ TANG PHIÊU TIÊU THANG

Mẫu lệ (nung chín)	10g
Tang phiêu tiêu	10g
Phụ tử chế	6g
Ngũ vị tử	6g

Chủ trị:

Dương hư, thận yếu, di tinh, hoạt tinh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

68. SINH MẠCH ẨM

Nhân sâm	10g
Mạch môn	15g
Ngũ vị tử	6g

Chủ trị:

Tân dịch không đủ, miệng khô, khát nước (do nắng nóng ra nhiều mồ hôi) người mệt, khí đoản, tim đập hồi hộp, tức ngực, ngủ kém, lưỡi nhợt ít dịch, ho lâu ngày, phế hư.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, chia uống trong ngày. Không kể giờ giấc.

Ngày uống 1 thang.

69. TỨ QUÂN TỬ THANG

Nhân sâm	10g
Bạch truật	9g
Bạch linh	9g
Cam thảo (chích)	6g

Chủ trị:

Tỳ vị khí hư người mệt mỏi, ăn kém, tiếng nói nhỏ yếu, đại tiện phân nhão, lưỡi nhợt, da mặt trắng bệch.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

70. ĐỘC SÂM THANG

Nhân sâm	40g
Nước	400ml

Chủ trị:

Cơ thể qúa suy nhược sau khi mất máu nhiều, thần kinh suy nhược.

Cách dùng, liều lượng:

Nhân sâm thái lát mỏng cho vào 400ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc cho uống từng ít một không kể thời gian. Uống xong cần nằm yên

Ngày uống 1 thang.

71. TAM TÀI THANG

Nhân sâm	4g
Thiên môn	10g
Thục địa	10g

Chủ trị:

Bổ toàn thân, bổ tinh khí chữa suy nhược cơ thể, suy nhược thần kinh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

72. HOÀN BỔ THẬN TRÁNG DƯƠNG

Nhục thung dung	15g
Viễn chí	5g
Ngũ vị tử	5g
Đỗ trọng	10g
Sa sàng tử	10g
Ba kích nhục	10g
Thỏ ty tử	10g
Phụ tử chế	10g
Phòng phong	10g

Chủ trị:

Thận hư (yếu), liệt dương (dương sự yếu); lưng gối đau mỏi, buốt, phụ nữ không thụ thai được.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, cho vào Mật ong đã cô thành châu luyện kỹ làm hoàn 5g.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 10g (2 hoàn) uống với nước muối nhạt.

73. BÁT VỊ THẬN KHÍ HOÀN

Thục địa	80g
Hoài sơn	40g

Sơn thù	40g
Trạch tả	30g
Đơn bì	30g
Phục linh	30g
Phụ tử chế	15g
Quế chi	15g

Chủ trị:

Thận dương suy: Đau lưng mỏi gối, lưng và chi dưới lạnh, tiểu tiện nhiều lần, cước khí, thuỷ thũng, tiêu khát (đái tháo, khát nước)...

Cách dùng, liều lượng:

Thục địa hấp cách thuỷ cho mềm, giã nhuyễn để riêng. Các vị khác sấy khô tán bột mịn, trộn đều với Thục địa. Cho vào Mật ong đã cô thành châu, luyện kỹ làm hoàn 1g.

Ngày uống 2 - 3 lần, mỗi lần uống 3 - 6 hoàn uống với nước muối nhạt.

74. THỎ TY PHÁ CỐ CHỈ HOÀN

Thỏ ty tử	20g
Phá cố chỉ	20g
Hồ đào nhân	20g
Trầm hương	5g

Chủ trị:

Di tinh, liệt dương (dương sự yếu).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, luyện với Mật ong làm viên bằng hạt đậu đen.

Ngày uống 3 lần, mỗi lần 6 - 9g. Uống với nước muối nhạt.

75. BÁT VỊ QUẾ PHỤ GIA VỊ HOÀN

Can địa hoàng	8g
Hoài sơn	8g
Sơn thù	6g
Trạch tả	6g
Đan bì	4g
Phụ tử chế	4g
Xa tiền tử	4g
Phục linh	8g
Quế nhục	2g
Ngưu tất	6g

Chủ trị:

Thận suy yếu, chân phù thũng, bụng trướng đầy.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, luyện mật làm viên bằng hạt đậu xanh.

Ngày uống 2 - 3 lần, mỗi lần uống3 - 6g uống với nước chín ấm.

76. HUYỀN SA SINH ĐỊA HOÀNG KỲ THANG

Huyền sâm	4g
Sa sâm	6g
Sinh địa	6g
Hoàng kỳ	6g
Tri mẫu	4g
Xuyên bối mẫu	4g
Cam thảo	4g
Ngưu bàng tử	4g

Chủ trị:

Suy nhược yếu mệt, ho sốt nóng, phổi yếu, khản tiếng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

77. PHỤC THẦN VIỄN CHÍ LIÊN NHỤC THANG

Phục thần	10g
Viễn chí	10g
Liên nhục	10g
Hoàng kỳ (tẩm mật sao)	10g
Táo nhân (sao đen)	10g
Đảng sâm	10g
Trần bì	5g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Người suy nhược cơ thể, mệt mỏi, tâm thần không yên (bất an) mất ngủ, hoa mắt, váng đầu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

78. LIÊN NHỤC BA KÍCH TÁN

Liên nhục	15g
Ba kích	15g
Phá cố chỉ	15g
Phụ tử chế	15g
Sơn thù	15g

Chủ trị:

Thận hư: Nam di tinh, nữ bạch đới - Bổ thận, cố tinh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 6g.

Uống lúc đói với nước muối nhạt.

79. TỨ VẬT THANG

Thục địa	15g
Đương quy	9g
Bạch thược	9g
Xuyên khung	5g

Chủ trị:

Bổ huyết, điều huyết: Chữa chứng huyết hư, huyết trệ gây kinh nguyệt không đều, thống kinh, thiếu máu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

80. SÂM SƠN BẠCH MẪU THANG

Đảng sâm	30g
Sơn thù	30g
Mẫu lệ (nung chín)	12g
Bạch thược	12g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Người mới ốm dậy, cơ thể suy nhược, thường tự ra mồ hôi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

81. LỤC VỊ HOÀN

Thục địa	80g
Hoài sơn	40g
Sơn thù	40g
Đan bì	30g
Bạch linh	30g
Trạch tả	30g

Chủ trị:

Chân âm hao tổn, di mộng tinh, lưng đau chân mỏi, tự ra mồ hôi, ra mồ hôi trộm, đại tiện ra huyết, tiêu khát, lâm lậu.

- Chứng can thận âm hư: hư hoả bốc lên gây lưng gối mỏi yếu, hoa mắt chóng mặt, tai ù, ra mồ hôi trộm, di tinh, nhức trong xương, triều nhiệt, lòng bàn tay chân nóng, khát, đau răng, lưỡi khô đỏ rêu ít.

Cách dùng, liều lượng:

Thục địa hấp cách thuỷ cho mềm, giã nhuyễn để riêng. Các vị khác sấy khô tán bột mịn cho vào Thục địa trộn đều, luyện mật làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Ngày uống 2 - 3 lần, mỗi lần 8 - 12g, uống với nước muối nhạt.

82. HOÀN THỎ TY LIÊN NHỤC

Thỏ ty tử	60g
Liên nhục	80g
Ngũ vị tử	60g
Bạch linh	60g
Hoài sơn	40g

Chủ trị:

Thận hư, liệt dương, di tinh; phụ nữ bạch đới.

Cách dùng, liều lượng:

Hoài sơn sấy khô, tán bột mịn để riêng.

Các vị khác sấy khô, tán bột mịn. Dùng bột Hoài sơn làm hồ, cho bột thuốc vào luyện kỹ làm hoàn to bằng hạt đậu xanh.

Ngày uống 2 - 3 lần, mỗi lần 6 - 8g uống với nước muối nhạt.

83. BỔ THẬN TRÁNG CÂN THANG

Thục địa	8g
Đương quy	4g
Ngưu tất	4g
Sơn thù	4g
Phục linh	4g
Tục đoạn	6g
Đỗ trọng	6g
Bạch thược	4g
Thanh bì	4g
Ngũ gia bì	4g

Chủ trị:

Thận hư: Đau lưng gối mỏi, đàn ông di tinh, đàn bà bạch đái.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

84. TẬT LÊ MẪU LỆ THANG

Tật lê	10g
Mẫu lệ (nung chín)	10g
Liên tu	10g
Khiếm thực	10g
Kim anh tử (bỏ hạt, lông)	10g
Liên nhục	10g

Chủ trị:

Bổ thận cố tinh chữa nam di tinh, hoạt tinh; phụ nữ bạch đới, chảy máu tử cung.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

85. KIM KỶ TẬT LÊ THANG

Kim anh tử (bỏ ruột)	12g
Kỷ tử	12g
Tật lê	12g
Thỏ ty tử	12g
Khiếm thực	12g
Liên nhục	12g
Liên tu	12g
Ba kích	12g
Quả Mâm xôi (Đùm đũm)	12g

Chủ trị:

Thận hư tiết tinh, di tinh, hoạt tinh, liệt dương, phụ nữ khí hư.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

86. ĐẠI BỔ ÂM HOÀN

Tri mẫu	125g
Hoàng bá	125g
Thục địa	188g
Quy bản (bôi mỡ nướng)	188g
Trư tuỷ (Tuỷ lợn)	10 cái

Chủ trị:

Người âm hư hoả vượng, ho ra huyết, nấc cụt, phiền nóng, nóng âm ỉ trong xương, ra mồ hôi trộm, gối chân nóng đau, hư lao...

Cách dùng, liều lượng:

Cho Tuỷ lợn vào 150ml rượu trắng đun cách thuỷ sôi cho chín để riêng.

Các vị thuốc khác sấy khô tán bột mịn, cho trộn đều với Tuỷ lợn, đem phơi hoặc sấy khô ở nhiệt độ thấp 60° - 65°C tán lại và rây trộn thật đều. Dùng Mật ong đã cô thành châu luyện kỹ làm hoàn 10g.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 1 viên với nước chín ấm.

87. NHÂN SÂM TẮC KÈ HOÀN

Nhân sâm	12g
Hạnh nhân	8g
Phục linh	8g
Xuyên bối mẫu	8g
Tang bạch bì (tẩm mật sao)	12g
Tắc kè (khô)	2 con

Chủ trị:

Người ốm yếu lâu ngày, cơ thể suy nhược; ho hen, tức ngực, mắt sưng húp, phù nề.

Cách dùng, liều lượng:

Tắc kè bỏ đầu, chân, sấy khô tán bột mịn để riêng.
Các vị khác sấy khô tán bột mịn, trộn đều với bột tắc kè. Cho vào mật ong đã luyện thành châu, luyện kỹ làm hoàn.

Chia uống trong 4 ngày.

88. BỔ TRUNG ÍCH KHÍ THANG

Hoàng kỳ	12g
Đảng sâm	12g
Đương quy	8g
Bạch truật	8g
Thăng ma	6g
Sài hồ	6g
Trần bì	4g
Cam thảo	6g

Chủ trị:

Tỳ vị hư: Người nóng ra mồ hôi, khát thích uống ấm, người mệt mỏi, chân tay yếu, sắc mặt trắng bệch, chất lưỡi nhợt, rêu trắng mỏng, ăn kém, hoặc chứng khí hư hạ hãm: Lòi dom, sa dạ con, ỉa chảy mạn, lỵ mạn, sốt rét mạn; hoặc tỳ hư không nhiếp huyết gây chảy máu kéo dài, rong kinh, rong huyết...

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày. Uống xa bữa ăn lúc thuốc còn nóng.

Ngày uống 1 thang.

89. HẬU THIÊN BÁT VỊ THANG

Bố chính sâm	30g
Bạch truật (tẩm mật sao)	16g
Hoàng kỳ (tẩm mật sao)	8g
Liên nhục (sao)	6g
Cam thảo (chích)	4g
Mạch môn (bỏ lõi)	4g
Ngũ vị tử (tẩm mật sao)	4g
Phụ tử chế	1,5g

Chủ trị:

Dương khí hậu thiên hư tổn: Người gầy xanh hoặc béo bệu, hơi thở ngắn, mệt mỏi, ăn không biết ngon, rất sợ lạnh, dễ sinh đầy trướng bụng, ỉa lỏng; hoặc tỳ hư không thể liễm được hoả phát sốt, phiền khát.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị trên chế biến xong gia thêm Ổi khương 3 lát, Đại táo 2 quả cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày, uống xa bữa ăn, lúc thuốc còn ấm.

Ngày uống 1 thang.

CÁC BÀI THUỐC THUỘC TOA CĂN BẢN

TOA THUỐC CĂN BẢN

Gồm 10 vị thuốc thông thường và gia giảm thay thế trong 10 vị này để điều hoà cơ thể, tăng sức đề kháng của cơ thể làm cho cơ thể vượng lên để chiến thắng được bệnh tật.

Đó là:

Rễ cỏ tranh	8g
Rau má	8g
Cỏ Mần chầu	8g
Cây Ké đầu ngựa	8g
Củ Sả	8g
Dây Mơ tam thể (hoặc cây Muồng trâu)	8g
Cỏ Nhọ nồi	8g
Gừng tươi	8g
Vỏ Quýt	8g
Cam thảo nam	8g

Chủ trị:

Cơ thể suy nhược (do mắc các chứng bệnh ngoại cảm thương hàn hoặc các bệnh nội thương lâu ngày) người gầy yếu, ăn kém không tiêu, gan yếu giải độc không nổi, đại tiểu tiện táo bón, khí huyết không lưu thông.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc:

- Người lớn tuỳ theo bệnh nặng, nhẹ, uống cả một lần hay chia 2 lần uống.

Ngày uống 1 thang.

- Trẻ em còn bú mỗi lần uống 5 - 6 thìa cà phê, cứ cách 1 - 2 giờ uống 1 lần. Thuốc còn lại người mẹ uống. 2 ngày uống 1 thang.

- Trẻ em từ 5 - 10 tuổi mỗi lần uống 3 - 6 thìa canh, ngày uống 2 lần.

- Trẻ em từ 11 - 15 tuổi mỗi lần uống 1/2 liều người lớn. Ngày uống 2 lần.

- Trẻ em từ 16 tuổi trở lên uống bằng liều người lớn.

Chú ý:

Bệnh thuộc hư hàn uống thuốc lúc còn nóng.

Bệnh thuộc thực nhiệt uống thuốc lúc nguội.

Trường hợp cần phát hãn (làm ra mồ hôi) thì uống thuốc nóng.

Trường hợp nôn mửa thì uống từng ngụm một hoặc uống một chút nước Gừng tươi trước khi uống thuốc sẽ tránh được nôn.

Trường hợp tỳ vị hư yếu không dung nạp được nhiều thuốc một lúc, nên cho uống làm nhiều lần, hoặc cho uống thuốc cô đặc.

Cách sao chế gia giảm các vị thuốc theo bệnh trạng:

- Người bệnh thuộc hư hàn: Sợ gió, thích ăn uống nóng không thích tắm, ưa đắp chăn, ăn chậm tiêu phân thường lỏng, nước tiểu trong, ít uống nước, mạch chậm yếu thì Gừng tươi, Củ Sả nướng chín, các vị khác sao vàng hạ thổ.
- Người bệnh bị băng huyết, rong huyết thì cỏ Nhọ nồi sao đen. Gừng tươi, Củ Sả nướng chín, các vị khác sao vàng hạ thổ.
- Trong bệnh hàn mà người bệnh lại thường hay bốc nóng thì Rau má, Cỏ Mần chầu, Cam thảo nam, Ké đầu ngựa để tươi, các vị khác nướng chín, sao vàng.
- Người bệnh thật hư hàn (nặng) tay chân quyết lạnh phải giảm lượng Cỏ Nhọ nồi, rễ Cỏ tranh, cỏ Mần chầu, Rau má, tăng lượng Gừng tươi, Củ sả, vỏ Quýt.
- Người bệnh thuộc thực nhiệt: ưa mát, thích ăn uống lạnh, ưa tắm, không ưa đắp chăn, hay táo bón, nước tiểu vàng, sẻn, khát nước, khó ngủ và thường nhức đầu, mạch mạnh và nhanh thì các vị thuốc nên dùng tươi (lượng thuốc tươi dùng gấp đôi lượng thuốc khô) và tăng lượng Rau má, rễ Cỏ tranh, Cỏ Mần chầu lên gấp đôi = 16g.
- Người bệnh nhiệt mà tỳ vị hư yếu (ăn ít, hay ợ hơi, đi ngoài lỏng) thì Cỏ Mần chầu, dây Mơ tam thể, Ké đầu ngựa, củ Sả sao vàng (để kích thích tiêu hoá) các vị khác để tươi.
- Người bệnh thận và bàng quang thực nhiệt (đi tiểu ít, đỏ) thì tăng lương rễ Cỏ tranh lên gấp đôi = 16g.
- Người bệnh táo bón (2-3 ngày không đi đại tiện) thì tăng lượng dây Mơ tam thể hoặc Muồng trâu lên gấp đôi 2-3 lần = 16g hay 24g.

- Người bệnh gan yếu, uất nóng (đau nhói ở vùng gan) hoặc do người bệnh đã dùng quá nhiều thuốc nóng, độc làm tổn thương gan, mật thì tăng lượng Rau má lên gấp 2 - 3 lần = 16 hay 24g.
- Người bệnh huyết nhiệt thì tăng lượng Cỏ Nhọ nồi lên gấp 2 lần = 16g.
- Người bệnh bị nhiễm độc mà cơ thể không thải trừ được chất độc ra gây nên u nhọt, chốc lở thì tăng lượng Cỏ Màn chầu, Cam thảo nam, Ké đầu ngựa lên gấp 2 lần = 16g.
- Người bệnh tiêu hoá kém, bệnh đường ruột thì tăng lượng Củ Sả, Gừng tươi, vỏ Quýt lên gấp 2 lần = 16g.

Thay thế các vị thuốc trong toa căn bản khi thiếu vị:

- Khi thiếu Rễ Cỏ tranh có thể thay bằng 1 trong các vị sau:

Râu Ngô - Cỏ Bấc đèn - Mộc thông - Cỏ Thài lài - Vỏ quả Cau già - Mã đề - Cây Râu mèo - lá Cối xay...

- Khi thiếu dây mơ tam thể (hoặc Muồng trâu) có thể thay bằng 1 trong các vị sau:

Vỏ cây Đại - Hoa Đại (sao vàng) - Củ Chút chít - lá Lộc mại ...

- Khi thiếu Rau má có thể thay thế bằng 1 trong các vị sau:

Tinh tre - lá Chanh - Nhân trần - lá Cam thìa - lá Gai...

- Khi thiếu cỏ nhọ nồi có thể thay thế bằng một trong các vị sau:

Cỏ Sữa - Hà thủ ô - Ích mẫu - Ngải cứu - Củ Gấu - Rau Dền tía - Dây Tơ hồng - lá Dâu tằm - củ Mài - Kê huyết đằng ...

- Thiếu cỏ Màn chầu, Ké đầu ngựa, Cam thảo nam có thể thay bằng hai hoặc ba vị trong các vị sau:

Đậu Cọc rào (Đậu săng) - Rau Ngót - Rau Sam - Kim ngân hoa - lá Bạc thau - cây Mật quỷ - Bồ công anh - Kinh giới - cây Vòi voi...

- Thiếu củ Sả, vỏ Quýt, Gừng tươi có thể thay bằng hai hoặc ba vị trong các vị sau:

Củ Riềng - Bạc hà - Hoắc hương - Đậu khấu - Sa nhân - Sơn tra - Thảo quả - vỏ Bưởi đào - Ngải cứu - Xương bồ - Nghệ vàng - vỏ Cam - vỏ Vối (Hậu phác)...

Cách gia giảm khi sử dụng Toa căn bản trong điều trị các chứng bệnh:

TOA CĂN BẢN GIA VỊ 1

Rễ Cỏ tranh	8g
Rau Má	8g
Cỏ Màn chầu	8g
Cây Ké đầu ngựa	8g
Củ Sả	8g
Dây Mơ tam thể	8g
Cỏ Nhọ nồi	8g
Gừng tươi	8g
Vỏ Quýt	8g
Cam thảo nam	8g
Hương nhu	12g
Bạc hà	12g
Thạch xương bồ (lá)	12g
Kinh giới	12g
Tía tô	12g
Lá Sả	12g
Hoắc hương	12g

Chủ trị:

Cảm lạnh (phong hàn), cảm nắng (cảm thử), cảm mưa.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống lúc thuốc còn nóng. Uống xong chùm chăn kín cho ra mồ hôi dầm dấp. Tránh gió lùa.

TOA CĂN BẢN GIA VỊ 2

Toa căn bản gia thêm các vị:

Bạc hà	12g
Lá Xương bồ	12g
Đậu Cọc rào	12g
Rau Húng chanh	8g
Chanh nướng (cắt ra)	1 quả

Chủ trị:

Ho cảm sốt, sổ mũi, khô cổ, khản mất tiếng.

Cách dùng, liều lượng:

-Trước khi uống thuốc dùng các lá: lá Sả, lá Bưởi, lá Hương nhu, lá Tía tô; lá Kinh giới, lá Tre, lá Húng chanh... nấu nước xông cho bệnh nhân, sau đó mới cho người bệnh uống Toa căn bản gia vị 2.

- Các vị thuốc trong toa cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

TOA CĂN BẢN GIA VỊ 3

Toa căn bản gia thêm các vị:

Dây Thần thông	8g
Thảo quả (bỏ vỏ)	6g
Hương phụ (giã nhỏ)	6g
Lá thường sơn (sao giấm)	12g
Tô diệp	12g
Hoắc hương	12g
Hậu phác	12g

Chủ trị:

Sốt rét cơn, cảm nóng, lạnh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, uống trước khi lên cơn sốt 3 giờ.

Ngày uống 1 thang.

TOA CĂN BẢN GIA VỊ 4

Toa căn bản gia thêm các vị:

Rau Sam	24g
Rau Ngót	12g
Đậu Cọc rào (Đậu săng)	12g
Rau Dền tía	12g
Đậu xanh (giã)	12g
Mía đỏ	40g

Chủ trị:

Trong người nóng bứt rứt, miệng hôi khô nứt, tưa lưỡi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

TOA CĂN BẢN GIA VỊ 5

Toa căn bản gia thêm các vị:

Ích mẫu	8g
Hương phụ	8g
Trạch lan (Mần tưới)	8g
Kê huyết đằng	8g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, đau bụng kinh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

TOA CĂN BẢN GIA VỊ 6

Toa căn bản gia thêm các vị:

Rau Sam	24g
Bạch đồng nữ (Toàn cây và rễ sao vàng)	12g

Chủ trị:

Phụ nữ ra khí hư (xích, bạch đới).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

TOA CĂN BẢN GIA VỊ 7

Toa căn bản gia thêm các vị:

Ngải cứu	6g
Cỏ nhọ nồi (sao đen)	40g
Trách bách diệp (sao đen)	12g

Chủ trị:

Băng huyết, rong huyết, đại tiểu tiện ra huyết.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

TOA CĂN BẢN GIA GIẢM 8

Toa căn bản bỏ rễ Cỏ tranh gia thêm các vị:

Ngải cứu	6g
Cành Tía tô	10g
Củ Gai	10g
Củ Gấu (giã nhỏ)	6g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai không yên hay đau bụng, đau lưng hoặc bị ngã, bị đánh động thai.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho và 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc cho vào một dúm nhỏ muối, quấy tan chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

TOA CĂN BẢN GIA VỊ 9

Toa căn bản gia thêm các vị:

Trắc bách diệp (sao đen)	12g
Liên ngẫu (Ngó Sen) sao	12g
Cỏ Nhọ nồi (sao đen)	24g
Bách thảo sương	5g

Chủ trị:

Khái huyết (ho ra máu), nục huyết (chẩy máu cam).

Cách dùng, liều lượng:

Bách thảo sương để riêng.

Các vị khác cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc cho Bách thảo sương vào quấy đều, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

TOA CĂN BẢN GIA VỊ 10

Toa căn bản gia thêm các vị:

Hậu phác	12g
Hoắc hương	12g
Nhục đậu khấu	12g
Tía tô	8g
Sa nhân	2g
Trần bì (nướng)	2g

Chủ trị:

Trúng thực, nóng lạnh, ói mửa, đi lỏng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày, uống lúc thuốc còn ấm.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Trường hợp trúng thực mà chân tay quyết lạnh thì dùng Toa căn bản gia vị 10 gia thêm các vị:

Củ Riềng	6g
Quế thông	12g
Chè tàu	8g
Ổi khương (gừng tươi lùi)	8g

Sắc uống, ngày 1 thang.

TOA CĂN BẢN GIA GIẢM 11

Toa căn bản bỏ: Cỏ Màn chầu, Rau Má, Cam thảo nam, Ké đầu ngựa, gia thêm các vị:

Hoắc hương	16g
Hậu phác	8g
Sa nhân (bỏ vỏ sao vàng)	10g
Bạc hà	8g

Chủ trị:

Ăn uống không tiêu, bụng trướng đầy khó chịu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

TOA CĂN BẢN GIA VỊ 12

Toa căn bản gia thêm các vị:

Thiên niên kiện (Sơn thục)	24g
Rễ Lá lốt	12g
Rễ Cỏ xước	24g
Rễ Từ bi (Đại bi)	12g

Chủ trị:

Phong thấp, lưng cổ đau nhức, chân tay nhức mỏi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, cho thêm vào 10ml rượu trắng quấy đều, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Kết hợp dùng: Ngải đen, Ngải vàng giã nhỏ sao giấm bọc vải xoa các nơi đau nhức. Khi nguội lại chế thêm giấm sao tiếp và xoa vào các nơi đau nhức như trước.

Ngày xoa 2 – 3 lần.

TOA CĂN BẢN GIA VỊ 13

Toa căn bản gia thêm các vị:

Tua rễ Si	12g
Ngải cứu	6g
Củ Cốt khí	12g

Chủ trị:

Tê bại, nhức mỏi, đau lưng, ngã bong gân, vết thương tổn do bị đánh hoặc ngã sưng, tím đau...

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, cho thêm 10ml rượu trắng quấy đều, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Kết hợp dùng thêm bài thuốc sau:

Rễ Cốt khí	40g
Nhục quế	12g
Cẩu tích	24g
Tua rễ Si	40g
Cốt toái bổ	24g

Ngâm vào 500ml rượu trắng trong 3 ngày, 3 đêm chiết ra uống. Mỗi lần uống 15ml trước khi đi ngủ tối. Những nơi đau nhức cũng dùng rượu này xoa bóp thêm.

TOA CĂN BẢN GIA VỊ 14

Toa căn bản gia thêm các vị:

Trần bì (sao)	4g
Củ Sả (già nướng)	16g
Củ Dứa gai	8g
Hoắc hương	8g
Rễ Ngấy hương	12g
Rễ Cỏ tranh	12g
Hậu phác	12g
Cây râu mèo (Bông bạc)	4g
Râu ngô	12g

Chủ trị:

Phù thũng ở bụng và chân tay.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

TOA CĂN BẢN GIA VỊ 15

Toa căn bản gia thêm các vị:

Mía đỏ	40g
Lạc tiên	12g
Táo nhân (sao đen)	12g
Lá Vông	12g
Ngải cứu	6g

Chủ trị:

Mất ngủ, tim hồi hộp, nhức đầu thường xuyên, ngủ hay chiêm bao mộng mị, giật mình, người uể oải, trí nhớ kém.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

TOA CĂN BẢN GIA VỊ 16

Toa căn bản gia thêm các vị:

Rễ cây Mua nhiều hoa (sao vàng)	12g
Lá Thường sơn (sao giấm)	12g
Thỏ ty tử	8g
Dây Thần thông	12g
Thảo quả (bỏ vỏ sao)	8g
Hà thủ ô đỏ chế	12g

Chủ trị:

Thiếu máu và có báng (lách sưng) do sốt rét.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

TOA CĂN BẢN GIA GIẢM 17

Toa căn bản bỏ Củ Sả gia thêm các vị

Lá chanh (sao)	8g
Nhân trần	8g
Chi tử	8g
Lá Gai	8g

Chủ trị:

Viêm gan, yếu gan sinh vàng da (hoàng đản), ăn kém khó tiêu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

TOA CĂN BẢN GIA VỊ 18

Toa căn bản gia thêm các vị:

Mía đỏ	60g
Lá Dâu	16g
Hậu phác	12g

Chủ trị:

Suy nhược cơ thể (sau khi khỏi bệnh) người xanh xao, thiếu máu, ăn không ngon, ngủ không yên giấc, mệt mỏi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc kỹ, uống thay nước trà hàng ngày.

Mỗi ngày 1 thang.

Uống liên tiếp 1 - 3 tuần.

TOA CĂN BẢN GIA GIẢM 19

Toa căn bản bỏ các bị Củ Sả, vỏ Quýt gia thêm các vị:

Kim ngân hoa	8g
Đậu săng	8g

Chủ trị:

Lở ngứa, mụn nhọt ngoài da.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

TOA CĂN BẢN GIA GIẢM 20

Toa căn bản bỏ vị Củ Sả gia thêm các vị:

Bồ công anh	16g
Kim ngân hoa	10g

Chủ trị:

Sản phụ tắc tia sữa hoặc áp xe vú sưng đau mới phát chưa thành mủ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Bên ngoài: Kết hợp dùng lá Bồ công anh tươi giã nhỏ với ít muối đắp vào nơi vú sưng đau. Cứ 6 tiếng đồng hồ đắp 1 lần, đắp lại nhiều lần cho đến khi vú hết sưng đau.

TOA CĂN BẢN GIA GIẢM 21

Toa căn bản bỏ các vị Củ Sả - vỏ Quýt, gia thêm các vị:

Rau Sam	16g
Cỏ Sữa (lớn hoặc nhỏ lá)	16g

Chủ trị:

Kiết lỵ mới phát sinh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

CÁC BÀI THUỐC THUỘC BÀI BÌNH CAN CHỨNG

BÀI BÌNH CAN CHỨNG

Lá chanh hoặc lá Quýt hôi,
Lá Xuyên tiêu, hoặc
Lá Cam sành hay lá Bưởi 12 - 20g
Lá Gai 18 - 20g
Lá Cối xay hoặc Tinh tre 6 - 10g
Phèn phi hoặc
lá Chua me đất 2,5 - 5g

Chủ trị:

Các chứng bệnh thuộc gan hoặc cảm cúm nóng lạnh, mất ngủ, đau đầu, tức ngực, lưỡi vàng, miệng đắng, nôn ói, táo bón, tiểu tiện vàng đỏ sẫm.

Cách dùng, liều lượng:

Dùng dạng thuốc tán, thuốc hoàn hay thuốc thang.

Thuốc tán, hoàn tuỳ tuổi ngày uống 4 - 8 - 12g, chia làm 2 lần uống với nước chín nguội.

Thuốc thang ngày sắc uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn đường kinh, mỡ lợn, trứng.
- Các chất kích thích: Rượu, chè, thuốc lá, thuốc lào, các chất cay nóng (ớt, hạt tiêu, tỏi...).
- Người tỳ vị hư hàn, ỉa chảy không dùng.

Cách gia giảm khi sử dụng bài Bình can trong điều trị các chứng bệnh:

BÌNH CAN GIA VỊ 1

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Vỏ Núc nác	12 - 20g
Lá Mơ lông	20 - 30g

Chủ trị:

Chứng hoàng đản.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 2

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Nhân trần	16 - 20g
Củ Ráy	12 - 20g

Chủ trị:

Chứng viêm gan do virus

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 3

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Cải trời	20 - 40g
Ô rô cạn hoặc Ô rô nước	12 - 16g
Rễ Rau ngót	16 - 20g
Củ Cói (Thuỷ hương phụ)	10 - 12g
Nàng nàng (cây Trứng ếch)	16 - 20g

Chủ trị:

Chứng viêm gan.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 4

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 10g
Cây Hàn the	6 - 12g
Cây Ô rô cạn hoặc Ô rô nước	12 - 16g
Cây Cải trời	20 - 40g
Củ Cói hoặc Hương phụ	10 - 12g
Rễ Rau ngót	16 - 20g
Ngũ gia bì	20 - 40g
Lá Quýt hôi	
Tầm xoọng	20 - 30g
Tinh tre	6 - 10g

Chủ trị:

Chứng sơ gan.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 5

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Lá Cam sành	12 - 16g
Củ Ráy	16 - 20g
Cỏ Hàn the	4 - 6g
Tiểu hồi (hạt Thìa là)	8 - 12g
Ô long vĩ (Bồ hóng bếp)	6 - 8g
Hương phụ (lá)	30-100g
Rễ Xuyên tiêu (cây Trưng)	16 - 30g

Chủ trị:

Sơ gan cổ trướng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Kết hợp cho uống thêm viên Mật lợn:

Mật lợn chế	10g
Xuyên tiêu	10g
Cám gạo mới	
(loại hết trấu rang thơm)	20g

Các vị sấy khô tán bột mịn, luyện hồ làm viên bằng hạt đậu xanh.

Ngày uống 6 - 10g, chia làm 2 lần uống với nước chín nguội.

BÌNH CAN GIA VỊ 6

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Rau Má	20 - 30g
Cỏ Nhọ nồi	16 - 30g
Lá Mơ lông	16 - 20g
Hà thủ ô trắng	12 - 16g

Chủ trị:

Chứng táo bón thuộc thể nhiệt (nhiệt táo).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 7

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Rễ Xuyên tiêu	16 - 20g
Củ Cói	10 - 12g
Bột Lưu huỳnh	4 - 6g

Chủ trị:

Chứng táo bón thuộc thể hàn (hàn táo).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 8

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Ngải cứu	12 - 16g
Củ Sả	16 - 20g
Ổi khương (Gừng tươi nướng)	16 - 20g
Lá Hương phụ (Cỏ gấu)	16 - 20g

Chủ trị:

Chứng ỉa lỏng (tiêu chẩy) phân trắng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Nếu kèm chứng vàng da gia thêm:

Nhân trần	12 - 16g
Chi tử sao cháy	12 - 16g

BÌNH CAN GIA VỊ 9

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Củ Cói	16 - 20g
Củ Sả	16 - 20g

Chủ trị:

Ỉa phân loãng nát, vàng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 10

Lá chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Củ sả	16 - 20g
Lá Mơ lông	16 - 20g
Xuyên tiêu	8 - 12g
Hạt thìa là (Tiểu hồi)	12 - 16g

Chủ trị:

Ỉa phân sống, tanh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 11

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Lá Mơ lông (tươi)	100g
Lá Phượng vĩ (cỏ Seo gà) tươi	200g
Cỏ Hàn the (tươi)	100g
Dây Kim ngân (tươi)	50g

Chủ trị:

Chứng nhiệt lỵ

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị để tươi cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 12

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Rau Sam	30g
Lá Mơ lông	30g
Cỏ Sữa (lớn hay nhỏ lá)	30g
Cỏ Nhọ nồi	30g

Chủ trị:

Chứng nhiệt lỵ.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị để tươi cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 13

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Lá Từ bi	12 - 16g
Chi tử	12 - 16g
Rễ Cúc tần	12 - 16g
Cát căn	12 - 16g
Cỏ Bắc (Cỏ Màn chầu)	12 - 16g

Chủ trị:

Chứng nhiệt lỵ có kèm sốt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 14

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Củ Sả	20g
Hạt Chuối rừng	12 - 16g
Quả Ré	12 - 16g
Binh lang	8 - 12g

Chủ trị:

Chứng hàn lỵ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 15

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Lá Hương phụ	50 - 100g
Nam mộc hương	12 - 16g

Chủ trị:

Đau bụng đầy hơi, ợ hơi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 16

Lá Chanh	12 - 20g
Lá gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Ô tặc cốt (chế bỏ màng cứng)	10 - 16g
Cây Dạ cẩm	20 - 30g
Lá Khôi	12 - 16g
Lá Khổ sâm	12 - 16g
Ngải tượng (củ Bình vôi)	16 - 20g
Bồ công anh	12 - 16g

Chủ trị:

Viêm loét dạ dày - tá tràng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 17

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Dạ cẩm	20 - 30g

Rau Dừa nước	20 - 30g
Ngải tượng	12 - 16g

Chủ trị:

Viêm loét dạ dày - tá tràng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, thêm vào nước thuốc:

Bột Nghệ vàng	16 - 20g
Mật ong	30 - 40g

quấy đều. Chia uống 2 lần (sáng, chiều).

Trường hợp có chảy máu dạ dày thì uống thêm:

Da Trâu đốt tồn tính	30 - 40g
Ô long vĩ	4 - 6g

Sắc ngày uống 1 lần đến khi ổn định thì thôi.

BÌNH CAN GIA VỊ 18

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Vỏ Gáo vàng (nam Hoàng cầm)	16 - 20g
Cẩu tích	20 - 40g
Mùn Tranh nhà	10 - 12g
Hạt Mướp đắng	6 - 12g

Chủ trị:

Chứng tiểu đường.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang, kết hợp ăn Mía và Mướp đắng thường xuyên.

BÌNH CAN GIA VỊ 19

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Hạt Sen	20 - 40g
Cẩu tích	20 - 40g
Củ Súng	20 - 40g
Kim cang	20 - 40g

Chủ trị:

Chứng đái nhiều, đái nhạt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 20

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Xích đồng nữ	60 - 100g
Cẩu tích	20 - 30g
Củ Sả	40 - 60g
Rau Dừa nước	20 - 30g

Chủ trị:

Chứng đái trắng đục (đái Dưỡng chấp).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 21

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Thương nhĩ tử	20 - 30g
Kim ngân	16 - 20g
Hắc đậu	8 - 10g
Cỏ Nhọ nồi	12 - 16g
Lá Găng	12 - 16g

Chủ trị:

Chứng đái buốt, đái ra máu, đái rắt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 22

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Gừng tươi nướng	10 - 12g
Tinh tre (Trúc nhự)	10 - 12g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai nôn, oẹ

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, uống cùng với 10ml nước ép Gừng tươi và 10ml nước ép vòi Măng tre tươi.

BÌNH CAN GIA VỊ 23

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Bán hạ chế	8 - 12g
Tinh tre	10 - 12g
Đất lòng bếp (Phục long can)	8 - 16g

Chủ trị:

Nôn khan.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 24

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Bách bộ	15 - 20g
Tinh tre	10 - 12g

Chủ trị:

Chứng tức ngực, khó thở.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần, mỗi lần 100ml uống cùng với nước ép Gừng tươi và Hành tươi (mỗi thứ 50g trộn lẫn giã nát ép lấy nước).

BÌNH CAN GIA VỊ 25

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Địa liền	6 - 8g
Rễ Rau ngót	16 - 20g
Củ Sả	12 - 16g
Sọ quả Xoan (Khổ luyện thạch)	8 - 12g

Chủ trị:

Chứng khó thở, tức ngực, hen suyễn của người già.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 26

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Gừng tươi	5 lát
Nước vòi Măng tre tươi	10ml
Đậu xanh tán sống	4g
Hồ tiêu tán	2g

Chủ trị:

Chứng khó thở, tức ngực, hen suyễn của người già.

Cách dùng, liều lượng:

Gừng tươi giã nát, trộn với bột Đậu xanh, Hồ tiêu nước vòi Măng tre để riêng.

Các vị khác cho vào 300ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần uống cùng

với Gừng tươi, bột Đậu xanh, bột Hồ tiêu và nước vòi Măng tre.

BÌNH CAN GIA VỊ 27

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Nhân trần	12 - 16g
Xương bồ	12 - 16g
Ngải tượng	12 - 16g
Bách bộ	20 - 30g

Chủ trị:

Hen, suyễn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Kết hợp uống thêm nước ép Bèo cái 200g, nước ép Chanh quả (1 quả) trộn với 40ml Mật ong. Trường hợp lên cơn hen cấp tính, cắt cơn tạm thời bằng:

Bột tạo giác (sao)	5g
Bột tế tân	5g

trộn đều thổi ít một vào mũi khi lên cơn rồi tiếp tục uống bài Bình can gia vị 27 như trên.

BÌNH CAN GIA VỊ 28

Lá chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Xương bồ	8 - 12g
Sa nhân	6 - 8g

Chủ trị:

Đau nhức đỉnh đầu

Cách dùng, liều lượng:

Xương bồ, Sa nhân tán bột mịn để riêng.

Các vị khác cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần kèm với bột Xương bồ, Sa nhân.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 29

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	20 - 30g
Phèn phi	2,5 - 5g
Lá Bời lời hương (Thiên đầu thống)	8 - 12g
Lá Mơ lông	10 - 12g
Vỏ Núc nác	8 - 12g

Chủ trị:

Đau nhức hai bên thái dương.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 30

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Củ Dứa dại	8 - 12g
É tía (Hương nhu tía)	8 - 12g
Lá thiên đầu thống	16 - 30g
Dây tơ hồng	16 - 30g

Chủ trị:

Đau nhức sau gáy.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 31

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Dạ minh sa	8 - 12g
Lá Thiên đầu thống	8 - 12g

Cúc hoa	8 - 12g
Ô long vĩ	4 - 6g
Rau Má	20 - 30g

Chủ trị:

Đau nửa đầu vào buổi sáng thuộc nhiệt chứng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 32

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Thài lài (tía hoặc trắng)	12 - 16g
Lá Bồ kết	8 - 12g
Cúc hoa	8 - 12g

Chủ trị:

Đau mắt đỏ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 33

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 10g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Quyết minh tử	20 - 30g

Chủ trị:

Đau mắt trắng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml sắc lấy 200 ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Kết hợp uống thêm 10 g Cao Dê.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 34

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10 g
Phèn phi	2,5 - 5g
Cẩu tích	20 - 30g
Ô long vĩ	4 - 6g

Chủ trị:

Đau mắt có màng, có mộng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml uống thuốc, chia uống 2 lần trong ngày. Kết hợp uống thêm 10g Cao Dê.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 35

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Vừng đen	12 - 16g
Rau Má	16 - 20g
Lá Vông	8 -10g
Ngải tượng	16- 20g

Chủ trị:

Chứng mất ngủ do táo bón.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 36

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Vỏ Núc nác	12 - 16g
Ô long vĩ	6 - 8g
Rau Má	16 - 30g

Chủ trị:

Chứng mất ngủ do can khí uất.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 37

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Ngải tượng	16 - 20g
Thổ phục linh	20 - 30g
Dây tơ hồng	20 - 30g

Chủ trị:

Chứng mất ngủ do căng thẳng thần kinh (tâm thần).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 150 ml nước thuốc, cho thêm vào 40 - 50 ml nước ép lá Tía tô đất tươi chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 38

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Trắc bách diệp	20 - 30g
Cỏ Mực	20 - 30g
Lá huyết dụ	20 - 30g

Chủ trị:

Chứng nục huyết (chảy máu cam).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 100 ml nước thuốc uống.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 39

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Lá Chè xanh	100 - 150g
Giun đất (mổ rửa sạch đất)	40 - 60g
Cây Chuối non một đoạn dài	50 cm

Chủ trị:

Sốt cao co giật

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị nhồi vào giữa ruột cây Chuối non, đem đốt trên lửa (đốt giữa đoạn chuối có nhồi thuốc) đến khi đoạn cây Chuối chín mềm, bỏ ra vắt lấy nước uống.

Ngày vắt nước uống 1 lần.

BÌNH CAN GIA VỊ 40

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Nước ép cây Chuối hột tươi	80 ml
Nước ép cây Thài lài	20 ml
Nước ép dịch quả Chanh	20 ml
Mật ong	50 ml

Chủ trị:

Sốt cao co giật.

Cách dùng, liều lượng:

Bài Bình can sắc riêng với 300 ml nước lấy 100 ml nước thuốc, hoà lẫn với các nước ép Chuối hột, Thài lài, Chanh quả và Mật ong uống trong khi đang sốt cao.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 41

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g

Phèn phi	2,5 - 5g
Thảo quả (đập bỏ vỏ)	12 - 16g
Binh lang	8 -12g
Lá Thường sơn (sao rượu)	16 - 20g

Chủ trị:

Chứng sốt rét cơn do muỗi truyền.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Chú ý:

Nếu dùng lá Thường sơn tía thì phải tước bỏ gân lá và cọng để tránh gây nôn.

BÌNH CAN GIA VỊ 42

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Lòng đỏ trứng Gà luộc chín	1 quả
Gừng tươi nướng, giã nhỏ	20 - 30g
Mật ong	20 - 50 ml

Chủ trị:

Chứng sốt phát ban.

Cách dùng, liều lượng:

Bài Bình can sắc riêng với 300ml nước, lấy 100ml nước thuốc, để riêng.

Lòng đỏ trứng Gà luộc, Gừng tươi, Mật ong trộn lẫn uống với 100ml nước sắc Bình can và 50ml Nhân trung hoàng lọc trong.

BÌNH CAN GIA VỊ 43

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Cây Mùi tầu	16 - 20g
Cây Nọc sởi	10 - 12g

Chủ trị:

Chứng bệnh sởi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400 ml nước, sắc lấy 100 ml nước thuốc, uống.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp xoa ngoài da khắp người bằng rượu hạt mùi:

Hạt Mùi	30g
Rượu trắng	50ml

Hạt Mùi giã dập cho vào rượu đun nóng lên, bọc trong miếng vải hay miếng gạc sạch, chà sát lên khắp người (chà từ đầu mặt xuống tới chân cả trước và sau người để thúc sởi mọc đều và chống biến chứng vào đường hô hấp và tiêu hoá).

Khi sởi đã bay cho uống tiếp Bài Bình can gia thêm các vị:

Lá Mùi tàu	16 - 20g
Lá Húng chanh	12 - 16g
Lá Giấp cá	12 -16g

Tất cả các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 150 ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 44

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5- 5g

Chủ trị:

Chứng cảm cúm.

Cách dùng, liều lượng:

Cảm cúm mùa đông gia:

Kinh giới	16 - 20g

Cảm cúm mùa xuân gia:

Bạc hà	12 - 16 g

Cảm cúm mùa hạ gia:

Hương nhu	16 - 20g

Cảm cúm mùa thu gia:

Tía tô	12 -16g

Cảm cúm kèm sốt gia:

Địa liền	10 - 12g
Bạc hà	12 - 16g
Cúc tần	12 - 16g

Tất cả các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 45

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Lá Sen	12 - 16g
Lá Dâu	12 - 16g
Xương bồ	12 - 16g
Bách bộ	16 - 20g
Mạch môn	16 - 20g

Chủ trị:

Chứng ho khan (ho gió).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý: Nếu ho về mùa đông thì gia thêm:

Gừng tươi nướng	6 -1 0g

BÌNH CAN GIA VỊ 46

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Lá Sen	16 - 20g
Rẻ Quạt (củ)	10 - 16g
Củ Sả	10 - 12g
Bán hạ chế	10 - 12g
Lá Gai (tẩm nước tiểu sao)	30 - 40g

Chủ trị:

Ho có đờm (viêm phế quản)

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 47

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Tang bạch bì (tẩm mật sao)	10 - 16g
Bách bộ	16 - 30g
Củ Rẻ quạt	10 - 16g

Chủ trị:

Ho, viêm họng hạt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp uống thêm thuốc hoàn sau:

Hương nhu tía	30g
Chua me đất	30g
Ngũ bội tử	10g

Các vị sấy nhẹ lửa hoặc phơi khô tán bột mịn, luyện mật ong làm hoàn bằng hạt ngô.

Ngày ngậm 3 - 4 lần, mỗi lần 1 - 2 hoàn.

BÌNH CAN GIA VỊ 48

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai (tẩm nước tiểu sao)	20 - 30g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Bách bộ	20 - 30g
Mạch môn (bỏ lõi)	16 - 20g
Cỏ dòi (Bọ mắm)	16 - 20g

Chủ trị:

Chứng ho lâu năm (do lao).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 49

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Bồ công anh	16- 20g
Rẻ quạt	10 - 12g
Vòi voi	10 - 12g
Cam thảo nam	10 - 12g
Củ Dứa ăn quả (củ Khóm)	12 - 15g
Sài đất	10 - 16g
Gừng tươi nướng	8 - 12g

Chủ trị:

Chứng ho do viêm hạch hạnh nhân (viêm Amidan), viêm họng hạt có mủ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 50

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Vỏ cây Gạo (Mộc miên bì)	16 - 20g
Thổ phục linh	16- 20g
Kim ngân	16 - 20g
Cây Cứt lợn	12 - 16g
Gốc Rạ tươi (Gốc cây lúa)	12 - 16g

Chủ trị:

Chứng thuỷ đậu, bỏng dạ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày. Kết hợp uống thêm hoàn Kê khương đường:

HOÀN KÊ KHƯƠNG ĐƯỜNG

Bột Gừng khô	200 g
Trứng gà	25 quả
Bột Phèn phi	6g

Kẹo mạch nha đủ làm hoàn

Chủ trị:

Sốt cao mê sảng, tay chân đập, lăn lộn không ăn, không ngủ, hoặc ngủ lơ mơ, mắt nửa nhắm, nửa mở; không mồ hôi, hoặc toát mồ hôi hoặc sáng sớm thì tỉnh táo, xế chiều thì mê mệt, mạch xung dương sụt.

Cách dùng, liều lượng:

Trứng gà lấy cả lòng đỏ, lòng trắng trộn với bột Gừng bột Phèn phi, đổ chín, lấy ra thái mỏng sấy khô, tán bột mịn, luyện với kẹo mạch nha (đã thắng thành châu) làm hoàn 8 - 12g.

Ngày uống 1 -2 lần mỗi lần 1 - 2 hoàn.

Uống với nước chín.

BÌNH CAN GIA VỊ 51

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6- 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Vỏ cây Tầm duột	12 - 16g
Lá Cải trời	16- 30g
Lá Bạc thau (Bạc sau)	10 - 14g
Vỏ cây Vông đồng	16 - 30g
Vỏ cây Gạo	16 - 30g

Chủ trị:

Tràng nhạc, lao hạch.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 52

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Ngải cứu	10 - 20g

Lá Sung	16 - 20g
Măng Sậy	12 - 16g
Xích đồng nữ	12 - 16g
Đậu đen	8 - 10g
Hương phụ chế	10 - 12g

Chủ trị:

Chứng kinh nguyệt không đều, xấu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 100 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 53

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Nghệ vàng	16 - 20g
Măng Sậy	16 - 20g
Chó đẻ răng cưa	30 - 40g
Lá Sung	16 - 20g
Hương phụ chế	10 - 16g

Chủ trị:

Phụ nữ không có kinh nguyệt (chứng vô kinh).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp uống thêm 10 g Trật đả hoàn:

TRẬT ĐẢ HOÀN

Cây Dền gai (đốt tồn tính)	50g
Lá Gai	50g
Mo nang tre (đốt tồn tính)	20g
Phèn chua	10g
Vỏ Chuối chín (đốt tồn tính)	20g
Mần tưới (Trạch lan)	20g
Ô long vĩ (chế)	100g
Củ Nghệ vàng (tẩm giấm, rượu, đồng tiện sao)	10g
Thuỷ xương bồ	50g
Lá Quýt hôi	50g
Tô mộc	50g
Tiết lợn (đổ chín) khô	100g

Chủ trị:

Các loại bệnh "Trật đả ứ huyết" do bị đánh đập, vấp ngã, bị thương, lao động nặng bị tụ máu tím bầm ở các bắp thịt.

Cách dùng, liều lượng:

Tô mộc cho vào nước, sắc thật đặc để riêng.

Các vị khác phơi, sấy khô tán bột mịn, trộn với rượu nước tiểu trẻ em, giấm (ba thứ lượng bằng nhau) ướt sền sệt, sấy khô, nghiền ra trộn với nước sắc Tô mộc, lại sấy khô và tán lại thành bột mịn, luyện mật làm hoàn bằng hạt ngô.

Mỗi lần uống 8 - 12g với nước chín.

BÌNH CAN GIA VỊ 54

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Xích đồng nữ	20 - 30g
Lá Bạc sau (thau)	20 - 30g
Vỏ cây Gạo	16 - 20g
Thường nhĩ tử	16- 20g

Chủ trị:

Phụ nữ mắc chứng khí hư xích bạch đới.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 55

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Củ Gai	16 - 20g
Cành Tía tô	16 - 20g

Hắc đậu	8 - 10g
Bẹ mèo cau (Bẹ ôm buồng cau)	10 - 12g
Ngải cứu	16 - 20g

Chủ trị:

Động thai.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Nếu động thai kèm thêm chảy máu, rong huyết kéo dài thì gia thêm:

Trắc bách diệp (sao qua)	16 - 20g
Huyết dụ	10 - 12g
Cỏ Nhọ nồi (sao qua)	16 - 20g

BÌNH CAN GIA VỊ 56

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Rễ rau ngót	100 - 200g
Huyết dụ	30 - 60g

Chủ trị:

Sản phụ sau khi sinh sót nhau (Rau thai).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 100 ml nước thuốc, uống cùng với 3 thứ sau:

Nước ép cây Thài lài	80 - 100ml
Giấm thanh	30 - 50 ml
Nước Tiểu trẻ em mới tiểu	80-100ml

Tất cả uống 1 lần trong ngày.

Tiếp tục uống, khi nhau đã ra thì thôi.

BÌNH CAN GIA VỊ 57

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Ô long vĩ	8 - 12g
Nước Tiểu trẻ em	10 - 20ml
Giấm thanh	20- 30ml
Đường trắng	30 - 40g

Chủ trị:

Chứng sẩy thai băng huyết.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300 ml nước, nấu sôi chắt ra để lắng chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 đến 2 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 58

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Ngải cứu (tẩm nước tiểu sao cháy)	20 - 40g
Lá cây Gạo (sao cháy)	20 - 40g
Ô long vĩ	8 - 12g

Chủ trị:

Chứng sẩy thai, băng huyết.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị tẩm sao, sao sấy giòn tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 10 - 15g, uống với nước chín nguội.

BÌNH CAN GIA VỊ 59

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Bạch đồng nữ	30 - 40g
Ô long vĩ	6 - 8g
Lá Huyết dụ	16 - 20g
Trắc bách diệp	20 - 30g
Củ Gai	16 - 20g
Cỏ Nhọ nồi	16 - 20g

Chủ trị:

Các chứng khái huyết, băng huyết.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 60

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai (sao cháy)	20 - 30g
Lá Cối xay	6 - 10g
Ngải cứu (tẩm nước tiểu sao cháy)	30 - 40g
Ô long vĩ	8 - 12g

Chủ trị:

Các chứng khái huyết, băng huyết.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tẩm sao, sao sấy giòn tán bột mịn:

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 10 - 15g, uống với nước chín nguội.

BÌNH CAN GIA VỊ 61

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Sọ quả Xoan (Khổ luyện thạch)	8 - 12g
Hạt Sen	16 - 30g
Củ Súng	8 - 12g
Thỏ ty tử	16 - 20g
Kê nội kim	10 - 12g

Chủ trị:

Chứng di tinh, mộng tinh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 62

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Khổ luyện thạch (sọ quả Xoan)	8 - 12g
Liên nhục	16 - 30g
Khiếm thực	8 - 12g
Thỏ ty tử	16 - 30g
Kê nội kim	10 - 12g
Phá cố chỉ	16 - 20g
Tía tô	8 - 12g
Hạt Thìa là (Tiểu hồi)	8 - 12g
Lá Mùi tàu	8 - 12g
Giá Đậu xanh	8 - 16g

Chủ trị:

Chứng lãnh tinh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 63

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Ba kích (bỏ lõi)	16 - 20g
Phá cố chỉ	16 -20g
Bột Cà phê	8 - 10g
Cao lỏng Rễ cau (tỷ lệ 1/1)	10 - 20ml
Bột Hồ tiêu	8 - 10g

Chủ trị:

Chứng liệt dượng, phòng sự yếu (thiểu năng sinh lý).

Cách dùng, liều lượng:

Cao lỏng Rễ cau, bột Hồ tiêu để riêng.

Các vị khác cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày. Khi uống trộn lẫn với Cao lỏng Rễ cau và bột Hồ tiêu.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 64

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Xích đồng nữ	40 - 60g
Cẩu tích	20 - 40g
Đỗ trọng	12 - 16g
Hắc đậu	20 - 30g
Dây đau xương	20 - 30g

Chủ trị:

Thận hư: Đau lưng, gối mỏi, tai ù.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 65

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Ô long vĩ	8 - 12g
Cỏ Nhọ nồi	16 - 20g
Hoa Mào gà đỏ	16 - 20g
Da Trâu đốt tồn tính	10 - 12g

Chủ trị:

Dị ứng nổi ban xuất huyết.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 66

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Xích đậu	16 - 20g
Kim ngân	20 - 30g
Thương nhĩ tử	20 - 30g

Chủ trị:

Dị ứng nổi da đỏ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 67

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Nàng nàng	20 - 30g
Vỏ Núc nác	12 - 16g
Hy thiêm	10 -12

Chủ trị:

Dị ứng nổi mẩn ngứa, nứt nẻ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang

BÌNH CAN GIA VỊ 68

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Đơn mặt quỷ	20 - 30g
Thương nhĩ tử	20 - 30g
Trinh nữ	12 - 16g

Chủ trị:

Dị ứng nổi mẩn to, có kèm sốt, đau bụng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 69

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Vỏ Cây gạo	20 - 40g
Bồ công anh	12 - 16g
Kinh giới	12 - 16g
Cải trời	20 - 40g
Rau Má	20 - 30g

Chủ trị:

Nổi mẩn ngứa do táo (huyết táo sinh phong).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 70

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Lá Bạc sau	20 - 30g
Kim ngân	16 - 20g
Sài đất	16 - 20g
Thương nhĩ tử	16 - 20g
Vỏ Cây gạo	16 - 20g

Chủ trị:

Chứng ghẻ lở.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 71

Lá chanh	12 - 20g
Lá gai	18 - 20g
Lá cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Lá Bạc sau	20 - 30g
Kim ngân	16 - 20g
Sài đất	16 - 20g
Thương nhĩ tử	16 - 20g
Vỏ Cây gạo	16 - 20g
Dây Tơ hồng xanh	16 - 20g

Chủ trị:

Chứng nhiễm khuẩn da.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 72

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Lá Rau ngót	30 - 40g
Địa liền	30 - 40g

Chủ trị:

Giải độc rượu và say rượu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần.

BÌNH CAN GIA VỊ 73

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Rau Má	16 - 20g

Cà gai hoa tím	30 - 40g
Ngải cứu	16 - 20g
Lá Sung	16 - 20g
Lá Vông nem	16 - 20g

Chủ trị:

Chứng động kinh ở người lớn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 74

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6- 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Hoa kinh giới	10 - 12g
Câu đằng	10 - 12g
Thuyền thoái	8 - 10g

Chủ trị:

Trẻ em bị động kinh

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 100 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Trường hợp người bệnh ở dạng "Chân hàn giả nhiệt" thì cho uống kết hợp:

TRỤC HÀN ĐẲNG KINH TỬU

Bột Hồ tiêu	10g
Bột Quế thanh	10g
Bột Đinh hương	10g
Bột Can Khương	10g
Rượu trắng tốt	100ml

Các bột ngâm trong 5 - 7 ngày.

Mỗi lần uống 20 - 30 giọt hoà vào 30 ml nước chín nguội.

BÌNH CAN GIA VỊ 75

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 -5g
Cà gai hoa tím	16 - 20g
Hy thiêm	16 - 20g
Củ dứa dại	12 - 16g
Rễ Cỏ xước	12 - 16g
Dây đau xương	12 - 16g
Cây Lá lốt (toàn cây cả rễ)	12 - 16g

Chủ trị:

Chứng phong tê thấp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc uống, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 76

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Cà gai hoa tím	20 - 30g
Kim cang (Tỳ giải)	30 - 40g
Thổ phục linh	12 - 16g
Rễ Đinh lăng (sao)	20 - 16g
Dây tơ hồng	12 - 16g
Rễ Bạch hoa xà (sao vàng)	12 - 16g
Dây đau xương	12 - 16g

Chủ trị:

Chứng bại liệt (bán thân bất toại).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý: Có thể uống kết hợp thêm:

Trật đả hoàn	10g/ ngày
Cao dê	10g/ ngày

BÌNH CAN GIA VỊ 77

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Kim cang	20 - 40g
Đinh lăng (củ) sao	20 - 40g

Chủ trị:

Chứng tê ngoài da.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 78

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Cây Lá lốt	16- 20g
Đơn Gối hạc	16 - 20g
Rễ Cỏ xước	16 - 20g

Chủ trị:

Chứng ra mồ hôi chân tay.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 79

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Lá Dâu	10 - 12g
Củ Cói	8 - 12g

Chủ trị:

Chứng trẻ em ra mồ hôi trộm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp giã nhỏ 1g Ngũ bội tử đắp vào rốn và cho uống thêm 10g (Bột lá Dâu, Vừng đen, Vỏ trứng gà nở rồi; ba vị lượng bằng nhau sấy khô tán bột mịn) hoặc cho ăn thêm canh Trai + lá Dâu.

BÌNH CAN GIA VỊ 80

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Củ Sả (nướng)	12 - 16g
Củ Cải (sao)	12 - 16g

Chủ trị:

Trẻ em biếng ăn, rối loạn tiêu hoá do tỳ hư, suy dinh dưỡng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 100 ml nước thuốc, chia uống 2 lần ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp uống thêm Tiểu chiến sỹ hoàn:

TIỂU CHIẾN SĨ HOÀN

Bột Củ cói (sao)	40g
Bột Củ cói (nướng)	40g
Bột Chuối tây chín	200g
Bột thịt cóc	100g

Chủ trị:

Trẻ em Cam tích - xanh xao, gày còm, bụng ỏng, đít vòm.

Người lớn: tiêu hoá kém, ăn kém.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các bột trộn đều cho vào mật ong hoặc kẹo mạch nha đã cô thành châu, luyện kỹ làm hoàn 10 -12g ngày uống 2-3 lần, mỗi lần 1-2 hoàn với nước chín nguội.

BÌNH CAN GIA VỊ 81

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Hạt Tía tô	10 - 12g
Tang bạch bì (tẩm mật sao)	16 - 20g
Bách bộ	20 - 30g
Trần bì	6 - 8g

Chủ trị:

Chứng ho gà.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 100 ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Kết hợp cho uống thêm:

CAN KHƯƠNG TRỪ MA DIỆP TÁN

Lá Gai (tẩm nước tiểu sao)	80g
Gừng khô	20g

Cả hai vị sao, sấy khô tán bột mịn mỗi lần uống 8g trộn với Mật ong.

Ngày uống 2 lần.

BÌNH CAN GIA VỊ 82

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Trần bì	18 - 40g
Muối ăn	20 - 40g
Quả Bồ kết	20 - 40g
Mật gà	6 - 12 cái

Chủ trị:

Chứng ho gà.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị sấy khô tán bột mịn, trộn đều.

Trẻ em: 1 tuổi uống 0,5 - 1g ngày.
2 tuổi uống 1 - 1,5 ngày.
3 tuổi uống 1,5 - 2g ngày.
4 - 5 tuổi uống 2- 2,5g ngày.
6 - 7 tuổi uống 2,5 - 3g ngày.
8 - 10 uống 3 - 4g ngày.

Tất cả đều chia uống lần, uống với nước chín nguội.

BÌNH CAN GIA VỊ 83

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Đậu đen (sao)	50 - 100g
Muối ăn (rang hết nổ)	5 - 10g
Con Dế rũi (con Cầy cậy) (Kéo đuôi bỏ cứt sấy khô)	50 - 100g

Chủ trị:

Chứng đái dầm.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị sao, sấy khô giòn tán bột mịn, cho vào mật ong đã cô thành châu, luyện kỹ làm hoàn 10g.

Ngày uống 20g chia làm 2 lần. Uống với nước chín nguội.

BÌNH CAN GIA VỊ 84

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Thạch hộc	16 - 30g
Hồ tiêu (bột)	2 - 4g
Mật ong	30 - 60 ml.

Chủ trị:

Chứng trẻ em ỉa chảy, mất nước, nhiễm độc thần kinh, co giật, đầy bụng.

Cách dùng, liều lượng:

Bột Hồ tiêu trộn lẫn với mật ong để riêng.

Các vị khác cho vào 400 ml nước, sắc lấy 100 ml nước thuốc, cho bột Hồ tiêu, Mật ong vào quấy đều, chia uống 2 lần và cho uống thêm 1 trong các nước sau:

- Nước Dừa + 0,5g bột Hồ tiêu.
- Nước Cháo loãng + 0,5 g Bột Hồ tiêu.
- Nước sắc Mạch môn + 0,5g Bột Hồ tiêu.
- Nước sắc Đậu xanh + 0,5g Gừng.
- Nước Mía + 0, 5g Gừng.

BÌNH CAN GIA VỊ 85

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	20 - 30g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Thăng ma	12 - 16g
Củ Dứa dại	16 - 20g

Chủ trị:

Chứng sa dạ con.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp dùng thuốc đắp ngoài. Dùng một trong các cách sau:

Cánh Bèo cái	1 nắm
Hạt Thầu dầu tía	1 nắm
Đầu ruồi quả Chuối tiêu	1 nắm

Tất cả rửa sạch để ráo nước, giã nhỏ đắp vào 2 huyệt: Bách hội và Quan nguyên.

Hoặc dùng:

Hoa Thiên lý	1 nắm
Lá Vông	1 nắm

Tất cả rửa sạch để ráo nước, giã nhỏ đắp vào dạ con sa. Nếu dạ con sa đã lâu (độ 3 - 4) thì phải rửa sạch dạ con sa bằng nước Hành tươi và Giấm trước khi đắp thuốc và băng khố.

BÌNH CAN GIA VỊ 86

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Bồ công anh	30 - 50g
Vòi voi	12 - 16g
Sài đất	12 - 16g

Chủ trị:

Sưng vú, áp xe vú.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp dùng lá Bồ công anh tươi rửa sạch để ráo nước, giã nát thêm chút muối đắp vào nơi vú sưng đau.

BÌNH CAN GIA VỊ 87

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 -20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Thông thảo	12 - 16g
Hà thủ ô trắng	12 - 16g

Chủ trị:

Thiếu sữa, ít sữa, mất sữa.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp ăn cháo Móng giò lợn và vẩy Tê tê:

Móng giò lợn (sao cát phồng giòn)	50g
Vẩy Tê tê (sao cát phồng giòn)	50g
Lá Sung tật bánh tẻ tươi thái nhỏ	30g
Lá Mít non tươi thái nhỏ	30g
Lá Hà thủ ô tươi thái nhỏ	30g
(không có cũng được)	
Gạo nếp mới	100g

Móng giò lợn, vẩy Tê tê sao cát giòn tán bột mịn để riêng. Gạo nếp nấu cháo với Chân giò lợn (nếu có). Sau khi cháo nhừ cho các lá Sung, lá Mít, lá Hà thủ ô và quấy đều đun sôi tiếp, cho bột Móng giò lợn, bột vẩy Tê tê mỗi thứ 2 thìa cà phê (10g) vào và một chút muối, mì chính quấy đều bắc ra để 10 phút múc ăn.

Ngày ăn 1 lần, ăn tới khi nào sữa về nhiều thì thôi thường ăn 4- 5 lần là có sữa về nhiều.

BÌNH CAN GIA VỊ 88

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Hải tảo (Rong câu)	20 - 30g
Dây Mơ lông	16 - 20g
Rau Rút	16 - 20g
Thương nhĩ tử	50 - 60g
Vỏ cây Tầm duột	16 - 20g
Thuỷ điệt	1 - 2g

Chủ trị:

Bướu cổ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị Hải tảo, Thuỷ điệt, Thương nhĩ tử sấy khô tán bột mịn để riêng.

Các vị khác cho vào 800 ml nước, sắc chắt lấy 200 ml nước thuốc, cho bột Hải tảo Thương nhĩ tử, Thuỷ điệt vào đun sôi chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Thời gian uống thuốc cần phải ăn nhạt.

BÌNH CAN GIA VỊ 89

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Gai bồ kết	20 - 30g
Lá Bạc sau	16 - 20g
Ô long vĩ	6 - 8g
Dây Tơ hồng xanh	16 - 20g
Cây hoa Cứt lợn (tẩm muối sao)	16 - 20g
Lá Sắn thuyền	12 - 16g

Chủ trị:

Chứng viêm xoang, viêm xoang có mủ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 90

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Tô mộc	8 - 10g
Huyết giác	8 - 10g
Nghệ vàng	8 - 10g
Ô long vĩ	6 - 8g
Thiên niên kiện	12 - 16g
Giấm thanh	50 ml
Đường	50g

Chủ trị:

Chứng ứ máu, tim bầm do chấn thương, té ngã.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 91

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Huyết giác	8 - 10g
Sơn thục	12 - 16g
Thổ phục linh	20 - 30g
Tục đoạn	12 - 16g

Chủ trị:

Gẫy xương (kín). Tiêu sưng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp uống thêm Trật đả hoàn 10g/ngày (Trang 630) và dùng thuốc bó ngoài:

THUỐC BÓ NGOÀI

Vòi voi	20g
Lá Mỏ quạ	50g
Lá Mơ	10g
Vỏ Cây gạo	100g
Cỏ Cò cò	
(Lông cò hay Ngổ rừng)	30g
Thài lài (trắng hoặc tía)	50g
Đường đen	50g

Tất cả các vị giã nhuyễn cho vào 50 ml rượu trắng sào nóng, bó vào nơi xương gẫy khi đã được nắn chỉnh hình.

BÌNH CAN GIA VỊ 92

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18- 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Dây Tơ hồng	20 - 30g
Thổ phục linh	20 - 30g
Ngải tượng	12 - 16g
Thạch xương bồ	8 - 12g

Chủ trị:

Chứng loạn nhịp tim (Ngoại tâm thu)

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp uống:

Sa nhân xương bồ xuyên tiêu tán:

Sa nhân	8g
Xương bồ	16g
Xuyên tiêu	16g

Tất cả sấy khô tán bột mịn, chia uống làm 3 lần trong ngày.

BÌNH CAN GIA VỊ 93

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Vỏ Xoan (Cạo bỏ vỏ nâu)	10g
Ngũ bội tử	10g
Địa liền	10g
Binh lang	10g
Phèn phi (gia thêm)	2g

Chủ trị:

Sâu răng, có mủ chân răng.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Chanh, lá Gai, lá Cối xay, Phèn phi (trong bài bình can) cho vào 400 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, uống 2 lần trong ngày. Kết hợp dùng các vị: Vỏ Xoan, Ngũ bội tử, Địa liền, Binh lang, Phèn phi (gia thêm) sấy khô tán bột mịn, dùng tăm bông thấm dầu lạc hoặc dầu vừng chấm thuốc bột nhét vào nơi răng sâu, hoặc chà xát vào nơi chân răng có mủ và ngậm thêm hạt Thảo quả (Tò ho).

BÌNH CAN GIA VỊ 94

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Dây Tơ hồng xanh	16 - 20g
Thổ phục linh	16 - 20g
Ngải cứu	16 - 20g
Ngải tượng	12 - 16g
Tía tô đất	12 - 16g
Chè Vằng	8 - 12g
Ngũ gia bì	8 - 12g

Chủ trị:

Chứng thần kinh bình suy nhược, ăn ngủ kém.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 95

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g

Phèn phi	2,5 - 5g
Đậu đen (sao cháy)	50g
Đậu tương (sao cháy)	50g
Vừng đen (rang hết nổ)	40g
Ngải cứu	20g
Muối rang	2g

Chủ trị:

Bổ thận - Thận hư.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị trong bài bình can: Lá Chanh, lá Gai, lá Cối xay, Phèn phi sắc lấy nước để riêng:

Các vị: Đậu đen, Đậu tương, Vừng đen, Ngải cứu, Muối rang đều sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần mỗi lần 10 - 15g với nước sắc bình can.

BÌNH CAN GIA VỊ 96

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	12 - 16g
Phèn phi	2,5 - 5g
Bời lời hương	20 - 40g
Dây Tơ hồng xanh	20 - 30g
Thổ phục linh	20 - 30g
Rau má	16 - 20g
Ngải tượng	12 - 16g

Chủ trị:

Đưa xung mạch xuống (hạ mạch xung dương xuống).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 97

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Vỏ Cây gạo	12 - 16g
Hà thủ ô trắng	12 - 16g
Vừng đen	12 - 16g
Cẩu tích	16 - 20g
Bách bộ	16 - 20g
Kim ngân	16 - 20g
Thương nhĩ tử	16 - 20g
Cam thảo nam	10 - 12g
Thổ phục linh	20 - 30g

Chủ trị:

Tiêu độc, giải độc toàn thân.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000 ml nước, sắc lấy 300 ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

BÌNH CAN GIA VỊ 98

Lá Chanh	12 - 20g
Lá Gai	18 - 20g
Lá Cối xay	6 - 10g
Phèn phi	2,5 - 5g
Nghể răm	20 - 30g
Vỏ Cây gạo	20 - 30g
Lá Sắn dây	30 - 40g
Sài đất	30 - 40g
Hoa kinh giới	12 - 16g
Lá Bồ cu vẽ	12 - 16g

Chủ trị:

Rắn độc cắn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 150 ml nước thuốc, chia uống 2 lần.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp uống thuốc hoàn:

HOÀN QUẾ GỪNG TRẦU VÔI

Trầu không	40%
Gừng già	30%
Quế chi	20%
Vôi bột	10%

Tất cả các vị sấy khô tán bột mịn, luyện mật ong làm hoàn.

Mỗi ngày uống 16 - 20g chia làm 2 lần.

Uống với nước thuốc sắc trên.

PHẦN HAI

PHỤ KHOA

CÁC BÀI THUỐC TRỊ KINH - ĐỚI - THAI - SẢN

1. ÍCH MẪU HƯƠNG PHỤ THANG

Ích mẫu	20g
Hương phụ	20g
Sinh địa	20g
Rau Má	40g
Cỏ Nhọ nồi	40g
Chỉ xác	20g

Chủ trị:

Rối loạn kinh nguyệt, kinh đến trước kỳ.

Cách dùng, liều lượng:

Hương phụ tứ chế; Các vị còn lại phơi sấy khô sao vàng.

Tất cả cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

2. HẠN LIÊN CAM THẢO ĐẤT THANG

Cỏ Nhọ nồi	20g
Cam thảo đất	15g

Chủ trị:

Kinh nguyệt ra nhiều và kéo dài.

Cách dùng, liều lượng:

Cỏ Nhọ nồi sao cháy, Cam thảo đất dùng tươi, cho cả 2 vị vào 400 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

3. ÍCH NGẢI HƯƠNG THANG

Ích mẫu	20g
Ngải cứu	20g
Hương phụ tứ chế	8g

Chủ trị:

Rối loạn kinh nguyệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

4. HƯƠNG SA ĐINH QUẾ THẢO CAM HƯƠNG THANG

Hương phụ chế	12g
Sa nhân	8g
Đinh hương	12g
Quế chi	8g
Thảo qủa	8g
Cam thảo	8g
Hồi hương	6g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, sôi bụng, ăn kém, đại tiện vặt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng, thơm cho vào 600 ml nước sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

5. BẠCH ĐỒNG BƯỚM TRẮNG XƯƠNG TRUẬT THANG

Bạch đồng nữ	12g
Rễ Bướm trắng	12g
Xương truật	12g
Bạch chỉ	12g
Cam thảo	8g
Trần bì	8g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, ra khí hư trắng, người khô, bụng đau, chân tay tê buồn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

6. ÍCH MẪU SINH ĐỊA HUYỀN SÂM THANG

Ích mẫu	20g
Sinh địa	12g
Huyền sâm	12g
Ngưu tất	12g
Cỏ Nhọ nồi	8g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, kinh đến trước kỳ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

7. ÍCH MẪU SINH ĐỊA CỐT BÌ THANG

Ích mẫu	16g
Sinh địa	16g
Rễ Rau khởi (Địa cốt bì)	12g
Huyền sâm	12g
Rễ Cỏ tranh	12g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, lượng kinh ít ra trước kỳ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

8. ÍCH MẪU NGẢI CỨU THANG

Ích mẫu	12 g
Ngải cứu	12g
Ngưu tất	12g
Nghệ đen	8g
Quế chi	6g
Gừng tươi	4g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, kinh đến sau kỳ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

9. NHỌ NỒI SINH ĐỊA HUYẾT DƯ THANG

Cỏ Nhọ nồi (cả rễ)	20g
Sinh địa	12g
Bạch mao căn	16g
Địa cốt bì	12g
Huyết dư (Tóc rối)	6g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt kéo dài, rong kinh.

Cách dùng, liều lượng:

Huyết dư đốt tồn tính, tán bột mịn để riêng.

Các vị khác sao vàng, cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, cho bột Huyết dư vào quấy đều chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

10. ÍCH MẪU ĐÀO NHÂN NGẢI CỨU THANG

Ích mẫu	20g
Đào nhân	8g
Ngải cứu	8g
Nga truật	8g
Hương phụ	8g
Nghệ vàng	8g

Chủ trị:

Phụ nữ rong kinh sau đặt vòng tránh thai.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

11. HƯƠNG PHỤ SA NHÂN Ô DƯỢC THANG

Hương phụ	8g
Sa nhân	6g
Ô dược	8g
Ích mẫu	12g
Ngưu tất	12g

Chủ trị:

Phụ nữ đau bụng khi hành kinh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

12. ÍCH MẪU HƯƠNG PHỤ THANG

Ích mẫu	16g
Hương phụ (tứ chế)	8g
Uất kim	8g
Tạo giác thích	8g
Rễ Cỏ xước	12g

Chủ trị:

Phụ nữ bế kinh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

13. TÔNG BÌ LIÊN THẢO THANG

Tông bì (Bẹ Móc)	10g
Hạn liên thảo	20g
Huyền sâm	15g
Sinh địa	20g

Chủ trị:

Phụ nữ bị rong huyết.

Cách dùng, liều lượng:

Bẹ Móc đốt tồn tính các vị khác sao vàng cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

14. ÍCH MẪU LIÊN THẢO THANG

Ích mẫu	20g
Hạn liên thảo	10g
Uất kim	10g
Đào nhân	10g
Huyết dư (đốt tồn tính)	6g
Bách thảo sương (đun bằng rơm, dạ)	4g

Chủ trị:

Phụ nữ rong kinh đột nhiên ra nhiều huyết.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

15. NGÂN BỔ THANG

Kim ngân hoa	20g
Bồ công anh	20g
Vòi voi	10g
Lá Mỏ quạ	10g

Chủ trị:

Phụ nữ viêm tuyến vú.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

16. BỔ XUYÊN THANG

Bồ công anh	20g
Xuyên sơn giáp (đốt tồn tính)	15g

Chủ trị:

Phụ nữ viêm tuyến vú, sưng, nóng, đỏ đau.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

17. TÍA TÔ THANG

Lá tía tô	20g
Hành tươi	1 - 2 củ

Chủ trị:

Phụ nữ viêm tuyến vú, sưng nóng đỏ đau.

Cách dùng, liều lượng:

Hành tươi để riêng.

Lá Tía tô cho vào 200ml nước, sắc sôi trong 20 phút, gạn lấy nước uống.

Bã cho vào cùng với hành tươi giã nát đắp vào vùng vú sưng đau.

Ngày uống 1 thang.

18. TỲ QUA THANG

Tỳ qua (xơ Mướp)	20g
Tạo giác thích	15g
Hành củ (khô)	8g

Chủ trị:

Tắc tia sữa.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400 ml nước, sắc lấy 200 ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

19. HẠN LIÊN THẢO THANG

Hạn liên thảo (tươi)	100g
Cây Cứt lợn (tươi)	100g

Chủ trị:

Ra huyết sau nạo thai.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch để ráo nước, giã nhỏ, cho vào 1 bát nước sôi, quấy đều, để nguội chắt lấy nước chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

20. HOÀI SƠN KHIẾM THỰC THANG

Hoài sơn	40g
Củ súng (Khiếm thực)	40g
Hoàng bá nam	8g
Bạch quả (đập dập)	10g
Xa tiền tử (sao vàng)	6g

Chủ trị:

Phụ nữ ra khí hư màu vàng có dính huyết, mùi hôi (Xích bạch đới)

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

21. KIM NGÂN THƯƠNG NHĨ TỬ THANG

Kim ngân hoa	12g
Thương nhĩ tử (sao cháy lông)	12g
Hương phụ (tứ chế)	12g
Ngưu tất	12g
Khương hoàng	8g
Lệ chi hạch (hạt Vải)	8g
Quất hạch (hạt Quýt)	8g

Chủ trị: Phụ nữ bị viêm phần phụ mạn tính.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

22. TÍA TÔ BÁN HẠ THANG

Tô diệp	6g
Bán hạ chế	4g
Trần bì	4g
Hoàng liên	4g

Chủ trị: Phụ nữ có thai nôn mửa, dạ dày đau tức, bụng trướng, sôi bụng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300 ml nước, sắc lấy 100 ml nước thuốc, chia uống 2 -3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

23. HƯƠNG PHỤ MỘC QUA Ô DƯỢC THANG

Hương phụ (tử chế)	8g
Mộc qua (sao vàng)	8g
Ô dược (sao vàng)	8g
Tô tử (sao vàng)	8g
Trần bì (sao vàng)	8g
Cam thảo dây (sao vàng)	8g
Gừng tươi	4g

Chủ trị: Phụ nữ có thai 3 tháng phù chi dưới (xuống máu chân).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

24. THỎ TY A GIAO THANG

Thỏ ty tử (sao vàng)	20g
Tang ký sinh (sao vàng)	20g
Tục cốt đẳng (Dây đau xương) sao vàng	20g
A giao (Cao da Lừa)	20g

Chủ trị:

Phụ nữ bị động thai.

Cách dùng, liều lượng:

A giao để riêng.

Các vị khác cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml chắt ra cho A giao vào, đun tiếp quấy cho hết A giao, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang

25. TỤC ĐOẠN TRỮ MA CĂN THANG

Tục đoạn	12g
Trữ ma căn	12g
Sinh địa	12g
Hoài sơn	40g
Ký sinh	16g

Chủ trị:

Phụ nữ bị động thai do sang chấn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

26. ĐỘNG PHONG THÁI THANG

Động phong thái (Rau ngót) 100g

Chủ trị:

Sản phụ sót nhau (rau)

Cách dùng, liều lượng:

Lá Rau ngót tươi rửa sạch, để ráo nước, giã nhỏ cho vào 1 bát nước sôi, quấy đều để lắng nguội chắt lấy nước uống.

Ngày uống 1 thang. Khi nhau bong ra hết thì ngừng thuốc.

27. HẮC CHI MA TÁN

Hắc chi ma (vừng đen)	100g
Quả Na điếc khô (Mãng cầu)	50g
Xuyên sơn giáp (vẩy Tê tê)	50g

Chủ trị:

Phụ nữ sau đẻ ít sữa.

Cách dùng, liều lượng:

Vẩy Tê tê sao cát cho phồng giòn.

Vừng đen rang hết nổ.

Quả Na điếc đập vụn sao vàng giòn.

Tất cả sao chế xong, tán bột mịn.

Ngày uống 20 - 30g, chia uống 2 lần với nước chín.

28. HƯƠNG PHỤ HOÀN

Hương phụ	
(sao cháy hết lông)	400 g
Uất kim	200g
Khô phàn	100g

Chủ trị:

Phụ nữ hành kinh đau bụng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy giòn tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt ngô.

Mỗi ngày uống 30 hoàn, chia uống 3 lần với nước chín nguội.

29. MÃ HƯƠNG ÍCH MẪU THANG

Mã tiên thảo	32g
Hương phụ	20g
Ích mẫu	20g
Lá Bạc thau	16g
Hy thiêm	16g
Đào nhân	10g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều do huyết ứ (Kinh tới sau kỳ) hay do huyết nhiệt (kinh tới trước kỳ) hay do khí uất (kinh tới trước hoặc sau kỳ không nhất định); khi hành kinh bị đau bụng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần sáng, chiều.

Ngày uống 1 thang.

30. ĐAN ÍCH HƯƠNG NGA HOÀN

Đan sâm (sao vàng giòn)	1000g
Ích mẫu	1000g
Hương phụ	
(tứ chế sao giòn)	500g
Nga truật	
(tẩm giấm sao qua)	500g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, kinh bế, hành kinh đau bụng; kinh nguyệt quá kỳ hoặc bất cập kỳ kinh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị Đan sâm, Hương phụ, Nga truật tán bột mịn.

Ích mẫu nấu cao lỏng, cho thêm mật mía luyện thành châu; cho bột thuốc vào luyện kỹ làm hoàn 3g (bằng quả Táo ta).

Ngày uống 10 hoàn, chia uống 2 lần với nước chín.

31. THANH HOẢ ĐIỀU KHÍ KHAI UẤT LƯƠNG HUYẾT THANG

Xuyên quy (tẩm rượu)	12g
Xích thược	12g
Hương phụ (tứ chế)	12g
Xuyên khung	12g
Sinh địa (tẩm rượu)	12g
Đan bì	8g
Huyền hồ hoặc Nga truật	
(sao giấm)	8g
Chỉ xác (sao qua)	4g

Chủ trị:

Phụ nữ chưa sinh nở hành kinh đau bụng do khí trệ, huyết ứ, mỗi lần hành kinh là đau bụng quằn quại.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng các chất tanh, mỡ, giấm chua.

32. TỲ GIẢI KHIẾM THỰC TÁN

Tỳ giải	500g
Khiếm thực	400g

Chủ trị:

Phụ nữ ra khí hư (Bạch đới)

Cách dùng, liều lượng:

Hai vị sao giòn, tán thành bột mịn.

Ngày uống 20g, chia uống làm 2 lần, uống trước khi ăn cơm (hoà thuốc bột vào nước cơm, thêm chút đường cho dễ uống).

33. BẠCH LONG HỒNG MẪU LỆ THANG

Bạch đồng nữ (sao vàng hạ thổ)	40g
Long cốt	20g
Hồng sâm	20g
Mẫu lệ (nung chín)	40g
Hoài sơn	20g
Liên nhục	20g
Quả sim (Trợ quân lương)	20g
Ý dĩ	12g
Sa nhân	12g
Cam thảo đất	12g
Ngọn Cúc tần	12g
Gừng tươi	3 lát

Chủ trị:

Phụ nữ bị khí hư (Bạch đái) người mệt mỏi, ăn ngủ kém, thỉnh thoảng nhức đầu, âm hộ ngứa.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1200 ml nước, sắc lấy 250 ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất tanh, chua, thịt gà.

34. HỒNG HOA ÍCH MẪU ĐÀO NHÂN HOÀN

Hồng hoa	30g
Ích mẫu	30g
Đào nhân	20g
Quy vĩ	30g
Ngưu tất	30g
Hương phụ	30g
Nhũ hương	20g
Một dược	20g
Xuyên khung	20g
Nga truật	20g
Huyết giác	20g
Nhục quế	16g

Chủ trị:

Điều kinh ngừa thai. Phụ nữ chậm kinh, mất kinh (trong vòng 7 - 14 ngày).

Cách dùng, liều lượng:

Hai vị Quy vĩ, Ngưu tất nấu cao lỏng đặc để riêng.

Huyết giác sấy khô tán bột mịn để riêng.

Các vị khác sao tán bột mịn. Cho vào cao lỏng Quy vĩ - Ngưu tất luyện thêm hồ làm hoàn bằng hạt đậu xanh, dùng bột Huyết giác bao áo viên.

Ngày uống 5g, uống với nước chín nguội. Uống liền trong 5 ngày. Khi đang uống thuốc thấy kinh trở lại thì dừng thuốc.

Kiêng kỵ:

Phụ nữ rong kinh, rong huyết, người mắc bệnh ưa chảy máu không được dùng.

35. BỔ TRUNG ÍCH KHÍ GIA VỊ THANG

Đảng sâm	10g
Hoàng kỳ	10g
Đương quy	10g
Bạch truật	10g
Thăng ma	5g
Sài hồ	5g
Trần bì	4g
Cam thảo (chích)	4g
Trữ ma căn	10g
Đỗ trọng	8g
Tục đoạn	6g
Ngải diệp	5g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai bị đe doạ sẩy thai do tỳ khí hư nhược.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng các chất gia vị cay nóng. Không uống rượu bia, không ăn cua, ốc.

36. CỐ THAI ẨM

Thục địa	20g
Xuyên quy	20g
Bạch thược	20g
A giao	20g
Ngải diệp	15g
Đỗ trọng	15g
Hoàng cầm	15g
Tục đoạn	12g
Bạch truật	10g
Sa nhân	10g
Đại táo	2 quả
Gừng tươi	3 lát

Chủ trị:

Phụ nữ có thai đau bụng, ra huyết doạ sẩy thai.

Cách dùng, liều lượng:

A giao để riêng.

Các vị khác cho vào 1000 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, cho A giao vào đun tiếp, quấy tan; chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ cay, nóng, các chất kích thích.

37. TRỮ MA TÔ NGẠNH THANG

Trữ ma căn (củ gai)	20g
Tô ngạnh (cành Tía tô)	12g
Bạch truật	16g
Mộc hương	12g
Sa nhân	8g
Ngải cứu	8g

Chủ trị:

Phụ nữ động thai đau bụng doạ sẩy (thể động thai nhẹ).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

38. DƯỠNG HUYẾT THANH NHIỆT AN THAI THANG

Sinh địa	20g
Trữ ma căn	20g
Đương quy	12g
Bạch thược	12g
Cát sâm	12g
Hoàng cầm	12g
Sài hồ	12g
Đỗ trọng	10g
Cam thảo	8g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Phụ nữ có thai, đau bụng thuộc thể nhiệt huyết kém.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

- Kiêng các thứ cay, đắng, nóng.
- Kiêng lao động nặng hoặc vận động nặng.

39. XUYÊN SƠN GIÁP TÁN

Xuyên sơn giáp	20g
Lá Mít non tươi	100g

Chủ trị:

Sản phụ ít sữa.

Cách dùng, liều lượng:

Xuyên sơn giáp rang cát phồng giòn tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần - mỗi lần uống 4g, hoà vào 1 chút ít rượu trắng uống.

Bên ngoài dùng lá Mít non tươi hơ nóng chườm vào vú.

40. HÀ THỦ Ô HOÀN

Hà thủ ô đỏ chế (sao vàng giòn)	100g
Hà thủ ô trắng (tẩm nước vo gạo sao vàng)	100g
Sơn tra (bỏ hạt sao vàng)	20g

Chủ trị:

Phụ nữ sau khi đẻ (sản hậu) cơ thể suy nhược, mỏi mệt, kém ăn, khí huyết đều hư.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao giòn tán bột mịn luyện hồ làm hoàn bằng hạt ngô.

Mỗi ngày uống 50 hoàn chia làm 2 lần, uống lúc đói với nước chín nguội.

41. NHỊ TRẦN THANG GIA VỊ

Trần bì	13 g
Bán hạ chế	12g
Bạch linh	12g
Cam thảo	8g
Xuyên sơn giáp (sao cát phồng)	16g
Mộc thông	16g
Thổ phục linh	16g
Tạo giác thích	10g

Chủ trị:

Tắc tia sữa ở người béo đậm, mập do đờm thấp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần sau bữa ăn trưa và tối.

Ngày uống 1 thang.

42. VIÊN BỔ HUYẾT ĐIỀU KINH

Hương phụ (tứ chế) sao vàng	100g
Khương hoàng	30g
Ích mẫu	100g
Ngải cứu	50g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, tháng có tháng không, hoặc khi có kinh hay đau bụng.

Cách dùng, liều lượng:

Hai vị ích mẫu, Ngải cứu sắc kỹ, cô thành cao đặc thêm đường vừa ngọt.

Hương phụ, khương hoàng tán bột mịn cho vào cao ích mẫu, ngải cứu luyện kỹ làm hoàn 1g.

Ngày uống 10 viên, chia uống 2 lần vào lúc đói.

43. TRỮ MA TÔ NGẠNH THANG

Trữ ma căn (sao đen)	16g
Ngải diệp	12g
Tô ngạnh	8g
Trần bì	8g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai bị đe doạ sẩy thai, do bị chấn thương té ngã hoặc tự nhiên đau bụng dưới, ra máu ở âm đạo.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc uống.

Ngày uống 1 - 2 thang.

44. NGẢI DIỆP TRẮC BÁ THANG

Ngải diệp (sao đen)	20g
Trắc bá diệp (sao đen)	20g
Hạn liên thảo (sao đen)	20g
Bách thảo sương	8g

Chủ trị:

Sản phụ bị băng huyết sau đẻ hoặc sau sẩy thai không phải do sót nhau hay rách cổ tử cung.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 100 ml nước thuốc, uống.

Ngày uống 1 - 3 thang.

45. BẠCH ĐỚI CAO

Tỳ giải	100g
Ngải cứu	100g
Thăng ma (tẩm rượu sao vàng)	100g
Bạch đồng nữ	200g

Chủ trị:

Phụ nữ ra khí hư mùi hôi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 4000 ml nước sắc lấy 1000ml nước thuốc thêm 150g đường trắng, tiếp tục cô lấy 600 ml cao thuốc.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 50ml.

46. ĐIỀU KINH HOÀN

Hương phụ tứ chế	200g
Ích mẫu (không dùng rễ, thân cây già)	150g
Ô dược	80g
Ngải cứu (không dùng rễ, thân cây)	60g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, hành kinh đau bụng.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị phơi khô giòn tán bột mịn luyện với mật ong đã cô thành châu làm hoàn 1g.

Ngày uống 3 lần sáng - trưa – tối; Mỗi lần uống 4g (4 hoàn) với nước chín nguội.

47. CAO BỔ HUYẾT ĐIỀU KINH

Ích mẫu	100g
Hương phụ tứ chế	40g
Ngải diệp	50g
Hạn liên thảo	40g
Nam mộc hương	10g

Chủ trị:

Phụ nữ bế kinh, kinh nguyệt không đều, đau bụng trước và trong khi hành kinh, da vàng, máu đen.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 2500ml nước, sắc lấy 250ml thêm 300g đường tiếp tục đun quấy tan hết đường.

Ngày uống 2 lần mỗi lần uống 1 - 2 thìa canh.

Uống trước khi có kinh 1 tuần.

48. CAO LÁ NHỘI

Lá nhội bánh tẻ tươi	1000g
Nước sạch	5000ml

Chủ trị:

Phụ nữ viêm, ngứa âm đạo do trực trùng roi (trichinomas).

Cách dùng, liều lượng:

Cho lá Nhội vào nước, nấu sôi liên tục 8 giờ, gạn lọc lấy nước thuốc, tiếp tục cô nhỏ lửa đến khi đặc sánh lại (vừa cô vừa quấy để tránh cháy cao).

Rửa sạch âm đạo bằng nước lá Trầu không loãng hay nước phèn chua loãng, sau đó dùng miếng gạc nhỏ chấm vào cao lá Nhội bôi lên chỗ viêm ngứa.

49. BỔ TRUNG CHỈ ĐỚI THANG

Sa sâm	12g
Hoàng kỳ	12g
Xuyên quy	12g
Bạch truật	12g
Thăng ma	12g
Sài hồ	8g
Trần bì	12g
Cam thảo	4g
Khiếm thực	12g
Kim ngân	12g
Tỳ giải	12g

Mẫu lệ	12g
Ý dĩ	12g
Sinh khương	3 lát.

Chủ trị:

Phụ nữ ra khí hư thuộc thể tỳ hư: Khí hư ra sắc trắng như mủ chuối, hoặc hơi vàng nhầy, không có mùi hôi thối, lưng bụng không đầy đau, kinh nguyệt bình thường, da trắng bệch, tinh thần mỏi mệt, chân tay lạnh, đại tiện nhão, nước tiểu trong nhiều, rêu lưỡi trắng, mạch hoãn nhược.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

50. TIÊU GIAO CHỈ ĐỚI THANG

Bạch linh	12g
Bạch truật	12g
Bạch thược	12g
Sài hồ	8g
Xuyên quy	12g
Đan bì	12g
Sa sâm	12g
Chi tử	12g
Mẫu lệ	12g
Khiếm thực	12g
Tỳ giải	12g
Kim ngân	12g
Ý dĩ	12g
Cam thảo	4g
Sinh khương	3 lát.

Chủ trị:

Phụ nữ ra khí hư thuộc thể can uất: khí hư ra màu đỏ nhợt hoặc trắng, chất đặc, dai dẳng không dứt, hành kinh không nhất định ngày, tinh thần không thư thái, dưới sườn đầy tức, miệng đắng cổ khô, mặt vàng nhuận, đại tiện bình thường, tiểu tiện vàng, rêu lưỡi trắng vàng, mạch huyền.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

51. LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG CHỈ ĐỚI THANG

Thục địa	12g
Hoài sơn	12g
Đan bì	12g
Sơn thù	12g
Bạch linh	12g
Trạch tả	12g
Xương truật	12g
Khiếm thực	12g
Kim ngân	12g
Tỳ giải	12g
Ý dĩ	12g
Hoàng bá	8g
Mẫu lệ	12g

Chủ trị:

Phụ nữ ra khí hư thuộc thể thận hư: Khí hư ra như lòng trắng trứng gà, lâu ngày không dứt, sắc mặt tái sám, đại tiện nhão, tiểu tiện trong và nhiều, eo lưng và bụng dưới đau, rêu lưỡi nhợt trắng, mạch trầm tế.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000 ml nước, sắc lấy 200 ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

52. NƯỚC SẮC LIÊN SÀ

Nam hoàng liên (Hoàng đằng)	50g
Sà sàng tử	50g

Chủ trị:

Phụ nữ viêm, ngứa âm đạo, ra khí hư do nấm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, đun sôi kỹ để ấm ngâm rửa âm đạo (sau khi đã vệ sinh âm đạo sạch sẽ) trong 10- 15 phút.

Ngày ngâm rửa 2-3 lần.

53. ÍCH MẪU CAO

Ích mẫu	900g
Hương phụ	200g
Hạn liên thảo	100g

Xuyên khung	10g
Ngải cứu	100g
Đường kính	850g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều khi sớm khi muộn, trong lúc có kinh hoặc trước khi có kinh đau bụng nhiều. Hoặc sau khi đẻ uống để làm sạch máu hôi và tử cung mau phục hồi như cũ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 3000 ml nước, sắc lấy 800 ml nước thuốc, thêm đường tiếp tục đun quấy tan hết đường.

Ngày uống 2 - 3 lần mỗi lần 1 thìa canh.

54. AN THAI HOÀN

A giao	20g
Bột lòng đỏ Trứng gà	10g
Thục địa	200g
Ngải diệp	200g
Tục đoạn (tẩm rượu sao)	100g
Trữ ma căn (sao chín)	200g
Tô ngạnh (sao chín)	200g
Hoài sơn (sao vàng)	300g
Sa nhân (sao vàng)	50g
Hương phụ tứ chế	50g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai người mệt nhọc, ăn không ngon, khó tiêu hay nôn oẹ, đầu váng mắt hoa, đại tiện táo, tiểu tiện vàng hoặc lao động nặng nhọc, té ngã động thai, đau bụng, đau lưng (bổ dưỡng và an thai).

Cách dùng, liều lượng:

Thục địa chưng cách thuỷ cho mềm giã thật nhuyễn. A giao cho vào cô với 150ml Mật quấy tan. Bột Trứng gà để riêng. Các vị thuốc còn lại sao vàng tán bột mịn, trộn chung với bột Trứng gà, Thục địa, cho vào Mật đã cô với A giao luyện kỹ làm viên bằng hạt ngô (có thể áo viên bằng nước thục địa cô đặc).

Ngày uống 2 lần mỗi lần 10g với nước chín.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các thứ cay nóng, sống lạnh khó tiêu.
- Khi động thai tránh lao động nặng nhọc.

55. BỔ TRUNG ÍCH KHÍ THANG GIA VỊ

Sâm Cát lâm	16g
Hoàng kỳ (chích)	20g
Xuyên quy	12g
Bạch truật	12g
Thăng ma	8g
Sài hồ	8g
Trần bì	8g
Cam thảo	4g
A giao	12g
Tông lư thán (sao cháy)	20g

Chủ trị:

Phụ nữ rong kinh thuộc thể khí hư.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày, uống trước bữa ăn 30 phút.

Ngày uống 1 thang.

56. VIÊN SÂM ĐẠI HÀNH

Sâm đại hành	200g

Chủ trị:

Phụ nữ bị nhiễm trùng sau khi đặt dụng cụ tử cung.

Cách dùng, liều lượng:

Sâm đại hành sấy khô tán bột mịn, luyện hồ làm viên 0,25g.

Ngày uống 10 viên, chia uống 2 lần với nước chín. Uống liên tục trong 6 ngày.

57. MẪU LỆ HOÀN

Mẫu lệ (nung chín)	40g
Hoài sơn	400g
Liên nhục (sao vàng)	200g
Ý dĩ (sao vàng)	120 g
Ô tặc cốt (bỏ vỏ cứng)	120g

Chủ trị:

Phụ nữ khí hư bạch đái.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế tán bột mịn, cho vào Mật ong đã cô thành châu luyện kỹ làm hoàn 12g.

Ngày uống 3 lần, mỗi lần uống 1 hoàn vào lúc đói.

Kết hợp uống thêm nước sắc:

Rau Dền gai trắng	200g
Lá Bạc thau	200g

Cả hai vị giã nhỏ gói vào lá chuối cho vào 400 ml nước sắc lấy 100 ml nước thuốc, chia uống 2 lần, xen kẽ giữa 2 lần uống thuốc hoàn, uống cách xa bữa ăn.

58. XÍCH BẠCH ĐỒNG THANG

Xích đồng nam (sao)	40g
Bạch đồng nữ (sao)	40g
Bạch mao căn (sao)	40g
Trắc Bách diệp (sao)	20g
Hương phụ (tứ chế)	20g
Sinh địa	8g
Hoàng liên	12g
Hoàng bá	12g
Hoàng cầm	12g
Sa sâm	12g
Can khương	4g

Chủ trị:

Phụ nữ khí hư bạch đới thuộc thể thấp nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày. Uống vào lúc đói.

Ngày uống 1 thang.

59. LỤC BẠCH TÁN

Bạch linh	20g
Bạch quả	20g
Bạch truật	20g
Bạch chỉ	
(tẩm nước gạo sao vàng)	20g
Bạch thược	20g
Bạch đồng nữ	20g

Chủ trị:

Phụ nữ khí hư bạch đới lâu ngày (mạn tính) thuộc thể hư.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 8g, uống với nước cơm vào lúc đói.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thức ăn sống lạnh.

60. HƯƠNG PHỤ HOÀN

Hương phụ (tứ chế)	60g
Ngải cứu (tẩm giấm sao)	40g
Can khương	
(thái mỏng sao vàng)	20g
Nhân trần	40g
Lạc tiên	40g
Trữ ma căn	40g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, khi hành kinh đau bụng, chậm có thai.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế xong tán bột mịn, luyện mật làm hoàn bằng hạt đậu đen.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 30 hoàn với nước chín nguội, uống trước bữa ăn.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ sống, lạnh.

61. HÀ DAN HỒ BẠCH TÁN

Hồ điệp căn	
(Rễ cây Bươm bướm)	40g
Bạch đồng nữ	40g
Ý dĩ (rang vàng)	40g
Liên nhục (bỏ tâm, bỏ vỏ)	40g
Hoài sơn	40g
Sung uý tử	50g
Phá cố chỉ	10g
Tục đoạn	20g
Sa sâm (tẩm gừng sao)	30g

Hà thủ ô chế	60g
Đan sâm	60g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, ăn ít, ngủ ít, đau bụng chóng mặt, tai ù, hoặc ra huyết trắng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế, sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 10g với nước cơm vào lúc đói.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ cay, chua, nóng.

62. CHỈ THIÊN NGẢI CỨU THANG

Lá Chỉ thiên	50g
Lá Ngải cứu	20g

Chủ trị:

Kinh nguyệt quá nhiều, rong huyết, băng huyết.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400 ml nước, sắc lấy 100 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày, uống vào lúc đói.

Mỗi ngày uống 1 thang. Uống luôn 2 tháng.

63. LIÊN PHÒNG TÁN

Liên phòng (Gương sen khô) 200g

Chủ trị:

Phụ nữ hành kinh kéo dài ngày.

Cách dùng, liều lượng:

Liên phòng đốt tồn tính, tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 12g với nước chín nguội.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ cay nóng.

64. HƯƠNG PHỤ THANG

Hương phụ (tứ chế)	64g
Ích mẫu (sao gừng)	20g
Hoàng tinh (sao gừng)	20g
Hà thủ ô chế	20g
Bạch đồng nữ	16g
Xích đồng nam	16g
Kê huyết đằng	16g
Nam mộc hương	12g
Trần bì	8g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, hoặc trước, hoặc sau kỳ kinh; hoặc nhiều, hoặc ít; hoặc 1 tháng 2 lần, hoặc 2 tháng 1 lần; hoặc có khí hư, xích bạch đới, đau xương, đau lưng, đau bụng, đầu váng, chóng mặt, da xanh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế xong cho vào 1000 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần uống trong ngày, lúc đói.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ lạnh, sống.

65. MẪU LỆ HOÀI SƠN TÁN

Mẫu lệ (nung chín)	20g
Hoài sơn (sao vàng)	20g
Tỳ giải	20g
Bạch chỉ	12g
Ô tặc cốt (bỏ vỏ cứng nướng chín)	12g
Lộc giác sương	20g
Khiếm thực	20g

Chủ trị:

Phụ nữ ra khí hư trắng hoặc vàng khí hư ra nhiều lâu không khỏi, sắc mặt trắng bệch hoặc sạm đen, người mệt mỏi, tinh thần sút kém, lưng đau mỏi, đại tiện lỏng, tiểu tiện trong, đôi khi chân bị nề, rêu lưỡi trắng, chất lưỡi nhợt, ăn ngủ kém.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế xong, tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 10g với nước chín nguội, uống trước bữa ăn.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các chất cay nóng, tanh và sào béo.
- Kiêng phòng dục.

66. XUYÊN SƠN THÔNG THẢO THANG

Xuyên sơn giáp (sao cát phồng)	12g
Thông thảo	8g
Móng chân giò lợn (sao cát phồng)	1 bộ
Xuyên quy	12g
Hoàng kỳ chích	12g
Phòng đảng sâm	12g
Thục địa	12g
Xuyên khung	12g
Vương bất lưu hành	12g
Bạch chỉ	8g

Chủ trị:

Sản phụ sinh xong sữa không xuống được hoặc có rất ít. Vú không căng, không đau, sắc mặt xanh xao, da khô, người mỏi mệt, đầu choáng váng, tai ù, hơi ngắn, ăn ngủ kém, huyết hôi ra ít, lưỡi nhạt rêu ít.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày. Uống sau bữa cơm 2 giờ lúc thuốc còn nóng.

Ngày uống 1 thang. Uống khi sữa về nhiều thì thôi.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất chua.

67. THANG BỒ CÔNG ANH

Bồ công anh (sao vàng)	80g
Chỉ thực (sao vàng)	40g
Thanh bì (bỏ ruột sao vàng)	40g

Chủ trị:

Sản phụ sinh xong, vú căng đầy đau, sữa không xuống được, có khi phát sốt.

Sắc mặt hơi vàng, tinh thần bực tức, phiền táo, ngực sườn khó chịu, ăn uống sút kém, huyết hôi lúc nhiều , lúc ít; Sắc lưỡi nhợt, rêu lưỡi dày vàng hoặc trắng. Lâu không thông sữa sẽ thành nhũ ung.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 3 lần (sáng, chiều, tối).

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Khi vú đã sưng đỏ, đau nhức nhiều đã thành nhũ ung phải dùng:

Lá Bồ công anh tươi	150g

Rửa sạch, giã nát vắt lấy nước uống còn bã đắp lên chỗ vú sưng đau.

68. HOÀNG LIÊN BẠCH CHỈ TÁN

Xuyên hoàng liên	10g
Bạch chỉ	10g
Móng chân lợn	10g
Lòng đỏ trứng gà	2 quả

Chủ trị:

Sản phụ nứt núm vú, chảy nước vàng, có khi bị dớm máu.

Cách dùng, liều lượng:

Móng chân lợn đốt tồn tính tán bột mịn.

Hoàng liên, Bạch chỉ sấy khô tán bột mịn.

Lòng đỏ trứng gà cho vào bát sạch đun cho chảy thành chất dầu.

Cho các bột thuốc vào hoà với dầu trứng gà.

Dùng nước sôi để ấm, rửa sạch đầu vú lau khô, bôi một lần mỏng dầu thuốc, lấy bột hoạt thạch (hoặc phấn rôm) rắc vào núm vú nứt để khô dầu, băng đầu núm vú bằng gạc sạch.

Mỗi lần cho con bú, bỏ băng ra, rửa sạch đầu vú cho con bú. Cho bú xong lại rửa sạch đầu vú bôi thuốc, băng lại như trên. Khoảng cách cho con bú được dài thì vết nứt chóng liền.

69. ĐÀO NHÂN QUY VĨ HỒNG HOA THANG

Đào nhân	10g
Quy vĩ	10g
Hồng hoa	5g
Hương phụ	10g

Chủ trị:

Phụ nữ đau bụng khi hành kinh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400 ml nước, sắc lấy 100 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày. Uống lúc thuốc còn nóng.

Ngày uống 1 thang. Uống liên tục 4 ngày.

70. ĐAN SÂM THANG

Đan sâm	10g
Hương phụ	6g
Đương quy	10g
Bạch thược	5g
Xuyên khung	5g
Sinh địa	10g

Chủ trị:

Phụ nữ bế kinh, đau bụng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 100 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày lúc thuốc còn nóng.

Ngày uống 1 thang.

71. NGA PHỤ HOÀNG HOÀN

Nga truật (Nghệ đen) chế	1000g
Hương phụ thất chế	500g
Lá Mần tưới	500g
Lá Ngải cứu	300g
Lá Đại bi	500g
Long não (bột)	50g
Khô phàn	30g

Chủ trị:

- Phụ nữ thống kinh thuộc thể thực: Trước và đang thấy kinh bụng đau dữ dội, có khi đau trướng lên mà không ưa xoa bóp, có khi đau sang cả lưng, sườn. Kinh huyết bài xuất cảm thấy không khoan khoái, sắc màu đỏ thẫm hoặc thẫm tía, có khi ra máu hòn cục, đến ngày sạch kinh thì giảm rồi không đau. Mạch trầm có lực.

- Phụ nữ thống kinh thuộc thể hư: Trước và trong ngày thấy kinh không đau bụng, khi thấy kinh sắc máu nhợt lượng máu ít, đến ngày sạch kinh thì bụng đau âm ỉ, ưa xoa bóp. Mạch huyền vô lực.

- Sản hậu phúc thống: (tiếng địa phương gọi là đau Cảy của phụ nữ diễn ra sau khi đẻ) người phụ nữ sau khi đẻ bị đau Cảy (sản hậu phúc thống) rất khó chịu (khó chịu hơn đau trở dạ đẻ), có người đau quằn quại, nằm ngồi không yên, không thiết gì ăn uống, không cả dám nằm bên cạnh con.

Cách dùng, liều lượng:

Nghệ đen chế: Tẩm nước tiểu trẻ em, 3 ngày 3 đêm mỗi ngày thay nước tiểu một lần; Rửa sạch phơi khô chia đôi, một phần tẩm rượu, một phần tẩm giấm sao khô.

Hương phụ thất chế: Sau khi đã làm sạch lông, giã dập chia làm 7 phần:

- 1 phần tẩm nước tiểu.
- 1 phần tẩm nước muối.
- 1 phần tẩm Thanh diêm (Lục phàn)
- 1 phần tẩm rượu.
- 1 phần tẩm giấm.
- 1 phần tẩm nước gừng.
- 1 phần tẩm nước phèn chua.

Các vị khác sấy khô trộn lẫn với Nghệ đen, Hương phụ chế tán bột mịn rồi trộn đều với bột Long não, Khô phàn luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Ngày uống 40 - 50g chia uống làm 3 lần, uống trước bữa ăn 1 giờ với nước chín nóng.

Chú ý:

- Bệnh thống kinh thuộc thực chứng: Uống đón trước khi hành kinh 5 - 7 ngày.

- Bệnh thống kinh thuộc hư chứng: Uống khi sắp sạch kinh và nếu: mạch phù vô lực cho uống thêm thuốc bổ khí (Bổ trung ích khí thang); mạch trầm vô lực thì mài thêm nhục Quế uống (Quế thanh).

- Bệnh sản hậu phúc thống: uống với rượu pha chút nước Gừng tươi.

72. HƯƠNG PHỤ Ô DƯỢC THANG

Hương phụ chế	16g
Ô dược	12g
Ngải cứu	12g
Tô mộc	8g
Rễ cù đèn	12g
Sơ Mướp hương (sao đen)	1 cái
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Phụ nữ thống kinh (đau bụng khi hành kinh) thuộc thực chứng: Bụng đau đầy trướng, nắn đau, đau ran vùng eo lưng xuống mé đùi, máu đen có khi ra máu hòn máu cục.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

73. BỔ KHÍ DƯỠNG HUYẾT ĐIỀU KINH THANG

Ích mẫu	12g
Nam sâm	12g
Ngải cứu	12g
Hà thủ ô đỏ chế	16g
Long nhãn	16g
Hoài sơn	16g
Liên nhục	12g
Hương phụ tứ chế	12g
Hắc đậu (sao)	20g
Sa nhân	10g
Ý dĩ	12g
Nhân trần	8g
Nghệ	8g

Chủ trị:

Phụ nữ thống kinh thuộc thể hư (khí huyết hư nhược): Kinh nguyệt khi sớm, khi muộn không nhất định, huyết ra loãng nhợt, người mệt mỏi, sắc mặt xanh nhợt, ăn ngủ kém, mạch trầm trì hư nhược.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

74. TAM MẪU NGẢI HƯƠNG HOÀN

Tam thất	12g
Ích mẫu	16g
Ngải cứu	12g
Hương phụ	16g
Ngưu tất (sao rượu)	12g
Hạt Muồng (sao rượu)	20g
Sơ Mướp hương (sao đen)	1 cái
Tiểu hồi	4g
La bạc tử	8g
Can khương	8g

Chủ trị:

Phụ nữ bế kinh do huyết trệ: Không thấy kinh bụng dưới to dần ấn tay vào bụng đau dẫn tới có hòn (trưng hà) ở bụng dưới, 2 bên vùng buồng trứng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế sấy khô, tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt ngô.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 10g, uống với nước chín nguội.

75. ÍCH MẪU THANG

Ích mẫu	40g
Rễ Cù đèn	40g

Chủ trị:

Phụ nữ bế kinh do huyết trệ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

76. BỔ HUYẾT THÔNG KINH THANG

Rau Má	8g
Cỏ Nhọ nồi	10g
Dây Mơ	8g
Cỏ Màn trầu	8g
Cam thảo nam	8g
Rễ Cỏ tranh	8g
Ké đầu ngựa	8g
Hương phụ	12g
Ô dược	8g
Ích mẫu	16g
Ngải cứu	12g

Chủ trị:

Phụ nữ bế kinh do huyết khô: Da nóng, sắc mặt xanh tái, má đỏ, gầy ốm, điều trị không kịp dễ sinh chứng ho lao.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

77. ÍCH MẪU SINH ĐỊA THỦ Ô THANG

Ích mẫu	16g
Sinh địa	20g
Hà thủ ô chế	20g
Long nhãn	12g
Sâm bố chính	12g
Hương phụ tứ chế	12g
Hạt Muồng (sao rượu)	16g

Chủ trị:

Phụ nữ bế kinh do huyết khô.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

78. VIÊN HƯƠNG NGẢI

Hương phụ tứ chế	200g
Ngải cứu	600g
Ích mẫu	150g
Ô dược	80g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, hành kinh đau bụng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế, sấy khô tán bột mịn luyện mật ong làm hoàn bằng hạt ngô.

Mỗi lần uống 4g ngày uống 3 lần với nước chín.

79. ĐIỀU KINH BỔ HUYẾT THANG

Cỏ Nhọ nồi	8g
Dây Mơ	8g
Cỏ Màn trầu	8g
Cam thảo nam	8g
Rễ Cỏ tranh	8g
Ké đầu ngựa	8g
Rau Má	8g
Nghệ vàng	8g
Hà thủ ô trắng	8g
Hương phụ tứ chế	8g
Rau Ráng	8g
Nhân trần	8g
Ngải cứu	8g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, huyết xấu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

80. ĐIỀU KINH HOÀN

Ích mẫu	100g
Ngải cứu	50g
Hương phụ tứ chế	100g
Ngải xanh (Nga truật)	20g
Cây Cứt quạ nhỏ lá	100g
Cây Cứt lợn (heo)	100g
Lô hội	20g
Trần bì	10g
Hà thủ ô trắng (chế đậu đen)	20g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, khi sớm, khi muộn, đau bụng trước hoặc khi hành kinh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị Ích mẫu, Ngải xanh, Ngải cứu, Cứt quạ, Cứt heo cho vào 2000 ml nước sắc lấy 100 ml nước thuốc cho Lô hội vào tiếp tục đun, quấy tan hết Lô hội, để riêng.

Hương phụ tứ chế: Hương phụ chia 4 phần, 1 phần tẩm muối, 1 phần tẩm rượu, một phần tẩm giấm, một phần tẩm gừng.

Các vị Hương phụ tứ chế, Trần bì, Hà thủ ô, Ngải xanh sao giòn, tán bột mịn luyện với nước thuốc ở trên làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Ngày uống 1 lần 12g. Uống liên tiếp 7 ngày trước ngày hành kinh.

81. BỔ HUYẾT KIỆN TỲ THANG

Hoài sơn	12g
Khiếm thực	16g
Ý dĩ nhân	16g
Hương phụ tứ chế	16g
Sâm bố chính	16g
Cỏ Mực	20g
Kinh giới tuệ	8g
Trần bì	8g
Sinh khương	3 lát.

Chủ trị:

Phụ nữ bị bạch đới (huyết bạch) thuộc thể tỳ hư: Khí hư ra nhờn dính trắng, chân tay lạnh hoặc phù bóng bệu, người mỏi mệt, bải hoải da xanh tái, ăn ngủ kém, đại tiện lỏng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000 ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 4 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

82. HOẠT THẠCH NHÂN TRẦN THỔ PHỤC THANG

Hoạt thạch	12g
Nhân trần	8g
Thổ phục linh	12g
Chi tử	8g
Vỏ Núc nác	8g
Ngưu tất (sao giấm)	12g
Xa tiền tử	12g
Rau Bợ nước	12g
Trần bì	8g

Chủ trị:

Phụ nữ bị khí hư thuộc thể thấp nhiệt: Khí hư ra nhiều màu nâu hoặc vàng và có mùi hôi tanh, chóng mặt, hoa mắt, hay khát, đau đầu, ăn ngủ ít.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

83. HOÁ ĐỜM TRỪ THẤP THANG

Bạch đồng nữ	12g
Trần bì (lâu năm)	10g
Ý dĩ nhân	12g
Bán hạ (chế)	12g
Thổ phục linh	12g
Tỳ giải (Củ Kim cang)	8g
Sâm nam	8g
La bạc tử (Hạt cải củ)	8g

Chủ trị:

Phụ nữ bị khí hư thuộc thể đờm thấp: Khí hư ra lắng nhắng ngực sườn đầy tức, ăn không biết ngon, tiêu hoá kém.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 4 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

84. BỔ THẬN THANG

Thỏ ty tử	16g
Đỗ trọng	12g
Cốt toái bổ	12g
Đậu đen (sao)	12g
Sinh địa (sao thơm)	12g
Hoài sơn	12g
Ích mẫu căn (sao đen)	8g
Rễ Nhàu (sao rượu)	8g
Ngải cứu	4g

Chủ trị:

Phụ nữ bị khí hư thuộc thể thận hư: Khí hư ra như lòng trắng trứng, lưng đau như gẫy, sắc mặt xám đen, người gầy sút nhanh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

85. TIÊU THỰC THANG

Trần bì (lâu năm)	12g
Hương phụ tứ chế	16g
Sa nhân	16g
Hậu phác	12g
Cam thảo	4g
Bán hạ chế	8g
Tô ngạnh (cành Tía tô)	12g
Ổi khương (gừng tươi nướng)	3 lát

Chủ trị:

Phụ nữ có thai ăn phải các chất lạnh, sống, khó tiêu gây ra thương thực, đau vùng bụng trên, có khi đau dữ dội, ỉa hoặc nôn ra được thì dễ chịu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Cần theo dõi kỹ thai nhi.

86. AN THAI THANG

Trữ ma căn	30g
Ngải cứu	24g
Tô ngạnh	12g
Cỏ Mực	20g
Gạo tẻ xay (chưa giã)	20g
Da Trâu (đốt tồn tính)	12g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai bụng dưới đau, có khi âm hộ rỉ ra ít máu, đau ngang thắt lưng tràn xuống bụng dưới (là hiện tượng thai động không yên) do té ngã, lao động quá sức, đi xe đạp nhiều ... gây ra.

Cách dùng, liều lượng:

Da Trâu đốt tồn tính tán bột mịn, để riêng.

Các vị khác cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, cho bột da Trâu vào quấy đều, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

87. NGẢI CỨU THANG

Lá Ngải cứu tươi	100g
Trứng gà con so tươi	1 quả

Chủ trị:

Phụ nữ thai động không yên.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Ngải cứu tươi rửa sạch, giã nhỏ cho vào miếng vải màn ép lấy nước. Đập trứng gà tươi vào đánh thật đều uống.

Ngày uống 1 lần.

88. NGẢI CỨU TÔ NGẠNH SA NHÂN THANG

Ngải cứu	20g
Tô ngạnh	16g
Sa nhân	8g
Da trâu (sao cát phồng tán bột)	12g
Đại phúc bì	16g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Phụ nữ có thai, tử cung bị nhiễm lạnh: Eo lưng đau nhẹ, bụng dưới bệnh nhân cảm thấy khó chịu, buồn bực, chân tay mỏi mệt, cơn đau thưa, ăn ngủ kém.

Cách dùng, liều lượng:

Bột da Trâu để riêng.

Các vị khác cho vào 600 ml nước sắc lấy 200 ml nước thuốc, chio bột da Trâu vào quấy đều, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

89. SA NHÂN TÁN

Sa nhân	30g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai, tử cung bị nhiễm lạnh, bụng dưới khó chịu, eo lưng đau nhẹ, chân tay mệt mỏi, ăn ngủ kém,

Cách dùng, liều lượng:

Sa nhân sao, tán bột mịn. Chia uống 3 lần trong ngày. Uống với nước trà ấm.

90. THANH NHIỆT LƯƠNG HUYẾT CHỈ BĂNG THANG

Cỏ Mực (sao cháy đen)	20g
Kinh giới (sao cháy)	10g
Chi tử (sao cháy)	8g
Rễ cây bông vải (sao cháy)	10g
Yếm rùa (sao cháy)	15g
Ngải cứu	10g
Cây Lức	8g
Lá Sung	8g
Dây Khổ qua	8g
Lá Bàng	8g
Ích mẫu	20g
Bông Lác đưng (Bồ hoàng) đốt cháy thành than	30g
Dây Nhãn lồng (Lạc tiên)	10g
Lá Cách (Vọng cách)	10g

Chủ trị:

Phụ nữ băng huyết thuộc thể huyết nhiệt: Kinh dây dưa lâu ngày không dứt, lượng kinh nhiều, màu đỏ sậm, chất đặc có cục, mùi hôi, trong người nóng, khát nước, người mệt mỏi, đại tiện táo bón, nước tiểu vàng, chất lưỡi đỏ, rêu vàng, mạch sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế, cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Nên uống trước và sau có kinh một tuần lễ (mỗi lần uống 5 thang) để điều chỉnh kinh nguyệt.

91. THANH NHIỆT LƯƠNG HUYẾT ĐIỀU KINH THANG

Ích mẫu	8g
Khổ qua	8g
Cỏ Màn chầu	8g
Rau Đắng đất	8g
Ngải cứu	10g
Hương phụ	8g
Cỏ Mực	8g
Rễ Nhàu	8g
Cây Lức	8g
Cây Ké đầu ngựa	6g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt thấy trước kỳ 4 - 5 ngày do huyết nhiệt ứng trệ: Màu kinh tím đỏ, có cục, mùi tanh hôi, trong người nóng xót, rêu lưỡi vàng dầy, đại tiện táo bón, mạch hồng sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Uống trước và sau khi có kinh nguyệt một tuần lễ (mỗi lần uống 7 thang) để điều chỉnh kinh nguyệt.

92. HƯƠNG PHỤ HOÀN

Hương phụ (tứ chế)	1000g
Huyền hồ (tẩm giấm sao vàng)	300g
Ngũ linh chi (sao vàng xém)	300g

Chủ trị:

Phụ nữ rối loạn kinh nguyệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế, tán bột mịn.

Dùng lá Ngải cứu tươi (1000g) rửa sạch để ráo nước, giã nhỏ thêm vào 1 ít nước chín nguội vắt lấy nước (bỏ bã) luyện với bột thuốc làm hoàn bằng hạt ngô.

Mỗi lần uống 15 - 20 hoàn, ngày uống 2 lần trước bữa ăn.

Chú ý:

Tuỳ thể bệnh thay đổi mà nước sắc uống kèm làm thang như sau;

- Đau bụng một vài ngày trước khi hành kinh là huyết nhiệt dùng:

Hoàng cầm	6g
Sinh địa	12g
Đơn bì	8g

Sắc lấy nước làm thang uống cùng Hương phụ hoàn.

- Trong khi hành kinh đau bụng là huyết trệ dùng:

Tiểu hồi	4g
Nam mộc hương (Vỏ Dụt)	10g

Sắc lấy nước làm thang uống cùng Hương phụ hoàn.

- Nếu đau dữ dội, nổi hòn cục ở bụng dưới, ấn tay vào đau nhói không chịu được là huyết khối, khí trệ dùng:

Nhũ hương	4g
Một dược	4g
Nga truật	6g

Sắc lấy nước làm thang uống cùng Hương phụ hoàn.

Đang hành kinh mà bị cảm gió lạnh, hoặc tắm rửa mà bế kinh, đau bụng, sốt rét dùng:

Quế tâm	10g
Sài hồ	4g
Đào nhân	8g
Hồng hoa	6g
Gừng tươi	3 lát

Sắc lấy nước làm thang uống cùng Hương phụ hoàn.

- Đang hành kinh mà gánh nặng, làm việc nặng đi đường xa hoặc bị té ngã huyết ra nhiều như băng dùng:

Bồ hoàng (sao cháy đen)	12g
Kinh giới (sao cháy đen)	12g
Liên phòng (sao cháy đen)	12g

Tán bột hoà với nước sắc Ngải cứu (16g) làm thang uống cùng Hương phụ hoàn.

- Nếu huyết ra nhiều như băng (Bạo băng) dùng:

A giao	8g
Ngải cứu (sao cháy đen)	12g
Tam thất	8g

Sắc Ngải cứu, Tam thất gạn lấy nước cho A giao vào tiếp tục đun cho tan đều làm thang uống cùng Hương phụ hoàn.

- Sau khi hành kinh mà bụng đau lâm râm, đầu váng, mắt hoa, mệt mỏi là huyết hư dùng:

Nhân sâm hoặc Đảng sâm	8g
Hoàng kỳ	12g
Xuyên khung	6g
Xuyên quy	8g

Sắc lấy nước làm thang uống cùng Hương phụ hoàn.

- Sau khi hành kinh, huyết còn ra dai dẳng không dứt dùng:

Hoè hoa (sao vàng)	8g
Bồ hoàng (sao cháy)	12g
Kinh giới (sao cháy)	12g
Liên phòng (sao cháy)	12g

Sắc lấy nước làm thang uống cùng Hương phụ hoàn.

- Sau khi hành kinh còn ra chất nhầy màu trắng đục dùng:

Hoè hoa (sao vàng)	8g
Hoa Mào gà (sao vàng)	8g
Mẫu lệ (nung chín)	20g
Xích thạch chi (sao sém)	20g

Sắc lấy nước làm thang uống cùng Hương phụ hoàn.

Người da vàng bủng hoặc xanh, vùng hông, bụng đau lâm râm hoặc đau nhói nổi hòn cục dùng:

Nam mộc hương	10g
Chỉ xác	4g
Nga truật	4g

Sắc lấy nước làm thang uống cùng Hương phụ hoàn; hoặc cũng có thể dùng giấm thanh làm thang uống cùng Hương phụ hoàn.

93. ĐIỀU KINH HOÀN

Hương phụ tứ chế	500g
Trần bì	300g
Hoắc hương	200g
Nhân trần	300g
Nam Mộc hương	200g
Đại hồi	20g

Chủ trị:

Phụ nữ bị rối loạn kinh nguyệt hoặc kinh nguyệt không đều: Vòng kinh không nhất định, kinh nguyệt ra khi ít khi nhiều đau bụng, đầy bụng, bụng dưới căng, nặng khi hành kinh càng đau nhiều, da vàng, dày da bụng, màu sắc kinh thâm hoặc nhợt, hoặc có hòn cục.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, luyện hồ làm viên bằng hạt đậu xanh.

Mỗi ngày uống 2 lần trước bữa ăn 1 giờ; mỗi lần uống 30 viên với nước chín hoặc rượu.

Chú ý gia giảm:

Trường hợp có tích huyết, bế kinh, vô kinh thì gia thêm:

Miết giáp (tẩm giấm thanh vào) 30g

Tán bột mịn luyện hồ làm hoàn.

Liều lượng uống như trên.

94. ĐIỀU KINH HOÀN

Hương phụ tứ chế	500g
Uất kim (sao vàng)	300g
Bạch phàn	100g
Hắc phàn	100g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều: Kinh ra khi nhiều, khi ít, hoặc đau bụng, tích huyết rối loạn thất thường.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế, sấy khô tán bột mịn, luyện hồ làm viên bằng hạt ngô.

Mỗi lần uống 15 viên với nước chín nguội, trước bữa ăn một giờ. Ngày uống 2 lần.

95. HƯƠNG NGẢI CHI LAN HOÀN

Hương phụ tứ chế	1000g
Trạch lan	
(tẩm nước tiểu, sao vàng)	1000g
Chi tử	1000g
(giã dập, tẩm nước tiểu, sao vàng)	
Ngải cứu tươi	2000g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều:

- Do huyết hư, huyết ít, huyết trệ, hành kinh đau bụng, khí hư bạch đới, tiểu tiện buốt dắt vàng hoặc đục.

- Hoặc đã đến tuổi hành kinh mà không có kinh nguyệt.

- Hoặc do huyết hư, huyết nhiệt thường hay bị váng đầu hoa mắt chóng mặt, mỏi mệt.

Cách dùng, liều lượng:

Hương phụ, Trạch lan, Chi tử, sao chế khô tán bột mịn. Ngải cứu tươi rửa sạch để ráo nước, giã dập ép lấy nước thêm Mật ong luyện với bột thuốc làm viên bằng hạt ngô.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 30 - 50 viên trước bữa ăn với nước chín nguội.

96. HƯƠNG NGẢI ÍCH MẪU TÁN

Hương phụ	1000g
Ngải cứu	300g
Ích mẫu	500g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều:

- Do huyết nhiệt: Sắc huyết đỏ sẫm thể trạng gầy và nhiệt.

- Do đờm thấp (có khi kết hợp với hàn): Sắc huyết nhợt, đục, thể trạng béo mập.

- Do huyết trệ: Sắc huyết đen, có khi tanh hôi, bụng đau hoặc đầy.

- Do huyết khô: Người gầy yếu, tinh thần mỏi mệt, ăn uống kém giảm sút.

- Thống kinh: Khi hành kinh đau bụng.

- Do tích kinh: Cách khoảng hàng tháng bụng dưới đau, nổi hòn, nổi cục hoặc thành khối.

Cách dùng, liều lượng:

Hương phụ ngâm nước tiểu 1 ngày 1 đêm (24 giờ) rửa sạch, để ráo phơi khô, tẩm rượu, sao vàng, tán bột mịn. Ngải cứu, Ích mẫu sấy khô tán bột mịn. Trộn đều với bột Hương phụ.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 15 - 20g trước bữa ăn với nước chín.

Chú ý gia giảm:

- Trường hợp người nóng hay nhức đầu, hoa mắt gia thêm:

Chi tử (sao)	100g

- Trường hợp huyết trệ, bụng dưới ậm ạch khó chịu, hành kinh huyết ra màu thâm đen hoặc lẫn tạp chất gia thêm:

Nam mộc hương	100g
Vỏ bưởi (sao vàng)	100g

- Khi hành kinh bụng dưới đau nhói, đến khi sạch kinh khỏi đau gia thêm:

Ngũ linh chi	100g

- Khi hành kinh bụng dưới đầy tức, có khối thường thường đau bụng gia thêm:

Nga truật	100g
Vỏ bưởi (sao)	100g
Nam mộc hương	100g

- Bụng dưới thường hay đầy, có khi đau, gặp lạnh đau hơn, có khi đại tiện lỏng gia thêm:

Nhục quế	20g
Tiểu hồi	20g

- Trường hợp kinh nguyệt không đều, nhức đầu hoa mắt, đôi khi gai sốt, trong người bứt dứt khó chịu mạch huyền sác dùng bài sau:

BÁT VỊ TIÊU DAO THANG GIA VỊ

Bạch linh	10g
Bạch truật	8g
Đan bi	6g
Huyền sâm	10g
Bạch thược	8g
Sài hồ	8g
Chi tử	8g
Sinh địa	12g
Dương quy	10g
Cam thảo	4g

Sắc uống ngày 1 thang.

- Trường hợp ảnh hưởng gan, khí xông, hông sườn tức nhói gia thêm:

Ô dược	100g

- Trường hợp kinh nguyệt ít, không thông gia thêm:

Đào nhân	80g
Hồng hoa	80g

- Trường hợp kinh nguyệt không đều, lượng huyết ít, người gầy là thiếu máu dùng bài sau:

TỨ VẬT THANG GIA VỊ

Xuyên khung	12g
Xuyên quy	12g
Thục địa	12g
Bạch thược	12g
Hương phụ	8g
Ích mẫu	8g
Đào nhân (dùng lượng ít)	4g
Hồng hoa (dùng lượng ít)	4g

Sắc uống ngày 1 thang.

- Khi gặp chứng huyết khô, huyết ít mà kinh nguyệt không đều thì không được dùng thuốc điều kinh mà nên uống Tứ vật thang gia thêm:

Sa sâm	16g
Hoàng kỳ	12g

hoặc uống Bát trân thang.

- Khi gặp trường hợp kinh nguyệt không đều, lượng kinh rất ít, khi có khi không thì cần phải dùng thuốc đại bổ khí huyết (Bát trân thang hoặc Thập toàn đại bổ thang), vì có bổ khí thì mới sinh được huyết, huyết đủ thì lượng kinh mới đủ, hành kinh mới đều.

- Khi gặp người bệnh quá yếu, khí huyết đều suy tổn phải dùng thêm bài Thập toàn đại bổ hoàn.

97. HƯƠNG NGA HOÀN

Nga truật	300g
Nam mộc hương	300g
Hương phụ tứ chế	300g

Chủ trị:

Phụ nữ bế kinh do đờm trệ: phát sinh da vàng, bụng trệ, ăn uống khó tiêu thường hay đau bụng, đại tiện không lành.

Hoặc bị chướng khí nơi rừng núi sinh ra sốt rét, phù nề (phù mặt hoặc phù tay chân hoặc phù cả người) nhức đầu, ù tai, chóng mặt, mạch trầm thực.

Cách dùng, liều lượng:

Nga truật chia làm 3 phần:

- 1 phần tẩm nước tiểu (đêm tẩm ngày phơi)

- 1 phần tẩm giấm thanh (đêm tẩm ngày phơi)

- 1 phần để nguyên.

trộn chung cả 3 phần, sao vàng hạ thổ.

Nam mộc hương (đêm tẩm nước tiểu ngày phơi) sao vàng hạ thổ.

Hương phụ tứ chế sao vàng hạ thổ.

Tất cả các vị tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt ngô.

Ngày uống 2 lần mỗi lần uống 30 viên trước bữa ăn, với nước chín.

98. UẤT HƯƠNG NGẢI MẪU HOÀN

Hương phụ tứ chế	10 phần
Ích mẫu	8 phần
Uất kim	6 phần
Nam mộc hương	5 phần
Ngải cứu	5 phần
Thảo quả	5 phần

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, thống kinh (đau bụng khi hành kinh).

Cách dùng, liều lượng:

Hương phụ tứ chế sao vàng.

Uất kim tẩm nước tiểu 7 đêm (đêm tẩm ngày phơi, mỗi lần tẩm thay nước tiểu mới) sao vàng.

Các vị khác phơi sấy khô.

Tất cả các vị trộn lẫn tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt ngô.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 30 hoàn uống trước bữa ăn với rượu hoặc nước chín nóng.

99. BÁT TRÂN THANG GIA VỊ

Thục địa	12g
Đương quy	12g
Bạch thược	12g
Đảng sâm	12g
Bạch truật	12g
Bạch linh	12g
Xuyên khung	8g
Cam thảo chích	6g

Chủ trị:

Phụ nữ rối loạn kinh nguyệt, khí huyết suy nhược, hành kinh không đúng chu kỳ hoặc trước hoặc sau không nhất định, sắc kinh nhợt, lượng huyết ít, da xanh bủng, mạch vi nhược.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml sắc lấy 200ml nước thuốc, chia 2 lần uống trước khi ăn.

Chú ý gia vị:

- Có thể suy nhược tăng bội lượng:

Đảng sâm	20g

gia thêm:

Hoàng kỳ	12g

- Có đau đầu, hoa mắt gia thêm:

Tri mẫu	8g
Hoàng bá	6g
Cúc hoa	8g

- Đau ngực gia thêm

Cát cánh	8g
Chỉ xác	6g

- Tức thở gia thêm:

Hạnh nhân	8g
Ngưu tất	10g

- Hồi hộp gia thêm:

Mạch môn	10g
Ngọc trúc	8g

- Ho gia thêm:

Bối mẫu	6g
Quất bì	8g

- Ăn không tiêu gia thêm:

Sa nhân	4g
Mạch nha	12g

- Ít ngủ gia thêm

Táo nhân (sao đen)	10g
Viễn chí	6g

- Tay chân buồn mỏi, đau bụng gia thêm:

Tục đoạn	8g
Đỗ trọng	8g
Cẩu tích	10g

100. NHỊ TRẦN THANG GIA KHUNG QUY

Bán hạ chế	6g
Trần bì	4g
Phục linh	10g
Cam thảo	6g
Xuyên khung	6g
Đương quy	8g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều có khi 2 tháng 1 lần do đờm trệ hoặc do lục dâm xâm nhập bên ngoài bào cung: sắc kinh đen sẫm, lượng ít hoặc ra rải rác, sắc mặt trắng bợt, mạch trầm hoạt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia vị:

- Trước khi hành kinh đau bụng gia thêm:

Đào nhân	6g
Hồng hoa	6g

- Đau tức bụng dưới gia thêm:

Huyền hồ	8g
Hương phụ	10g

- Bụng đầy trướng, ăn kém gia thêm:

Sa nhân	4g
Mộc hương	6g

- Da bụng dày, sắc vàng gia thêm:

Nhân trần	20g
Ngấy hương	20g

101. HÀ SÂM QUY VĨ THANG

Hà thủ ô chế	12g
Đảng sâm	10g
Quy vĩ	12g
Xuyên khung	6g
Bạch thược (sao)	8g
Bán hạ	6g
Quế chi	4g
Cam thảo chích	6g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Bị cảm nhiễm khí lục dâm gây ra kinh bế tắc 2 hoặc 3 tháng mới thấy kinh một lần, da xanh, bụng đau lâm râm, chân tay thường lạnh, đại tiện thường lỏng, tiểu tiện trong trắng, mạch trầm khẩn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày, Uống xa bữa ăn.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Tuỳ thể trạng và sức khoẻ người bệnh mà tăng giảm lượng thuốc trong bài cho thích hợp.

102. BÁT VỊ TIÊU GIAO THANG GIA VỊ

Bạch linh	8g
Bạch truật	8g
Bạch thược	8g
Sài hồ	8g
Đương quy	8g
Cam thảo	4g
Bạc hà	6g
Đan bì	8g
Chi tử	8g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đúng kỳ, hoặc sớm, hoặc muộn, hoặc 1 tháng 2 lần do uất nhiệt gây nên: sắc kinh đỏ tía, lượng huyết ra nhiều, sắc mặt đỏ, có khi sắc mặt thường thay đổi, mạch huyền sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia vị:

- Nếu da vàng dùng bội lượng:

Chi tử	12g

gia thêm:

Nhân trần	20g

- Hông sườn đau nhói hay thở dài gia thêm:

Hương phụ	10g
Ô dược	8g
Xuyên khung	6g

- Khát nước nhiều gia thêm:

Cát căn	12g
Thiên hoa phấn	10g

- Đau đầu hoa mắt, hồi hộp gia thêm:

Sinh địa	12g
Ngọc trúc	10g
Tri mẫu	8g

- Huyết ra nhiều quá ra thêm:

A giao	8g
Bồ hoàng (sao cháy)	12g
Hoè hoa (sao đen)	8g

- Có sốt cơn gia thêm:

Hoàng cầm	8g
Địa cốt bì	12g

103. NGẢI HUYẾT LIÊN BÁ THANG

Lá Ngải cứu	30g
Lá Huyết dụ	30g
Liên phòng	30g
Lá Trắc bá	30g
Buồng cau khô	30g
(không trổ được đang ở trên cây)	
Bẹ Móc	30g
Tóc rối	30g
Kinh giới	30g

Chủ trị:

Phụ nữ bị băng huyết, băng thai (truỵ thai) huyết ra dữ dội rất khẩn cấp.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị đều sao cháy đen, cho vào 800ml nước sắc kỹ lấy nước thuốc cho bệnh nhân uống. Trường hợp khẩn cấp chỉ tìm được vài 3 vị cũng được.

104. HẮC QUY TỲ THANG GIA VỊ

Sa sâm	12g
Hoàng kỳ	20g
Đương quy	12g
Bạch truật	12g
Long nhãn	12g
Phục linh	12g
Táo nhân (sao)	12g
Viễn chí	8g
Thục địa (sao cháy)	20g
Đại táo	12g
Thán khương	4g
Kim anh tử	12g
Ích trí nhân	8g
Liên phòng (sao cháy)	12g
Trắc bách diệp (sao cháy)	10g

Chủ trị:

Phụ nữ bị băng huyết gây nên cơ thể suy nhược, thiếu máu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1200ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia vị:

- Nếu đau giật sống gia thêm:

Tục đoạn	8g
Đỗ trọng	10g
Phá cố chỉ	10g

- Nếu giật gân, tay chân như co rút lại gia thêm:

Mộc qua	12g

- Tay chân lạnh gia thêm:

Nhục quế	4g

và bội lượng:

Thán khương	8g

- Trường hợp băng huyết mà mồ hôi ra dầm dấp là bệnh thế rất nguy cấp (vì mất máu nhiều mà mồ hôi ra là vong dương như vậy là âm dương đều thoát) phải dùng ngay bài Bổ âm tiếp dương để cấp cứu:

BỔ ÂM TIẾP DƯƠNG

Nhân sâm	12 - 20g
Hoàng kỳ	20 - 40g
Bạch truật	12g
Ngũ vị tử	12g
Quế thanh (loại tốt)	4 - 8g

Quế thanh để riêng.

Các vị khác sắc lấy nước thuốc, mài quế vào nước thuốc cho bệnh nhân uống.

- Trường hợp khí huyết đã bị hư tổn quá nhiều ,âm hoả (hư hoả) bốc lên trên: đầu nặng, mắt hoa, chóng mặt, có khi nằm không cất đầu lên được thì không được thanh hoả, tả hoả mà phải đại bổ nguyên khí, khi khí huyết đã đầy đủ, cơ thể sẽ phục hồi, các triệu chứng trên sẽ hết.

105. BỔ TRUNG ÍCH KHÍ THANG GIA VỊ

Sa sâm	12g
Hoàng kỳ	12g
Đương quy	12g
Bạch truật	8g
Thăng ma	12 - 20g
Sài hồ	10g
Trần bì	4g
Cam thảo	4g
Đại táo	12g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Phụ nữ lậu huyết: Huyết trong tử cung chảy ra rỉ rỉ không dứt, lượng huyết ra ít nhưng kéo dài ngày.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia vị:

- Trường hợp thương tổn lâu ngày, tử cung bị viêm lở loét gia thêm:

Bạch cập	12g
Bạch liễm	12g
Giả khôi (củ Nâu) sao đen	12g
Ngũ bội tử	12g

- Âm môn ngứa, rát gia thêm:

Bồ công anh	12g
Hạ khô thảo	8g
Kinh giới	8g

106. THẤT TIẾU TÁN

Ngũ linh chi	50g
Bồ hoàng	50g

Chủ trị:

Phụ nữ lậu huyết do huyết ứ: Trong khi hành kinh hoặc sau khi đẻ, huyết còn đọng lại trong tử cung ra rỉ rỉ có khi như hòn cục, màu sắc huyết thâm tím, bụng dưới đau, ấn vào đau nhói không chịu được, sau khi huyết cục ra được thì đau giảm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn.

Mỗi lần uống 8g với rượu hoặc giấm.

Chú ý gia vị:

- Nếu đau nhiều gia thêm:

Diên hồ sách	8g
Nhũ hương	4g
Một dược	4g

- Huyết ứ nặng gia thêm:

Đan sâm	12g
Xích thược	8g
Xuyên khung	6g

- Nếu hư hàn gia thêm:

Đương quy	8g
Ngải diệp	10g
Xuyên khung	6g

- Nếu khí trệ gia thêm:

Thanh bì	6g
Tiểu hồi	4g

- Nếu sau đẻ ứ huyết, đau bụng gia thêm:

Sơn tra	16g

- Nếu kinh nguyệt không đều gia thêm

Xuyên khung	8g
Đương quy	10g
Thục địa	12g
Bạch thược	12g

107. TỨ VẬT ĐÀO HỒNG THANG

Xuyên khung	8g
Đương quy	10g
Thục địa	12g
Bạch thược	12g
Đào nhân	8g
Hồng hoa	6g

Chủ trị:

Phụ nữ lậu huyết do huyết ứ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

108. TÍCH TUYẾT LIÊN THẢO THANG

Rau Má tươi (Tích tuyết thảo) 500g

Cỏ Mực tươi (Hạn liên thảo) 300g

Chủ trị:

Phụ nữ lậu huyết do hai mạch xung nhâm hư tổn: huyết ra ri rỉ kéo dài ngày, không có hòn cục, bụng không đầy cứng, người gầy yếu dần.

Hoặc do tỳ hư không nhiếp được huyết: Huyết ra loãng màu đỏ nhợt, người mệt mỏi, ăn kém, hơi thở ngắn.

Cách dùng, liều lượng:

Rau Má, Cỏ Mực tươi, rửa sạch giã nhỏ, thêm ít hạt muối, vắt lấy nước, thêm 400ml nước chín nguội quấy đều. Mỗi lần uống 100ml; Cứ 15 - 20 phút uống 1 lần.

Ngày uống 1 thang, uống đến khi khỏi bệnh thì thôi.

109. TẦM SA Ả GIAO TÁN

Tầm sa (Phân tằm) sao vàng	300g
A giao (sao cát phồng)	300g
Phục long can (Đất giữa lòng bếp)	20g

Chủ trị:

Phụ nữ bị băng lậu do trung khí hư, thỉnh thoảng có sốt rét, ho, bụng dưới đau âm ỉ, mạch huyền sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế khô tán bột mịn.

Mỗi lần uống 12g với rượu trắng trước bữa ăn.

Ngày uống 2 lần.

110. GIAO QUY HỒNG MƯỚP THANG

A giao (sao phồng)	40g
Đương quy	40g
Hồng hoa	20g
Mướp	1 quả (50g)

Chủ trị:

Phụ nữ hết tuổi hành kinh đã lâu; hoặc bà già đột nhiên băng huyết (Bạo kinh)

Cách dùng, liều lượng:

Mướp gọt vỏ sắt nhỏ cho vào 800ml nước, đun sôi kỹ, vớt bỏ mướp, cho Đương quy - A giao - Hồng hoa vào sắc lấy 200ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

111. ĐAN SÂM TRINH TỬ LIÊN NHỤC THANG

Đan sâm	12g
Trinh nữ tử	20g
Liên nhục	20g
Sa sâm	12g
Hoàng kỳ	12g
Gà trống choai	1 con

Chủ trị:

Phụ nữ bị Bạo kinh (Băng huyết).

Cách dùng, liều lượng:

Gà trống bóp chết, làm lông, mổ moi hết ruột gan nhồi thuốc vào bụng buộc kín, luộc kỹ cho nhừ, bỏ bã thuốc. Ăn thịt gà và nước luộc, ăn nhiều lần đến hết.

Ngày uống 1 thang.

112. LIÊN NHỤC TRỮ MA CĂN THANG

Liên nhục	12g
Trữ ma căn	12g
Nhu mễ (gạo nếp)	12g

Chủ trị:

Sẩy thai nhiều lần (Quán sản = đẻ non), khí huyết bị hư suy nhiều, không giữ được thai nhi.

Cách dùng, liều lượng:

Cả 3 vị cho nấu cháo nhừ (khi ăn bỏ củ Gai) mỗi buổi sáng ăn hết một lần, ăn thường xuyên như vậy nhiều lần và kết hợp uống nước củ Gai thay nước Chè hàng ngày.

113. NGẢI CỨU TRỮ MA CĂN THANG

Trữ ma căn (tươi)	20g
Lá ngải cứu (tươi)	12g

Chủ trị:

Phụ nữ động thai phát sinh đau bụng, đau lưng: do nội tạng nóng, hoặc trèo cao, gánh nặng trượt ngã hoặc tức giận lo nghĩ nhiều quá.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc uống.

Trường hợp đau nhiều thì pha thêm vào nước thuốc một ít nước tiểu trẻ em (mới tiểu tiện) uống.

114. THANH NHIỆT AN THAI HOÀN

Tri mẫu	40g
Mạch môn	40g
Hoàng cầm	12g
Trần bì	4g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai, trong lòng buồn bực, thỉnh thoảng phát cơn phiền táo, tâm thần hoảng hốt không yên (đó là bệnh Tử phiền) là do thai nhiệt bốc nóng lên phế làm cho phế bị khô táo; hoặc do tâm hoả vượng làm cho huyết nóng (nên tinh thần hoảng hốt không yên) hoặc do đờm hoả tích trệ ở vùng sườn ngực làm trở ngại tâm khiếu (nên phát sinh bực dọc khó chịu).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, luyện mật làm hoàn bằng hạt ngô.

Mỗi lần uống 10 - 15 viên với nước sôi. Ngày uống 2 lần trước bữa ăn.

115. TỬ TÔ KINH GIỚI THANG

Tử tô	12g
Kinh giới	8g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai đột nhiên bị đờm dãi đưa lên, tay chân cứng nhắc như người bị trúng phong (đó là bệnh Tử giản).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc thêm vào 100ml nước tiểu trẻ em mới tiểu uống.

Chú ý:

Nếu đờm dãi nhiều thì pha thêm vào nước thuốc:

Trúc lịch	50ml
Khương trấp (nước ép gừng tươi)	20ml

116. CÁT CĂN HOẠT THẠCH THĂNG MA THANG

Cát căn	20g
Hoạt thạch	12g
Thăng ma	20g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai, tiểu tiện buốt, dắt, không thông gọi là bệnh Tử lâm: Do khi có thai không kiêng cữ, phòng dục quá độ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Nếu cơ thể suy yếu gia thêm:

Đương quy	12g
Hoàng kỳ	16g

117. LIÊN XA BẠCH THANG

Liên tiền thảo (Rau má)	40g
Xa tiền (Bông mã đề)	20g
Bạch mao căn	20g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai tiểu tiện buốt, dắt, không thông do ăn uống nhiều chất cay, nóng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

118. NGŨ BÌ ẨM

Ngũ gia bì	12g
Sinh khương bì	8g

Thổ phục linh	12g
Đại phúc bì	12g
Bạch truật	15g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên hay phát sinh phù thũng (đó là bệnh Tử Thũng).

Cách dùng, liều lượng:

Dùng một con Cá chép độ 200g, còn đang bơi, mổ bụng moi hết ruột gan, đem luộc kỹ gạn lấy 800ml nước luộc cho thuốc vào sắc lấy 200ml nước thuốc, uống.

Uống đến khi hết phù thũng thì thôi.

119. KHƯƠNG HOÀNG NGẢI CỨU THANG

Khương hoàng (tươi)	20g
Ngải cứu (tươi)	50g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai chưa sinh hoặc sau khi sinh ho nhiều, ho lâu ngày gây suy nhược cơ thể, ăn kém, ngủ kém.

Cách dùng, liều lượng:

Nghệ tươi giã nhỏ, Ngải diệp thái nhỏ cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

120. HẬU PHÁC MA HOÀNG CHỈ XÁC THANG

Hậu phác	8g
Ma hoàng	4g
Chỉ xác (sao thơm)	8g
Bạch chỉ	8g
Bạch thược (sao rượu)	8g
Cam thảo chích	4g
Thương truật (sao nước gạo)	12g
Cát cánh	8g
Bạch linh	8g
Xuyên khung	8g
Xuyên quy	12g
Can khương	4g
Bán hạ chế	4g
Đại táo	3 quả
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Sản phụ sau khi sinh bị kiết lỵ dai dẳng: Đi đại tiện nhiều lần có máu hoặc có mũi, máu hoặc mũi lẫn lộn, kém ăn, kém ngủ gây nên suy nhược cơ thể.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị cho vào giấm thanh tẩm ướt, để 30 phút cho thuốc ngấm đều, đem sao khô cho vào 800ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống làm 3 lần trước bữa ăn.

Ngày uống 1 thang.

121. THẦN CÔNG THÁC LÝ TÁN

Bạch thược	20g
Chỉ thực	20g
Xuyên sơn giáp	20g
Đương quy	5g
Hoàng kỳ	5g
Kim ngân hoa	5g
Cam thảo	3g

Chủ trị:

Phụ nữ sau khi sinh: Vú sưng đau nóng đỏ (nhũ ung) hoặc đầu vú lở loét (nhũ tiết) hoặc trong vú có hòn cục rắn (nhũ nham).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị thêm Ngải cứu, Bạc hà (mỗi thứ vài ba lá) làm thang cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

122. BÁT VỊ TIÊU DAO TÁN GIA VỊ

Bạch linh	8g
Bạch thược	8g
Bạch truật	8g
Đương quy	8g
Sài hồ	8g
Đan bì	8g
Chi tử	8g
Cam thảo	4g

Bạc hà	6g
Bồ công anh	12g
Kim ngân hoa	10g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Sản phụ sau khi sinh vú bị sưng nóng đỏ đau, sốt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

kết hợp bên ngoài đắp các lá:

Lá Bồ công anh, lá Phù dung, lá Khế tươi, lượng dùng tuỳ ý.

Các thứ rửa sạch giã nhỏ, trộn ít hạt muối đắp vào nơi vú sưng đau. Khi đắp thuốc để hở đầu vú cho sữa chảy ra.

123. LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG THANG GIA VỊ

Thục địa	12g
Hoài sơn	8g
Sơn thù	8g
Bạch linh	8g
Đan bì	6g
Trạch tả	6g
Thổ bối mẫu	12g
Thiên hoa phấn	12g
Cát cánh	12g

Chủ trị:

Sản phụ mới sinh tắc tia sữa: Mỗi khi cho con bú đau nhức không chịu được, có khi phát sốt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị thêm Hoa kinh giới, Ngải cứu mỗi thứ vài ba gam làm thang cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống hai lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

124. CHÁO MÓNG GIÒ LỢN

Tầm gửi cây Mít (sao vàng)	300g
Móng chân giò lợn (nướng phồng)	4 - 6 cái
Hoài sơn	20g
Gạo nếp	40g

Chủ trị:

Sản phụ sau khi sinh, huyết dịch bị suy tổn, sức yếu kém ăn nên ít sữa.

Cách dùng, liều lượng:

Tầm gửi cây Mít cho vào 1000ml nước, sắc kỹ gạn lấy nước, cho gạo nếp, Hoài sơn, móng chân giò lợn đã nướng phồng vào nấu nhừ thành cháo, thêm chút muối cho vừa ăn trong ngày. Nấu ăn liên tục khi sữa về nhiều thì thôi.

125. CHÁO XUYÊN SƠN GIÁP MÓNG GIÒ LỢN

Móng chân giò lợn (nướng phồng)	6 cái
Xuyên sơn giáp (nướng phồng)	12g
Lá Mít non (sao vàng)	200g
Gạo nếp	50g

Chủ trị:

Sản phụ sau khi sinh mất sữa, thiếu sữa.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Mít non thái nhỏ sao vàng cho vào 1000 ml nước đun sôi kỹ gạn lấy nước (bỏ bã) cho gạo nếp vào nấu chín nhừ thành cháo. Xuyên sơn giáp, Móng chân giò lợn rửa sạch, để ráo nước cho vào cát nóng sao phồng giòn. Tán bột mịn, cho vào cháo, thêm chút muối quấy đều ăn trong ngày.

Ăn liên tục khi sữa về nhiều thì thôi.

126. CHÁO CHIM BỒ CÂU

Chim Bồ câu non	1 con
Bột Đậu nành	20g
Gạo nếp	50g

Chủ trị:

Sản phụ sau khi sinh sữa ít, không đủ sữa cho con bú.

Cách dùng, liều lượng:

Chim Bồ câu làm thịt, bỏ hết ruột, cho nấu cháo với Gạo nếp, bột Đậu nành.

Khi cháo chín cho thêm 1 - 2 lòng đỏ trứng gà vào quấy đều, ăn.

127. ĐAN SÀI SA PHỤ PHÒNG PHONG THANG

Đan sâm	12g
Sài hồ	8g
Sa nhân	4g
Hương phụ	4g
Phòng phong	8g
Khương hoạt	8g
Độc hoạt	8g
Đại hoàng	8g
Hậu phác	8g
Chỉ thực	8g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Sản phụ sau khi sinh bị đau bụng, có người đau hàng tháng. (tục gọi là đau Cảy, đau nhà con hay là Nhi trấm thống).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

128. THÔNG THIÊN THẢO THANG

Vỏ cây Thông thiên thảo (Cây So đũa)	20 - 40g

Chủ trị:

Sản phụ sau khi sinh bị đau bụng, có hiện tượng chảy máu sốt rét kéo dài, da mặt vàng bủng, ăn uống không tiêu, tiểu tiện vàng đục, đầu nhức, mắt hoa, ù tai, đêm ngủ không yên giấc, thường hay mê sảng, có khi phát sinh phù nề.

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ cây Thông thiên thảo (có thể dùng lá và cành) thái nhỏ, sao vàng cho vào 600 ml nước tiểu trẻ em mới tiểu, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Hai ngày uống 1 thang. Uống liền trong 1 tuần.

129. NGA MẪU HƯƠNG NGẢI THANG

Nga truật	12g
Ích mẫu	12g
Hương phụ	12g
Ngải cứu	12g
Sinh khương	3 lát.

Chủ trị:

Sản phụ sau khi sinh huyết dơ bẩn (ác lộ) ra không hết, ứ đọng ở bào cung, phát sinh đau bụng dưới, có khi đau từ bụng dưới xông thốc lên, có khi đau âm ỉ, ấn tay vào không chịu được, có khi nổi hòn cục. Bệnh nhẹ thì đau lâm dâm, nặng thì đau dữ dội.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, pha thêm nước tiểu trẻ em (50ml) uống lúc còn nóng. Kết hợp dùng viên gạch hoặc lá Ngải cứu tươi hơ nóng chườm nhẹ vào nơi đau.

Chú ý gia giảm:

Nếu sản phụ cơ thể hư yếu thì phải bội gia thêm:

Đương quy	20g

để bổ huyết.

130. LÝ TRUNG GIA NHỤC ĐẬU KHẤU THANG

Sa sâm	12g
Bạch truật	12g
Can khương	8g
Cam thảo chích	4g
Nhục đậu khấu	4g

Chủ trị:

Sản phụ mới sinh bị đi la chảy do tỳ vị hư hàn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống trong ngày, uống lúc thuốc còn ấm

Ngày uống 1 thang,.

131. LÝ TRUNG THANG GIA VỊ

Sa sâm	12g
Bạch truật	12g
Can khương	8g
Cam thảo chích	4g
Thương truật	16g
Trần bì	12g
Hậu phác	12g
Sa nhân	4g

Chủ trị:

Sản phụ mới sinh bị đi ỉa chảy do ăn phải đồ sống lạnh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày. Uống lúc thuốc còn ấm.

Ngày uống 1 thang.

132. BỔ TRUNG ÍCH KHÍ GIA VỊ THANG

Phòng Đảng sâm	20g
Hoàng kỳ	20g
Đương quy	10g
Bạch truật	10g
Thăng ma	12g
Sài hồ	4g
Trần bì	6g
Cam thảo chích	5g
Tục đoạn	8g
Đỗ trọng	12g
Ngũ vị	6g
Thán khương	4g

Chủ trị:

Sản phụ sa dạ con do khi sinh (Trung khí yếu) phải ráng hết sức để rặn thai nhi ra; hoặc do gượng làm việc nặng, đi mạnh, hoặc do cưỡng bức phòng dục.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày. Uống xa bữa ăn và khi thuốc còn nóng.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp lấy 10 hạt Thầu dầu tía, giã nhỏ trộn với rượu đắp lên đỉnh đầu (huyệt Bách hội). Khi dạ con đã co lên rồi thì bỏ ngay hạt Thầu dầu đắp trên đỉnh đầu đi.

133. CỔ QUY KỲ THANG

Xuyên quy	40g
Hoàng kỳ (tẩm mật sao)	40g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Sản hậu bị choáng (vựng huyết) do khí sinh huyết dịch mất nhiều, ảnh hưởng đến tâm, thần chí bị mờ mịt, ăn uống kém, miệng nói lảm nhảm một mình. Choáng váng ngây ngất mắt nhìn các vật đều thấy lờ mờ, có khi như quay cuồng, không biết cho con bú, tay chân sờ soạng, có khi mê man không biết gì.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống liền 3 - 5 thang

134. SINH KHƯƠNG BÁN HẠ THANG

Sinh khương	12g
Bán hạ	8g

Chủ trị:

Sản phụ bị nôn mửa nhẹ.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống nhiều lần trong ngày.

135. PHỤ TỬ LÝ TRUNG THANG

Sa sâm	12g
Bạch truật	12g
Can khương	8g
Cam thảo nướng	4g
Phụ tử	4g

Chủ trị:

Sản phụ bị nôn mửa nhiều.

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống nhiều lần trong ngày.

Chú ý:

Khi hết nôn mửa cần ngừng thuốc ngay

Khi hết nôn mửa cơ thể suy nhược cần phải bổ khí huyết cho uống *Thập toàn đại bổ.*

136. BỔ ÂM TIẾP DƯƠNG THANG

Nhân sâm	12-20g
Hoàng kỳ	20g
Đương quy	20g
Thục địa (sao)	20g
Bạch truật	12g
Ngũ vị	12g
Quế Thanh (tốt)	4 - 8g

Chủ trị:

Sản phụ mới sinh đã mất máu nhiều, lại tự đổ mồ hôi (tự hãn) nhiều dẫn đến nguy cơ âm vong dương thoát (đây là chứng bệnh nguy kịch).

Cách dùng - liều lượng:

Quế Thanh để riêng

Các vị khác cho vào 80ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, mài Quế Thanh vào uống lúc thuốc còn ấm.

Chú ý:

Khii mồ hôi đã chỉ (cầm) rồi, cần bổ nguyên khí cho uống *Thập toàn đại bổ thang.*

137. ĐƯƠNG QUY KINH GIỚI THANG

Đương quy	20g
Kinh giới	4g

Chủ trị:

Sản phụ tay chân co giật nhẹ do mất máu quá nhiều (phát kinh nhẹ).

Cách dùng - liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, pha thêm 50ml tiểu trẻ em mới tiểu vào uống.

138. THẬP TOÀN ĐẠI BỔ THANG GIA VỊ

Nhân sâm	4g
Phục linh	4g
Bạch truật	4g
Cam thảo	2g
Xuyên khung	4g
Đương quy	4g
Thục địa	4g
Bạch thược	4g
Hoàng kỳ	4g
Quế chi	4g
Tần giao	8g
Mộc qua	8g
Kinh giới	6g

Chủ trị:

Sản phụ tay chân co giật nặng do mất máu quá nhiều (phát kinh nặng).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước thêm 3 lát gừng, 2 quả táo sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trước bữa ăn.

Ngày uống 1 thang.

139. THỦ Ô ÍCH MẪU HY THIÊM TÁN

Hà thủ ô đỏ	500g
Ích mẫu hoa	300g
Hy thiêm hoa	1000g

Chủ trị:

Sản phụ sau khi sinh buồn nhức tay chân, các khớp xương, đau lưng, đau nhức nửa người; hoặc đau bại 2 mông, đi đứng nằm ngồi khó khăn, nặng có thể không đi lại được.

Cách dùng, liều lượng:

Hà thủ ô ngâm nước Đậu đen một ngày một đêm, sấy khô tán bột mịn.

Hoa Hy thiêm tẩm rượu, đồ (3 lần), phơi âm can khô, tán bột mịn.

Hoa ích mẫu sấy khô tán bột mịn.

Tất cả các bột trộn đều. Ngày uống 2 lần. Mỗi lần uống 2 thìa cà phê, chiêu thuốc với rượu. Uống trước bữa ăn.

140. VŨ DƯ LƯƠNG HƯƠNG HOÀN

Vũ dư lương (Củ nâu)	50g
Mộc hương	50g
Binh lang	50g
Xa tiền	50g
Nhân trần	50g
Nga truật	50g
Rễ cây Ruột gà (Uy linh tiên)	50g
Bạch chỉ	100g

Chủ trị:

Sản phụ sau khi sinh bị sôi bụng, đại tiện lỏng hoặc tiết tả (ỉa chảy kéo dài) thường gọi là Sản rốc.

Cách dùng, liều lượng:

Vũ dư lương thái mỏng phơi khô sao vàng tán bột mịn.

Các vị khác phơi sấy khô tán bột mịn trộn đều với bột Củ nâu, luyện hồ làm hoàn bằng hạt ngô.

Ngày uống 2 lần mỗi lần 10 - 15 hoàn, uống trước bữa ăn với nước chín.

141. BẠCH NGẢI THANG

Bạch đồng nữ	12g
Ngải cứu	12g
Ích mẫu	12g
Hương phụ (tứ chế)	12g
Bạch phấn đằng (Dây Chìa vôi)	12g
Lá Mùi tươi	12g

Chủ trị:

Phụ nữ mắc chứng xích bạch đới.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày, uống xa bữa ăn.

Ngày uống 1 thang.

142. TẰM SA HOÀNG BÁ MẪU LỆ HOÀN

Tằm sa (Phân tằm)	300g
Hoàng bá	300g
Mẫu lệ	500g
Thăng ma	200g
Tỳ giải	300g

Chủ trị:

Phụ nữ bị bệnh Đới hạ do mạch đới bị tổn thương.

Cách dùng, liều lượng:

Tằm sa tẩm rượu (đêm tẩm ngày phơi 3 lần) sao vàng.

Hoàng bá tẩm rượu sao vàng.

Mẫu lệ nung chín đỏ tán bột, hoà vào nước quấy đều, gạn lấy bột phơi khô.

Tỳ giải tẩm nước gạo một đêm phơi khô sao vàng.

Thăng ma tẩm giấm sao.

Tất cả các vị tán bột mịn, trộn đều luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu đen.

Ngày uống 50 viên chia 2 lần, uống với nước chín, trước bữa ăn.

143. MẪU LỆ LỘC GIÁC SƯƠNG TÁN

Mẫu lệ (nung chín)	500g
Lộc giác sương	300g
Bạch chỉ	200g
Ô tặc cốt (bỏ màng cứng)	300g
Khiếm thực	400g

Chủ trị:

Phụ nữ bị khí hư bạch đới thường ra liên miên, hoặc ra sau ngày hành kinh, màu trắng đục; hoặc ra chất nhày như mủ chuối hoặc vàng đục có mùi hôi tanh; lưng đau; váng đầu, hoa mắt, tức ngực, mỏi gối, đau nhiều hai bên hố chậu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 2 thìa con với nước Thái lài tía đun sôi, uống trước bữa ăn.

144. THÁI SƠN BÀN THẠCH THANG GIA GIẢM

Xuyên quy	8g
Thục địa	10g

Bạch thược	6g
Sa sâm	12g
Bạch truật	10g
Đỗ trọng	12g
Tục đoạn	5g
Cam thảo chích	4g
Sa nhân	4g

Chủ trị:

Phụ nữ đẻ non (tiểu sản) do trượt ngã, băng huyết hoặc cơ thể suy yếu thường xuyên hễ cứ có thai được 3, 5, 7 tháng lại sẩy, hoặc sẩy nhiều lần (quán sản).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày (sáng, trưa, tối), uống lúc đói bụng.

Ngày uống 1 thang. Uống trước tháng thường bị sẩy.

Chú ý:

Tuỳ theo người khoẻ,yếu mà thêm bớt lượng thuốc trong bài.

145. BỔ TRUNG ÍCH KHÍ THANG GIA VỊ

Đảng sâm	12g
Hoàng kỳ	15g
Đương quy	10g
Bạch truật	10g
Thăng ma	6g
Sài hồ	4g
Trần bì	6g
Cam thảo	4g
Khiếm thực	12g
Tục đoạn	5g
Đỗ trọng	10g

Chủ trị:

Động thai, thia bị sa xuống làm cho bí tiểu tiện.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày. Uống xa bữa ăn, lúc thuốc còn nóng.

Ngày uống 1 thang.

146. BẢO SẢN VÔ ƯU THANG

Xuyên quy	8g
Thục địa	12g
Bạch thược	8g
Thỏ ty tử	12g
Bối mẫu	8g
Hậu phác	12g
Ngải diệp	8g
Hoàng kỳ	16g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai 6, 7, 8 tháng âm hộ bị sưng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

147. CỐ BẢN CHỈ BĂNG GIA NGẢI DIỆP THANG

Sa sâm	12g
Hoàng kỳ	16g
Xuyên quy	10g
Bạch truật	10g
Thục địa	12g
A giao	8g
Cam thảo	6g
Hắc kinh giới	12g
Ngải diệp	8g

Chủ trị:

Phụ nữ do sức yếu hoặc tiểu sản, sản hậu bị băng huyết.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang

148. CỐ QUY KINH THANG

Xuyên quy	30g
Kinh giới (sao đen)	40g

Chủ trị:

Sản phụ sau khi sinh bị huyễn vựng: Váng đầu, hoa mắt, chóng mặt nặng có thể mê man bất tỉnh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước thêm 3 lát gừng tươi, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang, uống liền 3 - 5 thang.

149. TỨ VẬT GIA VỊ THANG

Xuyên khung	8g
Đương quy	10g
Thục địa	12g
Bạch thược	12g
Hồng hoa	8g
Đào nhân	8g
Ma hoàng	4g

Chủ trị:

Sản phụ sau khi sinh bị huyễn vựng: Tự nhiên chóng mặt hoa mắt, váng đầu rồi ngã lăn, thậm chí mê man bất tỉnh, nặng có thể co giật.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

150. TRỮ MA HƯƠNG NGẢI HOÀN

Trữ ma căn (sao)	120g
Hương phụ tứ chế	80g
Ngải cứu (sao qua)	40g
Ích mẫu (sao qua)	80g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều khi sớm, khi muộn hoặc khi hành kinh đau bụng, đau lưng, chóng mặt.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị tán bột mịn, luyện mật làm hoàn bằng hạt ngô.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 30 viên với nước chín.

151. CỐC LIÊN THẢO THANG

Hạt thóc tẻ (thán sao)	120g
Hạn liên thảo (Cỏ Mực) tươi	30g
Ngải diệp tươi	20g

Chủ trị:

Phụ nữ băng huyết, hoặc khi có kinh rong huyết nhiều ngày không chỉ (cầm).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang, uống liên tục 3 ngày.

152. NHỌ NỒI THÓC TẺ LÁ MÓC THANG

Lá Nhọ nồi (sao tồn tính)	30g
Hạt thóc tẻ (thán sao)	40g
Lá cây Móc (sao tồn tính)	40g
Lá Dừa (sao tồn tính)	40g
Lá Lõi tiền (sao qua)	30g

Chủ trị:

Phụ nữ băng huyết không chỉ (cầm).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang, cầm huyết thì thôi không uống nữa.

153. LOẠN PHÁT THANG

Tóc rối	80 - 100g

Chủ trị:

Phụ nữ băng huyết.

Cách dùng, liều lượng:

Tóc rối cho vào nồi đất rang cho cháy thành than tồn tính, để nguội cho nước vào quấy nghiền cho tan. Lọc gạn nhiều lần loại bỏ hết tóc chưa cháy hết.

Mỗi lần uống 80 - 100ml. Cứ 1 giờ uống 1 lần. Cầm huyết thì thôi.

154. XÍCH BẠCH ĐỒNG TÁN

Xích đồng nam	40g
Bạch đồng nữ	40g
Khiếm thực	40g
Ô tặc cốt (bỏ màng cứng)	40g
Ý dĩ	20g
Nam tỳ giải (củ Kim cang)	20g

Chủ trị:

Phụ nữ bị bệnh đới hạ: Âm hộ rỉ ra chất hôi tanh như nhựa chuối hoặc trắng đục như nước vo gạo, có khi ra lẫn với kinh nguyệt. Khí hư ra nhiều thì người nhọc mệt, đau lưng, ù tai, hoa mắt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị đều sao vàng, tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 10g uống với nước chín nóng.

155. TỲ GIẢI HẮC ĐẬU XA TIỀN HOÀN

Tỳ giải sao khô	160g
Hắc đậu sao vàng chín	120g
Xa tiền (Bông mã đề) sao khô	200g
Vỏ cây Sung (cạo vỏ ngoài sao khô)	120g

Chủ trị:

Phụ nữ bị khí hư - bạch đới.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị sao chế khô tán bột mịn, luyện mật làm hoàn bằng hạt ngô.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 30 hoàn với nước chín nóng. Uống lúc đói.

156. TRỮ MA CĂN THANG

Củ gai tươi	100g
Cành Tía tô	20g
Ngải diệp tươi	10g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai đau bụng, đau từng cơn sóc lên.

Cách dùng, liều lượng:

Củ Gai tươi cạo sạch vỏ ngoài thái mỏng phơi se, sao qua hợp với cành Tía tô, Ngải diệp cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang, uống luôn 3 ngày.

157. CHÁO CÁ QUẢ

Cá quả làm sạch	1 con
Búp ngọn Mít	7 - 10 ngọn
Gạo nếp	100g

Chủ trị:

Sản phụ nuôi con không đủ sữa cho con bú.

Cách dùng, liều lượng:

Cá quả khoảng 4 - 5 lạng, đánh vảy, mổ bỏ hết gan ruột.

Búp ngọn mít rửa sạch thái nhỏ.

Tất cả hai vị cho nấu cháo cùng gạo nếp, chín nhừ thêm chút muối, ăn trong vài 3 ngày sữa sẽ về nhiều.

158. BỒ CÔNG SÀI ĐẤT THANG

Bồ công anh (sao qua)	50g
Sài đất (sao qua)	50g

Chủ trị:

Vú sưng, nóng, đỏ, đau nhức và phát sốt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp lá Phù dung giã nát đắp vào nơi vú sưng.

159. HẠT MÃNG CẦU TÁN

Hạt Mãng cầu (hạt Na)	40 hạt.

Chủ trị:

Sản phụ bị nứt đầu vú.

Cách dùng, liều lượng:

Hạt Na sao vàng, tán bột mịn, hoà trộn đều với 4g Mỡ lợn, bôi lên chỗ núm vú bị nứt đau.

Chú ý:

Khi bôi thuốc không cho con bú.

Trước khi cho con bú phải rửa đầu vú thật sạch bằng nước chín.

160. ĐẠI TÁO NHÂN TRẦN HOÀN

Nhân trần	40g
Đại táo nhục (phơi sấy khô)	50g
Chi tử	20g
Hắc phàn	40g
Cam thảo	20g

Chủ trị:

Phụ nữ bế kinh, vô kinh: Sắc mặt vàng, tinh thần mệt mỏi, tay chân lạnh, đầu váng, hồi hộp, hơi thở gấp, bụng đầy, ăn kém, đại tiện loãng, da khô, người gầy.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi sấy khô, tán bột mịn, luyện mật làm hoàn bằng hạt ngô.

Ngày uống 2 lần mỗi lần 10 hoàn. Uống với nước chín.

161. THĂNG MA CÁT CĂN THANG

Thăng ma	12g
Cát căn	12g
Bạch thược	8g
Chi tử	8g
Hoàng liên	8g
Hoàng cầm	8g
Ma hoàng	8g
Quế chi	4g
Cam thảo	2g
Đại táo	2 quả
Sinh khương	3 bát

Chủ trị:

Sản phụ tuyến vú viêm căng, sưng nóng đỏ đau, phát sốt. Vú trở nên cứng chắc hơn, đau nhiều khi ấn vào, mất ngủ ăn kém...

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

162. MỘC XUYÊN SÂM KỲ QUY TRUẬT THANG

Mộc thông	8g
Thông thảo	8g
Xuyên sơn giáp	8g
Đảng sâm	8g
Hoàng kỳ	12g
Đương quy	32g
Sinh địa	12g
Bạch truật	8g
Kỷ tử	8g
Ý dĩ	8g
Hoài sơn	12g
Đại táo	2 quả
Móng chân heo (rửa sạch, sao vàng)	2 cái

Chủ trị:

Sản phụ sữa không về hoặc về rất ít, vú không căng đau, hoặc căng đầy và đau, đầu choáng, tai ù, mệt mỏi, có khi sốt tinh thần bứt dứt, phiền toái, ăn ngủ kém.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị cho vào 1000 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc. Uống 1 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống liên tiếp 5 -10 thang.

163. MIÊN TỬ THANG

Miên tử (Hạt bông vải)	20g
Thông thảo	12g
Đăng tâm	4g
Đại táo	2 quả
Móng chân heo (rửa sạch, sao vàng)	2 cái

Chủ trị:

Sản phụ ít sữa và thiếu sữa.

Cách dùng, liều lượng;

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, uống 1 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống liền 5 - 10 thang.

164. ĐIỀU KINH CHỈ THỐNG THANG

Ích mẫu	20g
Tía tô	20g
Mần tưới	20g
Ngải cứu	20g
Hương phụ	20g

Chủ trị:

Thống kinh: Sắp đến ngày hành kinh là đau bụng dưới, khi hành kinh đau bụng giảm. Kinh nguyệt ra xấu có hòn cục, tím bầm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, uống lúc thuốc còn nóng trước bữa ăn 1 giờ.

Ngày uống 1 thang. Uống 3 ngày liền.

165. ĐIỀU KINH THANG

Rễ Cỏ xước (sao vàng)	20g
Củ Nghệ (thái mỏng sao)	20g
Ngải cứu	20g
Hương phụ (sao vàng)	20g
Ích mẫu	20g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều: Vòng kinh thất thường khi sớm, khi muộn, tháng có tháng không.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, uống lúc thuốc còn nóng, trước bữa ăn 1 giờ.

Ngày uống 1 thang, uống liền 5 - 6 thang. Uống trước kỳ kinh 1 tuần.

166. HẠN LIÊN TRẮC HUYẾT QUAN HOA THANG

Hạn liên thảo (sao đen)	20g
Liên diệp (sao đen)	20g
Liên phòng (sao đen)	20g
Trắc bách diệp	20g
Kê quan hoa (hoa Mào gà đỏ)	20g
Huyết dư thán (sao cháy tồn tính)	20g
Mộc nhĩ khô	20g

Chủ trị:

Phụ nữ rong kinh kéo dài ảnh hưởng đến sức khoẻ, người mệt mỏi xanh xao.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, uống trước khi hành kinh 5 ngày.

Ngày uống 1 thang, uống liên tiếp 3 ngày liền.

Tháng nào cũng uống 3 ngày, uống đến khi kinh trở lại bình thường thì thôi.

167. BẠC SAU DUỐI LEO MÒ TRẮNG ĐỎ THANG

Lá Bạc sau	20g
Dây Duối leo	20g
Lá Bạch đồng nữ	20g
Lá Xích đồng nam	20g
Lá Vông	20g
Lá Tre	20g

Chủ trị:

Phụ nữ khí hư bạch đới.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang, uống liền 7 -10 ngày.

168. BẠC SAU BỌ MẨY XÍCH BẠCH ĐỒNG THANG

Lá Bạc sau	20g
Lá Bọ mẩy	20g
Xích đồng nam	20g
Bạch đồng nữ	20g
Đùm đũm	20g
Cam thảo đất	20g

Chủ trị:

Phụ nữ khí hư bạch đới.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống liền 7 - 10 ngày.

169. TRÚC NHỰ SINH KHƯƠNG THANG

Trúc nhự	50g
Sinh khương	5g

Chủ trị:

Phụ nữ ốm nghén: Có thai 2 - 3 tháng người ngây ngất khó chịu buồn nôn hết ngày này qua ngày khác, người suy nhược không lợi cho thai nhi.

Cách dùng, liều lượng:

Trúc nhự (Tre cạo bỏ vỏ xanh ngoài cùng rồi cạo thành phoi thật mỏng) hoặc có thể thay bằng đọt Tre non (100g).

Cho Trúc nhự cùng Gừng tươi vào 300 ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, để nguội uống.

Uống từ từ ít một để tránh nôn. Uống liền 3 - 5 ngày.

170. CỦ GAI TÔ NGẠNH NGẢI CỨU THANG

Củ cây Gai (sao vàng)	50g
Tô ngạnh (cành Tía tô) sao vàng hạ thổ	50g
Ngải cứu	20g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai đau bụng, đe doạ sẩy thai.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, để nguội uống.

Ngày uống 1 thang.

171. AN THAI BỔ KHÍ HUYẾT HOÀN

Liên nhục (rang vàng giòn)	100g
Hoài sơn (sao vàng giòn)	500g

Chủ trị:

Sản phụ đẻ non (tiểu sản) do quen dạ, khí huyết hư nhược (Rối loạn nội tiết) không giữ được thai đủ tháng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn luyện mật làm hoàn 5g

Ngày ăn 2 lần, mỗi lần 5 hoàn vào lúc đói.

172. ĐẢNG SÂM BẠCH TRUẬT BÁN HẠ THANG

Đảng sâm	20g
Bạch truật	10g
Bán hạ chế	8g
Cam thảo (nướng)	6g
Can khương	3g

Chủ trị:

Phụ nữ nôn mửa khi thai nghén; Có thai 2 - 3 tháng nôn mửa khan, không muốn ăn, ghét mùi thức ăn, chóng mặt, hoa mắt, thần kinh mệt mỏi nặng nề, thích ăn của chua.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc,để nguội uống ít một nhiều lần trong ngày (để tránh nôn).

Ngày uống 1 thang. Uống liên tiếp đến khi khỏi.

173. HOẮC HƯƠNG SA NHÂN XƯƠNG BỒ THANG

Hoắc hương	8g
Sa nhân	8g
Thuỷ xương bồ	8g
Củ Sả (nướng)	8g
Trần bì (sao)	8g
Ổi khương	4g (4 lát)
Tổ tò vò (nung đỏ)	16g (1 cái)

Chủ trị:

Phụ nữ nôn mửa khi thai nghén chân tay lạnh (thai tiền ác trở thuộc thể hàn).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, để nguội uống ít một nhiều lần trong ngày (để tránh nôn).

Ngày uống 1 thang. Uống liên tiếp đến khi khỏi.

174. CHÁO THÔNG THẢO MÓNG CHÂN LỢN

Móng chân lợn (nướng phồng vàng)	10g
Chân giò lợn (làm sạch lông)	300g
Chân chó vàng (làm sạch lông)	100g
Gạo nếp mới	100g
Thông thảo	20g

Chủ trị:

Sản phụ sau khi sinh ít sữa do khí huyết hư nhược.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào nấu thành cháo loãng cho sản phụ ăn trong ngày.

Ngày ăn 1 thang, ăn thường xuyên khi sữa về nhiều thì thôi.

175. TIÊU THẤP TRỪ ĐỘC THANG

Ké đầu ngựa	12g
Cỏ Mần chầu	12g
Rễ Cỏ tranh	12g
Hương nhu (hoặc Hoa kinh giới)	8g
Hoắc hương	8g
Cam thảo đất	8g
Cỏ Nhọ nồi	10g
Vỏ Quýt	4g
Củ Sả	4g

Chủ trị:

Phụ nữ âm hộ lở ngứa.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp dùng:

Cây Sà sàng	200g

nấu nước xông vào nơi âm đạo lở ngứa. Sau khi nước nguội dùng rửa âm hộ.

176. ĐỘC LỰC BA KÍCH ÍCH MẪU THANG

Rễ Độc lực	10g
Ba kích	10g
Ích mẫu	10g
Cà gai leo	10g
Cây Đinh trống (cỏ Sen)?	10g
Cây Vòi voi	10g
Lá Đại bi	10g
Lá Dây duối leo	10g
Hy thiêm	10g

Chủ trị:

Sản phụ sau khi sinh bị phù, nôn oẹ, ăn uống kém.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng hạ thổ cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống đến khi khỏi.

177. NHÂN BẠCH THỦ Ô THANG

Nhân trần	12g
Bạch đồng nữ	12g
Hà thủ ô trắng (củ)	12g
Tầm gửi cây Ngái	12g
Mơ quả (chế muối)	12g
Ba chạc (Chè đắng)	6g

Chủ trị:

Sản phụ sau khi sinh bị phù thường nôn oẹ, ăn uống kém.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao qua cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang, uống liên tiếp 7 - 10 thang.

178. BỔ TRUNG ÍCH KHÍ THANG

Phòng đảng sâm	20g
Hoàng kỳ	20g
Đương quy	12g

Bạch truật	12g
Thăng ma	20g
Sài hồ	12g
Trần bì	12g
Cam thảo (chích)	12g

Chủ trị:

Sản phụ sau đẻ sa dạ con, tỳ vị hư nhược, ăn kém tinh thần mệt mỏi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày. Uống lúc thuốc còn ấm, xa bữa ăn.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp dùng thêm:

Lá và hạt Thầu dầu tía (tươi)	20g
Lá Dứa dại (tươi)	20g
Giấm thanh	10ml

Các thứ lá rửa sạch giã nhỏ trộn với giấm thanh, đắp lên đỉnh đầu (huyệt Bách hội) ngày đắp 2 lần.

Khi dạ con đã co lên thì ngừng đắp thuốc ngay.

179. THANG RAU NGÓT

Lá Rau ngót tươi	100g
Thực diêm	2g

Chủ trị:

Sản phụ sau khi sinh nhau thai không ra hết (sót nhau): Bụng sưng đầy, đau tức, huyết còn ra.

Cách dùng, liều lượng:

Rau ngót rửa sạch, giã nhỏ trộn với muối ăn, thêm 100ml nước chín nguội, quấy đều để lắng, gạn lấy nước thuốc uống.

Ngày giã Rau ngót uống 2 lần. Uống trong 2 - 3 ngày nhau thai bong ra hết thì thôi.

180. PHỤC LONG XÀ THOÁI TÁN

Phục long can (đất lòng bếp)	20g
Xà thoái (xác Rắn lột)	20g
Bách thảo sương	20g

Chủ trị:

Sản phụ sau khi sinh nhau thai không ra hết (sót nhau).

Cách dùng, liều lượng:

Xà thoái đốt tồn tính hợp với Phục long can, Bách thảo sương tán bột mịn.

Mỗi lần uống 1 thìa cà phê (12g) hoà vào 50 ml rượu trắng uống (hoặc để lắng gạn uống).

181. TỨ VẬT THANG GIA GIẢM

Sinh địa	30g
Xuyên quy (tẩm rượu sao thơm)	12g
Xuyên khung	15g
Bạch thược	12g
Hương phụ tứ chế	10g
Ích mẫu	30g
Huyền hồ sách (tẩm rượu sao)	20g
Ngải diệp (sao vàng)	30g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, hoặc bế kinh, xích bạch đới.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 3 lần sáng, trưa, tối trước bữa ăn 30 phút.

Ngày uống 1 thang, uống liên tục 6 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng các thứ cay, nóng, các chất tanh nhờn, cá không vẩy.

182. NGA HƯƠNG NGẢI HOÀN

Nga truật (tẩm giấm sao vàng)	40g
Hương phụ tứ chế sao vàng	40g
Ngải diệp	40g
Hoàng kỳ (tẩm mật sao qua)	15g
Đương quy (tẩm rượu sao qua)	15g
Cam thảo (chích)	10g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, ra huyết đen, tím hoặc loãng, đau bụng trước khi thấy kinh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn, luyện Mật ong làm hoàn 5g

Mỗi ngày uống 3 lần (sáng, trưa, tối), uống sau bữa ăn 1 giờ với nước chín.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn cua ốc, các loại rau cải.

183. HY THIÊM HƯƠNG PHỤ ÍCH MẪU HOÀN

Hy thiêm	160g
(tẩm rượu đồ chín, 9 lần sao vàng)	
Hương phụ tứ chế (sao vàng)	80g
Ích mẫu (sao vàng)	80g
Ngải diệp (sao qua)	40g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, tháng thấy tháng không lên xuống không nhất định, khi hành kinh thì đau bụng, đau lưng, hoa mắt chóng mặt, mệt mỏi, huyết đen có hòn cục, da vàng bủng, ăn kém, ngủ kém.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn, luyện hồ làm viên bằng hạt ngô.

Ngày uống 3 lần (sáng, trưa, tối) mỗi lần uống 20 viên với nước chín.

Chú ý:

- Người nhiệt: Nấu Đỗ đen lấy nước làm thang chiêu với thuốc.

- Người hàn: Sắc Gừng tươi lấy nước làm thang chiêu với thuốc.

- Người có khí hư bạch đới dùng:

Bạch đồng nữ	30g
Kê huyết đằng	20g

Sắc lấy nước làm thang chiêu với thuốc.

184. NGŨ LINH CHI TỬU

Ngũ linh chi	20g
Rượu trắng	100ml

Chủ trị:

Phụ nữ bế kinh, kinh nguyệt không thông.

Cách dùng, liều lượng:

Ngũ linh chi ngâm tan trong rượu, ngày uống 2 lần lúc bụng đói.

185. HƯƠNG NGẢI HỒNG ĐÀO NGA TÁN

Hương phụ chế (sao vàng)	40g
Ngải diệp	40g
Hồng hoa	12g
Đào nhân	12g
Nga truật (tẩm giấm sao)	40g

Chủ trị:

Phụ nữ bế kinh: Bụng dưới nổi hòn cục như có báng, có thai, da vàng, ho và mệt mỏi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế khô giòn tán bột mịn.

Ngày uống 3 lần (sáng, trưa, tối), mỗi lần uống 10 - 12g với nước chín.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn cua, ốc, thức ăn lâu tiêu.

186. VẠN THỐNG HOÀN

Hoàng nàn chế	40g
Nam Mộc hương (cạo vỏ ngoài sao)	40g
Trầm hương	20g
Nga truật (tẩm giấm sao)	40g
Hương phụ tứ chế	40g
Ngũ linh chi	20g

Chủ trị:

Phụ nữ trước hoặc trong khi hành kinh bị đau bụng (đau bụng máu)

Cách dùng, liều lượng:

Hoàng nàn cạo sạch vỏ vàng bên ngoài ngâm nước tiểu trẻ em 3 ngày rửa sạch, lại ngâm nước gạo 3 ngày (thay nước tiểu, nước gạo hàng ngày), rửa sạch sấy khô, hợp cùng các vị khác tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt ngô.

Ngày uống 1 lần, uống 5 hoàn với người thể trạng yếu. Uống 10 viên với người thể trạng khoẻ.

Chú ý:

Trường hợp đau nhiều mới uống ngày 2 lần.

Thông thường mỗi ngày chỉ uống 1 lần.

Kiêng kỵ:

Có thai hoặc bị mất huyết do chảy máu cam, chấn thương chảy máu, kiết lỵ không được uống.

187. BẠCH Ô HOÀN

Bạch chỉ	300g
Ô tặc cốt	150g
Kinh giới tuệ	150g
Xuyên tiêu	30g

Chủ trị:

Phụ nữ bị bạch đới hạ.

Cách dùng, liều lượng:

Bạch chỉ thái mỏng ngâm nước vôi 3 ngày 3 đêm (vôi đã tôi 15g hoà trong 2 lít nước) lấy ra rửa sạch sao vàng.

Kinh giới lấy toàn hoa sao đen.

Ô tặc cốt bóc vỏ cứng nướng vàng.

Xuyên tiêu chọn hoa đã nở (quả nhỏ đã mở mắt) bỏ hột đen ở trong.

Tất cả các vị sao chế xong tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn nặng 1g.

Ngày uống 2 lần (trưa, tối) mỗi lần 10 viên, chiêu thuốc với nước chín.

Chú ý:

- Người béo do thấp đàm dùng bài sau sắc lấy nước làm thang chiêu thuốc:

Thanh bì	10g
Xương truật (Thương truật)	8g
Hoàng bá	8g

- Người gầy do nhiệt dùng bài sau sắc lấy nước làm thang chiêu thuốc:

Thanh bì	10g
Hoàng cầm	8g
Trắc bách diệp	8g

- Nếu có thai dùng bài sau sắc lấy nước làm thang chiêu thuốc:

Thanh bì	10g
Hoàng cầm	8g
Bạch truật	10g

188. ÔN BỔ TỲ THẬN AN THAI THANG

Phòng đảng sâm	12g
Hoài sơn	16g
Bạch truật	12g
Đương quy	12g
Cẩu tích	12g
Tục đoạn	12g
Khiếm thực	12g
Trần bì	10g
Trữ ma căn	16g
Tô ngạnh	12g
Ngải diệp	12g
Sa nhân	4g

Chủ trị:

Phụ nữ xẩy thai liên tiếp do tỳ thận hư.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

189. SA NHÂN HƯƠNG PHỤ TÁN

Sa nhân (sao vàng)	100g
Hương phụ tứ chế (sao vàng)	100g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai bị nôn oẹ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần (sáng, tối), mỗi lần uống 12g.

Chiêu thuốc với nước lá Tía tô sắc đặc.

190. CHÁO CHÂN GIÒ LỢN SAU

Chân giò lợn sau	1 cái
Móng chân giò nướng vàng	4 cái
Thông thảo	40g
Đu đủ xanh	1 quả
Hoa chuối hột bao tử	1 cái
Gạo nếp	100g

Chủ trị:

Sản phụ sau khi sinh không có sữa, hoặc có ít sữa.

Cách dùng, liều lượng:

Thông thảo, Đu đủ gọt bỏ vỏ, hột thái miếng, Hoa chuối thái nhỏ cho vào nước nấu kỹ gạn lấy nước (bỏ bã) cho Gạo nếp, Chân giò lợn sau (đã làm sạch chặt nhỏ) Móng chân lợn nướng phồng vào nấu nhừ, nêm thêm chút ít muối ăn.

Ăn hàng ngày khi có sữa về thì thôi.

Kiêng kỵ:

Hạn chế ăn mặn

191. BỒ CÔNG CHỈ THỰC THANH BÌ THANG

Bồ công anh (sao vàng)	80g
Chỉ thực (sao vàng)	40g
Thanh bì (sao vàng)	40g

Chủ trị:

Sản phụ bị tắc tia sữa, vú sưng đỏ, có khi loét mủ, người phát sốt nóng rét.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Khi thấy sữa thông, vú bớt sưng nóng thì ngừng uống. Nếu uống quá liều ảnh hưởng tới can vị hoả làm cạn sữa (phạt can vị hoả).

192. XUYÊN SƠN VƯƠNG BẤT LƯU HÀNH THANG

Xuyên sơn giáp (tẩm giấm sao phồng)	40g
Vương bất lưu hành	40g
Xuyên quy	20g
Đảng sâm	20g
Ngưu tất	12g
Hạnh nhân (bỏ đầu nhọn)	12g
Thục địa	12g
Bạch truật	12g
Hồng hoa	4g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Sản phụ bị tắc tia sữa, điều hoà khí huyết làm cho sữa ra nhiều.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1200 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc chia uống 2 lần sau bữa ăn 1 giờ, uống khi thuốc còn nóng, uống xong nằm nghỉ.

Ngày uống 1 thang.

193. DẦU MÙ U TRỊ VIÊM LOÉT CỔ TỬ CUNG

Dầu mù u nấu sôi	100ml

Chủ trị:

Phụ nữ bị viêm loét cổ tử cung như: Cổ tử cung lộ tuyến, cổ tử cung lộ tuyến bẩm sinh, tuyến cổ trong tăng sinh nang tuyến Naboth.

Cách dùng, liều lượng:

Dầu Mù u nấu sôi được chấm vào nơi viêm loét cho đến khi chỗ viêm cháy trắng. Sau khi chấm thuốc, cổ tử cung được phủ bởi một lớp màng (vảy) trắng.

Một tuần lễ sau, lớp màng trắng bong ra để lộ một vùng đỏ láng, sau đó các lớp biểu mô lát tầng tái tạo bao phủ mau chóng vết đốt.

Cổ tử cung lành trong thời gian từ 1 tháng, 1 tháng rưỡi đến 2 tháng tuỳ theo bệnh nặng nhẹ.

194. VIÊN HƯƠNG PHỤ ÍCH MẪU

Hương phụ tứ chế	640g
Ích mẫu (tẩm giấm phơi khô)	480g
Ngải cứu	800g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, hành kinh thường đau bụng.

Cách dùng, liều lượng:

Hương phụ, Ích mẫu sấy giòn tán bột mịn.

Ngải cứu nấu cao đặc thêm ít giấm và hồ luyện với bột thuốc làm viên bằng hạt ngô.

Ngày uống 50 viên chia làm 2 lần, uống với nước chè hoặc nước chín.

Kiêng kỵ:

Kiêng các chất cay nóng.

195. VIÊN HƯƠNG PHỤ HY THIÊM

Hương phụ chế	80g
Hy thiêm (tẩm rượu, đồ, phơi khô)	80g
Ích mẫu (tẩm rượu sao khô)	80g
Ô dược (sao)	40g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, máu xấu, sắc đen mùi hôi, khi hành kinh thường đau bụng dưới (do khí uất huyết ngưng).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn, luyện hồ làm viên bằng hạt đậu đen.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 30 - 40 viên với nước chín.

Kiêng kỵ:

Không ăn các thứ tanh lạnh.

196. VIÊN HƯƠNG Ô

Hương phụ chế	500g
Ô dược (sao giòn)	300g
Hà thủ ô chế	500g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, máu xấu, thiếu máu, hay đau bụng dưới, hay ù tai hoa mắt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy giòn tán bột mịn, luyện với mật làm viên bằng hạt đậu đen.

Ngày uống 90 viên chia làm 3 lần, uống với nước chè.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn hành, tỏi, cá không vảy, rau cải, mỡ lợn luộc.

197. VIÊN HƯƠNG PHỤ TRẠCH LAN

Hương phụ tứ chế	640g
Trạch lan (sao qua)	200g
Ích mẫu (sao qua)	200g
Vỏ bưởi đào (cạo bỏ cùi trắng sao vàng)	80g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh không thông (bế kinh) đau bụng, vàng da, phù nề.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy giòn tán bột mịn, luyện hồ làm viên bằng hạt ngô.

Ngày uống 15 - 20 viên, uống với nước chín.

Kiêng kỵ:

Không ăn các chất tanh, lạnh, khó tiêu.

198. VIÊN HƯƠNG PHỤ KINH GIỚI

Hương phụ chế	80g
Ích mẫu (sao qua)	80g
Kinh giới (sao qua)	80g
Nghệ vàng (sao)	40g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, da vàng xanh, xảy xẩm đầu, mặt.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị sao sấy giòn, tán bột mịn luyện hồ làm viên bằng hạt ngô.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 20 - 30 viên uống với nước chè nóng trước khi ăn cơm 1 giờ.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất cay nóng.

199. CAO HƯƠNG NGẢI

Hương phụ tứ chế	2000g
Ngải cứu (tẩm rượu sao)	1000g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, ít, loãng và sắc nhợt, thường hay đau bụng, tử cung lạnh.

Cách dùng, liều lượng:

Hai vị cho nước nấu thành cao lỏng.

Mỗi lần uống 1 thìa canh (15 ml) hoà với nước sôi.

Ngày uống 2 lần sáng, tối.

Kiêng kỵ:

Không ăn các thứ sống lạnh.

Trường hợp kinh nguyệt nhiều, đỏ đặc, đau bụng do huyết nhiệt không nên dùng.

200. THUỐC MUỐI "CỐ ẨM"

Thảo quả (bỏ vỏ giã nát)	60g
Phèn chua (phi giã nát)	80g
Đại hồi (bỏ cuống giã nát)	80g
Hồ tiêu (giã nát)	60g
Hậu phác	400g
(cạo vỏ thái mỏng tẩm gừng sao vàng)	
Trần bì (sao)	400g
Hương phụ tứ chế (sao)	640g
Phèn đen	1280g

Chủ trị:

Các chứng sản hậu hư hàn, ăn uống khó tiêu, vàng da, phù nề, kinh nguyệt không đều.

Cách dùng, liều lượng:

Trần bì, Hậu phác tán bột mịn để riêng.

Dùng một nồi đất to, mới, cho vào đáy nồi một lớp muối ăn dày 5 cm, trải kín lên trên mặt muối 4 - 5 lớp giấy bản to sau đó cho Phèn đen vào xoa bằng mặt rồi cho tiếp Đại hồi, Phèn chua, Thảo quả, Hồ tiêu, Hương phụ lên trên mặt Phèn đen, gấp giấy gói tròn thuốc lại, đổ muối vào chung quanh và trên mặt gói thuốc một lớp dày 5 cm đậy vung lại trát đất sét thật kín, bắc lên bếp đun. Khi nồi thuốc nóng đều thì giập tắt lửa, dùng lửa than hầm 6 giờ. Bắc ra để nguội mở vung, bỏ hết muối ở trên và chung quanh gói thuốc lấy gói thuốc ra không để lẫn muối vào gói thuốc. Thuốc trong gói đem tán bột mịn trộn đều với bột, Trần bì, Hậu phác cho vào lọ kín, tránh ẩm, khi dùng gói vào giấy bản nuốt (không nhai).

Ngày uống 2 lần mỗi lần 2 - 3g sau bữa ăn 1 giờ, chiêu thuốc với nước chín nguội.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các chất tanh, cay nóng.
- Phụ nữ có thai, người nhiệt gầy còm, khát nước, nóng âm ỷ không được dùng.

201. VIÊN NGA TRUẬT

Nga truật (tẩm giấm sao)	400g
Dái Nghệ vàng tẩm giấm sao	400g
Hương phụ tứ chế	250g
Ô dược (sao giòn)	120g

Chủ trị:

Phụ nữ đau bụng do huyết tích, khi đau nắn thấy hòn cục.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao sấy giòn tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt ngô.

Mỗi lần uống 20 -30 viên với nước chín nóng.

Ngày uống 2 lần (sáng, tối).

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các chất tanh, mỡ, cá mè.
- Không có huyết tích ứ không nên dùng.

202. BỘT HƯƠNG PHỤ TÔNG LƯ

Hương phụ chế	40g
Tông lư (Bẹ móc) đốt tồn tính	80g
Kinh giới (sao đen)	80g

Chủ trị:

Phụ nữ rong huyết có ứ tích sinh ra đau âm ỉ ở bụng dưới.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế giòn tán bột mịn.

Ngày uống 2 - 3 lần, mỗi lần 8 - 12g uống với nước tiểu trẻ em mới tiểu.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ cay, nóng.

203. BỘT XƠ MƯỚP

Xơ mướp khô	2 - 3 cái

Chủ trị:

Phụ nữ rong kinh băng huyết.

Cách dùng, liều lượng:

Xơ mướp bỏ hạt, xé nhỏ cho vào nồi rang cháy lốm đốm, úp vung lại đem ra để nguội, tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 8g, uống với nước chín.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ cay, nóng.

204. VIÊN KÊ QUAN HOA

Hoa mào gà	200g
Liên tu	200g
Khiếm thực	200g
Mẫu lệ (để sống)	160g
Hạt Mã đề	120g
Hương phụ tứ chế	120g
Ích mẫu	120g
Long cốt (nướng)	160g

Chủ trị:

Phụ nữ khí hư bạch đới lâu ngày không khỏi; kinh nguyệt không đều.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị phơi khô tán bột mịn, luyện hồ làm viên bằng hạt ngô.

Mỗi lần uống 20 - 30 viên, ngày uống 2 lần (sáng, tối).

Uống với nước chín nóng.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất tanh và cay nóng.

205. VIÊN BẠCH ĐỒNG NỮ

Bạch đồng nữ (hoa, lá, rễ)	100g
Trắc bách diệp	40g
Rễ cỏ xước tía	40g
Lá Khổ sâm	10g
Cây Chó đẻ răng cưa	10g
Bồ Bồ	20g
Trần bì	10g
Ích mẫu	10g
Cát sâm	20g
Nhân trần	20g
Nghệ đen	10g

Chủ trị:

Phụ nữ ra khí hư bạch đới màu sắc trắng hoặc vàng, thường đau bụng.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị rửa sạch, thái nhỏ, sao vàng, tán bột mịn, luyện hồ làm viên bằng hạt đậu đen.

Ngày uống 2 lần (sáng, tối), mỗi lần uống 20 - 30 viên với nước chín.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các chất tanh nhờn, cay nóng.
- Người hư hàn không nên dùng.

206. VIÊN HOÀI SƠN LỘC GIÁC SƯƠNG

Hoài sơn (sao vàng)	200g
Lộc giác sương	100g
Dây Mơ lông (sao vàng)	80g
Bạch đồng nữ	150g
Tỳ giải	40g
Ý dĩ (sao vàng)	80g
Đậu đen (sao chín)	40g
Chi tử (sao đen)	20g
Hà thủ ô đỏ chế	100g
Mẫu lệ (nung)	100g
Nam sâm	100g
Hương phụ tứ chế	40g

Chủ trị:

Phụ nữ bị khí hư bạch đới, đau lưng, mỏi gối ra nhiều chất nhầy.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế, sấy khô, tán bột mịn, luyện mật làm viên bằng hạt đậu xanh.

Mỗi lần uống 30 -40 viên ngày uống 2 lần với nước chín.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất cay, nóng và dầu mỡ.

207. VIÊN HOÀNG TINH

Hoàng tinh (chế)	20g
Hà thủ ô (chế)	16g
Ngải cứu	12g
Hương phụ tứ chế	12g
Thổ phục linh	12g

Kê huyết đằng	16g
Xích đồng nam	16g
Bạch đồng nữ	16g
Ích mẫu	12g

Chủ trị:

Phụ nữ ra khí hư bạch đới, thân thể gầy còm, da xanh xao, ăn uống kém, mặt xây xẩm; kinh nguyệt không đều; có kèm thấp nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Hoàng tinh, Hà thủ ô, Hương phụ, Thổ phục linh sấy khô tán bột mịn.

Kê huyết đằng, Xích đồng nam, Bạch đồng nữ, Ngải cứu, Ích mẫu nấu cao mềm, thêm đường trộn với thuốc bột trên luyện kỹ làm viên bằng hạt đậu xanh.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 30 - 40 viên với nước chín.

Kiêng kỵ:

Kiêng các chất tanh, cay nóng, dầu mỡ.

208. VIÊN HÀ THỦ Ô HƯƠNG PHỤ

Hà thủ ô (chế)	80g
Đậu đen (sao chín)	80g
Hương phụ tứ chế	40g
Xích đồng nam	40g
Bạch đồng nữ	40g
Nhân trần	40g
Ngải cứu	40g
Dây Tơ hồng	20g
Ích mẫu	40g
Lộc giác sương	20g

Chủ trị:

Phụ nữ ra khí hư, có mùi tanh hôi lâu ngày không khỏi, người gầy, da xanh, mặt xây xẩm, ăn ngủ kém.

Cách dùng, liều lượng:

Hương phụ, Hà thủ ô, Đậu đen, Lộc giác sương tán bột mịn.

Xích đồng, Bạch đồng, Nhân trần, Ngải cứu, Tơ hồng, Ích mẫu nấu cao mềm, thêm đường trộn với bột thuốc trên làm viên bằng hạt đậu xanh.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 30 -40 viên với nước chín.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất tanh, cay nóng, dầu mỡ.

209. CAO ÍCH MẪU TRẠCH LAN

Ích mẫu (sao vàng)	5000g
Mần tưới (sao vàng)	3000g
Hy thiêm (tẩm rượu, mật sao vàng)	2000g
Ngải cứu (sao vàng)	1000g
Hương phụ tứ (chế) sao vàng	700g
Nghệ đen (sao vàng)	300g

Chủ trị:

Sản phụ sau khi đẻ, huyết cũ ra chưa hết (huyết tích ứ) sinh đau bụng hoặc phụ nữ tích huyết đau bụng nổi cục.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho nấu thành cao lỏng.

Mỗi lần uống 5 - 6 thìa cà phê, pha với nước sôi cho loãng, ngày uống 3 lần vào lúc đói bụng.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các chất tanh, mỡ, dầu.
- Phụ nữ có thai hoặc trường hợp đau bụng không phải do huyết ứ không nên dùng.

210. BỘT ÍCH MẪU KHƯƠNG HOÀNG

Ích mẫu (tẩm rượu sao)	120g
Mần tưới (Trạch lan)	80g
Khương hoàng (sao)	40g
Hương phụ tứ chế	60g
Nhục quế	20g

Chủ trị:

Sản phụ sau khi đẻ, huyết cũ ra chưa hết ứ lại, sinh đau bụng phù thũng, tiểu tiện ít, cơ thể nặng nề, tay chân lạnh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế phơi sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 8g, uống với nước chín.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các chất tanh, lạnh,dầu, mỡ.
- Trường hợp người táo nhiệt không nên dùng.

211. BỘT HƯƠNG HỒI

Hương phụ (giã nát bỏ lông tẩm nước tiểu trẻ em (sao vàng)	200g
Đại hồi hương (tẩm nước tiểu trẻ em phơi khô)	100g
Nghệ vàng (tẩm nước tiểu trẻ em sao vàng)	100g
Ô dược	100g

Chủ trị:

Sản phụ sau khi sinh khí huyết ứ trệ, sinh đau bụng, tức ngực, phù nề, ăn kém, thuộc thể hàn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế phơi sấy khô tán bột mịn. Ngày uống 2-3 lần, mỗi lần 8g uống với rượu hay nước gừng.

Kiêng kỵ:

- Không ăn các chất tanh, lạnh.
- Trường hợp người táo nhiệt không nên dùng.

212. HƯƠNG HÀ TRẠCH MẪU TÁN

Hương phụ tứ chế	640g
Hà thủ ô đỏ chế	240g
Trạch lan (Mần tươi)	200g
Ích mẫu	200g
Nghệ đen (ngâm nước tiểu 7 ngày đêm)	120g
Cỏ Nhọ nồi	160g
Gừng đốt cháy đen	80g
Bạch chỉ	40g

Chủ trị:

Sản phụ sau khi đẻ huyết kém có ứ huyết sinh đau bụng, buồn nôn, kinh nguyệt không đều, nhức đầu chóng mặt.

Cách dùng, liều lượng:

Nghệ đen ngâm nước tiểu trẻ em 7 ngày đêm (đêm ngâm ngày phơi khô, mỗi ngày thay nước tiểu 1 lần).

Các vị sao chế, phơi sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 8g, uống với nước chè nóng trước khi ăn cơm.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các chất tanh, cay nóng, dầu mỡ.
- Phụ nữ có thai hoặc mới tắt kinh không được dùng.

213. VIÊN HƯƠNG PHỤ TAM LĂNG

Hương phụ tứ chế	80g
Vỏ Dụt (Nam Mộc hương)	80g
Ích mẫu	40g
Tam lăng	20g
Nghệ đen	40g
Trần bì (Cạo bỏ cùi trắng sao)	40g
Thanh bì (Cạo bỏ cùi trắng tẩm giấm sao)	40g
Ô dược	40g
Trạch lan tía (Mần tươi tía)	40g
Quế chi	40g
Đinh hương	20g
Hồi hương	20g
Can khương (ngâm nước tiểu sao)	20g
Hồ tiêu	20g
Dái Nghệ vàng (ngâm nước tiểu sao)	40g

Chủ trị:

Các chứng sản hậu hư hàn, huyết xấu không ra hết kết thành hòn cục, ăn uống không tiêu đầy bụng, đau bụng hay đi ngoài, da bủng, mặt xanh vàng nhức đầu, ho có đờm vướng ở cổ, người mệt mỏi đau nhức.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế, phơi sấy khô, tán bột mịn, luyện với mật đã cô thành châu làm viên bằng hạt đậu đen.

Mỗi lần uống 20 viên, ngày uống 2 lần với nước chè nóng.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các thứ chua, cay nóng.
- Trường hợp người khô gầy, táo bón, hay khát, âm hư, ít ngủ không nên dùng.

214. THUỐC MUỐI

Phèn đen	800g
Đại hồi	600g
Hắc sửu	500g
Nhân trần	600g
Phèn chua (phi khô tán nhỏ)	300g
Đinh hương	500g
Hồ tiêu	500g

Chủ trị:

Sản phụ sau khi sinh phù thũng, bụng to, da vàng, ăn uống kém tiêu, ỉa lỏng, người mệt mỏi và sốt rét lâu ngày.

Cách dùng, liều lượng:

Dùng một nồi đất mới, cho muối ăn vào 1/3 nồi dàn muối cho phẳng, trải lên mặt muối 1 lớp lá Trầu không cho kín. Rồi rải phèn đen trên lá trầu không.

Các vị thuốc khác giã nát đổ lên trên phèn đen ấn chặt; rắc bột phèn chua phi, tán nhỏ lên trên thuốc, đậy vung trét đất sét cho thật kín. Dùng lửa than nấu trong 5 giờ. Đem ra để thật nguội, mở vung lấy thuốc và phèn (bỏ trầu không và muối) tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 1- 2 g - cho bột thuốc vào giữa miếng chuối chín nuốt, chiêu với nước chín.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn các chất tanh, sống lạnh, dầu mỡ.
- Có thai không dùng.

215. THUỐC PHÈN

Phèn chua	200g
Đinh hương	10g
Quế chi	10g
Phèn đen	1.600g
Hồi hương	10g
Thảo quả (bỏ vỏ)	10g

Chủ trị:

Phù nề sau khi đẻ (sản hậu) ăn không tiêu, đau bụng, da vàng, ho, kinh nguyệt không đều.

Cách dùng, liều lượng:

Phèn đen, Phèn chua hợp lại phi khô.

Các vị khác phơi sấy khô hợp lại với Phèn phi khô tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 1 - 2g cho thuốc vào giữa miếng chuối nuốt, nuốt xong ăn cơm.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn mỡ, rau cải, nước mắm, cá.
- Người âm hư khô gầy, huyết kém, táo bón, ít ngủ không dùng.

216. XÍCH BẠCH ĐỒNG THANG

Rễ Xích đồng nam (sao)	16g
Rễ Bạch đồng nữ (sao)	16g
Bồ cu vẽ (sao)	16g

Chủ trị:

Phụ nữ ra khí hư viêm âm đạo do trực trùng roi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 100 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp dùng nước rửa âm đạo:

Lá nhội	200g
Phèn chua	50g
Khổ sâm (lá)	200g

Sắc để nguội, ngày rửa 2 lần.

217. NHÂN TRẦN ÍCH MẪU THANG

Ích mẫu (sao qua)	16g
Nhân trần	16g
Ngải cứu (sao qua)	16g
Hương phụ (sao cháy lông)	12g

Chủ trị:

Phụ nữ đau bụng khi hành kinh hoặc kỳ kinh khi trồi khi sụt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần sáng, chiều.

Ngày uống 1 thang.

218. HƯƠNG NGẢI BẠCH ĐỒNG THANG

Lá Ngải cứu (sao qua)	16g
Hương phụ (sao cháy lông)	12g
Rễ Bạch đồng nữ (sao)	16g
Cây Trinh nữ (sao)	16g
Cây Trâu cổ (Dây Vẩy ốc) sao	16g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, sớm hoặc muộn trên 1 tuần lễ, khi hành kinh đau bụng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần sáng, chiều.

Ngày uống 1 thang.

219. HƯƠNG PHỤ Ô DƯỢC THANG

Hương phụ tứ chế	12g
Trần bì	4g
Tía tô	4g
Ô dược	4g
Can khương	2g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều khí xông lên đầu mặt xa sẩm, nôn mửa; hoặc khí xông lên ngực đầy tức, đau nhói; hoặc trong bụng hết hòn cục, bụng đau.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang, uống liên tiếp 4 - 5 thang.

220. HẮC XÍCH ĐẬU THANG

Đậu đen (sao đen)	10g
Xích đậu (đậu đỏ) sao đen	10g
Quế khâu	5g
Trần bì	4g
Gừng tươi nướng	5g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, đau bụng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống liền 5 thang.

Mỗi tháng uống 5 thang thì kinh nguyệt đều.

221. TẾ ÂM THANH NANG HOÀN

Hương phụ	300g
Ô dược	100g
Quế chi	100g

Chủ trị:

Các chứng bệnh của phụ nữ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn chia làm 2 phần.

- 1 phần tẩm giấm
- 1 phần tẩm rượu.

Phơi khô tán bột mịn lại, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 4 - 6g

Tuỳ chứng bệnh dùng thang như sau:

- Bệnh về huyết uống với rượu
- Bệnh về khí uống với sắc Tiểu hồi.
- Bệnh ngoại cảm uống với nước sắc Hành tươi và Gừng tươi.
- Bệnh về hoả uống với nước chín nguội.
- Đờm suyễn uống với nước sắc Gừng tươi và hạt Cải củ.
- Ho uống với nước sắc Tang bạch bì.
- Đầy trướng bụng uống với nước sắc Trần bì và Sinh khương.

222. BÁT TRÂN GIA VỊ TÁN

Thục địa (nướng)	10g
Bạch thược (sao)	10g
Xuyên khung	6g
Đương quy	10g

Hồng sâm	6g
Phục linh	10g
Bạch truật	10g
Cam thảo	2g
Long cốt (đốt)	6g
Mẫu lệ (nướng)	6g
Liên nhục (sao)	10g
Đại táo (bỏ hạt thái nhỏ)	3 quả

Chủ trị:

Phụ nữ bị xích bạch đới người suy nhược kém ăn, ít ngủ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 3 lần sáng, chiều, tối, mỗi lần 15g hoà vào nước sôi hãm uống.

Chú ý:

Uống thuốc nên ăn thêm 1 quả trứng gà luộc cho mau lại sức.

223. ĐƯƠNG QUY TƠ HỒNG THỦ Ô THANG

Đương quy	10g
Dây Tơ hồng (sao vàng)	10g
Hà thủ ô chế	10g
Đậu đen (sao vàng)	10g
Hạt Bình linh (sao đen)	6g
Cam thảo chích	4g

Chủ trị:

Phụ nữ sau khi sinh bị sản hậu, khí huyết suy.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống 5 - 7 thang.

Chú ý gia giảm:

Người nóng (nhiệt) gia thêm Sinh khương: 3 lát.

Người lạnh (hàn) gia thêm ổi khương: 5g

224. MIÊN HOA TÔ MỘC THANG

Mộc miên hoa (Hoa cây gạo)	40g
Tô mộc	80g
Vỏ cây Nhội	80g
Lá Móng tay	40g
Mẫu lệ	20g

Chủ trị:

Phụ nữ bị bệnh bạch đới.

Cách dùng, liều lượng:

Mẫu lệ nung chín, tán bột mịn để riêng.

Các vị khác cho vào 1000 ml nước, sắc lấy 300 ml nước thuốc, chia uống 3 lần, mỗi lần uống cho vào 1/3 bột Mẫu lệ, quấy đều uống, xa bữa ăn.

Ngày uống 1 thang.

225. VIÊN HƯƠNG NGẢI Ô DƯỢC

Hương phụ tứ chế	1000g
Ngải cứu	150g
Ô dược	400g

Chủ trị:

Phụ nữ trước hoặc trong khi hành kinh đau bụng dữ dội.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi sấy khô tán bột mịn luyện hồ làm viên bằng hạt đậu đen.

Ngày uống 3 lần (sáng, chiều và đêm) mỗi lần uống 20 viên với nước chín nguội, uống xa bữa ăn.

226. MÃ TIỀN THẢO CAO

Mã tiền thảo (sao vàng hạ thổ)	160g

Chủ trị:

Phụ nữ bế kinh lâu ngày bụng to, đầy trướng khó chịu, ăn, ngủ ít.

Cách dùng, liều lượng:

Mã tiền thảo cho vào 1500 ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2 lần, uống lúc đói. Lúc uống chế thêm ít rượu.

227. HẠN LIÊN BÁCH THẢO THANG

Hạn liên thảo	16g
Bách thảo sương	8g

Hương phụ	16g
Kinh giới (sao cháy)	8g
Ngải cứu	12g

Chủ trị:

Phụ nữ bế kinh lâu ngày, khi thấy kinh ra nhiều như băng huyết, màu huyết đỏ tươi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày. Uống lúc bụng đói.

Thấy huyết ra ít thì thôi uống.

228. TRỮ MA NGẢI CỨU THANG

Trữ ma căn (sao rượu)	120g
Ngải cứu (sao)	80g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai bị trệ thai (thai lệch): Bụng dưới nặng, đi tiểu nước tiểu ra không thẳng, đi lại khó khăn đau hoặc âm đạo có rỉ huyết.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần (trưa, đêm) uống trước bữa ăn.

Ngày uống 1 thang. Uống liên tục 3 thang

Kiêng kỵ:

Kiêng lao động nặng, tránh phòng sự.

229. QUY THĂNG TRỮ MA THANG

Đương quy	20g
Thăng ma	12g
Trữ ma căn	12g
Lá Vông nem	12g
Rễ Cối xay	12g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai động thai: Đau bụng, trệ thai (thai lệch).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

230. CHÂN VỊT ÍCH MẪU HƯƠNG NGẢI THANG

Cỏ chân vịt	12g
Ích mẫu	12g
Ngải cứu	12g
Hương phụ	12g
Răng cưa chó đẻ	12g
Quas nước	10g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, hành kinh đau bụng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

231. HUYẾT DỤ TRẮC BÁ DIỆP THANG

Huyết dụ	16g
Trắc bách diệp	16g
Can khương	1g

Chủ trị:

Phụ nữ rong kinh

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400 ml nước, sắc lấy 100 ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Có thể thay bài trên bằng bài sau:

Huyết liên kinh tán

Huyết dụ	16g
Liên phòng	8g
Kinh giới	8g

Chủ trị:

Phụ nữ rong kinh.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị sao tồn tính. Tán bột mịn, cho vào nước cháo loãng, quấy đều uống; Hoặc cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc uống 1 lần.

Ngày uống 1 thang.

232. KHIẾM THỰC THANG

Khiếm thực (sao vàng)	100g
Cỏ Sữa nhỏ lá	100g

Chủ trị:

Phụ nữ ra khí hư nhiều .

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp dùng nước sắc Vỏ rễ cây Dâm bụt 200g đun sôi trong 3 lít nước, để ấm rửa âm hộ hàng ngày đến khi khỏi bệnh.

233. TỨ VẬT THANG GIA GIẢM

Xuyên quy	20g
Thục địa	20g
Bạch thược	12g
Liên nhục	20g
Huyền sâm	20g
Hoè hoa	12g
Mạch môn	12g
Ngũ vị	8g

Chủ trị:

Phụ nữ bị bệnh xích bạch đới, tâm hoả vượng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

234. BỔ TRUNG GIA VỊ THANG

Phòng đảng sâm	20g
Hoàng kỳ	12g
Xuyên quy	16g
Bạch truật	16g
Thăng ma	12g
Sài hồ	12g
Trần bì	4g
Cam thảo	4g
Chỉ tử	12g
Tỳ giải	10g
Thương truật	8g
Hoàng bá	8g
Hoạt thạch	25g

Chủ trị:

Phụ nữ bị bệnh đới hạ do thấp nhiệt: Khí hư ra đục như nước gạo, hơi vàng xám như mủ, có mùi hôi nhiều, âm hộ ngứa, nước tiểu đỏ và ngắn, họng khô, miệng đắng, chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng, mạch sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

235. BỔ TRUNG GIA VỊ THANG

Sa sâm	20g
Hoàng kỳ	12g
Xuyên quy	16g
Bạch truật	12g
Thăng ma	12g
Sài hồ	12g
Trần bì	4g
Cam thảo	4g
Quế Thanh (loại quế tốt)	4g
Ngũ vị	4g
Phá cố chỉ	12g
Liên nhục	20g
Khiếm thực	20g
Tục đoạn	12g
Mẫu lệ (nướng chín)	16g
Đỗ trọng	12g

Chủ trị:

Phụ nữ bị bệnh đới hạ thuộc thể hư hàn: Chất dịch ở âm đạo chảy ra sắc trắng hoặc hơi vàng, nhầy như mũi không có mùi hôi, liên miên không dứt, sắc mặt trắng nhợt tinh thần mỏi mệt, ăn ít đại tiện lỏng, 2 chân hơi phù, chất lưỡi bình thường hoặc nhạt, rêu lưỡi trắng.

Hoặc chất dịch chảy ra trong trắng, hơi tanh và lượng nhiều hơn, suốt ngày rỉ ra không ngớt, sắc mặt hơi sạm, đại tiện lỏng, đi tiểu tiện luôn trong và dài ban đêm đi nhiều hơn

lưng đau mỏi, bụng dưới lạnh, chất lưỡi nhạt, rêu lưỡi trắng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1200ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

236. THĂNG TỲ HOÀNG MẪU TẦM SA HOÀN

Thăng ma	
(tẩm giấm phơi khô)	300g
Tỳ giải	300g
(tẩm nước vo gạo đặc phơi khô)	
Hoàng bá	300g
(tẩm rượu phơi khô)	
Mẫu lệ (nung chín)	300g
Tầm sa	400g
(Phân tầm tẩm nước tiểu sao)	

Chủ trị:

Phụ nữ bị khí hư bạch đới.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị sao chế giòn tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt ngô.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 30 - 40 viên, uống với nước chín.

237. THỰ NGẢI HOÀN

Hồng thự (Thự đỏ)	
thái lát phơi khô sao vàng	50g
Ngải cứu	20g
Hương phụ	20g
(ngâm nước tiểu giã nát sao vàng)	
Đương quy	15g
Trạch lan	10g
Vỏ bưởi (sao vàng)	10g
Đại hồi	5g

Chủ trị:

Phụ nữ rối loạn kinh nguyệt khi trồi khi sụt, có khi kinh nguyệt xuống ít, kéo dài hàng tuần lâu ngày thành bế kinh, sắc mặt vàng ỏng hoặc mặt bủng da chì, tinh thần suy sụp, người trở nên ốm yếu.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị sao chế giòn tán bột mịn luyện hồ làm hoàn bằng hạt ngô.

Ngày uống 15 - 20 viên trước khi ăn, chiêu thuốc với nước chín.

Chú ý gia vị:

Trường hợp can kinh bị uất: vùng gan bị đau, có khi đau từ bụng dưới lan lên hông sườn phát sốt rét ảnh hưởng đến kinh nguyệt dùng:

Ô dược	15g
Sài hồ	15g
Sinh khương	3 lát

Sắc lấy nước thuốc uống cùng thuốc viên.

Ghi chú:

Hồng thự hay Thự đỏ là Khoai lang hà (bị mò ăn) có tác dụng hành ứ tiêu độc, bổ tỳ tiêu thực chữa chứng đau bụng, hội chứng dạ dày, rối loạn tiêu hoá cấp và mạn, các chứng ứ trệ.

238. HƯƠNG NGẢI SÀI HỒ THANG

Hương phụ tứ chế	16g
Ngải cứu	12g
Sài hồ	12g
Ngưu tất	12g
Hoàng cầm	12g
Xuyên quy	16g
Xuyên khung	12g
Bạch thược	12g

Chủ trị:

Phụ nữ rối loạn kinh nguyệt do can khí bị tổn thương: Kinh nguyệt đến trước hoặc sau kỳ kinh, kinh nguyệt nhiều hoặc ra ít. Khi hành kinh hay bức tức, cáu gắt, ngực sườn đầy tức, trướng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần, uống xa bữa ăn lúc thuốc còn ấm.

Ngày uống 1 thang. Uống 1 đợt 15 - 20 ngày.

Kiêng kỵ:

Kiêng các chất cay, nóng, chua.

239. LIÊN CHI HƯƠNG THANG

Liên tiền thảo (rau Má)	20g
Chi tử	8g
Hương phụ tứ chế	16g
Bạch thược	10g
Đương quy	16g
Thanh bì	12g
Chỉ xác	12g

Chủ trị:

Phụ nữ rối loạn kinh nguyệt do can bị tổn thương.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày, uống lúc thuốc còn ấm.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất cay, nóng, chua.

240. LỤC VỊ GIA VỊ THANG

Thục địa	16 - 20g
Hoài sơn	12g
Sơn thù	12g
Đan bì	8g
Trạch tả	8g
Bạch linh	10 - 16g
Ích mẫu	12g
Ngải diệp	12g
Hương phụ	12 - 16g
Nhục quế	6 - 8g

Chủ trị:

Phụ nữ rối loạn kinh nguyệt do thận khí bất túc: Đau lưng ù tai, hoa mắt, đái dắt, kinh không đều, rêu lưỡi dày, mạch trầm nhược.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

241. HÀ HƯƠNG THANG

Hà thủ ô (chế)	16g
Đậu đen (sao)	20g
Hương phụ tứ chế	16g
Ích mẫu	12g

Chủ trị:

Phụ nữ rối loạn kinh nguyệt do thận khí bất túc.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Nếu kinh ra nhiều gia thêm:

Ngải cứu (sao đen)	12g
Cỏ Mực	12 - 16g

242. HƯƠNG NGẢI Ô SÀI THANG

Hương phụ tứ chế	16g
Ngải diệp	12g
Ô dược	12g
Sài hồ	12g
Xuyên khung	10g
Đương quy	16g
Bạch thược	12g

Chủ trị:

Phụ nữ đau bụng kinh thuộc thể thực: Trước hoặc trong khi hành kinh đau bụng dưới, máu ra không đều ấn vào thì càng đau, kinh sẫm màu, có máu cục. Khi kinh ra được thì giảm đau.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

243. XÍCH XUYÊN HƯƠNG THANG

Xích thược	12g
Xuyên khung	12g
Hương phụ	16g

Thục địa	16g
Ngưu tất	12g
Mộc hương	10g

Chủ trị:

Phụ nữ hành kinh đau bụng thuộc thực chứng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

244. BÁT TRÂN THANG GIA GIẢM

Xuyên khung	12g
Đương quy	16g
Bạch thược	12g
Đảng sâm	16g
Bạch linh	8g
Bạch truật	16g
Sa nhân	12g
Hà thủ ô chế	16g
Hương phụ tứ chế	16g
Ngải diệp	12g

Chủ trị:

Phụ nữ hành kinh đau bụng thuộc hư chứng: Đau từng cơn, hoặc đau nhiều trong suốt đợt hành kinh, bụng dưới đầy, khi xoa nắn cơn đau giảm, lượng kinh ít, nhợt loãng; đau vùng thắt lưng, váng đầu, hồi hộp, ăn kém, rêu lưỡi trắng, mạch tế nhược.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

245. TỨ VẬT THANG GIA GIẢM

Xuyên khung	12g
Đương quy	16g
Thục địa	16g
Xích thược	12g
Ngải diệp	12g
Ích mẫu	12g
Hương phụ tứ chế	16g
Đào nhân	8g
Hồng hoa	8g

Chủ trị:

Phụ nữ bế kinh (khí trệ huyết ứ) thuộc thể hư. Đau vùng bụng dưới, trướng đầy, đau tức ngực, sườn, thích nơi thoáng khí, mạch trầm nhanh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

246. ĐAN SÂM ÍCH MẪU HỒNG HOA THANG

Đan sâm	12g
Ích mẫu	10g
Hồng hoa	8g
Ngưu tất	12g
Sinh địa	12g
Sài hồ	12g
Bạch truật	16g
Hương phụ tứ chế	16g

Chủ trị:

Phụ nữ bế kinh (khí trệ huyết ứ) thuộc hư chứng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

247. BÁT TRÂN THANG GIA GIẢM

Đảng sâm	16g
Bạch linh	10g
Bạch truật	16g
Đương quy	16g
Thục địa	12g
Bạch thược	12g
Ngưu tất	12g
Hương phụ tứ chế	16g
Nhục quế	8g

Hồng hoa	8g
Phụ tử chế	8g

Chủ trị:

Phụ nữ bế kinh thuộc hư chứng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

248. LỤC VỊ THANG GIA GIẢM

Thục địa	20g
Hoài sơn	16g
Sơn thù	12g
Đan bì	10g
Đương quy	16g
Bạch thược	10g
Hương phụ tứ chế	16g
Ích mẫu	12g
Ngưu tất	12g
Đào nhân	6g
Sa nhân	12g

Chủ trị:

Phụ nữ bế kinh do tỳ thận hư: Người gầy khô, môi nhợt, mệt mỏi, có cảm giác nóng, ra nhiều mồ hôi, đầu váng hồi hộp, sờ da nóng khô.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

249. HÀ SƠN Ô NGẢI ĐAN SÂM THANG

Hà thủ ô đỏ chế	16g
Sơn thù	10g
Ô dược	12g
Ngải diệp	12g
Hoàng kỳ	16g
Thục địa	16g
Hoài sơn	12g
Nhục quế	10g
Xuyên khung	12g
Ngưu tất	12g
Ba kích	12g
Đan sâm	12g

Chủ trị:

Phụ nữ bế kinh do tỳ thận lưỡng hư.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

250. QUY THẤT ĐÀO HỒNG THANG

Đương quy	12g
Tam thất	10g
Đào nhân	8g
Hồng hoa	6g
Hương phụ tứ chế	16g
Hoài sơn	12g
Sa nhân	12g
Đảng sâm	16g
Cam thảo chích	6g
Can khương	8g

Chủ trị:

Phụ nữ bế kinh do tỳ thận hư.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

251. LIÊN SINH CHI TỬ ĐAN BÌ THANG

Hạn liên thảo	12g
Sinh địa	12g
Chi tử (sao đen)	8g
Đan bì	12g
Đương quy	16g
Đảng sâm	16g
Ngải cứu (sao đen)	12g
Huyết dư (Tóc rối) thán sao	8g

Chủ trị:

Phụ nữ băng lậu do huyết nhiệt: máu ra nhiều, ri rỉ nhưng kéo dài, màu nâu tím sẫm,

có máu cục máu đông, hồi hộp, khát nước, đầu váng, đại tiện táo, lưỡi đỏ rêu lưỡi vàng, mạch nhanh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800-1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

252. HƯƠNG NGẢI TÔ XUYÊN THANG

Hương phụ tứ chế	16g
Ngải cứu (sao đen)	16g
Tô mộc	12g
Xuyên khung	8g
Ngưu tất	8g
Đương quy	16g
Hoè hoa (sao đen)	20g
A giao (nướng phồng)	12g

Chủ trị:

Phụ nữ băng lậu: máu chảy ra ngoài âm đạo có màu đen sẫm, có máu cục, bụng đầy trướng đau, không thích sờ nắn, lưỡi màu đỏ sẫm, có thể có các nốt chấm đỏ

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

253. HÀ SÂM QUY TRUẬT THANG

Hà thủ ô đỏ chế	16g
Đảng sâm	16g
Đương quy	16g
Bạch truật	20g
Hoài sơn	16g
A giao (nướng phồng)	12g
Hoè hoa (sao đen)	12g
Hương phụ tứ chế	16g
Bạch cập	12g
Sa nhân	12g

Chủ trị:

Phụ nữ băng lậu do Tỳ hư: Cơ thể suy nhược, ăn ngủ kém, huyết ra màu đỏ có ánh vàng, tim hồi hộp đánh trống ngực, sắc mặt trắng, bụng dưới lạnh đau, dễ ra mồ hôi, rêu lưỡi trắng, chất lưỡi bệu, mạch tế nhược.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800-1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

254. TAM THẤT ĐƯƠNG QUY THANG

Tam thất	30g
Đương quy	16g

Chủ trị:

Phụ nữ băng lậu do tỳ hư suy kém.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

255. LỤC VỊ THANG GIA GIẢM

Thục địa	20g
Hoài sơn	12g
Sơn thù	12g
Bạch linh	8g
Đương quy	16g
Hà thủ ô đỏ chế	20g
Ngải cứu (sao đen)	12g
Hoè hoa (sao đen)	12g
Hương phụ tứ chế	16g
A giao (nướng phồng)	12g

Chủ trị:

Phụ nữ băng lậu thuộc thể thận hư: Đầu váng mắt hoa, lưng đau gối mỏi, về chiều có cảm giác hâm hấp sốt, hồi hộp, họng khô, lưỡi đỏ, mạch nhanh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 - 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

256. TAM THẤT THỤC ĐỊA THANG

Tam thất	20g
Thục địa	20g
Cẩu tích	20g
Ba kích	12g

Chủ trị:

Phụ nữ băng lậu thuộc thể thận hư.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

257. HƯƠNG HOÀI SA Ý NGẢI THANG

Hương phụ tứ chế	16g
Hoài sơn	16g
Sa nhân	12g
Ý dĩ	16g
Ngải diệp	12g
Củ Sả	10g
Trần bì	12g

Chủ trị:

Phụ nữ ra khí hư màu trắng như nước bọt, không hôi, người mệt mỏi có cảm giác nặng nề, chân tay lạnh, tiểu nhiều , phân nát, ăn kém, rêu lưỡi trắng, mạch hoãn yếu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

258. TỨ QUÂN GIA VỊ THANG

Đảng sâm	16g
Bạch linh	10g
Bạch truật	16g
Cam thảo	6g
Hương phụ tứ chế	16g
Ngải diệp	12g
Can khương	10g

Chủ trị:

Phụ nữ ra khí hư. Cơ thể suy nhược, ăn uống kém.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

259. SÂM NGẢI SA TỲ THANG

Đảng sâm	20g
Ngải diệp	12g
Sa nhân	12g
Tỳ giải	12g
Ý dĩ	16g
Trần bì	12g
Can khương	8g

Chủ trị:

Phụ nữ ra khí hư, cơ thể suy nhược, ăn uống kém.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

260. MẪU LỆ THỦ Ô TÁN

Mẫu lệ (nung chín)	40g
Hà thủ ô đỏ chế	40g
Khiếm thực (sao)	40g
Đậu đen (sao chín)	40g
Lộc giác sương	40g

Chủ trị:

Phụ nữ ra khí hư thuộc thể thận suy yếu: Khí hư ra nhiều như lòng trắng trứng, sắc mặt sạm đen, chân tay lạnh, đi tiểu tiện nhiều trong, đại tiện phân nát, ù tai, lưng đau gối mỏi, đau vùng hạ vị, rêu lưỡi trắng dày, mạch trầm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế, sấy giòn tán bột mịn trộn đều.

Ngày uống 40 - 50g chia làm 2 lần, uống với nước chín.

261. LỤC VỊ GIA VỊ THANG

Thục địa	20g
Hoài sơn	12g
Sơn thù	12g
Đan bì	8g
Bạch linh	8g
Trạch tả	8g
Kim anh tử	12g
Hương phụ tứ chế	16g
Can khương	8g
Liên phòng	8g

Chủ trị:

Phụ nữ ra khí hư do thận suy yếu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

262. LIÊN BÁ THỔ ĐAN SINH THANG

Hoàng Liên	10g
Hoàng Bá	10g
Thổ phục linh	12g
Đan bì	12g
Sinh địa	12g
Bạch mao căn	12g
Ngải diệp	12g
Hương phụ tứ chế	16g

Chủ trị:

Phụ nữ ra khí hư do thấp nhiệt: Khí hư ra màu vàng hoặc hơi hồng, đặc dính, đau nặng đầu, mệt mỏi, khát mà không muốn uống, bồn chồn, bứt dứt, ít ngủ, đại tiện táo , tiểu tiện vàng sẫm hoặc dắt, buốt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

263. TÔ MỘC HOÀNG BÁ THANG

Tô mộc	16g
Hoàng bá	12g
Bạch linh	12g
Thổ phục linh	12g
Ngải cứu	12g
Trạch tả	12g
Hương phụ tứ chế	12g
Quế chi	12g

Chủ trị:

Phụ nữ ra khí hư do thấp nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp dùng thêm các vị:

Lá Móng tay	30g
Binh lang	10g
Thương truật	20g
Khô phàn (Phèn phi)	6g
Tô mộc	30g

Cho vào 2000ml nước, đun sôi kỹ 10 - 15 phút, gạn nước thuốc ra chậu để ấm rửa âm đạo. Ngày rửa 1 - 2 lần.

264. BÁN HẠ TRẦN BÌ THỔ PHỤC CHỈ XÁC THANG

Bán hạ (chế)	12g
Trần bì	12g
Thổ phục linh	12g
Hương phụ tứ chế	16g
Sơn tra (sao)	16g
Chỉ xác	12g
Mộc thông	12g
Đương quy	16g
Can khương	10g

Chủ trị:

Phụ nữ béo, toàn thân nặng nề, khí hư ra nhiều như đờm (Đàm thấp trệ) dễ chóng mặt, hoa mắt, tức ngực, ăn kém, thở nhanh; lưỡi nhợt, rêu lưỡi trắng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

265. BÁN HẠ TRẦN BÌ SƠN TRA HƯƠNG PHỤ THANG

Bán hạ chế	12g
Trần bì	12g
Sơn tra (sao)	16g
Hương phụ tứ chế	16g
Bạch truật	16g
Đương quy	16g
Bạch linh	12g
Ngải cứu	12g
Cam thảo	6g

Chủ trị:

Phụ nữ béo, toàn thân nặng nề ra khí hư nhiều như đờm (đàm thấp trệ), chóng mặt, hoa mắt, tức ngực thở nhanh, ăn uống kém, lưỡi nhợt, rêu lưỡi trắng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

266. XÍCH BẠCH ĐỒNG CHI TỬ UẤT KIM THANG

Xích đồng nam	12g
Bạch đồng nữ	12g
Chi tử	10g
Uất kim	12g
Thanh bì	12g
Cam thảo	6g

Chủ trị:

Phụ nữ ra khí hư thể cam uất: Khí hư ra màu đỏ nhợt hoặc trắng dính ra kéo dài và kinh nguyệt không đều; tính tình hay cáu gắt bực bội, hai bên mạng sườn đầy tức, miệng khô đắng, nước tiểu vàng, rêu lưỡi vàng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

267. HOÀNG SÀI HƯƠNG CHI BẠCH THANG

Hoàng cầm	12g
Sài hồ	12g
Hương phụ tứ chế	16g
Chi tử	8g
Bạch thược	12g
Ngải diệp	12g
Ích mẫu	12g
Chỉ thực	12g
Đương quy	12g
Bạch linh	12g

Chủ trị:

Phụ nữ ra khí hư thuộc thể can uất.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ cay nóng, kích thích.

268. TỨ QUÂN TỬ GIA VỊ THANG

Đảng sâm	20g
Bạch linh	12g
Bạch truật	20g
Cam thảo	4g
Trần bì	12g
Hương phụ tứ chế	16g
Sa nhân	12g
Ngải diệp	12g
Tô ngạnh	12g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai tỳ vị hư nhược: Vùng thượng vị phát sinh đầy trướng, nôn ra nước trong; sau ăn là nôn, người mệt mỏi; Rêu lưỡi trắng, mạch nhanh không có lực.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống nhiều lần trong ngày, để tránh nôn mất thuốc.

Ngày uống 1 thang; uống liền 3 - 5 thang.

269. SA NHÂN HƯƠNG PHỤ THANG

Sa nhân	12g
Hương phụ tứ chế	16g
Củ Gai	12g
Tục đoạn	12g
Hoài sơn	16g
Đảng sâm	16g
Trần bì	12g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai, vùng thường.

Vị đầy trướng, nôn ra nước trong; sau ăn là nôn do tỳ vị hư nhược.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống nhiều lần trong ngày để tránh nôn mất thuốc.

Ngày uống 1 thang, uống liền 3-5 thang

270. CỦ GAI TÔ NGẠNH HOÀNG CẦM THANG

Củ Gai	12g
Tô ngạnh	12g
Hoàng cầm	12g
Tục đoạn	12g
Đảng sâm	16g
Bạch truật	16g
Hương phụ tứ chế	16g
Thanh bì	12g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai đau lâm râm vùng bụng dưới, ngực sườn đầy tức, nôn, dễ cáu gắt, rêu lưỡi vàng, mạch huyền hoạt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

271. SA NHÂN TỤC ĐOẠN HOÀNG CẦM THANG

Sa nhân	12g
Tục đoạn	12g
Hoàng cầm	12g
Bạch truật	16g
Hà thủ ô đỏ chế	16g
Thục địa	16g
Hoài sơn	12g
Sơn thù	12g
Ngải diệp	12g
Đương quy	16g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai, nôn mửa, chán ăn, người gầy xanh yếu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống nhiều lần trong ngày để tránh nôn mất thuốc.

Ngày uống 1 thang.

272. THỎ TY ĐỖ TRỌNG ĐƯƠNG QUY THANG

Thỏ ty tử	10g
Đỗ trọng	16g
Đương quy	16g
Củ Gai	12g
Tô ngạnh	12g
Hương phụ tứ chế	16g
Tục đoạn	12g
Sa nhân	12g
Xuyên khung	6g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai, nôn mửa, ăn ít, người gầy yếu xanh xao.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống nhiều lần trong ngày để tránh nôn mất thuốc.

Ngày uống 1 thang.

273. TỨ QUÂN THANG GIA GIẢM

Nhân sâm	12g
Bạch truật	20g
Phục linh	12g

Tô ngạnh	12g
Trần bì	12g
Hương phụ tứ chế	16g
Trạch tả	12g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai bị phù chân do công năng vận hoá của tỳ kém, thường gọi là "Xuống máu chân".

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

274. TÔ NGẠNH THANG

Tô ngạnh	12g
Bạch thược	8g
Đảng sâm	16g
Đương quy	16g
Trần bì	12g
Đại phúc bì	10g
Xuyên khung	6g
Thông bạch (Hành)	6g
Sinh khương	4 lát

Chủ trị:

Phụ nữ có thai, thai động không yên, ngực sườn đầy trướng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

275. ĐƯƠNG QUY A GIAO THANG

Đương quy	16g
A giao (sao phồng)	12g
Đảng sâm	20g
Cam thảo	4g
Hành tươi (cả rễ)	10g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai - thai động không yên.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

276. HƯƠNG NGẢI BÁN LINH TRẦN THANG

Hương phụ tứ chế	16g
Ngải diệp	12g
Bán hạ	8g
Bạch linh	12g
Trần bì	12g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai, thể trạng béo, vẻ nặng nề chậm chạp, trong lòng thấy buồn phiền không yên.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Nếu chỉ thấy buồn phiền, cảm giác nóng nhiều có thể dùng:

Tinh tre xanh (Trúc nhự)	40g

Sắc kỹ lấy nước, uống lúc thuốc còn ấm.

277. TRỮ MA GIAO NGẢI THANG

Trữ ma căn	12g
A giao (nướng phồng)	12g
Ngải diệp (sao đen)	12g
Hoè hoa (sao)	12g
Hạn liên thảo	16g
Hoàng cầm	16g
Hương phụ	16g
Đương quy	16g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai động thai: Đau bụng ra máu ở âm đạo.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

278. SƠN HÀ QUY TRUẬT THANG

Hoài sơn (sao)	16g
Hà thủ ô đỏ (chế)	16g
Đương quy	16g
Bạch truật	16g
Hương phụ tứ chế	16g
Xuyên khung	12g
Ngải diệp	12g
Chỉ thực	12g

Chủ trị:

Sản phụ sau đẻ huyết hư bụng đau nhưng bụng không trướng, xoa nắn hay chườm thấy đỡ, lưỡi nhợt, mạch nhỏ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

279. ĐAN ĐÀO HƯƠNG NGẢI ÍCH QUY THANG

Đan sâm	12g
Đào nhân	6g
Hương phụ tứ chế	16g
Ngải diệp	12g
Ích mẫu	12g
Đương quy	12g

Chủ trị:

Sản phụ sau đẻ đau bụng, huyết hôi ra khó khăn, bụng đầy cứng, táo bón.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Khi thấy sản dịch ra nhiều, hết đau bụng thì ngưng uống thuốc.

280. ĐAN SÂM THANG

Đan sâm	20g
Hương phụ tứ chế	16g
Ngưu tất	12g
Đại hoàng	10g

Chủ trị:

Sản phụ sau đẻ đau bụng, huyết hôi, sản dịch ra khó khăn, bụng đầy trướng, táo bón.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Khi thấy sản dịch ra nhiều, hết đau bụng thì ngưng uống thuốc.

281. TỨ QUÂN THANG GIA GIẢM

Đảng sâm	16g
Bạch truật	16g
Bạch linh	10g
Sơn tra (sao)	12g
Hoàng kỳ	16g
Thần khúc	12g
Trần bì	12g
Sa nhân	10g
Nhục quế	10g

Chủ trị:

Sản phụ sau đẻ, chán ăn, ăn không tiêu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc,chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

282. KHƯƠNG QUẾ NGẢI HƯƠNG THANG

Can khương	12g
Nhục quế	10g
Ngải diệp	12g
Hương phụ tứ chế	16g
Đương quy	16g
Xuyên khung	12g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Sản phụ sau đẻ nhiễm lạnh gây đau bụng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

283. TỨ VẬT THANG GIA VỊ

Xuyên khung	8g
Đương quy	16g
Thục địa	16g
Thược dược	10g
Mạch môn	12g
Chỉ thực	10g
Thảo quyết minh (để sống)	16g
Hương phụ tứ chế	16g
Can khương	8g

Chủ trị:

Sản phụ sau khi đẻ táo bón.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Hết táo thì ngưng dùng thuốc.

284. CÔNG ANH THANH BÌ THANG

Bồ công anh	16g
Thanh bì	12g
Hương phụ tứ chế	16g
Đan sâm	16g
Đương quy	16g
Xuyên khung	12g

Chủ trị:

Sản phụ sau đẻ tắc tia sữa: Vú có quầng tấy đỏ, vú căng đau sốt cao, gai rét, chưa có mủ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp dùng:

Lá Bồ công anh tươi 100 - 200g

Rửa sạch để ráo nước giã nhỏ thêm ít muối đắp vào nơi vú sưng nóng đỏ đau.

285. LỤC VỊ GIA VỊ THANG

Thục địa	20g
Hoài sơn	16g
Sơn thù	16g
Đan bì	10g
Bạch linh	10g
Trạch tả	8g
Sài hồ	12g
Hoàng cầm	12g
Hương phụ tứ chế	16g

Chủ trị:

Phụ nữ giai đoạn tiền mãn kinh thận suy kém:

Kinh nguyệt thất thường, đầu váng mắt hoa, đau mỏi vùng thắt lưng, buổi chiều có cảm giác hâm hấp nóng (triều nhiệt), gò má đỏ, lòng bàn tay bàn chân nóng, mất ngủ ra nhiều mồ hôi, miệng khô, đại tiện táo, lưỡi đỏ rêu ít, mạch nhanh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang

286. TỨ VẬT THANG GIA VỊ

Xuyên khung	10g
Đương quy	10g
Thục địa	16g
Bạch thược	12g
Ngưu tất	12g
Cẩu tích	20g
Ba kích	12g
Hương phụ tứ chế	16g
Thảo quyết minh (sao)	20g

Chủ trị:

Phụ nữ giai đoạn tiền mãn kinh thận suy kém.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 - 1000ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

287. THỤC BA KỶ NHỤC DUNG THANG

Thục địa	16g
Ba kích	12g
Câu kỷ tử	12g
Nhục thung dung	8g
Sài hồ	12g
Sơn thù	12g
Ích mẫu	12g
Hoàng cầm	12g
Ngũ vị	8g
Cam thảo chích	6g

Chủ trị:

Phụ nữ giai đoạn tiền mãn kinh thận suy kém.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 - 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

288. THỤC BA ĐỖ CẨU NHỤC NGƯU THANG

Thục địa	16g
Ba kích	12g
Đỗ trọng	12g
Cẩu tích	20g
Nhục thung dung	10g
Ngưu tất	12g
Đương quy	16g
Hương nhu (sao)	16g
Thanh bì	10g
Ngải diệp	12g

Chủ trị:

Phụ nữ giai đoạn tiền mãn kinh thận dương hư: Tinh thần uỷ mị, sắc mặt sạm, đau mỏi lưng gối, sợ lạnh. Chân tay lạnh, đái nhiều, mạch trầm không có lực - hơi nhanh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 - 1000 ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

289. SÀI CẦM QUY THƯỢC THANG

Sài hồ	12g
Hoàng cầm	12g
Đương quy	16g
Bạch thược	12g
Đan bì	10g
Xuyên khung	8g
Hương phụ tứ chế	16g
Uất kim	10g

Chủ trị:

Phụ nữ giai đoạn tiền mãn kinh can suy kém: kinh nguyệt thất thường lúc ra nhiều, lúc ra ít; người thấy bứt rứt khó chịu, đầu đau. Tính tình thất thường hay thay đổi, dễ cáu gắt, hồi hộp, mất ngủ; ngực sườn đầy tức đau, họng khô, miệng khô, xung quanh lưỡi đỏ, rêu vàng dày, mạch trầm nhanh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 - 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

290. SÀI CẦM SINH ĐỊA THỦ Ô THANG

Sài hồ	12g
Hoàng cầm	12g
Sinh địa	12g
Hà thủ ô chế	16g
Hương phụ tứ chế	16g
Cẩu tích	20g
Ba kích	12g
Thanh bì	12g
Cam thảo	6g

Chủ trị:

Phụ nữ giai đoạn tiền mãn kinh Can suy kém.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 - 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

291. QUY TỲ THANG GIA GIẢM

Đảng sâm	20g
Hoàng kỳ	12g
Toan táo nhân (sao)	12g
Đương quy	16g
Bạch truật	16g
Phục thần	10g
Long nhãn	16g
Đại táo	16g
Can khương	8g
Hương phụ tứ chế	16g
Đan sâm	10g

Chủ trị:

Phụ nữ giai đoạn tiền mãn kinh tâm, tỳ yếu: Kinh nguyệt rối loạn lúc nhiều lúc ít, toàn thân mệt mỏi, ăn uống kém, bụng đầy trướng, phân lỏng nát; Hay hồi hộp mất ngủ, đánh trống ngực hay thở dài, da mặt vàng xanh, có thể ra nhiều khí hư, rêu lưỡi dày bệu, mạch hư nhanh nhỏ yếu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 - 1000ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

292. LINH QUY SA TRUẬT TÁO NHÂN THANG

Bạch linh	10g
Đương quy	16g
Sa nhân	12g
Bạch truật	16g
Táo nhân (sao)	12g
Hương phụ tứ chế	16g
Ngải diệp	12g
Xương bồ	8g

Chủ trị:

Phụ nữ giai đoạn tiền mãn kinh tâm tỳ suy tổn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

293. TỨ VẬT GIA VỊ THANG

Xuyên khung	8g
Đương quy	16g
Thục địa	12g
Thược dược	10g
Đan sâm	12g
Đảng sâm	16g
Liên nhục	20g
Hương phụ tứ chế	16g
Ô dược	12g
Ngải diệp	12g

Chủ trị:

Phụ nữ giai đoạn tiền mãn kinh tâm tỳ suy yếu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 - 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

294. SÂM NGẢI LIÊN KINH THANG

Sâm Bố chính (tẩm Gừng sao)	40g
Ngải cứu	16g
Hạn liên thảo (sao đen)	16g
Kinh giới (sao đen)	16g
Trắc bách diệp	12g
Thán khương	10g

Chủ trị:

Phụ nữ băng huyết: Huyết ra loãng, người mệt mỏi, ra mồ hôi, sợ lạnh, mạch hư.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần.

Chú ý gia vị:

- Nếu băng huyết mà huyết ra sắc đỏ sẫm, người nóng, khát nước, lưỡi khô rêu lưỡi vàng, mạch hoạt sác (là do nhiệt và có nhiễm trùng) gia thêm các vị:

Nõn lá Sen (sao vàng)	40g
Lá Huyết dụ (sao vàng)	40g
Chi tử (sao đen)	30g

- Nếu huyết ra có cục, bụng dưới đau, ấn tay vào không chịu được, mạch sác (là có ứ huyết) gia thêm các vị:

Trạch lan (sao)	20g
Hương phụ (tứ chế)	20g
Nghệ xanh (sao đen)	10g

295. LƯƠNG HUYẾT THANH NHIỆT ĐIỀU KINH THANG

Hương phụ tứ chế	20g
Ích mẫu	16g
Cỏ Nhọ nồi (sao)	40g
Rau Má tươi	40g
Chỉ xác (sao đen)	16g
Sinh địa	20g

Chủ trị:

Phụ nữ rối loạn kinh nguyệt thể huyết nhiệt; Kinh tới trước kỳ, lượng kinh nhiều, sắc hồng sẫm hoặc tím đen hoặc có hòn cục, mùi hôi, sắc mặt có khi đỏ, môi đỏ, miệng khô ráo, đại tiện táo, tiểu tiện đỏ, lưỡi đỏ rêu vàng mạch to mạnh hoặc nhanh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

296. LIÊN TIỀN HƯƠNG PHỤ THANG

Liên tiền thảo (Rau Má)	40g
Hương phụ chế	40g
Trữ ma căn (sao)	40g
Bạch đồng nữ	20g

Chủ trị:

Phụ nữ rối loạn kinh nguyệt thể huyết nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

297. HY THIÊM ÍCH MẪU THANG

Hy thiêm	40g
Hương phụ tứ chế	20g
Ích mẫu	16g
Bạch mao căn	30g

Chủ trị:

Phụ nữ rối loạn kinh nguyệt thể huyết nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

298. ÔN KINH THANG

Hương phụ tứ chế	40g
Ngải cứu	30g
Ích mẫu	30g
Thán khương	16g

Chủ trị:

Phụ nữ rối loạn kinh nguyệt thể huyết hàn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

299. CỐ KINH BỔ KHÍ THANG

Hương phụ chế	20g
Ngải cứu (sao đen)	20g
Bố chính sâm (tẩm gừng sao)	40g
Gừng nướng (ổi khương)	8g
Rễ Vú bò	16g

Chủ trị:

Phụ nữ rối loạn kinh nguyệt thể khí hư: kinh tới trước kỳ, lượng nhiều loãng, sắc nhợt, sắc mặt nhợt, tinh thần mệt mỏi, không thích nói, chất lưỡi nhợt, rêu lưỡi mỏng ướt, mạch hư nhược.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

300. BỔ HUYẾT ĐIỀU KINH THANG

Hà thủ ô chế	40g
Hương phụ tứ chế	40g
Ngải cứu	16g
Củ Gai	20g
Lá Sung	40g
Ích mẫu	20g
Đậu đen	40g

Chủ trị:

Phụ nữ rối loạn kinh nguyệt thể huyết hư: Kinh tới sau kỳ, ít, nhợt nhạt, loãng, người gầy yếu, sắc mặt vàng úa, môi lưỡi, móng tay nhợt da khô, hoa mắt, hồi hộp, ít ngủ, chất lưỡi mỏng không rêu, mạch hư tế.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

301. ĐIỀU KINH BỔ KHÍ HUYẾT THANG

Sâm bổ chính (tẩm gừng sao)	20g
Hương phụ tứ chế	20g
Hà thủ ô chế	20g
Hoàng tinh chế	20g
Rễ Vú bò	16g
Ngải cứu	12g
Củ Gai	20g
Ích mẫu	20g
Lá Sung	20g

Chủ trị:

Phụ nữ rối loạn kinh nguyệt thể khí huyết đều hư: Kinh khi trồi khi sụt kèm thêm các triệu trứng khí hư và huyết hư.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

302. HÀNH HUYẾT TRỤC Ứ ĐIỀU KINH THANG

Hương phụ tứ chế	40g
Ngải cứu	16g
Mã tiên thảo	30g
Ích mẫu	20g
Trạch lan	30g
Nga truật	20g

Chủ trị:

Phụ nữ rối loạn kinh nguyệt do huyết ứ: Kinh tới sau kỳ, lượng ít, sắc bầm đen, có hòn cục, sắc mặt xanh xám, bụng dưới đau, nắn không chịu được, máu cục ra được thì đỡ đau, ngực bụng đầy trướng, đại tiện táo, nước tiểu vàng ít; lưỡi hồng sẫm, mạch trầm sáp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

303. THƯ KHÍ GIẢI UẤT ĐIỀU KINH THANG

Hương phụ tứ chế	40g
Ô dược (sao)	20g
Chỉ xác (sao)	16g
Thanh bì (sao)	30g
Dái Nghệ vàng (sao)	30g

Chủ trị:

Phụ nữ rối loạn kinh nguyệt thể khí uất; Kinh nguyệt tới trước hoặc sau kỳ không nhất định, lượng ít có hòn cục, sắc mặt xanh xám, tinh thần không thư thái, trước khi kinh tới vú căng đau, kinh tới bụng dưới đau lan lên tới ngực sườn, ợ hơi thì đỡ đau, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch huyền.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

304. BỔ HUYẾT ĐIỀU KINH THANG

Hà thủ ô chế	40g
Hương phụ tứ chế	40g
Đậu đen (sao)	40g
Củ Gai (sao)	20g
Lá Sung (sao)	40g
Ích mẫu	20g
Ngải cứu	16g

Chủ trị:

Phụ nữ bế kinh, thể huyết hư - Huyết khô: Kinh một vài tháng không thấy, sắc mặt vàng úa, đầu mặt choáng váng, có khi đầu đau, tim hồi hộp, người gầy da khô, mạch hư tế sáp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 300ml nước, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

305. BỔ TỲ DƯỠNG KHÍ HUYẾT ĐIỀU KINH THANG

Bổ chính sâm (tẩm gừng sao)	40g
Hương phụ tứ chế	20g
Hoài sơn (sao vàng)	20g
Thổ phục linh	16g
Vỏ Dụt	20g
Ích mẫu	16g
Vỏ quýt	16g
Sa nhân	16g

Chủ trị:

Phụ nữ bế kinh thể tỳ hư - huyết khô: Sắc mặt xanh vàng, tinh thần mệt mỏi, chân tay lạnh, ăn không ngon, có kinh bụng đầy, tim hồi hộp, miệng nhạt, đại tiện nhão, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch trầm, hoãn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

306. ĐIỀU KINH ĐIỀU KHÍ THƯ UẤT THANG

Sài hồ	12g
Rau Má	20g
Ngải cứu	8g
Ích mẫu	16g
Hương phụ tứ chế	20g
Củ Sả	10g
Thanh bì (sao)	8g
Hoài sơn	16g
Cảm thảo dây	12g
Hồi đầu (tẩm gừng sao)	12g

Chủ trị:

Phụ nữ bế kinh thể khí uất - huyết trệ: Sắc mặt xanh vàng, tinh thần không thư thái tính tình gắt gỏng, đầu váng tai ù, ngực sườn đầy tức, ăn ít, ợ hơi, rêu lưỡi vàng dày, mạch huyền.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

307. ĐIỀU KINH HOẠT HUYẾT TIÊU Ứ THANG

Hương phụ tứ chế	40g
Ích mẫu	30g
Trạch lan (Mần tưới)	30g
Cỏ Roi ngựa	30g
Ngải cứu	16g
Nga truật	20g

Chủ trị:

Phụ nữ bế kinh thể huyết ứ, huyết ngưng - huyết trệ: Sắc mặt xanh sẫm, bụng dưới đau nắn thấy cứng, ngực bụng đầy trướng khó chịu, miệng ráo không muốn uống nước, da khô ráo có vảy, đại tiện táo, tiểu tiện lợi, chất lưỡi đỏ sẫm hoặc có điểm tía, mạch huyền sáp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia vị:

Trường hợp người bệnh có hàn nhiều gia thêm:

Gừng khô	8g
Quế tâm	8g

Cùng sắc với thang trên, uống.

308. BỔ KHÍ CHỈ HUYẾT THANG

Bổ chính sâm tẩm gừng sao (hoặc Rễ Đinh lăng nhỏ lá)	40g
Mộc nhĩ (sao cháy)	40g
Rễ Vú bó	20g
Thán khương	10g

Chủ trị:

Phụ nữ băng huyết sẩy thai do hư hàn: Đột nhiên huyết ra nhiều đầm đìa không dứt, sắc hồng nhợt, chất loãng tinh thần mỏi mệt, khí đoản, ngại nói, không muốn ăn, đại tiện nhão, ra mồ hôi, sợ lạnh, lưỡi nhợt rêu mỏng, mạch đại mà hư hoặc tế nhược (nếu bị nặng thì mặt mày xây xẩm, ngã lăn mê man, mạch muốn tuyệt).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế xong cho vào 800ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Có thể cho uống kết hợp Bột cầm máu:

Bẹ móc (Tông lư)	100g
Kinh giới	100g
Cỏ Nhọ nồi	100g
Bồ hoàng	100g
Ngải cứu	100g

Tất cả các vị (có đủ thì tốt nếu không thiếu vài ba vị cũng được) cho vào nồi đậy nắp kín sao cháy thành than tồn tính, tán bột mịn.

Mỗi lần uống 1 thìa canh với nước.

309. THANH NHIỆT LƯƠNG HUYẾT CHỈ HUYẾT THANG

Nõn lá Sen (sao vàng)	40g
Cỏ Nhọ nồi (sao vàng)	40g
Lá Huyết dụ (sao vàng)	40g
Lá Trắc bá (sao đen)	20g
Chi tử (sao đen)	12g

Chủ trị:

Phụ nữ băng huyết sẩy thai do huyết nhiệt: Đột nhiên huyết ra nhiều, đầm đìa, sắc hồng đậm, người nóng, khát nước, đầu xây xẩm, ngủ không yên, lưỡi hồng khô, rêu vàng, mạch hoạt sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao hạ thổ cho vào 600ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc.chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

310. TÔNG LƯ KINH GIỚI HOÈ HOA TÁN

Tông lư (sao cháy)	40g
Kinh giới tuệ (sao cháy)	30g
Hoè hoa (sao cháy)	40g

Chủ trị:

Phụ nữ băng huyết sẩy thai do huyết nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn, mỗi lần uống 8 -12g, uống với nước tiểu trẻ em dưới 5 tuổi mới tiểu.

311. THUỶ NGƯU TÁN

Chóp nhọn sừng Trâu (đốt tồn tính)	40g
Ô tặc cốt (bóc bỏ vỏ cứng nướng)	40g

Chủ trị:

Phụ nữ băng huyết sẩy thai do huyết nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn, mỗi lần uống 4 - 8g với nước chín nguội.

312. TIÊU Ứ CHỈ HUYẾT THANG

Cỏ Nhọ nồi (sao đen)	20g
Mần tưới (Trạch lan) sao	20g
Nghệ xanh (sao giấm)	20g

Hương phụ (chế)	20g
Ngải cứu (sao đen)	16g
Tô mộc	16g

Chủ trị:

Phụ nữ băng huyết sẩy thai do huyết ứ, huyết ngưng, khí trệ: Đột nhiên huyết ra nhiều, sắc tím đậm, đen, có cục, bụng dưới đau không sờ vào được, huyết cục ra được thì đỡ đau; rêu lưỡi thường, mạch trầm sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế xong cho vào 800ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc,chia uống 3 lần (sáng, trưa, tối).

313. NHỊ TRẦN THANG GIA GIẢM

Trần bì	12g
Bán hạ (tẩm gừng sao vàng)	12g
Cam thảo	12g
Trúc nhự	12g
Sinh khương	12g

Chủ trị:

Phụ nữ thai nghén: Có thai 2 - 3 tháng mỏi mệt, muốn nằm, đầu mặt xây xẩm, nôn mửa, khát, không muốn ăn, miệng nhạt, đắng, bụng cồn cào, rêu lưỡi trắng mỏng hoặc vàng, mạch hoạt sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống nhiều lần trong ngày (mỗi lần uống 15 - 20ml, cách nhau 1 giờ) để tránh uống vào lại nôn ra ngay.

Chú ý gia giảm:

- Người mệt mỏi không muốn ăn gia thêm:

Bố chính sâm (sao gừng)	16g
Hoàng tinh chế	20g

- Tiêu hoá chậm gia thêm:

Sa nhân	10g
Chỉ xác	8g

- Nếu có ợ chua gia thêm:

Chi tử (sao cháy)	12g
Rau Má	16g

314. VIÊN BỔ TỲ ÍCH KHÍ

Bố chính sâm (tẩm gừng sao vàng)	40g
Liên nhục (sao vàng)	20g
Trần bì	12g
Tỳ giải	20g
Ý dĩ (sao vàng)	40g
Sa nhân	10g
Củ Sả (sao)	12g

Chủ trị:

Phụ nữ ra khí hư do tỳ hư: khí hư sắc trắng như nước bọt, không hôi thối, lưng bụng không đầy đau, kinh nguyệt bình thường, da trắng nhợt, tinh thần mệt mỏi, tay chân lạnh, đại tiện phân sột sệt, nước tiểu trong và nhiều rêu lưỡi trắng mạch hoãn nhược.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế song sấy khô tán bột mịn, luyện hồ làm viên bằng hạt ngô nhỏ.

Mỗi lần uống 20g ngày uống 2 lần (sáng, tối) uống với nước chín.

315. BỘT THANH NHIỆT TRỪ THẤP

Khiếm thực (sao vàng)	40g
Ý dĩ (sao vàng)	40g
Hoa Mã đề	40g
Hoa Mào gà	20g
Vỏ Núc nác (sao rượu)	20g

Chủ trị:

Phụ nữ thấp nhiệt khí hư ra nhiều, có khi lẫn huyết, chất đặc dính hơi hôi, đầu choáng và nặng, mỏi mệt, khát mà không uống nước nhiều, bứt rứt ít ngủ, đại tiện không bình thường, tiểu tiện đỏ sẻn hoặc đi nhiều mà buốt, rêu lưỡi vàng nhờn, mạch nhu sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế xong, sấy khô tán một mịn.

Ngày uống 2 lần mỗi lần 20g (sáng, tối) uống với nước chín.

316. KIỆN TỲ TRỪ THẤP HOÁ ĐÀM THANG

Thổ phục linh (sao vàng)	20g
Trần bì	
(ngâm bỏ cùi trắng) sao	16g
Bán hạ chế	16g
Vỏ Dụt (sao)	20g
Củ Gấu (sao đồng tiện)	20g
Chỉ xác	12g
Sinh khương	8g

Chủ trị:

Phụ nữ đàm thấp, người béo mập, ra khí hư nhiều chất như đờm, đầu nặng xây xẩm, miệng nhạt, ngực tức bụng đầy, ăn ít, đờm nhiều thở mạnh và gấp, lưỡi nhạt, rêu lưỡi trắng nhờn, mạch huyền hoạt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng cho sao 800ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần (sáng-tối).

Ngày uống 1 thang.

317. THANH NHIỆT ĐIỀU CAN GIẢI UẤT THANG

Xích đồng nam (sao vàng)	40g
Bạch đồng nữ (sao vàng)	40g
Chi tử (sao cháy)	20g
Khương hoàng	20g
Thanh bì	20g
Cam thảo dây	16g

Chủ trị:

Phụ nữ can uất khí hư màu đỏ nhợt, hoặc trắng chất đặc dính, dai dẳng không dứt, hành kinh không nhất định ngày, tinh thần không thư thái, dưới sườn đầy tức, miệng đắng cổ khô, sắc mặt vàng nhuận, đại tiện thường, tiểu tiện vàng, rêu lưỡi trắng vàng lẫn lộn, mạch huyền.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800 ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần (sáng, tối).

Ngày uống 1 thang.

318. VIÊN THỦ Ô KHIẾM THỰC

Hà thủ ô (chế)	40g
Khiếm thực (sao vàng)	40g
Lộc giác sương (sao vàng)	40g
Đậu đen (sao vàng kỹ)	40g
Mẫu lệ (nung chín)	40g

Chủ trị:

Phụ nữ thận hư khí hư ra trắng như lòng trắng trứng gà, lâu ngày không hết, sắc mặt sạm tối, đại tiện sột sệt, nước tiểu trong và nhiều, eo lưng đau nhiều, bụng dưới đau, chất lưỡi nhợt, rêu lưỡi trắng, mạch trầm tế.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế xong, sấy khô, tán bột mịn luyện hồ làm viên bằng hạt ngô nhỏ.

Mỗi lần uống 20g ngày uống 2 lần (sáng, tối) uống với nước chín.

319. MẪU LỆ LIÊN PHÒNG TÁN

Mẫu lệ (nung chín)	50g
Liên phòng (đốt tồn tính)	50g
Rễ Ích mẫu (đốt tồn tính)	50g
Hương phụ chế	50g
Can khương (đốt tồn tính)	25g

Chủ trị:

Phụ nữ thận hư ra khí hư sắc trắng như lòng trắng trứng gà, ra lâu ngày không dứt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn.

Mỗi lần uống 8g, ngày uống 2 lần (sáng, tối) uống với rượu.

320. XUYÊN BỐ THANG

Xuyên sơn giáp (sao gấm)	20g
Bồ công anh	40g
Sài hồ	20g
Thông thảo	12g

Chủ trị:

Sản phụ sau đẻ có những tia sữa không thông, vú sưng đỏ, đau tức, có khi phát sốt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào ấm, đổ 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

321. BỔ CÔNG SINH ĐỊA THIÊN HOA THANG

Bồ công anh	40g
Sinh địa	12g
Thiên hoa phấn	12g
Chi tử	12g
Sài hồ	8g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai 7 - 8 tháng vú sưng đau, sắc đỏ (do nhiệt nhiều).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

322. NGÂN HOA CHI TỬ NGƯU BÀNG THANG

Kim ngân hoa	12g
Chi tử	12g
Ngưu bàng tử	12g
Thiên hoa phấn	12g
Hương phụ (sao giấm)	12g
Tạo giác thích	8g
Trần bì	8g
Thanh bì	12g
Sài hồ	12g

Chủ trị:

Phụ nữ tuyến vú căng, tấy, sưng đỏ, đau nóng rát phát sốt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

323. THÔNG SỮA BỔ KHÍ HUYẾT THANG

Chân giò lợn	1 cái
Móng chân lợn (sao cát phồng)	20g
Quả mít non (gọt bỏ vỏ)	100g
Đu đủ non (gọt bỏ vỏ)	50g
Lá Sung tật	100g
Hạt Mùi	10g
Gạo nếp	100g

Chủ trị:

Sản phụ sau khi sinh sữa ra ít hoặc không ra mà vú không căng, sưng đau (do khí huyết hư tổn).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho hầm như, chia ăn 2 lần trong ngày (cần hâm lại trước khi ăn để phòng ôi thiu).

Cho sản phụ ăn nhiều ngày, sữa về nhiều thì thôi.

324. THIÊN KIM BẠCH THANG

Thiên hoa phấn	8g
Kim ngân hoa	8g
Bạch cập	8g
Xuyên sơn giáp (sao phồng)	6g
Tri mẫu	8g
Nhũ hương	4g
Tạo giác thích	4g
Bối mẫu	8g
Bán hạ chế	6g

Chủ trị:

Phụ nữ tuyến vú căng, tấy sưng đỏ đau.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, thêm ít rượu chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Kết hợp lấy bã thuốc thêm lá cây Phù dung giã nát thêm chút mật ong đắp lên nơi vú sưng đau.

325. BẠCH QUẢ HƯỚNG DƯƠNG THANG

Nhân hạt Bạch quả (đập vỡ)	10g
Thân cành hướng dương (bỏ vỏ lấy lõi)	12g
Bạch biển đậu	30g

Chủ trị:

Phụ nữ khí hư bạch đới.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, thêm chút đường đỏ quấy tan, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

326. BẠCH MẪU TÁN

Bạch thược	10g
Mẫu lệ (nung chín)	5g
Thục địa	10g
Hoàng kỳ	5g
Can khương	4g
Lộc giác giao (cao Ban long)	5g
Quế tâm	2g

Chủ trị:

Phụ nữ chảy máu tử cung.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần,mỗi lần 10g uống với nước chín.

327. BÌNH CAN DƯỠNG HUYẾT TÁN

Bạch thược	12g
Đương quy	12g
Hương phụ chế	12g
Thanh bì	5g
Sài hồ	5g
Xuyên khung	5g
Sinh địa	5g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Phụ nữ hành kinh đau bụng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 10g, uống với nước chín.

328. CÔNG ANH BỐI MẪU LIÊN KIỀU THANG

Bồ công anh	12g
Bối mẫu	6g
Liên kiều	8g
Thiên hoa phấn	8g
Thanh bì	8g

Chủ trị:

Phụ nữ vú sưng đau mới khởi phát.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp dùng 100g lá Bồ công anh tươi rửa sạch, thêm chút muối, giã nát đắp vào nơi vú sưng đau.

329. KIM TÁO KHIẾM LINH THANG

Kim anh	9g
Táo nhân (sao vàng)	9g
Khiếm thực	9g
Phục linh	9g
Hoài sơn	9g
Đảng sâm	9g
Bạch truật	9g
Viễn chí	5g
Ngũ vị tử	5g
Cam thảo	5g

Chủ trị:

Phụ nữ ra khí hư bạch đới.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

330. ĐÀO HỒNG TAM QUY THANG

Đào nhân	9g
Hồng hoa	4g
Tam lăng	6g
Đương quy	9g

Chủ trị:

Phụ nữ bế kinh, ứ huyết.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

331. ĐÀO NHÂN ĐƯƠNG QUY THANG

Đào nhân	9g
Đương quy	9g
Xuyên khung	4g
Gừng sao xém	4g
Cam thảo	3g

Chủ trị:

Sản phụ sau khi đẻ, huyết hôi (ứ huyết) không ra hết, đau bụng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

332. HỒNG ĐĂNG QUY THỤC THANG

Hồng hoa	8g
Đăng tiêu	10g
Đương quy	10g
Thục địa	10g
Bạch thược	8g
Xuyên khung	5g

Chủ trị:

Phụ nữ tắc kinh, vô kinh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. (Một liệu trình 7-10 thang)

333. ĐƯƠNG ĐỊA HOÀNG HƯƠNG TÁN

Đương quy	10g
Địa du	12g
Hoàng liên	5g
Mộc hương	5g
A giao	10g
Kha tử	10g
Ô mai nhục	10g

Chủ trị:

Phụ nữ xích bạch đới lâu ngày không khỏi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, luyện với mật ong làm hoàn bằng bằng hạt ngô.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 6g với nước chín.

334. ĐỖ BẠCH THANG

Đỗ trọng (sao qua)	15g
Bạch truật (sao hoàng thổ)	15g
Tang ký sinh	15g
Tục đoạn	15g
A giao	9g
Đương quy	9g
Thỏ ty tử	4g

Chủ trị:

Phụ nữ bị sẩy thai nhiều lần.

Cách dùng, liều lượng:

A giao để riêng.

Các vị khác cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, cho A giao vào quấy tan, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

335. TRỮ MA TÔ NGẢI THANG

Trữ ma căn	20g
Tô ngạnh	15g
Ngải cứu	10g
Tang ký sinh	15g
Thục địa	10g

Chủ trị:

Phụ nữ động thai hoặc uống phòng cho người có tiền sử sẩy thai.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang, uống 4 - 5 ngày đến khi yên thai.

336. GAI DẦU TÍA TÔ THANG

Hạt gai dầu (Hoả ma nhân)	15g
Hạt Tía tô	10g

Chủ trị:

Sản phụ sau khi sinh đẻ tân dịch khô gây ra táo bón.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Hoả ma nhân uống nhiều có thể tổn hại mạch máu.

Người bị ỉa lỏng, hoạt tinh, liệt dương không được dùng.

337. VIÊN HỒ ĐÀO ĐỖ TRỌNG

Hồ đào nhân (rang khô)	80g
Đỗ trọng	60g

Chủ trị:

Phụ nữ có thai đau lưng.

Cách dùng, liều lượng:

Đỗ trọng sấy khô giòn tán bột mịn, sau đó cho Hồ đào vào tán mịn trộn đều luyện hồ làm viên bằng hạt đậu xanh.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 8g uống với nước chín.

338. HOÀN KHIẾM LINH

Khiếm thực	30g
Bạch linh	30g

Chủ trị:

Phụ nữ khí hư bạch đới.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, luyện với mật ong làm hoàn.

Ngày uống 3 lần (sáng, trưa, tối) mỗi lần uống 10g với nước chín.

339. KHỔ SÂM HOÀNG BÁ THANG

Rễ khổ sâm	30g
Hoàng bá	18g
Sà sàng tử	30g
Địa phu tử	18g
Chè lâu năm	10g

Chủ trị:

Phụ nữ ngứa âm hộ (do thấp), trùng roi âm đạo.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 3000ml nước, đun sôi kỹ, đổ ra chậu, để ấm ngồi vào chậu ngâm, rửa âm đạo, âm hộ.

Ngày ngâm rửa 2 lần (sáng, tối).

340. LONG NHA THIẾN THẢO THANG

Long nha thảo	15g
Thiến thảo	10g
Liên ngẫu (ngó sen)	15g

Chủ trị:

Phụ nữ băng huyết, lậu huyết.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

341. TRẠCH LAN XÍCH THƯỢC THANG

Trạch lan	12g
Xích thược	10g
Đương quy	10g
Sinh địa	15g
Sinh khương	8g

Đại táo	8g
Cam thảo	4g
Quế tâm	4g

Chủ trị:

Sản phụ sau khi sinh, huyết hôi ra không hết ngực bụng trướng đau.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

342. TRẠCH HƯƠNG ĐAN THANG

Trạch lan	12g
Hương phụ chế	16g
Đan sâm	20g

Chủ trị:

Phụ nữ tắc kinh do huyết ứ, đau bụng khi thấy kinh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

343. DIÊN QUY TÁN

Diên hồ sách	12g
Đương quy	12g
Một dược	6g
Hồng hoa	6g

Chủ trị:

Phụ nữ tắc kinh do huyết ứ, đau bụng khi thấy kinh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 5g, uống với nước chín còn nóng ấm.

344. NGẢI DIỆP ĐƯƠNG QUY THANG

Ngải diệp	16g
Đương quy	8g
A giao	8g
Sinh khương	8g
Đan sâm	8g
Nhân sâm	8g
Cam thảo	8g
Đại táo	4 quả

Chủ trị:

Phụ nữ có thai được 2 tháng bị động thai.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

345. HƯƠNG NGẢI XUYÊN NGÔ HOÀN

Hương phụ chế	8g
Ngải diệp	16g
Xuyên khung	8g
Ngô thù	8g
Đương quy	8g
Thục địa	16g
Bạch thược	8g
Tục đoạn	16g
Hoàng kỳ	8g

Chủ trị:

Phụ nữ đau bụng khi hành kinh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 3 - 6g, uống với nước chín.

346. BẠCH MẪU KHUNG QUY THANG

Bạch thược	10g
Mẫu đơn bì	10g
Xuyên khung	5g
Đương quy	10g
Khương hoàng	5g
Hồng hoa	5g
Nga truật	5g
Quế tâm	5g

Chủ trị:

Phụ nữ tử cung lạnh, kinh nguyệt không đều, bụng đau nhói.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

347. SÀI BẠCH HOÀNG ĐAN THANG

Sài hồ	9g
Bạch thược	9g
Hoàng cầm	9g
Đan bì	9g
Uất kim	9g
Đương quy	9g
Hương phụ	6g
Chi tử	6g
Bạch giới tử	5g

Chủ trị:

Phụ nữ đau bụng trước khi hành kinh do can uất.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

348. NGA TRUẬT THƯỢC DƯỢC TÁN

Nga truật	6g
Thược dược	10g
Thục địa	10g
Xuyên khung	5g
Bạch chỉ	10g

Chủ trị:

Phụ nữ tắc kinh, đau bụng

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 3 lần, mỗi lần 8g uống với nước chín.

349. NGƯU HỒNG KHUNG QUY THANG

Ngưu tất	12g
Hồng hoa	5g
Xuyên khung	5g
Nhục quế	4g
Đương quy	10g
Xa tiền tử	10g

Chủ trị:

Sản phụ đẻ khó, thai chết lưu không ra.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc uống 1 lần trong ngày.

350. SÂM LIÊN THANG

Nhân sâm	8g
Liên nhục	8g

Chủ trị:

Sản phụ sau khi sinh không nói được.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 150 ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

351. NHỤC DUNG ĐỖ TRỌNG SÀ SÀNG HOÀN

Nhục thung dung	15g
Đỗ trọng	10g
Sà sàng tử	10g
Ba kích	10g
Thỏ ty tử	10g
Viễn chí	5g
Ngũ vị tử	5g
Phụ tử chế	10g
Phòng phong	10g

Chủ trị:

Phụ nữ không thụ thai được thận yếu, liệt dương, lưng đau, gối mỏi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, luyện với mật ong làm hoàn 5g.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 2 hoàn, uống với nước chín pha thêm chút muối nhạt.

352. LỘC GIÁC THIẾN THẢO THANG

Lộc giác sương	15g
Thiến thảo	10g
Ô tặc cốt (bỏ màng cứng)	10g
Mẫu lệ (nung chín)	10g
Hoài sơn	15g

Chủ trị:

Phụ nữ khí hư bạch đới.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia vị:

Trường hợp xích đới gia thêm:

Bạch thược	10g
Rễ Khổ sâm	10g

353. XÍCH THƯỢC ĐAN BÌ THANG

Xích thược	8 -12g
Đan bì	8 - 12g
Bạch linh	6 - 8g
Bạch chỉ	6 - 8g
Sài hồ	6 - 8g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, tắc kinh có kèm theo sốt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao qua, nghiền nát vụn thêm:

Sinh khương	3 lát
Đại táo	2 quả

Cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

354. XÍCH PHỤ THANG

Xích thược	15g
Hương phụ	8g

Chủ trị:

Phụ nữ tử cung chảy máu, ra khí hư, đau bụng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, thêm ít muối, quấy tan chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

355. HOẠT HUYẾT ĐIỀU KINH THANG

Đương quy	10g
Ngô thù	6g
Xuyên khung	4g
Bạch thược	6g
A giao	4g
Đan bì	6g
Nhân sâm	6g
Quế chi	4g
Cam thảo	4g
Sinh khương	4g
Bán hạ chế	4g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, người yếu lạnh không thụ thai.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

356. GIAO QUY THANG

A giao	10g
Đương quy	10g
Nhung hươu	1g
Bồ hoàng	5g
Ô tặc cốt	15g

Chủ trị:

Phụ nữ kinh nguyệt ra quá nhiều, tử cung chảy máu, khí hư bạch đới.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn.

Mỗi lần uống 3g ngày uống 2 lần với nước chín.

357. MẪU LIÊN HOÀN

Mẫu lệ	10g
Liên nhục	10g
Liên tu	10g
Khiếm thực	10g
Kim anh tử	10g
Sa uyển tật lê	10g

Chủ trị:

Phụ nữ khí hư bạch đới, tử cung chảy máu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, luyện mật ong làm hoàn bằng hạt ngô.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 10g, uống với nước chín.

358. HOÀN QUY BẢN

Quy bản chế	30g
Hoàng cầm	30g
Bạch thược	30g
Hoàng bá	9g
Hương phụ tứ chế	8g

Chủ trị:

Phụ nữ âm hư huyết nhiệt kinh nguyệt ra quá nhiều.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, luyện mật làm hoàn bằng hạt ngô.

Ngày uống 3 lần, mỗi lần uống 8g với nước chín.

359. THÔNG SỮA THANG

Xuyên sơn giáp (sao vàng)	5g
Cát cánh	5g
Đương quy	5g
Phục linh	5g
Bố chính sâm	10g
Xuyên khung	5g
Đảng sâm	10g
Bạch thược	5g

Chủ trị:

Sản phụ sau khi sinh ít sữa, tắc tia sữa.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Kết hợp ăn uống bồi dưỡng đủ chất.

PHẦN BA

NHI KHOA

Nhi khoa người xưa gọi là "Á khoa" ý nói là trẻ em chưa biết nói và chưa biết kể bệnh với thầy thuốc khi bị ốm đau. Vì vậy khi chẩn đoán bệnh và dùng thuốc cho trẻ em cần phải hết sức kỹ càng khéo léo, thận trọng và có phương pháp riêng khác với người lớn.

TÓM TẮT PHƯƠNG PHÁP XEM BỆNH CHO TRẺ SƠ SINH VÀ TRẺ EM

1. Xem sắc mặt và mắt:

Ngũ tạng thuộc ngũ hành, ngũ sắc ứng với ngũ tạng, trẻ em có bệnh biểu hiện ra sắc mặt rất rõ.

- Sắc xanh là bệnh ở can
- Sắc đỏ là bệnh ở tâm
- Sắc vàng là bệnh ở tỳ
- Sắc đen (xám) là bệnh ở thận.
- Sắc trắng là bệnh ở phế.

2. Xem sắc ở sơn căn (khoảng trên sống mũi, giữa 2 đầu khoé mắt):

- Sơn căn có gân xanh hiện lên là can nhiệt (nóng)
- Sơn căn có gân đỏ hiện lên là tâm nhiệt (nóng)
- Sơn căn có gân vàng hiện da vàng là bệnh ở tỳ.

3. Xem lưỡi:

- Lưỡi đỏ tía là tâm nhiệt.
- Lưỡi sưng và đen là tâm rất nóng.
- Lưỡi trắng nhợt là bệnh thuộc hư.

4. Xem mũi và lợi:

- Mũi đỏ và khô là tỳ nhiệt.
- Mũi vàng nhạt là tỳ hư.
- Lỗ mũi khô ráo là nhiệt.
- Lỗ mũi chảy nước trong là hàn.
- Lợi đỏ sưng là nhiệt.
- Lợi đỏ, loét, hôi là vị nhiệt.

5. Xem tai và răng:

- Tai chảy mủ nước là thận nhiệt.
- Tai ù là khí không hoà.
- Răng vàng là thận khí tuyệt.

6. Xem mắt:

- Mắt trợn ngược mà liếc là bệnh thuộc phong.
- Mắt trợn ngược mà con ngươi không chuyển động là can khí sắp tuyệt.
- Lòng đen hiện sắc vàng là bệnh có triệu chứng xấu.
- Lòng trắng hiện sắc xanh là can phong hại phế.
- Lòng trắng vàng nhợt là tỳ có tích trệ.
- Lòng trắng hiện sắc vàng sẫm là phế thụ thấp.
- Đuôi mắt ngoài loét là phế có phong.
- Đuôi mắt (khoé mắt) trong loét là tâm nhiệt.
- Mí mắt trên sưng là tỳ thụ thương.

- Mí mắt dưới xanh là vị có phong.
- Ngủ mà mắt nhắm không kín là tỳ có nhiệt.

7. Xem môi:

- Môi đỏ mà hay thổ (nôn, ói) là vị nhiệt.
- Môi trắng nhợt mà thổ là vị hư.
- Môi sắc bình thường mà thổ là vị bị tổn thương (thượng vị)

8. Xem hổ khẩu (vằn tay):

Ngón tay trỏ (thực chỉ) của trẻ em chia làm 3 bộ:

Đốt dưới gần gốc bàn tay là phong quan.

Đốt giữa là khí quan.

Đốt trên cùng là mệnh quan.

Trẻ em là nam xem hổ khẩu tay trái.

Trẻ em là nữ xem hổ khẩu tay phải.

- Vằn ở phong quan là bệnh nhẹ.
- Vằn lên khí quan là bệnh nặng.
- Vằn lên đến mệnh quan là bệnh nguy cấp.
- Vằn lên đến đầu ngón tay là bệnh rất nguy.
- Vằn hiện nổi rõ ở trên là bệnh tại biểu (tà khí còn ở ngoài bì phu).
- Vằn hiện chìm, lờ mờ là bệnh đã vào lý.
- Vằn đỏ tươi là hàn tà mới nhập bì phu, làm ứ trệ kinh lạc, thuộc hư hàn.
- Vằn đỏ sẫm là đã hoá nhiệt vì hàn bế ngoài bị thu làm cho tấu lý không thông.
- Vằn tía thẫm thuộc bệnh nhiệt.
- Vằn xanh là bệnh thương phong.
- Vằn mờ nhợt là bệnh thuộc hư, nếu đỏ nhợt là hư hàn, xanh nhợt là hư phong, tía nhợt là hư nhiệt;

  Nói chung là cơ thể suy nhược, trung khí yếu.

Chú ý:

- Khi xem vằn hổ khẩu cần nhẹ nhàng cầm ngón tay trẻ để trẻ bình tĩnh, không nên để trẻ sợ hãi, khóc cựa mạnh, rồi từ từ vuốt nhẹ ngón tay trẻ từ dưới lên đầu ngón tay cho vằn hiện lên rõ ràng.

Nếu thấy vằn hiện lên xuyên vào trong khoé lòng bàn tay là bệnh tà từ ngoài xâm nhập vào; nếu vằn hiện lên xuyên ra phía ngoài là bệnh từ trong phát ra.

Sau mỗi buổi xem lại nếu thấy vằn xuống thấp dần từ trên xuống là bệnh giảm trái lại nếu thấy vằn cao dần lên là bệnh tăng.

- Ngoài ra cần quan tâm xem thêm:

+ Nước tiểu của trẻ:

Tiểu tiện vàng dắt, buốt đau là tâm nóng (nhiệt).

Tiểu tiện trong dài, lợi là tâm hư.

+ Đại tiện của trẻ:

Đại tiện bón kết là phế nhiệt.

Phế không nhiệt mà đại tiện táo bón là huyết khô.

+ Miệng đắng là đởm nhiệt.

+ Nghe tiếng nói to, tiếng động mạnh mà giật mình, sợ là can hư.

SỬ DỤNG VÀ LIỀU LƯỢNG THUỐC DÙNG CHO TRẺ EM

Cơ thể trẻ em có những đặc điểm sinh lý riêng khác người lớn, do đó vấn đề sử dụng thuốc cho trẻ em đòi hỏi phải cân nhắc tác dụng của thuốc và sức dung nạp thuốc của cơ thể trẻ em. Có những thuốc chỉ dùng cho người lớn mà không dùng cho trẻ em được hoặc chỉ dùng cho trẻ đã lớn tuổi mà không dùng cho trẻ con còn nhỏ tuổi được.

Khi sử dụng thuốc cho trẻ em phải thận trọng và tuân thủ các nguyên tắc sau:

1. Chỉ định phải cụ thể: Phải ghi rõ tên thuốc, liều lượng, thời gian dùng và ghi theo đơn vị gam (g).
2. Theo dõi các phản ứng của thuốc (tác dụng phụ) thí dụ: Đau đầu, chóng mặt, nôn, ỉa chảy, làm giãn mạch... để thận trọng khi cho thêm thuốc hoặc ngưng thuốc.
3. Phản xạ ho, nôn của trẻ em (nhất là trẻ sơ sinh) thường là không mạnh cho nên thuốc phải được nghiền nhỏ (loại thuốc bột, thuốc hoàn...) và trộn với nước, sữa hoặc bột cho trẻ uống và cho uống từ từ ít một.
4. Không dùng rượu thuốc, đối với trẻ em thuốc phải ngọt dễ uống.
5. Đặc điểm da của trẻ em mỏng, có nhiều nước cho nên khi dùng thuốc bôi xoa ngoài không nên dùng các loại thuốc kích thích da nhiều và không nên bôi xoa ở diện da rộng để tránh độc cho trẻ.
6. Niêm mạc ruột trẻ em có nhiều nếp nhăn, lông hút nhiều uống thuốc vào niêm mạc ruột hấp thu nhanh hơn người lớn nên ngộ độc thuốc ở trẻ em do đường uống xảy ra cũng rất nhanh do đó lượng thuốc cho trẻ uống phải thích hợp.

   Trẻ nhỏ dưới 5 tuổi lượng thuốc bằng 1/4 của người lớn.

   Trẻ nhỏ dưới 1 tuổi lượng thuốc bằng 1/6 của người lớn.

   Đối với người mẹ trong thời kỳ đang cho con bú nên thận trọng lúc dùng các vị thuốc có độc và liều phải ít hơn bình thường để tránh ngộ độc thuốc cho trẻ.
7. Bệnh mới mắc, bệnh nhi còn khoẻ liều thuốc dùng có thể nhiều hơn bệnh nhi mắc bệnh lâu ngày, cơ thể đã suy yếu. Bệnh cấp và phản ứng mạnh nên dùng lượng nhiều hơn để khu tà. Bệnh tiến triển chậm, triệu chứng nhẹ nên dùng lượng thuốc ít hơn.

   Bệnh lâu ngày cơ thể bệnh nhi hư nhược cần kết hợp dùng thuốc bổ (phù chính khu tà) nhưng lượng phải bắt đầu ít và tăng dần để khỏi ảnh hưởng đến chức năng của tỳ vị.
8. Tính chất khí vị của thuốc:

- Thuốc có khí vị bình nhạt, tác dụng hoà hoãn có thể dùng lượng nhiều.
- Thuốc có khí vị nồng hậu, tác dụng mãnh liệt, tẩy xổ, trục thuỷ, phá khí tán kết, phá huyết thông ứ lượng nên dùng ít.
- Thuốc có độc lượng dùng phải ít, thuốc không độc lượng dùng có thể nhiều hơn.
- Thuốc có trọng lượng nặng (các loại khoáng chất, các loại quả, rễ, củ) lượng có thể dùng nhiều, các loại hoa, lá, trọng lượng nhẹ, lượng nên dùng ít, thuốc tươi lượng dùng có thể gấp 2-3 lần lượng thuốc khô.
- Thuốc giải biểu phát tán tính cay ấm có tinh dầu, lượng dùng thường ít.

  Thuốc khu hàn, thuốc bổ dương tính nóng nên dùng lượng ít.

  Thuốc bổ âm tính ngọt mát hoặc ngọt hàn có thể dùng lượng nhiều.

  Tóm lại, liều lượng thuốc sử dụng trong điều trị cho bệnh nhi phải tuỳ thuộc vào tuổi, vào tình hình bệnh lý, thể chất trạng thái yếu khoẻ của bệnh nhi và tính chất khí vị của thuốc mà tăng giảm cho thích hợp.

CÁC BÀI THUỐC TRỊ BỆNH TRẺ SƠ SINH VÀ TRẺ EM

1. KINH GIỚI CÁT CĂN THANG

Kinh giới	12g
Rau Má	12g
Cát căn	12g

Chủ trị:

Trẻ em lên sởi.

Khi trẻ bị sởi thường có các biểu hiện sau: Trẻ biếng ăn, người sốt hâm hấp, sốt nóng vài ngày rồi đột nhiên sốt hơi cao, tai lạnh, hoặc ỉa lỏng ngủ hay giật mình; sáng hôm sau thấy cháu mệt mỏi, mắt cờm cợm hay chẩy nước mắt, hay hắt hơi chẩy nước mũi, thỉnh thoảng ho khan; trán hoặc sau tai, sau gáy, lưng có một vài nốt đỏ như muỗi đốt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, hoà thêm dường đủ ngọt cho trẻ uống dần trong ngày.

Kết hợp xoa ngoài: Lấy 10g hạt mùi, giã dập cho ít rượu vào sao nóng bọc vào miếng vải (áp thử lên má thấy vừa nóng) xoa lên trán, hai mà, sau tai, gáy và dọc 2 bên sống lưng và cột sống của trẻ.

Cho trẻ uống thuốc và đánh hạt mùi như vậy nếu đúng là sởi thì sau vài tiếng đồng hồ sẽ thấy nốt sởi (nốt đỏ như muỗi đốt) mọc đều ở đầu, mặt và trán, giảm đi ỉa, tỉnh táo, không gây biến chứng nặng cho trẻ. Nếu không phải sởi trẻ cũng giảm sốt và có thể khỏi bệnh.

Chú ý:

Nếu trẻ sau khi hết sốt mà thấy nổi nốt ban đỏ, nhưng trẻ vẫn tỉnh táo, ăn chơi bình thường đó là sởi giả, không nên nhầm là sởi.

2. CAM TÍCH TÁN

Nam bạch chỉ	12g
Bạch chỉ di thực	12g
Sử quân tử (cắt bỏ hai đầu nhọn)	6g
Sơn tra	8g
Thần khúc	12g
Hoài sơn	20g

Chủ trị:

Trẻ em tỳ hư có trùng tích: Người gầy, da xanh, bụng to, ăn kém, đi ỉa phân lúc rắn lúc nát, hay ốm vặt luôn.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị sao giòn tán bột mịn.
Ngày uống 2 lần, mỗi lần 8 - 10g vào sáng sớm và tối trước khi đi ngủ, uống với nước chín có pha thêm chút đường.

Trẻ uống thấy ăn khoẻ, chịu chơi thì cho uống tiếp 1 - 2 tuần lễ.

3. TRẦU KHÔNG SINH KHƯƠNG THANG

Lá trầu không (tươi to)	5 - 10 lá
Gừng tươi	10g
Muối ăn	3g

Chủ trị:

Trẻ em khóc đêm (dạ đề) hoặc đầy trướng bụng:

- Trẻ em 1 - 2 tuổi chưa biết nói, trong bụng khó chịu thường chỉ biết khóc. Khi khóc thường ưỡn bụng lên, hai bàn chân cọ sát vào nhau, đặt nằm không chịu, bế lên vỗ nhẹ vào lưng, mông thì tạm nín, có khi quấy khóc suốt đêm (ta thường gọi là dạ đề).

- Ngoài ra có khi trẻ bị lạnh bụng hoặc bí đái, bí ỉa cũng chỉ biết khóc thôi, lúc đó nếu gõ nhẹ vào bụng trẻ nghe thấy bong bong là trong bụng trẻ khó chịu.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị giã dập nát cho thêm ít rượu, sao nóng giã bọc vào miếng vải (áp thử lên mà thấy vừa nóng) đem đặt lên vùng rốn của trẻ, băng lại.

Làm như vậy sau vài phút trẻ ngủ yên không khóc nữa hoặc đi đái đi ỉa được bụng hết trướng đầy.

4. TANG DIỆP HOÀI SƠN TÁN

Lá Dâu (Tang diệp)	20g
Hoài sơn	20g
Khiếm thực	20g
Địa cốt bì	12g

Chủ trị:

Trẻ em ra mồ hôi trộm do chân âm kém: Khi trẻ ngủ thì thấy mồ hôi ra ở trán và đầu mặt, lòng bàn chân bàn tay nóng, môi đỏ, da xanh, ăn uống kém, ỉa phân nát nhưng thường đi ít một ngày 2 - 3 lần.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao giòn tán bột mịn.

Ngày uống 3 lần, mỗi lần 1 - 2 thìa cà phê (tuỳ theo tuổi). Hoà với nước chín và đường cho uống.

5. TRẦN THANH HẮC BẠCH SỬU THANG

Trần bì	12g
Thanh bì	12g
Hắc sửu giã dập	12g
Bạch sửu giã dập	12g

Chủ trị:

Trẻ em cam sũng (thũng).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, cho uống mỗi lần 3 thìa cà phê (tuỳ trẻ lớn hay nhỏ mà thêm bớt liều lượng), ngày uống 2 lần (sáng và chiều), lúc đói bụng.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn.

6. SỬ QUÂN LIÊN NHỤC HOÀI SƠN TÁN

Sử quân tử (bỏ màng và 2 đầu nhọn) sao	30g
Liên nhục (bỏ vỏ cứng và tim) sao qua	50g
Hoài sơn	50g
Nam sa sâm (tẩm gừng sao)	30g
Nam mộc hương (cạo bỏ vỏ thô)	10g
Hậu phác (cạo bỏ vỏ thô)	10g
Sa nhân	10g
Trần bì	10g

Chủ trị:

Trẻ em cam tích, bụng to, da xanh, đít beo, đại tiện không đều.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao, chế, sấy, giòn, tán bột mịn.

Trẻ em: 1 tuổi mỗi lần uống 1 thìa cà phê.

2 - 3 tuổi mỗi lần uống 2 thìa cà phê.

4 - 5 tuổi mỗi lần uống 3 thìa cà phê.

Ngày uống 2 lần (sáng, chiều) trộn với mật ong ăn.

Sau khi uống thuốc được 2 - 3 ngày cho trẻ ăn thêm thịt đùi cóc vàng (bắt cóc vàng lột bỏ da gan, ruột rửa sạch, chặt lấy 2 đùi, băm nhỏ thêm hành nước mắm chưng chín cho ăn với cơm). Cho trẻ uống thuốc 2 - 3 ngày lại cho ăn thêm thịt đùi cóc vàng như vậy liên tục trong 2 tháng.

Kiêng kỵ:

Thịt mỡ, trứng gà, trứng vịt và các thứ sống, lạnh.

7. TAM BẠCH THIÊN THẦN THANG

Bạch linh	8g
Bạch truật	4g
Bạch thược	4g
Thiên ma	4g
Thần sa	4g
Cam thảo	2g

Chủ trị:

Trẻ em mắt chứng mạn kinh phong.

Cách dùng, liều lượng:

Thần sa tán thuỷ phi phơi khô chia làm 3 phần để riêng.

Các vị khác cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 3 lần, mỗi lần uống hoà vào nước thuốc một phần bột Thần sa đã thuỷ phi ở trên.

Ngày uống 1 thang, uống liền 3 thang.

Kiêng kỵ:

Khi cho trẻ uống thuốc, người mẹ cho trẻ bú phải kiêng:

Ăn thịt gà, các thứ cay nóng, giao hợp.

8. TRẤN KINH THANG

Kinh giới tuệ (hoa Kinh giới)	20g
Câu đằng	20g
Mậu dư ngư vĩ (đuôi con Sam đực)	1 cái

Chủ trị:

Trẻ em mắc chứng kinh giản (bệnh động kinh).

Cách dùng, liều lượng:

Đuôi con Sam chặt nhỏ rang vàng, giã dập.

Cả 3 vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc để nguội cho trẻ uống.

Kiêng kỵ:

Kiêng thịt gà, các thứ cay nóng.

9. THANH ĐẠI CĂN THANG

Rễ Thanh đại (Chàm mèo) 150g

Chủ trị:

Trẻ em mắc bệnh viêm não Nhật Bản não B.

Cách dùng, liều lượng:

Rễ Chàm mèo cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Nếu trẻ đã hôn mê thì dùng ống thông qua mũi để đưa thuốc vào dạ dày (uống thuốc qua sonde).

10. THẠCH CAO VIỄN CHÍ CÂU ĐẰNG THANG

Thạch cao (tán vụn)	40g
Viễn chí	20g
Câu đằng	20g
Dây Bòng bong	40g
Kim ngân hoa	40g
Cúc hoa	20g

Chủ trị:

Trẻ em mắc bệnh viêm não Nhật Bản B, sốt cao, khát nước...

Cách dùng, liều lượng:

Cho Thạch cao vào 800ml nước sắc trước 15 phút sau cho các vị Viễn chí dây Bòng bong, Kim ngân hoa, Cúc hoa vào sắc cùng với Thạch cao. Khi sắc gần được thì cho Câu đằng vào sắc cùng. Sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Bệnh nhẹ ngày uống 1 thang, bệnh nặng ngày uống 2 thang. Nếu hôn mê dùng ống thông qua mũi đưa thuốc vào dạ dày.

Uống liền 3 - 5 ngày. Khi nhiệt độ đã trở lại bình thường,liều lượng thuốc trong thang giảm bớt còn một nửa.

11. THANG PHÒNG BỆNH TỀ PHONG

Lá Ngải cứu khô 200g

Chủ trị:

Phòng trẻ sơ sinh nhiễm trùng rốn, uốn ván rốn (Tề phong).

Cách dùng:

Lá Ngải cứu khô bỏ hết gân lá, giã thật nhỏ lấy nguyên tơ (Ngải nhung) gói vào miếng vải gạc vô trùng dịt vào rốn trẻ sơ sinh lúc vừa rụng rốn trong 3 ngày liền, sau đó thay miếng Ngải nhung khác dịt tiếp 4-7 ngày nữa.

12. HỒNG ĐƠN HÙNG HOÀNG TÁN

Hồng đơn	2 phần
Hùng hoàng	1 phần

Chủ trị:

Phòng bệnh Tề phong = trẻ sơ sinh uốn ván rốn, nhiễm trùng rốn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn, thấm một ít vào gạc hay bông vô trùng dịt băng vào rốn trẻ sơ sinh lúc mới rụng rốn, băng trong 3 ngày.

Chú ý:

Không nên băng thuốc lâu quá 3 ngày để phòng trẻ bị nhiễm độc thuốc.

13. BỘT BỔ TỲ TIÊU CAM

Hoài sơn	16g
Biển đậu	16g

Bạch truật	12g
Ý dĩ	20g
Sử quân tử (bỏ màng, bỏ 2 đầu nhọn)	8g

Chủ trị:

Trẻ em 1 - 3 tuổi cam tích: Bụng ỏng da vàng, ăn kém xanh xao, gầy còm, miệng chảy nước bọt, đau bụng giun, đại tiện phân thất thường.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng thơm sấy khô tán bột mịn.

Trẻ em: 1 tuổi mỗi lần ăn 1 thìa cà phê.

2 tuổi mỗi lần ăn 2 thìa cà phê.

3 tuổi mỗi lần ăn 3 thìa cà phê.

Ngày ăn 3 lần trộn lẫn vào bột hoặc cháo cho trẻ ăn.

14. MẠC THẢO THẦN CHẤP THANG

Hạn liên thảo (Cỏ Nhọ nồi) tươi	20g
Hắc diện thần (Rau Ngót) tươi	10g

Chủ trị:

Trẻ em sơ sinh bị tưa lưỡi (đẹn).

Cách dùng, liều lượng:

Cỏ Nhọ nồi, rau Ngót rửa sạch bằng nước muối pha loãng, giã nhỏ, vắt lấy nước cốt đựng vào một chén nhỏ. Lấy tăm bông đã khử trùng nhúng vào nước thuốc rồi bôi lên lưỡi bị tưa của trẻ, bôi nhiều lần cả ngày, cả đêm (cần giã thuốc 2 lần sáng, tối).

Sau khi bôi thuốc, không được cho trẻ bú mẹ ngay, nửa giờ sau hãy cho trẻ bú.

15. BẰNG HỒNG TÁN

Bằng sa (Hàn the)	3 phần
Hồng đơn	1 phần

Chủ trị:

Sài vôi tưa lưỡi ở trẻ sơ sinh: Họng, lưỡi, miệng, môi lợi trẻ có những điểm trắng dày như vôi làm cho trẻ khi bú đau không bú được, chỉ khóc, có khi bị rớm máu ở đầu lưỡi và môi.

Cách dùng, liều lượng:

Bằng sa, Hồng đơn tán bột mịn.

Lấy một ít bột (1g) hoà vào nước cốt rau Má đặc (dùng 300g rau Má tươi rửa sạch bằng nước muối loãng, giã nát, ép lấy nước cốt). Dùng tăm bông sạch nhúng vào nước thuốc bôi nhiều lần (30 phút bôi 1 lần) cả ngày lẫn đêm vào những chỗ bị sài vôi tưa lưỡi ở họng, lưỡi, môi, miệng, lợi.

Sau khi bôi thuốc không được cho trẻ bú mẹ ngay, 30 phút sau hãy cho trẻ bú.

16. HÀ MÔ KHÔ PHÀN TÁN

Hà mô (Con Chẫu chàng)	1 con
Khô phàn (Phèn chua phi)	10g

Chủ trị:

Trẻ em mắc chứng cam lưỡi ốc bò: Lưỡi lở loét cam do tỳ vị hư yếu khí huyết khô trệ có tích, có nhiệt, có đờm mà sinh ra.

Cách dùng, liều lượng:

Chẫu chàng bọc đất sét nung cháy đỏ, lấy ra để nguội đập vỡ đất, cạo lấy than đen óng ánh trộn với Khô phàn tán bột mịn rắc vào nơi lưỡi bị loét đau.

Ngày rắc 3 - 4 lần.

17. KINH GIỚI TỬ TÔ THANG

Kinh giới	4g
Tử tô	4g
Tang bạch bì	4g
Cam thảo đất	4g
Cây Chỉ thiên	4g
Trần bì	2g
Gừng tươi	1 lát
Hành	1 củ

Chủ trị:

Trẻ em mắc cảm mạo phong hàn: Mới sốt, hơi sợ lạnh, không có mồ hôi, hắt hơi sổ mũi, chảy nước trong, ho, chỉ tay của trẻ nổi hồng, rêu lưỡi trắng mỏng, tiểu tiện trong.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 200ml nước, đun sôi, để nguội vừa ấm chắt ra, chia uống làm 3 lần, uống xong ủ ấm bệnh nhi cho ra mồ hôi.

18. CÁT CĂN HOẠT THẠCH CAM THẢO HOÀN

Cát căn	80g
Hoạt thạch	40g
Cam thảo	12g

Chủ trị:

Trẻ em bị cảm sốt thuộc thực chứng, thực nhiệt: bệnh mới mắc ở trẻ vốn khoẻ, hổ khẩu và chỉ tay màu tía, mạch sác có lực, rêu lưỡi trắng dày khô, hoặc giữa lưỡi hơi vàng, đầu lưỡi gai đỏ, tiếng khóc vang, sắc mặt đỏ, hơi thở nóng...

Cách dùng, liều lượng:

Ba vị sấy khô tán bột mịn, luyện với hồ làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Trẻ em 3 - 11 tháng mỗi lần uống 1 - 2g

1 - 3 tuổi mỗi lần uống 2 - 4g.

Ngày uống 2 - 4 lần.

Tuỳ chứng mà uống với các thang sau:

- Nếu cảm sốt nóng có mồ hôi, mặt đỏ, khát nước thì cho trẻ uống thuốc với nước chín ấm.

- Nếu sốt nóng, ho khan thì cho trẻ uống thuốc với nước sắc rau Má tươi làm thang.

- Nếu sốt nóng kèm khát, ra mồ hôi, trằn trọc không ngủ được thì cho trẻ uống thuốc với nước sắc lá Tre làm thang,

- Nếu sốt nóng, ho kèm theo ngạt mũi, sổ mũi, nhức đầu, thi cho trẻ uống thuốc với nước sắc Bạc hà, Kinh giới làm thang.

- Nếu bệnh nhi ăn vào lập tức mửa ra, tiểu tiện ít, vàng đỏ hoặc ỉa phân hoa cà hoa cải, mùi chua, ỉa ra hơi có gợn phân, bụng hay sôi réo mạnh, tiểu tiện đỏ ít (thể nhiệt tích) thì cho trẻ uống thuốc với nước sắc:

Râu ngô	4g
Bông mã đề (hoa)	2 bông
Búp chè tươi	20 ngọn

Nếu uống với thang như vậy mà mửa hoặc ỉa vẫn chưa cầm thì cho thêm: tổ Tò vò nung đỏ để nguội một cái cùng sắc với: Râu ngô, Bông mã đề, Búp chè tươi làm thang.

Kiêng kỵ:

- Trong thời gian uống thuốc chữa bệnh nên cho trẻ bú và ăn cháo.

- Không nên cho ăn cơm, các loại trái cây, bánh kẹo, các chất béo nhờn.

19. LỤC NHẤT TÁN BỔ VỊ

Bột Hoạt thạch	6 phần
Bột Cam thảo	1 phần

Chủ trị:

Sốt trẻ em, tiểu tiện khó khăn, nước tiểu đỏ, khát..

Cách dùng, liều lượng:

Trộn đều hai vị thuốc trên, mỗi lần cho trẻ uống 2 - 4g tuỳ theo tuổi, ngày uống 1 - 2 lần.

Tuỳ theo nguyên nhân phát sinh bệnh mà bổ vị làm thang như sau:

- Nếu sốt nóng do cảm nắng dùng:

Lá Hương nhu tươi 3 ngọn

Đun nước làm thang uống với bột Lục nhất.

- Nếu do phong nhiệt gây sốt nóng có mồ hôi, sợ gió, khát nước, dùng:

Kinh giới tươi	6 - 8 ngọn
Bạc hà tươi	3 ngọn

Đun nước làm thang uống với bột Lục nhất.

- Nếu sốt nóng do nhiệt thử, nhiệt tà gây khát nước, tiểu tiện không thông, nước tiểu ít, đỏ dùng:

Cát căn	6g
Bông mã đề	3 bông

Đun nước làm thang uống với bột Lục nhất.

20. KHẨU SANG PHƯƠNG

Bằng sa (Hàn the)	6g
Hoàng bá	4g
Thanh đại	4g
Nhân trung bạch (cặn nước tiểu người)	4g
Bồ hoàng	4g
Mai phiến (Mai hoa băng phiến)	4g

Chủ trị:

Trẻ em bị khẩu sang, trong miệng lở loét, đau không bú được.

Cách dùng, liều dùng:

Các vị thuốc trên tán bột mịn, trộn đều. Dùng tăm lông thấm thuốc bôi vào những chỗ lở loét

trong miệng trẻ. Sau khi bôi thuốc được 1 - 2 giờ trẻ sẽ dịu đau có thể ngậm vú và bú được.

21. KINH GIỚI TÍA TÔ THANG

Kinh giới	20g
Tía tô	20g

Chủ trị:

Trẻ em bị sởi mới mọc thể nhẹ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 3 - 4 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

22. KINH CÁT NGÂN HOA THANG

Kinh giới	5 - 15g
Cát căn	5 - 15g
Kim ngân hoa	5 - 15g
Vỏ quả vải khô	5 - 15g

Chủ trị:

Trẻ em lên sởi, mới mọc, thể nặng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày.

Mỗi ngày 1 thang (liều lượng trong thang dùng cho trẻ em từ 3 - 15 tuổi).

Hạt Mùi	20g

Giã dập, ngâm với 200ml rượu, phun hoặc xoa vào cơ thể bệnh nhi.

23. HỒ TUY TỬ THANG

Hồ tuy tử (hạt rau Mùi)	10g
Liên tiền thảo (rau Má)	50g

Chủ trị:

Trẻ em bị lên sởi.

Cách dùng, liều lượng:

Hạt Mùi giã dập và rau Má tươi cho vào 300ml nước đun sôi kỹ, chắt lấy nước thuốc cho bệnh nhi uống hàng ngày. Uống liên tục từ lúc sởi mọc đến lúc sởi bay hết.

Chú ý gia vị:

- Nếu bệnh nhi sốt nhiều, khát nước thì dùng:

Bột Sắn dây	1 - 2 thìa cà phê

Hoà vào nước thuốc cho bệnh nhi uống.

- Nếu thấy sởi không mọc được ra ngoài da thì dùng thêm:

Hạt Mùi	10g

Giã nát, cho vào 50ml nước đun sôi, gạn lấy nước để nguội cho thêm 100ml rượu phun hoặc xoa khắp người bệnh nhi, ủ kín bệnh nhi trong 1 - 2 giờ để thúc sởi mọc ra ngoài hết.

Kiêng kỵ:

Không được để bệnh nhi nhiễm lạnh.

24. HƯƠNG LIÊN THANG GIA VỊ

Mộc hương	12g
Hoàng liên (tẩm nước Ngô thù sao)	6g
Hồng sâm (tẩm Gừng sao)	8g
Ngô thù	2g

Chủ trị:

Trẻ em bị kiết lỵ.

Cách dùng, liều lượng:

Ngô thù cho vào 50ml đun sôi kỹ, chắt lấy nước, tẩm Hoàng liên sao khô.

Các vị sao chế xong cho vào 300ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 3 lần, cách 2 giờ uống 1 lần.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng mỡ và các chất tanh.

25. GIA VỊ NGŨ QUẦN THANG

Hồng sâm (tẩm Gừng sao)	12g
Hoài sơn	12g
Bạch linh	8g
Trần bì	6g
Cam thảo	4g
Hoàng liên (tẩm nước Ngô thù sao)	6g

Mộc hương	6g
Thăng ma	6g
Trư linh	6g
Trạch tả	6g

Chủ trị:

Kiết lỵ ra máu mũi, chất nhầy.

Cách dùng, liều lượng:

Dùng Ngô thù 2g cho vào 50ml đun sôi kỹ chắt lấy nước, tẩm Hoàng liên, sao khô.

Các vị sao chế xong, cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

- Cho bệnh nhi ăn cháo nhẹ
- Kiêng ăn các thứ sống, lạnh, mỡ, chất tanh.

26. TỨ QUÂN GIA SỬ QUÂN BẠCH CHỈ THANG

Đảng sâm	8g
Bạch linh	8g
Bạch truật	8g
Cam thảo	8g
Sử quân tử (bỏ màng, bỏ hai đầu nhọn)	8g
Bạch chỉ	8g

Chủ trị:

Trùng tích ở trẻ em (giun đũa).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc cho bệnh nhi uống 1 lần vào sáng sớm lúc đói (cho cả trẻ từ 1 - 5 tuổi).

Ngày uống 1 thang.

Uống liên tục 3 ngày liền.

Đối với trẻ từ 5 tuổi trở lên tăng liều lượng của mỗi vị lên 12g.

27. PHÌ NHI CAM TÍCH HOÀN

Hoài sơn (sao)	40g
Ý dĩ (sao)	40g
Liên nhục (sao)	40g
Bạch biển đậu (sao)	40g
Sơn tra	20g
Thần khúc (sao)	20g
Sử quân tử (bỏ màng, bỏ hai đầu nhọn)	30g
Đương quy	200g
Gạo nếp (rang)	150g

Chủ trị:

Trẻ em cam tích: gầy yếu, bụng ỏng đít beo, có giun, hay rối loạn tiêu hoá.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị đều sao vàng giòn, tán bột mịn, luyện hồ (bằng bột gạo nếp rang) làm hoàn bằng hạt ngô.

Trẻ em: Từ 1 - 5 tuổi uống 5 - 10g ngày.

Từ 5 - 10 tuổi uống 10 - 20g ngày.

Chia uống 2 lần với nước chín.

Kiêng kỵ:

Kiêng các chất sống lạnh.

28. BÁCH BỘ RỄ CHANH THANG

Bách bộ (tẩm mật sao)	10g
Rễ Chanh (sao qua)	10g
Húng chanh (tươi)	5g
Lá Hẹ (tươi)	5g
Rễ Xạ can	3g

Chủ trị:

Trẻ em bị ho gà mới mắc (thể nhẹ): Thời kỳ bệnh xâm nhập, bệnh nhi viêm niêm mạc mũi, xổ mũi, hắt hơi, ho, ho khan, ho nhiều về đêm, họng hơi đỏ, nhiệt độ bình thường hoặc hơi cao (không quá 38°C) biếng ăn, suy giảm sức lực.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày (sáng, trưa, tối).

Ngày uống 1 thang.

29. SÂM HÀNH MO NANG TRE THANG

Sâm đại hành	10g
Mo nang tre (đốt tồn tinh)	10g
Kim ngân hoa	5g
Bạc hà	5g
Thổ phục linh	10g
Bách bộ (tẩm mật sao)	8g

Chủ trị:

Trẻ em mắc bệnh ho gà.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày (sáng, trưa, tối).

Ngày uống 1 thang.

30. THANG KIM NGÂN RAU MÁ

Rau Má	30g
Kim ngân dây	20g
Rau Dệu	12g
Cỏ Xước	12g
Cỏ Màn chầu	10g
Cà Gai leo	10g
Dây Bim bim	10g

Chủ trị:

Sởi đã mọc ở trẻ em.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị dùng tươi hay khô cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

31. CANH CHÂU THANG

Lá Canh châu (Trân châu)	30g
Đậu đen xanh ruột (sao vàng)	30g
Ngải cứu	20g
Dấp cá	10g
Kim ngân dây	20g

Chủ trị:

Trẻ em lên sởi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế xong, cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

32. KIM SÀI KINH CÁT THANG

Kim ngân hoa	30g
Sài đất	20g
Kinh giới	10g
Cát căn	20g
Trúc diệp	20g

Chủ trị:

Sởi trẻ em giai đoạn mọc ban.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày (sáng, trưa, tối).

Ngày uống 1 thang.

33. RAU DỆU NGÂN HOA THANG

Kim ngân hoa	16g
Rau Dệu	16g
Lá Giấp cá	16g
Cam thảo đất	12g
Bèo cái	12g

Chủ trị:

Sởi trẻ em giai đoạn toàn phát, ban sởi bắt đầu mọc từ đầu, mặt, cổ trở xuống.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

34. XÍCH ĐẬU MẠCH MÔN TÁN

Xích đậu (đậu đỏ)	100g
Mạch môn (bỏ lõi)	80g
Tang diệp (lá dâu non)	100g
Liên nhục	150g
Hoài sơn	160g

Chủ trị:

Sởi trẻ em giai đoạn các nốt ban sởi bay.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị sao vàng giòn, tán bột mịn, trộn đều.

Ngày uống 30g chia làm 2 - 3 lần. Hoà vào cháo hoặc nước chín.

35. TẦM SA THANG

Tằm sa (phân Tằm) sấy khô	30g
Cửu thái diệp (lá Hẹ) tươi	20g
Mễ thố (Giấm thanh)	20ml

Chủ trị:

Viêm hạch, quai bị.

Cách dùng, liều lượng:

Tằm sa sấy khô tán bột.

Lá Hẹ tươi giã nhỏ.

Cả hai thứ trộn lẫn thêm Giấm thanh trộn đều, đắp vào nơi sưng đau.

Ngày đắp 2 - 4 lần.

36. THANG LÁ NA LÁ GẤC

Lá Na (lá Mãng cầu ta) tươi	16g
Lá Gấc tươi	16g
Lá Cà độc dược tươi	10g

Chủ trị:

Trẻ em bị lên quai bị.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch, giã nhỏ đắp vào nơi sưng đau.

Ngày đắp 1 lần.

37. THANG MỘC MIẾT TỬ

Mộc miết tử (hạt Gấc)	5 - 6 hạt
Bẹ hoa chuối hột	40 - 50g
Muối ăn	1 - 2g

Chủ trị:

Trẻ em lên quai bị.

Cách dùng, liều lượng:

Hạt Gấc đã đồ sôi đập bỏ vỏ cứng lấy nhân nướng vàng, giã nhỏ cùng với Bẹ hoa chuối, trộn thêm muối đắp lên chỗ đau.

Ngày đắp 1 lần.

38. KIM SÀI CÔNG GIỚI THANG

Kim ngân hoa (hoặc dây)	12g
Sài đất	20g
Bồ công anh	16g
Kinh giới	12g
Bạc hà	6g
Chỉ xác	8g
Cam thảo dây	8g

Chủ trị:

Trẻ em lên quai bị - đau ê ẩm vùng dái tai, sưng nóng đỏ đau, phát sốt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

39. LA BẠC TỬ THANG

La bạc tử	20g
Giấm thanh	10ml

Chủ trị:

Viêm hạch do quai bị.

Cách dùng, liều lượng:

Hạt Cải củ (La bạc tử) giã nhỏ trộn với Giấm đắp vào nơi sưng đau.

Ngày đắp 1 lần.

40. MUỒNG TRÂU CỎ MỰC HÀN THE THANG

Lá Muồng trâu tươi	50g
Cỏ Mực tươi	50g
Hàn the	5g

Chủ trị:

Các bệnh tưa (đẹn) lưỡi, môi, miệng ở trẻ em.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị giã nhỏ ép lấy nước cho thêm 10ml mật ong trộn đều, dùng tăm bông vô trùng chấm thuốc rà miệng cho trẻ.

Ngày rà 3 - 4 lần. Mỗi lần rà miệng thuốc cho trẻ phải 30 phút sau mới cho trẻ bú mẹ.

41. THUỐC CAM HÀNG BẠC

(Bổ tỳ tiêu cam trẻ em)

Mạch nha (loại hạt dài)	1000g
Liên nhục	500g
Sử quân tử	250g

Chủ trị:

Cam tỳ trẻ em: Bụng ỏng đít beo, người gầy, mặt vàng bủng, tóc khô sờ sạc, môi đỏ, mắt trố, có dỉ lèm nhèm, vành mắt thâm quầng, cổ ngẳng, chân gầy nhẽo, ăn không tiêu, uống nước nhiều, đi ngoài phân tanh hoặc chua còn lổn nhổn thức ăn hoặc như cứt cò, hoặc có giun. Nước tiểu đục, nặng thì trắng như nước vo gạo. Người phù nề, hâm hấp sốt về chiều, tinh thần ủ rũ, thích nằm chỗ tối, hay quấy khóc, ưa nằm sấp.

Cách dùng, liều lượng:

Mạch nha sao thơm tới khi nổ lép bép vỏ tách ra để nguội sát kỹ, sàng sẩy sạch hết mày, tán nhỏ, rây lấy bột mịn bỏ bã.

Hạt Sen sao vàng thơm, tán bột mịn.

Sử quân tử sát bỏ hết màng, mày vỏ; sao phồng thơm sát lại 1 lần nữa cho sạch hết mày, tán bột mịn.

Cả ba thứ bột trộn đều.

Trẻ em từ:

6 tháng - 1 năm dùng 1 - 2 thìa con 1 ngày.

1 năm - 3 năm dùng 2 - 4 thìa con 1 ngày.

3 năm - 5 năm dùng 4 - 5 thìa con 1 ngày.

5 năm - 15 năm dùng 5 - 8 thìa con 1 ngày.

Bột thuốc hoà với cháo hoặc quấy với lòng đỏ trứng gà hấp cơm cho trẻ ăn.

Có thể luyện với mật ong hoặc kẹo mạch nha làm hoàn cho dễ ăn.

Chú ý:

- Tuỳ theo nguyên nhân phát sinh cam mà bổ vị làm thang như sau:

+ Thể cam tả dùng:

Vỏ cây Lộc vừng (bỏ vỏ ngoài sao vàng)	12g
Lá Ổi	12g

Sắc lấy nước làm thang hoà với 12g thuốc bột uống 1 lần. Ngày uống 3 - 4 lần.

+ Thể cam thũng (chân, tay, mặt phù nề) dùng:

Đăng tâm thảo	3 sợi bấc
Khương bì (vỏ Gừng)	8g
Bông mã đề	16g

Sắc lấy nước làm thang hoà với 12g thuốc bột uống 1 lần. Ngày uống 3 - 4 lần.

+ Thể cam ám mục, cam mắt (mắt sưng, nhắm không mở được) và có giun kim dùng:

Kê can (gan Gà) không được rửa nước, băm nhỏ trộn đều với 4 thìa thuốc bột, gói vào lá chuối non sạch, nướng chín cho trẻ ăn.

- Bài này thông trị ngũ cam và bổ tỳ, trẻ em ăn nhiều càng tốt.

Kiêng kỵ:

Kiêng cho trẻ ăn các thứ ngọt, mỡ, các thức ăn khó tiêu.

42. CAM SÀI MÒN TÁN

Cóc sống (loại cóc vàng)	5 con
Xác rắn	1 - 2 xác
Tổ Ong bồ vẽ khô (ong đã bỏ đi)	100g
Lá Cam sành tươi	200g

Chủ trị:

Trẻ em cam sài mòn: Bụng ỏng đít beo, mặt vàng bủng, người gầy chân tay nhẽo, tinh thần ủ rũ, hay quấy khóc, biếng ăn, ỉa sống phân, uống nước nhiều, nước tiểu đục.

Cách dùng, liều lượng:

Cóc đập chết bọc vào đất sét, vùi vào than trấu hay mùn cưa nung đến khi đất đỏ hồng lấy ra để nguội, đập cạo lấy than cóc tồn tính, đen óng ánh như than đá, tán bột mịn để riêng. Xác rắn, tổ Ong khô sao tồn tính, tán bột mịn. Lá Cam sành tươi phơi âm can khô, thái nhỏ sao vàng thơm tán bột mịn.

Tất cả các vị sao chế tán bột mịn xong trộn đều.

Trẻ em từ 1 - 2 tuổi mỗi lần uống 3 - 5g.

3 - 5 tuổi mỗi lần uống 6 - 8g

6 - 8 tuổi mỗi lần uống 9 - 10g

Ngày uống 2 lần. Hoà bột thuốc vào nước cháo hay mật ong cho trẻ uống.

Kiêng kỵ:

Không cho trẻ ăn đồ ngọt, mỡ, các chất khó tiêu.

43. HOÀN BỔ TỲ TIÊU CAM

Bố chính sâm	30g
Bạch truật	20g
Hoài sơn	100g
Mạch nha	80g
Thần khúc	40g
Bạch linh	16g
Cam thảo	16g
Biển đậu	16g
Sơn tra	16g
Hổ hoàng liên	8g
Cóc vàng đốt tồn tính	5 con

Chủ trị:

Cam tỳ trẻ em.

Cách dùng, liều lượng:

Cóc vàng đập chết bọc vào đất bùn ao (luyện dẻo với rơm băm nhỏ) độ dày của đất bọc cóc độ 2 - 3 phân, vùi vào lửa trấu hầm một đêm cho đất cháy đỏ. Sáng hôm sau lửa tàn lấy ra để nguội đập vỡ nhặt cạo lấy xương cóc đã cháy thành than đen nhánh, tán bột mịn.

Các vị khác sao qua tán bột mịn trộn với bột than cóc, luyện với mật ong hay kẹo mạch nha làm hoàn 4g.

Trẻ em 1 tuổi ngày uống 3 viên

2 tuổi ngày uống 6 viên

3 tuổi ngày uống 9 viên

4 tuổi ngày uống 12 viên

5 tuổi ngày uống 15 viên.

Chia uống làm 3 lần (sáng, trưa, tối). Uống với nước chín nguội.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ khó tiêu, các thứ béo, ngọt.

44. TIÊU ĐỘC GIẢI BIỂU THANG

Thăng ma	6g
Phòng phong	6g
Tiền hồ	6g
Cam thảo	4g
Cát căn	4g
Ngưu bàng (sao)	8g
Kinh giới	4g
Chỉ xác (bỏ ruột)	6g
Cát cánh	6g

Chủ trị:

Trẻ em lên sởi ở giai đoạn đầu có chứng trạng: sốt đã 3 ngày mà sởi mọc lưa thưa không đều (mọc lỏi do bị phong hàn làm bế tắc không phát ra được) sắc sởi đỏ nhạt không tươi nhuận, vẫn sốt nóng, không có mồ hôi, đầu nhức, nôn oẹ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng gió, nước, các thứ tanh (tôm, cua, cá).

45. HOÁ ĐỘC THANH BIỂU THANG

Ngưu bàng (sao)	8g
Thiên hoa phấn	8g
Mộc thông	6g
Cát cánh	6g
Cam thảo	4g
Huyền sâm	6g
Chi tử (sao đen)	6g
Địa cốt bì	8g
Tri mẫu (sao)	6g
Hoàng liên	4g

Chủ trị:

Trẻ em lên sởi ở giai đoạn sởi bay có chứng trạng: sởi đã mọc được 3 ngày vẫn còn sốt cao không lui, ho, miệng khô, họng ráo (là do hư nhiệt còn lưu lại ở phế và cơ biểu).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn tôm, cua, cá, không cho trẻ ra gió và rửa nước.

46. TẢ LỴ TÁN

Bạch truật (tẩm hoàng thổ sao)	8g
Hoàng liên (tẩm rượu sao)	2g
Mộc hương	4g
Anh túc xác (rửa nước gạo sao)	8g

Chủ trị:

Trẻ em đi tả lỵ, sống phân, phân trắng bệch, tanh...

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao, chế, sấy khô, tán bột mịn.

Trẻ em: Dưới 5 tháng mỗi lần uống 0,05g.

5 tháng mỗi lần uống 0,10g

2 - 4 tuổi mỗi lần uống 0,15g

5 - 7 tuổi mỗi lần uống 0,20g

Ngày uống 3 - 5 lần, uống với nước chín hoặc nước chè.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ hoa quả, các thứ sống, lạnh, mỡ, trứng, chua.

47. MỘC MIẾT CỬU THÁI TÁN

Mộc miết tử (hạt Gấc)	3 - 4 hạt
Cửu thái (rau Hẹ) tươi	50 g
Rau Răm tươi	50g
Tỏi	3g

Chủ trị:

Trẻ em lên quai bị - hai mang tai sưng đau, nóng hai quai hàm, há miệng đau, sốt nhẹ, ăn ít, ngủ kém.

Cách dùng, liều lượng:

Chọn hạt Gấc đã đồ sôi, đập lấy nhân, thái nhỏ sấy khô.

Lá Hẹ, rau Răm, Tỏi, phơi sấy khô.

Tất cả các vị tán bột mịn trộn đều.

Lấy 3 thìa cà phê bột thuốc cho vào 50ml nước quấy đều, để lắng gạn lấy 1/2 nước ngậm 5-10 phút nhổ đi; còn 1/2 nước thuốc và bã dùng tăm bông thấm thuốc bôi lên nơi sưng đau nhiều lần (khô thuốc lại bôi tiếp).

48. PHÌ NHI CAM TÍCH TÁN

Liên nhục (sao vàng)	200g
Ý dĩ (sao vàng)	200g
Hoài sơn (sao vàng)	300g
Sử quân tử (cắt hai đầu nhọn, bỏ màng) sấy khô	60g

Công dụng:

Cam trẻ em, trẻ em bụng ỏng đít beo, mặt vàng bủng, người gầy chân tay nhẽo, có giun.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn trộn đều.

Trẻ em từ:

2 - 3 tuổi ngày uống 2 lần mỗi lần 2 - 3g.

4 - 5 tuổi ngày uống 2 lần mỗi lần 4 - 5g

Hoà vào cháo hoặc quấy đều với lòng đỏ trứng Gà hấp cơm cho trẻ em.

Kiêng kỵ:

Kiêng cho trẻ ăn các thứ ngọt, mỡ, các thức ăn khó tiêu.

49. VIÊN HO GÀ

Bột bách bộ (bỏ lõi)	0,005g
Bột lá Tía tô	0,025g
Bột Trần bì	0,005g
Bột Tang bạch bì	0,025g
Bột cát căn	0,025g
Rượu Cà độc dược 1/10	0,015g
Tá dược (mật, hồ) vừa đủ làm 1 viên	0,1g

Chủ trị:

Trẻ em mắc chứng ho gà: Ho từng cơn dài, đỏ mặt tía tai, nước dãi và đờm đặc thường khạc ra sau cơn ho, khi ho xong hít hơi vào có tiếng giống như tiếng rít thừa của gà gáy.

Cách dùng, liều lượng:

Công thức trên là để chế thành 1 viên 0,1g

Trẻ em 1 tuổi uống mỗi lần 1 viên (chia làm 2 lần).

Trẻ em cứ tăng 1 tuổi mỗi lần uống thêm 1 viên, cho đến 13 tuổi uống 13 viên.

Trẻ trên 13 tuổi và người lớn mỗi lần 13 - 20 viên ngày uống 2 lần, uống với nước chín hoặc nước đường.

50. SINH ĐỊA HUYỀN SÂM THANG

Sinh địa	12g
Huyền sâm	10g
Mạch môn	10g
Liên kiều	8g
Hoàng cầm	6g

Chủ trị:

Trẻ em bị bạch hầu, viêm họng sốt nóng, khát.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

51. SINH ĐỊA HUYỀN SÂM SƠN TỪ CÔ THANG

Sinh địa	12g
Huyền sâm	10g
Sơn từ cô (củ Gió)	10g
Mạch môn	10g
Cam thảo	6g

Chủ trị:

Trẻ em bị bạch hầu, viêm họng, sốt nóng, miệng khát.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

52. BỘT BỔ TỲ

Hoài sơn (sao vàng)	300g
Ý dĩ (sao vàng)	300g
Mạch nha (sao nổ đều loại vỏ)	200g
Thần khúc (sao thơm)	50g
Bạch biển đậu (sao vàng)	150g

Chủ trị:

Trẻ em suy dinh dưỡng, ỉa chảy kéo dài, phân không tiêu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế tán bột mịn, trộn đều.

Trẻ em từ 1-7 tuổi, mỗi lần uống 1 - 3 thìa cà phê.

Ngày uống 2 lần, trộn thuốc với cháo hoặc nước cơm hoặc nước chín.

53. BỘT KIỆN TỲ

Bạch biển đậu (sao vàng)	200g
Ý dĩ (sao vàng)	200g
Hoài sơn (sao vàng)	200g
Đảng sâm (sao giòn)	200g
Mạch nha (sao nổ đều loại vỏ)	100g
Liên nhục (sao vàng)	100g
Nhục đậu khấu	0,030g
Sa nhân	0,020g
Trần bì	0,020g

Chủ trị:

Trẻ em tỳ hư, ăn kém.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn.

Trẻ em ngày uống 2 lần, mỗi lần 8g, uống với nước chín, uống trước bữa ăn.

54. BỘT HOA ĐU ĐỦ ĐỰC

Hoa Đu đủ đực khô (sao vàng)	200g
Trần bì (sao giòn)	100g
Tang bạch bì (tẩm mật sao giòn)	200g

Phèn chua phi (khô) 120g
Bách bộ (tẩm mật sao giòn) 120g

Chủ trị:

Trẻ em mắc ho gà.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị sao chế tán bột mịn.

Trẻ em từ 1 - 5 tuổi mỗi lần uống 1 - 4g.

5 - 10 tuổi mỗi lần uống 4 – 8g.

Ngày uống 2 - 3 lần. Uống với nước chín.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất dầu, mỡ, cay nóng.

55. CAO HO GÀ

Tang bạch bì	100g
Lá Chanh (tươi)	100g
Cỏ Gà (tươi)	100g
Lá Táo (tươi)	100g
Cỏ Sữa nhỏ lá (tươi)	100g
Hoa Đu đủ đực (khô)	50g
Gừng (tươi)	50g
Củ Sả (tươi)	50g
Đường kính	800g

Chủ trị:

Trẻ em mắc ho gà.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị thái nhỏ sao vàng hạ thổ. Cho nước, đường nấu lấy 1000ml cao lỏng.

Trẻ em: Dưới 5 tuổi mỗi lần uống 5ml cao.

5 - 10 tuổi mỗi lần uống 10ml cao.

Ngày uống 2 lần, khi uống hoà với ít nước chín.

Kiêng kỵ:

Kiêng các chất cay nóng, tôm, cua.

56. THANG RAU DỆU RIỀNG ẤM

Cây lá rau Dệu	20g
Riềng ấm	10g

Chủ trị:

Trẻ em lên sởi: Phát sốt, mặt đỏ, ho khan, khắp người mọc mụn đỏ ly ti, giúp sởi mọc đều.

Cách dùng, liều lượng:

Hai vị rửa sạch, sao qua, cho vào 300ml nước sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang - uống luôn 2 ngày.

57. MẠT LỊ CÁT CĂN THANG

Mạt lị (cây Nhài cả hoa, lá, cành)	20g
Cát căn	20g
Đại thảo khấu (Riềng ấm)	10g

Chủ trị:

Trẻ em lên sởi: Phát sốt, mặt đỏ, ho khan, khắp người mọc mụn đỏ li ti, giúp sởi mọc đều.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch, thái nhỏ cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang - uống luôn 2 ngày.

58. TOAN TÁO DIỆP THANG

Toan táo diệp (lá Táo)	12g
Lá Chanh	12g
Cỏ Nhọ nồi	12g
Cam thảo nam	5g

Chủ trị:

Trẻ em ho gà: Ho liên tục, ho nhiều về đêm, ho cơn dài, có đờm dãi, cuối cùng thở rít một tiếng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch sao qua cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống dần 4 - 5 lần trong ngày (khi uống nên pha thêm chút đường).

Ngày uống 1 thang, uống luôn 3 - 4 ngày.

59. NGŨ LIÊM HOA THANG

Ngũ liêm hoa (hoa Khế) 20 - 30g

Chủ trị:

Trẻ em bị ho gà: Ho rũ rượi, ho liên tục, ho nhiều về đêm, ho cơn dài, đỏ mặt tía tai, nhiều đờm dãi, cuối cùng thở rít 1 tiếng.

Cách dùng, liều lượng:

Hoa Khế cho vào bát đổ ngập nước, đun cách thủy sôi 30 phút, lấy ra để nguội gạn nước thuốc cho trẻ dưới 3 tuổi uống từng ngụm nhỏ, uống nhiều lần trong ngày.

Trẻ em trên 3 tuổi thì tăng lượng thuốc lên.

60. TOAN TƯƠNG THẢO THANG

Toan tương thảo (Chua me đất hoa vàng)	15g
Toan táo diệp (lá Táo chua)	12g
Liên tiền thảo (rau Má)	15g
Bạc hà diệp	6g
Hoè hoa	6g
Hạn liên thảo (cỏ Mực)	6g
Nga bất thực thảo (Cóc mẩn)	12g

Chủ trị:

Trẻ em ho, sưng phổi (viêm phổi).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị để tươi, rửa sạch cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, thêm chút đường chia uống 4 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

61. HOẮC HƯƠNG MÃ ĐỀ THANG

Lá Hoắc hương	3g
Bông mã đề	3g
Búp ổi	5g

Chủ trị:

Trẻ em bị ỉa chảy: Đại tiện phân lỏng, ngày đi nhiều lần, tiểu tiện không lợi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch, sao qua, thái nhỏ cho vào bát, đổ ngập nước sôi, bịt lá chuối kín miệng bát đem hấp trên cơm. Cơm chín lấy bát thuốc ra. Gạn nước thuốc chia làm 4 lần cho trẻ uống. Thấy cầm đi ngoài thì thôi.

62. NAM QUA SỬ QUÂN BINH LANG TÁN

Nam qua tử (hạt Bí ngô)	80g
Sử quân tử	80g
Binh lang	60g
Đường kính	60g

Chủ trị:

Trẻ em có giun: Bụng to, da vàng, đau bụng, nôn oẹ.

Cách dùng, liều lượng:

Hạt bí ngô bóc vỏ để sống.

Quả giun (Sử quân tử) bóc vỏ, bỏ màng để sống.

Binh lang thái mỏng.

Tất cả các vị phơi sấy khô giòn, tán bột mịn, trộn đều với đường kính.

Trẻ em: 1 - 3 tuổi mỗi lần uống 2 - 3g

4 - 6 tuổi mỗi lần uống 4 - 6g

7 - 10 tuổi mỗi lần uống 6 - 8g

Ngày uống 1 lần với nước chín, lúc đói bụng, uống luôn 7 ngày. Khi uống thấy ra giun thì ngưng thuốc.

Chú ý:

Người lớn có giun dùng thuốc này ngày uống 2 lần mỗi lần 12g, uống với nước chín, uống xa bữa ăn.

63. ĐỘNG PHONG THÁI THANG

Động phong thái (rau Ngót) tươi	20g
Phong mật (Mật ong)	5g

Chủ trị:

Tưa lưỡi trẻ em: Trên mặt lưỡi rộp cắn trắng, trẻ đau không bú được.

Cách dùng, liều lượng:

Lá rau Ngót tươi, rửa sạch, giã nhỏ vắt lấy nước cốt thêm Mật ong, trộn đều, dùng tăm bông hoặc gạc sạch chấm thuốc rà lên lưỡi trẻ vài 3 lần trong ngày, cắn trắng sẽ róc hết.

Khi rà thuốc để sau 20 - 30 phút người mẹ mới cho con bú.

64. THUYỀN THOÁI TÁN

Thuyền thoái (xác Ve sầu) 10 con

Chủ trị:

Trẻ em mới sinh khóc đêm (dạ đề): cứ đến đêm là khóc khi khóc khi nín, khóc từng cơn

dài, có khi khóc gần hết đêm, khóc không chịu bú.

Cách dùng, liều lượng:

Xác Ve sầu bỏ đầu, chân, cánh nghiền bột mịn hoà với nước sôi cho bé uống.

65. THIÊN KIM LONG ĐỞM THANG

Long đởm thảo	8g
Bạch thược	8g
Sài hồ	8g
Ngũ vị	2g
Cam thảo	2g
Thuyền thoái (bỏ đầu, chân, cánh)	20g
Mạn kinh tử	12g
Xuyên quy	8g
Hoàng cầm	4g
Bạc hà	3g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Trẻ em khóc đêm thời gian kéo dài, lâu không khỏi người suy yếu, tinh thần mệt mỏi, kiệt sức.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 500ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, cho trẻ và mẹ cùng uống.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Bài thuốc này chữa cả trẻ em cảm sốt cao phát kinh giật.

66. NHỊ HOÀNG THANG

Hoàng liên	2g
Hoàng cầm	2g
Trúc diệp	4g
Đảng sâm hoặc Nhân sâm	8g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Trẻ em khóc đêm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 250ml nước, sắc lấy 50ml nước thuốc.chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

67. ĐỘNG PHONG THÁI THANG

Động phong thái tươi (rau Ngót)	30g
Bàng sa	5g
Bách thảo sương	5g

Chủ trị:

Trẻ mới sinh tưa lưỡi: tưa mọc đầy lưỡi, kín cả môi lợi, không ăn không bú được.

Cách dùng, liều lượng:

Lá rau Ngót rửa sạch, giã nhỏ vắt ép lấy nước cốt trộn đều cùng với Bàng sa, Bách thảo sương bôi vào lưỡi, môi, lợi.

Ngày bôi nhiều lần (3 - 4 lần), bôi xong sau 20 - 30 phút hãy cho con bú.

68. SỬ QUÂN THANH ĐẠI TÁN

Sử quân căn	40g
Thanh đại	20g
Hoàng cầm	12g
Bạch chỉ	12g
Nòng nọc (phơi khô tẩm giấm sao vàng)	85g

Chủ trị:

Năm chứng cam của trẻ em (tâm cam, tỳ cam, phế cam, can cam, thận cam): người xanh xao, gầy gò, bụng ỏng đít beo, chân tay nhẽo, biếng ăn, kém ngủ, người nóng hoặc lạnh, hay ra mồ hôi trộm, hay hờn quấy khóc...

Cách dùng, liều lượng:

Con Nòng nọc phơi sấy khô tẩm giấm thanh sao vàng giòn tán bột mịn để riêng.

Các vị khác sấy khô, tán bột mịn riêng từng vị.

Khi uống cân lấy 1 lượng thuốc bằng 1/10 lượng của từng vị ghi trong toa,ngày uống 1 - 2 lần và tuỳ theo chứng uống với thang sau:

- Nếu trẻ tiểu tiện đỏ: Dùng nước sắc rau Má, hoa Mã đề hoà bột thuốc uống.

- Nếu trẻ đại tiện lỏng: Dùng nước sắc Gạo rang vàng (sắc đặc) hoà bột thuốc uống.

- Nếu bệnh trẻ phát nhiều phía nửa người trên: Dùng bội lượng Bạch chỉ lên 2g (Bạch chỉ vi quân).

- Nếu trẻ bệnh phát nhiều phía nửa người dưới: Dùng bội lượng rễ Sử quân lên 6 - 8g (Sử quân căn vi quân).

69. BÁT VỊ ĐỊA HOÀNG THANG GIA VỊ

Can địa hoàng	Hoài sơn
Trạch tả	Sơn thù
Phục linh	Đan bì
Quế chi	Phụ tử chế
Ngũ vị	Câu đằng
Tần giao	Mạch môn
Ngưu tất	

(Lượng thuốc dùng tuỳ theo tuổi của trẻ).

Chủ trị:

Trẻ em sốt cao kinh giật, có thể kéo dài đến 7, 8 ngày hoặc chứng kinh súc: Đột nhiên co giật ngã quay hoặc hôn mê bất tỉnh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho sắc uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

70. LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG THANG GIA VỊ

Thục địa	Hoài sơn
Sơn thù	Trạch tả
Phục linh	Đan bì
Câu đằng	Tần giao
Kinh giới	Bạc hà
Mộc qua	

(Lượng thuốc dùng tuỳ theo tuổi của trẻ).

Chủ trị:

Trẻ em sốt cao kinh giật.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho sắc uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

71. TIỂU TỤC MỆNH THANG GIA VỊ

Ma hoàng	Phòng kỷ
Nhân sâm	Hoàng cầm
Cam thảo	Thược dược
Hạnh nhân	Phụ tử chế
Xuyên khung	Sinh khương
Đại táo	Phòng phong
Quế chi	Câu đằng
Kinh giới	Mộc qua

(Lượng thuốc dùng tuỳ theo tuổi của trẻ).

Chủ trị:

Trẻ bỗng nhiên trúng phong: Miệng mắt méo lệch, cứng lưỡi, nói ngọng, ngượng ngịu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho sắc uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang

72. PHÉP KHAI BẾ

Trẻ sơ sinh bị phong hàn bế tắc, mê man bất tỉnh đổ thuốc không nuốt, đốt lửa không biết nóng (là do đờm làm tắc dây đại lạc của tỳ, khiến âm dương không thăng giáng được). Dùng:

Thạch xương bồ

Lá Ngải cứu tươi

Lượng đủ dùng

Hai vị rửa sạch, giã nhỏ, trộn với dầu vừng và giấm thanh, xào nóng bọc vào vải (để vừa nóng) chườm đầu bụng, lưng, và chân, tay bé (đờm lợi, kinh lạc thông là bệnh nhi tỉnh).

73. PHÉP THÔNG MẠCH

Trẻ em tự nhiên thấy chân tay lạnh giá (do biểu tà bế tắc kinh lạc hoặc sau khi ốm nặng dương khí không hoà, không tản ra tứ chi được) dùng:

Gừng tươi (lượng đủ dùng) nướng chín, giã nhỏ, vắt lấy nước hoà với dầu vừng xoa vào tay chân cho trẻ, xoa tới khi tay chân ấm thì thôi, lau sạch tay chân và ủ ấm cho trẻ.

74. PHÉP NẠP KHÍ

Trẻ em vì sức quá yếu hoặc ốm nặng mà thở ra nhiều, khí suyễn, thở gấp thuộc chứng hư thoát (do nguyên khí không quay về nguồn được) dùng:

Ngô thù	30g

Tán bột mịn, trộn với rượu, bọc vải đổ vào rốn lấy băng buột chặt làm cho khí thuận trở về nguồn sẽ khỏi. Sau đó tuỳ chứng dùng thuốc điều trị tiếp cho trẻ.

75. PHÉP CHỮA HÀN ĐỜM

Trẻ em lúc mê, lúc tỉnh, thở ói ra đờm đặc và xanh (bệnh thuộc cực hàn) dùng:

Sinh phụ tử	1 củ
Sinh khương	40g

Hai vị giã nhỏ, sao nóng bọc vải chườm vào lưng, ngực trẻ nhiều lần, sau đó dùng bã thuốc đó đổ vào vị khẩu và băng lại.

76. THANG HOA ĐU ĐỦ ĐỰC RỄ CHANH

Hoa đu đủ đực (tẩm mật sao vàng)	20g
Rễ Chanh (sao vàng)	10g
Rễ cây Xương sông (sao vàng)	10g
Rau Má tươi	20g
Lá Táo giai tươi	10g
Cây Chua me đất tươi	10g
Lá Hẹ tươi	8g
Cỏ Nhọ nồi tươi	20g
Gừng tươi	3 lát
Đường trắng (để riêng)	50g

Chủ trị:

Trẻ em bị ho gà

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc cho đường vào đun sôi quấy tan đường, để nguội cho bệnh nhi uống dần.

Ngày uống 3 - 4 lần, mỗi lần uống 5 - 10ml (tuỳ theo tuổi của bé) uống trước bữa ăn 1 giờ và trước khi đi ngủ.

Kiêng kỵ:

Kiêng các thứ sống, lạnh, mật, mỡ, thịt gà, cá chép, mắm tôm, rau cần. Đối với các cháu còn đang bú, người mẹ cũng kiêng như vậy.

77. BÁCH NHẬT KHÁI THANG

Lá Chanh	20g
Lá Táo giai	20g
Cỏ Gà	20g
Cỏ Sữa nhỏ lá	20g
Vỏ rễ Dâu (tẩm mật sao)	20g
Hoa Đu đủ đực (tẩm mật sao)	10g
Củ Sả	10g
Gừng tươi	5 lát

Chủ trị:

Trẻ em bị ho gà.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị sao vàng hạ thổ, cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống nhiều lần trong ngày.

Cứ 20 phút uống 1 lần, mỗi lần uống 1 - 3 thìa cà phê (tuỳ theo tuổi). Có thể thêm chút đường cho dễ uống.

78. CÁT CÁNH CAM THẢO HẠNH NHÂN THANG

Cát cánh	4g
Cam thảo	4g
Tiền hồ	4g
Hạnh nhân	4g
Tang bạch bì	4g
Sinh khương	1 lát

Chủ trị:

Trẻ em ho gà giai đoạn đầu: ban ngày ho ít, ban đêm ho nhiều.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 250ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống nhiều lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Tuỳ theo tuổi của trẻ mà tăng liều lượng thuốc cho thích hợp.

79. Ô CÁT CAM HUYỀN THANG

Ô mai nhục	4g
Cát cánh	4g
Cam thảo	4g
Huyền sâm	4g
La bạc tử	4g
Ngưu tất	4g
Sinh khương	1 lát

Chủ trị:

Trẻ em bị ho gà giai đoạn hai: Ho lâu ngày, nôn ra đờm dãi, có khi phù mặt, lưỡi khô, miệng ráo.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 250ml nước sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống nhiều lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Tuỳ theo tuổi của trẻ mà tăng liều lượng thuốc cho thích hợp.

80. KIM THUỶ LỤC QUÂN THANG GIA VỊ

Thục địa	8g
Đương quy	8g
Bạch linh	4g
Cam thảo	4g
Trần bì	2g
Bán hạ	2g
Bối mẫu	4g
Khoản đông hoa	4g
Từ uyển	4g

Chủ trị:

Trẻ em bị ho gà giai đoạn ba: Ho lâu ngày (ảnh hưởng đến phế) hai má ửng hồng, hai mắt đỏ ngầu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống nhiều lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Tuỳ theo tuổi của trẻ mà tăng giảm liều lượng thuốc cho thích hợp.

81. THIÊN BÁCH MẠCH THANG

Thiên môn	8g
Bách bộ	4g
Mạch môn	8g

Chủ trị:

Trẻ em bị ho gà giai đoạn ba.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 200ml nước, sắc lấy 50ml nước thuốc, thêm đường chia uống nhiều lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

82. HUYỀN SÂM TRI MẪU CAM THẢO THANG

Huyền sâm	4g
Tri mẫu	4g
Cam thảo	4g
Mạch môn	4g
Thiên môn	4g
Bách bộ	4g
Bối mẫu	4g

Chủ trị:

Trẻ em bị ho gà.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 250ml nước, sắc lấy 50ml nước thuốc, thêm đường chia uống nhiều lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

83. TRƯ ĐỜM THẠCH CAO HOÀN

Thạch cao	50g
Ý dĩ (sao vàng)	80g
Binh lang (sao)	15g
Mật lợn	3 cái

Chủ trị:

Trẻ em bị ho gà, sưng phổi.

Cách dùng, liều lượng:

Thạch cao cho vào 200ml nước, sắc lấy 50ml nước thuốc. Ý dĩ, Binh lang tán bột mịn, cho

vào nước sắc thạch cao, thêm nước mật lợn, luyện kỹ làm viên bằng hạt ngô.

Trẻ em: Từ 1 - 2 tuổi uống 1 viên.

Từ 3 - 4 tuổi uống 2 viên.

5 - 6 tuổi uống 3 viên

4 - 8 tuổi uống 4 viên

Ngày uống 1 - 2 lần, mài với nước sôi, thêm đường uống sau bữa ăn.

84. KHƯƠNG TRẤP TRÚC LỊCH THANG

Khương trấp (nước ép gừng tươi)

Trúc lịch (nước ép tre non nướng)

Đồng tiện (nước tiểu trẻ em)

Cả 3 vị lượng bằng nhau.

Chủ trị:

Trẻ em bị cấp kinh phong

Cách dùng, liều lượng:

Cả 3 vị trộn lẫn quấy đều cho trẻ uống.

85. BỘT TRẤN KINH

Bạc hà	4g
Kinh giới	4g
Phòng phong	4g
Xương bồ	4g
Thuyền thoái (bỏ chân, đầu)	4g
Hoàng cầm	4g
Câu đằng	20g
Đương quy	12g

Chủ trị:

Trẻ sơ sinh bị cấp kinh phong.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị phơi sấy khô, tán bột mịn, trộn đều.

Trẻ sơ sinh bị lên kinh dùng 4g bột thuốc cho vào nước sôi quấy đều, để lắng, gạn lấy nước trong (nếu trẻ đã 3 - 4 tuổi cho uống cả bột thuốc) hoà thêm Khương trấp, Trúc lịch và nước tiểu trẻ em cho uống.

86. TRẤN KINH TIÊU ĐỜM THANG

Câu đằng	8g
Bạc hà	4g
Cam thảo	4g
Sài hồ	8g
Địa cốt bì	8g
Mộc thông	8g
Liên kiều	4g
Thuyền thoái	4g
Đăng tâm	2g

Chủ trị:

Chứng cấp kinh phong ở trẻ em do can phong hiệp tâm hoả, chứng hậu giống như phong nhiệt nhưng ngủ hay giật mình, hoặc mắt lúng liếng có khi nhìn ngược, hoặc nghiến răng ngáp dài.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống dần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Nếu có đờm gia:

Hạnh nhân	4g
Trần bì	4g
Qua lâu nhân	2g

- Nếu thương thực gia:

Sơn tra	2g
Mạch nha	4g

- Nếu tiết tả (ỉa chảy) phân xanh hoặc vàng gia:

Bạch linh	8g
Trạch tả	8g
Xa tiền	4g
Mộc thông	4g

- Nếu nóng nhiều gia:

Hoàng liên	2g

- Nếu kinh phong gia:

Toàn yết	2g
Câu đằng	8g

87. KHUNG QUY ĐỊA XÍCH HỒNG ĐÀO THANG

Xuyên khung	12g
Xuyên quy	12g
Sinh địa	12g
Xích thược	12g
Hồng hoa	4g
Đào nhân	4g

Chủ trị:

Chứng mã tỳ phong: trẻ em bị nội thương về ăn uống, ngoại cảm phong hàn, kinh lạc bế tắc phát nóng, co giật, trợn mắt, méo mồm, nặng thì hôn mê, vã mồ hôi, đại tiểu tiện tự xuất.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước thêm 3 lát gừng làm thang sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

88. LỤC QUÂN TỬ THANG

Sa sâm	8g
Bạch linh	8g
Bạch truật	8g
Trần bì	4g
Bán hạ	4g
Cam thảo nướng	2g

Chủ trị:

Trẻ em bị mạn kinh phong do tỳ bị hư hàn: Lên kinh lắc đầu, co giật tay chân hoặc cứng nhắc mím môi trợn mắt (nếu miệng há hốc là khí thoát không chữa được), người lúc nóng lúc lạnh, tay chân lạnh nhiều hơn nóng, cơn giật khi nặng khi nhẹ, da trắng nhợt hoặc xanh xao, đờm sục mũi thở phì phò.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống một thang.

Tuỳ tuổi tăng liều lượng thuốc cho thích hợp.

Chú ý:

- Nếu bệnh nặng dùng bài:

LÝ TRUNG THANG

Sa sâm	8g
Bạch truật	8g
Can khương	4g
Cam thảo nướng	2g

Tuỳ tuổi tăng lượng thuốc cho thích hợp.

- Nếu bệnh nặng hơn nữa dùng bài:

PHỤ TỬ LÝ TRUNG THANG

Tức là Bài lý trung thang gia phụ tử 4g

89. LỤC VỊ HỒI DƯƠNG THANG

Nhân sâm	8g
Cam khương	4g
Cam thảo nướng	2g
Thục địa (sao khô)	12g
Xuyên quy	8g
Phụ tử	4g

Chủ trị:

Trẻ em bị mạn kinh phong do thận hư sắp tuyệt, cơ dương không nơi nương tựa, hơi thở phì phò, đờm sục.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống hai lần trong ngày.

Ngày uống một thang.

Tuỳ tuổi của trẻ mà tăng giảm liều lượng thuốc cho thích hợp.

Chú ý gia giảm:

Nếu trường hợp nguy kịch quá gia thêm:

Quế thanh tốt	4g

Mài vào nước cho trẻ uống.

90. TỨ QUÂN THANG GIA VỊ

Sa sâm	12g
Bạch truật	8g
Bạch linh	12g
Cam thảo	4g
Trần bì	4g
Bạch thược (sao cháy)	12g

Cương tằm (sao gừng)	4g
Câu đằng	12g

Chủ trị:

Trẻ em bị mạn tỳ phong: Tay chân run giật, lại đi tả phân như phân cò, khát nước, mình nóng, tay chân lạnh, mắt nhắm lỵ bì.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống một thang.

Chú ý gia giảm:

- Nếu tiết tả nặng gia thêm:

Đậu khấu	4g
Long cốt	8g

- Nếu có rét nhiều gia thêm:

Đinh hương	2g
Nhục quế	2g

- Nếu hư nhược quá gia thêm:

Xuyên quy	8g
Hoàng kỳ	8g

- Nếu mồ hôi ra nhiều gia thêm:

Hoàng kỳ	8g
Phòng phong	4g

91. BÌNH CAN BỔ TỲ TRẤN KINH THANG

Bạch truật	8g
Hậu phác	4g
Câu đằng	8g
Phòng phong	4g
Bạch thược	8g
Cam thảo	4g
Bạch linh	8g
Trần bì	4g
Bạc hà	4g

Chủ trị:

Trẻ em bị mạn kinh phong do cấp kinh phong thất trị phong tà truyền sang tỳ kinh. Chứng hậu như cấp kinh phong chỉ khác là tay chân lạnh và phát quyết hoặc không phát quyết hoặc thổ tả, hoặc đại tiện phân vàng lỏng hoặc tả phân trắng như phân cò, mắt trũng sâu, ngáp dài.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống một lần trong ngày.

Ngày uống một thang.

Gia giảm:

- Nếu nôn mửa gia thêm:

Hoắc hương	2g
Bạch đậu khẩu	4g

- Nếu tiết tả gia thêm:

Kha tử	2g
Sa nhân	4g

- Nếu đại tiện phân trắng gia thêm:

Nhục đậu khấu	2g
Táo nhân	4g

- Nếu thực tích gia thêm:

Sa nhân	4g
Thần khúc	8g

- Nếu khát nước gia thêm:

Cát căn	4g

- Mồ hôi ra nhiều gia thêm:

Phòng phong	4g
Hoàng kỳ	8g

- Đờm nhiều gia:

Đởm tinh	2g

- Suyễn, đờm sục khó thở gia:

Tô tử	4g
Hạnh nhân	4g

Chú ý:

- Nếu bệnh nhi mình nóng, tay chân lạnh, đi đại tiện ra nước vàng, miệng khô, lưỡi rác là khó chữa.

- Nếu bệnh nhi thở mạnh, nôn khan là nguy.

- Nếu bệnh nhi mắt trũng hơi thở không đều là khó chữa.

92. HOẮC HƯƠNG SINH KHƯƠNG THANG

Hoắc hương	4g
Sinh khương	1 lát

Chủ trị:

Trẻ sơ sinh trớ sữa (thổ nhũ)

Cách dùng, liều lượng:

Hai vị cho vào 100ml nước, sắc lấy 20ml nước thuốc cho bé uống từ từ ít giọt một.

93. HOÀNG LIÊN CHỈ XÁC THANG

Hoàng liên	2g
Chỉ xác (cạo hết ruột, sao thơm)	2g

Chủ trị:

Trẻ sơ sinh không bú, người mẹ cho núm vú vào miệng bé cũng không chịu mút vú.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 100ml nước, sắc lấy 20ml nước thuốc hoà với mật ong hoặc sữa mẹ nhỏ cho trẻ uống dần từng giọt.

94. NHÂN SÂM THUYỀN THOÁI THANG

Nhân sâm	5g
Thuyền thoái (bỏ đầu, chân)	5g
Hoàng liên	3g
Cam thảo	3g
Đăng tâm	7 cái
Lá tre (thái nhỏ)	9 lá

Chủ trị:

Trẻ em khóc đêm, người không nóng, cứ đến đêm là khóc. Có khi khóc gần thâu đêm, không chịu bú, không chịu ngủ.

Có khi khóc kéo dài hàng tuần, hàng tháng (do tâm khí yếu hoặc tâm nhiệt, tà nhiệt ở tâm).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc cho bé uống dần ít một trong ngày.

Ngày uống 1 thang - uống đến khi khỏi.

95. GIA VỊ THÔNG TÂM ẨM

Hoàng cầm	3g
Liên kiều	3g
Chi tử	3g
Hoàng liên	2g
Mạch môn	5g
Sa tiền	3g
Mộc thông	3g
Thuyền thoái	3g
Trúc diệp	2g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Trẻ em khi ngủ hay giật mình khóc thét, có khi đang thức cũng tự nhiên khóc thét, tiểu tiện thường vàng, nóng, môi, mắt đỏ, người cựa quậy luôn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc đặc lấy 100ml nước thuốc, cho bé uống dần ít một trong ngày. Tuỳ tuổi trẻ mà tăng giảm liều lượng thuốc cho thích hợp. Có thể mài thêm Thần sa với thuốc cho bé uống càng tốt.

96. BẠCH ĐÀN Ô DƯỢC TRẦM HƯƠNG THANG

Bạch đàn hương	3g
Ô dược	3g
Trầm hương	2g
Long đờm thảo	2g
Bạch linh	3g
Cát lâm sâm	5g

Chủ trị:

Trẻ em mắc chứng trúng ác: Đột nhiên khóc thét lên, khóc dữ dội, người quằn quại dẫy dụa, không bú (ngoài ra khám kỹ không thấy dấu hiệu gì khác)

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc. Mài thêm Hùng hoàng với nước thuốc cho bé uống dần trong ngày.

Trẻ tuỳ theo tuổi mà tăng thêm liều lượng thuốc cho thích hợp.

97. CỔ QUY KỲ THANG GIA VỊ

Đương quy	12g
Hoàng kỳ	12g
Trúc diệp	2g
Hoàng liên	2g

Chủ trị:

Trẻ em khóc đêm nhiều quá, khí huyết đều hư suy.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống nhiều lần trong ngày.

Ngày uống một thang.

98. SƠN MẠCH HOẮC THẦN THANG

Sơn tra	4g
Mạch nha	8g
Hoắc hương	4g
Thần khúc	4g

Chủ trị:

Trẻ em bị rối loạn tiêu hoá do ăn uống: Đi ỉa sống phân hoặc ỉa chảy nhẹ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 200ml nước, sắc lấy 80ml nước thuốc, chia uống 3 - 4 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

99. LỤC QUÂN GIA SA MẠCH THANG

Đảng sâm	4g
Bạch linh	4g
Bạch truật	4g
Cam thảo	4g
Trần bì	4g
Bán hạ chế	4g
Sa tiền	6g
Mạch nha	8g

Chủ trị:

Trẻ em bị rối loạn tiêu hoá: ỉa sống phân hoặc ỉa chảy nhẹ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 80ml nước thuốc, chia uống 2-3 lần trong ngày.

Ngày uống một thang.

100. SA NHÂN PHÁ CỐ CHỈ TÁN

Sa nhân	10g
Phá cố chỉ (tẩm muối sao vàng)	10g
Nhục đậu khấu (bọc cám dẻo nướng)	8g
Ngũ bội tử (sao vàng giòn)	5g

Chủ trị:

Trẻ em ỉa chảy do tỳ vị hư hàn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế sấy giòn tán bột mịn.

Mỗi lần uống 1 - 2g hoà với nước sôi.

Ngày uống 1 - 2 lần.

101. TỨ QUÂN GIA VỊ THANG

Sa sâm	10g
Bạch linh	8g
Bạch truật	8g
Cam thảo chích	3g
Can khương	3g
Thiên ma	3g
Toàn yết	2g

Chủ trị:

Trẻ em ỉa chảy do tỳ vị hư hàn có kèm thêm chứng chân tay run giật, mất lúng liếng, sắc mặt xanh hoặc có lúc phát nóng (tức bệnh đã biến sang mạn tỳ kinh).

Cách dùng, liều lượng:

Các cị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 3 - 4 lần trong ngày.

Chú ý gia vị:

Nếu bệnh nhi chân tay lạnh gia thêm:

Phụ tử chế	2g

102. THẠCH CAO TRI TRUẬT TÁN

Thạch cao (nướng chín)	30g
Thương truật (tẩm nước gạo sao vàng)	20g

Tri mẫu (sao qua)	10g
Sa tiến (dùng bông sao qua)	15g

Chủ trị:

Trẻ em bị cảm nắng (cảm thử) kết hợp lẫn nội thương ẩm thực phát sinh thổ tả dữ dội, mình nóng, khát nước, vật vã, đổ mồ hôi, càng khát càng uống, càng uống thổ tả càng nhiều, uống thuốc gì vào cũng nôn vọt ra ngay (đông y gọi là bạo thổ bạo tả).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế xong tán bột mịn.

Trước hết lấy khoảng 10g bột thuốc hoà vào nước sôi, quấy đều, dùng bông sạch thấm nước thuốc, cho bệnh nhi ngậm nuốt dần dần từng ít một, làm nhiều lần như vậy cho đến khi bệnh nhi không nôn mửa nữa thì hoà bột thuốc với nước sôi cho uống từng ít một, 10 - 15 phút cho uống một lần đến khi khỏi.

Chú ý:

- Trường hợp bệnh nhi đi tả hoặc thổ tả dữ dội như trên hoặc có đau bụng mà bệnh thuộc hàn do trúng hàn, cảm hàn, chân tay lạnh, không khát nước thì sắc uống thang sau:

ĐINH NGÔ SÂM TRUẬT KHƯƠNG THANG

Ngô thù	4g
Đinh hương	2g
Nhân sâm hoặc cát lâm sâm	10g
Bạch truật	10g
Can khương	10g

- Trường hợp bệnh nhi chân tay lạnh giá, sắc xanh là chứng dương thoát, bệnh rất nguy cấp dùng ngay thang sau,sắc uống:

Ngô thù	4g
Đinh hương	2g
Nhân sâm	10g
Bạch truật	10g
Can khương	10g
Phụ tử chế	3g

103. BÌNH VỊ KHÍ THANG

Hoắc hương	4g
Sinh khương	1lát

Chủ trị:

Trẻ em bị ỉa chảy bất kể nguyên nhân nào.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 100ml nước, sắc lấy 50ml nước thuốc, cho bệnh nhi uống từ từ ngay, bất kể trường hợp ỉa chảy thế nào.

Tuỳ theo tuổi tăng lượng thuốc cho thích hợp.

104. VỊ LINH THANG

Thương truật	4g
Trần bì	2g
Hậu phác	4g
Bạch linh	4g
Bạch truật	4g
Trư linh	4g
Trạch tả	4g
Cam thảo	2g
Sinh khương	1 lát

Chủ trị:

Trẻ em bị ỉa chảy do ăn uống bú mớm, hoặc ngoại tà cảm nhiễm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Tuỳ theo tuổi mà tăng lượng thuốc cho thích hợp.

105. QUÂN LINH THANG

Sa sâm	4g
Bạch linh	4g
Bạch truật	4g
Cam thảo	2g
Trư linh	4g
Trạch tả	4g
Sinh khương	1 lát

Chủ trị:

Trẻ em bị ỉa chảy do tỳ vị hư yếu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Tuỳ theo tuổi mà tăng lượng thuốc cho thích hợp.

Chú ý gia vị:

Nếu nội tà hỗn loạn: Đi ỉa nhiều mà tiểu tiện không đi được gia thêm:

Sa tiền (bông hoặc cây)	4g

106. LÝ TRUNG THANG

Sa sâm	8g
Bạch truật	8g
Can khương	4g
Cam thảo nướng	2g

Chủ trị:

Trẻ em ỉa chảy không ngừng, chân tay lạnh, tinh thần sút kém. (trường hợp nguy cấp).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 200ml nước, sắc lấy 50ml nước thuốc, uống.

Tuỳ theo tuổi mà tăng lượng thuốc cho thích hợp.

Chú ý gia vị:

Trường hợp nặng hơn nữa gia thêm:

Phụ tử chế	4g

(Tức là bài Phụ tử lý trung thang).

107. NGŨ PHÚC THANG GIA PHỤ TỬ MỘC QUA

Đảng sâm hoặc Cát lâm sâm	4g
Đương quy	4g
Thục địa (sao khô)	8g
Cam thảo	2g
Bạch truật	4g
Phụ tử	4g
Mộc qua	4g

Chủ trị:

Trẻ em tiết tả nặng dẫn đến mạn kinh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống một thang.

Tuỳ theo tuổi mà tăng lượng thuốc cho thích hợp.

108. NGŨ PHÚC THANG GIA VỊ

Đảng sâm hoặc Cát lâm sâm	4g
Đương quy	4g
Thục địa (sao khô)	8g
Cam thảo	2g
Bạch truật	4g
Ngũ vị	2g
Mạch môn	4g
Can khương	2g
Nhục quế (mài ngoài)	4g
Phụ tử	2g

Chủ trị:

Trẻ em tiết tả nặng chuyển đến mạn kinh, tay chân lạnh giá, ra mồ hôi, sợ dẫn đến thoát chứng.

Cách dùng, liều lượng:

Nhục quế để riêng.

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, mài Nhục quế vào nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống một thang.

Tuỳ theo tuổi mà tăng liều lượng thích hợp.

109. LỤC NHẤT GIA VỊ HOÀN

Hoàn thạch	60g
Cam thảo	10g
Chuối tiêu nướng	10g

Chủ trị:

Trẻ em ỉa chảy, người nóng, khát nước.

Cách dùng, liều lượng:

Chuối tiêu nướng chín, bóc vỏ phơi sấy khô, cho cùng với hoạt thạch, cam thảo tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt ngô.

Mỗi lần uống 5 -10 hoàn (tuỳ theo tuổi mà định liều lượng dùng cho thích hợp). Uống với nước chín nguội hoặc với nước Hương nhu làm thang nếu bệnh nhi nóng nhiều hoặc với nước lá Chua me đất, lá Xương sông làm thang nếu bệnh nhi có ho nhiều.

110. TIỂU NHI TIẾT TẢ THANG

Trư linh	8g
Trạch tả	8g
Bạch linh	8g
Bạch truật	8g
Trần bì	8g
Thương truật	8g
Hậu phác	8g
Sa sâm	8g
Binh lang	4g
Hương phụ	8g
Sa nhân	2g
Mạch nha	8g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Trẻ em tiết tả (ỉa chảy).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 3 - 4 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang

111. BỔ TỲ TIÊU CAM THANG

Sa sâm	12g
Bạch truật	8g
Hoài sơn	12g
Trần bì	4g
Thần khúc	4g
Bạch linh	12g
Cam thảo	4g
Biển đậu	8g
Sơn tra	8g
Bạch thược	6g

Chủ trị:

Trẻ em tỳ hư sinh chứng cam: Sắc mặt vàng nhợt, hay khóc hay theo mẹ, thân hình mệt mỏi, sốt về buổi chiều (trào nhiệt) ra mồ hôi trộm lâu ngày dai dẳng không khỏi, ăn kém, chậm tiêu, phù thũng, tiết tả...

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 3 - 4 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Nếu có thương thấp gia thêm:

Ý dĩ	8g
Trư linh	8g
Ngọc trúc	8g

- Nếu có nôn, khát nước gia thêm:

Hoắc hương	2g

- Nếu có đại tiện ra huyết gia thêm:

Địa du	4g

- Nếu thèm uống nóng gia thêm:

Thạch hộc	4g

- Nếu có thương thực gia thêm:

Sơn tra	4g
Mạch nha	4g

- Nếu có tiết tả gia thêm:

Kha tử	4g

112. TẢ TÂM HOẢ THANG

Hồ hoàng liên	4g
Tri mẫu	8g
Hoàng cầm	8g
Huyền sâm	8g
Long đởm thảo	4g
Cam thảo	4g
Mộc thông	8g
Sừng trâu (thuỷ ngưu giác)	4g
Đăng tâm	2g

Chủ trị:

Trẻ em bị táo nhiệt: Mắt đỏ hoặc môi thâm tím, miệng ráo, mũi khô, người nóng, đòi uống nước nhiều, về đêm nóng tăng, ban chẩn lở ngứa.

Cách dùng, liều lượng:

Thuỷ ngưu giác, cho vào 300ml nước, sắc trước 2 giờ. Thêm nước và cho các vị khác vào sắc tiếp lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Nếu trẻ nói mơ, nói nhảm gia thêm:
  Liên kiều 4g
- Mũi khô, ho khan (phế hoả) gia thêm:
  Tang bạch bì 4g
  Địa cốt bì 4g
- Mắt đỏ, đau bên hông sườn (can hoả) gia thêm:
  Hoàng liên 2g
- Môi khô, bụng trướng (tỳ hoả) gia thêm:
  Đại hoàng 2g
- Tai ù, lưng đau (thận hoả) gia thêm:
  Hoàng bá 4g
  Đan bì 4g
- Có đờm gia thêm:
  Thiên hoa phấn 4g
  Bối mẫu 4g
- Khát nước gia thêm:
  Mạch môn 4g
  Cát căn 4g
  Thiên hoa phấn 4g
- Khi nóng khi lạnh gia thêm:
  Sài hồ 4g
- Ban chẩn lở ngứa gia thêm:
  Sinh địa 8g
  Xích thược 4g
  Đan bì 4g
- Ăn vào nôn mửa (ói) gia thêm:
  Thạch hộc 4g
  Trúc nhự 4g
- Tiểu tiện ngắn, dắt gia thêm:
  Chi tử 4g
  Trư linh 4g
- Miệng khô và hôi gia thêm:
  Bạc hà 2g
  Thạch cao 8g

113. TIỄN CÁT TANG CHI ĐỊA THANG

Tiền hồ 8g
Cát cánh 8g
Tang bì 8g
Chi tử 8g
Địa cốt bì 8g
Mộc thông 8g
Khoản đông hoa 8g
Cam thảo 4g
Bạc hà 2g

Chủ trị:

Chứng ho trẻ em có các triệu chứng: Ho khan, ho nhiều mặt đỏ, buồn bực hoặc ngạt mũi nặng tiếng, sợ lạnh; hoặc ho ít đờm nhiều khi ho long được đờm thì giảm, hoặc ho kéo dài không dứt, nôn được đờm ra mới dịu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 3 - 4 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Ho do phong nhiệt gia thêm:
  Phòng phong 4g
  Trúc diệp 4g
- Nếu có táo hoả gia thêm:
  Hoàng liên 2g

114. HOÀNG CẦM CAM THẢO THANG

Hoàng cầm 4g
Cam thảo 4g

Chủ trị:

Trẻ em phát sốt cao.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 150ml nước sắc lấy 50ml nước thuốc uống.

Trẻ em: 1 – 3 tuổi chia uống 3 - 4 lần.

3 - 5 tuổi tăng lượng thuốc gấp đôi.

Ngày uống 1 thang

Chú ý gia giảm:

- Nếu có kèm phong: Chân tay giật nhẹ hoặc giật mình luôn gia thêm:
  Câu đằng 8g
- Nếu có đờm, trong cổ khò khè gia thêm:
  Trần bì 2g
- Nếu sốt cao thỉnh thoảng thét lên, mắt trợn trạc gia thêm:

Trúc nhự	4g

- Nếu thấy trẻ như sợ sệt gia thêm:

Hoàng liên	2g

- Nếu trẻ sốt cao, tay chân co giật (nhiệt cực sinh kinh) gia thêm:

Phòng phong	4g
Kinh giới	2g
Liên kiều	2g
Câu đằng	8g

Khi cho trẻ uống thuốc thì hoà thêm nước tiểu trẻ em (lượng nước tiểu bằng lượng thuốc) vào thuốc cho uống.

115. PHÒNG PHONG KHƯƠNG HOẠT THANG

Phòng phong	6g
Khương hoạt	4g
Bạc hà	4g
Tử tô	4g
Thuyền thoái	4g
Mộc thông	8g
Bạch chỉ	4g
Cam thảo	4g
Địa cốt bì	4g
Đăng tâm	2g

Chủ trị:

Trẻ em bị chứng phong nhiệt: Người nóng, ngạt mũi, mũi chảy nước, đại tiện xanh hoặc vàng hoặc không đi được.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

116. THANH NHIỆT TIÊU ĐỘC THANG

Đương quy	8g
Sinh địa	8g
Xích thược	4g
Hoàng cầm	4g
Hoàng bá	4g
Hoàng liên	2g
Liên kiều	2g
Kim ngân hoa	4g
Kinh giới	4g
Thương nhĩ tử	4g
Bạch chỉ	4g

Chủ trị:

Trẻ em ngứa lở ở đầu hoặc toàn thân (cam) theo tuần trăng (đầu trăng thì bệnh phát triển, cuối trăng thì bệnh giảm). Khi mới bị bệnh trẻ em thường ngứa khó chịu, vì chưa biết gãi nên cứu dụi đầu vào mẹ, bứt rứt khó chịu và quấy khóc, lâu ngày ngứa lở chẩy nước vàng, nước chẩy đến đâu chỗ ngứa lở lan đến đấy.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Đầu trăng bệnh phát triển cho trẻ uống 3-4 thang.

Đợi tuần trăng thứ 2 nêu còn tái phát cho uống tiếp 3 - 4 thang nữa.

Kết hợp dùng lá Bàng hoặc lá Đào nấu nước rửa các vùng lở ngứa (lưu ý không để nước vào miệng trẻ), đợi khô rắc thêm bột Thạch cao tán mịn hoặc Phấn rôm lên chỗ lở ngứa.

Chú ý gia giảm:

Nếu có chẩy dãi nhiều gia thêm:

Thạch cao	4g
Hoạt thạch	4g

117. SƠN GIÁP KHÔ PHÀN TÁN

Sơn xuyên giáp (nướng phồng)	80g
Khô phàn	20g

Chủ trị:

Trẻ em bị thối tai, đứt kẽ tai, thối mũi, đỏ mũi, đỏ hậu môn.

Cách dùng, liều lượng:

Hai vị tán bột mịn.

Khi chữa bệnh ở trong tai, trong mũi thì thổi thuốc bột vào. Nếu chữa ở ngoài đứt kẽ tai, đỏ mũi, đỏ hậu môn thì bôi thuốc vào nơi đó.

Ngày thổi hoặc bôi 1 - 2 lần.

118. TRUNG BẠCH KHÔ PHÀN THANH ĐẠI TÁN

Nhãn trung bạch	10g
Khô phàn	8g
Thanh đại	3g
Long não	3g
Hạnh nhân (bỏ vỏ)	5g
Thanh đồng (rỉ đồng)	5g

Chủ trị:

Trẻ em miệng hôi, chảy dãi, sưng bọng răng, chẩy máu chân răng, răng sâu lung lay.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn.

- Răng lợi sưng đau thì bôi hoặc xỉa vào.

- Nếu chảy dãi, miệng hôi thì bôi hoặc cho trẻ ngậm nhổ đi.

Cách làm Thanh đồng:

Dùng mâm hay chậu đồng rửa sạch, lau khô, vắt nước Chanh quả vào mâm hoặc chậu láng đều, để ít ngày sẽ lên rỉ xanh, đem mâm hoặc chậu phơi khô cạo lấy rỉ xanh.

119. NGŨ CAM TÁN

Sa sâm	12g
Bạch linh	12g
Bạch truật	12g
Cam thảo	4g
Sơn tra	8g
Mạch nha	12g
Thần khúc	8g
Hoài sơn	12g
Ý dĩ	12g
Liên nhục	12g
Binh lang	8g
Sử quân tử	8g
Hoàng liên	4g
Xuyên quy	12g
Bạch thược	8g
Trần bì	4g
Khiếm thực	12g
Bột cóc	20g

Chủ trị:

Bổ tỳ tiêu cam trị chứng ngũ cam của trẻ em, gày còm, da xanh, hay hờn, bụng to, đại tiện phân sống, miệng lưỡi khô, tiểu tiện ít, người nóng, chân tay lạnh, mắt kém tinh quang.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi sấy khô, tán bột mịn. Cho trẻ ăn theo một trong ba cách sau:

- Cho 4g thuốc bột đánh thật đều với một quả trứng gà hấp cơm chín cho trẻ ăn.

- Cho 4g thuốc trộn lẫn với mật ong hoặc đường cho trẻ ăn.

- Cho 4g thuốc trộn lẫn với một chiếc gan gà hay 50g gan lợn băm nhỏ. Lấy lá chuối gói lại cho vào chảo rán chín kỹ cho trẻ ăn.

Ngày cho trẻ ăn 1 - 2 lần.

Cách chế bột cóc: Cóc vàng bắt về đập chết, chặt đầu, lột bỏ da và ruột gan sau đó rửa thật sạch (nhựa cóc, trứng cóc và toàn bộ ruột gan cóc rất độc, ăn chết người) đồ chín phơi sấy khô, tẩm rượu, gừng sao vàng giòn.

120. THUỐC CAM BÁI NHAM

Đinh hương	20g
Binh lang	30g
Mộc hương	20g
Sử quân tử	30g
Hoàng liên	20g
Thạch quyết minh	50g
Hồ hoàng liên	20g
Mộc miết tử	20g
Hồi hương (tiểu hồi)	30g
Thanh đại	30g
Ngũ bội tử	20g
Nam mộc hương	50g
Bạch phàn	20g
Mẫu lệ (nung chín)	3000g

Chủ trị:

Trẻ em gầy còm, suy dinh dưỡng, bụng to da xanh, tóc dựng đứng, hay ăn mặn, ra mồ hôi trộm, da hâm hấp nóng, đại tiện bón, nước tiểu đỏ vàng.

Cách dùng, liều lượng:

Mẫu lệ nung chín tán bột mịn để riêng.

Các vị khác phơi sấy giòn tán bột mịn.

Trẻ em từ 4 - 8 tuổi ngày uống 50g bột thuốc và 200g bột mẫu lệ trộn đều thêm 150g thịt gà băm nhỏ thêm chút muối cho vừa, nhào trộn thật kỹ, gói vào 2 lần lá chuối đặt lên chảo rang nướng chín làm thức ăn cho trẻ ăn với cơm.

Trẻ em 1 - 3 tuổi ngày uống 10 - 30g thuốc bột đập vào 2 quả trứng gà, thêm chút muối cho vừa, nhào trộn kỹ, gói vào lá chuối đặt lên chảo rang nướng chín cho trẻ ăn hoặc cho ăn với cơm.

Làm cho trẻ em ăn liền 4 - 5 gói sau đó ngưng thuốc 1 thời gian vài ba tuần, nếu thấy cơ thể trẻ em chưa trở lại bình thường thì cho ăn tiếp 1 hoặc 2 đợt nữa.

Ghi chú:

- Đặc tính gia truyền của môn thuốc này không dùng riêng mình thuốc được mà phải dùng chung với thịt gà hoặc trứng gà.
- Dùng thường xuyên cho trẻ em ăn càng tốt.
- Khi dùng thuốc *Cam Bái nham* có thể cho trẻ uống thêm thang sau:

THANG BỔ TRUNG ÍCH KHÍ GIA VỊ

Đảng sâm	12g
Hoàng kỳ	12g
Đương quy	8g
Bạch truật	8g
Cam thảo	6g
Trần bì	4g
Sài hồ	6g
Thăng ma	6g
Sơn tra	8g
Mạch nha	12g
Thần khúc	8g
Hoài sơn	12g
Thục địa	10g
Đại táo	3 quả

Tuỳ tuổi giảm bớt lượng thuốc cho thích hợp, sắc uống.

Kiêng kỵ:

Trong thời gian uống thuốc không cho trẻ ăn các chất tanh, mỡ, chua, lạnh.

121. TANG PHIÊU TIÊU THANG

Tang phiêu tiêu (tổ Bọ ngựa trên cây Dâu)	1 tổ
Ích trí nhân	8g
Cốt toái bổ	8g

Chủ trị:

Trẻ em 4 - 7 tuổi đái dầm.

Cách dùng, liều lượng:

Tang phiêu tiêu nướng vàng và Ich trí, Bổ cốt cho vào 300ml sắc lấy 100ml nước thuốc, uống.

Ngày uống 1 thang.

122. BỔ TRUNG ÍCH KHÍ THANG GIA VỊ

Đảng sâm	12g
Hoàng kỳ	12g
Đương quy	8g
Bạch truật	8g
Thăng ma	6g
Sài hồ	6g
Trần bì	4g
Cam thảo	6g
Tang phiêu tiêu (nướng vàng)	1 tổ
Ích trí nhân	8g
Cốt toái bổ	8g
Khiếm thực	12g

Chủ trị:

Trẻ em 4 - 7 tuổi đái dầm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

123. TUYÊN PHẾ THẤU BIỂU THANG

Kinh giới	4g
Bạc hà	4g
Cát cánh	8g
Liên kiều	8g
Ngưu bàng tử	8g

Thuyền thoái (bỏ đầu, chân)	4g
Tiền hồ	4g
Cam thảo	4g
Kim ngân hoa	8g

Chủ trị:

Trẻ em lên sởi giai đoạn phát nhiệt: Ho, sốt, chảy nước mắt, lòng trắng mắt đỏ, ngại mở mắt, tay chân lạnh, tinh thần mệt mỏi, ngại ăn, mạch sác (tình trạng này kéo dài 2 - 3 ngày).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

124. THANH NHIỆT GIẢI ĐỘC THANG

Kim ngân hoa	12g
Liên kiều	8g
Ngưu bàng tử	8g
Kinh giới	4g
Tử thảo	4g
Cát cánh	4g

Chủ trị:

Trẻ em lên sởi giai đoạn sởi mọc: Xuất hiện sốt cao hơn, ban sởi mọc từ mặt xuống ngực, bụng rồi lan ra tứ chi thời gian từ 3 - 5 ngày (do sởi lên nhanh hay chậm), mạch hồng sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia vị:

- Nếu bệnh nhi có ỉa chảy gia thêm:

Cát căn	12g

- Nếu bệnh nhi nóng quá cao gia thêm:

Hoàng cầm	4g

- Nếu bệnh nhi đại tiện bí kết gia thêm:

Đại hoàng	4g

125. DƯỠNG ÂM SINH TÂN THANG

Sa sâm	8g
Mạch môn	8g
Ngọc trúc	8g
Thiên hoa phấn	4g
Liên kiều	4g

Chủ trị:

Trẻ em lên sởi giai đoạn sởi lặn: Sởi đã mọc đều, bắt đầu lặn (bay) thân nhiệt xuống thấp, tinh thần, ăn uống khá lên. Sởi lặn trong 2 - 3 ngày là hết, các chứng khác đều giảm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia vị:

- Nếu bệnh nhi nhiệt gia thêm:

Hoàng cầm	4g

- Nếu bệnh nhi tiểu tiện vàng gia thêm:

Sa tiền	4g

- Nếu bệnh nhi ăn kém gia thêm:

Mạch nha	8g

Khi sởi đã lặn hết, đề phòng biến chứng (vì sởi độc lưu hành biến chứng rất nhiều) nấu nước Kim ngân đặc cho bệnh nhi uống liên tiếp 4 - 5 ngày.

126. THĂNG CÁT TAM HOÀNG THANG

Thăng ma	4g
Cát căn	4g
Hoàng cầm	4g
Hoàng liên	4g
Đại hoàng	4g
Bạch thược	4g
Liên kiều	4g
Tiền hồ	4g
Ngưu bàng tử	4g
Kinh giới	4g

Chủ trị:

Trẻ em lên sởi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Nếu bệnh nhi không táo bón bỏ:

  Đại hoàng

- Nếu bệnh nhi có ho, khó thở gia thêm:

Ma hoàng	4g
Hạnh nhân	4g

- Nếu bệnh nhi ỉa chẩy bỏ đại hoàng gia thêm:

Phục linh	4g
Trạch tả	4g
Quế chi	4g

- Nếu bệnh nhi tiểu tiện ít gia thêm:

Sa tiền tử	4g
Trạch tả	4g
Trư linh	4g

127. NHÂN SÂM NGƯU HOÀNG HOÀN

Nhân sâm	20g
Ngưu hoàng	20g
Khương hoàng	20g
Hoàng liên	20g
Chi tử	20g
Hùng hoàng	20g
Băng phiến	20g
Thuỷ ngưu (sừng trâu già)	20g
Hoàng cầm	20g
Xạ hương	4g
Chu sa (gói riêng)	20g
Trân châu	20g

Chủ trị:

Trẻ em viêm não Nhật Bản B: Phát bệnh nhanh cấp, bắt đầu sốt, đau đầu, nôn, tinh thần lơ mơ. Sau 2 - 3 ngày bệnh nặng dần, sốt cao hơn, co giật khó thở có thể dẫn đến suy hô hấp, suy tuần hoàn. Sau 5 - 10 ngày sốt giảm, trẻ tỉnh táo dần, thường sau 2 tuần thì hồi phục.

Sốt cao, co giật, hôn mê càng dài thì hồi phục càng chậm và di chứng càng nặng. Nếu trên 6 tháng mà không hồi phục được thì chuyển sang thời kỳ di chứng.

Cách dùng, liều lượng:

Chu sa tán thuỷ phi gói riêng.

Còn các vị khác phơi sấy khô tán bột mịn, trộn đều với bột Chu sa, luyện mật làm hoàn nặng 2g.

Trẻ em mỗi lần uống 1/2 hoàn. Ngày uống 2 - 3 lần.

Chú ý:

Có thể cho uống phối hợp thêm bài sau:

LỤC THẦN HOÀN

Xạ hương	4g
Minh hùng hoàng	4g
Băng phiến	4g
Trân châu	6g
Ngưu hoàng	6g
Thiềm tô (nhựa Cóc)	2g

Các vị tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt cải. Mỗi lần uống 5 - 10 hoàn.

Cách chế Thiềm tô:

Bắt 20 con Cóc, lấy kim châm trên mi mắt cho nhựa chảy ra, lấy giấy bản thấm lấy nhựa, đem giấy phơi khô, lấy 10ml rượu trắng cho giấy đã thấm nhựa Cóc vào ngâm, ép bỏ giấy, lấy rượu trộn đều với bột thuốc đã tán, làm hoàn.

128. THANH ÔN CHỈ HUYẾT THANG

Huyền sâm	6g
Kim ngân hoa	6g
Hoè hoa	6g
Cát căn	6g
Hạn liên thảo	6g
Thiên hoa phấn	4g
Đan bì	4g
Hoàng cầm	4g
Liên kiều	4g
Tri mẫu	4g
Bạch mao căn	4g
Chi tử	4g

Chủ trị:

Trẻ em bị sốt xuất huyết do ôn tà xâm nhập vào cơ thể.

- Nung bệnh 5 - 10 ngày.

- Bệnh khởi phát trong 2 - 4 ngày, sốt 38 - 40°C, kèm theo mệt mỏi toàn thân, chán ăn, đau bụng, đau đầu, táo bón hoặc ỉa lỏng.

- Sốt cao liên tục trong 3 - 4 ngày thì nhiệt độ hạ dần, người mệt lả, chân tay lạnh, rớm mồ hôi, xuất hiện hội chứng chảy máu (xuất huyết) cam, máu lợi, chỗ va chạm dưới da xuất hiện mảng xuất huyết, ban xuất huyết... Chảy máu nặng đường tiêu hoá; Nôn ra máu, ỉa phân đen, bụng trướng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Trường hợp bệnh nhân ỉa ra máu tươi, huyết áp tụt thì dùng ngay bài sau:

SINH MẠCH TÁN GIA GIẢM

Nhân sâm	4g
Ngũ vị	4g
Mạch môn	6g
Sinh địa	6g
Bạch truật	4g
Hạn liên thảo	6g
Bạch cập	4g
Đương quy	4g
Hoè hoa	2g
Kim ngân hoa	2g
Long cốt	4g
Mẫu lệ	4g

Cho vào 400ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

129. THĂNG CÁT BẠCH TẢ TÂM THANG

Thăng ma	8g
Cát căn	8g
Bạch thược	8g
Hoàng cầm	4g
Ma hoàng	4g
Chi tử	4g
Hoàng liên	4g
Quế chi	4g

Chủ trị:

Trẻ em mắc bệnh quai bị. Bệnh có thể gây biến chứng viêm tinh hoàn hoặc viêm buồng trứng ở tuổi dậy thì.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày. Uống lúc đói.

Ngày uống 1 thang. Kết hợp với bài thuốc đắp ngoài dưới đây:

MỘC MIẾT TỬ TÁN

Mộc miết tử (bỏ vỏ cứng)	8g
Tỏ mộc	8g
Xuyên khung	4g
Mộc dược	4g
Lá Trầu không tươi	5 lá

Các vị sao vàng tán bột mịn hoà với dầu Vừng (hoặc dầu Dừa, dầu Lạc...) xào đều đem bôi vào chỗ sưng (kể cả bìu dái sưng).

130. LIÊN KIỀU ẨM

Liên kiều	4g
Phòng phong	4g
Hoàng cầm	4g
Kinh giới	4g
Xích thược	4g
Chi tử	4g
Sài hồ	8g
Ngưu bàng tử	4g
Sa tiền	4g
Đương quy	4g
Sinh địa	8g
Kim ngân hoa	8g

Chủ trị:

Trẻ em mắc thuỷ đậu: Bắt đầu hơi sổ mũi, sốt nhẹ, nhức đầu, trẻ hay quấy khóc, 24 - 36 giờ sau nốt phỏng xuất hiện, lúc đầu mẩn đỏ như sởi. Phần nhiều nốt phỏng mọc ở mình, da đầu, có thể mọc rất dày và cả ở niêm mạc.

Nốt phỏng nông trông như hạt sương rồi hoá mủ, dễ vỡ không để lại sẹo (trừ khi gãi loét). Nốt phỏng mọc từng đợt cách nhau 2 - 3 ngày. Do đó cùng một nơi có những nốt khác tuổi nhau rất đặc biệt. Thuỷ đậu ít gặp ở trẻ dưới 6 tháng tuổi, rất dễ bội nhiễm. Có thể gây viêm thận cấp, viêm phổi viêm não.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Nếu bệnh nhi có đau họng gia thêm :

Xạ can	4g
Cát cánh	4g

- Nếu bệnh nhi khát nước, miệng khô gia thêm:

Thiên hoa phấn	4g
Mạch môn	4g
Sa sâm	4g

- Sau khi thuỷ đậu bay hết, người mệt nhọc, ăn kém khó tiêu, tiểu đỏ thì sắc uống trong ngày bài sau:

ĐƯƠNG QUY LƯƠNG HUYẾT THANG

Đương quy	8g
Sinh địa	8g
Sa sâm	4g
Bạch thược	4g
Bạch truật	4g
Huyền sâm	4g
Đan bì	4g
Cam thảo	2g
Đại táo	1 quả

131. BẰNG SA THANH ĐẠI TÁN

Bằng sa (Hàn the)	8g
Thanh đại (bột Chàm nhuộm)	8g
Ngũ bội tử	8g
Khô phàn (Phèn chua phí)	8g
Hùng hoàng	4g

Chủ trị:

Trẻ em sơ sinh tưa miệng (Đẹn).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn, trộn với ít dầu Vừng (Mè) dùng vải gạc quấn vào đầu một chiếc tăm to đã vô khuẩn, dúng vào thuốc bôi nhẹ vào miệng, lưỡi trẻ 2 - 3 lần trong ngày cho đến khi hết tưa, khi hết tưa tiếp tục bôi 5 - 7 ngày nữa.

132. BINH LANG HẬU PHÁC THANG

Binh lang	12g
Hậu phác	8g
Trần bì	12g
Thán khương	12g
Vỏ Măng cụt	12g

Chủ trị:

Trẻ em ỉa chảy kéo dài, ngày đi 9 - 10 lần nhưng không gầy sút, vẫn ăn được, ngủ được.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước,sắc lấy 100ml nước thuốc.

Mỗi ngày cho trẻ uống 5 - 6 lần, mỗi lần uống 2 - 3 ml.

Chú ý:

Sau khi trẻ cầm ỉa, sắc cho uống tiếp thang dưới đây để bồi dưỡng tỳ vị:

SÂM LINH BÌNH VỊ THANG

Đảng sâm	8g
Phục linh	8g
Bạch truật	8g
Cam thảo chích	2g
Hoàng kỳ	8g
Đương quy	8g
Trần bì	4g
Sinh khương	1 lát
Đại táo	1 quả

133. TRẦN BÌ Ô DƯỢC HẬU PHÁC THANG

Trần bì	2g
Ô dược	1g
Hậu phác	2g

Chủ trị:

Trẻ mới sinh được vài ngày bị nôn, trớ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 100ml nước, sắc lấy 50ml nước thuốc, mỗi lần cho bé uống 1/2 thìa cà phê ngày uống 5 - 6 lần.

134. TRẦN BÌ BÁN HẠ MỘC HƯƠNG THANG

Trần bì	2g
Bán hạ chế	2g
Mộc hương	2g
Phục linh	2g
Sinh khương	1 lát

Chủ trị:

Trẻ sinh được 10 ngày đến 30 ngày bị nôn trớ.

Cách dùng, liều lượng:

Mộc hương tán bột để riêng.

Các vị còn lại cho vào 100ml nước, sắc lấy 50ml nước thuốc, hoà bột Mộc hương vào quấy đều, cứ 30 phút cho bé uống một lần, mỗi lần 1/2 thìa cà phê.

135. HẠ NHIỆT TRẤN KINH AN THẦN THANG

Bạc hà	8g
Rau Má	8g
Câu đằng	8g
Thạch xương bồ	4g
Bán hạ chế (sao vàng)	6g
Cát căn	8g
Hoa kinh giới	8g
Thuyền thoái (xác Ve sầu)	4g
Cam thảo dây	12g

Chủ trị:

Trẻ em sốt cao do hội chứng viêm não cấp (kinh phong): Thường gặp ở trẻ 1 - 5 tuổi với 4 chứng chính: Nhiệt - Đờm - Kinh - Phong; thể hiện: Sốt cao 39 - 40°C không giảm; Hôn mê hai mắt trợn ngược, hàm răng cắn chặt; cổ gáy cứng đờ, tay chân co giật; méo mồm, tay chân co quắp;

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, mỗi lần cho trẻ uống 20ml, cách 30 phút cho uống một lần đến khi hết co giật.

136. GIẤP CÁ LÁ NHÀI DỪA NƯỚC THANG

Lá Giấp cá tươi	30g
Lá Nhài tươi (cây hoa Nhài)	30g
Ngọn rau Dừa nước tươi	50g

Chủ trị:

Trẻ em sốt cao co giật.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Giấp cá, lá Hoa Nhài rửa sạch, giã nhỏ thêm ít nước chín trộn đều lọc uống; Còn bã cộng với rau Dừa nước giã nhỏ đắp vào hai gan bàn chân.

Ngày uống và đắp 3 lần.

137. THANH NHIỆT GIẢI ĐỘC THANG

Kinh giới	12g
Tía tô	10g
Cam thảo nam (Cam thảo đất)	12g
Bạc hà	12g
Cát căn	12g
Lá tre	12g

Chủ trị:

Trẻ em bị lên sởi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

- Nếu sởi mọc không đều dùng:

Hạt Mùi	20g

Giã nhỏ cho thêm chút rượu trắng xào nóng, bọc vào vải xoa vào những nơi sởi chưa mọc, hoặc mọc không đều thưa thớt xoa theo kiểu đánh gió. Sởi sẽ mọc đều, thuận không có biến chứng.

- Bị sởi cần được chữa sớm, chữa tích cực loại trừ được các biến chứng như phế quản phế viêm, ỉa chảy, kiết lỵ, ho gà...

138. THANH NHIỆT TIÊU ĐỘC THANG

Bạc hà	10g
Kinh giới	10g
Kim ngân	12g
Cam thảo nam	12g
Lá tre	16g

Chủ trị:

Trẻ em mắc thuỷ đậu: Sốt cao, buồn phiền khát nước, mặt môi đỏ, miệng lưỡi đỏ loét, nước tiểu vàng, nốt đậu mọc dầy, quanh nốt đậu có vòng đỏ hoặc thâm tím, rêu lưỡi vàng khô chất lưỡi đỏ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Thời kỳ thuỷ đậu xẹp bỏ các vị:

Kinh giới - Bạc hà - Lá tre.

Gia thêm các vị:

Mạch môn	10g
Thiên môn	10g
Cát căn	10g
Tang diệp	10g
Hắc đậu (sao)	20g

Ngày uống 1 thang. Uống liền 3 ngày.

139. THANH NHIỆT TIÊU VIÊM GIẢI ĐỘC THANG

Củ Chóc gai (Ráy gai - Mớp gai)	10g
Phèn đen (rễ, thân, lá)	10g
Lá Sắn thuyền	10g
Rộp cây Ổi	10g
Rễ cây Gáo	10g
Cây Mua (rễ, lá)	10g
Cây Cải trời	10g
Vỏ Quýt	5g

Chủ trị:

Trẻ em mắc sởi ở các giai đoạn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng cho vào 400ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống liền 3 ngày.

140. BỒ CÔNG THỔ PHỤC CẢI TRỜI THANG

Bồ công anh	20g
Thổ phục linh	20g
Cây Cải trời	20g
Cam thảo nam	20g
Sài đất	20g

Chủ trị:

Trẻ em bị thuỷ đậu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

141. TÂN ÔN TUYÊN PHẾ THANG

Lá Tía tô	12g
Vỏ Quýt	8g
Cam thảo dây	12g
Lá Xương sông	10g
Gừng tươi	5g

Chủ trị:

Trẻ em ho gà thời kỳ sơ phát thuộc thể phế hàn: Ho từng cơn nhẹ đến nặng, đêm ho nhiều kèm theo ngạt mũi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia 3 lần uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống 3 - 5 ngày liền.

142. TUYÊN PHẾ TIẾT NHIỆT ĐÀM THANG

Lá Mơ tam thể	12g
Mạch môn	12g

Rau Má	12g
Cỏ Nhọ nồi	12g
Cỏ Mần chầu	12g
Vỏ Quýt	8g

Chủ trị:

Trẻ em mắc chứng ho gà thời kỳ toàn phát thuộc thể phế nhiệt. Cơn ho kịch liệt, nôn mửa, xuất huyết ở khoé mắt, ho ra máu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống liền 3 - 5 ngày.

143. THANH KIM DƯỠNG PHẾ THANG

Thiên môn (sao vàng)	12g
Tang bạch bì (tẩm mật sao)	12g
Cát căn	10g
Mạch môn (sao vàng)	12g
Sâm đại hành	10g
Trần bì (sao vàng)	4g

Chủ trị:

Trẻ em ho gà thời kỳ bệnh lui thuộc thể phế hư: Cơn ho giảm dần, người mệt mỏi, thở ngắn yếu, ra mồ hôi, thỉnh thoảng có sốt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 500ml nước, sắc lấy 150ml chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống đến khi khỏi bệnh.

144. TANG BÌ CHANH TÁO HẢI VU THANG

Tang bạch bì (tẩm mật sao)	16g
Lá Chanh (sao)	12g
Lá Táo (sao)	12g
Củ Ráy (Hải vu, Dã vu) thái mỏng sao vàng	12g

Chủ trị:

Trẻ em bị ho gà.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế xong cho vào 300ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống đến khi khỏi bệnh.

145. TANG BÌ MẠCH MÔN CAM THẢO NAM THANG

Tang bạch bì (tẩm mật sao)	12g
Cam thảo nam	12g
Mạch môn (bỏ lõi)	12g
Chỉ thiên (cỏ Lưỡi mèo, Thổi lửa)	12g
Củ Xạ can (sao)	12g
Đỗ đen (sao)	20g
Kim ngân dây	12g
Ý dĩ	12g

Chủ trị:

Trẻ em ho gà thuộc các thể (phế hàn, phế nhiệt, phế hư).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 4 - 5 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống 7 - 10 ngày liền.

146. HOÀNG XA NGƯU THỔ NHÂN CHI LIÊN MỘC THANG

Hoàng bá	10g
Xa tiền	10g
Ngưu bàng tử	10g
Thổ phục linh	10g
Nhân trần	20g
Chi tử (sao cháy)	10g
Liên kiều	10g
Mộc thông	10g

Chủ trị:

Trẻ em cam sài: Ăn ngủ kém, hay quấy khóc, bụng ỏng, đít beo.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 500ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống 5 - 7 ngày liền.

Chú ý gia giảm:

- Nếu trẻ có sốt nóng gia thêm:

Sinh địa	10g

- Kết hợp cho trẻ ăn thêm:

Gan gà hoặc lợn	50g
Bột mẫu lệ nung	10g

Cho gan và bột mẫu lệ trộn lẫn giã nhuyễn gói lá chuối nướng chín cho trẻ ăn ngày một lần. Ăn 5 - 7 ngày liền.

147. HOÀNG BÁ THANH ĐẠI TÁN

Hoàng bá	80g
Thanh đại (bột Chàm)	10g
Nhân trung bạch (cặn nước tiểu)	10g
Kê nội kim (màng trong mề gà)	10g
Thực diêm (muối ăn)	10g

Chủ trị:

Trẻ em cam: Chân răng, lợi chảy máu, mũi đỏ lở loét, miệng hôi chảy dãi, hậu môn đỏ do nhiệt tả.

Cách dùng, liều lượng:

Bột Thanh đại để riêng.

Các vị khác sao giòn tán bột mịn trộn đều với bột Thanh đại.

Bôi vào răng lợi hay mũi và hậu môn đỏ (đã rửa sạch lau khô). Ngày bôi 2 - 3 lần.

148. TRỪ PHONG THANH NHIỆT TIÊU ĐỘC THANG

Kinh giới	12g
Kim ngân dây	16g
Chỉ thiên	12g
Sài hồ nam (cây lức)	12g
Bạc hà	8g
Sài đất	20g
Thổ phục linh	12g
Chỉ xác	8g
Cam thảo nam	12g

Chủ trị:

Trẻ em bị quai bị: Đau sưng ở góc hàm (ở trước và dưới tai), đau một bên hoặc hai bên, há miệng nhai nuốt khó khăn, bệnh diễn biến 9-10 ngày. Bệnh có thể gây biến chứng sưng đau hòn dái (tinh hoàn) hay viêm buồng trứng ở trẻ tuổi dậy thì dẫn đến hậu quả về sau không có con.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống 3 ngày liền.

Kết hợp dùng: Nhân hạt Gấc giã nát trộn với Giấm thanh bôi vào nơi sưng đau. Ngày bôi 4 - 5 lần.

Chú ý:

- Bệnh quai bị gặp cả ở trẻ em và người lớn.
- Khi bị quai bị cần nằm nghỉ tại giường, tránh đi lại để không ảnh hưởng đến tinh hoàn của nam giới hay buồng trứng của nữ giới.

149. BỔ TỲ CHỈ ẨU THANG

Hương phụ (sao rượu)	10g
Cam thảo (chích)	10g
Quả Mít non (sao)	10g
Sa nhân	12g
Thần khúc (sao)	12g
Gừng tươi	3 lát

Chủ trị:

Trẻ em nôn ói: Trẻ mút sữa vào được, sau lại nôn ói ra, bụng hơi sôi, đại tiểu tiện bí, sắc mặt hơi xanh, tay chân lạnh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế xong cho vào 250ml nước, sắc lấy 50ml nước thuốc, chia uống mỗi lần 8ml, ngày uống 2 - 3 lần. Uống đến khi khỏi.

150. ĐẠO XÍCH TÁN

Sinh địa	8g
Mộc thông	3g
Cam thảo	2g
Đăng tâm	5 cái
Lá Tre non	6 lá

Chủ trị:

Trẻ em tâm nhiệt khóc đêm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 200ml nước, sắc lấy 50ml nước thuốc, mỗi lần uống 8 - 10ml.

Uống đến khi khỏi.

151. SÂM LINH BẠCH TRUẬT TÁN

Đảng sâm	4g
Phục linh	4g
Bạch truật	4g
Ý dĩ	8g
Cam thảo	2g
Trần bì	2g
Thán khương	2g
Sa nhân (sao)	2g

Chủ trị:

Trẻ em tỳ hàn sữa ăn vào không tiêu, bụng trướng đau không ngủ khóc đêm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 3 - 4 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống đến khi khỏi.

152. BỔ TRUNG ÍCH KHÍ THANG

Đảng sâm	8g
Hoàng kỳ (tẩm mật sao)	8g
Đương quy	3g
Bạch truật	4g
Thăng ma	6g
Sài hồ	4g
Trần bì	3g
Cam thảo nướng	2g
Đại táo	1 quả
Sinh khương	2 lát

Chủ trị:

Trẻ em thoát giang (lòi dom) suy nhược do ỉa chảy hoặc kiết lỵ lâu ngày trực tràng lòi ra một đoạn ở hậu môn rất khó chịu (Khí hư hạ hãm).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc.

Trẻ em: 5 tuổi chia uống 4 lần trong ngày.

7- 10 tuổi chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang, uống đến khi khỏi bệnh.

153. MEN TIÊU HOÁ

Hoài sơn (sao vàng sẫm)	20%
Mạch nha (sao kỹ)	18%
Kê nội kim (sao giòn)	16,5%
Thần khúc (sao)	9%
Ý dĩ (sao vàng kỹ)	36,5%

Chủ trị:

Trẻ em biếng ăn, tiêu hoá kém, bệnh đường ruột ở giai đoạn ổn định cần nâng cao thể trạng.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị sao chế giòn tán bột mịn.

Trẻ em dưới 1 tuổi ngày uống 15 - 20g

1 - 5 tuổi ngày uống 30 - 40g

6 - 8 tuổi ngày uống 50 - 60g

Hoà thuốc vào nước chín thêm chút đường quấy đều uống; uống xa bữa ăn 30 phút, uống mỗi đợt 7 ngày.

Kiêng kỵ:

- Ỉa chảy mất nước, viêm thận (mạn, cấp) không dùng.

- Kiêng các chất mỡ, tanh, lạnh, đồ nếp.

154. TỨ QUÂN HỢP BÌNH VỊ TÁN

Phòng đảng sâm	4g
Phục linh	4g
Bạch truật	4g
Cam thảo (nướng)	4g
Trần bì	3g
Hậu phác	3g
Thương truật	4g

Chủ trị:

Trẻ em xanh, gầy, biếng ăn, đại tiện lỏng, nhão, sống phân đi nhiều lần trong ngày.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc,chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Tuỳ tuổi và tình trạng bệnh mà tăng giảm liều lượng thuốc cho thích hợp.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mỡ, các chất tanh, lạnh.

155. BỘT BỔ TỲ TIÊU CAM

Đảng sâm	5g
Bạch linh	5g
Bạch truật (tẩm hoàng thổ sao)	15g
Cam thảo (nướng)	5g
Hoài sơn (sao vàng)	10g
Bạch biển đậu (sao vàng)	15g
Hậu phác (tẩm gừng sao)	10g
Ý dĩ (sao vàng)	15g
Bạch chỉ nam (tẩm gừng sao)	15g
Thanh bì	5g

Chủ trị:

Trẻ em tiêu hoá kém hay đầy bụng, ỉa sống phân, da xanh sao vàng vọt, ăn ngủ kém.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế sấy khô giòn tán bột mịn trộn đều.

Trẻ em 1 - 3 tuổi ngày uống 10 - 30g.

4 - 6 tuổi ngày uống 40 - 60g

Chia uống 3 - 4 lần trong ngày. Mỗi lần uống xa nhau 1 - 2 giờ; Hoà thuốc vào nước chín nguội thêm chút đường quấy đều cho trẻ uống, hoặc trộn thuốc vào cháo.

Kiêng kỵ:

Không ăn hoa quả sống, lạnh, trứng, ốc.

156. BỘT CAM CÓC

Bột cóc	400g
Chuối tây bắt đầu chín	500g
Lòng đỏ trứng gà	5 quả

Chủ trị:

Trẻ em suy dinh dưỡng.

Cách dùng, liều lượng:

- *Cách chế bột Cóc*: Cóc vàng bắt về chặt đầu lột da, mổ bỏ hết ruột gan, trứng, rửa thật sạch, (nhựa cóc, trứng cóc và toàn bộ ruột gan cóc rất độc, ăn chết người) đồ chín phơi sấy khô, tẩm rượu, gừng, sao vàng giòn tán bột mịn để riêng.

- Chuối tây bóc vỏ thái lát mỏng sấy khô tán bột mịn.

- Trứng gà luộc chín lấy lòng đỏ sấy khô tán bột mịn.

Trộn đều cả ba thứ bột với nhau.

Trẻ em:

1 - 2 tuổi ngày ăn 2 lần mỗi lần 5 - 10g

3 - 4 tuổi ngày ăn 2 lần mỗi lần 10 - 15g

5 - 8 tuổi ngày ăn 2 lần mỗi lần 15 - 20g

Một liệu trình lượng thuốc có thể dùng từ 500g - 1000g.

157. KỲ PHỤ TÁN

Hoàng kỳ	80g
Hắc phụ tử chế đậu đen	20g

Chủ trị:

Trẻ sơ sinh đẻ thiếu tháng non yếu, chậm phát triển, trạng thái suy dinh dưỡng, tiêu hoá kém, ỉa sống phân, da dẻ nhăn nheo.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô giòn, tán bột mịn, trộn thật đều.

Trẻ em tuỳ tuổi uống 10 - 40g mỗi ngày; Mỗi lần uống 5 - 10g (theo hướng dẫn của thầy thuốc). Hoà thuốc vào 50ml nước sôi hãm sau 20 phút gạn nước trong cho bé uống.

Kiêng kỵ:

- Trẻ không có trạng thái suy dinh dưỡng, thận hoả yếu không nên dùng.

- Không cho trẻ và người mẹ đang cho con bú ăn chất tanh, lạnh.

158. TỲ HƯ CAM TÍCH THANG

Đảng sâm	16g
Thổ phục linh	16g
Bạch truật	8g
Cam thảo (nướng)	4g
Hoài sơn (sao)	16g
Biển đậu (sao)	10g
Liên nhục	16g

Mạch nha	10g
Trần bì	8g
Bạch chỉ	4g
Mộc hương	2g

Chủ trị:

Trẻ em rối loạn tiêu hoá, ăn kém, gầy còm, chậm lớn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml chia uống 3 - 4 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Tuỳ theo tuổi trẻ em thêm bớt liều lượng thích hợp.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mỡ, tôm, cua, cá, các thức ăn khó tiêu.

159. KIỆN TỲ TIÊU CAM TÁN

Đảng sâm	50g
Hoài sơn (sao vàng)	50g
Biển đậu (sao vàng)	50g
Mạch nha (sao nổ loại bỏ trấu)	40g
Chỉ thực	30g
Sơn Tra (sao)	30g
Bạch truật (sao hoàng thổ)	20g
Mộc hương	20g

Chủ trị:

Trẻ em cam: tiêu hoá kém, biếng ăn, chậm tiêu, gày còm, thường đại tiện sống phân do tỳ hư.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế phơi sấy khô giòn tán bột mịn trộn đều.

Trẻ em: 1 - 3 tuổi uống 8 - 12g ngày, chia uống 2 lần.

4 - 6 tuổi uống 18 - 24g ngày, chia uống hai lần.

Hoà bột thuốc với nước chín thêm chút đường trộn đều uống, hoặc trộn bột thuốc với cháo cho trẻ ăn.

160. CÁT CẦM LIÊN TÁN GIA GIẢM

Cát căn (sao giòn)	16g
Hoàng cầm (sao giòn)	16g
Hoàng liên (sao giòn)	16g
Ý dĩ (sao vàng)	16g
Bạch chỉ (sấy giòn)	9g
Cam thảo (sấy giòn)	9g
Mộc hương (sấy giòn)	10g
Binh lang (sao giòn)	8g

Chủ trị:

Trẻ em bị kiết lỵ thể thực nhiệt mới phát hoặc ỉa chảy mùi thối khẳn. Hoặc trẻ bị bệnh sởi có biến chứng tả lỵ hay bệnh ỉa chảy mùa đông.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao, sấy giòn tán bột mịn, trộn đều.

Trẻ em: Dưới 1 tuổi ngày uống 3g

1 - 3 tuổi ngày uống 4 - 6g

4 - 6 tuổi ngày uống 6 - 9g

7 - 9 tuổi ngày uống 9 - 12g

10 - 12 tuổi ngày uống 12 - 18g

Hoà bột thuốc vào nước sôi hãm trong 20 phút gạn nước thuốc trong, chia uống làm 2 lần trong ngày.

Kiêng kỵ:

- Trẻ ỉa sống phân hoặc kiết lỵ ở giai đoạn mạn tính, lòi dom (thoát giang) không nên dùng.
- Kiêng ăn mỡ, các chất tanh và các thứ nếp.
- Không nên dùng thuốc này quá 6 ngày.

161. HƯƠNG LIÊN HOÀN GIA VỊ

Hoàng liên (tẩm nước Ngô thù sao)	60g
Mộc hương (sấy giòn)	25g
Ngô thù	15g

Chủ trị:

Trẻ em đi kiết lỵ ra máu hoặc nhầy mũi, mót dặn, đái ít thuộc thể thấp nhiệt, thực nhiệt có nhiễm khuẩn.

Cách dùng, liều lượng:

Ngô thù sắc lấy nước đặc đem tẩm Hoàng liên, bã bỏ đi.

Các vị trộn đều tán bột mịn, luyện mật làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Trẻ em: 1 - 5 tuổi mỗi ngày uống 5 - 10g (tuỳ theo lứa tuổi mà dùng lượng thuốc tăng lên).

Hoà thuốc vào nước sôi chia uống 3 - 4 lần, uống xa bữa ăn.

Kiêng kỵ:

- Thể lỵ mạn tính, không có mót dặn không được dùng.

- Thuốc chỉ dùng trong một tuần, không khỏi phải đổi thuốc.

- Kiêng ăn đồ nếp, mỡ, thịt ngan, ngỗng, tôm, cua, cá, ốc.

162. ÔN TRUNG TÁN

Ý dĩ (sao vàng)	12g
Nga truật (tẩm giấm sao)	12g
Trần bì (sao thơm)	12g
Hương phụ (sao)	12g
Cam thảo (nướng)	12g
Bán hạ (chế)	12g
Sa nhân (sao thơm)	8g
Nam mộc hương	8g
Mộc hương (bắc)	8g

Chủ trị:

Trẻ em bị ỉa chảy kéo dài do hư hàn:

Đau bụng lâm dâm, đau vùng thượng vị, ăn không tiêu, nôn mửa, ỉa chảy phần loãng hoặc sống phân, phân xanh, bụng trướng đầy.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế, phơi sấy khô giòn, tán bột mịn, trộn đều.

Trẻ em: Dưới 1 tuổi mỗi ngày uống 5g

1 tuổi - 5 tuổi mỗi ngày uống 10 - 20g

(tuỳ theo lứa tuổi và tính chất bệnh mà tăng giảm liều lượng).

Hãm thuốc với nước sôi trong 20 phút, lắng chắt nước thuốc trong, chia uống 2 lần.

Kiêng kỵ:

- Trẻ bị kiết lỵ thực chứng, táo bón, mót dặn, kèm theo sốt cao, khát nước, nước tiểu đỏ, hoặc viêm thận cấp không được dùng.

- Kiêng ăn các thứ tanh, lạnh, đồ nếp lâu tiêu.

163. CHỈ TẢ HOÀN

Nam mộc hương (cạo vỏ ngoài sao kỹ)	120g
Hoàng nàn (ngâm nước gạo một đêm cạo vỏ ngoài, sao)	80g
Can khương	40g
Hoắc hương	40g
Lá ổi tàu	40g
Thảo quả	40g

Chủ trị:

Trẻ em ngày đi ỉa nhiều lần, phân lỏng không có mùi thối, sắc vàng nhạt; hoặc không ra phân, chỉ ra toàn nước, lúc ỉa không có tiếng kêu phành phạch, cứ tuồn tuột chảy ra, giang môn (hậu môn) không nóng, bụng sôi không đau hoặc chỉ đau lâm dâm, không đau dữ dội, được chườm nóng thì dễ chịu, người xanh xao, mệt mỏi, rêu lưỡi trắng nhợt, tiểu tiện trong.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế kỹ, sấy giòn tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu đen.

Trẻ em: 1 - 3 tuổi mỗi lần uống 2 viên.

4 - 7 tuổi mỗi lần uống 4 viên.

8 - 12 tuổi mỗi lần uống 6 viên.

13 - 15 tuổi mỗi lần uống 10 viên.

Ngày uống 4 - 6 lần, cách 3 giờ uống một lần. Uống đến khỏi thì thôi.

Kiêng kỵ:

Kiêng các chất tanh, sống, dầu mỡ, trứng, đồ nếp, đường mật, hoa quả.

164. THANG VIÊM NÃO I

Kim ngân	10g
Ngưu tất	10g
Liên diệp	10g
Huyền sâm	5g
Bạch thược	5g
ý dĩ	15g
Thạch cao (gói riêng)	15g
Câu đằng (gói riêng)	15g

Chủ trị:

Trẻ em 15 tuổi trở xuống bị viêm não có các triệu chứng:

Sốt cao, co giật, trằn trọc, khát nước, táo bón, tiểu ít, có hoặc không có mồ hôi, hôn mê.

Cách dùng, liều lượng:

Thạch cao, Câu đằng để riêng.

Các vị khác cho vào 400ml nước, khi sắc gần được mới cho Thạch cao, Câu đằng vào sắc chung, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 5 - 6 lần mỗi lần uống cách nhau một giờ.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất dầu mỡ, đồ nếp lâu tiêu.

165. THANG VIÊM NÃO II

Thảo quyết minh (sao đen)	15g
Cỏ Nhọ nồi	15g
Thạch cao (gói riêng)	15g
Chi tử (sao qua)	5g
Kim ngân hoa	10g
Cát căn	10g
Câu đằng (gói riêng)	15g
Sinh địa	10g
Cam thảo	5g

Chủ trị:

Trẻ em 15 tuổi trở xuống bị viêm não có các triệu chứng: Sốt cao, co giật, vật vã, khát nước, hôn mê, đái ít, táo bón, có hoặc không có mồ hôi.

Cách dùng, liều lượng:

Thạch cao, Câu đằng để riêng (sẽ cho vào sắc chung sau cùng).

Các vị còn lại cho vào 400ml nước sắc gần được cho Thạch cao, Câu đằng vào sắc tiếp lấy 100ml nước thuốc chia uống 5 - 6 lần, mỗi lần uống cách nhau 1 giờ.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất dầu, mỡ, đồ nếp lâu tiêu.

166. THĂNG CÁT TÁN

Thăng ma	15g
Cát căn	30g
Kinh giới	24g
Xích thược	12g
Kim ngân	12g
Cam thảo	7g

Chủ trị:

Trẻ em lên sởi, sởi mọc chưa đều khắp, sốt và ho nhiều.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô giòn, tán bột mịn, trộn đều.

Tuỳ mức độ sởi mọc mau hay thưa cho trẻ uống 10 - 20g thuốc bột trong ngày (hoà thuốc bột vào nước sôi, hãm trong 15 phút, gạn lấy nước trong cho trẻ uống).

Khi sởi đã mọc đều khắp thì ngưng thuốc.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất mỡ, thịt gà, đồ nếp.

167. TỬ TÔ CÁT CĂN TÁN

Tử tô diệp	30g
Cát căn	25g
Mạch môn (bỏ lõi)	20g
Kinh giới	20g
Cam thảo	5g

Chủ trị:

Trẻ em sởi ở thời kỳ đầu, sởi mọc chưa đều khắp, còn nóng sốt, ho nhiều.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi sấy giòn, tán bột mịn.

Trẻ em tuỳ tuổi mỗi ngày uống từ 6g - 18g

Hãm bột thuốc với nước sôi trong 15 phút, gạn lấy nước trong uống (hoặc cho uống cả bã). Nếu cần có thể cho uống thêm *Ngân kiều tán.*

NGÂN KIỀU TÁN

Liên kiều	40g
Cát cát	24g
Trúc diệp	16g

Đậu sị	20g
Kim ngân hoa	40g
Bạc hà	24g
Cam thảo	20g
Ngưu bàng tử	24g
Kinh giới	20g

Tất cả các vị sấy khô giòn tán bột mịn.

Trẻ em: 1 - 3 tuổi mỗi lần dùng 1g

4 - 6 tuổi mỗi lần dùng 2g

7 - 10 tuổi mỗi lần dùng 3g

Cho bột thuốc vào 50ml nước,thêm 5g Lô căn làm thang, đun sôi khi có mùi thơm thì cho bé uống ngay. Nếu bệnh nặng thì 2 giờ cho bé uống 1 lần, ngày uống 3 lần, đêm uống 1 lần. Nếu bệnh nhẹ thì 3 giờ cho bé uống 1 lần, ngày uống 2 lần, đêm uống 1 lần.

Kiêng kỵ:

- Sởi đã qua giai đoạn đầu, sởi mọc đều khắp hoặc đang ỉa chảy không dùng.
- Thuốc chỉ dùng trong phạm vi 4 ngày, không nên dùng lâu hơn.
- Kiêng các chất chua, cay.

168. THĂNG NGƯU PHÒNG CÁT CĂN THANG

Thăng ma	6g
Ngưu bàng tử	8g
Phòng phòng	6g
Cát căn	4g
Kinh giới	4g
Tiền hồ	6g
Cát cánh	6g
Chỉ xác	6g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Trẻ em sởi mọc ít, không đều khắp, ngứa ngáy khó chịu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Khi sởi mọc đều khắp thì ngưng thuốc.

Kiêng kỵ:

Trẻ bị sởi cần tránh gió kiêng nước.

169. RƯỢU THOA SỞI

Huyết giác	12g
Đại hoàng	8g
Đinh hương	4g
Nhục đậu khấu	2g
Rượu trắng 45°	200ml

Chủ trị:

Trẻ em có dấu hiệu lên sởi, nhưng nốt sởi không mọc, bứt dứt, khó chịu, quấy khóc.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán nhỏ, cho vào rượu ngâm, lấy rượu này xoa khắp người trẻ em.

Chỉ xoa một lần. Xoa xong cần mặc ấm cho trẻ, để trẻ nằm nơi kín gió.

Kiêng kỵ:

Rượu này chỉ được xoa, không được uống.

170. HUYỀN CÁT TRI MẠCH THANG

Huyền sâm	4g
Cát cánh	4g
Tri mẫu	4g
Mạch môn	4g
Hoàng cầm	4g
Cam thảo	4g
Thạch cao	4g
Trần bì	4g
Sinh địa	4g

Chủ trị:

Trẻ em sau khi sởi đã bay biến chứng phế quản phế viêm, ho nhiều.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 3 - 4 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ mỡ, tôm, cua, thịt gà.

171. GIẢI ĐỘC CHỈ KHÁI TIÊU ĐỜM HOÀN

Bạch cương tằm (ngâm nước gạo sát kỹ, sao vàng)	12g
La bạc tử (tẩm giấm, sao vàng)	12g
Hạnh nhân (bóc vỏ, sao vàng)	12g
Hoàng cầm (tẩm rượu, sao vàng)	12g
Khoản đông hoa (tẩm mật, sao vàng)	12g
Xuyên bối mẫu (sao qua)	12g
Bạch phàn (nướng khô)	14g
Ma hoàng (tẩm muối, sao vàng)	20g
Đởm tinh (Nam tinh tán nhỏ trộn lẫn với mật bò treo gác bếp 100 ngày)	32g

Chủ trị:

Trẻ em bị ho gà, ho từng cơn dài, ho sặc sụa, mặt đỏ, ho mãi khi nào thổ được đờm rãi ra mới hết cơn ho. Đêm ho nhiều hơn ngày.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế khô giòn tán bột mịn luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Trẻ nhỏ dưới 12 tháng, mỗi lần uống 5 viên, mài viên thuốc vào nước, tan hết gạn nước trong cho uống, ngày cho uống 4 - 5 lần.

Trẻ lớn hơn mỗi lần uống 5 - 15 viên (tuỳ tuổi mà tăng liều lượng). Hoà với nước uống.

172. BỘT ĐẠO HÃN

Mẫu lệ (nung chín)	60%
Lá Dâu tằm già (sao giòn)	40%

Chủ trị:

Trẻ em khi ngủ ra mồ hôi trộm, hoặc thường ngày vã mồ hôi nhiều.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn, trộn đều.

Mỗi ngày dùng 2 - 4g xoa khắp người.

Ngày xoa 2 -3 lần. Không được uống, dùng không quá 5 ngày. Nếu ít kết quả nên đổi dùng thuốc khác.

Kiêng kỵ:

Không ăn các thứ cay, nóng.

173. THANH NHIỆT TÁN

Cát căn	150g
Địa cốt bì	150g
Sài hồ	150g
Mạch môn	100g
Hoè hoa	100g
Huyền sâm	100g
Hoàng đằng	50g
Thán khương	50g
Cam thảo	50g

Chủ trị:

Trẻ em sốt do âm hư kéo dài, thường sốt về chiều hoặc tối, háo khát, môi đỏ, miệng khô; hoặc chứng hư nhiệt do viêm não hoặc các bệnh do siêu vi khuẩn, ỉa chảy mùa đông mùi phân thối khẳn, biếng ăn, trằn trọc, người sức lực giảm sút.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao sấy giòn, tán bột mịn.

Trẻ em: Dưới 1 tuổi ngày uống 5 - 10g.

1 - 4 tuổi ngày uống 10 - 15g.

4 - 8 tuổi ngày uống 15 - 20g.

Hãm thuốc trong nước sôi 10 - 15 phút gạn nước thuốc trong uống, hoặc quấy đều uống cả bã.

Kiêng kỵ:

- Bệnh nhi không táo, không khát không nên dùng.
- Kiêng ăn đồ nếp, thức ăn lâu tiêu.

174. TIÊU ĐỘC CAO

Sài đất	1200g
Kim ngân dây	150g
Thương nhĩ tử	300g
Bồ công anh	150g

Chủ trị:

Trẻ em rôm sảy mụn nhọt nhiều (thể nhiệt) có dấu hiệu nhiễm trùng, hen, dị ứng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị đổ ngập nước nấu lấy 1000ml cao lỏng (tỷ lệ 1,8/1).

Trẻ em tuỳ theo tuổi ngày uống 4 - 5 lần mỗi lần uống 5 - 30ml, pha loãng với nước chín.

Kiêng kỵ:

- Trẻ em bị ỉa lỏng hoặc bệnh thuộc thể hàn không nên dùng.

- Kiêng ăn các thứ cay, nóng, mỡ.

175. DỊ ỨNG CAO

Sài đất	300g
Cam thảo đất	6g
Cỏ Mần chầu	10g
Kim ngân hoa	20g
Kinh giới	4g
Bồ công anh	10g
Thổ phục linh	2g
Thương nhĩ tử	10g

Chủ trị:

Trẻ em nổi mẩn, dị ứng hoặc chốc lở toàn thân.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho nước, nấu kỹ lấy 300ml nước cao lỏng.

Trẻ em tuỳ tuổi mỗi ngày uống 3 lần mỗi lần từ 10 - 30 ml pha loãng với nước chín.

Kiêng kỵ:

Kiêng các chất tanh, dầu mỡ.

176. KHƯƠNG HOÀNG TRỪ ĐỚM CAO

Khương hoàng tươi (chọn củ to già)	100g
Mật lợn	10 cái

Chủ trị:

Trẻ em chốc đầu: Trên đầu có mụn ngứa, khi gãi thì vẩy bong ra, trước ít, sau nhiều lây lan ra khắp đầu, ngứa ngáy không chịu được, thậm chí chảy mủ máu, tanh hôi, có khi khô ráo nhưng vẩy vẫn còn.

Cách dùng, liều lượng:

Nghệ gọt vỏ ngoài giã nhừ trộn vào nước mật lợn, bọc vào miếng vải sạch vắt lấy nước, bỏ bã. Đem nấu cách thuỷ sôi 30 phút đến 1 giờ.

Trước khi bôi thuốc lên đầu trẻ, cần nấu nước Bồ kết nhúng khăn vào nước Bồ kết đắp lên nơi chốc lở cho bong vẩy chốc lở, sau đó nấu nước Kinh giới gội đầu cho sạch lau khô rồi bôi nước thuốc lên. Mỗi ngày rửa và bôi 1 lần.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn đồ nếp, thịt gà, tôm, cua, ốc.

177. BỘT CAM RĂNG

Thanh đại	25g
Ngũ bội tử (sao giòn)	25g
Hoàng bá (tẩm muối, sao giòn)	25g
Thạch cao (nung chín)	25g

Chủ trị:

Trẻ em cam răng, loét lợi, hơi thở hôi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế giòn tán bột mịn trộn đều.

Cho trẻ xúc miệng bằng nước muối, bôi thuốc vào chân và lợi răng.

Ngày bôi 2 - 3 lần.

Chú ý:

Thuốc bôi ngoài không được uống.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn thịt gà trong khi dùng thuốc.

178. SỬ HOÀI LIÊN MẪU TÁN

Sử quân tử (bóc bỏ vỏ, màng)	4g
Hoài sơn	4g
Liên nhục (bỏ tim)	4g
Mẫu lệ (nung chín)	4g
Thạch lựu bì	4g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Trẻ em cam tả (thường ỉa lỏng, có giun).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế, phơi sấy khô giòn tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 4g hoà vào nước cơm, uống lúc đói.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mật ngọt, mỡ.

179. BẠCH THẢO THANH TÁN

Bạch tật lê	
(sao qua giã nhẹ bỏ gai)	8g
Thảo quyết minh	8g
Thanh tương tử	
(hạt Mào gà trắng)	6g
Phòng phong	4g
Mộc tặc	4g
Chi tử (bỏ vỏ)	4g
Thuyền thoái	4g
Cam thảo	2g
Mạch môn (bỏ lõi) để ngoài	40g

Chủ trị:

Trẻ em cam ám mục (cam nhãn = cam mắt) mắt sưng nhắm không mở được, mắt kém tinh quang.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế, phơi sấy khô giòn tán bột mịn.

Sắc nước Mạch môn làm thang uống với bột thuốc.

Mỗi ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 4g, uống sau bữa ăn 1 giờ.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn chất tanh (con ruốc, tôm).

180. CÂU ĐẰNG HOÀN

Câu đằng	
(thái nhỏ phơi khô giòn)	80g
Hoạt thạch	40g
Cam thảo	40g

Chủ trị:

Trẻ em sốt cao độ sinh chứng kinh phong (co giật).

Cách dùng, liều lượng:

Câu đằng, Hoạt thạch tán bột mịn.

Cam thảo cho sắc lấy nước thật đặc trộn với bột Câu đằng, Hoạt thạch luyện kỹ làm hoàn bằng hạt ngô.

Sắc nước Bạc hà làm thang, mài thuốc cho trẻ uống.

Trẻ em: Mới sinh dưới 5 tháng uống mỗi lần 1/2 viên.

Từ 5 tháng đến 1 tuổi uống mỗi lần 1 viên.

Từ 2 - 3 tuổi trở lên tuỳ tuổi tăng liều lượng thích hợp.

Ngày uống 1 - 2 lần tuỳ theo bệnh trạng.

181. TRẤN KINH PHONG HOÀN

Khương lang (Bọ Hung)	2 con
Thần sa	20g
(Tán thuỷ phi phơi khô để riêng)	
Xạ hương	40g
Thiên trúc hoàng	12g
Cam thảo	12g

Chủ trị:

Trẻ em kinh phong.

Cách dùng, liều lượng:

Bọ Hung rửa sạch, phơi khô, bỏ chân, cánh đốt tồn tính. Cam thảo sấy khô giòn trộn lẫn với các vị khác tán bột mịn. Trộn đều với bột Thần sa, luyện hồ làm hoàn bằng hạt cải.

Trẻ em mới sinh 1 tháng, uống mỗi lần 1/2 viên.

Từ 1 - 3 tuổi uống mỗi lần 1 - 1,5 viên.

Từ 4 - 10 tuổi uống mỗi lần 2 - 2,5 viên.

Ngày uống 2 lần.

182. TRỪ PHONG TRẤN KINH HOÀN

Kinh giới	40g
Câu đằng	12g
Toàn yết	12g
(bỏ đầu, ruột tẩm rượu sao giòn)	
Thiền thoái	8g
Khô phàn	8g
Răng lợn đốt tồn tính	12g

Chủ trị:

Trẻ em lên kinh co giật, nghiến răng, trợn mắt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế, sấy giòn tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Trẻ em: Mới sinh mỗi lần uống 1 viên.

Từ 5 - 6 tháng mỗi lần uống 2 viên.

1 tuổi mỗi lần uống 3 viên.

2 tuổi mỗi lần uống 5 viên.

Mài viên thuốc với nước Trúc lịch cho uống. Ngày uống 2 - 3 lần.

Kiêng kỵ:

Mẹ cho con bú kiêng ăn: Tôm, cua, thịt gà, cá chép trong khi bé đang bệnh

183. BẠCH BẰNG THANH ĐẠI TÁN

Bạch phàn (phi khô)	20g
Bằng sa (phi khô)	20g
Thanh đại	4g

Chủ trị:

Trẻ sơ sinh bị tưa lưỡi (đẹn) không bú được.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn trộn đều.

Mỗi lần dùng 0,5g hoà với mật ong (30ml) lấy bông sạch (hay gạc) tẩm thuốc bôi rà vào lưỡi bé.

Ngày bôi 3 - 4 lần.

Kiêng kỵ:

Mẹ cho con bú kiêng ăn các chất cay nóng.

184. SỬ QUÂN Ý DĨ CỐC TINH TÁN

Sử quân tử (bóc bỏ màng)	40g
Ý dĩ	80g
Cúc hoa	40g
Cốc tinh thảo (hoa cỏ Dùi trống) bỏ cuống	12g
Hồ tiêu	8g
Uy linh tiên	20g
Dạ minh sa (phân Rơi) chế	8g

Chủ trị:

Trẻ em gầy còm, bụng to có giun, cam mắt, tím mi mắt, sáng dậy híp mắt không mở được, hôi mồm, răng thối.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng, tán bột mịn.

Trẻ em: 1 - 2 tuổi mỗi lần uống 2g

3 - 5 tuổi mỗi lần uống 3 - 6g.

6 - 10 tuổi mỗi lần uống 6 - 8g

Ngày uống 2 - 3 lần, hoà bột thuốc vào nước cơm uống.

Kiêng kỵ:

Kiêng các chất cay nóng.

185. VIÊN CAM MAI MỰC

Mai mực	16g
(ngâm nước vôi, rửa sạch, nướng qua, tách bỏ màng cứng)	
Thanh đại	12g
Sử quân tử	8g
(ngâm nước gạo, bỏ màng, sao vàng)	
Dạ minh sa chế	20g
Hạt Gấc (đập tách lấy nhân, sao vàng)	12g
Nga truật (sao vàng)	8g
Cốc tinh thảo (bỏ cuống sao vàng)	8g

Chủ trị:

Trẻ em cam tích, cam giun, cam mắt: Da xanh, bụng to có giun, sưng mắt, toét mắt, ỉa lỏng, phân có mùi tanh khắm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế, phơi sấy khô tán bột mịn, trộn đều luyện mật làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Trẻ em từ 1 - 3 tuổi mỗi lần uống 15 - 20 viên.

4 - 7 tuổi mỗi lần uống 20 - 30 viên.

8 - 12 tuổi mỗi lần uống 30 - 40 viên.

Ngày uống 2 lần, uống với nước nóng hoặc nước cơm.

Kiêng kỵ:

- Trường hợp trẻ suy nhược, hư hàn; ăn không tiêu, ỉa lỏng không nên dùng.
- Kiêng các chất tanh và khó tiêu.

186. THUỐC CAM THÁC NGHÈ

Bạch chỉ (tán bột)	5 phần
Hoàng cầm (tán bột)	2 phần
Sử quân tử	3 phần
(ngâm nước gạo 1 đêm bỏ màng, sao vàng tán bột)	

Chủ trị:

Trẻ em mắc các chứng cam như: Cam giun, ỉa lỏng (té re), hậu môn đỏ, thai nhiệt, thai độc, thai hoàng, cam mắt, thối tai.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các bột hợp lại tán rây mịn.

Trẻ em: Từ 1 - 3 tuổi mỗi lần uống 2 - 4g

4 - 6 tuổi mỗi lần uống 4 - 6g.

7 - 10 tuổi mỗi lần uống 6 - 8g

11 tuổi trở lên mỗi lần uống 8 - 12g.

Ngày uống 2 lần với nước cháo cơm.

Chú ý:

- Trường hợp trẻ mắc chứng thai nhiệt, thai độc, thai hoàng, cam mắt, thối tai, hậu môn đỏ thì cho thuốc trộn với gan lợn băm nhỏ (1g bột thuốc + 1g gan lợn) gói vào lá chuối hấp cơm chín cho trẻ ăn theo liều lượng các lứa tuổi trên.

- Trường hợp trẻ ăn uống kém thì lấy một lượng thuốc và lòng đỏ trứng gà ngang nhau trộn đều hấp cơm cho trẻ ăn (lượng thuốc ăn tính theo mức tuổi nói trên).

Kiêng kỵ:

Trường hợp trẻ ỉa lỏng, ỉa sống phân, môi nhợt, không sốt, không khát, ăn kém không nên dùng.

187. THUỐC CAM TẨU MÃ

Cóc vàng to (đốt tồn tính)	1 con
Phèn chua sống đập nát	20g

Chủ trị:

Trẻ em bị tẩu mã, sưng hàm răng, sún răng hôi thối, rụng răng nhanh chóng, thủng má, thủng lợi.

Cách dùng, liều lượng:

Cóc đập chết, rửa sạch, dùng Phèn chua nhét vào miệng cóc sau đó bọc vào một lớp đất sét dầy 2 - 3 phân, để se đất cho vào lò than nướng thấy đất đỏ như than hồng là được. Đem ra để nguội, đập bỏ đất lấy than cóc (đen nhánh) tán bột mịn.

Bôi bột này vào răng lợi và các nơi miệng bị lở loét đã rửa sạch bằng nước muối.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất cay nóng.

188. VIÊN PHÌ NHI LIÊN HOÀI

Ý dĩ	70g
Hoài sơn	100g
Liên nhục	100g
Bạch biển đậu	100g
Mạch nha (sao nổ loại bỏ vỏ)	70g
Sơn tra	70g
Sử quân tử (bỏ màng)	30g
Thần khúc	30g
Gạp nếp	200g

Chủ trị:

Các chứng cam tích, trẻ em ăn uống kém, gầy còm, có giun ỉa sống phân.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi sấy khô, sao vàng tán bột mịn, luyện mật làm viên bằng hạt đậu xanh.

Trẻ em:

1 - 3 tuổi mỗi lần uống 10 - 20 viên.

4 - 7 tuổi mỗi lần uống 20 - 40 viên.

8 - 12 tuổi mỗi lần uống 40 - 50 viên.

Ngày uống 2 lần với nước nóng.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất dầu mỡ, khó tiêu, cay nóng.

189. VIÊN MẬT GÀ

Mật gà	20 cái
Hạt Chanh (sao)	40 hạt
Hạp Mướp đắng (sao)	40 hạt
Đường cát	50g

Chủ trị:

Trẻ em mắc chứng ho gà, ho từng cơn, ho cả ngày đêm, ho kéo dài khi ho trong cổ khò

khè, hoặc ho khan, ho khạc ra đờm có dính máu, mắt đỏ.

Cách dùng, liều lượng:

Hạt Chanh, hạt Mướp đắng sao khô giòn tán bột mịn; Mật gà ép lấy nước cho vào trộn đều với bột thuốc, phơi khô, tán lại cho đều và mịn. Đường hoà vào ít nước quấy tan, cô lại thành châu cho bột thuốc vào luyện kỹ làm viên bằng hạt đậu xanh.

Trẻ em:1 - 5 tuổi mỗi lần uống 2 - 4g

6 - 10 tuổi mỗi lần uống 4 - 8g

Ngày uống 2 lần với nước chín nóng.

Kiêng kỵ:

- Kiêng ăn dầu mỡ, các chất cay, nóng, tanh.
- Trẻ em cơ thể suy nhược quá không nên dùng.

190. TANG BÌ Ô MAI THANG

Tang bạch bì (tẩm mật sao)	5g
Ô mai (bỏ hạt)	5g
Quất hồng bì hoặc Trần bì	5g
Bách bộ (bỏ lõi tẩm mật sao)	5g
Củ Sả	5g
Cát cánh	5g
Hạnh nhân	5g
Kinh giới	5g
Cam thảo	5g
Bạc hà	5g

Chủ trị:

Trẻ em ho gà, sau một cơn ho dài có tiếng rít vào kêu to và kéo dài nghe giống tiếng gà gáy. Khi ho sắc mặt sám lại, chảy nước mắt nước mũi, mồm sặc sụa đầy nước dãi. Sau cơn ho mặt rũ rượi xanh xao, có khi nôn ra thức ăn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế, cho vào 600ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc,chia uống 3-4 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Trường hợp bệnh nhi có biến chứng nặng như chảy máu mắt, nôn ra máu gia thêm:

Sinh địa	10g
Mạch môn	10g

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mỡ và các thứ cay, nóng.

191. ÍCH MẪU THANG

Lá Ích mẫu	50g

Chủ trị:

Phòng bệnh chàm, lở, ghẻ cho trẻ sơ sinh.

Cách dùng, liều lượng:

Ích mẫu cho vào 3 lít nước, đun sôi để nguội, chắt lấy nước tắm cho trẻ.

192. HOÀNG LIÊN CAM THẢO THANG

Hoàng liên	0,5g
Cam thảo	1g

Chủ trị:

Trẻ sơ sinh lọt lòng trong miệng có nhớt, máu không móc ra hết sẽ có di độc về sau.

Cách dùng, liều lượng:

Hai vị cho vào 50ml nước, sắc lấy 10ml nước thuốc, cho bé uống dần ít một để ói hết nhớt, máu ra rồi mới cho con bú.

193. CHÂU SA HOÀN

Bột Châu sa thuỷ phi	3g

Chủ trị:

Phòng ngừa bệnh sởi, đậu.

Cách dùng, liều lượng:

Bột Châu sa luyện mật ong đã có thành châu, Làm hoàn bằng hạt cải canh.

Trẻ sơ sinh (lọt lòng) ngày uống một viên, mài viên thuốc vào sữa mẹ cho bé uống. Uống liền 3 ngày.

194. CẤP KINH THANG

Bạc hà	5g
Trần bì (sao)	5g
Củ Sả (đập nát)	3 củ
Gừng tươi	3 lát

Chủ trị:

Trẻ em cấp kinh phong (trúng phong): Hàm răng cắn chặt, miệng chảy đờm dãi, mắt trợn, uốn ván, tay chân co giật.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 100ml nước, sắc lấy 20ml,chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Uống liên tục 3 - 5 thang.

195. MẠN KINH THANG

Nam tinh (tẩm gừng sao)	2g
Bán hạ (tẩm gừng sao)	2g
Lá Bạc hà	1g
Trần bì	1g
Cam thảo	0,5g
Lá Muồng trâu	0,5g

Chủ trị:

Trẻ em mạn kinh phong: phát bệnh là mửa không chừng độ (nhiều lần), mắt hé mở, đờm vướng cổ họng khò khè, hơi thở lạnh, môi nhợt, mặt xanh, mép chảy nước bọt như sắp sinh bệnh động kinh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 150ml nước, sắc lấy 30ml, chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

196. MẠN TỲ THANG

Bạc hà diệp	2g
Quế khâu	1g
Đậu đen (sao)	2g
Trần bì	1g
Cam thảo	0,5g
Gừng tươi	2 lát

Chủ trị:

Trẻ em mạn tỳ phong: Mặt đỏ, đầu đổ mồ hôi và gục xuống; lưỡi rụt lại, mắt nhắm, lúc ngủ thì lắc đầu, lè lưỡi; thường nôn oẹ ra mùi hôi tanh, miệng ngậm răng nghiến, tay chân hơi giật mà không co được, người khi lạnh khi ấm, tay chân đều lạnh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 100ml nước, sắc lấy 30ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống liền cho tới khi hết bệnh.

197. CAM TÍCH THANG

Sử quân tử (bóc bỏ màng)	3g
Hột Trâm bầu	3g
Bông Dạ lài hương (hoa Nhài)	3g
Lá Muồng trâu	3g

Chủ trị:

Trẻ em cam tích: Thân thể gầy mòn, sức lực kém, hơi thở ngắn, bụng to có giun, gân nổi, chốc lở, đại tiện khi lỏng khi không, nước tiểu khi đỏ khi đục, hoặc người nóng chân tay lạnh,ăn uống kém.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 100ml nước, sắc lấy 40ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày, uống xa bữa ăn.

Ngày uống 1 thang.

198. HUỆ BÔNG TRẮNG THANG

Lá Huệ hoa trắng,tươi	30g

Chủ trị:

Trẻ em nóng sốt thuộc thể thực nhiệt: Mặt đỏ, mắt đỏ, thở mạnh, miệng khô khát nước, tiểu tiện đỏ gắt, đại tiện táo bón, ngũ tâm phiền nhiệt, ngày đêm khóc khan, hâm hấp sốt.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Huệ hoa trắng (hoa Huệ) rửa sạch, thái nhỏ, giã nát thêm một ít nước chín trộn đều, vắt (ép) lấy nước, chia uống 2 lần trong ngày.

Bã đắp lên ngực và xoa khắp người bệnh nhi.

Ngày uống xoa 1 - 2 lần.

199. MẮC CỠ MÀN CHẦU CAM BẠC THANG

Lá Mắc cỡ (Trinh nữ)	3g
Cỏ Màn chầu	2g
Cam thảo	0,5g

Lá Bạc hà	1g
Gừng tươi	1 lát

Chủ trị:

Trẻ em nóng sốt thuộc thể hư nhiệt: Mặt trắng, mắt xanh, tâm thần hoảng hốt, uể oải, miệng hơi thở lạnh, đại tiện ít, tiểu tiện nhiều, ban đêm ra mồ hôi trộm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 150ml nước, sắc lấy 30ml,chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang, uống luôn 3 ngày.

200. LỤC NHẤT TÁN

Hoạt thạch	6 phần
Cam thảo	1 phần

Chủ trị:

Trẻ em cảm mạo: nóng nhiều khát nước

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn.

Mỗi lần uống 1/2 thìa cà phê. Hoà bột vào nước sôi hãm trong 15 phút, lắng gạn lấy nước trong cho trẻ uống.

Ngày uống 1 - 2 lần.

201. LỤC QUÂN THANG

Sa sâm	2g
Phục linh	1g
Bạch truật	1g
Cam thảo	1g
Bán hạ chế (sao)	1g
Trần bì	1g

Chủ trị:

Trẻ em cảm mạo: Nóng ho, đờm khò khè.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 100ml nước, sắc lấy 30ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

202. LỤC VỊ THANG GIA GIẢM

Thục địa	2g
Đan bì	2g
Phục linh	1g
Hoài sơn	1g
Trạch tả	1g
Ngô thù du (Ngô vu)	0,5g
Cam thảo	1g
Sinh khương	1 lát

Chủ trị:

Trẻ em cảm mạo: Nóng lạnh nhiều lâu ngày không dứt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 100ml nước, sắc lấy 30ml,chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

203. SÂM TÔ THANG

Sa sâm	1g
Tô diệp	1g
Trần bì	1g
Hoắc hương	1g
Trà ngon	1g
Bạc hà diệp	0,5g

Chủ trị:

Trẻ em bị thổ tả (hoặc nôn, hoặc tả).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 100ml nước, sắc lấy 50ml nước thuốc, thêm chút đường quấy tan chia uống 5 - 6 lần trong ngày (mỗi lần 1 - 2 thìa cà phê).

204. BÌNH CAN DƯỠNG VỊ THANG

Sa sâm	1g
Phục linh	1g
Bạch truật	1g
Thảo quả	1 trái
Trần bì	1g
Rau Má	3g
Cỏ Mực	2g
Cỏ Mần chầu	2g
Thạch xương bồ	0,5g
Cam thảo nam	2g

Chủ trị:

Trẻ em sốt rét cơn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 200ml nước, sắc lấy 50ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

205. TIỂU TOÁN HÚNG CHANH THANG

Tiểu toán (củ Nén)	3 củ
Húng chanh (rau Tần dày lá)	3 lá

Chủ trị:

Trẻ em bị suyễn do nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị giã nát cho vào 30ml nước thêm một chút đường (3g) chưng cánh thuỷ sôi, gạn lấy nước chia uống nhiều lần trong ngày.

Chú ý gia giảm:

Nếu trẻ em suyễn nhiều gia thêm:

Sinh khương	1 lát

206. SÂM TÔ HOÀN

Nam sa sâm	10g
Tía tô diệp	5g
Bán hạ sao gừng	5g
Bạc hà diệp	5g
Hương nhu diệp (É tía)	3g
Trần bì	3g
Cam thảo	1g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Trẻ em ho.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho phơi khô tán nhỏ luyện làm hoàn bằng hạt tiêu sọ.

Trẻ em: Mỗt tuổi mỗi lần uống 3 viên ngày uống một lần.

-10 tuổi uống mỗi lần uống 30 viên, ngày uống một lần.

-Trên 10 tuổi mỗi lần uống 30 viên, ngày uống 2 lần.

Chú ý:

Trường hợp trẻ em ho do ngoại cảm phong hàn, phong nhiệt thì dùng:

Bạc hà, Hương nhu, Ngải cứu, lá Bưởi, lá Sả, nấu nước xông hơi cho ra mồ hôi nhẹ hết cảm sẽ hết ho.

207. TIÊU TRƯỚNG THANG

Bồ công anh	5g
Lá Muồng trâu	4g
Cỏ Xước	4g
Bồ kết	5g
Hậu phác	3g
Lá Tre	5g
Củ Hành ta	5g
Lá Hẹ	3g
Vỏ Quýt	3g

Chủ trị:

Trẻ em tỳ vị bất thường bụng trướng căng như da trống.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 200ml nước, sắc lấy 50ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày, uống lúc bụng đói.

Ngày uống 1 thang. Uống liền 5 - 10 thang.

208. LỤC NHẤT GIA CHÂU SA TÁN.

Bột Hoạt thạch (tán mịn)	6 phần
Bột Cam thảo (tán mịn)	1 phần
Bột Châu sa (thuỷ phi)	1 phần

Chủ trị:

Trẻ em thai nhiệt: Lúc mới sinh mình nóng, mặt đỏ, mắt nhắm, hơi trong miệng nóng, khóc khan, khát nước hoặc đại tiểu tiện không thông.

Cách dùng, liều lượng:

Cả ba bột trộn đều, sau đó trộn lẫn với dầu dừa; dung tăm bông sạch thấm thuốc rà vào miệng ngày 3 lần trẻ sẽ lành bệnh.

209. THANG THIÊN HOA PHẤN

Thiên hoa phấn tươi
(Qua lâu căn) 30g

Chủ trị:

Trẻ em thai hoàng: Trẻ sinh ra khắp mình đều vàng (da, thịt, mặt, mắt đều vàng) như màu vàng thật; người nóng dữ, đại tiện không thông, tiểu tiện vàng, không chịu bú khóc không ngớt.

Cách dùng, liều lượng:

Thiên hoa phấn rửa sạch, giã nhỏ vắt lấy nước cốt, cho thêm 2 thìa mật trộn đều, chia uống 2 lần trong ngày.

Nếu không có thiên hoa phấn tươi thì dùng thiên hoa phấn khô (6g) cho vào 100ml nước sắc lấy 30ml, chia uống làm 2 lần trong ngày.

210. TOÀN YẾT TÁN

Toàn yết (bọ Cạp)	1 con
Chu sa	0,1g
Xạ hương	0,1g

Chủ trị:

Trẻ em mắc chứng thai kinh (triệu chứng gần giống chứng mạn tỳ kinh, cần chú ý phân biệt tránh nhầm lẫn): Chứng thai kinh khi phát bệnh thì trong người bệnh nhi nóng dữ dội, mắt trơn ngược, tay nắm, miệng ngậm, răng cắn chặt, xương sống cứng đờ, sùi bọt mép, ói mửa, tay chân co giật, khóc sợ mặt nhăn, hở mỏ ác hoặc má đỏ, hoặc mặt xanh mắt nhắm.

Cách dùng, liều lượng:

Toàn yết lấy lá Bạc hà tươi (lá dọc mùng) gói lại, nướng khô tán bột mịn cùng với Chu sa và Xạ hương.

Mỗi lần uống 0,4g

Dùng Mạch môn đông bỏ lõi (10g) sắc lấy nước làm thang uống với thuốc.

211. BỘT XÀ THOÁI

Xác rắn lột (Xà thoái) 1 cái

Chủ trị:

Trẻ em (1 - 4 tháng) mắc chứng phong túm miệng (Đẹn túm, toát khẩu): Lưỡi cứng môi xanh, túm miệng thở gấp, khóc không ra tiếng.

Cách dùng, liều lượng:

Xác rắn sao cháy tồn tính tán bột mịn.

Dùng nước chín rửa sạch miệng bệnh nhi, rồi xát bột thuốc vào miệng sẽ mở ngay. Sau đó lấy sữa mẹ hoà với thuốc nhỏ vào miệng trẻ cho trẻ nuốt dần thì khỏi.

212. THÔNG BẠCH CƯƠNG TẨM THANG

Thông bạch (cả củ và lá) tươi	20g
Bạch cương tằm tẩm rượu sao vàng	4g

Chủ trị:

Trẻ em mắc chứng phong đòn gánh (tề phong, uốn ván rốn).

Cách dùng, liều lượng:

Hành sống (cả củ và lá) giã nát ép lấy nước cốt; Bạch cương tằm tẩm rượu sao tán bột mịn.

Nước cốt Hành sống cho thêm bột Bạch cương tằm trộn đều,bôi vào núm vú mẹ rồi cho trẻ ngậm bú. Hoặc đổ cho trẻ uống.

213. TRÚC LỊCH THANG

Trúc lịch
(nước ép tre non hoặc măng) 3 phần
Khương trấp
(nước ép gừng tươi) 1 phần

Chủ trị:

Trẻ em 1 - 4 tháng mắc chứng phong cấm khẩu (cấm phong): Mắt nhắm miệng câm tiếng khóc e, e, trên lưỡi đùn thịt như hạt gạo, bú không được, miệng sùi bọt trắng, đại tiểu tiện đều thông, người nóng.

Cách dùng, liều lượng:

Trúc lịch, Khương trấp trộn đều - hâm nóng cho bệnh nhi uống 3 - 4 lần trong ngày, mỗi lần uống 2 - 3 ml.

214. NHỀN NHỆN TÁN

Nhền nhện

(con nhện ôm bọc trứng) 2 con.

Chủ trị:

Trẻ em 1 - 4 tháng cấm khẩu không bú được.

Cách dùng, liều lượng:

Dùng con nhện (Bích tàm trùng) ôm bọc trứng trắng bỏ chân, sao cháy, tán mịn.

Lấy một chén nhỏ sữa mẹ hoà bột thuốc quấy đều cho trẻ uống dần ít một.

215. THÔNG BẠCH THANG

Hành trắng tươi	4 lát
Nhũ trấp (sữa mẹ)	30ml

Chủ trị:

Trẻ em sơ sinh không đái được hay không bú được.

Cách dùng, liều lượng:

Cho Hành vào sữa đun sôi vớt bỏ Hành, chia uống 4 lần.

216. TIÊU THỰC KIỆN KỲ THANG

Thục địa (sao)	6g
Hoài sơn (sao vàng)	4g
Trần bì (sao thơm)	1g
Hà thủ ô chế (sao)	8g
Bố chính sâm (sao gừng)	8g
Cam thảo nướng	1g

Chủ trị:

Trẻ em cam tích thể teo đét (tỳ cam): Trẻ sút cân nhanh gầy còm, da nhăn, da mặt và trán có nhiều nếp nhăn, ỉa chảy, bụng trướng, biếng ăn, lờ đờ, cáu kỉnh. Nặng có thể xuất hiện nhiều vết nâu hoặc xanh thẫm trên da.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày. Uống trước bữa ăn.

Ngày uống 1 thang. Tuỳ tuổi mà tăng liều lượng thích hợp.

217. BÌNH CAN TIÊU ĐỘC THANG

Cúc hoa	8g
Sử quân tử (bóc bỏ màng)	4g
Rau Má	6g
Ý dĩ (sao)	4g
Hạ khô thảo	2g
Mộc thông	1g
Mộc miết (Cùi hạt gấc)	8g
Cam thảo nam	8g

Chủ trị:

Trẻ em cam tích thể quáng gà (cam gà): Trẻ kém mắt không nhìn rõ khi thiếu ánh sáng; mắt đỏ, chảy nước mắt, chói mắt có thể lòi mống mắt, mù; da khô dễ bị tróc, tóc khô dễ bị rụng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Tuỳ tuổi mà tăng liều lượng thích hợp.

218. BỔ TỲ ÍCH KHÍ LỢI TIỂU THANG

Râu Ngô	2g
Mã đề	2g
Mạch nha (sao)	2g
Sơn tra (sao)	1g
Thục địa (sao giòn)	2g
Thiên môn (sao)	2g
Bố chính sâm (tẩm gừng sao)	2g
Thương truật (sao)	1g

Chủ trị:

Trẻ em cam tích thể phù (phế cam): Phù nhẹ ở hai tay, chân, mặt, tiểu tiện ít, môi khô, trẻ rên è è liên tục, môi tím, mặt tái nhợt, khó thở, nôn trớ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 200ml nước, sắc lấy 60ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Tuỳ tuổi mà tăng liều lượng thích hợp.

219. CHỈ HUYẾT TRỢ VỊ THANG

Cỏ Nhọ nồi (sao đen)	8g
Trần bì	1g
Chỉ tử (sao đen)	3g
Trắc bách diệp (sao đen)	6g
Kinh giới	1g
Cát căn	4g
Sinh địa (sao)	3g
Bố chính sâm	6g

Chủ trị:

Trẻ em cam tích thể xuất huyết (tâm cam): Trẻ biếng ăn, da xanh, chậm lớn, cáu kỉnh, các bắp thịt đau nhức, chảy máu lợi, có nhiều nốt chảy máu dưới da thường gặp ở trẻ bị ỉa chảy kéo dài.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 80ml nước thuốc chia uống hai lần uống trước bữa ăn.

Ngày uống 1 thang. Tuỳ tuổi mà tăng liều lượng thích hợp.

220. TRẤN KINH KHU PHONG HOÀN

Bạc hà diệp	40g
Cát căn	30g
Hoài sơn (sao)	12g
Tang diệp	12g
Câu đằng	20g
Thần sa (để riêng)	2g
Bố chính sâm (tẩm gừng sao)	16g
Ké đầu ngựa	16g

Chủ trị:

Trẻ em cam tích thể còi xương (thận cam): Trẻ quấy khóc giật mình, ra nhiều mồ hôi, rụng tóc, xương mềm tay chân cong, thóp trước chậm liền, chậm mọc răng, đi vòng kiềng.

Cách dùng, liều lượng:

Thần sa tán bột mịn để riêng. Các vị khác sao chế, sấy khô giòn tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt ngô, lấy bột Thần sa làm áo.

Trẻ em một tuổi ngày uống 1 viên mài vào nước chín hay sữa cho uống.

221. BỘT BỔ TỲ TIÊU TÍCH

Rễ Sầu đâu (Rễ xoan) chế	100g
Sử quân tử (bóc bỏ màng sao)	40g
Ý dĩ (sao)	50g
Hoài sơn (sao)	50g
Xa tiền tử	20g
Cam thảo dây (sao)	20g
Vỏ Quýt (sao)	10g
Binh lang (sao)	20g
Khiên ngưu tử (sao)	10g
Sâm bố chính (tẩm gừng sao)	50g

Chủ trị:

Trẻ em suy dinh dưỡng (thời kỳ 2); Sắc mặt vàng úa, trong phân có giun, ngủ hay nghiến răng, bụng to nổi gân xanh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế, phơi sấy khô tán bột mịn.

Trẻ em từ: 1 - 3 tuổi mỗi lần uống 2 - 4g

4 - 6 tuổi mỗi lần uống 4 - 6g

7 - 10 tuổi mỗi lần uống 6 - 8g

Ngày uống 2 lần với nước trà.

Chú ý:

Chế rễ Sầu đâu: Đào rễ ở rưới đất, rửa sạch bóc lấy vỏ cạo sạch lớp vỏ nâu bên ngoài, ngâm nước gạo + Phèn chua + Cam thảo một đêm, vớt ra rửa sạch, phơi khô, sao vàng cho hết mùi hăng.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặt và muối trong thời kỳ uống thuốc.

222. BỔ TỲ THẬN LỢI TIỂU TIÊU ĐỘC TÁN

Quả Tai chua (sao)	12g
Hoàng liên (sao gừng)	12g
Củ Bọ nẹt (Bọ mẩy) tẩm hoàng thổ sao	16g
Thanh bì (vỏ Quýt xanh)	8g
Hoài sơn (sao)	16g
Bố chính sâm (sao gừng)	20g
Bạch thược (sao vàng)	20g

Thổ phục linh (sao)	12g
Trạch tả (sao)	12g
Xa tiền tử (sao)	12g
Cam thảo dây	6g

Chủ trị:

Trẻ em suy dinh dưỡng (thời kỳ 3): Chân tay teo và giá lạnh, bụng to, mặt bủng, đại tiểu tiện ít, ăn uống kém, khó tiêu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế, phơi sấy khô tán bột mịn.

Trẻ em từ: 1 - 3 tuổi mỗi lần uống 2 - 4g

4 - 6 tuổi mỗi lần uống 4 - 6g

7 - 10 tuổi mỗi lần uống 6 - 8g

Ngày uống 3 lần, uống với nước trà.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ: Tanh, lạnh, sống, chua.

223. HÀ SA ĐẠI BỔ HOÀN

Tử hà sa (chế)	1 cái
Bạch chỉ	200g
Xuyên khung	50g
Huyết rồng (Kê huyết đằng)	50g
Hạt Keo dậu	50g
Đảng sâm	100g
Bố chính sâm (sao gừng)	50g
Thục địa	50g
Đại hồi	20g

Chủ trị:

Trẻ em suy dinh dưỡng dạng teo và dạng phù.

Cách dùng, liều lượng:

Tử hà sa lấy của người mẹ khoẻ mạnh, không bệnh tật (con so càng tốt) vô khuẩn, rửa sạch bằng nước muối loãng, cho chưng cách thuỷ sôi trong 2 giờ hoặc cho vào nồi áp xuất chưng cách thuỷ sôi trong 20 - 30 phút (khi chưng phải đậy kín nhau). Lấy ra dùng đũa gắp hết màng gân của nhau bỏ đi, phần còn lại cho vào cối giã nhuyễn.

Các vị thuốc khác phơi sấy khô tán bột mịn, cho vào giã nhuyễn cùng Tử hà sa. Sau đó cho mật ong đã luyện thành châu vào luyện kỹ làm hoàn 1g.

Trẻ em từ: 1 - 5 tuổi ngày uống 3 lần mỗi lần 1/2 hoàn.

6 - 10 tuổi ngày uống 3 lần mỗi lần một hoàn.

11 - 15 tuổi ngày uống 3 lần mỗi lần 2 hoàn.

Chú ý:

Trước khi dùng thuốc này cần xem bệnh nhi có giun sán không nếu có giun sán cho sổ hết.

224. TIÊU TRÙNG HOÀN

Sử quân tử (bỏ màng sao vàng)	100g
Phỉ tử (sao vàng)	100g
Hắc sửu (sao qua)	10g
Binh lang (sao)	20g
Cam thảo (sấy giòn)	20g

Chủ trị:

Trẻ em bị bệnh giun sán.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao, sấy giòn, tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt ngô.

Trẻ em từ: 2 - 5 tuổi, mỗi lần uống 3 hoàn.

6 - 9 tuổi mỗi lần uống 10 hoàn.

Trên 10 tuổi mỗi lần uống 20 hoàn.

Ngày uống 2 lần, uống với nước chín nóng.

225. BỔ TỲ TIÊU CAM TÁN

Nhị hồng sâm	20g
Bạch truật (sao hoàng thổ)	20g
Liên nhục (sao)	20g
Ý dĩ (sao)	12g
Thần khúc (sao)	4g
Sử quân tử (bỏ màng sao)	20g
Binh lang (sao)	8g
Bạch linh	12g
Hoài sơn (sao vàng)	20g
Sơn tra (sao)	12g
Mạch nha (sao nổ bỏ vỏ)	40g
Cam thảo	4g
Hoàng liên	4g

Chủ trị:

Trẻ em bụng to da vàng, cam mắt, cam răng, cam mũi, hay đi tả lỵ, ngủ hay giật mình, ra mồ hôi trộm; hoặc dùng làm thuốc bổ dưỡng sau khi lên sởi khỏi hay mới ốm dậy.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế, sấy giòn tán bột mịn.

Trẻ em từ: 1 - 4 tuổi mỗi lần uống 2 - 4g

5 - 8 tuổi mỗi lần uống 5 - 8g

9-12 tuổi trở lên mỗi lần uống 13-15g

Hoà thuốc với sữa hay nước cơm uống.

226. BỘT TIÊU CAM KIỆN TỲ VỊ

Đảng sâm	20g
Bạch truật	20g
Phục linh	12g
Biển đậu (sao)	12g
Trần bì	4g
Hoài sơn (sao)	16g
Liên nhục (sao)	12g
Sơn tra (sao)	12g
Cốc nha	12g
Kê nội kim	8g
Cam thảo nướng	4g
Sử quân tử (bỏ màng sao)	8g

Chủ trị:

Trẻ em cam tích, suy dinh dưỡng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế, sấy khô tán bột mịn.

Trẻ em từ: 1 - 4 tuổi mỗi lần uống 1/2 thìa cà phê.

5 tuổi trở lên mỗi lần uống 1 thìa cà phê.

Ngày uống 2 lần sáng tối; Hoà bột thuốc vào sữa hay nước cơm cho uống.

227. BỘT BỔ TỲ KHỬ THẤP LỢI THUỶ THÔNG TIỂU

Bạch truật (sao hoàng thổ)	20g
Phục linh	20g
Trạch tả	8g
Đảng sâm	12g
Trư linh	8g
Quế chi tiêm	6g

Chủ trị:

Trẻ em cam, cơ thể suy nhược; mặt, tay chân phù thũng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao sấy giòn tán bột mịn.

Trẻ em từ: 1 - 4 tuổi mỗi lần uống 1/2 thìa cà phê.

5 tuổi trở lên mỗi lần uống 1 thìa cà phê.

Ngày uống 2 lần sáng, tối. Hoà thuốc vào sữa hay nước cơm uống.

228. LỤC VỊ HOÀN

Thục địa	28g
Hoài sơn	20g
Sơn thù hoặc Toan táo nhục	16g
Phục linh	20g
Trạch tả	8g
Đan bì	8g

Chủ trị:

Trẻ em âm suy, cơ thể gầy yếu, đổ mồ hôi, lưỡi đỏ, môi đỏ, khát nước.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô giòn tán bột mịn, luyện mật làm hoàn 4g.

Trẻ em: 1 - 4 tuổi mỗi lần uống 1 hoàn, ngày uống 2 hoàn.

5 tuổi trở lên mỗi lần uống 1 hoàn, ngày uống 3 hoàn.

Hoà thuốc vào sữa hay nước chín uống.

229. LỤC VỊ GIA SÂM KỲ TÁO THANG

Thục địa (sao)	6g
Hoài sơn (sao vàng)	6g
Đan bì	4g
Phục linh	4g
Trạch tả	4g
Sơn thù	4g

Bố chính sâm (sao gừng)	10g
Hoàng kỳ (tẩm mật sao)	4g
Đại táo	2 quả

Chủ trị:

Trẻ em đẻ thiếu tháng suy dinh dưỡng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống 10 thang.

230. TỨ QUÂN GIA VỊ THANG

Bố chính sâm (sao gạo nếp)	12g
Bạch truật (sao hoàng thổ)	6g
Cam thảo nướng	4g
Bạch linh	4g
Hoàng kỳ (tẩm mật sao)	6g
Bán hạ chế	2g
Trần bì (sao)	4g
Sơn tra	4g
Mạch nha (sao)	4g
Ý dĩ (sao)	4g

Chủ trị:

Trẻ em tỳ vị hư yếu, suy dinh dưỡng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc chia uống 2-3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống 7 thang.

231. LỤC VỊ GIA ĐỖ TỤC NGƯU XA THANG

Thục địa (sao)	12g
Hoài sơn	8g
Đan bì	6g
Bạch linh	6g
Trạch tả	4g
Sơn thù	4g
Đỗ trọng (sao)	6g
Tục đoạn	6g
Ngưu tất	4g
Xa tiền	4g

Chủ trị:

Trẻ em suy dinh dưỡng cơ thể mềm yếu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước sắc lấy 150ml chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

232. NGŨ VỊ CHỈ KHÁI GIA VỊ THANG

Bách hộ (tẩm mật sao)	12g
Bạch tiền	8g
Kinh giới	8g
Thiên môn	8g
Bạc hà	8g
Trần bì	6g
Cam thảo	6g

Chủ trị:

Trẻ em mắc chứng ho gà hay các loại ho ngoại cảm khác dù mới mắc hay lâu, có đờm hay không có đờm đều dùng được.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2, 3 lần trong ngày. Uống sau bữa ăn 1 - 2 giờ.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Người lớn ho dùng bài này phải tăng liều lượng.

233. CỎ GÀ BỌ MẮM TANG DIỆP THANG

Cỏ Gà (cỏ Chỉ) toàn cây	6g
Bọ Mắm (thuốc Giòi) toàn cây	10g
Tang diệp	6g
Lá Liễu	6g
Lá Chanh	6g
Lá Tre gai	6g
Măng vòi tre (măng cành)	6g
Bạc hà diệp	6g
Cam thảo nam	6g
Gừng tươi	4g

Chủ trị:

Trẻ em mắc chứng ho gà.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch thái nhỏ, phơi héo, sao vàng, cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

234. THUỐC CẮT CƠN HO GÀ

Nước ép Chanh quả	1ml
Nước cốt lá Hẹ (giã vắt)	5ml
Khô phàn	1g
Hoa Hồng bạch	5 bông
Mật ong hoặc nước đường	20ml

Chủ trị:

Cắt cơn ho gà.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị trộn đều cho vào chén đậy kín chưng cách thuỷ sôi hoặc hấp cơm gạn lấy nước cho bệnh nhi 1 - 2 tuổi uống dần trong ngày. Tuỳ tuổi mà tăng liều lượng các vị thuốc trong toa.

Chú ý:

Sau khi cắt được cơn ho gà, phải chuyển dùng hoàn *Bổ tỳ trợ phế*:

BỔ TỲ TRỢ PHẾ

Thiên môn	50g
Thổ bối mẫu	40g
Hoài sơn	40g
Liên nhục	20g
Ô dược	30g
Rễ Sử quân (dây giun)	40g
Lòng đỏ trứng gà luộc chín	200g
Trần bì	30g
Cam thảo	20g
Gừng khô	20g

Tất cả các vị sấy khô tán bột mịn, luyện với kẹo mạch nha làm hoàn bằng hạt ngô.

Trẻ em tuỳ tuổi mỗi lần uống 3 - 10 viên.

Ngày uống 3 lần. Mài thuốc vào sữa (đối với trẻ 1 - 2 tuổi) hoặc nước chín uống.

235. THUỐC PHÒNG BỆNH HO GÀ

Trong thời vụ có dịch ho gà có thể dùng 1 trong 2 bài sau:

Bài 1:

Kim ngân dây	3000g
Sài đất	3000g
Câu đằng	1500g
Giấp cá	500g
Ngọc diệp (Ngọc diệp kim hoa)	1000g

Các vị rửa sạch cho vào 50 lít nước sắc lấy 30 lít nước thuốc, chia cho 150 trẻ, mỗi trẻ 200ml trẻ 200ml chia uống nhiều lần trong ngày, uống liền 5 ngày. Sau đó cách 2 - 3 ngày uống tiếp 1 lần nữa.

Bài 2:

Lá cây Đùng Đình 100 - 150g nấu nước cho trẻ uống thay nước trong ngày.

236. THANH NHIỆT GIẢI ĐỘC THANG

Cỏ Màn chầu	5g
Kinh giới	2g
Cam thảo đất	3g
Rễ Cỏ tranh	3g
Kim ngân hoa	4g
Lá Muồng trâu	3g
Cây Ké (Thương nhĩ)	4g
Sài đất	3g
Cây Bình bát	4g

Chủ trị:

Dư độc ban sởi: Sởi bay nhưng dư độc chưa hết người còn nóng hầm, da ửng đỏ sần sùi, nổi thêm những mụn nhỏ đỏ lợt, sinh ngứa ngáy, la khóc ít ngủ, đại tiện táo, tiểu tiện nóng đỏ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

237. GIẢI ĐỘC SƠ PHONG TÁN TÀ THANG

Hoàng cầm (sao rượu)	20g
Hoàng liên (sao rượu)	20g
Trần bì (cạo bỏ cùi trắng)	10g
Bạc hà	4g
Sài hồ	8g
Cát cánh	8g
Bạch cương tằm (tẩm rượu sao cám vàng)	8g

Chủ trị:

Hội chứng màng não ở trẻ em, nhức đầu dữ dội.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Trẻ em tuỳ tuổi gia giảm liều lượng thích hợp.

238. NGÂN KIỀU THANG

Kim ngân hoa	20g
Liên kiều	12g
Cát căn	12g
Bạc hà	6g
Trúc diệp	12g

Chủ trị:

Hội chứng màng não ở trẻ em.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Trẻ em tuỳ tuổi gia giảm liều dùng thích hợp.

Chú ý gia giảm:

- Trẻ sốt cao, phiền táo, mạch hồng sác bỏ:

  Cát căn, Bạc hà

Gia thêm:

Thạch cao	20g
Tri mẫu	12g
Hoàng cầm	8g

- Trẻ em nhức đầu nhiều gia thêm :

Cúc hoa	12g
Long đởm thảo	6g

239. THANH DINH THANG GIA GIẢM

Sinh địa	16g
Huyền sâm	16g
Câu đằng	20g
Liên kiều	20g
Đại thanh diệp (lá Bọ mẩy)	20g
Địa long	20g
Thuỷ ngưu giác (sừng trâu)	15g
Thạch cao (giã dập)	20g

Chủ trị:

Hội chứng màng não ở trẻ em.

Cách dùng, liều lượng:

Sừng Trâu chẻ nhỏ cho vào 1000ml nước, sắc trong 2 giờ cho tiếp các vị khác vào tiếp tục sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Trẻ em tuỳ tuổi gia giảm liều dùng thích hợp.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Bệnh nhi đại tiện táo gia thêm:

  Đại hoàng 12g

- Bệnh nhi căng trướng bụng gia thêm:

  Chỉ thực 12g

240. THANH ÔN BẠI ĐỘC ẨM GIA GIẢM

Kim ngân hoa	20g
Liên kiều	20g
Tử thảo	4g
Đơn bì	12g
Câu đằng	20g
Thạch cao	20g
Tri mẫu	12g
Huyền sâm	12g
Chi tử	12g
Thuỷ ngưu giác (sừng trâu)	12g

Chủ trị:

Hội chứng màng não trẻ em.

Cách dùng, liều lượng:

Sừng trâu chẻ nhỏ cho vào 1000ml sắc trước 2 giờ, sau cho các vị khác vào tiếp tục sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày. Tuỳ tuổi trẻ em gia giảm liều lượng thích hợp.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Bệnh nhi có co giật gia thêm:

Địa long	20g
Thiên ma	6g
Long đởm thảo	6g

- Bệnh nhi có đờm nhiều gia thêm:

Trúc lịch	30ml
Thạch xương bồ	5g

(Trúc lịch để riêng, thuốc sắc được cho vào quấy đều cho uống).

- Bệnh nhi hôn mê gia thêm:

Ngưu hoàng	0,3g
Thạch xương bồ	4g

(Ngưu hoàng tán bột mịn để riêng, thuốc sắc được hoà vào cho uống).

241. TANG BÌ MẠCH MÔN THANG

Tang bạch bì (tẩm mật sao)	20g
Mạch môn	12g
Lá Chanh	6g
Lá Táo chua	12g

Chủ trị:

Trẻ em viêm đường hô hấp trên: Sổ mũi, hắt hơi, ho, sốt nhẹ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2, 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

242. HẠNH TÔ TÁN

Hạnh nhân	6g
Tô diệp	4g
Tiền hồ	6g
Bán hạ chế	6g
Cát cánh	6g
Phục linh	6g
Chỉ xác	6g
Trần bì	4g
Cam thảo	2g
Sinh khương	2g
Đại táo	2 quả

Chủ trị:

Trẻ em ho khạc đờm loãng, mũi ngạt, họng khô, đầu hơi đau, sợ lạnh không ra mồ hôi, miệng không khát, rêu lưỡi trắng, mạch huyền.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

243. TANG CÚC ẨM

Tang diệp	12g
Cúc hoa	8g
Liên kiều	8g
Bạc hà	6g
Ngưu bàng tử	8g
Cát cánh	8g
Tiền hồ	6g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Trẻ em ho, nóng sốt không cao (ôn bệnh thời kỳ sơ khởi).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày. Uống lúc thuốc còn ấm.

Ngày uống 1 thang.

244. NHỊ TRẦN THANG

Trần bì	4g
Bán hạ chế	4g
Phục linh	6g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Trẻ em ho khạc do thấp đờm: Đờm nhiều dễ khạc, ngực hoành bĩ tắc khó chịu buồn nôn, nôn, chân tay mỏi hoặc đầu choáng váng, tim hồi hộp, rêu lưỡi trắng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước thêm một quả Ô mai và 5 lát Gừng tươi sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 3 - 4 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

245. MA HẠNH XẠ CAN THANG

Ma hoàng	4g
Hạnh nhân	12g
Xạ can	6g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Trẻ em 2 - 3 tuổi hen sữa: Cơn khó thở đột ngột xảy ra về đêm, trẻ khó thở cả 2 thì, có co kéo cơ ức và ho từng cơn có đờm; trẻ nhỏ có thể bị sốt cao, cơn hen kéo dài vài giờ khỏi nhanh, sau đó trẻ trở lại ăn uống bình thường. Trường hợp hen nặng có nhiều cơn khó thở nối tiếp trong nhiều ngày (thể khó thở đột ngột). Hoặc không có cơn khó thở đột ngột, trẻ hắt hơi, sổ mũi, ho có đờm dãi, sốt nhẹ, có thể kéo dài 1 - 2 tuần (thể hen phế quản).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 3 - 4 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Bệnh nhi lên cơn suyễn, mệt gia thêm:

Bạch giới tử	4g
Đình lịch tử	6g
Tô tử	12g

- Bệnh nhi đàm nhiều gia thêm:

Hậu phác	4g
Bán hạ	12g

- Bệnh nhi bệnh lâu ngày cơ thể yếu, tay chân lạnh nên kết hợp uống thêm *Thận khí hoàn*:

THẬN KHÍ HOÀN

Sinh địa	32g
Sơn thù	16g
Hoài sơn	16g
Đan bì	12g
Phục linh	12g
Trạch tả	12g
Phụ tử chế	4g
Quế chi	4g

Các vị sấy khô giòn tán bột mịn luyện mật làm hoàn bằng hạt đậu xanh.

Trẻ em tuỳ tuổi dùng liều lượng cho thích hợp.

Ngày uống 2 lần: sáng, chiều.

246. ĐỊNH SUYỄN THANG

Bạch quả (đập bỏ vỏ và màng nhân)	3 quả
Khoản đông hoa	6g
Hoàng cầm	12g
Bán hạ chế	6g
Ma hoàng	4g
Tô tử	8g
Tang diệp	8g
Cam thảo	4g
Sinh khương	2g

Chủ trị:

Trẻ em hen sữa.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 3 - 4 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Bệnh nhi đờm ủng nhiều, suyễn nghịch, thở dốc, rút vai thót bụng gia thêm:

Đình lịch tử	8g
La bạc tử	8g
Tang bạch bì (sao mật)	12g

247. BÌNH CAN KIỆN TỲ THANG

Lá Chanh	6g
Thanh bì	6g
Cam thảo dây	8g
Ý dĩ (sao)	12g
Mạch nha	12g
Bông mã đề	6g
Hoắc hương	6g

Chủ trị:

Trẻ em ỉa phân xanh kéo dài do ăn uống.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 3 - 4 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Tuỳ tuổi trẻ em mà tăng giảm liều lượng.

248. NGÂN HẠ KÉ BỒ THANG

Kim ngân hoa	10g
Hạ khô thảo	10g
Ké đầu ngựa	12g
Bồ công anh	12g
Cỏ Màn chầu	12g
Vòi voi	12g
Kinh giới	10g
Cam thảo đất	10g

Chủ trị:

Chàm ngoài da trẻ em do thấp nhiệt và thai độc: thường phát ở hai má hay hai bắp chân, lúc đầu mọc lên những mụn đỏ lăn tăn, ngứa cương nước rồi vỡ ra, nước chẩy đến đâu bệnh lan đến đấy. Nhiều khi rửa nước nấu các thứ lá đắng sát khuẩn thì vết chàm khô đi và khỏi nhưng trẻ lại sinh phát nóng và ỉa chảy; chàm phát ra thì nóng và ỉa chảy lại giảm hoặc hết.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lầntrong ngày.

Tuỳ tuổi trẻ em mà tăng giảm liều lượng thích hợp.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp bên ngoài dùng bài sau:

Lá khổ sâm	80g
Lá Kim ngân	80g
Sã sàng tử	40g
Thạch xương bồ	12g
Vỏ núc nác	80g
Cúc hoa	40g

Các vị cho nấu lấy nước đặc để nguội hơi nóng tắm hay rửa cho bệnh nhị.

249. CÔNG ANH SÀI ĐẤT THANG

Bồ công anh	20g
Sài đất	100g
Cỏ Màn chầu	20g
Thương nhĩ tử	20g
Cam thảo đất	20g

Chủ trị:

Chàm ngoài da trẻ em do thấp nhiệt và thai độc.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200 ml nước thuốc, chia uống 3-4 lần trong ngày. Tuỳ tuổi trẻ mà tăng hay giảm liều lượng thích hợp.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp bên ngoài dùng:

Vỏ núc nác	40g
Nghệ vàng (Khương hoàng)	20g

Hai vị sấy khô tán bột mịn trộn dầu Vừng sền sệt; rửa sạch vết chàm (để se) lấy bông vô khuẩn tẩm thuốc bôi vào vết chàm.

250. TỬ TÔ THÔNG BẠCH THANG

Tô diệp	20g
Thông bạch (Hành)	12g
Gừng tươi	12g
Cam thảo đất	12g
Lá Chanh	10g
Lá Tre	8g

Chủ trị:

Trẻ em phù thũng thời kỳ 1 (Dương thuỷ): Mặt mắt và chi trên phù trước, rồi dần dần phù

toàn thân, các đốt xương đau nhức hoặc có sốt, có rét và ho, rêu lưỡi trắng trơn, mạch phù (bệnh còn ở phần biểu).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần, uống lúc thuốc còn nóng. Sau khi uống chùm chăn cho bệnh nhi cho ra mồ hôi đều.

Khi ra mồ hôi đều rồi, mở chăn lau khô mồ hôi, cho bé nằm nghỉ tránh gió lùa. Cho bé uống tiếp lần thứ 2 không cần chùm chăn cho ra mồ hôi nữa (nếu uống lần 1 mà mồ hôi chưa ra hoặc ra ít thì uống lần 2 lại chùm chăn cho ra mồ hôi tiếp).

251. THÔNG DƯƠNG LỢI THUỶ THANG

Trần bì (sao kỹ)	12g
Tang bạch bì (tẩm mật, sao vàng)	16g
Đại phúc bì	16g
Ngũ gia bì (sao vàng)	20g
Khương bì	10g
Quế chi	8g
Bông má đề	12g

Chủ trị:

Trẻ em toàn thân và tay chân đều phù thũng: ấn ngón tay vào lún xuống khá sâu, tiểu tiện sẻn ít, không sợ gió, không đau các khớp xương, không khát nước, rêu lưỡi trắng mỏng và nhợt, mạch phù.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế, cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày, uống lúc đói.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn

252. TRỤC THUỶ THÔNG LỢI THANG

Dây Hắc sửu (Bìm bìm) sao vàng	10g
Vỏ Sòi tía sao vàng	16g
Trần bì	12g
Vỏ Bưởi đào	12g
Râu Ngô	12g
Ngấy hương (Đùm đũm)	12g
Xích tiểu đậu (Đậu đỏ nhỏ hột) sao	12g
Rễ Chanh	12g

Chủ trị:

Trẻ em toàn thân phù căng thấp nhiệt uất kết ở trong: Bụng trướng, khát nhưng không thích uống nước nóng, tiểu tiện ít và đỏ, đại tiện hơi táo bón, bụng đầy, ngực tức, nóng phiền không khoan khoái, rêu lưỡi vàng nhợt, mạch nhu sác hữu lực.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế cho vào 600ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc chia uống 3 lần, uống khi đói và trước khi đi ngủ.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn.

253. BỘT TRỤC THUỶ PHÂN LỢI

Đình lịch tử	2g
Hắc sửu	6g
Diêm tiêu	2g
Đại hồi	4g
Quế	4g

Chủ trị:

Trẻ em phù thũng giai đoạn 2: Bệnh dai dẳng lâu ngày không khỏi, bệnh tình luôn luôn biến đổi không cố định: Khi thũng cục bộ, khi toàn thân, khi nặng khi nhẹ, lượng nước tiểu rất ít khi trắng khi vàng; khi ăn uống tốt khi không ăn được; rêu lưỡi trắng mỏng; mạch huyền nhu hoặc huyền sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi sấy khô tán bột mịn chia uống 2 lần trong ngày.

Chú ý:

Sau khi bệnh nhi hết phù dùng thêm bài sau uống xen kẽ với bột trục thuỷ phân lợi (Bài 253).

Ý dĩ (sao vàng)	30g
Hoài sơn (sao chín)	20g

Biển đậu (sao chín)	20g
Xích tiểu đậu (sao chín)	20g
Bông mã đề (hoa)	12g
Can khương	12g
Đại hồi	12g
Đăng tâm	4g
Nhục quế	6g

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày trước khi ăn và trước khi đi ngủ.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn.

254. TIÊU THŨNG ÔN BỔ TỲ THẬN THANG

Xích tiểu đậu (sao chín)	20g
Thổ phục linh	16g
Tỳ giải	16g
Bông mã đề (hoa)	12g
Hắc đậu (sao chín)	20g
Hoài sơn (sao)	16g
Khiếm thực (sao)	16g
Khiếm thực (sao)	16g
Ngưu tất	12g
Can khương	16g
Đại hồi	10g
Tiểu hồi	12g
Nhục quế	8g

Chủ trị:

Trẻ em phù thũng giai đoạn 2 dai dẳng lâu ngày không khỏi tái đi tái lại, bệnh tình luôn luôn biến đổi, khi nặng khi nhẹ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày, uống trước khi ăn và trước khi đi ngủ.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn.

255. LỘC GIÁC TÁN

Sừng Nai (lùi)	120g
Hoài sơn (sao chín)	80g
Khiếm thực (sao chín)	80g
Liên nhục (sao chín)	80g
Dây Tơ hồng (sao vàng)	100g
Nhục quế	40g
Tiểu hồi	40g
Bông mã đề (hoa)	30g

Chủ trị:

Trẻ em phù thũng giai đoạn 2.

Cách dùng, liều lượng:

Sừng Nai cắt ra từng đoạn ngắn 6 - 8 phân, cạo rửa sạch vỏ đen ở ngoài, bọc vào cám nếp ướt dày 2 - 3 phân cho vào lò than hồng nướng 40 phút đến 1 giờ, lấy ra bỏ cám lấy sừng tán bột mịn.

Các vị khác sao chế, phơi khô tán bột mịn, trộn đều với bột sừng Nai, luyện mật ong (đã cô thành châu) làm hoàn 2g.

Trẻ em tuỳ tuổi mỗi lần uống 10 - 30g, ngày uống 3 lần, uống khi đói và trước khi đi ngủ.

Chú ý:

Nếu bệnh nhi tiểu tiện còn ít thi dùng:

Đăng tâm	20g

Nấu lấy nước làm thang uống với thuốc.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn.

256. THỤC TIỀN QUẾ PHỤ HOÀN

Thục địa	120g
Liên tiền thảo	100g
Nhục quế	20g
Phụ tử chế	16g
Hoài sơn (sao vàng)	60g
Tỳ giải	40g
Thổ phục linh	40g
Khiếm thực (sao)	60g
Hoa Mã đề	40g
Rễ Cỏ xước	30g

Vỏ bông trang	
(hoa mẫu đơn) sao	50g

Chủ trị:

Trẻ em phù thũng giai đoạn 2.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao, phơi sấy khô tán bột mịn, cho vào mật ong đã cô thành châu, luyện kỹ làm hoàn 2g.

Tuỳ tuổi trẻ mỗi lần uống từ 6 - 12g ngày uống 2 lần uống khi đói và khi đi ngủ.

257. BẢO HOÀ THANG GIA GIẢM

Sơn tra	4g
Thần khúc	4g
Bạch truật	6g
Phục linh	6g
Liên kiều	4g
Trần bì	4g

Chủ trị:

Trẻ em nôn ói sữa.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống nhiều lần. Uống lúc thuốc còn nóng.

Ngày uống 1 thang.

258. TIÊU NHŨ HOÁ TÍCH THANG

Hương phụ	4g
Mạch nha	8g
Thần khúc	4g
Trần bì	4g
Sa nhân	6g
Cam thảo chích	3g

Chủ trị:

Trẻ em ói sữa.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống nhiều lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

259. ĐINH DU LÝ TRUNG THANG

Nhân sâm	8g
Bạch truật	6g
Can khương	2g
Cam thảo chích	2g
Đinh hương	3g
Ngô thù du	4g
Đại táo	2 quả

Chủ trị:

Trẻ em nôn, ói sữa.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống nhiều lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

260. KHU PHONG THÔNG KHIẾU GIẢI CƠ THANG

Cát căn	8g
Bùi tía (vỏ Dụt)	6g
Bán hạ (sao gừng)	6g
Xương bồ	4g
Tía tô	6g
Bạc hà	8g
Câu đằng	8g

Chủ trị:

Trẻ em cấp kinh phong sốt cao không có mồ hôi (do cảm nhiễm phong hàn).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia mỗi lần 10ml, cách 1 giờ cho uống 1 lần.

261. KHU PHONG THÔNG KHIẾU GIẢI CƠ THANG

Câu đằng	8g
Bạc hà	8g
Quế chi	2g
Thiên hoa phấn	10g

Cỏ Màn chầu	10g
Rau Má	12g

Chủ trị:

Trẻ em cấp kinh phong sốt cao có mồ hôi (phong nhiều hàn ít).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống mỗi lần 10ml. Cách 1 giờ cho uống 1 lần.

262. TIÊU TÍCH TỨC PHONG THANG

Sơn tra	6g
Thần khúc	4g
Bán hạ	4g
Trần bì	4g
La bạc tử	6g
Bạc hà	4g
Thuyền thoái	4g
Câu đằng	6g
Bạch cương tằm	4g
Thổ phục linh	8g

Chủ trị:

Trẻ em cấp kinh phong ăn uống không tiêu đờm hoả uất kết.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống mỗi lần 10ml. Cách 1 giờ cho uống 1 lần.

263. TRẤN KINH AN THẦN THANG

Hoài sơn (sao)	12g
Mạch môn	10g
Xương bồ	6g
Bán hạ chế	8g
Táo nhân (sao)	10g
Cam thảo dây	10g
Chu sa (thuỷ phi để riêng)	2g

Chủ trị:

Trẻ em cấp kinh phong té ngã đột ngột (kinh sợ).

Chu sa để riêng.

Các vị khác cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống mỗi lần 10ml và 0,2g (1/10) bột Chu sa, quấy đều cho bệnh nhi uống. Cách 1 giờ uống 1 lần.

264. MẠCH MÔN SINH ĐỊA CHI TỬ THANG

Mạch môn	12g
Sinh địa	12g
Chi tử	10g
Lá Tre	16g
Lá Vông	12g
Câu đằng	8g
Vỏ Núc nác	10g

Chủ trị:

Trẻ em cấp kinh phong có các triệu chứng: Mê sảng, co giật, trằn trọc, rêu lưỡi vàng xám, chất lưỡi đỏ ửng hoặc có gai (phong hàn đã chuyển thành nhiệt độc, hoả độc).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống mỗi lần 10ml. Cách 1 giờ uống 1 lần.

265. ÍCH KHÍ DƯỠNG ÂM THANG

Củ Đinh lăng lá nhỏ (sao gừng)	12g
Thục địa	12g
Miết giáp (tẩm giấm sao giòn)	12g
Thạch hộc	10g
Mạch môn (sao vàng)	8g
Ba kích	8g
Xương bồ	8g
Nhục quế (để riêng)	4g

Chủ trị:

Trẻ em mạn kinh phong: hôn mê, co giật như chứng cấp kinh ra còn có hiện tượng tinh thần mệt mỏi, hay ngủ, sắc mặt trắng bệch hay vàng héo, nhiệt độ cơ thể xuống thấp, tay chân giá lạnh, thở nhỏ và yếu, thóp lõm xuống mắt nhắm, đầu lắc, mạch trầm tế vô lực.

Cách dùng, liều lượng:

Nhục quế gọt bỏ hết vỏ, tán bột mịn để riêng.

Các vị khác sao, tẩm sao cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia mỗi lần 30 - 40ml cho thêm 0,20g bột quế quấy đều uống. Các 2 giờ cho trẻ uống 1 lần.

266. BỘT ÔN TỲ KIỆN VỊ

Củ Đinh lăng lá nhỏ (sao gừng)	12g
Phục long can (đất giữa lòng bếp)	16g
Can khương (sao qua)	10g
Đinh hương	2g
Hồ tiêu	2g
Nhục quế (gọt bỏ vỏ)	4g

Chủ trị:

Trẻ em mắc chứng mạn kinh phong.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi sấy khô tán bột mịn.

Mỗi lần uống 2 - 4g, ngày uống 2 - 3 lần.

Tuỳ trẻ lớn, nhỏ mà tăng giảm liều lượng thích hợp.

267. CÁT CĂN THANG GIA GIẢM

Cát căn	12g
Ma hoàng	4g
Phòng phong	6g
Thiên ma	6g
Bạc hà	6g
Câu đằng	12g

Chủ trị:

Trẻ em mắc chứng cấp kinh phong.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống mỗi lần 10ml.

Cách 1 giờ cho uống 1 lần.

268. NGÂN KIỀU TÁN

Kim ngân hoa	4g
Liên liều	4g
Ngưu bàng tử	3g
Bạc hà	3g
Cát cánh	3g
Đậu sị	2g
Trúc diệp	2g
Kinh giới	2g
Cam thảo	2g

Chủ trị:

Trẻ em mắc bệnh truyền nhiễm giai đoạn đầu (ôn bệnh thời kỳ sơ khởi): Phát sốt không có mồ hôi hoặc mồ hôi ra ít, hơi sợ gió, sợ lạnh, đau đầu, khát, ho đau họng, đầu lưỡi đỏ, rêu lưỡi trắng hoặc hơi vàng, mạch phù sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Nếu bệnh nhi có chảy máu cam thì bỏ kinh giới, đậu sị gia thêm:

Sinh địa	6g
Đan bì	4g

hoặc:

Bạch mao căn	6g
Trắc bách diệp	4g

- Nếu bệnh nhi khát nhiều gia thêm:

Thiên hoa phấn	6g

- Nếu bệnh nhi họng sưng đau gia thêm:

Huyền sâm	4g

- Nếu bệnh nhi ho nhiều gia thêm:

Hạnh nhân	4g

- Nếu bệnh nhi sốt hao tổn âm gia thêm:

Sinh địa	6g
Mạch môn	4g

- Nếu bệnh nhi sốt nóng nhiều nước tiểu ít gia thêm:

Chi tử	6g
Tri mẫu	4g
Hoàng bá	4g
Sinh địa	6g
Mạch môn	4g

269. CHI TỬ ĐẬU SỊ THANG

Chi tử	12g
Đạm đậu sị	12g
Ngưu bàng	5g
Bạc hà	5g
Thiên hoa phấn	5g
Hoàng cầm	5g

Chủ trị:

Trẻ em sốt cao, lưỡi đỏ, đau nhói lồng ngực, khát, hồi hộp vật vã, nằm ngủ không yên, tinh thần hôn mê, nói nhảm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống mỗi lần 10ml, cách 1 giờ cho uống 1 lần.

Ngày uống 1 thang.

270. LIÊN CẦM GIAO THƯỢC HẠN LIÊN THANG

Hoàng liên	16g
Hoàng cầm	16g
A giao	12g
Bạch thược	12g
Hạn liên thảo	12g

Chủ trị:

Trẻ em thường sốt cao vào buổi trưa, táo bón, môi khô, khát nước chảy máu cam hoặc chảy máu dưới da, chảy máu giác mạc, mạch nhanh (táo chứng).

Cách dùng, liều lượng:

A giao để riêng.

Các vị còn lại cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, cho A giao vào đun quấy tan chia uống mỗi lần 30 - 40ml, cách 2 giờ uống 1 lần.

Ngày uống 1 thang.

271. THANH NHIỆT HOÁ THẤP THANG

Lá Sen	16g
Lá Tre	12g
Lá Dâu	12g
Huyền sâm	12g
Lá cối xay	8g
Lá Mã đề	8g
Cỏ Mực	8g
Mạch môn	8g

Chủ trị:

Trẻ em sốt nóng nặng về chiều, ăn uống chậm tiêu, nôn ói, tiêu chảy, rêu lưỡi hoạt nhuận, mạch hoãn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 3 - 4 lần trong ngày, uống lúc thuốc còn ấm.

Ngày uống 1 thang.

272. TƯ ÂM DƯỠNG CAN TỨC PHONG THANG

Sài hồ	12g
Hoàng cầm	12g
Huyền sâm	12g
Phòng đảng sâm	16g
Cỏ Mực	12g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Trẻ em sốt, mặt đỏ, lòng bàn tay bàn chân nóng, miệng khô lưỡi đỏ, tiểu tiện đỏ ít, tâm phiền (chứng nhiệt do tân dịch khô, thận thuỷ suy).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước thuốc, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3-4 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

273. THANG HÀ SINH GIA GIẢM

Bố chính sâm (sao vàng)	20g
Hà thủ ô chế	16g
Sinh địa	16g
Xích tiểu đậu	12g
Hoài sơn (sao vàng)	12g

Biển đậu (sao vàng)	8g
Rễ Vú bò (tẩm mật sao)	12g
Trần bì	6g

Chủ trị:

Bổ tỳ tư âm, dùng trong các trường hợp ôn bệnh, các triệu chứng lui dần, bệnh nhi tỉnh táo hơn, đi tiểu nhiều lưỡi khô.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 - 4 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

274. HOẮC HƯƠNG TRẦN BÌ THANG

Hoắc hương	40g
Trần bì (cạo hết cùi trắng sao)	20g

Chủ trị:

Trẻ em ỉa mửa dữ dội, lúc đầu có ra ít phân, sau ra toàn nước như gạo, mùi không hôi lắm, chân tay lạnh, ngực tức, rêu lưỡi trắng, mạch hoãn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 350ml nước, sắc lấy 120ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

275. ÔN TRUNG TÁN HÀN TRỪ THẤP TÁN

Can khương	12g
Trần bì (sao thơm)	12g
Bạch biển đậu (sao vàng)	40g
Sa nhân (sao)	20g
Hoắc hương (sao)	20g

Chủ trị:

Trẻ em ỉa mửa dữ dội (thổ tả thể hàn) thuộc hàn chứng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế giòn, tán bột mịn.

Trẻ em tuỳ tuổi, mỗi lần uống 2 - 6g hoà vào nước sôi, quấy đều để lắng trong 10 phút, gạn lấy nước thuốc trong cho trẻ uống.

276. THANH NHIỆT HOÁ THẤP THANG

Cát căn	40g
Rau Má tươi	40g
Gừng tươi	4g
Trúc nhự	20g
Gạo tẻ (sao vàng)	30g

Chủ trị:

Trẻ em thổ tả thể nhiệt kèm phát nóng, đau đầu khát nước, nước tiểu vàng, rêu lưỡi vàng, mạch nhu sác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc.

Trẻ em tuỳ tuổi chia uống 3 - 4 lần, cách 2 giờ uống 1 lần.

Ngày uống 1 thang.

277. TRÚC NHỰ HOẮC HƯƠNG THANG

Trúc nhự	30g
Hoắc hương	12g
Lá Tre	20g
Gừng tươi	4g

Chủ trị:

Trẻ em thổ tả thể nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc,chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

278. THỰC DIÊM THANG

Muối ăn	40g

Chủ trị:

Trẻ em đau bụng xoắn, muốn mửa (ói) không mửa được; muốn ỉa không ỉa được, vật vã, sắc mặt xanh xám, tay chân lạnh, trên đầu vã mồ hôi, mạch trầm phục, bệnh rất nguy cấp.

Cách dùng, liều lượng:

Cho muối vào rang, đun lửa từ từ cho đến khi nổ hết, cho vào một cái bát thêm 200ml nước chín, quấy tan hết muối.

Trẻ em tuỳ tuổi mỗi lần uống 15 - 25ml.

Uống vào nếu mửa, ỉa được thì thôi, nếu chưa mửa ỉa được thì uống thêm một lần nữa.

Chú ý gia giảm:

- Trường hợp uống thuốc rồi mà bệnh nhi thổ tả nhiều không cầm được thì uống các vị sau (để cầm lại):

Hoắc hương	40g
Hậu phác (sao thơm)	20g
Trần bì (sao thơm)	20g
Nam mộc hương (vỏ Dụt)	30g

Các vị cho vào 600ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 - 4 lần.

- Nếu bệnh nhi có xuất hiện chứng hàn gia thêm:

Can khương	12g

- Nếu bệnh nhi mửa ỉa nhiều mất nước sinh chuột rút thì dùng:

Mộc qua	12g

Sắc với 200ml nước, sắc lấy 100ml cho bệnh nhi uống.

279. TÂN ÔN TUYÊN PHẾ THANG

Lá Tử tô	12g
Lá Hẹ	8g
Lá Xương sông	8g
Vỏ Quýt	10g
Cam thảo dây	10g
Gừng tươi	2g

Chủ trị:

Trẻ em ho gà thuộc thể phế hàn: Ho từng cơn dài từ ít đến nhiều, ban đêm ho nhiều hơn, kèm theo các chứng: ngạt mũi, chảy nước mũi, ho như ho cảm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 3 - 4 lần, uống xa bữa ăn và trước khi đi ngủ. Uống lúc thuốc còn ấm.

Ngày uống 1 thang.

280. TUYÊN PHẾ TIẾT NHIỆT THANG

Bách Bộ (tẩm mật sao)	25g
Cỏ Mực	25g
Rễ Cỏ tranh	25g
Cỏ Màn chầu	25g
Rau Má	25g
Mơ Tam thể	15g
Cam thảo dây	15g
Trần bì	10g
Gừng tươi	5g

Chủ trị:

Trẻ em ho gà thể phế nhiệt: Cơn ho phát lên ho kịch liệt, phải ói mửa ra hết đờm dãi hoặc thức ăn mới thư nhẹ, ho nặng quá thì mặt đỏ bừng, mắt đỏ, hoặc ho ra máu lẫn trong đờm, chảy máu ở khoé mắt, hoặc chảy máu mũi; rêu lưỡi vàng mỏng hoặc vàng bóng, chất lưỡi đỏ, dưới lưỡi có thể có những vết lở.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống mỗi lần 10 - 20ml, cách 1 giờ cho uống 1 lần.

Ngày uống 1 thang.

281. THANH KIM DƯỠNG PHẾ THANG

Tang bạch bì (tẩm mật, sao vàng)	12g
Sa sâm	20g
Bách bộ (tẩm mật, sao)	12g
Thiên môn (sao)	16g
Mạch môn (sao)	16g

Chủ trị:

Trẻ em ho gà thể phế hư: Cơn ho từ nặng giảm xuống nhẹ (từ ho nhiều đến ho ít) tiếng rít khí trong cổ nghe không rõ rệt nữa; người mỏi mệt thỉnh thoảng có sốt cao, hơi ngắn, tiếng nói yếu, dễ ra mồ hôi hoặc có khát nước, rêu lưỡi sạch mỏng, chất lưỡi đỏ hoặc nhợt nhạt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống mỗi lan 20 - 40ml, uống lúc đói và trước khi đi ngủ.

Ngày uống 1 thang.

282. BÁN HẠ TRỪ ĐỜM TÁN

Bán hạ chế	40g
Mật lợn	1 cái

Chủ trị:

Trẻ em bị bạch hầu.

Cách dùng, liều lượng:

Bán hạ tẩm với mật lợn, ủ trong 30 phút, rồi sao thật vàng tán bột mịn.

Mỗi lần uống 1g, hoà vào nước chín.

Ngày uống 3 lần.

283. DƯỠNG ÂM THANH PHẾ THANG GIA GIẢM

Sinh địa	16g
Mạch môn	12g
Huyền sâm	12g
Ngưu tất	12g
Sơn đậu căn	12g
Ngưu bàng tử	10g
Bạc hà	4g

Chủ trị:

Trẻ em bị bạch hầu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống mỗi lần 30 - 40ml.

Ngày uống 1 thang.

284. NGÂN HOA TANG DIỆP THANG

Ngân hoa	12g
Tang diệp	12g
Bạc hà	10g
Cam thảo đất	10g
Lô căn (rễ Lau)	10g
Lá Tre	16g
Cúc hoa	8g
Kinh giới	6g

Chủ trị:

Trẻ em lên thuỷ đậu: Đậu như hạt chay, sáng bóng hoàn toàn thủy bào, chung quanh đỏ phơn phớt, màu không rõ rệt, mọc thưa, ngứa nhiều, sau 2 - 3 ngày lần lượt khô xẹp xuống. Bệnh nhi sốt nhẹ, hoặc không sốt, hoặc có ho nhẹ, chảy nước mũi, ăn uống và tinh thần bình thường.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 700ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống nhiều lần, mỗi lần uống 30 - 40ml, cách 4 - 5 giờ cho uống một lần.

Chú ý:

Nếu bệnh nhi không phát nóng, mụn đậu thưa ít, ăn ngủ, đái ỉa, tinh thần bình thường có thể không cần uống thuốc, chỉ kiêng gió, nước lạnh và săn sóc tốt bệnh sẽ hết.

285. GIẢI CƠ TIẾT NHIỆT THANG

Ngân hoa	12g
Lá Tre	16g
Giấp cá	16g
Cam thảo đất	12g
Chi tử	8g
Hoa kinh giới	8g
Bạc hà	8g

Chủ trị:

Trẻ em lên thuỷ đậu mới bắt đầu mọc 1 - 2 ngày: Có sốt cao, buồn phiền, khát nước, mặt đỏ, môi đỏ, miệng lưỡi sưng loét tiểu tiện ít và đỏ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống nhiều lần, mỗi lần uống 30 - 40ml cách 2 - 3 giờ cho uống một lần.

Ngày uống 1 thang.

286. DINH HUYẾT GIẢI ĐỘC THANG

Ngân hoa	12g
Lục đậu bì (vỏ Đậu xanh)	12g
Sinh địa	12g
Lá Tre	16g
Cam thảo dây	12g
Lô căn (rễ Lau)	8g
Hoàng đằng	8g
Mẫu đơn bì	8g

Chủ trị:

Trẻ em lên thuỷ đậu mọc đã được 3 - 4 ngày, nốt đậu đỏ hồng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống nhiều lần, mỗi lần uống30 - 40ml, cách 2 - 3 giờ uống 1 lần.

Ngày uống 1 thang.

287. TRỪ PHONG THANH NHIỆT TIÊU ĐỘC THANG

Kinh giới	12g
Kim ngân	16g
Chỉ thiên	12g
Sài đất	22g
Cây Lức (Nam sài hồ)	12g
Thổ phục linh	12g
Bạc hà	8g
Chỉ xác	8g
Cam thảo đất	8g

Chủ trị:

Trẻ em lên quai bị: Bệnh nhi thấy khó chịu, gai gai rét, nhai nuốt ngượng và đau ở trước tai, rồi vùng tuyến mang tai, sưng đau một bên hoặc cả hai bên tai. Sưng đau nhưng không đỏ tấy ấn không lõm, không hoá mủ; họng hơi đỏ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống mỗi lần 50 - 100ml.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp dùng:

Hạt gấc (bỏ vỏ cứng) giã dập	50g
Giấm thanh	20ml

Hai vị trộn đều sền sệt, bôi lên vùng bị sưng đau nhiều lần trong ngày.

288. SƠ BIỂU THANH NHIỆT GIẢI ĐỘC THANG

Liên kiều	4g
Mạch môn	4g
Hương nhu	4g
Trúc diệp	4g
Thạch cao	5g
Liên diệp tươi	10g
Sài đất	10g
Cam thảo	1g

Chủ trị:

Trẻ em sốt xuất huyết giai đoạn 1 (bệnh còn thuộc biểu chứng):

Sốt cao, sợ nóng lạnh, không ra mồ hôi hoặc có ra ít, nhức đầu choáng váng, đau mình, mệt mỏi, khát nước, đại tiện khó hoặc táo, hoặc nôn hoặc đau bụng; Rêu lưỡi trắng hay vàng, chất lưỡi trơn (tân dịch bắt đầu bị thương tổn).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 - 4 lần trong ngày (cách nhau 2 giờ uống 1 lần).

Ngày uống 1 thang.

Nếu người lớn uống thang này tăng liều lượng lên 3 - 4 lần.

Chú ý gia giảm:

- Nếu bệnh nhi khát nước gia thêm:

Huyền sâm	4g
Sinh địa	6g

- Nếu bệnh nhi sốt cao gia thêm:

Tri mẫu	4g

289. THANH NHIỆT GIẢI ĐỘC CHỈ HUYẾT THANG

Lá Tre	6g
Hạ khô thảo	6g
Cỏ Nhọ nồi	5g
Rễ Cỏ tranh	5g
Trắc bách diệp	5g
Kim ngân hoa	6g

Chủ trị:

Trẻ em sốt xuất huyết giai đoạn 2: Nhiệt quá hoá táo (làm mất nước cơ thể) huyết dịch bị tổn thương (thần kinh bị nhiễm độc) gây ra chứng mê sảng, hoảng hốt, lưỡi khô, mạch phù xác, bắt đầu có hiện tượng xuất huyết.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần mỗi lần cách nhau 1 - 2 giờ.

Ngày uống 1 thang.

Người lớn uống thang này tăng liều lượng lên 3, 4 lần.

290. BỔ KHÍ SINH TÂN THANG

Nhân sâm	4g
Ngũ vị tử	4g
Mạch môn	4g
Long cốt	4g
Thục địa	5g
Mẫu lệ nung	10g
Phụ tử chế	6g

Chủ trị:

Trẻ em sốt xuất huyết giai đoạn 3: Trẻ đang sốt cao hoặc sốt giảm phần nào đột nhiên nhiệt độ cơ thể hạ thấp, huyết áp tụt, mạch nhanh, người mệt mỏi, vã mồ hôi, vật vã, chất lưỡi đỏ, mạch trầm tế sác. Đó là chứng vong dương âm kiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

291. THANH ÔN BẠI ĐỘC THANG GIA GIẢM

Thạch cao sống (giã dập)	40g
Bội lan	8g
Đơn bì	12g
Sinh địa	12g
Thiên trúc hoàng	12g
Liên kiều	16g
Lá Tre	16g
Sừng Trâu (tán bột mịn để riêng)	40g

Chủ trị:

Viêm não vi rút Nhật bản B.

Cách dùng, liều lượng:

Cho thạch cao vào 600ml nước, sắc sôi trong 15 - 20 phút sau đó cho các vị khác vào sắc cùng, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 4 lần, mỗi lần uống hoà thêm vào nước thuốc 10g bột sừng Trâu.

Ngày uống 1 thang.

292. NỌC SỞI THANG

Lá nọc sởi tươi	40g

Chủ trị:

Sởi thời kỳ khởi phát, thúc cho sởi mọc nhanh đều (từ khi phát nóng đến ngày sởi mọc khoảng 3 - 5 ngày): Bắt đầu ho, phát sốt ngạt mũi chảy nước mũi, hắt hơi chảy nước mắt, mỏi mệt, buồn ngủ, thân nhiệt cao dần, rêu lưỡi trắng mỏng hoặc hơi vàng đồng thời ăn kém đại tiện loãng.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Nọc sởi rửa sạch cho vào 300ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống nhiều lần thay nước uống trong ngày.

293. RAU DỆU GIẤP CÁ THANG

Rau Dệu tươi	16g
Lá Giấp cá tươi	16g
Đậu Cọc rào tươi	12g
Cam thảo đất tươi	12g

Chủ trị:

Sởi thời kỳ khởi phát: Làm cho nọc sởi thoát ra ngoài, sởi mọc nhanh, đều.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, mỗi lần uống 20 -30ml, cách 3 giờ uống một lần.

294. THANH NHIỆT GIẢI ĐỘC THANG

Sa sâm	12g
Mạch môn	12g
Kim ngân hoa	16g
Sài đất	16g
Cát căn	12g

Lá Tre	20g
Cam thảo đất	12g

Chủ trị:

Sởi thời kỳ mọc (từ khi bắt đầu mọc đến khi mọc đều khắp người) bệnh nhi nóng nhiều hơn, buồn phiền, khát nước, ho nặng hơn, ỉa chảy, màu sởi đỏ sẫm, rêu lưỡi vàng nhớt, chất lưỡi đỏ bệnh nặng hơn nữa thì lưỡi khô.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống mỗi lần 30 - 40ml cách 2 giờ cho uống 1 lần.

295. BỔ TỲ NHUẬN TÂM PHẾ DƯỠNG ÂM THANG

Nam sa sâm	12g
Hoàng tinh chế	16g
Liên nhục (sao vàng)	12g
Hoài sơn (sao vàng)	6g
Lá Dâu non	12g
Xích tiểu đậu	12g
Mạch môn	8g
Củ Sả	8g
Cam thảo dây	8g

Chủ trị:

Sởi thời kỳ bay, xuất hiện các hiện tượng như: Gò má đỏ, nóng cơn, ho ít đờm, ra mồ hôi trộm, rêu lưỡi nhuận sáng chất lưỡi đỏ khô, mạch tế sác (đó là nhiệt độc của sởi còn sót lại làm cho hao tổn tân dịch).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống mỗi lần 30 - 50ml, cách 2 giờ uống 1 lần.

296. LIÊN TIỀN MÃ XỈ THANG

Liên tiền thảo (rau Má)	20g
Mã xỉ hiện (rau Sam)	16g
Lá Mơ	12g
Cỏ Phượng vĩ	12g
Cỏ Nhọ nồi	12g
Vỏ Núc nác	12g
Cam thảo dây	8g

Chủ trị:

Sau khi sởi bay có biến chứng lỵ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc chia uống 2 - 3 lần trong ngày. Ngày uống 1 thang.

297. TANG BÌ MẠCH MÔN BÁCH BỘ THANG

Tang bạch bì (tẩm mật sao)	16g
Mạch môn	12g
Bách bộ (tẩm mật, sao)	8g
Lá Chanh	6g
Lá Táo	8g
Cam thảo dây	8g

Chủ trị:

Sau khi sởi bay có biến chứng ho kéo dài.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

298. BÁCH BỘ HOÀN

Bách bộ (tẩm mật sao)	40g
Ma hoàng	20g
Hạnh nhân	40g

Chủ trị:

Trẻ em ho do cảm lạnh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế khô tán bột mịn, luyện với mật ong (đã cô thành châu) làm hoàn 10g.

Ngày uống 1 hoàn chia làm 2 lần. Uống với nước chín.

299. BẠCH TRẦN HOẮC KHƯƠNG THANG

Bạch đậu khấu	5g
Trần bì	5g
Hoắc hương	5g
Sinh khương	5g

Chủ trị:

Trẻ em nôn oẹ

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 250ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống mỗi lần 10ml, cách 1 giờ cho uống 1 lần.

Ngày uống 1 thang.

300. BÁN HẠ BỔ KẾT TÁN

Sinh bán hạ	4g
Bổ kết	2g

Chủ trị:

Trẻ em ngất bất tỉnh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô giòn, tán bột mịn. Mỗi lần dùng 0,5 - 1g bột thổi vào mũi.

301. TRỪ PHONG THANH NHIỆT GIẢI ĐỘC THANG

Cát căn	9g
Ngưu bàng tử	9g
Kinh giới	6g
Liên kiều	12g
Uất kim	6g
Cát cánh	6g
Cam thảo	6g

Chủ trị:

Trẻ em sởi mới phát, chưa mọc đều.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia mỗi lần uống 30-40ml, cách 2 giờ uống 1 lần.

302. NGÔ TOÀN CÁT KIM BẠCH HOÀNG THANG

Ngô công (bỏ đầu, đuôi, chân)	2 con
Toàn yết (bỏ đầu chân)	2 con
Cát căn	6g
Kim ngân hoa	5g
Bạch thược	5g
Hoàng cầm	3g
Hoàng liên	2g
Cam thảo	1g

Chủ trị:

Trẻ em viêm não tuỷ, co rút vùng lưng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống mỗi lần 20ml, các 1-2 giờ cho uống 1 lần.

Ngày uống 1 thang.

303. CHÀM MÈO THANG

Lá Chàm mèo (khô)	10g

Chủ trị:

Trẻ em sốt cao, miệng khát, khó chịu, viêm họng.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Chàm mèo cho vào 150ml nước, sắc lấy 80ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày. Khi uống hoà thêm chút đường cho dễ uống.

Ngày uống 1 thang.

304. THANH KIM THẠCH THANG

Lá Thanh đại (Chàm mèo) khô	15g
Kim ngân hoa	30g
Thạch cao sống (giã dập)	20g

Chủ trị:

Trẻ em viêm não tuỷ: sốt cao, khát nước.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống mỗi lần 40 - 50ml, cách 2 giờ cho uống một lần.

Ngày uống một thang.

305. XÍCH TIỂU ĐẬU THANG

Xích tiểu đậu	30g
Liên kiều	12g

Ma hoàng	3g
Sinh khương bì(vỏ Gừng tươi)	3g

Chủ trị:

Trẻ em viêm thận cấp, phù thũng.

Cách dùng, liều lượng :

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2-3 lần trong ngày.

Ngày uống một thang. Uống liên tục tới khi xét nghiệm thấy nước tiểu hết albumin thì thôi.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn mặn trong khi uống thuốc.

306. ĐINH HƯƠNG TRẦN BÌ THANG

Đinh hương	10 nụ
Trần bì	4g

Chủ trị:

Trẻ sơ sinh bị trớ, hay đi tướt.

Cách dùng, liều lượng:

Đinh hương, Trần bì tẩm với một chén (30ml) sữa mẹ để khoảng 10 phút, sau đó đun sôi cho trẻ uống lúc còn ấm.

307. BỘT BẠCH SA ĐINH

Bạch thuật (sao cám)	9g
Sa nhân	5g
Đinh hương	3g

Chủ trị:

Trẻ em nôn, mửa,ỉa chảy biếng ăn do tỳ vị hư hàn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao phơi khô tán bột mịn.

Tuỳ theo tuổi trẻ em mỗi lần uống từ 1 - 5g, hoà vào sữa, hoặc nước cháo hay nước chín uống.

308. HOÀNG BÁ XÍCH THƯỢC THANG

Hoàng bá	8g
Xích thược	6g

Chủ trị:

Trẻ em đi lỵ ra máu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 150ml nước, sắc lấy 50ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1thang.

309. NHÂN TRẦN CHI TỬ THANG

Nhân trần	15g
Chi tử	9g
Hoàng bá	6g
Đại hoàng	6g

Chủ trị:

Trẻ em viêm gan vi rut, hoàng đản cấp tính, bụng trướng cứng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống mỗi lần 30 - 40ml, cách 1 - 2 giờ uống một lần.

Ngày uống một thang.

310. DƯỠNG ÂM NHUẬN PHẾ THANG

Huyền sâm	15g
Sinh địa	12g
Mạch môn	4g
Cam thảo	4g
Bối mẫu	6g
Đơn bì	10g
Bạch thược	12g
Bạc hà	2g

Chủ trị:

Trẻ em bị bạch hầu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống mỗi lần 30 - 40ml cách 2 giờ uống 1 lần.

Ngày uống một thang.

311. TRỪ PHONG THANH NHIỆT GIẢI ĐỘC CHỈ KHÁI THANG

Ngưu bàng tử	12g
Kinh giới tuệ	6g

Cát căn	10g
Bạc hà	4g
Liên kiều	10g
Tiền hồ	6g
Cát cánh	6g
Hạnh nhân	10g

Chủ trị:

Thúc sởi mọc, sởi mọc đều, có ho sốt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 4 - 5 lần, cách 2 giờ uống 1 lần.

Ngày uống 1 thang.

312. THƯƠNG NHĨ ĐỊA PHU THANG

Thương nhĩ tử	6g
Địa phu tử	6g

Chủ trị:

Trẻ em ban, sởi ngứa gãi khó chịu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 200ml nước sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

313. BỘT BỔ TỲ

Đảng sâm	10g
Phục linh	10g
Khiếm thực	10g
Hoài sơn	10g
Bạch truật	10g
Ý dĩ	10g
Trần bì	10g
Thần khúc	5g
Trạch tả	5g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Trẻ em tỳ hư, tiêu hoá kém, ỉa chẩy kéo dài.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng tán bột mịn.

Tuỳ theo tuổi mỗi lần uống 2 - 8g, ngày uống 3 lần. Hoà bột thuốc vào sữa hay nước cháo cơm hay nước chín uống.

314. TIÊU CAM THANH NHIỆT THANG

Ngân sài hồ	6g
Liên kiều	10g
Đảng sâm	6g
Xuyên khung	2g
Cam thảo nướng	4g
Chi tử	6g
Hoàng cầm	6g
Cát cánh	6g
Bạc hà	2g

Chủ trị:

Trẻ em suy dinh dưỡng, gầy còm, miệng khát, sốt nhẹ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 - 4 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

315. NHÂN TRẦN CAO THANG

Nhân trần	20g
Chi tử	10g
Đại hoàng	5g

Chủ trị:

Trẻ em vàng da do viêm gan virus, đái ít, nước tiểu vàng đậm, bụng đầy, đại tiện bí.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 3 - 5 lần trong ngày, cách 2 giờ uống 1 lần.

Ngày uống 1 thang.

316. THANH NHIỆT KIỆN TỲ LỢI THẤP LỢI NIỆU THANG

Nhân trần cao	12g
Trư linh	10g
Trạch tả	10g

Phục linh	10g
Bạch truật	10g
Quế chi	5g

Chủ trị:

Viêm gan siêu vi khuẩn mạn tính, vàng da, tiểu tiện không lợi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 - 4 lần trong ngày, cách 2 giờ cho uống 1 lần.

Ngày uống 1 thang.

317. MÃ XỈ HIỆN THANG

Rau Sam tươi	50 - 100g

Chủ trị:

Trẻ em bị giun kim

Cách dùng, liều lượng:

Rau Sam rửa sạch, giã nhỏ vắt ép lấy nước cốt uống 1 lần. Uống liền 3 - 5 ngày. Uống lúc đói có thể thêm ít đường.

318. HOÀN SỬ QUÂN KEO DẬU

Bột Sử quân tử (chế)	160g
Bột Keo dậu (chế)	200g
Đường kính trắng	220g

Chủ trị:

Trẻ em có giun đũa, đau bụng.

Cách dùng, liều lượng:

Sử quân tử ngâm nước vo gạo, bóc bỏ màng, cắt bỏ hai đầu nhọn, để ráo nước, rang vàng tán bột mịn.

Hạt Keo dậu sấy khô sát bỏ vỏ, rang vàng gần cháy, tán bột mịn.

Các bột trộn đều, cho vào đường kính đã đun chảy, luyện kỹ làm 70 hoàn.

Mỗi buổi sáng ăn 3 hoàn, ăn 3 buổi sáng liền trong vòng 5 - 7 ngày sẽ ra giun. Tuỳ theo tuổi của trẻ mà tăng giảm liều lượng.

319. THANH CAO THANG

Thanh cao	10g
Liên kiều	10g
Bạch biển đậu	10g
Phục linh	10g
Hoạt thạch	5g
Cam thảo	5g

Chủ trị:

Mùa hè trẻ em say nắng, sốt nóng (cảm thử).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, chia uống 3 - 4 lần.

320. THANH CAO MÃ ĐỀ THANG

Thanh cao tươi	15g
Mã đề tươi	15g

Chủ trị:

Trẻ em say nắng, nóng khát.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước sắc lấy 150ml chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

321. CÁT THĂNG CAM XÍCH THANG

Cát căn	9g
Thăng ma	3g
Cam thảo	2g
Xích thược	2g

Chủ trị:

Chứng sởi khởi phát, do phòng hàn bế tắc sởi không mọc đều hoặc vì ỉa chảy mà sởi lặn không mọc ra.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 200ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống thấy sởi mọc đều thì ngưng thuốc.

322. TRÚC NHỰ THANG

Trúc nhự tươi	8g
Sinh địa	8g
Hoàng cầm	4g
Thược dược	4g
Mạch môn	4g

Chủ trị:

Trẻ em chảy máu cam, nôn ra máu do huyết nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 200ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

323. TỪ UYỂN BÁCH BỘ THANG

Từ uyển	30g
Bách bộ	30g
Tỏi	3g

Chủ trị:

Trẻ em ho gà.

Cách dùng, liều lượng:

Tỏi giã thêm ít nước chín ép lấy nước để riêng.

Từ uyển, Bách bộ cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, thêm đường cô thành xirô, thêm nước tỏi quấy đều. Ngày uống 4 - 5 lần, mỗi lần uống 10ml.

324. SINH NGẢI THANG

Sinh địa	18g
Ngải cứu tươi	9g
Bạc hà tươi	9g
Lá trắc bá tươi	9g

Chủ trị:

Chảy máu cam do nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

325. TỲ BÀ BÁCH BỘ ĐẠI TOÁN THANG

Tỳ bà diệp (lá Nhót tây)	60g
Bách bộ	60g
Bạch mao căn	30g
Ty qua lạc (xơ mướp)	15g
Đại toán (tỏi)	30g

Chủ trị:

Trẻ em ho gà.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1500ml nước, sắc cạn còn khoảng 800ml, gạn bỏ bã cô còn 250ml.

Mỗi ngày cho trẻ uống 3 lần, mỗi lần uống 20ml có thể cho thêm chút đường.

326. LỆ CHI HẠCH THANG

Lệ chi hạch (hải Vải)	5g
Đại hồi	3g
Tiểu hồi	3g
Xuyên luyện tử	3g
Mộc hương	3g
Muối ăn	3g

Chủ trị:

Chứng hàn sán: Bừu dái lạnh rắn như đá, hòn dái sưng to, đau không chịu được.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán giập cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần.

Ngày uống 1 thang.

327. LỆ TRẦN LƯU HOÀN

Lệ chi hạch (sấy khô)	49 hạt
Trần bì (đẻ cả cùi trắng sấy khô)	36g
Lưu hoàng	16g

Chủ trị:

Chứng sán khí: Thoát vị bẹn hoặc thoát vị bìu, đau từ bìu dái, đau ran lên bụng dưới.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị tán bột mịn, luyện hồ làm viên bằng hạt đậu xanh.

Khi đau uống 5 viên với chút rượu trắng.

Ngày uống 1 lần. Uống 3 ngày liền.

328. Ý DĨ MÃ ĐỀ THANG

Ý dĩ (sao)	30g
Sa tiền tử	15g

Chủ trị:

Trẻ em ỉa chảy, tiêu hoá kém do tỳ hư.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống mỗi lần 30ml, cách 1 giờ uống 1 lần.

Ngày uống 1 thang.

329. BẠCH MÃ DĨ THANG

Bạch truật	10g
Sa tiền tử	10g
Ý dĩ	30g

Chủ trị:

Trẻ em tiêu chảy cấp (mùa hè).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 500ml nước, sắc lấy 250ml nước thuốc, chia uống mỗi lần 40 - 50ml cách 1 giờ uống 1 lần.

Ngày uống 1 thang.

330. BẠCH TOÀN LONG TÁN

Bạch cương tằm (sao thơm)	10g
Bọ cạp	
(Toàn yết) bỏ đầu chân	3 con
Địa long (giun đất)	6g

Chủ trị:

Trẻ em kinh giật, co quắp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn uống.

Mỗi lần uống 3g. Hoà bột thuốc vào nước chín uống.

Ngày uống 2 - 3 lần.

331. TOÀN CƯƠNG BẠCH TÁN

Toàn yết bỏ đầu chân	3g
Bạch cương tằm (sao thơm)	10g
Bạch phụ tử	10g

Chủ trị:

Trúng phong miệng mắt méo xếch.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng tán bột mịn.

Mỗi lần uống 3g, ngày uống 2 - 3 lần. Hoà bột thuốc vào chút rượu trắng 30 - 35° uống.

332. TOÀN YẾT NGÔ CÔNG TÁN

Toàn yết (bỏ đầu chân)	1 con
Ngô công	
(Rết bỏ đầu đuôi chân)	2g
Câu đằng	4g
Bạch cương tằm (sao thơm)	4g
Chu sa (bột)	0,1g
Xạ hương (bột)	0,1g

Chủ trị:

Trẻ em lên kinh giản, sài uốn ván co giật.

Cách dùng, liều lượng:

Chu sa, Xạ hương để riêng.

Các vị khác sao sấy khô tán bột mịn, hợp cùng bột Chu sa, Xạ hương trộn đều.

Chia uống nhiều lần trong ngày.

333. TANG PHIÊU TIÊU TÁN

Tang phiêu tiêu (tổ bọ ngựa)	15g
ích trí nhân	15g

Chủ trị:

Trẻ em bụng dưới lạnh gây đái rắt, đái dầm, đái vãi không hãm (nín) được.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô giòn tán bột mịn, chia uống 2 lần trong ngày.

Uống với nước chín nguội.

334. LONG CHU SA HOÀN

Địa long	10g
Chu sa bột	3g

Chủ trị:

Trẻ em sốt cao kinh giật.

Cách dùng, liều lượng:

Địa long sao vàng giòn tán bột mịn, trộn đều với bột Chu sa luyện hồ làm hoàn bằng hạt cải.

Mỗi ngày uống 3g chia uống 2 lần với nước chín.

335. NGÂN KIỀU CÂU LONG YẾT TÁN

Ngân hoa	12g
Liên kiều	10g
Câu đằng	12g
Địa long	10g
Toàn yết (bỏ đầu chân)	3g

Chủ trị:

Hạ cơn sốt cao, chặn cơn kinh giật ở trẻ em.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 3g với nước chín.

336. LỤC VỊ HOÀN GIA VỊ

Thục địa	14g
Sơn thù	10g
Đơn bì	10g
Phục linh	10g
Hoài sơn	10g
Trạch tả	10g
Ngũ gia bì	10g
Nhung hươu	1g

Chủ trị:

Trẻ em chậm lớn, chậm đi, chậm mọc răng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô giòn, tán bột mịn, luyện mật ong làm hoàn bằng hạt ngô.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 3 - 6g tuỳ theo tuổi.

Uống với nước chín pha muối nhạt.

337. NGÔ NAM PHONG TÁN

Ngô công (bỏ đầu, đuôi, chân)	1g
Nam tinh chế	2g
Phòng phong	4g

Chủ trị:

Trẻ em lên cơn co giật sài uốn ván.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô, tán bột mịn, hoà vào rượu nếp cái hoặc rượu trắng uống.

338. NGŨ CAM CHƯ TÍCH HOÀN

Bạch truật (sao cám)	20g
Hoài sơn	20g
Mạch nha	15g
Bạch thược	15g
Phục linh	15g
Ý dĩ	15g
Liên nhục	20g
Hoàng liên	5g
Mạch môn	10g
Trần bì (sao thơm)	5g
Thanh bì	5g
Hoàng kỳ	15g
Chỉ xác	5g
Hoàng cầm	5g
Sơn tra (sao thơm)	10g
Nhục đậu khấu	5g
Xuyên luyện tử	5g
Lô hội	3g
Vô di (Vu di)	5g
Binh lang	5g
Sử quân tử	5g
Kha tử	5g

Uy linh tiên	5g
Cúc hoa	5g
Thiềm thừ (con Cóc vàng)	2 con

Chủ trị:

Năm thể cam trẻ em:

- Tỳ cam (thể teo đét)
- Phế cam (thể phù)
- Thận cam (thể còi xương)
- Can cam (thể quáng gà)
- Tâm cam (thể xuất huyết)

Cách dùng, liều lượng:

Cóc lột da, bỏ đầu gan ruột, tẩm dầu vừng đốt cháy thành than, các vị khác sao, sấy khô trộn với than cóc, tán bột mịn, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu đen.

Trẻ em:

1 - 5 tuổi ngày uống 2 lần, mỗi lần 5 - 10g.

6 - 10 tuổi ngày uống 2 lần, mỗi lần 10 - 15g

Uống với nước cơm hoặc nước trà.

339. CAM TÍCH TÁN

Bạch truật (sao cám)	25g
Thương truật (tẩm nước gạo sao)	5g
Đảng sâm (sao thơm)	25g
Mộc hương	4g
Thần khúc	4g
Mạch nha (sao)	20g
Binh lang	4g
Bạch linh	12g
Sử quân tử (bỏ màng và hai đầu)	8g
Nam hậu phác	4g
Trần bì (sao thơm)	4g
Chỉ thực (sao thơm)	4g
Cam thảo (chích)	4g
Nga truật	4g
Hoàng liên	4g
Sa nhân	2g
Nhục đậu khấu (bỏ vỏ)	2g
Ích trí nhân	2g
Hoắc hương	4g
Sơn tra (sao đen)	12g

Chủ trị:

Trẻ em cam tích bụng ỏng đít teo, no hơi biếng ăn, da xanh đại tiện phân sống, không nhuyễn, có giun, tiểu tiện vàng đục.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế, sấy khô tán bột mịn.

Trẻ em:

1 - 6 tuổi ngày uống 2 lần, mỗi lần 5g.

7 - 8 tuổi ngày uống 2 lần, mỗi lần 8 - 10g

8 - 10 tuổi ngày uống 2 lần, mỗi lần 8 - 12g.

PHẦN BỐN

NGŨ QUAN KHOA

CÁC BÀI THUỐC TRỊ BỆNH MẮT

1. TIÊU VIÊM A

Sinh địa	16g
Huyền sâm	16g
Kim ngân hoa	12 - 16g
Tang diệp	12g
Chi tử	12g
Bạch chỉ nam	12g

Chủ trị:

Loét giác mạc đơn thuần do tụ cầu, liên cầu hay dị ứng, sang chấn, vật lý, hoá chất gây nên.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần sau khi ăn cơm 1 giờ. Uống khi thuốc còn nóng.

Ngày uống 1 thang.

2. THANG K.B.Đ

Kim ngân hoa	70g
Bồ công anh	65g
Đơn tướng quân	65g

Chủ trị:

Loét giác mạc đơn thuần.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị nấu thành cao lỏng tỷ lệ 1/1 (1g thuốc = 1g cao).

Trẻ em và bệnh nhẹ ngày uống 50ml.

Người lớn và bệnh nặng ngày uống 75 - 100ml

Chia uống làm 2 lần, uống sau bữa cơm 30 phút - 1 giờ lúc thuốc còn nóng.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Các bệnh nhân đang bị ỉa chảy thể hàn hay có bệnh đường ruột mạn tính không dùng.

3. NGƯ TINH THẢO THANG

Lá Giấp cá tươi	100g
Lòng trắng trứng gà tươi	2 quả

Chủ trị:

Loét giác mạc do trực khuẩn mủ xanh (phần lớn chấn thương giác mạc bởi rơm, rạ, lá lúa... chạm vào giác mạc trong khi thu hoạch lúa).

Cách dùng, liều lượng:

Lá Giấp cá tươi rửa sạch giã nhỏ, trộn đều với lòng trắng trứng đắp lên mắt bị loét giác mạc, băng lại.

Ngày đắp 1 lần.

Kết hợp uống thêm thang tiêu viêm A.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Hiện nay Ngư tinh thảo thang đã được nghiên cứu chuyển thành dạng thuốc tra mắt dầu và mỡ (pommade).

4. THANH NHIỆT THOÁI Ế THANG

Kim ngân hoa	16g
Tang diệp	16g
Huyền sâm	16g
Bồ công anh	16g
Đơn tướng quân	16g
Sinh địa	12g
Thuyền thoái (bỏ đầu chân)	8g
Mộc tặc	8g

Chủ trị:

Loét giác mạc hình cành cây (giai đoạn đầu của loét giác mạc do virus Herpes).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần sau khi ăn cơm 1 giờ. Uống khi thuốc còn nóng.

Ngày uống 1 thang.

5. MINH MỤC THANG

Thục địa	16g
Hoài sơn	12g
Sơn thù	8g
Đan bì	12g
Trạch tả	12g
Phục linh	12g
Đương quy	12g
Sài hồ	12g
Ngũ vị	4g

Chủ trị:

Viêm hắc võng mạc trung tâm (do nội trướng) giai đoạn đầu và giai đoạn sau: Thị lực sụt, nhìn vật xa ra, nhỏ đi, biến dạng. Có thể dùng điều trị cho một số bệnh đáy mắt khác và thần kinh thị giác (dây II) thể thận âm hư.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần, uống sau khi ăn 1 giờ.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Hiện nay Minh mục thang đã được chuyển thành dạng thuốc hoàn với tên gọi là Minh mục hoàn.

6. THANG M3

Thục địa	20g
Hà thủ ô đỏ chế	20g
Hoài sơn	12g
Trạch tả	12g
Thảo quyết minh tử	12g
Cúc hoa	8g

Chủ trị:

Viêm võng mạc trung tâm giai đoạn đầu và giai đoạn sau và nhiều bệnh đáy mắt khác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

7. CAO M4

Dây và lá Hà thủ ô trắng	1000g
Lá Bồ cu vẽ	1000g

Chủ trị:

Viêm võng mạc trung tâm giai đoạn đầu và nhiều bệnh đáy mắt khác.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị nấu cao lỏng tỷ lệ 1/1

Ngày uống 50 - 150ml

8. ĐỘC TAM THẤT THANG

Tam thất	5 - 10g

Chủ trị:

Xuất huyết nội nhãn (chảy máu trong mắt) do chấn thương đụng dập.

Cách dùng, liều lượng:

Tam thất cho vào 200ml nước, sắc lấy 100ml uống 1 lần trong ngày.

9. TƯ ÂM HOẠT HUYẾT THANH NHIỆT THANG

Thục địa	16g
Hoài sơn	12g

Hà thủ ô đỏ chế	16g
Kim ngân hoa	12g
Sâm đại hành	12g
Huyền sâm	12g
Hồng hoa	12 - 16g
Đào nhân	12 - 16g
Quy vĩ	12 - 16g

Chủ trị:

Xuất huyết võng mạc và dịch kính trong bệnh viêm thành tĩnh mạch tái phát trên người trẻ (bệnh Eales).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml chia uống 2 lần trong ngày. Uống xa bữa ăn.

Ngày uống 1 thang.

10. HOẠT HUYẾT TƯ ÂM THANG

Hồng hoa	16g
Đào nhân	16g
Quy vĩ	16g
Hà thủ ô đỏ chế	20g
Thục địa	20g
Hoài sơn	16g
Trạch tả	12g
Cúc hoa	12g

Chủ trị:

Đục thuỷ tinh dịch thị lực giảm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

11. THANH NHIỆT SƠ CAN LƯƠNG HUYẾT PHÁ Ứ THANG

Đại hoàng	50g
Hoàng bá	50g
Đương quy	50g
Sài hồ	50g
Uất kim	50g

Chủ trị:

Đau mắt đỏ, sưng, nhức chói, chảy nước mắt thể ngoại trướng, mắt mờ thể nội trướng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào siêu đổ ngập rượu trắng (40°) đun sôi trong 1 giờ gạn bỏ bã lọc trong, đóng vào chai sạch vô khuẩn nút kín.

Xông và rửa mắt đau bằng nước lá Dâu hay nước lá Táo rồi lấy thuốc trên tẩm vào bông, gạc vô trùng đắp lên trên mắt.

Ngày xông, đắp 2 lần.

12. MINH MỤC TRÀ

Cải Rừng bò (cải Ma độc một) (?)	20g
Cúc hoa	6g
Cam thảo	8g

Chủ trị:

- Người cao tuổi mắt mờ hoặc đau mắt đỏ ngầu.

Cách dùng, liều lượng:

- Làm sáng mắt cho lớp người cao tuổi: Thang thuốc trên hãm nước sôi uống thay nước chè hàng ngày.

- Trị đau mắt đỏ ngầu, thang thuốc trên cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp dùng các vị thuốc sau đắp ngoài

Sạ hương	0,1g
Hoàng liên	4g
Hạt Gấc	4g

Hoàng liên và hạt Gấc, mài vào 20ml rượu trắng.

Lấy 1 miếng vải gạc sạch gói Sạ hương nhúng vào rượu Hoàng liên và hạt Gấc đắp lên mắt đau.

Ngày đắp 1 - 2 lần.

13. KHU PHONG THANH NHIỆT TIÊU VIÊM THANG

Cúc hoa	12g
Chỉ tử	12g
Liên kiều	12g

Kinh giới	12g
Thuyền thoái	12g
Bạch chỉ	12g
Mộc tặc	12g
Kim ngân hoa	12g
Sinh địa	12g

Chủ trị:

Viêm giác mạc, đau mắt đỏ, đau nhức mắt, chảy nước mắt, đau đầu, miệng khô, đại tiện táo, nước tiểu vàng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất cay nóng.

14. THUỐC TRA MẮT NƯỚC MÀU VÀNG

Hoàng liên (cạo hết vỏ ngoài)	100g
Bằng sa (rửa sạch)	50g
Bạch phàn (rửa sạch)	20g
Nước cất	1000ml

Chủ trị:

Đau mắt đỏ, sưng nhức, ngứa mí.

Cách dùng, liều lượng:

Hoàng liên thái nhỏ rửa sạch cho vào 1000ml nước cất, chưng cất thuỷ sôi trong 2 giờ (chiết lấy hoạt chất) rồi cho Bằng sa, Bạch phàn vào tiếp tục chưng trong 2 - 3 giờ đem ra lọc nhiều lần cho thật trong. Đóng vào lọ tra mắt 50ml đã tiệt khuẩn.

Rửa sạch mắt đau bằng nước muối loãng rồi nhỏ thuốc tra mắt đã chế ở trên.

Ngày nhỏ 2 - 3 lần, mỗi lần nhỏ 1 - 2 giọt.

15. THUỐC TRA MẮT NƯỚC MÀU XANH

Thanh phàn	5g
Bằng sa	5g
Nước cất	1000ml

Chủ trị:

Đau mắt hột, ngứa mí, toét mắt.

Cách dùng, liều lượng:

Rửa nhanh thuốc bằng nước cất cho sạch. Cho thuốc vào 1000ml nước cất, chưng cách thuỷ sôi 3 giờ, đem ra lọc nhiều lần cho thật trong, đóng vào lọ 5ml đã tiệt khuẩn.

Rửa mắt đau bằng nước muối loãng, rồi nhỏ thuốc tra mắt đã chế ở trên.

Ngày nhỏ 2 - 3 lần. Mỗi lần 1 - 2 giọt.

Chú ý:

Khăn mặt của người bệnh nấu nước sôi và giặt luôn. Không được dùng chung khăn mặt với người bệnh.

16. HOÀNG ĐẰNG THANG

Hoàng đằng	500g
Nước sạch	20 lít

Chủ trị:

Dịch đau mắt đỏ và viêm họng:

- Thể nhẹ: người bệnh sốt nhẹ (37,5 - 37,8°C), nhức đầu, sổ mũi, mi mắt sưng, mắt đỏ, có nhiều tia máu, nuốt có cảm giác vướng.

- Thể nặng: Ngoài triệu chứng như thể nhẹ người bệnh sốt cao hơn - mỏi cơ, mắt đỏ ngầu, mở mắt bị chói, sợ ánh sáng chảy nước mắt nhiều, mi mắt dưới có nhiều hột to mọng chi chít, viêm họng đau cổ.

Cách dùng, liều lượng:

Hoàng đằng rửa sạch cho vào nước (20 lít) đun sôi 30 phút, múc nước thuốc vào ca hay bát cho bệnh nhân xông mắt (dùng phễu giấy để xông mắt), khi nước thuốc nguội dùng bông gạc sạch chấm nước thuốc rửa mắt, rửa chấm, vuốt từ khoé mắt trong ra ngoài đuôi mắt.

Ngày xông rửa mắt 2 - 3 lần.

Xông, rửa mắt liên tiếp 3 - 5 ngày.

17. TƯ ÂM DƯỠNG HUYẾT THANH CAN MINH MỤC THANG

Thục địa	15g
Kỷ tử	10g
Chi tử	12g

Hoàng cầm	10g
Long nhãn	20g
Viễn chí	10g
Thảo quyết minh	10g
Cúc hoa	10g
Thuyền thoái (bỏ đầu chân)	5g
Thương truật	10g
Đại táo	3 quả

Chủ trị:

Viêm và thoái hoá hoàng điểm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Nếu là thoái hoá hoàng điểm gia thêm:

Đan sâm	16g
Xuyên khung	6g
Xích thược	10g

- Nếu là viêm hoàng điểm gia thêm:

Huyền sâm	12g
Liên kiều	12g
Hương phụ	10g
Hoàng kỳ	16g

18. TỨ VẬT GIA VỊ THANG

Xuyên khung	10g
Xuyên quy	10g
Sinh địa	20g
Bạch thược	10g
Hoài sơn	15g
Kỷ tử	10g
Ngưu tất	10g
Bạch linh	10g
Kim ngân hoa	8g
Xích thược	8g
Bạch chỉ	8g
Đại táo	8g
Phòng phong	5g
Tật lê	5g
Cam thảo	5g
Thuyền thoái (bỏ đầu chân)	2g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Mắt bị côn trùng bay vào gây viêm nhiễm cấp, sưng đau sốt cao, mắt đau nhức xuyên lên tận óc, mắt sưng không thấy lòng đen và đồng tử, chỉ thấy thuần màng trắng và tia máu đỏ ngầu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1200ml nước, sắc lấy 300ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Kết hợp dùng thêm các thuốc sau:

- Lá Giấp cá tươi 100g rửa sạch, giã nhỏ thêm chút nước chín ép lấy 100ml nước uống.

Ngày giã uống 2 - 3 lần.

- Tra bột Mai hương cam lộ tán vào khoé mắt. Ngày tra 2 - 3 lần.

19. MAI HƯƠNG CAM LỘ TÁN

Mai hoa băng phiến	32g
Sạ hương	4g
Thạch cam lộ chế	160g

Chủ trị:

Mắt sưng đỏ đau nhức, màng che tròng mắt, chảy nước mắt. Thuốc có tác dụng: Trừ phong, minh mục, bạt ế, định thống, chỉ lệ, sát khuẩn, an đồng tử.

Cách dùng, liều lượng:

- Chế thạch cam lộ:

+ Dùng các vị thuốc sau:

Thương truật	12g
Xuyên khung	12g
Xích thược	12g
Bạch chỉ	12g
Cúc hoa	12g
Hoàng liên	12g
Địa liền	12g
Đại hoàng	12g
Xuyên ô	8g

Hoàng cầm	10g
Long nhãn	20g
Viễn chí	10g
Thảo quyết minh	10g
Cúc hoa	10g
Thuyền thoái (bỏ đầu chân)	5g
Thương truật	10g
Đại táo	3 quả

Chủ trị:

Viêm và thoái hoá hoàng điểm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Nếu là thoái hoá hoàng điểm gia thêm:

Đan sâm	16g
Xuyên khung	6g
Xích thược	10g

- Nếu là viêm hoàng điểm gia thêm:

Huyền sâm	12g
Liên kiều	12g
Hương phụ	10g
Hoàng kỳ	16g

18. TỨ VẬT GIA VỊ THANG

Xuyên khung	10g
Xuyên quy	10g
Sinh địa	20g
Bạch thược	10g
Hoài sơn	15g
Kỷ tử	10g
Ngưu tất	10g
Bạch linh	10g
Kim ngân hoa	8g
Xích thược	8g
Bạch chỉ	8g
Đại táo	8g
Phòng phong	5g
Tật lê	5g
Cam thảo	5g
Thuyền thoái (bỏ đầu chân)	2g
Sinh khương	3 lát

Chủ trị:

Mắt bị côn trùng bay vào gây viêm nhiễm cấp, sưng đau sốt cao, mắt đau nhức xuyên lên tận óc, mắt sưng không thấy lòng đen và đồng tử, chỉ thấy thuần màng trắng và tia máu đỏ ngầu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1200ml nước, sắc lấy 300ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Kết hợp dùng thêm các thuốc sau:

- Lá Giấp cá tươi 100g rửa sạch, giã nhỏ thêm chút nước chín ép lấy 100ml nước uống.

Ngày giã uống 2 - 3 lần.

- Tra bột Mai hương cam lộ tán vào khoé mắt. Ngày tra 2 - 3 lần.

19. MAI HƯƠNG CAM LỘ TÁN

Mai hoa băng phiến	32g
Sạ hương	4g
Thạch cam lộ chế	160g

Chủ trị:

Mắt sưng đỏ đau nhức, màng che tròng mắt, chảy nước mắt. Thuốc có tác dụng: Trừ phong, minh mục, bạt ế, định thống, chỉ lệ, sát khuẩn, an đồng tử.

Cách dùng, liều lượng:

- Chế thạch cam lộ:

+ Dùng các vị thuốc sau:

Thương truật	12g
Xuyên khung	12g
Xích thược	12g
Bạch chỉ	12g
Cúc hoa	12g
Hoàng liên	12g
Địa liền	12g
Đại hoàng	12g
Xuyên ô	8g

Các vị tán dập, cho Nước tiểu trẻ em (Đồng tiện) ngập thuốc sắc kỹ, gạn lấy nước thuốc trong để riêng.

+ Thạch cam lộ cho vào 1 ống bơ sắt tây đậy kín cho vào lò than nung đỏ hồng trong 6 - 8 giờ; lấy ra nhúng ngay vào nước thuốc đã chuẩn bị sẵn nói trên, rồi nhúng ngay vào nước thuốc đã chuẩn bị sẵn nói trên, rồi lấy chày nghiền cho Thạch cam lộ nát ra hoà lẫn vào nước thuốc, gạn lọc lấy bột mịn Thạch cam lộ (như lọc bột sắn dây) , bã cặn bỏ đi. Phơi, sấy khô, nghiền nhỏ rây qua rây lụa 2 - 3 lần (bột sờ mát tay hoà tan trong nước là được).

- Mai hoa băng phiến và Sạ hương cũng nghiền rây thật nhỏ mịn như bột Thạch cam lộ, sau đó trộn đều chung cả ba vị cho vào lọ thuỷ tinh nút kín. Khi dùng lấy 1 ít thuốc bột tra vào khoé mắt thuốc sẽ lan dần ra cả mắt.

Ngày tra 2 - 3 lần.

20. BÀI THUỐC ĐỎ MẮT

Thương truật	12g
Khương hoạt	12g
Xuyên khung	12g
Bạch chỉ	12g
Cúc hoa	12g
Địa liền	20g
Thạch cao	20g
Đại hoàng	20g
Long não	4g

Chủ trị:

Tất cả các loại mắt đau không kể nội trướng hay ngoại trướng (nội thương, ngoại cảm) đều dùng được. Thuốc có tác dụng trừ phong thấp độc, chỉ lệ, định thống, tiêu thũng, minh mục.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn, đựng lọ kín dùng dần.

Khi dùng lấy gạc vô khuẩn bọc kín 2g thuốc bột, tẩm với nước cất hay nước chín nguội đắp lên mắt.

Ngày đắp 1 - 2 lần.

21. BÀI THUỐC NHỎ MẮT

Hoàng liên	12g
Thương truật	12g
Địa liền	12g
Độc hoạt	8g
Cúc hoa	8g
Băng phiến (Mai hoa băng phiến)	2g
Thanh phàn	2g

Chủ trị:

Mắt bị sưng đỏ đau dữ dội, mắt kéo màng mộng.

Cách dùng, liều lượng:

Băng phiến để riêng.

Các vị khác cho vào 150ml nước mưa và 150ml rượu trắng, sắc gạn lấy 100ml nước thuốc cho băng phiến vào quấy tan hết lọc qua giấy lọc, đựng vào lọ thuỷ tinh sạch. Khi dùng nhỏ vài giọt vào mắt.

Ngày nhỏ 3 - 4 lần.

22. THANG THANH NHIỆT KHU PHONG

Cúc hoa	6g
Hoa đại (Hoa sứ)	6g
Cỏ Mần trầu	6g
Cây Trinh nữ (hoa, lá)	6g
Hy thiêm	6g
Lá Dâu	6g
Rễ Cỏ tranh	6g
Củ Dền gai	6g

Chủ trị:

Mắt nhắm không mở (tà thị): sáng ngủ dậy mắt không mở được, mắt không đỏ, không có gỉ, vạch mắt ra lại nhắm như cũ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc chia uống 3 lần. Uống xa bữa ăn.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp châm cứu các huyệt: Phong trì, Toản trúc, Đồng tử liêu, Dương bạch, Hợp cốc, Thấu ngư yêu.

23. SƠ KINH THÔNG KHÍ HOẠT HUYẾT KHU PHONG THANG

Cây Nhàu	8g
Bạch hạc (Kiến cò)	6g

Câu đằng	8g
Hy thiêm	8g
Bạc hà	6g
Thương nhĩ	8g
Củ Bồ bồ	6g
Kinh giới	6g
Thảo quyết minh	6g
Vỏ Quýt	6g

Chủ trị:

Mắt mở không nhắm do tai biến mạch máu não (trúng phong), miệng mắt méo lệch (khẩu nhãn oa tà).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang - kết hợp châm cứu.

24. THUỐC NHỎ MẮT SỐNG ĐỜI

Lá Sống đời già (loại lá to) lượng tuỳ ý

Chủ trị:

Viêm màng tiếp hợp đơn thuần, viêm màng tiếp hợp có viêm giác mạc nhẹ.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Sống đời tươi, rửa sạch bằng nước cất, giã nhỏ trong cối sứ đã vô khuẩn, ép lấy dịch nguyên chất, pha dịch chiết vào nước muối 9‰ hoặc nước cất theo tỷ lệ 10% hoặc 50%.

Rửa mắt bằng nước muối 9‰ sau đó nhỏ mắt bằng dung dịch Sống đời.

Ngày nhỏ 5 - 6 lần.

25. DỊ ỨNG CAO

Vỏ Núc nác	1000g
Sài đất	1000g
Kim ngân	1000g
Liên kiều	1000g
Kinh giới	1000g

Chủ trị:

Mi mắt và kết mạc bị dị ứng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị nấu cao lỏng tỷ lệ 10/1.

Ngày uống 1 - 2 lần, mỗi lần uống 8 - 10ml.

26. BỘT DẠ MINH KIM QUYẾT

Dạ minh sa	400g
Kim cúc	200g
Quyết minh tử (sao thơm)	200g

Chủ trị:

Tước mục (quáng gà): chập choạng tối là mắt mờ không trông thấy gì.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn.

Ngày dùng 200g trộn đều với 200g gan lợn sống giã nhỏ, gói vào lá chuối, hấp cơm cho chín (hoặc hấp cách thuỷ sôi) chia ăn 2 lần, ăn trong bữa cơm.

Ăn liên tiếp trong 4 - 5 ngày.

27. BỒ CÔNG CHI TỬ THANG

Bồ công anh tươi	50g
Chi tử	20g

Chủ trị:

Viêm màng tiếp hợp cấp tính, mát gan, sáng mắt, các chứng viêm do can hoả.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

28. KHU PHONG THANH NHIỆT THOÁI Ế TÁN

Cốc tinh thảo	10g
Long đởm thảo	5g
Sinh địa	6g
Ngưu bàng	4g
Xích thược	4g
Kinh giới	4g
Phục linh	4g

Cam thảo	4g
Hồng hoa	4g
Mộc thông	4g

Chủ trị:

Mắt đỏ kéo màng, bị mờ, nhức đầu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao nhẹ, tán bột mịn.

Ngày uống 3 lần, mỗi lần uống 3 - 6g, uống với nước chín.

29. TINH THẢO PHÒNG PHONG TÁN

Cốc tinh thảo	20g
Phòng phong	20g

Chủ trị:

Viêm kết mạc, viêm giác mạc

Cách dùng, liều lượng:

Hai vị sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 3 lần, mỗi lần uống 1 - 2g, uống với nước chín.

30. BẠCH LÊ HOA THANG

Bạch tật lê	4g
Bạch cúc hoa	6g
Mộc tặc	6g
Khương hoạt	4g
Thuyền thoái (bỏ đầu, chân)	4g

Chủ trị:

Đau mắt sưng đỏ, mờ chẩy nước mắt do can phong.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

31. CÚC HOA TANG DIỆP QUYẾT MINH THANG

Cúc hoa	10g
Tang diệp	10g
Quyết minh tử	6g

Chủ trị:

Viêm màng tiếp hợp, mắt đỏ sưng đau.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

32. HẠ KHÔ THẢO THANG

Hoa hạ khô thảo	8g
Hương phụ	6g
Cam thảo nướng	6g

Chủ trị:

Đau nhức mắt do can hư.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 250ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

33. LÔ HỘI BẠCH THƯỢC HOÀNG LIÊN THANG

Lô hội	3g
Hoàng liên	3g
Bạch thược	12g
Đương quy	9g
Xuyên khung	3g
Mộc hương	3g
Long đởm thảo	6g

Chủ trị:

Mắt đỏ sưng đau nhức đầu do can đởm thực nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

34. THANH CAN MINH MỤC TÁN

Thanh tương tử	10g
Quyết minh tử	20g
Hoàng liên	4g

Tần giao	4g
Tiền hồ	6g
Đại hoàng	6g
Thăng ma	6g
Hoàng cầm	4g
Chi tử	10g
Trần bì	6g
Chỉ xác	6g
Địa cốt bì	10g
Huyền sâm	8g
Xích thược	10g
Linh dương giác	2g
Xa tiền tử	10g
Cúc hoa	16g
Cam thảo	10g

Chủ trị:

Mắt đỏ sưng đau, kéo màng, hoa mắt, mờ mắt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 10g, hoà bột vào nước chín, uống sau bữa ăn khi sắp đi nằm nghỉ.

35. QUYẾT MINH CHI CÚC MẠN TINH THẢO TÁN

Thảo quyết minh	10g
Cúc hoa	10g
Chi tử	10g
Mạn kinh tử	10g
Cốc tinh thảo	10g
Xuyên khung	5g
Thuyền thoái (bỏ đầu, chân)	5g
Phòng phong	5g
Khương hoạt	5g
Cam thảo	5g
Hoàng cầm	5g
Mộc tặc	5g
Kinh giới	5g
Bạch tật lê	5g
Mật mông hoa	5g

Chủ trị:

Đau mắt đỏ, sưng mờ, đau nhức trong mắt, nước mắt chảy nhiều.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi sấy khô, tán bột mịn.

Ngày uống 2 - 3 lần. Mỗi lần uống 3 - 6g. Uống với nước chín.

36. MẠN KINH CÚC HOA THANG

Mạn kinh tử	9g
Cúc hoa	9g
Phòng phong	9g
Xuyên khung	5g
Khương hoạt	5g
Chỉ xác	6g
Thạch cao sống	2g
Cam thảo	3g

Chủ trị:

Nhức đầu mờ mắt do phong nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

37. QUYẾT MINH THƯỢC DƯỢC CÚC HOA TÁN

Quyết minh tử	10g
Thược dược	4g
Cúc hoa	8g
Mộc tặc	4g
Hoàng cầm	4g
Khương hoạt	4g
Cam thảo	4g
Thạch quyết minh	4g
Mạn kinh tử	4g
Xuyên khung	4g

Chủ trị:

Mắt đỏ sưng đau, nhức đầu do phong nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 2 - 3 lần, mỗi lần uống 5g, uống với nước chín.

38. HOÀN XA THỤC THỎ TY

Xa tiền tử	20g
Thục địa hoàng	30g
Thỏ ty tử	20g

Chủ trị:

Mắt nhìn không rõ, hay bị chẩy nước mắt kèm nhèm do can hư.

Cách dùng, liều lượng:

Thục địa cho hấp cách thuỷ sôi mềm, nghiền nhuyễn.

Xa tiền, Thỏ ty sao vàng tán bột mịn, trộn lẫn với Thục địa nghiền nhuyễn thêm mật ong đã luyện thành châu, luyện kỹ làm hoàn 2g.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 3 hoàn. Uống với rượu hâm nóng.

39. SÁT TRÙNG THANH NHIỆT TIÊU PHONG TÁN

Thiên trúc hoàng	4g
Uất kim	2g
Phục thần	4g
Cam thảo	4g
Bằng sa	1g
Bạch chỉ	4g
Xuyên khung	4g
Bạch cương tằm	2g
Chỉ xác	2g
Chu sa	0,2g
Xạ hương	0,1g
Thuyền thoái (bỏ đầu, chân)	2g

Chủ trị:

Mắt đỏ sưng đau, mọc mụn ở miệng, mũi, đờm dãi tắc, co giật hôn mê do phong nhiệt ở thượng tiêu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn, trộn đều.

Ngày uống 6 - 8g, sắc nước Bạc hà hay nước Mạch môn làm thang chiêu thuốc.

40. CÚC HOA XÍCH THƯỢC NGƯU BÀNG PHÒNG KỶ TÁN

Cúc hoa	8g
Xích thược	8g
Ngưu bàng tử	4g
Phòng kỷ	4g
Phòng phong	4g
Cam thảo nướng	4g
Kinh giới	4g
Đương quy	4g

Chủ trị:

Mắt kéo màng, mờ (do can hoả).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao nhẹ, tán vụn tẩm ít rượu, cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

41. QUYẾT MINH CỐC THẢO CÚC HOA TÁN

Thạch quyết minh (Cửu khổng) chế	10g
Cốc tinh thảo	8g
Bạch cúc hoa	8g
Kinh giới	8g
Kỷ tử	10g
Tang diệp	8g
Thương truật	8g
Xà thoái (sao giòn)	2g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Mắt mờ, kéo màng.

Cách dùng, liều lượng:

Thạch quyết minh chế: Thạch quyết minh cho vào nồi đất đậy kín vùi trấu đốt, đến khi có màu xanh nhạt là được. Đương nóng nhúng vào giấm loãng (cho dễ tán), tán bột mịn.

Tất cả các vị khác sao sấy khô, tán bột mịn trộn đều với bột Thạch quyết minh.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 5g, uống với nước chín sau khi ăn cơm.

42. TRÂN CHÂU TÁN

Trân châu	1,5g
Thanh tương tử	12g
Hoàng cầm	12g
Nhân sâm	24g
Cúc hoa	24g
Thạch quyết minh chế	24g
Khung cùng	12g
Cam thảo	12g

Chủ trị:

Mắt mờ, đỏ, đau nhức, hay chảy nước mắt do can hư nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 10 - 15g. Cho bột thuốc vào nước chín ấm, quấy đều uống.

43. THUỐC NHỎ MẮT LÁ DÀNH DÀNH

Lá Dành dành tươi	50g

Chủ trị:

Viêm kết mạc cấp.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Dành dành tươi rửa sạch, cho vào cối sạch giã nhỏ, ép lấy 50ml dịch, lọc trong.

Ngày nhỏ mắt 5 - 6 lần. Bã thuốc bọc gạc sạch đắp lên mắt đau. Khi bã khô bỏ đi.

44. THUỐC BỘT TRA MẮT CHÈ DỌC

Đá kẽm (Thạch cam lộ) chế	150g
Hoàng liên	50g
Mai hoa băng phiến	30g
Sạ hương	4g

Chủ trị:

Mắt sưng đỏ đau, màng che tròng mắt, chảy nước mắt.

Cách dùng, liều lượng:

- Chế Thạch cam lộ:

+ Hoàng liên cho vào 1200ml nước, sắc lấy 800ml nước thuốc chắt để riêng.

+ Đá kẽm cho vào ống bơ sắt tây đậy kín cho vào lò than hồng nung đỏ hồng trong 6 - 8 giờ. Lấy đá kẽm ra đang còn đỏ nhúng vào nước sắc Hoàng liên cho bở tơi ra dùng chày nghiền nát trong nước sắc Hoàng liên. Gạn chắt lấy bột mịn, cặn bỏ đi. Phơi khô nghiền nhỏ rây qua rây lụa 2 - 3 lần (Bột sờ mát tay hoà tan trong nước là được).

- Mai hoa băng phiến + Sạ hương nghiền, rây thật nhỏ mịn như bột Thạch cam lộ, trộn đều chung cả ba vị, đóng lọ thuỷ tinh nút kín.

Khi dùng lấy 1 ít thuốc bột tra vào khoé mắt, thuốc sẽ lan dần ra cả mắt.

45. LỤC VỊ ĐỊA HOÀNG GIA DẠ MINH SA THANG

Thục địa	16g
Hoài sơn	12g
Sơn thù	8g
Đan bì	12g
Trạch tả	12g
Phục linh	12g
Dạ minh sa	8g

Chủ trị:

Quáng gà (Tước mục): Cứ đến gần chập choạng tối khi gà lên chuồng là mắt mờ đi không trông thấy gì.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày, uống sau khi ăn 1 giờ.

Ngày uống 1 thang.

CÁC BÀI THUỐC TRỊ BỆNH NGOÀI DA

1. GIẢI ĐỘC SÁT TRÙNG TRỪ THẤP THANG

Kim ngân hoa	12g
Hoàng lực	20g
Thổ phục linh	20g
Nam Mộc thông (Dây Ông lão)	12g
Lá Khổ sâm	12g
Rễ Cỏ xước	12g
Nam Bạch chỉ	12g
Hạ khô thảo	8g

Chủ trị:

Mụn nhọt lở ngứa.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

2. SÁT TRÙNG TIÊU ĐỘC THÔNG HUYẾT MẠCH THANG

Lá Đơn tướng quân (tươi)	100g
Lá Đơn chè (tươi)	50g
Bạch phấn đằng	20g
Huyền sâm	20g
Kim ngân dây	20g
Kê huyết đằng	30g
Xuyên quy	20g
Nam Mộc hương	10g
Thương truật	10g

Chủ trị:

Lở ngứa toàn thân do phong nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang

Kiêng kỵ:

Kiêng rượu, thịt chó, thịt gà.

3. KHU PHONG TRỪ THẤP THANH NHIỆT CHỈ THỐNG THANG

Xuyên quy	15g
Thổ phục linh	15g
Độc hoạt	12g
Thương truật	12g
Phòng kỷ	12g
Tỳ giải	12g
Tần giao	12g
Ngưu tất	12g
Ngưu bàng	10g
Xuyên khung	10g
Mộc qua	10g
Liên kiều	10g
Nhũ hương	5g
Một dược	5g
Cam thảo	8g

Chủ trị:

Ngứa, nổi mề đay dưới da.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

4. THANG THIÊN NIÊN KIỆN

Thiên niên kiện lượng đủ dùng.

Chủ trị:

Chàm eczêma, ngứa, chảy nước vàng, xếp thành đám giới hạn quanh co không rõ rệt.

Cách dùng, liều lượng:

Thiên niên kiện thái, tán nhỏ thô, phơi khô, cuốn vào giấy bản như 1 điếu thuốc lá xì gà to. Đốt cháy điếu thuốc Thiên niên kiện, hướng khói tập trung vào thương tổn của eczêma được phủ kín bằng 1 miếng gạc (để khói tiếp xúc vào thương tổn eczêma không bị khuyếch tán bay đi nhanh chóng).

Xông khói Thiên niên kiện ngày 2 - 3 lần, mỗi lần 10 phút (khói Thiên niên kiện phủ lên thương tổn eczêma có màu nâu đen).

Xông liên tiếp 7 - 10 ngày.

5. NIÊN KIỆN THƯƠNG TRUẬT THANG

Thiên niên kiện lượng đủ dùng.

Thương truật (Xương truật) lượng đủ dùng.

Chủ trị:

Eczêma, ngứa, chảy nước vàng.

Cách dùng, liều lượng:

Thiên niên kiện thái, tán nhỏ thô.

Thương truật tán vụn.

Trộn đều Thương truật với Thiên niên kiện, phơi khô, cuốn vào giấy bản to như điếu thuốc lá xi gà. Đốt cháy điếu thuốc hướng cho khói tập trung vào thương tổn của Eczêma được phủ kín bằng miếng gạc.

Ngày xông khói 2 - 3 lần, mỗi lần 10 phút. Xông liên tiếp trong 7 - 10 ngày.

6. BỘT NGHỆ BỒ HÒN NÚC NÁC

Nghệ già	50g
Bồ hòn	4 - 5 quả
Vỏ cây Núc nác	100g

Chủ trị:

Chốc lở da đầu.

Cách dùng, liều lượng:

Quả Bồ hòn đốt cháy tồn tính, Nghệ, Núc nác phơi khô.

Tất cả tán bột mịn hoà vào dầu Dừa thành hỗn hợp lỏng sền sệt.

Dùng nước muối nhạt rửa sạch vùng chốc lở da đầu, thấm khô bằng bông gạc sạch, bôi dầu thuốc lên một lớp mỏng.

Ngày bôi 2 - 3 lần.

7. TIÊU ĐỘC THANG

Bồ Công anh	15g
Sài đất	15g
Kim ngân dây	10g
Thương nhĩ tử (sao cháy)	10g
Cam thảo dây	15g

Chủ trị:

Chốc lở mụn nhọt toàn thân.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

8. CỒN VỎ ĐẠI CHÚT CHÍT

Vỏ cây Đại	50g
Lá, rễ Chút chít	50g
Cồn 70°	100ml

Chủ trị:

Hắc lào (lác)

Cách dùng, liều lượng:

Hai vị rửa sạch, giã nát cho vào cồn ngâm trong 7 ngày.

Dùng tăm bông sạch chấm cồn thuốc bôi lên vết hắc lào đã rửa sạch, lau khô.

Ngày bôi 3 lần: sáng, trưa, tối trước khi đi ngủ.

9. SẮN THUYỀN TRÀ XANH THANG

Lá Sắn thuyền	100g
Rễ Chè xanh	100g
Trầm hương	3 - 4g

Chủ trị:

Tổ đỉa chân tay.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị giã nhỏ hoà vào 2000ml nước, quấy đều ngâm chân tay.

Ngày ngâm 2-3 lần, mỗi lần ngâm 10-15 phút.

Ngày dùng 1 thang.

10. TIÊU ĐỘC THANG

Kim ngân hoa	8g
Thương nhĩ tử	16g
Bồ công anh	8g
Hoa kinh giới	8g
Trần bì	8g

Chủ trị:

Mụn nhọt, lở ngứa, nhiễm trùng da.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 500ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc chia uống 2 -3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống 3 - 4 ngày.

11. TIÊU VIÊM GIẢI ĐỘC THANG

Sài đất	20g
Bồ công anh	20g
Kim ngân hoa	12g
Cam thảo nam	20g

Chủ trị:

Lở ngứa, mụn nhọt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

12. BỘT PHÈN SA

Hoạt thạnh (đập nhỏ)	200g
Phèn phi	40g
Bằng sa phi	20g
Palmatin chlorid (bột để riêng)	16g

Chủ trị:

Nước ăn chân, ăn tay, ngứa, nấm kẽ do nghề nghiệp: làm bia, làm đậu phụ...

Cách dùng, liều lượng:

Các vị Hoạt thạch, Phèn phi. Bằng sa phi trộn lẫn tán bột mịn, cho trộn đều với bột Palmatin chlorid.

Rửa sạch vết nấm ăn chân, ăn tay bằng nước muối loãng để khô, rắc bột thuốc phủ kín lên.

Ngày rắc bột thuốc 1 - 2 lần.

13. RÁY DẠI HỒNG ĐƠN CAO

Củ Ráy dại (Ráy ngứa)	50g
Hồng đơn	30g
Dầu chẩu	250ml

Chủ trị:

Chốc đầu: Trên đầu có mụn ngứa, khi gãi thì vẩy bong ra, trước ít sau nhiều, ăn lan ra khắp đầu, ngứa không chịu được. Có khi chảy cả máu mủ, tanh hôi; có khi khô nhưng vẩy vẫn còn.

Cách dùng, liều lượng:

Củ Ráy rửa sạch thái mỏng cho vào dầu Chẩu, đun kỹ khi Củ Ráy cháy đen bã nổi lên, vớt bỏ bã. Cho Hồng đơn đã được rang khô vào quấy đều tiếp tục đun và quấy đều cho tới khi thật mượt hay thả một ít cao cao vào bát nước nguội sờ không dính tay, kéo thành sợi không dài quá, không ngắn quá là được. Cao đang nóng phun nước vào (vừa phun vừa quấy) để khử độc tố trong cao.

Trước khi bôi thuốc cao phải lấy Bồ kết đun nước đặc thấm vào bông sạch đắp lên nơi chốc cho bong vẩy, sau đó nấu nước lá Kinh giới gội đầu cho thật sạch, nếu có chỗ vẩy chốc lở còn bóc nhẹ tay hết rồi lau khô, bôi thuốc cao trên vào.

Mỗi ngày rửa và bôi thuốc một lần.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất nóng, thịt gà, cá chép, tôm, cua và các thứ làm từ gạo nếp.

14. KHƯƠNG HOÀNG TRỪ ĐỚM CAO

Nghệ vàng (chọn củ to già) tươi	100g
Mật lợn	3 cái

Chủ trị:

Chốc đầu.

Cách dùng, liều lượng:

Nghệ vàng gọt vỏ, rửa sạch, giã nhừ trộn với nước Mật lợn thật đều. Cho vào một miếng vải sạch vắt ép lấy nước (bỏ bã). Đem đun cách

thuỷ sôi 30 phút là được. Trước khi bôi thuốc phải gội đầu bằng nước Bồ kết cho bong hết vẩy chốc và gội lại bằng nước Kinh giới đặc, lau khô, bôi thuốc.

Mỗi ngày rửa và bôi thuốc 1 lần.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất nếp, thịt gà, tôm, cua, cá, ốc...

15. CAO NGHỆ VÀNG RÁY DẠI

Củ Nghệ vàng già	40g
Củ Ráy dại	40g
Sáp ong	80g
Dầu vừng	160g

Chủ trị:

Lở loét ngoài da.

Cách dùng, liều lượng:

Nghệ vàng, Ráy dại rửa sạch, thái mỏng cho vào dầu Vừng rán cháy đen, bã nổi lên, vớt bỏ bã, cho Sáp ong vào đun quấy, cô lại cho đặc sệt như cao.

Rửa sạch chỗ lở loét bằng nước muối nhạt đun sôi. Rửa xong, lau khô bôi thuốc cao.

Ngày rửa và bôi thuốc cao 2 lần (sáng và tối).

16. BỘT HOÀNG LIÊN HÙNG HOÀNG

Xuyên hoàng liên	2 phần
Hùng hoàng	1 phần

Chủ trị:

Sâu quảng: Nốt mụn sâu, có bờ, trước nhỏ sau to dần, càng lan ra to thì càng sâu vào thịt, bờ càng cao, ngứa, đau nhức, có máu mủ. Nếu đóng vẩy bên ngoài thì bên trong vẫn cứ ăn ngầm vào xương và loét rộng ra.

Cách dùng, liều lượng:

Cả hai vị thuốc sấy khô tán bột mịn trộn thật đều.

Lấy một nắm lá Trầu không, một nắm lá Kinh giới cho vào độ 2 lít nước, đun sôi để ấm, dùng bông gạc sạch thấm nước Trầu không, Kinh giới đắp lên vết thương, vừa đắp vừa nặn cho hết máu mủ, rửa lại vết thương cho sạch, lau thấm khô. Rắc bột thuốc vào băng lại.

Ngày rửa và rắc thuốc một lần.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các thứ cay, nóng, tanh và đồ nếp.

17. DIÊM SINH THANH PHÀN TÁN

Diêm sinh	100g
Thanh phàn	10g

Chủ trị:

Ghẻ nước (mụn nhỏ có nước trong và dính, rất ngứa; mụn khi vỡ nước dây đến đâu là mụn nước mọc lan ra đến đấy).

Ghẻ mủ (mụn nhỏ có mủ xanh, đau ngứa, cái ghẻ ăn luồn dưới da, thành luống).

Cách dùng, liều lượng:

Cả hai vị thuốc tán đều, cho vào nồi đất, đun chảy thành nước, quấy đều đổ ra, để thật nguội đóng thành bánh. Đem tán bột mịn.

Trước khi bôi thuốc phải tắm rửa, gãi cho chỗ ghẻ bợt da ra (không gãi chảy máu). Dùng mỡ lợn đã rán thành nước hoà với bột thuốc thành dạng sền sệt bôi vào nốt ghẻ. Gãi đến đâu bôi đến đấy.

Ngày bôi thuốc 1 lần.

Quần áo người bệnh thay ra phải luộc nước sôi kỹ rồi giặt mới cho mặc lại.

Kiêng kỵ:

Trẻ em dưới 10 tháng da còn non không nên dùng.

18. MĂNG CẦU TÁN

Hạt Na (Măng cầu ta) lượng đủ dùng.

Chủ trị:

Ghẻ.

Cách dùng, liều lượng:

Hạt Măng cầu ta sao tách bỏ vỏ đen ngoài, lấy nhân giã nát thêm chút rượu trắng sào nóng đều bôi lên các nốt ghẻ.

Trước khi bôi thuốc người bệnh phải tắm rửa gãi cho chỗ ghẻ bợt da ra (không gãi chảy máu) để khô mới bôi thuốc vào.

Ngày bôi thuốc 1 lần.

Quần áo người bệnh thay ra phải luộc nước sôi kỹ rồi giặt, mới cho mặc lại.

Chú ý:

Hạt Na có chất độc, không được đưa tay bôi thuốc lên mắt, mũi, mồm.

19. THƯƠNG NHĨ CAO

Cây Thương nhĩ (lá, cây, quả)	5000g
Nước sạch đủ dùng	

Chủ trị:

Ngoài da ghẻ lở lâu năm, sưng các hạch ở cổ.

Cách dùng, liều lượng:

Thương nhĩ rửa sạch, đổ ngập nước nấu cao lỏng theo tỷ lệ 5/1.

Người lớn ngày uống 3 lần mỗi lần 30ml.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều so với liều người lớn.

20. TIÊU ĐỘC LƯƠNG HUYẾT HOÀN

Huyền sâm	500g
Sinh địa	375g
Bạch linh	375g
Kim ngân hoa	375g
Thương nhĩ tử	375g
Hạ khô thảo	375g

Chủ trị:

Bệnh ngoài da, phát ban, mụn nhọt, đau cổ họng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị thương nhĩ, Hạ khô thảo nấu cao lỏng theo tỷ lệ 1/1.

Các vị còn lại sấy khô tán bột mịn, trộn đều với cao lỏng Thương nhĩ, Hạ khô thảo, thêm hồ luyện kỹ làm hoàn bằng hạt ngô.

Người lớn ngày uống 2 lần, mỗi lần 10g, chiêu thuốc với nước chín nguội.

21. SÀI KINH KIM KÉ THANG

Sài đất	20g
Kinh giới	10g
Kim ngân hoa	10g
Ké đầu ngựa (sao bỏ gai)	16g
Sinh địa	12g
Thuyền thoái (bỏ đầu chân)	3g
Cam thảo nam	8g

Chủ trị:

Người lớn, trẻ em ngoài da lở ngứa mọc mụn bằng hạt ngô, hạt đậu có mủ, nước vàng, mụn thường mọc ở thân mình, hai bên mông hoặc tay chân.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 500ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống 3 - 5 thang.

Kết hợp dùng ngoài thuốc rửa và thuốc rắc sau:

- Thuốc rửa:

Dây lá Kim ngân	50g

Nấu với 1 lít nước cho thêm 2 - 3g Muối ăn quấy tan, để nguội rửa mụn lở cho sạch, thấm khô bằng bông gạc sạch, rắc bột thuốc sau:

- Thuốc rắc:

Xác rắn (1 -2 cái) cắt nhỏ sao cháy tồn tính tán bột mịn. Rắc vào mụn lở đã được rửa sạch lau khô.

Ngày rửa và rắc thuốc 1 lần.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn cua đồng, cá chuối, dứa mít, các thứ cay nóng khác trong thời gian dùng thuốc.

22. ƯU ĐÀM BÌ THANG

Ưu đàm bì (vỏ cây Sung)	500g

Chủ trị:

Trẻ em chốc đầu: Mọc mụn có mủ, mủ dập chảy nước vàng, chảy đến đâu lại mọc đến đấy, ngứa gãi; Hoặc chàm 2 má chảy nước vàng, ngứa quấy khóc.

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ Sung cạo sạch vỏ ngoài rửa sạch giã nhỏ cho vào 1000ml nước sôi ngâm để nguội, ép vắt lấy nước (bỏ bã) đem vò đầu hoặc rửa má cho sạch mủ, nước vàng thấm khô rồi rắc thuốc bột sau vào các mụn hoặc vết chàm.

Lá Duối (sao cháy)	16g
Lá Bàng (sao cháy)	16g
Lá Bạc sau (sao cháy)	12g

Các vị tán bột mịn

Mỗi ngày vò đầu hoặc rửa má lau khô, rắc thuốc bột 1 lần.

Chú ý:

Nếu trẻ đi ngoài lỏng (độc tà chạy vào trong) dùng:

Thần khúc (sao thơm)	8g
Củ Khúc khắc (Thổ phục linh)	10g
Kinh giới	10g
Cam thảo nam	8g

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang - uống 1 - 5 thang.

Nếu trẻ đi ngoài táo không cần uống thuốc trên.

23. CỒN CAO LƯƠNG KHƯƠNG

Cao lương khương (Riềng)	100g
Cồn 90^0	50ml

Chủ trị:

Lang ben: người bệnh có những nốt trắng (khác hẳn màu da) to bằng đầu ngón tay út, mọc từng đám, bờ tròn không đều, hay mọc nhất là ở cổ, phần dưới cằm, má, lưng ngực.

Cách dùng, liều lượng:

Chọn củ Riềng già cạo sạch vỏ, rửa sạch, thái mỏng cho vào cối giã thật nhỏ, cho cồn vào trộn đều, cho vào lọ nút kín ngâm trong 2 ngày.

Rửa sạch vùng bị lang ben, lau khô, lấy bã riềng đã ngâm cồn sát vào.

Ngày rửa, sát 2 lần. Sát rửa liên tiếp trong 6 - 7 ngày.

24. THANG TIÊU ĐỘC

Sài đất	30g
Thổ phục linh	30g
Kim ngân hoa	30g
Bồ công anh	30g
Ké đầu ngựa	30g

Chủ trị:

Viêm da mủ nhiễm khuẩn thứ phát do liên cầu khuẩn và tụ cầu khuẩn (chốc các loại, viêm nang lông, nhọt, hậu bối, sâu quảng...)

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều thích hợp.

Ngày uống 1 thang; uống 8-10 thang.

Chú ý gia giảm:

Nếu tiểu tiện bí gia thêm:

Rễ cỏ tranh	10 - 20g

25. KINH PHÒNG BẠI ĐỘC THANG GIA VỊ

Nam Khương hoạt (cây Hàm ếch hay Mang ếch)	10g
Độc hoạt nam (Củ Muống biển)	10g
Tiền hổ nam (Cây Chỉ thiên)	10g
Sài hồ nam (Rễ cây Lức)	10g
Phòng phong nam (Rễ cây Ô rô nước)	10g
Chỉ xác	10g
Cát cánh	6g
Xuyên khung	5g
Thổ phục linh	12g
Kinh giới	10g
Sa sâm (bắc)	10g
Đương quy	10g
Huyền sâm	10g
Sinh địa	12g
Bạch thược	10g
Kim ngân hoa	10g
Hạ khô thảo nam (cây Cải trời)	10g
Sài đất	10g
Bồ công anh	10g
Sơn tra	10g

Chủ trị:

Lở ngứa ngoài da thể nặng: Bệnh nhân sốt cao, buồn phiền bứt rứt, kém ngủ, kém ăn, ngứa gãi, chỗ ngứa gãi đau nhức nhối rát bỏng; trên mặt da khắp cơ thể có nhiều nốt

nhỏ nổi lên chi chít dày đặc từng mảng, đỏ bầm sần sùi, chỗ ngứa gãi lở loét chảy nước vàng, có chỗ rơm rớm nước mủ có chỗ rộp lên những bọng nước tựa như rộp bỏng, sờ vào da rất nóng. Sức khoẻ suy sụp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1200ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống 8 - 10 thang.

Chú ý:

Khi khỏi bệnh sức khoẻ bệnh nhân suy sụp chưa bình phục cho uống tiếp thang sau:

LỤC VỊ GIA QUY THƯỢC

Thục địa	16g
Hoài sơn	10g
Sơn thù	10g
Trạch tả	6g
Bạch linh	6g
Đơn bì	6g
Đương quy	12g
Bạch thược	12g

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống 5 - 6 thang.

26. THẦN ỨNG DƯỠNG CHÂN THANG

Thục địa	12g
Xuyên khung	12g
Xuyên quy	12g
Mộc qua	12g
Thiên ma	12g
Thỏ ty tử	12g
Khương hoạt	8g
Bạch thược	12g
Hà thủ ô đỏ chế	20g
Cam thảo	8g

Chủ trị:

Bệnh ban thốc hay là bệnh tựu tóc (Rụng tóc):

Tóc rụng từng đám nhỏ, to như khuy áo rồi lớn dần bằng đồng xu, bằng miệng chén, miệng bát thậm chí rụng chụi hết đầu không còn sợi tóc, tóc rụng khu trú không có sẹo người bệnh có cảm giác ngứa. Triệu chứng toàn thân có hiện tượng suy nhược cơ thể, suy nhược thần kinh đau đầu mất ngủ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Bên ngoài kết hợp bôi Cao mềm hạn liên thảo.

Cách làm:

Cao mềm hạn liên thảo: Hạn liên thảo khô 5kg, nước sạch đủ dùng.

Cỏ Nhọ nồi rửa sạch cho vào thùng, cho nước ngập 5cm nấu sôi trong 2 giờ, gạn lấy nước thuốc cho nước nấu lần 2, gạn lấy nước thuốc, hỗn hợp với nước thuốc 1. Cô nhỏ lửa đến dạng cao mềm.

27. NGÂN SÀI CÔNG NHĨ TỬ CAO

Kim ngân hoa	200g
Sài đất	3000g
Bồ công anh	100g
Thương nhĩ tử	100g
Cỏ Mần chầu	100g
Cam thảo đất	60g
Kinh giới	40g
Thổ phục linh	10g

Chủ trị:

Người lớn, trẻ em dị ứng, mẩn ngứa, chốc lở toàn thân.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị nấu cao lỏng (tỷ lệ 3,6/1).

Ngày uống 3 lần, mỗi lần uống 20-30ml.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều thích hợp.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn dầu mỡ, các chất tanh.

28. CỒN BẠCH HẠC

Rễ Bạch hạc	200 - 300g
Cồn 95°	1000ml

Chủ trị:

Nấm da (đặc biệt là đối với nấm chàm hoá).

Cách dùng, liều lượng:

Rễ cây Bạch hạc (nếu dùng tươi thì 300g, nếu dùng khô thì 200g) rửa sạch, nghiền nhỏ cho vào cồn ngâm 7-10 ngày.

Khi dùng rửa sạch các vết nấm bằng xà phòng để khô bôi cồn Bạch hạc.

Ngày bôi 3 - 4 lần.

29. THANH NHIỆT LƯƠNG HUYẾT THANG

Huyền sâm	12g
Sinh địa	12g
Ké đầu ngựa	10g
Kim ngân hoa	12g
Bồ công anh	12g
Sài đất	20g
Muồng trâu	8g
Cỏ Mần chầu	20g
Cỏ Mực	12g
Cam thảo đất	20g

Chủ trị:

Vẩy nến.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống 50 - 60 thang.

Kết hợp bên ngoài bôi thuốc mỡ: Bạch Thanh Hoàng;

THUỐC MỠ BẠCH THANH HOÀNG

Bột Khô phàn	5g
Bột Thanh đại	5g
Bột Hoàng bá	5g
Bột Hoàng đằng	5g
Mỡ Vaselin vừa đủ	100g

Kiêng kỵ:

Kiêng rượu, bia, thịt chó trong thời gian điều trị.

30. THUỐC MỠ XUYÊN TÂM LIÊN 20%

Cao mềm Xuyên tâm liên	20g
Lanolin	5g
Vaselin	75g

Chủ trị:

Các bệnh ngoài da: Mụn nhọt, chàm, viêm da mủ.

Cách dùng, liều lượng:

Rửa sạch vùng nhiễm trùng bằng nước muối loãng, đợi khô, bôi thuốc mỡ lên.

Ngày bôi 2 - 3lần.

31. MẪU ĐƠN THANG

Mẫu đơn (Bông trang đỏ, Đơn đỏ)	25g
Đơn Tướng quân	15g
Thương nhĩ tử	15g
Mã đề	15g

Chủ trị:

Chàm, mẩn ngứa.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống 5 - 6 thang.

32. NƯỚC SẮC GIẢ LÃO BƠ

Cây Giả lão bơ (Tiếng Tày Nùng) (?) đủ dùng

Chủ trị:

Hắc lào, lang ben, ghẻ ngứa gãi loét trợt da.

Cách dùng, liều lượng:

Dùng cây lá tươi, đun nước tắm hàng ngày.

33. RƯỢU XUYÊN BẠCH

Cao lỏng Xuyên tâm liên	200g
Bạch phàn (phi khô)	100g
Rượu trắng	1000ml

Chủ trị:

Ghẻ ngứa gãi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị ngâm trong rượu trắng 2 ngày.

Dùng bông gạc chấm rượu thuốc bôi chấm vào các nốt ghẻ (sau khi đã tắm rửa sạch các nốt ghẻ).

Ngày bôi chấm 2 lần trước khi ngủ.

34. DẦU BẠCH THỪ THÁN

Cóc (Thiềm thừ) đốt tồn tính	30 con
Bạch phàn (phi khô)	100g
Dầu cám	1000ml

Chủ trị:

Ghẻ nhiễm trùng.

Cách dùng, liều lượng:

Than Cóc và Khô phàn tán bột mịn, cho vào dầu Cám trộn đều. Rửa sạch các nốt ghẻ, đợi khô, dùng bông gạc chấm dầu thuốc bôi lên các nốt ghẻ.

Ngày chấm bôi 2 lần.

35. THUỐC MỠ TÁO RỪNG

Vỏ thân và rễ cây Táo rừng (Mận rừng)	200g
Mỡ lợn hoặc dầu thực vật hay vaselin	500ml

Chủ trị:

Ghẻ thường, hắc lào, vẩy nến.

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ thân và rễ cây Táo rừng, rửa sạch, giã nhỏ, cho vào mỡ, dầu hay vaselin đun sôi kỹ, vớt bỏ bã.

Rửa sạch nốt ghẻ, hắc lào, vẩy nến, đợi khô bôi thuốc mỡ.

Ngày bôi 1 - 2 lần.

36. CAO TÁO RỪNG XUYÊN LIÊN

Xuyên tâm liên	5 kg
Táo rừng (Mận rừng)	5 kg

Chủ trị:

Ghẻ lở nhiễm trùng, hắc lào, vẩy nến, chàm, viêm da.

Cách dùng, liều lượng:

Xuyên tâm liên, Táo rừng nấu cao lỏng tỷ lệ 10/1. Rửa sạch nốt ghẻ, hắc lào, vùng viêm da nhiễm trùng, dùng bông gạc chấm thuốc cao bôi lên vùng da tổn thương.

Ngày bôi 1 - 2 lần.

37. THUỐC MỠ HÙNG LƯU BẠCH

Hùng hoàng	10g
Lưu huỳnh	10g
Bạch phàn	10g
Vaselin	100g

Chủ trị:

Eczema

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn trộn đều với Vaselin.

Rửa sạch đám Eczema, đợi khô bôi thuốc mỡ lên ngày bôi 2 lần.

38. CAO HỒNG PHI

Hồng đơn (để riêng)	5g
Bạch phàn phi khô	5g
Hoạt thạch (nung chín)	10g
Thạch cao (nung chín)	20g
Dầu Vừng hay dầu Lạc	90ml

Chủ trị:

Eczema.

Cách dùng, liều lượng:

Hồng đơn để riêng. Các vị khác chế biến xong tán bột mịn, cho vào dầu nấu kỹ, lọc bỏ bã, cho Hồng đơn vào quấy đều thành cao.

Rửa sạch vùng eczema, đợi khô bôi thuốc lên.

Ngày bôi 2 lần.

39. VIÊN NUNAXIN

Vỏ Núc nác	200g

Chủ trị:

Ban mày đay (urticaire) thể sơ phát, viêm đại tràng.

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ cây Núc nác cạo sạch vỏ sần bên ngoài, sấy khô tán bột mịn, luyện hồ làm viên 0,25g.

Ngày uống 6 - 8 viên. Uống 10 - 15 ngày.

Nghỉ 2 - 3 ngày lại tiếp tục uống đợt khác.

Sau khi bệnh khỏi uống thêm một đợt 15 - 20 ngày, ngày uống 4 - 6 viên (để củng cố kết quả, chống tái phát).

40. NAM HOÀNG TÍCH TUYẾT THANG

Nam Hoàng bá (vỏ Núc nác)	50g
Tích tuyết thảo (Rau Má)	50g

Chủ trị:

Dị ứng: do thuốc, do sơn, viêm da dị ứng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

41. THANH LƯƠNG GIẢI ĐỘC THANG

Rau Má	6g
Lá Vông	6g
Trinh nữ	6g
Sài đất	6g
Thương nhĩ	6g
Thổ phục linh	4g
Kim ngân	4g
Bồ công anh	4g
Đơn độc (?)	4g
Thương truật	3g
Hạ khô thảo	3g

Chủ trị:

Dị ứng các loại.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn cua, cá và tắm lạnh.

42. KINH PHÒNG BẠI ĐỘC THANG GIA HẠT MÁU CHÓ

Phòng phong	10g
Kinh giới	10g
Khương hoạt	10g
Độc hoạt	10g
Tiền hồ	10g
Sài hồ	10g
Bạch chỉ	12g
Cát cánh	8g
Xuyên khung	12g
Phục linh	12g
Cam thảo	4g
Hạt Máu chó (chế)	10g

Chủ trị:

Ngứa lở ngoài da (sang giới) do cảm nhiễm bên ngoài gây nên: Thường nổi mụn toàn thân hoặc ở một bộ phận nào đó của cơ thể gây ra ngứa ngáy, lở loét, gãi đến trợt da thịt, chảy nước vàng, đau nhức, mùi tanh hôi khó chịu.

Cách dùng, liều lượng:

Hạt Máu chó bóc bỏ vỏ cứng, lấy nhân bọc vào 2 - 3 lần giấy bản, đập nát ép cho hết dầu lấy bã khô. Trộn với các vị thuốc khác, cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc người lớn chia uống 2 lần trong ngày.

Trẻ em chia uống làm nhiều lần hoặc giảm bớt lượng thuốc.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Phụ nữ có thai không dùng.

43. TỨ VẬT THANG GIA VỊ

Xuyên khung	12g
Xuyên quy	12g
Sinh địa	12g
Xích thược	12g
Phòng phong	10g

Kinh giới	10g
Liên kiều	12g
Ngưu bàng	10g
Nam Bạch chỉ	10g
Nam Hoàng bá	10g
Thổ phục linh	12g
Thương truật	12g
Hạt Máu chó (chế)	10g

Chủ trị:

Ngứa lở ngoài da (sang giới) do ăn uống nhiều thứ cay, nóng hoặc do thai độc gây ra: nổi mụn toàn thân hoặc ở một bộ phận cơ thể, ngứa gãi đến trợt da thịt, chảy nước vàng, mùi tanh hôi khó chịu, đau nhức.

Cách dùng, liều lượng:

Hạt Máu chó bóc bỏ vỏ cứng, lấy nhân bọc vào 2 - 3 lần giấy bản, đập nát ép bỏ hết dầu lấy bã khô. Trộn với các vị thuốc khác, cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, người lớn chia uống 2 lần trong ngày.

Trẻ em giảm bớt liều lượng thuốc.

Kiêng kỵ:

Phụ nữ có thai không dùng.

44. TÁN PHONG THANH NHIỆT TIÊU ĐỘC THANG

Nam Bạch chỉ	20g
Thăng ma	20g
Cát căn	20g
Thuyền thoái (bỏ đầu, chân)	8g
Thạch xương bồ	12g
Kinh giới	12g
Kim ngân hoa	12g
Liên kiều	8g
Nam Hoàng bá	8g
Nhân hạt Máu chó ép hết dầu	10g

Chủ trị:

Đầu sang ngứa rụng hết tóc.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc. Người lớn chia uống 2 lần trong ngày.

Trẻ em giảm bớt liều lượng thuốc.

Ngày uống 1 thang.

45. NGÂN PHÒNG KINH BÁ TÁN

Ngân hoa	12g
Phòng phong	12g
Kinh giới	12g
Nam Hoàng bá	12g
Nam Bạch chỉ	20g
Khương hoạt	8g
Liên kiều	8g
Nhân hạt Máu chó ép hết dầu	12g

Chủ trị:

Nga chưởng phong mạn tính: Hai lòng bàn tay nổi mụn như hạt kê dưới da rất ngứa, khi gãi chảy chất nhờn, hết đợt này đến đợt khác, chỉ khu trú ở 2 lòng bàn tay không lan rộng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn.

Người lớn ngày uống 2 lần, mỗi lần uống 6-8g, uống với nước chín.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều thích hợp.

46. NGÂN PHÒNG KINH BÁ TÁN GIA VỊ

Ngân hoa	12g
Phòng phong	12g
Kinh giới	12g
Nam Hoàng bá	12g
Nam Bạch chỉ	20g
Khương hoạt	8g
Liên kiều	8g
Nhân hạt Máu chó ép dầu hết	12g
Ma hoàng	10g
Quế chi	4g

Chủ trị:

Ngứa lở toàn thân lâu ngày (Sang độc mạn tính).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn.

Người lớn ngày uống 2 lần mỗi lần uống 6-8g, uống với nước chín.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều thích hợp.

Kiêng kỵ:

Phụ nữ có thai không dùng.

47. UẤT KIM TÔ MỘC MÁU CHÓ THANG

Uất kim (sao tồn tính)	20g
Tô mộc	20g
Nhân hạt Máu chó ép hết dầu	10g
Vỏ Núc nác	10g
Quế chi	10g

Chủ trị:

Nga chưởng phong: Bệnh phát đơn thuần ở 2 lòng bàn tay, nổi nốt như hạt kê dưới da, rất ngứa, khi gãi chảy chất nhờn hết đợt này đến đợt khác, không lan rộng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trước khi ăn 1 giờ.

Ngày uống 1 thang.

48. THUỐC GHẺ TIÊN HỘI

Nhân hạt Máu chó	1 kg
Muối ăn rang khô	100g

Chủ trị:

Ghẻ lở, ghẻ ruồi, ngứa ngoài da.

Cách dùng, liều lượng:

Nhân hạt Máu chó giã thật nhuyễn, thêm muối ăn trộn thật đều. Cho vào chõ đồ, ép lấy dầu trộn thêm một ít Long não cho thơm để bôi ghẻ. Trước khi bôi tắm rửa sạch, gãi cho nốt ghẻ chảy da rồi bôi dầu lên.

Cần bôi thật mỏng, nếu dùng nhiều quá có thể mưng nhiều hơn.

Chú ý:

Nhân hạt Máu chó có thể nấu với rượu trắng để bôi ghẻ đặc biệt là ghẻ ruồi:

Nhân hạt Máu chó giã nhuyễn 50g

Rượu trắng 40° - 45° 200ml.

Hai thứ trộn đều, đun sôi đến khi được một hỗn hợp sền sệt.

Rửa sạch nốt ghẻ cho bong vẩy, bôi ngay hỗn hợp dầu khi còn nóng lên nốt ghẻ, bôi thật mỏng.

Hôm sau tắm rửa sạch sẽ bằng xà phòng, lại bôi lần nữa. Thường chỉ bôi 3 lần là khỏi.

49. CỒN MUỒNG TRÂU BỒ KẾT

Hạt Muồng trâu (tươi)	20g
Hạt Bồ kết (tươi)	12g
Cồn 90°	100ml

Chủ trị:

Hắc lào

Cách dùng, liều lượng:

Các vị giã dập (không có hạt tươi dùng hạt khô) ngâm vào cồn 7 ngày.

Tắm rửa vùng bị hắc lào bằng nước Bồ kết + Phèn chua (mỗi lần tắm dùng 12g bồ kết, 20g phèn chua) đun sôi để ấm. Tắm xong lau khô người và bôi thuốc vào chỗ hắc lào.

Ngày bôi 1 - 2 lần.

50. CỒN BẠCH HOA XÀ

Rễ cây Bạch hoa xà (bỏ lõi)	100g
Cồn 90°	200ml

Chủ trị:

Hắc lào.

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ rễ Bạch hoa xà tán dập cho vào cồn ngâm 7-10 ngày tắm rửa sạch vùng hắc lào, lau khô bôi dung dịch thuốc lên.

Ngày bôi 1-2 lần.

Chú ý

Cần thay, luộc quần áo đều đặn, phơi nắng để diệt nấm.

Không chà sát vùng hắc lào để phòng nhiễm trùng và vết hắc lào lan rộng, nấm ăn sâu hơn khó chữa.

51. THANG LÁ ĐƠN ĐỎ

Lá Đơn đỏ	12g
Lá Xấu hổ (Trinh nữ)	12g
Lá Cối xay	12g

Chủ trị:

Mẩn ngứa ngoài da do dị ứng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

52. THANG KIM NGÂN KINH GIỚI

Kim ngân (dây, hoa, lá)	12g
Kinh giới hoa	12g
Hoa Húng giổi (Húng quế, É quế)	12g

Chủ trị:

Mẩn ngứa ngoài da do dị ứng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

53. THANG HOÀNG BÁ THỔ PHỤC

Hoàng bá nam (Vỏ Núc nác)	12g
Thổ phục linh	12g
Đơn mặt quỷ	12g
Cỏ chỉ thiên	12g

Chủ trị:

Mẩn ngứa ngoài da do dị ứng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần.

Ngày uống 1 thang.

54. THANG KIM NGÂN HOA KHẾ

Kim ngân hoa	12g
Ngũ liêm hoa (hoa Khế) tươi	25g
Lá Cối xay	12g
Nam Bạch chỉ	12g

Chủ trị:

Mẩn ngứa ngoài da do dị ứng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 - 2 thang.

55. NƯỚC SẮC HẢI VU DIỆP

Hải vu diệp (lá Ráy) thái nhỏ	50g
Lá Trầu không thái nhỏ	10g

Chủ trị:

Nấm kẽ chân.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 2000ml nước, đun sôi, để nguội.

Rửa sạch chân, lau khô cho vào nước thuốc ngâm. Nếu có mụn nước thì lấy kim sạch chọc cho mụn nước vỡ ra. Ngâm trong 20-30 phút.

Chú ý:

Khi ngâm chân, không để dây nước lã vào nước thuốc, ngâm chân sẽ ngứa.

Ngâm chân trong nước thuốc xong lau khô, rắc thêm bột Phèn phi tán mịn vào kẽ chân. Ngày rắc 1 - 2 lần.

56. DUNG DỊCH THỔM LỔM

Lá Thổm lổm tươi	20g
Lá Trầu không tươi	10g
Lá Cóc mẩn tươi	10g
Lá Bồ cu vẽ tươi	10g
Lá Chó đẻ răng cưa tươi	10g
Lá Mỏ quạ tươi	10g
Lá Đuôi phượng tươi	10g

Chủ trị:

Viêm da lở loét do liên cầu khuẩn.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các lá rửa sạch, ngâm nước muối 1%, giã nát, vắt lấy nước.

Dùng các thứ lá: Trầu không, lá Sòi, lá Mỏ quạ, lá Lấu, lá Mẩn tươi, lá Ba chạc và phèn chua mỗi thứ 20g nấu nước tắm rửa hết mủ, nhớt chỗ viêm loét. Sau đó đắp dung dịch Thổm lổm lên.

57. NGÂN HOA THỔM LỒM THANG

Kim ngân hoa	16g
Dây Thổm lồm	16g
Cỏ Chỉ thiên	16g
Sài đất	16g
Lá Cối xay	16g

Chủ trị:

Viêm da lở loét do liên cầu khuẩn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

58. VÒI VOI SÀI ĐẤT MẶT QUỶ THANG

Vòi voi	16g
Sài đất	16g
Đơn mặt quỷ	12g
Bồ cu vẽ	16g
Đơn đỏ	12g

Chủ trị:

Viêm da, lở loét do nhiễm liên cầu khuẩn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

59. TỨ VẬT GIA VỊ THANG

Xuyên khung	8g
Đương quy	8g
Sinh địa	12g
Bạch thược	8g
Tật lê	8g
Đại phong tử	12g
Bạch mao căn	8g
Kim ngân hoa	8g
Sà sàng tử	12g
Thương nhĩ tử	12g
Thổ phục linh	8g
Hy thiêm	8g

Chủ trị:

Chàm (eczema), nứt kẽ chân tay, lở lâu không lành, nấm kẽ tay chân.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp dùng bài sau:

SANG GIỚI THUỶ

Ngũ bội tử	8g
Tô mộc	12g
Trầu không	20g
Kim ngân hoa	12g
Đại phong tử	8g
Bạch phàn	8g
Sà sàng tử	12g
Thương nhĩ tử	8g
Giấp cá	25g
Mộc miết tử (bỏ vỏ cứng)	12g
Tật lê	8g
Thực diêm (muối ăn)	4g

Tất cả các vị cho vào 2000ml nước, sắc lấy 1000ml nước thuốc, để nguội dùng gạc sạch tẩm nước thuốc đắp vào nơi da bị chàm. Khi nào thấy gạc hết độ ẩm lại tẩm thuốc tiếp đắp cho đến khi lành bệnh.

60. CAO HẠT MÁU CHÓ

Hạt Máu chó	640g
Hoàng nàn (sống) tán mịn	20g
Long não	8g
Dầu Thầu dầu	1000ml

Chủ trị:

Ghẻ lở, hắc lào.

Cách dùng, liều lượng:

Hạt Máu chó bỏ vỏ, giã thật nhỏ mịn, cho vào dầu Thầu dầu, nấu gần thành cao bắc ra cho bột Hoàng nàn vào quấy đều, gần nguội cho Long não vào, quấy đều, lọc đóng chai sạch.

Khi dùng tắm rửa sạch, lau khô bôi thuốc cao; bôi xong lấy bông hay gạc sạch xoa thật kỹ không để thuốc đọng lại sẽ mưng mủ.

Ngày bôi thuốc 1 lần trước khi đi ngủ.

Kết hợp uống thêm bài sau:

Kim ngân hoa	16g
Thổ phục linh	10g
Thương nhĩ tử	10g
Bồ công anh	16g
Hạ khô thảo	16g

Sắc uống ngày 1 thang.

Kiêng kỵ:

Các chất cay nóng.

61. THANH LƯƠNG GIẢI NHIỆT TIÊU ĐỘC PHÁT BAN THANG

Rễ lá Lức	10g
Cỏ Mần chầu	8g
Đậu Săng	8g
Cam thảo đất	5g
Ké hoa vàng	8g
Cây Giác tía (Giác đế)	8g
Kinh giới	6g
Bạc hà	4g
Gừng tươi	3 lát

Chủ trị:

Ban trái * mới phát, phát sốt, sợ lạnh, sổ mũi chảy nước mắt, ho ngập, đau đầu, nóng mặt mắt nhắm, miệng môi khô ráo, hoặc nôn mửa, hai má đỏ, mạch phù sác hoặc hồng đại.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Bệnh nhân nóng khát gia thêm:

Bù ngót (Rau ngót)	12g
Mía lau (Trúc giá)	12g

- Ban sắc đỏ sẫm gia thêm:

Cỏ Lưỡi đòng	8g
Rau Má	8g
Dền tía	8g

- Trái nổi mọc dày đặc bỏ: Giác tía, Ké hoa vàng, Cam thảo đất, Đậu săng và gia thêm:

Hà thủ ô đỏ chế	8g
Cam thảo chích	4g

- Ban trái sắc đỏ tía là nhiệt độc thịnh bỏ: Kinh giới, Bạc hà, Gừng tươi và gia thêm:

Mùi tàu (Ngò tàu) cả hoa, lá, củ	8g
Búp Tre (đọt tre)	8g
Cỏ Lưỡi đòng	8g
Rau Má	8g

* Bệnh ban trái là những biến chứng của ôn bệnh, đặc điểm là ngoài da nổi lên những mụn nhỏ, những mảng có sắc đỏ trắng vân rằn... thứ nổi như vân không có mụn gọi là Ban - Thứ nổi ra có nhiều nốt nhỏ sờ cộm tay như hạt Kê, hạt Vừng (mè) gọi là Trái. (Đông y gọi là Ban chẩn dương độc).

62. TIÊU PHONG GIẢI ĐỘC THANG

Cỏ Lưỡi đòng	8g
Lá Dâu tằm	6g
Lá Đậu săng	8g
Cây Bo bo (Ý dĩ)	8g
Cỏ Mần chầu	8g
Rễ Chanh	8g
Lá Tre non	6g
Lá Từ bi (Đại bi)	4g
Đăng tâm (Tim bấc)	2g
Cam thảo đất	4g
Gừng tươi	3 lát

Chủ trị:

Ban trái nhiệt độc giải chưa hết, dư độc còn phát sinh ngứa, sẩy, chốc...

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

63. GIẢI ĐỘC THANH VỊ THANG

Lá Đậu săng	8g
Rau Sam	8g

Rau Má	8g
Đậu xanh	8g
Lá Muồng trâu	8g
Cỏ Mực	8g
Cam thảo đất	6g

Chủ trị:

Táo nhiệt do nhiệt độc (Ban trái) phạm vào vị gây lở loét miệng, chảy máu chân răng..

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp ngậm thuốc sau:

Cỏ Mực tươi	20g
Thạch cao	10g

Cỏ Mực tươi rửa sạch giã nhỏ vắt lấy nước để riêng,Thạch cao tán bột mịn.

Trộn bột Thạch cao với nước cốt Cỏ mực sền sệt cho người bệnh ngậm nuốt từ từ.

64. LƯỠI ĐỒNG NGƯU GIÁC THANG

Cỏ Lưỡi đòng	16g
Ngưu giác (sừng Trâu đen)	6g
Thạch cao	6g
Đọt Tre non (búp tre)	8g
Lá Muồng trâu	8g
Lá, rễ Lức	8g
Ngò tàu (Mùi tàu) rễ, lá, hoa	8g
Dây lá Mắc cỡ	8g
Đăng tâm (Tim bấc)	2g

Chủ trị:

Giải ban nhiệt mê: Nhiệt độc nội công nóng mê phát cuồng.

Cách dùng, liều lượng:

Sừng Trâu, Thạch cao mài nước để riêng.

Các vị khác cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml hoà với nước mài sừng Trâu, Thạch cao chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

65. THANH NHIỆT HOÁ BAN THANG

Huyền sâm	30g
Thiên hoa phấn	12g
Thăng ma	8g
Đương quy	10g
Phục thần	8g
Kinh giới	4g
Hoàng liên	4g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Ban trái mê man do ngoại cảm hàn tà, uất nhiệt chưa giải.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

66. THANH NHIỆT GIẢI ĐỘC THANG

Vỏ cây Sứ (cây Đại)	10g
Rễ Cỏ tranh	10g
Trinh nữ	10g
Ké đầu ngựa	10g
Rau Mương	10g
Rau Má	10g
Lá Tre non	15 lá

Chủ trị:

Phong ngứa ngoài da.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn trứng vịt, mắm tôm, cua, ba ba... và các thứ gây động phong khác.

67. TIÊU PHONG CAN HOÀN

Ké đầu ngựa sao đen	100g
Vỏ cây Sứ (cây Đại)	100g
Đại hoàng	100g

Cỏ Xước (sao vàng)	50g
Ô rô tía	50g
Hoa Đu đủ đực (sao vàng)	30g
Cỏ Mần chầu (sao vàng)	50g
Cỏ Mực khô	100g
Lá Sen khô	100g
Rễ Cỏ tranh (sao vàng)	100g
Đậu đen (Hắc đậu) sao đen	250g
Đậu đỏ (Xích tiểu đậu) sao đen	250g

Chủ trị:

Can phong ngứa lở.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế, sấy khô tán bột mịn, trộn đều luyện hồ làm viên bằng hạt đậu đen.

Ngày uống 2 lần (sáng và chiều) mỗi lần uống 8-12g uống với nước chín.

Một liệu trình là 1 tuần lễ, nghỉ ba ngày uống tiếp đợt khác. Uống liên tục cả tháng.

Khi uống thuốc nếu thấy xổ nhuận tràng nhiều thì giảm liều.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn trứng vịt, mắm tôm, cua, ba ba... và các thứ gây động phong khác.

68. PHÒNG PHONG THÔNG THÁNH THANG GIA VỊ

Phòng phong	4g
Liên kiều	4g
Ma hoàng	4g
Kinh giới	4g
Bạc hà	4g
Xuyên khung	4g
Đương quy	4g
Bạch thược	4g
Bạch truật	4g
Chỉ tử	4g
Đại hoàng (chưng rượu)	4g
Thạch cao	8g
Hoàng cầm	8g
Cát cánh	8g
Cam thảo	16g
Hoạt thạch	24g
Mang tiêu	4g
Thuyền thoái (bỏ đầu chân)	4g
Bạch cương tằm (sao)	4g

Chủ trị:

Dị ứng, mày đay, mụn nhọt độc, ban chẩn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày, uống lúc thuốc còn ấm.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

Nếu không có sợ lạnh thì bỏ Ma hoàng.

Nếu nhiệt không nặng thì bỏ Thạch cao.

Nếu không có táo bón thì bỏ Mang tiêu, Đại hoàng.

69. NGÂN BỒ CAM CÚC THANG

Kim ngân hoa	9g
Bồ công anh	15g
Cam thảo	3g
Cúc hoa	9g

Chủ trị:

Da lở loét, mụn nhọt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

70. ĐỊA PHU TỬ THANG

Địa phu tử	9g
Phòng phong	6g
Thuyền thoái (bỏ đầu chân)	6g
Rễ Khổ sâm	9g

Chủ trị:

Eczema thuộc thể thấp chẩn, ngứa ngoài da.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

71. ĐỊA PHU THƯƠNG NHĨ THANG

Địa phu tử	6g
Thương nhĩ tử	6g

Chủ trị:

Ngứa phát ban, mụn lở loét.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 200ml nước, sắc lấy 50ml nước thuốc uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

72. THANG KIM KÉ (K2)

Kim ngân hoa	6g
Ké đầu ngựa	4g

Chủ trị:

Dị ứng mẩn ngứa.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 150ml nước, sắc lấy 50ml nước thuốc uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

73. LIÊN XÍCH MA CAM THANG

Liên kiều	15g
Xích thược	10g
Ma hoàng	5g
Cam thảo	5g

Chủ trị:

Dị ứng, chàm tím.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

74. NGƯU CÁT KINH LIÊN THANG

Ngưu bàng tử	12g
Cát căn	10g
Kinh giới tuệ	6g
Liên kiều	10g
Bạc hà	3g
Tiền hồ	6g
Cát cánh	6g
Hạnh nhân	10g

Chủ trị:

Phát ban, mụn nhọt, sởi chậm mọc.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

75. HUYỀN SÂM THUỶ NGƯU GIÁC THANG

Huyền sâm	14g
Thuỷ ngưu giác (sừng Trâu đen)	6g
Lá Đại thanh	10g
Hoàng liên	3g
Hoàng cầm	10g
Hoàng bá	10g
Chi tử	10g
Thăng ma	2g
Cam thảo	6g

Chủ trị:

Phát ban, nhiễm khuẩn máu do bệnh ôn nhiệt, nhiệt độc toả ra (giải độc tiêu ban).

Cách dùng, liều lượng:

Thuỷ ngưu giác mài bột để riêng.

Các vị khác cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc cho bột Thuỷ ngưu giác vào quấy đều, chia uống 2 lần.

Ngày uống 1 thang.

CÁC BÀI THUỐC TRỊ BỆNH MŨI - HỌNG

1. CAM CÁT TRẦN CỬU TÁN

Cam thảo	150g
Cát cánh	100g
Trần bì	50g
Cửu thái (lá Hẹ)	50g

Chủ trị:

Viêm họng, ho mới mắc do ngoại cảm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi khô, tán bột mịn.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 8g uống với nước chín.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều cho thích hợp.

2. PHÈN ĐEN THANG

Ngọn cây phèn đen (tươi)	10 ngọn
Muối ăn	1 - 2 g

Chủ trị:

Hóc xương gà, xương cá nhỏ

Cách dùng, liều lượng:

Ngọn cây phèn đen rửa sạch, để ráo nước, giã nhỏ với muối, ngậm nuốt dần dần xương sẽ trôi xuống.

3. TÁN PHONG THANH NHIỆT TÁN

Tân di (cạo sạch hết lông)	100g
Khương hoạt	30g
Bạch chỉ	30g
Phòng phong	20g
Hoàng cầm	40g
Cam thảo	20g

Chủ trị:

Tỵ uyên (viêm xoang mũi): Mũi hay chảy nước vàng đục, mùi hôi, ngột ngạt, cả vùng trán và thái dương bức rứt khó chịu, phải bóp mới dễ chịu. Khi đau thường vào giờ nhất định hàng ngày. Bệnh lâu ngày sẽ ra mủ hôi, đầu choáng, mắt hoa, hay quên, tinh thần mệt mỏi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao qua, tán bột mịn.

Mỗi lần uống 10g hoà vào nước chín, quấy đều uống cả bã. Uống trước khi có cơn đau 30 phút.

Nếu trong ngày có 1 cơn đau thì uống 1 lần. Nếu có nhiều cơn đau thì uống nhiều lần.

Kiêng kỵ:

Kiêng các thứ cay, hăng, nóng.

4. BỘT TRẦU KHÔNG THUỐC LÀO

Lá Trầu không	30g
Thuốc lào thành phẩm	30g
Nước vôi trong đặc	20ml
Đất sét gan gà khô	100g

Chủ trị:

Viêm họng đỏ cấp tính: Ngứa họng, đau họng, nuốt đau, niêm mạc, họng đỏ xung huyết, ho, khản tiếng, sốt, đau đầu, tắc mũi chảy nước mũi, mệt mỏi kém ăn.

Cách dùng, liều lượng:

Đất sét gan gà khô đập vụn, cho nước vôi vào trộn đều phơi khô. Lá Trầu không thuốc lào phơi khô giòn.

Các vị trộn đều tán bột mịn.

Khi dùng lấy 10g bột thuốc (1 liều) hoà với 100ml rượu trắng nhạt (độ cồn khoảng 25-30^0) lắc đều. Để lắng trong 30 phút, gạn lấy nước rượu trong, chia uống ngậm súc họng. Mỗi lần dùng 20 - 30ml. Ngày ngậm súc họng 2 - 3 lần. Khi súc ngửa cổ lên súc họng trong 3 - 4 phút sau cho thuốc láng đều trong khoang họng rồi nhổ đi. Không được nuốt.

5. MAI HOA KHÔ PHÀN TÁN

Mai hoa băng phiến	1g
Khô phàn (phèn chua phi)	2,5g

Hoàng bá (sao tồn tính)	2g
Đăng tâm thảo (sao tồn tính)	3g

Chủ trị:

Viêm họng mạn tính, viêm amydan mạn tính.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế trộn đều tán bột mịn.

Mỗi lần dùng 1g thổi vào họng.

Ngày thổi 3 - 4 lần.

6. THANH PHẾ GIẢI ĐỘC THANG

Kim ngân hoa	20g
Bồ công anh	10g
Khổ qua	10g
Giấp qua	10g
Chi tử	8g
Hoắc hương	8g
Thương nhĩ	8g
Lá ngũ trảo	6g
Bạc hà	6g
Bông sứ tây	6g

Chủ trị:

Tỵ uyên (viêm xoang mũi): Nhức đầu trước trán, ngạt mũi, chảy nước mũi vàng đục, chân mày và quầng mắt, đỏ đau, người ớn lạnh phát sốt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp dùng nước sắc thang sau:

Lá Ngải cứu	30g
Lá Sầu đâu	10g
Dây Thần thông	5g
Mai hoa băng phiến (để riêng)	0,2g

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 30ml nước thuốc để nguội cho Mai hoa băng phiến vào quấy tan.

Ngày nhỏ mũi 3 lần, mỗi lần nhỏ 3 - 4 giọt. Chất nhớt sẽ theo miệng ra, nhổ đi.

7. CAO LỎNG HOA ĐẠI

Hoa Đại khô	4000g
Nước	đủ dùng

Chủ trị:

Viêm họng thể xuất tiết và thể quá phát.

Cách dùng, liều lượng:

Hoa Đại khô nấu cao lỏng theo tỷ lệ 4/1.

Súc miệng nước muối, sau đó chấm cao hay phun cao vào họng.

Ngày chấm hoặc phun 2 lần.

8. DUNG DỊCH GLYCERIN LẤU

Cao lỏng Lấu (Bầu giác)	200g
Glycerin trung tính	1000g

Chủ trị:

Viêm họng đỏ, viêm amydan có màng giả (thể nhẹ và vừa).

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ cây Lấu nấu cao lỏng tỷ lệ 5/1. Lấy 200g cao trộn đều với 1000g Glycerin.

Dùng tăm bông sạch thấm thuốc bôi vào 2 hạnh nhân ở thành bên và thành sau của họng. Vùng nào đau nhiều thì bôi trước.

Chú ý:

Trường hợp không có Glycerin có thể pha cao lỏng Bầu giác vào nước chín theo tỷ lệ:

Cao lỏng Lấu	50g
Nước chín	1000ml

Súc miệng nhổ đi - ngày súc 5-6 lần.

9. VIÊN NGẬM BẠC HÀ

Bạc hà diệp	50g
Bách bộ (tẩm mật sao vàng)	50g
Trần bì	50g
Gừng	20g
Cam thảo nam	20g

Chủ trị:

Viêm họng, ho, ngứa cổ, khạc đờm loãng.

Cách dùng, liều lượng:

Bách bộ nấu cao lỏng tỷ lệ 1/1.

Các vị khác sấy khô tán bột mịn, trộn với cao lỏng Bách hộ thêm hồ nước, luyện kỹ làm 100 viên.

Ngày ngậm 5 - 10 viên.

10. HÙNG BẠCH TẠO ĐỞM PHÀN TÁN

Hùng hoàng

Bạch phàn phi khô

Tạo giác (nướng giòn)

Đảm (Đởm) phàn phi khô

Tất cả các lượng bằng nhau

Chủ trị:

Hầu nga phong (yết hầu sưng đau): Họng mọc một hai nốt hoặc nhiều nốt hoặc như mào gà hoặc như nấm, cổ họng sưng, lưỡi rắn chắc (thể quản hỏa).

Hoặc họng tắc đột ngột, cổ sưng, lưỡi cứng thở không được, nói không được, ngậm nước cũng không nuốt được.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn, lấy 1 ít bột cho vào 1 cái ống nhỏ thổi từ từ bột vào họng, độ 2-3 phút sau thuốc thấm đều quanh họng, quanh miệng; người bệnh há mồm cho nước bọt dãi nhớt chảy ra khạc nhổ đi (dãi nhớt chảy ra đặc hôi).

Khoảng 5 - 6 giờ sau cổ nhỏ lại, người bệnh nuốt được cho người bệnh mống tiếp thang thuốc sau:

Cát sâm	20g
Cam thảo	20g
Xạ can	20g
Huyền sâm	20g
Bách bộ	20g
Ngũ bội tử	20g

Các vị sấy khô tán bột mịn, luyện mật ong làm hoàn bằng quả táo. Mỗi lần ngậm 1 viên, ngậm nuốt từ từ tan hết viên này ngậm tiếp viên khác.

Ngày ngậm 15 - 20 viên. Ngậm đến khi khỏi thì thôi.

Chú ý:

Trường hợp các nốt to, da dày khó tiêu tan hết dùng:

Rượu hạt Gấc chấm vào nút cho tiêu tan hết.

(Rượu hạt Gấc: Hạt Gấc sao tách bỏ màng cứng lấy nhân giã nhỏ 100g, rượu trắng 45° 100 - 300ml ngâm trong 2 - 3 ngày dùng).

11. TY QUA ĐẰNG TÁN

Dây mướp già	200g

Chủ trị:

Mũi chảy nước trong hoặc nước đục lẫn mủ, có mùi hôi hoặc tanh.

Cách dùng, liều lượng:

Cắt lấy dây mướp già cách mặt đất độ 40cm rửa sạch, thái nhỏ phơi khô, sao vàng tán bột mịn.

Ngày uống 2 - 3 lần, mỗi lần uống 4g hoà vào 1 chén rượu trắng nhỏ (15ml) uống.

Ngày uống 2 - 3 lần. Uống luôn 7 ngày.

12. HOA CỨT LỢN THANG

Cây Cứt lợn (cả hoa) sao qua	200g
Búp đa lông (sao qua)	200g
Nam thăng ma	20g
Huyền sâm	15g

Chủ trị:

Viêm xoang mũi

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống luôn 4 - 5 ngày

13. SÀI ĐẤT ĐẬU CHIỀU THANG

Sài đất	20g
Đậu Chiều (đậu Cọc rào, đậu Săng)	10g
Rễ Rẻ quạt	8g
Nghệ vàng	8g

Chủ trị:

Viêm họng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml chia uống 4 lần, cách 1 giờ uống 1 lần.

Ngày uống 1 thang.

14. CỨT LỢN BẠC HÀ KINH GIỚI THANG

Cây Cứt lợn (lá, hoa)	12g
Bạc hà	8g
Hoa kinh giới	8g
Hoa húng Giổi (húng Quế)	8g
Lá Cối xay	12g

Chủ trị:

Viêm mũi dị ứng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Kết hợp xông mũi bằng thang sau:

Bạc hà	12g
Cây Cứt lợn	12g
Hương nhu	12g

Các vị rửa sạch, cho vào 300ml nước đun sôi đổ ra ca (cả bả thuốc) bịt giấy kín lại rồi chọc thủng 1 lỗ nhỏ cho hơi bốc lên qua lỗ thủng vào mũi.

Ngày xông thuốc 1 - 2 lần.

Hoặc kết hợp dùng cồn thuốc sau để nhỏ mũi:

Lá cây Cứt lợn	20g
Lá Bạc hà	20g
Lá Hương nhu	20g
Cồn 70^0	200ml

Các lá rửa sạch thái nhỏ ngâm vào cồn trong 24 giờ chắt lấy cồn thuốc.

Khi dùng nhỏ vài giọt cồn thuốc vào phía ngoài lỗ mũi cho chảy từ từ vào trong mũi.

Ngày nhỏ nhiều lần.

15. BỌ MẮM HÚNG CHANH THANG

Bọ mắm (thuốc Giòi)	15g
Húng chanh (Rau Tần dày lá)	12g
Vỏ Quýt	8g
Cam thảo nam	10g
Huyết dụ	12g
Tía tô	8g

Chủ trị:

Viêm mũi, họng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

16. BẠC HÀ CÁT CÁNH KINH GIỚI THANG

Bạc hà	3g
Cát cánh	6g
Kinh giới	6g
Phòng phong	6g
Bạch cương tằm (bỏ đầu)	10g
Cam thảo	6g

Chủ trị:

Họng sưng đau, mắt đỏ, đau đầu do phong nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

17. BẠCH KÉ TẦN BẠC TÁN

Bạch chỉ	9g
Ké đầu ngựa	9g
Tân di	9g
Bạc hà	5g

Chủ trị:

Viêm mũi sinh đau đầu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn.

Ngày uống 2 - 3 lần, mỗi lần uống 3g, uống với nước chín.

18. CÁT CÁNH CAM THẢO THANG

Cát cánh	8g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Viêm họng ho đờm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 50ml nước hấp cách thuỷ hay cho vào 100ml nước, sắc lấy 50ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

19. NGÂN HOA CÁT CÁNH THANG

Kim ngân hoa	9g
Cát cánh	6g
Liên kiều	9g
Cam thảo	3g

Chủ trị:

Viêm amydan.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

20. THANH ĐẠI HUYỀN SÂM THANG

Lá Thanh đại (khô)	15g
Bồ công anh	15g
Huyền sâm	12g

Chủ trị:

Viêm amydan, sưng hạch lympho (tràng nhạc).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

21. THANH ĐẠI NGÂN HOA THANG

Thanh đại căn (rễ)	12g
Kim ngân hoa	10g
Đại hoàng	9g
Hoàng bá	8g
Cam thảo	5g

Chủ trị:

Viêm họng, loét mồm, mẩn ngứa, ban sởi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

22. ĐẬU SỊ CÁT CÁNH CAM THẢO BẠC HÀ THANG

Đạm đậu sị	10g
Cát cánh	4g
Cam thảo	2g
Bạc hà	4g
Chi tử	6g
Lá Tre	6g
Hành	6g

Chủ trị:

Viêm họng đau do phong ôn mới phát.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

23. KHƯƠNG TÔ THANG

Sinh khương	9g
Tía tô	6g
Phòng phong	9g

Chủ trị:

Ngạt mũi, ho, viêm họng, đau đầu do ngoại cảm phong hàn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

24. HUYỀN SINH CHI CÁT THANG

Huyền sâm	6g
Sinh địa	6g
Chi tử	4g
Cát cánh	4g
Hoàng cầm	4g
Cát căn	4g
Kinh giới	4g

Chủ trị:

Họng sưng đau.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

25. NGƯU BÀNG HUYỀN SÂM THANG

Ngưu bàng tử	15g
Huyền sâm	15g

Chủ trị:

Các chứng viêm họng, đau họng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

26. HUYỀN SINH BẠCH BỐI THANG

Huyền sâm	15g
Sinh địa	12g
Bạch thược	12g
Bối mẫu	6g
Đan bì	9g
Mạch môn	3g
Cam thảo	3g
Bạc hà	2g

Chủ trị:

Bạch hầu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

27. HUYỀN THĂNG CAM THANG

Huyền sâm	12g
Thăng ma	12g
Cam thảo	6g

Chủ trị:

Viêm họng, đau họng, phát ban.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

28. LIÊN HUYỀN MẪU HẠ BỐI THANG

Liên kiều	16g
Huyền sâm	12g
Mẫu lệ (nung chín)	9g
Hạ khô thảo	9g
Bối mẫu	6g

Chủ trị:

Viêm hạch lympho vùng cổ chưa vỡ mủ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

29. BỘT THƯƠNG BẠCH HÀ

Thương nhĩ tử	6g
Bạch chỉ	4g
Bạc hà	4g

Chủ trị:

Mũi chảy nước không ngừng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi khô tán bột mịn.

Chia uống 2 lần trong ngày. Uống với nước chín.

30. KHA TỬ CÁT CAM THANG

Kha tử	10g
Cát cánh	10g
Cam thảo	5g

Chủ trị:

Viêm họng, ho, khản mất tiếng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

31. THIÊN MẠCH CAO

Thiên môn	50g
Mạch môn	50g

Chủ trị:

Viêm đau cuống họng, ho.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, thêm 50ml mật ong.

Chia uống 2 lần, mỗi lần uống 15 - 25ml.

Ngày uống 1 thang.

32. NGƯU BÀNG PHÒNG PHONG THANG

Ngưu bàng tử	12g
Phòng phong	10g
Kinh giới tuệ	3g
Bạc hà	3g
Đại hoàng	10g
Cam thảo	3g

Chủ trị:

Viêm họng, viêm amydan.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

33. NGƯU TẤT CAM THẢO THANG

Rễ ngưu tất tươi	20g
Cam thảo	9g

Chủ trị:

Phòng và chữa bạch hầu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

34. CAM THẢO QUA LÂU THANG

Cam thảo	10g
Qua lâu bì	10g
Bạch cương tằm (sao thơm)	10g
Sinh khương	4g

Chủ trị:

Viêm họng, ho, khản tiếng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

35. BẠCH CHỈ XẠ CAN THANG

Bạch chỉ	4g
Xạ can	4g
Cam thảo	4g
Đương quy	4g
Hạnh nhân	4g
Thăng ma	4g

Chủ trị:

Họng sưng, đau nhức, ho sốt do cảm phong nhiệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

36. SINH ĐỊA HUYỀN SÂM THANG

Sinh địa	12g
Huyền sâm	9g
Mạch môn	9g
Cam thảo	6g
Kim quá lãm (củ Gió)	6g

Chủ trị:

Bạch hầu, viêm họng, sốt nóng, miệng khát.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

37. ĐẬU CĂN KINH GIỚI PHÒNG PHONG THANG

Sơn đậu căn	6g
Kinh giới	6g
Phòng phong	4g
Cát cánh	6g
Cam thảo	2g
Bạch cương tằm (sao thơm)	3g
Bạc hà	3g
Xích thược	4g
Quy vĩ	4g
Chi tử	4g

Chủ trị:

Viêm họng sưng đau.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

38. NGÂN HOA CÂU ĐẰNG TÂN DI THANG

Kim ngân hoa	8g
Câu đằng	8g
Tân di	5g
Phòng phong	5g
Bạc hà diệp	5g
Cúc hoa	8g
Cam thảo	5g

Chủ trị:

Viêm mũi cấp có mủ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

39. TÂN DI NHĨ TỬ THANG

Tân di	9g
Thương nhĩ tử	9g

Chủ trị:

Viêm mũi mạn tính, viêm xoang tắc mũi, chảy nước mũi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 200ml nước, sắc còn 100ml, gạn lấy hết nước thuốc, cô đặc còn 30ml để nguội, nhỏ mũi.

Chú ý:

Thuốc sắc, cô xong dùng trong 2 ngày.

Nếu cần nhỏ tiếp, sắc tiếp thuốc mới.

40. NGÂN THÀI LIÊN THANG

Thài lài trắng (Rau Trai)	20g
Liên kiều	10g
Kim ngân hoa	5g

Chủ trị:

Viêm họng, viêm amydan, sốt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

41. TIỄN HỔ CÁT CÁNH THANG

Tiễn hổ	6g
Cát cánh	6g

Ngưu bàng tử	9g
Bạc hà	6g
Hạnh nhân	9g

Chủ trị:

Viêm đau họng, ho nhiều đờm, khó thở sốt nóng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

42. HUYỀN SÂM TÂM LIÊN THANG

Huyền sâm	8g
Xuyên tâm liên	8g
Bách bộ	6g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Viêm amydan, ho viêm phổi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

43. NGƯU CÁT CAM THUYỀN THANG

Ngưu bàng tử	10g
Cát cánh	5g
Thuyền thoái (bỏ đầu, chân)	3g
Cam thảo	3g

Chủ trị:

Viêm họng, viêm phế quản ho, khản mất tiếng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

44. BĂNG SA MINH PHẤN TÁN

Băng sa	3g
Huyền minh phấn	3g
Mai hoa băng phiến	0,5g
Xạ hương	0,25g

Chủ trị:

Các chứng viêm họng, đau họng, amydan.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị nghiền mịn, trộn đều.

Mỗi lần dùng 0,20g bột thổi vào họng đau. Ngày thổi 2 - 3 lần.

CÁC BÀI THUỐC TRỊ BỆNH RĂNG - MIỆNG

1. NHA THỐNG TÁN

Tế tân	50g
Xuyên khung	50g
Bạch chỉ	50g

Chủ trị:

Đau nhức răng người lớn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị phơi khô tán dập, cho vào 500ml cồn 70° ngâm trong 7 -10 ngày.

(Không có cồn dùng rượu 45° ngâm cũng được). Lọc lấy nước thuốc trong đóng vào lọ nhỏ dùng dần.

Khi đau nhức răng dùng tăm bông chấm thuốc chấm vào nơi răng đau nhức.

Ngày chấm 4 - 5 lần.

2. SÁT KHUẨN TIÊU VIÊM CHỈ THỐNG THANG

Tía tô (tươi)	3 ngọn
Vỏ gốc cây Ớt già (tươi)	2 - 3g
Muối ăn	2 - 3g

Chủ trị:

Đau răng, viêm lợi.

Cách dùng, liều lượng:

Tía tô, vỏ gốc cây Ớt già rửa sạch, để ráo nước, giã nhỏ thêm muối trộn đều, đắp vào nơi răng lợi sưng đau.

Ngày đắp 2 - 3 lần.

3. BỘT CAM RĂNG

Thanh đại (bột để riêng)	20g
Hoàng bá (sao vàng)	20g
Thạch cao (đập nhỏ sao qua)	20g
Ngũ bội tử (đập nhỏ sao vàng)	20g

Chủ trị:

Trẻ em cam mồm, loét lở lưỡi, miệng, lợi.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị tán bột mịn, trộn đều với bột Thanh đại.

Ngày bôi vào mồm (chỗ lở loét) 2-3 lần.

4. NGA KHẨU TÁN

Hoàng liên	30g
Băng phiến	30g
Thanh đại	24g
Bằng sa phi	12g
Hoạt thạch	30g

Chủ trị:

Lở loét trong mồm người lớn và trẻ em.

Cách dùng, liều lượng:

Hoàng liên rửa sạch sấy khô tán bột mịn để riêng.

Các vị khác sấy khô tán bột mịn trộn đều với bột Hoàng liên.

Ngày bôi vào nơi loét trong miệng 2-3 lần.

5. RƯỢU CÀ GAI NGƯU TẤT ĐẠI HÀNH

Cà gai leo	200g
Ngưu tất	100g
Sâm đại hành	100g

Chủ trị:

Viêm quanh răng, viêm lợi mủ chân răng, viêm cấp tính vùng niêm mạc miệng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 2000ml rượu trắng 30°, ngâm trong 7 - 10 ngày. Chiết lấy rượu thuốc ngậm. Ngày ngậm 2 - 4 lần, mỗi lần 10ml ngậm trong 10 - 20 phút nhổ đi (thuốc không độc nhỡ nuốt vào cũng không gây tác hại).

Chú ý:

- Trước khi ngậm thuốc cần làm vệ sinh răng miệng để thuốc tác dụng trực tiếp vào tổn thương.

- Có thể pha loãng 10ml rượu thuốc với 10ml nước để tránh sót niêm mạc.

- Viêm quanh răng là bệnh khó chữa, dễ tái phát, cần điều trị nhiều đợt bằng thuốc này.

6. KHỔ LUYỆN BÌ TÁN

Khổ luyện bì (vỏ Xoan)	200g
Binh lang	100g
Bạch phàn	100g
Ô tặc cốt	100g

Chủ trị:

Đau răng, sâu răng có mủ thối.

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ Xoan cạo bỏ hết vỏ đen, phơi sấy khô.

Hạt cau già ủ mềm thái mỏng sấy khô.

Mai mực ngâm nước gạo 1 đêm, bóc bỏ màng cứng, sấy khô.

Bạch phàn và 3 vị trên trộn đều, tán bột mịn, trộn với dầu vừng cho sền sệt.

Khi dùng lấy bông sạch thấm dầu thuốc nhét đắp vào chỗ răng nhức, ngậm trong 30 phút, nhổ đi.

Ngày đắp thuốc ngậm 3 - 4 lần.

Súc miệng lại bằng nước nóng hoặc nước muối.

Chú ý:

Trước khi đắp thuốc, dùng phao vú Dừa nước 12g rửa sạch, ngậm trong 20 phút nhổ bỏ đi. Khi ngậm không nhai nuốt. (Kinh nghiệm nhân dân ngậm phao Dừa nước là để nhử sâu).

7. NGŨ THẠCH THANH BÁ TÁN

Ngũ bội tử (sao giòn)	25g
Thạch cao (nung chín)	25g
Thanh đại (loại bỏ tạp chất)	25g
Hoàng bá (tẩm nước muối sao giòn)	25g

Chủ trị:

Trẻ em cam răng, loét lợi, hơi thở thối.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn trộn đều.

Cho trẻ súc miệng bằng nước Muối nhạt hoặc giã lá Hẹ tươi sát vào chân răng xong bôi thuốc bột vào chân răng, lợi.

Ngày bôi 2 - 3 lần.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn thịt gà khi đang dùng thuốc.

8. NƯỚC SẮC CÂY LẤU

Cây Lấu (Men sứa, Bồ Chát) tươi	500g
Nước	1000ml

Chủ trị:

Viêm quanh răng, viêm tuỷ răng, tuỷ răng hoại tử, viêm quanh cuống răng, viêm tổ chức liên kết do mọc răng, viêm niêm mạc miệng aptơ, chảy máu lợi răng.

Cách dùng, liều lượng:

Cho rễ cây Lấu vào 1000ml nước sắc lấy 300ml nước thuốc, thêm cồn 70^0 hoặc 3g bột Hàn the hoặc 3g bột Phèn phi để bảo quản.

Hàng ngày ngậm nước sắc 3 - 5 lần. Mỗi lần ngậm trong 10 - 15 phút.

Sau khi ngậm nước sắc xong bôi dung dịch Glycerin Lấu (dưới đây) vào lợi răng và răng viêm đau.

Dung dịch glycerin lấu

Cao Lấu (rễ - lá) tỷ lệ 20/1	200g
Glycerin trung tính	1000g

Hoà Cao Lấu vào Glycerin quấy tan đều. Khi dùng thấm vào tăm bông bôi vào răng lợi.

9. CỒN XUYÊN LUYỆN TỬ

Xuyên luyện tử (Quả Xoan)	100g
Cồn 90^0	100ml

Chủ trị:

Viêm tuỷ răng, tuỷ răng hoại tử.

Cách dùng, liều lượng:

Quả Xoan nguyên vẹn rang giòn tán thô, ngâm vào cồn 90^0 trong 5 - 7 ngày.

Gạn lấy dung dịch cồn dùng. Nạo sạch lỗ thủng ở răng (theo quy định của chuyên khoa) sát khuẩn chỗ nạo bằng nước Oxy già hoặc Ether, rồi đặt bông tẩm cồn quả Xoan hàn tạm lại.

Sau 5 - 7 ngày tháo bỏ bông cồn nếu không thấy hôi thì hàn vĩnh viễn.

Chú ý:

Thuốc có độc dùng cẩn thận. Không được nuốt.

10. NƯỚC SẮC SAO ĐEN

Vỏ cây Sao đen	
(cạo sạch vỏ ngoài)	100g

Chủ trị:

Viêm quanh răng, viêm tuỷ răng, hoại tử tuỷ răng, viêm lợi chảy máu, túi viêm răng khôn, viêm ổ răng sau mổ, viêm niêm mạc miệng không đặc hiệu (Aptơ), áp xe hoại tử lợi.

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ cây Sao đen cho vào 500ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chắt lọc trong, thêm 10ml cồn 70^0 để bảo quản.

Lấy sạch cao răng, rửa miệng bằng nước Oxy già. Chấm hoặc đắp bông tẩm nước sắc Sao đen vào nơi có bệnh để nguyên trong 20 - 30 phút rồi nhổ bỏ đi.

Ngày chấm và đắp bông 2 - 3 lần. Làm như vậy trong 5 - 7 ngày.

11. NƯỚC SẮC THÔNG

Vỏ và thân cây Thông	100ml

Chủ trị:

Viêm quanh cuống răng, viêm quanh răng, chảy máu lợi mềm hôi.

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ và thân cây Thông cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, ngậm súc miệng, ngày 3 - 4 lần. Mỗi lần ngậm trong 10 - 15 phút nhổ đi.

Có thể dùng rượu Thông 20% (20g vỏ thân cây Thông + 100ml rượu trắng 40°.

Ngâm trong 5 - 7 ngày, ngậm súc miệng như nước sắc Thông.

12. CỒN THÔNG

Vỏ và thân cây Thông	50g
Cồn 70^0	100ml

Chủ trị:

Viêm quanh cuống răng, viêm quanh răng, răng khôn mọc lệch có biến chứng, chảy máu lợi mềm hôi.

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ và thân cây Thông cho vào cồn 70^0 ngâm trong 7 ngày. Rửa sạch miệng bằng nước Oxy già, chấm cồn thuốc vào lợi và răng đau.

Kết hợp ngậm và súc miệng bằng rượu Thông.

13. CỒN MẮT THÔNG

Vỏ mắt cây thông	250g
Cồn 70°	500ml

Chủ trị:

Viêm quanh cuống răng kể cả 3 thể: Mủ, khô, hỗn hợp. (Răng hết lung lay, lợi hết viêm và hết chảy máu, chân răng sạch mủ).

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ mắt cây Thông cạo sạch vỏ ngoài, sao vàng hạ thổ ngâm trong cồn 70^0 từ 5 - 7 ngày.

Cạo sạch cao răng và súc miệng nước muối, sau đó ngậm dung dịch cồn mắt Thông.

Ngày ngậm 2 lần, mỗi lần ngậm 10 - 15 phút.

Mỗi liệu trình từ 15 - 20 ngày.

14. CỒN VỎ CÂY ĐẠI

Vỏ cây Đại	20g
Cồn 70^0	100ml

Chủ trị:

Viêm quanh răng, viêm lợi chảy máu mủ, viêm nhiễm lợi mạn tính.

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ cây Đại sấy khô ngâm trong cồn 5-7 ngày.

Mỗi ngày ngậm 3 - 4 lần, mỗi lần ngậm 10 -15 phút.

Mỗi liệu trình điều trị 5 ngày. Điều trị 4 - 5 đợt. Có thể dùng cồn thuốc 50% để chấm vào vùng lợi viêm nhiễm.

15. RƯỢU THẠCH LỰU

Búp lá cây Thạch lựu tía	300g
Rượu trắng 45^0	300ml

Chủ trị:

Chân răng đau nhức hoặc hàm răng đau nhức.

Cách dùng, liều lượng:

Búp lá Thạch lựu rửa sạch, thái nhỏ, cho vào siêu đất cho rượu trộn đều đậy vung kín, đun sôi nhẹ, để nguội, gạn lấy nước rượu.

Ngày ngậm 2-3 lần, mỗi lần ngậm 10-15 phút.

16. NƯỚC SẮC HOÀNG OANH DIỆP

Hoàng oanh diệp (lá Duối)	200g

Chủ trị:

Đau nhức răng.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Duối cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, chia ngậm 3 - 4 lần trong ngày.

17. TƯ ÂM THANH NHIỆT SÁT KHUẨN THANG

Sinh địa	20g
Thạch cao	15g
Thanh bì	15g
Đan bì	15g
Kinh giới	15g
Phòng phong	10g
Cam thảo	15g

Chủ trị:

Răng đau nhức, lung lay, chảy máu, sưng bọng răng phát sốt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, người lớn chia uống 2 lần trong ngày.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều.

Chú ý gia vị:

Nếu đau 4 răng cửa hàm trên gia thêm:

Hoàng liên	8g

Nếu đau 4 răng cửa hàm dưới gia thêm:

Hoàng bá	8g

Nếu đau 3 răng nanh hàm trên gia thêm:

Xuyên khung	10g
Chỉ xác	10g

Nếu đau 2 răng lớn hàm trên bên phải gia thêm:

Hoàng cầm	10g
Chỉ xác	10g

Nếu đau 3 răng lớn hàm dưới bên phải gia thêm:

Hoàng cầm	10g
Cát cánh	10g

Nếu đau 3 răng lớn hàm trên bên trái gia thêm:

Khương hoạt	10g
Long đởm thảo	10g

Nếu đau 3 răng lớn hàm dưới bên trái gia thêm:

Sài hồ	10g
Chi tử	10g

Kết hợp dùng thuốc bột sau chấm xỉa vào răng đau.

Thanh đại	5g
Hoàng liên	5g
Ngũ bội tử	15g
Kê nội kim (sao cháy xém)	3 cái
Hoàng bá (sao)	5g
Lá Cam sành (sao)	5g
Hùng hoàng	3g
Long não (để riêng)	2g

Tất cả các vị tán bột mịn, cho Long não vào nghiền trộn đều. Khi đau răng lấy đầu que tăm chấm thuốc bột xỉa vào.

Kiêng kỵ:

Kiêng thịt gà và các chất cay nóng.

18. RƯỢU LỘC VỪNG TẦM XOỌNG

Vỏ cây Lộc vừng	50g
Rễ cây Tầm xoọng (Mền tèn)	50g
Xương bồ	50g
Quả Cà gai	50g

Chủ trị:

Sâu răng, đau nhức răng, chảy máu chân răng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch, nghiền nhỏ ngâm vào 300ml rượu trắng 45°. Dùng tăm bông chấm rượu thuốc vào nơi đau hoặc đặt bông rượu thuốc tại chỗ đau. Ngày đặt nhiều lần.

19. THUỐC XÚC MIỆNG TRẦU KHÔNG BÚP BÀNG NGHỆ VÀNG

Trầu không tươi	50g
Búp Bàng (cây Bàng) tươi	50g
Nghệ vàng tươi	50g
Rượu trắng 40 - 45°	đủ dùng

Chủ trị:

Viêm lợi, sưng bọng răng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch để ráo nước, giã thật nhỏ cho vào chai đổ ngập rượu, đun cách thuỷ sôi 30 phút, để nguội ngậm súc miệng ngày 2-3 lần, mỗi lần ngậm 10-15 phút nhổ đi.

20. THANG THẠCH MÔN HUYỀN

Thạch cao sống (giã dập)	20g
Mạch môn	16g
Huyền sâm	16g
Sinh địa	16g
Thục địa	16g
Tri mẫu	16g
Ngưu tất	20g
Đương quy	12g

Chủ trị:

Nha chu viêm, chảy máu chân răng, lở loét chân răng, răng lung lay, miệng hôi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống 5 ngày.

21. CỒN HOÀNG OANH HƯƠNG PHỤ

Hoàng oanh bì (vỏ cây Duối)	50g
Hương phụ	50g
Cồn 70°	100ml

Chủ trị:

Đau nhức răng.

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ Duối cạo sạch vỏ ngoài, củ Gấu loại bỏ hết lông.

Cả hai vị giã hoặc nghiền nát, cho vào cồn ngâm 7 ngày.

Dùng tăm bông nhúng cồn thuốc nhét vào chỗ răng bị đau, ngậm trong 15 - 20 phút.

Ngày ngậm 2 - 4 lần.

22. NHA CAM TẨU MÃ TÁN

Thanh đại	20g
Nhân trung bạch (cặn nước Tiểu)	20g
Hoàng liên	12g
Đinh hương	8g
Hoàng bá	8g
Bạch phàn	8g
Sạ hương	4g
Đại hồi	4g

Chủ trị:

Cam tẩu mã (ung sử): Đầu tiên loét ở phần mềm miệng (môi, má) sau đó lan dần vào lợi và xương hàm làm răng lung lay, lan rất nhanh có thể 1 - 2 ngày ăn lan đến môi, mũi, phá huỷ các phần mềm và xương bị hoại tử trơ ra.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị tán bột mịn.

Rửa sạch chỗ răng lợi bị loét bằng nước Oxy già, đắp bột thuốc vào chỗ loét ngày 3-4 lần.

23. THẠCH ĐAN HƯƠNG BIỂN XÍCH THANG

Thạch hộc	9g
Đan bì	9g
Hương nhu	6g
Bạch biển đậu	9g
Xích thược	9g
Chỉ xác	6g
Phục linh	9g
Quất bì	6g
Cam thảo	3g

Chủ trị:

Loét miệng, sưng viêm quanh chân răng, sốt sau khi lên sởi.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần.

Ngày uống 1 thang.

CÁC BÀI THUỐC TRỊ BỆNH TAI

1. BỘT HÙNG ĐƠN

Hùng hoàng	4g
Hồng đơn	8g
Bằng sa	8g
Băng phiến	4g
Khô phàn	20g

Chủ trị:

Viêm tai giữa có mủ, thối.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn, trộn đều.

Mỗi buổi tối và sáng lau sạch mủ và chất nhầy bằng nước muối loãng, lau khô.

Dùng giấy sạch cuốn thành 1 ống nhỏ (đầu to, đầu bé như miệng phễu) cho 1 ít bột thuốc bằng hạt ngô thổi vào tai.

2. CAO LỎNG PH3

Phèn phi (Khô phàn)	50g
Lá Hẹ tươi	100g
Hồng hoa	100g
Nước	2000ml

Chủ trị:

Viêm tai có mủ (chưa có biến chứng viêm tai xương chũm).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào nước đun sôi kỹ trong 2 giờ, gạn ép lấy nước, lọc trong, cô lại còn 100ml.

Rửa và lau sạch tai bằng nước Oxy già.

Sau đó nhỏ thuốc cao vào tai.

Ngày nhỏ 2 lần.

3. CỬU THÁI TRẤP

Lá Hẹ tươi (Cửu thái)	20g

Chủ trị:

Lỗ tai sưng, đau nhức, có khi ra mủ.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Hẹ tươi, rửa sạch, giã nát, vắt lấy nước cốt nhỏ vào lỗ tai.

Ngày nhỏ 3-4 lần. Nhỏ đến khi hết sưng đau.

4. BẠCH PHÀN XÀ THOÁI TÁN

Bột Phèn phi	
(Bạch phàn phi)	2 phần
Bột than xác Rắn (Xà thoái)	1 phần
Bột than xác Ve sầu	
(Thuyền thoái)	1 phần

Chủ trị:

Viêm tai giữa chảy mủ.

Cách dùng, liều lượng:

Xác Rắn, xác Ve sầu đốt tồn tính, Phèn chua phi khô.

Các vị trộn đều, tán bột mịn.

Rửa sạch tai, lau khô, rắc 1 lượng thuốc bột bằng hạt đậu xanh vào lỗ tai.

Ngày sắc 1 - 2 lần.

5. THANG CỬU THÁI KHÔ PHÀN

Nước ép lá Hẹ tươi.

Bột Khô phàn tán mịn.

Chủ trị:

Viêm tai giữa chảy mủ.

Cách dùng, liều lượng:

Nước ép lá Hẹ để riêng.

Bột Khô phàn để riêng.

Rửa sạch tai, lau khô, thổi 1 lượng bột Phèn phi bằng hạt đậu xanh vào trong lỗ tai, sau đó nhỏ vào lỗ tai 1 - 2 giọt nước ép lá Hẹ tươi.

Ngày nhỏ 1 - 2 lần.

6. THƯƠNG MA NHĨ THẢO XƯƠNG BỒ THANG

Thương ma (cây Cối xay Trung Quốc)	20g
Hổ nhĩ thảo (cỏ Tai hổ)	20g
Thạch xương bồ	10g
Vương bất lưu hành (cây Mua)	12g

Chủ trị:

Tai ù, tai nghe như tiếng ve kêu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Không có cây Cối xay Trung Quốc thay bằng cây Cối xay Việt Nam cùng họ.

7. TANG DIỆP CHỈ MA HOÀN

Tang diệp	250g
Hắc chi ma (Vừng đen)	60g

Chủ trị:

Ù tai, hoa mắt, nhức đầu, huyết áp tăng do can thận suy yếu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao nhẹ, tán bột mịn, luyện mật ong làm hoàn 1 - 2g.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 10g. Uống với nước chín hay nước muối nhạt. Uống xa bữa ăn.

PHẦN NĂM

NGOẠI THƯƠNG KHOA

CÁC BÀI THUỐC CHỮA CHOÁNG, NGẤT, CHẤN THƯƠNG, BONG GÂN, SAI KHỚP, VẾT THƯƠNG PHẦN MỀM, BÓ GÃY XƯƠNG, CHẢY MÁU, BỎNG, VIÊM CƠ, UNG NHỌT

1. BỘT SÂM ĐẠI HÀNH

Củ Sâm đại hành (Tỏi lào) lượng tuỳ ý

Chủ trị:

Choáng (Hưu khắc) do bị thương nặng

Cách dùng, liều lượng:

Thái nhỏ tẩm nước gừng sao khô tán bột mịn, trộn đều.

Người lớn ngày uống 3 lần, mỗi lần 20g.

Trẻ em dưới 10 tuổi 1/2 liều người lớn, chia 3 lần.

Hoà thuốc vào nước sôi, thêm chút đường, vừa ngọt, cách 3 - 4 giờ uống 1 lần.

2. BỘT SÂM TÔ LIÊN THẢO

Nhân sâm (tẩm gừng sao)	100g
Tô mộc	100g
Hạn liên thảo (cỏ Mực) khô	50g

Chủ trị:

Choáng do vết thương quá đau, mất máu nhiều.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao sấy khô, tán bột mịn, trộn đều.

Người lớn ngày uống 3 lần mỗi lần 15 - 20g.

Trẻ em dưới 10 tuổi, uống 1/2 liều người lớn chia 3 lần.

Hoà thuốc vào nước sôi uống, cách 3 - 4 giờ uống 1 lần.

Chú ý:

Nếu không có Nhân sâm có thể dùng Sâm cát lâm của Trung Quốc hoặc Bố chính sâm.

3. RƯỢU ĐỒNG TIỆN

Nước tiểu trẻ em	50ml
Rượu trắng 40°	30ml

Chủ trị:

Choáng do bị thương dập nát, huyết ứ sưng tím, đau nhức hoặc bị bỏng nặng đau rát sinh choáng.

Cách dùng, liều lượng:

Dùng nước tiểu trẻ em 2 - 7 tuổi khoẻ mạnh, đái bỏ nước tiểu đầu, hứng lấy đoạn giữa, hoà với rượu uống 1 lần.

Cách 3 - 4 giờ uống tiếp 1 liều như trên. .

Ngày uống 3 lần (uống lúc nào lấy nước tiểu mới uống ngay lúc đó).

Chú ý:

Trẻ em hoặc người lớn không uống được rượu thì dùng bài sau:

Nước tiểu trẻ em	20ml
Rượu trắng 40°	20ml
Đường kính	20g
Nước chín nguội	40ml

Các thứ hoà đều, quấy tan đường uống 1 lần.

Ngày uống 3 lần, cách 3 - 4 giờ uống 1 lần.

4. SÂM KHƯƠNG MẪU LỆ TÁN

Nhân sâm hoặc Bố chính sâm (tẩm gừng sao)	40g
Can khương (đốt cháy xém)	10g
Mẫu lệ nướng	20g
Ô mai (để riêng)	3 quả

Chủ trị:

Nạn nhân vốn người yếu xanh lại bị thương nặng, mất máu nhiều, choáng người rét run, tay chân lạnh, mồ hôi vã ra, mạch tế yếu (chìm nhỏ), biểu hiện chứng "hư thoát".

Cách dùng, liều lượng:

Sâm, Gừng, Mẫu lệ tán bột mịn trộn đều.

Ô mai cho vào 200ml nước, đun kỹ lấy nước hoà thuốc bột vào, chia uống 2 lần. Uống lúc thuốc còn nóng.

5. BỘT THÔNG QUAN

Bồ kết (bỏ hột sao vàng)	40g
Bán hạ (sấy khô)	20g

Chủ trị:

Cấp cứu ngất (vựng quyết). Ban đầu nạn nhân thoáng cảm thấy toàn thân bủn rủn (mất sức) mắt tối sầm, mồ hôi vã ra hoặc không có mồ hôi, đột nhiên gục ngã, ngất sỉu hôn mê không biết gì, mặt tái nhợt, tay chân giá lạnh, mạch đập chậm nhỏ và yếu, huyết áp xuống thấp, thở chậm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao sấy khô, tán bột mịn, trộn đều.

Làm một ống nhỏ như chiếc đũa dài độ 15 - 20cm (bằng giấy cuộn lại hay ống sậy nhỏ). Cho một ít thuốc bột vào đầu ống (lượng thuốc bằng hạt đậu đen), nhẹ nhàng đưa đầu ống có thuốc vào lỗ mũi nạn nhân, rồi thổi rất nhẹ để thuốc bột bay toả vào trong xoang mũi (nếu thổi mạnh thuốc sẽ bay bật trở ra ngoài mũi không có tác dụng). Thuốc gây kích thích, nạn nhân hắt hơi hồi tỉnh. Nếu nạn nhân chưa tỉnh lại thổi tiếp vào lỗ mũi bên chưa thổi thuốc.

6. BỒ KẾT XƯƠNG BỒ TÁN

Bồ kết (bỏ hạt sao vàng)	40g
Thạch xương bồ (sấy khô)	20g

Chủ trị:

Cấp cứu ngất thuộc bế chứng (người khoẻ, không có mồ hôi, tay chân ấm).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao sấy tán bột mịn, trộn đều.

Dùng một ít bột thổi vào mũi (cách thổi như bài trên).

7. BỘT ĐINH LĂNG HOÀI SƠN

Củ cây Đinh lăng (lá nhỏ)	60g
Hoài sơn	40g

Chủ trị:

Nạn nhân bị thương nặng, vết thương đã được xử trí cấp cứu đã hồi tỉnh, có biểu hiện người mệt lả, lo âu hoặc có hiện tượng ngất.

Cách dùng, liều lượng:

Củ Đinh lăng rửa sạch, đồ chín, thái mỏng sao giòn tán bột mịn. Hoài sơn ủ mềm thái mỏng sao giòn tán bột mịn, trộn đều hai thứ bột.

Người lớn ngày uống 3 lần, mỗi lần uống 25g.

Trẻ em tuỳ tuổi giảm liều lượng thích hợp.

Hoà thuốc bột vào nước sôi, cho thêm ít đường uống.

8. BỘT LẠC TIÊN DÂU TẰM ĐẬU XANH

Lá Lạc tiên (phơi hoặc sấy khô)	500g
Lá Dâu tằm (phơi hoặc sấy khô)	500g
Đậu xanh (sao vàng)	300g

Chủ trị:

Nạn nhân bị thương nặng, lo âu, quá sợ hãi xuất hiện ngất hoặc bị ngất đã cấp cứu hồi tỉnh, người rất mệt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao sấy khô, tán bột mịn, trộn đều.

Người lớn ngày uống 3 lần, mỗi lần 30g.

Trẻ em uống 1/2 liều người lớn.

Hoà thuốc bột với nước, đun sôi 10 phút, để lắng, gạn lấy nước trong thêm chút đường quấy tan uống.

9. NƯỚC TRẦU KHÔNG KHÔ PHÀN

Lá Trầu không tươi	100g
Khô phàn (Phèn chua phi khô)	20g

Chủ trị:

Rửa vết thương do bỏng.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Trầu không rửa sạch thái nhỏ cho vào 4000ml nước, đun sôi 15 phút, để nước còn hơi nóng, cho Khô phàn vào quấy tan. Lọc lấy nước trong đóng vào chai dùng trong 48 giờ. Khi rửa vết thương cầm chai thuốc rót nước chảy từ từ vào vết thương, đồng thời dùng tăm bông gạt rửa sạch bụi bẩn trên vết thương, rồi thấm khô bằng thuốc.

10. NƯỚC HOÀNG OANH DIỆP

Hoàng oanh diệp (lá Duối) tươi	50g
Lá Trầu không tươi	30g

Chủ trị:

Rửa vết thương do bỏng.

Cách dùng, liều lượng:

Các lá rửa sạch cho vào 2000ml nước, đun sôi 15 phút lọc lấy nước trong, rửa vết thương như bài trên.

11. NƯỚC TÔ PHÙ BẠCH

Tô mộc (gỗ Vang)	60%
Phù lưu diệp (Trầu không)	25%
Bạch phàn (Phèn chua)	15%

Chủ trị:

Rửa vết thương, vết bỏng.

Cách dùng, liều lượng:

Gỗ vang, lá Trầu không rửa sạch cùng với Phèn chua cho vào thùng thêm nước theo tỷ lệ cứ 1000g thuốc cho 10 lít nước đun sôi trong 30 phút. Khi nước thuốc còn ấm lọc trong đóng chai dùng dần.

Cách rửa vết thương như hướng dẫn trong bài trên.

12. NƯỚC BẠCH ĐỒNG NỮ

Bạch đồng nữ (Bấn trắng)	1000g
Thực diêm (Muối ăn)	90g
Nước	10 lít

Chủ trị:

Rửa ngâm vết thương phần mềm, vết bỏng nhiễm khuẩn.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Bạch đồng nữ rửa sạch thêm muối, nước, đun sôi trong 60 phút, lọc lấy nước thuốc trong dùng trong 24 - 36 giờ.

(Mùa hè dùng nước để nguội, mùa đông dùng nước còn ấm). Đóng nước thuốc vào chai có ống dẫn như chai dịch tiêm truyền nút kín treo ngược chai cho nước thuốc chảy nhỏ giọt xuống vết thương.

Khi rửa cho nước chảy to, vết thương đã sạch điều chỉnh cho chảy nhỏ giọt đều đều liên tục xuống vết thương, thời gian nhỏ 2 - 3 giờ tuỳ theo vết thương. Sau đó lấy một lớp gạc vô khuẩn phủ kín vết thương, dùng băng dải băng nhẹ.

Mỗi ngày ngâm rửa vết thương 1 lần.

13. NƯỚC MUỐI SÀI ĐẤT

Thực diêm (Muối ăn)	10g
Lá Sài đất tươi	100g

Chủ trị:

Rửa vết thương vết bỏng.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Sài đất (rửa sạch) cho Muối ăn thêm 2 lít nước đun sôi 30 phút, để ấm, lọc lấy nước trong rửa vết thương. Khi rửa rót nước thuốc chảy từ từ vào vết thương, đồng thời dùng tăm bông gạt rửa sạch vết thương, thấm khô, băng thuốc.

14. THUỐC BÔI TRÀ NGHỆ

Lá Chè xanh	100g
Nghệ vàng già	50g

(lượng thuốc tăng ít hay nhiều tuỳ theo vết bỏng hẹp hay rộng).

Chủ trị:

Các vết bỏng da chưa bị rộp bọc nước, hoặc đã bị rộp nước vỡ loét.

Cách dùng, liều lượng:

Hai vị trên rửa sạch để riêng đem giã nhỏ từng thứ vắt ép lấy nước nguyên chất, trộn đều 2 nước với nhau. Dùng bông thấm chấm nước thuốc bôi lên vết bỏng bôi liên tục, hoặc có thể tẩm thuốc vào bông đắp lên vết bỏng, đắp 15 - 20 phút bông nóng thay miếng bông thuốc khác.

Khi đau giảm, nóng rát đã bớt thì 30 - 40 phút thay đổi miếng bông thuốc 1 lần.

15. CAO XOAN NHỪ

Vỏ cây Xoan nhừ (Xoan trà) tươi

Chủ trị:

Các vết bỏng mới, bỏng độ I - III, các vết thương nông, rộng chưa nhiễm khuẩn.

Cách dùng, liều lượng:

Lượng dùng tuỳ ý, gọt bỏ lớp vỏ thô ngoài, rửa sạch thái nhỏ cho nước ngập thuốc 5cm nấu sôi trong 2,giờ gạn lấy nước thuốc lọc trong, cô thành cao lỏng sền sệt.

Rửa sạch vết bỏng, nếu có bọc nước chọc cho chảy hết nước, lấy bông sạch thấm khô. Dùng tăm bông chấm cao phết kín vết thương, để ngỏ không cần đắp bông băng, một lúc khi thuốc se sẽ tạo thành lớp màng khô bảo vệ vết thương. Hôm sau thấy chỗ nào thuốc bị nứt có nước tiết ra lấy bông sạch thấm khô, tiếp tục bôi thuốc cao phủ kín. Hai ngày rửa lại vết thương bằng các nước thuốc rửa vết thương, vết bỏng, thấm khô và bôi thuốc cao mới phủ kín lên vết thương như trên.

16. CAO VỎ SUNG

Vỏ cây Sung (Ưu đàm thụ) tươi

Chủ trị:

Bỏng mới, chưa nhiễm khuẩn.

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ cây Ưu đàm thụ lượng dùng tuỳ ý, rửa cạo bỏ lớp vỏ ngoài, thái nhỏ cho nước ngập thuốc 5cm nấu sôi trong 2 giờ, gạn lấy nước thuốc lọc trong, cô thành cao lỏng sền sệt.

Rửa sạch vết bỏng, nếu có bọc nước chọc cho chảy hết nước lấy bông sạch thấm khô, dùng tăm bông chấm cao thuốc bôi phủ kín vết bỏng, phủ một lớp gạc mỏng không cần băng.

Ngày bôi thuốc 3 - 4 lần.

17. CAO ĐÀO KIM KHƯƠNG HOÀNG

Lá Đào kim nương (Lá sim) tươi	5kg
Khương hoàng già tươi	700g

Chủ trị:

Các vết bỏng đã bị loét hoặc các vết thương phần mềm đang sưng đau, hoặc đã bị nhiễm khuẩn, có mùi hôi thối.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Sim tươi rửa sạch cho vào thùng inox đổ ngập nước khoảng 10cm, nấu sôi khoảng 4 - 5 giờ cạn còn khoảng hơn 1 lít, gạn lọc lấy nước thuốc.

Nghệ rửa sạch cắt bỏ rễ con, thái mỏng giã ép lấy nước cốt Nghệ cho vào nước lá Sim, quấy đều cô thành cao lỏng sền sệt.

Khi dùng rửa sạch vết thương, thấm khô, lấy bông thấm sạch chấm cao lá Sim Nghệ bôi phủ lên vết thương.

Ngày bôi 2 - 3 lần.

18. THUỐC ĐẮP DIỆP SINH CĂN TƯƠI

Diệp sinh căn tươi (Cây thuốc bỏng)

Chủ trị:

Các vết bỏng độ II và các vết thương phần mềm.

Cách dùng, liều lượng:

Hái lá tươi liều lượng tuỳ ý, rửa sạch, thái nhỏ, giã nát nhuyễn..

Rửa sạch vết thương, đắp lá Bỏng giã nhuyễn phủ kín, băng lại.

Ngày thay thuốc 1 lần.

Chú ý:

Nếu vết bỏng nặng, đau rát khó chịu thì cho nạn nhân uống thêm nước lá Bỏng cách làm như sau:

Lá Bỏng	10g

Rửa sạch, giã nhuyễn, hoà vào 200ml nước chín nguội, quấy đều, uống cả bã.

Ngày uống 2 liều như trên.

19. CAO KHƯƠNG HOÀNG NGƯU THIỆT THẢO

Khương hoàng khô	500g
Ngưu thiệt thảo (cây Chút chít) khô	500g
Dầu thực vật	3kg
Tùng hương (colophan)	đủ dùng
Sáp ong	

Chủ trị:

Các vết bỏng sâu, các vết thương phần mềm rộng, sâu mới bị hoặc đã bị nhiễm khuẩn viêm tấy có mùi hôi thối.

Cách dùng, liều lượng:

Nghệ, Chút chít rửa sạch thái nhỏ mỏng, phơi khô, cho vào xoong nhôm, đổ dầu vào đun sôi kỹ 3 - 4 giờ, xác thuốc nổi lên có màu đen thì tắt lửa, để dầu bớt nóng lọc qua vải bỏ bã. Đem cân dầu thuốc để tính tỷ lệ cho Sáp ong và Tùng hương như sau.

Cứ 1 kg Dầu thuốc thì cho 180g Sáp ong và 150g Tùng hương. Đem nấu lại cho sôi tan hết sáp ong và tùng hương. Lọc lại để vào lọ thuỷ tinh hay bát rộng miệng dùng dần.

Khi dùng rửa sạch vết thương, dùng bông thấm khô, lấy gạc sạch phết một lớp cao mỏng lên mặt gạc, dán kín lên vết thương.

Ngày thay thuốc 2 lần. Vết thương nhiều mủ thay thuốc 3 lần. Không nên bôi cao dày kém tác dụng.

20. NƯỚC TÔ MỘC VÒI VOI KINH GIỚI TRẦU KHÔNG PHÈN CHUA

Tô mộc khô	200g
Cây Vòi voi khô (Đại vĩ đao)	100g
Kinh giới khô	100g
Lá Trầu không tươi	100g
Phèn chua tán nhỏ	20g

Chủ trị:

Các vết bỏng nhẹ, đỏ quầng hoặc đã phỏng rộp nước, đau rát.

Cách dùng, liều lượng:

Bột Phèn chua để riêng.

Các vị khác rửa sạch thái nhỏ cho vào 2 lít nước sắc lấy 500ml nước thuốc cho bột phèn chua vào đun sôi, quấy tan hết phèn, lọc trong.

Rửa sạch vết thương, thấm khô, bôi thuốc hoặc đắp bông gạc thuốc kín vết bỏng.

Ngày bôi đắp 4 - 5 lần.

21. BỘT XUYÊN SƠN GIÁP

Xuyên sơn giáp (vẩy con Tê tê)	200g
Gạo nếp cẩm	200g

Chủ trị:

Các vết bỏng bị lở loét, chẩy nhiều nước vàng.

Cách dùng, liều lượng:

Vảy Tê tê sao cát phồng đều.

Gạo nếp cẩm sao tồn tính, hai vị trộn lẫn, tán bột mịn.

Khi dùng rửa sạch vết thương, thấm khô, rắc bột thuốc kín vết bỏng, đợi một lúc sau vết thương chỗ nào rò rỉ nước vàng, dùng bông thấm khô, rắc tiếp thuốc phủ cho kín. Dùng băng dải băng lại.

22. BỘT KHANG TỲ ƯU ĐÀM THỤ

Ưu đàm thụ	1000g
Khang tỳ	1000g
Rượu trắng 40 - 45°	đủ dùng.

Chủ trị:

Vừa mới bị bỏng, da chưa nổi bọc nước, hoặc bị bỏng napan.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Sung tật (loại lá bánh tẻ, xanh không có sâu) rửa sạch phơi khô sao đen (vừa đen tới).

Gạo tẻ giã rồi đem giã lại lần nữa, sàng lấy cám, sao kỹ cho đến khi vừa đen tới.

Hai vị trộn lẫn tán bột mịn.

Dùng rượu trắng tẩm vào bông hoặc gạc đắp kín vết bỏng (bông gạc hơi khô lại tẩm rượu cho ướt đắp tiếp). 20 - 30 phút sau mới rắc thuốc bột kín vết bỏng chỗ nào rò rỉ nước vàng dùng bông thấm khô rắc tiếp thuốc phủ cho kín.

Chú ý:

- Trường hợp bỏng nặng, có sốt cao, buồn bực khát nước đòi uống nước mát, nói mê sảng, đại tiện táo bón, nước tiểu vàng hoặc đỏ đó là hiện tượng hoả độc lấn vào trong phải kịp thời cho uống ngay bài thuốc sau:

THANH HOẢ GIẢI ĐỘC

Kim ngân hoa	40g
Kim cúc hoa (hoa cúc vàng)	20g
Bồ công anh	40g
Sinh thạch cao (tán bột)	40g
Cát căn	20g
Chi tử	20g
Hoàng liên	10g
Hoàng cầm	10g
Ngưu thiệt thảo (chút chít)	10g

Các vị cho vào 1200ml nước, sắc lấy 600ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày. Uống lúc thuốc đã nguội.

Ngày uống 1 thang. Uống liền mấy thang.

- Trường hợp bị bỏng nặng, sốt đã kéo dài mấy ngày, sốt cao, buồn bực, vật vã khát nước, tiểu tiện ít và đỏ, đại tiện táo bón, môi miệng khô se. Đó là hiện tượng hoả thịnh hãm ở trong làm thương tổn tân dịch phải cho uống ngay bài thuốc sau:

THANH NHIỆT GIẢI ĐỘC DƯỠNG ÂM SINH TÂN DỊCH

Kim ngân hoa	40g
Kim cúc hoa	20g
Sinh địa	40g
Huyền sâm	20g
Qua lâu căn	20g
Hạ khô thảo	20g
Xa tiền tử	20g
Mạch môn	20g
Cốt khỉ củ	20g
Quyết minh tử	20g

Các vị cho vào 1200ml nước, sắc lấy 600ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày, uống lúc thuốc đã nguội.

Ngày uống 1 thang. Uống liền mấy thang.

23. BỘT SÂM ĐẠI HÀNH

Sâm đại hành liều lượng tuỳ ý

Chủ trị:

Cầm máu, các vết thương phần mềm.

Cách dùng, liều lượng:

Sâm đại hành rửa sạch, thái nhỏ sấy khô giòn tán bột mịn. Dùng khi vết thương đã được xử lý, rắc thuốc bột Sâm đại hành kín vết thương, đặt gạc hoặc bông vô khuẩn lên trên vết thương băng ép chặt.

Vết thương thông thường ngày thay băng 1 lần.

Vết thương nặng, sâu sau khi băng thuốc cầm máu xong chuyển ngay nạn nhân lên tuyến điều trị trên.

24. BỘT CAN KHƯƠNG MÃ ANH ĐAN

Lá hoa Mã anh đan (cây Tứ quý)	200g
Can khương	80g

Chủ trị:

Cầm máu, tiêu sưng, giảm đau, điều trị các vết thương phần mềm.

Cách dùng, liều lượng:

Lá và hoa Tứ quý rửa sạch phơi sấy khô giòn. Can khương sấy giòn, trộn lẫn tán bột mịn.

Dùng khi vết thương đã được xử lý, rắc thuốc bột Can khương Mã anh đan kín vết thương, đặt gạc hoặc bông vô khuẩn lên trên vết thương, băng ép chặt. Vết thương thông thường ngày thay băng 1 lần.

25. BỘT VÔI LÁ GAI

Vôi tôi để hả	100g
Trữ ma diệp	60g
Ô long vĩ	20g
Ô tặc cốt	
(nướng cháy lớp vỏ cứng)	20g

Chủ trị:

Cầm máu, tiêu sưng, giảm đau, sát khuẩn, điều trị các vết thương phần mềm.

Cách dùng, liều lượng:

Vôi tôi đã 2 - 3 tuần, cho vào lá Gai (đã rửa sạch) giã nhuyễn đem sấy khô giòn trộn lẫn với Ô tặc cốt, Ô long vĩ (bồ hóng bếp) lấy loại bồ hóng đun bằng rơm, rạ, cỏ, củi gỗ tán bột mịn.

Khi dùng điều trị làm như các bài 23 - 24.

26. BỘT LỆ CHI HẠCH

Lệ chi hạch (hạt Vải)	100g
Tóc rối (đốt ra than)	50g
Bách thảo sương	
(muội trôn nồi)	50g

Chủ trị:

Cầm máu vết thương và điều trị các vết thương phần mềm (tiêu sưng, giảm đau, sinh da non).

Cách dùng, liều lượng:

Lệ Chi hạch rửa sạch giã dập nát, sao đen tồn tính.

Tóc rối rửa sạch bằng nước Bồ hòn hoặc Bồ kết, đốt cháy ra than. Muội trôn nồi (nồi đun rơm, rạ, cỏ, củi) sao lại cho cháy.

Trộn lẫn cả 3 vị, tán bột mịn.

Khi dùng điều trị làm như các bài 23-24-25.

Chú ý:

Không có hạt Vải dùng hạt Nhãn thay thế, lượng dùng như hạt Vải.

27. BỘT HẠN LIÊN THẢO

Hạn liên thảo	100g
Lá Ba tiêu (chuối hột) khô	100g
Huyết dư thán (tro tóc người)	100g

Chủ trị:

Cầm máu vết thương, các vết thương phần mềm (tiêu sưng lên da non).

Cách dùng, liều lượng:

Hạn liên thảo, lá Ba tiêu sao cháy đen. Tóc người rửa nước Bồ kết đốt cháy tồn tính.

Các vị sao chế xong trộn lẫn tán bột mịn.

Khi dùng điều trị làm như các bài 23-24-25-26.

28. BỘT BẠCH THẠCH

Bạch cập (sấy giòn)	100g
Thạch cao	
(nung trên than 10 phút)	100g

Chủ trị:

Cầm máu vết thương động mạch, tĩnh mạch, các vết thương phần mềm (cầm máu giải độc, giảm đau, sinh da non).

Cách dùng, liều lượng:

Hai vị trộn lẫn tán bột mịn.

Rắc thuốc và băng như các bài 23-24-25-26-27.

Đối với các vết thương phần mềm nếu bị nhiễm khuẩn thì mỗi ngày thay thuốc và rửa 1 lần cho đến khi khỏi.

29. BỘT NAM LĨNH NGUYÊN HOA

Lá Nam lĩnh nguyên hoa (lá Niệt gió) tươi

liều lượng dùng tuỳ ý

Chủ trị:

Cầm máu và chữa các vết thương phần mềm (cầm máu, thanh nhiệt, sát khuẩn, giải độc, tiêu viêm).

Cách dùng, liều lượng:

Hái lá tươi non, rửa sạch, giã nhỏ mịn, đắp vào vết thương nơi chảy máu, băng chặt lại.

30. BỘT BA CHẠC CỎ NHỌ NỒI

Lá Ba chạc tươi (Bí bái)	1 phần
Cỏ Nhọ nồi tươi	2 phần

Chủ trị:

Cầm máu vết thương động mạch, tĩnh mạch và chữa các vết thương phần mềm (tiêu viêm, sinh da non).

Cách dùng, liều lượng:

Hai vị rửa sạch giã nhuyễn, đắp vào nơi chảy máu và vết thương băng ép chặt.

Khi máu đã cầm tiếp tục dùng bài thuốc trên để điều trị tiếp vết thương phần mềm nhưng liều lượng thay đổi như sau:

Lá Ba chạc tươi	2 phần
Cỏ Nhọ nồi tươi	1 phần

Hai vị rửa sạch giã nhuyễn đắp lên vết thương, băng chặt lại.

Ngày thay thuốc 1 lần.

31. BỘT ĐẢN SÁT THUỶ DUNG

Vỏ Trứng gà (Đản sát)	100g
Vỏ cây Vối nhà (Thuỷ dung)	100g

Chủ trị:

Các vết thương mới hay đã nhiễm khuẩn (tiêu viêm, giảm đau, sinh da non).

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ Trứng gà, rửa sạch, bóp nát sao cháy tồn tính.

Vỏ cây Vối nhà cạo bỏ vỏ thô ngoài rửa sạch thái nhỏ phơi khô sao cháy tồn tính. Trộn lẫn tán bột mịn.

Rửa sạch vết thương, thấm khô, rắc bột thuốc kín lên.

Ngày rắc thuốc 1 lần.

Chú ý:

- Nếu vết thương nông, nhỏ thì sau khi rắc thuốc để hở cho vết thương mau khô.

- Nếu vết thương sâu, rộng sau khi rắc thuốc đặt gạc lên trên băng lại

32. BỘT KHƯƠNG HOÀNG LIÊN TIỀN THẢO

Rau Má	60 phần
Khương hoàng già	35 phần
Khô phàn	5 phần

Chủ trị:

Các vết thương đã nhiễm khuẩn; viêm tấy có mùi hôi thối (tiêu viêm, sát khuẩn, sinh da non).

Cách dùng, liều lượng:

Rau má rửa sạch phơi khô hoặc sấy giòn.

Nghệ vàng thái mỏng sấy giòn.

Trộn lẫn cả 3 vị tán bột mịn.

Rửa sạch vết thương, thấm khô rắc bột thuốc kín vết thương. Vết thương nông nhỏ sau khi rắc thuốc để hở.

Vết thương sâu, rộng sau khi rắc thuốc đặt gạc lên trên băng lại.

Ngày rắc thuốc 1 lần.

33. BỘT LÁ SẮN THUYỀN

Lá Sắn thuyền liều lượng tuỳ ý

Chủ trị:

Các vết thương mới hoặc các vết thương đã nhiễm khuẩn. (tan ứ huyết, tiêu viêm, sát khuẩn, sinh da non).

Cách dùng, liều lượng:

Lá Sắn thuyền bánh tẻ rửa sạch, sấy giòn, tán bột mịn.

Rửa sạch vết thương, thấm khô, rắc thuốc kín vết thương.

Ngày thay thuốc 1 lần.

Có thể dùng lá Sắn thuyền tươi bỏ cuống, rửa sạch giã nát đắp kín vết thương băng lại.

Ngày thay thuốc 1 lần.

34. BỘT BẠCH HOA THẢO

Bạch hoa thảo (cây hoa Cứt lợn)	8 phần
Thuốc lào sợi	2 phần

Chủ trị:

Các vết thương phần mềm mới hoặc đã nhiễm khuẩn (giải độc, tiêu sưng, giảm đau, cầm máu, sát khuẩn).

Cách dùng, liều lượng:

Bạch hoa thảo, Thuốc lào sợi phơi sấy giòn tán bột mịn trộn đều.

Rửa sạch vết thương, thấm khô, dùng thuốc bột đã cho thêm một ít nước sôi quấy đều thành khối bột dẻo, dát mỏng đắp lên vết thương băng lại.

Vết thương mới 2 ngày thay thuốc 1 lần.

Vết thương đã nhiễm khuẩn ngày thay thuốc 1 hoặc 2 lần.

35. THUỐC ĐẮP XUYÊN PHÁ THẠCH

Lá Xuyên phá thạch (lá Mỏ quạ) tươi

Chủ trị:

Các vết thương mới hoặc đã nhiễm khuẩn hôi thối (tán ứ huyết, giảm đau, sát khuẩn, trừ hôi thối, sinh da non).

Cách dùng, liều lượng:

Lá Mỏ quạ tươi liều lượng tuỳ ý, cắt bỏ hết cuống và gân lá, thái nhỏ giã nát đắp nát đắp lên vết thương đã rửa sạch, băng lại.

Ngày rửa và thay thuốc 1 lần.

Chú ý:

Trường hợp vết thương bị nhiễm khuẩn nặng, hôi thối, đắp lá Mỏ quạ 1 - 2 ngày. Sau đó dùng phối hợp thêm 2 vị sau:

Thạch vi dây (dây Bòng bong)

Tam điểm kim thảo (Cỏ Hàn the)

Cả va vị lượng bằng nhau, rửa sạch, giã nhỏ đắp lên vết thương đã rửa sạch, băng lại.

Ngày rửa và thay thuốc 1 hoặc 2 lần.

36. THUỐC ĐẮP SÀN CẢO THỤ

Lá Sàn cảo thụ tươi (lá Bời lời nhớt)

Chủ trị:

Các vết thương mới hoặc đã nhiễm khuẩn (tiêu sưng, trừ hôi thối, sinh da non).

Cách dùng, liều lượng:

Lá Bời lời liều lượng tuỳ ý, cắt bỏ cuống, sống lá, rửa sạch, thái nhỏ, giã nát, đắp lên vết thương đã rửa sạch băng lại.

Ngày rửa và thay băng một lần.

37. BỘT BÓ THỰ LƯƠNG

Bột Thự lương (bột Củ Nâu) 1 kg

Cơm nếp đủ bó vết thương

Chủ trị:

Bó gẫy xương kín, gẫy xương hở đã được xử trí vô khuẩn, bằng thuốc điều trị vết thương phần mềm, và xương đã được đưa vào đúng vị trí (hành huyết, tiêu sưng, giảm đau, liền xương).

Cách dùng, liều lượng:

Củ Nâu gọt vỏ thái mỏng sấy khô tán bột mịn.

Khi dùng: nấu cơm nếp hơi nát, trộn bột củ Nâu theo công thức:

Cơm nếp nát	100g
Bột củ Nâu	20g

Hai thứ giã nát đều. Khi cơm còn đang nóng dát thành một bánh dài đủ bó chỗ xương gẫy, đặt thuốc lên vải gạc hoặc lá chuối, dàn đều bó vào xung quanh chỗ gẫy, đặt nẹp băng cố định cho chặt.

Hai ngày thay thuốc 1 lần.

38. THUỐC CAO BÓ GẪY XƯƠNG

Quế chi	400g
Lá Cúc tần	200g
Lá Ngải cứu	100g
Đại hồi	20g
Dầu thầu dầu (dầu Ve)	500g
Sáp ong	100g

Chủ trị:

Bó gẫy xương (hành huyết, tiêu sưng, giảm đau, liền xương).

Cách dùng, liều lượng:

Bốn vị thuốc đầu, sấy khô giòn trộn lẫn, tán bột mịn.

Sáp ong cho vào dầu Ve đun quấy cho tan hết, bắc ra để giảm bớt nóng cho dần thuốc bột vào dung dịch Sáp ong dầu Ve đánh đều thành thứ cao đặc như bánh dày. Sau đó đem dàn thuốc lên giấy dầu dày 3mm vừa đủ bó quanh chỗ xương gẫy, bó vào xung quang chỗ gẫy, đặt nẹp, băng cố định cho chặt. Khi nơi gẫy đã ổn định, ba ngày thay thuốc 1 lần.

39. BỘT DUNG THỤ KÊ ĐẢN BẠCH

Lá Dung thụ (lá Si)	1kg
Thiên niên kiện	200g
Kê đản bạch (lòng trắng trứng gà)	đủ dùng

Chủ trị:

Bó gẫy xương (hành huyết, tiêu sưng, giảm đau).

Cách dùng, liều lượng:

Lá Si, Thiên niên kiện, sấy khô tán bột mịn.

Khi dùng theo công thức sau:

Thuốc bột	100g
Lòng trắng trứng gà	2 quả

Lòng trắng trứng đánh kỹ thành bọt như kem mới cho bột thuốc vào nhào thật đều (nếu khô thêm 1 ít rượu trắng cho vừa đủ dẻo). Tuỳ theo độ lớn vết thương to nhỏ mà dùng thuốc nhiều hay ít cho vừa đủ bó.

Dàn thuốc lên vải gạc hay giấy dầu dày 3mm bó xung quanh nơi gẫy, đặt nẹp, băng cố định cho chặt.

Khi nơi xương gãy đã ổn định, 3 ngày thay thuốc 1 lần.

40. THUỐC BÓ THANH TÁO

Lá Thanh táo (Tiếp cốt thảo) tươi

Chủ trị:

Bó gẫy xương (tiêu viêm, hành huyết, giảm đau, liền xương).

Cách dùng, liều lượng:

Hái lá và ngọn non liều lượng vừa đủ dùng cho vết thương, rửa sạch giã nhỏ, bó thuốc vào nơi gẫy, đặt nẹp, băng cố định cho chặt.

Khi nơi xương gãy đã ổn định, mỗi ngày thay thuốc 1 lần.

41. THUỐC BÓ MỘC MIÊN NÚC NÁC

Mộc miên bì tươi (vỏ cây Gạo)	6 phần
Nam hoàng bá (vỏ cây Núc nác) tươi	4 phần

Chủ trị:

Bó gẫy xương (giảm đau, tiêu viêm, hành huyết).

Cách dùng, liều lượng:

Hai thứ vỏ cây trên cạo bỏ vỏ thô ngoài, rửa sạch, thái mỏng giã thật mịn, bó vào nơi gẫy, đặt nẹp, băng cố định chặt.

Khi nơi xương gẫy đã ổn định 2 ngày thay thuốc 1 lần.

42. THUỐC BÓ XƯƠNG RỒNG XẠ CAN CỦ KHỞI

Cành Xương rồng leo (Xương rồng ông) tươi	40%
Vỏ rễ cây Củ khởi (Địa cốt bì) tươi	20%
Lá cây Rẻ quạt tươi	20%
Gừng tươi	15%
Muối ăn (để riêng)	5%

Chủ trị:

Bó gãy xương (hành huyết, tiêu ứ, giảm đau, liền xương).

Cách dùng, liều lượng:

Xương rồng bỏ lõi cùng các vị khác rửa sạch, thái mỏng, giã qua cho muối vào giã tiếp cho nhỏ, bó vào nơi xương gẫy, đặt nẹp, băng cố định chặt.

Khi nơi xương gẫy đã ổn định ngày thay thuốc 1 lần.

43. BỘT BÓ DUNG THỤ GIÁNG HƯƠNG

Dung thụ diệp tươi (Lá Si)

Giáng hương diệp (cây Bái) tươi

Hương tiêu diệp (Lá chuối tiêu) tươi

Lá Mua lùn (Lá Mua nước) tươi

Lá hoa Giẻ thơm (lá cây giỏ dẻ) tươi

5 thứ lượng bằng nhau.

Chủ trị:

Bó gãy xương (hành khí, hoạt huyết, thư cân hoạt lạc, tiêu viêm, giảm đau, liền xương).

Cách dùng, liều lượng:

Các thứ lá cắt bỏ hết cuống và sống lá, rửa sạch thái nhỏ, phơi âm can 3 ngày đêm, sấy khô giòn, tán bột mịn.

Khi dùng hoà bột thuốc vào rượu và nước đun sôi (50% rượu, 50% nước) vừa đủ quánh dẻo (nếu pha nát quá da sẽ bị bỏng rộp), đắp thuốc bó vào nơi xương gẫy đặt nẹp băng cố định chặt.

Khi nơi xương gẫy đã ổn định 3 ngày thay thuốc 1 lần.

Chú ý:

Nếu phía trên và phía dưới nơi xương gẫy sưng nề thì dùng 30g thuốc bột trên ngâm với 150ml rượu trắng, xoa vào nơi sưng (không bóp) ngày xoa 5 lần, đêm xoa 2 lần.

44. THUỐC BÓ KHOAN CÂN ĐẰNG

Lá và dây Khoan cân đằng tươi
(Dây đau xương)

Chủ trị:

Bó gẫy xương (Hành huyết, tiêu sưng, giảm đau, thư cân hoạt lạc, liền xương).

Cách dùng, liều lượng:

Lá và Dây đau xương liều lượng đủ dùng, rửa sạch, thái nhỏ, giã nát, bó vào nơi xương gẫy, đặt nẹp, băng cố định chặt.

Sau khi bó được 6 ngày chuyển dùng thuốc bó bột: Thự lương (củ Nâu).

Thự lương gọt bỏ vỏ thô, thái mỏng giã nát nhừ, bó vào nơi xương gẫy, đặt nẹp, băng cố định chặt.

3 ngày thay thuốc 1 lần, bó đến khi khỏi.

45. THUỐC BÓ BIỂN ĐẬU TỲ MA TANG DIỆP

Biển đậu diệp	
(lá Đậu ván trắng) tươi	100g
Tỳ ma diệp	
(lá Thầu dầu tía) tươi	100g
Tang diệp (lá Dâu) tươi	100g

Chủ trị:

Bó gẫy xương, bong gân, sai khớp, chấn thương tụ máu sưng nóng đỏ đau (thanh nhiệt, hành huyết, tiêu sưng, giảm đau, mau liền xương).

Cách dùng, liều lượng:

Ba thứ lá rửa sạch, giã nhỏ, trộn thêm Giấm thanh đủ ướt bó vào nơi xương gẫy, bong gân, sai khớp chấn thương, băng cố định chặt.

Mỗi ngày thay thuốc 1 lần.

46. THUỐC BÓ MỘC MIÊN TANG DIỆP MUA BÀ

Mộc miên bì (vỏ cây Gạo) tươi	200g
Lá Mua bà tươi	100g
Lá Dâu tươi (Tang diệp)	50g
Đại hồi (để riêng)	10g
Quế chi tiêm (để riêng)	10g

Chủ trị:

Bó gẫy xương, bong gân, sai khớp, chấn thương tụ máu sưng đau (hành huyết, tiêu sưng, giảm đau, mau liền xương).

Cách dùng, liều lượng:

Quế, Hồi sấy khô tán bột mịn để riêng.

Vỏ Gạo gọt bỏ vỏ thô, lá Mua, lá Dâu, rửa sạch, thái nhỏ giã thật nhừ, trộn đều với bột Quế, Hồi bó vào nơi bị thương băng cố định chặt.

Ba ngày thay thuốc 1 lần.

47. RƯỢU NHỰA DUNG THỤ

Nhựa Dung thụ (nhựa cây Si)	50ml
Rượu trắng 40°	150ml

Chủ trị:

Chấn thương, gẫy xương, sai khớp, tụ máu, sưng đau (thông kinh hoạt lạc, tiêu sưng, giảm đau).

Cách dùng, liều lượng:

Hoà nhựa Si vào rượu, quấy tan đều.

Người lớn chia uống 3 lần. Ngày uống 1 liều trên.

Trẻ em 15 tuổi uống 1/2 liều trên. Chia uống 3 lần.

Chú ý:

Trường hợp không có Nhựa Si thì dùng Tua Si (Dung thụ tu): Tua si (cắt tua còn non ở trên cành rủ xuống) 100g cho nước sắc kỹ, hoà thêm rượu trắng, chia uống 2 - 3 lần trong ngày. Uống lúc thuốc còn ấm.

Ngày uống 1 lần.

48. MỘC MIÊN KHƯƠNG HOÀNG THANG

Mộc miên bì (cạo vỏ thô thái mỏng sao qua)	20g
Khương hoàng (sao qua)	20g
Rễ cỏ Xước	15g
Rễ cây Lá lốt (Tất bát)	15g

Chủ trị:

Tổn thương gẫy xương, bong gân, sai khớp, sưng đau chủ yếu tổn thương hai chi dưới.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao chế cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày. Khi uống có thể pha thêm ít rượu.

Ngày uống 1 thang.

49. THUỐC HÃM DIỆP SINH CĂN

Lá Diệp sinh căn (lá Cây thuốc bỏng) tươi	10 lá

Chủ trị:

Bỏng, chấn thương, bong gân, sai khớp, tụ máu, gẫy xương, sưng đau.

Cách dùng, liều lượng:

Rửa sạch, giã nhỏ cho vào bát tô thêm 250ml nước sôi quấy đều. Để nguội chia uống 2 lần, uống cả bã thuốc.

Chú ý:

Người tạng hàn hay đi ỉa lỏng dùng thận trọng.

50. HUYẾT GIÁC TÔ MỘC CHỈ GIÁP HOA THANG

Huyết giác	24g
Tô mộc	20g
Chỉ giáp hoa (lá Móng tay) khô	20g
Ngải cứu	24g
Khương hoàng	16g

Chủ trị:

Chấn thương, bong gân, sai khớp, gẫy xương, tụ máu, sưng đau.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc chia uống 2 lần, uống lúc thuốc còn ấm.

Ngày uống 1 thang

51. THANH NHIỆT TIÊU VIÊM CHỈ THỐNG THANG

Sài đất	20g
Vòi voi	10g
Lá Tre	10g
Kim ngân (dây lá)	10g
Lá Lốt	10g
Cà Gai leo (cà Vạnh)	10g
Rễ Dứa dại (sao qua)	10g

Chủ trị:

Chấn thương sai khớp, bong gân, gẫy xương sưng tím, đau nhức, đại tiện táo bón, tiểu tiện vàng đỏ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang

Trẻ em uống 1/2 liều lượng trên.

52. ĐỒNG TIỆN TỬU THANG

Nước tiểu trẻ em (Đồng tiện) 100g
Rượu trắng 40°

Chủ trị:

Chấn thương bong gân, sai khớp, gẫy xương tụ máu, sưng tím, đau nhức muốn choáng.

Cách dùng, liều lượng:

Lấy nước tiểu trẻ em trai khoẻ mạnh bỏ đoạn đầu, đoạn cuối hoà rượu uống ngay (không nên để lâu).

Người lớn uống cả liều.

Trẻ em trên 10 tuổi uống 1/2 liều.

Sáng uống 1 liều, chiều uống 1 liều.

53. LÁ QUÝT RỪNG THANG

Lá Quýt rừng (Tầm xoọng) tươi 40g

Chủ trị:

Chấn thương, bong gân, sai khớp, gẫy xương, sưng đau.

Cách dùng, liều lượng:

Hái lá rửa sạch, ngâm nước muối loãng 10 phút, vớt ra giã nhỏ, cho vào 250ml nước chín nguội quấy đều, lọc lấy nước uống, mỗi lần uống một bát.

Chú ý:

Trước khi nắn xương, chỉnh khớp, nên cho uống trước 1 giờ sẽ giảm đau rất nhiều.

54. BỘT BẠCH CẬP

Bạch cập sấy khô giòn
liều lượng tuỳ ý

Chủ trị:

Chấn thương vùng phổi, ho khạc ra máu, gẫy xương, tụ máu, sưng đau lồng ngực.

Cách dùng, liều lượng:

Bạch cập thái mỏng sấy khô giòn, tán bột mịn.

Mỗi lần uống 10 - 20g, hoà vào 100ml nước vo gạo mới vo (nước vo gạo nếp càng tốt) uống 1 lần.

Ngày uống 2 lần.

55. HÀNH HUYẾT CHỈ HUYẾT CHỈ THỐNG THANG

Cốt toái bổ	40g
Hà thủ ô đỏ (để sống không chế)	40g
Rễ cỏ xước	20g
Rễ cây Thầu dầu tía	8g

Chủ trị:

Chấn thương, gẫy xương chảy máu, bong gân, sai khớp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

56. THANH NHIỆT HÀNH HUYẾT CHỈ THỐNG TIÊU SƯNG THANG

Địa đởm thảo (cây Chỉ thiên) tươi	40g
Thạch vi dây (Dây Bòng bong) tươi	40g
Tam điểm kim thảo (cỏ Hàn the) tươi	40g

Chủ trị:

Chấn thương, bong gân, sai khớp, gẫy xương tụ máu, sưng tím, đau nhức.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch thái nhỏ, cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

57. LẠC TIÊN DÂY THANG

Lá, dây Lạc tiên tươi 120g

Chủ trị:

Chấn thương mất máu, lo sợ hồi hộp, không ngủ được.

Cách dùng, liều lượng:

Rửa sạch, thái ngắn, phơi tái, sao vàng cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 - 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

58. HÀNH HUYẾT TÁN Ứ NHUẬN TRÀNG TIÊU SƯNG CHỈ THỐNG THANG

Củ Chút chít (khô)	15g
Chỉ xác (sao qua)	15g
Hậu phác (tẩm gừng sao)	10g
Nghệ đen (Nga truật)	15g
Mần tưới (Trạch lan)	10g
Gỗ vang (Tô mộc)	10g
Cam thảo dây	10g
Mộc thông	10g
Vỏ quýt (Trần bì)	10g

Chủ trị:

Chấn thương, nội tạng ứ huyết, đau nhói ở một điểm, đại tiện táo hoặc bí, tiểu tiện vàng; bong gân, sai khớp, gẫy xương.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý:

Uống hết 1 thang mà vẫn còn táo bón thì gia thêm:

Phác tiêu	5g

Cùng sắc với các vị trên uống tiếp thang thứ 2.

59. RƯỢU MẬT MÍA

Mật mía	50g
Rượu trắng 40 - 45°	50ml
Nước chín nguội	50ml

Chủ trị:

Đề phòng choáng do chấn thương bong gân, gẫy xương, sai khớp, đau.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị hoà đều, chia uống 3 lần, mỗi lần uống cách nhau 3 - 4 giờ.

60. TRÀ XANH MẬT MÍA THANG

Mật mía	50ml
Nước trà xanh đặc nóng	100ml

Chủ trị:

Phòng choáng do chấn thương mất máu, bong gân, sai khớp, gẫy xương hở, khát nước.

Cách dùng, liều lượng:

Hai vị hoà đều, uống 1 lần.

Ngày uống 2 - 3 lần. Mỗi lần uống cách nhau 3 - 4 giờ.

61. DÃ VÔ HOA THANG

Lá hoặc quả Dã vô hoa
(lá quả cây Ngái) tươi
liều lượng đủ dùng.

Chủ trị:

Chấn thương sai khớp, bong gân, tụ máu, sưng nóng đỏ đau.

Cách dùng, liều lượng:

Rửa sạch, giã nhỏ, cho vào ít rượu trắng, sao chín, đổ ra vải xô túm lại chườm vào chỗ đau, khi nguội sao lại tiếp tục chườm. Chườm đi chườm lại vài ba lần. Sau cùng khi bã thuốc còn nóng, đem dàn mỏng bó vào chỗ sưng, băng cố định chặt.

Ngày thay thuốc 1 lần.

Chú ý:

Khi chườm cần chườm nhanh tay để tránh nóng bỏng da.

62. CỎ LÀO THANG

Cây cỏ Lào (cỏ Cộng sản)
liều lượng đủ dùng

Chủ trị:

Chấn thương ứ huyết, sưng tím, nóng đỏ đau.

Cách dùng, liều lượng:

Dùng ngọn non và lá rửa sạch giã nhỏ, sao chín, đổ ra vải xô (gạc) túm lại chườm vào nơi đau sưng. Khi nguội sao lại tiếp tục chườm. Chườm đi chườm lại 2 - 3 lần.

Sau cùng khi thuốc còn nóng dàn mỏng bó vào nơi đau sưng, băng cố định cho chặt.

Ngày chườm thay băng 1 lần.

63. HÀNH HUYẾT TIÊU SƯNG GIẢM ĐAU THANG

Lá Đinh lăng lá nhỏ (tươi)	30g
Củ Nghệ già (tươi)	40g
Lá Cúc tần (tươi)	24g
Lá Trầu không (tươi)	24g
Lá Rẻ quạt (tươi)	24g
Giấm thanh	đủ dùng

Chủ trị:

Chấn thương tụ máu, sưng tím đau nhức, nóng đỏ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch, giã nhỏ, cho giấm vào trộn đều, sao chín, chườm và đố bó vào nơi đau sưng, băng cố định cho chặt.

Ngày thay thuốc 1 lần.

64. DUNG THỤ NGẢI CỨU LÁ LỐT THANG

Dung thụ diệp (lá Si) tươi	50g
Lá Ngải cứu tươi	25g
Lá Lốt tươi	12g
Giấm thanh	đủ dùng

Chủ trị:

Chấn thương, tụ máu, sưng đau.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch, giã nhỏ, trộn thêm Giấm, sào chín, bọc vào vải gạc chườm vào nơi chấn thương. Chườm đi chườm lại vài ba lần. Khi thuốc còn nóng, dàn mỏng ra bó vào nơi chấn thương. Băng cố định chặt.

Ngày thay thuốc 1 lần.

65. CÁT BỐI THANG

Cát bối diệp (lá Bưởi bung) tươi	40g
Bã lá Chè tươi	40g

Chủ trị:

Chấn thương bong gân, sai khớp, sưng nóng đỏ đau.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Bưởi bung, rửa sạch, trộn với bã lá Chè tươi, giã nhỏ cho thêm ít rượu trắng, sao nóng, chườm vào nơi bị chấn thương. Khi nguội sao lại tiếp tục chườm, chườm đi chườm lại 2 - 3 lần . Sau cùng khi thuốc chườm còn nóng dàn mỏng ra bó vào nơi chấn thương, băng cố định chặt.

Ngày thay thuốc 1 lần.

66. LÊ MÔNG NGẢI CỨU HỒI HƯƠNG LONG NÃO THANG

Lê mông diệp (lá Chanh) tươi	80g
Lá Ngải cứu tươi	80g
Đại hồi (tán bột để riêng)	20g
Long não (để riêng)	5g

Chủ trị:

Chấn thương sai khớp, bong gân, sưng tím, đau nhức.

Cách dùng, liều lượng:

Bột Long não, Đại hồi trộn đều để riêng.

Lá Chanh, Ngải cứu rửa sạch giã nhỏ cho bột Long não, Đại hồi vào, thêm chút rượu trắng, trộn đều, dàn mỏng ra vải gạc bó vào nơi chấn thương, băng cố định chặt.

Ngày thay thuốc 1 lần.

Chú ý:

Trường hợp gẫy xương, nơi gẫy bị sưng phù to, dùng thuốc này sào nóng chườm. 12 giờ sau sẽ nắn bó và băng cố định chặt.

67. THUỐC BÓ CHÙM GỬI

Chùm gửi (Tầm gửi) tươi	100g
Lá Gấc tươi	30g
Gạch non	20g
Giấm thanh	đủ dùng

Chủ trị:

Chấn thương sai khớp, bong gân, tụ máu sưng đau, tấy đỏ, cử động khó khăn.

Cách dùng, liều lượng:

Gạch non tán bột mịn thêm Giấm sào nóng trộn lẫn với lá Gấc, lá Tầm gửi đã rửa sạch giã nhỏ dàn mỏng thuốc lên vải gạc khi thuốc còn ấm,bó xung quanh vết thương; băng cố định chặt.

2 ngày thay thuốc 1 lần.

68. RƯỢU ÔN KINH HÀNH HUYẾT TÁN Ứ TIÊU SƯNG

Đại hồi (tán mịn)	40g
Quế chi (tán mịn)	20g
Huyết giác (tán mịn)	20g
Tô mộc (tán mịn)	20g
Rượu trắng 45°	500ml

Chủ trị:

Chấn thương bong gân, sưng đau nhức.

Cách dùng, liều lượng:

Bột các vị cho vào rượu lắc đều, ngâm trong 24 giờ, chắt lấy rượu trong,tẩm bông xoa bóp nhẹ nhàng vào vùng chấn thương.

Ngày xoa 3 - 5 lần. Có thể tẩm rượu vừa ướt bông, đắp vào chỗ sưng đau băng lại.

69. TIÊU ĐỘC THANG

Rung rúc	
(Rễ, dây, lá) sao vàng	20g
Ké hoa vàng	
(Ké đồng tiên) sao vàng	20g
Cây Vòi voi (sao vàng)	20g
Cây Xấu hổ (sao vàng)	20g
Cải hoang	
(Hân thái, Cải dại) sao vàng	20g
Rễ cỏ xước (sao vàng)	20g
Cây Chỉ thiên (sao vàng)	20g

Chủ trị:

Các chứng viêm nhiễm, đinh nhọt, viêm cơ, lở loét.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc chia uống 3 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống 3 - 5 thang.

70. LƯƠNG HUYẾT TIÊU ĐỘC THANG

Kim ngân hoa	10g
Thổ phục linh (củ Khúc khắc)	10g
Liên kiều	10g
Hoa Kinh giới	10g
Huyền sâm	10g
Cải trời (Nam hạ khô thảo)	10g
Sinh địa	10g
Thương nhĩ tử (sao cháy gai)	10g
Cam thảo dây (dây Chi chi)	10g

Chủ trị:

Các chứng viêm nhiễm, chốc nhọt, viêm cơ, mày đay, dị ứng lở ngứa khắp người.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang. Uống 4 - 5 thang.

Chú ý gia giảm:

- Bệnh nhân ngứa nhiều gia thêm:

Bạch tật lê	10g
Thuyền thoái (bỏ đầu, chân)	10g
Ngưu bàng tử	10g

- Bệnh nhân đau nhức, mủ nhiều gia thêm:

Xuyên sơn giáp (sao phồng)	10g
Gai Bồ kết (bỏ đầu nhọn sao vàng)	10g

71. BỘT LÁ SẮN THUYỀN NGHỆ

Lá Sắn thuyền	80%
Nghệ vàng	15%
Phèn chua (phi)	5%

Chủ trị:

Vết thương phần mềm nhiễm khuẩn mùi hôi thối.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô, trộn lẫn tán bột mịn.

Rửa sạch vết thương, thấm khô rắc bột thuốc phủ kín vết thương. Dùng gạc vô trùng che lên vết thương, không cần băng. Một hoặc hai ngày rửa vết thương, rắc bột thuốc mới tuỳ theo tình trạng vết thương.

72. CAO DÂY ĐUÔI PHƯỢNG

Dây Đuôi phượng (Lân tơ uyn)

Liều lượng đủ dùng.

Chủ trị:

Vết thương phần mềm, vết thương mổ do áp xe (abcès) sau tiêm quinin, vết bỏng do bom napan và phosphor.

Cách dùng, liều lượng:

Dây Đuôi phượng bỏ lá rễ, rửa sạch thái nhỏ phơi khô nấu cao đặc. Khi dùng pha loãng cao theo tỷ lệ 5%.

Rửa sạch vết thương, thấm khô, tẩm dung dịch cao đã pha loãng vào gạc đắp phủ kín lên vết thương.

Mỗi tuần thay gạc thuốc 2 - 3 lần.

73. CAO GIẢI PHÓNG K71B

Nhựa cây Chai	50%
Dầu lạc trung tính	50%

Chủ trị:

Vết thương phần mềm nhiễm khuẩn, hoại tử, hôi thối.

Cách dùng, liều lượng:

Đun nhựa cây Chai cho chảy ra đổ dầu lạc vào, đun nhỏ lửa, quấy đều đến khi thành một hỗn hợp đồng đều, đem phết lên vải mỏng để khô.

Rửa sạch vết thương, cắt vải đã phết cao dán lên vết thương 3 ngày thay 1 lần.

74. BỘT RAU MÁ NGHỆ VÀNG PHÈN CHUA

Rau Má	
(sấy khô tán bột mịn)	65%
Nghệ vàng	
(sấy khô tán bột mịn)	30%
Phèn chua phi	5%

Chủ trị:

Vết thương phần mềm nhiễm khuẩn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn, trộn đều.

Rửa sạch vết thương, thấm khô, rắc bột thuốc kín vết thương, nếu có chỗ nứt tiếp tục rắc bột thuốc bổ sung phủ kín. Để nguyên vẩy thuốc cho đến khi bong vẩy, liền sẹo. Nếu vẩy thuốc bị cong lên, hoặc dịch tiết nhiều thì bóc vẩy rửa sạch thấm khô rắc bột thuốc mới kín vết thương tạo vẩy mới.

Nếu vết thương ở vị trí cọ sát nhiều thì dùng băng 4 giải băng để bảo vệ.

Chú ý:

- Khi rắc bột thuốc yêu cầu người bệnh nằm nghỉ tại chỗ để tạo cho vẩy khô và giảm tiết dịch.
- Rắc bột lần đầu có gây sót nhẹ.

75. CAO HT1

Củ Ráy dại

Nõn Dứa dại

Quả Đu đủ xanh

Số lượng mỗi thứ bằng nhau

Chủ trị:

Vết thương phần mềm nông, bỏng độ I, độ II.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho nấu cao lỏng theo tỷ lệ 4/1.

Rửa sạch vết thương, thấm khô, dùng gạc tẩm cao đắp lên vết thương.

Tuỳ theo tình trạng nhiễm khuẩn mà thay băng hàng ngày hoặc cách nhật và thay thưa dần.

76. BỘT C.Ô.N

Lá Chanh (Ninh mông diệp)

Lá Ổi (Phan thạch lựu diệp)

Lá Na (lá Mãng cầu ta)

Số lượng mỗi thứ bằng nhau.

Chủ trị:

Vết thương phần mềm nhiễm khuẩn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch, phơi sấy khô tán bột mịn, trộn đều.

Rửa sạch vết thương, thấm khô, rắc bột thuốc thành một lớp mỏng lên vết thương, nếu dịch tiết nhiều phủ thêm lớp gạc rồi băng lại.

2 - 3 ngày thay băng 1 lần.

77. BỘT NGƯ TINH THẢO

Lá Ngư tinh thảo non (lá Giấp cá)	90%
Phèn chua phi khô	10%

Chủ trị:

Vết thương phần mềm nhiễm khuẩn.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Giấp sấy khô tán bột mịn.

Phèn chua phi khô tán bột mịn.

Trộn đều 2 thứ bột với nhau.

Rửa sạch vết thương, thấm khô, rắc bột thuốc mỏng đều lên vết thương, phủ kín gạc.

Ngày thay băng 1 lần.

78. NƯỚC SẮC BẠCH ĐỒNG NỮ

Bạch đồng nữ (cành, lá)	1000g
Muối ăn (Thực diêm) khô sạch	90g

Chủ trị:

Vết thương phần mềm, vết thương phần mềm kèm theo tổn thương xương, vết thương mỏm cụt, vết thương chạm khớp, vết thương mất da rộng (20 - 300cm^2).

Cách dùng, liều lượng:

Bạch đồng nữ, Muối ăn cho vào 10 lít nước, đun sôi trong 30 phút, để nguội gạn lấy nước thuốc trong (hoặc lọc) đóng vào chai huyết thanh vô khuẩn.

Dùng phương pháp nhỏ giọt liên tục nước thuốc Bạch đồng nữ lên vết thương.

- Nếu vết thương có nhiều mủ, dịch hôi thối, đặt chai nước thuốc cao 50 - 60cm để vòi xối nước thuốc thành tia trực tiếp vào vết thương từ 5 - 10 phút. Sau đó hạ thấp độ cao xuống còn 20cm để nhỏ giọt liên tục với tốc độ 60 - 80 giọt phút.

- Nếu vết thương biểu mô đã phát triển cho hạ thấp vòi nước thấp sát vết thương để nước thuốc tràn trên vết thương trong thời gian ngắn 2 - 3 phút. Sau đó nhỏ giọt cách quãng để biểu mô phát triển nhanh.

Vết thương chỉ cần che gạc không cần băng, không cần dùng thuốc kháng sinh.

79. NƯỚC SẮC HOÀNG ĐẰNG

Hoàng đằng	1000g
Nước	1500ml

Chủ trị:

Vết thương phần mềm lâu liền, nhiều ngõ ngách.

Cách dùng, liều lượng:

Hoàng đằng chẻ nhỏ cho vào nước đun sôi trong 3 giờ, để nguội, gạn lấy nước thuốc trong, rửa vết thương bằng phương pháp nhỏ giọt (nếu là vết thương có nhiều ngõ ngách). Các vết thương khô có ngõ ngách thì tẩm nước thuốc vào gạc đắp lên vết thương.

80. CAO LÁ MỎ QUẠ

Lá Mỏ quạ (Xuyên phá thạch)

Lượng đủ dùng

Chủ trị:

Vết thương phần mềm lâu liền có cốt tuỷ viêm lỗ dò nông, vết thương nhiễm trực khuẩn mủ xanh.

Cách dùng, liều lượng:

Lá Mỏ quạ nấu thành cao mềm sền sệt.

Rửa sạch vết thương bằng nước Muối loãng hoặc nước lá Trầu không, cắt bỏ tổ chức hạt xấu cho rớm máu.

Bôi cao Mỏ quạ lên miệng vết thương, nếu có lỗ dò bơm trực tiếp cao vào lỗ dò bằng bơm tiêm.

Chú ý:

Thuốc gây đau sót khi sử dụng.

81. THUỐC MỠ MÃ ĐỀ

Bột lá Mã đề	30g
Mỡ Vaselin trung tính	100g

Chủ trị:

Vết loét nhiễm trùng sau mổ, các ổ viêm khu trú như: Chín mé, viêm cơ, nhọt.

Cách dùng, liều lượng:

Trộn đều bột lá Mã đề với vaselin.

Rửa sạch vết thương, phết mỡ thuốc vào gạc đắp lên vết thương.

Tuỳ theo tình trạng vết thương mà ấn định bôi thuốc hay thay băng hàng ngày hoặc 2 - 3 ngày thay 1 lần.

82. SINH CƠ TÁN

Khinh phấn	8g
Băng phiến	
(Mai hoa băng phiến)	8g
Lộ cam thạch chế	
(Đá kẽm chế)	100g

Chủ trị:

Vết thương phần mềm, lâu liền, loét vùng mỏm cụt, vết mổ lâu liền, dò kéo dài.

Cách dùng, liều lượng:

Lộ Cam thạch nung chín, tán bột mịn.

Khinh phấn tán mịn.

Băng phiến tán mịn.

Trộn đều cả 3 vị với nhau.

Rửa sạch vết thương, thấm khô, rắc bột thuốc thành một lớp mỏng lên mặt vết thương, phủ gạc băng lại.

Tuỳ theo vết thương tiết dịch nhiều hay ít mà thay băng hàng ngày hoặc 2 - 3 ngày thay 1 lần.

83. NƯỚC ÉP KHƯƠNG HOÀNG

Khương hoàng tươi	
(Nghệ vàng) lượng đủ dùng	
hoặc	
Khương hoàng tươi	100g
Tỏi tươi	5g

Chủ trị:

Vết thương phần mềm có nhiều ngõ ngách, loét vùng mông, mỏm cụt, vết thương vùng bụng, cột sống viêm mủ, chảy máu bàng quang, loét da đầu...

Cách dùng, liều lượng:

Nghệ tươi, tỏi tươi ép lấy nước trong đem ly tâm hấp tiệt khuẩn.

Rửa sạch vết thương, bơm dung dịch thuốc vào các ngõ ngách của vết loét, đặt gạc băng lại.

Nếu rửa bàng quang pha dung dịch nghệ như sau:

Nước ép Nghệ	30 - 50ml
Nước cất vừa đủ	1000ml

Bơm vào bàng quang đã được rửa sạch. Giữ nước thuốc trong bàng quang 3 - 5 phút rồi tháo bỏ.

84. DUNG DỊCH BẠCH PHÀN 5%

Bạch phàn (Phèn chua)	5g
Nước chín lọc trong	100g

Chủ trị:

Vết thương nhiễm khuẩn mủ xanh.

Cách dùng, liều lượng:

Bạch phàn cho vào nước quấy tan, lọc đóng chai hấp tiệt khuẩn.

Rửa sạch vết thương, thấm khô, dùng gạc (gấp dầy) tẩm dung dịch Phèn chua đắp lên vết thương.

Tuỳ theo vết thương tiết dịch nhiều hay ít mà thay băng hàng ngày hay cách nhật.

85. KHƯƠNG HOÀNG TÁN

Khương hoàng	
(Nghệ) khô tán mịn	1 phần
Nước muối 10%	2 phần

Chủ trị:

Vết thương phù nề đau do đụng dập, giảm đau sau kết xương trong ngoại khoa chấn thương, vết thương sau phẫu thuật chi.

Cách dùng, liều lượng:

Hai vị trộn quấy đều, trải dàn lên gạc dày độ 5mm đắp vào chỗ phù nề đau nhất.

Với vết mổ đã khâu đặt gạc thuốc cách xa vết khâu từ 1 - 1,5 cm.

Với vết thương hở đặt 1 lớp gạc vô trùng phủ lên vết thương rồi mới đặt gạc Nghệ lên.

86. BỘT ST.5

Lá Sắn thuyền (sấy khô tán bột mịn)	
Dầu parafin	đủ dùng

Chủ trị:

Bỏng nước sôi độ 2, 3, 4 mới, chưa nhiễm khuẩn hay đã nhiễm khuẩn hoặc bỏng do lửa, bỏng do vôi.

Cách dùng, liều lượng:

Liều dùng cho 1% diện tích bỏng như sau:

Bột lá Sắn thuyền	5g
Dầu parafin	6ml

Trộn đều hai vị với nhau, bôi lên vết bỏng một lớp mỏng 2 - 3 mm. Sau 2 giờ bột se lại, nếu có khe nứt dịch tiết chảy ra thì rắc thêm bột Sắn thuyền khô vào khe nứt đó.

87. CAO SĂNG LẺ

Vỏ Săng lẻ tươi	1 kg
Lá Sim tươi	0,5 kg

Chủ trị:

Bỏng nước sôi độ 2 và 3, các vết thương phần mềm.

Cách dùng, liều lượng:

Hai vị rửa sạch cho nấu cao sền sệt.

Rửa sạch vết thương, thấm khô, bôi cao lên vết thương tạo thành một lớp màng mỏng không cần băng.

Tuỳ theo tình trạng vết thương hàng ngày hay 2 - 3 ngày rửa vết thương bôi thuốc 1 lần.

88. BỘT BỎNG BB 195

Vỏ cây Săng lẻ tươi	10kg
Lá Sim tươi	5kg
Nghệ vàng (sấy khô giòn)	300g
Xuyên tâm liên (sấy khô giòn)	300g
Xương chó (đốt tồn tính)	300g

Chủ trị:

Bỏng độ 2 và 3, các vết thương phần mềm.

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ cây Săng lẻ, lá Sim, nấu cao sền sệt sấy được 1 kg cao khô, hợp cùng các vị khác tán bột mịn. Cho thêm bột natri carbonat trộn đều để có độ pH 6,8.

Rửa sạch vết thương hoặc vết bỏng thấm khô, rắc bột BB195 tạo thành một màng mỏng không cần băng.

Hàng ngày hay 3 - 4 ngày rửa vết thương thay thuốc một lần tuỳ theo tình trạng vết thương.

89. CAO SO.48

Vỏ cây Săng lẻ tươi	5 kg
Lá Ổi tươi	5 kg

Chủ trị:

Bỏng độ 2 và 3 chưa nhiễm khuẩn hay đã nhiễm khuẩn.

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ cây Săng lẻ và lá Ổi đem nấu riêng thành cao lỏng theo tỷ lệ 5/1 sau đó cô đặc lại sánh như mật ong, trộn lẫn hai thứ cao lại với nhau thành một hỗn dịch cao có màu đen.

Rửa sạch vết bỏng (phá hết các nốt phồng nước, cắt bỏ hoại tử) bôi cao lên vết bỏng thành một lớp màng mỏng.

Chú ý:

- Nếu dùng dạng thuốc bột thì đem cao lỏng của từng dược liệu sấy khô tán bột mịn. Sau đó trộn hai bột với nhau.

- Nếu dùng dạng dung dịch, để nhỏ giọt vào vết thương hoặc vết bỏng thì pha theo công thức sau:

Cao khô Săng lẻ	50g
Cao khô lá Ổi	25g
Nước sôi lọc kỹ	5 lít

- Nếu dùng dạng thuốc mỡ 10% thì pha theo công thức sau:

Cao khô săng lẻ	5g
Cao khô lá Ổi	5g
Vaselin trung tính	100g

90. CAO BO - I

Vỏ cây Kháo nhậm (Rè vàng)

lượng đủ dùng

Chủ trị:

Bỏng độ 2, độ 3, độ 4 diện tích bỏng từ 3 - 30%. Vết thương phần mềm, viêm tai giữa, phụ nữ khí hư.

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ cây Kháo nhậm nấu cao lỏng theo tỷ lệ 10/1.

Rửa sạch vết bỏng, vết thương, thấm khô, dùng 5 lần gạc thấm thuốc, đắp lên vết bỏng, vết thương băng lại. 2 - 3 ngày thay băng 1 lần cho đến khi hết tiết dịch, hết các chất hoại tử thì bôi trực tiếp cao thuốc lên vết bỏng 3 - 5 lần trong ngày. Tiếp tục bôi cho đến khi bong vẩy. Vẩy bong đến đâu bôi nước nghệ tươi ép tới đó.

91. CAO HU ĐAY

Vỏ tươi Hu đay (Mạy hu)

lượng dùng tuỳ ý

Chủ trị:

Bỏng độ 2 - 3 - 4, diện tích bỏng từ 10 - 37%

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ cây Hu đay cạo bỏ phần vỏ ngoài, rửa sạch cho nấu cao lỏng theo tỷ lệ 10/1.

Rửa sạch vết bỏng, phá hết các nốt phồng nước, lấy hết dị vật, da chết... thấm khô, bôi cao thành một lớp màng mỏng bám chặt vào vết thương không cần băng.

92. TẦM PHỎNG THANG

Dây Tầm phỏng (Xoan leo) 50 -60g

Chủ trị:

Bong gân

Cách dùng, liều lượng:

Dây Tầm phỏng sao vàng hạ thổ cho vào 400ml nước, sắc lấy 150ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày. Uống lúc thuốc còn nóng, đồng thời bất động nơi bong gân bằng nẹp tre.

Ngày uống 1 thang. Uống 3 thang.

93. CAO SIM NGHỆ

Lá Sim tươi	1500g
Nghệ vàng tươi	200g

Chủ trị:

Vết bỏng, vết thương phần mềm.

Cách dùng, liều lượng:

Nghệ rửa sạch cắt bỏ rễ con, giã nát ép lấy nước để riêng. Lá Sim rửa sạch nấu cao lỏng, khi gần được vớt bỏ bã cho nước ép nghệ vào quấy đều cô tiếp đến dạng cao lỏng tỷ lệ 1,5/1 lúc cao đang nóng, lọc qua vải.

Rửa sạch vết bỏng, vết thương, thấm khô dùng bông tẩm thuốc bôi lên một lớp mỏng phủ kín vết thương, vết bỏng.

94. CỒN NGÔ CÔNG

Rết lớn (3 - 5g một con)	5 con
Cồn 90°	100ml

Chủ trị:

Nhọt độc, áp xe, viêm cơ.

Cách dùng, liều lượng:

Rết cho vào nước nóng già 70 - 80°C rửa sạch cho vào ngâm với cồn 90° trong 10 ngày thì dùng được (ngâm càng lâu càng tốt). Dùng bông tẩm cồn rết bôi vào chỗ sưng tấy.

Ngày bôi 2 - 3 lần.

95. CỒN MỘC MIẾT TỬ

Mộc miết tử (bỏ vỏ cứng)	200g
Cồn 60°	500ml

Chủ trị:

Chấn thương đụng dập đau nhức, sưng tấy, viêm cơ, áp xe nhọt độc...

Cách dùng, liều lượng:

Hạt Gấc đã đồ xôi, tách bỏ vỏ cứng, lấy nhân giã dập, cho vào cồn ngâm trong 5 - 7 ngày.

Dùng bông tẩm cồn thuốc thoa lên vết thương, áp xe, mụn nhọt.

Ngày bôi thoa 2 - 3 lần.

96. CAO DÁN THIÊM THỪ

Củ Ráy dại (tươi)	100g
Nghệ vàng (tươi)	50g
Cóc vàng (đốt tồn tính)	1 con
Nhựa thông	30g

Sáp ong

(tuỳ theo mùa nóng lạnh) 30 - 50g

Dầu Vừng 500ml

Chủ trị:

Nhọt độc chưa vỡ mủ hay đã vỡ mủ.

Cách dùng, liều lượng:

Cóc bọc vào đất sét dày 1cm cho vào lò than trấu hay mùn cưa đốt, khi đất đỏ hồng bỏ ra đập vỡ cạo lấy than cóc, tán bột mịn...

Ráy dại, Nghệ thái mỏng, cho vào dầu Vừng đun sôi rán đến khi thấy Ráy và Nghệ quăn lại, sắc sẫm thì bắc xuống vớt bỏ hết bã; cho bột than cóc, Nhựa thông, Sáp ong vào quấy đều cho đến khi tất cả tan hết (lấy 1 giọt cao nhỏ vào 1 cái đĩa, giọt cao không nhoè ra là được).

Rửa sạch mụn nhọt, lấy một miếng giấy vừa bằng nốt mụn nhọt phết cao vào dán lên mụn nhọt.

Đối với mụn nhọt mới sưng tấy chưa vỡ mủ 2 ngày thay cao 1 lần.

Đối với mụn nhọt đã vỡ mủ, mỗi ngày thay cao 1 lần.

97. CAO NGÔ CÔNG

Ngô công (con Rết)	24g
Dầu Lạc	32g
Nhựa thông	200g
Vôi bột (cũ)	15g

Chủ trị:

Các loại ung nhọt, trẻ em mạch (mà) lươn.

Cách dùng, liều lượng:

Rết đốt cháy tồn tính, tán bột mịn.

Nhựa thông nấu chảy, cho dầu Lạc và bột Rết vào quấy đều đem ra để nguội cho vôi bột vào quấy đều thành cao.

Rửa sạch mụn nhọt, mạch lươn. Cắt một miếng giấy vừa bằng ung nhọt, mạch lươn, phết cao thuốc dán lên ung nhọt, mạch lươn.

Đối với ung nhọt chưa vỡ mủ 2 ngày thay cao 1 lần.

Đối với ung nhọt đã vỡ mủ, hàng ngày thay cao 1 lần.

98. BỘT BÓ GÃY XƯƠNG

Huyết giác	10g
Đại hồi	5g
Quế chi	4g
Thương truật	6g
Dây Đau xương tươi	20g
Lá Cúc tần tươi	5g
Lá Đòn kẻ cắp (Đòn gánh) tươi	5g
Vỏ Riệt tươi (?)	4g
Vỏ cây Gạo (Mộc miên bì) tươi	4g
Lá khoai lang tươi đủ dùng	

Chủ trị:

Trẹo gẫy xương, trật khớp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị Huyết giác, Đại hồi, Quế chi, Thương truật sấy khô tán bột mịn để riêng.

Các vị khác rửa sạch, thái nhỏ giã nhuyễn, trộn lẫn với bột Huyết giác, Đại hồi, Quế chi, Thương truật. Thêm lá khoai lang giã thật nhuyễn.

Chỉnh lại xương gẫy, khớp trật trở lại vị trí cũ ngay ngắn đúng khít (nếu xương gẫy chỉnh hình không tốt, xương can lệch khó nắn lại như cũ). Sau đó đặt một lần gạc bao khắp vết thương (tránh phỏng da do sức nóng của thuốc), xong đắp thuốc lên, phủ ngoài thuốc bằng một lần gạc, dùng nẹp tre buộc cố định (nếu gẫy xương đùi phải nẹp cố định từ nách đến bàn chân).

Một tuần lễ thay thuốc một lần. Thường là dùng ba miếng thuốc.

Chú ý:

1. Khi bó miếng thứ 2:

- Để đảm bảo nơi gẫy đúng khít khi đắp miếng thuốc thứ 2 cần kiểm tra lại vết thương, nếu thấy vị trí xương chưa tốt lắm phải nắn sửa lại ngay không nên để chậm.

- Khi đặt nẹp cần tránh những nơi có động mạch hoặc mạch máu lớn (tránh làm mạch máu không thông).

- Khi bệnh nhân có cảm giác tê lạnh, hoặc thấy phía dưới tay chân sưng tím là do buộc quá chặt cần nới lỏng nút buộc ra.

- Sau khi buộc thuốc 3 - 4 ngày nếu thuốc khô quá nên nhỏ ít rượu vào để làm thuốc nhuận dẻo trong 1 tuần.

2. Trường hợp xương trẹo không gẫy, sau khi nắn lại khớp nếu còn sưng đau nhiều, chỉ bó cố định trong vài ba ngày.

3. Trường hợp gẫy, trẹo nặng dùng thêm thang thuốc uống trong sau:

Đại hồi	8g
Quế chi	8g
Huyết giác	20g
Thương truật	12g
Đào nhân	10g
Hồng hoa	4g
Tô mộc	10g

sắc uống, ngày 1 thang.

4. Trường hợp người bệnh bí tiểu tiện.

Dùng rễ Cỏ tranh 40g nấu nước uống trong ngày.

5. Trường hợp người bệnh bí đại tiện

Dùng Đại hoàng 15g nấu nước uống trong ngày.

99. MỘC MIÊN DUNG THỤ THANG

Mộc miên bì (Vỏ cây Gạo)	80g
Dung thụ tu (Tua rễ cây Si)	40g

Chủ trị:

Vết thương tụ máu, sưng đau.

Cách dùng, liều lượng:

Vỏ Gạo sao vàng hạ thổ, tua rễ Si sao qua, cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang, uống luôn 2 - 3 thang.

Bên ngoài dùng vỏ Gạo và Nghệ già giã nát, sào với nước tiểu trẻ em chườm khi thuốc đang nóng.

100. CỒN XOA BÓP

Mã tiền (sống)	12g
Ô đầu (sống)	12g
Địa liền	12g
Can khương	12g
Huyết kiệt (Máu rồng)	12g
Quế tiêm	12g
Đinh hương	12g
Đại hồi	12g
Nhũ hương	12g
Một dược	12g
Long não	12g
Cồn 90° vừa đủ	1000ml

Chủ trị:

Chấn thương đụng dập sưng tấy, tím bầm, đau nhức, bong gân.

Cách dùng, liều lượng:

Mã tiền, Ô đầu ủ mềm thái mỏng, sấy khô tán dập. Các vị khác sấy khô tán dập, trộn lẫn với Mã tiền, Ô đầu cho cồn 90° ngâm chiết theo phương pháp nhỏ giọt.

Dùng bông gạc thấm cồn thuốc xoa vào các chỗ sưng tấy tím bầm, đau nhức hoặc bong gân, xoa nhẹ nhàng không bóp.

Ngày xoa 3 - 4 lần.

Chú ý:

Cồn thuốc có độc dùng phải cẩn thận không được uống.

101. THUỐC ĐỒ UNG ĐỘC

Đại hoàng	12g
Nhũ hương	12g
Một dược	12g
Nhân hạt Gấc (bỏ vỏ cứng)	3 - 4 hạt

Chủ trị:

Trên da thịt có chỗ sưng đau nhức, sắc đỏ, sờ vào nóng, phát rất nhanh, quầng sưng rộng tới trên dưới 10cm (hàng tấc), ấn tay vào thấy cứng và lõm nhấc tay lên không thấy phồng ngay chỗ đau chưa nóng lắm là chưa nung mủ.

Chỗ đau nóng nhiều, phát sốt nhức đầu là chỗ đau đã bắt đầu nung mủ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán nhỏ, hoà vào Giấm thanh hoặc nước ép Củ chuối hột, đắp lên nơi sưng đau. Khô lại đắp tiếp.

102. MỘC NGÔ Ô TỲ TÁN

Mộc miết tử (hạt Gấc) bỏ vỏ cứng	10 hạt
Ngô công (Rết) sao tồn tính	3 con

Ô long vĩ (Bồ hóng bếp)	20g
Tỳ ma tử	
(hạt Thầu dầu tía) bỏ vỏ cứng	30 hạt
Vôi tôi	20g

Chủ trị:

Ung nhọt độc chưa có mủ.

Cách dùng, liều lượng:

Mộc miết tử, Tỳ ma tử bóc bỏ vỏ cứng, giã nhỏ.

Ngô công tồn tính, Ô long vĩ tán mịn, trộn lẫn với Tỳ ma tử, Mộc miết tử và Vôi luyện đánh thật đều, phết vào miếng giấy, dán lên chỗ đau.

Ngày thay một lượt đêm thay một lượt thuốc.

Kiêng kỵ:

Các thứ tanh, cay, hăng, nóng.

103. THUỐC ĐỒ MỘC MIẾT MÃNG CẦU

Mộc miết tử	
(bỏ vỏ cứng)	5 nhân hạt
Lá Mãng cầu ta tươi (lá Na)	30g

Chủ trị:

Đinh độc mọc ở tay: Lúc mới phát thường không có đầu, hay mọc ở khoang ngón tay, đốt ngón tay, chỗ 2 ngón tay giao nhau (càng cua) hoặc ở gan bàn tay; có đau hoặc không đau, ngứa hoặc không ngứa, dần dần mới tấy đỏ, nóng và đau nhức, đau kịch liệt, đau chói, khuỷu tay hoặc nách nổi hạch, có khi phát sốt, rét, ăn ngủ không yên.

Cách dùng, liều lượng:

Nhân hạt Gấc, lá Na tươi, rửa sạch, giã nát cho thêm ít rượu trắng vừa ướt đều. Đắp kín vào chỗ đinh đang sưng, lấy băng băng lại.

Nếu đắp 1 lần chưa tan, đắp lần thứ hai sẽ tan. (Nếu đinh đã có mủ thì đồ đắp không tan được).

104. CAO HÀNH NGHỆ

Củ Hành ta khô	100g
Củ Nghệ	100g

Chủ trị:

Mạch lươn: lúc đầu mọc nhọt lùng bùng, lúc vỡ mủ có những lỗ thông nhau như mà lươn. Nước vàng ri rỉ chảy ra lâu ngày không khỏi.

Cách dùng, liều lượng:

Hành, Nghệ rửa sạch thái mỏng ngâm vào dầu Vừng (ngập kín thuốc), ngâm 3 ngày, 3 đêm, sau đó mang đun cho Hành và Nghệ cháy đen, vớt bã ép lấy hết dầu bỏ bã. Lọc kỹ dầu cho vào 15g Sáp ong, đun quấy cho tan hết sáp ong, dầu đặc sền sệt như cao là được.

Đun nước hoa hoè đặc rửa sạch vết mạch lươn thấm khô. Phết cao vào giấy dán lên chỗ đau, băng lại.

Ngày rửa và thay thuốc 1 lần vào buổi sáng hay chiều.

Kiêng kỵ:

Các thứ cay, nóng, tanh.

105. XUYÊN HOÀNG HÙNG TÁN

Xuyên hoàng liên	2 phần
Hùng hoàng	1 phần

Chủ trị:

Sâu quảng: Nốt mụn sâu, có bờ, trước nhỏ sau to dần, càng lan to ra thì càng sâu vào thịt và bờ càng cao, ngứa, đau nhức, có máu mủ. Nếu đóng vẩy bên ngoài thì bên trong vẫn cứ ăn ngầm vào xương và loét rộng ra.

Cách dùng, liều lượng:

Hai vị sấy khô tán bột mịn trộn đều.

Lấy một nắm lá Trầu không và một nắm lá Kinh giới đun với nước, sôi trong 5 phút, để ấm, rửa vết sâu quảng cho sạch máu mủ, lau khô, rắc bột thuốc vào băng lại.

Ngày rửa và rắc thuốc một lần.

Kiêng kỵ:

Kiêng ăn các chất nếp, cay, hăng, tanh, nóng.

106. CAO TAN

Củ Ráy dại (thái mỏng)	100g
Nghệ già (thái mỏng)	50g
Cóc vàng (đốt tồn tính tán bột)	1 con
Dầu vừng	500ml
Sáp ong	30g
Nhựa thông	30g

Chủ trị:

Dán ung nhọt đinh độc. Mụn nhọt mới phát sinh thì cao này làm cho tan, chưa vỡ mủ thì làm cho vỡ, vỡ mủ rồi thì hút mủ ra làm cho lên da thịt.

Cách dùng, liều lượng:

Cho Nghệ, Ráy dại vào dầu vừng đun sôi khi Nghệ, Ráy quăn teo lại, sẫm màu thì bắc ra vớt bỏ bã, cho sáp ong vào đun tiếp quấy tan sáp, bắc ra cho bột than cóc, Nhựa thông vào quấy đều. Khi các thứ đã tan đều, lấy 1 giọt nhỏ vào 1 cái đĩa thấy giọt cao không nhoè ra là được.

Rửa sạch nhọt bằng nước sắc lá Trầu không và lá Kinh giới, thấm khô. Lấy một miếng giấy đo bằng cái ung nhọt, cắt thủng ở giữa một lỗ nhỏ rồi phết cao lên, dán vào ung nhọt (lỗ thủng của giấy phết cao đúng đỉnh giữa ung nhọt để hút mủ ra).

Ngày thay cao thuốc 1 lần.

107. RƯỢU XOA BÓP

Huyết giác	40g
Đại hồi	12g
Quế chi	12g
Địa liền	20g
Thiên niên kiện	20g
Long não	15g
Rượu trắng 45°	1000ml

Chủ trị:

Chấn thương sưng tấy, đau nhức, bong gân.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột cho vào rượu ngâm trong tuần lễ. Mỗi ngày lắc đều 1 lần.

Hàng ngày dùng bông thấm rượu thuốc đắp vào nơi đau, xoa bóp nhẹ.

Chú ý:

Chỉ dùng xoa bóp không được uống.

108. CAO CHẤN THƯƠNG THỐNG NHẤT

Lá Cúc tần	800g
Lá Ngải cứu	400g
Quế chi	160g
Đại hồi	80g
Sáp ong	200g
Dầu Thầu dầu (Dầu ve)	200g

Chủ trị:

Bong gân, sai khớp, gẫy xương kín.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các dược liệu sấy khô tán bột mịn, trộn đều.

Dầu Thầu dầu đun thật sôi cho sáp ong vào quấy cho tan bắc ra để nguội bớt (độ 15 phút) cho bột thuốc từ từ vào dầu đánh thật kỹ cho đều.

Khi dùng phết cao lên miếng giấy bóng kính hay giấy polyetylen dán lên nơi bị tổn thương.

Ngày dán một lần.

Chú ý:

Nếu thiếu sáp ong có thể thay bằng parafin, glycerin.

Nếu dùng parafin và glycerin thì cho parafin vào dầu Thầu dầu trước quấy cho tan hết sau đó cho glycerin, bột thuốc cho vào sau cùng đánh đều.

109. THẠCH VI BA CHẠC THANG

Lá Thạch vi (lá Bòng bong)	20g
Lá Ba chạc (lá Chè đắng, lá Chạng ba)	20g
Lá Thượng bẩy (?)	20g
Vỏ cây Quế lợn (Quế trèn)	20g
Lá Xoan	20g
Lá Đơn tướng quân	30g

Chủ trị:

Trẹo xương, sai khớp.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị dùng tươi rửa sạch, giã nhỏ, sao nóng với nước tiểu, dàn mỏng đắp vào nơi sưng đau, sau khi đã nắn lại xương trở về vị trí cũ, băng ép cố định chặt.

Hai hay ba ngày tháo ra thay thuốc băng lại.

110. THUỐC BÓ NGHỆ VÀNG MẦN TƯỚI

Nghệ vàng (tươi)	20g
Lá Mần tưới (tươi)	40g
Lá Ngải cứu (tươi)	40g
Lá Dâm bụt (tươi)	40g
Lá Cúc tần (tươi)	40g

Chủ trị:

Chấn thương gẫy xương.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch, giã nhuyễn đắp và bó quanh vết thương sau khi đã chỉnh cố định xương gẫy, băng chặt lại.

111. TỤC CỐT TƯỚNG QUÂN THANG

Tục cốt đằng diệp	
(Lá dây Đau xương) tươi	50g
Lá Đơn tướng quân tươi	50g

Chủ trị:

Bong gân, sai khớp.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch, giã nhỏ đắp vào nơi bong gân, trật khớp (đã được nắn trở lại vị trí cũ).

Ngày đắp 1 thang.

112. THANG ĐU ĐỦ MÃNG CẦU

Quả Đu đủ xanh	1 quả
Lá Mãng cầu ta (lá Na)	10g
Muối ăn	5g
Vôi tôi	5g

Chủ trị:

Sai khớp, bong gân.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả giã nhỏ đắp lên vết thương sau khi đã chỉnh hình, băng cố định.

Hai, ba ngày thay bằng 1 lần.

113. THANG NGHỆ CÚC TẦN

Củ Nghệ già (tươi)	20g
Lá Cúc tần (tươi)	12g
Lá Trầu không (tươi)	12g
Lá Sả non (tươi)	12g

Chủ trị:

Bong gân, sai khớp.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị rửa sạch, giã nhỏ đắp lên chỗ sưng đau, sau khi đã chỉnh hình, băng cố định.

Hai, ba ngày thay băng 1 lần.

114. HUYẾT GIÁC KHƯƠNG HOÀNG TỬU

Huyết giác	40g
Khương hoàng	30g
Thiên niên kiện	20g
Địa liền	20g
Đại hồi	12g
Quế chi	12g
Long não	12g

Chủ trị:

Chấn thương viêm tấy, phù nề, sưng đau.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán nhỏ cho vào một lít rượu trắng 45° ngâm một tuần lễ.

Khi dùng tẩm rượu vào bông, gạc, xoa nhẹ nơi sưng đau sau khi đã cố định chỉnh hình.

Ngày xoa 2 - 3 lần.

Chú ý:

Chỉ dùng xoa, không được uống.

115. DUNG THỤ HOÀNG BÁ MIẾN BÌ TÁN

Dung thụ diệp tươi	
(Lá Si tươi)	20g
Nam hoàng bá	
(Vỏ Núc nác) tươi	20g
Mộc miên bì (vỏ Gạo) tươi	20g

Lá Gấc tươi 20g

Sáp ong đủ dùng

Chủ trị:

Bó gẫy xương kín

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị rửa sạch, giã nhuyễn, cho vào Sáp ong đã nấu lỏng, quấy đều thành cao mềm, đắp lên chung quanh vết thương sau khi đã cố định chỉnh hình, băng lại.

Hai, ba ngày thay bằng 1 lần.

116. CÀ GAI ĐU ĐỦ CHÌA VÔI THANG

Lá Cà gai leo tươi	50g
Lá Đu đủ tươi	50g
Lá Chìa vôi tươi	50g

Chủ trị:

Viêm cơ, mụn nhọt, áp xe cơ.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả rửa sạch giã nhỏ đắp vào nơi viêm, áp xe cơ.

Ngày đắp 1 lần băng lại.

117. THANH NHIỆT TIÊU ĐỘC THANG

Bồ công anh (sao vàng)	30g
Kim ngân hoa (sao qua)	20g
Thương nhĩ tử (sao cháy)	20g
Đậu đen 30g	

Chủ trị:

Ung nhọt nhiễm trùng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

118. THANH NHIỆT GIẢI ĐỘC THANG

Sài đất	100g
Bồ công anh	30g
Cỏ Mần chầu	15g
Cam thảo dây	15g

Chủ trị:

Ung nhọt mới phát.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

119. LỤC BÌNH HOÀNG OANH DIỆP THANG

Bèo Lục bình (bèo Tây)	10g
Hoàng oanh diệp (Lá Duối) non	15g
Lá Đu đủ	15g
Lá Đâm bụt	20g
Nghệ vàng	8g
Vôi tôi	10g

Chủ trị:

Viêm cơ giai đoạn chưa hoá mủ.

Cách dùng, liều lượng:

Tất cả các vị dùng tươi, rửa sạch để ráo nước, giã nhỏ.

Rửa sạch nơi viêm tấy, đắp thuốc xung quanh băng lại.

Ngày thay đắp 2 lần.

120. NGÂN BỒ THANG

Kim ngân	20g
Bồ công anh	20g
Vòi voi	10g
Sài đất	10g
Xạ can	10g
Giấp cá	15g

Chủ trị:

Ung nhọt nhiệt độc.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang

121. THANG HÀNH TĂM MẬT ONG

Hành tăm	8g
Mật ong	5ml

Chủ trị:

Đinh nhọt, càng cua.

Cách dùng, liều lượng:

Giã nhỏ Hành trộn đều với Mật ong đắp lên chỗ đau.

Ngày đắp 2 lần.

122. THỔ PHỤC NGŨ LIÊM TỬ THANG

Thổ phục linh	40g
Ngũ liêm tử (Quả Khế)	20g

Chủ trị:

Ung nhọt độc nhiễm khuẩn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sao vàng cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

123. TIÊU VIÊM SÁT KHUẨN THANH NHIỆT THÔNG HUYẾT THANG

Lá Rau răm tươi	20g
Lá Chìa vôi tươi	20g
Lá Bỏng tươi	20g
Lá Bạch đồng nữ	20g
Muối ăn	2g

Chủ trị:

Viêm cơ, áp xe, ung nhọt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch, để ráo nước, giã nhỏ thêm muối trộn đều đắp vào nơi sưng đau, băng lại. Sau 4 giờ băng thuốc, tuỳ theo mức độ nặng nhẹ của bệnh mà đắp thêm miếng thuốc thứ 2.

Kiêng kỵ:

Không ăn các thứ cay, nóng, tôm, bún, bí xanh.

124. KHƯƠNG LANG THANG

Khương lang	
(Bọ Hung) đốt tồn tính	2 con
Mầm Tre non	
(giã vắt lấy nước)	2 cái
Lòng trắng trứng gà	1 quả

Chủ trị:

Rút chông gai, các vật bằng kim loại nhỏ cắm vào cơ thể.

Cách dùng, liều lượng:

Khương lang đốt tồn tính tán bột mịn, trộn đều với nước mầm tre non và lòng trắng trứng làm thành khối dẻo, đắp vào vết thương đã vô khuẩn sau đó lấy nhựa Cóc bôi chung quanh ngoài vết thương.

125. THUỐC ĐẮP PHÙ CHÌA KÉ

Lá Phù dung tươi	30g
Lá Chìa vôi tươi	20g
Lá Ké hoa vàng hay hoa đỏ tươi	20g

Chủ trị:

Viêm cơ, ung nhọt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch, để ráo nước, giã nhỏ thêm ít muối trộn đều đắp lên nơi đau sưng.

Ngày đắp 2 lần. Đắp 3 ngày liền.

126. ĐẠI THÔNG PHONG MẬT THANG

Hành khô (Đại thông khô)	2 củ
Phong mật (Mật ong)	5g

Chủ trị:

Rút chông gai, các vật bằng kim loại nhỏ cắm vào cơ thể.

Cách dùng, liều lượng:

Hành bóc bỏ vỏ khô, giã nhỏ với ít muối, trộn đều với Mật ong. Đắp vào nơi dễ phải chông gai, mảnh kim loại băng chặt lại. Hôm sau gai hoặc mảnh kim loại sẽ lộ ra.

127. BẠCH KIM THIÊN HOA THANG

Bạch cập	4g
Kim ngân hoa	4g
Thiên hoa phấn	4g
Xuyên sơn giáp (nướng phồng)	3g
Tri mẫu	4g
Nhũ hương	3g
Tạo giác thích	2g
Bối mẫu	4g
Bán hạ chế	4g

Chủ trị:

Hậu bối, sưng vú, ung nhọt.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, thêm ít rượu trắng chia uống 2 lần trong ngày.

Bã thuốc còn lại cho giã nát với lá Phù dung tươi, trộn thêm với ít Mật ong đắp vào nơi sưng đau băng lại.

Ngày đắp và thay thuốc 1 lần.

128. BẠCH THANH ĐƯƠNG GIÁC DĨ XƯƠNG THANG

Bạch chỉ	3g
Thanh bì	3g
Đương quy	4g
Tạo giác thích	2g
Ý dĩ	6g
Xương truật	3g

Chủ trị:

Ung nhọt sưng tấy đau nhức nung mủ nhưng chưa vỡ mủ.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống trong ngày.

Ngày uống 1 thang hoặc 2 thang tuỳ theo bệnh.

129. BỐ CÔNG THẤT DIỆP THANG

Bồ công anh	30g
Thất diệp nhất chi hoa (Tảo hưu)	6g

Chủ trị:

Ung nhọt, sưng vú, quai bị, tràng nhạc.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Kết hợp đồ bên ngoài dùng:

Tảo hưu	12g
Thiên hoa phấn	12g
Thiên tiêu tử	6g

Các vị sấy khô, tán bột thêm ít nước trộn đều dàn mỏng đắp vào nơi đau.

130. BỒ LIÊN THIÊN BỐI MẪU THANG

Bồ công anh	15g
Liên kiều	9g
Thiên hoa phấn	9g
Bối mẫu	9g
Đương quy	9g
Thanh bì	6g
Gạc hươu nai (chẻ nhỏ)	9g

Chủ trị:

Nhọt độc, áp xe vú mới sưng.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

131. THUỐC BÓ GÃY XƯƠNG

Cốt toái bổ tươi	200g
Lá Sen tươi	100g
Lá Trắc bá tươi	100g
Quả Bồ kết tươi	50g

Chủ trị:

Bó gãy xương

Cách dùng, liều lượng:

Các vị rửa sạch, nghiền nho đắp bó vào nơi xương gãy sau khi đã chỉnh hình, nẹp băng cố định chặt.

2 - 3 ngày thay thuốc 1 lần.

132. ĐƯƠNG ĐÀO KINH ĐẠI QUẾ BỔ THANG

Đương quy	10g
Đào nhân	10g
Kinh giới	10g
Đại hoàng	10g
Quế tâm	4g
Bồ hoàng	6g
Cam thảo	4g

Chủ trị:

Chấn thương đụng dập, đòn đánh, bầm tím sưng đau.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

133. HỒNG HOA TÔ MỘC THANG

Hồng hoa	6g
Tô mộc	6g
Đương quy	4g
Mộc thông	4g
Cam thảo	4g
Trần bì	4g
Chỉ xác	4g
Phác tiêu	2g
Hậu phác	4g
Đại hoàng	4g

Chủ trị:

Chấn thương, ngã dụng dập, bầm tím, sưng đau.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 300ml nước, thêm 300ml rượu trắng, sắc lấy 200ml nước thuốc chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

134. CAO BÓ GẪY

Huyết giác	200g
Đại hồi	40g
Thương truật	80g
Đại hoàng	60g
Nhũ hương	40g
Một dược	40g
Đinh hương	40g
Quế chi	40g
Thiên niên kiện	80g

Chủ trị:

Bó gẫy xương

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán bột mịn trộn đều.

Khi dùng nấu thành cao theo công thức sau:

Bột thuốc	200g
Nhựa thông (Tùng hương)	100g
Sáp ong	100g
Dầu Thầu dầu (Dầu ve)	400g

Dầu Thầu dầu đun sôi cho Sáp ong vào đun quấy tan, bắc ra cho Nhựa thông bà bột thuốc vào quấy đều thành cao.

Phết lên giấy bóng kính hay giấy polyetylen bó kín chung quanh nơi xương gẫy sau khi đã chỉnh đưa xương trở về vị trí cũ, đặt nẹp băng cố định.

Đắp, bó liên tục trong 3 - 4 tuần lễ không phải thay thuốc.

135. CAO HY THIÊM

Hy thiêm	
(toàn cây bỏ gốc rễ)	1000g

Chủ trị:

Các vết thương phần mềm.

Cách dùng, liều lượng:

Hy thiêm rửa sạch, nấu cao đặc sền sệt hoặc cao lỏng tỷ lệ 5/1. Rửa sạch vết thương, thấm khô, bôi lên vết thương một lớp mỏng cao Hy thiêm (dịch chiết Hy thiêm để lại trên mặt da một màng dính, tựa như collodion). Không cần băng.

136. LONG NHA THẢO TÁN

Long nha thảo	500g
Gừng tươi	
(thái lát sao tồn tính)	200g

Chủ trị:

Chẩy máu do chấn thương ngoài da.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, rắc vào nơi vết thương chẩy máu băng lại.

137. ĐƠN BÌ ĐÀO NHŨ XÍCH KHUNG THANG

Đơn bì	10g
Đào nhân	5g
Nhũ hương	5g
Xích thược	5g
Xuyên khung	5g
Đương quy	5g
Sinh địa	10g
Cốt toái bổ	5g
Tục đoạn	5g

Chủ trị:

Chấn thương ngã tụ máu.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

138. MỘC QUA TÁN

Mộc qua	30g
Ngũ gia bì	30g
Uy linh tiên	15g

Chủ trị:

Thương tích do ngã, đòn đánh.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, trộn đều.

Mỗi lần uống 10g hoà với rượu hay nước còn ấm ấm uống.

139. ĐÀO NGA QUY XÍCH THANG

Đào nhân	6g
Nga truật	6g
Quy vĩ	12g
Xích thược	4g
Cốt toái bổ	4g
Hồng hoa	4g
Ô dược	4g
Sinh địa	10g
Tam lăng	4g
Uy linh tiên	4g
Tục đoạn	4g

Chủ trị:

Chấn thương gẫy xương, sưng đau, phù nề.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước và 400ml rượu trắng, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

140. ĐAN BÌ XÍCH THƯỢC TÁN

Đan bì	10g
Xích thược	10g
Sinh địa	10g
Huyết kiệt	6g
Nhũ hương	5g
Một dược	5g
Xuyên khung	5g
Cam thảo	3g

Chủ trị:

Các chấn thương do ngã, đòn đánh sưng đau, tụ máu tím bầm.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô tán bột mịn, trộn đều.

Ngày uống 2 lần mỗi lần 3g hoà vào rượu 30° hay nước tiểu trẻ em mới tiểu hay nước sôi còn nóng ấm uống.

141. VIỄN CHÍ TỬU

Viễn chí	50g
Rượu trắng 40°	250ml

Chủ trị:

Các ung nhọt, hậu bối, viêm cơ, áp xe.

Cách dùng, liều lượng:

Viễn chí ủ mềm rút bỏ hết lõi, phơi khô tán vụn, cho vào rượu, ngâm, để lắng gạn uống.

Mỗi lần uống 20-30ml. Ngày uống 1-2 lần.

MỘT SỐ BÀI THUỐC CHỮA RẮN, RẾT, CÔN TRÙNG ĐỘC CẮN, ĐỐT

A. RẮN ĐỘC CẮN

1. BỘT H.V.B

Hạt Hồng bì (Quất hồng bì) 100g
Hạt hoặc lá Vông vang 100g
Hoa hoặc lá Bông báo 100g

Chủ trị:

Rắn độc cắn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị sấy khô, tán bột mịn, trộn đều.

Khi bị rắn độc cắn hoà 25g bột thuốc vào 100ml cồn 70° hoặc rượu 45°, lắc đều. Dùng bông chấm thuốc bôi đón từ quầng đỏ phía trên vết cắn bôi dồn xoáy chôn ốc đến vết rắn cắn (không bôi lên vết răng rắn cắn) cách 10 - 15 phút bôi một lần, khi quầng đỏ đã giảm thì 2 - 3 giờ bôi 1 lần.

Chú ý:

- Khi bị rắn độc cắn, trước khi bôi thuốc này cần phải buộc ngay ga rô ở phần trên của vết rắn cắn khoảng từ cách 5 - 10 cm nhằm làm chậm sự nhiễm độc nọc rắn theo máu về tim. Buộc lâu chừng 10 - 15 phút lại nới lỏng ga rô 1 lần khoảng 1 phút lại buộc lại.

Rửa sạch vết cắn bằng nước muối ấm hoặc nước phèn chua Trầu không và nặn cho máu và dịch độc chảy ra.

2. ĐẬU NỌC THANG

Đậu nọc hay
Đậu độc, Đậu rừng, Đậu mèo lớn 1 hạt

Chủ trị:

Rắn độc cắn.

Cách dùng, liều lượng:

Khi bị rắn độc cắn buộc ga rô nặn máu, rửa sạch vết cắn diệt khuẩn vết thương lấy hạt Đậu nọc bổ đôi theo đường sống hạt đậu, dùng nửa hạt đậu đắp mặt trong vào vết rắn cắn băng lại. Hết nọc độc hạt tự bong ra. Sau khi đắp 10 - 12 giờ vẫn còn sưng thì đắp tiếp nửa hạt đậu khác.

3. HOA XÀ THIỆT THẢO THANG

Bạch hoa xà thiệt thảo
(cỏ Lưỡi rắn) tươi 150 - 300g

Chủ trị:

Rắn độc cắn.

Cách dùng, liều lượng:

Rửa sạch, giã nhỏ hoà vào 250ml nước, gạn ép lấy nước uống, sau khi đã nới ga rô và rửa sạch vết cắn, lấy bã thuốc đắp lên vết thương. 5 - 6 giờ sau lại làm 1 liều nữa như trên.

Bệnh nặng ngày đêm uống và đắp 3 lần.

Chú ý:

Người lớn trúng độc nặng dùng liều tối đa 300g/lần, trúng độc nhẹ dùng liều tối thiểu 150g/lần.

Trẻ em giảm dùng 1/2 liều người lớn.

4. NỌC SỞI THANG

Cỏ Nọc sởi (cỏ Ban) tươi 150 - 300g

Chủ trị:

Rắn độc cắn, đỉa cắn.

Cách dùng, liều lượng:

Rửa sạch, giã nhỏ hoà vào 250ml nước, gạn ép lấy nước uống, sau khi đã nới ga rô (đối với rắn độc cắn) và rửa sạch vết cắn, lấy bã thuốc đắp lên vết thương.

5 - 6 giờ sau lại làm 1 liều nữa như trên.

Bệnh nặng ngày đêm uống và đắp 3 lần nếu là rắn độc cắn.

5. THẤT DIỆP NHẤT CHI HOA THANG

Củ Thất diệp nhất chi hoa (Bảy lá một hoa) khô lượng đủ dùng

Chủ trị:

Rắn độc cắn.

Cách dùng, liều lượng:

Củ Bẩy lá một hoa sấy khô, tán bột mịn.

Mỗi lần uống 4 - 6g, hoà vào nước chín uống.

Ngày uống 2 - 3 lần.

Bên ngoài, sau khi đã buộc ga rô, rửa sạch vết cắn, lấy Giấm thanh cho thêm bột thuốc hoà đủ bôi tất cả vùng sưng tấy quầng đỏ, trừ vết rắn độc cắn để cho dịch độc tiết ra.

Ngày bôi 3 - 4 lần.

Chú ý:

Cây có chất độc không dùng liều quá cao.

6. BỚP BỚP THANG

Cây Bớp bớp 150 - 200g
(cỏ Cộng sản hay cỏ Lào) tươi

Chủ trị:

Rắn độc cắn

Cách dùng, liều lượng:

Hái ngọn non và lá, rửa sạch, giã nhỏ hoà vào 250ml nước chín gạn ép lấy nước uống.

Sau khi đã nới ga rô và rửa sạch vết thương, lấy bã thuốc đắp lên vết thương. 5 - 6 giờ sau lại làm 1 liều nữa như trên.

Bệnh nặng ngày đêm uống và đắp 3 lần.

7. THẦN ĐEN THANG

Thần đen
(cây Phèn đen) tươi 200 - 300g

Chủ trị:

Rắn độc cắn.

Cách dùng, liều lượng:

Hai lá và ngọn non có màu hơi đỏ nhạt, rửa sạch, giã nhỏ hoà vào 250ml nước chín, gạn ép lấy nước uống.

Sau khi đã nới ga rô và rửa sạch vết thương, lấy bã thuốc đắp lên vết thương. 5 - 6 giờ sau lại làm 1 liều nữa như trên.

Bệnh nặng ngày đêm uống và đắp 3 lần.

8. THANH NHIỆT LƯƠNG HUYẾT LỢI TIỂU THÔNG KINH HOẠT LẠC GIẢI ĐỘC THANG

Kim ngân hoa	30g
Kim cúc hoa	20g
Xa tiền tử	30g
Bồ công anh	30g
Tử hoa địa đinh (Cải rừng tia)	30g
hoặc Cải trời (Nam hạ khô thảo)	

Chủ trị:

Rắn độc cắn nọc độc đã nhiễm vào doanh huyết (Hoả độc) và vào tạng phủ (Phong độc).

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 1000ml nước sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày. Uống lúc thuốc đã nguội.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia vị:

1. Nếu nọc độc nhiễm vào doanh huyết (Hoả độc):

- Bệnh nhân tiểu tiện ít và vàng, gia thêm:

Cỏ Bợ tươi 50 - 100g (khô 20 - 40g)
Chua me đất tươi 50-100g (khô 20-40g)
Cỏ Thài lài trắng tươi 50-100g (khô 20-40g)

- Bệnh nhân đại tiện táo bón gia thêm:

Ô cữu bì
(Vỏ cây Sòi trắng) bỏ vỏ ngoài tươi 30g
hoặc
Củ cốt khí tươi 50g

- Bệnh nhân nóng vật vã nói linh tinh (như người nói mê) gia thêm:

Hoàng liên 10g
Xuyên tâm liên tươi 50 - 60g (khô 20g)
Cỏ Nọc sởi tươi 50 - 60g (khô 20g)
Cỏ Lưỡi rắn tươi 50 - 60g (khô 20g)

- Sưng to đau nhức, gia thêm:

Cây Trường sinh lá tròn tươi hoặc

Cây Thuốc bỏng tươi	50g
Cây Chỉ thiên tươi	50g

- Bệnh nhân vật vã, xuất huyết gia thêm:

Sinh địa	50g
Chỉ tử	50g
Xuyên tâm liên	50g
Cỏ Nhọ nồi	50g

- Bệnh nhân bụng trướng đầy gia thêm:

Lá Bồ cu vẽ	50g
Củ cốt khí	50g

2. Nếu nọc độc nhiễm vào tạng phủ (Phong độc):

- Nếu bệnh nhân lưỡi rụt nói ngượng nghịu gia thêm:

Cỏ Lào (cỏ Cộng sản)	30 - 40g
Rung rúc (Rút dế)	30 - 40g
Bán hạ chế	10g

- Nếu co giật, mắt trợn gia thêm:

Bạch chỉ	20 - 30g
Tía tô	20 - 30g
Kinh giới	20 - 30g
Ngô công	5g

- Nếu đờm rãi hoặc ứa nước bọt nhiều gia thêm:

Bán hạ chế	20g

- Nước bọt dính gia thêm:

Nga bất thực thảo (Cóc mẩn)	30 - 40g
Thử khúc thảo (rau Khúc)	30 - 40g

9. BỒ CU VẼ THANG

Lá Bồ cu (Bồ câu) vẽ tươi 20g

Chủ trị:

Rắn độc cắn.

Cách dùng, liều lượng:

Rửa sạch nhai nuốt nước, còn bã đắp vào vết thương băng lại để 12 giờ. Bỏ băng đắp miếng khác.

Nếu bệnh nhân không nhai được thì giã ép lấy nước cho bệnh nhân uống, bã đắp và vết thương.

10. MÍA DÒ THANG

Cây và lá Mía dò 10g

Chủ trị:

Rắn độc cắn.

Cách dùng, liều lượng:

Rửa sạch, giã nhỏ ép lấy nước uống, bã đắp lên vết cắn.

11. CHÌA VÔI THANG

Lá Chìa vôi (cả cây) 20g

Chủ trị:

Rắn độc cắn.

Cách dùng, liều lượng:

Rửa sạch, giã nát ép lấy nước uống, bã đắp vào nơi bị thương.

12. TY QUA THANG

Ty qua tử (hạt quả Mướp) 15 - 20 hạt

Chủ trị:

Rắn độc cắn.

Cách dùng, liều lượng:

Hạt mướp giã nhỏ, thêm ít nước chín quấy đều, ép lấy nước cho bệnh nhân uống, bã đắp vào vết cắn.

Chú ý:

Trước khi đắp thuốc, cần lấy một sợi tóc gạt răng rắn ở vết cắn ra, nếu không hôm sau thịt nơi vết cắn sẽ hoại tử.

13. SƠN TỪ CÔ THANG

Sơn từ cô (Củ gió)	10g
Ngư tinh thảo (Giấp cá) tươi	15g
Mộc hương	10g

Chủ trị:

Rắn độc cắn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc uống. Bã giã nhỏ đắp lên vết rắn cắn.

14. QUỶ CHÂM THẢO THANG

Quỷ châm thảo (Đơn kim) khô 15g
Dùng tươi 20 - 30g

Chủ trị:

Rắn, bọ cạp cắn.

Cách dùng, liều lượng:

Cho vào 300ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống.

Nếu đắp ngoài dùng lượng vừa đủ.

15. RƯỢU HỘI

Hà thủ ô đỏ	40g
Thanh phàn	24g
Xuyên bối mẫu	24g
Nam tinh	24g
Bạch chỉ	24g
Quế chi	24g
Xuyên sơn giáp (sao phồng)	24g
Hùng hoàng	40g
Ngũ linh chi	20g
Bạch thược	12g
Bạch đậu khấu	24g

Chủ trị:

Rắn, rết, côn trùng độc cắn.

Cách dùng, liều lượng:

Các vị tán nhỏ ngâm vào 1,5 lít rượu 35° - 40° trong 10 ngày. Gạn lọc trong.

Ngày uống 80-150ml chia uống làm nhiều lần.

16. ÁP CHÍCH THẢO THANG

Áp chích thảo
(Thài lài, rau Trai) khô 40g

Chủ trị:

Rắn độc cắn.

Cách dùng, liều lượng:

Cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, uống.

Kết hợp đắp ngoài: Dùng 50g Thài lài tươi rửa sạch giã nát đắp lên vết cắn, sau khi đã xử lý vết thương (buộc ga rô, lấy hết răng rắn).

17. QUÝT GAI THANG

Cành, lá Quýt gai
(Tầm xoọng) 20 - 30g

Chủ trị:

Rắn cắn.

Cách dùng, liều lượng:

Cho vào 300ml nước sắc lấy 100ml nước thuốc, uống.

Ngày sắc uống 2 - 3 lần.

18. ĐỊA ĐÀO HOA THANG

Lá Địa đào hoa tươi
(Ké hoa đào) 60g

Chủ trị:

Rắn cắn.

Cách dùng, liều lượng:

Rửa sạch giã nát, đắp lên nơi rắn cắn, sau khi đã xử lý vết thương.

19. KIM VÀNG THANG

Đọt, lá và cành non
Cây Kim vàng 50g

Chủ trị:

Rắn độc cắn.

Cách dùng, liều lượng:

Rửa sạch, giã nhuyễn vắt lấy nước cho nạn nhân uống, bã xát đắp vào nơi rắn cắn. Cứ 30 phút cho uống và đắp 1 lần.

Ngày uống và đắp 5 - 6 lần.

20. HÚNG CHANH THANG

Lá Húng chanh (rau Tần dày lá) lượng đủ dùng

Chủ trị:

Các vết thương do côn trùng cắn, muỗi đốt...

Cách dùng, liều lượng:

Tuỳ theo vết thương dùng một lượng lá Húng chanh vừa đủ, rửa sạch, giã nát, đắp lên vết thương.

Ngày giã đắp 1 - 2 lần.

B. ONG ĐỐT

Có thể chữa trị như sau:

- Dùng Vôi đã tôi bôi vào vết đốt.

- Hạt và lá Quất hồng bì giã nhuyễn đắp lên vết đốt.

- Thuốc Lào tẩm nước điếu giã nát chấm vào vết đốt.

- Củ Ráy dại cắt 1 lát xát vào vết đốt.

- Lá, dây Chìa vôi giã nhuyễn đắp vào vết đốt.

C. VE CẮN

Khi bị ve cắn không được rút ra mà phải xử trí bằng một trong các cách sau:

- Lấy nước điếu thuốc lào đặc chấm vào miệng con Ve nó tự nhả và rơi ra, sau đó lấy Vôi tôi xát vào vết cắn.

- Lấy kim băng hoặc 1 đoạn dây đồng hoặc thép nhỏ đốt nóng đỏ chọc vào đít con Ve, bị nóng Ve tự rơi ra, sau đó lấy Vôi tôi xát vào vết Ve đốt.

Nếu tự rứt con Ve ra, răng Ve còn lại trong da thịt sẽ gây đau, nhức, có khi phát sốt.

Trường hợp này lấy thuốc Lào tẩm vào nước điếu thuốc lào đắp lên vết cắn băng lại đồng thời cho uống thang thuốc sau:

THANG TIÊU ĐỘC SÁT KHUẨN

Ké đầu ngựa	20g
Cây Vòi voi	20g
Cỏ Chỉ thiên	20g
Bồ công anh	40g

Các vị rửa sạch thêm 600ml nước, sắc đặc chia uống 2 lần, uống đến khi khỏi.

D. GIỜI LEO

Khi bị Giời leo, da phồng đau nhức khó chịu dùng một trong các thuốc sau:

- Gạo sống (gạo nếp càng tốt) 1 nắm giã nhỏ, trộn với nước Vo gạo vừa nhão đắp vào vết Giời leo.

Nếu bột gạo khô thì nhỏ tiếp nước Vo gạo lên để giữa ẩm thường xuyên.

- Đậu xanh 1 nắm (Đậu xanh nguyên hạt còn vỏ xanh) giã nhỏ trộn với nước cơm vừa nhão đắp lên vết Giời leo. Nếu bột đậu xanh đắp bị khô thì nhỏ thêm nước cơm để giữ ẩm thường xuyên.

- Đậu xanh, gạo nếp mỗi thứ 1 nắm, giã nhỏ thêm nước Vo gạo đặc trộn thành khối bột dẻo đắp lên vết Giời leo. Nếu bột đắp bị khô thì nhỏ thêm nước Vo gạo đặc để giữ cho miếng bột luôn luôn ẩm.

- Lá xoan leo (Tầm phỏng) 1 nắm rửa sạch, giã nhỏ đắp lên vết Giời leo. Nếu bột lá bị khô thì nhỏ thêm nước cốt lá Xoan leo để giữ miếng thuốc thường xuyên ướt.

- Lá Bọ mắm (thuốc Giòi) tươi 1 nắm rửa sạch giã nắt đắp vào nơi Giời leo.

- Đậu xanh, lá Mướp hương tươi mỗi thứ 1 nắm rửa sạch giã nhuyễn đắp vào nơi Giời leo.

E. DẪM HOẶC CHẠM PHẢI BỌ NẸT, SÂU RÓM

- Lấy tóc rối sát kỹ vào chỗ bị sâu, bọ chạm phải, hoặc lấy 1 nắm cơm hoặc nắm Xôi lăn đi lăn lại cho dính hết lông sâu, bọ.

- Rau Má, rau Khoai lang, lá Khoai sọ mỗi thứ 1 nắm, rửa sạch giã nhỏ xát vào chỗ ngứa.

G. RẾT CẮN

1. DÃ VU THANG

Dọc khoai ngứa

Chủ trị:

Rắn cắn, ong đốt.

Cách dùng, liều lượng:

Lấy lọc khoai ngứa lượng đủ dùng, rửa sạch, giã nắt đắp vào nơi Rết cắn, Ong đốt khỏi đau nhức ngay.

2. RƯỢU HỘI (xem trang 609 bài số 15)

H. ĐỈA CẮN, ĐỈA CHUI VÀO NGƯỜI

1. NỌC SỞI THANG (xem trang 606 bài 4)

2. SẮN THUYỀN THANG

Lá Sắn thuyền	20g

Chủ trị:

Khi lao động, tắm gội dưới nước bị đỉa chui vào tai, mũi, âm môn, hậu môn...

Cách dùng, liều lượng:

Lá Sắn thuyền rửa sạch, giã vắt lấy nước cốt uống, sau 5 phút đỉa sẽ chui ra.

I. CÔN TRÙNG, MUỖI CẮN ĐỐT

Lá Húng chanh

(Rau Tần dày lá)

Tuỳ theo vết thương dùng lá Húng chanh lượng vừa đủ, rửa sạch, giã nát, đắp lên vết thương.

Ngày giã đắp 1 - 2 lần.

K. BỌ CẠP CẮN

Dùng bài Quỷ châm thảo thang

(xem trang 609 Bài số 14)

PHẦN SÁU

PHỤ LỤC

MỘT SỐ BÀI THUỐC CHỮA NGỘ ĐỘC, GIẢI ĐỘC

A. NGỘ ĐỘC SẮN

Trong sắn có acid cyanhydric (HCN), thường gặp ở củ sắn đã biến màu xanh xám. Dấu hiệu ngộ độc chỉ vài giờ sau khi ăn với triệu chứng rối loạn tiêu hoá và thần kinh là chủ yếu: đau bụng, đầy bụng, sôi bụng, nôn nao khó chịu, nôn mửa, có khi nôn ra máu, choáng váng, mệt mỏi, vật vã khó thở, ngứa ngáy. Nặng thì hôn mê, co giật sắc mặt tím tái ngừng thở, có thể tử vong nếu phát hiện chậm, cứu chữa không kịp thời.

Khi bị ngộ độc sắn có thể dùng ngay một trong những bài thuốc đơn giản sau:

1. Cua đồng thang

Cua đồng sống 10 - 20 con

Rửa sạch cua bằng nước nóng, để ráo nước, giã nhỏ cho vào 1 bát nước sôi (250ml) trộn đều, để lắng nguội chắt lấy nước uống.

2. Mật mía cam thảo đất thang

Mật mía 200 - 300 ml

Cam thảo đất (toàn cây) 100 - 200g

Cam thảo đất cho vào 1 lít nước, đun sôi kỹ, gạn lấy nước, cho mật mía vào, quấy tan đều, uống liên tục thay nước.

3. Rau má sắn dây thang

Nước cốt rau má tươi

Nước cốt lá sắn dây tươi

Mật mía hoặc nước đường

Lượng dùng tuỳ ý.

Các vị trộn đều uống liên tục thay nước.

4. Rau muống cám gạo thang

Rau Muống tươi 100 - 300g

Cám gạo tẻ mịn 50 - 100g

Rau Muống rửa sạch thái ngắn giã nhỏ, cho cám Gạo vào trộn đều, ép vắt lấy nước uống.

Chú ý:

Khi ngộ độc sắn không được dùng các thuốc trị đau bụng như Viên rửa, Rượu Quế, Rượu Hồi, Dầu gió...

B. NGỘ ĐỘC DỨA

Sau khi ăn Dứa người bệnh thấy xuất hiện các triệu chứng: người nôn nao, mệt mỏi, buồn nôn và nôn, đau bụng đi ngoài phân lỏng, toàn thân nổi mẩn ngoài da (dạng mày đay) khó thở kiểu hen suyễn, tức ngực nhức đầu.

Dùng ngay một trong những bài thuốc đơn giản sau:

1. Vỏ dứa cam thảo mộc nhĩ thang

Vỏ quả Dứa đã gây ngộ độc	100g
Cam thảo	15 - 20g
Mộc nhĩ	25 - 50g

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc.

Ngày sắc uống 2 - 3 thang trong ngày.

2. Vỏ dứa rau má cam thảo thang

Vỏ quả Dứa đã gây ngộ độc	40g
Rau Má	40g
Cam thảo đất	40g

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, pha thêm chút muối quấy tan uống.

Ngày uống 1 - 2 thang.

3. Giải độc thang

Bồ công anh	12g
Thương nhĩ tử	15g
Tang diệp	16g
Kinh giới	16g
Thổ phục linh	16g
Lục đậu (Đậu xanh)	16g
Cam thảo đất	16g

Các vị cho vào 800ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày sắc uống 1 - 2 thang.

Chú ý:

- Khi ngộ độc dứa tránh rửa nước, quạt lạnh, mùi khét. Kiêng cua, tôm, ốc.

- Khi đã ổn định cho bệnh nhân uống thêm nước đường.

C. NGỘ ĐỘC NẤM

Trong tự nhiên có nhiều loại Nấm ăn ngon và bổ như Nấm hương, Nấm dạ, Nấm sò, Mộc nhĩ v.v... Song có nhiều loài Nấm độc, ăn phải bị ngộ độc nguy hiểm đến tính mạng.

Có loại Nấm độc khi ăn phải sau 1 - 2 giờ hoặc 6 giờ đã phát bệnh. Có loại khi ăn 12 - 24 giờ sau mới phát bệnh.

Khi bị ngộ độc triệu chứng chung là: đau bụng đi ngoài, người choáng váng, nặng thì mê man, rối loạn tâm thần, khó thở bứt rứt, khó chịu, mệt lả...

Khi ngộ độc nấm trước hết dùng lông gà (rửa sạch) ngoáy họng người bệnh cho nôn để loại trừ chất độc ra khỏi cơ thể càng sớm càng tốt. Rồi cho bệnh nhân uống một trong các bài thuốc sau:

1. Mộc nhĩ nấm hương thang

Mộc nhĩ	25 - 40g
Nấm hương	25 - 40g

Cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, uống.

Ngày sắc uống 3 lần.

2. Cháo đỗ xanh

Đỗ xanh	
(đậu xanh) xay cả vỏ	200g
Gạo tẻ hoặc nếp	50g

Mộc nhĩ hoặc Nấm hương 40g

Các vị cho nấu cháo ăn.

3. Cát hoa thang

Cát hoa

(Hoa sắn dây) tươi 30 - 50g

Rửa sạch, giã nát, thêm 100ml nước chín quấy đều, ép vắt lấy nước uống.

Ngày uống 2 - 3 lần.

4. Thang rau khoai lang

Rau Khoai lang tươi 80 - 100g

Rửa sạch, giã nhỏ vắt lấy nước cốt uống.

Ngày uống 2 - 3 lần.

5. Cháo đỗ xanh nước mía

Đậu xanh xay cả vỏ 100 - 200g

Mía tươi ép lấy nước lượng đủ dùng

Đậu xanh nấu cháo ăn, kết hợp uống nước Mía ép.

20 - 30 phút ăn cháo và uống nước Mía 1 lần.

D. NGỘ ĐỘC THỨC ĂN (THƯƠNG THỰC)

Ngộ độc thức ăn là chứng cấp cứu nội khoa hay gặp nhất, Đông y gọi là Thương thực hay trúng thực.

Nguyên nhân do ăn uống không điều độ, ăn phải thức ăn ôi thiu bị nhiễm khuẩn, thức ăn có chất độc, sau khi ăn bị nhiễm lạnh đột ngột.

Ngộ độc thức ăn thường xảy ra sau khi ăn ít giờ, có các triệu chứng như:

Đầy bụng, ậm ạch khó chịu, ợ hơi chua, tức ngực, mệt mỏi, choáng váng ngây ngất, đau bụng, buồn nôn hoặc nôn, chóng mặt toát mồ hôi, ỉa lỏng phân vàng đi toé loe, mùi hôi thối khắn, rêu lưỡi vàng dày, mạch trầm huyền.

Khi bị ngộ độc thức ăn dùng một trong các bài thuốc sau:

1. Bột tiêu thực

Hương phụ (tứ chế)	400g
Trần bì (sao vàng)	250g
Hậu phác (tẩm gừng sao)	250g
Củ Sả (sao vàng)	250g
Lá Hoắc hương	16g
Can khương	4g

Tất cả các vị sao, sấy khô tán bột mịn.

Trẻ em 1 - 5 tuổi mỗi lần uống 4g

6 - 10 tuổi mỗi lần uống 6g

11 - 15 tuổi mỗi lần uống 8g

Người lớn mỗi lần uống 12g

Hãm vào nước sôi, gạn lấy nước trong uống.

Ngày uống 2 - 3 lần.

Kiêng kỵ:

Không ăn các chất khó tiêu, nên nhịn ăn hoặc ăn cháo loãng.

2. Hương phác thang

Hoắc hương	8g
Hậu phác (sao gừng)	8g
Vỏ Rụt (ngâm nước gạo)	8g
Binh lang	8g
Trần bì	6g
Thảo quả (bỏ vỏ)	4g

Các vị cho vào 600ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần.

Ngày uống 1 thang.

Kiêng kỵ:

Kiêng các chất tanh, mỡ, các chất khó tiêu. Nên ăn cháo loãng.

3. Viên hoắc hương

Hoắc hương (khô)	20g
Trần bì	8g
Vỏ vối (khô)	20g
Cam thảo	10g
Đại hồi	20g
Vỏ rụt (khô)	16g
Sa nhân	20g
Riềng già (khô)	16g

Các vị sao khô tán bột mịn, trộn đều, luyện hồ làm viên bằng hạt đậu đen.

Trẻ em 5 - 10 tuổi mỗi lần uống 10 viên.

10 - 15 tuổi mỗi lần uống 20 viên

Người lớn mỗi lần uống 30 viên.

Ngày uống 2 lần, uống với nước chè nóng.

Kiêng kỵ:

Các chất sống, lạnh.

Khi đương bệnh ăn cháo loãng.

4. Kim nương mã đề thang

Nụ Đào kim nương (nụ Sim)	
hoặc nụ Ổi, rộp Ổi tươi	12g
Mã đề (lá, hoa) tươi	20g
Đầu ruồi quả Chuối tiêu tươi	12g

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, chia uống 2 lần trong ngày.

Ngày uống 1 thang.

Chú ý gia giảm:

- Thương thực do ăn thịt không tiêu gia thêm:

Sơn tra	12g

- Thương thực do ăn chất bột không tiêu gia thêm:

Mạch nha	12g
Thần khúc	12g

- Thương thực do ăn rau sống, hoa quả không tiêu gia thêm:

Can khương	12g
Thần khúc	12g

- Thương thực do ăn tôm, cá, cua không tiêu gia thêm:

Tía tô (cành, lá)	12g
Trần bì	10g

5. Thạch xương bồ tán

Thạch xương bồ (Củ Bồ bồ) 200g

Sấy khô tán bột mịn.

Mỗi lần uống 5 - 10g (1 - 2 thìa cà phê) hoà vào nước sắc Gừng tươi uống.

Ngày uống 2 lần.

E. NGỘ ĐỘC TÔM, CUA, CÁ, SÒ

Ăn tôm, cua, cá, sò... đôi khi cũng bị ngộ độc. Nhẹ thì có triệu chứng: mỏi mệt, bải hoải, đau bụng, mẩn ngứa, đi ỉa, khó thở.

Nặng thì: đau bụng dữ dội, nôn mửa, ỉa chảy, mẩn ngứa khó thở, co rút cân cơ (do mất nước).

Sau khi đã làm cho nạn nhân nôn ói được thức ăn ra, cho nạn nhân uống ngay nước sắc lá Tía tô hoặc nước sắc Tỏi.

1. Nước sắc tô diệp

Lá tía tô tươi 50 - 80g

Sắc đặc uống 1-2 bát. Ngày sắc uống 1-2 lần.

2. Nước sắc đại toán

Tỏi (đập dập) 20 - 30g

Sắc lấy nước cốt uống, Ngày sắc uống 1-2 lần.

G. NGỘ ĐỘC CÁ NÓC

Các Nóc là tên gọi của nhiều loài cá khác nhau có thân hình đặc biệt: thân ngắn, vảy kém phát triển có răng gắn với nhau thành tấm, kém hoạt động, đặc biệt có bụng phình

bầu ra. Khi tự vệ cá Nóc ngậm hơi lại làm phồng mình như chiếc bong bóng, rồi ngửa bụng lên trời là để trôi theo dòng nước, thỉnh thoảng chỉ hơi vẫy cái đuôi ngắn.

Hiện nay trên thế giới đã thống kê được khoảng 60 loài mang tên cá Nóc trong đó có khoảng 30 loài là có độc.

Ở nước ta cũng đã thống kê được tất cả có 20 loài. Chất độc của cá Nóc tập trung chủ yếu ở trong gan, ruột và cơ bụng, đặc biệt độ độc của các Nóc rất cao trong mùa đẻ trứng (từ tháng 2 đến tháng 7). Chất độc của cá Nóc không bị nhiệt phá huỷ nên sau khi nấu chín vẫn gây ngộ độc, có khi lại làm tăng thêm độc tính.

Người bị ngộ độc do ăn cá Nóc thường thấy những triệu chứng xuất hiện sau khi ăn từ 2 - 24 giờ (nặng có thể xuất hiện sau khi ăn 30 phút); nạn nhân thường bị tê môi, tê lưỡi, cảm giác kiến bò ở đầu ngón chân, ngón tay; tiếp theo nôn mửa, đầu choáng váng, đau đớn khó chịu ở vùng trán và trong lòng con mắt, đồng tử giãn nở, tay chân bị tê liệt, da tím ngắt, nhiệt độ và huyết áp thấp.

Trong vòng 2 giờ nếu không cứu chữa nạn nhân hoàn toàn tê bại, cứng hàm dưới tuy người vẫn tỉnh táo, chỉ ngay trước khi chết nạn nhân mới bất tỉnh và mê man, chết do liệt hô hấp.

60% nạn nhân chết trong vòng 1 - 24 giờ. Nếu nạn nhân sống quá 24 giờ thì hy vọng có thể cứu sống nhiều hơn.

Khi bị ngộ độc Cá nóc trước hết:

Phải làm cho nạn nhân nôn mửa ngay để loại chất độc ra khỏi cơ thể, càng nhanh càng tốt. Sau đó cho bệnh nhân uống một trong các phương thuốc sau:

1. Khoai lang thực điêm thang

Ngọn Khoai lang tươi	50 - 60g
Muối ăn	2g

Ngọn Khoai lang rửa sạch, giã nhỏ thêm Muối vắt lấy 1 bát nước uống (nếu ít nước thì cho thêm 1 cốc nước chín nguội quấy đều lọc lấy nước uống).

Ngày uống 2 - 3 - 4 lần.

Hoặc dùng thang sau:

2. Tía tô đại toán thang

Lá Tía tô	50g
Tỏi (đập dập)	20g

Sắc đặc cho uống.

Ngày sắc uống 2 - 3 lần.

Hoặc dùng thang sau:

3. Biển đậu thang

Bạch biển đậu	20g

Giã nhỏ cho vào 200ml nước chín nguội thêm 10-15g đường cát quấy đều, để lắng gạn nước trong uống.

H. NGỘ ĐỘC MẬT CÁ TRẮM

Mật cá Trắm là một vị thuốc được dùng từ lâu đời trong nhân dân ta và nhân dân Trung Quốc. Nhưng mật cá Trắm chỉ được dùng ngoài không dùng để uống.

Gần đây trong nhân dân ta cứ truyền miệng nhau về tác dụng của mật cá Trắm chữa một số bệnh cơ, xương, khớp như thần dược nên nhiều người sử dụng mật cá Trắm hoà vào rượu uống hay nuốt sống đã xảy ra nhiều vụ ngộ độc rất thương tâm.

Người bị ngộ độc mật cá Trắm thường thấy những triệu chứng xuất hiện như: đau bụng dữ dội và ỉa lỏng hoặc nôn rất nhiều. Nếu không chữa kịp thời đến ngày thứ 2, thứ 3 sẽ thấy xuất hiện các chứng đái ít, phù nề, khó thở, khạc ra máu hôn mê mà chết.

Khi ngộ độc mật cá Trắm có thể dùng thang giải độc sau:

Thang giải độc

Rau Má	30g
Râu Ngô	20g

Mã đề	10g
Rễ Cỏ tranh	30g
Chi tử	10g
Đậu đen	40g
Riềng	20g
Thạch xương bồ	8g
Cam thảo	12g

Các vị cho vào 2000ml nước, nấu kỹ, lấy nước cho nạn nhân uống. 20 - 30 phút uống 1 lần, mỗi lần uống 100ml.

Nếu nạn nhân nôn ói nhiều gia thêm:

Sinh khương bì (vỏ củ Gừng tươi)	20g

I. NGỘ ĐỘC RƯỢU

Khi ngộ độc Rượu (thường gọi là say Rượu) lúc đầu hệ thần kinh trung ương bị kích thích làm tăng các chức năng thực thể và tinh thần (hoa tay nói nhiều) nhịp thở, nhịp tim tăng. Sau đó suy giảm hệ thần kinh trung ương mất tự chủ giảm khả năng nhận xét, suy nghĩ và quan sát, mất sự phối hợp vận động (đi đứng siêu vẹo chân nam đá chân chiêu) suy giảm các trung tâm vận mạch và hô hấp, nôn oẹ, rồi buồn ngủ, ngủ và có thể dẫn tới hôn mê.

Trước hết dùng các biện pháp gây nôn, sau đó cho uống 1 trong các thuốc sau:

1. Lá dong tươi thang

Búp lá cây Dong (dùng cây Dong lá gói Bánh chưng) 100 - 200g

Rửa sạch, giã nát thêm 50-100ml nước chín quấy đều ép lấy nước, lọc uống 1 - 2 bát.

2. Cát hoa thang

Cát hoa (Hoa sắn dây) tươi 30 - 50g.

Rửa sạch, giã nát, thêm 50ml nước chín quấy đều, ép vắt lấy nước uống 1-2 cốc (100 - 150ml).

3. Rau má tươi thang

Rau má tươi	100g
Chanh quả	2 quả
Muối ăn	1g

Rau má tươi rửa sạch, giã nhỏ, ép lấy nước cốt, vắt thêm nước chanh quả trộn đều thêm muối, uống 1 - 2 cốc (150 - 300ml).

4. Giá đỗ xanh tươi thang

Giá đỗ xanh tươi 200 - 300g

Rửa sạch, giã nhỏ ép lấy nước cốt, hoà thêm nước chín nguội. Uống 2-3 cốc (200 - 300ml).

5. Địa liền tươi thang

Củ Địa liền tươi, rửa sạch, giã nhỏ ép lấy 100ml uống 1 lần.

6. Lá bạch hạc tươi thang

Lá Bạch hạc (cây Kiến cò) 50g

Rửa sạch, giã nhỏ, hoà vào 200ml nước chín nguội quấy đều, gạn lấy nước trong uống.

7. Bạch mao căn thang

Rễ Cỏ tranh tươi 100 - 150g

Rửa sạch giã nhỏ, thêm 100ml nước chín quấy đều ép lấy nước pha thêm 10 - 15g đường cát uống.

8. Bạch biển đậu thang

Đậu ván trắng (Bạch biển đậu)	20g

Rửa sạch, giã nhỏ, cho vào 200ml nước chín nguội, thêm 10 - 15g đường cát, quấy đều, để lắng gạn nước uống.

9. Thang nước ép dưa hấu

Dưa hấu gọt bỏ cùi và vỏ lượng dùng tuỳ ý.

Giã nhuyễn, ép lấy 200ml nước cốt uống.

Uống 1 - 2 cốc.

K. NGỘ ĐỘC THUỐC SÂU

Bị nhiễm độc thuốc sâu trực tiếp hoặc qua các loại rau quả có phun thuốc sâu khi ăn vào bị ngộ độc.

Trước hết phải gây nôn hết chất độc còn ở trong dạ dày, sau cho uống một trong các thang thuốc sau:

1. Thang Phòng phong cam thảo

Phòng phong	30g
Cam thảo	30g

Các vị cho vào 400ml nước, sắc kỹ gạn lấy nước thuốc uống.

Kết hợp cho ăn thêm cháo Dỗ xanh (Đỗ xanh để cả vỏ xanh).

2. Liên tiền thảo thang

Liên tiền thảo (rau Má) tươi	100 - 200g

Rửa sạch, giã nát, vắt ép lấy nước cốt thêm chút đường cát đủ ngọt, uống.

2 - 3 giờ cho uống 1 lần.

Chú ý:

Nước ép Rau Má có tác dụng tốt với thuốc trừ sâu có phosphor.

3. Chanh quả thang

Chanh quả	1 - 2 quả

Chanh quả vắt lấy nước, thêm đường cát và 250ml nước chín nguội, quấy tan uống.

1 - 2 giờ cho uống 1 lần.

Kết hợp cho ăn cháo Đậu xanh nấu cả vỏ.

L. NGỘ ĐỘC THUỐC NÓI CHUNG

Khi bị ngộ độc thuốc nói chung cho uống ngay các thuốc sau:

1. Nước cốt rau muống

Rau Muống tươi lượng vừa đủ.

Rửa sạch, giã nhỏ, ép vắt lấy nước uống mỗi lần uống 200ml, ngày uống 2 - 3 lần.

2. Thổ phục linh thang

Thổ phục linh	100 - 150g

Cho vào 400ml nước, sắc lấy 100 ml nước thuốc uống.

Ngày sắc uống 1 - 2 thang.

3. Thổ phục cam thảo thang

Thổ phục linh	50g
Cam thảo	30g

Cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml nước thuốc, uống.

Ngày sắc uống 1 - 2 thang.

M. NGỘ ĐỘC THUỐC PHIỆN CẤP

Khi bị ngộ độc thuốc phiện cấp nạn nhân trong tình trạng bị kích động, mạch nhanh, hồi hộp, buồn nôn rồi nôn, nhức đầu, ù tai, đồng tử thu hẹp. Sau vài giờ nếu không xử trí kịp thời nạn nhân có thể tím tái, co giật, suy hô hấp, giãn đồng tử, ngừng tim và chết. Cho nạn nhân uống ngay:

Bông gòn thang

- Vỏ cây Bông gòn lượng đủ dùng.

Vỏ cây Bông gòn sao hoặc đốt tồn tính, tán bột mịn, mỗi lần uống 20 - 30g hoà với nước chín uống.

Ngày uống 2 - 3 lần.

- Hoặc dùng:

Vỏ cây Bông gòn 15 - 20g

Cho vào 400ml nước, sắc lấy 100ml uống.

N. NGỘ ĐỘC MÃ TIỀN - HOÀNG NÀN

Mã tiền và Hoàng nàn rất độc; Khi bị ngộ độc nạn nhân ngáp, nước dãi chảy nhiều, nôn mửa, sợ ánh sáng, mạch nhanh và yếu, tứ chi cứng đờ, co giật nhẹ rồi đột nhiên có triệu chứng như uốn ván nặng với hiện tượng co rút gân hàm, lồi mắt, đồng tử mở rộng bắp thịt tứ chi và thân bị co, gây khó thở và ngạt (do co bắp thịt ngực), sau 5 phút đến 5 giờ chết vì ngạt.

Cho nạn nhân uống ngay:

1. Nước cốt rau muống

Rau Muống tươi lượng đủ dùng.

Rau Muống rửa sạch, giã nhỏ vắt ép lấy nước uống mỗi lần uống 100 - 200ml, uống liên tục đến khi hết độc.

2. Ngũ liễm căn thang

Ngũ liễm căn tươi

(Rễ cây Khế) 1 nắm (30 - 50g)

Rửa sạch, cho vào sắc lấy nước uống, mỗi lần uống 50 -100ml. Sắc uống liên tục đến khi hết độc.

Hoặc:

Ngày uống 2 - 3 thang. Kết hợp cho nạn nhân uống thêm:

- Nước chè xanh (tươi) đặc 1 - 2 giờ cho uống 1 lần. Mỗi lần uống 50 - 60ml.

- 0,3 - 0,4g Bột lá Cà Độc dược chia uống 2 lần.

3. Ngũ liễm căn gia vị thang

Vỏ cây Móng bò	30g
Vỏ cây Bằng lăng	30g
Lá Gạo sấm	1 nắm

Các vị cho vào 1000ml nước, sắc lấy 300ml nước thuốc, thêm đường mía hoà thật ngọt uống.

(Tại Campuchia nhân dân dùng thuốc này trị ngộ độc nói chung và đặc biệt ngộ độc Mã tiền hay ngộ độc Hoàng nàn).

4. Bột rỉ sắt

Rỉ sắt 100g

Tán bột thật mịn, hoà vào nước chín nguội, quấy đều để lắng gạn lấy dung dịch nước bột dạng treo lơ lửng (dạng phân tử sắt) uống. Uống nhiều lần.

5. Thang bạch biển đậu

Bạch biển đậu 50g

Rửa sạch, giã nhỏ, cho vào 300ml nước chín nguội cho thêm 20 - 30g đường cát, quấy đều, để lắng gạn nước uống.

O. NGỘ ĐỘC THẠCH TÍN (NHÂN NGÔN), THUỐC DIỆT CHUỘT - MỐI

Khi bị ngộ độc thạch tín, thuốc diệt chuột - mối cấp nạn nhân có các biểu hiện: Dạ dày, ruột đau đớn, nôn mửa, ỉa chảy, người nôn nao, khát nước nhiều, đái ít hoặc vô niệu.

Dùng các thuốc giải độc sau:

1. Bạch biển đậu thang

Bạch biển đậu 50g

Rửa sạch, giã nhỏ cho vào 300ml nước chín nguội, thêm 20g đường cát, quấy đều, để lắng gạn nước uống.

2. Trinh nữ thang

Cây Trinh nữ (cây Xấu hổ)	30g
Cam thảo	30g

Các vị cho vào 400ml nước, sắc lấy 200ml nước thuốc, uống.

3. Xuyên tiêu hoàn

Hạt xuyên tiêu
(hoặc rễ xuyên tiêu) 100g

Xuyên tiêu phơi sấy khô tán bột mịn, luyện với mật ong làm hoàn 2g.

Ngày uống 2 lần, mỗi lần 10g

P. NGỘ ĐỘC LÁ NGÓN

Cây lá Ngón được coi là loại cây độc nhất trong nước ta. Cây lá Ngón khá phổ biến ở miền rừng núi Việt Nam. Cây lá Ngón không dùng làm thuốc mà ở một số vùng đồng bào dân tộc ít người dùng để tự tử hay để đầu độc.

Người ta cho rằng chỉ cần ăn 3 lá là đủ chết người.

Khi ngộ độc lá Ngón thấy xuất hiện hiện tượng ức chế hô hấp (thường thấy một thời kỳ hưng phấn ngắn) và dãn đồng tử, có cảm giác mệt mỏi, chóng mặt, đau dữ dội ở họng và dạ dày, nhỏ nước dãi, dãn cơ, tim đập yếu.

Có thể dùng thuốc giải độc sau:

1. Dương huyết thang

Dương huyết (máu Dê-huyết Dê) 200 - 300ml

Máu Dê vừa cắt tiết hứng vào bát cho nạn nhân uống ngay.

2. Nước cốt rau muống

Rau Muống tươi lượng đủ dùng.

Rửa sạch, giã nhỏ, vắt ép lấy nước uống.

Mỗi lần uống 1 - 200ml. Uống liên tục đến khi tỉnh lại.

3. Nước cốt rau má

Rau Má tươi lượng đủ dùng.

Rửa sạch, giã nhỏ, vắt ép lấy nước uống.

Mỗi lần uống 100 - 200ml. Uống liên tục đến khi tỉnh lại.

4. Nước sắc cam thảo

Cam thảo thái mỏng 50g

Cho vào 500ml nước, đun sôi kỹ gạn lấy nước chia uống 2 - 3 lần.

5. Nước sắc lá Sim hoặc lá ổi

Lá Sim hay lá Ổi, rộp Ổi 50 - 100g

Rửa sạch cho vào 500ml nước sắc kỹ gạn lấy nước uống.

6. Nước sắc kim ngân

Lá, hoa Kim ngân 50g

Cho vào 400ml nước, sắc lấy 150ml uống.

Q. NGỘ ĐỘC Ô ĐẦU - PHỤ TỬ

Ô đầu và Phụ tử đều do rễ củ của một cây cung cấp nhưng do cách chế biến khác nhau nên được 2 vị thuốc khác hẳn nhau.

Ô đầu là rễ củ mẹ của cây Ô đầu (Aconitum sinense Paxt), họ Mao lương (Ranum culaceae), đào về rửa sạch sấy khô.

Phụ tử là rễ củ con của cây Ô đầu (Aconitum sinense Paxt) họ Mao lương (Ranunculaceae), đào về chế biến rồi mới dùng.

Ô đầu - Phụ tử hiện được xếp vào loại thuốc rất độc, chỉ cần một liều rất nhỏ 0,00002 - 0,00005g đối với mỗi kg cơ thể là đã có thể gây nên ngộ độc chết người.

Ngộ độc Ô đầu - Phụ tử triệu chứng ngộ độc rất nhanh chỉ trong vài phút đã xuất hiện cảm giác tê tê, buồn buồn khắp người, lo âu, chóng mặt, thân nhiệt hạ, mạch chậm nhỏ và không đều chân xỉu xuống khó bước đi, cuống họng co thắt chặt, bắt đầu thở nông rồi ngừng thở chết do ngạt. Tinh thần, trí óc nạn nhân vẫn minh mẫn cho tới khi chết.

Khi phát hiện ngộ độc Ô đầu - Phụ tử phải khẩn trương đưa đi cấp cứu ở nơi gần nhất

(vì triệu chứng xẩy ra rất nhanh chỉ sau 30 - 45 phút).

Nếu không có cách gì hơn thì phải làm hô hấp nhân tạo liên tục và cho uống các thuốc giải độc sau để sơ cứu ban đầu.

1. Nước mật ong

Mật ong	100g
Nước chín	1000ml

Cho mật ong vào nước chín, quấy đều cho nạn nhân uống liên tục.

2. Nước sắc lá sim hoặc lá ổi

Lá Sim hoặc lá Ổi	100g

Cho vào 1000ml nước, đun sôi kỹ cho nạn nhân uống liên tục.

R. NGỘ ĐỘC THUỶ NGÂN - KHINH PHẤN

Khi ngộ độc Thuỷ ngân - Khinh phấn có thể dùng thuốc sau để giải độc.

1. Nước sắc thổ phục linh

Thổ phục linh	50 - 80g

Sắc lấy nước cho nạn nhân uống liên tục trong ngày.

S. NGỘ ĐỘC CÀ ĐỘC DƯỢC

Khi có hiện tượng ngộ độc Cà độc dược thường thấy xuất hiện các dấu hiệu như say có khi phát điên cuồng, miệng khô, nhãn áp tăng, đồng tử giãn, khó thở, hô hấp tăng, sốt, cuối cùng thần kinh trung ương bị ức chế và tê liệt.

Nạn nhân bị ngộ độc xuất hiện các triệu chứng trên cần cho nạn nhân uống ngay nước sắc:

3. Ngân hoa lục đậu cam thảo thang

Kim ngân hoa	80g
Đậu xanh cả vỏ	80g
Cam thảo	20g
Sinh khương	20g

Liều lượng, cách dùng:

Các vị cho vào 1200ml nước, sắc kỹ gạn lấy nước thuốc thêm 50g đường Mía đỏ quấy tan cho nạn nhân uống làm nhiều lần.

4. Nước sắc cam thảo

Cam thảo	100 - 150g

Sắc kỹ cho nạn nhân uống liên tục.

2. Dương huyết thang

Dương huyết (tiết Dê, máu Dê)	200 - 300ml

Máu Dê vừa cắt tiết hứng vào bát cho nạn nhân uống ngay.

Cam thảo đường vàng thang

Cam thảo	50g
Đường vàng (đường mía)	50g

Cả 2 vị cho vào 1000 ml nước sắc kỹ, chắt lấy nước chia uống làm nhiều lần. Mỗi lần uống 50 - 60ml; 30 - 40 phút uống 1 lần.

MỘT SỐ BỆNH ÁN NỘI KHOA HAY

1. BỆNH ÁN BIỂU HƯ

Biểu hư là người bệnh cảm nhiễm phong hàn gồm các chứng sốt hâm hấp, ớn lạnh. Do vệ khí hư nên mình rịn mồ hôi, khí nghịch sinh ho, nghẹt mũi, sổ mũi, chứng này có liên quan đến thủ thái âm phế vì phế chủ khí, khi mà phong hàn cảm nhiễm vệ khí, khí nhiệt không phát tiết được làm cho phế khí hư có liên quan đến vệ khí, phế chủ khí chủ da lông nên thấy mạch đi phù hoãn như bệnh án đã điều trị dưới đây:

Bệnh nhân: Nguyễn Thị M. L 32 tuổi, ở C.G.

Vọng: Người uể oải, dáng mệt nhọc.

Văn: Tiếng nói nhỏ, hơi thở mệt nhọc.

Vấn: Bệnh nhân khai cách đây 3 ngày, mình hâm hấp nóng, sợ lạnh, rịn mồ hôi, ho ran lồng ngực, đàm nhớt vướng vít trong cổ họng và khí quản, hơi thở khò khè.

Thiết mạch: Phù hoãn.

Quy nạp bát cương: Biểu hư

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Bị cảm nhiễm phong hàn, da lông bị hàn khí bó chặt khó phát tiết ra ngoài mà sinh uất nhiệt, khí nghịch, ho tức lồng ngực, đàm nhớt vướng vít trong cổ họng và khí quản, hơi thở khò khè, cổ họng đau, sổ mũi, nghẹt mũi, mình rịn mồ hôi.

Xử phương: Dùng thang *Sâm tô ẩm:*

Đảng sâm	8g	Trần bì	4g
Tô diệp	8g	Tiền hồ	8g
Bán hạ cương chế	8g	Cát căn	8g
Phục linh	8g	Chỉ xác sao	4g
Cát cánh	4g	Mộc hương	2g
Cam thảo	2g	Đại táo	2 trái
Gừng sống	3 lát		

Thang này chủ trị nội thương ngoại cảm, nhức đầu, ẩu nghịch, ho hen đàm nhớt vướng vít trong cổ họng.

Nếu người bệnh có ho tức lồng ngực đàm không thông gia thêm:

Qua lâu nhân	8g	Tang bạch bì	8g
Hạnh nhân	8g		

Nếu có viêm mũi dị ứng, viêm họng, viêm khí quản gia thêm:

Ké đầu ngựa	10g	Cúc tần	8g

Công năng của các vị thuốc:

Tô diệp, Cát căn, Tiền hồ giải biểu trừ phong hàn; Nhân sâm, Cam thảo, Phục linh, bổ trung trị nội thương; Trần bì, Bán hạ trừ đàm chỉ ẩu nghịch; Chỉ xác, Cát cánh lý khí lợi hung cách; Mộc hương hành khí phá trệ; Sinh khương, Đại táo điều hoà dinh vệ.

Gia: Qua lâu nhân có tác dụng thanh nhiệt hoá đàm.

Hạnh nhân giáng khí bình suyễn nhuận phế hết khò khè.

Tang bạch bì có tác dụng tả phế, hành thuỷ, giải trừ phế nhiệt sinh ho.

2. BỆNH ÁN BIỂU NHIỆT

Biểu nhiệt là sốt cao, nhức đầu, không sợ lạnh, mình nóng hầm, không mồ hôi, chân tay nóng, khát nước, mạch phù sác. Như bệnh án dưới đây:

Bệnh nhân: Trần Thành T 32 tuổi ở phường 8 thành phố MT.

Vọng: Sắc thái hai mắt linh động, da mặt phừng đỏ.

Văn: Tiếng nói và hơi thở to.

Vấn: Bệnh khởi phát cách đây 4 ngày, sốt cao không sợ lạnh, sổ mũi nước vàng, rêu lưỡi vàng, khát nước, chân tay nóng, không mồ hôi, nhức đầu trước trán và sau gáy bứt rứt.

Thiết mạch: Phù sác.

Qui nạp bát cương: Biểu nhiệt.

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Bệnh nhân cảm nhiễm phong nhiệt sốt cao, nhức đầu, hoả uất thiêu đốt tâm hung, sinh chứng bứt rứt nặng ngực, thở gấp, đầu nhức phía trước từ thái dương, đỉnh đầu xuống trán lan ra hai bên mang tai, mình nóng hầm, phía sau từ đỉnh đầu xuống gáy, không mồ hôi, đau mình là do tam dương thụ nhiệt tà.

Xử phương: Dùng thang *Ngân kiều tán:*

Kim ngân hoa	12g	Liên kiều	12g
Trúc diệp	12g	Kinh giới	6g
Ngưu bàng tử	8g	Cát cánh	8g
Cam thảo	4g	Bạc hà	4g
Lô căn (rễ cây lau sậy)	8g	Đậu sị	6g

Hoặc *Toa căn bản* gia Kinh giới, Tô diệp, Đọt tre mỗi vị 8g, Cỏ mực 16g.

Nếu người bệnh khát nước gia Cát căn.

Nếu nóng nhiều, mũi họng, mắt nóng dùng bài *Thăng ma cát căn* phối hợp với thang *Tiêu độc* để phòng ngừa ban sởi.

Triệu chứng này dùng các phương pháp trên là áp dụng tân lương giải biểu.

Công năng của các vị thuốc: Ngân kiều, Kim ngân hoa, Liên kiều thanh nhiệt giải độc; Bạc hà, Kinh giới, Đậu sị, phát hãn giải cơ thanh tiết ngoại tà; Cát cánh, Ngưu bàng tư lợi phế khí, khu phong trừ đàm; Cam thảo, Trúc diệp, Lô căn thanh thượng tiêu phong nhiệt liễm dưỡng vị âm.

3. BỆNH ÁN BIỂU HÀN

Biểu hàn là ngoại cảm hàn tà vào thái dương kinh phát sốt, sợ lạnh, sổ mũi nước trong, rêu lưỡi trắng mỏng, chân tay lạnh, chứng tỏ hàn tà còn ở vệ biểu chưa vào trong lý, như bệnh án dưới đây:

Bệnh nhân: Nguyễn Thanh D. 26 tuổi ở phường 2, Thành phố M.T.

Vọng: Thần sắc ủ rũ.

Văn: Hơi thở nhọc mệt.

Vấn: Bệnh khởi phát cách nay 2 ngày, phát sốt sợ lạnh, sổ mũi nước trong, rêu lưỡi trắng mỏng, miệng nhạt, nhức đầu mình mẩy râm đau, chân tay mát lạnh.

Thiết mạch: Phù khẩn

Qui nạp bát cương: Biểu hàn

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Tà khí cảm nhiễm vào thái dương kinh, phát sốt sợ lạnh, sổ mũi nước trong, rêu lưỡi trắng mỏng, chân tay lạnh chứng tỏ hàn tà còn ở vệ biểu chưa vào trong lý.

Xử phương: Dùng *Nhân sâm bại độc thang.*

Nhân sâm bại độc thang:

	Nhân sâm	8g	Bạc hà	4g
hoặc	Đảng sâm	12g	Chỉ xác	6g
	Phục linh	8g	Sài hồ	8g
	Cát cánh	6g	Khương hoạt	8g
	Tiền hồ	6g	Độc hoạt	8g
	Thiên niên kiện	8g	Cam thảo	2g
	Xuyên khung	6g	Gừng sống	3 lát

Ghi chú: Nếu bệnh nhân: Còn cường tráng bỏ Nhân sâm gia Kinh giới, Phòng phong; viêm mũi hoặc viêm họng gia Ké đầu ngựa, Cúc tần; nhức đầu nhiều gia Bạch chỉ, Mạn kinh tử; nếu có cổ cứng đờ gia Cảo bản. Người bệnh thể hư vẫn để Nhân sâm; không mồ hôi gia Phòng phong, Kinh giới.

Mỗi vị đều 6g.

Hoặc dùng thang *10 vị toa căn bản* là Củ sả 8g, Rễ tranh 8g, Rau má 8g, Cỏ mực 8g, Màn chầu 8g, Vỏ quýt 6g, Muồng trâu 8g, Cam thảo đất 6g, Ké đầu ngựa 8g, Gừng sống 5 lát.

Nóng sốt nhiều bỏ Vỏ quýt, Sả, Gừng gia Rau sam 16g, Sài đất 20g, Bồ công anh 15g, Cải trời 8g.

Mê sảng lăn lộn khó ngủ bỏ Vỏ quýt, Sả, Gừng, gia: Đọt tre 16g, lá Vông nem 16g, dây Nhãn lồng 16g, dây Mắc cỡ 16g, lá Dâu tằm 16g.

Ban cua lưỡi trắng bỏ Sả, Quýt gia dây Mắc cỡ 16g, rễ Bù ngót 16g, lá Dâu tằm 16g, Đọt tre mở 16g, Măng sậy 16g, tăng lượng cỏ Mực và cỏ Màn chầu gấp 2 lần.

Công năng của các vị thuốc:

Khương hoạt, Độc hoạt, Sài hồ, Xuyên khung, phát hãn giải cơ biểu, trừ phong hàn, khử thấp tà; Tiền hồ, Chỉ xác, giáng khí hành đàm; Cát cánh, Phục linh tiết phế tả, trung tà nhiệt, thẩm thấp trừ đàm; Cam thảo hoà trung giải biểu; Đảng sâm phò chính khu tà; Gừng sống, Bạc hà trợ lực giải biểu phát hãn.

4. BỆNH ÁN BIỂU THỰC

Biểu thực có triệu chứng phát sốt, sợ lạnh, không mồ hôi, không chảy nước mũi mà mũi khô nóng, mặt nóng, khác biểu hàn ở chỗ đó mà mạch cũng phù khẩn, như bệnh án dưới đây:

Bệnh nhân: Trần Văn G. 42 tuổi ở xã Thanh Bình

Vọng: Thần sắc ủ rũ.

Văn: Hơi thở và tiếng nói nhọc mệt

Vấn: Bệnh cách đây 2 ngày phát sốt, sợ lạnh, không mồ hôi, không chảy nước mũi và mũi khô nóng, mặt nóng.

Thiết mạch: Phù khẩn

Qui nạp bát cương: Biểu thực.

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Chứng bệnh thực phát sốt, sợ lạnh, không mồ hôi, không chảy nước mũi và mũi khô nóng, mặt nóng.

Xử phương: Dùng *Kinh phòng bại độc tán* tức là thang Nhân sâm bại độc bỏ Nhân sâm gia Kinh giới, Phòng phong hoặc dùng *Thập thần thang:*

Cát căn	10g	Trần bì	4g
Thăng ma	6g	Xuyên khung	6g
Cam thảo	4g	Bạch chỉ	6g
Tô diệp	8g	Ma hoàng	6g
Hương phụ	8g	Xích thược	4g

Thêm Hành sống sắc uống.

Nếu sợ lạnh, nóng nhiều, không mồ hôi, đầu nhức, cơ thể đau mỏi, mũi khô, mắt nóng, chảy nước mắt, hai bàn tay bàn chân lạnh, không ngủ được,, ho dùng *Thăng ma cát căn thang* hợp với thang *Tiêu độc* gọi là thang *Thăng ma tiêu độc ẩm* trị ban sởi. Hoặc dùng 10 vị Toa căn bản bỏ Sả, Quýt, Gừng, gia Lức cây 16g, dây Mắc cỡ 16g, lá Dâu tằm 16g, Đọt tre mở 16g, tăng lượng cỏ Mực và cỏ Màn chầu mỗi vị 16g.

Công năng của các vị thuốc:

Ma hoàng, Xuyên khung, Tô diệp tân ôn phát biểu.

Cát căn, Thăng ma, thăng tán giải cơ.

Hương phụ, Trần bì lý khí giải biểu; Gừng Hành thông dương giải biểu; chích Cam thảo hoà trung ích khí; Xích thược liễm âm hoà vinh.

Thăng ma tiêu độc ẩm:

Thăng ma	8g	Cát căn	8g
Bạch thược	6g	Cam thảo	4g

Hiệp với thang Tiêu độc:

Phòng phong	8g	Kinh giới	8g
Ngưu bàng tử	8g		

Nếu nóng nhiều gia Tê giác 8g hoặc Thuỷ ngưu giác 16g.

Chú ý khi ban sởi đã mọc rồi không nên cho uống thang này nữa.

5. BỆNH ÁN LÝ HÀN

Lý hàn là do tỳ dương hư, hàn thấp làm cho dương khí bị ức chế, ăn đồ sống lạnh dễ đau bụng, tiêu lỏng, tay chân thường cảm giác lạnh như bệnh án dưới đây:

Bệnh nhân: Nguyễn Thị T 40 tuổi ở huyện CT, tỉnh TG.

Vọng: Thần sắc trắng bệch, mệt mỏi, sợ lạnh, tay chân lạnh.

Văn: Hơi thở nhỏ, tiếng nói nhỏ run.

Vấn: Bệnh cách nay 10 ngày, người mệt mỏi uể oải, chân tay lạnh, biếng ăn, không thích uống nước, thích đắp mền, nước tiểu trong, ăn khó tiêu, dễ đau bụng, đi tiêu lỏng.

Thiết mạch: Trầm trì

Qui nạp bát cương: Lý hàn

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Đây là chứng tỳ dương hư, hàn thấp làm cho dương khí bị ức chế, ăn đồ sống lạnh dễ đau bụng, tiêu lỏng, tiểu trong, tay chân thường cảm giác lạnh.

Xử phương: Dùng bài *Phụ tử lý trung thang* để ôn bổ tỳ dương:

Bạch truật	20g	Nhân sâm	20g
Đảng sâm	20g	Hắc can khương	12g
Chích cam thảo	8g		

Nếu lạnh nhiều, quyết lãnh, mạch trì vô lực gia: Phụ tử 6g để bảo phò dương khí.

Công năng của các vị thuốc:

Nhân sâm, Đảng sâm bổ khí thêm sức cho tỳ; Bạch truật kiện tỳ táo thấp; Cam thảo hoà trung bổ tỳ; Can khương ôn vị tán hàn. Bài này chủ trị tỳ vị bị hàn tà sở thương, phát sinh ẩu thổ hạ lợi, đau bụng, không khát, trung tiêu dương hư hàn gia thêm Phụ tử để hồi dương khí của tỳ.

6. BỆNH ÁN LÝ HƯ

Lý hư có các triệu chứng ăn vào thấy nặng bụng, lình sình, khó tiêu, bĩ mãn, khí nghịch, tức ran lồng ngực là do tỳ khí hư không vận hành được khí tam tiêu do can mộc khắc tỳ thổ, tỳ thổ bị can mộc ức-chế không kiện vận được khí tam tiêu không thông xuống bị đình trệ, như bệnh án dưới đây:

Bệnh nhân: Lê Thị Loan A. 45 tuổi ở phường 5, TP. M. T.

Vọng: Sắc mặt xanh mét, người mệt uể oải.

Văn: Hơi thở nhẹ.

Vấn: Bệnh cách nay đã nửa tháng, thường ăn vào thấy nặng bụng, lình sình khó tiêu đầy hơi, khí nghịch tức ran lồng ngực, biếng ăn khó ngủ, thường đau vùng thượng vị.

Thiết mạch: Hữu quan trầm tế vô lực.

Tả quan trầm huyền

Qui nạp bát cương: Lý hư

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ theo mạch và lời khai của bệnh nhân thì chứng này thuộc can mộc khắc tỳ thổ cho nên mạch hữu quan trầm tế vô lực, tả quan trầm huyền, ăn vào khó tiêu, tỳ khí bị can khắc không vận hoá được, tỳ không kiện vận đúng chức năng.

Xử phương: Dùng phương pháp hoà giải can tỳ nghĩa là bình can lý tỳ, xử phương dùng thang *Hoắc hương chính khí* để điều hoà chính khí, bình can mộc, kiện tỳ, trừ thấp gồm:

Hoắc hương	8g	Đại phúc bì	8g
Tô diệp	8g	Cam thảo Bắc	2g
Cát cánh	6g	Trần bì	6g
Phục linh	8g	Bạch truật	8g
Bán hạ chế	6g	Hậu phác	6g

Bạch chỉ	6g	Đại táo	2 trái
Gừng sống	3 lát		

Gia: Thanh bì, Lương khương, Hoắc hương, Xương bồ, Sa nhân.

Công năng của các vị thuốc:

Hương phụ, Hoắc hương lý khí hoà trung; Tô diệp, Bạch chỉ, Cát cánh tán hàn tả lợi thông hung cách; Đại phúc bì, Hậu phác tiêu trừ đầy bụng; Trần bì, Bán hạ lợi khí hoá đàm; Phục linh, Bạch truật, Cam thảo hoà trung kiện tỳ, trừ thấp.

7. BỆNH ÁN LÝ NHIỆT

Bệnh nhân: Nguyễn Thị Thu L. 26 tuổi ở C. L.

Vọng: Mặt đỏ.

Văn: Hơi thở to.

Vấn: Đã tuần nay bị sốt cao khát nước, táo bón, tiểu vàng, lòng bàn chân, bàn tay nóng, môi lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng, bụng bĩ mãn, phân táo.

Thiết mạch: Sáu bộ trầm sác hữu lực.

Qui nạp bát cương: Lý nhiệt.

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Nhiệt tà truyền vào dương minh vị phủ, trung tiêu ngưng trệ, phát sinh bĩ mãn táo bón, phân khô, khát nước, tiểu vàng, môi lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng, nói mê.

Xử phương: Dùng *Tiểu thừa khí thang* để công hạ.

Đại hoàng	12g
Hậu phác	10g
Chỉ thực	10g

Sắc với 2 chén rưỡi nước còn 200ml uống 1 lần.

Chủ trị: Mạch trầm hoạt sác hữu lực, mình nóng, đổ mồ hôi, không sợ lạnh, nói mê, nói sảng, bụng đầy trướng, cứng, đại tiện bón.

Công năng của các vị thuốc:

Đại hoàng tả thực mãn bí kết; Hậu phác, Chỉ thực hạ khí phá kết trừ bĩ mãn.

8. BỆNH ÁN LÝ ÂM HƯ

Bệnh nhân: Huỳnh Văn B. 30 tuổi ở Lương Hoà Lạc.

Vọng: Thần sắc xanh mét, người ủ rũ, uể oải.

Văn: Hơi thở ngắn.

Vấn: Bệnh nhân khai thường hay sốt vào buổi chiều, ra mồ hôi, hay táo bón, thân lưỡi thon, chất lưỡi đỏ, khát nước, miệng đắng, tai ù, ăn ngủ không được.

Thiết mạch: Trầm tế sác hữu lực.

Qui nạp bát cương: Lý âm hư

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Thường sốt cao vào buổi chiều là âm hư sinh nội nhiệt, thân lưỡi thon, chất lưỡi đỏ là do âm dịch tiêu hao. Mạch tế là chủ khí hư, mạch sác là âm huyết kém, do can khí nghịch làm chức năng tàng huyết của can bị yếu kém.

Xử phương: Dùng *Tiểu sài hồ thạng* phối hợp với thang *Tứ vật* để hoà can, bình can, bổ âm huyết , khi mà hoà can bình can được rồi, âm huyết đầy đủ đã phục hồi chức năng tàng huyết của can thì nóng sẽ hết.

Tiểu sài hồ thang:

Sài hồ	10g	Đảng sâm	6g
Bán hạ chế gừng	6g	Cam thảo	4g
Hoàng cầm	6g	Gừng sống	3 lát
Đại táo	2 trái		

Hiệp với thang tứ vật là:

Sinh địa	12g	Bạch thược	8g
Xuyên khung	6g	Đương qui	12g

Hai thang Tiểu sài hồ và Tứ vật hiệp lại gọi là *Sài hồ tứ vật thang*, sắc với 3 chén nước còn 200ml uống 1 lần.

Công năng của các vị thuốc:

Dùng Sài hồ để tán tà thấu biểu; Hoàng cầm trừ nhiệt thanh lý: Bán hạ giáng nghịch hoà vị; Đảng sâm, Cam thảo bổ chính hoà trung; Sinh khương, Đại táo điều hoà dinh vệ, hành tân dịch; Thục địa tư âm bổ huyết; Đương qui hoà huyết sinh huyết; Thược dược liễm âm thêm huyết; Xuyên khung điều hoà khí huyết.

9. BỆNH ÁN LÝ DƯƠNG HƯ

Bệnh nhân: Nguyễn Văn G, ở Phường 8 Thành phố M. T.

Vọng: Người uể oải, thường rịn mồ hôi, tay chân lạnh.

Văn: Hơi thở ngắn mệt.

Vấn: Cách đây 2 tuần, tối ngày thường cảm giác lạnh, tay chân lạnh, sợ lạnh, thường xuyên rịn mồ hôi, tiêu lỏng.

Thiết mạch: Trầm trì vô lực.

Qui nạp bát cương: Lý dương hư.

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Tối ngày thường cảm giác lạnh, tay chân lạnh, thường xuyên rịn mồ hôi, đó là dương khí hư, vệ khí không chặt chẽ nên thường

rịn mồ hôi, trung khí hư, hơi nóng không đủ liên quan đến tỳ vị. Tỳ chủ cơ nhục chủ vận hành tứ chi, cho nên thường sợ lạnh, tay chân lạnh, tỳ dương hư nên tiêu lỏng.

Xử phương: Dùng *Lý trung thang gia phụ tử* để bổ dương khí.

Lý trung thang:

Bạch truật	20g	Nhân sâm	20g
Đảng sâm	20g	Hắc can khương	12g
Cam thảo chích	8g		

Gia: Phụ tử từ 6g đến 8g

ÔN BỆNH

Vì thời tiết và nhân tố phát bệnh khác nhau nên chứng hậu biểu hiện ra cũng đều khác nhau, cho nên trong học thuyết ôn bệnh đã phân biệt nhiều loại bệnh không giống nhau và chứng chủ yếu có tính chất đại diện cho ôn bệnh như xuân ôn, thử ôn, thấp ôn, thu táo, đông ôn cùng phác đồ điều trị những bệnh ấy.

Xuân ôn, phong ôn, đều là bệnh phát sốt lưu hành về mùa xuân, nhưng về nguyên nhân chứng hậu và cách chữa đều có chỗ giống nhau và khác nhau, đồng thời quá trình của bệnh phong ôn thì ngắn, quá trình của bệnh xuân ôn thì dài. Triệu chứng và cách chữa xuân ôn, phong ôn như sau:

10. BỆNH XUÂN ÔN

Phần nhiều vì mùa đông cảm phải hàn tà mà không phát ngay, ẩn phục vào phần trong cơ thể, uất lại lâu ngày hoá thành nhiệt. Đến mùa xuân dương khí phát tiết hoặc vì phong hàn xúc động, nhiệt ẩn phục ở trong phát ra ngoài mà sinh ra chứng xuân ôn. Những người cơ thể suy yếu không có sức chống đỡ cũng có thể phát sinh bệnh xuân ôn.

Dựa vào sự khác nhau của chứng bệnh thể hiện, có thể chia thành 2 loại là khí phần và huyết phần để tiện cho việc biện chứng.

Khí phần:

Lúc mới phát thì mặt đỏ, mắt đỏ, đau đầu, trán hơi lạnh, tay chân mình mẩy đau đớn khó chịu sợ lạnh không có mồ hôi thì dùng bài *Kinh phòng bại độc tán*. Nếu nóng dữ sợ gió hoặc có mồ hôi mà nóng không giải được, tâm phiền, miệng khát, có thể dùng tân lương giải biểu như bài *Ngân kiều tán*.

- Nếu có cả chứng đại tiện bí kết, nước tiểu đỏ, hung cách nóng nhiều dùng bài *Lương cách tán*:

Mang tiêu	10g	Đại hoàng	10g
Hoàng cầm	6g	Bạc hà	6g

Chi tử nhân	6g	Liên kiều	10g
Trúc diệp	4g	Mật ong	1 muỗng

Tác dụng của các vị thuốc: Đại hoàng, Phác tiêu điều trung, tiêu thực nhiệt; Hoàng cầm, Bạc hà, Liên kiều thanh tán thượng tiêu thực nhiệt; gia Trúc diệp thanh nhiệt dẫn dược đi lên, Mật ong ngọt, hoãn khiến cho dược lực tại cách mô hoãn.

Huyết phần:

Lúc mới phát thì cảm thấy gai rét, phát sốt không có mồ hôi, cổ họng khô đau, miệng ráo, răng khô, cách chữa là tư âm giải biểu dùng bài *Tê giác tiêu độc* là:

Tê giác	8g	Sinh địa	10g
hoặc Thuỷ ngưu giác	16g	Kinh giới	8g
Phòng phong	8g	Cát cánh	6g
Ngưu bàng tử	8g	Bạch thược	4g
Đơn bì	6g		

Nếu không thấy lạnh mà nóng nhiều, nên dùng theo phép thanh lương thấu tà là bài *Tê địa thanh lạc ẩm*:

Tê giác	8g	Đơn bì	8g
hoặc Thuỷ ngưu giác	16g		
Liên kiều	6g	Trúc diệp	8g
Sinh địa	30g	Xích thược	6g
Đào nhân	10g	Gừng sống	3 lát

Nếu bệnh phát sốt, sợ lạnh không mồ hôi, mình mẩy tay chân đau đớn khó chịu, đầu đau, trán nặng, mũi khô, mắt nóng chảy nước mắt, nằm ngủ không yên, mạch phù khẩn dùng *Thăng ma tiêu độc ẩm* là:

Thăng ma	8g	Cát căn	8g
Bạch thược	6g	Cam thảo chích	4g
Phòng phong	6g	Kinh giới	8g
Ngưu bàng tử	8g		

Chủ trị: Dương chứng phát ban, đầu mặt, họng, lưng ngực, tứ chi mọc ban đỏ do dương minh vị kinh cảm nhiễm phong hàn phát nhiệt, ố hàn, nhức đầu, mình đau râm không mồ hôi, mắt đau, mũi khô thuộc dương chứng phát ban chẩn nhưng khi ban chẩn đã mọc ra rồi thì không nên dùng nữa mà chỉ nên dùng tư âm lương huyết như *Tê giác địa hoàng thang*, *Lục vị địa hoàng thang*, *Tứ vật thang*.

Nói tóm lại chứng phong ôn, xuân ôn, rất dễ hoá nhiệt hoá táo mà thương tổn âm cho nên về phép chữa chủ yếu là dùng những thuốc hơi ngọt, hơi mát, rất kiêng những vị cay ấm (tân ôn) phát tán hoặc thứ thuốc quá mạnh, quá tiêu để tân dịch khỏi bị hao tổn mà sinh biến chứng.

Nói chung đặc điểm của bệnh xuân ôn là: Về tinh thần thì phần nhiều phiền táo không yên, không được sáng suốt, có lúc không bày tỏ sự đau đớn một cách đúng mức, thời kỳ đầu chất lưỡi phần nhiều đỏ tươi mà có rêu trắng mỏng nổi lên, tiếp đó thì lưỡi đỏ sẫm mà khô táo ít tân dịch, nặng thì tía, khô táo, mạch đa phần trầm sác. Tuy có thêm chứng tân cảm cũng không hiện rõ ra mạch phù. Chứng này là vì chính khí hư trước, không thể đuổi tà ra ngoài được mà gây nên. Chứng bệnh của xuân ôn, bệnh còn ở phần khí, phần nhiều là thực chứng, bệnh ở huyết phần đa phần là hư chứng, thực chứng thì dễ kết lại ở trường vị, hư chứng thì dễ hãm vào quyết âm.

11. BỆNH THỬ ÔN

Bệnh thử ôn chủ yếu là bệnh nhiệt vì cảm phải khí hậu nóng bức của mùa nắng và phát ra nhưng nếu gặp khí phong vũ hàn, thấp hoặc ăn nhiều đồ sống lạnh cũng thường có thể dẫn đến bệnh này, cho nên bệnh thử ôn lại có những chứng hậu kiêm thấp kiêm hàn. Bốn chứng của bệnh thử ôn là đau đầu, nóng nhiều, khát nhiều, mồ hôi nhiều, mạch hồng đại mà sác, phép chữa nên thanh thử tiết nhiệt, dùng *Bạch hổ thang:*

Thạch cao	40g	Tri mẫu	12g
Cam thảo chích	8g	Gạo trắng	40g

Sắc uống ấm.

Thạch cao đại hàn, Tri mẫu khổ hàn phối hợp thanh phế vị thực nhiệt, Cam thảo, Gạo trắng ích khí dưỡng vị cùng Thạch cao, Tri mẫu tương hiệp sinh tân dịch, trị mình nóng dữ không ố hàn, ra mồ hôi nhiều, phiền khát hay khát nước, lưỡi đóng rêu vàng, mạch hồng đại hữu lực, do dương minh nhiệt chứng. Nếu người cơ thể vốn suy yếu thì gia Nhân sâm. Nếu mạch hồng đại vô lực, sau lưng ớn lạnh thì không nên dùng.

Nếu thử và nhiệt thương tổn đến khí làm hao tân dịch, thân thể nóng, tự ra mồ hôi, người mệt nhọc, mạch hư, hơi thở ngắn như suyễn dùng bài *Thanh thử ích khí thang:*

Bắc Sa sâm	10g	Mạch môn đông	8g
Tri mẫu	6g	Cam thảo Bắc	2g
Hoàng liên	4g	Lá tre tươi	8g
Thạch hộc	8g	Vỏ đậu xanh	8g
Gạo trắng	8g		

Sắc uống.

Nếu ra mồ hôi nhiều, mạch tán đại vô lực, suyễn, khát thì dùng bài *Sinh mạch tán:*

Mạch môn đông	12g	Ngũ vị tử	8g
Nhân sâm	20g		

Sắc uống.

Chủ trị: Thử dâm thương tổn nguyên khí, khiến cho thần khí tiêu hao, mồ hôi nhiều, miệng khát, mạch vi tế muốn tuyệt, chứng trạng nguy hiểm.

Tác dụng của các vị thuốc: Nhân sâm đại bổ phế khí, Mạch môn thanh tâm hoả, sinh tân dịch, Ngũ vị tử thu liễm phát tán phế khí, dưỡng phế thanh tâm, bổ khí sinh tân dịch khiến cho mạch hồi phục.

Nếu thử kiêm thấp mà lúc đầu có biến chứng thì dùng *Hoắc hương chính khí tán* để hoá thấp trừ thử, khi biểu tà đã giải rồi mà có các chứng miệng, dạ dày khó chịu, bụng đầy, tiết tả, tiểu tiện ít thì dùng bài *Hoắc hương chính khí tán* hợp với bài *Lục nhất tán* gia Kha tử, Nhục khấu. *Lục nhất tán gồm:*

Hoạt thạch	12g	Sinh cam thảo	2g.

Hoạt thạch giải cơ thanh nhiệt, hoạt khiếu hành thuỷ lợi thấp, thông trị biểu lý, thượng, trung, hạ tiêu phát nhiệt, miệng khát, phiền táo, tiểu tiện không thông, đại tiện tả lợi.

12. BỆNH THỬ PHONG

Bệnh này là chứng nội phong do nhiệt và thử gây ra, thường thấy các chứng trạng phát sốt, đau đầu dữ dội, nôn mửa, co giật, hôn mê, buồn bực, vật vã, nói sảng. Bệnh thử phong mà nặng thì thường thường đột nhiên sốt cao hoặc có rét run rồi co giật, hôn mê, hàm răng nghiến chặt, nặng thì tay chân lạnh.

Nói chung chủ yếu đều dùng thuốc tân lương để thấu tà, thuốc thanh nhiệt để giải độc. Thuốc tân lương thấu tà như bài *Bạch hổ thang* dùng chung với bài Ngân kiều tán.

Nếu nóng nhiều, hôn mê, co giật, thở khò khè, nên dùng loại bình can tức phong như bài *Linh dương câu đằng thang gia vị:*

Linh dương giác (hoặc sừng Trâu)	10g		
Thiên ma	6g	Câu đằng	10g
Long đởm thảo	6g	Tang ký sinh	8g
Ngưu tất	8g	Sinh địa	8g
Huyền sâm	8g	Cúc hoa	8g
Cương tàm	4g	Toàn yết	4g
Ngô công	4g		

Ba vị Cương tàm, Toàn yết, Ngô công sao vàng bỏ đầu, đuôi, chân, tán mịn; các vị thuốc trên sắc xong hoà bột Cương tàm, Toàn yết, Ngô công vào cho uống.

Trong quá trình chữa bệnh thử phong (viêm màng não) cần chú ý xem đại tiện khó đi hay dễ đi. Nếu đại tiện bí, rêu lưỡi vàng thì trong bài thuốc chữa bệnh có thể gia thêm Địa long, Huyền minh phấn, Qua lâu nhân để nhuận lợi

đại tiện. Nếu tiểu tiện không lợi, vàng đỏ thì có thể gia thêm Liên tâm và Hoạt thạch, Cam thảo.

Chứng này khi đã chữa khỏi rồi, nếu thời gian bị bệnh không lâu, thì sau khi lành là có thể hồi phục như cũ, nếu thời gian hôn mê lâu và liên tục cứng đờ và lạnh thì sau khi bệnh lành rồi thường có các di chứng không nói được, chân tay mình mẩy không mềm mại điều hoà, hoặc một bên tay chân không vận động được có thể gia thêm những vị thuốc thông lạc như: Xương bồ, Thuyền thoái, Trúc nhự, Tang ký sinh vào các bài thuốc nói trên.

Như lúc mới phát hiện ngay ra chứng tay chân lạnh do nhiệt cao độ thì quyết cũng cao độ (Nhiệt thâm quyết diệc thâm) thì ngoài phương thuốc tân lương, nên dùng thêm *Tô hợp hương hoàn* để phụ tá thêm thanh nhiệt, khai bế.

Tô hợp hương hoàn là: Tô hợp hương du, Xạ hương, Mai hoa phiến, An tức hương, Đinh hương, Mộc hương, Đàn hương, Trầm hương, Hương phụ, Kha tử, Chu sa, Tê giác (hoặc Thuỷ ngưu giác), Bạch truật.

13. BỆNH SỐT XUẤT HUYẾT

Sốt xuất huyết thuộc loại ôn bệnh, thường phát sinh vào mùa hạ (âm tiêu dương trưởng) nhất là cuối hạ sang thu do lục dâm, khí hoá hàn nhiệt trái thường nên xảy ra dịch bệnh.

Khi nhiễm bệnh, người phát sốt, nhiệt tà bức huyết chạy bừa làm cho can không tàng huyết, tỳ không nhiếp huyết, vì thế nên gây ra xuất huyết. Nếu bệnh vào sâu hơn, thuỷ hoả hư tổn, kinh mạch suy thoái, làm vong dương thoát âm thì bệnh đến thời kỳ nguy kịch.

Khi bệnh nguy kịch thì thấy mạch trầm vi muốn tuyệt (truỵ tim mạch là âm vong dương thoát) biểu hiện choáng váng, bứt rứt, lăn lộn, hôn mê, tay chân lạnh thì phải dùng *Sâm phụ thang* để cứu nghịch.

Chứng sốt xuất huyết phát sinh do thời tiết trái thường và cũng do thất trị ở giai đoạn đầu là thông thường khi thấy sốt là người ta dùng thuốc giải biểu quá mạnh làm cho cơ thể người bệnh đã bị âm tiêu dương trưởng khiến cho nóng càng nhiều bức huyết chạy bừa. Nên khi có dịch sốt xuất huyết thì người thầy thuốc phải chẩn đoán kỹ, nếu thấy lưỡi thon chất lưỡi đỏ không có rêu, trong thân thể người bệnh có nổi mụn đỏ bằng mũi kim phải căng da chỗ nốt đỏ xét xem nếu nốt đỏ tan biến đi thì không phải là sốt xuất huyết, nếu nốt ban đỏ không tan thì là sốt xuất huyết, đừng vội lầm là ban đỏ mà dùng thuốc giải biểu, phải mau kíp dùng tư âm lương huyết như bài *Tê giác địa hoàng* gia: Hạn liên thảo tăng lượng gấp đôi.

Giai đoạn đầu có thể dùng bài thuốc sau:

Cỏ mực tươi	100g	Đọt bí đao tươi	100g
Lá cải rổ [1] tươi	100g		

[1] Cải rổ: Một loại rau ăn rất mát chỉ có ở miền Nam chưa biết tên khoa học.

Lấy 3 thứ đâm nhuyễn, hoà với 3 muỗng nước tiểu trẻ em vắt nước cho uống để chặn đứng nhiệt tà bức huyết vọng hành, dùng đủ 3 vị trên đây nếu thiếu thì dùng 1 hoặc 2 vị cũng được nhưng cần nhất là phải có nước tiểu trẻ em mới công hiệu.

Nếu bệnh không lui thì dùng bài *Tê giác địa hoàng thang* với lượng thuốc phải nhiều như: Tê giác hay Sừng trâu 10g, Bạch thược 20g, Sinh địa 20g, Mẫu đơn bì 10g, Hạn liên 20g, Rễ cỏ tranh sao đen 12g cho uống liên tục.

14. BỆNH ÁN SỐT XUẤT HUYẾT

Bệnh nhân: Trần Thị T. 24 tuổi, ở phường 8 thành phố M. T.

Vọng: Sắc mặt thoáng đỏ.

Văn: Hơi thở gấp.

Vấn: Cách nay 3 ngày phát sốt không mồ hôi, cổ họng khô đau, miệng ráo, răng khô, khát nước, đêm ngủ không được.

Thiết mạch: Phù sác.

Qui nạp bát cương: Biểu nhiệt.

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Vệ khí cảm nhiễm nhiệt tà chưa giải hết, tà phạm vào huyết phần có triệu chứng phát sốt hâm hấp, không mồ hôi, cổ họng khô đau, miệng ráo, răng khô, khát nước.

Xử phương: Dùng *Ngân kiều tán.*

Nếu thấy mạch phù huyền hữu lực kiêm có chứng tay chân co giật dùng bài *Linh dương câu đằng thang.*

Linh dương giác (hoặc Sừng trâu) 8g			
Tang diệp	8g	Câu đằng	8g
Phục linh	8g	Sinh địa	12g
Bối mấu	8g		
Trúc nhự	8g	Sinh bạch thược	8g
Cam thảo	4g	Cúc hoa	8g

Biện luận: Các triệu chứng vệ khí chưa giải hết, nhiệt tà đồng thời lại nhập vào huyết phần nên có các triệu chứng phát sốt, không mồ hôi, cổ họng khô đau, miệng ráo, khát nước lưỡi thon đỏ, mạch phù sác, đúng là nhiệt nhập huyết thất, có thể bức huyết chạy bừa phát sinh sốt xuất huyết nên chọn những bài thuốc tân lương, tư âm lương huyết là điều cốt yếu.

15. BỆNH ÁN BAN SỞI

Bệnh nhân: Trần Văn T. 45 tuổi ở phường 2 thành phố MT.

Vọng: Sắc mặt tái mét.

Văn: Hơi thở mệt nhọc.

Vấn: Bệnh phát nóng, sợ lạnh, không mồ hôi, mình mẩy tay chân đau đớn khó chịu, đau đầu, trán nặng, mũi khô, mắt nóng, chảy nước mắt, nằm ngủ không yên.

Thiết mạch: Phù khẩn.

Qui nạp bát cương: Biểu thực.

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Biểu tà truyền vào dương minh kinh, có chứng mũi nóng, mắt đau nóng, chảy nước mắt, nằm ngủ không yên, tay chân và dái tai lạnh.

Xử phương: Dùng *Thăng ma cát căn thang* hiệp với thang *Tiêu độc* để hoá giải phong tà truyền vào dương minh vị kinh. Nếu kiêm có chứng thái dương và thiếu dương thì dùng *Nhân sâm bại độc tán*.

1. Thăng ma cát căn thang :

Thăng ma	12g	Cát căn	10g
Bạch thược	8g	Cam thảo	4g

Hiệp với *thang Tiêu độc* là:

Phòng phong	8g	Kinh giới	8g
Ngưu bàng tử	8g		

Công năng của các vị thuốc trong bài:

Cát căn giải cơ, thoái nhiệt, sinh tân chỉ khát, chữa biểu chứng, miệng khát, đầu nhức, ban sởi sơ khởi vào 2 kinh tỳ và vị. Thăng ma vào 4 kinh tỳ vị, phế, đại trường công năng thăng thanh giáng trọc, thăng đề, trừ phong nhiệt, viêm họng. Phòng phong vào 5 kinh, bàng quang, can, phế, tỳ và vị có tác dụng phát biểu, tán phong, trừ thấp chữa biến chứng có ra mồ hôi, choáng váng mắt mờ, trừ phong, đau khớp xương. Kinh giới vào 2 kinh phế và can, có tác dụng phát biểu khu phong, lợi yết hầu, thanh nhiệt phá ứ tán kết, trị ngoại cảm phát sốt, đầu nhức mắt hoa, cổ họng sưng đau, lại trị chứng huyễn vậng sau sinh. Sao đen chữa thổ huyết chảy máu cam, đại tiểu tiện ra máu. Ngưu bàng tử vào 2 kinh phế và vị, có tác dụng tán phong nhiệt, thanh nhiệt, giải độc, thông phế thấu chẩn dùng chữa ngoại cảm biểu chứng ma chẩn, phong chẩn, yết hầu sưng đau. Bạch thược vị đắng chữa hàn vào 3 kinh can tỳ và phế có tác dụng nhuận can, làm hết đau, dưỡng huyết, liễm âm, lợi tiểu tiện. Cam thảo có tác dụng bổ tỳ vị, nhuận phế, thanh nhiệt giải độc, điều hoà các vị thuốc.

2. Bài nhân sâm bại độc

Nhân sâm, Khương hoạt, Độc hoạt, Sài hồ, Tiền hồ, Xuyên khung, Chỉ xác, Cát cánh, Phục linh mỗi vị 8g, Cam thảo Bắc 4g, Bạc hà 4g, Gừng sống 3 lát.

Chủ trị: Người thể chất hư nhược cảm thụ phong hàn thấp nhiệt, ớn lạnh, phát sốt, nhức đầu, cổ cứng, nghẹt mũi, tiếng nói nặng, mình mẩy râm đau, ho hen có đàm, không mồ hôi.

Công năng của các vị thuốc trong bài:

Khương hoạt, Độc hoạt, Sài hồ, Xuyên khung phát hãn giải cơ, trừ phong hàn, khử thấp tà, Tiền hồ, Chỉ xác giáng khí hành đàm, Cát cánh, Phục linh có thể tiết phế trung tà nhiệt, thẩm thấp trừ đàm, Cam thảo hoà trung giải biểu; Nhân sâm phù chính khu tà, Gừng sống, Bạc hà hỗ trợ giải biểu phát hãn.

16. BỆNH ÁN NỘI THƯƠNG (phát sốt)

Nội thương bệnh là do nguyên khí suy kém, huyết phận không đầy đủ phát sinh ra chứng hâm hấp sốt, người thấy gai gai lạnh, hai bàn tay và chân có lúc nóng, lúc lạnh, mỏi mệt, ăn ngủ không được, thường khát nước mà thích uống nước nóng. Đầu luôn luôn bị nhức âm ỉ, lúc nhức lúc bớt, người thường sợ lạnh hay rịn mồ hôi, miệng nhạt, nếu nhầm cho uống phát biểu giải cảm thì bệnh càng tăng không thuyên giảm.

Bệnh nhân: Nguyễn B.T. 55 tuổi ở CL.

Vọng: Sắc mặt xanh mét, mệt mỏi, uể oải.

Văn: Hơi thở ngắn.

Vấn: Bệnh nhân khai 1 tháng nay thường bị chứng nóng trong người thấy gai gai lạnh sau lưng, hai bàn tay và chân lúc nóng lúc lạnh, mỏi mệt, ăn ngủ không được, thường khát nước mà thích uống nước nóng. Đầu luôn bị nhức âm ỉ, lúc nhức lúc bớt, người thường sợ lạnh, hay rịn mồ hôi, đã uống nhiều thuốc trị ngoại cảm mà bệnh không thuyên giảm.

Thiết mạch: Trầm đại vô lực.

Qui nạp bát cương: Lý dương hư.

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Xét các triệu chứng bệnh nhân khai, đây là thuộc nội thương tỳ vị. Mạch đại là mạch của tâm hoả nay thấy vô lực là tâm hoả hư, tâm hoả hư biến thành hoả vọng hành lấn lên vị trí của tỳ thổ, tỳ thổ chủ cơ nhục cho nên thấy chứng mình nóng, lại thấy gai gai lạnh là dương khí suy yếu. Mồ hôi là dịch của tâm, nay thấy lạnh lại rịn mồ hôi là tâm khí suy không liễm được huyết dịch. Phép chữa nên dùng bài *Bổ trung ích khí* để giúp cho dương khí thăng lên, bảo vệ vệ khí, vệ khí mạnh thì bảo vệ dương khí của tỳ vị liễm được âm huyết, dương khí và âm huyết thăng bằng thì bệnh sẽ khỏi. Bổ trung ích khí cần gia thêm Phòng phong, Khương hoạt, Xuyên khung, Bạch chỉ để giúp cho Bổ trung ích khí thêm tác dụng giải cơ, chỉ thống tán phong hàn tiềm phục dinh vệ. Trong bài Bổ trung có Sâm,Kỳ,Quy,Truật để bổ nguyên khí, và bổ huyết.

17. BỆNH ÁN NỘI THƯƠNG DO TỲ VỊ (viêm đại tràng mạn tính)

Viêm đại tràng mạn tính do suy nhược cơ thể nội thương tỳ vị. Bệnh này rất phức tạp là có hư, có thực do tỳ vị khí hư không vận hoá được thanh khí thượng thăng, trọc khí hạ giáng, thấp tà tắc lấp trường vị phát sinh ra, như bệnh án dưới đây:

Bệnh nhân: Trần Thị K, CNV Công ty ăn uống và khách sạn TG.

Vọng: Sắc mặt đỏ lợt, uể oải, rêu lưỡi trắng mỏng.

Văn: Tiếng nói bình thường.

Vấn: Bệnh nhân khai từ 6 - 7 tháng nay có những lúc đi tiêu có nhiều chất nhầy nhớt và đi nhiều lần trong ngày, tiếp đến cách nay chừng 3 tháng, bệnh nhân tiêu phân sệt kéo dài và đau vùng hạ vị: Mỗi ngày đi tiêu nhiều lần (từ 5 - 7 lần) bệnh nhân đã được điều trị tại Bệnh viện Đa khoa Tây y 2 tháng và nay được chuyển qua BV - YHDT với các triệu chứng đau bụng, mệt mỏi, người lạnh, tê rần da đầu, mất ngủ, tiêu ra nhầy nhớt 2 - 3 lần trong mỗi ngày.

Thiết mạch: Tả trầm huyền, hữu trầm huyền vô lực.

Qui nạp bát cương: Lý thượng thực, lý hạ hư

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ lời khai của bệnh nhân và thiết chẩn thì bệnh nhân này mắc phải chứng bệnh rất phức tạp là có hư, có thực, hư là mạch tay hữu trầm huyền vô lực, thực là tay tả trầm huyền chứng tỏ can mộc khắc tỳ thổ, thổ hư không vận hoá được thanh khí thượng thăng, trọc khí hạ giáng, thấp tà tắc lấp trường vị làm cho sự vận hoá của tỳ kém đi không vận hoá được khí thấp cho nên đi tiêu ra phân sệt kéo dài nhiều tháng, trọc khí đình đọng ở trường vị cho nên đi tiêu ra chất nhầy nhớt, đau vùng hạ vị, tê rần da đầu nghe lạnh là vì tỳ khí có công năng vận khí khắp cơ thể mà tỳ hư không vận hoá được cho nên nhức đầu và mất ngủ là thực chứng của mạch huyền vì can dương thịnh khắc tỳ thổ.

Xử phương: Xét qua các triệu chứng trên, dùng phương pháp hoà giải can mộc, bình can, kiện tỳ, táo thấp. Xử phương dùng thang *Hoắc hương chính khí gia: Câu đằng, Địa long, Hương phụ, Thương truật.*

Hoắc hương chính khí thang:

Đại phúc bì	4g	Trần bì	8g
Bạch chỉ	4g	Hậu phác	8g
Tử tô	4g	Cát cánh	8g
Phục linh	4g	Hoắc hương	12g
Bán hạ chế	8g	Cam thảo	10g
Bạch truật	8g		

Gia vị:

Thương truật	8g	Câu đằng	10g
Địa long	8g	Hương phụ	8g
Gừng sống	3 lát	Đại táo	2 quả

Cho uống 3 thang bớt đau bụng nhưng còn đâu đầu, tê da đầu, có cảm giác nghẹn thở, không ngủ được.

Tái khám thấy 6 bộ mạch trầm huyền sác, xử phương dùng thang *Đơn chi tiêu dao tán gia*: Huyền sâm, Câu đằng, Lạc tiên, Trinh nữ cho uống liên tiếp 6 thang.

Tái khám, bệnh nhân cho biết, bớt nhức đầu, tiếp tục dùng thang *Đơn chi tiêu dao* gia: Xương bồ, Câu đằng, Huyền sâm, Hột bình linh sống cho uống tiếp 6 thang nữa, bệnh nhân ngủ được từ 2 - 4 tiếng, thỉnh thoảng còn mệt, hết ù tai, hết nhức đầu, hết hồi hộp, hết nghẹn thở, lạnh tê da đầu cũng hết.

Tái khám thấy mạch trầm hoãn đi lớn. Dùng thang *Lục vị địa hoàng* gia: Sài hồ, Bạch thược, Câu đằng, Huyền sâm, Hột bình linh sống cho uống 1 tuần, người hết mệt ngủ được, ăn được, tiêu tiểu bình thường cho xuất viện.

Biện luận

Bệnh này rất phức tạp là có hư có thực nhưng nguyên do chính cũng là tại tỳ vị, nên trước tiên là điều hoà chính khí bằng *Hoắc hương chính khí thang* gia vị, lại phải hoà giải can mộc bằng Bát vị tiêu dao tán, rồi vì bệnh lâu ngày dùng thuốc táo thấp nhiều mất mát tân dịch lại dùng *Lục vị địa hoàng thang* gia vị để sinh tân dịch.

1. Bát vị tiêu dao tán gia vị hay Đơn chi tiêu giao gia vị:

Đương qui	8g	Bạch thược	6g
Sài hồ	8g	Phục linh	8g
Bạch truật	8g	Cam thảo bắc	8g
Bạc hà	6g Gia:	Huyền sâm	8g
Câu đằng	8g	Lạc tiên	8g
Trinh nữ	8g	Chi tử	8g

2. Lục vị địa hoàng gia vị:

Thục địa	10g	Hoài sơn	8g
Mẫu đơn bì	4g	Trạch tả	6g
Táo nhục	8g	Phục linh	8g
Sài hồ	6g	Bạch thược	6g
Câu đằng	8g	Huyền sâm	8g
Hột bình linh sống	8g		

Công năng của các vị thuốc trong đơn trị bệnh này:

Hoắc hương, khí vị thơm lý khí hoà trung; Tử tô, Bạch chỉ, Cát cánh tán hàn tà lợi hung cách; Đại phúc bì, Hậu phác tiêu trừ trướng mãn đầy bụng; Trần bì, Bán hạ lợi khí hoá đờm. Phục linh, Bạch truật, Cam thảo hoà trung kiện tỳ trừ thấp, hỗ trợ trung tiêu chính khí. Thương truật táo thấp; Câu đằng thanh nhiệt thượng tiêu; Địa long thanh nhiệt giải độc tiêu ra nhầy nhớt; Hương phụ lý khí, bình can, giải khí uất, thông tam tiêu.

Đương quy, Bạch thược dưỡng huyết. Sài hồ sơ can tán uất. Cam thảo, Phục linh kiện tỳ, thẩm thấp. Sinh khương hoãn vị. Bạc hà tiêu phong nhiệt. Mẫu đơn bì vào 4 kinh:tâm, can, thận, tâm bào lạc, thanh huyết nhiệt, tán ứ huyết. Chi tử

thanh nhiệt, tả hoả, lợi tiểu. Lạc tiên an thần. Trinh nữ dịu thần kinh. Hột bình linh sống an thần dịu thần kinh. Huyền sâm tư âm, giáng hoả, trừ phiền, chỉ khát, giải độc, nhuận táo, hoạt trường. Thục địa, Hoài sơn, Táo nhục bổ ích thận âm sinh tinh khí. Hoài sơn, Phục linh kiện tỳ thẩm thấu. Trạch tả tiết thận trung thuỷ tà. Đơn bì thanh can đởm tướng hoả.

18. BỆNH ÁN TÂM TỲ LƯỠNG HƯ

Bệnh nhân: Trịnh Văn N. 56 tuổi, Cán bộ hưu Sở thương binh xã hội TG.

Vọng: Sắc mặt đỏ hồng.

Văn: Âm thanh bình thường

Vấn: Bệnh nhân khai bệnh khởi phát cách nay 2 tháng thường đi tiêu lỏng ra bọt, mệt khó thở, sôi bụng, thường đau bụng vùng rốn, khám Tây y chẩn đoán là viêm đại tràng mạn tính, thiếu máu cơ tim, xơ vữa động mạch.

Thiết mạch: Trầm hoạt tiểu.

Qui nạp bát cương: Lý hư.

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ vào chứng và mạch hoạt là tích, tiểu là hư.

Nguyên nhân phát sinh ra chứng này là do tỳ hư không vận hoá được thuỷ thấp, đình đọng ở trường vị làm cho trường vị thường bị sôi và đau bụng vùng rốn, thường đi tiêu lỏng có bọt. Mạch hoạt là tích, tiểu là hư, tỳ thổ hư không vận hoá được khí thấp cho nên thuỷ thấp đình đọng trung tiêu, hạ tiêu biến sinh đại tiện thường phân sệt có lúc tiêu chảy ra bọt.

Qua các triệu chứng trên xác định đây là chứng chính khí hư, tỳ thổ không kiện vận được, khí uất ở trung và hạ tiêu.

Xử phương: Dùng thang *Hoắc hương chính khí* gia Xương bồ, Hương phụ, Chi tử sao, Cát căn, Lương khương đổi Bạch truật dùng Thương truật để táo thấp, hành khí kiện tỳ hoà vị cho uống liên tục 25 thang, dần dần ổn định các chứng mệt uể oải, khó thở, đau bụng vùng rốn, tiêu lỏng sôi bụng đã hết hẳn. Khám lại: mạch thấy đi trầm hoãn, sắc mặt còn đỏ hồng thỉnh thoảng vùng ngực bên trái còn hồi hộp đau nhói, chẩn đoán là vì trước kia tỳ hư liên quan đến tâm, tỳ vừa ổn định chưa nuôi dưỡng được tâm, xử phương dùng thang *Quy tỳ* gia Xương bồ để giúp cho tỳ kinh thống nhiếp được huyết để dưỡng tâm cho uống tiếp 25 thang. Bệnh nhân hoàn toàn khỏi hẳn.

Thang Hoắc hương chính khí gia: Xương bồ, Hương phụ, Thương truật, Chi tử sao, Cát căn, Lương khương. *Chủ trị:* Phong hàn, hành thấp, hung cách trướng mãn, bụng sôi tiết tả, miệng nhạt đóng rêu trắng.

Hoắc hương lý khí hoà trung. Tô diệp, Bạch chỉ, Cát cánh tán hàn lợi hung cách. Đại phúc bì, Hậu phác tiêu trừ nặng bụng, Trần bì, Bán hạ lợi khí hoá đàm. Phục linh, Bạch truật, Cam thảo hoà trung kiện tỳ, thử thấp, hỗ trợ trung tiêu chính khí.

Quy tỳ thang chủ trị thương tỳ, tâm tỳ huyết hư phát sinh kiện vong (hay quên) choáng váng, đạo hãn, mất ngủ, ăn uống giảm sút, thân thể bải hoải mỏi

mệt do tâm tỳ thụ thương dinh huyết kém dùng Long nhãn nhục, Hắc táo nhân, Viễn chí, Phục thần, Đương quy bổ huyết dưỡng tâm. Sâm, Kỳ, Cam thảo, Bạch truật, bổ tỳ sinh huyết. Mộc hương lý tỳ khí, tăng cường bổ tỳ khí sinh huyết, bổ ích tâm tỳ, dưỡng huyết an thần.

Biện luận: Bệnh nhân này đã có khám và điều trị bằng Tây y. Tây y xác định là viêm đại tràng mạn tính và thiếu máu cơ tim. Chẩn đoán của YHCT căn cứ mạch và chứng, xác định là do chính khí hư mà chính khí hư là tỳ hư không vận động được khí thấp cho nên phát sinh các chứng sôi bụng thường xuyên, thường thấy tức lồng ngực, khó thở là vì khí thấp đình đọng trung tiêu, thanh khí không thăng trọc khí không giáng làm úng tắc tam tiêu cho nên đau bụng vùng rốn, khó thở là do tam tiêu không vận hành ở mức bình thường được. Dùng Hoắc hương chính khí gia Thương truật, Hương phụ, Chi tử, Cát căn, Lương khương, để hỗ trợ cho thang Hoắc hương chính khí hoà can, kiện tỳ, táo thấp, thông tam tiêu, hành khí.

Còn chứng vùng tâm hồi hộp thỉnh thoảng đau nhói, mặt thường đỏ hồng là vì trước kia tỳ hư không thống nhiếp huyết để nuôi tâm cho nên tiếp dùng thang Quy tỳ để bổ tâm tỳ dưỡng huyết an thần.

19. BỆNH ÁN VIÊM ĐẠI TRƯỜNG MẠN TÍNH

Bệnh nhân: Hồ Hữu A. 65 tuổi ở CG - TG.

Vọng: Má hóp, da mặt tái mét, mắt có quầng.

Văn: Hơi thở mệt nhọc hay rên rỉ.

Vấn: Bệnh nhân khai cách nay 2 tuần, đột nhiên thấy đau tức từ dưới hạ sườn trái lan ra đến rốn, vòng xuống bụng dưới bên trái. Đau từng cơn bắt đầu thấy nổi cục lan từ vùng rốn, có lúc đau như cắt nhất là từ bụng dưới phía trái đau lan lên vùng rốn và lan ra sườn trái, tóm lại vùng trung tiêu, hạ tiêu phía trái ấn mạnh thấy đau hơn. Đồng thời hông bên trái xuyên ra sau lưng nghe tưng tức khó chịu thường xuyên bị táo bón, uống thuốc xổ thấy đau nhiều hơn. Rồi có lúc lại bị tiêu chảy. Bệnh nhân đau lâm râm suốt ngày, về đêm đau nhiều hơn. Trong cơn đau như vậy hay mệt. Đã khám và điều trị bằng Tây y không thuyên giảm.

Thiết mạch: Tả trầm huyền hữu lực, hữu trầm huyền vô lực.

Qui nạp bát cương: Lý thượng thịnh, lý hạ hư.

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ vào triệu chứng và mạch, xác định mạch huyền là mạch của can nay thấy tả huyền hữu lực, hữu huyền vô lực là can khí có thừa lấn ép tỳ thổ, thổ hư không vận hành khí được, khí uất cho nên từ vùng rốn đến hạ tiêu thấy nổi gò có cục theo vị trí của đại trường mà đại trường là phủ của phế kim. Bệnh này vừa có hư, vừa có thực, là can khí thực khắc tỳ thổ, thổ hư không vận hành khí được nên sinh khí uất. Tây y khám cho biết là viêm đại trường cho uống Sorbitol, tiêm Chophytol và cho uống thuốc xổ nhưng bệnh không giảm mà uống thuốc xổ vào bụng lại thấy đau hơn. Tây y chẩn đoán có phần đúng với lý luận Đông y, can thuộc phong mộc mà chủ khí là phế kim vì kim khắc mộc cho nên phong mộc thiếu gió để hoá thành hơi theo học thuyết chế hoá tương thừa

tương vũ, để cân bằng tạng phủ, tuy đối lập mà hỗ căn làm cho đại trường bị con của phong mộc là tâm hoả, nhiệt uất kết làm cho đại trường viêm.

Xử phương: Sau khi xác nhận bệnh trạng, dùng phương pháp vận hành khí hoá để sơ khí khai uất, lưu thông khí huyết bằng thang *Hoắc hương chính khí* gia Hương phụ, Xương bồ, Mộc hương, Hắc sửu để vừa vận hành, vừa hoá giải khí uất và cho uống thêm *Hoàn hoá tích*, bệnh ổn định và lành hẳn. Sau bồi dưỡng bằng thang *Quy tỳ gia Xương bồ*.

20. BỆNH ÁN VIÊM ĐẠI TRƯỜNG MẠN TÍNH

Bệnh nhân: Văn S. Hội văn nghệ tỉnh TG.

Vọng: Thần sắc mệt mỏi, da mặt hơi xanh.

Văn: Tiếng nói bình thường.

Vấn: Bệnh nhân khai 6 tháng nay bị chứng viêm đại trường mạn tính thường thấy đau bụng dưới bên trái, ngủ kém, ăn không tiêu, hay mệt, thỉnh thoảng tiêu lỏng rồi có lúc lại bón uất. Tinh thần mỏi mệt, choáng váng hay cáu gắt hay quên.

Thiết mạch: Trầm huyền vô lực.

Qui nạp bát cương: Lý hư.

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ vào mạch và chứng thì bệnh nhân này mắc 2 chứng bệnh mạn tính cùng một lúc. Một là tâm tỳ lưỡng hư, hai là can mộc khắc tỳ thổ, thổ hư không vận hoá được, khí thấp nhiệt uất kết ở trung hạ tiêu cho nên từ vùng rốn đến hạ tiêu thấy đau nhất là vùng đại trường. Vì khí thấp nhiệt do hoả ở tâm tỳ đưa xuống hạ tiêu không vận hành được, uất kết lại ở đại trường cho nên đại trường bị viêm, mất đi chức năng bài tiết, thường có lúc bị bón uất, có lúc tiêu lỏng mà thần minh, thần chí có lúc như bị mờ ám, hay quên, hay cáu gắt.

Xử phương: Trước nhất là dùng phương pháp vận hành khí hoá để sơ khí khai uất, lưu thông khí huyết, vừa hoà giải thông lợi khí thấp uất kết đại trường là dùng thang *Hoắc hương chính khí* gia thêm Nhục khấu, Kha tử, Lương kương, Hương phụ cho uống 20 thang để ổn định chứng đại tiện khi thì bón uất, khi thì tiêu chảy. Xem mạch lại thấy 6 bộ đều đi trầm hoãn, dùng thang Quy tỳ gia Xương bồ để bổ tâm tỳ điều hoà tâm khí, đồng thời bổ tỳ thổ để sinh huyết nuôi tâm. Cho uống luôn 30 thang, bệnh nhân phục hồi sức khoẻ hết viêm đại trường, chứng suy tim vì thiếu máu cơ tim cũng ổn định.

Biện luận: Phương pháp này trước nhất chữa trị chứng đại trường viêm bằng cách hoà giải can mộc, trợ tỳ lý khí phục hồi chính khí, chứng đại trường viêm ổn định, tiêu tiểu bình thường, tiếp theo là bổ tỳ thổ để giúp cho tỳ thổ thực hiện được chức năng sinh huyết, thống nhiếp được huyết để nuôi tâm, tâm có đầy đủ huyết dịch để nuôi óc, cho nên các chứng thiếu máu cơ tim được ổn định, bệnh nhân trở lại trạng thái bình thường.

21. BỆNH ÁN TRUNG KHÍ HƯ

Bệnh nhân: Trần N. V. 40 tuổi ở phường 8 thành phố MT.

Vọng: Vẻ người mệt mỏi uể oải.

Văn: Hơi thở ngắn yếu.

Vấn: Bệnh nhân khai hơn 1 tháng nay thường thấy bần thần rũ rượi, mệt mỏi, uể oải, choáng váng, đầu nặng thỉnh thoảng nhức lâm râm trước trán, ăn ngủ kém, sút cân, thỉnh thoảng thấy ớn lạnh xương sống, biếng nói, biếng làm.

Thiết mạch: Trầm đại vô lực.

Qui nạp bát cương: Dương khí hư.

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Mạch đại là chủ mạch của tâm, nay thấy vô lực là tâm khí hư, tâm hoả hư không sinh được tỳ thổ, thổ hư không kiện vận được, trầm đại vô lực nay thấy ở bộ hữu quan tức là trung khí hư. Đây là chứng trung khí hư, tỳ vị suy kém thanh dương không thượng thăng lên được để trọc âm giáng xuống quân bình âm dương.

Xử phương: Dùng bài *Bổ trung ích khí thang* để bổ trung khí, thì các triệu chứng trên sẽ lui đi vì đã quân bình được âm dương nơi trung tiêu tỳ vị.

Bổ trung ích khí thang:

Hoàng kỳ chích mật ong	12g	Đảng sâm	8g
Cam thảo chích	4g	Bạch truật thổ sao	8g
Trần bì	4g	Đương quy	6g
Thăng ma	3g	Sài hồ	3g
Đại táo	2 quả	Gừng sống	3 lát.

Nếu tỳ vị thụ thấp bỏ Đương quy, Bạch truật gia: Mộc hương, Thương truật gọi là *Điều trung ích khí thang*.

Công năng của bài Bổ trung ích khí thang:

Bổ trung khí thăng dương, tỳ vị hư ăn uống không hấp thụ được, khí hư, ngũ tâm phiền nhiệt (ngũ tâm tức là hai lòng bàn tay, hai lòng bàn chân và lồng ngực). Tỳ khí hư thì phế khí hư theo cho nên dùng Nhân sâm, Cam thảo bổ tỳ khí hoà trung tiêu thanh hư nhiệt; Bạch truật kiện tỳ; Đương quy thân bổ huyết; Trần bì lý khí; Thăng ma, Sài hồ thăng thịnh dương khí.

22. BỆNH ÁN PHÙ THŨNG (Lý thực thuỷ tích)

Bệnh nhân: Nguyễn B 42 tuổi ở huyện Châu Thành TG.

Vọng: Mí mắt sưng, thần sắc xanh mét.

Văn: Hơi thở ngắn.

Vấn: Bệnh nhân khai đã hai tháng nay trong người thường cảm giác nặng nề, mí mắt sưng, khắp người phù thũng, chân tay mặt mày đều sưng, tiểu ít, đã

có khám điều trị Tây y với chẩn đoán thận hư nhiễm mỡ nhưng không thuyên giảm, đến xin điều trị Đông y.

Thiết mạch: Trầm hoạt tiểu.

Qui nạp bát cương: Thực thuỷ tích.

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Chứng này có liên quan đến ba tạng là phế, tỳ và thận chứ không riêng gì thận, bệnh này do thổ hư không khắc chế thuỷ tà, nếu bệnh mới phát thì mí mắt sưng trước, sau vì thất trị truyền xuống trung tiêu và hạ tiêu làm cho khắp người phù thũng, chân tay mặt mày đều sưng có liên quan đến phế và thận. Phế chủ điều tiết, tỳ chủ vận hoá, thận chủ thuỷ dịch, cho nên khi mà phế khí không làm cho lưu thông đường nước, tỳ không vận hoá được thuỷ dịch, thận hư không tiếp được sự điều tiết của phế để lưu lợi thuỷ dịch ra ngoài, thuỷ dịch từ thận tràn lên phát sinh chứng phù thũng. Vì thuỷ dịch đình trệ tại kinh lạc và tôn lạc sinh phù thũng.

Xử phương: Bệnh đã lâu từ thượng tiêu truyền xuống trung tiêu và hạ tiêu, nay phải dùng phép kiện tỳ thổ, hành khí lợi thuỷ hoá thấp như bài *Hoắc hương chính khí* gia Mớp gai, Xa tiền tử, Rễ cỏ tranh, bội dụng Đại phúc bì, Ngũ gia bì, đổi Bạch truật dùng Thương truật và Hắc sửu.

Trong lúc trị bệnh dặn bệnh nhân kiêng ăn muối, nước mắm cho uống 15 thang các chứng phù thũng từ trên mặt đều xọp hết.

Tái khám thấy mạch đi trầm hoãn đổi dùng bài *Sâm linh bạch truật tán* là:

Đảng sâm	10g	Phục linh	10g
Bạch truật thổ sao	10g	Cam thảo chích	10g
Hoài sơn	10g	Biển đậu sao	8g
Liên tử	6g	Sa nhân	6g
Ý dĩ sao	6g	Cát cánh	6g
Đại táo	2 quả		

Sắc uống

Biện luận: Chứng lý thực thuỷ tích này là do tỳ thổ hư không vận hành được thuỷ dịch, thổ hư không ức chế được thuỷ tà, thuỷ tà tràn vào kinh lạc phát sinh phù thũng cho nên về trị liệu, trọng tâm là kiện tỳ thổ lợi tiểu, trừ thấp, điều bổ chính khí, công năng vận hành của tỳ mạnh thì chứng phù thũng sẽ được tiêu trừ.

Sau đó dùng *Sâm linh bạch truật tán* để bổ tỳ, ích phế. Tỳ thổ mạnh thì ức chế được thận thuỷ, phế khí mạnh thì điều tiết được thuỷ dịch.

23. BỆNH ÁN PHÙ THŨNG

Bệnh nhân: Nguyễn Thị T. N 32 tuổi, giáo viên trường phổ thông Mỹ Hoà, thị xã BT.

Vọng: Người uể oải, da mặt vàng, sưng phù ở mặt và hai chân.

Văn: Tiếng nói mệt nhọc, hơi thở ngắn.

Vấn: Bệnh nhân khai bệnh khởi phát từ 2 tháng rưỡi nay. Đầu tiên thấy lúc nóng lúc lạnh trong 1 ngày, sưng mi mắt, sau đó diễn biến thành sưng mặt, thân mình và hai chân. Khám Tây y chẩn đoán thận hư nhiễm mỡ, điều trị nhưng bệnh không giảm nên được chuyển đến điều trị tiếp tại Bệnh viện YHDT - TG trong tình trạng người nặng nề, ăn ít, nước tiểu vàng sậm, phù mặt và hai chân.

Thiết mạch: Trầm huyền sác vô lực.

Qui nạp bát cương: Biểu lý thực hàn, lý hư.

Qui nạp hội chứng bệnh lý: Đây là bệnh phù thũng có liên quan đến 3 tạng là phế, tỳ và thận chứ không riêng gì thận. Bởi vì phế chủ việc trị tiết, tỳ chủ vận hoá, thận chủ thuỷ dịch cho nên khi mà phế khí không làm cho lưu thông đường nước, tỳ không vận hoá được, thuỷ dịch từ thận tràn lên phát sinh chứng phù thũng thuộc dương thuỷ. Bệnh phát trước từ nóng lạnh, tới sưng mí mắt mới đến sưng cả mặt sau đó đến sưng thân mình và hai chân, biểu hiện cho thấy ngoại tà cảm nhiễm vào thượng tiêu trước không hoá giải bằng giải biểu phát hãn kịp thời, thấp tà truyền sâu xuống trung tiêu và Hạ tiêu làm cho khắp thân mình từ mặt, mình và hai chân đều phù thũng, tiểu ít vì trị bằng Tây y gần 3 tháng không thuyên giảm cho nên thế bệnh lúc đầu là thực, giờ dây đã biến thành hư, nên hiện thời thiết mạch thấy trầm huyền sác vô lực.

Xử phương: Trước dùng phép kiện tỳ táo thấp, hành khí, lợi thuỷ dùng bài Hoắc hương chính khí thang gia Mớp gai, Xương bồ, Lương khương, Hà thủ ô cho uống 10 thang thì các chứng có giảm nhiều nhưng đi tiểu còn ít.

Tái khám mạch vẫn còn trầm huyền vô lực, đổi dùng thang *Vị linh* là Thương truật, Hậu phác, Trần bì, Cam thảo, Trư linh, Trạch tả, Bạch truật, Phục linh mỗi vị 8g.

Gia:

Nhân trần	10g	Mớp gai	20g
Ngũ gia bì	10g	Hà thủ ô	10g
Ma hoàng	4g		

Cho uống liên tiếp 15 thang kèm theo theo mỗi ngày cho uống thêm 1 gói *Hoá tích tiêu thũng hoàn* bệnh nhân hết phù mặt, phù tay chân, thân mình, nhưng trong người còn mệt uể oải. Cho uống thêm 6 thang *Ngũ linh* gia, Sa nhân, Hoài sơn, Thảo khấu. Bệnh nhân thấy khoẻ nhiều, tiêu tiểu bình thường bệnh đã ổn định.

Biện luận: Như trên đã nói chứng phù thũng có liên quan đến 3 tạng: phế, tỳ, thận. Phế thuộc thượng tiêu, tỳ thuộc trung tiêu, thận thuộc hạ tiêu.

Bệnh này lúc mới phát có nóng lạnh rồi sưng mí mắt, mặt trước, chứng tỏ thấp tà đã phạm vào phế kinh thượng tiêu trước rồi sau mới truyền kinh dần từ trên xuống dưới.

Căn cứ theo phép chữa của Y tông kim giám thì khi tà mới truyền vào thượng tiêu tức là mí mắt, mặt sưng trước thì nên giải thấp tà bằng giải biểu để

hoá giải dùng bài *Nhân sâm bại độc gia* Ma hoàng để phát hãn cho ra mồ hôi thì bệnh sẽ ổn định ngay nhưng vì thất trị tà đã truyền sâu xuống trung tiêu và hạ tiêu thì phải dùng phép hành khí lợi thuỷ để hoá giải thấp tà bằng con đường của nhị tiện là lợi tiểu, thông đại tiện để công hạ.

24. BỆNH ÁN PHÙ THŨNG

Bệnh nhân: Dương Thị Ngọc A 33 tuổi giáo viên trường Trung học sư phạm TG.

Vọng: Thần sắc bình thường, da mặt tái mét, phù toàn thân:

Văn: Tiếng nói bình thường.

Vấn: Bệnh nhân khai bệnh khởi phát cách nay 3 tháng đầu tiên sáng ngủ dậy thấy nặng mặt, mí mắt hẹp, các ngày kế tiếp sưng húp cả mặt và lan xuống toàn thân từ mặt đến chân, tiểu ít không gắt, tiêu bón, thường đau lưng, ăn uống ít đã chữa Tây y nhưng không giảm đến xin điều trị Đông y.

Thiết mạch: Trầm tế tiểu.

Quy nạp bát cương: Lý hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ vào lời khai bệnh của bệnh nhân thì bệnh này lúc đầu cảm nhiễm phong thấp tà vào thượng tiêu trước cho nên sưng mí mắt, nặng mặt rồi sưng mặt, thất trị phong thấp tà truyền dần xuống trung tiêu và hạ tiêu cho nên toàn thần đều phù.

Xử phương: Bệnh đã truyền biến xuống trung tiêu và hạ tiêu, mạch trầm tế tiểu, phải vận dụng phép kiện tỳ táo thấp hành khí lợi thuỷ, xử phương dùng thang *Hoắc hương chính khí gia* Nhân trần, Chi tử để lợi thấp, tiểu tiện ít, Mớp gai bình can lợi tiểu, Hắc sửu vào 3 kinh phế, thận và đại trường, tả thấp nhiệt ở khí phận, trục đàm tiêu ẩm, thông lợi nhị tiện. Trạch tả đi vào thận và bàng quang trị viêm thận thuỷ thũng. Ý dĩ có tác dụng thẩm thấp kiện tỳ bổ phế cho uống 8 thang thì phù toàn thân bớt nhiều, còn ăn ngủ khó, tiêu bón ớn lạnh, đổi dùng thang *Thanh tỳ gia* Mớp gai, Nhân trần, Hắc sửu, Chi tử, Rễ (nhỏ) gừa (tua cây đa) cho uống 9 thang thì ớn lạnh hết, miệng nhạt hết, tiểu được nhiều, đổi dùng lại thang *Hoắc hương chính khí* gia Mớp gai, Nhân trần, Chi tử, Ngưu tất, Đỗ trọng, Xa tiền. Cho uống 5 thang thì hết phù, hết đau lưng.

Tái khám mạch trầm tế sác, còn nóng trong người, ăn ngủ kém, ngứa tay chân, xử phương dùng thang *Lục vị địa hoàng* để bổ thận âm gia Nhân trần, Mớp gai, Nhỏ gừa, Sài hồ, Sa nhân, Ý dĩ, Chi tử sao để vừa bổ thận âm, vừa bình can, vừa kích thích tiêu thực, cho uống gián phục cứ uống 3 thang *Bổ thận* lại cho uống thang *Hoắc hương chính khí gia vị* để kiện tỳ lợi thuỷ,cho uống hai tuần thì các triệu chứng nói trên hết hẳn.

Tái khám thấy mạch đi huyền tế, bệnh nhân khai thỉnh thoảng bị nhức đầu, ngứa ở mặt và hai chân, tiểu tiện thông nhưng vàng và nóng. Xử phương dùng *Long đởm tả can thang* cho uống thêm 8 thang thì tất cả các triệu chứng trước và sau đều hết hẳn, cho xuất viện.

Biện luận: Chứng thận hư nhiễm mỡ theo lý luận chẩn đoán của Tây y cũng có phù mặt, tay chân và toàn thân, Đông y gọi là phù thũng, chứng này theo lý luận của Đông y thì không riêng thận bị bệnh mà liên quan đến 3 tạng: Phế, tỳ, thận. Phương pháp chữa bệnh thận hư nhiễm mỡ này tuy phần chính yếu là kiện tỳ táo thấp, lợi thuỷ hành khí, nhưng có những diễn biến phức tạp là vừa trị tỳ, trị thận và trị gan, bệnh nhân mới hoàn toàn hết hẳn. Cần suy nghiệm, nghiên cứu kỹ càng thì trị bệnh mới đạt kết quả tốt.

25. BỆNH ÁN THỔ HUYẾT

Bệnh nhân: Vũ Năng B. 49 tuổi, Xí nghiệp xe đạp Cửu Long.

Vọng: Sắc mặt xanh mét.

Văn: Tiếng nói hơi rè.

Vấn: Bệnh nhân khai cách nay 3 tháng, cứ cách nửa tháng lại thấy lợm giọng là thổ (nôn), mỗi lần thổ khoảng 200 - 250ml máu tươi. Đi khám và điều trị bằng Tây y ở các bệnh viện thành phố Hồ Chí Minh làm các xét nghiệm nhưng không tìm ra nguyên nhân bệnh. Đến xin khám và điều trị bằng Đông y.

Thiết mạch: Lục bộ trầm tế vô lực. Riêng hữu quan mạch vi.

Quy nạp bát cương: Lý hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Sáu mạch trầm tế vô lực mà bộ hữu quan mạch vi, xét chứng và mạch để chẩn đoán thì đây là trung tiêu tỳ vị khí hư. Công năng của tỳ là thống nhiếp huyết để nuôi tâm. Nay trung tiêu tỳ vị khí hư không thống nhiếp huyết được nên phát sinh ra chứng thổ huyết.

Xử phương: Dùng thang *Bổ trung ích khí* gia Hắc trắc bá diệp, Hạn liên sao đen, Kinh giới sao đen, Tang bạch bì sao mật mỗi vị 12g, A giao sao phồng 12g, Cát cánh 6g, Qua lâu nhân 8g, cho uống liên tục trong 2 tuần thì chứng tỳ hư thổ huyết này hết hẳn.

Nói chung là do tỳ khí hư nhược, mà tỳ khí hư thì phế khí cũng hư theo cho nên dùng Hoàng kỳ bổ phế khí để củng cố vệ biểu Sâm, Thảo bổ tỳ khí hoà trung tiêu, thanh hư nhiệt, Bạch truật kiện tỳ, Đương quy thân bổ huyết, Trần bì lý khí, Thăng ma, Sài hồ thăng thanh dương khí.

Biện luận:

Cũng thời trung khí hư hoặc trung tiêu tỳ vị khí hư có thể phát sinh ra các chứng hạ hãm, mà cũng phát sinh ra chứng thổ huyết, nục huyết, tiện huyết. Vì tỳ vị khí hư không thống nhiếp được huyết, khiến cho huyết vọng hành. Phương châm điều trị là phải ôn bổ tỳ vị, bổ trung ích khí là điều cốt yếu giúp cho trung tiêu tỳ vị, giữ vững công năng thống nhiếp huyết đồng thời làm tròn chức năng vận hoá để thăng bằng cơ thể khỏi bị hạ hãm.

26. BỆNH ÁN NHỨC ĐẦU KINH NIÊN (mạn tính)

Bệnh nhân: Dương Thị B 30 tuổi giáo viên trường Lê Ngọc Hân, Thành phố MT.

Vọng: Sắc mặt tiều tuỵ.

Văn: Hay thở ra

Vấn: Bệnh nhân khai bị chứng nhức đầu kinh niên đã 3 năm nay, uống đủ thứ thuốc nhưng chỉ hết tạm thời rồi lại tái phát, nhức triền miền. Khi giảng bài nhiều thì đầu nhức lâng lâng khó chịu. Sau khi ăn cơm thấy nhức đầu lâm râm nhiều hơn, khi nào nằm nghỉ thấy đỡ.

Thiết mạch: Hữu quan trầm huyền đại vô lực.

Tả quan huyền sác hữu lực.

Quy nạp bát cương: Lý hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Bệnh này do trung khí tỳ vị hư cho nên mạch hữu quan huyền đại vô lực, bị can mộc khắc tỳ thổ, cho nên thấy mạch tả quan huyền sác hữu lực, ăn vào thấy đầu nhức nhiều hơn, khi nằm nghỉ thấy đỡ nhức.

Xác định chứng nhức đầu này không phải do phong hàn tà khí gây nên mà do tỳ vị suy nhược, khí uất tam tiêu cho nên khí thanh dương không thông đạt lên dương kinh, khí trọc không hạ giáng xuống được. Như vậy phải dùng phép hoà giải phân thanh, kiện tỳ táo thấp, điều hoà chính khí.

Xử phương: Dùng *Hoắc hương chính khí thang gia vị* để vừa điều hoà chính khí vừa khu phong, hoà can lý tỳ.

Bài thuốc:

Hoắc hương	8g	Đại phúc bì	8g
Tô tử	8g	Bạch chỉ	8g
Phục linh	8g	Bạch truật	8g
Trần bì	4g	Cát cánh	6g
Hậu phác	6g	Cam thảo	2g
Bán hạ	6g	Đại táo	2 trái
Gừng sống	3 lát		

Gia Mạn kinh tử 8g để phối hợp với Bạch chỉ trị nhức đầu, Phòng phong 6g, Xuyên khung 6g để khu trừ phong tà úng tắc.

Tác dụng của bài thuốc này chủ trị ngoại cảm phong hàn, nội thương lãnh thấp tà khí, nóng lạnh nhức đầu, trong lòng đầy tức phiền muộn, bụng đau đầy hơi, lợm giọng và nôn, sôi bụng tiết tả, miệng nhạt, rêu lưỡi trắng hoặc sơn lam chướng khí không hợp thuỷ thổ.

Biện luận: Mạch hữu quan huyền đại vô lực, tả quan huyền hữu cho ta thấy mạch huyền là chủ mạch của can, can dương thịnh khắc tỳ thổ, thổ hư nên sự vận hoá bị sút kém, ăn vào thường thấy đầu nhức lâm râm nhiều hơn, biểu hiện tỳ vị khí hư mất đi chức năng thu nạp và vận hành đồ ăn, tam tiêu bị uất, thanh khí không thăng, trọc khí không giáng phát sinh úng trệ trọc khí thành nhức đầu cho nên dùng thang Hoắc hương chính khí gia thêm Phòng phong, Xuyên khung, Mạn kinh tử để phối hợp với Bạch chỉ trong đơn để khu tà khai úng trệ kinh lạc.

27. BỆNH ÁN VIÊM MŨI

Bệnh nhân: Lương Văn B. 35 tuổi phường 4 thành phố MT.

Vọng: Sắc mặt bình thường.

Văn: Hơi thở nghẹt, hay khịt mũi.

Vấn: Bệnh nhân khai mắc bệnh viêm mũi đã nhiều năm, đã chữa bằng thuốc Tây vừa uống, vừa nhỏ mãi mà không hết, nhất là khi thay đổi thời tiết bệnh lại nặng hơn, mũi nghẹt cứng, đầu nhức.

Thiết mạch: Hữu quan trầm hoạt.

Tả trầm huyền vô lực.

Quy nạp bát cương: Lý vừa thực vừa hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Bệnh này là do tỳ vị nhiễm khí hàn thấp không giải được, thấp khí thượng nghịch xung lên phế làm cho khí quản bị tắc lấp kinh mạch, thuỷ khí ứ đọng phát sinh nghẹt mũi. Từ đó vì khí uất sinh viêm.

Nguyên do của bệnh này là do tỳ thổ hư, tỳ thổ là mẹ của phế kim, tỳ thổ bị bệnh không vận hành được khí thấp làm hại đến con là phế kim. Phế kim chủ khí nhưng do không được tỳ thổ nuôi dưỡng nên phế kim bị hư, bị can mộc phản khắc, không hoàn thành được chức năng hành khí, bị thấp khí từ thổ thượng nghịch làm tắc lấp khí vận hành nên mũi thường bị khí thấp làm nghẹt từ đó sinh viêm vì phế kim xuất khiếu ở mũi.

Xử phương: Dùng thang *Bổ trung ích khí* gia:

Ké đầu ngựa	12g	Cúc tần	8g
Bạch chỉ	8g	Cát cánh	8g
Xương bồ	8g		

Để tuyên thông phế khiếu, vì phế khai khiếu ở mũi.

Cho bệnh nhân uống liên tục 2 tuần bệnh ổn định.

Biện luận: Tỳ vị nhiễm hàn, thấp khí thượng nghịch xung phế làm tắc lấp kinh mạch, thuỷ khí ứ đọng phát sinh nghẹt mũi, đó là do bộ vị tuần hành của tạng phủ có liên quan đến chỗ xuất khiếu lên mũi làm úng tắc lâu ngày hoá thành viêm.

Lưu ý: Chứng viêm mũi, viêm họng cũng do các triệu chứng này mà phát sinh, cho nên phương pháp trị viêm họng mạn tính cũng dùng phương pháp này gia thêm Huyền sâm, Sinh địa.

28. BỆNH ÁN LAO NHIỆT NỘI THƯƠNG

Bệnh nhân: Nguyễn V. V. cán bộ LHCĐ tỉnh TG

Vọng: Da mặt xanh mét, thần sắc kém tươi.

Văn: Tiếng nói khàn đục.

Vấn: Bệnh nhân khai bị bệnh cả năm nay đã chữa nhiều bằng thuốc Tây, Bệnh viện Thống nhất chẩn đoán là viêm màng phổi, trong người thường cảm giác nóng bứt rứt, tay chân mỏi rũ đi đứng hay mệt, thỉnh thoảng có húng hắng ho, có đàm vướng cổ phải khạc luôn,hai lòng bàn tay chân và ngực thường nóng.

Thiết mạch: Trầm tế sác.

Quy nạp bát cương: Lý hư nhiệt.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ lời khai bệnh nhân và chẩn đoán của Tây y thì đây là chứng lao nhiệt do khí huyết đều hư, thường húng hắng ho không nhiều vì có đàm vướng cổ thường phải khạc mới thấy dễ chịu, đó là vì phế chủ khí, phế khí hư không vận hành được âm dịch hoá thành đàm vướng cổ, tâm huyết hư không tưới nhuần tứ chi và vùng ức tâm cho nên thường thấy nóng âm ỉ, ngũ tâm phiền nhiệt (lòng bàn tay, lòng bàn chân và giữa ngực) ăn uống ngày một kém đi.

Xử phương: Dùng *Hoàng kỳ miết giáp thang* để bổ âm huyết, ích khí bổ tỳ phế, thanh lao nhiệt.

Hoàng kỳ miết giáp thang:

Hoàng kỳ chích, Miết giáp sao giấm, Thiên môn mỗi vị 12g

Địa cốt bì, Tần giao, Phục linh, Sài hồ mỗi vị 8g

Tử uyển, Bán hạ, Tri mẫu, Sinh địa hoàng, Bạch thược, Tang bạch bì, Cam thảo chích mỗi vị 10g.

Đảng sâm, Cát cánh mỗi vị 6g, Nhục quế 4g

Công năng của các vị thuốc trong bài:

Miết giáp, Thiên môn, Bạch thược, Sinh địa, Tri mẫu tư âm bổ thận, tả can phế hoả uất, Hoàng kỳ, Đảng sâm, Nhục quế, Phục linh, Cam thảo chích ích khí cố nguyên, bổ tỳ phế hư. Tang bạch bì, Cát cánh tả phế hoả; Bán hạ, Tử uyển trừ đàm chỉ thấu; Tần giao, Địa cốt bì thanh hư nhiệt, trừ cốt chưng; Sài hồ giải cơ nhiệt, thăng thanh dương.

29. BỆNH ÁN NỘI THƯƠNG (lao nhiệt vì can dương thịnh)

Bệnh nhân: Dương Thái H. 61 - Viện kiểm sát nhân dân TG.

Vọng: Hình sắc tiều tuỵ, mặt hồng.

Văn: Hơi thở và tiếng nói mệt nhọc.

Vấn: Bệnh nhân khai cách nay 3 tháng thường thấy suốt đêm mình hâm hấp sốt, ăn ngủ không được, tay chân mình mẩy đau nhừ, thỉnh thoảng ăn vào lợm giọng muốn nôn, đã nằm điều trị tại Bệnh viện Thống Nhất mà không thuyên giảm, chuyển về Bệnh viện Đa khoa TG điều trị một thời gian nữa bệnh cũng không thuyên giảm mà ngày càng suy nhược, miệng đắng, lợm giọng muốn nôn thường xuyên, chân tay tê rần, lại thêm chứng cũ là lỗ rò mạch lươn tái phát, thường rỉ nước vàng. Bệnh viện đa khoa chuyển qua BV - YHDT xin điều trị tiếp với tổng kết bệnh án là thương hàn.

Thiết mạch: Trung huyền sác hữu lực.

Quy nạp bát cương: Bán biểu bán lý.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Người thường hâm hấp sốt, suốt ngày đêm ăn ngủ không được, cơ thể ngày càng suy nhược, tay chân tê rần, mạch trung huyền sác hữu lực chứng tỏ thuộc thiếu dương kinh cho nên miệng đắng, thỉnh thoảng ăn vào lợm giọng muốn nôn, vì can khí uất nhiệt mà can với đởm là biểu lý cho nên bệnh ở thiếu dương kinh có liên quan đến túc quyết âm can, khí nghịch ở can đưa lên thường lợm giọng, đồng thời lỗ rò mạch lươn tái phát là vì can dương thịnh, nhiệt cực sinh phong, phong nhiệt làm cho vết thương cũ lỗ rò mạch lươn tái phát.

Xử phương: Dùng thang *Thanh tỳ ẩm* để bình can, phá trệ chỉ ẩu, gia: Hà thủ ô bổ thận, Thần thông trừ dương ngược, vì bệnh nhân thấy hâm hấp sốt nhiều hơn là ớn lạnh cho uống 5 thang thì hâm hấp sốt, miệng đắng, lợm giọng đều bớt, ăn được, ngủ được không còn lợm giọng muốn ói sau khi ăn. Nhưng hâm hấp sốt, nhức trong xương, tê rần ngón tay chân chưa dứt hẳn. Đổi dùng bài *Đơn chi tiêu dao tán* gia Bạch chỉ, Cát cánh để cùng trị lỗ rò mạch lươn cho uống 25 thang. Kết quả nóng hâm hấp, đau nhức trong xương, tê rần ngón tay chân dứt hẳn, cho xuất viện.

Công năng của bài *Thanh tỳ ẩm* là hoà giải thiếu dương kinh phù chính khu tà.

Thanh bì	6g	Hậu phác	6g
Sài hồ	8g	Bán hạ chế	6g
Cam thảo	4g	Phục linh	8g
Bạch truật	8g	Thảo quả	3 trái, bỏ vỏ
Gừng sống	5 lát		

Gia:

Hà thủ ô	8g	Thần thông	8g

Công năng của bài *Tiêu dao tán* là tán uất điều kinh.

Sài hồ	8g	Bạc hà	4g
Đương qui	8g	Bạch thược	8g
Phục linh	8g	Bạch truật	8g
Cam thảo	4g	Chi tử	8g
Đơn bì	8g		

Tác dụng Đương qui, Bạch thược dưỡng huyết; Sài hồ, sơ can tán uất; Bạch truật, Cam thảo, Phục linh kiện tỳ thẩm thấp; Sinh khương hoãn vị; Bạc hà tiêu phong nhiệt; Chi tử, Đơn bì hoà huyết thanh nhiệt.

30. BỆNH ÁN VIÊM TẮC ĐỘNG MẠCH CHI (Thoát thư)

Bệnh nhân: Nguyễn Thị D. 52 tuổi ở phường 7, TP M. T.

Vọng: Hình thể suy nhược.

Văn: Hơi thở mệt nhọc, hay thở ra.

Vấn: Bệnh nhân khai 3 tháng nay hai bàn tay đau nhức, 10 ngón tay đau âm ỉ ngày đêm, về đêm đau nhức nhiều hơn, ngón tay bị gân co rút lại đau đớn, đờ cứng, co duỗi khó khăn, chi dưới từ mông đến bàn chân cũng đau như dần, mấy ngón chân cũng đau nhức như mấy ngón tay.

Thiết mạch: Hữu thốn quan trầm nhược.

Tả quan trầm huyền vô lực.

Quy nạp bát cương: Lý hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý:

Căn cứ theo mạch và lời khai của bệnh nhân thì chứng đau rút ngón tay và ngón chân là do dương khí hư, âm huyết kém, cơ nhục cũng như kinh mạch, lạc mạch bị phong tà xâm nhập làm ngăn trở sự vận hành của khí huyết. Khí không hành thì huyết cũng không lưu thông được, huyết ứ kinh mạch, lạc mạch sinh ra đau nhức và co duỗi khó khăn.

Xử phương: Trước nhất dùng phương pháp khu phong điều khí hoạt huyết, dùng thang *Nhân sâm bại độc* gia Quế chi, Ngũ gia bì, Phòng phong, Bạch chỉ, để khử thấp tà úng tắc kinh lạc, giáng khí hành đàm, phù chính khu tà.

Sau khi cho bệnh nhân uống 6 thang gia vị nhân sâm bại độc, để khử thấp, hành đàm, giáng khí, phù chính khu tà bệnh nhân thấy bớt đau nhức tay chân.

Tái khám mạch đi trầm tế, tay chân bớt co rút, đờ cứng, xử phương dùng thang *Độc hoạt ký sinh* gia Tục đoạn, Nhũ hương, Một dược cho uống 10 thang, bệnh nhân cảm thấy tay chân trở lại bình thường, hoàn toàn hết hẳn co rút đờ cứng nhưng còn mỏi. Tiếp theo đó cho uống bài *Nhân sâm dưỡng vinh* để ôn bổ khí huyết và cho xuất viện.

Bài nhân sâm dưỡng vinh: Chủ trị bổ khí dưỡng huyết

Đảng sâm	12g	Bạch truật	8g
Phục linh	8g	Cam thảo chích	4g
Đương quy	8g	Thục địa	12g
Bạch thược	4g	Hoàng kỳ chích	12g
Nhục quế	4g	Ngũ vị tử	4g
Viễn chí chế	6g	Trần bì	4g
Đại táo	2 trái	Gừng sống	3 lát

31. BỆNH ÁN VIÊM TẮC ĐỘNG MẠCH TAY VÀ CHÂN

Bệnh nhân: Nguyễn T.T. 23 tuổi. CNV Bệnh viện CL.

Vọng: Hai bàn tay và hai bàn chân lạnh ngắt trắng bệch.

Văn: Tiếng nói và hơi thở bình thường.

Vấn: Bệnh nhân khai mắc bệnh cách nay 3 tháng với triệu chứng ban đầu là ngủ dậy thấy các khớp sưng, đau nhức nhiều và tê đi lại khó khăn, đêm thường hay nhức các khớp, ăn ngủ kém, da hai bàn tay và hai bàn chân trắng toát lạnh ngắt như ngâm vào nước đá đồng thời đau nhức; 10 ngón tay, 10 ngón chân ngứa, sưng, nhức, tím, nhức khớp vai và khớp ngón nhiều, tiêu tiểu bình thường.

Thiết mạch: Trầm tế vô lực.

Quy nạp bát cương: Lý hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ theo lời khai của bệnh nhân và hiện trạng lâm sàng thì vì cơ thể bệnh nhân suy yếu, cảm nhiễm phong thấp, tà truyền vào dinh phận làm úng tắc kinh mạch và lạc mạch, khí huyết không vận hành được làm cho dinh vệ bất hoà, khí huyết bất điều, huyết không nuôi gân được (huyết bất dinh cân), thiết mạch thấy trầm tế vô lực, chứng tỏ bệnh này do nội thương chính khí hư, tỳ là chủ cơ nhục, chủ tứ chi mà hai bàn tay và hai bàn chân ngón tay, chân đều trắng toát lạnh ngắt tê nhức chứng tỏ công năng vận hoá của tỳ đã bị phong hàn thấp tà úng tắc kinh mạch làm cản trở sự lưu thông huyết mạch, không đủ huyết nuôi chi nên mới phát sinh chứng viêm tắc động mạch chi.

Xử phương: Căn cứ thiết chẩn và vấn chẩn, bệnh này là do nội thương cơ thể suy yếu, cảm nhiễm phong hàn thấp tà làm úng tắc kinh lạc. Trước dùng thang *Nhân sâm bại độc gia* Phòng phong, Bạch chỉ để khu phong trừ thấp trong kinh lạc lại vừa bổ khí, kế đó cho uống xen thang *Hoắc hương chính khí* gia Hương phụ, Xương bồ để điều hoà chính khí. Xem mạch thấy mạch trầm tế vô lực là chủ yếu chính khí hư cho uống gián phục như thế trọng 2 tuần, bệnh nhân thấy các khớp bớt đau, tay chân bớt lạnh. Đổi dùng *Bổ trung ích khí thang* gia Thiên niên kiện, Mộc qua, Độc hoạt, Tần giao, Quế chi cho uống 1 thang thì hai bàn tay hai bàn chân có máu lưu thông được bớt lạnh, đỏ da thấm thịt gần bình thường trở lại, hết nhức khớp ngón tay và khớp ngón chân chỉ còn mỏi.

Tái khám thấy mạch trầm tế, đổi dùng thang *Độc hoạt ký sinh* gia Tục đoạn cho uống 6 thang bệnh ổn định.

32. BỆNH ÁN SUY NHƯỢC CƠ THỂ (Do can dương thịnh khắc tỳ thổ)

Bệnh nhân: Nguyễn T.K.D 40 tuổi cán bộ Xí nghiệp Liên Hiệp Dừa TG.

Vọng: Thần sắc mặt vàng, người mệt mỏi.

Văn: Thanh âm nhỏ, nói nhiều.

Vấn: Bệnh nhân khai, trước đau đầu bên trái, hai tháng sau lan xuống hai bên vai, xuống lưng, nhức mỏi toàn thân, miệng đắng, hay ớn lạnh, ăn vào ói ra, ngủ hay mơ, hay hoảng hốt, sợ tiếng động, tức ngực, hay mệt, hay ngất xỉu. Đã

điều trị Tây y 1 tháng nhưng bệnh không giảm, sức khoẻ ngày một suy sụp dần, trí nhớ ngày một kém suy.

Thiết mạch: Trầm huyền vô lực.

Quy nạp bát cương: Lý hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ lời khai của bệnh nhân là bệnh khởi phát đau đầu bên trái, sau lan xuống vai lưng, nhức mỏi toàn thân, miệng đắng hay ớn lạnh, ăn vào thường ói ra, ngủ hay nằm mơ, hay hốt hoảng sợ tiếng động, hay mệt, ngất xỉu, mạch trầm huyền vô lực. Xét các triệu chứng trên thì bệnh này tuy đã lâu nhưng vì thất trị đã truyền vào túc thiếu dương và túc quyết âm can kinh, và tiềm phục ở đó cho nên có triệu chứng thường ớn lạnh, miệng đắng hay nôn oẹ, ăn vào hay bị ói, vì can khí thượng nghịch, làm tức lồng ngực, ngủ hay nằm mơ, hay hoảng hốt sợ hãi, vì túc thiếu dương đởm là trung thanh chi phủ, nay ngoại tà tiềm phục nơi thiếu dương kinh thì túc quyết âm can cũng bị vạ lây (mẫu bệnh cập tử, tử bệnh phạm mẫu) trí nhớ ngày một kém suy, hay quên.

Xử phương: Dùng thang *Thanh tỳ* gia Hà thủ ô, Thần thông mỗi vị 8g để hoá giải tà tiềm phục nơi thiếu dương và quyết âm, đồng thời bình được can mộc thì tà tự giải.

Thanh tỳ thang:

Thanh bì	6g	Hậu phác	6g
Sài hồ	8g	Hoàng cầm	6g
Bán hạ chế	6g	Cam thảo bắc	2g
Phục linh	8g	Bạch truật	8g
Thảo quả	3 trái	Thần thông	8g
Hà thủ ô	10g	Gừng lùi	5 lát

Cho uống 12 thang hết ớn lạnh, miệng hết đắng, hết nôn oẹ, ăn chưa được nhiều nhưng ăn vào hết ói. Triệu chứng còn hay mệt, ngủ hay nằm mơ, sợ tiếng động, dùng thang *Quy tỳ* gia Tơ hồng vàng, Câu đằng, Xương bồ, Trinh nữ.

Tác dụng bài Thanh tỳ: chủ trị ăn uống không điều độ, nhiều đồ sống lạnh, ngoại cảm thử khí, hoặc sơn lam chướng khí khiến cho tỳ hư hung cách bĩ muộn, đầu mắt mờ đau, thân thể mỏi mệt rã rời, ố hàn, phát nhiệt, miệng đắng, cổ khô, tiểu tiện vàng đỏ hoặc hàn nhiệt vãng lai, lưỡi đóng rêu trắng, mạch trung huyền sác.

Biện luận: Bệnh này khi mới vào xin điều trị thì bệnh nhân khai rất phức tạp do cơn bệnh hành hạ nên tâm thần không ổn định, nhưng xét theo chủ chứng chủ mạch là bệnh ở túc thiếu dương và túc quyết âm can. Sở dĩ dùng bài Thanh tỳ gia vị là để thanh lọc tà khí của tỳ, ức chế can kinh, can bị tỳ ức chế thì có liên quan đến túc thiếu dương đởm là trung thanh chi phủ cho nên trước dùng thang Thanh tỳ để bình can, hoà can bệnh được ổn định. Can bị bệnh thì có liên quan đến Tâm cho nên biểu hiện triệu chứng hay mệt, hay ngất xỉu, hay nằm mơ, hay hoảng hốt, sợ tiếng động nên dùng thang Quy tỳ gia vị để bổ tâm tỳ hết nằm mơ hoảng hốt.

33. BỆNH ÁN VIÊM MŨI DỊ ỨNG

Bệnh nhân: Phan Thị Phùng T. 28 tuổi CNV Sở Công nghiệp TG.

Vọng: Thần sắc bình thường, mũi thường chảy nước trong.

Văn: Tiếng nói đục.

Vấn: Bệnh nhân khai trước kia thường xuyên bị sổ mũi, chảy nước mũi mỗi buổi sáng sớm, sau chảy nước mũi thường xuyên, đi chữa Tây y cho thuốc uống và thuốc nhỏ mũi có bớt nhưng không hết hẳn. Cách nay 2 tháng, bệnh tái phát nặng hơn sáng ngủ dậy chảy nước mũi liên tục. Nước mũi trong chảy xuống phải có khăn mùi xoa lau, trong một buổi ướt cả cái khăn, thêm chứng sôi bụng hằng ngày.

Thiết mạch: Trầm tế vô lực

Quy nạp bát cương: Lý hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ lời khai của bệnh nhân và mạch thì bệnh này phát sinh là do phế khí hư. Phế chủ khí, mà phế khí hư thì công năng chủ khí của phế bị chướng ngại, biểu hiện chủ yếu là bệnh ở bộ phận hô hấp xuất hiện ho suyễn, sổ mũi, chảy mũi. Phế chủ sự lắng dịu, giờ đây phế mất đi sự lắng dịu làm ảnh hưởng đến sự chuyển hoá của thuỷ dịch, sự quan hệ giữa tỳ với phế trong công năng vận hoá theo quy luận tương sinh thì phế hư phải chữa ở tỳ vì tỳ thổ sinh phế kim con hư bổ mẹ thì mới đạt hiệu quả tốt.

Xử phương: Dùng thang *Bổ trung ích khí* gia Cát cánh, Tiền hồ, Bạch chỉ, Ké đầu ngựa, Cúc tần cho uống luôn 20 thang thì hết hắt hơi, sổ mũi nước trong kinh niên được ổn định.

Biện luận: Bệnh viêm mũi dị ứng này đã nhiều ngày đã từng trị bằng Tây y không khỏi. Xem mạch thấy trầm tế vô lực là trung khí hư. Trung khí thuộc trung tiêu tỳ vị hư.

Như vậy bệnh viêm mũi dị ứng thì mũi khai khiếu của phế. Vì phế khí hư không làm chủ được khí nên mới phát sinh chứng sổ mũi, hắt hơi chảy nước mũi vào buổi sáng nhiều hơn. Xét mạch và chứng thì có liên quan đến tỳ cho nên dùng thang Bổ trung ích khí gia vị trị bệnh được lành là xử phương đúng theo nguyên tắc tương sinh của học thuyết ngũ hành.

34. BỆNH ÁN PHONG THẤP (nhức mỏi tê rần vai và cánh tay)

Bệnh nhân: Nguyễn Thị M. 46 tuổi xã TP.

Vọng: Sắc mặt xanh mét người uể oải.

Văn: Tiếng nói và hơi thở nhỏ yếu.

Vấn: Bệnh nhân khai bệnh khởi phát cách nay nửa năm bệnh nhân thấy nhức mỏi vai trái, kèm theo có cảm giác tê rần mặt ngoài cánh tay, chủ yếu là mỏi khi cánh tay trái không cử động, lúc có cử động thì hết mỏi, đồng thời từ thắt lưng xuống đến chân cũng tê mỏi.

Thiết mạch: Trầm hoạt hữu lực.

Quy nạp bát cương: Lý tích.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ mạch trầm hoạt hữu lực và các chứng trạng bệnh nhân nhức mỏi tê rần mặt ngoài cánh tay, chủ yếu là mỗi khi cánh tay trái không cử động, lúc cử động thì hết mỏi, đồng thời từ thắt lưng xuống đến chân cũng tê rần và nhức mỏi là triệu chứng tích do khí huyết bị phong tà truyền vào lý tiềm phục úng tắc sự vận hành khí huyết của kinh mạch và lạc mạch gây cảm giác tê rần nhức mỏi vai trái, bên trái thuộc thủ thiếu âm tâm, thủ thái dương tiểu trường cùng can đởm thận chủ huyết. Đường kinh mạch và lạc mạch của thủ thái dương tiểu trường và thủ thiếu âm tâm đi qua theo cánh tay trái bên bả vai để liên lạc với các kinh mạch khác. Do phong tà tiềm phục úng tắc khí huyết không vận hành được cho nên phát sinh chứng tê rần nhức mỏi vai và cánh tay trái. Khi có cử động tay trái thì thấy bớt mỏi nhờ sự vận động giúp cho máu trong cân mạch vận hành được.

Xử phương: Trước tiên cho uống thang *Nhân sâm bại độc gia vị* gia Lá lốt, Phòng phong, Bạch chỉ, Mộc qua, Phòng kỷ để khai thông kinh mạch, khu tà úng tắc, cho uống 20 thang. Bệnh nhân thấy dễ chịu, bớt tê rần và đau nhức vai. Bệnh nhân đau lâu ngày khí huyết kém suy, đổi dùng thang *Độc hoạt ký sinh* để vừa thông kinh hoạt huyết vừa bổ khí bổ huyết cho uống thêm 20 thang nữa, bệnh nhân lành hẳn.

35. BỆNH ÁN ĐAU SƯỜN VÚ (Hung hiếp thống)

Bệnh nhân: Nguyễn Thị T. 26 tuổi CNV phường 8

Vọng: Da xanh mét, người uể oải.

Văn: Tiếng nói và hơi thở yếu.

Vấn: Bệnh nhân khai thường đau khắp phần ức bên phải, sườn vú phải và vùng xung quanh. Đau ngày càng tăng lên mỗi khi hít vào và cử động mạnh cánh tay phải. Sau đó sưng ở chỗ đau bệnh nhân đến điều trị tại khoa ung bướu Bệnh viện Bình Dân. Sau khi điều trị hết sưng nhưng bệnh nhân vẫn còn đau nên vào Bệnh viện Trần Hưng Đạo khám và điều trị với chẩn đoán là phong thấp. Cho đến nay bệnh nhân vẫn còn đau sườn vú bên phải, đau nhiều khi hít vào, nhức đầu liên tục vùng đỉnh, thỉnh thoảng mệt, thở vào cảm giác thiếu hơi, cơn đau lấn sang sườn trái, có huyết trắng (khí hư) nhiều hơn.

Thiết mạch: Trầm hoãn

Quy nạp bát cương: Lý hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ vào lời khai của bệnh nhân đây là bệnh chứng thuộc về kinh túc thiếu dương và túc quyết âm can, vì kinh mạch của túc thiếu dương và túc quyết âm can đi ngang qua ức sườn vú, cho nên bệnh nhân đau nhức nhiều khi hít vào do khí đầy làm căng cân mạch thiếu dương và quyết âm. Nhức đầu liên tục trên vùng đỉnh đầu, vì vùng đỉnh đầu thuộc túc quyết âm can kinh. Có huyết trắng (khí hư) nhiều mà hôi vì thấp khí đình trệ, thanh khí không thăng, trọc khí không giáng, nên sinh bạch đới. Xét thấy mạch hoãn thuộc thấp. Sáu bộ đều hoãn và xuất hiện các triệu chứng trên là do can tỳ mà ra. Mạch

hoãn thấy ở bộ tả quan là can hư không bình được thổ, thấp thổ ức chế can mộc, phong không thắng thấp được cho nên phát sinh ra chứng đau ức và sườn vú; đồng thời phát sinh bạch đới hạ dầm dề mà thôi.

Xử phương: Trước hết hoà giải can tỳ dùng thang *Hoắc hương chính khí* gia Xương bồ, Thanh bì, Mẫu lệ nướng, Mực nang nướng, Mạn kinh tử để trừ thấp phân thanh cho uống 9 thang, đau nhức bên ngực vú bớt lạnh, nhức hai chân hết, chóng mặt và huyết trắng hết, nhức đầu vùng đỉnh hết, còn lại hít vào đau. Xem lại mạch thấy tả quan đi huyền, hữu quan trì hoãn. Bệnh lâu ngày trung khí hư, tuy các chứng trạng trên bớt và hết còn chứng khi thở hít thỉnh thoảng như thiếu hơi, đổi dùng bài *Bổ trung ích khí thang* gia Xương bồ, Phòng phong, Khương hoạt, Xuyên khung, Bạch chỉ để phòng phong thấp tái phát. Bệnh nhân khỏi hẳn.

36. BỆNH ÁN ĐÁI RA MÁU (Huyết lâm)

Bệnh nhân: Trần Thị Y 26 tuổi CNV phòng quản lý nhà đất thành phố MT.

Vọng: Thần sắc ủ rũ.

Văn: Tiếng rên rỉ thường xuyên.

Vấn: Theo tổng kết bệnh án của BV Đa khoa TP MT thì bệnh nhân bị đái ra máu, bụng dưới đau dữ dội, tiểu tiện nhiều lần nhưng đi tiểu không thông, lượng nước tiểu ít, có lẫn máu tươi, mỗi lần mót tiểu không nín được nhưng đi gắt, đau nhức, khó chịu. Bệnh nhân thường hay ớn lạnh, mệt mỏi có lúc vật vã rên rỉ. Suốt thời gian điều trị 6 ngày tại BV Đa khoa TP MT thấy ngày một nặng thêm, kèm sốt, tiểu gắt, đau bụng dưới, nước tiểu có máu và có lúc lẫn trắng đục như mủ.

Thiết mạch: Trầm huyền sác hữu lực.

Quy nạp bát cương: Lý nhiệt.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ vào giấy chuyển viện và lời khai của bệnh nhân cùng chẩn mạch thì đây là chứng huyết lâm do thấp nhiệt úng tắc túc thái dương bàng quang và túc thiếu âm thận cho nên phát sinh hội chứng ung (viêm) thận và bàng quang làm cho sự vận hành thuỷ khí của thận mất đi, cho nên tiểu gắt đau, bàng quang với thận là biểu lý cùng chịu ảnh hưởng mất đi chức năng bài tiết, bàng quang bị thấp nhiệt dồn xuống làm cản trở sự bài tiết, thuỷ khí không trơn chảy, tiểu tiện không thuận lợi, do đó sinh ra chứng đau bụng dưới, đái buốt, đát gắt, vì thấp nhiệt uất kết nhiều quá bàng quang bị ung (viêm) nên đái ra máu. Mạch trầm hoạt sác là biểu hiện dương thịnh âm hư.

Xử phương: Dùng thang *Lục vị địa hoàng* gia:

Ngưu tất	12g	Xa tiền	12g
Rễ tranh	10g	Kinh giới sao đen	10g
Hạn liên thảo sao đen	10g	A giao	10g

Để tư âm lương huyết, lợi thuỷ, trừ thấp nhiệt, đồng thời giúp cho thận phục hồi chức năng bài tiết thuỷ dịch.

Cho uống 3 thang bệnh nhân hết đau bụng, đi tiểu hết đỏ hết gắt, nước tiểu trong, thể trạng trở lại bình thường. Tiếp tục cho uống liên tục 10 thang như trên bệnh nhân hết hẳn.

Tái khám thấy mạch đi trầm hoãn cho uống thêm 3 thang *Lục vị địa hoàng* đổi Sinh địa dùng Thục địa gia Ngưu tất, Xa tiền bệnh hoàn toàn hết hẳn cho xuất viện.

37. BỆNH ÁN ĐÁI THÁO ĐƯỜNG (Tiêu khát)

Bệnh nhân: Lê Minh Ch. 35 tuổi phường 8 quận 6 TP.HCM.

Vọng: Hình sắc bình thường.

Văn: Tiếng nói bình thường.

Vấn: Bệnh nhân khai bị bệnh đái tháo đường đã đi điều trị nhiều nơi nhưng bệnh ngày càng tăng không giảm, đường huyết 2,85g/lít.

Thiết mạch: Mạch trầm hoạt.

Quy nạp bát cương: Lý âm hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ lời khai của bệnh nhân là đái tháo đường đã đi điều trị nhiều nơi bằng Tây y nhưng không giảm càng ngày càng nặng thêm. Xét nghiệm đường huyết 2,85g/lít. Bệnh nhân xin điều trị Đông y là hy vọng cuối cùng.

Xử phương: Vận dụng kinh nghiệm của YHCT qua các vị thuốc: Cỏ sữa đỏ nhỏ lá 40g, cây Râu mèo 30g. Sau có thêm vỏ Sầu riêng và Hoài sơn mỗi vị 20g phối hợp các vị trên sắc uống liên tục trong 3 tháng, mỗi ngày ăn một Lá lách heo với hình thức nấu lấy nước uống xong còn lách thì xào hoặc nấu canh.

Trị trong 3 tháng bệnh giảm dần với xét nghiệm đường niệu âm tính, đường huyết xuống còn từ 0,85 đến 1,2g/lít.

38. BỆNH ÁN HẠC TẤT PHONG

Bệnh nhân: Nguyễn Thành Nh 13 tuổi học sinh.

Vọng: Người ốm, sưng ở đầu gối, không đi đứng được.

Văn: Hơi thở và tiếng nói nhỏ yếu vì đau nhức.

Vấn: Người nhà bệnh nhân khai cách đây 1 tháng, triệu chứng ban đầu là nóng sốt, đau sưng các khớp cổ chân, đau cứng cả khớp bàn chân dần đến hai đầu gối, một bên sưng nhiều, một bên sưng ít, bệnh nhân bắt đầu không đi đứng được. Đầu gối bên trái sưng to và cơ bắp chân bắt đầu teo nhỏ dần, đã điều trị Tây y bệnh không thuyên giảm. Nên đến xin điều trị đông y.

Thiết mạch: Trầm huyền sác.

Quy nạp bát cương: Lý thực nhiệt.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ triệu chứng và mạch thì bệnh này lúc đầu cảm nhiễm phong thấp, do thất trị nên truyền vào túc thiếu dương kinh và

túc quyết âm can kinh. Mạch huyền sác là chủ mạch của can đởm. Đầu gối lại là chỗ kinh mạch của can đởm đi qua, vòng quanh khoeo chân đi xuống bắp chân. Lúc mới phát bệnh thì bệnh nhân có sốt rồi đau sưng các khớp cổ chân, khớp cổ tay. Vì thất trị để phong thấp tà truyền vào túc thiếu dương và túc quyết âm, phong thấp tà úng tắc hoá thành thấp nhiệt mà can kinh phải thụ bệnh nên phát sinh đầu gối sưng đau, bắp chân bắt đầu teo; chứng này nếu trị không hết thì hai chân sẽ teo cơ giống như chân hạc, tiểu tiện nóng gắt nên mới gọi là hạc tất phong.

Xử phương: Do can kinh bị thấp nhiệt làm sưng đầu gối, hai chân không co duỗi được, phải dùng phương pháp tả can hoả, lợi tiểu, trừ thấp nhiệt, dùng bài *Long đởm tả can* để trừ can kinh thấp nhiệt:

Long đởm thảo	12g	Sài hồ	8g
Hoàng cầm rửa rượu	8g	Xa tiền tử	12g
Sinh địa	12g	Mộc thông	8g
Trạch tả	8g	Đương quy	8g
Chi tử sao	8g		

Sắc cho uống 3 thang, các khớp và đầu gối bớt sưng, bớt đái gắt nóng.

Ngoài dùng rau Giấp cá giã nhuyễn xào giấm bó hai đầu gối. Điều trị theo phương pháp như trên trong 5 ngày thì hiện tượng sưng gối, đái gắt bớt nhiều. Đổi dùng thang *Mộc qua phòng kỷ gia giảm:*

Mộc qua	8g	Phòng kỷ	8g
Ngưu tất	8g	Ngũ gia bì	6g
Thiên niên kiện	6g	Lá lốt	10g
Ý dĩ	20g	Phục linh	8g
Xuyên khung	6g		

Cho uống 9 thang thì các khớp chân, đầu gối hết sưng, nhưng còn mỏi, đi đứng ăn uống bình thường, tiểu tiện bình thường.

Xem lại mạch thấy đi trầm hoãn dùng thang *Bổ trung ích khí* gia:

Mộc qua	8g	Ý dĩ	20g
Phòng kỷ	6g		

Cho uống 6 thang nữa bệnh nhân bình phục, cho xuất viện.

Biện luận: Chứng này sở dĩ phát sinh là vì cảm phải phong thấp thất trị truyền kinh vào túc thiếu dương và túc quyết âm, phong thấp tà úng tắc can đởm kinh mạch hoá nhiệt cho nên đầu gối sưng to đau nhức, không đi đứng được, căn cứ theo mạch và chứng do thấp tà uất kết lượng khí huyết không lưu thông lợi xuống hạ chi mà phát sinh ra đái gắt lượng nước tiểu ít, hạ chi bị teo cơ dần dần. Nên trước dùng thang Long đởm tả can để khu trừ can kinh thấp nhiệt, đồng thời dùng rau Giấp cá giã nhỏ xào giấm, bó hai đầu gối để trừ thấp nhiệt kết tụ sinh sưng. Kế tiếp dùng thang Mộc qua Phòng kỷ gia giảm có công năng trừ thấp, sau

cùng khi bệnh đã lui dùng thang Bổ trung ích khí gia Mộc qua, Phòng kỷ, Ý dĩ để bồi dưỡng cơ bắp hạ chi bị teo, bệnh nhân hết bệnh trở lại bình thường.

39. BỆNH ÁN CHỨNG TIẾT TẢ

Chứng tiết tả là nước ở tiểu trường không hấp thu được cùng với cơm nước đều dồn xuống cả đại trường mà sinh ra đi tả, cho nên đi tả thì tiểu tiện không lợi. Về phân loại chứng này chia ra phong hàn, thử, thấp, táo, hoả, đàm nhiệt, nhưng phần nhiều do bị hàn tà, còn nhiệt tà bị ít. Về cách chữa chỉ cần thẩm thấp, táo tỳ làm chủ, như dùng các bài *Tứ linh, Ngũ linh, Hoắc hương chính khí* gia Kha tử, Nhục đậu khấu.

Ngoài các chứng trên còn có 3 chứng hư: Nội thương, ẩm thực là tỳ hư, do sắc dục là thận hư, hay cáu gắt giận dỗi là can hư, nhưng chứng can tả có ít mà tỳ tả nhiều hơn, kế đó là thận tả hay ngũ canh tiết tả. Về phép chữa nên thẩm thấp, táo tỳ ôn thận. Phải dè dặt tuỳ theo trạng thái bệnh, không nên chấp nệ, chỉ dùng chất tân ôn, táo thấp giúp cho hoả làm tiêu hao âm khí. Cho nên chứng hư tả lâu ngày hư quá chỉ nên kiện tỳ, bổ mệnh môn tướng hoả làm chủ.

Thận là cửa ngõ của vị cũng là tiền đồn bảo vệ tỳ thổ, khai khiếu ra hai đường đại và tiểu tiện, chủ việc bế tàng, cho nên chứng đại trường viêm mạn tính thường hay phát sinh chứng tiết tả, hay chứng mệnh môn tướng hoả hư, phát sinh chứng canh năm tiết tả thì phải dùng Tứ thần hoàn mới cứu khốn phò nguy được là:

Phá cố chỉ tẩm nước muối sao 160g

Nhục đậu khấu nướng bỏ vỏ 120g

Ngô thù du tẩm nước muối sao 40g

Ngũ vị tử 120g hợp lại làm hoàn hoặc thuốc thang cho uống.

Sau khi tiết tả đã ổn định, xét chứng nếu nhẹ thì dùng bài *Sâm linh bạch truật tán* cho điều dưỡng. Nặng thì dùng bài *Bát vị địa hoàng* gia. Phá cố chỉ sao rượu.

Dưới đây là bệnh án vừa là viêm đại tràng mạn tính vừa là canh năm tiết tả đã trị lành.

Bệnh nhân: Vương Văn Kh 60 tuổi, ở phương 7 TP MT.

Vọng: Người gầy, thần sắc xanh mét, mệt mỏi.

Văn: Tiếng nói yếu, kém hơi.

Vấn: Bệnh nhân khai bị chứng tiêu phân sệt đã lâu, nhưng cách đây 2 tháng sáng sớm canh năm mỗi ngày đều bị đi tiêu lỏng, rồi ngày nào cũng đi tiêu chảy nhiều lần. Đau bụng dưới, ăn khó tiêu. Sức khoẻ ngày càng giảm sút, biếng ăn, biếng nói, tay chân bủn rủn mất lực đã trị nhiều bằng thuốc Tây y không khỏi.

Thiết mạch: Lục mạch trầm tế vô lực, hai bộ xích đi vi.

Quy nạp bát cương: Lý dương hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ theo mạch lục bộ trầm tế vô lực, 2 bộ xích đi vi, thường tiêu lỏng mỗi ngày vào thời điểm canh năm, chứng tỏ lúc đầu tỳ hư tiêu phân sệt, mà tỳ hư thường đi tiêu phân sệt là do mệnh môn tướng hoả đã bị hư, không làm tròn chức năng táo thấp vị. Lâu ngày thận hoả càng hư phát sinh thêm chứng canh năm đi tiêu lỏng và đưa đến lách to.

Xử phương: Trước nhất là kiện tỳ, táo thấp, ôn bổ thận dương, dùng *Hoắc hương chính khí thang* gia Kha tử, Nhục khấu cho uống kèm với *Tứ thần hoàn* cho uống 10 thang bệnh nhân hết tiêu lỏng vào canh năm, ăn được còn ngủ kém, còn đau vùng bụng dưới. Xử phương: dùng *Hoắc hương chính khí thang* gia Xương bồ, Nghệ, Hương phụ cho uống 3 thang bệnh nhân hết đau vùng bụng dưới, tiêu tiểu trở lại bình thường. Nhưng lách to và xét nghiệm máu có ký sinh trùng sốt rét, đổi dùng thang *Thanh tỳ ẩm* gia Hà thủ ô, Thần thông, Nhân trần, bệnh ổn định cho xuất viện, tiếp tục bồi dưỡng ở ngoại trú.

Nếu dùng thuốc sắc Tứ thần hoàn hoặc phối hợp cùng với thang Hoắc hương chính khí thì lượng như sau:

Phá cố chỉ	8g	Nhục khấu	6g
Ngũ vị tử	8g	Ngô thù du	4g

40. BỆNH ÁN KIẾT LỴ TIẾT TẢ (Kiết lỵ biến chứng sinh tiết tả)

Bệnh nhân: Vũ Ph 44 tuổi, Nhà văn Hội văn nghệ TG.

Vọng: Thần sắc tiều tuỵ, tay chân uể oải, mệt.

Văn: Tiếng nói nhỏ yếu, mất tiếng.

Vấn: Bệnh nhân khai bệnh khởi phát cách đây 4 tháng với các triệu chứng đi cầu phân nhão, mót rặn, có khi đi cầu không ra phân mà ra bọt có lẫn máu nhầy mũi. Từ 1 giờ đến 2 giờ sáng bụng sôi bắt đi cầu. Sau đó tiếp tục sôi ít và đi cầu suốt ngày, ăn không được. Hai tai ù nghe không rõ tiếng, tay chân uể oải, mệt nói không ra tiếng đã điều trị 2 tháng bằng Emetin có thử phân, thử máu, chụp phim cho biết là bệnh nhân bị bệnh lỵ.

Tiền sử cách đây 2 năm bệnh nhân có bị chứng trầm hàn cố lãnh, từ nửa đêm tới sáng là lên cơn sốt lạnh. Sau chữa bằng YHDT mới thuyên giảm.

Thiết mạch: Trầm tế vô lực.

Quy nạp bát cương: Lý hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Xét các triệu chứng trên và thiết mạch thấy 6 bộ trầm tế vô lực là thuộc chính khí hư, mà chính khí hư là tỳ dương và tỳ âm đều hư. Bệnh lâu ngày chữa không khỏi thì chính khí càng suy sụp thêm, khiến cho bệnh nhân kiệt sức, tiếng nói hổn hển mất tiếng, tay chân bất lực, bủn rủn, mà hàng ngày lại đi cầu nhiều lần, mót rặn ra nhầy mũi máu. Tây y đã dùng Emetin 20 ngày cả truyền dịch mà không khỏi, thì thấy rằng do tỳ khí quá hư không kiện vận được.

Tỳ không kiện vận được không thể dùng thuốc thông lợi công hạ được mà phải bồi dưỡng chính khí gia vào các vị cố sáp như Túc xác, Nhục khấu, Kha tử, giải độc như Kim ngân hoa.

Xử phương: Dùng thang *Hoắc hương gia vị* Túc xác 4g, Kim ngân hoa 20g, Nhục khấu 6g, Kha tử 6g, sắc thuốc xong rót ra chén đổ thêm vào 2 muỗng đường cát quấy đều cho uống. Cho uống 3 thang, tái khám bệnh nhân thấy bớt đi cầu, bớt mót rặn. Cho uống tiếp thêm 4 thang nữa thì hết mót rặn, phân hết nhày mũi máu nhưng còn tiêu phân sệt.

Tái khám thấy mạch đi trầm hoãn, tiếng nói của bệnh nhân hết run và có âm thanh tốt bình thường thêm thần sắc tươi tỉnh trở lại nhưng còn sôi bụng.

Xử phương tiếp thang *Hoắc hương chính khí* bỏ Túc xác, Kim ngân hoa, gia Thương truật 6g, Phá cố chỉ 8g, Nhục khấu 6g, Ngũ vị tử 2g cho uống liên tục 6 thang, đường tiêu hoá tốt nhưng bệnh nhân khai là hai chân, hai tay tê rần, nặng nề, rốn đau quặn. Xử phương dùng thang *Hoắc hương chính khí* bỏ Bạch truật gia Thương truật, Bạch thược sao, Ý dĩ, Mộc qua, Lá lốt, Phòng kỷ, Phòng phong cho uống liên tục 10 thang thì các chứng tê rần nặng nề tay chân khỏi hẳn.

41. BỆNH ÁN ĐAU DẠ DÀY

Bệnh nhân: Bùi Văn Q 73 tuổi tỉnh TG.

Vọng: Thần sắc tái mét.

Văn: Tiếng nói nhỏ yếu.

Vấn: Bệnh nhân khai thường choáng váng đau vùng thượng vị hay ợ chua, ra nước chua, nấc cụt, đau từng cơn, nếu ăn hay uống nước vào thấy giảm đau. Sau đó lại tiếp tục đau trở lại. Trong nhưng cơn đau như thế thường kèm thêm tiểu gắt, tiểu khó. Ngoài các chứng kể trên còn lại choáng váng, chóng mặt, khó chịu. Đã điều trị Tây y không khỏi nên đến điều trị Đông y. Tiền sử bệnh nhân mắc chứng đau dạ dày đã 10 năm và kèm tăng huyết áp hơn 5 năm nay, thường mờ mắt.

Thiết mạch: Trầm hoạt đại

Quy nạp bát cương: Lý thực tích.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Dựa vào quá trình bệnh lý thì bệnh nhân có tiền sử đau dạ dày đã 10 năm, lại thêm chứng tăng huyết áp cũng đã 5 năm nay, thường xuất hiện các triệu chứng đau vùng thượng vị, ợ chua, miệng thường chua, choáng váng, mắt mờ, ngủ ít, tiểu khó, tiêu bón, mạch trầm hoạt đại là chứng lý thực tích, mặc dầu bệnh kinh niên nhưng căn cứ vào mạch thì đây là chứng can dương thịnh lấn át tỳ thổ khắc chế tỳ vị truyền biến vị chua vào tỳ vị thái quá làm thừa chất chua ở trong vị, mất thăng bằng công năng vận hoá của tỳ và chức năng tiếp thu đồ ăn của vị cho nên thường bị nấc cụt, đau từng cơn, nếu có ăn hoặc uống chút ít nước thì dịu cơn đau, sau đó lại tiếp tục đau trở lại. Trong những cơn đau như thế lại kèm thêm tiểu gắt, tiểu khó đã biểu hiện rõ ràng chứng tích tụ đàm hoả ở vị nên biểu hiện mạch hoạt là đàm, đại là hoả tích ở vị, kinh mạch ở trường vị dẫn xuống hạ tiêu bị bế tắc cho nên trong cơn đau thường

bị tiểu gắt, tiểu khó, đồng thời bị chứng tăng huyết áp vì mất thăng bằng của hệ thống tam tiêu, thanh dương không thượng thăng trọc âm không hạ giáng được nên phát sinh chứng tăng huyết áp.

Xử phương: Căn cứ vào các chứng trạng nêu trên, xử phương dùng thang *Hoắc hương chính khí* có công năng hoà giải thanh trọc, điều hoà chính khí tỳ vị, kiện tỳ trừ thấp gia Ô tặc cốt nướng 12g để ức chế chất chua từ can mộc tiết ra thái quá ở trường vị, Câu đằng 10g, Địa long 10g, Thảo quyết minh 10g, Cúc hoa 10g, Ngưu tất 10g để thanh can bình can, Xa tiền 8g, Rễ tranh 8g lợi tiểu thông lâm cho uống liên tục 30 thang, bệnh tình ổn định, các triệu chứng choáng váng, chóng mặt hết, hết ợ chua, hết đau vùng thượng vị.

Tái khám: thấy mạch đi trầm hoãn đổi dùng thang *Bổ trung ích khí* gia Câu đằng, Địa long, Ngưu tất, Ô tặc cốt nướng cho uống tiếp bệnh nhân thấy trong người trở lại bình thường xin xuất viện.

42. BỆNH ÁN HOÀNG ĐẢM

Bệnh nhân: Huỳnh Văn CH 63 tuổi ở ấp Mỹ An xã Nhị Mỹ.

Vọng: Thần sắc uể oải, da mắt đều vàng sáng tươi.

Văn: Hơi thở bình thường.

Vấn: Bệnh nhân khai có cảm giác lúc nóng, lúc lạnh kéo dài cả năm đã điều trị bằng Tây y 6 tháng không thuyên giảm, bệnh kéo dài đến nay vẫn một triệu chứng ớn lạnh dọc xương sống, rồi kế đó lạnh toàn thân, bệnh nhân phải hơ lửa hoặc xông hơi nước nóng. Sau khi qua cơn lạnh rồi thì bệnh nhân nóng và đổ mồ hôi. Cứ 2, 3 ngày lên cơn nóng lạnh một lần khoảng 2, 3 giờ rồi hết, ăn được nhưng khó tiêu, đầy hơi, da bụng dày, hay buồn nôn, đau lâm râm vùng thượng vị, da mặt, niêm mạc mắt vàng tươi.

Thiết mạch: Trung huyền hữu lực.

Quy nạp bát cương: Bán biểu, bán lý.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Bệnh này do can mộc khắc tỳ thổ, vì mạch huyền là chủ mạch của can, thổ hư cho nên nhìn thấy da mặt vàng, thường hay buồn nôn vì can dương thịnh khắc chế tỳ thổ, tỳ khí thượng nghịch, ăn được nhưng khó tiêu, vì tỳ hư không kiện vận được thức ăn. Bệnh tuy đã lâu nhưng tà còn lưu lại ở túc thiếu dương đởm và túc quyết âm can, cho nên cách ngày lại lên cơn sốt rét, lạnh trước sốt sau, nhiệt tà kích động can dương lấn qua tỳ thổ cho nên lợm giọng, buồn nôn, đầy hơi, khó tiêu, niêm mạc mắt và da mặt vàng tươi (do thổ hư tượng ra bản sắc).

Xử phương: Trước hết dùng *Thanh tỳ ẩm* gia : Hà thủ ô 10g, Thần thông 8g, Nhân trần 10g, Thảo quả dùng 3 trái.

Sắc cho uống liên tục 10 ngày bệnh nhân hết lên cơn sốt rét, da mặt mắt bớt vàng ăn uống vào không bị buồn nôn lợm giọng nữa.

Tái khám thấy mạch đi trầm hoãn, các chứng sốt rét cách nhật dứt hẳn, chỉ còn niêm mạc mắt, da mặt hơi vàng, thỉnh thoảng còn đau vùng thượng vị đổi dùng thang *Hoắc hương chính khí* gia:

Nhân trần	10g	Chi tử	8g
Thảo quả nướng	3 trái	Mớp gai	20g
Nghệ	8g	Rễ tranh	8g

Cho uống kèm thêm *Hoá tích hoàn* 10 ngày nữa bệnh được lành hẳn.

Phụ giảng chứng hoàng đảm:

Hoàng đảm là một thứ chứng hậu do thấp ở tỳ, nhiệt ở vị nung nấu làm cho mặt, mắt và toàn thân đều vàng, tiểu tiện không thông lợi mà đỏ.

Nguyên nhân của bệnh này tuy có những nhân tố khác nhau như ngoại cảm phong thấp, cảm mạo thời khí, thử tà ẩn phục ở trong chưa giải được hoặc bị thương tổn do ăn uống không điều độ nhưng nói chung phần lớn đều do thấp nhiệt uất kết, tà khí không đường ra ứ lại mà phát hoàng đảm. Có nhiều thứ hoàng đảm nhưng căn cứ vào chứng hậu mà quy nạp lại đại để có thể chia hai loại là dương hoàng và âm hoàng.

Dương hoàng là do thấp nhiệt uất kết lại mà phát ra vàng, thường hiện ra các chứng trạng mạch huyền sác, người nóng, miệng khát, mắt, mặt đều phát ra màu vàng tươi sáng như vỏ quýt chín, tiểu tiện vàng đỏ, đại tiện bí kết.

Âm hoàng là chứng hậu âm hàn vì dương khí ở tỳ vị kém, hàn thấp không hoá được là biến chứng của bệnh hoàng đảm, phần nhiều hiện ra những chứng trạng như tay chân lạnh giá, mạch trầm tế hoặc vô lực. Sắc vàng tối sẫm, đại tiện phân sệt.

Dương hoàng thì chữa ở vị, chủ yếu là dùng phép thanh nhiệt lợi thấp.

Nhưng khi gặp bệnh thì cần phải phân biệt thấp thắng hay nhiệt thắng. Như người nhọc mệt không muốn ăn, lợm giọng, nôn mửa, không muốn uống nước, rêu lưỡi trắng nhờn là hiện tượng thấp nhiều hơn nhiệt, cách chữa cần chú trọng về mặt ôn hoá thẩm lợi.

Nếu khát muốn uống nước, rêu lưỡi vàng khô, tiểu tiện đỏ ít là hiện tượng nhiệt nhiều hơn thấp thì cách chữa chủ yếu là phải thanh nhiệt, lợi tiểu tiện.

Nếu người nóng, ngực tức, rêu lưỡi vàng, tiểu tiện đỏ, bĩ mãn, bụng đầy là thấp và nhiệt đều thịnh, cách chữa nên công hạ. Về mặt dùng thuốc, nếu thấp nhiều hơn nhiệt thì dùng bài *Nhân trần quýt bì thang* là:

Nhân trần	12g	Bán hạ	10g
Trần bì	8g	Bạch truật	12g
Phục linh	12g		

Hoặc dùng bài *Nhân trần ngũ linh tán* là:

Trư linh	8g	Bạch truật	10g
Trạch tả	12g	Phục linh	12g
Nhục quế	4g	Nhân trần	12g

Nếu nhiệt nhiều hơn thấp hiện ra cả biểu và lý chứng thì dùng bài *Bá bì thang* là:

Chi tử sống	20g	Hoàng bá	10g
Cam thảo chích	4g	Nhân trần	16g

Nếu thực tà ở lý, không đi đại tiện được, có chứng trạng bụng đầy thì dùng bài *Nhân trần cao thang* là: Nhân trần 20g, Chi tử 12g, Đại hoàng 12g để chữa chứng thấp nhiệt uất kết nung nấu, đại tiểu tiện không lợi mà phát ra hoàng đảm.

Nếu thấp và nhiệt đều thịnh thì dùng bài *Cam lộ tiêu độc gia giảm* là:

Nhân trần	20g	Chi tử	12g
Hoàng cầm	10g	Xương bồ	10g
Hoắc hương	8g	Bạch đậu khấu	6g
Bạc hà	4g	Hoạt thạch	8g
Mộc hương	8g	Chỉ xác	6g

Chữa chứng dương hoàng tất nhiên là lấy phép thanh lợi thấp nhiệt làm chủ yếu, nhưng nếu có biểu chứng cũng nên phát hãn, có thể dùng bài *Ma hoàng liên kiều xích tiểu đậu thang* là Ma hoàng, Liên kiều mỗi vị 12g, Xích tiểu đậu 10g, Hạnh nhân 10g, Cam thảo chích 4g, Đại táo 2 trái. Nếu biểu tà ở bán biểu bán lý có sốt rét, hàn nhiệt qua lại thì dùng bài *Thanh tỳ gia vị*. Nếu chính khí hư thì dùng *Hoắc hương chính khí tán* gia vị như y án hoàng đản nói trên.

Chứng âm hoàng thì chữa ở tỳ, chủ yếu cần phải ôn tỳ dương, có thể dùng những bài *Nhân trần tứ nghịch thang* là: Nhân trần 12g, Bào khương 12g, Phụ tử 8g, Chích thảo 6g hoặc bài *Nhân trần phụ tử can khương thang* là: Nhân trần 12g, Phụ tử 12g, Bào khương 8g, Thảo khấu nướng 4g, Bạch truật 2g, Chỉ thực sao cám, Bán hạ chế, Trạch tả mỗi vị 12g, Phục linh, Quýt hồng (trần bì) mỗi vị 2g, Gừng sống 5 lát.

43. BỆNH ÁN PHẾ NUY

Bệnh nhân: Cao Thị H. 38 tuổi ở Tân Hiệp

Vọng: Sắc mặt tiều tuỵ.

Văn: Hơi thở nhỏ yếu, đứt quãng, nói từng tiếng một, nghe khò khè trong cổ họng.

Vấn: Cách nay 8 tháng sau khi sinh và mổ nhọt sau lưng ở Bệnh viện Đa khoa. Sau đó cảm thấy người yếu dần, mệt khó thở, ho hen có đàm nhớt nhiều, nhiều đàm vàng vướng ở cổ, khó thở, không nằm ngửa được, vì nếu nằm ngửa thì bị nghẹn thở, đàm nhớt ói ra.

Nằm điều trị ở nhiều bệnh Tây y nhưng bệnh cũng không thuyên giảm, suốt ngày đêm chỉ ngồi mà không nằm được, nếu vì quá mỏi thì dựa qua trái hoặc qua phải không thể nằm xuống được. Người nhà đưa đi điều trị Đông y.

Thiết mạch: Trầm tế sác.

Quy nạp bát cương: Lý nhiệt.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ theo lời khai của thân nhân bệnh nhân, sau khi sinh có mụn nhọt mọc sau lưng, đến BV Đa khoa mổ nhọt, nhọt lành, tiếp đó bị chứng phế nuy, biểu hiện chứng khó thở, hen suyễn, thở khò khè đàm, ăn ngủ kém, suốt ngày đêm ngồi không nằm được vì hễ nằm xuống là nghẹn tức khó thở, thổ nhiều đàm nhớt.

Mạch trầm tế sác.

Xử phương: Xét thấy mạch trầm tế sác là thuộc chân âm chân dương đều hư. Vì mạch trầm tế là dương khí không đủ, sác là âm hư, bệnh nhân thường hay mệt khó thở đầu tiên. Xử phương dùng thang *Quy tỳ* gia Xương bồ để trợ lý tâm tỳ, bổ thổ sinh kim cho uống 3 thang, bệnh nhân thấy đỡ mệt, nhưng còn thổ đàm, đàm thường vướng cổ là do chứng phế nuy, vì phế thích thanh tịnh.

Nay vì thổ hư dẫn đến thanh trọc không phân, đàm vì tỳ hư hoá ra, mà tỳ thổ là mẹ phế kim, mẫu bệnh cập tử, tử bệnh phạm mẫu (mẹ bệnh con bị lây) thổ hư không phân thanh hoá trọc biến sinh đàm ẩm úng tắc phế khiếu mà phế chủ khí, khí bị trọc đàm ngăn lấp, cho nên nằm xuống thì phế bị tổn thương.

Theo thuyết tạng tượng, đa ngoạ tổn thương phế, vì vậy trong 8 tháng qua không nằm được chỉ ngồi mà chịu bệnh, nếu mỏi quá thì ngồi dựa bên trái hoặc dựa bên phải mà thôi. Qua các biểu hiện chẩn đoán chứng này có liên quan đến 3 tạng: tỳ, thận, phế.

Đổi dùng thang *Tử uyển* gồm có Tử uyển, giao nhuận phế, bổ phế, tiêu đàm, chỉ thấu; Ngũ vị tử bổ thận thuỷ, liễm phế khí. Tri mẫu, Bối mẫu thanh phế hoá đàm, chỉ huyết, trấn khái; Nhân sâm, Phục linh, Cam thảo bổ tỳ ích khí bảo trợ phế. Cát cánh dẫn các vị thuốc vào phế, tăng cường bổ phế thanh nhiệt, chỉ thấu hoá đàm, âm hư hoả vượng do phế nuy làm mệt khó thở.

Cho uống 9 thang thì bệnh từ từ giảm bớt mệt, bớt khó thở, hết ớn lạnh, nhưng còn đàm vướng cổ nhiều, nằm xuống vẫn còn thổ đàm, khó thở.

Tái khám thấy 2 bộ thốn vẫn còn huyền hữu lực, xác định đây là vì chứng thượng thịnh hạ hư, xử phương đổi dùng thang *Tô tử giáng khí* gia Lá lốt, Ma hoàng để tuyên thông phế khiếu, Hà thủ ô, bổ thận cho uống 3 thang bệnh nhân thấy dễ thở, thỉnh thoảng có nằm được vài giờ. Nhưng vẫn còn đàm nhiều, cho uống gián phục thay đổi: sáng cho uống bài *Tử uyển* hợp với bài *Mã đâu linh*, chiều cho uống bài *Tô tử giáng khí gia vị*, bệnh dần dần thuyên giảm rõ rệt, đã nằm được nhiều giờ hơn, liên tục cho uống xen kẽ với *Hoàng kỳ miết giáp thang*, theo phương pháp trên xử phương tiếp 2 tuần nữa thì bệnh nhân bình phục, nằm ngủ được cả đêm không còn bị nghẹt thở nữa.

Những bài thuốc đã điều trị bệnh này

1. Quy tỳ thang gia vị:

Bạch truật	8g	Viễn chí chế	6g
Hoàng kỳ chích	12g	Mộc hương	2g
Cam thảo chích	2g	Gừng sống	3 lát

Đảng sâm	12g	Đương quy	8g
Phục linh	8g	Hắc táo nhân	8g
Long nhãn nhục	8g	Đại táo	2 trái
		Xương bồ	8g

2. Tử uyển thang

Tử uyển	8g	Bối mẫu	6g
Phục linh	8g	A giao sao châu	8g
Cát cánh	6g	Tri mẫu	6g
Phòng đảng sâm	10g	Ngũ vị tử	4g
Cam thảo sống	2g		

3. Mã đâu linh thang (Bổ phế a giao thang)

A giao sao châu	10g	Mã đâu linh	8g
Hạnh nhân	8g	Ngưu bàng tử	8g
Cam thảo chích	4g	Nhụ mễ (Gạo nếp)	8g

4. Tô tử giáng khí thang gia vị:

Tô tử	8g	Bán hạ chế	6g
Tiền hồ	6g	Hậu phác	6g
Trần bì	6g	Đương qui	8g
Nhục quế	4g	Cam thảo chích	4g
Ma hoàng	6g	Gừng sống	3 lát
Lá lốt	10g	Hà thủ ô	10g

5. Hoàng kỳ miết giáp thang

Bán hạ	4g	Tri mẫu	4g
Nhục quế	4g	Hoàng kỳ	8g
Tần giao	4g	Sinh địa	12g
Cam thảo	2g	Tử uyển	4g
Phục linh	4g	Miết giáp	6g
Thiên môn	8g	Tang bì	8g
Địa cốt bì	6g	Xích thược	6g
Sài hồ	8g	Nhân sâm	6g

44. BỆNH ÁN NHỨC ĐẦU KINH NIÊN (mạn tính)

Bệnh nhân: Nguyễn Thị L, kỹ sư Sở thuỷ lợi, tỉnh TG

Vọng: Sắc mặt tiều tuỵ, hình thể suy nhược.

Văn: Tiếng nói nhỏ, hơi thở ngắn.

Vấn: Bệnh nhân khai có chứng nhức đầu kinh niên, bệnh càng ngày càng tăng, mặc dầu đã chữa bằng nhiều loại thuốc tây. Ngoài bệnh nhức đầu lại thêm tiểu đêm nhiều lần, ăn ngủ không được, trong người mệt mỏi uể oải, cơ thể ngày càng suy nhược.

Thiết mạch: Lưỡng xích trầm tế vô lực, thốn quan phù vô lực.

Quy nạp bát cương: Lý âm dương lưỡng hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Bệnh này do thận dương nguyên khí suy, phong hàn cảm nhiễm vào dương kinh lâu ngày không giải truyền sang âm kinh làm cho thận âm cũng hư theo, thuỷ hoả không ký tế, khí thanh dương không thăng lên được, đau lâu ngày, thần kinh suy nhược, thường hồi hộp, tinh thần không yên, khó ngủ vì âm khí kém, thận dương, thận âm không thăng bằng, mình mẩy đau nhừ, chân tay thường cảm giác lạnh do chân dương mệnh môn tướng hoả suy kém không điều chỉnh được bàng quang, nên lúc ban đêm là âm trong âm nhiều khí lạnh khiến phải tiểu đêm nhiều lần.

Xử phương: Trước tiên dùng phương pháp điều bổ thận dương, tán hàn, thông kinh hành khí, dùng *Hà thủ ô thang:*

Hà thủ ô	12g	Ích mẫu	8g
Huyết rồng	8g	Phá cố chỉ	8g
Ba kích	8g	Lá lốt	8g
Hương phụ	8g	Dây gùi	8g
Quế chi	4g	Đỗ trọng	8g
Trinh nữ	8g	Ngưu tất	8g
Lạc tiên	8g		

Cho uống 15 thang trên dần dần có diễn biến tốt là bớt tiểu đêm, trong người thấy khoẻ, nhưng thỉnh thoảng trong ngực còn hồi hộp, hay mệt, choáng váng.

Tái khám xem lại mạch thấy lục bộ trầm tế vô lực, xử phương dùng thang *Qui tỳ* gia Xương bồ, Câu đằng, Ngưu tất, Thảo quyết minh, Cúc hoa cho uống 10 thang bệnh nhân thấy trong người khoẻ hẳn, đầu hết nhức, chỉ còn thấy nặng, ngực hết hồi hộp, da mặt sáng nhuận. Xem lại mạch thấy đi trầm tế mà lưỡng xích đi trì. Đổi dùng phương pháp song bổ chân âm, chân dương là dùng *thang Bát vị gia* Ba kích, Phá cố chỉ, Lộc giác giao cho uống liên tiếp 30 thang, sức khoẻ dần hồi phục, các chứng trước kia đã giải trừ, trở lại trạng thái bình thường. Lại dùng thêm 10 thang *Thập toàn đại bổ* bệnh nhân trở lại đầy đủ sinh lực của tuổi trẻ.

Biện luận: bệnh nhân này bị suy dinh dưỡng từ trong bụng mẹ, theo lời bệnh nhân khai thì bệnh nhân sinh ra thiếu tháng cho nên thuở nhỏ tới lớn cơ thể gầy yếu ốm đau luôn. Nhưng đến tuổi dậy thì, do chạy chữa nên bệnh nhân có cơ hồi phục sức khoẻ. Nhưng đến khi học đại học vì lao động trí óc nhiều nhất là năm cuối thi tốt nghiệp ra trường thì bị bệnh nhức đầu kinh niên và tiểu đêm hành hạ bệnh nhân, nhưng bệnh nhân cố gắng để thi tốt nghiệp. Khi đậu rồi đi công tác thì bệnh thấm sâu nên sức khoẻ bệnh nhân suy sụp nặng. Chứng nhức đầu triền miên này là do cơ tim thiếu máu không nuôi dưỡng được não, chứng đái đêm nhiều lần là do mệnh môn tướng hoả quá suy không điều chỉnh được bàng quang gây nên, cho nên tuần tự áp dụng phương pháp: 1. dùng Hà thủ ô thang để thông kinh hành khí, 2. Dùng Quy tỳ thang gia vị để bổ tâm huyết gia Câu đằng, Ngưu tất, Thảo quyết minh, để bình can chỉ đầu thống, 3. Dùng thang Bát vị gia Phá cố chỉ, Ba kích, là để bồi dưỡng mệnh môn, song trị âm dương suy thoái, 4. Dùng thang Thập toàn đại bổ để đại bổ toàn cơ thể mà quá trình bệnh lý của bệnh nhân đã bị đại hư.

45. BỆNH ÁN ĐỘNG KINH

Bệnh nhân: Trần P. A 20 tuổi ở CG - TG.

Vọng: Sắc mặt bình thường

Văn: Hơi thở bình thường.

Vấn: Bệnh nhân cho biết lúc bình thường thì không thấy triệu chứng gì. Nhưng khi đầu hơi choáng váng thì không còn làm chủ được thần chí. Mắt hoa, đầu nặng trĩu, rồi phát sinh nghẹt thở và sau đó bất tỉnh độ 5 phút là bắt đầu tỉnh và trở lại trạng thái bình thường.

Thiết: Mạch tả quan, xích trầm huyền vô lực.

Mạch hữu quan và hữu xích trầm sác.

Quy nạp bát cương: Lý hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Bệnh nguyên là do thận dương khí hư (hữu xích trầm sác) không vận hoá được thuỷ dịch, đình thuỷ sinh đàm, khí hư sinh uất, hư hoả thượng nghịch đưa trọc đàm lên thượng tiêu làm úng tắc do khí úng trệ, kinh mạch khó lưu thông, can phong khí uất kích động gây ra chứng động kinh.

Xử phương: Dùng phép tư nhuận hoà giải can mộc, giải uất, thông kinh lạc, trước dùng thang *Tiêu dao gia* Mẫu đơn bì, Sơn chi tử, bội dụng Xương bồ để điều hoà tâm khí, vì chứng nầy có liên quan tâm bào lạc. Sau dùng thang *Quy tỳ* gia Xương bồ để bồi dưỡng điều hoà tâm tạng có chức năng làm chủ thần minh, thần chí.

Tiêu dao tán gồm:

Sài hồ, Đương quy, Bạch thược tẩm rượu sao,	
Bạch truật thổ sao, Phục linh mỗi vị	8g
Cam thảo chích	4g
Bạc hà	4g

Gia:	Chỉ tử, Mẫu đơn bì mỗi vị	6g
	Gừng sống	3 lát

Biện luận: Chứng động kinh là do thận dương khí hư không vận hoá được trọc thuỷ, trọc thuỷ đình trệ sinh đàm, khí hư sinh hoả uất, uất khí nghịch lên đưa trọc đàm lên thượng tiêu làm úng tắc kinh mạch mới phát sinh động kinh phép chữa như trên là hoà giải can mộc, bình can, kiện tỳ thổ, bổ tâm khí để vận hành khí hoá, hoà giải chứng động kinh.

46. BỆNH ÁN THỐNG PHONG

Bệnh nhân: Nguyễn Thị T. 42 tuổi, Xí nghiệp vận tải TG.

Vọng: Sắc mặt tiều tuỵ, người uể oải.

Văn: Hơi thở mệt nhọc.

Vấn: Bệnh nhân khai thường đau hai vùng hố chậu, thận, nhức đầu, nhức gối, đau lưng, toàn thân ê ẩm có cảm giác đau nhức di chuyển khắp thân thể, có khi đau hai cánh tay, có khi đau chân, đi đứng khó khăn, hai chân có lúc như tê dại co duỗi khó khăn, ăn uống ngày một kém, đã trị bằng thuốc Tây nhiều mà không giảm.

Thiết mạch: Tả thốn, quan huyền, tả xích sác.

Hữu thốn, quan huyền vô lực, hữu xích sác.

Quy nạp bát cương: Lý hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Do cảm nhiễm phong thấp lâu ngày dương khí khó thông đột biến phát sinh dương khí không thông trong kinh mạch, làm cho phong thấp tà úng tắc có khi úng tắc ở tay có khi úng tắc ở chân, bệnh nhân có cảm giác đau nhức di chuyển từ trên rồi lại xuống dưới, kinh mạch và lạc mạch không được khí huyết vận hành đều đặn nuôi dưỡng cho nên có lúc tay chân như bị tê dại, co duỗi khó khăn, hai bộ xích đều trầm sác.

Xử phương: Trước tiên dùng *Mộc qua phòng kỷ thang gia giảm* để ôn bổ thận dương, khử phong, trừ thấp, chỉ thống.

Mộc qua	10g	Bạch chỉ	8g
Thiên niên kiện	8g	Hà thủ ô	10g
Xa tiền	8g	Rễ tranh	10g
Quế chi	4g	Nhũ hương	6g
Phòng kỷ	10g	Xuyên khung	6g
Ngũ gia bì	8g	Ngưu tất	8g
Lá lốt	10g	ý dĩ	30g
Phá cố chỉ	8g	Một dược	6g

Cho uống 6 thang, các chứng đau nhức giảm, thỉnh thoảng còn ê ẩm thân mình, tay chân tê dại, co duỗi khó khăn.

Tái khám mạch đi trầm hoãn, đổi dùng thang *Độc hoạt ký sinh gia Tục đoạn* cho uống 10 thang. Bệnh nhân thấy nhẹ nhàng, các chứng tê dại, co duỗi khó khăn đã giảm rõ rệt. Đổi dùng thang *Quy tỳ gia Xương bồ* cho uống thêm 10 thang bệnh khỏi hẳn.

47. BỆNH ÁN NỘI THƯƠNG HƯ LAO

Bệnh nhân: Đặng Thị S 46 tuổi Xí nghiệp quốc doanh ô tô.

Vọng: Thần sắc mỏi mệt, má hóp, da nhăn, xanh mét.

Văn: Hơi thở yếu, tiếng nói nhỏ.

Vấn: Bệnh nhân khai bệnh phát đã 3 tháng, Tây y khám cho biết là suy nhược thần kinh đã điều trị một thời gian không khỏi, hiện thường hay mệt, đi đứng hầu như không có lực, hơi thở ngắn, ăn ngủ không được, càng ngày càng sụt cân, cánh tay trái nhức mỏi lâm râm triền miên, có cảm giác như kim châm khó chịu. Trong người thường thấy ớn lạnh, thỉnh thoảng thấy tức ngực.

Thiết mạch: Tả trầm tế vô lực.

Hữu trầm vi

Quy nạp bát cương: Lý hư hàn

Quy nạp hội chứng bệnh lý:

Thường hay mệt đi đứng túc tắc trong nhà cũng mệt mỏi, hơi thở ngắn, ăn ngủ không được, sụt cân, cánh tay trái đau nhức triền miên khó chịu. Mạch tả trầm tế vô lực, mạch hữu trầm vi, trong người thấy ớn lạnh, thỉnh thoảng tức ngực chứng tỏ vệ khí, dinh huyết đều suy kém cho nên thường ớn lạnh. Mạch tả trầm tế vô lực là dinh huyết đều suy kém, mạch hữu vi là trung khí hư, tỳ vị không vận hoá được sinh bầm huyết, cánh tay thường nhấc lên cao không được là vì tay trái thuộc huyết, trung khí tỳ vị hư không vận hoá được huyết dịch nuôi dưỡng cân mạch tứ chi, vì là chủ cơ nhục, chủ tứ chi.

Xử phương: Dùng *Quy tỳ thang* gia Xương bồ 8g, Hắc phụ tử 6g cho uống 20 thang, tái khám thấy mạch đi có lực đổi dùng thang *Bổ trung ích khí* cho uống liên tục 30 thang thì các triệu chứng ổn định, bệnh lành hẳn.

Biện luận:

Chứng trạng này rõ nét là tỳ kinh thất huyết vì 6 bộ mạch đều trầm hư, tả trầm tế vô lực, hữu trầm vi mới phát sinh các chứng trong người thường ớn lạnh, thỉnh thoảng tức ngực, ăn ngủ không được, mỏi mệt, hơi thở ngắn, cánh tay bên tả đau nhức triền miên khó chịu. Chứng tỏ vệ khí, dinh huyết đều suy kém, mạch tả tế vô lực là dinh huyết suy, mạch hữu trầm vì là trung khí tỳ vị hư không thống nhiếp được để vận hoá huyết dịch nuôi dưỡng cân mạch tứ chi nên cánh tay thường nhấc lên cao không được, cho nên xử phương trước dùng Quy tỳ thang để giúp cho tỳ sinh huyết thống nhiếp được huyết để nuôi tâm, tâm mạnh mới sinh khí vận hành huyết dịch nuôi dưỡng toàn thân.

48. BỆNH ÁN LỖ RÒ MẠCH LƯƠN

Bệnh nhân: Kiều Văn L. 68 tuổi, lương y Bệnh viện YHDT TG.

Vọng: Sắc mặt bình thường, nhưng thoáng nét mệt mỏi uể oải.

Văn: Hơi thở bình thường.

Vấn: Bệnh nhân khai từ 2 - 3 năm nay có lỗ rò ở mông phải, lỗ rò này thường rỉ nước vàng lợn cợn, tanh hôi, cũng có lúc kín miệng rồi sau một thời gian lại phá ra. Năm 1971 bệnh nhân được mổ bướu (u) ruột. Lúc đó bướu đã ăn qua bàng quang.

Lần này lỗ rò phá ra hơn đã 1 tuần sức khoẻ bị ảnh hưởng. Điều trị Tây y 1 tuần không thuyên giảm trở về BV YHDT điều trị.

Thiết mạch: Hữu trầm hoạt, tả trầm huyền.

Quy nạp bát cương: Lý tích.

Quy nạp hội chứng bệnh lý:

Lỗ rò hay mạch lươn cũng là một loại. Triệu chứng này trước kia vì có bướu ở ruột, mổ bướu rồi sau vì phong, hàn thấp xâm nhập vào tôn lạc tiềm ẩn lâu ngày hoá ra mạch lươn.

Đây cũng là do phong thấp tích tụ gây ra cho nên biểu hiện mạch hoạt là tích thấp, mạch huyền là phong.

Xử phương:

Sử dụng thang *Hoắc hương chính khí* để trước hết trừ thấp đồng thời thang này có công dụng là khu úng bài nùng cho uống 10 thang, kế tiếp cho uống 10 thang *Bổ trung ích khí* gia Cát cánh, Bạch chỉ để thác sang sinh cơ, lỗ rò mạch lươn khô ráo và lành lại bình thường.

Trước cho uống 10 thang Hoắc hương chính khí mà vị Bạch chỉ phải dùng 12g để trừ thấp hoá giải phong mộc chống viêm. Sau cho uống tiếp thang *Bổ trung ích khí* gia Cát cánh 8g, Bạch chỉ 12g để thác sang chống viêm sinh cơ nhục, bệnh lành hẳn.

49. BỆNH ÁN VIÊM HỌNG

Bệnh nhân: Nguyễn Ngọc A 49 tuổi, kỹ sư Xí nghiệp heo đông lạnh.

Vọng: Da mặt thoáng màu xanh đen.

Văn: Tiếng nói nhỏ.

Vấn: Bệnh nhân khai đã nhiều năm bị viêm họng mạn tính, đổ mồ hôi tay chân. Ngày 19 - 8 - 85 đột nhiên mặt bị méo lệch về bên phải, vùng thịt ở mắt phải thường bị giần giật mạnh. Ngay đêm đó cứ vài giờ lại xảy ra một lần như vậy. Bệnh nhân đến khám Tây y. Bác sĩ ghi viêm họng mạn, viêm thần kinh ngoại biên. Bác sĩ đã cấp nhiều loại thuốc, nhưng uống vào không thấy giảm đến điều trị YHDT.

Thiết mạch: Mạch phù huyền.

Quy nạp bát cương: Biểu thực chứng.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Theo như lời khai của bệnh nhân thì chứng này do phong tà cảm nhiễm vào vệ khí truyền vào kinh lạc uất kết biến sinh đàm ẩm úng tắc tôn lạc dinh vệ, khí huyết mất thăng bằng vì dinh huyết hư cho nên mặt bệnh nhân bị kéo lệch về bên phải, đồng thời vùng thịt phía mắt phải cảm giác giật giật là vì đường kinh tôn lạc bị uất kết khí huyết ngưng trệ cho nên xảy ra tình trạng trên.

Mạch phù huyền là ngoại cảm phong tà trúng vào lạc mạch cho nên mặt bệnh nhân bị kéo lệch về phía phải. Tây y gọi là viêm thần kinh ngoại biên. Đông y gọi là phong tà cảm nhiễm vào kinh mạch và lạc mạch.

Xử phương: Dùng thang *Nhân sâm bại độc* gia Phòng phong, Kinh giới, Bạch chỉ để hoá giải phong hàn, Ké đầu ngựa, Cúc tần để trị viêm họng mạn, cho uống 2 tuần thì chứng đàm ẩm úng tắc tôn lạc mà Tây y gọi là đau thần kinh ngoại biên đã hết. Bệnh nhân xin điều trị tiếp chứng viêm họng mạn đã nhiều năm trị bằng Tây y không khỏi.

Khám lại thấy mạch đi trầm hoãn có lực. Xét chứng viêm họng mạn này là do phong thấp phạm vào phế kim đã lâu ngày, kim bị hư hoả khắc hại. Đổi dùng thang *Bổ trung ích khí* để bổ thổ sinh kim, gia Ké đầu ngựa, Cúc tần, Cát cánh cho uống xen kẽ với thang *Sâm tô* gia Ké đầu ngựa, Cúc tần thêm trong thời gian 1 tháng chứng viêm họng kinh niên hoàn toàn hết hẳn.

50. BỆNH ÁN VIÊM ĐƯỜNG TIẾT NIỆU

Bệnh nhân: Ngô Thị M. 32 tuổi Sở thương binh xã hội TG.

Vọng: Thần sắc kém, da mặt xanh mét.

Văn: Âm thanh bình thường.

Vấn: Bệnh nhân khai bị chứng đái buốt, mỗi lần đi tiểu là tê rần cả người và 10 đầu ngón tay chân cũng tê buốt, nặng ngực, khó thở, ăn ngủ kém, nóng trong người.

Thiết mạch: Trầm tế sác.

Quy nạp bát cương: Lý âm hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Đây là triệu chứng thận âm hư. Vì mạch trầm tế sác. Thận chủ thuỷ đạo là cơ quan điều tiết thuỷ dịch, thay cũ đổi mới. Thận bị bệnh cho nên dẫn đến tình trạng mất bình thường về công năng chuyển hoá thuỷ đạo. Thận với bàng quang thông qua sự dính líu về kinh lạc mà cấu thành quan hệ biểu lý. Công năng bài tiết nước tiểu của bàng quang mất bình thường là đi tiểu buốt, tê rần cả thân người và 10 đầu ngón tay và ngón chân cũng bị tê, nặng ngực, khó thở là vì bàng quang quan hệ biểu lý với thận. Thận chủ thuỷ đạo lại chủ nạp khí. Vì thận hư mất đi công năng nạp khí cho nên nặng ngực và khó thở.

Xử phương: Dùng thang *Lục vị địa hoàng* gia thêm:

Hoạt thạch	8g	Cây râu mèo	10g
Ké đầu ngựa	10g	Ngưu tất	12g
Xương bồ	8g	Xa tiền	12g

Cho uống liên tục 10 thang, bệnh nhân đi tiểu hết tê rần thân mình và 10 đầu ngón tay ngón chân, đi tiểu trở lại bình thường hết buốt. Nhưng vì tư âm nhiều sinh nê trệ, bụng đầy nên dùng thang *Hoắc hương chính khí* gia Xương bồ, Ngưu tất, Xa tiền cho uống thêm 10 thang nữa bệnh nhân lành hẳn.

51. BỆNH ÁN VIÊM ĐƯỜNG TIẾT NIỆU VÀ TĂNG HUYẾT ÁP

Bệnh nhân: Nguyễn Thị T.

Vọng: Sắc mặt đỏ ửng.

Văn: Hơi thở to

Vấn: Bệnh nhân khai bị chứng đái rắt, đái rát gần hai tháng nay, mỗi khi buồn đái bụng dưới đau quặn khi đái thì đau buốt dọc đường tiết niệu, ngày đi nhiều lần mà lượng nước không nhiều. Đi vừa xong lại bị són vài giọt. Đầu thường choáng váng, huyết áp tâm thu 180 - 190 mmHg, mặt thường đỏ ửng cảm thấy nóng rát.

Thiết mạch: Trầm huyền sác hữu lực.

Quy nạp bát cương: Lý âm hư, lý dương nhiệt thịnh.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Đây là chứng do can dương quá thịnh phản khắc lại phế kim, phế kim chủ khí có quan hệ mẫu tử với thận thuỷ. Vì mẹ phế kim bị can mộc ức chế không sinh hoá được thận thuỷ, thận thuỷ là cơ quan điều tiết thuỷ dịch nay vì không được sự hoá sinh của phế kim cho nên chân âm bị thương tổn, làm mất đi công năng điều điều tiết thuỷ dịch của thận thuỷ, làm sự hoạt động bài tiết thuỷ dịch của bàng quang bị trở ngại, nên phát sinh ra chứng đái rắt, đái són không thông lợi, chân âm kém không thượng thăng lên để làm thăng bằng âm dương ở thượng tiêu được nên mặt thường đỏ ửng. Huyết áp lên cao là vì can kinh có chức năng tàng huyết nay vì can dương quá thịnh không tàng được huyết theo chức năng, rối loạn kinh mạch nên huyết áp lên cao dao động.

Xử phương: Căn cứ theo mạch trầm huyền sác là can kinh bị thấp nhiệt, xử phương dùng *Long đởm tả can thang* để trấn can bình can, thông lợi tiểu tiện để khử thấp tiết nhiệt, gia Câu đằng, Ngưu tất, Thảo quyết minh, Cúc hoa để an thần, làm mềm giãn gân mạch, cho uống liên tục 6 thang, tiểu tiện thông lợi, huyết áp hạ xuống còn 130/80 mmHg. Xem mạch lại thấy đi huyền hoãn đổi dùng thang Kỷ cúc địa hoàng để bổ thận thuỷ thanh can mộc.

Cho uống liên tiếp 10 thang, bệnh nhân khỏi hẳn.

52. BỆNH ÁN HUYỄN VỰNG (chóng mặt)

Bệnh nhân: Lê Ngọc M 39 tuổi ở phường 4 thành phố MT.

Vọng: Sắc mặt tiều tuỵ, người gầy còm.

Văn: Tiếng nói nhỏ yếu.

Vấn: Thường chóng mặt, hay mệt, đầu nhức triền miên, khó ngủ, mất ngủ, trong người có cảm giác nóng bứt rứt, họng khô miệng ráo, tiểu nóng vàng.

Thiết mạch: 6 bộ trầm huyền sác hữu lực.

Quy nạp bát cương: Lý nhiệt.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Mạch 6 bộ trầm huyền sác hữu lực chứng tỏ can dương quá thịnh, can mộc phản khắc phế kim, kim hư không nuôi được thận thuỷ, thuỷ kém không nuôi được can mộc cho nên can dương thịnh là can hoả hữu dư, can kinh vốn có chức năng tàng huyết, nay vì can dương quá thịnh không tàng được huyết nên thần không yên, nên không ngủ được, thường thức trắng 5 canh. Nhức đầu vì nhiệt khí xung thượng tiêu, trong người thường cảm giác nóng bứt rứt, họng khô, miệng ráo vì thiếu tân dịch, người gầy còm thuộc về thể nhiệt âm hư, nên tiểu tiện thường vàng nóng và ít.

Xử phương: Dùng thang *Bát tiên trường thọ* để tư âm dưỡng huyết, nuôi dưỡng tân dịch gia Ngưu tất, Xa tiền để trừ thấp nhiệt bàng quang; Mạch môn, Ngũ vị liễm âm sinh tân dịch, Huyền sâm để tư âm dưỡng huyết cho uống luôn 2 tuần bệnh nhân khỏi hẳn.

Bài Bát tiên trường thọ:

Thục địa	20g	Mẫu đơn bì	6g
Táo nhục	8g	Mạch môn	8g
Hoài sơn	10g	Trạch tả	10g
Phục linh	8g	Ngũ vị tử	4g

Biện luận: Chứng chóng mặt, nhức đầu triền miên, mất ngủ, trong người thường cảm giác nóng bứt rứt, họng khô, miệng ráo, tiểu vàng ít, mạch 6 bộ trầm huyền sác hữu lực, chứng tỏ can dương quá thịnh, vì thận thuỷ hư không nuôi dưỡng được phần âm cho can mộc vì thiếu nước để điều hoà can dương, can dương hoá hoả làm cho nhức đầu, họng khô, miệng ráo vì thiếu tân dịch, người gầy còm thuộc thể nhiệt cho nên tiểu tiện vàng và nóng, dùng Bát tiên trường thọ gia vị là đúng với chứng này.

53. BỆNH ÁN HOẠT TINH DO THẬN DƯƠNG, THẬN ÂM HƯ

Bệnh nhân: Nguyễn Văn H 25 tuổi, công an

Vọng: Sắc mặt xanh xao.

Văn: Hơi thở nhỏ yếu.

Vấn: Bệnh nhân khai, cách nay 3 tháng bị chứng hoạt tinh mỗi tuần đều có thể bị xuất tinh đột ngột đang nằm hay ngồi trong lúc thức. Đã điều trị Tây y rất nhiều mà bệnh không thuyên giảm. Sau đó ai bày thuốc gì uống thuốc nấy, nhưng càng ngày bệnh càng nặng thêm. Có tuần xuất tinh như vậy đến 3 hoặc 4 lần. Trong người thường cảm thấy mệt mỏi uể oải. Các bắp thịt và xương đau

như kim châm. Thêm một chứng nữa là khi tiêu tiểu rặn mạnh cũng ra mấy giọt tinh sau khi vừa tiểu xong, tinh thần ngày càng tiều tuỵ, mệt nhọc rã rời, không muốn cử động.

Thiết mạch: Hai xích trầm sác, thốn quan trầm hư

Quy nạp bát cương: Lý âm dương lưỡng hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Chứng này do thận âm và thận dương hư cả. Sự điều tiết tinh dịch không thống nhiếp được cho nên phát sinh ra hoạt tinh, hai mạch xích sác, thốn quan trầm hư, chứng tỏ thận hư, chức năng của thận suy kiệt không làm chủ được sự điều tiết.

Xử phương: Dùng *Lục vị địa hoàng thang gia vị* gồm:

Thục địa	20g	Mẫu đơn bì	4g
Toan táo nhục	8g	Hoài sơn	10g
Trạch tả	8g	Phục linh	8g
Mẫu lệ nướng	10g	Dây gùi	8g
Khiếm thực	10g	Phá cố chỉ	8g
Ô tặc cốt nướng	10g	Long cốt	10g
Lộc giác giao	10g	Kim anh tử	8g

Biện luận: Các triệu chứng đang ngồi hoặc đang nằm tinh dịch đột nhiệt bị xuất, hoặc sau khi tiểu xong tinh dịch tự nhiên xuất ra mấy giọt, đó là biểu hiện thận âm dương đều hư suy không thống nhiếp được tinh dịch, gọi là hoạt tinh, chứng này đến giai đoạn nặng rồi. Xử phương dùng thang Lục vị địa hoàng gia thêm các vị cố sáp để bồi bổ thận âm dương, giúp cho thận chức năng thống nhiếp tinh dịch được thì mới hết bệnh, mà phải dùng đại tễ, dùng bền thường xuyên mới cứu vãn nổi.

54. BỆNH ÁN HOẠT TINH (do thận âm suy kiệt, thận dương thịnh)

Bệnh nhân: Trần Văn T 22 tuổi xã Tân Long

Vọng: Sắc mặt đỏ

Văn: Hơi thở mạnh tiếng nói lớn.

Vấn: Bệnh nhân khai cách nay 3 thang bỗng thấy trong người khác thường hay nóng nảy bứt rứt, ngọc hành thường cương cứng không mềm mà mỗi lần ngọc hành cương cứng nhiều thì tinh tự xuất ra. Thậm chí đi tiểu rặn mạnh cũng xuất tinh mà mỗi lần bị như thế thì trong người ê ẩm, hai ống chân có cảm giác đau nóng trong xương. Bệnh nhân khai thêm vì không hiểu tác hại của thủ dâm nên trong tuổi thanh xuân thường hay thủ dâm để thoả mãn sinh lý. Lúc đầu không hiểu tác hại đến khi dừng cách 3 năm bắt đầu thấy khác thường là ngọc hành cứ cương hoài không xìu, khi ngồi gần phái nữ tinh tự nhiên chảy ra.

Thiết mạch: Hữu thốn quan xích trầm đại.

Tả thốn quan xích trầm sác.

Quy nạp bát cương: Lý nhiệt

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Chứng này do thủ dâm gây ra làm cho chân âm chân dương mất đi sự thăng bằng âm dương, thuỷ hoả tinh khí là chân nguyên tiên thiên thận thuỷ. Vì tuổi trẻ sinh lực dồi dào, không kiềm chế được dục vọng, lúc đầu đơn giản trong việc thủ dâm nhằm làm thoả mãn được lòng dục, càng ngày càng đi sâu vào sai trái qui luật thiên nhiên. Vì một nam, một nữ sau khi giao hợp có khí âm, khí dương tương trợ lẫn nhau nên không bị chứng độc dương vô âm để sinh chứng âm thoát, khiến xảy ra tình trạng ngọc hành cương mãi không xìu.

Xử phương: Dùng đại tễ *Lục vị địa hoàng*

Cho uống 50 thang liên tục mới cứu vãn được bệnh này.

Biện luận: Một âm một dương thăng bằng, thuỷ hoả ký tế thì không bị bệnh này. Nay vì bệnh nhân không hiểu sự tai hại của thủ dâm lấy thế làm thú vui nên bị chứng âm kiệt dương thịnh thái quá mà sinh chứng hoạt tinh.

55. BỆNH ÁN XUẤT HUYẾT DƯỚI DA

Bệnh nhân: Trần Ngọc D 10 tuổi ở ấp 6 xã ĐT

Vọng: Mặt trái vùng mắt tím bầm đen, xuất huyết dưới da, khắp thân mình nổi đốm bầm đen, chảy máu môi và lợi răng. Vòm họng bị xuất huyết.

Văn: Hơi thở hổn hển.

Vấn: Thân nhân bệnh nhân khai bệnh của cháu từ khởi phát đến khi đưa vào BV - YHDT tỉnh, khoảng 10 ngày. Lúc đầu cháu sốt liên tục, người lừ đừ trong vòng 4 ngày, sau đó thấy vùng mắt, mặt phía trái tím bầm cả ngoài và trong con mắt. Khắp mình nổi đầy đốm bầm đen, môi nứt chảy máu, đã điều trị tại Trạm y tế xã và các thầy thuốc Nam trong vùng gọi là ban đen.

Thiết mạch: Trầm tế sác, chỉ văn tím đen.

Quy nạp bát cương: Lý âm hư, dương thịnh.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ vào chứng và mạch thì bệnh thuộc loại ôn bệnh do cảm nhiễm phong hàn từ mùa đông tà khí lưu lại trong kinh lạc, đến mùa xuân hạ gặp khí ôn nhiệt thịnh hành bộc phát. Người nhà bệnh nhân chỉ kể những chứng hiện hữu, đến Bệnh viện khám thêm vòm họng thì thấy trong vòm họng có đốm nhỏ hoại tử, chảy máu môi và lợi, tiểu đỏ như máu, thường đau bụng âm ỉ, ngủ li bì suốt ngày.

Huyết áp 90/50 mmHg, nhiệt độ 38°C.

Xử phương: Dùng thang *Bát vị tiêu diêu* gia A giao sao châu, Chi tử, hắc Trắc bá diệp, hắc Hạn liên, Hoè hoa, hắc Kinh giới, Rễ tranh, Sinh địa cho uống mỗi ngày 2 thang thì bệnh nhân tỉnh lại, bớt sốt, nhưng đến tối bệnh nhân lại kêu đau bụng dữ dội. Trong ca trực thấy thế liền chuyển đến phòng cấp cứu Tây y, nhưng bệnh càng tăng không giảm trầm trọng hơn, hôn mê trở lại, bệnh nhân thường trăn trở và đốm xuất huyết dưới da lại nhiều thêm, thân nhân bệnh nhân

trở lại BV - YHDT yêu cầu nhận điều trị trở lại bằng YHCT. Vì suốt ngày đến BV - YHDT tuy có những triệu chứng đột xuất như đau bụng dữ dội nhưng thấy cơn nóng sốt và lừ đừ bớt rõ.

Lương y BV - YHCT chấp nhận cho chuyển trở lại BV - YHDT. Khi tiếp nhận bệnh nhân trở lại thì bệnh càng nặng thêm. Bệnh nhân hôn mê, huyết áp sụt xuống còn 80/60 mmHg.

Xử phương: Trước dùng *Cao ly sâm* cho uống mỗi lần 4 gam, kế đó cho bài thuốc *Đơn chi tiêu diêu tán* gia A giao sao châu, hắc Trắc bá diệp, hắc Hạn liên, hắc Kinh giới, Hoè hoa, hắc Địa du.

Buổi chiều cho uống bài *Bát tiên trường thọ* gia A giao sao châu, hắc Trắc bá diệp, hắc Kinh giới, Hoè hoa, hắc Địa du. Bệnh nhân dần tỉnh lại, huyết áp trở lại 110/70 mmHg không tụt. Nhưng đến 6 giờ chiều cùng ngày bệnh nhân lại phát cơn đau bụng ói ra máu tươi mặc dầu đã tỉnh lại, huyết áp vẫn ở mức 110/70mmHg không tụt. Người nhà bệnh nhân thấy vậy, xin xuất viện mang theo thuốc về nhà trị ngoại trú. Qua sáng hôm sau người nhà bệnh nhân đến báo cho biết là vẫn tiếp tục cho uống theo lời thầy thuốc đã dặn, đến nửa đêm bệnh nhân hết ói ra máu, ngủ được tới sáng, bệnh nhân tỉnh lại đòi uống nước và sữa, xin lương y tiếp tục kê đơn điều trị tiếp.

Xét các tình trạng diễn biến đã qua, sở dĩ lâm vào tình trạng ói ra máu tươi, nhưng bệnh nhân đã tỉnh lại, huyết áp không tụt nhiệt độ vẫn 38°C là vì can dương quá thịnh bởi do thận âm hư không tiết được âm khí để nuôi can mộc can không yên không tăng được huyết mới phát sinh ra chứng ói ra máu tươi cho uống Bát vị đơn chi tiêu diêu tán gia A giao sao châu, hắc Trắc bá diệp, hắc Kinh giới, hắc Hạn liên, Hoè hoa, hắc Địa du để có tác dụng bình can trấn can chỉ huyết khi thuốc đã thấm vào nội tạng cho uống kèm với nước Sâm cao ly là để đại bổ chân dương điều dinh, dưỡng vệ. Sở dĩ huyết áp không tụt xuống là nhờ cho uống Cao ly sâm đại bổ nguyên khí điều dinh dưỡng vệ nên từ nửa đêm sau các triệu chứng nguy biến đột phát được ấn định, nên sáng ra bệnh nhân tỉnh hẳn đòi uống nước, uống sữa, nhưng trên mình còn hâm hấp nóng. Đây là đến giai đoạn phải trị gốc bệnh là do thận âm hư mà ra.

Xử phương: Dùng thang *Lục vị địa hoàng* gia Sài hồ, Bạch thược, Ngũ vị tử, A giao sao châu cho uống mỗi ngày 2 thang kèm với nước Sâm cao ly.

Đến ngày thứ ba, thân nhân bệnh nhân đến báo cho biết là hôm nay bệnh nhân đã tỉnh hẳn, tự ngồi dậy được và đòi ăn cháo.

Tiếp tục cho uống bài *Lục vị địa hoàng thang* gia vị kèm Sâm cao ly nói trên, bệnh nhân hoàn toàn bình phục.

56. BỆNH ÁN XUẤT HUYẾT DƯỚI DA

Bệnh nhân: Võ T.S 26 tuổi, nhân viên Ban thi đua tỉnh TG.

Vọng: Sắc mặt đỏ ửng, môi sưng rướm máu, thần sắc mệt mỏi uể oải.

Văn: Tiếng nói nhỏ yếu.

Vấn: Bệnh nhân khai cách nay 3 tháng thường cảm giác mệt mỏi, chóng mặt, nhức đầu, khắp người tay chân và trong mình có những đốm hiện lên bầm tím, tứ chi đau nhức như dần, hằng ngày thân nhân phải thay phiên bóp tay, bóp chân cho đỡ đau, nếu ngưng bóp tay chân thì đau nhức khó chịu, đi đứng mất thăng bằng, có lúc bị té quỵ xuống, ăn ngủ ngày một kém sút, toàn thân thường có cảm giác nóng, da luôn luôn hâm hấp nóng như da gà. Đã điều trị Tây y với chẩn đoán là xuất huyết giảm tiểu cầu nhưng không thuyên giảm, ngày một tăng thêm. Hằng ngày dưới da khắp thân thể nổi lên những đốm bầm tím và chảy máu chân răng, nên đến xin khám và điều trị.

Thiết mạch: Sáu bộ trầm huyền sác hữu lực.

Quy nạp bát cương: Lý thực nhiệt.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ các triệu chứng trên và mạch trầm huyền sác hữu lực thì đây là can dương quá thịnh, vì thận âm hư, âm dịch của thận không nuôi dưỡng được can mộc để can dương quá thịnh khắc chế tỳ thổ làm cho chức năng thống nhiếp huyết của tỳ bị mất đi cho nên bức huyết vọng hành ra vệ biểu. Can âm không đủ để thăng bằng âm dương cho can mộc, mà chức năng của can là tàng huyết, bây giờ can âm không yên tĩnh, không tàng được huyết cho nên biểu hiện các triệu chứng chóng mặt, nhức đầu, người mệt mỏi đi đứng mất thăng bằng, tiêu bón, khắp người đau nhức, xuất huyết dưới da khắp người có các vết bầm, cơ thể ngày một suy sụp.

Xử phương: Mạch huyền là chủ mạch của can, mà 6 bộ đều thấy huyền sác hữu lực là can dương quá thịnh làm lây lan tổn thương đến các tạng khác. Vì can mộc là mẹ của tâm hoả, mẹ can mộc quá thịnh làm cho tâm hoả tăng cường công năng quân hoả bức con mình là tỳ thổ làm cho chức năng thống nhiếp huyết của tỳ để nuôi thân thể bị nhiệt bức huyết vọng hành ra da, mà da lông là vệ biểu của thủ thái âm phế là con của tỳ thổ. Phế kim vì bị mẹ tỳ thổ bức bách không khắc chế được can mộc, không sinh hoá được thận thuỷ cho nên thận thuỷ không cung cấp được âm khí để thăng bằng âm dương cho can mộc, vì vậy can âm không yên tĩnh được để tàng huyết.

Xử phương dùng thang *Tiêu diêu gia* Đơn bì, hắc Chi tử để hoà giải can mộc quá thịnh, A giao sao châu, hắc Trắc bá diệp, hắc Hạn liên để hàn gắn sự thương tổn do nhiệt quá thịnh, bức huyết vọng hành. Cho uống 9 thang thì xuất huyết dưới da bớt nhiều, các triệu chứng phụ như nhức đầu chóng mặt, đi đứng mất thăng bằng bớt đi, còn lại chứng đau nhức khắp mình, nóng nảy, ăn ngủ chưa được, thỉnh thoảng còn chảy máu chân răng. Tái khám thấy mạch đi trầm hoãn đại, xử phương dùng thang *Lục vị địa hoàng* để bồi dưỡng thận âm, gia Huyền sâm, Bạch thược, Sài hồ, Ngũ vị tử để liễm âm, bình can, A giao sao châu, Hắc hạn liên, Hắc trắc bá diệp, Hắc chi tử, Hoè hoa để hàn gắn các kinh mạch vì nhiệt bức bị tổn thương, Sa nhân để giúp tiêu thực, cho uống liên tục 30 thang bệnh ổn định, các triệu chứng xuất huyết dưới da, đau nhức khắp cơ thể, chảy máu chân răng hoàn toàn hết hẳn, ăn ngủ bình thường, tiêu tiểu bình thường.

Những thang thuốc gia giảm để trị bệnh này:

1. *Đơn chi tiêu diêu gia A giao sao châu, Hắc trắc bá diệp, Hắc chi tử:*

Trong thang này có Sài hồ, Bạc hà, trấn can bình can để hoà giải; Bạch linh, Bạch truật, Cam thảo kiện tỳ vị, Đương qui bổ huyết, Bạch thược liễm huyết; A giao sao châu bổ thận âm kiêm chỉ huyết; phối hợp với Hắc trắc bá diệp, Hắc hạn liên, Hoè hoa chỉ huyết do các kinh mạch và lạc mạch vì nhiệt thịnh bị tổn thương, Đơn bì lọc máu hư, vừa cho uống thuốc thang vừa cho uống kèm thêm *Tế sinh hoàn* và *Quy tỳ hoàn* để trợ lực.

2. *Thang Lục vị địa hoàng* gia Sài hồ, Bạch thược để trừ mình nóng hâm hấp như da gà; gia Huyền sâm, lương huyết, giải tán khách nhiệt; Hắc chi tử, Hắc trắc bá diệp, Ngũ vị tử liễm âm, Rễ tranh phối ngũ với Phục linh thông lợi tiểu tiện, A giao sao châu phối ngũ với thang lục vị để kiện tinh huyết, bổ thận tức là làm cho máu có chất dính nhằm trị chứng máu loãng.

57. BỆNH ÁN DA MẶT ĐEN SẠM (Hắc đảm)

Bệnh nhân: Lương Văn Ph. 50 tuổi, PGĐ Ngân hàng TP. MT

Vọng: Sắc mặt đen toàn diện.

Văn: Hơi thở mệt nhọc.

Vấn: Bệnh nhân khai bệnh cách đây 6 tháng, lúc đầu thường thấy người mệt mỏi, uể oải, đầu nặng trĩu, thường buồn ngủ, lưng đau, đã trị Tây y nhiều ngày không khỏi, bệnh càng ngày càng tăng, da mặt đen sạm nước tiểu đen như mực tàu đến xin điều trị tại BV - YHDT.

Thiết mạch: Lục bộ trầm sác.

Quy nạp bát cương: Lý âm hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ theo mạch và chứng thì bệnh này là do thận âm hư lôi cuốn thận dương hư theo, sáu bộ mạch đều trầm sác, chứng tỏ thuỷ hoả dị tế cho nên chức năng điều tiết thuỷ dịch bị mất thăng bằng, thận thuỷ bị tướng hoả phản khắc làm cho bản chất của thận thuỷ là sắc đen biểu tượng ra ngoài, làm cho da mặt sạm đen, đồng thời đi đái ra nước đen cũng là do thuỷ bị hoả ức chế.

Xử phương: Dùng thang *Bát tiên trường thọ* để điều âm hoà dương.

Thục địa	20g	Mẫu đơn bì	6g
Táo nhục	8g	Mạch môn	8g
Hoài sơn	10g	Trạch tả	10g
Phục linh	8g	Ngũ vị tử	4g

Điều hoà âm dương, sinh tân dịch gia thêm Ngưu tất 8g, cây Râu mèo 8g, Xa tiền tử 8g để lợi thuỷ ức chế giải độc. Ba kích, Phá cố chỉ mỗi vị 6g liễm long lôi hoả giúp Táo nhục cố tinh sinh tinh, bổ thận, Trạch tả dùng gấp rưỡi để trị thận viêm. Dùng theo phương pháp này kiên trì trong 1 tháng dần dần da mặt trong sáng trở lại bình thường.

58. BỆNH ÁN SỐT RÉT

Bệnh nhân: Lê Thị Hoài Th 22 tuổi ở xã Mỹ Tịnh An

Vọng: Sắc mặt xanh mét.

Văn: Hơi thở mệt nhọc.

Vấn: Bệnh nhân khai bệnh phát đã 6 ngày, lúc đầu cảm sốt, uống thuốc hoàn tán không bớt, kéo dài đến nay khi nóng khi lạnh, ngực sườn đầy tức, tâm phiền hay nôn, miệng đắng, cổ họng khô, mắt hoa, tai ù.

Thiết mạch: Trung huyền hữu lực.

Quy nạp bát cương: Bán biểu bán lý.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Chứng trạng khi nóng khi lạnh, ngực sườn đầy tức, tâm phiền hay nôn, miệng đắng, cổ họng khô, mắt hoa, tai ù, mạch trung huyền đúng là thiếu dương chứng, bán biểu bán lý.

Xử phương: Nếu chưa lên cơn sốt rét rõ rệt thì dùng bài *Tiểu sài hồ thang* để hoà giải. Nếu có cơn sốt buổi sáng hoặc buổi chiều phát sốt, phát rét thì dùng bài *Thanh tỳ ẩm* gia Hà thủ ô, Thần thông, Thường sơn sao giấm để chủ trị thiếu dương đởm, quyết âm can bệnh.

1. Tiểu sài hồ thang

Có ho gia Cát cánh, Nhân sâm, Bối mẫu

Khát nước gia Cát căn 6g, Thiên hoa phấn 8g

2. Thanh tỳ ẩm

Gia Hà thủ ô 10g, Thần thông 8g. Nếu nóng nhiều hơn lạnh gia Thạch cao 8g.

59. BỆNH ÁN SỐT RÉT KINH NIÊN

Bệnh nhân: Nguyễn Thị H 37 tuổi, CNV Hải sản TG

Vọng: Dáng người mệt mỏi uể oải, da mặt và mắt hơi vàng.

Văn: Tiếng nói nhỏ yếu

Vấn: Bệnh nhân khai từ ngày phát bệnh đến này đã 7 tháng, hằng ngày nghe ớn lạnh, thường đau âm ỉ vùng hạ sườn phải kèm cảm giác nặng nề, da vàng, môi thâm, hay mệt, ăn ngủ kém, tiêu bón, tiểu vàng gắt, đã trị thuốc Tây y nhiều rồi không thuyên giảm đến xin điều trị bằng YHDT.

Thiết mạch: Lục bộ trầm huyền vô lực.

Quy nạp bát cương: Lý hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý:

Căn cứ vào lời khai và 6 bộ mạch trầm huyền vô lực là can dương ức chế tỳ thổ, thổ hư thì sắc mặt vàng, môi thâm, ăn uống chậm tiêu. Vì công năng vận hoá của tỳ kém sút, tiểu gắt vàng sậm là do nhiệt kết bàng quang, thỉnh thoảng ho

khan, sổ mũi, chảy nước mũi, ớn lạnh, nhức hai bả vai là do can mộc phản khắc phế kim.

Xử phương: Trước dùng thang *Hoắc hương chính khí tán* để kiện tỳ, bình can mộc; gia Mộc qua, Phòng kỷ, liễm phế, chỉ khái bình can mộc hoà tỳ khử thấp; Ý dĩ thanh nhiệt bàng quang, kiện tỳ bổ phế, Ngưu tất trị đau thắt lưng, mạnh gân cốt cho uống 11 thang đau hạ sườn phải giảm, hết đau thắt lưng, tiêu tiểu bình thường. Còn nghe ớn lạnh sau xương sống.

Tái khám thấy mạch đi trầm tế, xử phương dùng thang *Thanh tỳ ẩm* gia Hà thủ ô 10g, Thần thông 8g, Thường sơn sao giấm 12g, tăng lượng Thảo quả 8g.

Cho uống liên tục 12 thang, đau hạ sườn phải giảm nhiều, hết đau thắt lưng, ăn được, tiêu tiểu bình thường.

Tái khám bệnh nhân khai các triệu chứng đau hạ sườn phải thỉnh thoảng còn cảm giác ít, sổ mũi hết, nhưng đau bả vai, tiếp tục dùng thang *Thanh tỳ* gia Hà thủ ô, Thần thông, Thường sơn sao giấm, Độc hoạt, cho uống liên tục 10 thang, uống kèm Quy tỳ hoàn, bệnh nhân thấy các triệu chứng hoàn toàn hết hẳn, uống tiếp *hoàn Quy tỳ*.

60. BỆNH ÁN SỐT RÉT KINH NIÊN

Bệnh nhân: Đặng Phước C 20 tuổi, bộ đội.

Vọng: Thần sắc uể oải, da mặt xanh.

Văn: Âm thanh bình thường.

Vấn: Bệnh nhân khai mắc chứng sốt rét từ 1 năm nay tại Campuchia, thời gian đầu được điều trị tại y tế đơn vị. Triệu chứng mỗi ngày đều đặn lên cơn sốt 1 lần vào lúc trưa, gần đây mức độ lên cơn thưa hơn khoảng 1 tuần một lần cũng vào giữa trưa. Hiện nay bệnh nhân thấy người mệt ăn uống ngày một kém sút, bụng to, dầy da bụng, sức khoẻ suy sụp.

Thiết mạch: Trầm tế vô lực.

Quy nạp bát cương: Lý hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Theo lời khai của bệnh nhân đã mắc chứng sốt rét từ 1 năm nay tại Kampuchia mỗi ngày lên cơn 1 lần vào giữa trưa. Xét mạch và chứng hiện tại, sốt rét đáng lẽ mạch phải huyền sác. Bệnh nhân này thấy mạch trầm tế vô lực, trước kia mỗi ngày lên cơn 1 lần vào giữa trưa, nay lại lên cơn mỗi tuần 1 lần cũng vào giữa trưa. Sau khi hết lên cơn thì người uể oải, mệt mỏi, ăn uống không được và bụng bắt đầu to, da bụng dầy đó là triệu chứng bệnh sâu hơn và sức khoẻ suy sụp nhiều hơn chứng tỏ tỳ kinh nhiễm tà, chức năng vận hoá của tỳ đã suy giảm cho nên bụng trướng mãn to dần.

Xử phương: Dùng thang *Thanh tỳ* gia Hà thủ ô 10g, Thần thông 8g, Thường sơn sao giấm 10g cho uống liên tục, đồng thời cho uống kèm với *Quy tỳ hoàn* gia Xương bồ. Tuần đầu bệnh nhân thấy còn sốt nhưng nhẹ hơn.

Tái khám thấy mạch đi tế, nhưng hơi có lực, tiếp tục dùng phương pháp trên nhưng Thảo quả tăng lên mỗi thang 4 trái.

Tuần thứ hai bớt sốt, bớt mệt mỏi, ăn uống còn kém vẫn dùng phương pháp như trên điều trị tiếp.

Tuần thứ ba hết sốt, hết mệt mỏi, tiêu tiểu bình thường, mạch trầm hoãn.

Tuần thứ tư hết sốt, hết mệt mỏi, ăn uống được, bụng hết trướng mãn.

61. BỆNH ÁN SỐT RÉT

Bệnh nhân: Trần Hoàng M 52 tuổi, chuyên gia giao thông vận tải, công tác Quốc tế tại Kampuchia.

Vọng: Da mặt hơi mét, uể oải.

Văn: Tiếng nói bình thường.

Vấn: Bệnh nhân khai làm việc tại Campuchia, theo tóm tắt bệnh án của Đoàn chuyên gia Pursat như sau: gần đây 1 tháng có 3 lần thấy đái ra dịch hồng (có lẽ đây là huyết lâm hoặc thạch lâm làm thương tổn đến niệu đạo), thường hay chóng mặt, hâm hấp sốt về chiều, đái nhiều lần trong ngày, nhưng đái mót, đái gắt liên tục, đái không thành tia, có khi són một ít ra quần, đái nhiều lần về đêm, có cảm giác nóng rát khó chịu trước và sau khi đái. Cảm giác nóng buốt trong xương mu lan dài xuống qui đầu, bẹn và hậu môn, kèm theo mót đại tiện luôn.

Tiền sử từ năm 1956 - 1959 cũng có triệu chứng như trên và đau nhiều ở thắt lưng.

Thiết mạch: Trầm huyền sác.

Quy nạp bát cương: Lý thực nhiệt.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ vào bản tóm tắt bệnh án và các chứng trạng bệnh nhân khai, kết hợp với mạch thì bệnh nhân mắc hai chứng: túc thiếu dương và túc quyết âm kinh bị phong tà cảm nhiễm từ kinh thái dương truyền vào kinh thiếu dương phát ra chứng ôn ngược (sốt rét dương chứng) đồng thời túc thái dương bàng quang bị khí thấp nhiệt làm cho biến chứng thành chứng huyết lâm, cho nên hiện trạng thường sốt hâm hấp vào buổi chiều, đái mót liên tục, đái không thành tia, có khi són một ít ra quần, đái nhiều về đêm, có cảm giác nóng rát khó chịu trước và sau khi đái. Cảm giác nóng buốt từ trong xương mu lan dài xuống qui đầu, bẹn và hậu môn kèm theo mót đại tiện luôn, qua các triệu chứng trên, xác định túc thiếu dương và túc quyết âm can nhiễm tà phát sinh chứng sốt hâm hấp, nhiệt tà xâm phạm đến túc thái dương bàng quang phát sinh chứng đái mót liên tục vì thấp nhiệt tà làm cho bàng quang và niệu đạo bị viêm. Chức năng bài tiết của bàng quang bị úng tắc cho nên đái không thành tia, có khi són một ít ra quần, cảm giác nóng rát khó chịu trước và sau khi đái, cảm giác nóng buốt trong xương mu lan dài xuống quy đầu, bẹn và hậu môn, kèm theo mót đại tiện luôn là có liên quan đến thủ dương minh đại trường.

Xử phương: Căn cứ các chi tiết trên, xác định bệnh trạng là sốt thuộc về dương chứng (mạch trầm huyền sác hữu lực) xử phương dùng thang *Thanh tỳ ẩm* gia Hà thủ ô 10g, Thần thông 8g, Thường sơn sao giấm 10g, Thảo quả 3 trái cho uống với *Long đởm tả can* nghĩa là sáng cho uống thang Thanh tỳ gia vị, chiều

cho uống kèm thêm thang Long đởm tả can. Vì thấp nhiệt dồn xuống túc thái dương bàng quang phát sinh đái mót, đái són cộng thêm có dịch hồng trong nước tiểu chứng tỏ là bị huyết lâm, đồng thời có liên quan đến thủ dương minh đại trường cho nên kèm thêm chứng mót đại tiện (đại tiện bất thiệt) cho uống thêm *nước Rau giấp cá* mỗi lần 100g rau giấp cá tươi giã vắt lấy nước cho uống liên tục trong 2 tuần, bệnh nhân hết lên cơn sốt và hết luôn chứng huyết lâm.

62. BỆNH ÁN ĐAU LƯNG DO SỐT RÉT

Bệnh nhân: Nguyễn Danh Ch 30 tuổi, CNV Sở giáo dục TG.

Vọng: Rêu lưỡi trắng mỏng, chất lưỡi bệu.

Văn: Tiếng nói và hơi thở bình thường.

Vấn: Bệnh nhân khai bệnh khởi phát đã nửa tháng đau nhiều ngang thắt lưng trái, nằm ngửa và nằm sấp không được. Khi đau thấy cơ thắt lưng bên phải nổi vồng nóng đỏ, thường ớn lạnh, miệng đắng, ăn kém, lợm giọng.

Tiền sử bị sốt rét, nên thường hay ớn lạnh xương sống, ăn kém, miệng đắng nhiều.

Thiết mạch: Trầm huyền hữu lực.

Quy nạp bát cương: Lý thực.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ theo các chứng trạng bệnh nhân đã khai như đau thắt lưng, nằm ngửa và sấp không được, khi đau thấy cơ thắt lưng bên phải nổi vồng nóng đỏ. Kết hợp tiền sử có sốt rét nên thường ớn lạnh, ăn kém, chậm tiêu, miệng đắng liên tục, xác định đây là túc thiếu dương chứng và túc quyết âm can đồng bệnh. Mặc dầu sốt rét đã lâu nhưng tà khí còn tiềm phục ở hai kinh này gây thành bệnh.

Xử phương: Dùng thang *Thanh tỳ* gia Thần thông 8g, Hà thủ ô 10g, Thảo quả 3 trái, Thường sơn sao giấm 10g để đủ sức khống chế tà khí của sốt rét còn lưu lại ở can đởm rồi truyền kinh hại tỳ. Bệnh còn có liên quan đến mẹ là thận thuỷ nên có triệu chứng đau lưng và viêm cơ thắt lưng.

Biện luận: Bệnh nhân khai đau và sưng nóng đỏ cơ vùng thắt, nhưng bệnh nhân có tiền sử sốt rét, hiện thường xuyên ớn lạnh, ăn kém, chậm tiêu, miệng đắng thì phải xác định ngay là chứng trạng này thuộc thiếu dương, quyết âm bị tà khí của sốt rét còn lưu lại cho nên thấy mạch huyền hữu lực.

Mạch huyền là chủ mạch của can nay đi huyền hữu lực mà thấy ở hữu quan tỳ kinh là tỳ thổ bị can mộc ức chế gây ra chứng đau thắt lưng, viêm cơ thắt lưng, miệng đắng, ớn lạnh thường xuyên, ăn kém, đôi khi lợm giọng. Phải vận dụng ngũ hành sinh khắc 4 mặt để chữa nên dùng thang Thanh tỳ để ức chế can mộc, đồng thời gia Hà thủ ô bổ thận mà cũng có tác dụng trị sốt rét, bệnh nhân uống 3 thang đã ổn định được ớn lạnh, uống thêm 9 thang nữa miệng hết đắng, ăn được, hết đau lưng, viêm cơ thắt lưng cũng hết, nằm được trở lại bình thường.

63. BỆNH ÁN VIÊM THẦN KINH TOẠ (MA MỘC)

Bệnh nhân: Nguyễn Thị B Ch 21 tuổi, làm ruộng ở tại thị trấn MA - ĐT.

Vọng: Thần sắc bình thường, chân phải tê cứng không cử động được.

Văn: Tiếng nói bình thường.

Vấn: Bệnh nhân khai bệnh khởi phát đã 20 ngày, lúc đầu sốt rồi thấy đau từ thắt lưng xuống mông lan xuống đùi đến bàn chân. Rồi chân phải không cử động được, đã đi điều trị nhiều nơi mà bệnh không giảm. Đến nay chân phải đau nhức nhiều hơn và không cử động được, không co duỗi được tê cứng như khúc cây, cấu vào không biết đau, mất cảm giác, cơ chân phải teo.

Thiết mạch: Trầm tế vô lực, kiêm trì.

Quy nạp bát cương: Lý hư hàn

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Theo lời khai của bệnh nhân thì lúc đầu sốt, rồi thấy đau từ thắt lưng dẫn xuống mông lan xuống đùi đến bàn chân. Rồi chân phải không cử động được, không co duỗi được, mất cảm giác, cấu vào không biết đau như cấu vào khúc cây. Nguyên do bệnh này phát ra vì cảm nhiễm khí hàn thấp cho nên mạch đi trầm tế vô lực. Mạch hữu quan là chủ mạch tỳ vị thường là mạch hoãn, nay thấy trầm tế vô lực kiêm trì là hai thể gặp nhau thì hàn thấp càng nhiều úng tắc kinh lạc, sự vận hành huyết dịch nuôi dưỡng hạ chi bị đình trệ, kinh mạch và lạc mạch hai chân bị hàn thấp ngăn trở, khí không vận hành được huyết vì bên phải thuộc khí nên tê dại trước, cấu vào không biết đau như cấu vào khúc cây. Đông y gọi là ma mộc chứng (tê dại).

Xử phương: Dùng thang *Độc hoạt ký sinh* gia Mộc qua, Phòng kỷ, Tục đoạn, Ý dĩ, Nhũ hương, Một dược; cho uống 9 tháng thì chân phải co duỗi được, nhưng còn tê cấu vào chưa biết đau. Tiếp tục dùng thang trên gia Mã tiền chế cho uống 6 thang thì bệnh nhân đi đứng được, chân phải có cảm giác trở lại.

Tái khám thấy mạch đi phù hoãn, tiếp tục cho uống 6 thang nữa, bệnh nhân đi đứng trở lại bình thường.

Bài Độc hoạt ký sinh thang gia vị

Độc hoạt	8g	Tần giao	8g
Tế tân	4g	Đương quy	12g
Bạch thược	12g	Phục linh	12g
Ngưu tất	12g	Cam thảo chích	4g
Phòng kỷ	8g	Ý dĩ	20g
Một dược	6g	Tang ký sinh	16g
Phòng phong	8g	Xuyên khung	4g
Thục địa	12g	Nhục quế	4g
Đỗ trọng	12g	Đảng sâm	8g
Mộc qua	8g	Tục đoạn	8g
Nhũ hương	6g	Mã tiền chế	2g

Công năng của bài thuốc chủ trị hàn thấp tê.

Độc hoạt, Tế tân vào kinh túc thiếu âm thận, ôn thông huyết mạch; phối hợp Tần giao, Phòng phong sơ thông kinh lạc, thăng phát dương khí, khu phong tà, Tang ký sinh ích khí huyết, khử phong thấp; phối hợp Đỗ trọng, Ngưu tất để cường cân cốt, cố can thận, Thục địa, Đương qui, Bạch thược, Xuyên khung, hoạt huyết; Nhân sâm, Nhục quế, Phục linh, Cam thảo ích khí bổ dương; gia Mộc qua, Phòng kỷ bình can hoà tỳ hoá thấp; Ý dĩ trị phong thấp gân co quắp; Nhũ hương, Một dược tiêu ứ huyết, điều khí dẫn huyết; Mã tiền chế trị tê bại liệt.

Biện luận: Chứng ma mộc phát sinh là do cảm nhiễm phong, hàn, thấp vì khí hư không kiện vận được huyết dịch lưu hành xuống hạ chi, hàn thấp làm úng tắc kinh mạch và lạc mạch. Nội kinh nói: ma là khí hư, mộc là thông đàm; Tụ huyết làm trở ngại sự lưu hành huyết dịch, nhưng tựu trung là do khí huyết đều hư.

Nay thấy mạch trầm tế trì vô lực thì phải áp dụng phương pháp bổ khí huyết, cộng thêm một ít vị thuốc phong thuộc loại nhuận huyết, không nên dùng những vị thuốc phong táo.

64. BỆNH ÁN VIÊM THẦN KINH TOẠ LIỆT HAI CHÂN (Ma mộc)

Bệnh nhân: Nguyễn Thị K H 21 tuổi ở xã MP

Vọng: Sắc mặt nhợt nhạt, mệt nhọc.

Văn: Tiếng nói nhỏ

Vấn: Bệnh nhân khai bệnh khởi phát đã 1 tháng. Sau khi ngủ dậy sáng ra thấy đau ở thắt lưng xuống mông lan xuống đùi đến gót chân, rồi hai chân không cử động được, không đi đứng được nữa, đau nhức từ mông đến bàn chân, cơ chân bị teo, bị mất cảm giác, đã trị bằng thuốc Tây cả tháng nay không thuyên giảm.

Thiết mạch: Trầm huyền tế vô lực.

Quy nạp bát cương: Lý hư

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Bệnh nhân khai khi sáng ra ngủ dậy thấy đau ở thắt lưng xuống mông, lan xuống đùi đến gót chân rồi hai chân không cử động được, không đi đứng được nữa, đau nhức từ mông đến bàn chân, cơ chân bị teo, mất cảm giác, xem mạch thấy lục mạch huyền tế vô lực, huyền là can mạch, tế chủ hư vô lực là khí huyết đều hư. Xác định bệnh do can mộc khắc tỳ thổ. Thổ chủ vận hành khí huyết, vì can khắc tỳ thổ, thổ khí hư không vận hành huyết dịch nuôi dưỡng cân mạch tứ chi, đồng thời túc thiếu âm thận hợp bệnh cho nên đau từ lưng xuống mông lan xuống đùi, gót chân. Hai chân đều bị bại liệt không đi đứng được nữa là do đường kinh mạch của túc thiếu âm và túc thái âm tỳ đều có đường kinh mạch và lạc mạch đi từ dưới bàn chân lên mông lên lưng. Vì kinh mạch của hai kinh này bị bệnh, sự vận hành huyết dịch không bình thường, bị hàn thấp tà khí úng tắc cho nên co duỗi không được, vì kinh mạch và lạc mạch bị tắc nghẽn khí bế không vận hành huyết dịch nuôi gân cơ được nên gân bị co cứng, cơ bị teo.

Xử phương: Dùng *thang Độc hoạt ký sinh gia* Mộc qua, Phòng kỷ, Tục đoạn, Nhũ hương, Một dược cho uống 12 thang thì đau nhức từ mông đến chân giảm, có cảm giác khi kích thích bàn chân, bắp chân. Tập đi đứng chút ít được nhưng chân chưa giơ lên cao được.

Cho uống tiếp 6 thang Độc hoạt ký sinh gia vị.

Bệnh nhân trở lại trạng thái bình thường đi đứng hoàn toàn như xưa.

65. BỆNH ÁN VIÊM THẦN KINH TOẠ

Bệnh nhân: Nguyễn Thị V 28 tuổi công nhân xí nghiệp đông lạnh Hải Sản.

Vọng: Thần sắc kém, người uể oải.

Văn: Âm thanh bình thường.

Vấn: Bệnh nhân khai đau một bên mông trái xuống đùi đến bắp chân. Khi ho hoặc cử động thì đau nhiều, gặp lạnh và nước cảm giác tê rần, ăn vào đau vùng thượng vị, ngủ kém, hay ợ hơi.

Thiết mạch: Trầm tế tiểu.

Quy nạp bát cương: Lý dương hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ vào mạch và lời khai bệnh nhân, chứng viêm thần kinh toạ, Đông y gọi là toạ cốt thống, cước khí thống, nguyên nhân là do cảm nhiễm phải khí hàn thấp vì bệnh nhân là CNV Xí nghiệp đông lạnh thường ngày tiếp xúc với khí lạnh và ẩm ướt phát sinh ra. Lâu ngày hàn thấp cảm nhiễm vào tỳ vị, thổ hư không kiện vận được mà kinh mạch của tỳ thổ có đường kinh lạc đi dưới bàn chân lên mông lưng khiến nên thường ăn vào bị ợ hơi và đau vùng thượng vị. Tỳ vị bị cảm nhiễm hàn thấp lâu ngày làm cho công năng vận hoá của tỳ vị bị kém đi. Tỳ chủ cơ nhục, chức năng vận hành tứ chi, nay chức năng vận hành của tỳ vị bị hàn thấp làm trở ngại nên phát sinh chứng đau mông bên trái, đau dọc xuống đùi và đến bắp chân trái gặp lạnh tê rần, đồng thời công năng vận hoá của tỳ cũng mất đi cho nên ăn vào thường bị ợ chua và đau vùng thượng vị là vì chính khí của tỳ vị bị suy kém.

Xử phương: Dùng thang *Hoắc hương chính khí* để điều hoà chính khí, trừ hàn thấp, kiện tỳ, gia Mộc qua, Ngưu tất, Quế chi làm ấm gân cơ giúp cho gân cơ điều hoà, Phòng kỷ, Ý dĩ, Nhũ hương, Một dược vừa chỉ thống, vừa hành khí, lợi thuỷ trừ thấp.

Biện luận: Chứng bệnh viêm thần kinh toạ là bệnh danh của Tây y ám chỉ vào cơn bệnh đau nhức từ thắt lưng xuống mông, xuống đùi, bắp chân và bàn chân.

Đông y chia ra nhiều loại mặc dầu cùng là chứng đau từ lưng xuống đến mông đến bàn chân gót chân qua các bệnh danh toạ cốt thống, ma mộc, cước khí thống, tý chứng (đau khớp) phương pháp điều trị có khác nhau tuỳ chứng mà cho bài thuốc, nguyên do của chứng viêm thần toạ hay là thấp khớp (tý chứng) là do phong hàn, thấp gây ra thì dùng bài *Mộc qua phòng kỷ* để điều trị:

Mộc qua	10g	Phòng kỷ	8g
Lá lốt	10g	Ý dĩ	20g
Quế chi	6g	Phòng phong	6g
Độc hoạt	8g	Hà thủ ô	10g
Ngưu tất	8g	Ngũ gia bì	8g
Thiên niên kiện	8g	Thổ phục linh	8g
Xuyên khung	6g	Hắc khương	6g
Ké đầu ngựa	10g	Phục linh	8g
Nhũ hương	6g	Một dược	6g

66. BỆNH ÁN ĐAU KHỚP HÁNG BÊN PHẢI

Bệnh nhân: Trần Trọng H 27 tuổi, cán bộ ngân hàng tỉnh

Vọng: Dáng người mệt mỏi, uể oải, liệt phần chân phải.

Văn: Tiếng nói và hơi thở bình thường.

Vấn: Bệnh nhân khai cách đây 3 ngày, thấy đau nhức nhẹ ở vùng háng phải, không ảnh hưởng gì đến vận động toàn thân. Bỗng nhiên sáng dậy có cảm giác đau nhức dữ dội khớp háng phải, và sự vận động khớp háng không còn bình thường nữa, khi đi phải có gậy chống, chân phải duỗi thẳng ra như người bị cứng khớp gối, không thể ngồi giạng háng được, dần dần không đi đứng được, muốn xê dịch phải có nạng đi thay chân phải, thỉnh thoảng đau nhức vùng khớp háng và khớp gối phải.

Thiết mạch: Trầm trì

Quy nạp bát cương: Lý hư hàn.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ vào lời khai của bệnh nhân, bệnh khởi phát đột ngột, từ đau nhức nhẹ vùng háng bỗng nhiên ngày hôm sau cường độ đau nhức tăng lên, sự vận động khớp háng không còn bình thường nữa khi đi phải chống gậy để dìu chân phải vì chân phải bị duỗi thẳng ra không co lại được như người bị cứng khớp gối, kế đến bệnh tiến triển không còn sử dụng được chân phải, muốn xê dịch phải có nạng, mạch trầm trì, rêu lưỡi trắng mỏng chứng tỏ dương khí hư, tiêu tiểu bình thường chứng tỏ đường kinh mạch vận hành khí huyết đưa xuống hạ chi bị úng tắc vì hàn khí xâm nhập vào dinh huyết làm đình trệ sự lưu hành huyết dịch nuôi dưỡng hạ chi bị hạn chế.

Xử phương: Dùng thang *Độc hoạt ký sinh* để ôn bổ khí huyết tiêu trừ lãnh phong cảm nhiễm vào kinh mạch, lạc mạch phát sinh chứng ngoan tê (cơ cứng) gia thêm Tục đoạn làm dịu đau, Nhũ hương, Một dược tiêu ứ huyết điều dẫn khí huyết, cho bệnh nhân uống 3 thang có cảm giác bớt đau, bớt co cứng, cho uống liên tục 2 tuần, theo phương thang trên bệnh nhân đi lại được dễ dàng.

Biện luận: Theo chứng trạng trên đây là do khí huyết bị cảm nhiễm hàn thấp vào hạ tiêu làm tắc đường lưu hành huyết dịch, cho nên dùng thang Độc

hoạt ký sinh để ôn bổ khí huyết, khu trừ lãnh phong, ngoan tê cảm nhiễm làm thương tổn kinh lạc co cứng gân mạch khó co duỗi, vì trong thang này có thang Bát trân ôn bổ khí huyết, cộng vào đó có Tần giao, Tang ký sinh làm cho nhuận cân mạch; Độc hoạt, Phòng phong khu phong trừ thấp; Ngưu tất dẫn thuốc đi xuống hợp với Đỗ trọng, Thục địa bổ thận, Nhục quế, Tế tân ôn kinh, tán hàn khí trong kinh mạch.

67. BỆNH ÁN XUẤT HUYẾT DƯỚI DA CẤP TÍNH

Bệnh nhân: Võ Thị S 26 tuổi, văn phòng UBND tỉnh

Vọng: Thần sắc xanh, môi và mặt có đốm đỏ và khắp người nổi đốm đỏ bằng đầu đũa ăn.

Văn: Hơi thở mệt nhọc, tiếng nói nhỏ yếu.

Vấn: Bệnh nhân khai cách đây hơn tháng đã bị chứng xuất huyết dưới da nổi đốm bầm tím, khi va chạm mạnh vào thịt da hoặc thử véo vào da thì màu da chỗ đó hiện lên vết bầm tím sậm. Đã trị bằng Tây y bệnh không thuyên giảm ngày càng gia tăng, thêm các triệu chứng đau nhức khắp mình mẩy, không chịu được, ăn vào nôn mửa, da thịt hâm hấp nóng suốt ngày đêm, tiểu gắt đỏ, khát nước, vành môi hiện lên đốm đỏ, đốm đen đến điều trị Đông y với chẩn đoán bệnh do thận âm hư, không cung cấp đủ khí mát để nuôi can khiến cho can quá nóng làm tổn thương đến kinh mạch nên xuất huyết dưới da. Sau khi điều trị Đông y hơn một tháng thì bệnh từ ổn định đến lành hẳn về tiếp tục công tác tại Văn phòng UBND tỉnh được 1 tháng. Trong khoảng thời gian này cảm thấy trong người đã hồi phục, không nghe theo lời dặn của lương y là phải tiếp tục uống thêm thuốc Bổ thận âm, vì thận âm bị hư chưa hoàn chỉnh trong lúc điều trị bằng Tây y đã dùng quá nhiều thuốc Corticoid (khoảng 400 viên) làm tê liệt công năng của thận nên bệnh tái phát nặng hơn giai đoạn trước, hiện nay suốt ngày đêm thường bị sốt, dưới da bắt đầu thấy những vết xuất huyết đỏ nhưng chưa bầm tím. Nôn ra dịch hồng, tiểu gắt có máu, tiêu chảy màu đỏ, đau nhức toàn thân, chân răng thường rịn máu, ăn ngủ không được.

Thiết mạch: Trầm huyền sác hữu lực.

Quy nạp bát cương: Lý thực nhiệt.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Tiền sử bệnh nhân đã phát chứng xuất huyết dưới da đến độ nặng là dấu xuất huyết tím bầm đen, hay nôn ói, nóng sốt hâm hấp, chảy máu chân răng, đau nhức khắp người như dần, đi đứng mất thăng bằng, đã trị bằng Đông y lành hẳn. Nhưng trong lúc điều trị bằng Tây y cho uống quá nhiều thuốc Corticoid làm cho chức năng thận bị thương tổn, thận âm hư, cho nên khi trị bằng Đông y bệnh được lành, lương y đã căn dặn phải kiên trì dùng thuốc để bồi dưỡng chân âm thận đến mức độ hoàn chỉnh rồi mới nghỉ uống thuốc. Bệnh nhân thấy bệnh đã lành không kiên trì trị cho tận gốc, nên bệnh tái phát mà lại cấp tính phát xuất ồ ạt các triệu chứng xuất huyết dưới da, nôn ra máu, đái ra máu, đi tiêu chảy ra dịch hồng, chân răng chảy máu, khát nước, trong người nóng hâm hấp trở lại. Xem mạch thấy trầm huyền sác hữu lực, xét nghiệm máu tiểu cầu còn có 50.000, tóc rụng.

Xử phương: Chứng này do chân âm thận quá hư không cung cấp thuỷ khí nuôi can mộc, can dương quá thịnh; thiêu đốt kinh mạch làm cho kinh mạch bị tổn thương, làm cho huyết dịch tràn ra da, phát sinh xuất huyết dưới da.

Đông y chẩn đoán liệt vào loại ôn bệnh có 2 triệu chứng hoãn và cấp tính (Tây y gọi là giảm tiểu cầu không rõ nguyên nhân). Căn cứ chứng và mạch trầm huyền sác hữu lực là do thận âm không cung dưỡng đủ thuỷ khí để cân bằng âm dương, can kinh, để can dương quá thịnh khắc chế tỳ thổ làm cho chức năng thống nhiếp huyết của tỳ bị mất đi cho nên bức huyết vọng hành ra vệ biểu, vệ biểu da lông thuộc phế kim, mà phế kim là con của tỳ thổ, vì mẹ bệnh con bị vạ lây (mẫu bệnh cập tử, tử bệnh phạm mẫu) làm thương tổn đến tỳ vị cho nên có chứng ói ra dịch hồng, tiểu ra dịch hồng, tiêu chảy ra dịch hồng, chảy máu chân răng, tóc rụng, chứng tỏ tam âm hiệp bệnh là tỳ kinh, thận kinh và can kinh mà bệnh tình hiện tại do can kinh không thăng bằng âm dương, thận chưa hoàn chỉnh được chức năng để nuôi dưỡng can nên mới tái phát.

Trước tiên là phải hoà can, bình can mộc, kiện tỳ thổ, chỉ huyết, dùng *thang Đơn chi tiêu diêu* gia A giao sao châu 12g, Hắc trắc bá diệp 10g, Hắc kinh giới 10g, Hắc hạn liên 10g, Hoè hoa 8g, Hắc địa du 8g hoà can, bình can, kiện tỳ, chỉ huyết do các kinh mạch bị tổn thương xuất huyết. Vừa cho uống thuốc thang vừa cho uống thuốc tễ là *Tế sinh hoàn* và *Quy tỳ hoàn* cho uống 6 thang. Tái khám thấy mạch còn huyền nhưng bớt sác, hết sốt, các nốt xuất huyết dưới da đã lặn chỉ còn thấy số ít ở chân. Tiếp tục cho uống thêm 3 thang *Đơn chi tiêu diêu gia vị* như trên gia thêm Nhục khấu 8g, Kha tử 8g, thì dấu hiệu xuất huyết dưới da hết hẳn, hết nôn ra máu, tiêu tiểu trở lại bình thường, hết tiêu chảy dịch hồng. Còn môi khô, khát nước, thỉnh thoảng chảy máu chân răng. Ăn được ít, ngủ được, thích uống nước lạnh, đổi dùng thang *Lục vị địa hoàng* gia thêm Sinh địa, A giao sao châu 12g, Tê giác 6g, Hắc hạn liên 10g, Hoè hoa 8g, Hắc địa du 8g, Cúc hoa 8g, Hắc kinh giới 10g, Sa nhân 6g.

Cho uống liên tục 7 thang thì các triệu chứng trên hết hẳn, bệnh nhân ăn được ngủ được và vẫn còn phải uống tiếp đại tễ *Lục vị địa hoàng gia vị* mới bảo đảm hết hẳn.

68. BỆNH ÁN BÍ TIỂU TIỆN VÌ CAN DƯƠNG THỊNH

Bệnh nhân: Trắc Kim G 68 tuổi ở số nhà 58 Trần Quốc Tuấn thành phố MT.

Vọng: Thể trạng gầy xanh

Văn: Tiếng nói không bình thường

Vấn: Người nhà bệnh nhân khai, cách đây 1 tháng bệnh nhân bị ho đã dùng kháng sinh nhưng không giảm bệnh nhân bị ớn lạnh, đã tiêm calci bị bí tiểu tiện, người nóng, bứt rứt, miệng đắng, đau tức bụng dưới, chuyển đến BV Đa khoa điều trị hơn 10 ngày, nhưng không đi tiểu được, liên tục phải đặt ống thông tiểu, nếu không thì căng tức bụng dưới. Chuyển điều trị y học cổ truyền.

Thiết mạch: Thấy mạch trầm huyền sác, hữu lực.

Quy nạp bát cương: Lý thực nhiệt.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Bệnh nhân lúc sơ cảm truyền kinh thiếu dương, nên có triệu chứng ớn lạnh, miệng đắng vì sử dụng lầm thuốc calci khiến cho bệnh truyền biến vào sâu túc quyết âm can thụ nhiệt biến thành chứng bí tiểu tiện. Căn cứ chứng và mạch trầm huyền sác hữu lực là can kinh thấp nhiệt nên mới bí tiểu tiện.

Xử phương: Căn cứ các chi tiết hội chứng bệnh lý ở trên. Xử phương dùng thang *Long đởm tả can*, để vừa hoà giải, vừa bình can để can kinh sơ tiết được tà khí thấp nhiệt. Cho uống 2 thang đầu đến thang thứ 3 là bệnh nhân đi tiểu được trở lại bình thường, nhưng vẫn còn chứng không ngủ được, thỉnh thoảng mệt, nặng ngực, nhức đầu, da nóng hầm hầm.

Thay dùng thang *Đơn chi tiêu diêu* để tán uất nhiệt cho uống 3 thang, bệnh nhân hết nóng hầm hầm, ngủ được nhưng ăn không được.

Tái khám thấy mạch đi còn huyền hoãn, đổi dùng *Hoắc hương chính khí thang gia vị*. Bệnh nhân ăn ngủ được, tiêu tiểu bình thường, bệnh khỏi cho xuất viện.

69. BỆNH ÁN NHŨN NÃO (Liệt, bí tiểu tiện vì âm dương hư)

Bệnh nhân: Nguyễn Thị Ph 66 tuổi, ở phường 6.

Vọng: Mắt nhắm nghiền.

Văn: Hay rên rỉ.

Vấn: Người nhà bệnh nhân khai bệnh khởi phát độ 1 tháng nay, khi mới phát cảm giác yếu nửa người bên phải, nhức đầu dữ dội, nôn luôn, ăn không được, bí tiểu tiện đến điều trị tại Bệnh viên Đa khoa ngày một nặng thêm bị bí tiểu tiện phải thông tiểu liên tục, nếu không thì vùng bàng quang căng đau tức khó chịu, nôn, ăn cháo không được.

Thiết mạch: Lục bộ trầm tế vô lực, hai bộ xích đi rất nhỏ.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ theo mạch đã thiết chẩn kết hợp lời người nhà bệnh nhân khai và tóm tắt bệnh án của Bệnh viện Tây y đã điều trị với chẩn đoán nhũn não do tăng huyết áp (160/110mmHg) kèm theo bí tiểu tiện liên tục phải thông tiểu mà không thuyên giảm. Theo Đông y sáu mạch đều trầm tế vô lực thì phải xét trước nhất là âm dương khí huyết đều suy, chứng này do tâm tỳ lưỡng hư, huyết không đủ nuôi não cho nên có triệu chứng liệt cơ, ăn không được, thường nôn, huyết áp cao 160/110mmHg phát ra chứng nầy là có hiệp bệnh trúng phong, nhưng phong chỉ trúng nhẹ ở kinh lạc nên không hôn mê. Còn nặng nhất là bí tiểu tiện liên tục do bị ảnh hưởng phong trúng kinh mạch bàng quang cho nên bàng quang bị liệt làm cho công năng thải nước tiểu ra ngoài bị mất đi sự vận hoá, mà bàng quang với thận có quan hệ biểu lý. Bí tiểu tiện đây là do hư chứng (hai bộ xích đi rất nhỏ) không phải thực chứng. Tây y đã dùng phép hạ huyết áp, nhưng huyết áp không hạ. Khi bệnh nhân đến xin nhập viện YHDT huyết áp vẫn còn cao 160/110 mmHg đồng thời theo tóm tắt bệnh án của Tây y đã có dùng thuốc lợi tiểu mạnh, tiêm thuốc giãn mạch để vừa lợi tiểu vừa hạ huyết áp không hiệu quả nên chuyển điều trị YHCT.

Căn cứ vào các triệu chứng trên và tóm tắt bệnh án của Tây y thì đây là chứng âm dương suy kiệt, khí huyết đều hư, cho nên không thể dùng những phương pháp công trục được mà phải theo mạch và chứng để xử lý.

Xử lý, trước tiên vọng thấy bệnh nhân nằm nhắm mắt, thường nôn, tay chân bên phải bị liệt không cử động được, huyết áp vẫn còn ở mức 160/110 mm Hg, nhận xét vì tâm tỳ hư huyết không đủ nuôi não cho nên mất đi sự điều tiết toàn thân.

Xử phương: Dùng *Quy tỳ thang gia* Xương bồ, Câu đằng, Địa long, Ngưu tất, Thảo quyết minh, Cúc hoa cho uống liên tục 4 thang để ổn định khí huyết, thì huyết áp dần hạ xuống qua ngày thứ hai 130/80mmHg, ngày thứ ba 110/70, ngày thứ tư 110/60 mmHg, bệnh thuyên giảm, mở mắt, nói chuyện với người nhà được rõ ràng hơn.

Tái khám thấy mạch vẫn trầm tế vô lực mà 2 bộ xích nhỏ lắm, vẫn bí tiểu tiện và đại tiện, bàng quang căng cứng phải thông tiểu liên tục. Suy nghĩ đã đúng phương pháp trị khí huyết thì huyết áp đã xuống nhiều bệnh nhân tỉnh táo. Sở dĩ bệnh nhân bị bí tiểu tiện liên tục là do thận âm thận dương đều hư cho nên thận và bàng quang mất đi công năng điều tiết thuỷ dịch, mà đây không phải vì thấp nhiệt mà bí tiểu. Sở dĩ bí tiểu đây là vì mệnh môn tướng hoả hư cho nên long lôi hoả thượng nghịch làm cho nôn ói, ăn không được.

Thay dùng thang *Kim quỹ thận khí* cho uống 3 thang thì bệnh nhân đã tự đi tiểu được, tiếp tục cho uống thì bệnh nhân tiểu trở lại bình thường, các triệu chứng lúc đầu ổn định và khỏi hẳn.

Biện luận: Bệnh có hư có thực, sự chẩn đoán phải tế nhị để xét xem bí tiểu này do hư hay thực tìm nguyên do của nó mới chẩn đoán trị liệu chính xác.

Bệnh này cấp chứng là huyết áp cao có nguy cơ tai biến mạch máu não cho nên phải dùng pháp thăng bằng khí huyết, hạ áp huyết trước.

Sau khi phần khí huyết đã ổn định phải xét đến căn nguyên bệnh thuộc về âm dương, mạnh dạn quay về điều trị âm dương mới đạt hiệu quả.

Trước tiên dùng *Quy tỳ gia vị thang* để dẫn huyết quy tỳ. Sau dùng thang Kim quỹ thận khí mục đích để bồi dưỡng thận dương tức là mệnh môn tướng hoả, Thục địa, Sơn châu du (Táo nhục) bổ ích thận âm tiếp tinh khí, Hoài sơn, Phục linh kiện tỳ, thẩm thấp; Trạch tả tiết thận trung thuỷ tà, Đơn bì thanh can đởm tướng hoả, Quế, Phụ tử bổ mệnh môn hoả dẫn hoả quy nguyên; Ngưu tất có tác dụng phá huyết hành ứ, bổ can thận, Xa tiền tử vào 3 kinh, can, thận, tiểu trường tác dụng lợi tiểu.

Đây là phương pháp bổ thận âm, thận dương, điều tiết thuỷ dịch nhiên hậu dương sinh âm hoá, thận khí sung mãn, thuỷ dịch tự thông lợi, không thể dùng pháp công trục lợi thuỷ vì âm dương đã hư.

70. BỆNH ÁN THẬN LAO (Cao huyết áp, mất ngủ, tiểu tiện không tự chủ)

Bệnh nhân: Huỳnh Tấn Ph 77 tuổi, cán bộ MTTQ VN

Vọng: Sắc mặt bơ phờ, ít nói.

Văn: Hơi thở bình thường.

Vấn: Thân nhân bệnh nhân khai, bệnh nhân mắc chứng mất ngủ, tiểu tiện nhiều lần không tự chủ. Tiểu tiện tự chảy không kìm giữ được. Trí nhớ giảm, ít nói, không chịu tiếp xúc nói chuyện, huyết áp luôn là 170/90mmHg.

Thiết mạch: Trầm huyền hữu lực.

Quy nạp bát cương: Lý âm hư, dương thịnh.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ chứng và mạch thì đây là chứng thận lao, mất ngủ là do can không tàng được huyết, can chủ sơ tiết không được thận thuỷ bồi dưỡng âm khí để bình can, cho nên can dương thịnh không ngủ được, huyết áp 170/90mmHg cũng là do can không bình, tiểu tiện nhiều lần và không tự chủ được, tiểu tiện tự chảy không kìm giữ được vì can thực trở lại ức chế mẹ là thận thuỷ làm cho thận hư nặng, mất đi công năng điều tiết thuỷ dịch, nên thấy mạch trầm huyền hữu lực. Thận chủ sinh tinh, tinh sinh tuỷ, có quan hệ với não, vì thận lao không sinh tinh tuỷ được để bồi dưỡng cho não nên bệnh nhân ít nói, trí nhớ giảm.

Nội kinh nói: Thận chủ tàng tinh, tinh sinh tuỷ và nó thông lên óc (bộ não) vì thận có liên quan đến não, thận tinh sung túc thì xương, tuỷ, não, ba bộ phận ấy sẽ đầy, chắc khoẻ mạnh, chân tay cứng cáp lẹ làng, hành động lanh lẹ tinh lực dồi dào, tỏ tai, sáng mắt, khi thận tinh không đầy đủ thì thể hiện các chứng động tác chậm chạp, ít nói, muốn ít tiếp xúc với ai, xương mềm không có sức, thiếu máu chóng mặt, lú lẫn hay quên khác chứng nhũn não do tâm tỳ hư, cũng có những triệu chứng giống như vậy.

Thận lại chủ mệnh môn hoả tức là thận dương, thận dương là lực lượng chủ yếu duy trì sinh mạng con người, thận dương với thận thuỷ (tức là thận tinh) một cái âm một cái dương hoà hợp nhịp nhàng với công năng tạng phủ khác để duy trì sự sinh trưởng phát dục bình thường của con người.

Bệnh nhân bị chứng thuỷ hoả không ký tế, thận âm hư thận dương không kiềm giữ nên cũng hư theo, thượng nghịch kích động can dương, làm cho mất ngủ, không điều tiết được thuỷ dịch như con ngựa không dây cương, không kìm giữ được nước tiểu, nó tự thoát xuất mà không hay.

Xử phương: Qua các chứng trạng trên xử phương dùng thang *Lục vị địa hoàng* gia Ích trí nhân, Phá cố chỉ, Câu kỷ tử, Viễn chí, Thạch xương bồ, Đỗ trọng, Câu đằng, Ngưu tất, Thảo quyết minh, Cúc hoa để bổ thận thuỷ; thận hoả gia Câu đằng, Ngưu tất, Thảo quyết minh, Cúc hoa để bình can, trấn can.

Cho uống 12 thang, diễn tiến tốt, ngủ khá, nói khá hơn, tiểu nhiều lần.

Tái khám thấy mạch trầm hoãn, bệnh tỉnh, tiếp xúc tốt, ăn ngủ khá hơn, tiểu bớt lần đi, bớt són. Tiếp tục cho uống thang trên gia thêm Long cốt, Mẫu lệ cho uống 6 thang, khi mắc tiểu bệnh nhân chủ động được, không còn chứng tiểu tiện tự thoát nữa.

71. TRÚNG PHONG BÁN THÂN BẤT TOẠI

(Tai biến mạch máu não để lại di chứng liệt nửa người)

Lý luận: Nội kinh Tố Vấn nói: "Có người bỗng nhiên ngã vật ra, cứng đờ hoặc một bên người bị liệt không cử động được, hoặc chân tay không co lại được, hoặc hôn mê không biết gì, hoặc chết hoặc không chết", thông thường trong các sách xưa đều nhận là trúng phong.

Người mắc phải bệnh này đa phần là do âm hư hoặc âm dương lưỡng hư. Về nguyên nhân bệnh này, căn cứ các sách xưa có thể quy nạp vào các điểm dưới đây:

1. Ảnh hưởng khí hậu: Vì gió độc, tà khí bỗng nhiên xâm nhập vào.
2. Sinh hoạt mất bình thường: như uống rượu nhiều, ăn nhiều đồ ngon béo và dâm dục quá độ.
3. Tinh thần bị kích thích: Nội thương tình chí quá độ, quá mừng, quá giận, tinh thần bỗng nhiên gặp phải sự kích thích, hoặc vì luôn luôn bị căng thẳng đến nỗi làm cho khí huyết âm dương trong người bị rối loạn mất thăng bằng mà bỗng nhiên sinh bệnh này.

Chẳng qua vì thể chất người ta khác nhau, đối với sự phản ứng kích thích từ ngoài vào cũng không giống nhau, phần nhiều vì hư yếu bên trong mà sinh phong, cũng có do ngoại cảm mà sinh phong, cũng vì có nội nhân và ngoại nhân phối hợp phát sinh ra như 3 điểm đã nói ở trên. Vì thế mà triệu chứng thể hiện cũng có nặng nhẹ khác nhau.

Người xưa căn cứ vào chứng hậu khác nhau, biểu hiện trên lâm sàng mà chia nguyên nhân bệnh ra ngoại phong và nội phong. Về chứng hậu đã chia ra trúng kinh, trúng lạc, trúng phủ, trúng tạng. Nói là nội phong và ngoại phong là sau khi đã bị bệnh rồi dựa vào chứng hậu mà chẩn đoán được. Nói là trúng kinh lạc, trúng tạng phủ là nêu ra sự mắc bệnh nông hay sâu, nặng hay nhẹ, kỳ thực thì chứng trạng của nội phong và ngoại phong, có khi thể hiện ra lẫn lộn nhau, ranh giới giữa trúng phủ với trúng tạng cũng rất khó mà phân biệt rõ ràng. Vì thế cần phải nắm vững những trọng điểm của chứng hậu và mạch lý mà phân tích nghiên cứu thêm. Như thế mới có thể xử lý lâm sàng đúng đắn để điều trị chính xác.

Đặc điểm của bệnh này ngoài nguyên nhân vì cảm phải gió độc tà khí ở ngoài mà bỗng nhiên phát bệnh, thì nói chung trong thời kỳ phát bệnh thường có các chứng đầu nặng, chân nhẹ, đầu choáng mắt hoa, tê tay chân không ngủ được, đau đầu hoặc cử động thì thở gấp, đêm đi tiểu luôn, thậm chí trong sinh hoạt hàng ngày có lúc tiếng nói cứ ngượng nghịu, nói ngọng. Những hiện tượng ấy là triệu chứng đầu tiên của bệnh trúng phong, lúc ấy tinh thần và tính tình của người bệnh phần nhiều có vẻ căng thẳng, nếu không kịp thời đề phòng và tìm cách chữa đúng đắn thì sẽ diễn tiến đến giai đoạn hai một cách rất nhanh, tức là thời kỳ phát ra bệnh trúng phong.

Như phần trên đã nói: "Trúng phong sở dĩ phát sinh là do có nội thương đàm hoả. Thời kỳ bệnh phát ra, ngoài hiện tượng lúc đầu bỗng nhiên ngã vật ra rồi hôn mê bất tỉnh, hoặc cấm khẩu, tay nắm chặt, thở kéo khò khè hoặc nhắm mắt

miệng há, tay buông xoè, són đái. Nếu trong khi hôn mê mà không chết, nếu là trúng vào kinh lạc, bệnh nhẹ thì sẽ tỉnh dần để lại di chứng liệt mặt (miệng méo mắt lệch không nhắm kín), hoặc bán thân bất toại liệt nửa người nhưng vẫn tỉnh không hôn mê, không cấm khẩu".

Nếu trúng vào tạng phủ thì nặng hơn, cũng có chứng bán thân bất toại, khẩu nhãn oa tà, miệng méo mắt lệch, thêm chứng hôn mê bất tỉnh nhân sự, cứng lưỡi không nói được, tiêu tiểu mất cảm giác, mê sảng, ăn uống bị sặc khó nuốt, tinh thần lơ mơ. Từ khi bệnh bắt đầu phát ra cho đến thời kỳ cuối của bệnh là đã chuyển vào giai đoạn thứ ba một quá trình chữa bệnh phức tạp. Vì thế đối với việc đề phòng và chữa ở thời kỳ mới phát của bệnh này là việc cần thiết, lúc ấy nên căn cứ vào tình hình khác nhau mà chữa cho đúng. Khi bệnh trúng phong phát ra, trước tiên cần phải phân biệt chứng bế và chứng thoát nó có ý nghĩa quan trọng trong việc chữa bệnh.

Chứng bế thuộc thực: Chứng trạng phần nhiều là tay nắm chặt, miệng cắn chặt, thở to mà dài, mạch trầm huyền hữu lực.

Chứng thoát thuộc hư: Chứng trạng phần nhiều là miệng há, tay chân buông xoè, són đái, tự đổ mồ hôi, tiếng thở khò khè, mạch trầm tế sác vô lực hoặc hư đại.

Chứng bế chủ yếu là phải khai bế ngay

Trước tiên dùng *Thông quan tán* để cho hắt hơi dùng *Khai quan tán* để cho há miệng, rồi sau tuỳ theo chứng trạng hàn hay nhiệt mà điều trị. Châm huyệt Thuỷ câu (Nhân trung) chỗ 1/3 trên giữa rãnh môi và mũi, huyệt Thập tuyên ở trên đầu 10 ngón tay chỗ cách móng độ 1 phân, thì tinh thần tự nhiên khoan khoái.

Chẩn đoán

Chẩn đoán phải phân biệt được trúng kinh, trúng lạc, trúng phủ, trúng tạng hoặc vừa trúng kinh lạc, vừa trúng phủ tạng. Tứ chẩn kỹ lưỡng phát hiện hư thực, hàn nhiệt, đàm hoả, thoát chứng, bế chứng, nông sâu thì điều trị mới chính xác.

Mạch trúng phong trị được và không trị được

Người bình thường mạch sáu bộ bình thường, đột nhiên bị trúng phong và trúng tà quá nặng, bế tắc cửu khiếu, chân nguyên hư thoát, độc tuyệt. Mạch đến một tức 7 - 8 cái không lớn không nhỏ tuy nguy khốn nhưng có thể trị được.

Nếu mạch phù thì chết ban ngày, nếu thấy mạch trầm thì chết ban đêm không trị được. Nếu bệnh nhân mạch quá lớn nhỏ (đại, tiểu quá mức) hoặc lắc đầu bó gối cũng thuộc tử chứng không trị được.

Điều trị

Phàm khi mới phát bệnh thuộc bế chứng thì dùng *Thông quan tán* thổi vào lỗ mũi, nếu hắt hơi được thì trị được, nếu thổi thuốc vào mà không hắt hơi được thì chết.

Cấm khẩu, không há miệng được dùng *Khai quan tán* chà xát vào lợi răng, hoặc đàm dãi úng tắc thì dùng phép gây nôn để làm cho ói đàm nhớt.

Thông quán tán

Nha tạo hoặc tạo giác	12g
Bắc tế tân	8g
Bạc hà	6g
Nam tinh hoặc sinh Bán hạ	6g

Bốn vị hợp lại tán bột mịn, sau khi sử dụng dùng 1 ống trúc hoặc giấy cuốn tròn xúc độ 0,1g thổi vào lỗ mũi.

Khai quan tán:

Ô mai nhục	10g
Sinh nam tinh	10g

Giã nhuyễn thoa xát vào chân răng cho há miệng được. Nếu bất tỉnh thì dùng giấy ép dầu bã đậu để bột Tạo giác vào đốt xông ngay lỗ mũi bệnh nhân sẽ tỉnh lại. Nếu nói không được dùng nước đái Rùa chấm vào cuống lưỡi sẽ nói được.

Đàm viên úng tắc thượng tiêu dùng phép thổ là:

Qua đế (cuống Dưa đá)	12g
Xích tiểu đậu	10g
Toàn yết	4g

Ba vị hợp lại tán bột mịn mỗi khi dùng lấy khoảng 4g hoà nước sôi cho uống ói được ngay.

Bệnh nhân không nuốt được thì dùng ống xông đút vào lỗ mũi đẩy xuống dạ dày để cho uống thuốc uống nước.

Xử phương:

Chứng thoát chủ yếu là phải cố thoát ngay. Nếu mạch hư tán thì dùng *Sâm phụ thang* để hồi dương: Nhân sâm 12g, nếu dùng Đảng sâm thì 20g, Phụ tử chế 8 - 10g, Ngũ vị tử 4g, Long cốt 8g, Mẫu lệ 8g để giữ âm. Nếu mạch trầm tế thì có thể dùng bài *Lý trung thang*, hoặc *Phụ tử lý trung thang*, cứu huyệt Quan nguyên (dưới rốn 3 khoát), huyệt Khí hải (dưới rốn 1 khoát rưỡi tay) để hồi dương cứu thoát, khi bệnh ổn định theo chứng mà chữa.

Nói tóm lại chữa ngoại phong chủ yếu là phải phát biểu khu phong, chữa nội phong chủ yếu là phải trấn can trừ phong.

Chứng thuộc hư cần phân biệt âm hư và dương hư cách chữa có khác nhau giữa ôn bổ với tư bổ.

Đại để sau khi bị trúng phong mà sắc mặt đỏ, mạch huyền trường hữu lực là thuộc về nhiệt, về thực có thể dùng bài *Linh dương câu đằng thang gia giảm* là: Linh dương giác hoặc Sừng trâu 10g, Thiên ma 6g, Câu đằng 8g, Long đởm thảo 6g, Tang ký sinh 8g, Ngưu tất 8g, Kê huyết đằng 8g, Cương tàm 4g, Ngô công 4g sao vàng bỏ chân và đầu đuôi tán mịn. Toàn yết sao vàng bỏ chân kẹp tán mịn 4g, các vị sắc xong hoà bột Cương tàm, Toàn yết, Ngô công vào uống.

Nếu sắc mặt xanh nhợt mạch trầm trì hoặc trì vô lực là thuộc về hàn về hư có thể dùng bài *Địa hoàng ẩm tử* là: Thục địa hoàng 12g, Ba kích 8g, Táo nhục 8g, Nhục thung dung 8g, Phụ tử 8g, Nhục quế 4g, Thạch hộc 8g, Phục linh 8g, Thạch xương bồ 8g, Viễn chí chế 4g, Mạch môn 8g, Ngũ vị tử 4g, Bạc hà 2g, Đại táo, Gừng sống.

Hoặc dùng bài *Độc hoạt ký sinh* gia Tục đoạn 8g, Câu đằng 8g, Xương bồ 8g, Phụ tử 6g.

Giai đoạn đầu phong trúng kinh lạc, trúng phủ, phân biệt trúng lạc thì khẩu nhãn oa tà (miệng méo, mắt lệch nhắm không kín) Tây y gọi là liệt dây thần kinh VII.

Trúng phong, trúng phủ, bán thân bất toại không nói được, bất tỉnh nhân sự, gân mạch co quắp thì dùng bài *Tiểu tục mệnh thang* là: Ma hoàng 4g, Quế chi 4g, Xuyên khung 4g, Đảng sâm 4g, Bạch thược 12g, Hạnh nhân 12g, Hoàng cầm 8g, Phòng kỷ 8g, Cam thảo Bắc 4g, Phụ tử 4g, Phòng phong 6g, Gừng sống 12g sắc uống.

Hoặc dùng thang *Kinh phòng bại độc tán* gia Câu đằng, Địa long mỗi vị 8g, Xương bồ 10g. Trúng lạc, khẩu nhãn oa tà miệng méo mắt lệch cũng dùng các bài trên đây.

Cho nên người thầy thuốc khi gặp bệnh trúng phong (tức là tai biến mạch máu não theo sự chẩn đoán của Tây y) thì phải tế nhị, phân biệt trúng kinh lạc, trúng tạng phủ để đặt phương điều trị.

- Phong trúng lạc là biểu hiện khẩu nhãn oa tà.
- Phong trúng kinh mạch biểu hiện bán thân bất toại, gân cốt tê liệt, không cử động được, nhưng không hôn mê.
- Phong trúng phủ biểu hiện hôn mê, cứng ngọng, liệt nửa người, tiêu tiểu không tự chủ.
- Phong trúng tạng thì tinh thần hôn mê, cấm khẩu không nói được, môi miệng mất cảm giác không giữ được nước miếng, nước dãi tự chảy ra, uống nước sặc khó nuốt, táo bón, uất.

Phòng ngừa và điều trị theo giai đoạn

Trúng phong mà Tây y gọi là tai biến mạch máu não, theo Tây y thì nguyên nhân của nó là tăng huyết áp làm đứt mạch máu não, xuất huyết não căn cứ theo hiện trạng của bệnh.

Còn YHCT căn cứ về khí hoá vô hình của:

1. Thời tiết, khí hậu

2. Sinh hoạt mất bình thường

3. Nội thương tình chí

Tóm lại theo học thuyết YHCT là do cơ thể bị nội hư. Chính khí suy thoái nên bệnh trúng phong mới phát sinh được.

Về phòng ngừa: Từ khi bệnh bắt đầu phát cho đến thời kỳ cuối là một quá trình chữa bệnh rất phức tạp. Vì thế đối với việc phòng và chữa ở thời kỳ bệnh mới phát là rất cần thiết, nên căn cứ vào tình hình khác nhau mà chữa cho đúng. Nếu biểu hiện ra chứng đau đầu, choáng váng, tai ù, không ngủ được, mạch huyền hữu lực, hoặc vì nội thương tình chí thì nên dùng phương thuốc có tác dụng bình can giáng nghịch (tức là bình huyết áp nếu do tăng huyết áp) như *Thiên ma câu đằng ẩm* là:

Thiên ma	6g	Câu đằng	8g
Chi tử	8g	Hoàng cầm	6g
Ngưu tất	8g	Đỗ trọng	8g
Ích mẫu	6g	Tang ký sinh	8g
Phục thần	8g		

Sắc uống

- Nếu vì thời tiết, khí hậu sinh hoạt mất bình thường, thì dùng bài *Kinh phòng bại độc gia* Câu đằng, Ngưu tất, Xương bồ, Viễn chí chế, sắc uống.

- Nếu vì khí thực, đại tiện táo kết, mạch huyền hữu lực mà lớn thì nên bình can tả hoả, có thể dùng bài *Tả thanh hoàn* gia giảm là:

Phòng phong	6g	Long đởm thảo	6g
Chi tử	6g	Đại hoàng	10g
Hoàng cầm	6g	Ngưu tất	6g

Sắc uống hoặc dùng thang *Đại sài hồ* là:

Sài hồ	8g	Bán hạ	6g
Cam thảo	4g	Hoàng cầm	6g
Đại hoàng	10g	Hậu phác	6g
Chỉ thiệt	6g		

Sắc uống

- Nếu người bệnh đau đầu, cử động khó khăn, thỉnh thoảng chóng mặt muốn ngã, mạch ở bộ thốn thịnh mà bộ xích hư, thì nên tư bổ thận, trấn can dùng bài *Kiến linh thang:*

Sinh địa hoàng	29g	Ngưu tất	12g
Bạch thược	8g	Bá tử nhân	8g
Sinh long cốt	8g	Sinh mẫu lệ	8g

Sắc uống.

Trên đây là nói giai đoạn đầu hoặc giai đoạn sau cùng. Khi bệnh trúng phong qua giai đoạn khẩn trương nguy cấp mới dùng được.

- Trong giai đoạn trúng phong đang kịch phát, nếu chẩn đoán thấy chứng thoát hư, miệng há, tay xoè, mắt mở, són đái, mũi thở mạnh, người lạnh là chứng âm vong dương thoát phải mau dùng *Đại tễ sâm phụ thang*:

Nhân sâm	20g
Phòng đảng sâm	40g
Phụ tử	10 - 12g

Là thuốc hồi dương để bảo toàn tính mạng, nhất thiết đừng dùng lẫn một tí âm dược, hoặc thuốc tiêu đàm thanh hoả giáng khí nào vì dùng những thứ thuốc ấy sẽ làm cho bệnh nhân mau chết. Nếu trung khí kém thì gia Bạch truật để giữ trung khí, suyễn thở gia Ngũ vị tử 4g để liễm nạp, làm thế mới mong cứu vãn dương khí.

Khi dương khí hồi phục mới có thể dùng các bài thuốc bổ chân âm chân dương như *Lục vị, Bát vị địa hoàng*; bổ khí huyết như các bài *Bổ trung ích khí, Quy tỳ thang, Nhân sâm dưỡng vinh* tuỳ theo chứng trạng gia giảm; nếu di chứng tê liệt dùng các bài *Địa hoàng ẩm tử, Độc hoạt ký sinh*, nói ngọng nghịu hoặc đớ lưỡi gia Thạch xương bồ, huyết áp còn dao động gia Câu đằng, Ngưu tất, Địa long. Nếu tình thế có thể ghé dùng phong dược cũng nên chọn những vị có chất nhuận như Phòng phong, Tần giao, Câu đằng, Thiên ma, Đỗ trọng, Tục đoạn, Uy linh tiên, Ngưu tất, Kim ngân hoa, Tang ký sinh. Như thế không chữa phong mà phong tự khỏi.

Trên đây giải thích đầy đủ chi tiết phương pháp trị bệnh trúng phong tức là tai biến mạch máu não đúng theo nguyên tắc của Đông y mà các lão tiền bối y sư truyền thụ qua thực trị lâm sàng: Muốn chữa phong trước phải chữa huyết.

Di chứng bại liệt sau tai biến mạch máu não

Phần này trình bày các y án trị di chứng bại liệt sau khi trúng phong đã điều trị tại BV YHDTTG có kết quả thực tế qua các trạng thái phức tạp của hậu trúng phong qua lâm sàng sàng thực trị đã được tổng kết quy nạp hội chứng bệnh lý, chẩn đoán, xử phương rành rẽ từng loại như sau:

1. Phong trúng lạc mạch, Tây y gọi là liệt thần kinh VII.

Phong trúng lạc mạch biểu hiện miệng méo, mắt lệch nhắm không kín (khẩu nhãn oa tà).

2. Phong trúng kinh mạch biểu hiện bán thân bất toại (tả nan, hữu oán) tức là liệt một nửa thân mình, nếu liệt bên phải thì biết đây là trúng phong thuộc khí hư, dương hư, liệt nửa thân mình bên trái thì biết đây là trúng phong thuộc huyết hư âm hư, vẫn tỉnh không hôn mê.

Trúng kinh mạch có các triệu chứng liệt nhưng người tỉnh táo, không hôn mê, còn nói được.

3. Phong trúng phủ biểu hiện bán thân bất toại, bên phải hoặc bên trái, thêm các triệu chứng hôn mê không nói được hoặc đớ lưỡi nói ngọng ú ớ, gân mạch co quắp ngồi đứng không được.

4. Phong trúng tạng biểu hiện hôn mê, cấm khẩu, tiêu tiểu trong quần không biết, hoặc bón uất, ăn uống khó khăn, nuốt cháo hoặc uống nước thường bị sặc, môi miệng mất cảm giác không giữ được nước miếng, nước dãi tự chảy ra, bán thân bất toại, bên trái hoặc bên phải, ngồi đứng không được, tay chân thường bị co giật.

72. LIỆT DÂY THẦN KINH VII NGOẠI BIÊN

Bệnh nhân: Nguyễn Thị M.A, 42 tuổi, ở xã Bình Ân

Vọng: Thần sắc uể oải, mệt nhọc, miệng méo lệch bên trái, mắt phải lệch, không nhắm kín được.

Văn: Hơi thở bình thường, tiếng nói bình thường.

Vấn: Bệnh nhân khai cách đây nửa tháng, sau khi ngủ dậy thấy mình bị liệt một bên mặt. Trước và sau khi xảy ra chứng này không có dấu hiệu đau nhức vùng mặt, nay thấy nhức đầu.

Thiết mạch: Trầm tế

Quy nạp bát cương: Lý hư

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ triệu chứng bệnh nhân khai, đây là chứng trúng phong, phong trúng vào lạc mạch cho nên phát sinh ra chứng khẩu nhãn oa tà.

Trước và sau khi xảy ra chứng này, bệnh nhân không có dấu hiệu đau nhức ở vùng mặt và đầu. Tuy nhiên xét theo mạch trầm tế, bệnh nhân bẩm chất vốn hư, cho nên trước tiên không có dấu hiệu gì, nhưng khi nằm ngủ bị phong tà cảm nhiễm vệ biểu phát sinh miệng méo, mắt lệch, không nhắm kín được và bắt đầu thấy nhức đầu.

Xử phương: Căn cứ các triệu chứng trên, trước tiên là phải khu tà ở vệ biểu, lồng vào đó bổ khí huyết để thực hiện phép vừa công vừa bổ, dùng thang *Nhân sâm bại độc* gia Câu đằng, Phòng phong, Bạch chỉ, Đương qui, Bạch thược cho uống 10 thang bệnh nhân dần dần miệng hết méo, mắt nhắm kín được, hết lệch. Xem mạch lại thấy mạch đi trầm hoãn đổi dùng thang *Độc hoạt ký sinh* cho uống thêm 6 thang nữa, bệnh đã ổn định trở lại gần bình thường cho xuất viện tiếp tục điều trị ngoại trú cho đến hết hẳn.

Biện luận: Chứng trạng nầy do vệ biểu hư, phong tà trúng vào lạc mạch ở mặt cho nên phát sinh ra chứng miệng méo, mắt lệch, mặc dầu bệnh nhân khai trước và sau khi bị chứng này không có dấu hiệu đau nhức vùng đầu mặt.

Tuy nhiên đối với mạch trầm tế là có dấu hiệu nội thương cho nên đêm nằm ngủ, khi sáng thức dậy thì mới biết mình bị miệng méo, mắt lệch là do nội thương từ trước. Khi nằm ngủ gặp luồng gió độc xâm nhập vào vệ biểu mà phát sinh ra, nhưng thuộc loại nhẹ vì là phong chỉ trúng vào lạc mạch chưa phạm vào sâu, mà Tây y gọi liệt thần kinh VII. Vì vậy lúc đầu dùng thang Nhân sâm bại độc gia Câu đằng, Phòng phong, Bạch chỉ, Đương qui, Bạch thược để vừa công, vừa bổ. Sau dùng thang Độc hoạt ký sinh bổ khí huyết, nhuận gân mạch, bệnh tự lành.

73. BỆNH ÁN LIỆT DÂY THẦN KINH VII NGOẠI BIÊN

Bệnh nhân: Nguyễn Văn Th 35 tuổi ở xã Mỹ Lợi B.

Vọng: Người uể oải, miệng méo về bên trái, mắt lệch không nhắm kín được.

Văn: Tiếng nói và hơi thở bình thường.

Vấn: Bệnh nhân khai bệnh khởi phát đã 2 tháng bị liệt mặt phải, mất cảm giác nửa bên mặt phải, mắt nhắm không kín, miệng bị méo lệch về bên trái, thường nhức đầu bên phải, mỏi tê tay phải.

Thiết mạch: trầm hoạt tiểu.

Quy nạp bát cương: Lý thực.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Theo chứng trạng này Đông y gọi là khẩu nhãn oa tà, Tây y gọi liệt thần kinh VII. Do có nội hư, phần thượng tiêu bị phong tà trúng vào lạc mạch cho nên phát sinh chứng khẩu nhãn oa tà (miệng méo, mắt lệch nhắm không kín). Xét theo mạch trầm hoạt tiểu, thì hoạt là tích, tiểu là hư, vốn bị tích phong tà vào vệ biểu kèm theo nội hư khi gặp trái gió trở trời bệnh phát sinh, đây cũng thuộc loại trúng phong, nhưng căn bệnh còn nhẹ phong trúng lạc mạch.

Xử phương: Trước phải khu tà tại vệ biểu, đồng thời phải bổ khí huyết, dùng thang *Nhân sâm bại độc* gia Phòng phong, Kinh giới cho uống 10 thang, bệnh nhân bớt méo miệng, tay chân bớt mỏi và tê. Vùng mắt phải cảm giác co giật, không nhắm kín, đầu căng nhức, tiếp tục dùng thang *Nhân sâm bại độc* gia Câu đằng 10g, Mã tiền chế 2g, cho uống tiếp 10 thang nữa thì mắt bớt lệch, nhắm gần kín, miệng hết méo. Tái khám thấy mạch đi trầm hoãn đổi dùng bài *Độc hoạt ký sinh* gia Câu đằng 10g, Mã tiền chế 2g để vừa khu phong trừ thấp, vừa bổ khí huyết vì bệnh nhân có gốc nội hư, bệnh lành hẳn.

Biện luận: Sở dĩ dùng thang Nhân sâm bại độc để trị bệnh này là vì phong tà chỉ trúng vào lạc mạch chưa phạm sâu vào kinh mạch tạng phủ. Thang Nhân sâm bại độc có tác dụng khu trừ phong tà ở vệ biểu lại có Nhân sâm bổ hư. Mạch trầm hoạt tiểu, hoạt là tích thụ phong tà, tiểu là khí hư mạch đi nhỏ. Bệnh nhân lại có nhức đầu, co giật nhẹ vùng hai mắt, mắt lệch không nhắm kín được, miệng méo lệch về bên trái, cảm giác tê mỏi, nên gia Câu đằng chống co giật, Mã tiền thông kinh mạch.

1. Công năng của các vị thuốc trong bài Nhân sâm bại độc

Khương hoạt, Độc hoạt, Sài hồ, Xuyên khung phát hãn giải cơ, khử thấp tà; Tiền hồ, Chỉ xác giáng khí hành đàm; Cát cánh, Phục linh, tiết phế trung tà nhiệt, thẩm thấp trừ đàm; Cam thảo hoà trung giải biểu; Nhân sâm phù chính khu tà; Sinh khương, Bạc hà, trợ lực giải biểu phát hãn. Chủ trị cảm nhiễm phong, hàn, thấp, nhiệt tà khí, ố hàn, phát nhiệt, nhức đầu, cứng cổ, nghẹt mũi, tiếng nặng, cơ thể đau nhức, ho hen có đàm, không mồ hôi. Người bệnh hư nhược để Nhân sâm, người có sức bỏ Sâm gia Kinh giới, Phòng phong.

2. Công năng các vị thuốc của bài Độc hoạt ký sinh

Độc hoạt, Tế tân vào túc thiếu âm thận để ôn thông huyết mạch; phối hợp Tần giao, Phòng phong sơ thông kinh lạc, thăng phát dương khí, khử phong tà. Tang ký sinh ích khí huyết, khử phong thấp, Tục đoạn bổ can thận, lợi gân xương, thông huyết mạch, nối gân cốt đứt đau, bổ toàn thân, Mộc qua liễm phế chỉ ho, bình can, hoá tỳ thấp, thư cân cốt, phù nề, chân tay đau nhức, chuyển cân (vọp bẻ), phối hợp Đỗ trọng, Ngưu tất cường cân, kiện cốt, cố can thận; Thục địa, Đương qui, Bạch truật, Xuyên khụng hoạt huyết, dưỡng huyết; Nhân sâm, Nhục quế, Phục linh, Cam thảo, ích khí bổ dưỡng cho nên có tác dụng khu tà, bổ chính, can thận âm hư phát nhiệt bị phong hàn thấp thừa hư xâm nhập tạo thành lưng chân đau nhức, chân tay lạnh tê vô lực, co duỗi khó khăn.

74. BỆNH ÁN TAI BIẾN MẠCH MÁU NÃO

Bệnh nhân: Kim Kh 57 tuổi, công nhân nông trường 3/2

Vọng: Da mặt hồng

Văn: Tiếng nói bình thường.

Vấn: Bệnh nhân khai tai biến mạch máu não xảy ra cách đây 9 ngày, nhưng bệnh nhân vẫn trong tình trạng tỉnh táo, đã điều trị cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa, ổn định huyết áp, nhưng còn liệt nủa người bên trái, không ngồi, không đi đứng được. Hiện tại còn nhức đầu, hoa mắt, liệt nửa người bên trái, huyết áp 150/110mmHg.

Thiết mạch: Hữu trầm huyền, tả trầm hoãn vô lực.

Quy nạp bát cương: Lý nửa thực, nửa hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Tóm tắt bệnh án do tăng huyết áp, nhức đầu, hoa mắt, liệt nửa người bên trái không cử động được huyết áp vẫn còn 150/110 mmHg, mạch huyền hoãn, chứng tỏ bệnh nhân bị trúng phong, phong trúng kinh mạch cho nên phát sinh tả nan (liệt nửa người bên trái) nhưng người vẫn còn tỉnh táo, chỉ có thân thể nửa người bên trái bất động tê liệt.

Xử phương: Phong tà trúng kinh mạch, huyết khí suy bại mạch huyền bên tay hữu là can khắc tỳ thổ, tỳ chủ tứ chi cơ nhục vận hành huyết dịch, vì bị tà khí úng tắc, huyết dịch không vận hành được bên trái nên liệt nửa người bên trái, xử phương dùng thang *Độc hoạt ký sinh* gia Câu đằng, Tục đoạn cho uống 6 thang, tay chân bắt đầu cử động được, cho uống tiếp thêm 6 thang nữa, cử động khá hơn, còn mỏi tay chân bên trái đi đứng được nhưng phải có người dìu.

Tái khám thấy mạch đi trầm hoãn, chính khí đã phục hồi, huyết mạch lưu thông. Bệnh nhân đi lại một mình được nhưng còn yếu, tiếp tục dùng thang *Độc hoạt ký sinh gia* Mộc qua, Tục đoạn cho uống liên tiếp thêm 12 ngày nữa.

Bệnh nhân đã hồi phục đi lại được bình thường xin xuất viện điều trị tiếp ngoại trú.

Phương thang đã điều trị

Độc hoạt	8g	Tần giao	8g
Tế tân	2g	Xuyên khung	6g
Thục địa	12g	Thổ phục linh	4g
Đỗ trọng	4g	Cam thảo chích mật	4g
Tang ký sinh	8g	Phòng phong	6g
Đương qui	8g	Bạch thược	6g
Quế chi	4g	Ngưu tất	4g
Đảng sâm	4g		

Gia:

Câu đằng	8g	Tục đoạn	8g

Sau gia thêm:

Mộc qua	8g

Biện luận: Chứng này do phong tà trúng kinh mạch cho nên chỉ có triệu chứng bán thân bất toại (liệt nửa người bên trái), không cử động được, không đi đứng được, nhưng vẫn còn tỉnh táo, nói được, xử phương dùng thang Độc hoạt ký sinh gia vị điều bổ kinh mạch, vận hành khí huyết bệnh lành hẳn.

75. BỆNH ÁN PHONG TRÚNG PHỦ VÀ KINH MẠCH

Bệnh nhân: Lê Thị T 77 tuổi, ở xã Tân Long.

Vọng: Sắc mặt xanh

Văn: Tiếng nói và hơi thở nhỏ yếu.

Vấn: Người nhà bệnh nhân cho biết khởi phát bệnh có triệu chứng yếu tay trái, nhức đầu, chóng mặt, sau lại yếu đến chân trái. Bệnh nhân không đi đứng được, liệt nửa người bên trái không cử động được, nhưng vẫn còn tỉnh táo, nói hơi ngọng, nhưng nghe được, tiền sử bệnh nhân có tăng huyết áp.

Thiết mạch: Trầm trì

Quy nạp bát cương: Lý dương hư

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ theo các triệu chứng bệnh nhân khai thì đây là chứng trúng phong mà là phong chỉ trúng vào kinh mạch và phủ cho nên biểu hiện chứng trạng tả nan (liệt nửa người bên trái) thuộc về huyết phận, ngoài ra không có khẩu nhãn oa tà (liệt mặt), méo miệng chứng tỏ không trúng lạc. Người còn tỉnh táo không hôn mê nhưng có đớ lưỡi là phong trúng kinh và trúng phủ, không có chứng thần hôn, cấm khẩu, miệng môi bình thường không tê liệt, không có sùi bọt mép là phong tà chưa trúng vào tạng.

Xử phương: Xét các triệu chứng trên kết hợp mạch trầm trì. Trầm thuộc âm, cộng với trì thì đây là hư chứng. Khí huyết đều hư, gặp phong tà thừa hư trúng

vào kinh mạch và phủ, hàn khí làm tay chân tê liệt không cử động được. Xử phương dùng thang *Độc hoạt ký sinh* gia Xương bồ cho uống 12 thang, bệnh nhân nói nghe rõ hơn, cử động tay chân trái được, tay đưa thẳng được, nhưng cầm nắm chưa được. Chân co duỗi được nhưng chưa đứng được. Bệnh nhân khai thêm là nặng đầu, đau sau gáy, ăn ngủ không được, đau lâm râm vùng thượng vị, đổi dùng thang *Hoắc hương chính khí* gia Hương phụ, Xương bồ, Mạn kinh tử, Câu đằng cho uống 4 thang người thấy đỡ mệt mỏi, thèm ăn nhưng còn khó ngủ, tiêu bón. Dùng *thang Tam hoá* cho uống 1 thang. Bệnh nhân thấy hết đau vùng thượng vị, tiêu được vài lần/ngày trong người thấy nhẹ, nhưng còn khó ngủ. Cho uống thêm 3 thang *Hoắc hương chính khí* gia Lạc tiên, Trinh nữ, Hột bình linh sống, bệnh nhân ngủ được. Xem mạch lại thấy mạch còn đi trầm trì cho uống thêm 6 tháng *Độc hoạt ký sinh gia* Phụ tử 6g.

Bệnh nhân thấy trong người khoẻ, tay chân hết mỏi, cử động khá, tay cầm nắm được.

Tái khám thấy mạch đi trầm hoãn, đổi dùng *thang Nhân sâm dưỡng vinh* cho uống 12 thang, bệnh nhân tự ngồi dậy được, đi đứng được mặc dầu còn yếu.

Còn nặng ngực đau ngực bên trái, mệt đổi dùng thang *Quy tỳ* gia Xương bồ, cho uống thêm 12 thang, bệnh nhân sức khoẻ trở lại bình thường cho xuất viện.

Các bài thuốc sử dụng chữa bệnh này:

1. Độc hoạt ký sinh gia Xương bồ

2. Hoắc hương chính khí gia

Hương phụ	8g	Xương bồ	6g
Mạn kinh tử	8g		

3. Tam hoá thang

Đại hoàng	8g	Hậu phác	8g
Chỉ thực	8g	Khương hoạt	6g

4. Nhân sâm dưỡng vinh thang

5. Quy tỳ thang gia Xương bồ

Giải thích:

Tam hoá thang: Đại hoàng có tác dụng hạ vị trường tích trệ, tả huyết, phân thực nhiệt, hạ ứ huyết, phá trưng hà, kinh bế, thấp nhiệt. Khương hoạt có tác dụng phát biểu, đi lên thượng tiêu, chữa đau nhức khớp, nhức đầu. Chỉ thực, Hậu phác có tác dụng tiêu tích hoá đàm, phá khí, trừ bĩ, khoan hung.

Nhân sâm dưỡng vinh thang: Chủ trị kinh quí kiện vong (mau quên, mình nóng), tự hãn, họng khô, môi ráo, ăn uống không được, ngày một ốm, tóc rụng, hay mệt, hụt hơi, lưng đau, gối mỏi, tiểu tiện đỏ. Do tâm, tỳ, phế 3 tạng đều hư, dinh huyết không đủ. Trong thang này dùng Sâm, Linh, Bạch truật, Cam thảo gia Trần bì lý khí kiện tỳ vị; Thục địa, Bạch truật, Đương qui, bổ huyết; không dùng Xuyên khung vì Xuyên khung tính tân táo, gia Ngũ vị tử phối hợp Sâm, Kỳ, liễm

hãn cố biểu, bổ phế dưỡng tâm; Viễn chí dưỡng tâm an thần, Gừng sống, Đại táo điều hoà dinh vệ.

Quy tỳ thang: Chủ trị tư lự quá độ, tâm tỳ huyết hư phát sinh kiện vong, choáng váng, mất ngủ, đạo hãn, ăn uống sút kém, thân thể uể oải, dùng Long nhãn nhục, Hắc táo nhân, Viễn chí, Phục thần, Đương qui, Bổ tâm dưỡng huyết, Nhân sâm, Hoàng kỳ, Cam thảo, Bạch truật bổ tỳ, sinh huyết; Mộc hương thư lý tỳ khí, tăng cường bổ khí sinh huyết, Gừng sống, Đại táo điều hoà dinh vệ.

76. BỆNH ÁN PHONG TRÚNG KINH LẠC VÀ TẠNG PHỦ

Bệnh nhân: Trương Văn K, 77 tuổi, ở xã Quới Thành.

Vọng: Da xanh mét, dáng uể oải, mệt nhọc

Văn: Tiếng nói khó khăn, hơi thở yếu.

Vấn: Người nhà bệnh nhân khai: bệnh nhân bị tai biến mạch máu não lần đầu vào năm 1984 để lại di chứng liệt nửa người. Tối ngày 6 - 7 - 1986 bệnh nhân đang ngồi nói chuyện thì kêu nhức đầu nhưng không hôn mê.

Ngày hôm sau bệnh nhân được đưa vào Bệnh viện đa khoa nằm điều trị 12 ngày, tình trạng bệnh nhân vẫn nặng đầu, mặt bị liệt nhiều hơn trước, nói cứng lưỡi nghe không rõ, khó nuốt (uống nước và ăn cháo thường bị sặc và trào ra), tiêu tiểu bị bón uất không thông, mắt không nhắm kín được, tiểu vàng sậm khó đi.

Thiết mạch: Trầm huyền sác hữu lực.

Quy nạp bát cương: Lý thực.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Theo lời khai của người nhà, bệnh nhân có tiền sử tăng huyết áp. Năm 1984 đã bị một lần tai biến mạch máu não để lại di chứng liệt nửa người, theo Đông y gọi là trúng phong, phong trúng kinh mạch và phủ. Còn di chứng khẩu nhãn oa tà, bán thân bất toại nghĩa là trúng lạc, trúng kinh, hiện tại phong tà trúng sâu vào tạng phủ. Tuy thần không hôn mê còn tỉnh nhưng có các triệu chứng cứng lưỡi, uống nước ăn cháo thường bị sặc khó nuốt và trào ra. Đại tiện bón uất, tiểu tiện vàng sậm khó đi.

Xử phương: Bệnh nhân tuy già 77 tuổi, nhưng mạch huyền sác hữu lực, trước tiên dùng thang *Nhân sâm bại độc* gia Râu mèo, Ngưu tất, Rễ nhàu, Xa tiền tử, Đại hoàng, cho uống 3 thang để vừa khu trục ngoại tà, vừa hạ áp huyết.

Nhưng vẫn còn bế chứng là tiêu tiểu chưa thông, mạch trầm huyền hữu lực. Xử phương dùng thang *Tam hoá* để công hạ tiếp bế chứng, cho uống 2 thang, cũng vẫn còn bón uất không đi đại tiện được đã 12 ngày, tiểu vàng sậm đi khó. Khám lại mạch thấy vẫn huyền hữu lực, quyết định cho uống thêm 2 thang *Đại thừa khí* liên tục bệnh nhân mới tiêu tiểu được và chứng nặng đầu bớt nhiều, uống nước bớt sặc có phần dễ nuốt.

Tái khám thấy mạch còn huyền mà hoãn, cho uống liên tục 5 thang *Đơn chi tiêu diêu tán* gia Câu đằng, Lạc tiên, Trinh nữ, Hột bình linh sống, chứng nặng đầu bớt nhiều, mắt nhắm gần kín, hết nuốt sặc, hết nặng đầu, tiêu tiểu bình

thường, tiếp tục cho uống *thang Nhân sâm dưỡng vinh* gia Câu đằng, Xương bồ, bệnh nhân hết nặng đầu, thần sắc tươi nhuận, ngồi dậy được, ăn ngủ khá, ăn uống bình thường không còn sặc nữa, bệnh nhân đi được, cho xuất viện tiếp tục trị ngoại trú.

Những bài thuốc trị bệnh này

1. Nhân sâm bại độc gia Râu mèo, Ngưu tất, Rễ nhàu, Xa tiền tử, Đại hoàng.

2. Tam hoá thang tức là thang Tiểu thừa khí gia Khương hoạt.

3. Đại thừa khí thang

4. Nhân sâm dưỡng vinh gia Câu đằng, Xương bồ.

77. BỆNH ÁN TAI BIẾN MẠCH MÁU NÃO (di chứng liệt nửa người, tiêu tiểu mất tự chủ)

Bệnh nhân: Cao Thị N, 76 tuổi, ở xã Long An

Vọng: Hôn mê không biết người thân.

Văn: Hơi thở nhỏ yếu, không nói được.

Vấn: Thân nhân bệnh nhân cho biết tiền sử bệnh nhân đi hay ngã, đi thăm cháu nội bị bệnh tâm thần nằm ở khoa Tâm thần BV đa khoa. Ra về, người cháu nội bịn rịn xin cho đi theo về, bà xúc động bất tỉnh ngã quỵ xuống đất, đem vào phòng cấp cứu của BV đa khoa. Khi tạm ổn chuyển qua BV YHDT điều trị tiếp. Hiện nay bệnh nhân hôn mê không biết người thân, cấm khẩu, tiêu tiểu không tự chủ, tay chân tê liệt mất cảm giác, uống nước không nuốt được, cho uống thuốc và uống nước qua ống thông dạ dày, sốt 38 đến 39 độ C.

Thiết mạch: Trầm đại vô lực

Quy nạp bát cương: Lý hư

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ theo lời khai của thân nhân bệnh nhân thì bệnh này đã có nội hư từ trước. Vốn bị thiếu máu, tâm tỳ lưỡng hư, trong khi đi đường đã bị nhiễm phong, vì xúc cảm đột ngột phong tà thừa hư trúng vào âm kinh tạng phủ, làm cho tinh thần hôn mê, bất tỉnh nhân sự, cấm khẩu, tay chân phía trái liệt không cử động được, khí tam tiêu, bị bế tắc, uống nước, uống thuốc bằng thực quản không được phải nhờ ống xông đặt vào lỗ mũi xuống dạ dày. Xét mạch thấy mạch trầm đại vô lực chẩn đoán do tâm tỳ lưỡng hư, thừa hư phong trúng vào tạng, cho nên triệu chứng rất phức tạp, giống như chứng nhũn não, có khác là bệnh nhân mê sảng luôn không có lúc tỉnh, cấm khẩu không nói được, không nuốt nước được, tay chân liệt cứng, tiểu tiện không tự chủ, nhiệt độ trong người suốt ngày đêm từ 38 - 39 độ C.

Xử phương: Xét mạch và chứng, dùng thang *Quy tỳ* cho uống 5 thang thì bệnh nhân tự uống nước, uống thuốc được không phải đặt ống thông dạ dày. Xét mạch thấy mạch vẫn còn đi trầm đại vô lực, chẩn đoán vì âm huyết kém, liệt phía trái nên mới nóng hâm hấp suốt ngày đêm.

Xử phương dùng thang *Nhân sâm dưỡng vinh* gia Câu đằng, Xương bồ để giúp thăng bằng âm dương, bồi dưỡng huyết dịch. Vì trong thang này có Thục địa, Đương qui, Bạch thược tư âm huyết. Gia Câu đằng để bình can, thanh nhiệt; Xương bồ thông khiếu. Cho uống uống 5 thang bệnh nhân hết nóng,dần dần tỉnh lại, nhưng chưa nói được, tay chân còn liệt, tiểu tiểu chưa tự chủ.

Tiếp tục cho uống luôn 50 thang *Nhân sâm dưỡng vinh* gia Câu đằng, Xương bồ, bệnh nhân phục hồi trở lại sức khoẻ, đỡ ngồi dậy được, nhận biết người thân, nói phều phào phát âm chưa rõ, tay cử động được nhưng chân chưa đứng được, thân nhân xin xuất viện trị ngoại trú.

Bài thuốc trị bệnh này

1. Quy tỳ thang

2. Nhân sâm dưỡng vinh

3. Sau khi ổn định, còn liệt chân, tay mặc dầu co duỗi được nhưng không cầm nắm được, dùng thang: Độc hoạt ký sinh gia Xương bồ, Tục đoạn.

Biện luận:

Chứng nầy căn cứ vào mạch trầm đại vô lực giống nhũn não (do tâm tỳ lưỡng hư) nhưng vì phong trúng vào tạng cho nên bệnh tình có nặng hơn, việc điều trị phải nhận thức cho kỹ, phong tà trúng tạng bệnh càng sâu nên dùng ôn bổ và tư bổ khí huyết một thời gian dài mới lành được.

78. BỆNH ÁN TRÚNG HÀN

Bệnh nhân: Nguyễn Đức Ph 77 tuổi, phường 7.

Vọng: Thần sắc kém

Văn: Cứng lưỡi nói ngọng, nghe không rõ.

Vấn: Người nhà bệnh nhân khai: Bệnh nhân sau khi tắm xong cảm thấy choáng váng rồi yếu nửa người ngã quỵ, cứng lưỡi, nói không được, tay chân quyết lãnh, mất lực, chuyển cân (chuột rút) nên đưa vào bệnh viện.

Thiết mạch: Trầm trì, bắt mạch tay 57 lần/phút. Huyết áp đo được 150/100mmHg.

Quy nạp bát cương: Lý hàn

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ theo lời khai của người nhà bệnh nhân là sau khi tắm xong cảm thấy choáng váng rồi yếu nửa người, ngã quỵ cứng lưỡi nói không được, tay chân quyết lãnh. Theo sách Nội kinh nói: Phàm thấy chứng bỗng nhiên ngã vật ra hôn mê, chân tay lạnh, bụng đau đầy căng, nôn mửa, hoặc đi tiêu lỏng, mặt xanh cứng lưỡi, mạch trầm trì hoặc vi vô lực đó là chứng trúng hàn. Chứng trúng hàn thường mắc phải vì khí lạnh trái mùa xâm phạm ở ngoài, bên trong do cơ thể bị dương hư rồi cảm nhiễm phải sau khi tắm hoặc đi dưới mưa dầm làm tổn thương ở trong mà sinh ra. Kinh văn nói:

"Người hay cảm hàn thì biết là dương hư" huống chi chứng trúng hàn trực tiếp vào âm kinh vì khí nguyên dương tức là thận dương là mệnh môn chân hoả là công năng sinh lý của thận tạng là nguồn suối nhiệt năng của thân thể con người

là để che chở, nếu phần biểu hay phần lý bị hàn tà xâm phạm thẳng vào được thì biết rõ là bên trong không có dương, không có hoả.

Về cách chữa, nếu bệnh chưa đến nỗi nặng lắm thì dùng thang *Bổ trung ích khí* gia Nhục quế từ 4 - 6g, Phụ tử từ 4 - 8g, Can khương 6g đến 8g để giải tán hàn khí. Bệnh nhân sau khi tắm bị hàn khí trúng thẳng vào lý, vào tạng có các triệu chứng cứng lưỡi, quyết lãnh, vọp bẻ (chuột rút), mất cảm giác vì hàn khí làm cho sự lưu lợi của huyết dịch bị đình trệ. Mạch trầm trì vô lực có lúc thấy mạch vi. Huyết áp 150/100mmHg mạch 57 lần/phút, giống chứng trúng phong qua các triệu chứng diễn biến.

Xử phương: Căn cứ mạch và chứng chẩn đoán trúng hàn, xử phương dùng hoàn *Phụ tử lý trung* cho uống để cứu cấp trong khi chờ đợi sắc thuốc. Cho uống mỗi lần 1 hoàn Phụ tử lý trung nặng 6g, cách nửa giờ cho uống 1 hoàn, sau vài giờ thuốc thấm, bệnh nhân tỉnh lại, bớt cứng lưỡi, nói nghe được, tay chân móp lạnh, cho uống tiếp thêm hoàn Phụ tử lý trung sau 12 giờ bệnh nhân tỉnh hẳn.

Xem mạch lại thấy mạch đi trầm đại vô lực tức là mạch hư. Chẩn đoán là tâm dương khí hư đổi dùng thang *Quy tỳ* gia Xương bồ, Hắc khương. Cho uống liên tiếp 5 thang. Bệnh nhân dần dần hồi phục và trở lại bình thường, cho xuất viện.

Biện luận: Trúng hàn sơ phát cũng giống như trúng phong là cũng có triệu chứng hôn mê, cứng lưỡi, tay chân quyết lãnh chuột rút (vọp bẻ). Mạch trầm trì hoặc trầm vi như muốn tuyệt. Cho uống Sâm phụ thang, Phụ tử lý trung thang hoặc Tứ nghịch thang, vì là hàn tà tại lý phải dùng ôn dược để hồi dương khí tỳ vị. Vì tỳ vị là trung tâm vận hành ôn khí để làm ấm cơ thể cho nên dùng Phụ tử lý trung thang cho uống, bệnh nhân hồi dương tỉnh lại ngay. Vì là trúng hàn nên sau khi hết bệnh trở lại bình thường không để di chứng liệt nửa người như trúng phong.

79. CHỨNG THỬ PHONG (Loại trúng phong)

Bệnh này là chứng nội phong do thử và nhiệt gây ra. Thường thấy các chứng trạng phát sốt, đau đầu dữ dội, nôn mửa, co giật, hôn mê, buồn bực, vật vã, nói sảng. Mạch thường huyền trường hữu lực hoặc hồng đại mà sác. Bệnh này chủ yếu là bệnh nhiệt tính, vì cảm phải khí hậu nóng bức của mùa nắng mà phát ra, nếu gặp các khí phong, hàn, thấp, hoặc ăn nhiều đồ sống lạnh cũng thường dẫn đến bệnh này. Nói chung, chủ yếu là đều dùng thuốc tân lương để thấu tà thuốc thanh nhiệt để giải độc, thuốc phương hương khai khiếu để bình can và dập tắt phong tà. Nếu thấy mạch hồng đại sác có lực nên dùng thuốc tân lương thấu tà như bài *Bạch hổ thang* là: Thạch cao 42g, Tri mẫu 12g, Cam thảo chích 8g, Gạo trắng 40g sắc uống nóng. Thạch cao đại hàn cùng với tri mẫu phối hợp thanh phế vị thực nhiệt; Cam thảo, Gạo trắng ích khí dưỡng vị với Thạch cao, Tri mẫu tương hợp lại sinh tân dịch, chủ trị thân mình nóng dữ, không ố hàn, mồ hôi đổ nhiều, phiền táo, miệng khát, rêu lưỡi vàng, mạch hồng đại có lực đúng là dương minh nhiệt chứng dùng chung với bài *Ngân kiều tán*.

Nếu sốt cao, hôn mê, co giật, thở khò khè, nên dùng loại bình can tức phong, như bài *Linh dương câu đằng thang gia vị* là Linh dương giác (hoặc Sừng trâu) 10g, Thiên ma 6g, Câu đằng 10g, Long đởm thảo 6g, Tang ký sinh 8g, Ngưu tất,

Sinh địa, Huyền sâm, Cúc hoa mỗi vị 8g; Cương tàm 4g, Toàn yết 4g, Ngô công 4g, riêng 3 vị này sao vàng bỏ đầu đuôi, chân, hợp tán mịn; sắc các vị thuốc trên xong hoà bột Cương tàm, Toàn yết, Ngô công vào cho uống.

Trong quá trình chữa bệnh thử phong cần chú ý xem đại tiện khó đi hay dễ đi, nếu đại tiện bí, rêu lưỡi vàng thì trong bài thuốc chữa bệnh có thể gia thêm Địa long, Huyền minh phấn, Qua lâu nhân để nhuận lợi đại tiện.

Nếu tiêu tiểu không lợi, vàng đỏ thì có thể gia thêm Liên tâm và Hoạt thạch, Cam thảo. Chứng này khi đã chữa khỏi rồi, nếu thời gian bị bệnh không lâu, thì sau khi lành là có thể hồi phục như cũ. Nếu thời gian hôn mê lâu và liên tục, cứng đờ quyết lạnh, thì sau khi bệnh lành rồi thường có các chứng không nói được, chân tay mình mẩy không mềm mại điều hoà hoặc một bên tay chân không vận động được, có thể căn cứ vào tình hình toàn diện lúc đó mà trong những bài thuốc chữa bệnh lại gia thêm những vị thuốc thông lạc như: Xương bồ, Thuyền thoái, Trúc nhự, Tang ký sinh.

Như lúc mới phát hiện ngay ra chứng tay chân móp lạnh thuộc về trường hợp nhiệt cao độ thì quyết cũng cao độ, trong phương thuốc tân lương nên dùng thêm *Tô hợp hương hoàn* để phụ tá phần thanh nhiệt khai bế.

NHŨN NÃO
(TÂM TỲ LƯỠNG HƯ)

Tây y gọi là nhũn não, vì bệnh chứng phát sinh trước nhất là tâm tính bất bình thường, bệnh nhân hay cáu gắt, vẻ mặt bơ phờ, trí nhớ mất, chậm hiểu khi đối thoại, lưỡi cứng, nói ngọng, tay chân bất lực, cử động khó khăn, đi đứng không được, hoặc đi được nhưng không vững, phải có người dìu, mạch thường thấy lục bộ trầm đại vô lực, có khi mạch tế vô lực. Mạch đại là chủ mạch của tâm, nay thấy mạch đại vô lực là tâm khí hư, hoặc mạch tế vô lực là tỳ và tâm huyết hư, tâm chủ thần minh, thần chí vì tâm hư nên thần minh, thần chí bị lu mờ. Tâm hư không đủ huyết dịch nuôi não, nên trí nhớ gần mất hẳn.

Tâm với tỳ có quan hệ mẫu tử (mẫu bệnh cập tử, tử bệnh phạm mẫu). Tâm hoả hư không sinh được tỳ thổ, tỳ thổ có chức năng thống nhiếp huyết để nuôi tâm, tỳ thổ hư không cung cấp huyết để nuôi tâm cho nên tâm mất đi chức năng chủ thần minh thần chí, vì vậy vọng thấy vẻ mặt bơ phờ, đờ đẫn.

Tỳ chủ cơ nhục, chủ tứ chi, tỳ hư nên sinh trạng thái tay, chân bất lực, chân đi không vững, tay không cầm nắm vật nặng được, giơ lên cao không được, chân đi không vững vì kinh mạch và lạc mạch tứ chi bị thiếu khí và huyết vận hành nuôi dưỡng.

Tuy nhiên chứng trạng này giai đoạn đầu giống như tai biến mạch máu não (trúng phong) nhưng khác hơn tai biến mạch máu não là sau khi hết bệnh rồi không để lại di chứng liệt nửa người, mặc dầu trong cơn bệnh cũng cứng lưỡi, tay chân vô lực. Giới thiệu các bệnh án sau đây sẽ thấy rõ thực tế trong điều trị bệnh nhũn não và những phương pháp phòng ngừa bệnh nhũn não khi chưa phát ra.

80. BỆNH ÁN BỆNH NHŨN NÃO ĐÃ PHÁT

Bệnh nhân: Lương Văn N, 59 tuổi, ở Tân Hội

Vọng: Thần sắc mê muội, nằm co quắp

Văn: Nói nhảm

Vấn: Theo lời người nhà, bệnh nhân có sự thay đổi về tâm thần. Một tháng nay thấy bệnh nhân đi làm về nhà đi với tư thế khác thường: ngực ưỡn ra trước, mặt ngước lên và không biết đường về nhà. Người nhà đưa đi BV đa khoa điều trị tại khoa tâm thần rồi được chuyển vào khoa nội vì nghi ngờ bị tai biến mạch máu não. Từ ngày vào bệnh viện Đa khoa thì tinh thần bệnh nhân không tỉnh táo, thường nằm co quắp mắt nhắm nghiền, nằm li bì không nói được, miệng chỉ ú ớ, thường có cơn gồng cứng trong tư thế co lại ở cánh tay trái, tiêu tiểu ra quần mà không hay biết, mất tất cả cảm giác.

Tiền sử bệnh nhân không bị tăng huyết áp, bệnh nhân thường hay uống rượu.

Thiết mạch: Trầm hoạt tiểu

Quy nạp bát cương: Lý hư tích

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ vào lời khai của thân nhân và mạch trầm hoạt tiểu thì trầm thuộc lý, hoạt thuộc tích, tiểu thuộc hư. Bệnh nhân thường hay uống rượu, kích thích can dương lấn lên khắc tỳ thổ, thổ hư nên trong mạch hoạt thấy tiểu vì hoạt là tích đàm, tiểu là hư không đủ huyết dịch để nuôi tâm. Tỳ hư không vận hoá được nên sinh đàm, tiểu là hư không sinh huyết để nuôi tâm. Mà tâm là chủ thần minh, thần chí, mờ ám lý trí, vì không đủ huyết dịch nuôi não cho nên bệnh nhân có cử chỉ khác thường, ngực ưỡn ra phía trước, mặt ngước lên trời mà quên đường về nhà. Bệnh nhân mất đi thần minh nên không tỉnh táo thường nằm co quắp, mắt nhắm nghiền, thường có những cơn gồng cứng ở cánh tay trái. Vì can dương quá mạnh, mà dương thịnh là nóng nhiều, khiến cho can mất đi chức năng tàng huyết, không nuôi dưỡng được gân mạch mà gây ra co cứng, co quắp tay trái.

Xử phương: Với các chứng trạng trên, trước nhất là phải bổ tỳ thổ để nuôi tâm huyết, mặt khác tỳ thổ có mạnh mới sinh phế kim, kim có mạnh mới ức chế được can dương, vì độc rượu kích thích làm cho can dương quá thịnh.

Giai đoạn đầu cho uống *Quy tỳ thang* gia xương bồ để điều hoà tâm khí, đồng thời cho uống thêm *Hoá tích hoàn* để hoãn hạ trục đàm liên tiếp 5 ngày. Xem mạch lại thấy mạch đi trầm hoạt mà hoãn, đổi dùng *Nhân sâm dưỡng vinh gia*: Câu đằng 10g để vừa bồi bổ khí huyết, vừa ức chế can mộc, cho uống thêm 5 thang nữa bệnh nhân dần dần tỉnh lại, tay hết gồng cứng, hết co quắp nhưng lưng còn cứng đơ. Bệnh nhân đã thực sự tỉnh và nghe hiểu được. Tiêu tiểu chưa tự chủ, tiếp tục cho uống 10 thang *Nhân sâm dưỡng vinh* gia Xương bồ, Câu đằng, Lạc tiên, Trinh nữ, Địa long dần dần bệnh nhân tiêu tiểu tự chủ, nhưng đi đứng chưa được bình thường. Dùng thang *Độc hoạt ký sinh* cho uống 10 thang, bệnh nhân hồi phục trở lại như xưa, đi đứng đàng hoàng, tâm thần ổn định. Đây là cách chữa theo mối quan hệ tương sinh và ứng dụng ngũ hành sinh khắc, ức chế hoá sinh, thăng bằng tạng phủ.

Biện luận: Đây là chứng bại não có liệt nửa người, hôn mê không tỉnh táo, gần giống như chứng tai biến mạch máu não. Xét cho cùng cũng do tâm tỳ sinh ra, cho nên có những triệu chứng quên mất dĩ vãng, không làm chủ được tiêu tiểu, mất đi cảm giác bài tiết, co quắp, co cứng tay trái liên quan đến gân mạch, cho nên áp dụng phương pháp bổ tâm tỳ để điều hoà tâm khí bằng thang *Quy tỳ* gia *xương bồ*. Bổ khí huyết bằng thang *Nhân sâm dưỡng vinh* gia Câu đằng để ức chế can dương, rồi lại phải cho uống thang Độc hoạt ký sinh để trị chứng co cứng tay trái giúp cho sự co duỗi trở lại bình thường, bệnh nhân lành hẳn cho xuất viện.

81. BỆNH ÁN NHŨN NÃO (tiểu đường)

Bệnh nhân: Châu H.N ở Quân khu 9

Vọng: Sắc mặt bơ phờ, ngớ ngẩn, uể oải

Văn: Hơi thở mệt nhọc, tiếng nói ngọng không bình thường.

Vấn: Thân nhân bệnh nhân cho biết bệnh nhân mắc chứng đái tháo đường, điều trị bằng Tây y chưa hết. Thoạt nhiên bệnh nhân bơ phờ, ngớ ngẩn, trí nhớ kém đi, nói xong quên ngay. Tiếng nói mất bình thường, nghe không rõ, giọng nói ngọng nghịu, thường chóng mặt, đi đứng khó khăn, tay chân mất lực không còn linh hoạt như xưa,

Thiết mạch: Trầm đại vô lực

Quy nạp bát cương: Lý hư

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ vào vọng, văn, vấn, thiết và các trạng thái đã xảy ra, xác định là tâm tỳ lưỡng hư. Vì lẽ tâm và tỳ vốn có quan hệ mẫu tử tương sinh. Xét về mạch trầm đại vô lực tức là mạch hư. Mà mạch đại là chủ mạch tâm, như vậy là tâm hư.

Tâm chủ thần minh, thần chí, vì tâm hư nên thần minh thần chí bị lu mờ. Vì tâm hư không phục vụ được cho não nên trí nhớ gần mất hẳn. Tâm với tỳ có quan hệ mẫu tử, mẫu bệnh cập tử, tử bệnh phạm mẫu.

Tâm hoả hư không sinh được tỳ thổ, tỳ thổ có chức năng thống nhiếp huyết để nuôi tâm. Tỳ thổ hư không cung cấp huyết nuôi dưỡng tâm cho nên tâm mất đi chức năng chủ thần minh. Vì vậy vọng thấy vẻ mặt bơ phờ đờ đẫn. Tỳ chủ cơ nhục, chủ tứ chi, tỳ hư nên sinh trạng thái tay chân bất lực, chân đi không vững, tay không cầm nắm vật nặng được, giơ lên cao không được, xác định là tâm tỳ lưỡng hư.

Xử phương: Xét các chi tiết trên xác định là tâm tỳ lưỡng hư. Xử phương dùng thang *Quy tỳ gia xương bồ* để điều hoà tâm khí, bổ tỳ để làm cho huyết quy tỳ, tỳ kinh thống nhiếp được huyết để nuôi tâm mẫu. Lúc đầu cho uống mỗi ngày 2 thang Quy tỳ gia vị trong 2 tuần, bệnh nhân khôi phục trở lại trạng thái bình thường. Tái khám mạch đi trầm hoãn, chứng nhũn não đã ổn định trở lại trạng thái bình thường, cho dùng tiếp thang *Quy tỳ gia xương bồ*, thêm Cỏ sữa đỏ nhỏ lá 40g, Cây râu mèo 20g, Nhỏ gừa 20g, Hoài sơn 20g để điều trị chứng đái tháo đường.

Nên lưu ý là dùng Hoàng kỳ sống, Cam thảo sống không dùng chích kỳ, chích thảo để tránh chất ngọt làm cho tác dụng trị đái tháo đường không kiến hiệu và căn dặn bệnh nhân phải tuyệt đối kiêng đường cùng các chất ngọt trong trái cây chín.

82. BỆNH ÁN NHŨN NÃO (do tâm tỳ lưỡng hư)

Bệnh nhân: Trương Văn M. 53 tuổi, Phòng lương thực.

Vọng: Sắc mặt bơ phờ, đờ đẫn, hốc hác.

Văn: Hơi thở mệt nhọc

Vấn: Bệnh nhân nói nghe không được, thân nhân bệnh nhân cho biết là một ngày nọ sau khi ngủ dậy, bệnh nhân không nói được, tay chân bất lực, cử động khó khăn, mặt mày ngơ ngác, trí nhớ mất hẳn, nói xong quên ngay, đã điều trị Tây y không giảm, chuyển điều trị Đông y.

Thiết mạch: Mạch trầm đại vô lực.

Quy nạp bát cương: Lý hư

Quy nạp hội chứng bệnh lý:

Căn cứ vào vọng, văn, vấn, thiết, các trạng thái xảy ra xác định là tâm tỳ lưỡng hư. Vì lẽ tỳ kinh với tâm kinh vốn có quan hệ mẫu tử (mẫu bệnh cập tử, tử bệnh phạm mẫu) cho nên vì tỳ hư huyết không quy tỳ, không thống nhiếp được huyết để nuôi tâm. Tâm chủ thần minh, thần chí vì không được tỳ nuôi dưỡng cho nên tâm hư. Tâm hư không phục vụ được não cho nên trí nhớ mất hẳn. Tỳ chủ cơ nhục chủ tứ chi, tâm tỳ lưỡng hư nên tay chân sinh trạng thái bất lực, chân không đi đứng được, tay không giơ lên được vì huyết không đủ nuôi cân mạch. Mạch đại là chủ mạch tâm. Nay thấy mạch đại vô lực đó là mạch hư tức là tâm hư.

Xử phương: tất cả các chi tiết trên xác định là Tâm tỳ lưỡng hư, xử phương dùng thang *Quy tỳ gia xương bồ* để điều hoà tâm khí, bổ tỳ sinh huyết nuôi tâm.

Sau khi cho uống thang Quy tỳ gia xương bồ sáu thang các chứng trạng đều giảm, tinh thần hồi phục, đã có trí nhớ trở lại khi đối thoại, tay chân có lực, ngủ được. Đổi dùng thang *Nhân sâm dưỡng vinh* để bổ tâm, tỳ, phế. Cho uống 6 thang, bệnh nhân trở lại trạng thái bình thường, cho xuất viện.

Biện luận:

Tâm tỳ lưỡng hư, tỳ kinh không thống nhiếp huyết được để nuôi tâm, tâm chủ thần minh, thần chí, tâm hư không nuôi được não, sinh ra chứng trạng này cho nên lúc đầu dùng thang *Quy tỳ* gia xương bồ để điều hoà tâm khí, bổ tỳ giúp cho tỳ kinh thống nhiếp được huyết nuôi tâm. Sau đó dùng thang Nhân sâm dưỡng vinh để bổ tâm tỳ phế, tâm chủ huyết, phế chủ khí giúp cho tỳ có công năng vận hành khí huyết để nuôi toàn thân.

83. BỆNH ÁN NHŨN NÃO (không uống được)

Bệnh nhân: Nguyễn T.H 50 tuổi, ở xã Long Vĩnh.

Vọng: Liệt nửa người bên phải.

Văn: Tiếng nói hơi cứng lưỡi, mất bình thường.

Vấn: Bệnh nhân khai bệnh khởi phát cách nay 15 ngày không nuốt nước bọt được và không uống nước được, tê nửa người bên phải, tiếng nói hơi cứng lưỡi, đã nằm điều trị tại bệnh viện Tây y 10 ngày không đỡ phải dùng ống xông đặt qua mũi xuống dạ dày để cho uống thuốc và uống nước. Đã bón uất 10 ngày không đi tiêu được. Đến xin điều trị tại BV - YHDT vẫn còn phải mang xông để uống thuốc và uống nước.

Thiết: Mạch trầm đại vô lực

Quy nạp bát cương: Lý hư

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ vào lời khai của bệnh nhân, trong lúc nằm tại bệnh viện Tây y chẩn đoán là nhũn não, căn cứ vào mạch trầm đại vô lực và hiện trạng là bệnh nhân phải mang ống xông để uống nước và uống thuốc, uống sữa chớ không thể tự nuốt được. Căn cứ theo mạch trầm đại vô lực là do tâm tỳ lưỡng hư. Sự vận hoá của tỳ là nhờ tâm huyết tư dưỡng và tâm dương thúc đẩy khua động, mà công năng của tâm cũng phải nhờ vào tỳ vận chuyển tải những thứ tinh hoa của thuỷ cốc để nuôi dưỡng tâm. Sau đó tâm mới chủ trì sự vận hành huyết dịch được, mới làm chủ thần minh, thần chí, tỳ mới có công năng thống nhiếp huyết được. Sự quan hệ tâm tỳ rất mật thiết.

Tâm tỳ đều hư, sự vận hành khí huyết bị úng tắc, công năng vận khí của tỳ vị bị tắc nghẽn, cho nên hoả khí của tâm thượng nghịch lên trên thượng tiêu làm cho không nuốt nước miếng và nước được bằng thực quản. Hạ tiêu bị công năng vận hoá của tỳ suy kém làm cho khí trệ, huyết ngưng không giúp đại trường thải phân ra ngoài được, sinh bón uất trên 10 ngày không đi cầu (đại tiện).

Xử phương: Dùng phương pháp cho uống gián phục. Xét mạch và chứng phải dựa vào mạch đại vô lực tức là mạch hư, mạch đại là chủ tâm mạch, nay thấy đại mà hư tức là tâm hư, mà tâm tỳ vốn có quan hệ mẫu tử, cho nên tâm hư thì tỳ cũng hư, không thống nhiếp được khí và huyết cho nên tâm dương thượng nghịch làm cho không nuốt được, trung tiêu tỳ hư không vận hoá được để giúp cho hạ tiêu đại trường thải phân ra ngoài nên dùng thang ***Quy tỳ*** để giúp cho tỳ thống nhiếp huyết được, ổn định tâm dương đồng thời cho uống hoàn ***Hoá tích*** giúp cho đại trường thải phân ra ngoài. Trị gián phục như trên trong 5 ngày bệnh nhân nuốt được nước và đồ ăn, ống xông được rút ra.

Đồng thời dùng phương pháp bổ tâm tỳ và tâm, tỳ, phế trong 2 tuần nữa, cho bệnh nhân xuất viện, được tiếp tục trị ngoại trú.

THIẾU MÁU CƠ TIM

Chứng thiếu máu cơ tim, rối loạn nhịp tim, mà Đông y gọi là kinh quý, chính xung, kiện vong. Khi bệnh mới phát thì cảm giác hồi hộp, thường đau nhói ngực phía trái ngay vùng đầu vú trái, mất ngủ, nếu có ngủ thì lơ mơ không ngon giấc. Đêm nào cũng nằm chiêm bao, hay quên, trí nhớ kém, hay tức ngực hồi hộp.

84. BỆNH ÁN THIẾU MÁU CƠ TIM

Bệnh nhân: Nguyễn Thị C, 52 tuổi, LHCĐ tỉnh TG.

Vọng: Sắc mặt kém tươi nhuận.

Văn: Hơi thở bình thường.

Vấn: Bệnh nhân khai tiền sử bị bệnh thiếu máu cơ tim, trước đó và hiện tại bệnh nhân thường choáng váng, nặng đầu, mỏi mệt, tức ngực, hay hồi hộp, hay quên, trí nhớ kém, đêm ngủ thường chiêm bao mộng mị, lại bị viêm mũi, sổ mũi, nhức đầu kinh niên.

Thiết mạch: Phù huyền tế

Quy nạp bát cương: Biểu thực, lý hư

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Bệnh nhân vừa bị nội thương, kiêm ngoại cảm, phong hàn vào dương kinh, nên mạch thấy phù huyền tế, có sổ mũi, nhức đầu, nặng đầu trước trán, tiền sử có chứng thiếu máu cơ tim (theo chẩn đoán của Bệnh viện Thống nhất), bệnh nhân thường mỏi mệt, hồi hộp, hay quên, thường choáng váng, tức ngực bên trái, đêm ngủ thường chiêm bao, mộng mị. Trong khi đến khám thì bệnh nhân đang bị ngoại cảm, nên phải trị tiêu chứng trước.

Xử phương: Trước tiên cho uống thang *Nhân sâm bại độc* gia Phòng phong, Bạch chỉ, Ké đầu ngựa, Cúc tần cho uống liên tục 6 thang thì chứng ngoại cảm hết, đồng thời chứng viêm mũi cũng hết. Tái khám thấy mạch đi trầm đại vô lực tức là mạch hư.

Xét theo mạch và hiện chứng thì các chứng ngoại cảm đã hết, nhưng chứng nặng đầu trước trán, choáng váng, hồi hộp, tức ngực thường đau nhói ngực bên trái và chiêm bao mộng mị hằng đêm vẫn còn. Xác định đây là triệu chứng thiếu máu cơ tim, tức là tâm tỳ lưỡng hư. Tâm hoả hư không sinh được tỳ thổ, tỳ thổ có chức năng thống nhiếp huyết để nuôi tâm, nay vì hoả hư không nuôi được thổ, thổ cũng hư theo không cung cấp được huyết dịch nuôi tâm cho nên phát hiện các chứng hay hồi hộp, tâm chủ thần minh, thần chí nay tâm hư nên hay quên, đêm ngủ thường nằm chiêm bao, đầu choáng váng. Xử phương dùng thang *Quy tỳ* gia Xương bồ, Tơ hồng vàng, cho uống 12 thang thì các chứng trạng trên giảm bớt, cho uống thêm 10 thang nữa các chứng trạng thiếu máu cơ tim ổn định, cho xuất viện tiếp tục điều trị ngoại trú.

85. BỆNH ÁN THIẾU MÁU CƠ TIM (do tâm tỳ lưỡng hư)

Bệnh nhân: Nguyễn Đình S, 52 tuổi nhà báo

Vọng: Sắc mặt rạng đỏ

Văn: Tiếng nói bình thường

Vấn: Bệnh khởi phát cách nay 2 tháng, tê 10 ngón tay, đầu căng thẳng, thường ù tai, hoa mắt, choáng váng, vùng tim thường nghe đau nhói, đã uống nhiều thuốc Tây mà không thuyên giảm.

Thiết mạch: Sáu bộ trầm đại vô lực

Quy nạp bát cương: Lý hư

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Mạch sáu bộ trầm đại vô lực. Mạch đại là chủ mạch tâm, nay thấy vô lực tức lả mạch hư. Tâm với tỳ quan hệ mẫu tử tức là tương sinh. Tâm hoả hư không sinh được tỳ thổ, thổ hư không thống nhiếp huyết được để nuôi tâm, tâm mất đi chức năng chủ huyết nuôi dưỡng toàn thân, tỳ chủ tứ chi, chủ cơ nhục. Công năng của tâm là khua động huyết dịch, tỳ vận hoá, nay tâm tỳ hư không vận hoá huyết dịch để nuôi dưỡng gân mạch tứ chi cho nên phát sinh chứng trạng tê 10 ngón tay, thường ù tai, hoa mắt, choáng váng, vùng tim thường nghe đau nhói.

Xử phương: Xét các chứng trên, chứng này thuộc tâm tỳ lưỡng hư xử phương dùng *thang Quy tỳ* gia Xương bồ, Câu đằng để bổ tâm tỳ. Điều hoà nhịp tim, thanh khách hoả làm căng thẳng đầu mắt, ổn định choáng váng bằng *Quy tỳ thang gia vị*. Sau đó khi bệnh trên ổn định dùng thang *Nhân sâm dưỡng vinh gia vị* để bổ tâm tỳ phế.

86. BỆNH ÁN SUY TIM

Bệnh nhân: Nguyễn Văn C, 55 tuổi quân đoàn 4

Vọng: Sắc mặt xanh xao, tinh thần uể oải.

Văn: Tiếng nói nhỏ

Vấn: Bệnh nhân khai thường bị chứng hư phiền như là kinh quý, đoản khí (tức là ngắn hơi) trong lòng hồi hộp, thường đau nhói lồng ngực phía trái, mà mỗi lần đau thì ngất xỉu, khi đi nhiều khoảng vài thước thì mệt khó thở, muốn hụt hơi. Đã điều trị ở các quân y viện và Bệnh viện Thống nhất bệnh ổn định một thời gian ngắn rồi lại tái phát như cũ. Tây y chẩn đoán là rối loạn nhịp tim, thiếu máu cơ tim, xơ mỡ động mạch.

Thiết mạch: Tả hữu lục bộ đều đoản tế

Quy nạp bát cương: Lý âm dương hư

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ lời khai của bệnh nhân, kết hợp với mạch đoản thuộc âm dương lưỡng hư, trên chưa tới thốn dưới chưa tới xích. Đoản mà tế là chủ khí huyết suy yếu thiếu máu cơ tim, ngắn hơi do tỳ kinh thất huyết, không đủ huyết dịch nuôi tâm. Khí thuộc dương, huyết thuộc âm, huyết dịch do thức ăn

sinh ra là nhờ có công năng của khí, huyết dịch tuần hoàn để nuôi dưỡng cơ thể cũng là nhờ sự thúc đẩy của khí. Nhưng trái lại, khí cũng nhờ có huyết mới phát huy được tác dụng, nên khí huyết bị hư mất điều hoà cho nên thấy mạch đoản, trên không lên tới dương phận, dưới không xuống tới âm phận mới phát sinh bệnh tật. Tâm khí và huyết bị rối loạn, cho nên thường bị đau nhói vùng ngực phía trái, mỗi lần đau nhói như thế thì bị ngất xỉu, đi đứng bất thường không quá 10 thước đã thấy mệt lả.

Xử phương: Bệnh này do tâm tỳ lưỡng hư phát sinh ra, trước tiên là dùng thang *Quy tỳ gia xương bồ* để giúp cho tỳ hoàn thành được chức năng sinh huyết và thống nhiếp huyết để nuôi tâm, sau đó dùng thang *Nhân sâm dưỡng vinh* để bổ 3 tạng là tâm, tỳ, phế giúp cho tâm chủ huyết, phế chủ khí, tỳ chủ vận hoá, nhờ có công năng của phế khí và tâm huyết, dinh vệ điều hoà, vệ khí dinh huyết có mạch hỗ căn cho nhau để thăng bằng tạng phủ thì bệnh tự nhiên lành. Mạch trở lại bình thường.

Biện luận:

Dùng thang Quy tỳ mục đích là dùng Sâm, Kỳ, Truật, Thảo để bổ tỳ thổ, Phục linh, Viễn chí, Long nhãn nhục, Hắc táo nhân bổ tâm an thần. Viễn chí vị khổ có tác dụng bài tiết nhiệt ở tâm. Hắc táo nhân vị chua có tác dụng thâu liễm được tâm khí. Tâm là mẹ của tỳ, Đương quy giúp phần âm để nuôi được huyết. Mộc hương hành khí dẫn về tỳ, đã vận hành được khí trong huyết, lại giúp Sâm, Kỳ bổ khí, khí mạnh thì giữ được huyết, huyết tự về kinh tỳ, Xương bồ điều hoà nhịp tim trị chứng nhịp tim bị rối loạn. Cho uống hai tuần thấy đau nhói vùng tim bớt hẳn, các chứng trạng, kinh quý đoản cũng đã bớt, lại đổi dùng thang Nhân sâm dưỡng vinh để bổ cả 3 tạng tâm, tỳ, phế làm thăng bằng tạng phủ.

87. BỆNH ÁN THIỂU NĂNG TUẦN HOÀN NÃO (do phong tà, đàm ẩm úng tắc thái dương kinh)

Bệnh nhân: Nguyễn Văn S. 53 tuổi, Giám đốc Liên hiệp xí nghiệp cơ khí nông nghiệp.

Vọng: Nét mặt bơ phờ

Văn: Hơi thở nặng nề

Vấn: Bệnh nhân khai cách đây 2 tháng thường thấy nhức đầu âm ỉ từ đỉnh đầu xuống gáy, phía trước từ đỉnh đầu xuống trán thấy nặng nề, lan ra hai bên mang tai. Từ nửa đỉnh đầu phía sau xuống đến gáy đau nhức âm ỉ, cổ cứng không ngó qua ngó lại được. Khi ngồi làm việc suy nghĩ nhiều choáng váng tựa hồ buồn ngủ mắt mở không ra đã đi khám và điều trị tại Bệnh viện Thống Nhất với chẩn đoán là thiểu năng tuần hoàn não (xơ mỡ động mạch não) nhưng không khỏi.

Thiết mạch: Phù huyền vô lực

Quy nạp bát cương: Biểu thực lý hư

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Từ đỉnh đầu xuống gáy cổ thuộc hệ thái dương kinh. Từ đỉnh đầu xuống trán thuộc hệ dương minh kinh. Hai bên mang tai thuộc hệ thiếu dương kinh. Bệnh nhân thường thấy nhức đầu âm ỉ từ đỉnh đầu xuống

gáy, cổ cứng đờ khó xoay trở được thuộc thái dương kinh nhiễm tà khí, từ đỉnh đầu xuống trán phía trước nghe nặng thuộc dương minh kinh nhiễm tà khí và nhức lan ra hai bên mang tai thuộc thiếu dương kinh nhiễm tà khí. Khi ngồi làm việc suy nghĩ nhiều thì lại càng choáng váng, buồn ngủ nhiều hơn. Bệnh nhân đã có đi khám Tây y với chẩn đoán là thiểu năng tuần hoàn não do xơ mỡ động mạch não. Đối với Đông y thì chứng này là cảm nhiễm phong tà, tà khí không giải hết còn úng tắc kinh thái dương, hoá đàm truyền biến cho dương minh kinh và thiếu dương kinh. Cho nên sự điều hoà khí huyết vận hành trong kinh lạc mất đi phần gạn lọc thanh trọc, phần trọc khí hoá thành đàm ẩm úng tắc thái dương kinh, úng tắc đường vận hành của kinh thái dương nên phát sinh cổ cứng đờ khó xoay trở, truyền sang dương minh kinh theo bộ vị tuần hành của kinh lạc. Từ đỉnh đầu phía trước xuống đến trán thấy nặng nề khó chịu, đồng thời lan ra hai bên mang tai thuộc thiếu dương kinh cùng nhiễm tà khí thế là tam dương hiệp bệnh, phong tà úng tắc, thuỷ khí không vận hành phân thanh trọc hoá đàm ẩm úng tắc kinh lạc.

Xử phương: Dùng thang *Nhân sâm bại độc* gia Phòng phong, Bạch chỉ, Cát căn, Ké đầu ngựa để giải tán phong tà úng tắc kinh lạc. Cho uống 10 thang các chứng trạng trên dần dần ổn định trở lại bình thường, xem mạch lại thấy đi trầm hư đổi dùng thang *Quy tỳ gia xương bồ* cho uống thêm 12 thang bệnh nhân hoàn toàn hết bệnh.

88. BỆNH ÁN TĂNG HUYẾT ÁP (do xơ mỡ động mạch)

Bệnh nhân: Lê Q. 58 tuổi, chỉ huy phó Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh TG.

Vọng: Thần sắc đỏ hồng

Văn: Thanh âm rõ đều

Vấn: Bệnh nhân khai thường bị chóng mặt, phù nhẹ hai chân. Nguyên do sau đợt gió mùa đông bắc, trời lạnh dữ dội bắt đầu ôn thi khoa triết học, nên thần kinh rất căng thẳng và cộng thêm thời tiết lạnh nên nửa đêm bị huyết áp lên cao 170/120mmHg phải chở đi cấp cứu, thời gian điều trị tại Bệnh viện Quân y 108 bệnh tạm ổn, về tiếp tục học nhưng huyết áp dao động.

Về nhà, chuyển điều trị YHDT vừa trị bệnh, vừa công tác. 7 năm sau bệnh tái phát với biểu hiện đầu thường cảm giác lâng lâng choáng váng, cổ gáy thường bị cứng đờ, khi làm việc nặng nhọc, hoặc lên cầu thang thì tức ngực có khi thở đau hai bên gáy, đầu nhức triền miên, hai chân phù nhẹ, thường xuyên mất ngủ. Tây y chẩn đoán là tăng huyết áp do xơ mỡ động mạch.

Thiết mạch: Trầm hoạt

Quy nạp bát cương: Lý thực

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ theo lời bệnh nhân khai cộng thêm với mạch trầm hoạt thì đây là chứng đàm ẩm tích tụ kinh thái dương nên biến sinh ra chứng thường bị chóng mặt, phù nhẹ hai chân, cổ gáy thường bị cứng đơ, khi làm việc nặng nhọc, hoặc lên cầu thang thấy nặng nề tức ngực khó thở đau nhừ sau gáy, hai chân phù nhẹ, thường xuyên và mất ngủ.

Căn cứ theo triệu chứng và mạch tượng trầm hoạt là đàm ẩm tích tụ trong kinh thái dương, cho nên khí huyết không thông suốt. Thanh khí không thăng lên được, trọc khí không giáng xuống được, làm cho trọc khí tắc nghẹn trong kinh lạc nên xảy ra những trạng thái trên.

Xử phương: Dùng thang *Nhân sâm bại độc* gia Ké đầu ngựa, Cúc tần, Mớp gai để khu phong trừ thấp tà khí úng tắc trong kinh lạc. Cho uống 2 tuần bệnh nhân thấy bớt 50%. Khám lại thấy mạch đi hoãn đổi dùng *Bổ trung ích khí* gia Phòng phong, Khương hoạt, Xuyên khung, Bạch chỉ, Mớp gai tiếp tục cho uống 10 thang, hết phù nhẹ, các chứng trạng gáy cổ cứng, lên cầu thang hết khó thở, tức ngực, trở lại trạng thái bình thường, huyết áp ổn định.

89. BỆNH ÁN TĂNG HUYẾT ÁP (do suy tim - tiểu đường)

Bệnh nhân: Huỳnh Thị B. 55 tuổi, ở xã Lương Hoà Lạc.

Vọng: Thần sắc uể oải, mỏi mệt

Văn: Tiếng nói rõ

Vấn: Bệnh nhân khai cách đây 2 năm thấy cơ thể càng ngày càng gầy sút nhiều, mặc dù ăn ngủ vẫn bình thường. Đến bệnh viện Đa khoa khám cho biết là đường máu cao, huyết áp thường dao động, hay hồi hộp. Từ đó đến nay được điều trị tại BV Đa khoa khi uống thuốc thì bệnh ổn định, không dùng thuốc thì đường trong máu tăng trở lại từ 170mg đến 200mg/100ml máu đường trong nước tiểu dương tính (+++) hồi hộp đánh trống ngực, huyết áp 150/100mmHg.

Thiết mạch: Trầm hoạt tiểu

Quy nạp bát cương: Lý âm hư

Quy nạp hội chứng bệnh lý:

Bệnh nhân có hội chứng ăn nhiều, uống nhiều, đái nhiều, xét nghiệm đường niệu dương tính (+++), đường huyết từ 170 đến 200mg/100ml máu đúng là bệnh tiểu đường và tăng huyết áp dao động.

Xử phương: Áp dụng theo kinh nghiệm trị tiểu đường cho uống liên tục đồng thời gia thêm thuốc trị tăng huyết áp như Cây râu mèo 20g, Cỏ sữa đỏ nhỏ lá 40g, Nhỏ gừa 20g, Lạc tiên 10g, Trinh nữ 10g, Xương bồ 8g, Ngưu tất 8g, Tơ hồng 8g, Rễ nhàu 8g, Vỏ sầu riêng sống 20g, Hoài sơn 20g cho uống liên tục trong 3 tháng các bệnh khỏi hẳn hoàn toàn cho xuất viện.

90. BỆNH ÁN TĂNG HUYẾT ÁP (do tỳ thận hư - do phù thũng)

Bệnh nhân: Nguyễn Thị B B. 74 tuổi, phường 1, thành phố MT

Vọng: Sắc mặt tiều tuỵ

Văn: Tiếng nói mệt nhọc

Vấn: Thân nhân khai bệnh nhân mắc chứng tăng huyết áp đã lâu, nhưng gần đây khoảng 2 tháng hằng đêm từ 20 giờ đến 24 giờ huyết áp lên từ 160/110mmHg

đến 200/110mmHg rồi đến 220/110mmHg là bắt đầu lơ mơ tới khoảng 3, 4 giờ sáng, dùng thuốc hạ huyết áp của Tây y cho uống theo toa bác sĩ thì xuống dần dần đến sáng xuống 150/100mmHg. Nhưng qua đêm sau lại diễn lại tình trạng huyết áp tăng lên và lơ mơ. Tiêu bón, tiểu ít, hai bàn chân căng phù và đau khi đụng vào, ăn uống không được, tiếng nói hổn hển không bình thường, đã điều trị bằng thuốc Tây 2 tháng nay không thuyên giảm.

Thiết mạch: Trầm đại vô lực

Quy nạp bát cương: Lý âm dương lưỡng hư

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Mạch đại là dương mạch, vô lực là âm mạch, nay thấy đại vô lực tức là âm dương đều hư, hỏi trực tiếp bệnh nhân khai thêm là hai mắt thường chảy nước mắt, kèm nhèm, đầu nặng mà không nhức. Bệnh phát từ 20 giờ đến 24 giờ lơ mơ là âm trong âm kéo dài đến 3, 4 giờ sáng là dương trong âm kế đến sáng là bệnh giảm và huyết áp từ 220/110mmHg xuống còn 190/110mmHg, 180/110mmHg.

Xét theo trạng thái bệnh thì đây là chính khí hư, mà chính khí hư tức là tỳ hư. Tỳ chủ vận hoá cơ nhục tứ chi, nay công năng vận hoá của tỳ không còn đủ sức vận hoá điều huyết nuôi tâm, kéo luôn tạng tâm bị hư theo nên thấy mạch trầm đại vô lực, sự mất cân bằng của tâm khí cho nên gặp lúc thời gian âm trong âm từ 20 giờ đến 24 giờ, tâm khí hư không điều chỉnh được kinh mạch, huyết vọng hành thượng nghịch lên trên làm cho huyết áp lên cao, đồng thời vì tâm khí hư cho nên đêm nào cũng bị huyết áp lên cao bắt đầu từ 20 giờ đến khoảng 3, 4 giờ sáng làm bệnh nhân lơ mơ. Tới gần sáng thì bệnh nhân dần dần tỉnh táo, đồng thời huyết áp cũng xuống dần.

Xử phương: Xét các triệu chứng trên và giờ giấc bệnh phát tác, xác định đây là do tâm tỳ hư mà tâm tỳ hư tức là chính khí hư. Xử phương để điều trị bệnh này trọng tâm là dùng thang *Hoắc hương chính khí* gia Câu đằng 10g, Xương bồ 10g, Ngưu tất 10g, Địa long 10g, Thảo quyết minh 10g, Cúc hoa 10g để điều hoà chính khí, bình can mộc giúp cho tỳ thổ hoàn thành chức năng vận hoá không bị can mộc ức chế làm rối loạn huyết dịch sinh ra chứng tăng huyết áp. Bệnh nhân thường hay táo bón cho uống kèm hoàn Hoá tích để khai thông hạ tiêu. Bệnh nhân ăn được cho uống liên tục 6 thang như trên, huyết áp đêm xuống 180/100mmHg, 170/100mmHg ngày 150/100mmHg tiêu tiểu bình thường hết táo bón. Về huyết áp âm trong âm là từ 20 giờ đến 24 giờ là thời điểm nặng nhất trước kia. Bệnh nhân sưng phù hai bàn chân đụng đến là đau tiếp tục dùng như trên gia Ý dĩ 30g, Rễ tranh 10g cho uống 6 thang, hai bên chân dần dần xẹp nhưng hai bắp chân còn phù thũng cảm giác như kiến bò trong các bắp thịt, các khớp đều đau như dần. Xét thấy đây là do khí huyết không lưu hành bình thường mà vì tỳ hư thấp tà còn úng tắc kinh mạch khiến cho bệnh nhân bị chứng ngoại tê (vì kinh mạch bị cứng) đổi dùng thang *Độc hoạt ký sinh* cho uống thì chứng tăng huyết áp phát tác trở lại. Liền ngừng hẳn không cho uống thang *Độc hoạt ký sinh*, dùng trở lại *Hoắc hương chính khí gia vị* như phép điều trị ban đầu gia thêm Ý dĩ 30g thì huyết áp bình thường trở lại, hai bàn chân xẹp hết đau.

91. BỆNH ÁN TĂNG HUYẾT ÁP DO CAN

Bệnh nhân: Nguyễn Văn S, 72 tuổi xã Mỹ Phong

Vọng: Thần sắc bình thường

Văn: Thanh âm bình thường

Vấn: Bệnh nhân khai mắc chứng tăng huyết áp lên đến 220/120mmHg; khi đi nhiều mệt, nặng đầu, chóng mặt, hoa mắt, ù tai, trước đây có ngã nghiêng tay trái.

Thiết mạch: Phù huyền sác

Quy nạp bát cương: Lý thực nhiệt

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Chứng tăng huyết áp này là do cảm nhiễm phong tà truyền kinh rồi tiềm phục ở kinh túc thiếu dương và túc quyết âm can, làm cho can dương quá thịnh đưa đến tình trạng huyết áp tăng 220/120mmHg các kinh mạch của thiếu dương và quyết âm bị tà khí úng tắc làm cho sự vận hành huyết dịch mất bình thường.

Xử phương: Trước dùng thang *Kinh phòng bại độc* để giải tán phong hàn tà úng tắc kinh lạc, gia Cây râu mèo lợi tiểu; Câu đằng, Ngưu tất làm dịu gân mạch để phòng tai biến mạch máu não. Sau đó dùng thang *Câu đằng địa long thang*: Địa long 10g, Câu đằng 10g, Cam thảo bắc 2g, Ngưu tất 10g, Đương qui 8g, Xuyên khung 4g, Phòng phong 6g, Màn chầu 8g cho uống liên tục trong một tuần bệnh ổn định, huyết áp xuống còn 150/100mmHg.

Biện luận: Chứng tăng huyết áp có nhiều nguyên do mà nguyên do chính là can dương quá thịnh hoặc thận hư không nuôi dưỡng được can mộc làm cho can không tàng huyết ở mức bình thường được nên phát ra, bệnh nhân bị tăng huyết áp do can dương quá thịnh, nhiệt tà từ thái dương truyền vào không giải biểu được nên thấy mạch đi phù huyền sác truyền vào thiếu dương và quyết âm can làm cứng mạch cho nên trước dùng thang Kinh phòng bại độc để giải tán phong tà, kế đó dùng *Câu đằng địa long thang* có tác dụng thanh nhiệt, trấn kinh lợi tiểu, hợp với: Ngưu tất, Đương quy làm dịu động mạch; Câu đằng bình can để phòng tai biến mạch máu não (trúng phong).

92. BỆNH ÁN TĂNG HUYẾT ÁP DO THẬN

Bệnh nhân: Nguyễn Văn M. 70 tuổi, ở phường 2

Vọng: Thần sắc kém tươi, hay mệt

Văn: Âm thanh bình thường.

Vấn: Bệnh nhân khai thường hay chóng mặt, ù tai, nhức đầu, mỏi sau gáy, mắt mờ, có nhử mắt, đau thắt lưng, ăn chậm tiêu, huyết áp dao động khi thì 210/110mmHg, khi thì 190/110mmHg trên 10 năm.

Thiết mạch: Trầm hoạt sác

Quy nạp bát cương: Lý thực

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ lời khai của bệnh nhân cộng với mạch thì đây là chứng đàm ẩm tích tụ kinh mạch thái dương, nên thường biến ra các triệu chứng chóng mặt, mỏi cổ gáy, có lúc cứng đơ cổ, mắt mờ có nhử, đau ngang thắt lưng, có liên quan đến thận, ăn chậm tiêu vì thuỷ hoả vị tế mà sinh ra, huyết áp dao động vì đàm ẩm tích tụ kinh lạc thái dương làm cho sự lưu hành khí huyết không được bình thường.

Xử phương: Trước tiên dùng thang *Kinh phòng bại độc* gia Câu đằng, Cây râu mèo, Rễ nhàu, Địa long để giải tán phong tà úng tắc thái dương kinh, đồng thời để bình huyết áp cho uống 15 thang. Huyết áp xuống còn 190/90mmHg. Các triệu chứng chóng mặt, nhức đầu, mỏi gân cổ, đau ngang lưng đã giảm, ăn ngủ bình thường.

Tái khám thấy mạch còn hoạt nhưng hết sác. Xác nhận là thận âm hư không nuôi dưỡng được can mộc, can dương thịnh không tàng được huyết cho nên huyết áp thường dao động khi lên khi xuống từ 210/110mmHg đến 190/90mmHg đổi dùng thang *Lục vị địa hoàng* gia Câu đằng, Địa long, Ngưu tất để vừa bổ thận vừa hạ huyết áp và bình can khí; cho uống liên tục 10 thang thì huyết áp xuống 170/90mmHg rồi 160/90mmHg. Các triệu chứng nhức đầu, choáng váng, mỏi gáy cổ, đau lưng đều bớt rất nhiều; ăn ngủ bình thường tiếp tục cho uống thang *Lục vị địa hoàng* gia Câu đằng, Địa long, Ngưu tất 10 ngày nữa thì huyết áp còn 150/90mmHg, mạch đi trầm hoãn bệnh ổn định, huyết áp ở mức 150/90mmHg là mức bình thường.

93. BỆNH ÁN TĂNG HUYẾT ÁP DO CAN TỲ

Bệnh nhân: Nguyễn Thành D, 34 tuổi ở xã Tân Thuận Bình

Vọng: Sắc mặt uể oải, thường nhăn mặt.

Văn: Tiếng nói nhỏ, mệt, mất bình thường.

Vấn: Bệnh nhân khai từ hơn 4 tháng nay thường xuyên nhức ở đỉnh đầu, khó ngủ, tai nghe như ve kêu, ăn uống không được, chậm tiêu, lòng bàn chân tê, cảm giác như gà mổ, chân hơi yếu, tiêu bón, tiểu bình thường, huyết áp dao động khi thì 100/80mmHg có lúc lại 160/100mmHg.

Thiết mạch: Trung huyền

Quy nạp bát cương: Bán biểu bán lý.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Qua các triệu chứng bệnh nhân khai thường xuyên nhức ở đỉnh đầu, tai nghe như ve kêu, mạch trung huyền là triệu chứng của túc thiếu dương và túc quyết âm can kinh nhiễm tà khí, ăn uống không được là do chính khí hư, lòng bàn chân tê tê, nóng có cảm giác như gà mổ do thận âm hư, phần âm dịch kém không nuôi dưỡng được can mộc, can khí quá thịnh, can âm và can dương không thăng bằng thượng nghịch lên đỉnh đầu là nơi có kinh mạch của túc quyết âm can nên thường nhức ở đỉnh đầu, sự hỗ căn tư dưỡng giữa can thận mất thăng bằng cho nên huyết áp thường dao động, khi lên khi xuống bất thường, ăn chậm tiêu, hai chân yếu là do chính khí hư vì tỳ thổ bị can mộc khắc hại, tỳ thổ chủ tứ chi, thổ hư nên hai chân yếu, ăn chậm tiêu.

Xử phương: Trước dùng thang *Hoắc hương chính khí* gia Câu đằng, Mạn kinh tử để hành khí kiện tỳ hoà can thanh nhiệt phục hồi chính khí cho uống 6 thang đau ở đỉnh đầu bớt, tai nghe ve kêu có bớt nhưng chưa hết hẳn.

Tái khám xem lại mạch thấy trầm huyền, bệnh nhân khai bớt đau đỉnh đầu, nhưng thỉnh thoảng còn nghe đau nhức hai bên mang tai, đổi dùng thang *Kinh phòng bại độc* gia Câu đằng, Hoàng cầm, Bạch chỉ, Mạn kinh tử để sơ thông tà khí úng tắc kinh mạch; cho uống 6 thang, bệnh nhân ăn ngủ bình thường, tiêu tiểu bình thường, huyết áp 120/80mmHg cảm giác nặng đầu bớt nhiều, đổi dùng thang *Nhân sâm bại độc* gia Câu đằng, Rễ nhàu, Ngưu tất cho uống thêm 9 thang nữa các triệu chứng căng nặng đầu đều bớt, tai nghe ve kêu hết, huyết áp ổn định 120/80mmHg.

Tái khám thấy mạch trầm hoãn cho uống thêm 3 thang Hoắc hương chính khí để kiện tỳ điều bổ chính khí bệnh ổn định cho xuất viện.

94. BỆNH ÁN SUY TIM

Bệnh nhân: Trần Hữu Ph 28 tuổi, giáo viên xã Hoà Tịnh.

Vọng: Da mặt xanh

Văn: Tiếng nói nhỏ

Vấn: Bệnh nhân khai 2 năm nay thường bị chứng nặng ngực, khó thở lúc chiều tối, đau thắt từ ngực lan lên vai, mỏi hai bên cổ, thỉnh thoảng khạc ra máu đỏ có bọt đã trị bằng Tây y nhiều mà bệnh cũng không thuyên giảm. Nay đến xin điều trị bằng Đông y.

Thiết mạch: Trầm hư

Quy nạp bát cương: Lý hư

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ lời khai bệnh và mạch tượng của bệnh nhân thì đây là chứng tâm tỳ phế đều hư. Tâm hoả hư không sinh được tỳ thổ, tỳ thổ hư không sinh được phế kim phát sinh ra chứng thường nặng ngực, khó thở lúc chiều tối. Tâm dương khí hư cho nên đến chiều tối gặp âm trong âm khắc hại mà phát tác triệu chứng nặng ngực, khó thở, vì tâm dương khí không điều chỉnh được tâm mạch làm rối loạn nhịp tim. Tâm với tiểu trường là biểu lý cho nên tâm bị bệnh thì có liên quan đến tiểu trường là thủ thái dương kinh, nên thường thấy mỏi hai bên cổ là đường kinh của thái dương lan ra hai vai là kinh mạch của túc thái dương. Thỉnh thoảng khạc ra máu đỏ có bọt là vì tỳ thổ hư không nuôi dưỡng được con phế kim và mẹ tâm hoả nên mới sinh ra chứng khạc ra máu.

Xử phương: Xét các triệu chứng trên bệnh phát sinh là do tâm tỳ lưỡng hư.

Xử phương dùng thang *Qui tỳ* gia *xương bồ* để tỳ thống nhiếp huyết dịch nuôi tâm, lại cho uống kèm hoàn *Hoàng kỳ miết giáp* để bổ âm dương khí huyết, lao nhiệt. Vì tâm với tiểu trường là biểu lý cho nên tâm bị bệnh thì có liên quan đến thủ thái dương kinh tiểu trường nên thường thấy mỏi hai bên cổ là kinh mạch của thái dương. Thỉnh thoảng khạc ra máu đỏ có bọt là vì tỳ thổ hư không nuôi dưỡng được con là phế kim và mẹ là tâm hoả nên mới sinh ra chứng khạc ra máu.

Sau khi các triệu chứng trên ổn định cho uống thêm hoàn *Nhân sâm dưỡng vinh* để điều bổ 3 tạng tâm, tỳ, phế.

95. BỆNH ÁN THIẾU MÁU CƠ TIM

Bệnh nhân: Bích L 70 tuổi, đạo diễn Hội văn nghệ thành phố HCM.

Vọng: Thần sắc bình thường, thể trạng béo.

Văn: Tiếng nói to

Vấn: Bệnh nhân khai cách nay 2 tháng bệnh nhân tê nhức hai chân, hai tay run, khi cầm bút viết bài thì tay run không điều khiển chính xác được chữ viết, thỉnh thoảng bị chuột rút bắp chân. Đau nhói vùng tim, hay hồi hộp. Tây y chẩn đoán thiếu máu cơ tim.

Thiết mạch: Trầm đại vô lực.

Quy nạp bát cương: Lý âm dương lưỡng hư.

Quy nạp hội chứng bệnh lý: Căn cứ chứng trạng và mạch lý thì đây là chứng tâm tỳ lưỡng hư. Tâm âm huyết, tâm dương khí đều hư cho nên thấy mạch hư rõ nhất ở bộ tả thốn và bộ hữu quan, mạch đại vô lực, biểu hiện tâm tỳ lưỡng hư, tâm với tỳ quan hệ mẫu tử tức là tương sinh. Tâm hoả hư không sinh được tỳ thổ, thổ hư không thống nhiếp được huyết dịch để nuôi tâm cho nên tâm mất đi chức năng chủ huyết nuôi dưỡng toàn thân, tỳ chủ tứ chi cơ nhục, tâm tỳ lưỡng hư sinh ra các chứng tay run, tay không cầm bút được, tê dần hai bàn chân phía trước vì huyết không sung dưỡng, thường hay bị chuột rút (vọp bẻ) bắp chân, thường đau nhói vùng tim, hay hồi hộp vì tâm khí và tâm huyết kém.

Xử phương: Xét các triệu chứng bệnh thuộc tâm tỳ lưỡng hư. Xử phương dùng thang *Quy tỳ gia xương bồ* điều hoà nhịp tim (tức là tâm khí và tâm huyết) giúp tỳ sinh huyết thống nhiếp được huyết để nuôi tâm. Cho uống 12 thang thì bớt hồi hộp, bớt đau vùng tim, bớt run tay, bớt tê bàn chân, còn cảm giác nóng bàn chân do âm huyết chưa đủ làm sung mãn hạ chi, nên bắp chân còn bị vọp bẻ. Xét thấy bệnh này mắc từ trước kéo dài nhiều tháng, âm huyết hư hoả nhiệt tiềm ẩn kinh lạc, đổi dùng thang *Độc hoạt ký sinh* để bổ âm điều dương trong đó phối hợp các vị phong dược có tính vị nhu nhuận để đuổi phong tà khách nhiệt, dẫn hoả quy nguyên cho uống 15 thang các triệu chứng run tay, tê chân, vọp bẻ đã ổn định. Sau tiếp tục cho uống thêm hoàn *Qui tỳ* gia Xương bồ và Thổ phục linh thì bệnh nhân bình phục hoàn toàn.

Biện luận: Căn cứ vào mạch lý và chứng trạng xác định nguyên nhân do tâm tỳ lưỡng hư không đủ huyết dịch để vận hành huyết dịch nuôi dưỡng kinh mạch toàn thân mà tỳ là chủ tứ chi, chủ cơ nhục. Tâm chủ huyết mạch, cho nên các triệu chứng tay run không cầm bút được, chân tê rần, bắp chân thường bị vọp bẻ, vùng tim thường đau nhói, hồi hộp là do thiếu máu nuôi tâm để tâm vận hành huyết dịch nuôi khắp toàn thân mà phát sinh ra các triệu chứng trên. Sau khi xử phương cho uống các bài thuốc trên bệnh dần ổn định là do tỳ thống nhiếp được huyết nuôi tâm, tâm vận hành huyết dịch rải khắp toàn thân nên bệnh được lành.

ĐẠI CƯƠNG BÀO CHẾ THUỐC ĐÔNG DƯỢC

Bào chế có nghĩa là dùng các phương pháp cơ,lý và hoá học nhằm làm thay đổi hình dạng, lý hoá tính, dược tính của vị thuốc để đáp ứng cho việc sử dụng, điều trị, sản xuất, bảo quản...

Nói chung bào chế là các quá trình làm biến đổi hình dạng, tính chất thiên nhiên của dược liệu thành những vị thuốc thuần thục ôn hoà để phòng bệnh và trị bệnh.

Bào chế nhằm những mục đích sau:

- Loại bỏ các tạp chất lẫn lộn trong dược liệu như mốc, mọt, các tạp vật không phải là dược liệu.

- Bỏ bớt các bộ phận không cần thiết của vị thuốc, làm cho vị thuốc tinh khiết, hơn như Mạch môn bỏ lõi; Ve sầu bỏ đầu, chân; Ngưu tất bỏ đầu...

- Để dễ thái, bào, dễ tán bột, dễ nấu cao, dễ bảo quản.

- Giảm bớt độc tính của dược liệu có độc như Mã tiền, Bán hạ, Phụ tử, Hoàng nàn, Ba đậu...

- Thay đổi tính năng của vị thuốc bằng cách tẩm, sao cho dễ tan vào nước, dễ đồng hoá, dễ hấp thụ, để dẫn vào các bộ phận của cơ thể cần điều trị... như tẩm, tẩm sao Bạch truật, Hoàng kỳ, Thục địa, Bạch thược, Táo nhân, Hoè hoa, Sơn tra...

Để đạt được mục đích trên bào chế có 2 yêu cầu chính sau:

1. Đảm bảo phẩm chất thuốc, kỹ thuật đúng đáp ứng yêu cầu điều trị theo biện chứng luận trị của Đông y.

2. Người bào chế giỏi, ngoài sự hiểu biết vững vàng về dược vật, những hiểu biết cơ bản về y lý đông y còn phải thông thạo về kỹ thuật tuỳ từng trạng thái, phẩm chất của vị thuốc, tuỳ từng yêu cầu của bài thuốc mà định việc bào chế cho đúng kỹ thuật và yêu cầu điều trị cho vừa chừng.

Trong Đông y thường dùng danh từ thuốc chín (thục dược) và thuốc sống (sinh dược) đó là hai danh từ đối lập nhau. Danh từ thuốc chín là để chỉ các dược liệu đã được chế biến và bào chế thành thuốc phiến (bán thành phẩm):

I. CÁC PHƯƠNG PHÁP CHUNG TRONG BÀO CHẾ THUỐC ĐÔNG DƯỢC

Kỹ thuật bào chế thuốc Đông dược và thuốc y học hiện đại có những điểm giống nhau đặc biệt là kỹ thuật bào chế một số dạng thuốc như: Thuốc nước, thuốc bột, thuốc hoàn, thuốc cao, rượu thuốc... cũng như các kỹ thuật tán, rây, nung, đốt, thăng hoa... Ngày nay trong bào chế thuốc Đông dược chúng ta có thể kết hợp

cả hai phương pháp vừa đảm bảo tính cổ truyền vừa đảm bảo tính hiện đại. Vì vậy trong cuốn sách này các kỹ thuật chế bằng nước, chế bằng lửa, chế bằng nước và lửa phối hợp của cổ xưa được sắp xếp thành hai nhóm sau:

- Phương pháp bào chế cơ học
- Phương pháp bào chế lý hoá

A. PHƯƠNG PHÁP BÀO CHẾ CƠ HỌC

1. Thái, bào

Thái, bào là phân chia các dược liệu thành từng phiến mỏng hoặc từng đoạn ngắn. Có độ dày của từng phiến khoảng 1 - 2mm, độ dài 4 - 5cm.

Các dược liệu trước khi đem thái, bào phải được rửa sạch, ngâm hoặc ủ cho mềm.

Dụng cụ thường dùng là dao cầu, dao bào, dao thái.

- Dao cầu: Thường dùng để thái các dược liệu to cứng như Cam thảo, rễ cỏ Xước, rễ Độc lực, v.v...

- Dao bào: Giống như chiếc bào gỗ của thợ mộc, hoặc được cải tiến như dao bào thái khoai, sắn v.v... Dao bào được dùng để bào các dược liệu đã ủ mềm thành từng phiến mỏng cho đều và không nát vụn như bào Xuyên khung, Hà thủ ô đỏ, Trạch tả...

- Dao thái: Có thể bằng sắt, bằng đồng hoặc bằng tre. Dao thái bằng sắt được dùng để thái, cắt các dược liệu nhỏ mềm như các loại lá... Còn dao bằng đồng, tre dùng để thái cắt các dược liệu có chất chát (tanin).

Hiện nay nhiều nơi đã cải tiến dùng máy, có hiệu suất cao để thái hay bào.

2. Tán

Tán dược liệu là phân chia các dược liệu thành bột nhỏ có kích thước theo yêu cầu sử dụng. Tuỳ theo từng loại dược liệu, mà trước khi đem tán nhỏ các dược liệu phải sấy nhẹ hay phơi thật khô. Có thể tán bằng mấy cách sau:

Tán bằng chày và cối: Chày và cối được làm bằng nhiều loại vật liệu với kiểu cách khác nhau như: cối đá, cối sứ, cối thuỷ tinh, cối đồng, cối sắt, cối có nắp đậy (để tán các loại thuốc độc)... Khi dùng phải chọn loại cối thích hợp với từng dược liệu.

- Đối với dược liệu rắn, chắc thì phải giã, khi giã để dược liệu trong cối rồi cầm chày nện thẳng xuống từng nhát một. Dược liệu cho vào cối nên cho vừa đủ, ít quá, chày có thể đập vào lòng cối làm vỡ cối (cối sứ, thủy tinh); nếu cho dược liệu quá nhiều, chày sẽ không chạm xuống đáy cối, giã lâu nhỏ. Giã, nên dùng cối có thành cao.

- Đối với dược liệu có thể chất mềm nếu đem giã sẽ vón và dính lại thành tảng phải dùng cách nghiền. Nghiền nghĩa là không nhấc cao chày ra khỏi cối mà đưa đầu chày thành vòng tròn, ép mạnh dược liệu vào thành cối. Khi nghiền nên cho dược liệu vào cối từng ít một thì nghiền mới kỹ và dùng cỡ cối rộng, thành nông.

Tán bằng thuyền tán: Để tán các dược liệu thảo mộc (rễ, thân, vỏ, lá...) với số lượng nhiều ta dùng thuyền tán, thuyền tán làm bằng gang (giống như chiếc thuyền) khi tán chỉ việc bỏ dược liệu vào thuyền (dược liệu đã được chia nhỏ hoặc sao sấy khô) rồi dùng một bánh xe cũng đúc bằng gang có cạnh sắc lăn qua, lăn lại, dược liệu sẽ dần dần bị phân chia nhỏ. Dùng thuyền tán nhanh hơn và đỡ tốn sức hơn dùng cối. Hiện nay nhiều địa phương đã cải tiến thuyền tán (vùa tán vừa rây) người tán không phải đạp chân; thuyền tán cải tiến là một hệ thống gồm 2 đến 3 thuyền tán và đĩa tán (bánh xe) có ổ bi gắn thêm một bộ phận để rây. Hiện nay nhiều nơi đã dùng máy tán thay thế cho thuyền tán.

3. Rây

Mục đích là để phân loại bột dược liệu sau khi tán lấy những bột có độ mịn đồng nhất. Cụ thể sau khi tán người ta cho bột dược liệu đi qua dụng cụ gọi là rây. Rây là một chiếc khung tròn hoặc chữ nhật, một mặt căng lưới bằng kim loại, ni lông hoặc lụa có mắt lưới (mắt rây) với kích cỡ đúng yêu cầu.

Những bột chưa lọt qua mắt rây thì phải tán lại rồi rây lần nữa. Cứ như thế cho đến khi tất cả bột đều nhỏ bằng nhau.

Khi rây phải lắc rây từ từ. Không nên vội vã đập mạnh hoặc xát lên mặt rây làm cho bột to cũng rơi xuống. Có thể dùng máy rung để rây.

Bột dược liệu khi rây phải khô và nên rải ít một lên rây để bột di động, xáo trộn được đều.

B. PHƯƠNG PHÁP BÀO CHẾ LÝ HOÁ

1. Sao

Sao là cách cho dược liệu trực tiếp hoặc gián tiếp với lửa làm cho thuốc khô ráo, sém vàng hoặc cháy đen. Mục đích chủ yếu của sao là làm thay đổi công năng, tính dược của vị thuốc theo mục đích điều trị và làm cho dược liệu khô, dễ bảo quản sau khi đã rửa, ngâm, tẩm, hoặc để ổn định dược liệu.

Dụng cụ để sao thường là chảo gang, hoặc nồi rang bằng đất và một đôi đũa to bằng tre hay bàn xẩn dùng để đảo thuốc khi sao. Có thể dùng máy sao để sao dược liệu như các máy sao chè ở các nhà máy chè hiện nay.

Trước khi sao phải phân loại dược liệu, to nhỏ riêng ra để khi sao được vàng đều, tránh thứ to thì chưa được mà thứ nhỏ thì đã bị cháy.

Có nhiều cách sao như sau:

a. Sao thường

Sao vàng: Vị thuốc bên ngoài có màu vàng, trong ruột vẫn màu cũ, cốt có mùi thơm, sao để cho vị thuốc bớt tính hàn, dẫn vào tỳ, uống không lợm giọng buồn nôn. Khi sao, lửa phải nhỏ, thời gian sao lâu. Sao vàng thường, áp dụng cho các dược liệu như: Củ Mài, hoa Hoè, hạt Cải bẹ (Bạch giới tử), củ Sả, Ý dĩ...

Sao vàng hạ thổ: Quét sạch đất (hay đào hố sâu dưới đất 10 - 30cm).

Trải miếng vải hay giấy mỏng, đổ úp vị thuốc đã sao vàng xuống, đậy lại để độ 10 - 15 phút cho nguội. Sao vàng hạ thổ thường áp dụng cho các dược liệu như: Rễ cỏ Xước, lá Tre (Trúc diệp), Sài hồ, Muồng trâu, v.v... Sao vàng hạ thổ theo Đông y là để lấy lại thăng bằng âm, dương cho vị thuốc, vị thuốc khi sao lửa nóng làm cho vị thuốc tăng phần dương, giảm phần âm.

Sao vàng xém cạnh: Vị thuốc mặt ngoài xém cạnh, trong ruột màu vẫn như cũ. Cách sao này áp dụng cho các vị thuốc chua, chát hoặc tanh lợm quá để thay đổi mùi vị nhưng vẫn đảm bảo chất lượng thuốc. Thường áp dụng cho các dược liệu như: Chỉ thực, Chỉ xác, Kim anh, Bạch cương tằm, Thăng ma, Thần khúc...

Sao tồn tính (Hắc sao = sao đen): Dùng lửa to, chảo thật nóng cho dược liệu vào, đảo đều tới khi bên ngoài cháy đen, bẻ ra trong còn màu vàng là được.

Thường áp dụng cho các dược liệu như: Củ Gấu, Kinh Giới, Táo Nhân, Địa du... Sao đen nhằm mục đích làm tăng thêm tác dụng tiêu thực, bớt thơm cay hay cầm máu của vị thuốc.

Sao cháy (Thán sao): Không có nghĩa là sao cháy thành than mà bao giờ cũng cho cháy đến 70% là được. So với sao đen mức độ có cháy hơn nhưng chưa thành than. Sao cháy áp dụng cho các dược liệu như: lá Trắc bá, Gương sen (Liên phòng), Gừng (thán khương) v.v... Sao cháy dùng lửa to, chảo thật nóng cho dược liệu vào đảo đều đến khi khói lên nhiều, mang ra khỏi lửa úp vung lại để nguội. Mục đích của sao cháy là để tăng tác dụng cầm máu của vị thuốc.

Khi sao tồn tính hay sao cháy cần chú ý phân loại: Phiến lớn, phiến nhỏ, không nên sao cả hai loại một lúc, sao thứ lớn trước, thứ nhỏ sau.

b. Sao có thêm chất trung gian truyền nhiệt:

Thường dùng: Cát (giữ nhiệt độ vào khoảng 30°C), bột Văn cáp (giữ nhiệt độ vào khoảng 250°C) và bột Hoạt thạch (giữ nhiệt độ 200 - 220°C).

Sao cát: Chọn thứ cát nhỏ đãi sạch. Rang cho nóng và bay hết nước rồi cho dược liệu vào đảo thật đều tay. Sao cát nhằm làm cho dược liệu vàng, phồng đều, không cháy. Dược liệu thường sao với cát là: Mã tiền, Vẩy tê tê (Xuyên sơn giáp).

Sao Văn cáp, Hoạt thạch: Dùng bột Văn cáp, bột Hoạt thạch để sao các vị thuốc dẻo hay có chất keo, chất nhựa và có dầu để khỏi dính vào nhau, như sao: A giao, Lông Dím, Nhũ hương, Một dược.

Trong cách sao này Cát, Văn cáp và Hoạt thạch là chất trung gian truyền nhiệt, khi sao chúng bao quanh vị thuốc làm cho thuốc không chạm đáy chảo và thấm nhiệt đều, sâu vào thuốc, để các vị thuốc có chất dầu, nhựa, keo không dính vào nhau và làm bớt mùi tanh, khét, dễ tán bột...

Sao với chất bột (cám): Áp dụng cho những thứ thuốc chứa tinh dầu như Chỉ thực, Vỏ Quýt, Thanh bì, Thương truật, Bạch truật v.v...

Sao với chất bột là nhằm cho tinh dầu thấm vào bột rồi lấy bột dùng, hoặc làm cho chất bột bao quanh thuốc để giữ tinh dầu, cho đỡ bay trong khi sao.

Ưu điểm của quá trình sao:

Ngày nay, qua một số công trình thực nghiệm nghiên cứu sự thay đổi tính năng của thuốc trong quá trình sao, các nhà y, dược đã kết luận quá trình sao:

- Làm cho hoạt chất dễ thoát ra.

- Diệt men ở những vị thuốc có chứa glucosid.

- Làm chết những vi khuẩn phá huỷ thuốc.

- Làm thay đổi tính năng, tác dụng của thuốc.

Ví dụ 1:

Sao Hoè hoa:

Thay đổi tác dụng trước và sau khi sao:

- Trước khi sao: Hoè hoa vị đắng, tính lạnh có tác dụng thanh nhiệt lương huyết dùng chữa đau mắt, tăng huyết áp.

- Sau khi sao: Tính bình, mùi thơm, dùng chữa xuất huyết, chảy máu cam, ho ra máu, băng huyết...

Hoè hoa có chứa 10 - 28% Rutin có tác dụng chống sự dòn vỡ của mao mạch và giữ cho sự thẩm thấu của huyết quản bình thường.

Rutin dễ bị men Ramnodiatase thuỷ phân thành flavon và glucose. Sao đã làm cho men Ramnodiatase mất tác dụng, bảo tồn được Rutin.

Ví dụ 2:

Sao Sơn tra:

- Trước khi sao: Sơn tra có vị chua, ngọt, tính ôn có tác dụng kiện tỳ, giúp tiêu hoá.

- Sau khi sao: Vị ngọt đắng, hơi chua, tính ấm làm tăng thêm tác dụng kiện tỳ, tiêu hoá.

Sơn tra chứa 0,7% protid, 0,2% lipid, 22% carbon hydrat, 2,7% acid hữu cơ và calci, sắt, vitamin C... Sau khi sao acid hữu cơ giảm tới 65 - 66%, vị chua giảm rõ rệt.

Ví dụ 3:

Sao Bạch cương tằm:

- Trước khi sao: Bạch cương tằm vị mặn, cay, mùi tanh, tính bình có tác dụng trừ phong nhiệt, trấn kinh, hoá đờm.

- Sau khi sao: Làm bớt mùi tanh, và làm mất những chất do vi khuẩn tiết ra có hại tới dạ dày, có tác dụng sát khuẩn.

2. Tẩm sao

Là cách nhào vào dược liệu đã thái phiến mỏng và khô một chất lỏng khác như: Rượu, Giấm, nước Muối, nước Gừng, v.v... cho đủ ướt, để cho ngấm từ 2 đến 4 giờ, hay 8 - 10 giờ tuỳ từng loại dược liệu.

Số lượng chất lỏng tẩm thường từ 50 - 200ml cho 1 kg dược liệu, sau khi tẩm rồi phải sao lại cho vàng.

a. Tẩm rượu:

Dùng Rượu trắng (35° - 40°) tẩm, trộn với dược liệu để 2 - 3 giờ rồi sao nhỏ lửa, chớm có mùi rượu thơm bốc lên là được. Số lượng dùng 150 - 200ml cho 1 kg dược liệu. Tẩm Rượu sao là để làm bớt tính hàn thêm tính ấm, tăng tác dụng của vị thuốc và dẫn thuốc đi lên các bộ phận trên của cơ thể tản ra ngoài (thăng đề).

Thường áp dụng cho các dược liệu như Vỏ Núc nác, Hoàng bá, Hoàng cầm, Hoàng liên, Thường sơn, Bạch thược, Sơn thù, Xuyên khung, Đương quy, Tục đoạn, Phòng kỷ, Nhục thung dung...

b. Tẩm muối

Dùng nước muối 20%, trộn với dược liệu để 2 - 3 giờ rồi sao vàng, số lượng nước muối dùng 150 - 200ml cho 1 kg dược liệu, nhằm cho vị thuốc có vị mặn, hướng thuốc đi vào thận nhiều hơn do đó tăng tác dụng của thuốc.

Tẩm muối, sao thường áp dụng cho các dược liệu như: Trạch tả, Đỗ trọng, Hoàng bá, Phá cố chỉ, Ích trí nhân...

c. Tẩm Gừng:

Dùng Gừng tươi rửa sạch, giã giập, cho vào ít nước Gừng trộn vào dược liệu để ngâm khoảng 1 giờ, đem sao vàng. Số lượng nước Gừng tẩm từ 15 - 25% so với dược liệu. Thường dùng 50 - 150g Gừng tươi cho 1 kg dược liệu. Tẩm Gừng, sao để làm giảm tính hàn và tăng thêm tác dụng kích thích tiêu hoá của thuốc làm ấm tỳ, vị và dẫn thuốc vào phế, tỳ, vị...

Tẩm Gừng, sao thường áp dụng cho các dược liệu như các loại Sâm, Bán hạ, Hoàng liên, v.v...

d. Tẩm giấm:

Dùng Giấm ăn hoặc acid acetic 5%. Nếu số lượng dược liệu nhiều, cho dược liệu vào chậu dội Giấm lên trộn đều, đậy kín để 1 đêm, hôm sau lấy sao từng ít một.

Nếu dược liệu ít thì tẩm Giấm xâm xấp độ 1 - 2 giờ rồi sao xém cạnh. Lượng Giấm dùng là 5 - 10% so với dược liệu. Dược liệu thường tẩm Giấm sao gồm: Sài hồ, Hương phụ (củ Gấu), Cù túc xác, Nga truật, Mai ba ba v.v... Tẩm Giấm sao để tăng cường dẫn thuốc vào can (gan), tăng thêm tác dụng của thuốc (do phản ứng của Giấm với vị thuốc) nhất là tác dụng giảm đau của vị Cù túc xác hoặc giảm kích thích của một số vị thuốc.

đ. Tẩm mật

Thường dùng Mật mía. Mật đặc quá phải pha loãng với nước sôi (một phần Mật, một phần nước) tẩm, trộn với dược liệu để ủ 4 - 6 giờ, đem sao vàng xém cạnh (sao chậm). Tẩm mật, sao mục đích là để giảm tính đắng, tính chát, tăng thêm tính ôn, bổ và nhuận phế của một số vị thuốc.

Dược liệu thường tẩm Mật sao gồm: Vỏ rễ Dâu, lá Tỳ bà, Cam thảo, Bách bộ, Mạch môn, Ngũ vị, Hoàng kỳ, Bách hợp, Đẳng sâm, Đinh lăng, v.v... số lượng nước Mật dùng tẩm thường là 5 - 15% dược liệu.

g. Tẩm nước tiểu

Lấy nước tiểu trẻ em dưới 5 tuổi (không có bệnh tật) bỏ nước đầu và cuối.

Tẩm từ 12 - 48 giờ rồi đem sao vàng. Số lượng nước tiểu dùng 5 - 20% so với dược liệu. Tẩm nước tiểu sao để tăng sự dẫn thuốc vào máu và giáng hoả.

Các dược liệu thường tẩm nước tiểu gồm Hương phụ, Nga truật.

h. Tẩm nước Đậu đen hay nước Cam thảo

Lấy 100g Đậu đen hay 100g Cam thảo cho 1 lít nước đun sôi 1 giờ, gạn lấy nước, tẩm với dược liệu rồi sao vàng. Tỷ lệ nước tẩm là 10 - 20% so với dược liệu.

Các dược liệu thường tẩm nước Đậu đen gồm: Hà thủ ô đỏ, Trâu cổ, dược liệu thường tẩm nước Cam thảo: Viễn chí, Phụ tử chế v.v...

Tẩm nước Đậu đen, nước Cam thảo để giảm độc tính của các vị thuốc độc (giải độc), làm tính thuốc êm dịu, đỡ chát, đỡ kích ứng.

i. Tẩm nước gạo

Dùng nước gạo đặc mới vo. Số lượng nước gạo thường dùng là: 15 - 20% so với dược liệu. Các dược liệu tẩm nước gạo để ủ 1 đêm, đem sấy khô rồi sao vàng xém cạnh là được.

Tẩm nước gạo, sao là để bớt tính ráo, nóng hoặc độc của vị thuốc. Các dược liệu tẩm nước gạo, sao thường là các dược liệu chứa tinh dầu như Thương truật hoặc độc như Hoàng nàn.

k. Tẩm Hoàng thổ

Dùng đất sét vàng (Hoàng thổ) phơi khô tán nhỏ. Lấy 100g bột đất sét cho vào 1 lít nước đun sôi khuấy đều, chắt bỏ nước trên, gạn lấy nước giữa, bỏ cặn, đem tẩm với dược liệu theo tỷ lệ 30 - 40% so với dược liệu, để 2 – 3 giờ, sau đem sao vàng. Các dược liệu tẩm Hoàng thổ sao là các dược liệu chứa tinh dầu (Bạch truật). Tẩm Hoàng thổ sao có mục đích là dùng bột Đất để hút bớt tinh dầu có trong dược liệu (do tính hấp phụ của bột đất) để giảm bớt tính ráo, nóng của vị thuốc đồng thời theo lý luận của Đông y thì sao Hoàng thổ dễ dẫn thuốc vào tỳ, vị (vị màu vàng và tỳ vị đều thuộc hành thổ) và để tăng thêm tính ôn, bổ của vị thuốc.

Tóm lại, sao và tẩm sao có mục đích chủ yếu là làm thay đổi tính dược và tác dụng của vị thuốc: Từ hàn ra ôn (từ lạnh ra ấm) từ nhiệt ra lương (từ nóng ra mát) hoặc làm cho thuốc dẫn từ trong ra ngoài, từ dưới đưa lên trên và ngược lại (trầm, giáng ra thăng đề, phát tán) hoặc từ độc hoá thuần, từ yếu hoá mạnh và dẫn vào các kinh, các tạng phủ cần đến. Các lương y nói tính năng của vị thuốc phải căn cứ vào: Hàn, nhiệt, ôn, lương, thăng, giáng, phù, trầm, quy kinh là như vậy. Do đó sao, tẩm sao các vị thuốc trong Đông dược có ý nghĩa hết sức quan trọng, là cốt lõi quyết định hiệu quả chữa bệnh của Đông y, Đông dược.

3. Thuỷ phi

Thuỷ phi là tán, nghiền dược liệu trong nước nhằm mục đích:

- Lấy bột thật mịn và loại bớt một số tạp chất

- Tránh bị sức nóng phân huỷ thành phần làm giảm chất lượng của thuốc.

Cách thuỷ phi như sau: Cho dược liệu vào cối sứ, đổ nước vào nghiền thành bột nhỏ, cho thêm nước ngập thuốc khoảng 3 - 5 cm, khuấy đều, vớt bỏ màng, bụi rác nổi trên mặt nước vừa khuấy nhẹ vừa gạn nước sang một bình khác.

Những cặn to lắng xuống (cặn) bỏ đi. Nước gạn để lắng trong, gạn bỏ nước trong ở trên lấy chất lắng đem phơi hoặc sấy khô. Những cặn to còn lại thêm nước, tán gạn lại như trên, làm 2 - 3 lần.

Dược liệu thuỷ phi thường là: Long cốt, Cửu khổng, Ngũ linh chi, Thạch quyết minh, v.v... Riêng có Chu sa, Thần sa là loại dược liệu kỵ nóng (gặp nóng chuyển thành Thuỷ ngân kim loại tự do rất độc) nhất thiết phải tán trong nước.

4. Thuỷ bào

Là dùng nước có nhiệt độ khoảng 60 - 70°C rồi cho dược liệu vào khuấy nhẹ liên tục cho đến khi nước nguội gạn bỏ nước. Lại thay nước 60 - 70°C vào tiếp tục khuấy nhẹ như trên. Làm như vậy 2 - 3 lần.

Thuỷ bào nhằm mục đích là làm giảm bớt tính mạnh của vị thuốc hoặc làm cho thuốc mềm dễ bóc vỏ, dễ bào, thái.

Thí dụ: Thuỷ bào Ngô thù du để làm giảm bớt tính mạnh, Hạnh nhân cho vỏ nở ra rồi xát bỏ vỏ đi.

5. Hơ, chích, đốt, lùi, nung

a. Hơ:

Dùng lửa nhỏ để hơ dược liệu cho khô ráo, đến vàng ròn là được.

b. Chích:

Dược liệu được tẩm Mật đem nước đến khi thấy khô thơm là được.

Dược liệu thường chích gồm: Cam thảo, Hoàng kỳ.

c. Đốt:

Áp dụng cho những dược liệu không chịu được sức nóng cao như Nhung hươu, Nai. Thường hơ miếng Nhung lên ngọn lửa đốt bằng rượu để đốt cháy lông, hơi rượu bốc lên thấm vào Nhung làm Nhung thơm hơn, không tanh và bảo quản được lâu.

d. Lùi (ổi):

Cho dược liệu vào tro nóng không bén tới lửa, đến khi chín thì lấy ra. Khi lùi, dược liệu thường được bọc vào giấy bản ướt hay bọc một lượt Cám ướt đến khi

giấy hay Cám khô là được. Dược liệu thường lùi là Cam thảo, Gừng, Mộc hương. Lùi có tác dụng tăng thêm tính ấm của dược liệu.

e. Nung (Hà):

Cho dược liệu đốt trực tiếp trong lửa nhiệt độ từ 200 - 700°C. Thường áp dụng cho các dược liệu là khoáng vật hay động vật rắn như: Đá kẽm, Phèn chua, Thạch tín, gạc Hươu, Nai, các loại xương thú, các vỏ Hà, vỏ Hầu, v.v... với mục đích là cho dược liệu bở, tơi, xốp dễ tán mịn, hoặc làm tinh khiết dược liệu. Có 3 cách nung:

Nung gián tiếp: Cho dược liệu vào trong vò đất hoặc chảo gang đậy kín như: Thạch tín (thăng hoa) cũng có khi không đậy kín như Bằng sa, Phèn chua, đốt lửa. Nhiệt độ và thời gian tuỳ thuộc vào loại dược liệu. Khi được, lấy ra để nguội như nung Phèn chua, Bằng sa... hoặc nhúng vào một chất lỏng khác như vỏ Hà (Hến) nhúng vào giấm; Đá kẽm (Thạch cam lồ) nhúng vào nước Hoàng liên... (cách này còn gọi là Tôi).

Nung trực tiếp: Đưa dược liệu trực tiếp vào lò than nung cho đến chín.

- Số lượng ít thì bỏ thẳng vào lò than hoặc đặt trên một miếng sành, sứ, sắt.

- Số lượng nhiều xếp vào lò, cứ một lượt trấu xếp một lượt dược liệu, cứ thế cho đến hết, trên cùng phủ trấu. Đốt từ dưới và chung quanh cho cháy âm ỉ đến khi dược liệu dễ bẻ, tơi, lấy ra để nguội nhúng vào giấm.

Nung trực tiếp áp dụng cho các dược liệu như: Mẫu lệ (vỏ Hầu), Thạch quyết minh (vỏ Bào ngư), Thạch cao, sừng Hươu, Nai, v.v...

Các dược liệu nung rồi đem tán bột hoặc thuỷ phi đựng lọ khô, nút kín để dùng.

Thăng hoa (Chế sương)

Là một phương pháp nung kín nhằm làm tinh khiết dược liệu. Xếp dược liệu vào trong một bát, lấy một bát khác úp vừa khít lên trên đem trát liền hai miệng bát lại cho thật kín (bát trên nên chọn bát lòng hơi nhám để dược liệu thăng hoa dễ bám). Đặt bát trên lò cát nóng (150° - 400°C). Khi đạt đến nhiệt độ và thời gian quy định, lấy ra để nguội cạo chất bột bám ở lòng bát úp ở trên để dùng. Thời gian và nhiệt độ thăng hoa lâu hay chóng, cao hay thấp phụ thuộc vào dược liệu đem thăng hoa, hay đem chế Sương.

Sương có nghĩa là những bụi mưa lún phún bay lưng chừng, ý nói về thuốc đã được chế biến tinh khiết thành bột mịn.

Những dược liệu thường dùng thăng hoa như Thạch tín, Mai hoa băng phiến, Long não, Thạch cam lồ (Đá kẽm), v.v...

6. Sắc, ngâm, hãm, hầm, nấu, đồ, chưng, ủ

a. Sắc

Sắc là cho các vị thuốc đã chế biến bào chế và chia liều thành từng thang vào trong một siêu đất có dung tích là 1,5 - 2 lít, sau đó cho nước (nước máy, nước giếng tốt, nước mưa) rồi đun sôi nhẹ và đều trong một thời gian nhất định.

Ví dụ: Sắc thuốc thang cho bệnh nhân.

b. Ngâm:

Ngâm là để dược liệu tiếp xúc với dung môi ở nhiệt độ thường trong một thời gian nhất định. Ngâm có 3 mục đích sau:

- Làm mềm dược liệu cho dễ thái, bào (ngâm Hà thủ ô).

- Làm giảm độc tính của dược liệu về mặt nào đó (Hoàng nàn, Mã tiền)

- Để chiết lấy các hoạt chất có tác dụng chữa bệnh trong các dược liệu.

Dược liệu độc thường hay ngâm bằng nước vo gạo đặc, khi ngâm xếp dược liệu vào thùng hoặc chậu đổ ngập nước.

Tuỳ từng dược liệu mà thời gian ngâm từ 1 - 24 giờ hay hơn. Nếu ngâm lâu thì hàng ngày phải rửa dược liệu và thay nước ngâm.

Ngâm để chiết lấy hoạt chất. Có hai phương pháp:

Ngâm thường (ngâm thẳng), ngâm nhỏ giọt hay ngâm kiệt.

Ngâm thường:

Dùng môi là nước mưa, nước cất, rượu, giấm... Tuỳ khối lượng dược liệu và dung môi mà cho vào chum, vại hay thùng thép không rỉ để ngâm. Dược liệu đem xếp vào thùng rồi đổ dung môi lên cho ngập. Trong quá trình ngâm thỉnh thoảng phải lắc hoặc khuấy.

Có thể chia số lượng dung môi làm nhiều phần, rồi ngâm thành nhiều lần (ngâm phân đoạn). Sau mỗi lần ngâm, gạn lấy dịch chiết rồi lại cho phần dung môi khác vào. Cuối cùng hỗn hợp tất cả các dịch chiết lại cho đều.

Như vậy cùng một số lượng dung môi nhưng rút được nhiều hoạt chất hơn.

Thời gian ngâm có thể từ 2 đến 7 ngày hoặc 10 ngày.

Phương pháp này được dùng để chế các rượu thuốc như rượu Bổ huyết trừ phong, rượu Hà thủ ô, rượu Rắn, rượu Ditakina, v.v...

Phương pháp ngâm thường có nhược điểm là thời gian kéo dài, các men có sẵn trong dược liệu hoặc do vi khuẩn, nấm, mốc tiết ra có thể làm thay đổi thành phần hoá học của hoạt chất, nhất là trường hợp dung môi là nước.

Ngâm nhỏ giọt hay ngâm kiệt.

Ngâm nhỏ giọt khác với ngâm thẳng là rút hoạt chất dễ tan của dược liệu bằng cách cho dung môi chảy từ từ và liên tục qua bột dược liệu như pha cà phê.

Dụng cụ để ngâm gọi là bình ngâm nhỏ giọt làm bằng kim loại (đồng, thép không rỉ) hay thuỷ tinh. Phía dưới có một cái khoá để điều chỉnh lượng dịch chiết chảy ra.

Dung môi thường dùng là nước hoặc cồn (60° - 70°).

Dược liệu để ngâm phải có độ nhỏ thích hợp.

- Cách tiến hành ngâm nhỏ giọt: Làm ẩm bột dược liệu với một ít dung môi, sau đó rây qua cho đều để khỏi vón. Lót dưới đáy bình ngâm nhỏ giọt một ít bông trên đặt gạc thấm nước rồi cho bột dược liệu (đã làm ẩm và rây đều) vào bình nhẹ nhàng với lượng khoảng 2/3 bình và san bằng mặt rồi chặn lên trên một lớp đá cuội sạch (hoặc bi thuỷ tinh). Đổ dung môi, mở khóa dưới đáy bình khi dung môi bắt đầu chảy thì khoá lại. Đổ thêm dung môi cho ngập bột độ 2 - 3 cm. Đậy nắp bình lại để ngâm trong 24 - 48 giờ, tuỳ theo tính chất của hoạt chất.

Sau đó mở khoá cho dịch thuốc chảy từng giọt. Chú ý bổ sung thêm dung môi vào bình để cho lúc nào trên mặt dược liệu cũng có một lớp dung môi cao 2 - 3cm, khi chảy phải điều chỉnh khoá sao cho cứ 1 kg dược liệu thì lấy được 1,5 lít dịch thuốc trong 24 giờ. Thông thường thì cứ 1 phần bột cần 6 phần dung môi. Dịch thuốc thu được trước khi dùng phải lắc đều.

- Ưu điểm của cách ngâm nhỏ giọt

Rút được hết hoạt chất.

Tiết kiệm được dung môi

Phương pháp này được áp dụng rộng rãi trong điều chế rượu thuốc, cao thuốc, cồn thuốc, v.v...

c. Hãm

Hãm là rót nước sôi vào dược liệu và để ngâm trong 15 phút đến 1 giờ trong bình có đậy nắp (như pha trà). Khi rót nước sôi vào dược liệu nhiệt độ thường xuống 70 - 80°C. Ở nhiệt độ này men và vi khuẩn đa số bị diệt, hoạt chất không bị biến chất và hoà tan được nhiều.

Hãm áp dụng cho các dược liệu mềm như hoa, lá non, rễ nhỏ, các loại Sâm v.v... và được áp dụng để điều chế nước chè thuốc, cao thuốc.

d. Hầm

Hầm là để dược liệu tiếp xúc với dung môi ở một nhiệt độ thấp hơn nhiệt độ sôi trong thời gian cần thiết. Ta dùng cách này khi dược liệu cần tiếp xúc lâu với dung môi ở một nhiệt độ không cao lắm hoặc khi hoạt chất hoà tan chậm.

Dung môi là nước. Nếu dung môi là cồn thì phải hầm trong bình kín có lắp ống sinh hàn ngược.

Hầm bằng cách đun cách thuỷ là tốt nhất (luôn giữ được nhiệt độ ổn định).

e. Nấu

Nấu là đun sôi dược liệu với chất lỏng thích hợp như nước, dầu, nước Gừng, nước Đậu đen... Nhằm làm cho dược liệu mềm, dừ, dễ bào chế hoặc làm giảm bớt độc tính (nấu Mã tiền), giảm tính kích thích của vị thuốc (nấu Nghệ đen), tăng tác dụng (nấu Hà thủ ô đỏ, Hoàng tinh) và để rút hoạt chất của dược liệu như nấu cao...

g. Đồ

Đồ tức là dùng hơi nóng làm cho mềm dược liệu để dễ thái bào, áp dụng cho các dược liệu không dùng được phương pháp ngâm (mất hoạt chất). Ví dụ: Phục linh, Hoài sơn.

Dụng cụ dùng là cái chõ, xếp dược liệu to xuống dưới, nhỏ lên trên. Không nên xếp chặt quá, hơi nước sẽ không toả đều. Thời gian đồ tuỳ theo số lượng và tính chất của thuốc. Loại có tinh dầu, mềm, xốp, thời gian đồ 15 - 20 phút. Loại gỗ, cứng, rắn đồ từ 1 - 2 giờ. Đồ xong phải bào thái ngay.

h. Chưng

Là phương pháp chế biến dược liệu bằng cách đun cách thuỷ. Người ta thường chưng với rượu, hoặc nước Sa nhân, nước Gừng. Chưng có tác dụng làm thay đổi tính chất của thuốc: Ngọt và thơm hơn, thêm sức ôn bổ dễ đồng hoá, dễ hấp thu hơn.

Cách chưng: Dược liệu đã được lựa chọn, xếp vào thùng, to để dưới, nhỏ để trên, không lèn chặt quá. Đổ nước Đậu đen (chưng Hà thủ ô), nước Gừng, Sa nhân và rượu (chưng Sinh địa) cho ngập dược liệu. Thùng này được đặt vào trong một chiếc thùng khác to hơn, đã chứa 1/2 thùng nước và đáy có lót miếng gỗ để thùng trong không sát xuống đáy thùng ngoài, đậy nắp đun sôi trong 24 giờ, nước trong thùng cạn thêm nước sôi vào. Hôm sau lấy dược liệu ra phơi, sấy cho ráo, rồi lại tiếp tục xếp vào thùng chưng và phơi như trên. Làm ít nhất 3 lần. Nếu làm được 9 lần chưng,9 lần phơi thì càng tốt (cửu chưng, cửu sái).

i. Ủ

Ủ là dùng nước với số lượng ít, đem thấm ướt dược liệu rồi lấy bao tải hay vải ướt đậy kín từ vài giờ đến vài ngày cho dược liệu mềm, lấy ra để bào, thái và chế biến, phương pháp này áp dụng cho các dược liệu không ngâm nước lâu được vì ngâm lâu sẽ mất hoạt chất như Thổ phục linh, Tỳ giải, Ô dược v.v... hoặc để làm cho dược liệu lên men như: Đạm đậu sị, Sinh địa v. v...

7. Hoà tan

Hoà tan là cách làm cho tan đều một hay nhiều dược chất vào trong một chất lỏng. Cách này áp dụng cho những dược chất là hoá chất tan hoàn toàn và dễ tan trong dung môi.

Hoà tan có khi thực hiện ở nhiệt độ thường. Đối với những chất khó tan và có độ hoà tan tăng khi nhiệt độ tăng mà không bị huỷ hoại thì ta có thể tiến hành hoà tan ở nhiệt độ cao (nấu xirô).

Dụng cụ để hoà tan tuỳ khối lượng dược chất, có thể dùng cốc có chân, thùng hoặc bình và đũa hoặc que khuấy.

Khi hoa tan thì cho dược chất vào dung môi thích hợp (thường là nước, dầu, cồn v.v...) dùng đũa khuấy cho đến khi tan hết rồi lọc, chất lỏng thu được gọi là dung dịch.

Muốn hoà tan được nhanh chóng cần:

- Tán nhỏ dược chất trước khi cho vào dung môi.

- Khuấy luôn trong khi hoà tan.

- Đối với một số hoá chất khó tan hoặc vón lại khi gặp nước thì phải ngâm một thời gian (6 đến 12 giờ) với một ít nước sau đó cho thêm nước rồi khuấy cho tan đều.

8. Làm trong

Làm trong có hai cách: Gạn và lọc

a. Gạn

Những dung dịch thuốc sau khi điều chế bằng cách hoà tan, ngâm, hầm, sắc, hãm... có khi còn đục, còn lẫn bụi, chất vẩn lắng xuống, gạn thật nhẹ nhàng phần trong ở trên.

Có nhiều cách gạn:

- Nghiên bình (khối lượng ít)

- Dùng ống hút hay xi phông

Ống xi phông là một ống cao su hoặc một ống thuỷ tinh hình chữ U. Khi hút, đổ dung dịch vào đầy ống xi phông, bịt 2 đầu ống, đặt nhẹ nhàng một đầu ống vào dung dịch đã để lắng và buông tay ở đầu ống kia, nước sẽ chảy đều ra bình hứng.

b. Lọc: Là cho chất lỏng còn vẩn đục đi qua những màng chắn có lỗ rất nhỏ (như giấy, vải, bông) để thu được một dung dịch trong.

Nếu chất lỏng sánh như cao lỏng, xirô thì ta lọc bằng vải hay gạc.

Khi lọc một dung dịch nước thì dùng bông thấm nước hay giấy lọc

Dụng cụ lọc thường là phễu bằng thuỷ tinh, hoặc bằng sắt không gỉ.

Dùng phễu to hay nhỏ tuỳ khối lượng dung dịch định lọc.

Trước khi lọc phải rửa và tráng phễu bằng nước sạch.

Lọc bằng bông:

Dùng bông hút nước nhét vào phễu, dội nước sạch qua bông (có khi người ta bọc bông trong một miếng vải hay gạc để tránh sợi bông theo xuống dịch lọc, trong trường hợp lọc dịch tiêm truyền, thuốc nhỏ mắt...) để ép bông xuống.

Chú ý: Nhét bông vừa đủ chặt, nếu lỏng quá khi đổ thuốc vào bông sẽ nổi lên, nếu ấn chặt quá thì lọc rất lâu.

Khi lọc, tráng qua bông và phễu lọc bằng một ít dung dịch thuốc định lọc, sau đó mới đổ dung dịch thuốc lọc vào.

Lọc bằng giấy lọc:

Giấy lọc là một loại giấy thấm nước, được chế bằng phương pháp riêng đã loại các tạp chất, khi lọc tuỳ phễu to và nhỏ khác nhau mà cắt giấy lọc.

Giấy lọc được gấp theo nhiều nếp rồi đo cắt cho cao hơn thành phễu 2cm.

Đặt một ít bông vào đáy phễu (bông này không cần nhiều như khi lọc riêng bằng bông) để đỡ cho đầu giấy khỏi thủng, rồi đặt giấy lọc lên trên. Dội qua nước sạch, rồi tráng lại bằng một ít dung dịch thuốc định lọc. Rót dung dịch thuốc thật nhẹ nhàng theo một đũa thuỷ tinh vào cạnh giấy lọc (rót vào giữa dễ làm thủng giấy).

Lọc bằng giấy lọc thường châm hơn lọc bằng bông nhưng dung dịch lọc được trong hơn.

Chú ý: Khi lọc bằng giấy lọc nhiều khi người ta không lót bông mà chỉ lọc qua giấy lọc. Trong trường hợp này khi rót dung dịch lọc vào phễu phải hết sức nhẹ nhàng và rót lên thành giấy lọc trên thành phễu, không rót thẳng xuống đuôi phễu vì dễ làm thủng giấy.

II. THUỐC PHIẾN (THUỐC CHÍN)

Thuốc phiến là những thuốc chế từ dược liệu như thảo mộc, động vật hay khoáng vật bằng cách bào hay thái thành từng phiến mỏng, có khi để sống hoặc đã chế bằng các phương pháp khác nhau như: Nung, nướng, chưng, thuỷ phi, v.v... có khi phải sao, tẩm sao theo yêu cầu của chữa bệnh.

Thuốc phiến muốn có tác dụng trị bệnh tốt phải bào chế đúng kỹ thuật để đảm bảo hiệu lực của từng vị thuốc.

Dạng phiến là dạng trung gian dùng để bốc thuốc thang và để chế các dạng thuốc khác như: Bột, viên, rượu, cao, v.v...

A. CHỌN LỰA VÀ SƠ CHẾ BAN ĐẦU

Dược liệu trước khi mang bào chế thuốc phải lựa chọn loại có phẩm chất tốt rồi đem sàng, sẩy, rửa sạch cho hết đất cát, mốc mọt v.v...

1. Chọn lựa

Chọn lựa để lấy phần chủ yếu của dược liệu, loại bỏ những phần không cần thiết như:

Bỏ rễ con, lông (vì ít tác dụng): như Hương phụ, Thạch xương bồ, Thuỷ xương bồ, Tỳ giải, rễ Độc lực, Kim anh tử v.v...

Bỏ chân, đầu như: Xác ve sầu, Rết....

Bỏ vỏ màng như: Đào nhân, Sử quân tử đem dội nước nóng vào, (thuỷ bào) để một lúc màng bong ra bóc bỏ đi. Bạch biển đậu phải rang vàng rồi sát cho tróc vỏ. Hạt táo, Qua lâu phải đập cho vỡ rồi lấy nhân...

Bỏ lõi ruột như: Bách bộ, Mạch môn, Thiên môn, Ba kích đồ cho mềm rồi rút bỏ lõi...

2. Rửa sạch

Dược liệu là thân vỏ, củ, rễ, lá, hạt, v.v... trước khi bào chế phải rửa sạch. Nếu là hoa thì không nên rửa mà chỉ chọn lựa, sàng sẩy. Một số vị khi rửa không nên ngâm lâu sẽ mất hoạt chất như: Sinh địa, Cam thảo, v. v... các dược liệu có lông ngứa ở thân và lá phải đem chải bỏ lông như lá Tỳ bà.

B. KỸ THUẬT BÀO CHẾ MỘT SỐ THUỐC THÔNG THƯỜNG

Việc bào chế thuốc phiến tuỳ theo tính chất và yêu cầu điều trị của thầy thuốc, của từng vị dược liệu mà áp dụng các kỹ thuật về bào chế thích hợp như ủ, ngâm, sao, tẩm, tẩm sao,nung, nướng, đốt, lùi, đồ, chưng v.v... như đã trình bày ở phần I.

C. KỸ THUẬT BÀO CHẾ MỘT SỐ VỊ THUỐC ĐỘC THƯỜNG GẶP

Ba đậu

Vào mùa thu, thu hái những quả già, đem phơi nắng nhẹ hoặc sấy ở 30 - 40°C cho thật khô, khi dùng chế thành Ba đậu sương hay Hắc ba đậu.

- Ba đậu sương:

Bỏ vỏ, giã Ba đậu cho nhỏ, bọc giấy bản ép dầu, thay giấy bản lại ép, ép đến khi nào dầu không thấm ra nữa thì thôi. Đem sao vàng.

- Hắc ba đậu:

Cũng làm như trên nhưng sao đen.

Bảo quản:

Ba đậu hạt, độc bảng A

Ba đậu sương, độc bảng B

Để nơi khô mát.

Mã tiền

Vào các tháng 10, tháng 11 hái quả già bổ ra lấy hạt. Loại bỏ các hạt lép non hay thối, đen ruột, đem phơi hoặc sấy khô ở 40 - 50°C cho thật khô.

Khi dùng ngâm hạt vào nước vo gạo một ngày một đêm, vớt ra rửa sạch đem nấu với Cam thảo trong 3 giờ (100g hạt + 400ml nước Cam thảo đặc) lấy dần ra, dùng dao bóc vỏ ngoài (khi còn nóng) bỏ mầm hạt. Nấu dầu Vừng cho thật sôi, bỏ hạt Mã tiền vào, khi hạt bắt đầu nổi lên thì vớt ra ngay, thái nhỏ, sấy khô, ngâm rượu hay tán bột dùng.

Bảo quản:

Mã tiền sống độc bảng A

Mã tiền chế, độc bảng B

Hoàng nàn

Tháng 5 đến tháng 8 chặt cành cắt thành từng khúc, bóc lấy vỏ, phơi hay sấy khô. Khi dùng ngâm vào nước thường 24 giờ, cạo hết lớp vỏ vàng bên ngoài, sau đó ngâm nước Vo gạo đặc 3 ngày đêm (mỗi ngày thay nước vo gạo một lần) vớt ra để ráo, sấy khô.

Chú ý: Vỏ vàng của Hoàng nàn cạo ra và nước ngâm Hoàng nàn phải huỷ bỏ hết sức cẩn thận (theo đúng quy chế thuốc độc).

Dụng cụ ngâm Hoàng nàn khi dùng xong phải rửa thật kỹ.

Bảo quản:

Vỏ Hoàng nàn chưa chế, độc bảng A

Vỏ Hoàng nàn chế, độc bảng B

Để nơi khô ráo

Thạch tín

Có thể chế biến theo cách sau:

- Cho thẳng cục Thạch tín vào cối sứ tán thành bột mịn dùng.

- Cho Thạch tín vào nồi đất đốt 2 giờ (15 phút đảo một lần). Để nguội, cạo bỏ những chỗ bị cháy đen, đem tán bột, rây mịn dùng.

- Cho vào nồi đất đậy vung trát kín bằng đất sét hoặc bằng cám giã với lá Khoai, không được để hở một chỗ nào. Đun một đêm khi mở ra thấy Thạch tín đã thăng hoa lên mặt trong của vung, màu vàng nhạt (khoảng 3/4 chỗ Thạch tín mang đốt) chỗ còn lại (độ 1/4) chảy thành cục rắn ở đáy nồi màu nâu vàng. Đem cạo lấy cả hai thứ, tán nhỏ trộn đều theo phương pháp trộn bột kép, độc.

Định lượng bột Thạch tín thấy có trên 98,5% là As_2O_3.

Bảo quản: Thuốc độc bảng A

Dụng cụ: Dùng để chế biến Thạch tín phải để riêng hoặc huỷ đi.

Chu sa, Thần sa

Nhất thiết phải chế theo phương pháp thuỷ phi, không được dùng sức nóng hay tán khô vì dùng sức nóng và tán khô sẽ tạo thành Thuỷ ngân kim loại độc.

Cách thuỷ phi làm như sau: Cho Chu sa, Thần sa vào cối sứ đổ một ít nước vào nghiền thành bột nhỏ, cho thêm nước ngập thuốc khoảng 3 - 5 cm khuấy đều, để lắng một lúc thấy có màng nổi lên, vớt bỏ màng, sau đó quấy nhẹ, vừa quấy, vừa gạn lấy nước đỏ. Làm như vậy nhiều lần đến khi nước không còn đỏ thì thôi. Cắn còn lại sắc đen bỏ đi. Nước gạn được để lắng, chắt bỏ nước trong, lấy vải gạc bịt lại (để tránh gió thổi bay mất bột thuốc) phơi trong râm mát tới khô.

Bảo quản: Để nơi khô mát, tránh nóng.

III. THUỐC THANG

Thuốc thang là hỗn hợp của nhiều vị thuốc dược liệu đã được bào chế và phân liều dùng. Thuốc thang được dùng rộng rãi dưới dạng thuốc sắc. Uống trong một ngày chia làm 2 - 3 lần: Sáng - trưa - tối. Mỗi thang từ 50 - 100 hay 200g dược liệu.

A. THÀNH PHẦN

Thành phần các vị thuốc trong thuốc thang có nhiều nguồn gốc như sau:

1. Thảo mộc: Dùng cả cây hay từng bộ phận của cây như:

- Hoa: Kim ngân hoa, Cúc hoa, Hoè hoa...
- Quả: Quả Giun (Sử quân tử), Ké đầu ngựa, Dành dành, Chỉ xác...
- Hạt: Hạt Cải, Bìm bìm, Bạch biển đậu, Ý dĩ...
- Thân: Huyết đằng, Ma hoàng, Tô mộc, Hoàng đằng...
- Lá: Lá Vông, lá Dâu, lá Mơ, lá Mỏ quạ, lá Thường sơn...
- Thân và lá: Ích mẫu, Bồ công anh, Lạc tiên, Ngải cứu, Tía tô, Hương nhu, Bạc hà...
- Vỏ: Núc nác, Quế, Ngũ gia bì, Đỗ trọng...
- Rễ: Cỏ xước, Độc lực, Tục đoạn, Hoàng liên...
- Củ: Củ mài, củ Sâm, Hà thủ ô, Sinh địa...
- Thân rễ: Gừng, Riềng, Hoàng tinh...
- Các chất nhựa: Nhũ hương, Tùng hương (nhựa thông), Một dược, Lô hội...
- Các vỏ quả: Vỏ quýt, vỏ quả Thuốc phiện (Cù túc xác)...
- Thịt quả: Long nhãn, thịt quả Táo (Toan táo nhục)

2. Động vật: Bạch cương tằm, Thuyền thoái, Nhung hươu, Tắc kè, Rùa, Ba ba...

3. Khoáng chất: Thạch cao, Phác tiêu, Long cốt, Thần sa, Chu sa...

4. Nước: Dùng nước mưa, nước giếng đạt tiêu chuẩn của nước ăn.

B. KỸ THUẬT SẮC THUỐC

Thang thuốc bao gồm nhiều dược liệu cấu tạo khác nhau, liều lượng khác nhau nên khi sắc cần chú ý đến kỹ thuật sắc dưới đây.

Sắc thuốc: là đun sôi nhẹ nhàng và đều lửa các vị thuốc với dung môi nước trong một thời gian nhất định.

1. Dụng cụ sắc: Tốt nhất là siêu đất, có thể dùng ấm nhôm dung tích từ 1,5 đến 2 lít. Ngày nay đã có siêu sắc thuốc điện bằng gốm, sứ, thép không rỉ.

2. Cách sắc:

Khi sắc cần theo đúng quy tắc sau:

- Sắc nhanh (vũ hoả): Đổ nước vừa ngập dược liệu (thường 400ml) đun to lửa cho sôi độ 5 - 15 phút. Sắc một lần.

  Sắc nhanh thường áp dụng cho các thang thuốc giải cảm, các thang thuốc chứa tinh dầu.

- Sắc chậm (văn hoả): áp dụng cho các loại thuốc bổ, thường sắc hai lần.
  + Sắc lần thứ nhất: Đổ nước ngập dược liệu 2 - 3cm thường 600ml, đun nhỏ lửa âm ỉ giữ cho thuốc sôi đều không trào ra ngoài, tới khi cạn còn độ 200ml; gạn lấy nước thuốc, bã thuốc cho thêm nước sắc lần thứ hai.
  + Sắc lần thứ hai: Đổ vào 400ml nước, tiếp tục đun sôi âm ỉ tới khi cạn, còn 100ml, gạn ra lấy nước thuốc lần hai và trộn với nước sắc lần thứ nhất để uống, nếu cần thì cô thêm cho đặc.

Trước khi sắc thuốc cần chú ý:

- Những vị thuốc chứa tinh dầu như Tía tô, Kinh giới, Sả, Hương nhu v.v... để riêng khi thuốc gần được mới cho vào.
- Các loại khoáng chất khó tan thì phải tán nhỏ mới sắc chung với các vị thuốc khác như: Thạch cao, Thạch quyết minh.
- Các hoá chất, các cao động vật dễ tan như A giao, Cao Ban long, cao Hổ cốt, Phác tiêu... khi nước sắc được rồi lúc còn nóng cho vào khuấy tan để uống.
- Các dược liệu quý hoặc/không chịu được nhiệt độ cao như Nhân sâm, Nhục quế, Tam thất... hãm riêng rồi gạn lấy nước hoặc mài hay tán bột trộn với nước sắc để uống.

IV. THUỐC HÃM (THUỐC CHÈ)

Thuốc hãm là dạng thuốc nước chế bằng cách hãm như hãm nước chè cho bệnh nhân uống thay nước hàng ngày. Có thể coi như là một loại thuốc thang thường áp dụng cho các dược liệu không chịu được đun lâu.

A. THÀNH PHẦN

Gồm có hai thành phần chính: Dược liệu và nước

1. Dược liệu

- Hoa: Hoa Hoè, hoa Cúc, hoa Kim ngân...
- Nụ: Sim, Vối...
- Hạt: Cau, Sa nhân, Muồng...
- Vỏ thân: vỏ Quế, Ngũ gia bì, Đỗ trọng...
- Vỏ quả: vỏ Cam, vỏ Quýt, vỏ quả Cau (Đại phúc bì)...
- Thân rễ: Gừng, Riềng...
- Rễ: Cam thảo, Hoàng liên, Cỏ tranh...
- Lá: Lá tre, Muồng trâu, Cối xay, Vông...
- Thân và lá: Bạc hà, Cam thảo đất, Đạm trúc diệp...
- Quả: Ké đầu ngựa, Chỉ xác...

2. Nước

Dùng nước mưa, nước giếng đạt tiêu chuẩn của nước ăn

B. KỸ THUẬT BÀO CHẾ

Dược liệu chọn thứ tốt, rửa, phơi hoặc sấy khô cho giòn rồi vò hoặc sát vụn 3 - 5mm (đối với những dược liệu là lá và hoa). Với dược liệu cứng thì thái nhỏ sấy khô, tán dập (rễ Cỏ tranh, Ké đầu ngựa, hạt Muồng...). Với dược liệu cần sao tẩm như: Đinh lăng, sâm Bố chính, Hoàng tinh, Thục địa, hạt Muồng, Hoàng liên, Cam thảo v.v... thì phải sao tẩm theo đúng phương pháp bào chế thuốc phiến. Nếu công thức thuốc hãm gồm nhiều vị thì sau khi làm nhỏ riêng từng vị đem trộn đều theo đúng tỷ lệ của công thức, rồi sấy lại và đóng gói. Đóng gói nên gói một lớp giấy chống ẩm (nếu có điều kiện), dán nhãn ngoài, bọc túi polietylen.

Hiện nay với sự phát triển của nền công nghiệp dược phẩm nhiều bài thuốc hãm được sản xuất dưới dạng cao khô, tán mịn hoặc dạng cốm hoặc dạng bột tan. Thuốc hãm được đóng gói bằng loại giấy đặc biệt khi dùng đem hãm trong nước sôi, hoặc đóng trong túi vải (tương tự túi vải dù) khi dùng, bỏ túi vào nước, hãm xong lấy túi ra, bỏ bã, uống nước thuốc.

Khi hãm cần chú ý những điểm sau:

- Với các dược liệu như hoa, lá, nụ v.v... thì hãm trong 10 - 15 phút.
- Với các dược liệu là thân và lá mềm, rễ củ, quả, hạt... thì hãm trong 20-30 phút.
- Với các dược liệu là rễ, vỏ thân, vỏ quả cứng v.v... hãm trong 30 phút đến 1 giờ.
- Để cho dễ uống có thể thêm 40 - 50g đường vào 1 lít nước thuốc hãm.
- Nước thuốc hãm không để được lâu, chỉ nên dùng trong 24 giờ.
- Mùa lạnh nên hãm trong phích hoặc dùng tích có giỏ để giữ được nhiệt.

V. THUỐC BỘT

Thuốc bột là một loại thuốc thể rắn, rời. Điều chế bằng cách tán dược liệu động vật, khoáng vật và thực vật, đến độ nhỏ nhất định. Rây qua các cỡ rây thích hợp rồi trộn đều với nhau.

Thuốc bột có thể dùng uống thẳng như thuốc gói hoặc hoà tan trong dung môi thành những dung dịch thuốc, hoặc chế thành thuốc viên, thuốc đạn, thuốc cốm v.v...

Thuốc bột có 2 loại:

- Thuốc bột chỉ có một dược chất gọi là bột đơn. Thí dụ: Bột Cam thảo, bột Đinh lăng...
- Thuốc bột gồm nhiều dược chất gọi là bột kép.

Thí dụ: bột Lục nhất, bột Đau dạ dày, bột Ỉa chảy...

KỸ THUẬT BÀO CHẾ

1. Dụng cụ để bào chế thuốc bột

- Thuyền tán
- Cối, chày (sứ, đồng, sắt)
- Rây (đồng, lụa)

Ngày nay trong dây chuyền công nghệ dược phẩm việc sản xuất thuốc bột người ta dùng các thiết bị như máy xay, máy tán, máy rây, máy trộn bột.

2. Cách bào chế thuốc bột đơn

Những dược liệu là khoáng chất (hoá chất) có đủ tiêu chuẩn, đúng quy cách thì đem tán ngay thành bột bằng phương pháp thích hợp, rồi rây qua rây.

Dược liệu là thảo mộc, động vật thì trước khi tán phải chế biến như lựa chọn, bào, thái mỏng, sao tẩm, sấy khô, tán nhỏ rồi rây.

3. Cách bào chế thuốc bột kép

Điều chế bột kép cần theo nhưng nguyên tắc sau:

- Tán riêng rẽ từng dược liệu một.

- Rây qua rây cùng một cỡ số cho có độ mịn bằng nhau

- Trộn đều các bột thuốc trong cối, thứ nào ít cho vào trước rồi cho dần từng ít một những thứ bột nhiều vào sau, mỗi lần cho thêm bột vào phải trộn đều rồi mới cho thêm lượt khác (số lượng bột cho mỗi lần bằng lượng bột đã có trong cối).

Trộn xong rây hỗn hợp lại một lần nữa

- Trường hợp trong thành phần bột kép có chất độc bảng A, B:

+ Nếu là bột độc không màu thì cho vào cối bột độc có số lượng ít nhất đầu tiên rồi thêm bột có màu (thường dùng bột phẩm ăn màu đỏ hay hồng, không được dùng phẩm nhuộm vì độc) để dễ nhận biết hỗn hợp bột đã trộn đều chưa.

Khi đã đều thì trộn dần dần các bột khác vào trộn đều như trên.

+ Nếu bột độc là chất có màu (như Chu sa, Thần sa) thì không cần thêm bột màu. Nếu lượng bột độc A, B ít quá thì trước khi cho vào cối nên cho một ít bột trơ để láng cối.

Chú ý: Bào chế bột kép không có chất độc thì có thể tán chung các dược liệu rồi rây, không nhất thiết phải tán riêng từng thứ.

Thuốc bột kép để 2 - 3 tháng nên trộn lại cho đều.

4. Bảo quản và đóng gói thuốc bột

Các thuốc bột nói chung đều dễ bị hỏng, lên men, mốc, mất mùi thơm cần phải bảo quản trong hộp hay chai lọ thật khô ráo, đậy nắp kín để nơi mát khô. Thuốc bột nên chia sẵn thành những gói nhỏ có liều lượng nhất định cho tiện sử dụng.

5. Tiêu chuẩn kỹ thuật

Thuốc bột đơn hay bột kép đều phải đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật sau:

- Mầu sắc, mùi vị: Có màu sắc, mùi vị của dược liệu dùng để chế thuốc bột
- Độ mịn: Bột mịn vừa, đồng nhất, khi nén xuống thành một mặt nhẵn bóng.
- Sai số khối lượng: Gói 5g hoặc 10g bột được sai số ± 5%.

VI. THUỐC VIÊN TRÒN (VIÊN HOÀN CỨNG)

Thuốc viên tròn (Đông y thường gọi là viên hoàn) là thuốc rắn, hình cầu, khối lượng thường nặng từ 0,05g đến 0,5g có khi tới 2g hay hơn nữa. Ngày nay nhiều dạng thuốc viên tròn được bào chế dưới dạng thuốc viên nén như:

Viên Ích mẫu, Ké đầu ngựa, Tô mộc v.v... nhưng thuốc viên tròn vẫn thông dụng bởi vì làm viên nén bằng dược liệu gặp nhiều khó khăn về kỹ thuật như phải nấu dược liệu thành cao đặc hay cao khô, khó dập trực tiếp bột dược liệu thành viên nén được.

A. THÀNH PHẦN

Thuốc viên hoàn gồm 2 thành phần chính: Chất thuốc và tá dược.

1. Chất thuốc: Có thể là hoá chất, bột thảo mộc, cao động vật.

2. Tá dược: Là những chất cần thiết để chế tạo thành viên. Tá dược thường là những chất trơ (nghĩa là những chất không có tác dụng) nhưng cũng có khi góp phần làm tăng thêm hiệu lực hay hương vị của thuốc.

Tuỳ theo chất thuốc mà ta chọn một hay nhiều tá dược cho thích hợp.

- Nếu chất thuốc khô và rắn, tá dược dùng là chất lỏng như: Mật ong, Xirô đơn, Dung dịch hồ nếp 20%.
- Nếu chất thuốc mềm hay lỏng thì tá dược dùng phải khô như: Bột Cam thảo, bột Gôm, bột Gạo, bột Sắn, bột Bánh khảo v.v...

Phải chú ý chọn tá dược cho phù hợp để cho viên thuốc phải được mịn, không khô nứt, không chảy nước, dễ tan và dễ tiêu trong đường tiêu hoá.

B. KỸ THUẬT BÀO CHẾ

1. Chuẩn bị nguyên liệu

Các dược liệu đã được chia nhỏ và chế biến sao tẩm đúng với yêu cầu của từng vị, đem sấy khô tán riêng từng vị (nếu là thuốc độc) hoặc tán chung thành bột để có độ mịn như nhau.

Trộn các bột thuốc đó với nhau theo nguyên tắc trộn bột kép.

2. Làm thành viên

Có hai cách:

- Làm viên bằng bàn cắt viên.
- Làm viên bằng thúng lắc.

a. Làm viên bằng bàn cắt viên

Dụng cụ cần dùng:

- Cối chày sứ
- Bàn cắt viên
- Bàn xoa viên

- Khay men để sấy

Làm khối bột dẻo

Cho dần tá dược lỏng, vào khối bột kép nhào trộn kỹ trong cối, đánh mạnh thành một khối dẻo mịn đều, sờ không dính tay và không dính chày, cối là được.

Cách chia viên: Căn cứ vào số lượng viên phải làm chia khối bột dẻo thành từng phần nhỏ. Đem lăn thành đũa viên rồi đặt lên bàn cắt viên, cắt thành từng viên, vừa cắt vừa lăn tròn. Khi chia viên cần rắc lên mặt bàn cắt một ít bột (Hoạt thạch hay bột Cam thảo) cho khỏi dính.

- Sửa viên: chia viên xong có viên chưa được tròn thì dùng bàn xoa viên xoa cho thật đều.

b. Làm viên bằng thúng lắc

Dụng cụ cần dùng:

- Một thúng lắc bằng nhôm hoặc tre, đường kính trung bình 0,65 - 0,7m dày dặn và mặt trong nhẵn, phẳng, có buộc 3 dây chéo như chiếc nôi trẻ em.

Hiện nay các cơ sở sản xuất đã thay thế thúng lắc bằng máy bao viên quay nghiêng chạy bằng điện hoặc quay bằng tay.

- Một bộ sàng bằng tre hay bằng nhôm, bằng thép không rỉ để lựa thuốc. Có cỡ mắt khác nhau từ 1,2,3,4, 5mm đến 1cm.

- Một số chổi nhỏ, bằng lông gáy Lợn hay lông đuôi Ngựa, hoặc bằng sợi ni lông giống như chổi xoa xà phong cạo râu.

- Một số đồ dùng khác như: Thìa, khay, bát, xô men hoặc inox để đựng bột, đựng cao, đựng hồ để làm viên.

Tiến hành làm viên:

Ví dụ: Quá trình bào chế:

Viên hoàn Điều kinh bổ huyết.

• Công thức:

Hương phụ (tứ chế)	2000g
Ích mẫu	1500g
Ngải cứu	1000g
Ô dược	800g
Cỏ nhọ nồi	1000g

• Các công đoạn bào chế:

- Chuẩn bị nguyên liệu (chọn nhặt, chế biết) và dụng cụ hoàn viên.

- Hoàn viên (làm viên)

- Sàng lựa

- Sấy, bao áo, đóng gói bảo quản

• Cách tiến hành cụ thể: gồm 3 công đoạn:

Công đoạn I: Chuẩn bị nguyên liệu và dụng cụ

- Hương phụ chia ra 4 phần đem tứ chế sấy khô, tán bột mịn.

- Ô dược rửa sạch ủ mềm, thái mỏng sấy giòn, tán bột mịn.

- Ích mẫu, Ngải cứu, cỏ Nhọ nồi nấu cao lỏng 1/1 (lấy 4 lít) thay tá dược lỏng và dính để làm viên.

- Khi đã chuẩn bị đủ nguyên liệu bột và cao lỏng thì tiến hành lắc viên.

Dụng cụ, lau rửa sạch, sấy khô, thúng lắc treo cao ngang bụng người đứng.

Công đoạn II: Hoàn viên

Có 2 bước:

- *Bước 1*: Gây con giống hay làm viên nhân:

Lấy một số lượng bột chừng 40g tẩm nước cao cho uớt, nắm lại xát lên mặt sàng cỡ 1mm đặt trong thúng lắc. Bột lọt qua mặt sàng thành những hạt cốm nhỏ. Bỏ sàng ra cầm thúng lắc, lắc theo đường đảo tròn.

Lắc mạnh một lúc chừng 10 phút, những hạt cốm lăn trên đáy thúng sẽ dần dần thành hình tròn. Dồn thuốc về một bên đáy thúng, dùng chổi lông nhúng vào cao lỏng quét nhẹ một lớp mỏng vào đáy thúng rồi lại lắc mạnh khi những viên thuốc được lăn tròn và thấm ẩm đều nước cao ở đáy thúng, lúc này mới xúc một thìa bột nhỏ rắc đều lên viên thuốc. Tiếp tục lắc cho tới khi viên thuốc bám đều hết bột. Khi đáy thúng đã khô hết không còn dính, lại tiếp tục tưới nước cao và rắc bột từng lớp một như trên. Khi nào những hạt cốm nhỏ đã trở thành như hạt cải thì ngừng lại đổ thuốc ra, sàng lọc trên sàng có mắt cỡ 2mm, chia làm 3 loại.

- Loại nhỏ lọt xuống để tiếp tục gây con giống.

- Loại lớn xù xì lấy ra để riêng hoặc xát nát để gây con giống tiếp tục.

- Loại hạt Cải tròn đều đặn vừa cỡ để vào một khay để làm con giống (viên nhân) lắc thành viên tới cỡ vừa yêu cầu sử dụng.

Chú ý: Ta có thể dùng hạt đường kính hay những hạt bột thuốc to loại ra khi rây để làm thay con giống cũng được.

- Kinh nghiệm trung bình cứ 1 kg bột thuốc thì làm 100 - 150g con giống cỡ bằng hạt Cải. Nếu làm viên nhỏ hơn thì con giống tăng lên, viên to thì con giống giảm đi.

- Nên tưới nước hoặc cao lỏng và cho bột vừa phải, nếu nhiều nước thuốc sẽ bết lại, trái lại nếu nhiều bột sẽ hình thành những hạt nhỏ, ảnh hưởng tới sản phẩm.

- *Bước 2*: Làm viên to (hoàn viên)

Khi đã có đủ con giống theo yêu cầu với tỷ lệ bột, lại tiếp tục thao tác như trên. Viên càng to càng tưới nhiều nước và rắc nhiều bột. Phải sàng lựa luôn để lấy cỡ viên cho đều. Thường phân làm 3 loại:

+ Loại to: Ngừng bao để riêng

+ Loại vừa: cũng ngừng bao, để riêng.

+ Loại bé, tiếp tục lắc và bao bột đuổi cho kịp loại vừa, rồi đổ chung làm cho kịp loại to.

Trong giai đoạn này cần tưới nước cao lỏng hay nước hồ, rắc bột và sàng lựa luôn luôn để cuối cùng đạt được những viên tròn đẹp và đồng đều.

Chú ý: Lúc viên nhỏ li ti phải làm ẩm bằng nước hồ thật loãng vì viên bé quá chưa có lực quay chuyển mạnh. Nếu dùng hồ đặc hay tá dược có nồng độ đậm đặc thì sẽ dính bết vào nhau không tạo thành viên được, hoặc dính chặt dưới đáy thúng.

Tóm lại khi viên càng lớn thì tá dược dùng phải đậm đặc, trái lại viên càng nhỏ thì tá dược dùng phải loãng.

1 kg bột thuốc cần từ 700 - 800 dung dịch hồ nếp 20%.

Công đoạn III: Sàng lựa

Khi đã làm xong, lấy ra sàng lựa lại: Loại ra những viên quá bé, quá lớn, hoặc thuốc vụn để làm lại.

Đem thuốc có cỡ đạt yêu cầu tải mỏng ra khay rộng để nơi thoáng cho se khoảng 1 - 2 giờ, sau đó lại cho vào thúng lắc lại 10 - 15 phút cho viên thuốc tròn và nhẵn đẹp hơn. Tiếp tục các giai đoạn sau (sấy, bao áo).

3. Sấy viên

Thuốc đã hoàn xong rải mỏng ra khay cho vào tủ sấy ở nhiệt độ thấp 50 - 60°C trong 2 giờ rồi tăng dần nhiệt độ lên 70 - 80°C. Nếu sấy ngay ở nhiệt độ cao viên thuốc khô nhanh sẽ bị nhăn nheo rất xấu, hoặc ngoài vỏ khô cứng mà bên trong ruột viên vẫn mềm chưa khô do đó viên dễ bị mốc. Khi sấy phải đảo luôn để thuốc khô đều và đồng màu.

4. Bao áo viên

Mục đích của bao áo viên là làm cho viên thuốc không dính vào nhau, không bị hút ẩm, để che lấp mùi vị khó chịu, giữ được hương vị của thuốc, để chống mốc.

Tuỳ theo tính chất của bài thuốc mà ta bao viên ngay sau khi làm viên còn ướt hoặc có khi phải sấy khô rồi mới bao áo.

• Các chất thường dùng để bao áo viên là:

- Bột Hoạt thạch
- Bột than hoạt
- Bột Hoài sơn, bột Cam thảo
- Cao đặc Thục địa
- Bột đường, Xirô

- Bột Bạc, bột Vàng, bột Chu sa v.v...

•Cách bao áo viên: Kỹ thuật bao cũng tương tự quá trình hoàn viên ở trên.

- Bao bột Hoạt thạch:

Lấy bột Hoạt thạch đem rây, loại bỏ các bột thô, quét một lớp mỏng xirô vào đáy thúng, đổ viên vào lắc cho ướt đều rồi rắc bột Hoạt thạch lên khắp mặt viên, lắc thúng tròn để viên bám bột. Tiếp tục quét xirô và tiếp tục cho bột Hoạt thạch, lắc cho tới khi bột Hoạt thạch bao đều hết viên thành một màng trắng bóng dày. Đem sấy ở nhiệt độ 40 - 50°C.

- Bao đường: Phải sấy viên cho khô, quét nhẹ một lớp mỏng xirô vào đáy thúng cho viên vào lắc cho ướt đều xirô rồi cho đường bột vào thúng, lắc tròn đều cho đến khi bột đường bám kín viên. Đem sấy ở nhiệt độ 40 - 50°C.

Bao từng ít viên, ít bột đường một cho đều.

5. Bảo quản

Thuốc viên tròn sấy xong phải để thật nguội mới đóng vào chai lọ hoặc túi polyetylen đã được khử khuẩn và sấy khô.

Viên tròn phải để nơi khô ráo, mát, tránh ánh sáng, hay nắng chiếu quá nhiều.

Chú ý: Ngày nay việc bào chế viên tròn trong các xí nghiệp dược phẩm đã được cải tiến bào chế trên dây chuyền công nghệ hiện đại, thay thế thúng lắc thủ công cổ truyền.

6. Tiêu chuẩn kỹ thuật

Thuốc viên tròn phải đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật sau:

- Độ ẩm: Đạt tiêu chuẩn quy định.
- Mùi vị: Thơm dược liệu.
- Nhìn mặt viên: nhẵn, bóng, đồng đều.
- Độ tan rã: Sau 10 phút đến 20 phút phải tan rã hoàn toàn trong nước nóng 37°C.
- Sai số khối lượng ± 10% so với khối lượng trung bình 1 viên.

VII. THUỐC TỄ (VIÊN HOÀN MỀM)

Thuốc tễ là dạng thuốc dẻo, hình cầu, đường kính 1 - 2cm, gồm có Mật ong và thuốc. Tỷ lệ mật ong và thuốc là: 1: 1 hay 1: 1,2 - 1,5.

Thuốc tễ phần lớn là các thuốc dùng bồi dưỡng cơ thể, hoặc các thuốc cần dùng liên tục lâu dài để chữa các bệnh mạn tính.

A. THÀNH PHẦN

Thuốc tễ gồm có hai thành phần: Dược chất và tá dược.

1. Dược chất: Gồm các dược liệu là thảo mộc hay động vật, rất ít dùng dược liệu là khoáng vật.

Dược liệu dùng để chế thuốc tễ phải chế biến tẩm sao theo đúng yêu cầu của từng vị thuốc và phải tán thành bột mịn.

2. Tá dược: Trong thuốc tễ chỉ dùng hoàn toàn Mật ong cô đặc thành châu thay tá dược dính.

B. KỸ THUẬT BÀO CHẾ

1. Nguyên tắc

Dược chất đã tán bột mịn, trộn đều theo phương pháp trộn bột kép, đổ vào cối. Tưới Mật ong đã cô thành châu đang còn nóng vào bột vừa đủ, giã luyện cho tới khi nhuyễn, dẻo, mịn, đem chia viên.

2. Cách bào chế

a. Cô mật thành châu (luyện mật)

Dùng 1000ml Mật ong cho thêm 50ml nước, đun sôi vớt bỏ bọt nổi ở trên cùng, tiếp tục đun nhỏ lửa, cho tới khi mật nổi bọt phồng to, vớt bọt bỏ đi. Tiếp tục đun cho tới khi nhỏ một giọt Mật vào bát nước lạnh thấy chìm xuống đáy bát mà không tan vào nước ngay hoặc đo tỷ trọng phải đạt tỷ trọng 1,4.

Mật luyện ở 114°C gọi là mật non.

Mật luyện ở 117°C gọi là mật luyện (thành châu).

Mật luyện ở 120 - 122°C gọi là mật già.

b. Cách sử dụng từng loại mật:

- Loại thuốc khô như: khoáng vật, rễ nhiều xơ, dùng loại mật già.
- Loại thuốc thường không dính, không khô dùng mật luyện.
- Loại có độ dính lớn dùng mật non.

Thông thường người ta dùng mật luyện nhiều hơn cả vì thuốc không phải là một vị mà là nhiều vị kết hợp với nhau có cả loại thuốc khô, loại thuốc dính...

c. Luyện thuốc

Cho hỗn hợp bột kép dược chất vào cối, tưới mật đang nóng vào trộn đều, nghiền kỹ cho nhuyễn.

Khi trộn đủ mật, giã mạnh liên tục cho tới khi thành một khối thuốc dẻo quánh, nhấc chày lên, thuốc bám thành cả một tảng vào chày, không còn thuốc dính cối là được. Sách cổ có ghi: "Luyện tễ phải giã ngàn chày".

Chú ý: Các loại dược liệu dùng chế thuốc tễ là những loại chứa nhiều tinh dầu khi luyện thuốc không nên dùng mật nóng quá, tinh dầu bay hết thuốc sẽ giảm hoặc mất tác dụng.

d. Chia viên

Khi luyện thuốc xong thì đem chia viên. Tuỳ theo cỡ viên mà làm giun to nhỏ khác nhau và dùng bàn chia viên thích hợp để chia viên.

e. Sấy viên

Chia viên xong đem dàn viên ra các khay hay các sàng mẹt, phơi nắng nhẹ (có che đậy để tránh bụi và ruồi, nhặng) hoặc đem sấy ở nhiệt độ 40 - 45°C cho đến bên ngoài khô, nhưng viên thuốc còn dẻo.

Chú ý: Khi phơi sấy không được phơi sấy khô quá mà phải giữ cho viên luôn có dạng mềm dẻo.

g. Đóng gói bảo quản

Viên tễ phơi sấy xong đóng gói từng viên một trong giấy bóng kính hoặc trong quả sáp ong hay quả nhựa. Để nơi kín khô mát.

3. Tiêu chuẩn kỹ thuật

Thuốc tễ phải đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật sau:

- Mùi vị: Thơm dược liệu
- Nhìn mặt viên tễ: Nhẵn bóng đồng đều.
- Độ cứng: Không được cứng rắn, phải mềm dẻo.
- Sai số khối lượng: ± 1% so với khối lượng trung bình 1 viên.

VIII. CAO THUỐC

Cao thuốc là dạng thuốc được chế bằng cách làm bốc hơi, đến một thể chất nhất định những dịch chiết của các dược liệu thảo mộc hay động vật trong những dung môi thích hợp như nước, cồn ...

Có 4 loại cao thuốc:

1. Cao lỏng

Thể chất sánh gần như xirô rót được dễ dàng, chế bằng cách đem dược liệu đã chế biến phân chia đến kích thước thích hợp, ngâm nhỏ giọt liên tục hoặc là nấu sôi trong một thời gian nhất định để có 1kg cao tương ứng với 1kg hay 5 - 10kg dược liệu khô.

Dạng cao này thường được dùng nhiều nhất.

Ví dụ: cao Hy thiêm, cao Ích mẫu, cao Bách bộ...

2. Cao mềm

Thể chất sánh như mật đặc hoặc sền sệt chứa khoảng 20% nước.

Ví dụ: cao Quy bản (yếm Rùa), cao Miết giáp (Ba ba), cao Cam thảo...

3. Cao dẻo

Thể chất dẻo mềm như kẹo Mạch nha chứa khoảng 10 - 15% nước, khó tan trong nước lạnh. Ví dụ: cao Ban long, cao Khỉ, cao Hổ...

4. Cao khô

Chứa tối đa 5% nước, tán thành bột dễ dàng như cao Mã tiền.

A. THÀNH PHẦN

Gồm dược liệu và dụng môi

1. Dược liệu

Hầu hết các dược vật dùng để chế các cao thuốc là thảo mộc hay xương, sừng động vật...

Dược liệu dùng để chế cao thuốc phải chế biến: Thái, bào, sao tẩm theo yêu cầu của từng loại, hoặc đã được phơi khô tán nhỏ đến một mức độ quy định.

2. Dung môi

Thường là nước cất, nước mưa hay nước giếng đạt tiêu chuẩn vệ sinh. Cũng có khi dùng cồn, thường từ 30 - 70°.

B. KỸ THUẬT BÀO CHẾ

Phải qua 3 giai đoạn:

- Chiết lấy dung dịch nước thuốc
- Cô đặc các dịch chiết đến một thể chất nhất định.
- Thêm chất bảo quản.

1. Chiết lấy dung dịch nước thuốc

Thường áp dụng cách nấu hay ngâm kiệt (ngâm nhỏ giọt)

a. Nấu: Phương pháp này thường dùng nhất:

- Dụng cụ nấu thường là thùng nhôm hoặc thép không rỉ, không dùng dụng cụ bằng sắt. Giữa lòng thùng có đặt chiếc ống đục nhiều lỗ để múc nước thuốc ra.

- Dược liệu dùng để nấu cao phải được chia nhỏ (thái, bào) và sao, tẩm đúng quy cách rồi xếp vào thùng (chung quanh chiếc ống đặt trong thùng).

Trên mặt dược liệu có đặt vỉ để khi sôi dược liệu không nổi lên trên.

- Đổ nước, lượng nước thường gấp 4 - 6 lần khối lượng của dược liệu, nói chung nước phải ngập dược liệu trên 5 - 10cm.

- Thời gian nấu:

+ Dược liệu là thân rễ cứng nấu khoảng 6 - 8 giờ (2 lần).

+ Dược liệu là lá, hoa, cành nhỏ, nấu khoảng 4 - 6 giờ (2 lần).

+ Dược liệu là xương động vật thì nấu khoảng 12 - 36 giờ (3 lần).

Trong thời gian nấu nếu cạn thì cho thêm nước sôi. Nấu khi được cả nước 1, nước 2, trộn làm một rồi đem cô đến khi đạt yêu cầu của loại cao cần dùng.

b. Ngâm kiệt

Phương pháp này áp dụng chế cao là các dược liệu thảo mộc rất tốt vì:

- Tiết kiệm được thời gian và dung môi.

- Nước thuốc chiết được rất đậm đặc và rút kiệt được các hoạt chất.

- Không phải dùng sức nóng nên thuốc bào chế ra có chất lượng cao hơn cách nấu.

2. Cô cao thuốc

a. Nguyên tắc

- Cô ở nhiệt độ càng thấp càng tốt.

- Thời gian cô càng ngắn càng tốt.

b. Cách cô: Dùng nồi nhôm rộng miệng hay chậu thép không rỉ, đổ dung dịch nước thuốc chiết được ở trên vào độ 3/4 nồi hoặc chậu, đem cô cách thuỷ hay cách cát. Khi cô cần chú ý độ lửa to hay nhỏ.

- Nếu lấy cao lỏng thì cô lấy tỷ lệ là: 1 lít nước cao tương ứng với 1kg hay 5-10 kg dược liệu khô (áp dụng cho cao thuốc thảo mộc).

- Nếu lấy cao đặc thì cô đến khi sánh như mật.

- Nếu lấy cao dẻo thì phải tiếp tục cô tới khi lấy dao rạch sâu xuống mặt cao, đường rạch 2 mép không khép ngay lại là được, đổ cao ra khay men có xoa dầu (Lạc hay Vừng) cho khỏi dính, để nguội cắt thành từng miếng 50 - 100g (áp dụng cho cao thuốc động vật).

3. Thêm chất bảo quản

Thuốc cao lỏng rất khó bảo quản do chóng bị mốc.Muốn giữ tương đối được lâu (3 - 5tháng) thì mỗi lít cao lỏng để nguội đóng chai rồi đổ lên trên 20-30 ml cồn 95° để nguyên không lắc, đậy nút kín cất đi khi dùng mới lắc đều. Hoặc có thể cứ 1 lít cao lỏng đun sôi với 800g đường hay mật và thêm 10 ml cồn acid benzoic 20%. Cách bảo quản tốt nhất sau khi đóng chai đậy nút kín, đem hấp nước sôi lại trong 1/2 giờ.

Chai lọ, nút đóng gói cao thuốc trước khi dùng phải được rửa sạch sấy khô để việc bảo quản cao thuốc được tốt.

4. Tiêu chuẩn kỹ thuật của cao lỏng

Cao phải đạt tiêu chuẩn sau:

Màu sắc: Mầu nâu đen hoặc sẫm.

Mùi vị: Mùi vị dược liệu dùng nấu cao.

Độ trong: Không có cặn bã, vật lạ.

Sai số thể tích đóng chai: 100 ml được sai số ± 5 ml.

IX. THUỐC CAO DÁN

Thuốc cao dán là dạng thuốc ở nhiệt độ thường có thể chất dẻo, trở thành mềm dính vào da ở nhiệt độ của cơ thể và trở thành chất lỏng sánh ở nhiệt độ cao hơn nữa.

Khi dùng phết lên vải hay giấy rồi cắt thành từng miếng có kích thước thích hợp dùng dán lên các chỗ đau, nhức làm giảm đau hoặc dán lên các mụn nhọt đang ở thời kỳ mưng mủ.

A. THÀNH PHẦN

1. Dược chất

Dược chất cao dán thường là các dược liệu thảo mộc, động vật hay các tinh dầu. Cũng có khi dược chất là các hoá chất, khoáng chất.

2. Tá dược

Gồm có:

- Dầu: Thường dùng là dầu Vừng, nhưng cũng có thể dùng các loại dầu béo khác như: Dầu Dọc, dầu Lạc, dầu Trẩu, dầu Hạt bông, dầu Cám, dầu Ôliu, dầu Dừa...

- Hồng đơn còn gọi là Hoàng đơn hay Duyên đơn thành phần chủ yếu là Pb_2O_3, PbO. Bột màu đỏ thẫm tươi.

Mật đà tăng: Thành phần chủ yếu là PbO. Bột màu vàng cam đỏ.

- Quan phấn: Thành phần chủ yếu là carbonat chì kiềm - $PbCO_3$, $Pb(OH)_2$ bột màu trắng.

B. KỸ THUẬT BÀO CHẾ

1. Chuẩn bị nguyên liệu và dụng cụ

a. Nguyên liệu: Các dược liệu dùng để chế cao dán phải được chọn lọc chế biến sao tẩm đúng với yêu cầu của từng vị và từng thứ cao.

b. Dụng cụ cần dùng

- Chậu sành tráng men hay chậu thau men (loại chịu nhiệt và acid).

- Đũa thuỷ tinh để quấy.

- Lọ rộng miệng để đựng cạo.

- Giấy hay vải để phết cao.

- Vải lọc

2. Nấu cao

Có 3 giai đoạn:

a. Chiết thuốc trong dầu:

Cho nguyên liệu (thuốc) ngâm vào dầu từ 5 - 10 ngày sau đó đem rán trong dầu cho tới khi bên ngoài thuốc vàng đều (nhiệt độ dầu khoảng 200 - 220°C) thuốc nổi lên vớt bỏ bã và đem lọc qua vải.

b. Luyện dầu thành châu

Dầu sau khi vớt bỏ bã thuốc đem đun tiếp tục cho tới khi nhỏ một giọt dầu vào bát nước lạnh dầu không tan ra là được (nhiệt độ của dầu lúc này vào khoảng 320 - 360°C).

c. Luyện cao

Dầu sau khi đã luyện thành châu thì cho Hồng đơn các thuốc bột vào (nếu có) đánh thật đều cho tới khi thả một cao vào bát nước lạnh lấy ra không dính tay, kéo thành sợi song sợi không dài quá hoặc ngắn quá là được.

3. Những điểm cần chú ý trong khi làm cao dán

- Loại dược liệu động vật cứng rắn như Hổ cốt, Xuyên sơn giáp... cần rán kỹ ở nhiệt độ cao.

- Loại dược liệu dễ bay hơi như tinh dầu thì cho vào sau cùng khi nhiệt độ của dầu xuống dưới 60°C.

- Loại quý như Xạ hương thì sau khi phết cao lên giấy hay vải mới rắc vào.

- Hồng đơn trước khi cho vào dầu phải rang lên để đảm bảo hàm lượng Pb_3O_4 không được dưới 90%; nếu hàm lượng Pb_3O_4 dưới 90% (nước trong Hồng đơn cao) khi cho vào dầu, Hồng đơn sẽ bị vón cục lắng xuống đáy dầu không kết hợp được.

Lượng Hồng đơn cho vào thường từ 7 - 10% trong 1kg dầu thuốc. Nhưng nếu chế cao vào mùa đông thì lượng Hồng đơn nên giảm đi một ít; nếu chế cao vào mùa hè thì lượng Hồng đơn nên nhiều hơn một ít để tránh cao quá mềm hay quá cứng.

- Nếu muốn chế cao dán có màu trắng thì thay Hồng đơn bằng Quan phấn nhưng cần chú ý Quan phấn là chì carbonat khi gặp nhiệt độ cao CO_2 sẽ bay làm cho cao có nhiều bọt do đó cần để cho nhiệt độ dầu hạ xuống khoảng 100-120° mới cho Quan phấn vào đánh đều sẽ có loại cao dán màu trắng rất đẹp.

- Chất lượng của thuốc, của dầu thay đổi trong quá trình nấu cao:

+ Thay đổi thành phần của thuốc: Một số thành phần không chịu được nhiệt độ cao sẽ bị phân huỷ, một số thuốc khác sẽ bị cháy, một số thành phần sẽ kết hợp với dầu thành những chất phức hợp, đây là vấn đề rất đáng chú ý trong việc chế cao dán (cần nghiên cứu).

+ Thay đổi chất lượng của dầu: Trong nhiệt độ cao như vậy dầu có nhiều thay đổi về lý tính, hoá tính như độ dính cao, tỷ trọng lớn hơn, thể tích phân tử lớn hơn, phân tử lượng cũng lớn hơn, acid béo không no có một số dây nối đôi bị phá huỷ ... tạo nên một số sản phẩm mới sau khi các acid béo bị oxy hoá như các aceton aldehyd... gây kích ứng da.

4. Khử độc tố trong cao dán

Trong quá trình nấu cao một số sản phẩm mới được tạo thành. Các chất này dễ bay đi trong khi luyện cao, nhưng không khử hết sẽ gây kích ứng da (ngứa, nổi mẩn, loét...). Để tránh gây kích ứng da ta phải khử độc tố trong cao dán, cách tiến hành như sau: Cao nấu xong chia thành miếng nhỏ 1 - 2 lạng) ngâm trong nước lạnh 15 - 20 ngày mỗi ngày thay nước một lần (các aceton, aldehyd sẽ hoà tan vào trong nước). Sau đó vớt cao đem đun nóng ở 80 - 90°C cho cao chảy ra rồi phết lên giấy hoặc vải. Cũng có thể khử bằng cách khi cao đang nóng trên 200°C phun nước vào (tia nước rất nhỏ) nước bốc hơi bay đi sẽ cuốn theo độc tố.

5. Tiêu chuẩn kỹ thuật

Cao dán phải đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật sau:

- Độ nóng chảy 35 - 45°C
- Mặt cao phết trên vải hoặc giấy nhẵn bóng, đồng đều.
- Không được gây kích ứng da
- Sai số khối lượng đóng gói: ± 5% so với 1 gói cao 5g.

X. RƯỢU THUỐC

Rượu thuốc là một dạng thuốc thể lỏng, chế bằng cách rút các hoạt chất của dược liệu thảo mộc, động vật (tươi hoặc khô) hoặc hoà tan các hoá chất vào rượu, cồn. Cũng có khi cho thêm đường hoặc xirô để làm giảm tính kích ứng của cồn (như các rượu bổ).

Có 2 loại rượu thuốc:

- Rượu thuốc đơn: Có một dược chất như: Rượu Phụ tử, rượu Rết...
- Rượu thuốc kép: Có nhiều dược chất: Rượu Bổ huyết trừ phòng, rượu bổ Đitakina, rượu Thập toàn đại bổ, rượu Rắn...

A. THÀNH PHẦN

1. Dược chất

- Thảo mộc: Thường là lá, vỏ cây, rễ cây, củ... như Ba kích, Hà thủ ô, Sâm các loại, Quế...
- Động vật: Rết, Rắn, Tắc kè....
- Hoá chất: Long não, tinh dầu Bạc hà, Mai hoa băng phiến, Menthol...

2. Dung môi

Dung môi là cồn etylic, độ cồn thường dùng từ 30 - 90° tuỳ theo dược liệu.

B. KỸ THUẬT BÀO CHẾ

Các dược liệu đã được chế biến, sao tẩm đúng quy cách. Đem sấy khô (để khỏi làm hạ độ cồn và độ rượu, thuốc chế ra giữ được lâu), tán nhỏ đến một mức độ nhất định (thường thì có thể ngậm thẳng các dược liệu đã được bào, thái mỏng và sao tẩm dùng để bốc thuốc thang).

Tỷ lệ cồn và dược liệu:

- Với dược liệu không có chất độc: 1 phần dược liệu 5 phần cồn.

- Nếu dược liệu là chất độc A- thì tỷ lệ là: 1 phần dược liệu 10 phần cồn.

Có 3 phương pháp bào chế:

1. Hoà tan thường

Cho dược chất vào cồn rồi khuấy lắc cho tới khi tan hoàn toàn.

Áp dụng cho các dược liệu hoà tan hoàn toàn trong cồn như: Tinh dầu Bạc hà, tinh dầu Long não, tinh dầu Khuynh diệp, Methol, Mai hoa băng phiến...

2. Ngâm thường

Áp dụng cho các dược liệu không hoà tan hoàn toàn. Dược liệu đã chế biến sao tẩm, đem tán nhỏ, ngâm vào cồn hay rượu trong 10 ngày cho đến 100 ngày trở lên. Quá trình ngâm phải khuấy, lắc luôn và đậy kín.

Sau đó gạn lấy dung dịch cồn trong, bã còn lại đem ép. Để lắng lọc.

Để lấy được nhiều hoạt chất ra, ta có thể chia cồn ngâm theo cách sau: Dược liệu ngâm với 3 phần cồn, để 4 ngày, gạn lấy dung dịch trong. Bã cho thêm một phần cồn tiếp tục ngâm lần hai để 2 ngày gạn ép bã. Bã lại tiếp tục cho thêm phần cồn cuối cùng để ngâm trong 2 ngày nữa. Gạn ép lấy dung dịch thuốc. Đem hỗn hợp cả 3 dung dịch lại với nhau. Để lắng trong 2 ngày, lọc trong, đóng chai.

Phương pháp này thường được dùng nhiều nhất.

3. Ngâm kiệt

Chế rượu thuốc theo phương pháp này tốt nhất nhưng chỉ làm với số lượng ít vì phụ thuộc vào bình ngâm. Do đó thường chỉ dùng phương pháp này để chế các rượu thuốc là dược chất độc có số lượng ít.

Bảo quản rượu thuốc

Rượu thuốc để lâu thường có cặn, phải đóng chai đầy (chai có màu thì tốt nhất), nút kín, để nơi mát.

BẢNG TRA CỨU GIẢI THÍCH MỘT SỐ DANH TỪ ĐÔNG Y GẶP TRONG SÁCH

Ách nghịch:

Nấc, nấc cụt

Âm bệnh:

Bệnh ở 3 kinh âm, bệnh thuộc chứng hư, chứng hàn.

Âm hoàng:

Chứng hoàng đản thuộc âm, da màu vàng tối như xông khói, khác với chứng dương hoàng da sắc vàng tươi như màu nghệ màu quả quýt chín.

Âm hư:

Phần âm suy kém biểu hiện các chứng như: nóng ở lòng bàn tay, bàn chân, sốt nhẹ vào lúc quá trưa, môi đỏ miệng khô, chất lưỡi đỏ nhợt, đại tiện khô táo, tiểu tiện vàng, mạch tế sác.

Âm nhiệt:

- Âm hư sinh phát sốt, phát sốt nhẹ, người suy yếu dần, bệnh thuộc mạn tính.
- Sau khi bị bệnh nhiệt cấp tính, tân dịch bị tiêu hao mà phát sốt.

Âm quyết:

Chứng quyết lạnh tay chân vì hàn thịnh dương suy.

Âm thịnh:

Phần âm thịnh hơn phần dương biểu hiện chung là thân nhiệt giảm sút, mạch đập chậm.

Âm thuỷ:

Khí dương của tỳ, thận hư suy không hoá được thuỷ dịch mà thành bệnh thuỷ thũng biểu hiện các chứng: chân phù trước, sắc da trắng nhợt hoặc xạm đen, miệng nhạt, đại tiện lỏng, mạch trầm trì.

Âm thử:

Bị cảm lạnh trong mùa hạ nóng bức, xuất hiện các triệu chứng phát sốt, sợ rét, không có mồ hôi, thân mình đau nhức nặng nề, tinh thần rã rời mỏi mệt, chất lưỡi nhợt, rêu lưỡi vàng, mạch huyền tế.

Bạch đái:

Bệnh phụ nữ có dịch dính như lòng trắng trứng gà từ âm đạo chảy ra, nặng thì có mùi hôi tanh thường gọi là khí hư.

Bạch trọc:

Chứng bệnh ở quy đầu (đàn ông) thường chảy ra thứ uế trọc như nước vo gạo hoặc như mủ nhọt hoặc như dỉ mắt, đầm đìa không dứt, nóng đau như lửa đốt như dao đâm rất khó chịu.

Bài nung (bài nùng):

Phép chữa làm cho mủ nhọt bài tiết ra ngoài.

Ban chẩn:

- Hình to thành mảng, sắc đỏ hoặc tím không nổi cao (gờ) trên mặt da gọi là Ban.
- Hình nhỏ như hạt kê, sắc hồng hoặc tím nổi cao trên mặt da gọi là chẩn.

Biểu hư:

Khí dương bảo vệ ở phần biểu bị hư suy, tầng thấu lý không kín chặt có triệu chứng là ra mồ hôi sợ gió mạch phù hoãn vô lực.

Biểu thực:

Khi hàn tà ở ngoài xâm phạm vào cơ thể làm cho tầng thấu lý bị bít kín lại, khí dương của cơ thể dồn ra phần cơ biểu để chống lại với tà khí gây nên các triệu chứng như nhức đầu, không có mồ hôi, đau thân mình mạch phù mà có lực.

Biểu chứng:

Chứng bệnh khi tà khí còn ở phần biểu, tà khí lục dâm xâm nhập vào phần bì mao,kinh lạc gây nên những triệu chứng như phát sốt, sợ rét, nhức đầu, đau thân mình, ho, ngạt mũi, mạch phù, rêu lưỡi mỏng trắng.

Biểu lý:

Biểu là phần kinh dương và phần ngoài, lý là phần kinh âm và tạng phủ ở trong. Biểu - lý là sự phân biệt về vị trí nông sâu của bệnh.

Biểu hàn:

Tà khí phong hàn xâm phạm vào phần biểu của cơ thể gây nên các triệu chứng phát sốt, sợ rét, không có mồ hôi, nhức đầu cứng gáy, đau các khớp xương, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch phù khẩn.

Biểu nhiệt:

Tà khí phong nhiệt ở ngoài xâm phạm vào phần biểu của cơ thể, gây nên các triệu chứng phát sốt, sợ gió nhức đầu, khát nước, rêu lưỡi trắng mỏng hoặc hơi vàng, mạch phù sác.

Bình can:

Phép chữa làm cho can khí bình thường lại khi can dương cang thịnh lên, để chữa các chứng nhức đầu, hoa mắt, chóng mặt.

Bổ âm:

Phép chữa chứng âm hư.

Bổ dương:

Phép chữa chứng dương hư.

Bổ hoả:

Phép chữa chứng mệnh môn hoả suy (ví dụ chứng tả vào lúc mờ sáng gọi là ngũ canh tả hoặc là minh tả, phép chữa là bổ mệnh môn hoả vì nguyên nhân của chứng này là do mệnh môn hoả suy).

Bổ hư:

Phép chữa chính khí hư, bồi bổ chính khí.

Bổ khí:

Phép chữa chứng khí hư

Bổ can:

Phép chữa chứng can hư

Bổ huyết:

Phép chữa chứng huyết hư

Bổ tỳ:

Phép chữa chứng tỳ hư

Bổ thận:

Phép chữa chứng thận hư

Bổ phế:

Phép chữa chứng phế hư

Bán biểu bán lý:

Bệnh đang ở vị trí của kinh Thiếu dương đã li khai phần biểu của kinh Thái dương nhưng chưa vào phần lý của kinh Dương minh, cho nên gọi là bán biểu bán lý. Có các triệu chứng: nóng rét qua lại ngực sườn đầy đau, tâm phiền, nôn mửa không muốn ăn, miệng đắng họng khô, chóng mặt, mạch huyền.

Bế chứng:

Chứng bế, trong quá trình tấn công mạnh của tà khí nếu chính khí không chống đỡ nổi thì tà khí sẽ hãm ở trong làm cho công năng của tạng phủ bị bế tắc và sinh ra chứng bế. Ví dụ ở bệnh trúng phong nếu tinh thần hôn mê, hàm răng cắn chặt, hai tay nắm chặt, đờm dãi nghẽn tắc thì gọi là chứng bế của trúng phong.

Bế kinh:

Phụ nữ không có kinh, tắt kinh.

Bệnh ôn (ôn bệnh):

Những bệnh nhiễm khuẩn, truyền nhiễm do ôn tà gây nên.

Bĩ mãn:

Bĩ là cảm thấy trong vùng ngực bụng có sự trệ tắc khó chịu, có khi vì nhiệt tà ngưng trệ, có khi vì khí hư khí trệ. Mãn là cảm giác đầy.

Cảm mạo:

Cảm nhẹ, tà khí phong hàn sinh các triệu chứng như: phát sốt, sợ rét, nhức đầu, đau nhức các khớp, không có mồ hôi, hoặc buồn nôn.

Cảm phong hàn:

Phong hàn xâm phạm vào phần biểu của cơ thể xuất hiện các triệu chứng như phát sốt, nhức đầu, không ra mồ hôi, sợ rét, đau thân mình.

Cảm phong nhiệt:

Bị cảm phong nhiệt, phong nhiệt xâm phạm vào phần biểu của cơ thể xuất hiện các triệu chứng như phát sốt, nhức đầu ra mồ hôi, chảy nước mũi, hắt hơi.

Cang dương:

Khí dương không có khí âm điều hoà bốc mạnh lên mà sinh ra bệnh (như can âm kém không kiềm giữ được can dương thì can dương cang thịnh lên và sinh các chứng nhức đầu choáng váng đỏ mặt, ù tai, miệng đắng, lưỡi đỏ mạch huyền, thường gặp ở người tăng huyết áp).

Cam bệnh:

Bệnh cam trẻ em có đặc trưng là da vàng, người gầy, bụng to, tiêu hoá không tốt. Nguyên nhân diễn biến khác nhau nên có nhiều tên gọi khác nhau.

Cam tích:

Trẻ em bị bệnh cam mà có sự ngưng tích đặc trưng là sắc mặt xanh vàng, người gầy bụng to, tóc dựng đứng, mình nóng, bụng đau âm ỉ.

Can cam:

Do ăn, bú không điều độ, kinh can bị nhiệt mà sinh ra bệnh cam. Có đặc trưng là người gầy bụng to, sắc mặt xanh vàng, nhiều mồ hôi, ỉa nhiều lần, trong phân có máu tươi hoặc niêm dịch, đầu lắc mắt quáng gà hoặc không muốn mở mắt.

Can hư:

Nói chung về sự yếu kém của can âm - can dương - can khí – can huyết, làm cho công năng sinh lý của can bị suy giảm.

Can khí hư:

Khí của tạng can suy kém, thường xuất hiện triệu chứng như sắc mặt không tươi, môi nhợt, yếu sức, tai ù, dễ sợ hãi.

Can khí nghịch:

Khí của can bị uất quá độ bốc ngược lên hoặc đi ngang ra. Bốc ngược lên thì sinh các chứng nhức đầu, chóng mặt, đau tức ngực sườn, mặt đỏ tai ù, điếc tai, có khi nôn ra máu.

Đi ngang ra thì sinh các chứng: Bụng trướng, đau, ợ hơi nuốt chua.

Can khí uất:

Khí của can bị uất kết lại không vươn lên toả ra theo bản tính của nó được, biểu hiện các chứng: Hai bên sườn trướng đầy hoặc đau, hoặc tức khó chịu, can khí uất kết thường ảnh hưởng đến vị sinh ra các chứng: đau dạ dày, nôn mửa, nôn ra nước chua, ăn uống khó tiêu, ảnh hưởng đến tỳ sinh ra các chứng đau bụng ỉa chảy; can khí uất kết làm cho khí trệ huyết ứ thì đau nhói một chỗ ở vùng sườn, hoặc dần dần sinh ra tích tụ kết thành khối.

Can phong:

Phong là bản khí của can, trong quá trình bệnh xuất hiện những triệu chứng choáng váng xây xẩm, co giật, run lắc thường là do phong khí ở can động lên ở trong mà sinh ra nên gọi là can phong.

Can thực:

Chứng thực ở can thường biểu hiện các chứng như nóng tính, hay cáu giận, vùng bụng trên đầy rắn, hai sườn đau, đầu choáng, mi mắt đỏ, lưng cổ cứng thẳng, gân căng, mạch ở bộ quan phù đại mà sác.

Cấp kinh phong:

Hội chứng não cấp của trẻ em, bệnh phát nhanh, sốt cao, mặt đỏ, hôn mê, co giật, uốn ván, mắt trợn ngược, răng nghiến chặt, miệng sùi nước bọt, thở khò khè như vướng đờm.

Cố biểu:

Phép làm cho phần biểu (ngoài da) được kín chặt, để chữa các chứng ra mồ hôi.

Cố nhiếp:

Phép chữa các chứng hoạt thoát không thu liễm được như ỉa lỏng lâu ngày, di tinh, hoạt tinh, xuất huyết, băng lậu khí hư, ra mồ hôi...

Cố thận:

Phép chữa thận khí không kiên cố sinh ra di tinh, đi tiểu nhiều lần.

Cố tinh:

Phép làm cho tinh được giữ vững ở trong để chữa các chứng di tinh, hoạt tinh.

Công bổ kiêm thi:

Phép chữa vừa công tà, vừa bổ chính (trong công tà có bổ chính, trong bổ chính có công tà).

Công hạ:

Phép chữa dùng những vị thuốc có tác dụng sổ hạ để thông lợi đại tiện trừ hết tích trệ trong ruột.

Cốt chứng:

Nóng chưng bốc ở tầng sâu bên trong, ra mồ hôi trộm (thường có ở bệnh lao phổi).

Cước hãn:

Mồ hôi chỉ ra ở lòng bàn chân.

Cước khí:

Một thứ bệnh ở chân do phong hàn thấp gây ra. Có trường hợp thì từ đầu gối đến chân tê lạnh đau nhức, có trường hợp thì chân bại liệt co rút, có trường hợp chân phù thũng, có trường hợp chân khô teo. Chân khô teo gọi là can cước khí, phù thũng thì gọi là thấp cước khí. Còn có trường hợp như có vật gì bằng ngón tay, phát từ bụng chân đưa khí xông ngược lên bụng, lên tim thì gọi là cước khí xung tâm.

Cước khí sang:

Chứng từ trên bàn chân đến đầu gối sưng,cứng, ngứa đau, vỡ thì chảy nước vàng, kết thành vẩy, lâu ngày khó khỏi.

Cửu khiếu:

9 lỗ để khí trong cơ thể thông ra ngoài, gồm: 2 mắt, 2 tai, 2 lỗ mũi, 1 miệng, 1 tiền âm, 1 hậu âm.

Chân âm:

Còn gọi là nguyên âm - thận âm - thận thuỷ - chân thuỷ là phần âm đối lập với phần dương trong khí bẩm sinh của tiên thiên.

Chân dương:

Còn gọi là nguyên dương - thận dương - chân hoả - mệnh môn hoả - tiên thiên hoả là phần dương đối lập với phần âm trong khí bẩm sinh của tiên thiên.

Chướng khí:

Chướng độc

Chướng ngược:

Sốt rét do chướng khí

Dạ đề:

Trẻ con khóc đêm

Di niệu:

Đái dầm, đái són, tiểu tiện không cầm được

Dương bệnh:

Bệnh ở 3 kinh dương, những bệnh thuộc nhiệt, thuộc thực.

Dương chứng:

Nói chung các triệu chứng thuộc nhiệt, thuộc thực như: Sốt cao, khát nước nhiều, thích mát, vật vã, phiền nóng, mặt đỏ, mạch sác.

Dương hoàng:

Bệnh hoàng đản thuộc dương - mặt, mắt, da vàng sáng thường kèm các chứng miệng khô, miệng đắng, bụng đầy, ngực tức, đại tiện bí, tiểu tiện đỏ, mạch huyền sác.

Dương hư:

Khí dương suy kém thường xuất hiện các chứng: sắc mặt trắng bợt, tay chân lạnh, dễ ra mồ hôi, đại tiện lỏng, tiểu tiện trong, môi nhợt, miệng nhạt, chất lưỡi nhợt, lưỡi trắng nhuận, mạch hư nhược.

Dương thịnh:

Nhiệt tà thịnh ví dụ như nói dương thịnh thì sinh bệnh nhiệt (nóng nhiều).

Dưỡng âm:

Phép chữa các chứng âm hư, tức là tăng thêm sự nhu nhuận cho cơ thể; còn gọi là ích âm - tư âm - bổ âm để chữa các chứng khô ráo thiếu âm dịch.

Dưỡng huyết:

Phép chữa các chứng huyết dịch suy thiếu.

Dưỡng thai:

Phép bồi dưỡng trong khi có thai để thai nhi phát dục được bình thường

Đại tiện bí kết:

Ỉa khó, phân táo kết.

Đàm ẩm:

Các chất chuyển hoá không hoàn toàn của nước do chức năng vận hoá của tỳ vị rối loạn. Thứ đặc đục gọi là đờm, thứ trong loãng gọi là ẩm.

Đạo hãn:

Mồ hôi trộm, mồ hôi chỉ ra khi ngủ.

Điều khí:

Phép chữa bệnh để điều hoà sự rối loạn của khí để chữa các chứng khí trệ, khí nghịch, làm cho sự lưu hành của khí được thuận lợi, cũng tức là phép giáng khí, hành khí, lý khí.

Điều kinh:

Phép chữa bệnh phụ nữ kinh nguyệt không đều.

Định chí:

Làm cho tâm thần bình tĩnh ổn định

Định phong:

Làm hết hiện tượng run, giật co cứng do phong tà gây nên.

Định suyễn:

Làm hết cơn suyễn.

Định thống, chỉ thống:

Làm hết cơn đau

Đoản khí:

Thở ngắn gấp mà hơi thở không điều hoà

Đới hạ:

Bệnh khí hư của phụ nữ, âm đạo chảy ra chất nhờn dính, kéo dài liên miên không dứt, có nhiều màu sắc và mùi hôi tanh thối khác nhau.

Giải biểu:

Phép làm cho ra mồ hôi để giải trừ tà khí ở bì mao

Giải độc:

Cách chữa hết ngộ độc

Giải nhiệt:

Phép giải trừ tà khí để hạ sốt.

Giải thử:

Phép giải thử tà, chữa cảm nắng.

Giải uất:

Phép làm cho hết khí uất, chữa các chứng bệnh do tình chí uất.

Giáng hoả:

Đưa hoả xuống, khi âm hư hoả bốc lên sinh ra các chứng chảy máu mũi, chảy máu răng, mặt đỏ nhức đầu... phép chữa là phải tư âm giáng hoả.

Giáng khí:

Đưa khí xuống, khí bốc ngược lên sinh các chứng thở dốc, ho suyễn... phép chữa là phải giáng khí.

Hạ hãm:

Bị hãm xuống dưới, không lên đúng vị trí được ví dụ như: sa dạ dày, sa tử cung, lòi dom.

Hạ khí:

Phép đưa khí xuống không cho khí bốc ngược lên.

Hàn chứng:

Những triệu chứng do hàn tà hoặc khí dương suy nhược gây ra. Ví dụ: thể ôn giảm sút, mặt sắc trắng nhợt, tinh thần rã rời, nằm co thích ấm sợ lạnh, đau nhức, được nóng thì dễ chịu...

Hàn nhiệt:

Hai thuộc tính của chứng và bệnh, ví dụ: Rét run, nằm co là chứng hàn, thích mát là chứng nhiệt; lạnh làm cho ngưng kết co lại là bệnh hàn, nóng làm dãn nở chứng bốc mạnh là bệnh nhiệt.

Hàn quyết:

Hiện tượng từ ngón chân đến đầu gối buốt lạnh, do khí dương suy ở dưới, khí âm đi ngược lên.

Hàn tà:

Khí lạnh ngoài trời trái thường trở thành nguyên nhân gây bệnh

Hàn thấp:

Bệnh hàn và thấp kết hợp với nhau

Hành khí:

Làm cho khí được lưu thông.

Hành tý:

Chứng đau nhức chạy chỗ này sang chỗ khác không ở một chỗ nhất định (cũng gọi là phong tý).

Háo suyễn:

Háo là hen, suyễn là khó thở. Hai chứng này thường xuất hiện với nhau cho nên có tên gọi chung là bệnh hen suyễn (đờm kéo khò khè trong cổ (hen) hơi thở không điều hoà, thở khó đưa lên nhiều, đưa xuống ít (suyễn)).

Hoà trung:

Điều hoà sự rối loạn ở trung tiêu, tỳ vị cũng gọi là hoà vị.

Hoá đàm:

Làm cho hết đờm.

Hoá thấp:

Làm cho hết thấp tà, bằng cách cho ra theo đường mồ hôi đường tiểu tiện.

Hoá ứ:

Làm cho huyết ứ đọng được chuyển hoá hết, ví dụ như nói hoá ứ hành huyết là cách làm cho tan hết huyết ứ đọng để cho huyết mạch được lưu thông.

Hoả vượng:

Là hoả thịnh

Hoả uất:

Hoả không lưu thông điều hoà. Hoả uất gây nên những hiện tượng bệnh lý thuộc nhiệt.

Hoàng đản:

Bệnh gồm 3 chứng chính là da vàng, mắt vàng, nước tiểu vàng

Hoàng hãn:

Mồ hôi ra ướt áo, làm áo có màu vàng.

Hoạt huyết:

Làm cho huyết hết ứ trệ, lại lưu thông tốt.

Hoạt tinh:

Tinh dịch tự chảy ra mà không biết, do cửa tinh không tự đóng kín được.

Hoạt tiết:

Ỉa lỏng không cầm được.

Hoạt trường:

Làm cho đường ruột được trơn nhuận.

Hoắc loạn:

Bệnh thổ tả: Đột nhiên phát đau bụng miệng nôn chôn tháo (trên thổ dưới tả = thượng thổ hạ tả).

Hồi dương:

Phép làm cho dương khí hồi phục để chữa các trường hợp vong dương có các triệu chứng như: vã mồ hôi, mồ hôi lạnh, người lạnh, tay chân lạnh, thích uống nóng, thở nhỏ yếu, mạch vi tế.

Hôn mê:

Mê man không biết gì.

Hồng lỵ:

Kiết lỵ ra máu

Huyết chứng:

Những chứng bệnh về huyết như: ho ra máu, nôn ra máu, đái ra máu, ỉa ra máu, chảy máu dưới da...

Huyết hư:

Huyết thiếu lượng hoặc thiếu thành phần mà sinh các loại bệnh chứng như tâm huyết hư biểu hiện ra các chứng: sắc mặt xanh nhợt, tim hồi hộp, hay quên, hay chiêm bao, nóng ngực. Can huyết hư biểu hiện ra các chứng sắc mặt vàng ải, thị lực giảm sút, nóng vật vã, khó ngủ.

Huyết nhiệt:

Nhiệt tà ở trong máu

Huyết phận:

Phần huyết để phân biệt với phần khí như nói huyết phận hàn là hàn ở phần huyết, huyết phận nhiệt là nhiệt ở phần huyết.

Huyết táo:

Huyết khô ráo vì có nhiệt đốt ở trong.

Huyết trệ:

Huyết ngưng trệ không lưu thông

Huyết uất:

Chứng uất do huyết ngưng trệ, có triệu chứng như kim châm ở vùng ngực, tay chân yếu sức, ỉa ra máu, đái nhỏ giọt, ăn bình thường.

Huyết ứ:

Huyết không lưu thông được ứ đọng lại

Huyết vựng:

Huyết dồn lên đầu sinh choáng váng hôn mê, tay chân lạnh.

Hư chứng:

Những triệu chứng của chính khí không đủ sức chống đỡ bệnh của cơ thể suy yếu, cơ năng sinh lý giảm sút biểu hiện ra sắc mặt trắng nhợt, tinh thần ủ rũ, người mệt rã rời, yếu sức, tim hồi hộp, thở ngắn, ra mồ hôi mạch nhỏ yếu.

Hư hàn:

Chứng hàn do dương hư.

Hư hoả:

Chứng hoả nhiệt do chân âm suy hao

Hư lao:

Bệnh do ngũ tạng hư suy hao tổn, khí huyết không đủ, tinh thần bải hoải mà sinh ra.

Hư nhược:

Hư yếu, suy nhược

Hư phiền:

Bồn chồn trong lồng ngực do hư

Hư thực:

Chính khí yếu là hư, tà khí mạnh là thực. Sách xưa có câu: "Tà khí thịnh là thực, tinh khí mất là hư".

Hưu tức ly:

Lỵ mạn tính (khi phát khi lành, lành rồi lại phát).

Kiện tỳ:

Tăng cường công năng của tỳ

Kiện vận:

Tăng cường sự vận hoá của tỳ

Kinh giản:

Bệnh động kinh

Kinh phong:

Bệnh kinh giật thường thấy ở trẻ em có các triệu chứng: tay co duỗi luôn, vai chuyển động, tay chân run rẩy, bàn tay nắm chặt hoặc 10 ngón tay cứ duỗi ra quắp lại, uốn ván, cánh tay như lên gân, mắt trợn ngược, mắt nhìn xiên tròng mắt lờ đờ. Bệnh này có chia làm hai dạng là cấp kinh và mạn kinh.

Kinh quyết:

Tinh thần bị kích thích cao độ, làm cho khí huyết rối loạn rồi bỗng nhiễn ngã ra hôn mê.

Khai bĩ:

Làm cho khai thông để chữa các chứng đầy tức khó chịu ở ngực, sườn, bụng.

Khai khiếu:

Làm cho khiếu mở ra để chữa hôn mê.

Khai uất:

Làm cho khí được sơ tiết thông đạt để chữa những trường hợp bệnh vì tình chí uất ức.

Khái huyết:

Ho ra máu

Khẩu nhãn oa tà:

Miệng méo mắt xếch không nhắm kín được.

Khí hư:

Khí kém có các triệu chứng như: thở ngắn hơi, tiếng nói nhỏ yếu, ngại nói, tay chân rã rời, cử động mệt mỏi.

Khí nghịch:

Khí đưa ngược lên. Phế khí, vị khí đưa xuống là thuận đưa lên là nghịch; phế khí nghịch thì sinh ho, suyễn, vị khí nghịch thì sinh nôn mửa, ợ, nấc.

Khí quyết:

Khí nghịch lên làm cho âm dương mất điều hoà, nhẹ thì tay chân lạnh buốt, nặng thì mê man không biết gì.

Khí trệ:

Khí bị ngưng trệ không lưu thông được

Khí uất:

Khí không lưu thông rồi uất lại

Khu phong:

Trừ hết phong tà

Khu tà:

Trừ hết tà khí

Khứ hủ:

Trừ bỏ tổ chức chết

Khứ ư sinh tân:

Trừ huyết ứ, sinh huyết mới, huyết dịch vì bị ứ tắc ngưng trệ mà thành ra huyết ứ. Có trừ huyết ứ đi thì huyết mạch mới được lưu thông.

Lâm chứng:

Bệnh đái không thông, đái phải rặn nhiều và đau buốt. Có năm loại lâm khác nhau (ngũ lâm) là: Thạch lâm, khí lâm, cao lâm, lao lâm, huyết lâm.

Liễm hãn:

Làm cho mồ hôi không chảy ra nữa

Liễm phế chỉ khái:

Thu liễm phế khí làm cho hết ho

Lý chứng:

Triệu chứng của bệnh ngoại cảm tà khí đã vào đến các kinh âm và tạng phủ, không ở các kinh dương nữa. Vị trí bệnh đã ở sâu bên trong.

Lý hàn:

Hàn ở phần lý, tức là ở từ các kinh âm trở vào trong, thường có các triệu chứng như: chân tay lạnh, đau bụng, ỉa chảy, không khát nước, nằm co, thích nóng ấm.

Lý huyết:

Điều chỉnh làm cho phần huyết trở lại bình thường

Lý nhiệt:

Nhiệt ở phần lý thường có các triệu chứng như: sốt cao khát nước, nóng nảy, vật vã, tiểu tiện ít, đỏ, lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng thích mát, mạch sác có lực.

Lý thực:

Có thực tà ở phần lý, có các triệu chứng như: bụng đầy, cứng, đau, đại tiện bí kết, rêu lưỡi vàng dầy, sốt cao, mạch sác thực

Lý tỳ:

Điều chỉnh công năng vận hoá của tỳ

Loa lịch:

Bệnh tràng nhạc, lao hạch.

Lục dâm:

Sáu thứ tà khí gây bệnh: Phong, hàn, thử, thấp, táo, hoả = gió, lạnh, nắng, độ ẩm, độ khô, nhiệt.

Lục khí:

- Sáu thứ: tinh - khí - huyết - mạch - tân - dịch của cơ thể

- Sáu thứ khí lưu hành biến hoá trong trời đất: Phong - hàn - thử - thấp - táo- hoả

Lục kinh:

6 đường kinh: Thái dương, Thiếu dương, Dương minh
Thái âm, Thiếu âm, Quyết âm

Lục phủ:

6 phủ trong nội tạng có công năng chính trong việc thu nạp, bài tiết, vận chuyển, tiêu hoá thức ăn uống gồm: Đởm - Vị - Đại trường - Tiểu trường - Bàng quang - Tam tiêu.

Lục tạng:

Năm tạng: Tâm - Can - Tỳ - Phế - Thận và Tâm bào lạc

Lương huyết:

Làm cho mát huyết để chữa chứng huyết nhiệt

Ma chẩn:

Bệnh sởi

Ma mộc:

Tê dại

Ma tý:

Tê liệt

Mã đao:

Nhọt ở nách đỏ rắn mà không làm mủ, cũng là loại bệnh tràng nhạc

Mạch cấp:

Thuộc loại mạch huyền, mạch khẩn

Mạch huyền:

Mạch sờ vào dài mà căng thẳng như ấn trên dây đàn căng. Chủ về bệnh của can đởm, bệnh tăng huyết áp, bệnh sốt rét, bệnh vì uất giận.

Mạch khẩn:

Mạch đập nhanh, có vẻ khẩn cấp có lực như xoắn dây, đập dội búng mạnh trên ngón tay.

Mạch khẩn chủ về hàn, về đau ứ đọng thức ăn.

Mạch đại:

Mạch đến vừa to vừa đầy dưới ngón tay, to gấp đôi lúc bình thường (đại là to) mạch đại phần nhiều là chứng khí thực huyết hư.

Mạch đoản:

Mạch đi không hết địa vị của bản bộ; chủ về chứng đoản khí, chứng ứ trệ, chứng uất mà không được thư thái.

Mạch hoãn:

Là mạch mà người chẩn mạch thở ra hít vào một lần mà mạch của người bệnh chỉ lên xuống từ từ, tương đương 65 - 75 lần 1 phút. Nếu là bệnh ngoại cảm thì ở thể thấp tà xâm nhập. Nếu mạch đi chậm mà vô lực (trì hoãn) phần nhiều là chứng hư hàn (âm khí hữu dư).

Mạch hoạt:

Mạch đi lại lưu lợi như hạt ngọc lăn trên mâm là triệu chứng khí huyết đều thịnh.

Mạch hồng:

Mạch như nước chảy cuồn cuộn, ấn tay xuống hay nâng tay lên đều thấy nhưng đến mạch đi yếu chủ bệnh dương cực thịnh, hoả vượng (thuộc nhóm mạch phù).

Mạch hư:

Mạch đi trì đại mà mềm không có lực. Chủ về bệnh thiếu máu, chân huyết kém. Nếu hư yếu quá sẽ gây bệnh động kinh.

Mạch kết:

Mạch đi trì hoãn mà có lúc ngừng lại. Chủ về chứng tích tụ, đầy hơi, đau về khí, chứng hòn khối trong bụng (mạch này thuộc nhóm mạch trì).

Mạch khâu:

Mạch rỗng giữa chỉ thấy động ở chung quanh (thuộc nhóm mạch phù) chủ bệnh huyết thoát.

Mạch lao:

Mạch huyền lại trầm mà thực chủ về chứng đầy trướng mà bệnh cấp (thể thực hàn phúc thống).

Mạch nhu:

Ấn tay nhẹ thì thấy, ấn tay mạnh thì tản đi (thuộc nhóm mạch phù) chủ bệnh thể hư nhiễm thấp tà.

Mạch nhược:

Mạch trầm mà vi nâng tay lên thì không thấy (thuộc nhóm mạch trầm trì) chủ bệnh thuộc hư.

Mạch phù:

Ấn tay xuống thì mạch chạy yếu, nâng tay lên thì mạch chạy nhanh rõ.

Mạch phục:

Ấn tay đến xương mới thấy, sâu hơn mạch trầm. Chủ bệnh tà khí bế, đau cấp dữ dội.

Mạch sáp:

Mạch qua lại rít sáp, khó khăn, không lưu lợi, thể như dùng dao cạo nhẹ lên ống tre. Chủ bệnh huyết thiếu khí trệ.

Mạch tế:

Sờ tuy thấy có mạch nhanh nhỏ như sợi tơ chủ bệnh chân khí yếu kém.

Mạch thực:

Cuồn cuộn như mạch trường, mạch đầy chắc, đặt nhẹ tay, ấn nặng tay mạch đập đều có lực chủ về chứng thực.

Mạch tiểu:

Mạch nhỏ yếu không cứ ấn nhẹ hay nặng tay (dù thuộc mạch phù hay mạch trầm cũng đều có dạng nhỏ yếu). Thấy mạch tiểu ở bộ thốn là dương hư, ở bộ xích là âm hư. ở cả 3 bộ (thốn, quan, xích) là khí huyết đều hư.

Mạch trầm:

Ấn nhẹ tay không thấy gì. Ấn nặng mới thấy, chủ bệnh ở lý.

Mạch trì:

Là một lần thở ra một lần hít vào của người chẩn mạch mà mạch của người bệnh có 3 lần bồng lên và dẹp xuống, tương đương với 60 - 70 lần một phút.

Mạch trường:

Người chẩn mạch đè xuống cả 3 bộ mạch vẫn chạy trơn tru ra ngoài bản vị, mạch trường có lực dài dằng dặc vượt ra ngoài bộ vị chủ về bệnh dương độc, tam tiêu nhiệt.

Mạch vi:

Lờ mờ, tựa như có như không

Mạch xúc:

Tới mau như hình vội vàng, vấp váp. Chủ bệnh dương bị che lấp, khí trệ, thực nhiệt, khí, huyết, đàm bị đình trệ.

Mạn kinh phong:

Một thứ bệnh kinh giật trẻ em có triệu chứng bệnh phát chậm, mặt trắng bợt, tinh thần mệt, muốn ngủ, thở nhỏ yếu, bụng lõm sâu vào, co giật uốn ván.

Mạn tỳ phòng:

Một loại bệnh nặng của trẻ em, vì bị bệnh mạn kinh phong lâu ngày hoặc vì bị thổ tả lâu ngày rồi xuất hiện các triệu chứng: mặt xanh bợt, ra mồ hôi trán, lưỡi rụt vào, đầu gục xuống, mắt nhắm, khi ngủ thì lắc đầu lè lưỡi, cấm khẩu, nghiến răng, chân tay buông xuôi, chân tay lạnh, mạch trầm trì.

Minh mục:

Làm cho sáng mắt

Nội chướng:

Tổn thương màng trong mắt; dịch trong mắt,nhân mắt bị đục, viêm thị thần kinh ...

Nội hàn:

Lạnh ở trong có khi vì hàn tà ở ngoài xâm nhập vào phần trong, có khi vì dương khí hư nhược, công năng của tạng phủ bị suy giảm không vận hoá được thuỷ dịch, nước ngưng đọng lại thường có các triệu chứng như: mạch trầm trì, nôn ỉa ra chất lỏng trong loãng mà lạnh, đau bụng, tay chân lạnh mồ hôi lạnh.

Nội phong:

Phong khí ở trong động lên (không phải là phong tà ở ngoài xâm vào) do hoả nhiệt đốt mạnh, âm suy huyết kém, khí huyết rối loạn gây ra các triệu chứng: Xây xẩm, choáng váng, hôn mê, ngã ra co quắp, run giật tê dại, méo miệng mắt xếch.

Nội thương:

Có sự tổn thương trong thân thể mà gây ra bệnh.

Nuy quyết:

Chứng bệnh tay chân yếu liệt không có lực, và giá lạnh.

Nuy tý:

Chân liệt mềm không đi được

Nga chưởng phong:

Chứng lở lòng bàn tay lúc đầu nổi những bọng nước, ngứa gãi về sau sùi vẩy, lâu ngày thì da dày ra sần sùi, đến mùa đông thì nứt nẻ, đau nhức.

Nghịch quyết:

Lạnh buốt từ đầu chi đến khuỷu tay, đầu gối.

Ngoại cảm:

Bệnh do tà khí ở ngoài xâm phạm vào cơ thể.

Ngoại chướng:

Các tổn thương ở màng ngoài của mắt (màng tiếp hợp, mi mắt, mống mắt...).

Ngoại tà:

Tà khí ở bên ngoài xâm nhập vào cơ thể gây nên bệnh.

Ngũ cam:

Năm loại hình của bệnh cam trẻ em là: Tâm cam, Can cam, Tỳ cam, Phế cam, Thận cam.

Ngũ đàm:

Năm thứ đờm: Thấp đờm, Táo đờm, Phong đờm, Nhiệt đờm, Hàn đờm.

Ngũ lao:

1. Bệnh lao tổn của 5 tạng: Tâm lao, Can lao, Thận lao, Phế lao, Tỳ lao.
2. Trông lâu hại huyết, nằm lâu hại khí, ngồi lâu hại thịt, đứng lâu hại xương, đi lâu hại gân.

Ngũ phong:

Năm chứng phong do nội tạng sinh ra: Tâm phong, Can phong, Phế phong, Tỳ phong, Thận phong.

Nục huyết:

1. Bệnh chảy máu mũi

2. Chảy máu ở các khiếu như nhãn nục (chảy máu ở mắt), nhĩ nục (chảy máu ở tai) v.v...

Nuy chứng:

Chứng bệnh gân thịt mềm yếu, chân hoặc tay bại liệt không cử động được.

Phục thử chứng:

Chứng thử tà ẩn nấp ở trong, mùa hạ bị cảm thử không phát bệnh ngay, sang mùa thu hay mùa đông mới phát bệnh.

Phục nhiệt:

Nhiệt tà ẩn nấp ở trong, chưa phát ra bệnh đến khi phát ra bệnh thường xuất hiện các triệu chứng như: Họng khô, miệng thối, lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng khô, bụng trướng đè vào đau, đại tiện bí, tiểu tiện vàng đỏ.

Phục tà:

Tà khí ẩn nấp ở trong chưa phát ra bệnh, khi gặp một nguyên nhân nào đó bệnh mới phát ra.

Tân dịch:

Là chất nước của cơ thể, chất trong là tân, chất đục là dịch.

Thai bệnh:

Đứa bé bị bệnh từ khi đang trong bụng mẹ.

Thai đản (thai hoàng):

Chứng trẻ mới sinh mặt mắt toàn thân đều vàng, nước tiểu vàng, mình nóng, đại tiện không thông, không muốn bú, khóc luôn do khi có thai mẹ bị thấp nhiệt.

Thai độc:

Nhiệt độc từ cha mẹ di truyền cho con trong khi đang còn là bào thai.

Thai động (động thai):

Thai nhi luôn quấy động, bụng đau có cảm giác như muốn sa xuống, nặng hơn thì có thể chảy máu âm đạo.

Thai nhiệt:

Trẻ mới sinh có các triệu chứng sốt cao da vàng như màu nước chè loãng, mắt đỏ, tiểu tiện vàng, phân đặc hay khóc do bị nhiệt khí ở trong thai.

Thận âm hư:

Do mất máu, mất tân dịch tinh bị hao tổn gây ra (hay gặp ở những bệnh do sốt cao kéo dài, người mắc bệnh lâu ngày hoặc uống thuốc nóng lâu ngày) triệu chứng có nhiều biểu hiện của hư nhiệt (âm hư sinh nội nhiệt), đêm thường có sốt, tiểu đêm...

Thận dương hư:

Do bẩm tố tiên thiên không đủ lao tổn quá độ, mắc bệnh lâu ngày, lão suy gây ra. Các triệu chứng thuộc hư hàn: không cố sáp được tinh, nước tiểu, phân; không nạp khí, không khí hoá bài tiết nước tiểu gây nên phù, chân lạnh, lòng bàn tay chân lạnh...

Thận cam:

Một loại bệnh cam của trẻ em có đặc trưng là tay chân gầy róc, mặt đen sạm, lợi răng lở loét chảy máu, thỉnh thoảng phát sốt rét, nôn mửa biếng ăn, đại tiện lỏng có khi lòi dom, hậu môn lở loét.

Thanh hoả, tả hoả:

Tả hoả nhiệt dùng những vị thuốc có vị đắng tính hàn để chữa những bệnh thuộc thực nhiệt.

Thanh lợi:

Vừa làm cho mát vừa làm cho đi đại tiện

Thanh nhiệt:

Hạ nhiệt, làm cho nhiệt độ trở lại bình thường.

Thanh táo:

Vừa làm cho mát, vừa làm cho nhuận, dùng thuốc có tính mát nhuận để chữa các loại bệnh có tính khô táo và nóng.

Thăng đề:

Làm nâng lên, phép chữa các loại bệnh bị sa xuống như sa tử cung, lòi dom.

Tiện huyết:

Ỉa máu

Tiêu độc:

Trừ độc

Tiêu khát:

Bệnh uống nhiều, đái nhiều, ăn nhiều mà người gầy róc. Có 3 thể bệnh gọi là thượng tiêu, trung tiêu, hạ tiêu.

Thượng tiêu:

Có triệu chứng chính là: Khát uống nước nhiều, miệng khô ráo, tiểu tiện nhiều, lưỡi đỏ rêu vàng là chứng thiên về nhiệt, do vị hoả hoặc tâm hoả chưng đốt vào phế làm cho phế dịch bị hao tổn mà sinh ra. Nếu uống nước vào 1 đi tiểu ra 2, người gầy nhanh, mệt mỏi, yếu sức, thở ngắn mạch trầm trì là chứng thiên về hàn, do khí với tân đều suy hao mà sinh ra.

Trung tiêu:

Có triệu chứng chính là: Ăn nhiều, chóng đói người gầy róc, có khi đại tiện bí kết, tiểu tiện vàng đỏ và đi đái luôn, rêu lưỡi vàng khô chứng này là do vị hoả đốt mạnh tinh huyết bị tổn thương mà sinh ra.

Hạ tiêu:

Có triệu chứng chính là đi tiểu luôn, nước tiểu như dầu như mỡ thường kèm các triệu chứng người nóng nảy vật vã, miệng khô khát nước nhiều, lưỡi đỏ mạch trầm tế, sác, nguyên nhân là do thận âm suy hao không tàng giữ được chất tinh vi dinh dưỡng mà sinh ra. Chứng này nếu tiểu tiện đi nhiều, sắc mặt đen sạm, liệt dương, mạch trầm tế nhược là khó chữa.

Tiêu nung:

Làm tiêu hết mủ ở mụn nhọt

Tiêu thuỷ:

Làm tiêu hết nước ứ đọng

Tiêu thũng:

Rút phù

Tiêu thực:

Tiêu hoá thức ăn

Tiêu ứ:

Làm hết huyết ứ đọng

Tiểu tiện bế:

Bí tiểu tiện

Tiểu tiện lâm lịch:

Khó đái, đái ra từng giọt, đái không hết được, phải đái nhiều lần.

Tinh khí:

Nói chung các thứ vật chất cần thiết để duy trì sự hoạt động sống của cơ thể, gồm 3 thành phần hợp lại: khí trời (hơi thở), khí đất (thức ăn uống), khí người (khí bẩm sinh) do hoạt động của nội tạng mà biến hoá thành.

Tỳ cam:

Một loại bệnh cam của trẻ em do ăn bú không điều độ, tỳ vị bị tổn thương xuất hiện các triệu chứng: da mặt vàng ải bụng to nổi gân xanh, nôn mửa, kém ăn, thích ăn bùn đất, đại tiện lỏng, mùi chua thối, môi đỏ, tóc khô, chân tay yếu sức.

Tỵ cam:

Chứng cam mũi trẻ em, vành mũi đỏ, ngứa lở loét, đau kéo dài.

Tỵ uyên:

Mũi chảy ra nước tanh thối kéo dài

Tước mục:

Mắt quáng gà

Thoái ế - bạt ế:

Làm tiêu tan hết màng, mộng, tia máu che tròng mắt, chắp lẹo...

Thoát chứng:

Bệnh nguy kịch âm dương khí huyết đã hao tổn nhiều, sinh mệnh sắp tắt thường xuất hiện các triệu chứng như: mồ hôi ra đọng lại thành hạt,chân tay quyết lạnh, miệng há, mắt nhắm, đi tiểu không biết, tay buông xoãi ra mạch nhỏ yếu như muốn mất mạch.

Thoát dương:

Bệnh nguy kịch âm hàn thịnh ở trong, dương bị hao tổn nhiều và thoát ra ngoài.

Thoát giang:

Bệnh lòi dom

Thoát thư:

Chứng bệnh ở đầu ngón tay hoặc ngón chân nổi lên mụn bằng hạt thóc, da tím đen dần như màu quả bồ quân hay quả táo chín rồi vỡ loét dần ra và cứ loét

dần lên hoặc loét sang ngón bên cạnh, xương thịt bị huỷ hoại, nước mủ chảy ra, mùi thối khó chịu, có khi đau nhiều, có khi bớt đau, kéo dài rất khó lành (có thể là bệnh tắc động mạch của Tây y).

Thông khí:

Làm cho khí được thông lợi hết ngưng trệ

Thông kinh:

Làm cho kinh nguyệt được lưu hành thông lợi

Thông lâm:

Làm cho hết các trường hợp đái dắt, đái buốt.

Thông mạch:

Làm cho mạch đập được điều hoà không có sự vướng mắc

Thông ứ:

Làm thông chỗ ứ kết: huyết ứ, khối kết

Thống kinh:

Phụ nữ hành kinh đau bụng

Thổ huyết:

Nôn ra máu

Thu liễm:

Thu vào, giữ lại không cho vươn lên toả ra.

Thu sáp:

Thu liễm lại, làm săn lại để chữa các chứng bệnh hoạt thoát.

Thuỷ thũng:

Bệnh phù thũng

Thư cân:

Làm cho gân dãn ra.

Thử bệnh:

Bệnh cảm nắng, say nắng

Thử nhiệt:

Phát sốt vì cảm nắng

Thử ôn:

Bệnh nhiệt phát ở mùa hạ vì cảm nắng có đặc trưng là: Phát sốt, ra mồ hôi nhiều, người mệt, lưng hơi lạnh, mạch tay trái nhỏ hơn mạch tay phải, đầu đau, choáng váng, răng khô, khát nước, sợ nóng đại tiện bí hoặc ỉa lỏng mà phải rặn.

Thử phong:

Bệnh thử ôn vì nhiệt thịnh quá mà xuất hiện hôn mê co giật, sốt cao mặt đỏ, khát nước, tiểu tiện ngắn đỏ, uốn ván hàm răng cắn chặt.

Thực nhiệt:

Bệnh nhiệt do nhiệt tà ở ngoài xâm nhập có các triệu chứng như sốt cao, khát nước, đại tiện táo bón, rêu lưỡi vàng, mạch hoạt sác có lực.

Thực tích:

Thức ăn không tiêu hoá, đình trệ lại ở đường tiêu hoá có các triệu chứng: Ngực bụng đầy tức, chán ăn, ợ hăng nuốt chưa, rêu lưỡi dày nhờn (cũng gọi là bệnh thương thực hay súc thực).

Trấn kinh:

Chặn không cho cơn co giật phát ra

Trấn tâm:

Trấn tĩnh tinh thần

Trọng trấn:

Thuốc có chất nặng dùng để trấn tĩnh tinh thần hết hoảng loạn, khỏi co giật.

Trợ dương:

Phù trợ khí dương

Trục ứ:

Đẩy ứ huyết ra ngoài

Trục tà:

Đẩy tà khí ra ngoài

Trùng tích:

Tích giun trong bụng có triệu chứng bụng thường đau quặn, nôn ra nước trong, nước đắng.

Trúng ác:

Đột nhiên khóc thét lên, khóc dữ dội người quằn quại dãy dụa không bú hoặc đột tử trong khi ngủ hoặc sau khi bị bệnh.

Trúng hàn:

Hàn tà, xâm nhập một cách nhanh mạnh sâu vào cơ thể xuất hiện các triệu chứng tay chân quyết lạnh, mạch trầm trì hoặc đau bụng dữ dội ra mồ hôi lạnh.

Trúng nhiệt:

Là trúng thử

Trúng phong:

1. Bệnh ở kinh Thái dương xuất hiện các triệu chứng phát sốt, ra mồ hôi, sợ gió, mạch hoãn gọi là "Thái dương trúng phong".

2. Trúng gió, ngộ gió; phong tà xâm nhập vào cơ thể một cách vừa nhanh, vừa mạnh như mũi tên bắn vào nên gọi là trúng phong.

Trúng phong có mức độ nặng nhẹ khác nhau: Trúng tạng, trúng phủ là bệnh nguy nặng. Trúng kinh, trúng lạc là bệnh tương đối nhẹ.

- Trúng lạc là tà khí vào lạc mạch có các triệu chứng: Miệng mắt méo xếch, da thịt tê dại, có khi đau đầu, choáng đầu.

- Trúng kinh là tà khí vào kinh mạch, người bệnh không hôn mê ngã ra thường có các triệu chứng: Liệt nửa người, chân tay tê dại, miệng nhiều đờm dãi, nói không lưu lợi, mạch huyền hoạt.

- Trúng phủ là tà khí xâm nhập vào phủ người bệnh hôn mê ngã ra, sau khi tỉnh thì liệt nửa người, miệng mắt méo xếch, khó nói hoặc không nói được, đờm dãi đầy tắc, đại tiểu tiện bí, hoặc són đái, són phân.

- Trúng tạng là tà khí xâm nhập vào tạng, người bệnh bỗng nhiên ngã ra hôn mê, bất tỉnh, hàm răng nghiến chặt, bàn tay nắm chặt, thở to, có tiếng đờm kéo, tròng mắt không chuyển động, tay chân giá lạnh,nặng hơn thì mắt nhắm tịt (can tuyệt) tay xoè ra, miệng há hốc (tỳ tuyệt), són đái không biết (thận tuyệt), tiếng như ngáy (phế tuyệt).

Trúng thử:

Bị trúng nắng ở mùa hạ xuất hiện các triệu chứng: Bỗng nhiên xây xẩm ngã ra, người nóng, vật vã, nôn mửa, mồ hôi ra nhiều thở to, mặt nhợt, mạch tế xác; nặng hơn thì mê man bất tỉnh, tay chân co giật, hàm răng nghiến chặt.

Trưng hà:

Bệnh trong bụng có khối tích, hoặc trướng, hoặc đau. Có 2 loại khác nhau:

- Thứ có khối, có hình cố định không di chuyển, đau ở một chỗ thì gọi là trưng, trưng là bệnh thuộc tạng, thuộc về phần huyết.

- Thứ không có hình khối cố định khi tụ, khi tán; đau không có chỗ nhất định gọi là hà, hà là bệnh thuộc phủ, thuộc về phần khí.

Uất hoả:

Hoả nhiệt do khí dương bị uất sinh ra.

Uất khí:

Khí bị uất lại

Uất nhiệt:

Nhiệt bị uất lại

Ung độc:

Nhọt độc

Ung thũng:

Nhọt sưng

Ung thư:

Nói chung về mụn nhọt nhưng có khác nhau.

- Thứ nhọt đỏ, sưng nóng đau, nổi cao lên có giới hạn rõ ràng, dễ sinh mủ, khi vỡ mủ rồi dễ hàn miệng thì gọi là ung .

- Thứ nhọt chìm sâu ở trong, màu da không thay đổi, không nóng, đau âm ỉ, khi chưa thành mủ thì khó tiêu, đã thành mủ rồi thì khó vỡ, mủ ra trong loãng và khó hàn miệng thì gọi là thư.

Vệ khí:

Thứ khí được hoá sinh từ các chất tinh vi trong đồ ăn uống, có tính nhanh mạnh trơn lợi, vận hành ở phía ngoài mạnh vào khắp các tạng phủ, ra khắp phần ngoài cơ biểu có tác dụng ôn dưỡng tạng phủ, ôn nhuận da thịt, giữ sự đóng mở của lỗ mồ hôi, bảo vệ phần ngoài cơ thể, chống đỡ ngoại tà.

Vệ phận:

Phần ngoài nhất của bệnh ngoại cảm tà khí ôn nhiệt.

Trong ôn bệnh học chia nhiệt thành 4 mức: Nông, sâu, nặng, nhẹ khác nhau là: Vệ - khí - vinh - huyết. Tà khí ban đầu vào phần vệ, rồi mới vào phần khí, rồi đến phần vinh, phần huyết.

Tà khí ở phần vệ là bệnh còn nhẹ vào đến phần khí, vinh, huyết là bệnh càng nặng dần.

Vị nhiệt:

Vị có nhiệt thường xuất hiện các chứng như: Thích ăn uống mát, miệng lở, hơi miệng thối, chân răng sưng đau, sót ruột, tiểu tiện ít, đại tiện táo.

Vong âm:

Âm dịch bị vong thoát, thường có các chứng như: Phát sốt, nóng nảy, vật vã, khát nước, thích uống lạnh, thở to, chân tay ấm, mạch hồng thực, đặc biệt là mồ hôi ra nhiều, mồ hôi nóng và mặn.

Vong dương:

Khí dương bị vong thoát thường có các chứng như: Mồ hôi lạnh ra đầm đìa đọng lại thành từng hạt, sợ lạnh, chân tay lạnh, thở nhỏ yếu, mặt trắng bợt, môi nhợt hoặc tím tái, mạch nhỏ yếu, hoặc phù sác mà ấn vào thì mất, không khát nước, hoặc thích nước nóng.

Xích bạch đới:

Khí hư có nhiễm trùng, âm đạo thường chảy ra khí hư đục dính, màu đỏ trắng xen lẫn.

Xích bạch lỵ:

Kiết lỵ phân ra màu trắng đỏ xen lẫn nhau

Xích bạch trọc:

Từ niệu quản chảy ra thứ dịch đục như mủ, màu trắng đỏ xen lẫn mùi thối.

Xuân ôn:

Một loại bệnh nhiệt phát ở mùa xuân. Thường là mùa đông bị cảm lạnh, tà khí ẩn nấp ở trong uất lại hoá nhiệt (phục nhiệt) nhân gặp thời kỳ phát tiết ra của khí dương mùa xuân hoặc vì bị tà khí phong hàn kích động mà phục nhiệt ở trong phát ra thành bệnh, lúc đầu có các triệu chứng như: Mặt đỏ, nhức đầu, đau ở góc trán ở khắp cơ thể, sợ lạnh, không có mồ hôi, phiền nóng, khát nước. Đến giai đoạn nặng thì có thể xuất hiện các triệu chứng bụng đầy cứng đau, đại tiện bế, vật vã, khô khát, nói mê hoặc xuất huyết, động phong co giật...

BẢNG TRA CỨU

Tên các vị thuốc, cây thuốc sử dụng trong các bài thuốc (xếp theo vần A, B, C...)

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
A		
Actisô		Cynara scolymus L. Họ Cúc (Asteraceae)
A giao	Minh giao, Cống giao, keo da Lừa, hoặc da Trâu	Colla Asini
Anh túc xác	Cù túc xác (vỏ qủa thuốc phiện đã lấy hết nhựa)	Pericarpium Papaveris (Papaver somniferum L.) Họ Thuốc phiện (Papaveraceae)
B		
Ba đậu	Bã đậu, Mần để, Giang tử, Cây đết, Phổn, Mắc vát, Ba nhân, Cóng khói, Mãnh tử nhân, Cẩy để, Lão dương tử.	Croton tiglium L. Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae).
Ba chạc	Chè đắng, Bí bái, Chạng ba, Dầu dấu, Mạt, Komlavatio tăng (Lào), Swaiano (Khơme), Chè cỏ, Tam nha khổ.	Evodialepta (Spreng) merr (Evodia triphylla Guill, non DC), Họ Cam quýt (Rutaceae).
Ba gạc	La phu mộc, Lạc toọc, San to, Tích tiên, Ba gạc vòng.	Rauwolfia verticillata (Lour) Baill. Họ Trúc đào (Apocynaceae).
Bá bệnh	Bách bệnh, Mật nhơn, Tho nan (Lào), Antongsar (Khơme).	Eurycoma longifolia Jack subsp longifolia (Crassula pinnata Lour.). Họ Thanh thất (Simaroubaceae).
Bá tử nhân	Nhân hạt trắc bá, Trắc bá tử	Semen Thujae orientalis. (Thuja orientalis L. Biotaorientalis Endl). Họ Trắc bách (Cupressaceae).
Ba kích	Cây ruột gà, Ba kích thiên, Chẩu phóng xì, Thao tầy cáy, Ba kích nhục, Liên châu ba kích	Morinda officinalis How. Họ Cà phê (Rubiaceae).
Bạc hà	Bạc hà nam, Bạc hà cay, Nhân đơn thảo	Mentha arvensis L; Mentha piperita L. Họ Hoa môi (Lamiaceae)
Bạc thau	Bạc sau, Lú lớn, Thảo bạc, Bạch hạc đẳng, Bạch hoa đẳng, Mô bạc, Thau bạc	Argyreia acula Lour. Họ Khoai lang (Convolvulaceae)

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Bách bộ	Dây đẹt ác, Dây ba mươi, Củ ba mươi, Củ rận trâu, Dây trói trâu	Stemona tuberosa Lour. Họ Bách bộ (Stemonaceae)
Bách hợp	Tỏi rừng, Sơn pha	Lilium browmi F.E. Brown var.colchesteri Wilson. Họ Hành (Liliaceae)
Bách thảo sương	Oa dề khôi, Nhọ nồi, Nhọ chảo (đun bằng cỏ cây khô hay rơm dạ)	Pulvis Fumi - carbonisatus.
Bạch cập		Bletilla striata (Thumb) Reichb.f: Họ Lan (Orchidaceae).
Bạch chỉ	Hàng bạch chỉ, Thương bạch chỉ, Xuyên bạch chỉ	Angelica dahurica Benth et Hook; Angelica Anomala Lallem. Họ Hoa tán (Apiaceae).
Bạch cương tàm	Bạch cương tằm, Tằm vôi, Cương trùng, Cương tằm, Thiên trùng, Tằm chết gió	Bombyx Botriticatus Họ Tằm (Bombycideae)
Bạch chỉ nam	Nam bạch chỉ, Mát rừng	Millettia pulchra Kurz; Robinia amara Lour. Họ Cánh bướm (Papilionaceae)
Bạch cúc hoa	Cúc hoa trắng, Bông cúc trắng	Chrysanthemum morifoliim Ramat Họ Cúc (Asteraceae)
Bạch đàn hương	Đàn hương trắng, Đàn hương	Santalum album L. Họ Đàn hương (Santalaceae)
Bạch đậu khấu	Đậu khấu, Viên đậu khấu	Amomum Cardamomum L. Họ Gừng (Zingiberaceae).
Bạch đồng nữ	Mò hoa trắng, Mò trắng, Bấn trắng, Mò mâm xôi	Clerodendron squamatum Vahl. Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)
Bạch giải (?)		
Bạch giới tử	Hạt cải trắng, Giới tử, Bạch giới	Semen sinapis albae (sinapis alba L; Bassica alba L. Bvissier). Họ Cải - Brassicaceae.
Bạch hạc	Kiến cò, Cây lác, Thuốc lá nhỏ lá, Hạc bẩy, Nam uy linh tiên	Rhinacanthus nasutus L. Kurz. Họ Ô rô (Acanthaceae)
Bạch hoa xà	Cây chiến, Cây đuôi công hoa trăng, Pít phì kháo (Lào), Cây lá đinh, Bạch tuyết hoa	Plumbago zeylanica L. Họ Đuôi công (Plumbaginaceae)

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Bạch hoa xà thiệt thảo	Lưỡi rắn trắng, Bòi ngòi bò, Cây lưỡi rắn, Xà thiệt thảo	Hedyotis diffusa Willd. Họ Cà phê (Rubiaceae)
Bạch kiên đằng (?)		
Bạch linh	Bạch phục linh, Phục linh, Nấm rễ thông, Phục thần	Poria cocos Wolf. Họ Nấm lỗ (Polyporaceae)
Bạch liễm		Ampelopsis japonica (Thumb) Makino. Họ Nho (Vitaceae)
Bạch phấn đằng	Chìa vôi, Đậu xương, Rau chua	Cissus modeccoides Planch. Họ Nho (Vitaceae)
Bạch quả	Ngân hạnh, Áp cước tử, Công tôn thụ	Ginkgo biloba L. Họ Bạch quả (Ginkgoaceae)
Bạch tiền	Liễu diệp bạch tiền, Bạch tiền lá liễu	Cynanchum Stauntoni (Decne) Handmazz (lá liễu). Họ Thiên lý (Asclepiadaceae)
Bạch tật lê	Tật lê, Gai ma vương, Thích tật lê, Gai sầu, Gai trống, Quỷ kiến sầu, Gai yết hầu	Tribulus terrestris L. Họ Gai chống (Zygophyllaceae)
Bạch thược	Thược dược, Thược	Paeonia lactiflora Pall. Họ Hoàng liên (Ranunculaceae)
Bạch truật	Ư truật, Đông truật, Triết truật, truật, Cống truật	Atractylodes macrocephala koidz. Họ Cúc (Asteraceae)
Bạch truật nam	Thổ tam thất, Tam thất giả, Bầu đất dại, Ngải rét, Drubaba cao, Kuê mang, Ngải rít	Gynura pseudochina DC. (Cacalia bulbosa Lour.) Họ Cúc (Asteraceae)
Bán hạ nam	Củ chóc, Bán hạ ba thùy, Chóc, lá Ba chìa, Cây chóc chuột	Typhonium trilobatum (L.) Schott Họ Ráy (Araceae)
Bán biên liên		Lobelia chinensis Lour Họ Lô biên (Lobeliaceae)
Bán chi liên	Hoàng cầm râu, Bán liên chi	Scutellaria barbata D. Don (S. rivularis Wall) Họ Hoa môi (Lamiaceae)
Bàng	Cây bàng	Terminalia catappa L. Họ Bàng (Combretaceae)

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Bàng sa	Bằng sa, Bồng sa, Bồn sa, Nguyệt thạch, Hàn the	Borax
Bần	Bần sẻ, Bần rạch, Bần chua	Sonneratia caseolaris (L.) Engl. (S.acida L. F.) Họ Bần (Sonneratiaceae)
Bầu	Cây bầu, Dây bầu	Legenaria siceraria (Molina) standl. Họ Bầu bí (Cucurbitaceae)
Bẩy lá một hoa	Thất diệp nhất chi hoa, Tảo hưu Độc cước liên, Thiết đăng đài, Chi hoa đầu, Thảo hà xa	Paris polyphylia Sm. Họ Hành (Liliaceae)
Bèo cái	Phù bình, Đại phù bình, Bèo tai tượng, Bèo ván, Đại phiêu	Pistia stratiotes L. Họ Ráy (Araceae).
Bèo lục bình	Lục bình, Bèo tây, Bèo sen, Bèo Nhật Bản	Eichhornia crassipes (Mart) Solms. Họ Bèo lục bình (Pontederiaceae)
Bẹ ốp buồng cau	Đại phúc bì	
Bí đao	Bí xanh, Đông qua, Bí phấn	Benincasa hispida (Thumb) Cogn Họ Bầu bí (Cucurbitaceae)
Bí ngô	Bí đỏ, Nam qua, Phặc đeng, Bí ử, Bí sáp, Bí rợ	Cucurbita pepo L. Họ Bầu bí (Cucurbitaceae)
Biển súc	Cây rau đắng, Cây càng tôm, Cây xương cá	Polygonum aviculare L. Họ Rau răm (Polygonaceae)
Bình lang	Cây cau, Tân lang	Areca catechu L. Họ Cau (Arecaceae) hoặc Họ Dừa (Palmae)
Bình bát	Cây nê	Annona reticulata L. Họ Na (Annonaceae)
Bìm bìm	Bìm bìm biếc, Bìm bìm lam, Khiên ngưu, Hắc sửu, Bạch sửu, Khiên ngưu tử	Ipomoea hederacea Jacq (Pharbitis hederaceae choisy) Họ Khoai lang (Convolvulaceae)
Bìm bìm dại	Dây chìa vôi, Bình vôi, Bạch phấn đằng, Hạp quả đằng, Bìm nắp	Operculina turpethum (L.) S. manso (Ipomoea turpetum R.Br) Họ Khoai lang (Convolvulaceae)
Bố chính sâm	Sâm bố chính, Sâm thổ hào, Sâm báo, Ngũ chỉ sơn sâm	Hibiscus sagittifolius Kurz - var. quin quelobus (Abelmoschus sagittifolius (L.) Merr) Họ Bông (Malvaceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Bồ bồ	Nhân trần bồ bồ, Nhân 'trần hoa đầu, Đại đầu trần, Cầu hoa mao xạ hương	Adenosma capitatum Benth ex Hance (Adenosma indianum Lour.) Họ Hoa môi (Scrophulariaceae).
Bồ công anh	Diếp dại, Diếp trời, Diếp hoang, rau Bồ cóc, cây Mũi mác, Rau chuối, Rau Bao	Lactuca indica L. Họ Cúc (Asteraceae)
Bồ cu vẽ	Sâu vẽ, Bồ long anh, Đỏ đọt	Breynia fruticosa (L.) Hook.f. Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)
Bồ đề	Cánh kiến trắng, An tức hương	Styrax tonkinensis Pierre. Họ Bồ đề (Styraceae)
Bồ hoàng	Cỏ nến, Bồ thảo, Hương bồ thảo, Bồn bồn	Typha angustata Bory et Chaub Họ Cỏ nến (Typhaceae)
Bồ hòn	Bòn hòn, Lai patt, Vô hoạn thụ	Sapindus mukorossii Gaertn. Họ Bồ hòn (Sapindaceae).
Bọ mẩy	Đắng cay, Mẩy kỳ cáy, Thanh thảo tâm, Bọ nẹt, Đại thanh	Clerodendron cyrtophylium Turcz. Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)
Bọ nẹt	Sóc dại	Alchornea rugosa (Lour). Muell - Arg. Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)
Bội lan	Yên bạch, Dã mã truy	Eupatorium lindley anum DC. Họ Cúc (Asteraceae)
Bòn bọt	Sóc quả có lông, Lổ lào hông, Lổ lào nhông (Dao) Chè bọt, Bọt cua	Glochidion eriocacpum champ. Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)
Bòng bong	Thòng bong, Dương vong, Thạch vĩ dây, Hải kim sa	Lygodium flexuosum L. Họ Bòng bong (Lygodiaceae)
Bông báo	Dây bông xanh, Madia (Mèo), Đại hoa, Lão nha chuỷ	Thunbergia grandiflora (Roxb - ex Rottl) Roxb. Họ Dây bông xanh (Thunbergiaceae).
Bông gòn	Cây bông gòn, Gòn	Ceiba pentandra (L.) Gaern Họ Gạo (Bombacaceae)
Bông mã đề	Mã đề, Xa tiền, Cây vó ngựa (Mường), Xa tiền thảo, Nhả én dứt (Thái), Su ma (Thổ), Mã đề thảo	Plantago major L. Họ Mã đề (Plantaginaceae)

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Bông trang đỏ	Mẫu đơn đỏ, Mẫu đơn, Đơn đỏ, Kamrontea (Khơme), Trang son	Isora coccinea L. Họ Cà phê (Rubiaceae)
Bông trang trắng	Lấu, Bời lời, Bổ chát, Cây men sứa, Bầu giác, Lồ giác	Psychotria rubra (Lour.) Poir. (Psychotria reevesii Wall) Họ Cà phê (Rubiaceae)
Bồng bồng	Bông bông, Bàng biển, Cây lá hen, Nam tỳ bà	Calotropis gigantea (L.) Dryand ex Ait.f (Calotropis gigantea R.Br) Họ Thiên lý (Asclepiadaceae)
Bông	Bông vải (hạt = Miên tử)	Gossypium arboreum L. Họ Bông (Malvaceae)
Bột rỉ sắt	Oxyd sắt	Ferrosi oxydum
Bời lời	Bời lời nhớt, Bời lời dầu, Bời lời hương, Thiên đầu thống, Sàn thụ, Sàn cảo thụ	Litsea glutinosa (Lour) CB. Rob. (Litsea sebifera Pers.). Họ Long não (Lauraceae)
Bùng bục	Bùm bụp, Bục bục, Ba bét trắng, Cây ruông	Malotus apelta (Lour.) Muell - Arg. Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)
Bùm sụm	Chùm rụm, Cườm rụng	Carmona microphylla (Lam.) Don (Ehretia buxifolia Robx). Họ Chùm rụm (Ehretiaceae)
Búp tre	Đọt tre, Trúc diệp quyển tâm, Nõn tre, Trúc diệp tâm	Folium Bambusae
Bưởi	Bòng, Co phúc (Mường), Kam bao tch'iou (Thái), Kroth thlong (Khơme) Makphuc (Lào)	Citrus grandis (L.) Osbeck (Citrus maxima (Burm.) Merr., Citrus decumana Merr.) Họ Cam (Rutaceae).
Bưởi bung	Cát bối, Cơm rượu, Chiêng chiếng, Co dọng dạnh (thái)	Glycosmis citrifolia (Willd.) Lindl. (Glycosmis pentaphylla Corr., Glycosmis Cochinchinensis (Lour.) Pierre). Họ Cam (Rutaceae).
Bươm bướm	Bướm bạc, Bứa chừa, Hoa bướm	Mussaenda pubescens Ait.f. Họ Cà phê (Rubiaceae)
C		
Cá quả	Cá chuối, Cá lóc	Ophiocephalus striatus Bloch (O.maculatu Lacep)

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Cá trê		Clarias (Clariasfucus, Clarias macrocephalus)
Cà độc dược	Mạn đà la, Dương kim hoa, Phong già hoa, Náo dương hoa	Datura metel L. Họ Cà (Solanaceae)
Cà gai	Dã gia	Solanum coagulans Forssk. Họ Cà (Solanaceae)
Cà gai hoa tím	Cà dại hoa tím, Cà hoang, Cà hoang gai hoa tím	Solanum indicum L. (S. violaceum Ortega) Họ Cà (Solanaceae)
Cà gai leo	Cà quýnh, Cà quánh, Cà vạnh, Thích gia đằng, Trap khar (Khơ me) Blou xít (Lào), Cà gai dây	Solanum procumbens Lour (Solanum hainanense Hance) Họ Cà (Solanaceae)
Cà phê	Cà phê chè, Cà phê Arabica	Coffea arabica L. Họ Cà phê (Rubiaceae)
Cải dại	Cải đồng, Cúc dại, Rau cóc	Grangea maderaspatana (L.) Poir. Họ Cúc (Asteraceae)
Cải trời	Cải ma, Cỏ hôi, Kim đầu tuyến, Nam hạ khô thảo	Blumea lacera (Burm.f.) DC. (B.glandulosa DC-B. subcapitata DC.) Họ Cúc (Asteraceae)
Cải rừng bò	Độc một, Hoa tím tràn lan, Cải ma	Viola diffusa Ging ex DC, Họ Hoa tím (Violaceae)
Cải rừng tía	Rau cẩu, Rau bướm hoa tím ẩn	Viola inconspicua Blume. Họ Hoa tím (Violaceae)
Cam	Cam chanh, Cam thực	Citrus sinensis (L.) Osbeck (C. arurantium L. var dulcis L). Họ Cam (Rutaceae)
Cam thảo	Cam thảo bắc, Điều thảo, Quốc lão, Mật thảo, Phấn thảo	Glycyrrhiza uralensis Fisch. (Glycyrrhiza glabra L.) Họ Đậu (Fabaceae)
Cam thảo đất	Dã cam thảo	Scoparia dulcis Lin. Họ Hoa mõm sói (Scrophulariaceae)
Cam thảo nam	Dây chi chi, Tương tư đằng, Dây cườm cườm, Cườm thảo	Abrus precatorius Lin. Họ Đậu (Fabaceae)
Cam thìa	Mật đất	Picris hieracioides L. ssp. japonica Krylov. Họ Cúc (Asteraceae)

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Cám gạo	Khang tỳ	
Canh châu	Chanh châu, Quanh châu, Kim châu, Khan slan (Lạng sơn), Xích chu đằng, Tước mai đằng	Sageretia theezans L. Brongn Họ Táo ta (Rhamnaceae)
Cao lương khương	Riềng, Tiểu lương khương, Riềng thuốc	Alpinia officinarum Hance Họ Gừng (Zingiberaceae)
Cảo bản	Kiểu bổn (Nam bộ) 1. Bắc cảo bản, Hương cảo bản, Liêu cảo bản. 2. Tây khung cảo bản, Tây khung	1.Ligusticum jeholense Nak. et Kitaga (Cnidium jeholense Nak. et Kitaga) 2. Ligusticum sinense Oliv đều Họ Hoa tán (Apiaceae)
Cát cánh	Kiết cánh, Kết cánh, Cánh thảo	Platycodon grandiflorum (Jacq.) A. DC. Họ Hoa chuông (Campanulaceae)
Cát sâm	Sâm nam, Sâm chuột, Nhẫm sâm, Sâm chào mào, Sâm trâu, Sâm voi Sâm gỗ, Nam sâm	Millettia speciosa Champ, Họ Đậu (Fabaceae).
Câu đằng	Dây móc câu, Dây gai mấu, Cú giằng (H'mông), Co nam kho (Thái) Pược cận (Tày), Vuốt lá mỏ	Uncaria rhynchophylla (miq) Jacks, Họ Cà phê (Rubiaceae)
Câu kỷ	Câu kỷ tử (quả), Khởi tử, Rau khởi, Rau củ khởi, Câu khởi, Rau khủ khởi, Địa cốt bì (vỏ rễ)	Lycium chinense Mill (Lycium ruthenicum Murr) Họ Cà (Solanaceae)
Chanh	Chanh ta, Đăng thực, Quả chanh = Chanh thực, Nghi mẫu tử. Lá chanh = Ninh mông diệp, Lê mông	Citrus aurantifolia (Christm et Panzer) Swingle (C.melica L. var acida Hook. f) (Citrus limon Burn) Họ Cam (Rutaceae)
Cây bái	Bái bái, Bải bang, Giáng hương, Giáng chân hương, Bí bái	Acronychia pedunculata (L.) Miq. (Acronychia laurifolia Blume). Họ Cam (Rutaceae)
Cây chai		Shorea guiso (Blco) Blume. Shorea vulgaris Pierre Họ Dầu (Dipterocarpaceae)
Cây chòi mòi	Lồ lào piêu xuây (Dao), Lồ lào kiểu dây, Chu mòi	Antidesma ghasembilla Gaertn Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)
Cây chòi mòi nam	Lồ lào thai, Lồ lào hai (Dao)	Antidesma cochin chinensis Gagnep. (Antidesma tonkinensis) Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Cây chòi mòi tía	Ngổng chan hây, Ngũ nguyệt trà	Antidesma bunius (L.) Spreng Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)
Cây Dứa	Khóm, Thơm	Ananas comosus (L.) merr. Họ Dứa (Broneliaceae).
Cây Gáo	1. Gáo trắng, Cà tôm, Phay vì, 2. Gáo không cuống, Mít ma, Bàng nâu, 3. Gáo tròn, 4. Gáo vàng, 5. Gáo viên, thủ viên	1. Anthocephalus cadamba (Roxb) Miq, 2. Neonauclea sessilifolia (Hook.f) Merr, 3. Haldina Cordifolia (Roxb) Ridod, 4. Nauclea orientalis (L.) L., 5. Adina pilulifera (Lam.) Franch. ex Drake. Đều thuộc họ Cà phê (Rubiaceae)
Cây kháo nhậm	Kháo thơm, Rè vàng, Bời lời đẹc	Machilus odoratissima Ness. Họ Long não (Lauraceae).
Cây mắm		Avicennia officinalis L. Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)
Cây cỏ Lào	Cây Cộng sản, Cây bớp bớp, Cây cứt lợn	Chromolaena odorata (L.) King et Robinson (Eupatorium odoratum Linn.) Họ Cúc (Asteraceae).
Cây cơm nguội	Cơm nguội năm canh	Adisia quinquegona Blume. Họ Đơn nem (Myrsinaceae)
Cây chùm hôi trắng	Cây cà ri, Xan tróc	Murraya koenigii (L.) Spreng. Họ Cam (Rutaceae).
Cây Ngà voi	Nanh heo, Ngải ngà	Sansevieria Cylindrica Bojer Họ Bồng bồng (Dracaenaceae)
Cây thuốc bỏng	Diệp sinh căn, Cây sống đời, Lạc địa sinh căn	Kalanchoe pinnata Pers (Bryophyllum calycinum Salisb.) Họ Thuốc bỏng (Crassulaceae).
Cẩu tích	Cây lông cu ly, Cây lông khỉ, Kim mao cẩu tích, Cẩu thanh, Bách chi, Cẩu tôn mao, Cường lữ	Cibotium barometz L. J. Sm (Dicksomia barometz L.) Họ Cẩu tích (Dicksoniaceae)
Chàm	Thanh đại, Chàm mèo, Bản lam, Mã lam, Chàm lá to	Strobilanthes cusia (Ness) Kuntze Họ Ô rô (Acanthaceae)
Chẫu chàng (con)	Con chẫu chuộc, Hà mô	Rana guentheri

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Chè	Chè xanh, Chè hương, Trà diệp, Chè tàu, Trà, Minh trà, Chè tươi	Camellia sinensis (L.) O. Ktze (Thea chinensis seem) Họ Chè (Theaceae)
Chè dây	Thau rả (Nùng), Khau rả (Tày)	Ampelopsis cantoniensis (Hook et Arn) Planch. Họ Nho (vitaceae)
Chè đồng	Tràm, Chè cay, Bạch thiên tầng	Melaleuca leucadendron L. (Myrtus leucadendra L.) Họ Sim (Myrtaceae)
Chè vằng	Chè đắng, Vằng, Dâm trắng, Lài ba gân, Chè cước man, Dây cẩm vân	Jasminum subtriplinerve Blume. Họ Nhài (Oleaceae).
Chiêu liêu	Kha tử, Chiều liêu, Sramar (Khơ me), Chiêu liêu hồng, Xàng, Tiếu preah phneou	Terminalia Chebula Retz. Họ Bàng (Combretaceae).
Chỉ thiên	Cúc chỉ thiên, Cỏ Lưỡi mèo, Khổ địa đảm, Địa đảm thảo, Tẩm khiển biệt (Mường), Cây thổi lửa, Tiền hồ nam, Chân voi nhám	Elephantopus scaber Linn. Họ Cúc (Asteraceae)
Chỉ thực	Chấp, Trấp, Chỉ thiệt, Quả trấp non, Chanh xác, Chỉ xác, Quả trấp già	Citrus hystrix D.C. Họ Cam (Rutaceae)
Chim bồ câu	Cáp điểu, Gia cưu, Phi nô	Columba livia
Chóc rì	Củ chóc rì, Bán hạ lá nhỏ, Bán hạ Việt Nam	Typhonium divaricatum Decne Var.minitum Gagnep. Họ Ráy (Araceae)
Chó mực	Chó đen, hắc cẩu	Canis familiaris L. Họ Chó (Canidae)
Chó đẻ	Chó đẻ răng cưa, Răng cưa, Cam kiểm, Rút đất, Diệp hạ châu, Diệp hoè thái, Lão nha châu, Prak phle (Khơme)	Phyllanthus urinaria L. (Phyllanthus cantoniensis Hornem). Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)
Chổi xuể	Chổi sể, Thanh hao, Chổi, Chổi trện	Baeckea frutescens L. Họ Sim (Myrtaceae)
Chu sa	Châu sa, Đơn sa, Đan sa, Thần sa, Châu thần	Cinnabaris
Chù chuảy mây	Dây chẽ ba, Cù tay mây, Dây xanh	Illigera rhodantha Hance Họ Lưỡi chó (Hernandiaceae)

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Chua me lá me	Lá chua me, Mắc cỡ tàn dù	Biophytum sensitivum (L.) DC Họ Chua me đất (Oxalidaceae)
Chua me đất hoa vàng	Toan tương thảo, Toan vị thảo, Chua me ba chìa, Tam diệp toan	Oxalis corniculata L. Họ Chua me đất (Oxalidaceae)
Chuối hột	Chuối chát, Chuối tây, Chuối sứ, Ba tiêu	Musa balbisiana Colla (M. brakycarpa Back., Musa basjoo Sieb.) Họ Chuối (Musaceae)
Chuối tiêu	Chuối già, Chuối lùn, Chuối già lùn, Ba tiêu hương	Musa sapientum L. (Musa nana Lour) Họ Chuối (Musaceae)
Chút chít	Cây lưỡi bò, Dương đề, Ngưu thiệt thảo	Rumex Wallichi Meisn. Họ Rau răm (Polygonaceae)
Cỏ dùi trống	Cỏ đuôi công, Cốc tinh thảo, Cây cốc tinh	Eriocaulon sexan gulare L. Họ Cỏ dùi trống (Ericanlonaceae)
Cỏ bấc đèn	Cây bấc đèn, Đăng tâm thảo, Tâm bấc, Tim bấc, Bấc lùng, Đăng tâm, Bấc.	Juncus effusus L. Họ Bấc (Juncaceae).
Cỏ cháy	Cây thóc lép	Desmodium gangeticum (L.) DC. Họ Đậu (Fabaceae)
Cỏ gà	Cỏ chỉ, Cỏ ống	Cynodon dactylon (L.) Pers. Họ Lúa Poaceae.
Cỏ hàn the	Hàn the ba hoa, Cỏ mọc sởi, Tam điểm kim thảo	Desmodium triflorum (L.) DC Họ Đậu (Fabaceae).
Cỏ cò cò	Ngổ rừng, Tu hùng tai	Pogostemon auricularius (L.) Hassk. (Dysophylla auricularius (L.) Blume Họ Hoa môi (Lamiaceae)
Cỏ mần trầu	Cỏ vườn trầu, Cỏ màn trầu, Cỏ dáng, Cỏ bắc, Cỏ chỉ tía, Ngưu cân thảo, Thanh tâm thảo, Sam tử thảo, Tất suất thảo, Niapak kouay (Lào) Choeung kras (Khơme)	Eleusin indica (L.) Gaetn. (Cynosurus indica L.), Họ Lúa (Poaceae).
Cỏ may	Bông cỏ, Thảo tử hoa, Trúc tiết thảo	Chrysopogon aciculatus (Retz) Trin. Họ Lúa (Poaceae)
Cỏ nhọ nồi	Cỏ mực, Hạn liên thảo	Eclipta prostrata L. (Eclipta alba Hassk) Họ Cúc (Asteraceae)
Cỏ seo gà	Phượng vĩ, Phượng vĩ thảo, Theo gà	Peteris multifidae Poir. (P. serrulata L.f.) Họ Dương xỉ (Polypodiaceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Cỏ sán	Mao hoa Trung Quốc	Erismanthus sinensis Oliv. (E.indochinensis Gagnep) Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae).
Cỏ sữa lá nhỏ	Cỏ sữa lá nhỏ, Cây vú sữa đất, Hồng liên thảo, Địa cẩm thảo	Euphorbia thymifolia Burm Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)
Cỏ sữa lá lớn	Thiên cẩm thảo, Thiên căn thảo	Euphorbia hirta L. Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)
Cỏ tranh	Bạch mao căn	Imperata cylindrica (L.) Beauv. var major (Nees) Huble. Họ Lúa (Poaceae)
Cỏ xước	Nam ngưu tất, Thổ ngưu tất, Đảo khấu thảo, Đảo thích thảo, Lá bầy dài	Achyranthes aspera L. Họ Rau dền (Amaranthaceae)
Cói	Lác, Lác gon, Thuỷ hương phụ	Cyperus malaccensis Lamk. Họ Cói (Cyperaceae)
Cóc	Con cóc, Thiềm thừ	Bulo bufo (Bufo melanostietus Schneider). Họ Cóc (Bufonidae)
Cóc mẳn	Cỏ the, Cóc ngôi, Cây thuốc mộng, Cúc mẳn, Địa hổ tiêu, Cầu tử thảo, Thạch hổ tuy, Nga bất thực thảo	Centipeda minima (L.) A.Br. et Aschers. Họ Cúc (Asteraceae)
Cóc (quả)	Cốc, quả Cóc	Spondias cythera Sonn (S.dulcis Soland ex Park) Họ Đào lộn hột (Anacardiaceae)
Cối xay	Giằng xay, Kim hoa thảo, Ma mãnh thảo, Nhĩ hương thảo	Abutilon indicum (L.) Sweet. Họ Bông (Malvaceae)
Cốt khí củ	Củ điền thất, Hổ trượng căn, Ban trượng căn, Hoạt huyết đan, Tử kim long	Polygonum Cuspidatum Sieb et Zucc. Họ Rau răm (Polygonaceae)
Cốt khí muồng	Cốt khí hạt, Muồng hoè, Vọng giang nam, Giang nam đậu, Sơn lục đậu, Dã biển đậu, Dương giác đậu, Muồng lá khế, Thạch quyết minh	Cassia occidentalis L. Họ Đậu (Fabaceae)
Cốt toái bổ	Bổ cốt toái, Co tạng tó, Co in tó (Thái), Cây tổ rồng, Tổ điểu, Tổ phượng, Tắc kè đá, Ráng bay, Mao khương, Hầu khương.	Drynaria fortunei (Kunze) J.Sm. Họ Ráng (Polypodiaceae)

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Cơm lênh	Chân rết, Tràng pháo	Pothos repens (Lour) Druce Họ Ráy (Araceae)
Cua đồng	Con còng, Giải (Nam bộ), Con cua, Điền giải	Parathelphusa sinensis
Củ bình vôi	Củ dòm, Củ dòm trắng, Củ gà ấp, Ngải tượng, Củ nhóm, Củ dóm, Củ một, Củ mối trôn. Cả tom, Tử nhiên, Củ đỉnh	Stephania rotunda Lour (Stephania glabra (Roxb) Miers. Stephania dielsiana Y.C. Wu., Stephania sinica Diels.) Họ Tiết dê (Menispermaceae)
Củ gió	Kim quả lăm, Sơn từ cô	Tinospora capillipes, Gagnep. Họ Tiết dê (Menispermaceae)
Củ nâu	Khoai leng, Thự lương, Vũ dư lương, Giả khôi, Bồ nâu, Củ nâu tía	Dioscarea cirrhosa Lour. Họ Củ nâu (Dioscoreaceae)
Củ tầm sét	Tầm sét, Khoai xiêm, Bìm bìm xẻ ngón, Bìm tay	Ipomoea digitata L. Họ Khoai lang (Convolvulaceae)
Cúc hoa trắng	Bạch cúc hoa, Bạch cúc	Chrysanthemum morifoliim Ramat Họ Cúc (Asteraceae)
Cúc hoa vàng	Kim cúc, Hoàng cúc, Dã cúc, Cam cúc	Chrysanthenum Indicum L. Họ Cúc (Asteraceae)
Cù đèn	Cây cù đèn, Cù lần, Kê cốt hương	Croton oblongifolius Roxb. Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae)
Cúc tần	Nat luật (Lào), Pras anlok (Khơ me), Khoát bao cúc	Pluchea indica (L.) Less. Họ Cúc (Asteraceae)
Cứt lợn	Cây hoa cứt lợn, Cỏ hôi, Bù xích, Bạch hoa thảo	Ageratum conyzoides L. Họ Cúc (Asteraceae)
Củ sắn dây	Cát căn, Phấn cát căn, Cam cát căn, Sắn dây, Sắn cơm	Pueraria thomsonii Benth. Họ Đậu (Fabaceae)
Cửu không	Vỏ bào ngư, Thạch quyết minh, Ốc chín lỗ, Ốc khổng, Quan hải quyết, Cửu khổng loa	Halistis sp. (Haliotis diversicolor Reove, Haliotis gigantea Gmelin, H. Ovina Gmelin, H. Discus hannai Ino, H. Ruber Leach) Họ Bào ngư (Haliothidae)
D		
Da trâu	Ngưu bì	Corium Bubalis

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Dạ cẩm	Cây loét mồm, Cây ngón lợn, Dây ngón cúi, Chạ khẩu cắm, Đất lượt, Đứt lướt, Dã cẩm	Oldenlandia capitellata Kuntze. Họ Cà phê (Rubiaceae)
Dạ dày lợn	Trư vị	Gaster Sus - scrofae domesticae
Dạ minh sa	Thiên thử phẩn, Phân dơi, Biên bức phẩn	Excrementum Vespertilii (Faeces Vespertiliorum)
Dành dành	Chi tử, Sơn chi tử, Hồng chi tử, Thuỷ chi tử	Gardenia jasminoides Ellis (Gardenia florida L., Gardenia augusta (L.) Merr) Họ Cà phê (Rubiaceae).
Dâu	Dâu tằm, Tầm tang, Tang thụ	Morus alba L. (M.acidosa Griff) Họ Dâu tằm (Moraceae)
Dâu (lá)	Tang diệp	Folium Mori
Dâu (quả)	Tang thẩm	Fructus Mori
Dâu (cành)	Tang chi	Ramulus Mori
Dâu (rễ)	Tang bạch bì, Tang bì	Cortex Mori radicis
Dâm bụt	Râm bụt, Bụp, Bông bụp, Xuyên cận bì	Hibiscus rosa - sinensis L. Họ Bông (malvaceae)
Dâm dương hoắc	Tiên linh chi, Tam chi cửu diệp thảo	Herba Epimedii (Epimedium macramthum Morr et Decne, E. sagittatum (Sieb et Zucc) Maxim, E. sinense Sieb. ex Hance, E. brevicornu Maxim. Đều họ Hoàng liên gai (Berberidaceae)
Dây cổ bồng		Pthos yunnanenois Engl. Họ Ráy (Araceae)
Dây cóc kèn	Cóc kèn, Cóc kèn nước	Derris trifoliata Lour. Họ Đậu (Fabaceae)
Dây chìu	Dây chiều, U chặc chìu, U trặc chìu, Tích diệp đằng, Tứ giác leo, Chong co (thái)	Tetracera scandens (L.) Merr Họ Sổ (Dillaniaceae)
Dây duối leo	Duối dây	Trophis scandens (Lour.) Hook et Arn. (Malaixia Scandens (Lour.) Franch. Họ Dâu tằm (Moraceae).
Dây đuôi phượng	Dây sống rắn, Lântouyn, Loong - tơ - uyn, Ráy leo lá rách, Cây đuôi phượng	Raphidophora decursiva Schott. Họ Ráy (Araceae)

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Dây gân	Dây đau lưng, Dây cồng cộng, Đồng bìa dài cựa	Ventilago cristata Pierre. Họ Táo ta (Rhamnaceae)
Dây Gắm	Vương tôn, Dây sót, dây mấu, Đây gấm lót	Gnetum montanum Markgr (G. scandens Roxb.) Họ Gắm (Gnetaceae)
Dây Gùi	Gùi, Guổi	Willughbeia cochinchinensis Pierre ex Pit. Họ Trúc đào (Apocynaceae)
Dây huyết rồng	Kê huyết đằng	Spatholobus harmandii Gagnep. Họ Đậu (Fabaceae)
Dây máu gà	Kê huyết đằng	Milletia reticulata Benth. Họ Đậu (Fabaceae)
Dây móc hùm	Móc diều, Vuốt hùm	Caesalpinia decapetala (Roth) Alston (C. sepearia Roxb) Họ Đậu (Fabaceae)
Dây ông lão	Mộc thông	Clematis Smilacifolia Wall. Họ Hoàng liên (Ranunculaceae)
Dây rơm	Dây vàng trắng	Tetrastigma erubescens Planch Họ Nho (Vitaceae)
Dây đau xương	Khoan câu đằng, Tục cốt đằng	Tynospora sinensis (Lour.) Merr (T. tomentosa Miers.) Họ Tiết dê (Menispermaceae)
Dây thần thông	Dây ký nin, dây Cóc	Tynospora Crispa Miers. Họ Tiết dê (Menispermaceae)
Dây xen	Dây sen, Dây lồng đèn, Cỏ sen	Passiflora Cochinchinensis Spreng. Họ Lạc tiên (Passifloraceae).
Dế rũi	Dế chũi, Cầy cậy, Thổ cẩu, Lâu cô	Gryllotalpa unispinala, Sauss.
Dền gai	Rau dền gai	Amaranthus spinosus L. Họ Rau dền (Amaranthaceae)
Dền tía	Dền đỏ, Dền canh, Dền điều, Rau dền tía	Amaranthus tricolor L. Họ Rau dền (Amaranthaceae)
Diêm tiêu	Kali nitrat, Salpêtre, nitre	Kali nitrat (KNO_3)
Diếp cá	Giấp cá, Ngư tinh thảo, Cây lá giấp, Rau diếp cá, Rau giấp	Houhuynia cordata Thunb. Họ Lá giấp (Saururaceae)

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Dung	Cây dung, Chè dại, Chè lang, Duối gia, Chè dung, Dung đất, Du ta, Hàm ếch, Luột (Khơme), Kho mướt he (Lào)	Symplocos racemosa Roxb. Họ Dung (Symplocaceae)
Dưa hấu	Dưa đỏ, Tây qua, Hạ qua, Thuỷ qua, Hàn qua	Citrullus lanatus (Thunb.) matsum et Nakai (Citrullus vulgaris Schrad). Họ Bầu bí (Cucurbitaceae)
Dứa dại	Dứa gỗ, Dứa gai	Pandanus tectorius Park ex Z. (P. odoratissimus L.f.). Họ Dứa dại (Pandanaceae)
Dứa	Khóm, Thơm	Ananas comosus (L.) Merr. (Ananas sativa Lium, A. sativa L.) Họ Dứa (Bromeliaceae)
Dừa	Giã từ, Dừa lửa, Gia tử	Cocos Mucifera L. Họ Cau (Arecaeae).
Dừa cạn	Cây dừa cạn, Trường xuân, Hoa hải đường, Bông dừa, Dương giác	Catharanthus roseus (L) G. Don. (Vinca rosea L, Lochnera rosea Reich) Họ Trúc đào (Apocynaceae).
Dương huyết	Tiết dê, Máu dê	Hemo Capra falcomerii
Đ		
Đại	Cây hoa đại, Hoa sứ trắng, Bông sứ, Bông sứ trắng, Đại hoa trắng, Hoa săm pa (Lào), Miến chi tử.	Plumeria acutifolia Poir. (P. rubra L. Var acutiflia (Poir). Bail, P. Acuminata Roxb, P. obtusa Lour) Họ Trúc đào (A pocynaceae).
Đại bi	Từ bi, Từ bi xanh, Ngải nạp hương, Long não hương	Blumea balsamifera (L). D.C. Họ Cúc (Asteraceace).
Đại hồi	Đại hồi hương, Bát giác hồi hương, Hồi hương, Hồi	Illicium verum Hook.f. Họ Hồi (Iliciaceae).
Đại hoa đỏ	Bông sứ đỏ, Sứ tây, hoa Sứ đỏ, Hoa đại đỏ	Plumeria rubra L. Họ Trúc đào (Apocynaceae).
Đại phong tử	Chùm bao lớn, Krabao phlêthom (Khơ me).	Hydnocarpus anthelmintica Pierre ex Laness. Họ Chùm bao (Kiggelariaceae).
Đại phúc bì	Cùi quả cau già, Đại phúc mao	Pericarpium Arecae.
Đại táo	Táo đen, Táo đỏ, Táo tàu, Hồng táo, Đại táo, Ô táo	Ziziphus sativa Mill. Họ Táo (Rhamnaceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Đào	Táo đông, Đào rừng,	Prunus persica (L). Batsch. (P. persica Stokes) Họ Hoa hồng (Rosaceae).
Đào nhân	Nhân hạt đào	Semen Persicae
Đạm trúc diệp	Cỏ lá tre, Trúc diệp, Toái cốt tử	Lophatherum gracile Brongn. Họ Lúa (Poaceae).
Đan bì	Đơn bì, Mẫu đơn bì, Hoa vương, Phấn đơn bì, Phú quý hoa, Mộc thược dược, Thiên hương quốc sắc	Paeonia moutan Sims. (P.suffruticosa Andr., P.arborea Donn). Họ Mẫu đơn (Paeoniaceae).
Đan sâm	Huyết sâm, Xích sâm, Huyết căn, Hồng căn, Tử đan sâm, Bôn mã thảo.	Salvia multiorrhiza Bunge. Họ Hoa Môi (Labiatae).
Đảng sâm	Phòng đảng sâm, Lộ đảng sâm, Sâm leo, Đùi gà, Rầy cáy, Mần cáy, Lày cáy, Xí lâu cầu, Xuyên đảng sâm, Đông đảng sâm.	Campanumoea javanica Blume. (Codonopsis javanica (Blume) Hook. F.) Họ Hoa chuông (Campanulaceae
Đăng tiêu	Đăng tiêu hoa, Lãng tiêu hoa, Đăng tiêu hoa to (1), Đăng tiêu châu Mỹ (2)	Campsis grandiflora (Thumb) K. Schum. (1). Campris radicans (L), Seem. (2) Đều Họ Núc nác (Bignoniaceace).
Đậu ván trắng	Bạch biển đậu, Biển đậu, Bạch đậu, Đậu bạch biển, Bạch mai đậu, Nga mi đậu.	Lablab purpureus (L). Sweet subsp Purpureus. (Dolichos purpureus L., D. lablab L., D. albus Lour, Lablab vulgaris Sav. L.) Họ Đậu (Fabaceae)
Đậu xị	Đạm đậu xị, Đỗ đậu xị, Hắm đậu xị, Đậu thị, Đậu kỷ	Semen Sojfae praeparatum.
Đậu chiều	Đậu săng, Đậu cọc rào, Sandekday (Khơ me), Mộc đậu, Đậu hôm.	Cafjianus indicus Spreng. (Cajanus flavus D.C. C. Cajan (L). Millsp.) Họ Đậu (Fabaceae).
Đậu đen	Hắc đậu, Đậu tía	Vigna sinensis (L) Savi. (V.Cylindrica Skeel, Dolichos catjang Burn. F) Họ Đậu (Fabaceae).
Đậu đỏ	Xích tiểu đậu, Đậu đỏ nhỏ, Mao sài xích, Mễ xích, Hồng đậu.	Phaseolus angularis Wight. Họ Đậu (Fabaceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Đậu nọc	Đậu độc, Đậu rừng, Đậu mèo lớn.	Mucuna gigantea (Wild). D.C. Họ Đậu (Fabaceae).
Đậu tương	Đậu nành, Đại đậu, Hoàng đậu.	Glycine max (L) Merr. Họ Đậu (Fabaceae).
Đậu xanh	Lục đậu, Đậu chè, Đậu tằm.	Phaseolus ayreus Roxb. (P.radiatus L., Vigna aurea Roxb). Họ Đậu (Fabaceae).
Đìa sản (?)	Đì sản	Ilex glomerata
Địa cốt bì	Vỏ rễ cây, rau Khởi	Cortex lycii radicis (Lycium sinense Mill Họ Cà (Solanaceae)).
Địa du	Dã thăng ma, Ngọc trát	Sanguisorba officinalis L. Họ Hoa hồng (Rosaceae).
Địa liền	Tam nại, Sơn tam nại, Thiền liền, Thiềng liềng, Sa khương	Kaempferia galanga L. (K. rotunda Ridl.) Họ Gừng (Zingiberaceae).
Địa phu	Địa phu tử, Cây chổi	Kochia scoparia (L). Schrad. Họ Rau muối (Chenopodiaceae).
Địa long	Giun đất, Khâu dẫn, Châu dẫn, Con trùn, Trùm hổ.	Pheretima asiatica Mich. (Lumbricus terrestris) Họ Cự dẫn (Megascolecidae).
Đinh hương	Đinh tử ,Đinh tử hương, Kê tử hương, Kê thiệt hương	Eugenia caryophyllata Thumb. (Syzygium aromaticum (L). Merr et Perry). Họ Sim (Myrtaceae).
Đinh lăng	Đinh lăng lá nhỏ, Cây gỏi cá, Nam dương lâm	Polyscias fruticosa (L). Harunus. (Panax fruticosum L, Tieghemopanax fruticosus (L). R.Vig. Họ Ngũ gia bì (Araliaceae).
Đinh nam	Thảo long, Thuỷ ảnh thảo, Thạch điền mai, Châm đồng thảo, Rau mương, Rau lục, Rau mương thon	Jussiaea linifolia Vahl (Ludwigia hyssopifolia (G.Don) Exell.) Họ Rau dừa nước (Onagraceae).
Đình lịch	Thốp nốt	Hygrophila salicifolia (Vahl) Ness. (H. angustifolia R. Br) Họ Ô rô (Acanthaceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Đình lịch	Cải hoang, Cải cột xôi, Cải ma lùn	Rorippa indica (L) Hiern. (Nasturtum indicum (L) D.C.) Họ Cải (Brassicaceae).
Điều	Đào lộn hột, Macadơ, Giả như thụ, Swai chanti (Khơ me)	Anacardium occidentale (L). Họ Đào lộn hột (Anacardiaceae).
Đỗ trọng	Tư trọng, Ngọc tỳ bì	Eucommia ulmoides Oliv Họ Đỗ trọng (Eucommiaceae)
Đỗ trọng nam	Đỗ trọng dây	Parameria laevigata (Juss) moldenke (Parameria barbata (Bl) Schum, Parameria glandulifera Benth) Đều Họ Trúc đào (Apocynaceae).
Độc hoạt	Hương độc hoạt, Đương quy lông, Mao đương quy.	Angelica pubescens Maxim.f. biserrata Shan et Yuan Họ Hoa tán (Apiaceae).
Độc muối (?)		
Đọt lúa	Lúa	Oryza sativa L. Họ Lúa (Poaceae).
Đông qua nhương	Ruột quả bí xanh	
Đồng tiện	Nước tiểu, Nhân niệu	Urina Hominis
Đông quỳ	Đông quỳ tử	Malva verticillata L. Họ Bông (Malvaceae)
Đơn kim	Đơn buốt, Rau bộ binh, Qủy châm thảo, Đơn Cúc áo, Manh tràng thảo	Bidens pilosa L Họ Cúc (Asteraceae).
Đơn mặt quỷ	Đơn mặt trời, Đơn lá đỏ, Đơn tía, Hồng bối quế hoa, Đơn độc, Liễu đỏ, Bách thiện liệu	Excoecaria cochinchinensis Lour. (E. bicolor Hass, E. orientalis Pax et Hoffin) Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae).
Đơn lút (?)		
Đơn trà	Đơn chè, Đơn lá nhỏ	Maesa parvifolia A.D.C. Họ Đơn nem, (Myrsinaceae).
Đơn tướng quân	Trâm chụm ba, Cây rau chiếc	Syzygium formosum (Wall.) matsam. Var. temifolium (Roxb). merr et Perry. (Eugenia temifolia Roxb.) Họ Sim (Myrtaceace).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Đơn xạ	Dơn gối hạc, Gối hạc, Củ rối, Cây mũm	Leea rubra Blume Họ Gối hạc (Leeaceae)
Đởm tinh	Đởm nam tinh (Củ nam tinh tẩm mật bò)	Radix Arisaemae Erubescentio praeparatus Fel Bovis.
Đu đủ	Phan qua thụ, Mắc hung (Lào), Lô hong phle (Khơ me), Cà lào, Phiên mộc	Carica papaya L. Họ Đu đủ (Papayaceae).
Đu đủ rừng	Thầu dầu núi, Thông thảo gai, Cây thôi hoang, Thông thoát, Thông thảo, Tùng cum	Trevesia palmata (Roxb) Vis. [Tetrapanax papyriferus (Hock) K. Koch]. Họ Ngũ gia bì (Araliaceae).
Đùm đũm	Đũm hương, Ngấy hương, Đùm đũm trắng, Ngũ gia bì dây, Ngấy, Ngấy chĩa lá	Rubus cochinchinensis Tratt. Họ Hoa hồng (Rosaceae)
Đùm đũm tía	Mâm xôi	Rubus alceaefolius Poir. (R. moluccanus L.) Họ Hoa hồng (Rosaceae)
Đùng đình	Đùng đình, Đùng đình cánh dính	Caryota mitis Lour (C. sympetala gapnep). Họ Cau (Arecaceae).
Đuôi con sam (đực)	Mậu dư ngữ vĩ	Telson Tachypleus tridentatus
Đương qui	Tần quy, Tây quy, Vân quy, Xuyên quy	Angelica sinensis (Oliv) Diels. Họ Hoa tán (Apiaceae).
G		
Gai	Cây gai, Trữ ma, Gai tuyết, Gai làm bánh	Boehmeria nivea (L) Gaudich Họ Gai (Urticaeae).
Gai dầu	Gai mèo, Lanh mèo, Hoả ma nhân, Lạnh mán, Ko phai meo (Thái), Khanh chha (Khơ me), Ma nhân.	Cannabis sativa L. subsp sativa Họ Gai dầu (Cannabaceae)
Gạch non	Xích thạch chi	
Gạc sấm		Scleropyrum wallichianum (Wight. Et Arn.) Arn. Họ Đàn hương (Santalaceae)
Gáo vàng	Nam hoàng cầm	Nauclea orientalis (L.) L. (Sarcocephalus coadunata (Roxb ex sm.) Druce) Họ Cà phê (Rubiaceae)

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Gấc	Mộc miết, Mộc miết đằng	Momordica cochinchinensis (Lour.) Spreng Họ Bầu bí (Cucurbitaceae).
Gan lợn	Trư can.	Hepar Sus - scrofa domesticae
Gan con dái cá	Thuỷ thát can	Hepar Lutra lutrae.
Găng	Găng trắng, Găng bọt, Găng nhung, Lovieng (Khơ me)	Randia tomentosa (Blum.ex. D.C). Hook f. (Catunaregam tomentosa (Blum ex D.C) Tiwing, Randia dasycarpa (Kurz) Bakh. F. R. Tomentosa Blume, Gardenia tomentosa Wall) Họ Cà phê (Rubiaceae).
Giác đế	Giác tía, Thăng ma núi	Goniothalamus gabriacianus (Baill). Ast. Họ Na (Annonaceae).
Giả lão bơ (?)		
Gấm thanh	Mễ thố	Solutio acidi aceticum
Giấp cá	Cây lá giấp, Cây diếp cá, Diếp cá, Rau diếp cá, Rau giấp, Rau diếp tanh, Râu trầu (H'mông), Chờ hờ mía (Dao), Co vầy mèo (Thái), Ngư tinh thảo (Hoa)	Houttuynia cordata Thunb Họ Lá giấp (Saururaceae)
Gối hạc	Đơn gối hạc, Củ rối, Cây mũn, Kim lê, Bí đại, Mạy chia (Thổ), Đơn xạ	Leea rubra Blume. Họ Gối Hạc (Leeceae).
Gừa	Cây đa, Đa tía, Đa tròn, Đa lông, Đa búp đỏ, Dung thụ, Tân di thụ, Đa quả nhỏ.	Ficus elastica Roxb. (Ficus altissima Blume, Ficus microcarfia L., Ficus religiosa L., Ficus macrophylla, Ficus benghalensis L., Ficus microcarpa L.F). Họ Dâu tằm (Moraceae).
Gừng	Khương, Sinh khương, Can khương.	Zingiber officinale (Willd). Roscoe. Họ Gừng (Zingiberaceae).
H		
Hà thủ ô đỏ	Dạ giao đằng, Giao đằng, Dạ hợp, Thủ ô, Địa tinh, Khua lình (Thái), Mặn đăng tua lình (Lào), Mằn năng ón (Thổ), Hợp hoan đằng	Polygonum multiflorum Thumb. Họ Rau răm (Polygonaceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Hà thủ ô trắng	Hà thủ ô nam, Bạch hà, Thủ ô, Dây sữa bò, Củ vú bò, Dây mốc, Khâu cẩn cà (Thổ), Mã liên an, Mã lìn ón, Chừa ma sìn (Thái), Khua khao (Lào).	Streptocaulon Juventas (Lour.) Merr (Apocynum juventas Lour., Tylophara juventas Woodf.). Họ Thiên lý (Asclepiadaceae).
Hạ Khô thảo		Prunella vulgaris L. (Brunella vulgaris L.) Họ Hoa môi (Lamiaceae).
Hành lá	Thông bạch, Hành hoa, Hành hương, Hành tăm, Hom búa (Thái), Thái bá, Lộc thai, Hoa sư thảo, Khtim (Khơ me), Tứ qúy thông.	Allium fistulosum L. Họ Hành (Alliaceae).
Hành củ	Hành ta, Đại thông bạch, Củ nén, Tiểu toán, Thông căn	Allium ascalonicum L. Họ Hành (Alliaceae).
Hàm ếch	Mang ếch, Trầu nước, Nam khương hoạt, Tam bạch thảo	Saururus chinensis (Lour) Baill. (S.sinensis Baill, S. loureiri Decne.) Họ Lá giấp (Saururaceae).
Hạnh nhân	Khổ hạnh nhân, Nhân hạt mơ, Hạnh tử	Semen armeniacae (Prunus armeniaca L., Armeniaca vul-garis LamK.). Họ Hoa hồng (Rosaceae).
Hải mã	Cá ngựa, Hải long, Thuỷ mã.	Hippocampus sp. Họ Hải long (Syngnathidae.
Hải sâm	Đỉa biển, Đĩa bể, Sâm biển, Con đồm độp, Hải sâm tử.	Stichopus japonicus Selenka. (Holothuria, Actinopyga agassizi ...)
Hắc phàn	Phèn đen, Lục phàn, Tạo phàn, Thuỷ lục phàn, Thanh phàn	Melanterium.
Hạt bí ngô	Hạt bí đỏ, Hạt bí rợ, Nam qua tử	Semen Cucurbitae.
Hạt bìm bìm	Khiên ngưu tử, Hắc sửu tử, Bạch sửu tử	Semen Pharbitidis.
Hạt gấc	Mộc miết tử	Semen Momordicae.
Hạt keo	Hạt keo giậu, Hạt bồ kết dại, Hạt keo giun, Hạt nam táo nhân, Hạt muồng	Semen Leucaenae glaucae
Hạt máu chó		Semen knemae (Knema globularia (Lam.) Warb Họ Máu chó (Myristicaceae)).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Hậu phác	Bắc hậu phác, Ao diệp hậu phác.	- Magnolia officinalis Rehd et Wils. - Magnolia officinalis var. biloba Rehd et Wils. Đều Họ Mộc lan (Magnoliaceae).
Hậu phác nam	Quế rừng	Cinamomum iners Reinw. ex Blume. Họ long não (Lairaceae).
Hẹ	Cửu thái, Nén tàu, Dã cửu, Phác cát ngàn, Khởi dương thảo.	Allium tuberosum Rotller ex Speng. (Allium odorum L.) Họ Hành (Alliaceae).
Hoa đu đủ đực	Bông đu đủ đực, Phiên mộc hoa	Flos masculus Papayae.
Hoa hoè	Cây hoa hoè	Sophora japonica L. Họ Đậu (Fabaceae).
Hoa hồng bạch	Bông hồng trắng, Hoa hường trắng, Bông hường trắng, Nguyệt quý hoa	Rosa chinensis Jacq Họ Hoa hồng (Rosaceae).
Hoa huệ	Huệ, Bông huệ	Polianthes tuberosa L. Họ Dứa mỹ (Agavaceae).
Hoa giẻ thơm	Cây cỏ giẻ, Cây hoa dẻ, Cây vỏ thẻ, Cây dây đất, Giẻ, Nối cối, Chập chại.	Desmos cochinchinensis Lour. (D. chinensis Lour., Unona desmos Dunn). Họ Na (Annocaceae).
Hoa mào gà đỏ	Kê quan hoa, Bông mồng gà đỏ, Kê quan, Bông mồng gà, Mào gà	Celosia cristata L. (C. argentea var. cristata (L) O. Kuntze). Họ Rau dền (Amaranthaceae).
Hoa mào gà trắng	Bông mồng gà trắng, Mào gà trắng, Mào gà đuôi nheo, Đuôi lươn, Dã kê quan, Thanh tương hoa	Celosia argentea L. (C.linearis Sw.) Họ Rau dền (Amaranthaceae).
Hoa tiêu	Sẻn, Hạt sẻn, Xuyên tiêu, Thục tiêu, Mạt vài, Sẻn gai, Sẻn hồi, Sẻn lá to, Sưng, Hoàng lực ba tiêu, Dã hoa tiêu, Lưỡng diện châm, Lưỡng phù chắm, Hoa tiêu thích, Cây trảng,cây trưng	Zanthoxylum sp. Họ Cam (Rutaceae).
Hoài sơn	Sơn dược, Củ mài, Khoai mài, Chính hoài, Thự dự	Dioscorea persimilis Prain et Burkill. Họ Củ nâu (Dioscoreaceae).
Hoàng bá	Huỳnh bá, Hoàng nghiệt, Nguyên bá	Phellodendron amurense Rupr. Họ Cam (Rutaceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Hoàng cầm	Huỳnh cầm, Nguyên cầm, Điều cầm	Scutellaria bacalensis Georgi. (S.macrantha Fisch.). Họ Hoa môi (Lamiaceae).
Hoàng đằng	Huỳnh đằng, Nam hoàng liên, Thích hoàng liên, Hoàng liên đằng, Cây vàng giang	Fibraurea tinctoria Lour. (F. recisa Pierre.) Họ Tiết dê (Menispermaceae).
Hoàng kỳ	Huỳnh kỳ, Hoàng kỳ bắc, Mạc giáp hoàng kỳ	Astragalus membranaceus (Fisch) Bunge. Họ Đậu (Fabaceae).
Hoàng liên	Huỳnh liên, Hoàng liên, Chân gà, Gia hoàng liên, Kê trảo hoàng liên.	Coptis teeta Wal.(Coptis teetoides C. Y. Cheng, Coptis sinensis Franch.) Họ Hoàng liên (Ranunculaceae).
Hoàng nàn	Vỏ dãn, Vỏ doãn, Mã tiền lá quế.	Strychnos Wallichiana Steud ex D. C. (S. gauthierana Pierre ex Dop, S. malacensis Clarke). Họ Mã tiền (Loganiaceae).
Hoàng tinh	Củ cây cơm nếp, Woòng sính, Kim thị hoàng tinh, Cứu hoàng tinh, Hoàng tinh hoa đỏ, Hoàng tinh lá mọc vòng	Polygonatum kingianum Coll et Hemsl Họ Hoàng tinh (Convallariaceae).
Hoàng thổ	Đất sét vàng	
Hoạt thạch	Nguyên hoạt thạch, Ngạnh hoạt thạch, Hoạt thạch phấn.	Talcum.
Hoắc hương	Quảng hoắc hương, Thổ hoắc hương	Pogostemon cablin (Blanco) Benth Họ Hoa môi (Lamiraceae).
Hô đồng bì (?)		
Hồ đào	Cây óc chó, Hạnh đào, Hoàng đào, Cát tuế tử, Phan la tứ.	Juglans regia L. Họ Hồ đào (Juglandaceae).
Hồ hoàng liên	Hồ liên	Picrorrhiza scrophulariaeflora Pennell. Họ Hoa mõm sói (Scrophulariaceae).
Hồ tiêu	Tiêu, Hồ tiêu đen	Piper nigrum L. Họ Hồ tiêu (Piperaceae)
Hồi đầu	Cỏ vùi đầu, Hồi đầu thảo, Vùi đầu thảo, Vùi sâu	Tacca plantaginea (Hance) Drenth. (Schizocapsa plantaginea Hance). Họ Râu hùm (Taccaceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Hổ phách	Hồng tùng chi, Huyết phách, Minh phách, Huyết hổ phách, Hắc hổ phách	Succinum. (Fossil resin) (Do nhựa các cây thông = Pinus Sp, họ thông (Pinaceae) vùi lâu ngày ở dưới đất, dưới biển hoá thạch).
Hồng bì	Hoàng bì, Quất hồng bì, Nhâm	Clausena lansium (Lour.) Skeels. Họ Cam (Rutaceae).
Hồng đơn	Duyên đơn, Hoàng đơn, Duyên hoàng, Đơn phấn, Tùng đơn, Châu phấn, Châu đơn.	Minium
Hồng hoa	Cây hồng hoa, Cây rum, Hồng lam hoa	Carthamus tinctorius L. Họ Cúc (Asteraceae).
Hồng thự	Khoai lang, Cam thự, Cam chư, Phan chư.	Ipomoea batatas (L.) Lam. Họ Khoai lang (Convolvulaceae).
Hùng hoàng, thư hoàng	Hoàng kim thạch, thạch hoàng, kê quan thạch, Hùng tinh.	Arsenicum sulfuratum. (Realgar, Orpiment).
Hương nhu	Hương nhu tía (É tía), Hương nhu trắng (É lá lớn)	Ocimum sanctum L. (É tía) (Ocimum gratissimum L. (É lá lớn) Đều Họ Hoa môi (Lamiaceae).
Hương phụ	Cỏ gấu, Cỏ cú, Củ gấu, Sa thảo	Cyperus rotundus L. Họ Cói (Cyperaceae).
Huyền hồ	Huyền hồ sách, Duyên hồ sách, Diên hồ sách, Nguyên hồ, Diên hồ	Corydalis ambigua Ch et Sche. (C. bulbosa D. C). Họ Cải cần (Fumariaceae).
Huyền sâm	Hắc sâm, Nguyên sâm, Ô nguyên sâm	Scrophularia ningpoensis Hemsl Họ Hoa mõm sói (Scrophulariaceae).
Huyết dụ	Phất dụ, Thiết dụ, Long huyết	Cordylin terminalis Kunth.var. ferrea Bak. (Dracaena terminalis Jacq., Cordylin fruticosa (L.) Cheval.). Họ Huyết dụ (Asteliaceae).
Huyết giác	Trầm dứa, Cây xó nhà, Cây dứa dại, Cây giáng ông.	Dracaena loureiri Gagnep. (D. cambodiana Pierre ex Gagnep., Pleomele Cochinchinensis Merr.). Họ Bồng bồng (Dracaenaceae).
Huyết kiệt	Kỳ lân kiệt, Kỳ lân huyết đằng, Máu rồng	Calamus draco Wildenow. (Daemonorops draco N red., C. propinqnus Becc.) Họ Dừa (Palmaceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Hu đay	Mạy hu, Hu lá hẹp.	Trema angustifolia (Planch.) Blume. Họ Du (Ulmaceae).
Húng chanh	Rau tần dày lá, Rau thơm hông, Rau tần, Dương tử tô	Plectranthus amboinicus (Lour.) Sperng. (Coleus aromaticus Benth, Coleus amboinucus Lour., C. crassifolius Benth.). Họ Hoa môi (Lamiaceae).
Húng giổi	Húng quế, É trắng, Rau é, Hương thái, Phake y tou (Lào)	Ocimum basilicum L. Họ Hoa môi (Lamiaceae).
Hương tiêu diệp	Lá chuối tiêu	Folium musae
Hướng dương		Helianthus annuus L. Họ Cúc (Asteraceae).
Hy thiêm	Cỏ đĩ, Cỏ mật, Hy tiên, Hy thiêm thảo, Hy kiểm thảo, Niêm hồ thái, Chó đẻ hoa vàng, Nụ áo rìa.	Siegesbeckia orientalis L. (S. glutinosa Wall., Minyranthes heterophylla Turcz.). Họ Cúc (Asteraceae).
I		
Ích mẫu	Sung uý, Chói đèn, Ích minh, Ích mẫu thảo, Sung uý thảo	Leonurus heterophyllus Sweet. Họ Hoa môi (Lamiaceae).
Ích mẫu (hạt)	Hạt ích mẫu, Sung uý tử, Tiểu hồ ma, Tam giác hồ ma	Fructus Leonuri.
Ích trí nhân	Ích trí, Ích trí tử, Quả ré, Quả lài	Alpinia oxyphylla Miq. Họ Gừng (Zingiberaceae).
K		
Keo giậu	Keo giun, Bình linh, Bồ kết dại, Muồng, Cây táo nhơn, Cây bọ chét	Leucaena glauca Benth. (L. Leucocephala (Lam.) De Wit.). Họ Trinh nữ (Mimosacease).
Ké hoa đào	Ké hoa đỏ, Địa đào hoa, Phan thiên hoa, Tiêu phan thiên hoa, Dã miên hoa, Niêm du tử, Nha khác mòn (Thái), Bái lương, Bái cúc.	Urena lobata L. (U. monopetala Lour.U.sinnata L., U. scabruiscula D.C.). Họ Bông (Malvaceae).
Ké hoa vàng	Ké đồng tiền, Chổi đực, Bạch bối hoàng hoa nhậm, Khát bo lương (Thái)	Sidarhombifolia L. (Sida alnifolia Lour.) Họ Bông (Malvaceae)
Ké đầu ngựa	Thương nhĩ, Phắt ma (Thổ), Cây ké, Thương nhĩ thảo, Thương nhĩ tử, Ké quả.	Xanthium strumarium L. (X.inaequilaterum D. C). Họ Cúc (Asteraceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Kê đản bạch	Lòng trắng trứng gà	
Kê huyết đằng	Huyết đằng, Đại huyết đằng, Hoạt huyết đằng, Dây máu người, Dây máu, Hồng đằng.	Sargentodoxa Cuneata (Oliv). Rehd. et Wils. (Holboellia cuneata Oliv). Họ Huyết đằng (Sargentodoxceae).
Kê tử	Trứng gà, Kê đản	Gallux domesticus
Khế	Khế ta, Khế cơm, Khế giang, Khế chua, Dương đào, Ngũ lãng, Ngũ liễm	Averrhoa carambola L. Họ Chua me đất (Oxalidaceae).
Khiếm thực (Bắc)	Khiếm, Kê đầu	Euryale ferox Salisb Họ Súng (Nymphaeaceae).
Khiếm thực (Nam)	Củ súng, Thuỳ liên	Nymphaea stellata Wild Họ Súng (Nymphaeaceae)
Khinh phấn	Cam phấn, Hồng phấn, Thuỷ ngân phấn	Hydragyri monochloridum (Calomelas).
Khoai môn	Khoai sọ	Colocasia antiquorum Schott. (C.esculenta Schott. Var. antiquorum (Schott.) Hubb.). Họ Ráy (Araceae).
Khoai nước	Môn nước, Dã vu	Colocasia esculenta (L.) Scholtt. Họ Ráy (Araceae).
Khoản đông hoa	Đông hoa, Khoản đông	Tussilago farfara L. Họ Cúc (Asteraceae).
Khổ luyện tử	Cây sầu đâu rừng, Cây sầu đâu cứt chuột, Nha đảm tử, Hạt khổ sâm, San đực, Cứt cò, Bạt bỉnh, Xoan đâu rừng, Chù mến.	Brucea javanica (L.) Merr. (B. sumatrana Roxb.) Họ Thanh thất (Simarubaceae).
Khổ qua	Mướp đắng, Lương qua, Cẩm lệ chi, Lại bồ đào, Hồng cô nương, Mướp mủ, Chua hao (Mường)	Momordica charantia L. (M. balsamina Desc., Cucumis africanus Lindl.). Họ Bầu bí (Cucurbitaceae).
Khổ sâm (Rễ)	Dã hoè, Khổ cốt	Sophora flavescens Ait. (S. angustifolia Sieb et Zucc). Họ Đậu (Fabaceae).
Khổ sâm (lá)	Khổ sâm Bắc bộ, Khổ sâm lá.	Croton Tonkinensis Gagnep. Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae).
Khương hoạt	Cương hoạt, Xuyên khương, Tây khương, Trúc tiết khương	Notopterygium incisium Ting Mss. Họ Hoa tán (Apiaceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Kim anh	Thích lê, Đường quân	Rosa laevigata Michx. Họ Hoa hồng (Rosaceae).
Kim ngân	Dây nhẫn đông, Dây mối, Kim ngân đằng, Nhẫn đông đằng	Lonicera japonica Thumb. Họ Kim ngân (Caprifoliaceae).
Kim tiền thảo	Vẩy rồng, Đồng tiền lông, Cây mắt trâu	Desmodium styracifolium (Osb.) Merr. Họ Đậu (Fabaceae).
Kim vàng	Kim đàng, Trâm vàng, Gai kim vàng, Gai kim bồng	Barlerria lupulina Limdl Họ Ô rô (Acanthaceae)
Kinh giới	Khương giới, Bạch tô, Giả tô	Schizonepeta tenuifolia Briq. (Elsholtzia ciliata (Thumb.) Hyland., E. Cristata Willd.) Họ Hoa môi (lamiaceae).
Khương lang	Con Bọ Hung.	Alissonotum pruper.
Ký sinh	Chùm gửi, Chùm gởi, Tầm gửi, Cây Cui	Helixanthera parasitica Lour. (Loranthus estipitatus Stapf.) Họ Tầm gửi (Loranthaceae).
L		
La bặc tử	La bạc tử, Hạt rau lú bú, Hạt cải củ, Lai phục tử	Semen Raphani (Raphanus sativus L., Họ Cải = Brassicaceae)
Lá cây bỏng lửa	Lá cây đòn kẻ trộm, Dây gân.	Gouania leptoschya D. C. Họ Táo ta (Rhamnaceae).
Lá cà độc dược	Lá mạn đà la, Lá cà dược	Folium Daturae.
Lá cúc (?)		
Lá cỏ bồng	Cỏ bình, Cỏ tai hùm, Ngải dại.	Conyza canadensis (L) Cronq. (Erigeron canadensis L.) Họ Cúc (Asteraceae).
Lá dong	Cây lùn, Toong chinh (Thái).	Phrynium Parviflorum Roxb. (P. capitatum Willd.). Họ Dong (Marantaceae).
Lá duối	Ruối, Duối nhám, Snai (Khơ me) Sompo, Ta ko (Lào), Hoàng oanh thụ. Hoàng oanh diệp	Streblus asper Lour. Họ Dâu tằm (Moraceae).
Lá đòn gánh	Dây đòn kẻ cắp	Gouania javanica Miq. Họ Táo ta (Rhamnaceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Lá đuôi chồn		Uraria sp. (U. lagopodioides (L) Desv ex D.C.,U. Cochinchinensis Schindeler, U. crinita (L.) Desv ex DC ...) Đều thuộc Họ Đậu (Fabaceae).
Lá đuôi chồn	Ráng trắc, Thiết tuyến thảo, Thạch trường sinh, Tóc thần.	Adiantum capillus-Veneris L. (A. capillus-SW., A-emarginatum Bory). Họ Dương xỉ (Polypodiaceae).
Lá gõ (?)		
Lá khôi	Lá độc lực, Lá đơn tướng quân	Folium Ardisiae (Ardisia sylvestris Pitard) Họ Đơm nem (Myrsinaceae).
Lá lách động vật	Tuỵ, Tỳ	Lien sp.
Lá lõi tiền	Phấn cơ đốc	Stephania longa Lour. Họ Tiết dê (Menispermaceae).
Lá lốt	Tất bát, Ana khùa táo (Thượng tây nguyên)	Piper lolot C. DC. Họ Hồ tiêu (Piperaceae).
Lá na ta	Lá mãng cầu ta, Na dai, Mãng cầu dai, Mãng cầu, Na	Annona squamosa L. Họ Na (Annonaceae).
Lá móng tay	Lá móng, Lựu mọi, Thuốc mọi lá lựu, Móng tay nhuộm, Chỉ giáp hoa, Tán mạt hoa, Khoa thiên (Lào)	Lawsonia inermis L. Họ Tử vi (Lythraceae)
Lá mỏ quạ	Hoàng lồ, Vàng lồ, Xuyên phá thạch	Cudrania tricuspidata (Carr.) Bur. [C. cochinchinensis (Lour) Corner, C. javanensis Trecul, Maclura Cochinchinensis (Lour) Corner.]. Họ Dâu tằm (Moraceae).
Lá mua lùn	Mua nước, Địa niệm, Mua thấp, Mua ông, Cây ala.	Melastoma dodecandrum Lour. (M. repens Desr.) Họ Mua (Melastomaceae).
Lá mua bà	Lá mua mái, Lá mua đỏ.	Melastona sanguineum Sims Họ Mua (Melastimaceae).
Lá mơ tam thể	Lá dây mơ lông, Rau mơ, Lá ngưu bì đống, Lá thối địt, Dây mơ tròn	Paederia tomentosa L. Họ Cà phê (Rubiaceae).
Lá sau sau	Cây sau sau, Sau trắng, Cây cổ yếm, Cây lau thau, Phong hương thụ, Cây thau thau, Cây bẩu chặm.	Liquidambar formosana Hance. Họ Sau sau (Altingiaceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Lá sen	Liên diệp, Hà diệp	Folium nelumbo nuciferae.
Lá sống đời	Thuốc bỏng, Diệp sinh căn, Cây sống đời, Lạc địa sinh căn, Đả bất tử, Sái bất tử.	Kalanchoe pinnata (Lam.) Pers. (Bryophyllum calycinum Salisb., Cotyledon pinnata (Lam.)). Họ Thuốc bỏng (Crassulaceae).
Lá táo	Táo diệp	Folium zizyphi Jujubae.
Lá thượng bẩy (?)		
Lá trúc đào	Cây trúc đào, Đào lê, Giáp trúc đào.	Nerium oleander L. (N. Laurifolium Lamk.) Họ Trúc đào (Apocynaceae).
Lá vông	Cây vông nem, Hải đồng bì, Thích đồng bì.	Erythrina orientalis (L.) Murr. [E.indica Lamk, E. variegata L. Var. orientalis (L.) Merr.]. Họ Đậu (Fabaceae).
Lạc	Đậu lạc, Đậu phụng, Đậu phọng, Lạc hoa sinh	Arachis hypogaea L. Họ Đậu (Fabaceae).
Lạc tiên	Cây nhãn lồng, Dây nhãn lồng, Dây chùm bao, Hồng tiên, Mắc mát, Long châu quả.	Passiflora foetida L. Họ Lạc tiên (Passifloraceae).
Lến	Cây củ nến, Cây nến, Cây củ mát rừng, Bạch chỉ nam.	Millettia pulchra Kurz. Họ Đậu (Fabaceae).
Liên kiều	Thanh kiều, Lão kiều, Trúc can, Hoàng thọ đan, Hạn liên tử	Forsythia suspensa (Thumb.) Vahl. Họ Nhài (Oleaceae).
Linh chi	Nấm lim	Ganoderma lucidum (Leyss ex Fr.) Karst. Họ Nấm lim (Gan ermataceae).
Linh dương giác	Sừng dê	Cornu Caprae.
Long cốt	Phấn long cốt, Hoa long cốt, Thổ long cốt	Os Draconis (Fossilia Ossis Mastodi), Os Draconis coloratus. Os Draconis nativus.
Long đởm	- Long đởm thảo. - Cây Đinh (Đà lạt) - Long đởm cứng (Tây Nguyên)	- Gentiana scabra Bunge. - Gentiana lourerii (D. Don) Griseb. - Gentiana rigescens Franch ex Hemsl. Đều Họ Long đởm (Gentianaceae).
Long nha thảo	Tiên hạc thảo	Agrimonia nepalensis D.Don. (A.eupatoria auct. non L.) Họ Hoa hồng (Rosaceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Long não	Dã hương, Rã hương, Chương não, May khao khinh (Lào)	Cinnamomum camphora L. Presl. (Laurus camphora L.). Họ Long não (Lauraceae).
Long nhãn	Lệ chi nô, Á lệ chi	Euphoria longana Lamk. (E. longana (Lour.) Steud, Dimocarpus longana Lour., Nephelium longana Lamk.) Họ Bồ hòn (Sapindaceae).
Lô hội	Nô hội, Lưu hội, Nha đam, Tượng đảm, Lưỡi hổ, Long tu, Hổ thiệt	Aloe vera L.var. chinensis (Haw) Berger. (A.ferox Miller). Họ Lô hội (Asphodelaceae).
Lô cam thạch	Lổ cam thạch, Cam thạch, Đá kẽm	Calamina (Smithsonitum).
Lô căn	- Rễ cây lau - Cây sậy	- Saccharum arundinaceum Retz. - Phragmites communis (L) Trin. Họ Lúa (Poaceae).
Lộc giác	Sừng hươu nai, Gạc hươu nai.	Cornu Cervi.
Lộc giác giao	Cao ban long, Cao gạc hươu nai	Colla cornus Cervi.
Lộc giác sương	Bã gạc còn lại sau khi nấu cao	Cornu Cervi degelatinatum.
Lộc nhung, nai	Nhung hươu, Nhung mê	Cornu Cervi parvum.
Lộc vừng	Cây chiếc	Barringtonia acutangula (L.) Gaertn. Họ Lộc vừng (Lecythidaceae).
Lúa	Cây lúa	Oryza sativa L. Họ Lúa (Poaceae).
Lúa nếp	Gạo nếp, Đạo mễ, Nhu mễ, Dư mễ	Oryza sativa (L.) var.glutinosa Tanaka Họ Lúa (Poaceae)
Lúa tẻ	Gạo tẻ, Cánh mễ, Cương mễ.	Oryza sativa (L.) var.utilissima A. Canus. Họ Lúa (Poaceae).
Lúa mạch	Mạch nha, Đại mạch	Hordeum vulgare L. Họ Lúa (Poaceae).
Lưu hoàng	Lưu huỳnh, Diêm sinh	Sulfur.
Lựu	Thạch lựu, Thìu lựu	Punica granatum L. Họ Lựu (Punicaceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
M		
Ma hoàng	Thảo ma hoàng, Sơn ma hoàng, Mộc ma hoàng, Mộc tặc ma hoàng, Xuyên ma hoàng, Trung ma hoàng	Ephedra sinica Stapf. (E.equisetina Bunge, E. intermedia Schrenk et Mey.). Họ Ma hoàng (Ephedraceae)
Ma nhân	Hoả ma nhân, Đại ma nhân.	Cannabis sativa L. Họ Dâu tằm (Moraceae).
Mã anh đan	Cây tứ quý, Cây hoa tứ thời, Cây bông ổi, Cây hoa hôi, Cây hoa tai, Cây trâm hôi, Cây ngũ sắc.	Lantana camara Linn. Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae).
Mã đâu linh	Cây khổ rách	Aristolochia kwangsiensis Chun et How. Họ Nam mộc hương (Aristolochiaceae).
Mã đề	Bông má đề, Bông mã đề, Xa tiền, Xa tiền thảo	Plantago Major L. Họ Mã đề (Plantaginaceae).
Mã nha tiêu (?)		
Mã tiền	Củ chi, Sleng thom (Khơ me) Kok toung (Lào), Mắc sèn sứ (Thổ), Co bên leho (Thái)	Strychnos nux - Vomica L. Họ Mã tiền (Loganiaceae).
Mã tiền thảo	Cỏ roi ngựa, Mã chiên	Verbena officinalis L. Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae).
Mạch môn	Mạch môn đông, Mạch đông, Lan tiên, Duyên giới thảo.	Ophiopogon japonicus (L.P) Ker Gawl (O.japonicus Wall.). Họ Hoàng tinh (Convallariaceae).
Mai ba ba	Miết giáp, Thuỷ ngư xác, Giáp ngư, Mai cua đinh, Miết xác, Mai con ba ba	Carapax Amydae. (Amyda sinensis Stejneger, Trionyx sinensis Wiegmann) Họ Ba ba (Trionychidae).
Mai hoa băng phiến	Băng phiến, Mai hoa não, Long não hương, Mai phiến, Ngải nạp hương, Ngải phiến từ bi, Đại bi, Đại ngải, Từ bi xanh.	Blumea balsamifera (L.) DC. (Conyza balsamifera L., Baccharis salvia Lour). Họ Cúc (Asteraceae).
Mai mực	Mai cá mực, Ô tặc cốt, Hải phiêu tiêu, Nang cá mực	Os Sepiae. (Sepia escutenta Hoyle. Họ Cá mực (Sepiidae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Màn kinh	Mạn kinh, Mạn kinh tử, Kinh tử, Màn kinh tử, Vạn kim tử, Thuốc kinh, Thuốc ôn, Đẹn ba lá, Quan âm	Vitex trifolia L. Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)
Màn ri tía	Màn ri tím, Màn màn tím	Cleome Chelidonii L.f. (Polanisia chelidonii (L.f.) A.D.C.). Họ Màn màn (Capparaceae).
Màn ri trắng	Màn màn, Màn màn hoa trắng.	Cleome gynandra L. (Gynandropsis gynandra (L.) Merr.). Họ Màn màn (Capparaceae).
Màng mề gà	Kê nội kim, Kê hoàng bì, Kê chuẩn bì.	Corium stomachichum Galli.
Mảnh cộng	Cây bìm bịp, Cây xương khỉ	Clinacanthus nutans (Burm .f.) Lindau Họ Ô rô (Acanthaceae).
Măng cụt	Sơn trúc tử	Garcinia mangostana L. Họ Bứa (Cluciaceae).
Mắt gà	Đậu ba lá sọc	Kummerowia striata (Thunb.) Schindl. Họ Đậu (Fabaceae).
Mận rừng	Táo rừng, Vàng trầm, Bút mèo	Rhamnus crenatus Sieb et Zucc var. cambodianus Tard. Họ Táo ta (Rhamnaceae).
Mật động vật	Đởm	Fel
Mật bò	Hoàng ngưu đởm.	Fel bovis.
Mật gấu	Hùng đởm	Fel ursi
Mật lợn	Trư đởm, Mật heo	Fel suillum.
Mật rắn	Xà đởm	Fel serpentis.
Mật mông hoa	Mông hoa, Lão mông hoa, Hoa mật mông, Lão mật mông hoa	Buddleia officinalis Maxim (B.madagascariencis Hance.). Họ Bọ chó (Buddleiaceae).
Mật ong	Phong mật, Phong đường, Bách hoa cao, Bách hoa tinh	Mel.
Mần tưới	Trạch lan, Hương thảo, Lan thảo	Eupatorium staechadosmum Hance (E. fortunei Turez.). Họ Cúc (Asteraceae).
Mẫu lệ	Vỏ hầu, Vỏ hà, Hầu cửa sông, Hầu cồn, Hà sông	Ostrea sp. Họ Mẫu lệ (Ostridae)

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Menthol	Bạc hà não.	
Men rượu		Saccaromyces siccum
Mía	Cam giá	Saccharum officinarum L Họ Lúa (Poaceae).
Mía dò	Tậu chó, Cát lồi, Đọt đắng, Đọt hoàng.	Costus speciosus (Koenig) Sm. (Cotus speciosus Smith, Costus Loureiri Horan., Amomum hirsutum Lamk.). Họ Mía dò (Costaceae).
Mía lau	Trúc già	Saccharum sinensis Roxb. Họ Lúa (Poaceae).
Mit	Mắc mi, May mi (Lào), Khnor (Khơ me), Bà la mật.	Artocarpus integrifolia L.f. (A. heterophyllus Lam.). Họ Dâu tằm (Moraceae).
Mộc hương	Vân mộc hương, Quảng mộc hương, Mộc hương bắc	Saussurea lappa Clarke Họ Cúc (Asteraceae).
Mộc qua	Niêm ngạnh hải đường	Chaenomeles lagenaria (Lois.) Koidz. Họ Hoa hồng (Rosaceae).
Mộc miên	Cây gạo, Bông gạo, Gòn, Roca (Khơ me)	Gossampinus malabarica (D. C.) Merr. (Bombax ceiba L.,B. malabaricum D.C,B. heptaphylla Cav.). Họ Gas (Bombacaceae).
Mộc nhĩ	Nấm tai mèo, Nấm mèo	Auricularia auricula (L) Underw (A.polytricha Sacc.). Họ Mộc nhĩ (Auriculariaceae).
Mộc tặc	Tiết cốt thảo, Mộc tặc thảo, Bút đầu thái, Cỏ tháp bút	Equisetum arvense L. Họ Mộc tặc (Equisetaceae).
Mộc thông		Clematis vitalba L. var gouriana (Roxb) Finet et Gaguep (C. gouriana Roxb.). Họ Hoàng liên (Ranunculaceae).
Mộc thông nhỏ	Tiểu mộc thông, Xuyên mộc thông	Clematis armandii Franch. Họ Hoàng Liên (Ranumculaceae).
Một dược	Minh một dược, Mạt dược	Myrraha (Commiphora molmol Engler). Họ Trám (Burseraceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Mơ	Mai, Hạnh, Khổ hạnh nhân	Prunus armeniaca L. (Armeniaca vulgaris Lamk.) Họ Hoa hồng (Rosaceae).
Mớp gai	Ráy gai, Móp gai, Chóc gai, Sơn thục gai, Cây cừa, Cây móp.	Lasia spinosa Thwaites (Dracontium) spinosum L.) Họ Ráy (Araceae).
Mù u	Cồng, Hồ đồng	Calophyllum inophyllum L. Họ Măng cụt (Clusiaceae).
Mua	Mua thường, Vương bất lưu hành	Melastoma candidum D. Don Họ Mua (Melastomataceae).
Mua sê (?)		
Mùi	Rau mùi, Ngò, Mùi ta, Ngò rí, Hồ tuy, Nguyên tuy, Hương tuy, Ngổ thơm, Mùi tui.	Coriandrum sativum L. Họ Hoa tán (Apiaceae).
Mùi tàu	Rau mùi tàu, Ngò tàu, Ngò gai	Eryngium foetidum L. Họ Hoa tán (Apiaceae).
Mùng	Dọc mùng, Môn bạc hà, Ráy bạc hà, Bạc hà	Alocasia odora (Roxb.)C.Koch. Họ Ráy (Araceae).
Mùng quân	Bổ quân, Hồng quân, Muồng quân, Mần quân, Đại diệp thích ly mộc	Flacourtia jangomas (Lour.) Raeusch. (F. cataphracta Roxb ex Willd.). Họ Bồ quân (Flacourtiaceae).
Muồng ngủ	Muồng lạc, Đậu ma, Thảo quyết minh, Muồng muồng, Quyết minh, Giả lục đậu, Giả hoa sinh, Lạc giới.	Cassia tora L. Họ Đậu (Fabaceae).
Muồng trâu	Muồng lác, Dâng hét, Tâng hét (Khơ me), Khi lek ban (Lào), Ana drao bhao (Thượng).	Cassia alata L. (Cassia bracteata L., C. herpetica Jacq.) Họ Đậu (Fabaceae).
Mức hoa trắng	Mộc hoa trắng, Thừng mực lá to, Mộc vài (Thổ), Mic lông, Cây sừng trâu, Cây mức lá to.	Holarrhena antidysenteria Wall. (H. Pubescens (Buch.-Ham.) Wall ex G.Don) Họ Trúc đào (Apocynaceae).
N		
Nam bạch truật	Thổ tam thất, Tam thất giả, Bầu đất dại, Ngải rét (Sadec), Đau ba ba cao (Chăm), Kuê mang (Nha trang)	Gynura segetum (Lour) Merr. (G. pinnatifida, G. pseudochina D.C., Cacalia bulbosa Lour). Họ Cúc (Asteraceae)

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Nam mộc hương		Aristolochia balansae Franch. Họ Nam mộc hương (Aristolochiaceae).
Nam mộc hương	Rụt, Bùi tía, Gian tía, Bùi gò dâm	Ilex godajam Colebr ex Wall. Họ Bùi (Ilicaceae)
Nam mộc hương	Vỏ dụt, Cây tai nghé, Cây bàn nước.	Hymenodictyon excelsum (Roxb) Wall. Họ Cà phê (Rubiaceae).
Nam tinh	Củ bán hạ to, Củ chóc to (đã chế biến)	Rhizoma Typhonii.
Nam sa sâm	Sa sâm lá vòng, Luân diệp sa sâm.	Adenophora tetraphylla (Thumb.) Fisch. (A.Verticillata (Pall.) Fisch.). Họ Hoa chuông (Campanulaceae)
Nàng nàng	Tử châu, Trứng ếch, Tu hú, Bọt ếch, Nổ trắng, Pha tốp, Co phá mặc lâm (Thái).	Callicarpa candicans (Burm f.) Hochr (C.cana L.). Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae).
Nấm hương	Nấm đông cô, Lét lang, Bioc hom	Lentinus edodes (Berk.) Singer. (Agaricus rhzinonensis Berk). Họ Nấm sò (Pleurotaceae).
Niệt gió	Gió niệt, Gió chuột, Gió cánh, Gió miết, Liễu kha vương, Lĩnh nam nguyên hoa, Nam lĩnh nhiêu hoa, Cửu tin thảo, Sơn miên bì, Địa ba ma, Độc ngư đằng.	Wikstroemia indica (L.) C.A, Mey. (W. viridiflora Meison., Daphne Canabina Lour.). Họ Trầm (Thymelaeaceae).
Nọc sởi	Cây ban, Cỏ vỏ lúa, Châm hương, Địa nhĩ thảo, Điền cơ vương, Điền cơ hoàng, Dạ quan môn, Bioc lương	Hypericum japonicum Thunb. Họ Măng cụt (Clusiaceae).
Nòng nọc (con)	Con nòng nọc, Khoa đẩu	Rana tigrina
Nga truật	Ngải tím, Ngải xanh, Nghệ đen, Nghệ xanh, Nghệ tím, Tam nại, Bồng truật	Curcuma zedoaria (Berg) Roscoe. (Amomum zedoaria Berg., Curcuma zerumbet Roxb.). Họ Gừng (Zingiberaceae).
Ngái	Cây ngái sung, Cây ngái, Đối diệp dung, Ngưu nãi tử, Dã vô hoa	Ficus hispida L. Họ Dâu tằm (Moraceae).
Ngán khoái (?)	Củ đợi	

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Ngành ngạnh	Thành ngạnh, Lành ngạnh, Cây đỏ ngọn, Thành ngạnh nam, May tiên, Ti u, Hoàng ngưu mộc	Cratoxylon prunifolium Dyer. (C. Prunifolium Kurtz., C. Cochinchinnensis (Lour.) Blume, C. Polyanthum Korth., C. ligustrinum (Spach) Blume, Hypericum cochinchinensis Lour.) Họ Măng cụt (Clusiaceae).
Ngải cứu	Thuốc cứu, Ngải diệp	Artemisia vulgaris L. Họ Cúc (Asteraceae).
Nghể răm	Cây nghể, Rau nghể, Thuỷ liễu.	Polygonum hydropiper L. (Persicaria hydropiper (L.) Spoch.). Họ Rau răm (Polygonaceae)
Nghệ	Nghệ vàng, Khương hoàng, Khá lẳng (H'mông)	Curcuma longa L. Họ Gừng (Zingiberaceae).
Ngọc trúc	Nhuy nhân, Kào kử chúa (H'mông), Chàng xuất địa (Dao), Úy nhuy, Bách giải dược	Polygonatum odoratum (Mill) Druce. (P.officinale All.) Họ Hoàng tinh (Convallariaceae).
Ngọc trúc hoàng tinh	Vạn thọ trúc, Giả rễ trúc	Disporopsis aspera (Hua) Engl. Ex Krause. Họ Hoàng tinh (Convallariaceae)
Ngô Công	Con rết, Thiên long, Bách túc trùng, Bách cước	Scolopendra morsitans L. (S.subspinipes mutilans (L.) Koch., S.centipede.). Họ Rết (Scolopedridae).
Ngô thù	Ngô thù du, Ngô vu, Thù du	Tetradium rutaecarpum (A.Juss.) Hartley (Euodia rutaecarpa (Juss.) Benth et Hook) Họ Cam (Rutaceae).
Ngón đất (?)		
Ngũ bội	Ngũ bội tử, Bầu bí, Mắc piệt, Bơ pật (Thái)	Galla chinesis (Rhus chinensis Mill., R.semialata, R. javanica L. Họ Đào lộn hột Anacardiaceae).
Ngũ gia bì	Ngũ gia bì gai, Thích gia bì, Ngũ gia gai, Xuyên gia bì, Ngũ gia bì hương, Thiết gia bì	Acanthopanax aculeatus Seem. (A. culeatum Hook., A. Trifloliatus (L.) Merr., A.senticosus(Rupr.et maxim.) Harms., A graciiistylus W.W. Sm., Eleutherococcus senticosus (Rupr. et Maxim.) Maxim). Họ Nhân sâm (Araliaceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Ngũ gia bì chân chim	Cây chân chim, Sâm nam, Kotan (Lào), Áp cước mộc, Nam sâm, Ngũ chỉ thông, Nga chưởng sài, Cây dáng, Cây lẳng	Schefflera octophylla (Lour.) Harms (Aralia octophylla Lour.). Họ Nhân sâm (Araliaceae).
Ngũ linh chi	Hàn tước phẩn, Hhàn hiệu trùng phẩn, Hàn hiệu điểu, Thảo linh chi, Ngũ linh tử, Linh chi.	Faeces Trogopterum.
Ngũ trảo	Hoàng kinh, Chân chim	Vitex negundo L. Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae).
Ngũ vị	Ngũ vị tử, Ngũ vị tử bắc, Bắc ngũ vị, Liêu ngũ vị, Sơn hoa tiêu	Schisandra chinensis (Turez) Baill. Họ Ngũ vị (Schisandraceae).
Ngũ vị nam	Ngũ vị tử nam, Nam ngũ vị	Kadsura longipedunculata Fin, et Gagnep. Họ Ngũ vị (Schisandraceae).
Ngũ vị nam	Cây nắm cơm, Cây na rừng, Dây xưn xe	Kadsura coccinea (Lem.) A. C.Sim. (K.chinensis Hance.). Họ Ngũ vị (Schisandraceae).
Ngựa trắng	Bạch mã	Equiis sp. (Equiseptica)
Ngưu hoàng thiên nhiên	Sỏi mật trâu hay bò, Sửu bảo, Tây hoàng, Tâm hoàng	Calculus Bovis.
Ngưu hoàng tổng hợp		Calculus Bovis artificialis.
Ngưu tất	Ngưu tất bắc, Hoài ngưu tất	Achyranthes bidentata Blume. Họ Rau dền (Amaranthaceae).
Ngưu bàng	Đại lực tử, Hắc phong tử, Thử niêm tử, Đại đao tử.	Arctium lappa L. Họ Cúc (Asteraceae).
Nhài	Hoa nhài, Mạt ly, Dạ lài hương, Bông dạ lài hương	Jasminum sambac (L.) Ait Họ Nhài (Oleaceae).
Nhàu	Cây nhàu, Cây ngao, Cây giầu, Nhàu lớn, Nhàu rừng, Nhàu núi, Lâm ba kích.	Morinda citrifolia L. Họ Cà phê (Rubiaceae).
Nhân hạt táo	Táo nhân, Tảo nhân, Toan táo nhân, Nhân hạt táo chua	Semen Zizyphi.
Nhân sâm	Viên sâm, Dã nhân sâm, Sâm cát lâm, Sâm cao ly, Sâm Triều tiên.	Panax ginseng C. A. Mey. (Panax schinseng Ness.). Họ Nhân sâm (Araliaceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Nhân sâm Việt Nam	Sâm Việt Nam, Sâm Ngọc linh, Sâm khu 5 (K_5), Cây thuốc dấu (Thượng)	Panax Vietnamensis Ha et Grush v. Họ Nhân sâm (Araliaceae).
Nhân trần	Nhân trần Việt Nam	Adenosma caeruleum R.Br. (A. glutinosum (L.) Druse.), Họ Hoa mõm sói (Scrophulariaceae).
Nhân trần cao	Nhân trần Trung Quốc, Nhân trần hao, Ngải lá kim, Nhân trần	Artemisia capillaris Thumb. Họ Cúc (Asteraceae).
Nhân trung bạch	Cặn nước tiểu	Calamitas Urinae Hominis.
Nhện (con Nhện to ôm trứng)	Tri thù	Gossamer Urocteae
Nhót	Cây nhót, Cây lót, Hồ đồi tử	Elaeagnus latifoila L. Họ Nhót (Elaeagnaceae).
Nhội	Qủa cơm nguội, Thu phong, Ô dương, Trọng dương mộc	Bischofia javanica Blume. (B.trifoliata (Roxb.) Hook.f., Andrachne trifoliata Roxb.), Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae).
Nhục đậu khấu	Nhục quả, Ngọc quả	Myrristica fragrans Houtt. Họ Nhục đậu khấu (Myristicaceae).
Nhục thung dung	Nhục dung, Nhục thong dong	Cistanche salsa (C.A Mey) G.Beck. (Boschniakia glabra C.A.Mey). Họ Lệ dương (Orobanchaceae).
Nhũ hương	Mã vĩ hương, Huân lục hương	Olibaum (Pistacia lentiscus L.; Họ Đào lộn hột Anacardiaceae).
Nhũ trấp	Sữa mẹ, Nhân nhũ, Sữa người.	Milk Hominis.
Núc nác	Nam hoàng bá, Mộc hồ điệp, Thiên trương chỉ, So do thuyền, Linh may, Ung ca, K'nốc, Triểu giản, Bạch ngọc nhi.	Oroxylum indicum (L.) Vent. (O. indicum (L.) Kurg., Bignonia indica L., Calosanthes indica Blume). Họ Núc nác (Bignoniaceae).
O, Ô, Ơ		
Ong bầu	Ong đen, Ong mướp, Ô phong, Hùng phong, Tượng phong, Trúc phong	Xylocoba dissmilis (Lep). Họ Ong (Apidae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Ô dược (Nam)	Cây ô dược nam, Cây dầu đắng, Ô dước nam.	Lindera myrrha Merr. Họ Long não (Lauraceae).
Ô dược (Bắc)	Cây ô dược bắc, Thiên thai ô dược, Ô dước bắc.	Lindera strychnifolia (Sieb et zucc.) Will. Họ Long não (Lauraceae).
Ô đầu - phụ tử	Củ gấu tầu, Củ ấu tầu, Củ Cố y (Mèo), Củ ú tầu	Aconitum fortunei Hemsl. Họ Hoàng liên (Ranunculaceae).
Ô long vĩ	Bồ hóng bếp, Lương thượng trần	Fuligo ligni
Ô mai	Quả mơ muối	Fructus Armeniacae praeparatus. (Prunus armeniaca L., Họ Hoa hồng Rosaceae)
Ô môi	Bọ cạp nước, Bồ cạp nước, Cây quả canh kina, Sắc phle, May khoum.	Cassia grandis L.f. Họ Đậu (Fabaceae).
Ô rô cạn	Đại kế, Thích kế, Dã thích thái, Dã hồng hoa, Sơn ngưu bàng, Hổ kế, Mã kế, Thiết thích ngải.	Circium japonicum D.C. (Cnicus japonicus (D.C.) Maxim) Họ Cúc (Asteraceae).
Ô rô nước		Acanthus ilicifolius L. Họ Ô rô (Acanthaceae).
Ớt	Ớt tàu, Ớt chỉ thiên, Ớt chỉ địa, Lạt tiêu	Capsicum annuum L. (C.frutescens L.). Họ Cà (Solanaceae)
Ớt rừng	Ớt làn lá nhỏ	Tabernaemontana pallida Pierre ex Spine Họ Trúc đào (Apocyaceae).
Ớt rừng	Kim sương, Mán chỉ, Dối cầy, Chàm hôi, Tráng, Lăng ớt, Mak so mát, May bi canh, Mak khèn (Lào), Hang chang (Mường), Leai sma (khơ me)	Micromelum falcatum (Lour.) Tan (Aulacia falcata Lour., Micromelum hirsutum Oliv). Họ Cam (Rutaceae).
Ốc bươu	Điền loa, Ốc nhồi	Pila notica (P.polita)
Ổi	Cây ổi, Cây ủi, Phan thạch lựu, Phiên thạch lựu	Psidium guajava L. Họ Sim (Myrtaceae).
P		
Phá cố chỉ	Đậu miêu, Cố tử, Bổ cốt chỉ, Phá cốt tử	Psoralea corylifolia L. Họ Đậu (Fabaceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Phác khảo cài (?)	Tầm gửi cây thảo rậm (?) (Tày Nùng, Cao Bằng, Bắc Cạn)	
Phác tiêu	Mang tiêu, Huyền minh phấn, Nguyên minh phấn, Minh phấn, Phong hoá tiêu	Natrium sulfuricum.
Phân sâu dâu	Phân con sâu dâu	Bombyx mori
Phấn hoa		Pollen
Phèn chua	Minh phàn, Bạch phàn, Phèn phi, Khô phàn, Phèn chi.	Alumen.
Phỉ tử	Cây phi tử, Thùn mũn, Chua meo, Chua ngút, Chua ngút dai, Rè dai, Vốn vén, Tấm cùi (Thổ), Xốm mun (Thái)	Embelia ribes Burn Họ Đơn nem (Myrsinaceae).
Phòng kỷ	Cây củ gà ấp, Phấn phòng kỷ, Phòng kỷ bắc, Củ dòm	Stephania tetrandra S. Moore. Họ Tiết dê (Menispermaceae).
Phòng kỷ (nam)	Dây xanh, Dây xanh lông, Dây một, Dây cót ken, Dây sâm, Dây hoàng thanh	Cocculus sarmentosus (Lour.) Diels Họ Tiết dê (Menispermaceae).
Phòng phong	Thiên phòng phong, Bàng phong, Phòng phong bắc	Ledebouriella seseloides Wolff. Họ Hoa tán (Apiaceae).
Phòng phong (nam)	Cẩn buốt, Co phạch (Thái)	Pimpinella candolleana Wight et Arn Họ Hoa tán (Apiaceae)
Phù dung	Mộc phù dung, Địa phù dung, Mộc liên	Hibicus Mutabilis L. (H.sinensis Mill.). Họ Bông (Malvaceae).
Phù tiểu mạch	Lúa mạch lép	
Phúc bồn tử	Quả chúc xôi	Rubus idaeus L. (Rubus chingii Hu.) Họ Hoa hồng (Rosaceae).
Phục linh	Bạch linh, Bạch phục linh, Phục thần	Poria cocos (SChw.) Wolf. Họ Nấm lỗ (Polyporaceae).
Phục long can	Đất lòng bếp, Táo tâm thổ, Hoàng thổ	Terra flava usta.
Phượng vĩ	Đuôi phượng, Ráy leo lá rách, Loong tơ uyn, Lân tơ uyn, Dây sống rắn, Cây đuôi phượng.	Rhaphidophora decursiva (Roxb.) Schott. (Pothos decursiva Roxb.), Họ Ráy (Araceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Q		
Qua lâu	Thao ca (Tày), Dưa trời, Dây bạc bát, Cây dưa trời, Cây dưa dầy	Trichosanthes kirilowi Maxim. Họ Bầu bí (Cucurbitaceae).
Qua lâu nhân	Qua lâu tử, Hạt thao ca, Quát lâu nhân, Hạt dưa dầy	Semen Trichosanthis.
Qua lâu bì	Vỏ quả qua lâu	Pericarpium Trichosanthis.
Qua lâu căn	Thiên hoa phấn, Rễ cây qua lâu, Củ dưa dày.	Radix Trichosanthis.
Quán chúng	Quán tiết, Hắc cẩu tích, Lưỡi hái	Cyrtomium fortunei J.Sm. Họ Áo khiên (Aspidiaceae).
Quao nước		Dolichandrone spathacea (L.f.) K Schum. Họ Núc nác (Bignoniaceae).
Quế	Quế đơn, Quế bì, Quế Trung Quốc	Cinnamomum cassia Presl. Họ Long não (Lauraceae).
Quế nhục	Nhục quế, (vỏ thân, vỏ cành lớn) Ngọc quế, Quế bì.	Cortex Cinnamomi.
Quế chi	Vỏ cành Quế nhỏ, Quế chi tiêm, Quế thông	Ramulus Cinnamomi
Quế quan	Quế Srilanca	Cinnamomum zeylanicum Blume. Họ Long não (Lauraceae).
Quế thanh	Quế quỳ, Ngọc quế	Cinnamomum loureirii Nees (C. obtusifolium Nees.) Họ Long não (Lauraceae).
Quế tâm	Lõi gốc rễ cây quế	
Quế khâu	Quế vụn nát thành mảnh nhỏ.	
Quy bản	Yếm rùa, Quy giáp	Plastrum Testudinis. (Carapax Testudinis). (Chinemys (Geoclemys) reevesii Gray) Họ Rùa (Testudinidae).
Quýt	Hoàng quất, Cam quất, Quyết, Quýt xiêm, Quýt thực.	Citrus delicisoa Tenore. (C. reticulata Blanco, C.nobilis Lour. var.deliciosa Swingle.). Họ Cam (Rutaceae).
Quýt (vỏ)	Trần bì, Vỏ quýt	Pericarpium Citri deliciosae.
Quýt (hạt)	Quất hạch, Hạt quýt	Semen Citri deliciosae.

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Quýt (quả non)	Quả quýt non, Thanh qua tử.	Fructus Citri deliciosae immaturus.
R		
Rau dệu	Dệu, Kê tràng thái	Alternanthera sessilis (L.) R. Br.ex Roem et Schult. Họ Rau dền (Amaranthaceae).
Rau dừa nước	Du long thái, Rau dừa trâu, Thuỷ long	Jussiaea repens L. (Ludwigia adscendens (L.) Hara.). Họ Rau dừa nước (Onagraceae).
Rau đắng	Biển súc, Cây càng tôm, Cây xương cá, Biển trúc	Polygonum aviculare L. Họ Rau răm (Polygonaceae).
Rau đắng biển	Rau sam đắng, Rau sam trắng, Cây ruột gà.	Bacopa monnieri (L.) Wettst. (Herpestis monnieri (L.) H.B.K.). Họ Hoa mõm sói (Scrophulariaceae).
Rau đắng đất	Rau đắng lá vàng	Glynus oppositifolius (L.) D.C. Họ Rau đắng đất (Molluginaceae).
Rau má	Tích tuyết thảo, Băng đại uyển	Centella asiatica Urb. Họ Hoa tán (Apiaceae).
Rau má lông	Liên tiền thảo	Glechoma longituba (Nakai) Kupr. Họ Hoa môi (Lamiaceae)
Rau ngót	Bù ngót, Bổ ngót, Động phong thái, Hắc diện thần	Sauropus androgynus (L.) Merr. Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae).
Rau me đất	Chua me đất, Me đất chua	Oxalis acetosella L. Họ Chua me đất (Oxalidaceae).
Rau khúc	Rau khúc vàng, Thử khúc thảo, Khúc nếp	Gnaphalium indicum L. (G.affine D. Don, G.multiceps). Họ Cúc (Asteraceae).
Rau muống	Bìm bịp nước, Tra kuôn (Khơ me), Phak bang (Lào), Ung thái.	Ipomoea aquatica Forssk. (I.reptans (L.) Poir.). Họ Khoai lang (Convolvulaceae)
Rau muống biển	Nam độc hoạt	Ipomoea biloba Forsk. Họ Khoai lang (Convolvulaceae).
Rau mương	Rau lục, Rau mương thon,	Ludwigia hyssopifolia (G.) Don Exell. (Jussiaea linifolia Vahl.). Họ Rau dừa nước (Onagranaceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Rau răm	Thuỷ liễu, Thuỷ lục	Polygonum odoratum Lour. Họ Rau răm (Polygonaceae).
Rau rút	Rau nhút, Quyết thái	Neptunia oleracea Lour. (N.prostrata Baill.). Họ Đậu (Fabaceae).
Rau sam	Mã xỉ hiện, Rau sam lồi, Dân hồng tía, Mã xỉ thái.	Portulaca oleraceae L. Họ Rau sam (Portulacaceae).
Rau thai nhi	Nhau sản phụ, Tử hà sa, Thai bào, Thai bàn, Thai y, Nhân bào	Placenta Hominis.
Ráy ngứa	Cây ráy, Cây ráy dại, Dã vu, Hải vu.	Alocacia odora (Roxb.) C. Koch. (A.macrorrhiza (L.) Schott., Caladium adorum Lindl., Colocasia odora Brongn.) Họ Ráy (Araceae).
Rắn cạp nia	Rắn mai gầm bạc, Rắn đen trắng, Rắn hổ khoang, Rắn vòng bạc, Kim tiền bạch hoa xà, Bạch cúc xà, Mao cân xà	Bungarus candidus L. Họ Rắn hổ (Elapidae).
Rắn cạp nong	Rắn mai gầm vàng, Rắn đen vàng, Rắn vòng vàng	Bungarus fasciatus Schneider., Họ Rắn hổ (Elapidae).
Rắn hổ mang	Mang bành, Hổ mang đeo kính, Hổ lửa, Hổ đất, Hổ phì, Hổ trâu, Bạch hoa xà.	Naja - Naja L. Họ Rắn hổ (Elapidae)
Rắn ráo	Rắn hổ chuối	Zamenis mucosus L. Họ Rắn hổ (Elapidae).
Râu mèo	Cây râu mèo, Cây bông bạc	Orthosiphon stamineus Benth. (O.spiralis (Lour.) Merr.) Họ Hoa môi (Lamiaceae).
Râu ngô	Râu bắp, Ngọc thực tu, Ngọc thục tu, Ngọc mễ tu	Styli et. Stigmata Maydis (Zea mays L.) Họ Lúa (Poaceae).
Rẻ quạt	Xạ can, La cho (Thượng), Tảo du (H'mông).	Balamcanda sinensis L. Họ Lay ơn (Iridaceae).
Rễ cỏ tranh	Bạch mao căn	Rhizoma Imperatae. (Imperata cylindrica (L.) P Bauve.var.major (Nees.) Hubb., I.Cylindrica var. major (Nees) C. E Hubb. Họ Lúa (Poaceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Riềng ấm	Riềng đẹp, Sẹ nước, Gừng ấm.	Alpinia zerumbet (Pers.) Burtt et Sm.(A.speciosa (wall.) Schum., A.nutans Roscoe). Họ Gừng (Zingiberaceae).
Rong mơ	Hải tảo, Rau mã vĩ, Rau ngoai, Rau mơ, Rong biển	Sargassum sp. Họ Rong mơ (Sargassaceae).
Rung rúc	Rút dế, Cứt chuột, Đồng bìa.	Berchemia lineata (L.) D.C. Họ Táo ta (Rhamnaceae).
S		
Sa nhân	Súc sa mật, Mè tré bà, Mắc nẻng, Dương xuân sa	Amomum Xanthioides Wall. (A.Villosum Lour., A. echinosphaera K. Schum) Họ Gừng (Zingiberaceae).
Sa sâm nam	Xà lách biển, Hải sa sâm, Sa sâm biển.	Launaea sarmentosa (Willd.) Sch. Bip ex Kuntze. (L.pinnatifida Cass.) Họ Cúc (Asteraceae).
Sa sâm bắc	Bắc sa sâm, Liên sa sâm	Glehnia littoralis Fr.Schmidt ex Miq. Họ Hoa tán (Apiaceae).
Sà sàng	Xà sàng, Giẩn sàng	Cnidium monnieri (L.) Cusson. (Selinum monnieri (L.). Họ Hoa tán (Apiaceae).
Sa uyển tử	Đông tật lê, Sa tật lê, Hạt cây hoàng kỳ, Sa uyển, Tật lê.	Semen Astragali. (Astragalus com - planatus R. Br., A.Chinensis L., A.adsurgens Pall., A. mem - branaceus (Fisch) Bunge Họ Đậu (Fabaceae).
Sả	Củ sả, Sả chanh, Hương mao, Mao hương, Bạch mao hương.	Cymbopogon citratus (D.C.) Stapf. (C.nardux Rendl) Họ Lúa (Poaceae).
Sài đất	Húng trám, Cúc nháp, Ngổ núi, Cúc giáp, Hoa múc	Wedelia chinensis (Osbeck) Merr. [W.calendulacea (L.) Less. Verbesina calendulacea L.]. Họ Cúc (Asteraceae).
Sài hồ Việt nam	Nam sài hồ, Lức, Hải sài hồ, Sài hồ nam, Cây lức.	Pluchea pteropoda Hemsl. Họ Cúc (Asteraceae).
Sài hồ	Bắc sài hồ; Trúc diệp sài hồ, Xà diệp sài hồ, Ngạnh sài hồ	Bupleurum sinense D.C. Họ Hoa tán (Apiaceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Sam	Cọn sam	Tachypleus tridentatus. Thuộc Ngành chân khớp (Arthropoda) lớp Giáp cổ (Nerostoma).
Sao đen	Koky (Khơ me), Mạy khèn (Lào).	Hopea odorata Roxb. Họ Sao dầu (Dipterocarpaceae).
Sáp ong	Phong lạp, Hoàng lạp, Sáp vàng.	Cera flava.
Sảng	Cây sảng, Sảng lá kiếm, Quả thang, Sang sé, Trôm thon	Sterculia lanceolata Cavan Họ Trôm (Sterculiaceae).
Săng lê	Bằng lang, Bằng lăng, Bằng lăng bông, Kwer, Thao lao, Truol (Thượng)	Lagerstroemia tomentosa Presl. (L. Calyculata Kurz., L. angustifolia Pierre ex Lan.). Họ Tử vi (Lythraceae).
Sắn thuyền	Sắn sàm thuyền	Syzygium resinosum (Gagnep.) Merr et Perry (S.polyanthum (Wight.) Walp., Eugenia polyantha Wight, E. resinosa (Gagnep). Họ Sim (Myrtaceae).
Sâm cau	Ngải cau, Tiên mao, Cỏ nốc lan	Curculigo orchioides Gaertn., Họ Tỏi voi lùn (Hypocidaceae)
Sâm cau lá lớn		Curculigo Capitulata (Lour.) Kuntze. (Leucojum capitulatum (Lour.). Họ Tỏi voi lùn (Hypocidaceae).
Sâm đại hành	Tỏi lào, Hành lào, Hành đỏ, Tỏi đỏ.	Eleutherin bulbosa (Mill.) Urb. (E.subaphylla Gapnep.). Họ Lay ơn (Iridaceae).
Sầu riêng	Thu ren (Khơ me), Durio	Durio zibethinus Murr. Họ Gạo (Bombacaceae).
Sen	Liên, Quỳ.	Nelumbo nucifera Gaertn. (Nelumbium nuciferum Gaertn., Nelumbium speciosum Willd.). Họ Sen (Nelumbonaceae).
Sen (hạt)	Liên tử, Liên thạch, Thạch liên tử	Fructus nelumbii
Sen (hạt bóc vỏ cứng và mầm chồi)	Liên nhục	Semen nelumbinis.
Sen (tâm)	Liên tâm, Liên tử tâm	Embryo Nelumbii (Plumula Nelumbinis).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Sen (gương)	Gương sen, Liên phòng	Receptaculum Nelumbinis
Sen (tua)	Liên tua, Tua nhị sen	Stamen nelumbinis.
Sen (lá)	Liên diệp, Hà diệp	Folium Nelumbinis.
Sen (ngó)	Liên ngẫu, Ngó sen, Ngẫu tiết, Mấu ngó sen.	Nodus nelumbinis Rhizomatis.
Si	Cây si, Chrey pren (Khơ me), Bonuxe (Chăm), Chính dung, Cây sộp.	Ficus benjamina L. Họ Dâu tằm (Moraceae).
Sinh địa	Địa hoàng	Rhemannia glutinosa (Gaertn.) Libosch. Họ Hoa mõm sói (Scrophulariaceae).
Sinh địa khô	Can địa hoàng, Sinh địa	Radix Rehmanniae.
Sinh địa khô nấu chín.	Thục địa, Thục địa hoàng, Thục.	Radix Rehmanniae praeparatus.
Sim	Đào kim nương, Trợ quân lương	Rhodomyrtus tomentosa Wight. (R.tomentosa (Ait.) Hassk.). Họ sim (Myrtaceae).
Sò huyết	Lẻ bạn, Sò lẻ bạn, Bạng hoa, Tử vạn niên thanh	Tradescantia discolor L'Herit. (Rhoes discolor (L'Herit) Hance). Họ Thài lài (Commelinaceae).
Sòi tía		Sapium discolor (Champ) Muell. Agr. Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae).
Sơn đậu căn	Quảng đậu căn	Radix Sophorae Tonkinensis (Sophora tonkinensis Gagnep., S. subprostrata Chun et T. Chen,) Họ Đậu (Fabaceae)
Sơn dừng	Dây sơn dừng, Sơn đứng, Son đừng	
Sơn thù du	Sơn thù, Thù nhục, Sơn thù nhục, Du nhục, Dược tảo, Tảo bì.	Cornus officinalis Sieb et Zucc. Họ Sơn thù du (Cornaceae).
Sơn tra (VN)	Cây chua chát, Sán sá (Tày), Pom sừng	Malus doumeri (Bois) Chev. (Docynia doumeri (Bois) Scheneid.). Họ Hoa hồng (Rosaceae).
Sơn tra (TQ)	Bắc sơn tra, Sơn lê, Nam sơn tra, Dã sơn tra.	Crataegus pinnatifida Bunge. (C. cuneata Sieb et Zucc) Họ Hoa hồng (Rosaceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Sung	Cây sung, Ưu đàm thụ, Sung tật, Tà diệp dung, Lova (Khơ me), Vô huê diệp	Ficus racemosa L. Họ Dâu tằm (Moraceae).
Súng	Cây súng, Khiếm thực nam, Thuỳ liên	Nymphaea stellata Willd. Họ Súng (Nymphacaceae).
Sử quân tử	Cây quả giun, Quả nấc	Quisqualis indica L. Họ Bàng (Combretaceae).
Sừng dê	Cây sừng dê, Dương giác ảo, Cây sừng trâu, Cây sừng bò, Dương giác nữu.	Strophanthus divaricatus (Lour.) Hosket Arn. (S.divergens Graham, Penploca divaracata Spreng.). Họ Trúc đào (Apocynaceae).
T		
Tai chua		Garcinia pedunculata Roxb. (G.cowa Roxb.) Họ Măng cụt (Clusiaceae).
Tam lăng	Củ u du	Scirpus yagara Ohwi. (Scirpus flaviatilis (Torr.), Sparganium simplex Huds, Sparganium stoloniferum Buch - Ham.). Họ Cói (Cyperaceae).
Tam lăng	Cỏ nốc mảnh, Lòng thuyền, Tiên mao hoa thưa	Curculigo gracilis (Kurz) Hook.f.. Họ Tỏi voi lùn (Hypoxidaceae).
Tam thất	Sâm tam thất, Nhân sâm tam thất, Kim bất hoán, Điền thất, Sơn tất.	Panax pseudoginseng Wall. Họ Nhân sâm (Araliaceae).
Tam thất gừng	Khương tam thất, Ngải năm ông	Stahlianthus thorelii Gagnep. Họ Gừng (Zingiberaceae).
Tang ký sinh	Chùm gửi cây dâu, Tầm gửi cây dâu.	Ramulus Loranthi. (Loranthus parasiticus (L.) Merr. Họ Tầm gửi Loranthaceae).
Tang phiêu tiêu	Tổ bọ ngựa trên cây dâu, Ổ ngựa trời.	Ootheca Mantidis.
Tạo giác	Chùm kết, Bồ kết, Bồ kếp, Man khét (Khơ me), Mền kếp, Tạo giáp	Gleditsia fera (Lour.) Merr. (G.australis Hemsl., G.sinensis Lamk) Họ Đậu (Fabaceae).
Tạo giác (quả)	Quả bồ kết	Fructus Gleditschiae.

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Tạo giác (hạt)	Tạo giác tử, Hạt bồ kết	Semen Gleditschiae.
Tạo giác (gai)	Tạo giác thích, Tạo thích, Thiên đinh, Tạo trâm, Gai bồ kết.	Spina Gleditschiae.
Táo ta	Táo, Táo chua, Táo giai.	Zizyphus jujuba Lamk. (Z.trinervia Roth., Z. mauritiana Lam.). Họ Táo ta (Rhamnaceae).
Táo (lá)	Lá táo, Táo diệp	Folium Zizyphi jujubae.
Táo (quả)	Quả táo	Fructus Zizyphi jujubae
Táo nhân	Nhân hạt táo, Toan táo nhân	Semen Zizyphi jujubae.
Táo nhục	Cùi quả táo chín, Toan táo nhục.	Pericapium Zizyphi jujubae.
Táo rừng	Táo dại	Zizyphus oenoplia (L.) Mill. (Rhamnus oenoplia L.). Họ Táo ta (Rhamnaceae).
Tầm duột	Chùm ruột, chùm guột, tầm ruộc.	Phyllanthus distichus Muell. Arg. (P.acidus (L.) Skeels). Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae).
Tầm xoọng	Mền tên, Quýt gai, Quýt hôi, Độc lực, Gai xanh, Gai tầm xoọng, Cam trời, Động phong, Quýt rừng, Quất gai xanh	Atalantia buxifolia (Poir.) Olir. (A.bilocularis Wall., Severinia monophylla (L.) Tanaka., Limonia monophylla L.). Họ Cam (Rutaceae).
Tầm xuân	Tường vi, Cây hoa tầm xuân, Hồng nhiều hoa, Dã tường vi.	Rosa multiflora Thunb. (Rosa polyantha Sieb.et Zucc.). Họ Hoa hồng (Rosaceae).
Tằm sa	Phân con tằm, Tàm sa, Vãn tàm sa, Tàm mễ	Faeces Bombycum (Exerementum Bombycis)
Tần di	Tân di	Magnolia liliflora Desr. Họ Mộc Lan (Magnoliaceae).
Tần giao	Tần cửu, Tần trảo, Tần cửu vương, Xuyên tần cửu, Tiểu tần cửu, Sơn tần cửu	Gentiana macrophylla Pallas. (G. dahurica Fisch.) Họ Long đởm (Gentianaceae).
Tắc kè	Cáp giới, Cáp giải, Đại bích hổ.	Gekko gekko L. Họ Tắc kè (Gekkonidae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Tê giác	Tê ngưu giác, Hương tê giác	Rhinoceros unicornis L. (R. sondaicus Desmarest.). Họ Tê giác (Rhinocerotidae).
Tế tân	Hoa tế tân, Liêu tế tân.	Asarum sieboldii. Miq. Var. japonicum Maxim. A.heteropoides var. mandshuricum (Maxim) Kitag. Họ Nam mộc hương (Aristolochiaceae).
Tế tân mam	Hoa tiên	Asarum balansae Franch. Họ Nam mộc hương (Aristolochiaceae).
Thạch cao	Đại thạch cao, Băng thạch, Bạch hổ	Gypsum fibrosum.
Thạch hộc	Kim thoa thạch hộc, Hoàng thảo, Kim thạch hộc, Hắc tiết thảo, Thiết bì thạch hộc, Câu trạng thạch hộc.	Dendrobium sp. (D. nobile Lindl., D. simplicissimum Kranzl., D. dalhousieanum Wall., D. Gratiossimum Reichb., D. crumenatum Sw...) Họ Lan (Orchidaceae).
Thạch tín	Nhân ngôn, Phê thạch, Hồng phê, Bạch phê, Tín thạch	Arsenium sblimatum (Arsenicum, Arseni trioxydum).
Thạch xương bồ	1. Củ bồ bồ, Bồ bồ, Nham xương bồ. 2. Củ bồ bồ nước, Bồ bồ nước, Thuỷ xương bồ. 3. Thạch xương bồ nhỏ, Kim tiền bồ, Thạch ngô công	1. Acorus tatarinowii Schott. 2. Acorus Calamus L. 3. Acorus gramineus Ait. ex Soland. (A.pusillus Sieb.) Đều họ Ráy (Araceae).
Thài lài	Rau trai, Áp chích thảo, Trai thường	Commelina communis L. Họ Thài lài (Commelinaceae).
Thài lài tía	Trai thài lài, Hồng trai	Tradescantia zebrina Hort ex London. (Zebrina pendula Schnizl.). Họ Thài lài (Commelinaceae).
Thài lài trắng	Rau trai	Commelina diffusa Burm.f. Họ Thài lài (Commelinaceae).
Thanh bì	Vỏ quả quýt còn xanh.	Fructus Citri deliciosae immaturus. (Pericapium Citri reticulatae viride).
Thanh cao	Thanh hao, Hương cao, Hương hao, Thanh cao ngò, Thảo cao	Artemisia apiacea Hance. (A.carvifolia Wall.). Họ Cúc (Asteraceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Thanh cao hoa vàng	Ngải hoa vàng, Thanh cao, Hoàng hoa cao, Thảo cao, Thanh hao.	Artemisia annua L. Họ Cúc (Asteraceae).
Thanh đồng	Rỉ đồng.	Cupri oxydum
Thanh phàn	Tạo phàn, Lục phàn, Phèn đen, Thuỷ lục phàn	Melanteritum.
Thanh táo	Trường sinh thảo, Tiếp cốt thảo, Thuốc trặc, Tần cửu, Tần qua, Trường sơn cây.	Justicia gendarussa L.f. (Gendarussa vulgaris Nees.). Họ Ô rô (Acanthaceae).
Thàu tan huyết (?)	Dây tan huyết (?)	
Thần khúc	Lục thần khúc, Lục đình khúc, Kiến đình khúc	Massa mediata fermentata.
Thần sạ	Thần xạ, Thần xạ hương, Dây chanh rừng, Cam rừng	Luvunga scandens Ham. (L.scandens (Roxb.) Buch. Ham.). Họ Cam (Rutaceae).
Thầu dầu tía	Dầu ve tía, Đu đủ tía, Thầu dầu, Đu đủ dầu, Tỳ ma	Ricinus communis L. Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae).
Thầu dầu (hạt)	Tỳ ma tử, Bí ma tử	Semen Ricini Communis.
Thầu dầu (lá)	Tỳ ma diệp	Folium Ricini Communis.
Thầu dầu (dầu)	Dầu thầu dầu, Dầu ve, Tỳ ma du.	Oleum Ricini Communis.
Thăng ma	1. Bắc thăng ma, Đông bắc thăng ma. 2. Thiên thăng ma 3. Tây thăng ma, Lục thăng ma, Xuyên thăng ma 4. Quảng đông thăng ma, Thăng ma đầu, Ma hoa đầu.	1. Cimicifuga dahurica (Turcz.) Maxim. 2. Cimicifuga heracleifolia Komar. 3. Cimicifuga foetida L. Đều họ Hoàng liên (Rhanunculaceae) 4. Serratula sinensis S. Moor. Họ Cúc (Asteraceae).
Thăng ma nam	Tiểu kế, Thích nhi trà	Cirsium segetum Bunge. (Cephalanoplos segetum (Bunge.) Kitan. Họ Cúc (Asteraceae).
Thảo đậu khấu	Thảo khấu, Thảo khấu nhân, Ngẫu tử	Alpinia katsumadai Hayt. Họ Gừng (Zingiberaceae).
Thảo ô đầu	Xuyên ô, Bắc ô đầu, Phụ tử, Ô đầu phụ tử (TQ), Thảo ô.	Aconitum carmichaeli Debx. Họ Hoàng liên (Ranunculaceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Thảo quả	Đò ho, Tò ho, Mắc hâu, (Tày) May mắc hâu (Thái)	Amomum aromaticum Roxb. (A.tsao - ko Crévost et Lemarié). Họ Gừng (Zingiberaceae).
Thị đế	Tai hồng, Tai quả hồng, Thị đinh.	Calyx kaki. [Diospyros kaki L.f,, Họ Thị (Ebenaceae)].
Thiềm tô	Nhựa (con) cóc, Mủ cóc,	Secretio Bufonis. (Bufo bufo) Họ Cóc (Bufonidae).
Thiên ma		Gastrodia elaba Bl. Họ Lan (Orchidaceae).
Thiên môn	Thiên đông, Dây tóc tiên, Thiên môn đông	Asparagus cochinchinensis (Lour.) Merr. (A.lucidus Lindl.). Họ Thiên môn (Asparagaceae).
Thiên nam tinh	Củ nưa, Nam tinh không lông	Arisaema erubescens (Mart.) Schott. (A.Consanguineum Schott., A.hypoglaucum Craib.) Họ Ráy (Araceae).
Thiên lý	Hoa lý, Hoa thiên lý	Telosma cordata (Burm.f.) Merr. (Asclepias cordata Burmf.). Họ Thiên lý (Asclepiadaceae).
Thiên niên kiện	Sơn thục, Sơn phục, Thần phục, Sắn sục.	Homalomena occulta (Lour.). Schott. (H. aromatica (Roxb.) Schott.). Họ Ráy (Araceae).
Thiên tiêu	Tiểu hoa tiêu, Thiên tiểu tử.	Fructus Zanthoxyli Schinifolii (Zanthoxylum Schinifolium Sieb et Zucc - họ Cam Rutaceae).
Thiên tiên tử	Sơn yên tử, Đại sơn yên tử.	Hyoscyamus niger L. Họ Cà (Solanaceae).
Thiên tuế	Thiên tuế lược, Tuế lược	Cycas pectinata Griff. Họ Tuế (Cycadaceae).
Thiên trúc hoàng	Phấn nứa, Phấn cây nứa, Trúc cao, Trúc hoàng phấn	Concretio silicea Bambusae. (Bambusa sp. - họ Lúa Poaceae).
Thiến thảo	Xuyến thảo, Tây thảo, Hồng tây thảo, Mao sáng (Mèo), Thiết huyết đằng, Cửu long căn, Thiên căn, Thiến căn, Huyết kiến sầu.	Rubia cordifolia L. Họ Cà phê (Rubiaceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Thồm lồm	Cây thồm lồm, Thồm lồm đuôi tôm, Cây đuôi tôm, Râu đăng di (H'mông), Hồng sơn thất, Lá lồm, Bẻm, Mía bẻm, Mía nung, Chuồng chuồng, Hoả khôi mẫu.	Polygonum chinense L. (P. sinense L.) Họ Rau răm (Polygonaceae).
Thổ nhân sâm	Thổ cao ly sâm, Giả nhân sâm, Sâm thảo, Sâm đất, Đông dương sâm.	Talinum crassifolium Wild. (T.patens (Gaertn.) Wildt., T. paniculatum (Jacq.) Gaertn.). Họ Rau sam (Portulacaceae).
Thổ phục linh	Củ khúc khắc, Củ kim cang, Cậm cù, Dây chắt, Dây khum, Khúc khắc nhẵn, Thổ tỳ giải, Củ kim cương, Cẩu ngâù lực.	Smilax glabra Roxb. Họ Kim cang (Smilacaceae).
Thỏ ty	Dây tơ hồng, Tơ hồng, Miễn tử, Đậu ký sinh	Cuscuta sinensis Lamk. (C. chinensis Lam., C. hyalina Wight.). Họ Tơ hồng (Cuscutaceae).
Thỏ ty tử	Hạt dây tơ hồng, Thỏ ty, Thố ty, Dã hồ ty, Miễn tử	Semen Cuscutae sinensis. (S. Cuscutae chinensis).
Thông thảo	Cây thông thảo, Thông thoát mộc, Thông thoát, Tùng cum (Dao).	Tetrapanax papyriferus (Hook.) K. Koch. (Aralia papyrifera Hook.) Họ Nhân sâm (Araliaceae)
Thông thảo gai	Cây đu đủ rừng, Thầu dầu núi	Trevesia palmata (Roxb.) Vis. (T.longipedicellata). Họ Nhân sâm (Araliaceae).
Thông thiên thảo	Cây so đũa, Mộc điền thanh.	Sesbania grandiflora L. Poir. Họ Đậu (Fabaceae.).
Thốt nốt	Thnốt (Khơ me), Mak tan kok (Lào), Thốt lốt.	Borassus flabellifer L. (Pholidocarpus tunicatus H.Wendl.). Họ Dừa (Palmaceae).
Thuỷ điệt	Con đỉa	Hirudo medicinalis L. Họ Đỉa (Hirudinidae).
Thuốc dấu	Hồng tước san hô, Dương san hô, Thuốc giấu.	Euphorbia tithymaloides L. (Pedilanthus tithymaloides (L.) Poit.). Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae).
Thuốc dòi	Cây bọ mắm, Cây thuốc giòi.	Pouzolzia zeylanica Benn. (P.indica Gaud.). Họ Gai (Urticaceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Thuốc dòi	Bọ mắm rừng, Nhớt nháo, Mắm	Pouzolzia sanguinea (Blume) Merr. (P. viminea (Wall) Wedd.) Họ Gai (Urticaceae).
Thuốc lào		Nicotiana rustica L. Họ Cà (Solanaceae).
Thuyền thoái	Xác ve sầu, Xác ve ve, Thuyền thuế, Thiền thuế, Thiền thoái.	Periostracum cicadae. (xác của con ve sầu Cryptotympana pustulata Fabricius - họ Ve sầu Cicadae).
Thực diêm	Muối ăn, Muối.	Natrium Chloridum.
Thương ma	Bạch ma, Thanh ma, Cây cối xay Trung Quốc.	Abutilon avicennae Gertn. Họ Bông (Malvaceae).
Thương truật	Mao truật, Xích truật, Xương truật.	Atractylodes lancea (Thunb) D.C. (Atractylis lancea Thunb.). Họ Cúc (Asteraceae).
Thường sơn	Nam thường sơn, Bạch thường sơn, Thường sơn tía, Thục tất, Hoàng thường sơn, Áp niệu thảo, Kê niệu thảo.	Dichroa febrifuga Lour. Họ Tú cầu (Hydrangeaceae).
Tía tô	Tử tô, Mắng la (H'mông), Cùng pô (Dao)	Perilla ocymoides L. (P. nankinensis (Lour.) Decne., P.frutescens (L.) Britton). Họ Hoa môi (Lamiaceae).
Tía tô (lá)	Lá tía tô, Tô diệp, Tử tô diệp	Folium perillae.
Tía tô (qủa)	Quả tía tô, Hạt tía tô, Tử tô tử, Tô tử, Hắc tô tử.	Fructus Perillae.
Tía tô (cành, thân)	Tô ngạnh, Tử tô ngạnh, Cành (thân), Cây tía tô.	Caulis Perillae.
Tía tô đất	Kinh giới đất	Melissa axillaris (Benth) Bakh.f. (M. parviflora Benth.). Họ Hoa môi (Lamiaceae)
Tiền hồ	Quy nam, Thổ đương quy, Sạ hương thái, Tử hoa tiền hồ, Tiền hồ hoa tím.	Peucedanum decursivum (Miq.) Maxim, (Angelia decursiva (Miq.) Franch et Savat.). Họ Hoa tán (Apiaceae).
Tiểu hồi	Tiểu hồi hương	Foeniculum vulgare Mill. Họ Hoa tán (Apiaceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Toàn yết	Bọ cạp, Toàn trùng, Yết tử,	Buthus martensii Karsch. Họ Bọ cạp (Buthidae).
Tóc cháy	Huyết dư thán, Huyết dư khôi, Tro tóc.	Crinis carbonisatus.
Tóc rối	Huyết dư, Đầu phát, Loạn phát, Phát khôi	Crinis (Homo sapiens L.. Họ Người Homominidae).
Tỏi	Đại toán	Allium sativum L. Họ Hành (Alliaceae).
Tô mộc	Cây gỗ vang, Cây vang nhuộm, cây Tô phượng	Caesalpinia sappam L. Họ Đậu (Fabaceae).
Tông bì	Bẹ móc, Bẹ cây móc	Peliolus Caryolae Urentis. (Caryola urens L. Họ Cau Arecaceae).
Tông lư than	Tro bẹ móc, Tông bì thán, Than bẹ móc.	
Tơ mành	Cây tơ mành, Cây dây chỉ, Cây mạng nhện.	Hiptage madablota Gaertn. (H.benghalensis (L.) Kurz.). Họ Măng rô (Malpighiaceae).
Tổ ong vang	Tổ ong bổ vẽ, Tổ ong vàng	Vespa cineta
Tổ tò vò	Tổ con tò vò, Ổ con tò vò	Ichneumonidae (Liris nigripennis)
Trắc bá	Cây trắc bách, Cây trắc bá, Cây trắc bách diệp.	Platycladus orientalis (L.) Franco. (Thuja orientalis L., Biota orientalis (L.) Endl.). Họ Trắc bá (Cupessaceae).
Trạch tả	Cây trạch tả, Cây mã đề nước.	Alisma plantago - aquatica L. Họ Trạch tả (Alismataceae).
Trâm bầu	Chưn bầu, Chưng bầu, Tim bầu, Săng kê, Song re, Song ke (Khơ me)	Combretum quadrangulare Kurz. Họ Bàng (Combretaceae).
Trầm hương	Trầm, Trầm gió, Kỳ nam, Trà hương, Gió bầu, Tiến khẩu	Aquilaria crassna Pierre ex Lecomte. (A.agallocha Roxb.). Họ Trầm (Thymelaeaceae).
Trăn	Con trăn, Măng xà	Python molurus (Trăn mốc). Python reticulatus (Trăn mắc võng) Họ Trăn (Boidae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Trân châu	Ngọc trai, Bạng châu	Margarita (Perla, Pearl). (hạt ngọc trong loài trai: Pteria Maxima, Peteria martensii Dunker, P. magaritifera Linn. Đều Họ Trai (Pteridae).
Trân châu mẫu	Hạt sần sùi ở vỏ con trai ngọc, Ngọc diệp	Concha Pteriae
Trâu cổ	Cây xộp, Xộp xộp, Vẩy ốc, Bị lệ, Sộp.	Ficus pumila L. Họ Dâu tằm (Moraceae).
Trâu	Con trâu, Thuỷ ngưu	Bubalus bubalis L. Họ Trâu bò (Bovidae).
Trâu (sừng)	Sừng trâu, Thuỷ ngưu giác	Cornu Bubali.
Trầu không	Phù lưu đằng, Thược tượng, Mô lu, (Khơ me), Hruê êhang (Thượng), Thanh củ.	Piper bette L. (P.siriboa L). Họ Hồ tiêu (Piperaceae)
Trầu không (lá)	Lá trầu không, Lâu diệp, Phù lưu diệp, Phù diệp.	Folium Piperis.
Tri mẫu.		Anemarrhena asphetoides Bunge. Họ Hành (Liliaceae).
Trinh nữ	Cây trinh nữ, Cây xấu hổ, Cây thẹn, Cây mắc cỡ, Hàm tu thảo.	Mimosa pudica L. Họ Trinh nữ (Mimosaceae).
Tre	Cây tre, Tre gai, Tre lộc ngộc, Tre vườn, Tre gai rừng, Tre nghệ.	Bambusa bambos (L.) Voss. (B.arundinacea Retz var. spinosa Cam.). Họ Lúa (Poaceae).
Trúc nhự	Tinh tre, Phoi tre, Trúc nhị thanh, Đạm trúc nhự.	Caulis Bambusae. in Taeniis.
Trúc diệp	Lá tre, Trước diệp	Folium Bambusae.
Trúc lịch	Nước măng tre, Nước tre non, Trúc du.	Succus Bambusae.
Trung quân	Dây trung quân	Ancistrocladus tectorius (Lour.) Merr. Họ Trung quân (Ancistrocladaceae).
Trư linh	Địa ô đào	Gritola umbellata (Pers.) Pilat. Họ Nấm nhiều lỗ (Polyporaceae).
Trường sinh lá tròn	Phật giáp thảo	Sedum lineare Thunb. Họ Thuốc bỏng (Crassulaceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Tục đoạn	Rễ kế, Đầu vù (Mèo), Xuyên tục đoạn, Tục đoạn nhọn, Tiếp cốt, Nam thảo, Sâm nam.	Dipsacus japonicus Miq. (D.asper Wall.). Họ Trục đoạn (Dipsacaceae).
Tùng	Thông 1. Thông 2 lá, Thông nhựa 2. Thông hai lá, Thông đuôi ngựa 3. Thông ba lá	Pinus 1. Pinus merkusii Jungh et De Vries. 2. Pinus massoniana Lambert. 3. Pinus kesiya Royle ex Gordon. (P. Khasya Hook .f.) Đều họ Thông (Pinaceae).
Tùng diệp	Lá thông, Tùng châm	Folium Pini Kesiyae.
Tùng hương	Tùng cao, Tùng giao	Resina Pini (Colophonium).
Tùng tiết	Mắt thông	Nodus Pini Kesiyae.
Tùng tiêm	Chồi cành thông	Apex ramuli Pini Kesiyae.
Tứ diệp thảo	Cỏ bợ, Điền tự thảo, Phá đồng tiền, Dạ hợp thảo, Tứ điền thảo, Rau bợ, Rau bợ nước, Cỏ chữ điền	Marsilea quadrifolia L. (Lemna quadrifolia Desr., Pteris quadrifolia L.) Họ Rau bợ (Marsileaceae).
Tử thảo		1. Lithospermum erythrorizon Sieb et Zucc. 2. Arnebia cuchroma (Reyle) Zohnst. 3. Onosma paniculatum Bur. et. Franch.
Tử uyển	Thanh uyển, Dã ngưu bàng, Từ uyển.	Aster tataricus L. Họ Cúc (Asteraceae).
Tử vi	Cây hoa tử vi, Cây bằng lăng sẻ	Lagerstroemia indica L. Họ Tử vi (Lythraceae).
Tỳ bà	Nhót tây, Nhót nhật bản, Phì phà (Tày)	Eriobotrya japonica (Thumb.) L. Họ Hoa hồng (Rosaceae).
Tỳ bà diệp	Lá nhót tây	Folium Eriobotryae.
Tỳ giải	Phấn tỳ giải, Xuyên tỳ giải, Tất già.	Dioscorea hypoglauca Polibin (D.tokoro Makino) Họ Củ nâu (Dioscoraceae).
Tỳ giải gai	Tỳ giải, Kim cang, Hiên ngang	Smilas ferox Wall ex Kunth. Họ Kim cang (Smilacaceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
U		
Uy linh tiên	Dây ruột gà, Tiểu mộc thông, Linh tiên.	Clematis sinensis Osbeck. Họ Hoàng liên (Ranunculaceae).
Uất kim	Rễ củ cây nghệ vàng	Radix Curcumae longae. (Curcuma longa L. Họ Gừng Zingiberaceae).
Uất kim (TQ)	Ngải trắng, Nghệ sùi, Bạch ty uất kim, Nghệ trắng.	Radix Curcumae aromaticae. (Curcuma aromatica Salisb. Họ Gừng (Zingiberaceae).
Úc lý nhân		Prunus japonica Thumb. (P.humilis Bge).
V		
Vải	Cây vải, Cây tu hú.	Litchi sinensis Radlk. (L.Chinensis Sonn., Euphoria litchi Desf, Nephelium litchi Cambess). Họ Bồ hòn (Sapindaceae).
Vải (quả)	Quả vải	Fructus Litchi.
Vải (hạt)	Hạt quả vải, Lệ chi hạch	Semen Litchi.
Vải (cùi)	Cùi vải (áo hạt vải), Lệ chi nhục	Arillus Litchi.
Vàng đắng	Vàng đắng, Hoàng đắng, Dây đắng giang, Dây khai, Hoàng đắng lá trắng, Loongt'rơn, Kơ trơng.	Coscinium usitatum Pierre. (C.fenestratum (Gaertn.) Colebr.). Họ Tiết dê (Menispermaceae).
Viễn chí	Tiểu thảo	Polygala sp. Họ Viễn chí (Polygalaceae)
Vỏ bưởi	Vỏ quả bưởi	Exocarpium Citri Grandis.
Vỏ Riệt (?)		
Vỏ sữa	Vỏ cây sữa, Cây mùa cua, Cây mò cua, Cây mồng cua	Cortex Alstoniae. (Alstonia scholaris (L.) R. Br. Họ Trúc đào (Apocynaceae).
Vỏ trứng gà	Vỏ quả trứng gà, Kê đản xác, Đản sát.	
Vối	Cây vối, Nam mộc hương, Thuỷ ông, Thuỷ dung	Cleistocalyx operculatus (Roxb.) Merr et Perry. (Eugenia operculata Roxb.). Họ Sim (Myrtaceae).

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Vối (nụ)	Nụ vối, Nụ hoa vối.	Gemma Florifera Cleistocalycis Operculati
Vối (vỏ)	Vỏ vối, Thuỷ dung bì	Cotex Cleistocalycis Operculati.
Vối (lá)	Lá vối, Thuỷ dung diệp	Folium Cleistocalycis Operculati.
Vòi voi	Cây vòi voi, Dền voi, Đại vĩ đao, Tượng tỷ thảo, Móng biển, Nam độc hoạt, Cẩu vĩ trùng, Promoi damrey (Khơ me).	Heliotropium indicum L. (H. anisophyllum P. de B.). Họ Vòi voi (Boraginaceae).
Vọng cách	Cây cách, Bọng cách	Premna integrifolia L. (Gumira littorea Rumph.) Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae).
Vót thơm	Răng cưa thơm, Lồ lào vâm (Dao), Mạy chỉ chắm.	Viburnum odoratissimum Ker.Gawl. Họ Kim ngân (Caprifoliaceae).
Vôi tôi	Thạch khôi.	
Vông đồng	Cây vông đồng	Erythrina fusca Lour. Họ Đậu (Fabaceae).
Vông vang	Bụp vàng, Bông vang, Đông quỳ.	Hibiscus abelmoschus L. (Abelmoschus moschatus (L.) Medic., A. mosthatus Moench.). Họ Bông (malvaceae).
Vu di	Vô di, Bạch vu di	Ulmus macrocarpa Hance.
Vú bò	Cây vú bò, Ngải phún, Vú chó	Ficus simplicissima Lour.var. hirta (Vahl.) Migo. (F. heterophuyllus L.) Họ Dâu tằm (Moraceae).
Vừng	Mè, Chi ma, Hồ ma, Hắc chi ma, Du miêu tử, Cự thắng tử.	Sesamum indicum L. (S.orientale L., S.lutrum Retz). Họ Vừng (Pedaliaceae).
Vừng đen	Hạt vừng đen, Hắc chi ma	Semen Sesami Nigrum.
X		
Xác rắn	Xà xác, Xà thoái, Xác rắn lột.	Periostracum Serpentis.
Xạ hương	Lạp tử, Nguyên thốn hương, Xạ, Đương môn tử.	Moschus (Moschus moschiferus L. Họ Hươu Cervidae)

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Xích đồng nam	Xích đồng nữ, Mò đỏ, Bấn đỏ, Xích đồng.	Clerodendron infortumatum L. (C.japonicum (Thumb.) Sweet., Volkameria japonica Thumb., C. kaempferi (Jacq.) Sieb ex Hassk.) Họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae).
Xích linh	Xích phục linh (phục linh có màu hồng xám)	Poria.
Xích thạch chi	Gạch ngói chôn dưới đất lâu năm dễ tán bột.	
Xích thược	1.Thược dược nhà 2.Thảo thược dược 3. Xuyên xích thược	1. Paeonia lactiflora Pall 2. Paeonia obovata Maxim 3. Paeonia veichii Lynch Đều Họ Hoàng liên (Ranunculaceae).
Xoan	Cây xoan, Khổ luyện thụ, Xoan trắng, Sầu đâu, Xuyên luyện, Khổ luyện, Sđâu (Khơ me).	Melia azedarach L. Họ Xoan (Meliaceae).
Xoan (sọ quả)	Sọ quả xoan, Hạt quả xoan, Khổ luyện thạch	Fructus Meliae.
Xoan (Vỏ cây)	Khổ luyện bì, Vỏ xoan.	Cortex Meliae.
Xoan (vỏ rễ)	Vỏ rễ cây xoan, Khổ luyện căn bì.	Cortex Radicis Meliae.
Xoan leo	Tam phỏng, Tầm phỏng, Chùm phỏng, Mang hổ	Cardiospermum halicacabum Linn. Họ Bồ hòn (Sapindaceae).
Xoan nhừ	Xuyên cóc, Xoan trà, Nhừ, Xoan rừng, Lát xoan, Nênh (Mèo), Mắc miếu (Tày), Mạy nhừ.	Choerospondias axillaris (Roxb.) Burtt et Hill (Spondias axillaris Roxb.). Họ Đào lộn hột (Anacardiaceae).
Xoài	Muỗm, Swai (Khơ me)	Mangifera indica L. Họ Đào lộn hột (Anacardiaceae).
Xuyên bối mẫu	1. Bối mẫu, Thanh bối, Điều hoa bối mẫu, Bối mẫu Tứ xuyên. 2. Triết bối mẫu, Bối mẫu Triết Giang, Tượng bối.	1. Fritillaria roylei Hook. 2. Fritillaria verticillata Willd. var, thunbergii (Mig.) (F.Thumbergii Miq.) - đều họ Hành (Alliaceae).
Xuyên khung	Khung cùng, Hồ khung, Tăng ky (H'mông)	Ligusticum wallichii Franch. Họ Hoa tán (Apiaceae).
Xuyên luyện tử	Quả xoan, Quả cây xoan quả to, Khổ luyện tử, Kim linh tử.	Fructus Toosendan. (Melia toosendan Sieb et Zucc Họ Xoan Meliaceae)

Tên thường dùng	Tên khác	Tên, họ khoa học
Xuyên ô	Xuyên ô đầu, Ô đầu Tứ Xuyên, Thảo ô.	Aconitum carmichaeli Debx Họ Hoàng liên (Ranunculaceae).
Xuyên tâm liên	Cây công cộng, Khổ đảm thảo, Lam khái liên.	Andrographis paniculata (Burm.f.) Ness (Justicia paniculata Burn.f.) Họ Ô rô (Acanthaceae).
Xuyên sơn giáp	Vẩy con tê tê, Vẩy con trút, Sơn giáp	Squama Manidis (Manis pentadactyla L. Họ Tê tê (Manidae).
Xương báo	Báo cốt, Xương con báo	Os Pantherae.
Xương gấu	Hùng cốt, Xương con gấu	Os Ursi
Xương hổ	Hổ cốt, Đại trùng cốt, Xương con hổ	Os Tigris.
Xương hươu, nai	Hươu cốt, Nai cốt	Os Cervi.
Xương khỉ	Hầu cốt	Os Macacae.
Xương dê	Dương cốt	Os Caprae.
Xương sông	Cây xương sông, Rau húng ăn gỏi, Xang sông, Hoạt lộc thảo	Blumea lanceolaria (Roxb.) Druce. (B. myriocephala D.C., Conyza lanceolaria Roxb.). Họ Cúc (Asteraceae).
Xương rồng	Xương rồng leo, Xương rồng ông, Xương rồng ba cạnh, Bá vương tiêm, Hoa ương lặc.	Euphorbia antiquorum L. Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae).
Xương rồng leo	Xương rồng ông, Cây càng cua, Giải trảo lan	Zygocactus truncatus (Haw.) Schum. (Epiphyllum truncatum Haw.). Họ Xương rồng (Cactaceae).
Y		
Ý dĩ	Bo bo, Cườm gạo, Cườm mễ, Dĩ mễ	Coix lachryma - Jobi L. Họ Lúa (Poaceae).
Ý dĩ nhân	Hạt ý dĩ, Dĩ nhân, Dĩ mễ.	Semen Coicis.



1. Bách bệnh



2. Bạch liễm



3. Bạch phụ tử



4. Bạch thược



5. Bầu đất dại



6. Bí bái

(1. Cành mang quả; 2. Hoa; 3. Nhị; 4. Quả; 5. Hạt)



7. Bòn bọt



8. Bồ cu vẽ



9. Bồ đề



10. Bội lan



11. Câu đằng



12. Chóc

(1. Dạng chung; 2. Cụm hoa)



13. Cò cò



14. Cù đèn



15. Dây ruột gà



16. Đơn kim



17. Giổi



18. Huyết dụ



19. Keo dậu

(1. Cành mang hoa; 2. Hoa;
3. Nhuỵ; 4.Chùm quả; 5. Hạt)



20. Lấu



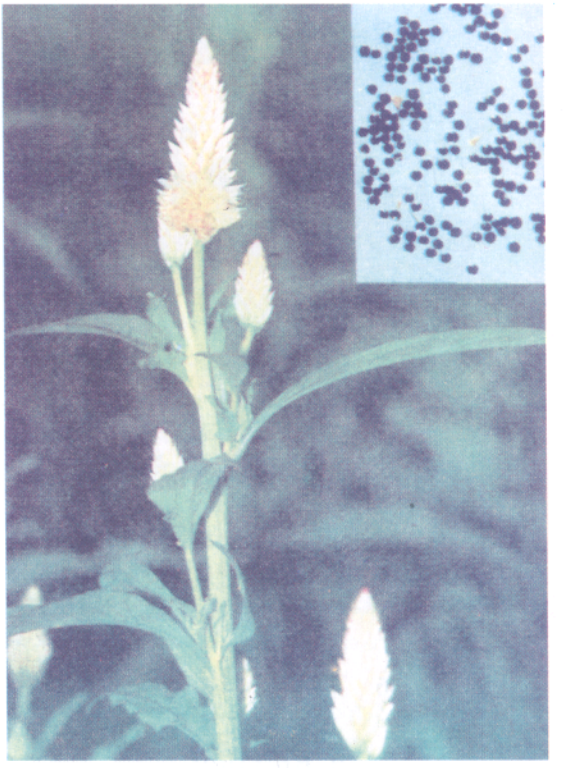
21. Lưỡi rắn



22. Mạn kinh



23. Mào gà đỏ



24. Mào gà trắng



25. Mắc cỡ



26. Mắt gà



27. Mua



28. Nhàu

(1. Cành mang hoa; 2. Hoa bổ dọc; 3. Cụm hoa; 4. Cụm quả; 5. Hạt)

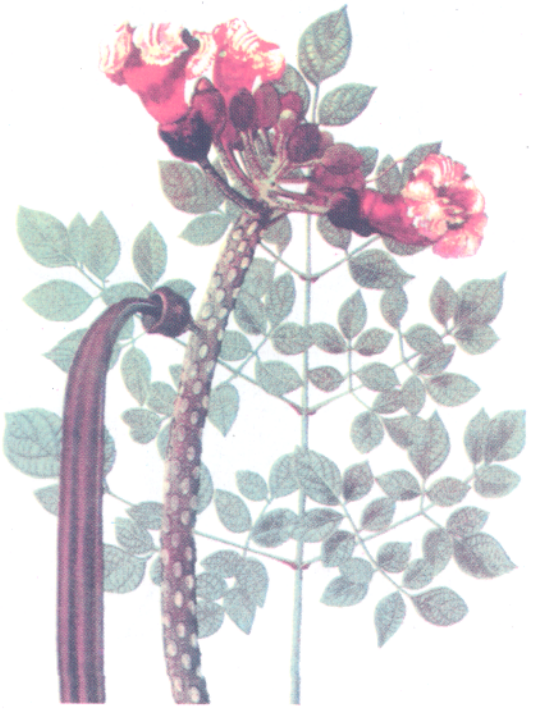


29. Nhội

(1. Cành mang quả; 2. Hoa đực và hoa cái; 3. Quả)



30. Niệt gió



31. Núc nác

(1. Lá; 2. Cành hoa; 3. Quả; 4. Hạt)



32. Rau đắng



33. Ráy



34. Sâm cau



35. Sâm đại hành



36. Sim



37. Sung



38. Tầm phỏng



39. Thanh táo



40. Thiên niên kiện



41. Thuốc bỏng



42. Thường sơn



43. Tiền hồ



44. Xương rồng bà có gai



45. Xương rồng ông



46. Vỏ dụt



47. Vông nem

(1. Cành lá; 2. Ngọn cây mang hoa)



48. Xoan

BẢNG TRA CỨU PHÂN LOẠI CÁC BÀI THUỐC THEO CHỨNG BỆNH

Các bài thuốc trị cảm sốt bốn mùa

	Trang
Bột tía tô hương phụ (Bài 1)	9
Viên hoạt thạch phèn chua (Bài 2)	9
Kinh tô thang (Bài 3)	10
Bạch hương thang (Bài 4)	10
Thang hương căn (Bài 5)	10
Chè giải cảm (Bài 6)	10
Đại bi kinh giới tía tô thang (Bài 7)	11
Bột cảm mạo (Bài 8)	11
Cảm mạo phong tà thang (Bài 9)	11
Bại độc tán (Bài 10)	11
Hương tô tán gia giảm (Bài 11)	12
Bột cảm cúm (Bài 12)	12
Chè cảm cúm (Bài 13)	12
Thang xuyên hương (Bài 14)	12
Sài hồ kinh giới tử tô thang (Bài 15)	13
Hương phụ xuyên khung thang (Bài 16)	13

Các bài thuốc trị cảm mạo phong hàn

Tiêu phong thang (Bài 1)	14
Viên bạch phàn hồ tiêu (Bài 2)	14
Trà kinh giới hoắc hương (Bài 3)	14
Hương tô bạch thang (Bài 4)	15
Cảm phong hàn thang (Bài 5)	15
Thang giải cảm hàn (trúng hàn) (Bài 6)	15
Rượu gừng (Bài 7)	15
Rượu địa liền (Bài 8)	15
Bài thuốc xông cảm (Bài 9)	15
Cháo giải cảm (Bài 10)	16
Thang tử tô kinh giới (Bài 11)	16
Thang hương tô (Bài 12)	16
Bột cảm mạo phong hàn (Bài 13)	17

Hương tô gia vị thang (Bài 14) 17
Trảo quế thang (Bài 15) 17
Tang tô ẩm (Bài 16) 17
Giải cảm thang (Bài 17) 17
Hương tô ẩm (Bài 18) 18
Thái bình hoàn (Bài 19) 18

Các bài thuốc trị cảm mạo phong nhiệt

Ngân trúc cát căn thang (Bài 1) 18
Bạc hà hương nhu thang (Bài 2) 19
Trúc diệp cát căn thang (Bài 3) 19
Bạc kinh tô thang (Bài 4) 19
Ngân cát căn tô thang (Bài 5) 19
Hạn liên tang diệp bạc hà thang (Bài 6) 19
Tang diệp cát căn thang (Bài 7) 20
Sài đất cúc hoa thang (Bài 8) 20
Cảm mạo phong nhiệt thang (Bài 9) 20
Thang thuốc cảm (Bài 10) 21
Bột thạch hà (Bài 11) 21
Phòng kỷ bạch hương thang (Bài 12) 21
Bột kinh giới thạch cao (Bài 27) 27

Các bài thuốc trị cảm thử (cảm nắng)

Hương nhu biển đậu tán (Bài 1) 21
Cát căn hoạt thạch tán (Bài 2) 22
Trúc diệp cát căn thang(Bài 3) 22
Hương nhu tang diệp thang (Bài 4) 22
Hương nhu biển đậu thang(Bài 5) 22
Bạch hương ẩm (Bài 6) 23
Sinh khương đồng tiện thang (Bài 7) 23
Bạch biển diệp thang (Bài 8) 23
Cảm thử thang (Bài 9) 23
Cát căn bạch biển diệp thang(Bài 17) 25
Cửu diệp thang (Bài 19) 25
Sài thạch bạch cát sâm thang (Bài 20) 25
Cảm thử tán (Bài 21) 26
Cảm thử thang (Bài 22) 26
Bạch hương tô thang (Bài 23) 26

Các bài thuốc trị thử tả

Ty qua diệp diêm mai thang (Bài 10) 23
Hoàng oanh ngải diệp thang (Bài 11) 23

Các bài thuốc trị thương thử

Hương bạch cát sinh thang (Bài 12) 23
Thực sinh thang (Bài 13) 24
Thương thử thang (Bài 18) 25

Các bài thuốc trị phục thử và phục thử biến chứng hoắc loạn (thổ tả)

Kiều cát hạnh nhân thang (Bài 14) 24
Hoạt hoắc hương thang (Bài 15) 24
Đào kim nương thang (Bài 16) 24

Các bài thuốc trị cảm thử có kèm thấp

Thử thấp thang (Bài 24) 26
Lục nhất tán (Bài 25) 27
Thử thấp thang (Bài 26) 27
Bột hoạt thạch thạch cao (Bài 28) 28

Các bài thuốc trị cảm cúm

Bột cà gai tía tô (Bài 1) 29
Bột thanh hao địa liền (Bài 2) 29
Trần hương tô thang (Bài 3) 29
Rượu tỏi (Bài 4) 30
Sâm tô tán (Bài9) 31
Nhân sâm bại độc tán (Bài 10) 31
Cảm sốt hoàn (Bài 11) 31
Từ bi ngũ trảo thang (Bài 12) 31
Cát tô kinh bạc thang (Bài 23) 34
Đạt nguyên gia vị thang (Bài 24) 35

Các bài thuốc trị cảm cúm thể phong nhiệt

Tang diệp ngân hoa tán (Bài 5) 30
Bát diệp thang (Bài 6) 30

Các bài thuốc trị cảm cúm thể phong hàn

Đại bi kinh giới tía tô thang (Bài 7) 30
Sài quế ngân niên kiện thang (Bài 8) 30

Các bài thuốc trị thử ôn

Bạch hổ thang (Bài 19) 33
Thanh thử ích khí thang (Bài 20) 33
Sinh mạch tán (Bài 21) 34

Các bài thuốc trị ôn bệnh thuộc khí phận

Ngân kiều tán (Bài 14) 32
Lương cách tán (Bài 15) 32

Các bài thuốc trị xuân ôn thuộc khí phận hay huyết phận

Kinh phong bại độc tán (Bài 13) 32
Ngưu giác tiêu độc thang (Bài 16) 33
Ngưu địa thanh lạc ẩm (Bài 17) 33
Thăng ma tiêu độc ẩm (Bài 18) 33

Các bài thuốc trị thử phong

Linh dương câu đằng gia vị thang (Bài 22) 34

Các bài thuốc trị sốt xuất huyết thời kỳ khởi phát

Thang trị sốt xuất huyết (Bài 5) 36
Ngân kiều tán (Bài 10) 38
Đông qua liên thảo thang (Bài 11) 38
Cối xay nhọ nồi mã đề thang (Bài 12) 38
Hoè hoa sài ngải cỏ nhọ nồi thang (Bài 14) 39
Hoạt thạch thạch cao tán (Bài 15) 39
Hạn liên trúc diệp hoàng bá nam thang (Bài 16) 39
Màn chầu rau má hoè hoa thang (Bài 17) 39
Hương liên trúc mạch thạch cao thang (Bài 20) 40
Thanh nhiệt giải độc thang (Bài 23) 41

Các bài thuốc trị sốt xuất huyết thời kỳ toàn phát

Thang trị sốt xuất huyết (Bài 1) 36
Thang trị sốt xuất huyết (Bài 3) 36
Thang trị sốt xuất huyết (Bài 4) 36
Bột sốt xuất huyết (Bài 6) 37
Thang trị sốt xuất huyết (Bài 7) 37
Ngưu giác địa hoàng gia vị thang (Bài 9) 38
Linh dương câu đằng thang (Bài 13) 38

Các bài thuốc trị sốt xuất huyết giai đoạn sốt lui

Thang bổ trung ích khí (Bài 2) 36
Thang trị sốt xuất huyết (Bài 8) 37
Lương huyết tiêu độc chỉ huyết thang (Bài 24) 41

Các bài thuốc trị sốt xuất huyết thời kỳ huyết dịch tổn thương

Kim trắc trúc bạch thang (Bài 21) 41

Các bài thuốc trị sốt xuất huyết giai đoạn nguy kịch thân nhiệt và áp huyết tụt...

Sâm thục phụ tử thang (Bài 22) 41

Các bài thuốc trị sốt xuất huyết thể nhiệt thắng thấp

Cát căn hoạt thạch thang (Bài 18) 39

Các bài thuốc trị sốt xuất huyết thể thấp thắng nhiệt

Sài cát giải thạch thang (Bài 19) 40

Các bài thuốc trị sốt rét cơn

Thang lá na mật mía (Bài 1) 42
Bột thường sơn binh lang (Bài 2) 42
Nhân sâm bại độc gia thường sơn thảo quả thang (Bài 3) 42
Triệt ngược kim đơn (Bài 7) 43
Hà sơn hoàn (Bài 9) 44
Thảo sơn hoàn (Bài 10) 44
Bột giải độc triệt ngược (Bài 12) 44
Triệt ngược thang (Bài 13) 44
Thanh tỳ ẩm gia vị (Bài 16) 45
Thang triệt ngược (Bài 17) 45
Thuốc sốt rét "Cầu tào" (Bài 19) 46
Thuốc sốt rét "Chính đại" (Bài 21) 47
Sài hồ đại long thang (Bài 25) 48
Chính ngược thang (Bài 26) 48
Hoàn trường sơn I (Bài 35) 51
Hoàn trường sơn II (Bài 36) 52
Hoàn trường sơn III (Bài 37) 52
Bột ngọc núi (Bài 44) 54
Thường sơn hoàn (Bài 20) 46

Các bài thuốc trị sốt rét thể nóng nhiều rét ít

Thường thạch hoàn (Bài 5) 43
Ôn ngược thang (Bài 27) 48
Sơ giải thanh lý nhiệt thang (Bài 33) 51
Viên thường sơn binh lang (Bài 38) 52

Các bài thuốc trị sốt rét thể rét nhiều nóng ít

Trợ tỳ bổ chính khí thang (Bài 29) 49
Tán ngược thang (Bài 30) 50
Ngược chướng hàn thang (Bài 34) 51
Viên cao lương thường sơn (Bài 39) 53
Thường sơn thảo quả hoàn (Bài 40) 53
Bột thường quế (Bài 41) 53

Các bài thuốc trị sốt rét mạn tính

Hà sơn hoàn (Bài 4) 42
Tảo thanh huyết quản hoàn (Bài 6) 43
Thường bố thủ ô hoàn (Bài 42) 53
Viên hà thủ ô (Bài 43) 54

Các bài thuốc trị sốt rét cấp tính

Triệt ngược tán (Bài 14) 45
Đan ngược thang (Bài 28) 49

Các bài thuốc trị sốt rét cách nhật (cấp tính hoặc mạn tính)

Triệt ngược hoàn (Bài 8) 43
Hà thanh hoàn (Bài 15) 45
Thường sơn thanh hao hoàn (Bài 24) 48

Các bài thuốc trị sốt rét có báng (lách to)

Hà lang tán (Bài 11) 44
Lục đậu kê đản bạch thang (Bài 18) 46
Thanh bì miết giáp thang (Bài 22) 47
Công ứ trục đàm thang (Bài 31) 50
Thường sơn miết giáp sa nhân hoàn (Bài 32) 50

Các bài thuốc trị sốt rét nặng ở người cơ thể suy nhược

Binh lang thảo quả thường sơn thang (Bài 23) 47

Các bài thuốc trị tê thấp, phong thấp, phong thấp tê bại

Lục vị tiễn (Bài 3)	55
Phong thấp thang (Bài 4)	56
Thang trị phong thấp (Bài 5)	56
Thang trị phong thấp (Bài 6)	56
Phong tê thấp thang (Bài 7)	56
Thang trị phong thấp (Bài 11)	58
Thang trị đau khớp (Bài 12)	58
Rượu phong thấp (Bài 13)	58
Thang trị phong thấp (Bài 19)	61
Thuốc thoa trị thấp khớp (Bài 25)	63
Phong thấp tán (Bài 35)	65
Quế linh sâm thang (Bài 36)	66
Rượu thấp khớp (Bài 159)	106
Rượu xoa trừ thấp (Bài 44)	68
Rượu thấp khớp (Bài 45)	68
Rượu thấp khớp (Bài 46)	69
Thấp khớp thang (Bài 47)	69
Thanh phong bổ huyết thang (Bài 48)	69
Dược tửu phương trị (Bài 49)	69
Thấp khớp thang (Bài 50)	70
Phong thấp thang (Bài 52)	70
Ngũ linh tán gia xa tiền ý dĩ (Bài 54)	71
Cóc kê đằng thang (Bài 58)	72
Rượu thuốc chữa tê bại (Bài 59)	73
Rượu xoa bóp (Bài 60)	73
Thương thủ ngưu thang (Bài 61)	73
Thủ ô phòng kỷ thang (Bài 62)	73
Độc bộ cường cân hoàn (Bài 63)	74
Cao phong thấp (Bài 64)	74
Phong tê thấp hoàn (Bài 66)	74
Khu phong trừ thấp thang (Bài 68)	75
Phong tê thấp thang (Bài 69)	75
Rượu bổ huyết trừ phong (Bài 70)	75
Cao hy thiêm (Bài 71)	75
Cao hy thương (Bài 72)	76
Cao hoạt huyết trừ thấp (Bài 73)	76
Bột tầm xuân (Bài 74)	76

Cao vòi voi cỏ xước (Bài 75)	76
Viên thủ ô hoàng nàn (Bài 76)	77
Viên mã tiền hoàng tinh (Bài 77)	77
Rượu bưởi bung cỏ xước (Bài 78)	77
Viên mã tiền (Bài 79)	78
Rượu khu phong bổ huyết (Bài 80)	78
Thương nhĩ cao (Bài 81)	78
Thang trị thấp khớp (Bài 86)	80
Phong thấp thang (Bài 89	81
Thang trị phong thấp (Bài 90)	81
Phong thấp thang (Bài 91)	81
Tiêu ứ giải độc thang (Bài 139)	97
Hy thiêm trinh nữ cao (Bài 95)	82
Cao thấp khớp (Bài 97)	82
Thấp khớp thang (Bài 98)	83
Thấp khớp thang (Bài 102)	84
Rượu chỉ thống (Bài 104)	84
Thổ phục quế chi thang (Bài 105)	84
Tê thấp thang (Bài 111)	86
Rượu phong thấp (Bài 114)	87
Rượu rắn (Bài 115)	87
Thang thấp khớp (Bài 116)	88
Thuốc xoa bóp (Bài 119)	89
Phong thấp thang (Bài 120)	89
Tứ thời phong thấp thang (Bài 121)	89
Bột xoa bóp trị thấp khớp (Bài 122)	90
Thang trị thấp khớp (Bài 123)	90
Lịch tiết phong tửu (Bài 124)	90
Phong thấp thang (Bài 127)	91
Rượu xoa bóp (Bài 128)	91
Nhân sâm bại độc gia vị thang (Bài 144)	100
Độc hoạt ký sinh thang gia vị (Bài 147)	101
Tỳ giải thương nhĩ thang (Bài 149)	103
Thuốc phong Bà Giằng (Bài 152)	104
Viên phong thấp (Bài 153)	104
Phong tê thấp hoàn (Bài 163)	108
Huyết đằng độc hoạt ký sinh thang (Bài 161)	107

Các bài thuốc trị phong thấp thể phong nhiệt thấp

Nhiệt thấp thang (Bài 1) 55
Tứ vật gia vị thang (Bài 8) 57
Thanh nhiệt khu phong thang (Bài 15) 59
Khu phong trừ thấp hoàn (Bài 17) 60
Thang trị phong tý (Bài 20) 61
Thanh nhiệt tiêu phong chỉ thống thang (Bài 67) 74
Tứ vật gia vị thang (Bài 83) 79
Tứ vật hợp tam diệu gia vị thang (Bài 85) 79
Tỳ giải trừ thấp thang (Bài 94) 82
Thấp nhiệt thang (Bài 112) 87
Khu phong thanh nhiệt trừ thấp thang (Bài 118) 88
Bổ thận ích tinh thông kinh giải tán phong tà phương (Bài 129) 91
Bổ âm cứu huyết dịch thang (Bài 132) 93
Điều bổ khí huyết nhuận dưỡng cân lạc giải phong nhiệt thang (Bài 137) 96
Nhuận huyết tiêu phong giải độc thang (Bài 138) 97
Thuốc thấp Chùa Đồng 1 (Bài 150) 103
Thang trị thấp khớp (Bài 162) 107

Các bài thuốc trị phong thấp thể phong hàn thấp

Hàn thấp thang (Bài 2) 55
Thang trừ hàn thấp (Bài 9) 57
Thang trị tê thấp (Bài 10) 57
Khu phong tán hàn thang (Bài 14) 59
Trừ thấp hoàn (Bài 18) 61
Thang trị hàn tý (Bài 21) 62
Rượu xoa bóp (Bài 23) 62
Rượu địa liền phụ tử (Bài 32) 64
Hàn tý thang (Bài 42) 67
Hoàn thấp khớp (Bài 51) 70
Phụ tử cam thảo thang gia giảm (Bài 53) 71
Tam tê thang (Bài 57) 72
Tứ vật gia vị thang (Bài 82) 78
Tứ vật gia vị thang (Bài 84) 79
Phong tê thấp thang (Bài 88) 80
Cao hương trừ thấp thang (Bài 93) 81
Cao thống tý (Bài 106) 85
Cao thông tý (Bài 107) 85

Bột trị đau nhức xương khớp (Bài 108) 85
Thấp khớp thang (Bài 65) 74
Khu phong tán hàn trừ thấp thang (Bài 117) 88
Điều khí hoạt huyết tiêu ứ giải phong thấp thang (Bài 130) 92
Ôn kinh nhuận huyết tán hàn khai uất thang (Bài 131) 92
Ôn bổ thận dương tán hàn khu phong trừ thấp thang (Bài 133) 94
Ôn bổ thận dương tán hàn thông kinh hoạt lạc thang (Bài 134) 95
Điều khí hoạt huyết khu phong tiêu độc thang (Bài 136) 96
Trợ thận dương tiêu thấm thấp hạ trọc thuỷ thang (Bài 140) 98
Bổ huyết tư dưỡng cân mạch tiêu thấp giải phong phương (Bài 142) 99
Tán phong thông kinh hoạt huyết thang (Bài 143) 99
Độc hoạt ký sinh gia vị thang (Bài 145) 100
Thuốc thấp Chùa Đồng 2 (Bài 151) 104
Mộc qua phòng kỷ thang (Bài 146) 101

Các bài thuốc trị thấp khớp cấp

Thấp khớp cấp tán (Bài 26) 63
Thấp khớp cấp thang (Bài 27) 63
Lục vị gia vị thang (Bài 28) 63
Thấp khớp cấp thang (Bài 37) 66
Nhiệt tý thang (Bài 40) 67
Toa căn bản gia giảm (Bài 55) 71
Thang trị thấp khớp cấp (Bài 100) 83

Các bài thuốc trị thấp khớp mạn

Sưu phong thông lạc thang (Bài 16) 60
Thấp khớp mạn thang (Bài 29) 64
Thấp khớp mạn thang (Bài 30) 64
Thang trị thấp khớp mạn (Bài 31) 64
Thấp khớp mạn thang (Bài 38) 66
Toa căn bản gia giảm (Bài 56) 71
Bổ huyết khu phong trừ thấp dưỡng cốt tuỷ thang (Bài 135) 95

Các bài thuốc trị thể thấp tý

Thang trị thấp tý (Bài 22) 62
Thấp tý thang (Bài 43) 68
Phong thấp thang (Bài 109) 86
Phong tý thang (Bài 41) 67

Các bài thuốc trị viêm đa khớp dạng thấp

Khu phong thanh nhiệt trừ thấp thang (Bài 87) 80
Thang thấp khớp (Bài 99) 83
Thang trị viêm đa khớp dạng thấp (Bài 101) 83
Thấp khớp hoàn (Bài 103) 84
Viên thấp khớp (Bài 113) 87
Thấp khớp thang (Bài 154) 105
Ngũ gia uy linh thang (Bài 160) 106

Các bài thuốc trị thấp khớp cấp và mạn

Thang trị tê thấp (thấp khớp) (Bài 34) 65
Rượu thấp khớp (Bài 39) 66

Các bài thuốc trị thấp tim

Thấp tim thang (Bài 92) 81

Các bài thuốc trị xương khớp đau nhức, lớn nhô lên

Ác thương phụ cốt hoàn (Bài 24) 63

Các bài thuốc trị hạc tất phong

Gối hạc cao (Bài 96) 82

Các bài thuốc trị đau vùng thắt lưng

Đau lưng thang (Bài 110) 86
Ngưu tất trinh nữ thang (Bài 125) 91

Các bài thuốc trị đau nhức buốt cổ, vai, cánh tay

Thông huyết giải cơ thang (Bài 126) 91

Các bài thuốc trị thấp khớp thể phong thắng

Thanh nhiệt tiêu phong hoạt huyết thang (Bài 155) 105

Các bài thuốc trị thấp khớp thể hàn thắng

Tán hàn hoạt huyết trừ thấp thang (Bài 156) 105
Ôn trung tán hàn hoạt huyết trừ thấp thang (Bài 157) 106

Các bài thuốc trị thấp khớp thể thấp thắng

Thẩm thấp trừ phong lợi tiểu thang (Bài 158) 106

Các bài thuốc trị phong hàn thấp tý và nhiệt tý

Tê thấp tán (Bài 148) 102

Các bài thuốc trị thống phong

Thống phong thang (Bài 33) 65

Các bài thuốc trị chân đau gân rút (chuột rút = Vọp bẻ)

Ôn bổ thận dương hoạt huyết hành khí tiêu thấp thang (Bài 141) 98

Các bài thuốc trị bệnh đau dạ dày thể nhiệt

Độc lực ý dĩ thang (Bài 1) 109
Thang trị đau dạ dày, tá tràng (Bài 9) 111
Bột lá khôi (Bài 14) 112
Dưỡng vị hoà trung tán (Bài 25) 115

Các bài thuốc trị bệnh đau dạ dày thể tỳ vị hư hàn

Ôn trung kiện tỳ ích vị tán (Bài 2) 109
Bột dạ dày (Bài 4) 109
Ô kê sơn hoàn (Bài 29) 116
Trần bì kê nội kim tán (Bài 31) 116
Lương phụ hoàn (Bài 33) 117
Ôn trung kiện tỳ tán (Bài 45) 119
Ôn trung kiện tỳ thang (Bài 46) 119
Hương sa lục quân tử thang (Bài 54) 121
Lương phụ hoàn (Bài 55) 122

Các bài thuốc trị viêm loét dạ dày - hành tá tràng

Dịch chiết hạt bưởi (Bài 13) 112
Đản sát trần bì tán (Bài 12) 111
Bột mai mực (Bài 15) 112
Cao dạ cẩm (Bài 16) 112
Bột ô cam (Bài 19) 113
Bột dạ cẩm (Bài 32) 116
Bột dạ dày (Bài 34) 117
Ô kê chanh thực phương (Bài 36) 117
Khương hoàng tán (Bài 37) 117
Đau dạ dày hoàn (Bài 38) 117
Xuyên tiêu dạ cẩm thang (Bài 43) 118
Mật ong cam thảo trần bì thang (Bài 59) 122

Các bài thuốc trị đau dạ dày thể tăng tiết dịch vị (đa toan)

Cốm nghệ (Bài 11) 111
Bột bối thảo (Bài 5) 110

Cốm M.B.C (Bài 10) 111
Nước sắc lá dung (Bài 40) 118

Các bài thuốc trị đau dạ dày mạn tính

Độc lực thang (Bài 26) 115
Chè dây thang (Bài 41) 118

Các bài thuốc trị đau dạ dày cấp và mạn tính

Bạch truật trần bì hậu phác thang (Bài 60) 123

Các bài thuốc trị viêm đau vùng thượng vị

Bình lang ý dĩ gia vị thang (Bài 8) 110
Viên hương phụ ô dược (Bài 18) 113
Bá ứng tiêu hạ tán (Bài 23) 115
Trấn thống tán (Bài 27) 116
Mễ ô tán (Bài 35) 117
Bột dạ dày (Bài 42) 118

Các bài thuốc trị viêm đau vùng hạ vị

Uất kim ô dược hương phụ thang (Bài 61) 123

Các bài thuốc trị đau dạ dày

Bột độc lực khổ sâm (Bài 7) 110
Viên ô bối (Bài 17) 112
Bột lá khôi (Bài 20) 113
Ô kê hoàn (Bài 24) 115
Trần đởm hoàn (Bài 28) 116
Cốm K.B.C. (Bài 47) 116

Các bài thuốc trị đau dạ dày thể can khí phạm vị

Bột dạ dày (Bài 6) 110
Bổ tỳ vị bình can khí thang (Bài 21) 114
Chỉ truật bạch bá lá dung thang (Bài 39) 118
Bình can kiện tỳ hành khí thang (Bài 44) 119
Hoắc hương chính khí gia vị thang (Bài 22) 114

Các bài thuốc trị đau dạ dày thể khí trệ

Hoá trệ định thống tán (Bài 3) 109
Trầm hương giáng khí tán (Bài 49) 120
Bảo hòa thang (Bài 56) 122
Việt cúc hoàn (Bài 57) 122

Các bài thuốc trị đau dạ dày thể can hoả uất

Khương hương tán (Bài 30) 116
Sơ can tiễn gia vị thang (Bài 48) 120
Sài hồ thanh can thang (Bài 50) 120
Hoà can tiễn (Bài 51) 121

Các bài thuốc trị đau dạ dày thể huyết ứ (thực chứng)

Thử niêm tán (Bài 52) 121

Các bài thuốc trị đau dạ dày thể huyết ứ (hư chứng)

Thất tiêu gia vị tán (Bài 53) 121

Các bài thuốc trị đau dạ dày thể đàm ẩm

Hoá đàm an vị tán (Bài 58) 122

Các bài thuốc trị chảy máu (xuất huyết) dạ dày

Chi tử cát cánh hoàng cầm thang (Bài 62) 123

Các bài thuốc trị đau bụng ỉa chảy

Hoắc hương phục long can thang (Bài 1) 123
Tử tô hoắc hương thang (Bài 2) 124
Lệ chi hoắc hương tán (Bài 3) 124
Cao lương khương hương phụ hoàn (Bài 4) 124
Thang tiêu chảy (Bài 5) 125
Hậu phác hoắc hương thang (Bài 18) 129
Chỉ tả tiêu trệ thang (Bài 25) 131
Sơn mạch trần bì thang (Bài 26) 131
Sơn mạch thần chỉ thực thang (Bài 27) 131
Chỉ thực bạch phàn tán (Bài 28) 131
Mộc hương hậu phác tán (Bài 30) 132
Hoàn chỉ tả (Bài 33) 133
Chỉ tả hoàn (Bài 34) 133
Bột trị ỉa chảy (Bài 35) 133
Tiêu chảy thang (Bài 43) 136
Chỉ tả hoàn (Bài 44) 136
Tiêu hồi mộc hương tán (Bài 50) 137
Thang trị tiêu chảy (Bài 68) 141
Chỉ tả thang (Bài 69) 141
Linh đơn chỉ tả hoàn (Bài 71) 142
Kiện tỳ chỉ tả tán (Bài 89) 148

Các bài thuốc trị đau bụng, trướng bụng, nôn mửa

Cao lương khương thang (Bài 6) 125
Hoắc hương hậu phác trần bì thang (Bài 8) 125
Hành khí phá kết tiêu thực thang (Bài 37) 134
Khử tích phương tán (Bài 41) 135
Tứ quân gia vị thang (Bài 42) 135
Bá ứng tiêu hạ tán (Bài 57) 139
Thang tiêu thực (Bài 61) 140

Các bài thuốc trị tiêu chảy (ỉa chảy)

Hoắc hương thang (Bài 66) 141
Phục long búp ổi thang (Bài 72) 142
Măng cụt lá ổi thang (Bài 73) 142
Nhị khương tán tà thang (Bài 74) 142
Tiêu chảy thang (Bài 75) 143
Viên tiêu chảy (Bài 78) 144
Ngũ linh hợp lý trung thang (Bài 81) 145
Hoắc hương tán (Bài 82) 145
Tiêu chảy hoàn (Bài 83) 145

Các bài thuốc trị thượng thổ hạ tả (thổ tả) đau bụng dữ dội

Rượu cao lương khương (Bài 7) 125
Thời khí thổ tả thang (Bài 46) 136
Thời khí thổ tả hoàn (Bài 47) 137
Phúc thống tán (Bài 51) 138
Rượu trị thổ tả (Bài 77) 144
Rượu bồ đề dược thuỷ (Bài 84) 145
Rượu thời khí (Bài 91) 148

Các bài thuốc trị đại tiện táo bón

Thông lợi tán (Bài 9) 126
Bổ trung ích khí thang gia giảm (Bài 10) 126
Đại hoàng hậu phác thang (Bài 11) 126
Nhuận trường thang (Bài 94) 149

Các bài thuốc trị ỉa chảy nhiệt (nhiệt tả)

Cát căn tích tuyết thảo thang (Bài 20) 129
Lục nhất tán (Bài 22) 130
Trúc lịch hoắc hương thang (Bài 23) 130
Hoài sơn hoắc hương thang (Bài 24) 130

Hoàn hoạt thạch (Bài 48) 137
Thanh nhiệt chỉ tả thang (Bài 63) 140
Thanh trường chỉ tả thang (Bài 85) 146

Các bài thuốc trị ỉa chảy hàn (Hàn tả)

Ôn trung khu hàn kiện tỳ chỉ tả hoàn (Bài 16) 128
Giải biểu tán hàn chỉ tả thang (Bài 53) 138
Giải biểu tán hàn chỉ tả thàng (Bài 62) 140
Sinh khương thang (Bài 60) 140

Các bài thuốc trị đau bụng ỉa chảy hàn và nhiệt

Ô lệ tán (Bài 13) 127
Khổ luyện hoàn (Bài 17) 127

Các bài thuốc trị ỉa chảy do thấp, thấp nhiệt

Thạch cao gia vị thang (Bài 19) 129
Cát căn biển đậu hoắc hương tán (Bài 21) 129
Bình vị gia vị tán (Bài 38) 134
Thanh nhiệt lợi thấp chỉ tả thang (Bài 54) 139

Các bài thuốc trị ỉa chảy cấp tính

Cấp cứu hồi sinh thang (Bài 80) 145

Các bài thuốc trị ỉa chảy mạn tính

Kiện tỳ hành khí chỉ tả thang (Bài 12) 126
Ngải cứu can khương gia vị thang (Bài 36) 134

Các bài thuốc trị ỉa chảy mạn tính và cấp tính

Hoàng đàn phác tiêu hoàn (Bài 45) 136

Các bài thuốc trị ỉa chảy do tỳ vị hư

Lục quân gia vị tán (Bài 14) 127
Bổ trung ích khí thang gia giảm (Bài 40) 135
Bổ tỳ dưỡng vị chỉ tả thang (Bài 70) 141
Can khương bình lang lựu bì tán (Bài 79) 144
Ôn trung kiện tỳ táo thấp thông lợi tiểu tiện thang (Bài 88) 147

Các bài thuốc trị rối loạn tiêu hoá, rối loạn tiêu hoá do ăn uống

Tiêu trệ chỉ tả tán (Bài 29) 132
Bột trị ỉa chảy (Bài 31) 132

Xa tiền hoắc hương tán (Bài 32) 132
Giả khôi tán (Bài 52) 138
Tiêu thực thang (Bài 55) 139
Thang trị rối loạn tiêu hoá (Bài 56) 139
Lương hương ngải tán (Bài 58) 139
Tiêu thực hành khí trừ thấp thang (Bài 90) 148

Các bài thuốc trị thực tích

Tiêu thực hành trệ tán (Bài 15) 127
Bình vị thang (Bài 49) 137
Tiêu thực tán (Bài 67) 141

Các bài thuốc trị đau bụng do giun

Ngải diệp thang (Bài 59) 140

Các bài thuốc trị ỉa chảy kéo dài do thận (thận tiết)

Thận hư chỉ tả thang (Bài 87) 147

Các bài thuốc trị ỉa chảy ra máu

Hậu phác tán (Bài 76) 143
Hoàng kỳ chỉ thực thang (Bài 92) 148
Thỏ ty tử thang (Bài 93) 149

Các bài thuốc trị ỉa chảy do thử tà

Giải thử lợi thấp chỉ tả thang (Bài 86) 146

Các bài thuốc trị nôn, ói, ợ hơi

Sinh khương trần bì thang (Bài 64) 140
Chỉ ẩu thang (Bài 65) 140
Hoắc hương đậu khấu trần bì thang (Bài 95) 149
Trần bì sinh khương thang (Bài 96) 149
Cao lương khương thang (Bài 97) 149

Các bài thuốc trị bụng đầy trướng do tỳ vị hư khí trệ.

Lục quân thang (Bài 39) 135

Các bài thuốc trị bệnh kiết lỵ

Thang cỏ phượng vĩ vừng đen (Bài 5) 151
Dền gai huyết dụ thang (Bài 7) 151
Phèn đen hoàn (Bài 8) 152
Phượng vĩ trâu cổ thang (Bài 9) 152

Kê tử lá mơ thang (Bài 10) 152
Ké hoa vàng xích đồng nam thang (Bài 11) 153
Hoè hoa bồ cu vẽ thang (Bài 17) 154
Kim ngân hoàng bá hoàng liên thang (Bài 18) 154
Hoắc hương tán (Bài 22) 156
Nụ sim riềng ấm hoàn (Bài 23) 156
Hương liên bổ vị thang (Bài 34) 159
Gia vị ngũ quân thang (Bài 35) 159
Phèn đen mơ lông thang (Bài 36) 160
Rau mơ cỏ mực thang (Bài 63) 167
Chỉ lỵ tán (Bài 38) 160
Viên khổ luyện đại hoàng (Bài 54) 164
Viên hương luyện (Bài 55) 164
Cỏ sữa hoàn (Bài 56) 165
Hương phụ tán (Bài 57) 165
Lá mơ cỏ sữa thang (Bài 58) 165
Rau má bá bệnh thang (Bài 59) 165
Bột kiết lỵ (Bài 72) 169
Cỏ sữa rau sam phượng vĩ thang (Bài 73) 169
Chỉ lỵ thang (Bài 81) 171
Kiết lỵ thang (Bài 83) 171
Mộc nhĩ mơ lông thang (Bài 92) 174
Phượng vĩ bòng bong thang (Bài 93) 174
Rau sam cỏ sữa nhọ nồi thang (Bài 94) 174
Hoàn khổ luyện xích thạch chi (Bài 95) 174

Các bài thuốc trị bệnh xích bạch lỵ

Hành trệ hoá thấp thanh nhiệt tán (Bài 1) 150
Bạch phàn tạo giác tán (Bài 2) 150
Khổ luyện binh lang thang (Bài 39) 160
Tiêu tích trệ thang (Bài 79) 171
Khổ kiết bạch hậu thang (Bài 80) 171
Hoàng đằng thang (Bài 82) 171

Các bài thuốc trị lỵ do thấp nhiệt

Thang rau sam cỏ sữa (Bài 3) 150
Đậu đen hoa đại thang (Bài 4) 150
Mơ lông cỏ sữa sau sam thang (Bài 6) 151
Canh châu giấp cá kim ngân thang (Bài 12) 153

Khổ sâm cát căn hoàn (Bài 13) 153
Thấp nhiệt lỵ thang (Bài 41) 161
Tả lỵ thang (Bài 60) 166
Thanh nhiệt tiêu tích thang (Bài 68) 168
Hồng bạch lỵ thang (Bài 78) 170

Các bài thuốc trị lỵ cấp tính

Vương hạn liên thang (Bài 19) 155
Liên tiền hắc đậu tán (Bài 20) 155

Các bài thuốc trị lỵ mạn tính

Nha đảm tử nhân phương (Bài 24) 156
Hưu tức lỵ thang (Bài 29) 158
Kê tử bạch phàn thang (Bài 30) 158
Mãng cầu tán (Bài 31) 158
Liên nhục khổ sâm tán (Bài 37) 160
Bổ trung ích khí gia vị thang (Bài 40) 161
Kiết lỵ tán (Bài 65) 167
Sơn binh nha đảm tán (Bài 70) 169

Các bài thuốc trị lỵ amib

Viên nha đảm (Bài 25) 156
Viên sầu đâu cứt chuột (Bài 26) 157
Viên sầu đâu cứt chuột (Bài 28) 157
Nước sắc đinh nam (Bài 27) 157

Các bài thuốc trị lỵ phát thành dịch (dịch độc lỵ)

Lộc vừng mực hoa trắng thang (Bài 14) 153
Phèn đen phượng vĩ thang (Bài 15) 154
Rau sam cỏ sữa ngân hoa thang (Bài 16) 154

Các bài thuốc trị lỵ cấp hoặc mạn tính

Hoàng hương hoàn (Bài 32) 158
Phượng vĩ trắc bách diệp thang (Bài 74) 170

Các bài thuốc chữa tả lỵ

Tả lỵ thang (Bài 43) 161
Chỉ tả lỵ thang (Bài 44) 162
Táo thấp sáp trường chỉ tả lỵ hoàn (Bài 64) 167

Các bài thuốc trị lỵ thuộc thể nhiệt

Rau sam cỏ sữa mơ lông hoàn (Bài 50) 163
Viên rau sam nhọ nồi (Bài 51) 163
Xi rô cao rau sam (Bài 52) 164
Viên khổ sâm (Bài 53) 164
Thanh thử giải nhiệt độc thang (Bài 62) 166
Đạo trệ thang (Bài 66) 167
Chỉ lỵ tán (Bài 71) 169
Giải nhiệt lỵ thang (Bài 77) 170

Các bài thuốc trị lỵ thuộc thể hàn thấp

Hàn thấp lỵ thang (Bài 42) 161
Tả lỵ thang (Bài 61) 166
Mộc hương nhuận khí thang (Bài 67) 168
Ôn trung trừ thấp chỉ lỵ thang (Bài 69) 168

Các bài thuốc trị viêm đại tràng

Xuyên tâm liên độc vị thang (Bài 86) 172
Bầu giác bọt cua thang (Bài 87) 172
Bầu giác bòng bong thang (Bài 88) 173
Viên mật lợn (Bài 89) 173

Các bài thuốc trị viêm đại tràng cấp hoặc mạn

Viêm đại tràng thang (Bài 33) 159

Các bài thuốc trị viêm đại tràng co thắt (thực chứng)

Thương lẫm thang gia giảm (Bài 45) 162

Các bài thuốc trị viêm đại tràng gây trĩ (Hưu tức lỵ)

Bổ trung hợp hương liên hoàn gia giảm (Bài 46) 162

Các bài thuốc trị viêm đại tràng thể hàn

Quy tỳ gia vị thang (Bài 84) 172
Thang ĐT2 (Bài 91) 173

Các bài thuốc trị viêm đại tràng thể nhiệt

Đan chi tiêu giao gia vị thang (Bài 85) 172
Thang ĐT1 (Bài 90) 173

Các bài thuốc trị viêm đại tràng do thấp nhiệt

Lục ma ẩm (Bài 101) 177
Xích tiểu đậu đương quy tán (Bài 102) 177
Long đởm tả can thang (Bài 103) 177

Các bài thuốc trị viêm đại tràng thể tỳ hư

Chân nhân dưỡng tạng thang (Bài 104) 177
Ích huyết nhuận trường hoàn (Bài 105) 178
Ngũ nhân hoàn (Bài 106) 178

Các bài thuốc trị trĩ ngoại

Hóa trĩ hoàn (Bài 96) 174

Các bài thuốc trị trĩ nội

Mao căn ý dĩ thang (Bài 97) 175
Thảo ô khô phàn tán (Bài 99) 175

Các bài thuốc nam trị trĩ các thể: Trĩ nội, trĩ ngoại, trĩ hỗn hợp, trĩ tụ huyết

Thuốc tiêm minh đởm phàn (Bài 100) 176

Các bài thuốc trị bệnh thoát giang (lòi trôn trê)

Thanh lợi đại tràng thăng đề cử hãm thang (Bài 98) 175

Các bài thuốc trị táo bón thuộc nhiệt

Chút chít muồng trâu tán (Bài 47) 162

Các bài thuốc trị táo bón do hư hàn

Lưu hoàng xuyên tiêu tán (Bài 48) 163

Các bài thuốc trị táo bón do âm huyết kém

Viên bổ âm nhuận tràng (Bài 49) 163

Các bài thuốc trị đại tiện ra máu

Hoè hoa kinh giới tán (Bài 75) 170
Mã đề cỏ tranh thang (Bài 76) 170

Các bài thuốc trị lỵ thể hư hàn

Kiết lỵ tán (Bài 21) 155

Các bài thuốc trị viêm gan mạn các thể

Tiêu giao gia vị thang (Bài 1) 179
Tiêu giao gia giảm thang (Bài 2) 179

Tiêu giao gia giảm thang (Bài 3) 179
Thanh can hoạt huyết thang (Bài 5) 180
Viêm gan hoàn (Bài 7) 181
Núc nác cối xay thang (Bài 21) 185
Núc nác tơ hồng phòng kỷ thang (Bài 22) 185
Ngải truật tơ hồng núc nác thang (Bài 23) 186
Tiêu giao gia giảm thang (Bài 25) 186
Rau má sài hồ chi tử thang (Bài 27) 187
Cao bổ gan (Bài 32) 188
Đan sâm bạch thược uất kim tán (Bài 69) 198
Đan sâm nọc sởi thang (Bài 75) 199

Các bài thuốc trị viêm gan vàng da (Hoàng đản) các thể

Thanh nhiệt tiêu hoàng lợi tiểu thang (Bài 6) 180
Nhân trần chi tử thang (Bài 9) 181
Thanh can giải độc thang (Bài 16) 184
Hương sa hợp nhị trần gia vị thang (Bài 30) 187
Xi rô nhuận gan (Bài 35) 189
Nhân trần gia vị thang (Bài 36) 189
Nhân trần gia vị tán (Bài 37) 189
Nhân trần tứ nghịch gia vị thang (Bài 38) 189
Nhân trần gia vị thang (Bài 39) 190
Long đởm tả can thang gia giảm (Bài 40) 190
Nhân trần gia giảm tán (Bài 41) 190
Lục vị gia vị thang (Bài 42) 191
Nhân trần khổ qua căn thang (Bài 43) 191
Sài hồ chi tử bạch cầm thang (Bài 44) 191
Nhân trần tứ nghịch gia vị thang (Bài 45) 192
Sinh tân thông ứ huyết thang (Bài 46) 192
Nhân trần quất bì thang (Bài 49) 193
Nhân trần ngũ linh tán (Bài 50) 193
Chi tử bá bì thang (Bài 51) 193
Gia giảm cam lộ tiêu độc thang (Bài 52) 193
Nhân trần phụ tử càn khương thang (Bài 53) 193
Nhân trần tứ nghịch thang (Bài 54) 194
Nhân trần chi tử thạch cao tán (Bài 56) 194
Sơ can thông mật thanh nhiệt giải độc thang (Bài 61) 195
Thanh tỳ ẩm gia vị (Bài 62) 196
Bột nhân trần chi tử (Bài 65) 197

Các bài thuốc trị viêm gan do virus

Nhân trần gia vị thang (Bài 4) 179
Nhân trần thang (Bài 17) 185
Nhân trần ngũ linh thang (Bài 18) 185
Nhân trần chi tử hoàn (Bài 31) 188
Bột nhân trần chi tử (Bài 34) 188
Nhân trần chi tử phục linh thang (Bài 55) 194

Các bài thuốc trị cổ trướng, xơ gan cổ trướng các thể

Sơ can thuận khí hành ứ thang (Bài 10) 182
Bình vị hợp ngũ linh gia vị thang (Bài 11) 182
Hành khí lợi thuỷ sát trùng thang (Bài 12) 183
Kiện tỳ dưỡng vị hành khí tiêu thực trừ trướng thang (Bài 13) 183
Sơ can lý khí hoạt huyết tiêu ứ thang (Bài 14) 184
Kiện tỳ lợi thuỷ tiêu phù thang (Bài 15) 184
Thang tua rễ đa (Bài 20) 185
Mộc trần thang (Bài 24) 186
Khương sài bạch thược thang (Bài 70) 198

Các bài thuốc trị bệnh teo gan

Tứ vật gia vị thang (Bài 8) 181

Các bài thuốc trị bệnh hoàng hãn (mồ hôi vàng)

Hoàng hương nhân truật thang (Bài 47) 192
Nhân trần chi tử thang (Bài 48) 192

Các bài thuốc trị ung thư gan thời kỳ đầu

Đan sâm tật lê thang (Bài 71) 198
Liên chi hoa xà thiệt thảo thang (Bài 72) 198
Liên chi hoa xà thiệt thảo thang (Bài 73) 198
Tam bạch đại kế thang (Bài 74) 199

Các bài thuốc trị bệnh gan to, lách to

Miết giáp bạch thược hoàng kỳ thang (Bài 76) 199

Các bài thuốc trị viêm túi mật, ống dẫn mật

Chân vũ hợp nhân sâm thang (Bài 33) 188
Nhân trần bồ công anh thang (Bài 19) 185
Tiêu giao gia giảm thang (Bài 28) 187
Tiêu giao gia vị thang (Bài 29) 187
Viên mật (Bài 63) 196
Nhân trần uất kim thang (Bài 66) 197

Các bài thuốc trị vàng da tắc mật

Thông mật thang (Bài 26) 187
Viên lô đảm (Bài 64) 197

Các bài thuốc trị sỏi mật

Thang actiso kim tiền thảo (Bài 60) 195

Các bài thuốc trị giun chui ống mật

Hương mộc sử quân binh lang thang (Bài 57) 194
Khu trùng thang A (Bài 58) 195
Khu trùng thang B (Bài 59) 195
Khổ luyện sử quân thang (Bài 68) 197

Các bài thuốc trị viêm mật cấp

Nhân trần chi tử đậu căn thang (Bài 67) 197

Các bài thuốc trị viêm thận mạn

Thang viêm thận 1 (Bài 12) 204
Tiêu phù viêm thận mạn thang (Bài 17) 206
Thang tiêu phù (Bài 18) 206
Kim quỹ thận khí thang (Bài 42) 211

Các bài thuốc trị thận hư nhiễm mỡ

Thang TPK1 (Bài 13) 204
Thang TPK2 (Bài 14) 204
Thang phèn đen (Bài 15) 205
Thang tiêu phù 1 (Bài 16) 205
Tam long trị thuỷ phương (Bài 52) 214

Các bài thuốc trị bệnh phù thũng thể dương thuỷ

Tiêu tích trệ trục thuỷ lợi thấp thang (Bài 1) 200
Tiêu tích trệ trục thuỷ lợi thấp thang (Bài 4) 200
Sơ phong thẩm thấp lợi tiểu thang (Bài 51) 214

Các bài thuốc trị bệnh phù thũng thể âm thuỷ

Bát vị quế phụ gia giảm thang (Bài 2) 200
Lục quân gia khương quế thang (Bài 5) 201

Các bài thuốc trị bệnh phù thũng thể hư hàn

Bột đại hồi thần khúc (Bài 9) 203
Thuốc phù hồi vĩ (Bài 10) 203

Viên ô mã (Bài 11) 203
Bổ khí kiện tỳ trục thuỷ thang (Bài 3) 200
Hoắc hương chính khí thang gia giảm (Bài 47) 212

Các bài thuốc trị bệnh phù toàn thân thể thực

Bột tiêu phàn (Bài 8) 202
Khiên ngưu diệp thang (Bài 19) 206
Vòi voi vọng cách thang (Bài 20) 206
Mộc khương mao hương thang (Bài 31) 209
Ngũ bì gia vị thang (Bài 41) 211

Các bài thuốc trị phụ nữ phù thũng thể huyết thũng

Ôn kinh hoạt huyết lợi tiểu tiêu phù thang (Bài 6) 201

Các bài thuốc trị tiểu tiện ra máu (Huyết lâm)

Lục vị địa hoàng thang gia vị (Bài 75) 223
Huyết dụ rau má mảnh cộng thang (Bài 22) 207
Thông lâm trừ thấp nhiệt thang (Bài 50) 213

Các bài thuốc trị phù toàn thân

Trầm hương uất kim tán (Bài 32) 209
Đuôi chồn ngấy hương thang (Bài 33) 209
Lành ngạnh thang (Bài 34) 210
Ngấy hương dây vằng thang (Bài 35) 210
Thài lài thương nhĩ thang (Bài 36) 210
Râu ngô vỏ quýt thang (Bài 37) 210

Các bài thuốc trị bệnh phù thũng do tim

Thài lài đậu đỏ phục linh thang (Bài 27) 208
Thài lài xích tiểu đậu thang (Bài 38) 210

Các bài thuốc trị tiểu tiện đỏ, đái dắt, đái buốt (nhiệt lâm)

Trư linh biển súc tán (Bài 83) 226
Thanh nhiệt lợi tiểu thang (Bài 7) 202
Thạch vi biển súc thang (Bài 26) 208
Biển súc phục linh thang (Bài 95) 228

Các bài thuốc trị bệnh buồn đi tiểu luôn (di trích tiểu)

Hoài thạch tỳ giải trí nhân thang (Bài 30) 209

Các bài thuốc trị bệnh đái đục, đái dưỡng chấp (cao lâm)

Du long thái thang (Bài 23) 207
Du long biển súc thang (Bài 24) 207

Nhỏ gừa râu bắp rau trai thang (Bài 80) 225
Rau đắng kim anh khiếm thực tán (Bài 84) 226

Các bài thuốc trị sỏi đường tiết niệu (sỏi thận, sỏi niệu đạo, sỏi bảng quang = Thạch lâm)

Kim tiền thương nhĩ thang (Bài 21) 206
Mã đề biển súc thang (Bài 25) 208
Mã đề biển súc cối xay thang (Bài 29) 208
Tứ diệp thảo thang (Bài 40) 211
Tiền thảo mao căn thang (Bài 43) 211
Lục vị địa hoàng thang gia vị (Bài 45) 212
Tiền thảo trạch tả mộc thông thang 46 212
Sòi tía mộc thông thang (Bài 48) 213
Tứ diệp thảo thang (Bài 49) 213
Đông quỳ kim hoạt thang (Bài 86) 226
Màn chầu hoạt thạch thang (Bài 91) 227
Cỏ bợ đứa gai thang (Bài 92) 227
Màn chầu thổ phục thang (Bài 93) 227

Các bài thuốc trị viêm bàng quang, viêm bàng quang cấp

Biển súc hoạt thạch thang (Bài 28) 208
Sài đất bồ công anh thang (Bài 88) 227
Dành dành cam thảo cỏ tranh thang (Bài 89) 227

Các bài thuốc trị viêm tiết niệu kèm tăng huyết áp

Lục vị địa hoàng gia vị thang (Bài 76) 224
Long đởm tả can gia vị thang (Bài 77) 224

Các bài thuốc trị viêm cầu thận cấp có phù

Rau trai cỏ xước mã đề thang (Bài 39) 211

Các bài thuốc trị viêm phì đại tuyến tiền liệt

Đương quy khô thảo sinh bá sài hồ thang (Bài 44) 212
Đào nhân xích thược thang (Bài 87) 226

Các bài thuốc trị tiêu khát, đái tháo đường (tiểu đường)

Giàng xay cườm gạo thốt nốt thang (Bài 58) 220
Khổ qua sinh địa hoài sơn thang (Bài 59) 220
Ngọc trúc khổ qua sinh địa thang (Bài 60) 221
Qua lâu điền thảo tán (Bài 61) 221
Hoài sơn điền thảo thang (Bài 62) 221

Qua lâu điền thảo thang (Bài 63) 221
Sơn thục thang (Bài 78) 225
Sinh địa hoài sơn thang (Bài 79) 225
Hoàng tinh hoàng kỳ thang (Bài 82) 226
Thiên hoa tri mẫu thang (Bài 85) 226

Các bài thuốc trị bệnh tiểu đường thể thực

Thang cối xay cườm gạo.(Bài 57) 220
Hoài sơn hoàng kỳ hoa phấn thang (Bài 90) 227
Ngọc trúc mạch môn thang (Bài 94) 228

Các bài thuốc trị tiểu đường thể phế vị âm hư

Trư tỳ thang (Bài 64) 221
Cáp điểu mộc nhĩ thang (Bài 65) 221

Các bài thuốc trị tiểu đường thể khí âm hư

Trư tỳ sơn dược thang (Bài 66) 222
Cáp điểu hoài sơn ngọc trúc thang (Bài 67) 222
Hoàng tinh hoa phấn thang (Bài 69) 222
Dưỡng âm ích khí trừ khát thang (Bài 68) 222
Tri mẫu hoa phấn thang (Bài 70) 222

Các bài thuốc trị tiểu đường thể can thận dương hư

Rượu hoàng tinh kỷ tử thủ ô (Bài 71) 223
Lục vị địa hoàng thang gia giảm (Bài 72) 223

Các bài thuốc trị tiểu đường thể âm dương lưỡng hư

Hữu quy ẩm gia giảm (Bài 73) 223

Các bài thuốc trị tiểu đường thể lý âm hư

Râu mèo cỏ sữa thang (Bài 74) 223

Các bài thuốc trị tiểu đường thể thượng tiêu (phế tiêu)

Cam hàn nhuận phế thanh nhiệt sinh tân thang (Bài 53) 218
Tam hiệp bổ phế khí hoàn (Bài 54) 219

Các bài thuốc trị tiểu đường thể trung tiêu (vị tiêu)

Ngũ âm hoàn (Bài 55) 219

Các bài thuốc trị tiểu đường thể hạ tiêu (Thận tiêu = Thận âm hư)

Bổ thận cố tinh hoàn (Bài 56) 219

Các bài thuốc trị tiểu đường phát sinh mụn nhọt lở loét

Hoàng kỳ cam thảo tán (Bài 81) 225

Các bài thuốc trị tăng huyết áp

Hương nhu hậu phác thạch cao thang (Bài 3) 229
Cao bạch hạc (Bài 6) 230
Chè dừa cạn hoa đại lá dâu (Bài 7) 230
Chè an thần hạ áp (Bài 8) 231
Địa cốt bì thang (Bài 17) 233
Tang chi uý tử thang (Bài 18) 233
Khô thảo đỗ trọng hoàn (Bài 25) 235
Hoè hoa hy thiêm thang (Bài 29) 235
Hà sinh bạch thược thang (Bài 26) 235
Ký sinh khô thảo thang (Bài 47) 239
Cồn tỏi (Bài 50) 239
Câu đằng thang (Bài 51) 240
Bát trân gia giảm thang (Bài 63) 242
Hy thiêm chi tử thang (Bài 64) 243
Nhân trần hoè hoa cam thảo thang (Bài 67) 243
Ngũ tử thang (Bài 70) 244
Quyết minh câu đằng thang (Bài 71) 244
Trường xuân quyết minh thang (Bài 76) 245

Các bài thuốc trị cao huyết áp thể can hoả vượng (can dương vượng)

Long đởm tả can thang gia giảm (Bài 1) 229
Bình can hoạt huyết thang (Bài 4) 230
Sài hồ thanh nhiệt thang gia giảm (Bài 10) 231
Long đởm tả can thang gia vị (Bài 12) 233
Câu đằng địa long thang (Bài 16) 233
Quyết minh sinh địa cúc hoa thang (Bài 55) 240

Các bài thuốc trị tăng huyết áp thể can thận âm hư

Bổ can thận hoạt huyết an thần lợi niệu thang (Bài 5) 230
Lục vị gia giảm thang (Bài 9) 231
Tư âm bổ thận thanh can giáng hỏa thang (Bài 11) 232
Liên tiền long nhãn thang (Bài 72) 244

Các bài thuốc trị huyết áp thấp, huyết áp tụt (Vong dương ≈ truỵ tim mạch)

Tứ nghịch thang (Bài 34) 236
Hồi dương thang(Bài 69) 244

Các bài thuốc trị rối loạn tiền đình thể đờm hoả thượng nghịch

Nhị trần thang gia vị (Bài 2) 229

Các bài thuốc trị thiểu năng tuần hoàn não

Ngọc trúc đan sâm thang (Bài 33) 236

Các bài thuốc trị di chứng chấn thương não do tăng huyết áp, co thắt mạch vành, tăng lipid máu

Đan sâm tán (Bài 21) 234
Hy thiêm uý tử thang (Bài 30) 236
Đan sâm uý tử thang (Bài 39) 238

Các bài thuốc trị vữa xơ động mạch, mỡ trong máu cao

Câu đằng thang (Bài 60) 242
Hương sa thang (Bài 61) 242
Hương sa câu đằng hoàn (Bài 62) 242

Các bài thuốc trị viêm tắc động mạch chi (thoát thư)

Phục linh cỏ xước thang (Bài 57) 241
Thập bát định thống thang (Bài 58) 241
Hoa đại thang (Bài 59) 242

Các bài thuốc trị tăng huyết áp, tăng cholesterol máu, đau thắt động mạch vành, đau thắt tim

Nhân sâm tam thất linh chi tán (Bài 38) 237
Nhân sâm tam thất tán (Bài 44) 238
Linh chi thang (Bài 68) 243

Các bài thuốc trị chứng giảm tiểu cầu

Đại táo liên diệp thang (Bài 20) 234
Sơn thù nhân sâm thang (Bài 37) 237
Tam thất thiến thảo ngó sen thang (Bài 43) 238

Các bài thuốc trị bệnh viêm đau vùng tim do ứ huyết khí trệ

Đan sâm thang (Bài 22) 234

Các bài thuốc trị tăng huyết áp ở người cao tuổi

Thủ ô tang ký sinh thang (Bài 27) 235

Các bài thuốc trị bệnh thấp tim, suy tim nặng còn bù trừ, viêm cơ tim, viêm nội tâm mạc...

Lạc tiên thổ phục màn chầu thang (Bài 32) 236
Hy thiêm thổ phục huyết đằng thang (Bài 66) 243

Các bài thuốc trị bệnh bạch cầu lymphô cấp

Trường xuân hoa thang (Bài 75) 245

Các bài thuốc trị nhiễm khuẩn gây rối loạn thành mạch

Bách diệp mạch môn thang (Bài 74) 245

Các bài thuốc trị bệnh tim hồi hộp, lo âu bồn chồn, mất ngủ (rối loạn thần kinh tim)

Bách hợp địa hoàng thang (Bài 13) 233
Bạch truật hoàng kỳ thang (Bài 14) 233
Lạc tiên thang (Bài 40) 238
Trân châu táo nhân viễn chí thang (Bài 56) 240
Táo nhân long nhãn mạch môn thang (Bài 73) 244

Các bài thuốc trị khí huyết hư tim hồi hộp nhịp không đều

Cảm thảo đảng sâm quế chi thang (Bài 15) 233

Các bài thuốc trị nấc nghẹn tức ngực mạch đập chậm do hư hàn

Nhân đinh thị đế thang (Bài 24) 235

Các bài thuốc trị tim hồi hộp do nhiệt uất

Đậu sị chi tử thang (Bài 23) 234

Các bài thuốc trị bệnh mạch máu tắc nghẽn đau co rút khắp người

Mộc thông ngưu tất hồng hoa sinh địa thang (Bài 52) 240

Các bài thuốc trị các chứng chảy máu

Đại kế trắc bá lá sen thang (Bài 19) 234
Hòe hoa bách thảo sương thang (Bài 28) 235
Trắc bá nhọ nồi thang (Bài 31) 235
Tam liên thang (Bài 35) 237
Sinh địa trắc bá thang (Bài 36) 237
Tam thất huyết dư tán (Bài 41) 238
Tam thất bạch chỉ tán (Bài 42) 238
A giao thiến thảo thang (Bài 45) 239
Ô tặc cốt tán (Bài 46) 239
Trúc nhự thang (Bài 49) 239
Sinh địa trắc bá thang (Bài 53) 240
Thuỷ ngưu giác thang (Bài 54) 240
Trắc bách ngải diệp can khương thang (Bài 65) 243

Các bài thuốc trị phù do tim thận

Thài lài xích tiểu đậu thang (Bài 48) 239

Các bài thuốc trị ho do ngoại cảm phong hàn

Khương mao thang (Bài 1) 246
Tử tô cửu thái thang (Bài 10) 248
Cát cánh cam thảo tán (Bài 14) 249
Nhân sâm bại độc thang (Bài 15) 249
Tang bì bạch quả hạnh nhân thang (Bài 20) 250
Viên ho phèn nghệ (Bài 55) 257
Tử tô kinh giới lá chanh thang (Bài 66) 260
Hạnh nhân cát cánh thang (Bài 95) 267
Ma hoàng tế tân thang (Bài 128) 273
Hạnh nhân cát cánh tiền hồ thang (Bài 135) 274
Tử uyển cát cánh trần bì thang (Bài 138) 274
Cát cánh cam thảo thang (Bài 72) 261

Các bài thuốc trị ho do ngoại cảm phong nhiệt

Thuốc ho do ngoại cảm (Bài 71) 261
Bạc hà cát cánh cam thảo thang (Bài 82) 265
Thanh đại liên kiều thang (Bài 110) 269
Ngưu bàng thang (Bài 115) 270

Các bài thuốc trị ho do phế nhiệt

Tang bì cửu thái thang (Bài 2) 246
Tang bì mạch môn thang (Bài 22) 251
Thanh phế chỉ khái thang (Bài 44) 255
Tang bì bách bộ thang (Bài 45) 255
Tỳ bà cát cánh thang (Bài 94) 267
Tang cốt bì thang (Bài 99) 267
Hoàng cầm cát cánh hạnh nhân thang (Bài 104) 268
Đậu căn cát cánh ngưu bàng thang (Bài 125) 272
Tư âm nhuận phế thang (Bài 133) 273
Tỳ bà tang bạch thang (Bài 140) 275
Thanh nhiệt nhuận phế tiêu đờm thang (Bài 144) 275
Bách bộ mỏ quạ thang (Bài 112) 270

Các bài thuốc trị các chứng ho, ho bốn mùa

Viên ho long đờm mát phổi (Bài 4) 246
Viên ho mát phổi (Bài 5) 247
Cao lỏng mã đề (Bài 7) 247
Viên tang bì cát cánh (Bài 8) 248

Các bài thuốc trị ho nhiều đờm

Sa mộc hương thang (Bài 121) 271
Khô phàn chanh thực thang (Bài 46) 255
Khương hạ thang (Bài 47) 255
Trần bì cỏ ống thang (Bài 48) 255
Phàn khương hoàn (Bài 49) 256
Bạch cập tam thất tán (Bài 86) 265
Bán hạ sinh khương thang (Bài 90) 266
Trần bì bán hạ thang (Bài 91) 266
Tế tân cam thảo thang (Bài 129) 273
La bạc trần bì thang (Bài 149) 276
Bách bộ thang (Bài 83) 265

Các bài thuốc trị các chứng viêm họng, ho

Xạ can tang bì thang (Bài 32) 252
Viên mãng cầu xạ can (Bài 9) 248
Khương hoàng chanh thực thang (Bài 67) 260
Thanh đại huyền sâm thang (Bài 97) 267
Huyền sâm sinh địa cát cánh thang (Bài 108) 269
Ngưu bàng cam thảo bạc hà thang (Bài 116) 270
Qua lâu cam thảo sinh khương thang (Bài 117) 271
Đậu căn cát cánh cam thảo thang (Bài 124) 272
Rau trai thang (Bài 130) 273
Mạch môn tang bì thang (Bài 150) 277
Xuyên tâm liên thang (Bài 142) 275
Xạ can tán (Bài 119) 271

Các bài thuốc trị viêm phế quản, khí quản

Mạch môn bách bộ tang bì thang (Bài 23) 251
Tang diệp thang (Bài 26) 251
Bách hợp bạch tiền thang (Bài 88) 266
Tiền hồ bối mẫu tang bì thang (Bài 134) 274
Thanh phế thang (Bài 50) 256
Ngưu bàng cát cánh thang (Bài 148) 276

Các bài thuốc trị viêm phế quản mạn

Tía tô cửu thái trần bì thang (Bài 25) 251
Trần bì la bạc thang (Bài 28) 252
Mạch môn cát cánh tiền hồ thang (Bài 40) 254
Huyền sâm sinh địa mạch môn thang (Bài 41) 254
Mạch môn bách bộ tang bì thang (Bài 64) 259

La bạc hạnh nhân thang (Bài 93) 266
Hậu phác ma hoàng thang (Bài 102) 268
Viễn chí trần bì cam thảo thang (Bài 141) 275

Các bài thuốc trị viêm phế quản cấp sốt cao

Tang diệp bạc hà cúc hoa thang (Bài 27) 251

Các bài thuốc trị viêm phế quản cấp và mạn

Thanh phế tiêu viêm hoàn (Bài 6) 247

Các bài thuốc trị viêm phế quản cấp và mạn thể phong nhiệt

Hoá đờm thanh phế chỉ khái thang (Bài 61) 258

Các bài thuốc trị viêm phế quản cấp và mạn thể phong hàn

Ôn phế chỉ khái hoá đờm thang (Bài 62) 258

Các bài thuốc trị viêm phế quản cấp và mạn thể táo (khí táo)

Thanh phế nhuận táo chỉ khái thang (Bài 63) 259

Các bài thuốc trị viêm phổi

Tang bì sài đất bồ công anh thang (Bài 31) 252
Cát cánh cam thảo thang (Bài 96) 267
Tang bì thang (Bài 100) 268

Các bài thuốc trị viêm màng phổi

Bạch cập thang (Bài 85) 265
Giấp cá phù dung thang (Bài 101) 268
Lô căn ý dĩ thang (Bài 143) 275

Các bài thuốc trị ho hen suyễn nhiều đờm khó thở

Nhân sâm hồ đào thang (Bài 106) 269
Bách bộ vỏ sung cao (Bài 3) 246
Hoá suyễn hoàn (Bài 11) 248
Bán hạ hùng hoàng hoàn (Bài 12) 248
Hoàn la bạc tử (Bài 16) 249
Chỉ khái tiêu đờm thang (Bài 17) 250
Tiền hồ tử tô bán hạ thang (Bài 24) 251
Tam tử giáng khí thang (Bài 33) 253
Viên tiêu đờm (Bài 56) 257
Vỏ sung bách bộ thang (Bài 59) 258
Bạch quả thang (Bài 87) 265

Hậu phác quế chi thang (Bài 103) 268
Rau má lông thang (Bài 118) 271
Xạ can ma hoàng thang (Bài 120) 271
Tơ hồng lá nhót thang (Bài 21) 250
Nam uy linh tiên thang (Bài 60) 258
Tạo giác tán (Bài 19) 250
Mạch môn ngũ vị thang (Bài 114) 270

Các bài thuốc trị hen phế quản

Viên MP (Bài 13) 249
Bột trị hen (Bài 29) 252
Tiền hồ bách bộ mạch môn thang (Bài 30) 252
Mạch môn độc lực chỉ thiên thang (Bài 65) 259
Viên hen (Bài 78) 263
Cao ớt rừng (Bài 79) 264
Thang lá hen (Bài 80) 264
Hoàn tạo giác khô phàn (Bài 81) 264
Trầm hương tán (Bài 136) 274

Các bài thuốc trị hen gốc tại tỳ

Ma hoàng tô tử mạch môn thang (Bài 34) 253
Tô tử mạch môn bán hạ trần bì thang (Bài 35) 253

Các bài thuốc trị hen gốc tại thận

Lục vị gia vị thang (Bài 36) 253

Các bài thuốc trị hen gốc tại phế

Mạch môn bối mẫu thang (Bài 37) 253
Định suyễn gia giảm thang (Bài 77) 263
Bạch tiền thang (Bài 89) 266

Các bài thuốc trị hen thể hàn (lãnh háo)

Ma hoàng mạch môn cát cánh thang (Bài 38) 254
Trần bì bán hạ tô diệp thang (Bài 70) 261
Ma hoàng xạ can hợp tam tử thang (Bài 74) 262
Lãnh háo hoàn (Bài 75) 262

Các bài thuốc trị hen thể nhiệt (nhiệt háo)

Huyền sâm sinh địa tang bì thang (Bài 39) 254
Việt tỳ gia bán hạ thang (Bài 76) 262

Các bài thuốc trị hen phế quản thể hàn và thể nhiệt

Tiêu đờm nhuận phế hoàn (Bài 68) 260
Bán hạ hạnh nhân tán (Bài 69) 260

Các bài thuốc trị viêm xoang do cơ địa dị ứng, ho hen

Ngân hoa thổ phục tang bì thang (Bài 42) 254
Huyền sâm sinh địa tang bì thang (Bài 43) 255

Các bài thuốc trị khái huyết

Bổ huyết thanh tâm trừ khái huyết thang (Bài 51) 256
Liên ngẫu trắc bá thang (Bài 52) 256
Tam thất tang bì tán (Bài 98) 267

Các bài thuốc trị ho lâu ngày

Xương sông đu đủ nghệ chanh thang (Bài 53) 256
Tang bạch bì thang (Bài 54) 256
Nhuận phế thang (Bài 57) 257
Mạch môn bối mẫu thang (Bài 92) 266
Tử hà sa hoàn (Bài 145) 276
Cáp nhân hạnh tán (Bài 147) 276

Các bài thuốc trị viêm xoang mạn có mủ

Nước nhỏ mũi tân di (Bài 126) 272

Các bài thuốc viêm xoang cấp có mủ

Tân di thương nhĩ thang (Bài 127) 272

Các bài thuốc trị bạch hầu

Dưỡng âm nhuận phế thang (Bài 107) 269
Sinh địa huyền sâm thang (Bài 123) 272

Các bài thuốc trị ho nhiều về đêm khó thở

Tang bì hạnh tử tán (Bài 18) 250

Các bài thuốc trị ho do phổi yếu (phế suy nhược)

Sa sâm bán hạ tang bì thang (Bài 73) 261
Cát cánh cam thảo thang (Bài 109) 269
Mạch môn cam thảo thang (Bài 111) 270
Sa sâm bối mẫu thang (Bài 122) 271

Các bài thuốc trị ho, khạc ra huyết ở người lao phổi cơ thể suy nhược

Bách bộ hoàng tinh thang (Bài 105) 269
Thanh cao miết giáp thang (Bài 131) 273
Mạch môn thanh cao thang (Bài 132) 273
Tri bá địa hoàng thang (Bài 137) 274
Tử uyển tri bối mẫu thang (Bài 139) 275
Ngân sài địa cốt bì thang (Bài 113) 270
Bạch tiền bách bộ thang (Bài 84) 265

Các bài thuốc trị ho khan, ít đờm, khản tiếng...

Thiên môn trắc bá thang (Bài 58) 258

Các bài thuốc trị phế thận hư ho hen mạn

Nhân sâm tắc kè tán (Bài 146) 276

Các bài thuốc trị chứng mất ngủ, mất ngủ kinh niên

Điều hoà vị khí an thần trấn tâm thang (Bài 1) 278
Tang diệp hắc đậu thang (Bài 4) 278
Hoàn bình thảo (Bài 11) 280
Tang diệp quyết minh thang (Bài 22) 283
Liên anh tử thang (Bài 24) 284
Chè sen cúc (Bài 27) 284
Quyết minh tang diệp thang (Bài 35) 286
Hà đan trân châu mẫu thang (Bài 47) 289
Tử nhân viễn chí thang (Bài 63) 293
Trân châu mẫu thang (Bài 79) 296
Bổ huyết an thần hoàn (Bài 81) 296
Lạc tiên thang (Bài 90) 298
Bình vôi thang (Bài 91) 298

Các bài thuốc trị chứng mất ngủ do thần kinh suy nhược

Liên thảo hoàn (Bài 2) 278
Rượu an thần (Bài 21) 283
Táo nhân viễn chí phục thần thang (Bài 23) 283
Bổ tâm hoàn (Bài 26) 284
Lạc tiên hải đồng tang diệp thang (Bài 29) 285
Hà quy thang (Bài 46) 289
Hoè hoa hy thiêm thang (Bài 50) 290
Phục thần viễn chí liên nhục thang (Bài 56) 291
Táo nhân tri mẫu thang (Bài 59) 292
Phục thần bá tử xương bồ thang (Bài 61) 292

Các bài thuốc trị chứng mất ngủ do âm hư hoả vượng

Tư âm thanh nhiệt an thần hoàn (Bài 15) 281

Các bài thuốc trị bệnh thần kinh suy nhược

Thủ ô ty tử hoàn (Bài 3) 278
Khung chỉ thảo quyết táo nhân thang (Bài 5) 279
Tiêu giao thang gia vị (Bài 17) 282
Quy tỳ thang gia giảm (Bài 19) 282
An thần cố tinh thang (Bài 20) 283
Thuỷ lục nhị tiên đơn (Bài 25) 284
Quy tỳ gia thục địa thang (Bài 86) 294

Các bài thuốc trị bệnh suy nhược thần kinh thể hưng phấn tăng

Ôn đởm thang gia vị (Bài 12) 280
Bình can giáng hoả an thần thang (Bài 14) 281
Ngũ long hoàn (Bài 32) 285

Các bài thuốc trị bệnh suy nhược thần kinh thể ức chế giảm

Bổ tâm tỳ an thần hoàn (Bài 13) 281
Bổ tỳ gia giảm (Bài 16) 281

Các bài thuốc trị bệnh suy nhược thần kinh do khí huyết lưỡng hư

Nhân sâm dưỡng vinh thang gia vị (Bài 18) 282
Quy tỳ gia vị thang (Bài 34) 286

Các bài thuốc trị bệnh suy nhược thần kinh do can thận âm hư

Lục vị địa hoàng hoàn (Bài 36) 287

Các bài thuốc trị bệnh suy nhược thần kinh thể âm hư hoả vượng

Tri bá địa hoàng thang gia giảm (Bài 37) 287

Các bài thuốc trị bệnh thần chí bất an trí nhớ giảm sút

Viễn chí xương bồ hoàn (Bài 64) 293
Hổ phách định chí hoàn (Bài 49) 289
Quy tỳ hoàn (Bài 53) 290
Long đởm lô hội hồ hoàng liên thang (Bài 54) 291
Tiên địa hoàng hoàn (Bài 57) 291
Táo nhân viễn chí thang (Bài 58) 292
Viễn chí xương bồ tửu (Bài 65) 293
An thần định chí tán (Bài 69) 294

Các bài thuốc trị bệnh động kinh (kinh giản)

Ngô công toàn yết tán (Bài 67) 293
Hổ phách thọ tinh hoàn (Bài 48) 289
Địa long mã tiền tán (Bài 8) 280
Ba ba thần sa thang (Bài 9) 280

Các bài thuốc trị tinh thần rối loạn khi hát, khi cười, miệng nói nhảm nhí, có lúc mất trí nhớ

Đông qua địa long thang (Bài 7) 279

Các bài thuốc trị rối loạn tiền đình

Nhị trần gia vị thang (Bài 28) 284
Lục vị gia vị thang (Bài 85) 297

Các bài thuốc trị viêm rễ thần kinh toạ

Bát vị quế phụ thang gia vị (Bài 31) 285

Các bài thuốc trị viêm dây thần kinh tọa mạn

Thang trị viêm thần kinh toạ (Bài 102) 301

Các bài thuốc trị viêm dây thần kinh tọa

Ngũ thần thang (Bài 93) 299

Các bài thuốc trị viêm dây thần kinh toạ thể phong hàn thấp

Thần kinh toạ thang (Bài 96) 300
Cát căn thang gia giảm (Bài 97) 300
Hoắc hương chính khí gia vị thang (Bài 99) 300
Thang trị viêm thần kinh tọa (Bài 100) 301
Thang trị viêm thần kinh tọa (Bài 101) 301

Các bài thuốc trị đau dây thần kinh liên sườn

Giải cơ thanh can tư thận thang (Bài 30) 285
Hương phụ nga truật thang (Bài 98) 300
Thang hương nghệ (Bài 88) 298

Các bài thuốc trị bại liệt nửa người bên phải

Ôn kinh điều khí thang (Bài 94) 299

Các bài thuốc trị bại liệt nửa người bên trái

Tư âm hoạt lạc thang (Bài 95) 299

Các bài thuốc trị đau dây thần kinh tam thoa

Sơ kinh điều vị thang (Bài 10) 280

Các bài thuốc trị đau đầu, đau đầu mất ngủ, đau đầu triền miên hoặc đau dữ dội

Thanh chân hoàn (Bài 6) 279
Thảo liên hoàn (Bài 83) 297
Viên an thần (Bài 84) 297
Dưỡng não hoàn (Bài 92) 299

Các bài thuốc trị cơn co giật sài uốn ván

Ngô công thuyền thoái câu đằng thang (Bài 44) 289
Phòng phong thiên ma tán (Bài 60) 292
Ngô công tán (Bài 74) 295

Các bài thuốc trị sốt cao kinh giật

Thiên ma câu đằng thang (Bài 43) 288
Câu đằng địa long thang (Bài 70) 294
Địa long hoàn (Bài 71) 294
Ngưu hoàng hoàn (Bài 73) 295
Cương tằm tang diệp thang (Bài 75) 295
Bạch hổ thang (Bài 82) 296

Các bài thuốc trị viêm não cấp

Thất diệp nhất chi hoa thang (Bài 38) 287
Ngân hoa thanh đại thạch cao thang (Bài 45) 289
Ngưu hoàng hoàn (Bài 72) 294
Thuỷ ngưu giác thang (Bài 77) 295

Các bài thuốc trị loại trúng phong

Khu phong tứ vật thang (Bài 33) 286
Bột bổ kết phèn chua (Bài 39) 288
Bổ kết tế tân tán (Bài 40) 288
Bạch thược quế chi thang (Bài 55) 291
Thiên trúc hoàng tán (Bài 62) 292
Cương tằm toàn yết tán (Bài 68) 294
Bạch cương tằm tán (Bài 76) 295

Các bài thuốc trị chứng kinh phong, kinh phong mạn

Trân châu tán (Bài 78) 296
Nam tinh thuyền thoái thang (Bài 80) 296

Các bài thuốc trị chứng bế khiếu mê sảng mất trí

Thanh nhiệt thông khiếu trừ đờm thang (Bài 66) 293

Các bài thuốc trị bắp thịt co rút đau (chuột rút, vọp bẻ)

Thược dược cam thảo thang (Bài 41) 288

Các bài thuốc trị đau mỏi ngang thắt lưng

Ngưu tất ký sinh trinh nữ thang (Bài 87) 298

Các bài thuốc trị đau cổ, vai, cánh tay

Quế khương thang (Bài 89) 298

Các bài thuốc trị tâm thần bất an trằn trọc lo âu

Cao kim anh (Bài 52) 290

Các bài thuốc trị chứng trằn trọc khó ngủ, hồi hộp

Sài hồ cát căn thang (Bài 42) 288

Các bài thuốc trị phong tê nửa bên người đau nhức

Hy thiêm thương nhĩ tán (Bài 51) 290

Các bài thuốc trị suy nhược cơ thể, khí huyết hư, ăn ngủ kém

Tiên thiên thang gia giảm (Bài 3) 302
Biển đậu đinh lăng hoàn (Bài 6) 303
Tư thận bổ âm thang (Bài 7) 303
Đại bổ khí huyết tinh (Bài 8) 303
Hoàng tân thanh hoàn (Bài 9) 304
Nhân sâm dưỡng vinh thang gia giảm (Bài 10) 304
Dưỡng dinh hoàn (Bài 11) 304
Bổ âm đơn (Bài 12) 305
Hà liên khang tỳ hoàn (Bài 14) 305
Ngũ cốt cao (Bài 20) 307
Đại bổ hoàn (Bài 25) 308
Viên bổ lá sung (Bài 35) 312
Nhân sâm ngũ vị hoàn (Bài 66) 319
Sâm sơn bạch mẫu thang (Bài 80) 322
Nhân sâm tắc kè hoàn (Bài 87) 324
Huyền sa sinh địa hoàng kỳ thang (Bài 76) 321
Độc sâm thang (Bài 70) 320

Các bài thuốc trị suy nhược cơ thể, suy nhược thần kinh

Tam tài thang (Bài 71) 320
Lộc nhung tán (Bài 13) 305
Hà sa đại tạo hoàn (Bài 28) 309
Viên bổ sâm (Bài 47) 315
Phục thần viễn chí liên nhục thang (Bài 77) 321

Các bài thuốc trị suy dinh dưỡng ở người lớn (hư tổn thể nhiệt)

Tư âm giáng hoả thang (Bài 1) 302

Các bài thuốc trị suy dinh dưỡng ở người lớn (hư tổn thể hàn)

Thang bổ tỳ vị (Bài 2) 302

Các bài thuốc trị phù do suy dinh dưỡng

Bạch liên tán (Bài 5) 303
Nhu mễ khang tỳ hoàn (Bài 36) 312

Các bài thuốc bổ âm, dưỡng âm

Tư âm giáng hoả hoàn (Bài 18) 306
Bổ thận âm hoàn (Bài 19) 307
Cao đại bổ (Bài 21) 307
Hà sa đại tạo hoàn (Bài 29) 310
Tư thận dưỡng can hoàn (Bài 52) 316
Hoài sơn tri mẫu thang (Bài 53) 317
Sinh mạch ẩm (Bài 68) 320
Lục vị hoàn (Bài 81) 322
Đại bổ âm hoàn (Bài 86) 323

Các bài thuốc trị thận, bàng quang hư hàn

Ô hoài ích khí hoàn (Bài 58) 318

Các bài thuốc trị huyết hư

Tư dưỡng vinh huyết hoàn (Bài 17) 306
Bổ huyết hoàn (Bài 46) 315
Bổ huyết hoàn (Bài 56) 317
Tứ vật thang (Bài 79) 322

Các bài thuốc trị khí hư, khí huyết hư suy yếu

Hoàn bổ (Bài 4) 203
Bổ khí kiện trung hoàn (Bài 15) 305
Bổ khí huyết hoàn (Bài 31) 310
Viên bổ thủ ô (Bài 37) 312

Tứ quân tử thang gia vị (Bài 41) 314
Bát trân thang (Bài 42) 314
Hoàn bổ tỳ vị (Bài 45) 315
Thập toàn đại bổ thang (Bài 48) 316
Phòng phong bạch truật thang (Bài 49) 316
Quy tỳ hoàn (Bài 59) 318
Tứ quân tử thang (Bài 69) 320

Các bài thuốc trị tỳ vị hư nhược, tiêu hóa kém

Tiêu thực tán (Bài 44) 315
Hoàn bổ tỳ (Bài 38) 313
Bột bổ tỳ (Bài 39) 313
Bạch truật đảng sâm thang (Bài 50) 316
Cốc nha bạch truật thang (Bài 60) 318
Sơn thần cốc mạch thang (Bài 61) 318
Cốc nha kê nội kim thang (Bài 62) 318
Sâm mạch bạch truật thang (Bài 63) 319
Sơn mạch thang (Bài 64) 319
Mộc hương hoàn (Bài 65) 319
Bổ trung ích khí thang (Bài 88) 324

Các bài thuốc trị thận hư

Bổ thận bồi nguyên thang (Bài 27) 309
Rượu đỗ trọng (Bài 55) 317
Ích trí nhân tán (Bài 57) 318
Liên nhục ba kích tán (Bài 78) 322
Hoàn thỏ ty liên nhục (Bài 82) 322
Bổ thận tráng cân thang (Bài 83) 323
Kim kỷ tật lê thang (Bài 85) 323

Các bài thuốc bổ thận ích tinh, cố tinh

Thuốc bổ con tằm (Bài 24) 308
Kim toả ngọc quan hoàn (Bài 33) 311
Bổ thận hoàn (Bài 34) 311
Mẫu lệ tang phiêu tiêu thang (Bài 67) 319
Tật lê mẫu lệ thang (Bài 84) 323

Các bài thuốc trị thận dương suy

Ôn bổ thận dương hoàn (Bài 16) 306
Bổ thận dương hoàn (Bài 30) 310
Bát vị thận khí hoàn (Bài 73) 320

Các bài thuốc bổ thận tráng dương thiểu năng sinh dục

Cao bổ thận cố tinh (Bài 22) 308
Bổ thận tráng dương hoàn (Bài 23) 308
Rượu Minh Mạng (Bài 40) 313
Minh Mạng thang (Bài 43) 314
Hoàn sâm thục (Bài 51) 316
Ôn thận tráng dương hoàn (Bài 54) 317
Hoàn bổ thận tráng dương (Bài 72) 320
Thỏ ty phá cố chỉ hoàn (Bài 74) 321
Bổ thận tráng dương hoàn (Bài 32) 311

Các bài thuốc trị lao lực quá sức, ăn ngủ kém, thiếu máu

Chí cường lực tráng tửu (Bài 26) 309

Các bài thuốc trị thận suy chân phù bụng trướng

Bát vị quế phụ gia vị hoàn (Bài 75) 321

Các bài thuốc trị dương khí hậu thiên hư tổn

Hậu thiên bát vị thang (Bài 89) 324

Các bài thuốc thuộc toa căn bản

Toa căn bản và 21 bài toa căn bản gia vị điều trị các chứng bệnh:

Cơ thể suy nhược (do mắc các chứng bệnh ngoại cảm thương hàn hoặc các bệnh nội thương lâu ngày); Rối loạn tiêu hoá, ỉa chảy, kiết lỵ, phù thũng, mất ngủ, viêm gan, lở ngứa, mụn nhọt, phong tê thấp, phụ nữ kinh nguyệt không đều, khí hư bạch đới, rong kinh, động thai... (xem từ trang 325 đến 330).

Các bài thuốc thuộc bài bình can chứng

Bình can chứng và 98 bài bình can chứng gia vị điều trị các chứng bệnh:

Viêm gan, hoàng đản; Rối loạn tiêu hoá, kiết lỵ, viêm loét dạ dày tá tràng, tiểu đường, tiểu đục, tiểu đau buốt, tiểu ra máu; ho viêm họng, hen suyễn khó thở, đau nhức đầu, mất ngủ; sốt, sốt cao co giật, sốt rét, sốt phát ban, cảm cúm, dị ứng, mụn nhọt; phong tê thấp; thần kinh suy nhược; thận hư lưng đau gối mỏi; phụ nữ kinh nguyệt không đều, băng huyết, rong huyết, động thai... (xem từ trang 331 đến 354).

Các bài thuốc trị rối loạn kinh nguyệt, kinh nguyệt không đều

Ích mẫu hương phụ thang (Bài 1) 355
Ích ngải hương thang (Bài 3) 355
Hương sa đinh quế thảo cam hương thang (Bài 4) 355
Bạch đồng bướm trắng xương truật thang (Bài 5) 356
Ích mẫu sinh địa huyền sâm thang (Bài 6) 356

Ích mẫu sinh địa cốt bì thang (Bài 7) 356
Ích mẫu ngải cứu thang (Bài 8) 356
Mã hương ích mẫu thang (Bài 29) 360
Đan ích hương nga hoàn (Bài 30) 360
Viên bổ huyết điều kinh (Bài 42) 363
Hà đan hồ bạch tán (Bài 61) 367
Hương phụ thang (Bài 64) 368
Điều kinh bổ huyết thang (Bài 79) 372
Thanh nhiệt lương huyết điều kinh thang (Bài 91) 375
Hương phụ hoàn (Bài 92) 375
Điều kinh hoàn (Bài 93) 376
Điều kinh hoàn (Bài 94) 377
Hương ngải chi lan hoàn (Bài 95) 377
Hương ngải ích mẫu tán (Bài 96) 377
Bát trân thang gia vị (Bài 99) 379
Nhị trần thang gia khung quy (Bài 100) 379
Bát vị tiêu giao thang gia vị (Bài 102) 380
Điều kinh thang (Bài 165) 395
Tứ vật thang gia giảm (Bài 181) 398
Viên hương phụ kinh giới (Bài 198) 402
Cao hương ngải (Bài 199) 402
Hương phụ ô dược thang (Bài 219) 408
Thự ngải hoàn (Bài 237) 412
Hương ngải sài hồ thang (Bài 238) 412
Liên chi hương thang (Bài 239) 413
Lục vị gia vị thang (Bài 240) 413
Hà hương thang (Bài 241) 413
Lương huyết thanh nhiệt điều kinh thang (Bài 295) 426
Liên tiền hương phụ thang (Bài 296) 426
Hy thiêm ích mẫu thang (Bài 297) 426
Ôn kinh thang (Bài 298) 426
Cố kinh bổ khí thang (Bài 299) 426
Bổ huyết điều kinh thang (Bài 300) 427
Điều kinh bổ khí huyết thang (Bài 301) 427
Hành huyết trục ứ điều kinh thang (Bài 302) 427
Thư khí giải uất điều kinh thang (Bài 303) 427
Bạch mẫu khung quy thang (Bài 346) 436
Xích thược đan bì thang (Bài 353) 438
Hoạt huyết điều kinh thang (Bài 355) 438

Các bài thuốc trị đau bụng khi hành kinh

Hương phụ hoàn (Bài 28) 360
Hương phụ sa nhân ô dược thang (Bài 11) 357
Thanh hoả điều khí khai uất lương huyết thang (Bài 31) 360
Điều kinh hoàn (Bài 46) 364
Cao bổ huyết điều kinh (Bài 47) 364
Ích mẫu cao (Bài 53) 365
Hương phụ hoàn (Bài 60) 367
Đào nhân quy vĩ hồng hoa thang (Bài 69) 369
Nga phụ hoàng hoàn (Bài 71) 370
Hương phụ ô dược thang (Bài 72) 370
Bổ khí dưỡng huyết điều kinh thang (Bài 73) 371
Viên hương ngải (Bài 78) 372
Điều kinh hoàn (Bài 80) 372
Uất hương ngải mẫu hoàn (Bài 98) 379
Trữ ma hương ngải hoàn (Bài 150) 392
Điều kinh chỉ thống thang (Bài 164) 395
Nga hương ngải hoàn (Bài 182) 398
Hy thiêm hương phụ ích mẫu hoàn (Bài 183) 399
Vạn thống hoàn (Bài 186) 399
Viên hương phụ ích mẫu (Bài 194) 401
Viên hương phụ hy thiêm (Bài 195) 402
Viên hương ô (Bài 196) 402
Nhân trần ích mẫu thang (Bài 217) 407
Hương ngải bạch đồng thang (Bài 218) 408
Hắc xích đậu thang (Bài 220) 408
Viên hương ngải ô dược (Bài 225) 409
Chân vịt ích mẫu hương ngải thang (Bài 230) 410
Hương ngải ô sài thang (Bài 242) 413
Xích xuyên hương thang (Bài 243) 413
Bát trân thang gia giảm (Bài 244) 414
Bình can dưỡng huyết tán (Bài 327) 433
Hương ngải xuyên ngô hoàn (Bài 345) 436
Sài hồ hoàng đan thang (Bài 347) 437

Các bài thuốc trị kinh nguyệt quá nhiều kéo dài, rong huyết

Ích mẫu liên thảo thang (Bài 14) 357
Hạn liên cam thảo đất thang (Bài 2) 355
Nhọ nồi sinh địa huyết dư thang (Bài 9) 356
Chỉ thiên ngải cứu thang (Bài 62) 368
Liên phòng tán (Bài 63) 368

Bổ trung ích khí thang gia vị (Bài 105) 382
Thất tiêu tán (Bài 106) 382
Tứ vật đào hồng thang (Bài 107) 382
Tích tuyết liên thảo thang (Bài 108) 383
Tầm sa a giao tán (Bài 109) 383
Cốc liên thảo thang (Bài 151) 392
Hạn liên trắc huyết quan hoa thang (Bài 166) 395
Bột hương phụ tông lư (Bài 202) 403
Bột xơ mướp (Bài 203) 403
Huyết dụ trắc bá diệp thang (Bài 231) 410
Bổ trung ích khí thang gia vị (Bài 55) 366
Hoàn quy bản (Bài 358) 439
Tông bì liên thảo thang (Bài 13) 357
Giao quy thang (Bài 356) 438

Các bài thuốc trị bế kinh, bế kinh đau bụng

Ích mẫu hương phụ thang (Bài 12) 357
Viên nga truật (Bài 201) 403
Đan sâm thang (Bài 70) 370
Tam mẫu ngải hương hoàn (Bài 74) 371
Ích mẫu thang (Bài 75) 371
Bổ huyết thông kinh thang (Bài 76) 371
Ích mẫu sinh địa thủ ô thang (Bài 77) 372
Hương nga hoàn (Bài 97) 378
Hà sâm quy vĩ thang (Bài 101) 380
Đại táo nhân trần hoàn (Bài 160) 394
Ngũ linh chi tửu (Bài 184) 399
Hương ngải hồng đào nga tán (Bài 185) 399
Viên hương phụ trạch lan (Bài 197) 402
Mã tiên thảo cao (Bài 226) 409
Tứ vật thang gia giảm (Bài 245) 414
Đan sâm ích mẫu hồng hoa thang (Bài 246) 414
Bát trân thang gia giảm (Bài 247) 414
Lục vị thang gia giảm (Bài 248) 415
Hà sơn ô ngải đan sâm thang (Bài 249) 415
Quy thất đào hồng thang (Bài 250) 415
Bổ huyết điều kinh thang (Bài 304) 428
Bổ tỳ dưỡng khí huyết điều kinh thang (Bài 305) 428
Điều kinh điều khí thư uất thang (Bài 306) 428
Điều kinh hoạt huyết tiêu ứ thang (Bài 307) 428
Đào hồng tam quy thang (Bài 330) 434

Các bài thuốc trị rong kinh sau đặt vòng tránh thai

Ích mẫu đào nhân ngải cứu thang (Bài 10) 357

Các bài thuốc trị tắc kinh đau bụng, vô kinh

Hồng đăng quy thục thang (Bài 332) 434
Trạch hương đan thang (Bài 342) 436
Diên quy tán (Bài 343) 436
Nga truật thược dược tán (Bài 348) 437

Các bài thuốc trị băng huyết

Thanh nhiệt lương huyết chỉ băng thang (Bài 90) 375
Hạn liên bách thảo thang (Bài 227) 409
Hắc quy tỳ thang gia vị (Bài 104) 381
Giao quy hồng mướp thang (Bài 110) 383
Đan sâm trinh tử liên nhục thang (Bài 111) 383
Nhọ nồi thóc tẻ lá móc thang (Bài 152) 392
Loạn phát thang (Bài 153) 392
Liên sinh chi tử đan bì thang (Bài 251) 415
Hương ngải tô xuyên thang (Bài 252) 416
Hà sâm quy truật thang (Bài 253) 416
Tam thất đương quy thang (Bài 254) 416
Lục vị thang gia giảm (Bài 255) 416
Tam thất thục địa thang (Bài 256) 417
Sâm ngải liên kinh thang (Bài 294) 425
Long nha thiến thảo thang (Bài 340) 435

Các bài thuốc trị tử cung chảy máu

Bạch mẫu tán (Bài 326) 433
Xích phụ thang (Bài 354) 438
Mẫu liên hoàn (Bài 357) 439

Các bài thuốc trị các chứng bệnh thời kỳ tiền mãn kinh, kinh nguyệt thất thường

Lục vị gia vị thang (Bài 285) 423
Tứ vật thang gia vị (Bài 286) 423
Thục ba kỷ nhục dung thang (Bài 287) 424
Thục ba đỗ cẩu nhục ngưu thang (Bài 288) 424
Sài cầm quy thược thang (Bài 289) 424
Sài cầm sinh địa thủ ô thang (Bài 290) 424
Quy tỳ thang gia giảm (Bài 291) 425
Linh quy sa truật táo nhân thang (Bài 292) 425
Tứ vật gia vị thang (Bài 293) 425

Các bài thuốc trị điều kinh ngừa thai

Hồng hoa ích mẫu đào nhân hoàn (Bài 34) 361

Các bài thuốc trị bệnh khí hư bạch đới, xích bạch đới

Mẫu lệ hoàn (Bài 57) 366
Hoài sơn khiếm thực thang (Bài 20) 358
Tỳ giải khiếm thực tán (Bài 32) 361
Bạch đới cao (Bài 45) 364
Lục bạch tán (Bài 59) 367
Mẫu lệ hoài sơn tán (Bài 65) 368
Bạch ngải thang (Bài 141) 390
Tầm sa hoàng bá mẫu lệ hoàn (Bài 142) 390
Mẫu lệ lộc giác sương tán (Bài 143) 390
Xích bạch đồng tán (Bài 154) 393
Tỳ giải hắc đậu xa tiền hoàn (Bài 155) 393
Bạc sau đuối leo mò trắng đỏ thang (Bài 167) 395
Bạc sau bọ mẩy xích bạch đồng thang (Bài 168) 395
Bạch ô hoàn (Bài 187) 400
Viên kê quan hoa (Bài 204) 404
Viên bạch đồng nữ (Bài 205) 405
Viên hoài sơn lộc giác sương (Bài 206) 404
Miên hoa tô mộc thang (Bài 224) 409
Khiếm thực thang (Bài 232) 411
Thăng tỳ hoàng mẫu tầm sa hoàn (Bài 236) 412
Hương hoài sa ý ngải thang (Bài 257) 417
Bạch quả hướng dương thang (Bài 325) 433
Kim táo khiếm linh thang (Bài 329) 433
Đương địa hoàng hương tán (Bài 333) 434
Hoàn khiếm linh (Bài 338) 435
Lộc giác thiến thảo thang (Bài 352) 438

Các bài thuốc trị khí hư bạch đới thể tỳ hư

Bạch long hồng mẫu lệ thang (Bài 33) 361
Bổ huyết kiện tỳ thang (Bài 81) 373
Viên hà thủ ô hương phụ (Bài 208) 405
Bổ trung gia vị thang (Bài 235) 411
Tứ quân gia vị thang (Bài 258) 417
Sâm ngải sa tỳ thang (Bài 259) 417
Viên bổ tỳ ích khí (Bài 314) 430
Bát trân gia vị tán (Bài 222) 408
Bổ trung chỉ đới thang (Bài 49) 364

Các bài thuốc trị khí hư bạch đới thể thấp nhiệt

Xích bạch đồng thang (Bài 58) 367
Hoạt thạch nhân trần thổ phục thang (Bài 82) 373
Viên hoàng tinh (Bài 207) 404
Bổ trung gia vị thang (Bài 234) 411
Liên bá thổ đan sinh thang (Bài 262) 418
Tô mộc hoàng bá thang (Bài 263) 418
Bột thanh nhiệt trừ thấp (Bài 315) 430

Các bài thuốc trị khí hư bạch đới thể đờm thấp

Hoá đờm trừ thấp thang (Bài 83) 373
Bán hạ trần bì thổ phục chỉ xác thang (Bài 264) 418
Bán hạ trần bì sơn tra hương phụ thang (Bài 265) 419
Kiện tỳ trừ thấp hoá đàm thang (Bài 316) 431

Các bài thuốc trị khí hư bạch đới thể thận hư

Bổ thận thang (Bài 84) 373
Mẫu lệ thủ ô tán (Bài 260) 417
Lục vị gia vị thang (Bài 261) 418
Viên thủ ô khiếm thực (Bài 318) 431
Mẫu lệ liên phòng tán (Bài 319) 431
Lục vị địa hoàng chỉ đới thang (Bài 51) 365

Các bài thuốc trị khí hư bạch đới thể can uất

Tiêu giao chỉ đới thang (Bài 50) 365
Xích bạch đồng chi uất kim thang (Bài 266) 419
Hoàng sài hương chỉ bạch thang (Bài 267) 419
Thanh nhiệt điều can giải uất thang (Bài 317) 431

Các bài thuốc trị xích bạch đới do tâm hư hoả vượng

Tứ vật thang gia giảm (Bài 233) 411

Các bài thuốc trị viêm ngứa âm đạo do nấm, do trực trùng roi

Cao lá nhội (Bài 48) 364
Nước sắc liên sà (Bài 52) 365
Xích bạch đồng thang (Bài 216) 407
Khổ sâm hoàng bá thang (Bài 339) 435

Các bài thuốc trị viêm phần phụ, lở loét âm đạo, cổ tử cung lộ tuyến

Kim ngân thương nhĩ tử thang (Bài 21) 358
Tiêu thấp trừ độc thang (Bài 175) 397
Dầu mù u trị viêm loét cổ tử cung (Bài 193) 401

Các bài thuốc trị chứng nôn mửa, chán ăn khi thai nghén

Tía tô bán hạ thang (Bài 22) 359
Trúc nhự sinh khương thang (Bài 169) 396
Đảng sâm bạch truật bán hạ thang (Bài 172) 396
Hoắc hương sa nhân xương bồ thang (Bài 173) 396
Sa nhân hương phụ tán (Bài 189) 400
Sa nhân tục đoạn hoàng cầm thang (Bài 271) 420
Thỏ ty đỗ trọng đương quy thang (Bài 272) 420
Nhị trần thang gia giảm (Bài 313) 430

Các bài thuốc trị động thai, động thai do chấn thương

Thỏ ty a giao thang (Bài 24) 359
Tục đoạn trữ ma căn thang (Bài 25) 359
Bổ trung ích khí gia vị thang (Bài 35) 361
Cố thai ẩm (Bài 36) 362
Trữ ma tô ngạnh thang (Bài 37) 362
Dương huyết thanh nhiệt an thai thang (Bài 38) 362
Trữ ma tô ngạnh thang (Bài 43) 363
An thai hoàn (Bài 54) 366
An thai thang (Bài 86) 374
Ngải cứu thang (Bài 87) 374
Ngải cứu trữ ma căn thang (Bài 113) 383
Bổ trung ích khí thang gia vị (Bài 145) 391
Trữ ma căn thang (Bài 156) 393
Củ gai tô ngạnh ngải cứu thang (Bài 170) 396
Trữ ma ngải cứu thang (Bài 228) 410
Quy thăng trữ ma thang (Bài 229) 410
Củ gai tô ngạnh hoàng cầm thang (Bài 270) 420
Tô ngạnh thang (Bài 274) 421
Đương quy a giao thang (Bài 275) 421
Trữ ma giao ngải thang (Bài 277) 421
Trữ ma tô ngải thang (Bài 335) 434
Ngải diệp đương quy thang (Bài 344) 436

Các bài thuốc trị chứng sẩy thai, sẩy thai nhiều lần

Liên nhục trữ ma căn thang (Bài 112) 383
An thai bổ khí huyết hoàn (Bài 171) 396
Ôn bổ tỳ thận an thai thang (Bài 188) 400
Đỗ bạch thang (Bài 334) 434

Các bài thuốc trị sẩy thai băng huyết, ra huyết sau nạo thai

Hạn liên thảo thang (Bài 19) 358
Ngải diệp trắc bá thang (Bài 44) 363
Thái sơn bàn thạch thang gia giảm (Bài 144) 390
Cố bản chỉ băng gia ngải diệp thang (Bài 147) 391
Bổ khí chỉ huyết thang (Bài 308) 429
Thanh nhiệt lương huyết chỉ huyết thang (Bài 309) 429
Tông lư kinh giới hoè hoa tán (Bài 310) 429
Thuỷ ngưu tán (Bài 311) 429
Tiêu ứ chỉ huyết thang (Bài 312) 429
Ngải huyết liên bá thang (Bài 103) 381

Các bài thuốc trị chứng có thai phù chi dưới (xuống máu chân)

Hương phụ mộc qua ô dược thang (Bài 23) 359
Tứ quân thang gia giảm (Bài 273) 420

Các bài thuốc trị chứng có thai đau lưng

Viên hồ đào đỗ trọng (Bài 337) 435

Các bài thuốc trị nhiễm trùng sau đặt vòng ngừa thai

Viên sâm đại hành (Bài 56) 366

Các bài thuốc trị chứng có thai tử cung bị nhiễm lạnh

Ngải cứu tô ngạnh sa nhân thang (Bài 88) 374
Sa nhân tán (Bài 89) 374

Các bài thuốc trị có thai mắc chứng tử phiền (có thai trong lòng không yên tĩnh)

Thanh nhiệt an thai hoàn (Bài 114) 384
Hương ngải bán linh trần thang (Bài 276) 421

Các bài thuốc trị có thai mắc chứng tử lâm (tiểu tiện buốt, dắt, tiểu tiện luôn)

Cát căn hoạt thạch thăng ma thang (Bài 116) 384
Liên xa bạch thang (Bài 117) 384

Các bài thuốc trị có thai mắc chứng tử thũng (có thai người phù nề)

Ngũ bì ẩm (Bài 118) 384

Các bài thuốc trị có thai ho nhiều ăn ngủ kém suy nhược

Khương hoàng ngải cứu thang (Bài 119) 385

Các bài thuốc trị chứng có thai tỳ vị hư nhược

Tứ quân tử gia vị thang (Bài 268) 419
Sa nhân hương phụ thang (Bài 269) 420

Các bài thuốc trị phụ nữ không thụ thai được do thận yếu

Nhục dung đỗ trọng sà sàng hoàn (Bài 351) 437

Các bài thuốc trị có thai bị thương thực

Tiêu thực thang (Bài 85) 374

Các bài thuốc trị chứng có thai 6, 7, 8 tháng âm hộ bị sưng

Bảo sản vô ưu thang (Bài 146) 391

Các bài thuốc trị tắc tia sữa

Tỵ qua thang (Bài 18) 358
Nhị trần thang gia vị (Bài 41) 363
Bồ công chỉ thực thanh bì thang (Bài 191) 401
Xuyên sơn vương bất lưu hành thang (Bài 192) 401
Công anh thanh bì thang (Bài 284) 423
Xuyên bồ thang (Bài 320) 431
Thông sữa thang (Bài 359) 439
Lục vị địa hoàng thang gia vị (Bài 123) 386

Các bài thuốc trị sản phụ sau sinh đẻ ít sữa, mất sữa

Hắc chi ma tán (Bài 27) 359
Xuyên sơn giáp tán (Bài 39) 362
Xuyên sơn thông thảo thang (Bài 66) 369
Cháo móng giò lợn (Bài 124) 386
Cháo xuyên sơn giáp móng giò lợn (Bài 125) 386
Cháo chim bồ câu (Bài 126) 386
Mộc xuyên sâm kỳ quy truật thang (Bài 162) 394
Miên tử thang (Bài 163) 394
Cháo thông thảo móng chân lợn (Bài 174) 397
Thông sữa bổ khí huyết thang (Bài 323) 432
Cháo chân giò lợn sau (Bài 190) 400
Cháo cá quả (Bài 157) 393

Các bài thuốc trị nứt nẻ núm vú, viêm tuyến vú

Ngân bồ thang (Bài 15) 357
Bồ xuyên thang (Bài 16) 358
Tía tô thang (Bài 17) 358

Thang bổ công anh (Bài 67) 369
Hoàng liên bạch chỉ tán (Bài 68) 369
Thần công thác lý tán (Bài 121) 385
Bát vị tiêu giao tán gia vị (Bài 122) 385
Bổ công sài đất thang (Bài 158) 393
Hạt mãng cầu tán (Bài 159) 393
Thăng ma cát căn thang (Bài 161) 394
Bổ công sinh địa thiên hoa thang (Bài 321) 432
Ngân hoa chi tử ngưu bàng thang (Bài 322) 432
Thiên kim bạch thang (Bài 324) 432
Công anh bối mẫu liên kiều thang (Bài 328) 433

Các bài thuốc trị sản phụ sót nhau (sót rau thai)

Động phong thái thang (Bài 26) 359
Thang rau ngót (Bài 179) 398
Phục long xà thoái tán (Bài 180) 398

Các bài thuốc trị chứng sau khi sinh đau bụng, đau bụng do huyết ứ

Đào nhân đương quy thang (Bài 331) 434
Đan sài sa phụ phòng phong thang (Bài 127) 387
Nga mẫu hương ngải thang (Bài 129) 387
Cao ích mẫu trạch lan (Bài 209) 405
Bột ích mẫu khương hoàng (Bài 210) 405
Bột hương hồi (Bài 211) 406
Hương hà trạch mẫu tán (Bài 212) 406
Viên hương phụ tam lăng (Bài 213) 406
Sơn hà quy truật thang (Bài 278) 422
Đan đào hương ngải ích quy thang (Bài 279) 422
Đan sâm thang (Bài 280) 422
Khương quế ngải hương thang (Bài 282) 422
Trạch lan xích thược thang (Bài 341) 435

Các bài thuốc trị sau khi sinh ỉa chảy, ỉa chảy kéo dài, kiết lỵ dai dẳng

Lý trung gia nhục đậu khấu thang (Bài 130) 387
Lý trung thang gia vị (Bài 131) 388
Hậu phác ma hoàng chỉ xác thang (Bài 120) 385
Vũ dư lương khương hoàn (Bài 140) 390

Các bài thuốc trị sản phụ sau khi đẻ táo bón

Tứ vật thang gia vị (Bài 283) 423
Gai dầu tía tô thang (Bài 336) 435

Các bài thuốc trị chứng sau khi sinh mệt mỏi, phù thũng, ăn kém, đau bụng, kinh nguyệt không đều, sốt rét kéo dài.

Thông thiên thảo thang (Bài 128) 387
Thuốc muối "Cố Ẩm" (Bài 200) 403
Thuốc muối (Bài 214) 407
Thuốc phèn (Bài 215) 407
Độc lực ba kích ích mẫu thang (Bài 176) 397
Nhân bạch thủ ô thang (Bài 177) 397
Tứ quân thang gia giảm (Bài 281) 422

Các bài thuốc trị chứng sản phụ bị nôn mửa

Sinh khương bán hạ thang (Bài 134) 388
Phụ tử lý trung thang (Bài 135) 388

Các bài thuốc trị chứng sản phụ sau sinh bị huyễn vựng (choáng)

Cổ quy kỳ thang (Bài 133) 388
Cổ quy kinh thang (Bài 148) 391
Tứ vật gia vị thang (Bài 149) 392

Các bài thuốc trị chứng sản phụ sau khi sinh tay chân co giật (phát kinh) do mất máu nhiều

Tử tô kinh giới thang (Bài 115) 384
Đương quy kinh giới thang (Bài 137) 389
Thập toàn đại bổ thang gia vị (Bài 138) 389

Các bài thuốc trị sản phụ sa dạ con

Bổ trung ích khí thang gia vị (Bài 132) 388
Bổ trung ích khí thang (Bài 178) 397

Các bài thuốc trị sản phụ có nguy cơ âm vong dương thoát

Bổ âm tiếp dương thang (Bài 136) 389

Các bài thuốc trị sản phụ buồn nhức tay chân đi đứng nằm ngồi khó khăn

Thủ ô ích mẫu hy thiêm tán (Bài 139) 389

Các bài thuốc trị sản phụ khí huyết lưỡng hư

Hà thủ ô hoàn (Bài 40) 363
Đương quy tơ hồng thủ ô thang (Bài 223) 409

Các bài thuốc trị chứng sản phụ sau khi sinh không nói được

Sâm liên thang (Bài 350) 437

Các bài thuốc trị sản phụ đẻ khó, thai chết lưu không ra

Ngưu hồng khung quy thang (Bài 349) 437

Các bài thuốc trị các chứng bệnh về khí huyết, ngoại cảm, đờm suyễn của phụ nữ

Tế âm thanh nang hoàn (Bài 221) 408

Các bài thuốc trị trẻ em lên sởi (các giai đoạn: khởi phát, mọc, lặn, có biến chứng)

Kinh giới cát căn thang (Bài 1) 444
Kinh giới tía tô thang (Bài 21) 449
Kinh giới ngân hoa thang (Bài 22) 449
Hồ tuy tử thang (Bài 23) 449
Thang kim ngân rau má (Bài 30) 451
Canh châu thang (Bài 31) 451
Kim sài kinh cát thang (Bài 32) 451
Rau dệu ngân hoa thang (Bài 33) 451
Xích đậu mạch môn tán (Bài 34) 451
Tiêu độc giải biểu thang (Bài 44) 454
Hoá độc thanh biểu thang (Bài 45) 454
Thang rau dệu riềng ấm (Bài 56) 457
Mạt lỵ cát căn thang (Bài 57) 457
Tuyên phế thấu biểu thang (Bài 123) 474
Thanh nhiệt giải độc thang (Bài 124) 475
Dưỡng âm sinh tân thang (Bài 125) 475
Thăng cát tam hoàng thang (Bài 126) 475
Thanh nhiệt giải độc thang (Bài 137) 479
Thanh nhiệt tiêu viêm giải độc thang (Bài 139) 480
Thăng cát tán (Bài 166) 487
Tử tô cát căn tán (Bài 167) 487
Thăng ngưu phòng cát căn thang (Bài 168) 488
Rượu thoa sởi (Bài 169) 488
Huyền cát tri mạch thang (Bài 170) 488
Châu sa hoàn (Bài 193) 494
Thanh nhiệt giải độc thang (Bài 236) 504
Nọc sởi thang (Bài 292) 519
Rau dệu giấp cá thang (Bài 293) 519
Thanh nhiệt giải độc thang (Bài 294) 519
Bổ tỳ nhuận tâm phế dưỡng âm thang (Bài 295) 520
Liên tiền mã xỉ thang (Bài 296) 520
Tang bì mạch môn bách bộ thang (Bài 297) 520

Trừ phong thanh nhiệt giải độc thang (Bài 301) 521
Trừ phong thanh nhiệt giải độc chỉ khái thang (Bài 311) 522
Cát thăng cam xích thang (Bài 321) 524

Các bài thuốc trị bệnh thuỷ đậu

Liên kiều ẩm (Bài 130) 477
Thanh nhiệt tiêu độc thang (Bài 138) 480
Bổ công thổ phục cải trời thang (Bài 140) 480
Ngân hoa tang diệp thang (Bài 284) 517
Giải cơ tiết nhiệt thang (Bài 285) 517
Dinh huyết giải độc thang (Bài 286) 517

Các bài thuốc trị sốt xuất huyết do muỗi truyền

Thanh ôn chỉ huyết thang (Bài 128) 476
Sơ biểu thanh nhiệt giải độc thang (Bài 288) 518
Thanh nhiệt giải độc chỉ huyết thang (Bài 289) 518
Bổ khí sinh tân thang (Bài 290) 519

Các bài thuốc trị bệnh quai bị

Tầm sa thang (Bài 35) 452
Thang lá na lá gấc (Bài 36) 452
Thang mộc miết tử (Bài 37) 452
Kim sài công giới thang (Bài 38) 452
La bạc tử thang (Bài 39) 452
Mộc miết cửu thái tán (Bài 47) 455
Thăng cát bạch tả tâm thang (Bài 129) 477
Trừ phong thanh nhiệt tiêu độc thang (Bài 148) 482
Trừ phong thanh nhiệt tiêu độc thang (Bài 287) 518

Các bài thuốc trị ho gà

Bách bộ rễ chanh thang (Bài 28) 450
Sâm hành mo nang tre thang (Bài 29) 451
Viên ho gà (Bài 49) 455
Bột hoa đu đủ đực (Bài 54) 456
Cao ho gà (Bài 55) 457
Toan táo diệp thang (Bài 58) 457
Ngũ liêm hoa thang (Bài 59) 457
Thang hoa đu đủ đực rễ chanh (Bài 76) 461
Bách nhật khái thang (Bài 77) 461
Cát cánh cam thảo hạnh nhân thang (Bài 78) 461
Ô cát cam huyền thang (Bài 79) 462

Kim thuỷ lục quân thang gia vị (Bài 80) 462
Thiên bách mạch thang (Bài 81) 462
Huyền sâm tri mẫu cam thảo thang (Bài 82) 462
Trư đởm thạch cao hoàn (Bài 83) 462
Tân ôn tuyên phế thang (Bài 141) 480
Tuyên phế tiết nhiệt đàm thang (Bài 142) 480
Thanh kim dưỡng phế thang (Bài 143) 481
Tang bì chanh táo hải vu thang (Bài 144) 481
Tang bì mạch môn cam thảo nam thang (Bài 145) 481
Giải độc chỉ khái tiêu đờm hoàn (Bài 171) 489
Viên mật gà (Bài 189) 493
Tang bì ô mai thang (Bài 190) 494
Ngũ vị chỉ khái gia vị thang (Bài 232) 503
Cỏ gà bọ mắm tang diệp thang (Bài 233) 503
Thuốc cắt cơn ho gà (Bài 234) 504
Thuốc phòng bệnh ho gà (Bài 235) 504
Tân ôn tuyên phế thang (Bài 279) 516
Tuyên phế tiết nhiệt thang (Bài 280) 516
Thanh kim dưỡng phế thang (Bài 281) 516
Từ uyển bách bộ thang (Bài 323) 525
Tỳ bà bách bộ đại toán thang (Bài 325) 525

Các bài thuốc trị bệnh bạch hầu

Sinh địa huyền sâm thang (Bài 50) 456
Sinh địa huyền sâm sơn từ cô thang (Bài 51) 456
Bán hạ trư đởm tán (Bài 282) 517
Dưỡng âm thanh phế thang gia giảm (Bài 283) 517
Dưỡng âm nhuận phế thang (Bài 310) 522

Các bài thuốc trị chứng sốt cao co giật (kinh phong)

Bát vị địa hoàng thang gia vị (Bài 69) 460
Lục vị địa hoàng thang gia vị (Bài 70) 460
Giấp cá lá nhài dừa nước thang (Bài 136) 479
Câu đằng hoàn (Bài 180) 491
Trấn kinh phong hoàn (Bài 181) 491
Trừ phong trấn kinh hoàn (Bài 182) 491
Bạch toàn long tán (Bài 330) 526
Long chu sa hoàn (Bài 334) 527
Ngân kiều câu long yết tán (Bài 335) 527
Hạ nhiệt trấn kinh an thần thang (Bài 135) 479

Các bài thuốc trị hội chứng viêm màng não sốt cao co giật

Thang viêm não 1 (Bài 164) 486
Thang viêm não 2 (Bài 165) 487
Giải độc sơ phong tán tà thang (Bài 237) 505
Ngân kiều thang (Bài 238) 505
Thanh dinh thang gia giảm (Bài 239) 505
Thanh ôn bại độc ẩm gia giảm (Bài 240) 505
Ngô toàn cát kim bạch hoàng thang (Bài 302) 521
Thanh kim thạch thang (Bài 304) 521

Các bài thuốc trị chứng viêm màng não Nhật Bản B

Thanh đại căn thang (Bài 9) 446
Thanh cao viễn chí câu đằng thang (Bài 10) 446
Nhân sâm ngưu hoàng hoàn (Bài 127) 476
Thanh ôn bại độc thang gia giảm (Bài 291) 519

Các bài thuốc trị chứng cấp kinh phong

Khương trấp trúc lịch thang (Bài 84) 463
Bột trấn kinh (Bài 85) 463
Trấn kinh tiêu đờm thang (Bài 86) 463
Cấp kinh thang (Bài 194) 494
Khu phong thông khiếu giải cơ thang (Bài 260) 511
Khu phong thông khiếu giải cơ thang (Bài 261) 511
Tiêu tích tức phong thang (Bài 262) 512
Trấn kinh an thần thang (Bài 263) 512
Mạch môn sinh địa chi tử thang (Bài 264) 512
Cát căn thang gia giảm (Bài 267) 513

Các bài thuốc trị chứng bệnh mạn kinh phong

Tam bạch thiên thần thang (Bài 7) 445
Lục quân tử thang (Bài 88) 464
Lục vị hồi dương thang (Bài 89) 464
Bình can bổ tỳ trấn kinh thang (Bài 91) 465
Ngũ phúc thang gia phụ tử mộc qua (Bài 107) 469
Ngũ phúc thang gia vị (Bài 108) 469
Mạn kinh thang (Bài 195) 495
Ích khí dưỡng âm thang (Bài 265) 512
Bột ôn tỳ kiện vị (Bài 266) 513

Các bài thuốc trị rối loạn tiêu hoá, tiêu chảy

Tả lỵ tán (Bài 46) 455

Hoắc hương mã đề thang (Bài 61) 458
Sơn mạch hoắc thần thang (Bài 98) 467
Lục quân gia sa mạch thang (Bài 99) 467
Sa nhân phá cố chỉ tán (Bài 100) 467
Tứ quân gia vị thang (Bài 101) 467
Bình vị khí thang (Bài 103) 468
Vị linh thang (Bài 104) 468
Quân linh thang (Bài 105) 468
Lý trung thang (Bài 106) 469
Lục nhất gia vị hoàn (Bài 109) 469
Tiểu nhi tiết tả thang (Bài 110) 470
Binh lang hậu phác thang (Bài 132) 478
Sâm linh bạch truật tán (Bài 151) 483
Bổ trung ích khí thang (Bài 152) 483
Tứ quân hợp bình vị tán (Bài 154) 483
Tỳ hư cam tích thang (Bài 158) 484
Ôn trung tán (Bài 162) 486
Chỉ tả hoàn (Bài 163) 486
Sâm tô thang (Bài 203) 496
Bình can kiện tỳ thang (Bài 247) 508
Thanh nhiệt hoá thấp thang (Bài 271) 514
Hoắc hương trần bì thang (Bài 274) 515
Ôn trung tán hàn trừ thấp tán (Bài 275) 515
Thanh nhiệt hoá thấp thang (Bài 276) 515
Trúc nhự hoắc hương thang (Bài 277) 515
Bột bạch sa đinh (Bài 307) 522
Bột bổ tỳ (Bài 313) 523
Ý dĩ mã đề thang (Bài 328) 526
Bạch mã dĩ thang (Bài 329) 526

Các bài thuốc trị chứng trùng tích (có giun đũa, giun kim...)

Sử quân liên nhục hoài sơn tán (Bài 6) 445
Cam tích tán (Bài 2) 444
Tứ quân gia sử quân bạch chỉ thang (Bài 26) 450
Phì nhi cam tích tán (Bài 48) 455
Nam qua sử quân binh lang tán (Bài 62) 458
Sử quân ý dĩ cốc tinh tán (Bài 184) 492
Tiêu trùng hoàn (Bài 224) 501
Mã xỉ hiện thang (Bài 317) 524
Hoàn sử quân keo dậu (Bài 318) 524
Sử hoài liên mẫu tán (Bài 178) 490

Các bài thuốc trị chứng tả lỵ

Hương liên thang gia vị (Bài 24) 449
Gia vị ngũ quân thang (Bài 25) 449
Cát cầm liên tán gia giảm (Bài 160) 485
Hương liên hoàn gia vị (Bài 161) 485
Hoàng bá xích thược thang (Bài 308) 522

Các bài thuốc trị các chứng cam (ngũ cam), suy dinh dưỡng

Trần thanh hắc bạch sửu thang (Bài 5) 445
Bột bổ tỳ tiêu cam (Bài 13) 446
Hà mô khô phàn tán (Bài 16) 447
Phì nhi cam tích hoàn (Bài 27) 450
Thuốc cam Hàng Bạc (Bổ tỳ tiêu cam) (Bài 41) 453
Cam sài mòn tán (Bài 42) 453
Hoàn bổ tỳ tiêu cam (Bài 43) 454
Bột bổ tỳ (Bài 52) 456
Bột kiện tỳ (Bài 53) 456
Sử quân thanh đại tán (Bài 68) 459
Bổ tỳ tiêu cam thang (Bài 111) 470
Ngũ cam tán (Bài 119) 473
Thuốc cam Bái Nham (Bài 120) 473
Hoàng sa ngưu thổ nhân chi liên mộc thang (Bài 146) 481
Hoàng bá thanh đại tán (Bài 147) 482
Men tiêu hoá (Bài 153) 483
Bột bổ tỳ tiêu cam (Bài 155) 484
Bột cam cóc (Bài 156) 484
Kỳ phụ tán (Bài 157) 484
Bột cam răng (Bài 177) 490
Bạch thảo thanh tán (Bài 179) 491
Viên cam mai mực (Bài 185) 492
Thuốc cam Thác Nghè (Bài 186) 493
Thuốc cam tẩu mã (Bài 187) 493
Viên phì nhi liên hoài (Bài 188) 493
Cam tích thang (Bài 197) 495
Tiêu thực kiện tỳ thang (Bài 216) 499
Bình can tiêu độc thang (Bài 217) 499
Bổ tỳ ích khí lợi tiểu thang (Bài 218) 499
Chỉ huyết trợ vị thang (Bài 219) 500
Trấn kinh khu phong hoàn (Bài 220) 500
Kiện tỳ tiêu cam tán (Bài 159) 485

Ngũ cam chư tích hoàn (Bài 338) 527
Lục vị hoàn gia vị (Bài 336) 527
Bột bổ tỳ tiêu tích (Bài 221) 500
Bổ tỳ thận lợi tiểu tiêu độc tán (Bài 222) 500
Hà sa đại bổ hoàn (Bài 223) 501
Bổ tỳ tiêu cam tán (Bài 225) 501
Bột tiêu cam kiện tỳ vị (Bài 226) 502
Bột bổ tỳ khử thấp lợi thuỷ thông tiểu (Bài 227) 502
Lục vị hoàn (Bài 228) 502
Lục vị gia sâm kỳ táo thang (Bài 229) 502
Tứ quân gia vị thang (Bài 230) 503
Lục vị gia đỗ tục ngưu xa thang (Bài 231) 503
Tiêu cam thanh nhiệt thang (Bài 314) 523
Cam tích tán (Bài 339) 528

Các bài thuốc trị chứng cảm sốt, sốt cao

Kinh giới tử tô thang (Bài 17) 447
Cát căn hoạt thạch cam thảo hoàn (Bài 18) 448
Lục nhất tán bổ vị (Bài 19) 448
Thạch cao tri truật tán (Bài 102) 467
Hoàng cầm cam thảo thang (Bài 114) 471
Thanh nhiệt tán (Bài 173) 489
Huệ bông trắng thang (Bài 198) 495
Mắc cỡ màn chầu cam bạc thang (Bài 199) 495
Lục nhất tán (Bài 200) 496
Lục quân thang (Bài 201) 496
Lục vị thang gia giảm (Bài 202) 496
Bình can dưỡng vị thang (Bài 204) 496
Chi tử đậu sị thang (Bài 269) 514
Liên cầm giao thược hạn liên thang (Bài 270) 514
Tư âm dưỡng can tức phong thang (Bài 272) 514
Chàm mèo thang (Bài 303) 521
Thanh cao thang (Bài 319) 524
Thanh cao mã đề thang (Bài 320) 524
Ngân kiều tán (Bài 268) 513
Tang cúc ẩm (Bài 243) 506

Các bài thuốc trị chứng kinh giản (động kinh), lên cơn co giật uốn ván

Nhị trần thang (Bài 244) 506
Trấn kinh thang (Bài 8) 446
Toàn yết ngô công tán (Bài 332) 526

Ngô nam phong tán (Bài 337) 527
Thông bạch cương tầm thang (Bài 212) 498

Các bài thuốc trị ho, viêm đường hô hấp

Toan tương thảo thang (Bài 60) 458
Tiền cát tang chi địa thang (Bài 113) 471
Sâm tô hoàn (Bài 206) 497
Tang bì mạch môn thang (Bài 241) 506
Hạnh tô tán (Bài 242) 506
Bách bộ hoàn (Bài 298) 520

Các bài thuốc trị suyễn, hen

Khung quy địa xích hồng đào thang (Bài 87) 464
Tiểu toán hùng chanh thang (Bài 205) 497
Ma hạnh xạ can thang (Bài 245) 507
Định suyễn thang (Bài 246) 507

Các bài thuốc trị ra mồ hôi trộm

Tang diệp hoài sơn tán (Bài 4) 445
Bột đạo hãn (Bài 172) 489

Các bài thuốc trị trúng phong

Tiểu tục mệnh thang gia vị (Bài 71) 460
Bán hạ bồ kết tán (Bài 300) 521
Toàn cương bạch tán (Bài 331) 526

Các bài thuốc trị viêm gan vàng da do virus

Nhân trần cao thang (Bài 315) 523
Thanh nhiệt kiện tỳ lợi thấp lợi niệu thang (Bài 316) 523
Nhân trần chi tử thang (Bài 309) 522

Các bài thuốc trị chứng mạn tỳ phong

Tứ quân thang gia vị (Bài 90) 464
Mạn tỳ thang (Bài 196) 495

Các bài thuốc trị bệnh đái dầm

Tang phiêu tiêu thang (Bài 121) 474
Bổ trung ích khí thang gia vị (Bài 122) 474
Tang phiêu tiêu tán (Bài 333) 526

Các bài thuốc trị phù thũng

Tử tô thông bạch thang (Bài 250) 508
Thông dương lợi thuỷ thang (Bài 251) 509
Trục thuỷ thông lợi thang (Bài 252) 509
Bột trục thuỷ phân lợi (Bài 253) 509
Tiêu thũng ôn bổ tỳ thận thang (Bài 254) 510
Lộc giác tán (Bài 255) 510
Thục tiền quế phụ hoàn (Bài 256) 510
Xích tiểu đậu thang (Bài 305) 521

Các bài thuốc trị trướng đầy đau bụng muốn ỉa mửa không ỉa mửa được

Tiêu trướng thang (Bài 207) 497
Thực diêm thang (Bài 278) 515

Các bài thuốc trị chảy máu cam

Trúc nhự thang (Bài 322) 525
Sinh ngải thang (Bài 324) 525

Các bài thuốc trị chàm dị ứng, rôm xẩy, chốc lở, mụn nhọt

Thanh nhiệt tiêu độc thang (Bài 116) 472
Tiêu độc cao (Bài 174) 489
Dị ứng cao (Bài 175) 490
Khương hoàng trư đởm cao (Bài 176) 490
Ích mẫu thang (Bài 191) 494
Ngân hạ ké bổ thang (Bài 248) 508
Công anh sài đất thang (Bài 249) 508
Thương nhĩ địa phu thang (Bài 312) 523

Các bài thuốc trị chứng phong nhiệt

Phòng phong khương hoạt thang (Bài 115) 472

Các bài thuốc trị chứng táo nhiệt

Tả tâm hoả thang (Bài 112) 470

Các bài thuốc trị viêm tai, viêm mũi

Sơn giáp khô phàn tán (Bài 117) 472

Các bài thuốc trị miệng hôi chảy dãi, sưng bọng răng

Trung bạch khô phàn thanh đại tán (Bài 118) 473

Các bài thuốc bổ tỳ tư âm

Thang hà sinh gia giảm (Bài 273) 514

Các bài thuốc trị trẻ em bìu dái sưng đau (hàn sán)

Lệ chi hạch thang (Bài 326) 525

Các bài thuốc trị thoát vị bẹn, thoát vị bìu (sán khí)

Lệ trần lưu hoàn (Bài 327) 525

Phép khai bế trị trẻ sơ sinh mê man bất tỉnh (Bài 72) 460

Phép thông mạch trị trẻ sơ sinh tự nhiên chân tay lạnh giá (Bài 73) 460

Phép nạp khí trị trẻ sơ sinh sức quá yếu hoặc ốm nặng hư thoát nguyên khí (Bài 74) 461

Phép chữa hàn đờm trẻ lúc mê lúc tỉnh, thở ói ra đờm đặc và xanh (bệnh thuộc cực hàn) (Bài 75) 461

Các bài thuốc trị chứng tưa lưỡi (sài vôi, đẹn) ở trẻ sơ sinh

Mặc thảo thần chấp thang (Bài 14) 447
Bằng hồng tán (Bài 15) 447
Muồng trâu cỏ mực hàn the thang (Bài 40) 452
Động phong thái thang (Bài 63) 458
Động phong thái thang (Bài 67) 459
Bằng sa thanh đại tán (Bài 131) 478
Bạch đằng thanh đại tán (Bài 183) 492

Các bài thuốc trị trẻ bỏ bú, không bú được

Khẩu sang phương (Bài 20) 448
Hoàng liên chỉ xác thang (Bài 93) 466
Nhền nhện tán (Bài 214) 499
Thông bạch thang (Bài 215) 499

Các bài thuốc trị trẻ sơ sinh nôn trớ sữa

Bạch trần hoắc khương thang (Bài 299) 520
Hoắc hương sinh khương thang (Bài 92) 465
Trần bì ô dược hậu phác thang (Bài 133) 478
Trần bì bán hạ mộc hương thang (Bài 134) 479
Bổ tỳ chỉ ẩu thang (Bài 149) 482
Bảo hoà thang gia giảm (Bài 257) 511
Tiêu nhũ hoá tích thang (Bài 258) 511
Đinh du lý trung thang (Bài 259) 511

Các bài thuốc trị chứng thai nhiệt

Lục nhất gia châu sa tán (Bài 208) 497

Các bài thuốc trị chứng thai hoàng

Thang thiên hoa phấn (Bài 209) 498

Các bài thuốc trị chứng thai kinh

Toàn yết tán (Bài 210) 498

Các bài thuốc trị phong túm miệng (đẹn túm, toát khẩu)

Bột xà thoái (Bài 211) 498

Các bài thuốc trị phong cấm khẩu (cấm phong)

Trúc lịch thang (Bài 213) 498

Các bài thuốc trị nhớt máu ở miệng trẻ sơ sinh không ra hết

Hoàng liên cam thảo thang (Bài 192) 494

Các bài thuốc trị chứng trẻ sơ sinh khóc đêm (dạ đề)

Trầu không sinh khương thang (Bài 3) 444
Thuyền thoái tán (Bài 64) 458
Thiên kim long đởm thang (Bài 65) 459
Nhị hoàng thang (Bài 66) 459
Nhân sâm thuyền thoái thang (Bài 94) 466
Cổ quy kỳ thang gia vị (Bài 97) 466
Đạo xích tán (Bài 150) 482

Các bài thuốc trị trẻ khi ngủ hay giật mình khóc thét lên, dẫy dụa bỏ bú

Gia vị thông tâm ẩm (Bài 95) 466
Bạch đàn ô dược trầm hương thang (Bài 96) 466

Các bài thuốc trị trẻ sơ sinh đi tướt

Đinh hương trần bì thang (Bài 306) 522

Các bài thuốc trị nhiễm khuẩn rốn

Thang phòng bệnh tề phong (Bài 11) 446
Hồng đơn hùng hoàng tán (Bài 12) 446

Các bài thuốc trị loét giác mạc, viêm giác mạc

Tiêu viêm A (Bài 1) 529
Thang KĐB (Bài 2) 529
Ngư tinh thảo thang (Bài 3) 529
Thanh nhiệt thoái ế thang (Bài 4) 530
Khu phong thanh nhiệt tiêu viêm thang (Bài 13) 531
Tứ vật gia vị thang (Bài 18) 533
Tinh thảo phòng phong tán (Bài 29) 536

Các bài thuốc trị viêm màng tiếp hợp, viêm kết mạc

Thuốc nhỏ mắt sống đời (Bài 24) 535
Dị ứng cao (Bài 25) 535
Bổ công chi tử thang (Bài 27) 535
Cúc hoa tang diệp quyết minh thang (Bài 31) 536
Thuốc nhỏ mắt lá dành dành (Bài 43) 539

Các bài thuốc trị mắt đỏ đau, nhức đầu, kéo màng mộng

Thanh nhiệt sơ can lương huyết phá ứ thang (Bài 11) 531
Mai hương cam lộ tán (Bài 19) 533
Bài thuốc nhỏ mắt (Bài 21) 534
Khu phong thanh nhiệt thoái ế tán (Bài 28) 535
Bạch lê hoa thang (Bài 30) 536
Hạ khô thảo thang (Bài 32) 536
Lô hội bạch thược hoàng liên thang (Bài 33) 536
Thanh can minh mục tán (Bài 34) 536
Quyết minh chi cúc mạn tinh thảo tán (Bài 35) 537
Mạn kinh cúc hoa thang (Bài 36) 537
Quyết minh thược dược cúc hoa tán (Bài 37) 537
Hoàn xa thục thỏ ty (Bài 38) 538
Sát trùng thanh nhiệt tiêu phong tán (Bài 39) 539
Cúc hoa xích thược ngưu bàng phòng kỷ tán (Bài 40) 539
Quyết minh cốc thảo cúc hoa tán (Bài 41) 539
Trân châu tán (Bài 42) 539
Thuốc bột tra mắt Chè Dọc (Bài 44) 539

Các bài thuốc trị quáng gà (tước mục)

Bột dạ minh kim quyết (Bài 26) 535
Lục vị địa hoàng gia dạ minh sa thang (Bài 45) 539

Các bài thuốc trị khẩu nhãn oa tà do trúng phong (mờ mắt không nhắm được do tai biến mạch máu não)

Sơ kinh thông khí hoạt huyết khu phong thang (Bài 23) 534

Các bài thuốc trị người cao tuổi mắt mờ hoặc đau mắt đỏ

Minh mục trà (Bài 12) 531

Các bài thuốc trị đau mắt hột sưng nhức, ngứa mi, toét mắt

Thuốc tra mắt nước màu vàng (Bài 14) 532
Thuốc tra mắt nước màu xanh (Bài 15) 532

Các bài thuốc trị dịch đau mắt đỏ viêm họng

Hoàng đằng thang (Bài 16) 532

Các bài thuốc trị viêm hắc võng mạc trung tâm và nhiều bệnh đáy mắt khác

Minh mục thang (Bài 5) 530
Thang M3 (Bài 6) 530
Cao M4 (Bài 7) 530

Các bài thuốc trị xuất huyết nội nhãn cầu do chấn thương

Độc tam thất thang (Bài 8) 530

Các bài thuốc trị xuất huyết võng mạc và dịch kính (bệnh Eales)

Tư âm hoạt huyết thanh nhiệt thang (Bài 9) 530

Các bài thuốc trị đục thuỷ tinh dịch thị lực giảm

Hoạt huyết tư âm thang (Bài 10) 531

Các bài thuốc trị viêm và thoái hoá hoàng điểm

Tư âm dưỡng huyết thanh can minh mục thang (Bài 17) 532

Các bài thuốc trị các chứng đau mắt thuộc nội trướng hay ngoại trướng do nội thương ngoại cảm

Bài thuốc đỏ mắt (Bài 20) 534

Các bài thuốc trị mắt nhắm không mở được (tà thị)

Thang thanh nhiệt khu phong (Bài 22) 534

Các bài thuốc trị mụn nhọt, chốc lở

Giải độc sát trùng trừ thấp thang (Bài 1) 540
Sát trùng tiêu độc thông huyết mạch thang (Bài 2) 540
Bột nghệ bồ hòn núc nác (Bài 6) 541
Tiêu độc thang (Bài 7) 541
Tiêu độc thang (Bài 10) 542
Tiêu viêm giải độc thang (Bài 11) 542
Ráy dại hồng đơn cao (Bài 13) 542
Khương hoàng trư đởm cao (Bài 14) 542
Cao nghệ vàng ráy dại (Bài 15) 543
Sài kinh kim ké thang (Bài 21) 544
Kinh phòng bại độc thang gia hạt máu chó (Bài 42) 549
Tứ vật thang gia vị (Bài 43) 549
Ngân phòng kinh bá tán gia vị (Bài 46) 550
Cao hạt máu chó (Bài 60) 553
Thanh nhiệt giải độc thang (Bài 66) 555
Tiêu phong can hoàn (Bài 67) 555
Ngân bồ cam cúc thang (Bài 69) 556

Các bài thuốc trị viêm da do nhiễm khuẩn nặng

Thang tiêu độc (Bài 24) 545
Kinh phong bại độc thang gia vị (Bài 25) 545
Thuốc mỡ xuyên tâm liên 20% (Bài 30) 547
Dung dịch thổm lổm (Bài 56) 552
Ngân hoa thổm lổm thang (Bài 57) 553
Vòi voi sài đất mặt quỷ thang (Bài 58) 553

Các bài thuốc trị chàm (Eczema) ngứa chảy nước vàng

Thang thiên niên kiện (Bài 4) 540
Niên kiện thương truật thang (Bài 5) 541
Ưu đàm bì thang (Bài 22) 544
Mẫu đơn thang (Bài 31) 547
Thuốc mỡ hùng lưu bạch (Bài 37) 548
Cao hồng phi (Bài 38) 548
Tứ vật gia vị thang (Bài 59) 553
Địa phu tử thang (Bài 70) 556

Các bài thuốc trị nổi ban mày đay (Urticaire) ngứa

Khu phong trừ thấp thanh nhiệt chỉ thống thang (Bài 3) 540
Viên nunaxin (Bài 39) 548
Phòng phong thông thánh thang gia vị (Bài 68) 556

Các bài thuốc trị phát ban mụn lở loét

Tiêu độc lương huyết hoàn (Bài 20) 544
Địa phu thương nhĩ thang (Bài 71) 557
Ngưu cát kinh liên thang (Bài 74) 557

Các bài thuốc trị chứng ban trái (biến chứng của ôn bệnh)

Thanh lương giải nhiệt tiêu độc phát ban thang (Bài 61) 554
Tiêu phong giải độc thang (Bài 62) 554
Lưỡi đồng ngưu giác thang (Bài 64) 555
Thanh nhiệt hóa ban thang (Bài 65) 555

Các bài thuốc trị chứng phát ban nhiễm khuẩn máu do ôn nhiệt

Huyền sâm thuỷ ngưu giác thang (Bài 75) 557

Các bài thuốc trị lở loét miệng, chảy máu chân răng do nhiệt

Giải độc thang gia vị (Bài 63) 554

Các bài thuốc trị dị ứng mẩn ngứa ngoài da

Ngân sài công nhĩ tử cao (Bài 27) 546
Thanh lương giải độc thang (Bài 41) 549

Thang lá đơn đỏ (Bài 51) 551
Thang kim ngân kinh giới (Bài 52) 552
Thang hoàng bá thổ phục (Bài 53) 552
Thang kim ngân hoa khế (Bài 54) 552
Thang kim ké (K2) (Bài 72) 557
Liên xích ma cam thang (Bài 73) 557

Các bài thuốc trị dị ứng do thuốc, do sơn

Nam hoàng tích tuyết thang (Bài 40) 549

Các bài thuốc trị hắc lào (lác)

Cồn vỏ đại chút chít (Bài 8) 541
Cồn bạch hạc (Bài 28) 546
Cồn muồng trâu bồ kết (Bài 49) 551
Cồn bạch hoa xà (Bài 50) 551

Các bài thuốc trị lang ben

Cồn cao lương khương (Bài 23) 545
Nước sắc giả lão bơ (Bài 32) 547

Các bài thuốc trị ghẻ

Diêm sinh thanh phàn tán (Bài 17) 543
Mãng cầu tán (Bài 18) 543
Thương nhĩ cao (Bài 19) 544
Rượu xuyên bạch (Bài 33) 547
Dầu bạch thừ thán (Bài 34) 548
Thuốc ghẻ Tiên Hội (Bài 48) 551

Các bài thuốc trị bệnh vẩy nến

Thanh nhiệt lương huyết thang (Bài 29) 547
Thuốc mỡ táo rừng (Bài 35) 548
Cao táo rừng xuyên liên (Bài 36) 548

Các bài thuốc trị bệnh tổ đỉa chân tay

Sắn thuyền trà xanh thang (Bài 9) 541

Các bài thuốc trị nước ăn chân, nấm kẽ do nghề nghiệp

Bột phèn sa (Bài 12) 542
Nước sắc hải vu diệp (Bài 55) 552

Các bài thuốc trị sâu quảng

Bột hoàng liên hùng hoàng (Bài 16) 543

Các bài thuốc trị lở loét lòng bàn tay (Nga chưởng phong)

Ngân phòng kinh bá tán (Bài 45) 550
Uất kim tô mộc máu chó thang (Bài 47) 551

Các bài thuốc trị bệnh rụng tóc

Thần ứng dưỡng chân thang (Bài 26) 546
Tán phong thanh nhiệt tiêu độc thang (Bài 44) 550

Các bài thuốc trị viêm họng, ho ngứa cổ, khạc đờm

Cam cát trần cửu tán (Bài 1) 558
Viên ngậm bạc hà (Bài 9) 559
Cát cánh cam thảo thang (Bài 18) 562
Đậu sị cát cánh cam thảo bạc hà thang (Bài 22) 562
Khương tô thang (Bài 23) 562
Kha tử cát cam thang (Bài 30) 564
Thiên mạch cao (Bài 31) 564
Cam thảo qua lâu thang (Bài 34) 564
Bạch chỉ xạ can thang (Bài 35) 564
Tiền hồ cát cánh thang (Bài 41) 565
Ngưu cát cam thuyền thang (Bài 43) 566
Sài đất đậu chiều thang (Bài 13) 560

Các bài thuốc trị viêm họng sưng đau

Bột trầu không thuốc lào (Bài 4) 558
Cao lỏng hoa đại (Bài 7) 559
Thanh đại ngân hoa thang (Bài 21) 562
Huyền sinh chi cát thang (Bài 24) 563
Ngưu bàng huyền sâm thang (Bài 25) 563
Huyền thăng cam thang (Bài 27) 563
Đậu căn kinh giới phòng phong thang (Bài 37) 565

Các bài thuốc trị viêm họng, viêm amydan

Mai hoa khô phàn tán (Bài 5) 558
Dung dịch glycerin lấu (Bài 8) 559
Ngân hoa cát cánh thang (Bài 19) 562
Ngưu bàng phòng phong thang (Bài 32) 564
Ngân thài liên thang (Bài 40) 565
Huyền sâm tâm liên thang (Bài 42) 566
Bằng sa minh phấn tán (Bài 44) 566

Các bài thuốc trị viêm mũi, viêm xoang

Tán phong thanh nhiệt tán (Bài 3) 558
Thanh phế giải độc thang (Bài 6) 559

Hoa cứt lợn thang (Bài 12) 560
Bọ mắm húng chanh thang (Bài 15) 561
Bạch ké tân bạc tán (Bài 17) 561
Ngân hoa câu đằng tân di thang (Bài 38) 565
Tân di nhĩ tử thang (Bài 39) 565

Các bài thuốc trị viêm mũi dị ứng

Cứt lợn bạc hà kinh giới thang (Bài 14) 561

Các bài thuốc trị viêm họng đau mắt đỏ đau đầu do phong nhiệt

Bạc hà cát cánh kinh giới thang (Bài 16) 561

Các bài thuốc trị yết hầu sưng đau (hầu nga phong)

Hùng bạch tạo đởm phàn tán (Bài 10) 560

Các bài thuốc trị mũi chảy nước trong hoặc nước đục không ngừng

Tỵ qua đằng tán (Bài 11) 560
Bột thương bạch hà (Bài 29) 563

Các bài thuốc trị bạch hầu

Ngưu tất cam thảo thang (Bài 33) 564
Sinh địa huyền sâm thang (Bài 36) 565
Huyền sinh bạch bối thang (Bài 26) 563

Các bài thuốc trị sưng hạch lympho ở cổ (tràng nhạc)

Thanh đại huyền sâm thang (Bài 20) 562
Liên huyền mẫu hạ bối thang (Bài 28) 563

Các bài thuốc trị hóc xương (xương gà, xương cá nhỏ)

Phèn đen thang (Bài 2) 558

Các bài thuốc trị đau nhức răng, đau răng viêm lợi

Nha thống tán (Bài 1) 567
Sát khuẩn tiêu viêm chỉ thống thang (Bài 2) 567
Khổ luyện bì tán (Bài 6) 568
Rượu thạch lựu (Bài 15) 570
Nước sắc hoàng oanh diệp (Bài 16) 570
Rượu lộc vừng tầm xoọng (Bài 18) 571
Cồn hoàng oanh hương phụ (Bài 21) 571

Các bài thuốc trị viêm quanh răng, viêm quanh cuống răng...

Rượu cà gai ngưu tất đại hành (Bài 5) 567
Nước sắc cây lấu (Bài 8) 568
Nước sắc sao đen (Bài 10) 569

Nước sắc thông (Bài 11) 569
Cồn thông (Bài 12) 569
Cồn mắt thông (Bài 13) 569
Cồn vỏ cây đại (Bài 14) 569
Thang thạch môn huyền (Bài 20) 571
Thạch đan hương biển xích thang (Bài 23) 572

Các bài thuốc trị cam răng, cam miệng, lở loét lưỡi, miệng, lợi

Bột cam răng (Bài 3) 567
Nga khẩu tán (Bài 4) 567
Ngũ thạch thanh bá tán (Bài 7) 568

Các bài thuốc trị sưng bọng răng phát sốt

Tư âm thanh nhiệt sát khuẩn thang (Bài 17) 570
Thuốc xúc miệng trầu không búp bàng nghệ vàng (Bài 19) 571

Các bài thuốc trị viêm tuỷ răng, tuỷ răng hoại tử

Cồn xuyên luyện tử (Bài 9) 568

Các bài thuốc trị ung xỉ (cam tẩu mã)

Nha cam tẩu mã tán (Bài 22) 571

Các bài thuốc trị viêm tai giữa chảy mủ thối

Bột hùng đơn (Bài 1) 573
Cao lỏng PH3 (Bài 2) 573
Bạch phàn xà thoái tán (Bài 4) 573
Thang cửu thái khô phàn (Bài 5) 573

Các bài thuốc trị lỗ tai sưng đau nhức, có khi chảy mủ

Cửu thái trấp (Bài 3) 573

Các bài thuốc trị tai ù, tai nghe như tiếng ve kêu

Thương ma nhĩ thảo xương bồ thang (Bài 6) 574

Các bài thuốc trị chứng tai ù, hoa mắt, nhức đầu, huyết áp tăng do can thận, suy yếu

Tang diệp chi ma hoàn (Bài 7) 574

Các bài thuốc chữa choáng do thương tích nặng (hưu khắc)

Bột sâm đại hành (Bài 1) 575
Bột sâm tô liên thảo (Bài 2) 575
Rượu đồng tiện (Bài 3) 575

Sâm khương mẫu lệ tán (Bài 4) 576
Bột đình lăng hoài sơn (Bài 7) 576
Rượu mật mía (Bài 59) 588
Trà xanh mật mía thang (Bài 60) 588

Các bài thuốc trị cấp cứu ngất, ngất đã hồi tỉnh người rất mệt

Bột thông quan (Bài 5) 576
Bồ kết xương bồ tán (Bài 6) 576
Bột lạc tiên dâu tằm đậu xanh (Bài 8) 576

Các bài thuốc rửa vết thương, vết bỏng

Nước trầu không khô phàn (Bài 9) 577
Nước hoàng oanh diệp (Bài 10) 577
Nước tô phù bạch (Bài 11) 577
Nước bạch đồng nữ (Bài 12) 577
Nước muối sài đất (Bài 13) 577

Các bài thuốc trị bỏng mới nhẹ, vết thương phần mềm chưa nhiễm khuẩn

Thuốc bôi trà nghệ (Bài 14) 578
Cao xoan nhừ (Bài 15) 578
Cao vỏ sung (Bài 16) 578
Thuốc đắp diệp sinh căn tươi (Bài 18) 579
Nước tô mộc vòi voi kinh giới trầu không phèn chua (Bài 20) 579
Bột khang tỳ ưu đàm thụ (Bài 22) 580
Bột xuyên sơn giáp (Bài 21) 579
Cao HT1 (Bài 75) 591
Cao dây đuôi phượng (Bài 72) 591
Nước sắc bạch đồng nữ (Bài 78) 592
Cao hy thiêm (Bài 135) 604

Các bài thuốc trị bỏng nặng, vết thương phần mềm đã nhiễm khuẩn

Cao đào kim khương hoàng (Bài 17) 578
Cao khương hoàng ngưu thiệt thảo (Bài 19) 579
Bột đản sát thuỷ dung (Bài 31) 582
Bột khương hoàng liên tiền thảo (Bài 32) 582
Bột lá sắn thuyền (Bài 33) 582
Bột bạch hoa thảo (Bài 34) 583
Thuốc đắp xuyên phá thạch (Bài 35) 583
Thuốc đắp sàn cảo thụ (Bài 36) 583
Bột lá sắn thuyền nghệ (Bài 71) 590
Cao giải phóng K71B (Bài 73) 591
Bột rau má nghệ vàng phèn chua (Bài 74) 591

Bột C.Ô.N (Bài 76) 591
Bột ngư tinh thảo (Bài 77) 592
Nước sắc hoàng đằng (Bài 79) 592
Cao lá mỏ quạ (Bài 80) 592
Thuốc mỡ mã đề (Bài 81) 592
Sinh cơ tán (Bài 82) 593
Nước ép khương hoàng (Bài 83) 593
Dung dịch bạch phàn 5% (Bài 84) 593
Bột TS5 (Bài 86) 593
Cao săng lẻ (Bài 87) 594
Bột bồng BB 195 (Bài 88) 594
Cao SO.48 (Bài 89) 594
Cao BO-I (Bài 90) 594
Cao hu đay (Bài 91) 595
Cao sim nghệ (Bài 93) 595

Các bài thuốc cầm máu vết thương

Bột sâm đại hành (Bài 23) 580
Bột can khương mã anh đan (Bài 24) 580
Bột vôi lá gai (Bài 25) 581
Bột lệ chi hạch (Bài 26) 581
Bột hạn liên thảo (Bài 27) 581
Bột bạch thạch (Bài 28) 581
Bột nam lĩnh nguyên hoa (Bài 29) 581
Bột ba chạc cỏ nhọ nồi (Bài 30) 582
Long nha thảo tán (Bài 136) 604

Các bài thuốc bó gãy xương

Bột bó thự lương (Bài 37) 583
Thuốc cao bó gẫy xương (Bài 38) 583
Bột dung thụ kê đản bạch (Bài 39) 584
Thuốc bó thanh táo (Bài 40) 584
Thuốc bó mộc miên núc nác (Bài 41) 584
Thuốc bó xương rồng xạ can củ khởi (Bài 42) 584
Bột bó dung thụ giáng hương (Bài 43) 585
Thuốc bó khoan cân đằng (Bài 44) 585
Thuốc bó biển đậu tỳ ma tang diệp (Bài 45) 585
Thuốc bó mộc miên tang diệp mua bà (Bài 46) 585
Thuốc bó chùm gửi (Bài 67) 589
Bột bó gẫy xương (Bài 98) 596
Thuốc bó nghệ vàng mần tưới (Bài 110) 600

Dung thụ hoàng bá miên bì tán (Bài 115) 600
Cao bó gẫy (Bài 134) 604
Thuốc bó gẫy xương (Bài 131) 603

Các bài thuốc trị gẫy xương, bong gân, sai khớp, chấn thương tụ máu, sưng đau, phù nề

Rượu nhựa dung thụ (Bài 47) 585
Mộc miên khương hoàng thang (Bài 48) 586
Thuốc hãm diệp sinh căn (Bài 49) 586
Huyết giác tô mộc chỉ giáp hoa thang (Bài 50) 586
Thanh nhiệt tiêu viêm chỉ thống thang (Bài 51) 586
Đồng tiện tửu thang (Bài 52) 587
Lá quýt rừng thang (Bài 53) 587
Hành huyết chỉ huyết chỉ thống thang (Bài 55) 587
Thanh nhiệt hành huyết chỉ thống tiêu sưng thang (Bài 56) 587
Hành huyết tán ứ nhuận tràng tiêu sưng chỉ thống thang (Bài 58) 588
Dã vô hoa thang (Bài 61) 588
Cỏ lào thang (Bài 62) 588
Hành huyết tiêu sưng giảm đau thang (Bài 63) 589
Dung thụ ngải cứu lá lốt thang (Bài 64) 589
Cát bối thang (Bài 65) 589
Lê mông ngải cứu hồi hương long não thang (Bài 66) 589
Rượu ôn kinh hành huyết tán ứ tiêu sưng (Bài 68) 590
Khương hoàng tán (Bài 85) 593
Tầm phỏng thang (Bài 92) 595
Cồn mộc miết tử (Bài 95) 595
Mộc miên dung thụ thang (Bài 99) 597
Cồn xoa bóp (Bài 100) 597
Rượu xoa bóp (Bài 107) 599
Cao chấn thương thống nhất (Bài 108) 599
Thạch vi ba chạc thang (Bài 109) 599
Tục cốt tướng quân thang (Bài 111) 600
Thang đu đủ măng cầu (Bài 112) 600
Thang nghệ cúc tần (Bài 113) 600
Huyết giác khương hoàng tửu (Bài 114) 600
Đương đào kinh đại quế bổ thang (Bài 132) 604
Hồng hoa tô mộc thang (Bài 133) 604
Đơn bì đào nhũ xích khung thang (Bài 137) 605
Mộc qua tán (Bài 138) 605
Đào nga quy xích thang (Bài 139) 605
Đan bì xích thược tán (Bài 140) 605

Các bài thuốc trị chấn thương phổi ho khạc ra máu

Bột bạch cập (Bài 54) 587

Các bài thuốc trị chấn thương mất máu lo sợ hồi hộp không ngủ được

Lạc tiên dây thang (Bài 57) 587

Các bài thuốc trị các chứng viêm nhiễm, viêm cơ, áp xe cơ

Tiêu độc thang (Bài 69) 590
Lương huyết tiêu độc thang (Bài 70) 590
Cồn ngô công (Bài 94) 595
Cà gai đu đủ chìa vôi thang (Bài 116) 601
Lục bình hoàng oanh diệp thang (Bài 119) 601
Tiêu viêm sát khuẩn thanh nhiệt thông huyết thang (Bài 123) 602
Thuốc đắp phù chìa ké (Bài 125) 602
Viễn chí tửu (Bài 141) 605

Các bài thuốc trị ung nhọt độc

Cao dán thiềm thừ (Bài 96) 595
Cao ngô công (Bài 97) 596
Thuốc đồ ung độc (Bài 101) 597
Mộc ngô ô tỳ tán (Bài 102) 597
Thuốc đồ mộc miết mãng cầu (Bài 103) 598
Cao hành nghệ (Bài 104) 598
Xuyên hoàng hùng tán (Bài 105) 598
Cao tan (Bài 106) 598
Thanh nhiệt tiêu độc thang (Bài 117) 601
Thanh nhiệt giải độc thang (Bài 118) 601
Ngân bồ thang (Bài 120) 601
Thang hành tăm mật ong (Bài 121) 602
Thổ phục ngũ liêm tử thang (Bài 122) 602
Bạch kim thiên hoa thang (Bài 127) 603
Bạch thanh đương giác dĩ xương thang (Bài 128) 603
Bồ công thất diệp thang (Bài 129) 603
Bồ liên thiên bối mẫu thang (Bài 130) 603

Các bài thuốc rút chông gai, vật bằng kim loại nhỏ cắm vào cơ thể

Khương lang thang (Bài 124) 602
Đại thông phong mật thang (Bài 126) 602

Các bài thuốc trị rắn độc cắn

1. Bột HVB 606

2. Đậu nọc thang 606
3. Hoa xà thiệt thảo thang 606
4. Nọc sởi thang 606
5. Thất diệp nhất chi hoa thang 607
6. Bớp bớp thang 607
7. Thần đen thang 607
8. Thanh nhiệt lương huyết lợi tiểu thông kinh hoạt lạc giải độc thang 607
9. Bồ cu vẽ thang 608
10. Mía dò thang 608
11. Chìa vôi thang 608
12. Tỵ qua thang 608
13. Sơn từ cô thang 608
14. Quỷ châm thảo thang 609
15. Rượu hội 609
16. Áp chích thảo thang 609
17. Quýt gai thang 609
18. Địa đào hoa thang 609
19. Kim vàng thang 609
20. Húng chanh thang 609

Bài thuốc trị Ong đốt 610

Bài thuốc trị Ve cắn 610

Bài thuốc trị Giời leo 610

Bài thuốc trị dẫm hoặc chạm phải Bọ nẹt, Sâu róm 610

Các bài thuốc trị Rết cắn 610
1. Dã vu thang 610
2. Rượu hội 610

Các bài thuốc trị Đỉa cắn, đỉa chui vào người 610
1. Nọc sởi thang 610
2. Sắn thuyền thang 610

Bài thuốc trị côn trùng, muỗi cắn, đốt 611

Các bài thuốc trị bọ cạp cắn 611
Quỷ châm thảo thang 611

Các bài thuốc trị ngộ độc sắn 612
1. Cua đồng thang 612

2. Mật mía cam thảo đất thang 612
3. Rau má sắn dây thang 612
4. Rau muống cám gạo thang 612

Các bài thuốc trị ngộ độc Dứa

1. Vỏ dứa cam thảo mộc nhĩ thang 613
2. Vỏ dứa rau má cam thảo thang 613
3. Giải độc thang 613

Các bài thuốc trị ngộ độc nấm

1. Mộc nhĩ nấm hương thang 613
2. Cháo đỗ xanh 613
3. Cát hoa thang 614
4. Thang rau khoai lang 614
5. Cháo đỗ xanh nước mía 614

Các bài thuốc trị ngộ độc thức ăn (Thương thực)

1. Bột tiêu thực 614
2. Hương phác thang 614
3. Viên hoắc hương 615
4. Kim nương mã đề thang 615
5. Thạch xương bồ tán 615

Các bài thuốc trị ngộ độc tôm, cua, cá, sò

1. Nước sắc tô diệp 615
2. Nước sắc đại toán 615

Các bài thuốc trị ngộ độc cá nóc 615

1. Khoai lang thực diêm thang 616
2. Tía tô đại toán thang 616
3. Biển đậu thang 616

Bài thuốc trị ngộ độc mật cá trắm 616

Các bài thuốc trị ngộ độc rượu

1. Lá dong tươi thang 617
2. Cát hoa thang 617
3. Rau má tươi thang 617
4. Giá đỗ xanh tươi thang 617
5. Địa liền tươi thang 617
6. Lá bạch hạc tươi thang 617
7. Bạch mao căn thang 617

8. Bạch biển đậu thang 617
9. Thang nước ép dưa hấu 617

Các bài thuốc trị ngộ độc thuốc sâu

1. Thang phòng phong cam thảo 618
2. Liên tiền thảo thang 618
3. Chanh quả thang 618

Các bài thuốc trị ngộ độc thuốc nói chung

1. Nước cốt rau muống 618
2. Thổ phục linh thang 618
3. Thổ phục cam thảo thang 618

Các bài thuốc trị ngộ độc thuốc phiện cấp 618

Bông gòn thang 618

Các bài thuốc trị ngộ độc mã tiền - hoàng nàn

1. Nước cốt rau muống 619
2. Ngũ liễm căn thang 619
3. Ngũ liễm căn gia vị thang 619
4. Bột rỉ sắt 619
5. Thang bạch biển đậu 619

Các bài thuốc trị ngộ độc thạch tín (nhân ngôn),thuốc diệt chuột - mối

1. Bạch biển đậu thang 619
2. Trinh nữ thang 619
3. Xuyên tiêu hoàn 620

Các bài thuốc trị ngộ độc lá ngón 620

1. Dương huyết thang 620
2. Nước cốt rau muống 620
3. Nước cốt rau má 620
4. Nước sắc cam thảo 620
5. Nước sắc lá sim hoặc lá ổi 620
6. Nước sắc kim ngân 620

Các bài thuốc trị ngộ độc Ô đầu - Phụ tử

1. Nước mật ong 621
2. Nước sắc lá sim hoặc lá ổi 621
3. Ngân hoa lục đậu cam thảo thang 621
4. Nước sắc cam thảo 621

Các bài thuốc trị ngộ độc thuỷ ngân - khinh phấn

1. Nước sắc thổ phục linh 621
2. Dương huyết thang 621

Các bài thuốc trị ngộ độc cà độc dược

Cam thảo đường mía vàng thang 621

Một số bệnh án nội khoa hay

1. Bệnh án biểu hư 622
2. Bệnh án biểu nhiệt 623
3. Bệnh án biểu hàn 624
4. Bệnh án biểu thực 625
5. Bệnh án lý hàn 626
6. Bệnh án lý hư 627
7. Bệnh án lý nhiệt 628
8. Bệnh án lý âm hư 628
9. Bệnh án lý dương hư 629
10. Bệnh Xuân ôn 630
11. Bệnh thử ôn 632
12. Bệnh thử phong 633
13. Bệnh sốt xuất huyết 634
14. Bệnh án sốt xuất huyết 635
15. Bệnh án ban sởi 635
16. Bệnh án nội thương (phát sốt) 637
17. Bệnh án nội thương do tỳ vị, viêm đại tràng mạn tính 637
18. Bệnh án tâm tỳ lưỡng hư 640
19. Bệnh án viêm đại trường mạn tính 641
20. Bệnh án viêm đại trường mạn tính 642
21. Bệnh án trung khí hư 643
22. Bệnh án phù thũng (lý thực thuỷ tích) 643
23. Bệnh án phù thũng 644
24. Bệnh án phù thũng 646
25. Bệnh án thổ huyết 647
26. Bệnh án nhức đầu kinh niên (mạn tính) 647
27. Bệnh án viêm mũi 649
28. Bệnh án lao nhiệt nội thương 649
29. Bệnh án nội thương (lao nhiệt vì can dương thịnh) 650
30. Bệnh án viêm tắc động mạch chi (thoát thư) 652
31. Bệnh án viêm tắc động mạch tay và chân 653
32. Bệnh án suy nhược cơ thể 653
33. Bệnh án viêm mũi dị ứng 655

34. Bệnh án phong thấp (nhức mỏi tê rần vai và cánh tay) 655
35. Bệnh án đau sườn vú (hung hiếp thống) 656
36. Bệnh án đái ra máu (huyết lâm) 657
37. Bệnh án đái tháo đường (tiêu khát) 658
38. Bệnh án hạc tất phong 658
39. Bệnh án chứng tiết tả 660
40. Bệnh án kiết lỵ tiết tả (kiết lỵ biến chứng sinh tiết tả) 661
41. Bệnh án đau dạ dày 662
42. Bệnh án hoàng đảm (đản) 663
43. Bệnh án phế nuy 665
44. Bệnh án nhức đầu kinh niên (mạn tính) 668
45. Bệnh án động kinh 669
46. Bệnh án thống phong 670
47. Bệnh án nội thương hư lao 671
48. Bệnh án lỗ rò mạch lươn 672
49. Bệnh án viêm họng 672
50. Bệnh án viêm đường tiết niệu 673
51. Bệnh án viêm đường tiết niệu và tăng huyết áp 674
52. Bệnh án huyễn vựng (chóng mặt) 674
53. Bệnh án hoạt tinh do thận dương, thận âm hư 675
54. Bệnh án hoạt tinh (do thận âm suy kiệt, thận dương thịnh) 676
55. Bệnh án xuất huyết dưới da 677
56. Bệnh án xuất huyết dưới da 678
57. Bệnh án da mặt đen sạm (hắc đảm) 680
58. Bệnh án sốt rét 681
59. Bệnh án sốt rét kinh niên 681
60. Bệnh án sốt rét kinh niên 682
61. Bệnh án sốt rét 683
62. Bệnh án đau lưng do sốt rét 684
63. Bệnh án viêm thần kinh toạ (ma mộc) 685
64. Bệnh án viêm thần kinh toạ liệt hai chân (ma mộc) 686
65. Bệnh án viêm thần kinh toạ 687
66. Bệnh án đau khớp háng bên phải 688
67. Bệnh án xuất huyết dưới da cấp tính 689
68. Bệnh án bí tiểu tiện vì can dương thịnh 690
69. Bệnh án nhũn não (liệt, bí tiểu tiện vì âm dương lưỡng hư) 691
70. Bệnh án thận lao 692
71. Trúng phong bán thân bất toại
(Tai biến mạch máu não để lại di chứng liệt nửa người) 694
72. Bệnh án liệt dây thần kinh VII ngoại biên 700
73. Bệnh án liệt dây thần kinh VII ngoại biên 701

74. Bệnh án tai biến mạch máu não 702
75. Bệnh án phong trúng phủ và kinh mạch 703
76. Bệnh án phong trúng kinh lạc và tạng phủ 705
77. Bệnh án tai biến mạch máu não 706
78. Bệnh án trúng hàn 707
79. Chứng thử phong (loại trúng phong) 708
80. Bệnh án nhũn não đã phát 710
81. Bệnh án nhũn não (do tiểu đường) 711
82. Bệnh án nhũn não (do tâm tỳ lưỡng hư) 712
83. Bệnh án nhũn não (không uống được) 713
84. Bệnh án thiếu máu cơ tim 714
85. Bệnh án thiếu máu cơ tim 715
86. Bệnh án suy tim 715
87. Bệnh án thiểu năng tuần hoàn não
(do phong tà, đàm ẩm úng tắc thái dương kinh) 716
88. Bệnh án tăng huyết áp (do xơ mỡ động mạch) 717
89. Bệnh án tăng huyết áp (do suy tim - tiểu đường) 718
90. Bệnh án tăng huyết áp (do tỳ thận hư - do phù thũng) 718
91. Bệnh án tăng huyết áp do can 720
92. Bệnh án tăng huyết áp do thận 720
93. Bệnh án tăng huyết áp do can tỳ 721
94. Bệnh án suy tim 722
95. Bệnh án thiếu máu cơ tim. 723

DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU TỔNG HỢP VÀ THAM KHẢO CHÍNH DÙNG BIÊN SOẠN CUỐN SÁCH

1. Tập hợp các bài thuốc nam áp dụng trong các Viện, Bệnh viện.
   Vụ Dược chính - Bộ Y tế - 1961
2. Tập Công thức sản xuất Cao đan Hoàn tán bằng thuốc Nam cho các địa phương
   Cục phân phối dược phẩm - Bộ Y tế - 1962.
3. Tập công thức thuốc Nam cho các xã
   Vụ Dược chính - Bộ Y tế - 1968
4. Tập công thức thuốc Nam cho các Bệnh viện
   Vụ Dược chính - Bộ Y tế - 1969
5. Tập Công thức thuốc Nam pha chế tại các Bệnh viện, Cửa hàng dược phẩm.
   Cục phân phối dược phẩm - Bộ Y tế - 1974
6. Tập Đơn thuốc Nam (đã được chọn lọc và áp dụng có kết quả tại các đơn vị quân đội từ 1972 - 1984)
   Tổng Cục Hậu cần - Cục Quân y - 1986
7. Sổ tay thuốc Nam châm cứu chữa bệnh tuyến cơ sở - Cục Quân y
   Nhà xuất bản Quân đội nhân dân - 1997
8. Hướng dẫn trồng sử dụng thuốc Nam châm cứu - Vụ Dược chính - Bộ Y tế - Nhà xuất bản Y học 1983
9. Thuốc Nam chữa bệnh (Một số bài thuốc kinh nghiệm) - TW Hội Y học cổ truyền dân tộc Việt Nam. Nhà xuất bản Y học - 1987
10. Một số kinh nghiệm về cấp cứu chiến thương và chữa rắn cắn bằng thuốc dân tộc. TW Hội Đông y Việt Nam. Nhà xuất bản Y học – 1984.
11. Cao đạn hoàn tán - Bộ Y tế, Hội Đông y, Viện nghiên cứu Đông y - Nhà xuất bản Y học - 1976
12. Toa thuốc căn bản. Bộ Y tế, Viện nghiên cứu Đông y, 1961
13. Cơ bản tính thuốc ta (và những bài thuốc ứng dụng). LY. Nguyễn Kiều. Bộ Y tế. Nhà xuất bản Y học
14. Bào chế Đông dược - Viện Đông y
    Nhà xuất bản Y học và thể dục thể thao - 1964
15. Bản tin Đông y - Viện nghiên cứu Đông y
    (Một số số từ năm 1973 đến nay)
16. Hồng nghĩa giác tư y thư - Tuệ Tĩnh
    Nhà xuất bản Y học - 1978
17. Danh từ Đông y - Viện y học dân tộc Hà Nội
    Nhà xuất bản Y học - 1990
18. Nam dược thần hiệu. Viện nghiên cứu Đông y
    Nhà xuất bản Y học 1960
19. Một số báo cáo chuyên môn tại các hội nghị Thuốc nam châm cứu (từ 1961 - 1981).
20. Tập hợp những bài thuốc hay. Viện Y dược học dân tộc - TP. Hồ Chí Minh - 1980.
21. Những bài thuốc Nam hay. Hội Y học dân tộc TP Hồ Chí Minh và Tây Ninh 1987

22. Các tâm đắc về bệnh suy dinh dưỡng
Sở Y tế, Câu lạc bộ Y học dân tộc, Bệnh viện Y học dân tộc TP. Hồ Chí Minh - 1980
23. Các tâm đắc về bệnh viêm loét dạ dày - tá tràng
Sở Y tế, Câu lạc bộ Y học dân tộc, Bệnh viện Y học dân tộc, thành phố Hồ Chí Minh - 1980
24. Bệnh thấp khớp
Sở Y tế, Câu lạc bộ Y học dân tộc, Bệnh viện Y học dân tộc, thành phố Hồ Chí Minh - 1980
25. Các báo cáo chuyên môn trình bày trong Hội nghị khoa học y học dân tộc. Sở Y tế, Câu lạc bộ Y học dân tộc, Bệnh viện Y học dân tộc, thành phố Hồ Chí Minh - 1993
26. Bài giảng lớp Lương y thừa kế
Trường Trung học Y dược dân tộc Tuệ Tĩnh II - TP. Hồ Chí Minh - 1987
27. Một trăm bài thuốc gia truyền kinh nghiệm. Sở Y tế Hà Nội - 1990
28. Những bài thuốc gia truyền độc đáo kinh nghiệm gia truyền lâu đời.
Thành hội Đông y Hà Nội - 1972
29. Tính dược và công dụng cây thuốc Nam
Thành hội Đông y Hà Nội - 1974
30. Dược liệu Việt Nam - Bộ Y tế. Nhà xuất bản Y học (xuất bản lần 2) 1978
31. Thuốc nam châm cứu - Viện nghiên cứu Đông y
Nhà xuất bản Y học và Thể dục thể thao - 1968.
32. Cây thuốc Việt Nam - Viện Dược liệu
Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật, Hà Nội - 1990
33. 100 vị thuốc thường dùng
Ty Y tế Vĩnh Phú, Bệnh viện Đông y Vĩnh Phú - 1977
34. Tập nghiệm lâm sàng - Bệnh viện Y học dân tộc Thanh Hoá
Nhà xuất bản Thanh Hoá - 1987
35. Một số tâm đắc về Đông y - Đông dược tập 1
Ty Y tế Thanh Hoá - 1973
36. Một số tâm đắc về Đông y - Đông dược tập 2 - Bệnh viện y học dân tộc Thanh Hoá. Nhà xuất bản Thanh Hoá - 1982
37. Những bài thuốc phòng chữa bệnh theo kinh nghiệm dân gian ở Thanh Hoá - Sở Y tế, Bệnh viện Y học cổ truyền Thanh Hoá - 1999
38. Kinh nghiệm chữa bệnh của Đông y Nghệ An (tập 1 - tập 2)
Ty Y tế - Tỉnh Hội Đông y Nghệ An - 1974
39. Vị thuốc hay bài thuốc quý chữa bệnh tại nhà - BS. Dương Đăng Lâu.
Tỉnh hội Y học dân tộc, Bệnh viện Y học dân tộc Hà Bắc - 1991
40. Những bài thuốc kinh nghiệm của các Lương y tỉnh Hà Tây
Hội Y học cổ truyền Hà Tây - 2000
41. Một số bài thuốc Nam kinh nghiệm
Tỉnh hội Đông y Nam Hà - 1975
42. Thuốc Nam và châm cứu
Hội Y học cổ truyền tỉnh Bến Tre - 1987
43. Tính năng bào chế và tác dụng của thuốc nam theo Y học dân tộc DS. Phan Đây - Hội Y học dân tộc tỉnh Khánh Hoà - 1989

44. Sổ tay sức khoẻ cộng đồng
Sở Y tế, Bệnh viện Y học dân tộc Long An - 1996
45. 100 Y án chữa bệnh bằng thuốc nam - Lương y Việt Cúc
Sở Y tế Tiền Giang - 1986
46. 92 Bệnh án hay - Lương y Võ Văn Hỉ
Hội Y học dân tộc TP. Hồ Chí Minh và Tiền Giang - 1989
47. Thầy thuốc hay trong nhà. BS. Phan Công, BS. Phan Kỳ Nam (Phú Yên). Nhà xuất bản Đà Nẵng - 1996
48. 40 Y án hay chữa bằng thuốc Nam châm cứu - Lương y Phạm Tấn Khoa.
Hội Y học dân tộc TP. Hồ Chí Minh và Long An - 1987.
49. Bệnh chứng trị liệu. GS. Bùi Chí Hiếu, Lương y Trần Khiết.
Nhà xuất bản Đồng Nai - 1990
50. Điều trị hen phế quản (bằng Y học cổ truyền) PTS. Dương Trọng Hiếu
Nhà xuất bản Y học - 1993
51. Phòng và chữa một số chứng bệnh phụ nữ (theo phương pháp Y học cổ truyền) PTS. Dương Trọng Hiếu. Nhà xuất bản Phụ nữ - 1996
52. Một số Tạp chí Đông y từ 1968 đến nay
53. Một số bản tin hoạt động Y học dân tộc của các tỉnh: Phú Khánh - Hải Hưng - Hà Tây - Hà Nội - Hoà Bình...
54. Cây thuốc Nam và các phương pháp phòng chữa bệnh đơn giản tại nhà.
Bệnh viện Y học dân tộc Quảng Nam Đà Nẵng - 1994.
55. Cây thuốc Lâm Đồng - DS. Nguyễn Thọ Biên
Sở Y tế Lâm Đồng, 1996
56. Dược lý trị liệu thuốc Nam. GS. Bùi Chí Hiếu
Nhà xuất bản Y học, 1982
57. Kinh nghiệm nắn sai khớp - bó gẫy xương chi kín. Lương y Nguyễn Công Tài
Ty Y tế - Bệnh viện Đông y Vĩnh Phú - 1978
58. Rắn độc lợi và hại - Võ Văn Chi, Nguyễn Đức Minh
Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật - 1993
59. Sưu tầm nam dược Thất Sơn - Châu Đốc
Hội từ thiện Thống Nhất - 1976
60. Bài học thuốc Nam. Khương Duy Đạm, Nguyễn Văn Thanh
Ban Nam y và châm cứu. Hội từ thiện Thống Nhất - 1976
61. Dược liệu miền Nam và các bài thuốc ứng dụng.
BS. Nguyễn Công Tỷ, Lương y Huỳnh Văn Thanh
uỷ ban Khoa học tỉnh Tây Ninh - 1991
62. Các tâm đắc về bệnh tiêu chảy - kiết lỵ
Sở Y tế, Câu lạc bộ Y học dân tộc, Bệnh viện Y học dân tộc TP. Hồ Chí Minh - 1980
63. Tánh dược diễn ca. Lương y Hồ Thắng
Tỉnh hội Y học dân tộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng - 1991
64. Lược sử Thuốc Nam và dược học Tuệ Tĩnh - Lương y Lê Trần Đức
Nhà xuất bản Y học - 1990
65. 25 năm thừa kế và nghiên cứu y học dân tộc (1957 - 1982)
Bộ Y tế, Viện Y học dân tộc Hà Nội - 1983

66. Hải Thượng y tông tâm lĩnh - Lê Hữu Trác
Hội Y học dân tộc TP. Hồ Chí Minh và Tây Ninh - 1988
67. Đông y toàn tập - Nguyễn Trung Hoà
Nhà xuất bản Thuận Hoá - 2000
68. Lý luận Đông y - Bệnh chứng nghiệm phương. Lương y Trần Khiết
Nhà xuất bản Y học - 1988
69. Phương thuốc cổ truyền. GS. Hoàng Bảo Châu
Nhà xuất bản Y học - 1998
70. Thuốc cổ truyền và ứng dụng lâm sàng - GS. Hoàng Bảo Châu
Nhà xuất bản Y học - 1999
71. Dược học cổ truyền. GS.BS. Trần Văn Kỳ
Nhà xuất bản TP. Hồ Chí Minh - 1995
72. Thuốc bổ Đông y - nghiên cứu và ứng dụng lâm sàng. GS.BS. Trần Văn Kỳ
Hội Y học cổ truyền TP. Hồ Chí Minh - 1993
73. Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam. GS.TS. Đỗ Tất Lợi
Nhà xuất bản Y học
74. Cây thuốc - bài thuốc và biệt dược. DS. Phạm Thiệp, DS. Lê Văn Thuần, DS. Bùi Xuân Chương - Nhà xuất bản Y học - 2000
75. Tuệ Tĩnh toàn tập - Nguyễn Bá Tĩnh
Hội Y học dân tộc TP. Hồ Chí Minh - 1986
76. Hướng dẫn chế biến và bào chế thuốc Nam
DS. Nguyễn Đức Đoàn, DS. Nguyễn Thuỵ Anh
Nhà xuất bản Y học - 1979
77. Thuốc Nam theo y lý cổ truyền - DS. Nguyễn Đức Đoàn
Hội Y học, Câu lạc bộ Y học dân tộc, Sở Y tế TP. Hồ Chí Minh - 1984
78. Hướng dẫn sử dụng thuốc Nam theo y lý cổ truyền
DS. Nguyễn Đức Đoàn. Nhà xuất bản Y học - 1990
79. Thuốc Đông y. Cách sử dụng, bào chế, bảo quản
Thầy thuốc ưu tú, DS.CK2 Nguyễn Đức Đoàn.
Nhà xuất bản Y học - 2002
80. Từ điển cây thuốc Việt Nam - Võ Văn Chi
Nhà xuất bản Y học - 1997
81. 150 cây thuốc Nam thường dùng - GS. Bùi Chí Hiếu
Nhà xuất bản Y học - 1981
82. Những cây con và khoáng vật làm thuốc (của Thanh Hoá)
Bệnh viện Y học dân tộc Thanh Hoá. Nhà xuất bản Thanh Hoá - 1987
83. Các tư liệu báo cáo khoa học tại các hội nghị khoa học của các đơn vị: Trường Đại học Y, Đại học Dược Hà Nội. Học viện Quân y - Viện nghiên cứu Đông y (Viện Y học cổ truyền) Hà Nội - Viện nghiên cứu Dược liệu - Viện Y dược học dân tộc TP. Hồ Chí Minh - Bệnh viện Bạch Mai - Viện mắt trung ương - Quân Y viện 108 - Quân y viện 103 - Trường Y học dân tộc Tuệ Tĩnh I Hà Nội - Trường Y học dân tộc Tuệ Tĩnh II - TP. Hồ Chí Minh...
84. Các tư liệu ghi chép báo cáo chuyên môn khi đến thăm và làm việc tại các bệnh viện Đa khoa Tây y và Đông y của 61 tỉnh thành phố trong cả nước...

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

NAM Y NGHIỆM PHƯƠNG

Chịu trách nhiệm xuất bản
HOÀNG TRỌNG QUANG

Biên tập: DS. LÊ MINH NGUYỆT
Sửa bản in: LÊ MINH NGUYỆT
Trình bày bìa: CHU HÙNG

In 1000 cuốn, khổ 19x27cm tại Xưởng in Nhà xuất bản Y học.
Giấy phép xuất bản số: 92-97/XB-QLXB ngày 6/2/2004.
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2004.

NHỮNG SÁCH CÙNG TÁC GIẢ ĐÃ XUẤT BẢN



1. Bào chế thuốc nam. Vụ Dược chính - Bộ Y tế - 1969
2. Hướng dẫn chế biến và bào chế thuốc nam. Nhà xuất bản Y học - 1972, 1979
3. Thuốc nam theo y lý cổ truyền - Hội Y học dân tộc, Câu lạc bộ Y học dân tộc, Sở y tế Thành phố Hồ Chí Minh - 1984
4. Cây thuốc gia đình. Nhà xuất bản Y học - 1988, 2001
5. Hướng dẫn sử dụng thuốc nam theo y lý cổ truyền. Nhà xuất bản Y học - 1990
6. Y học cổ truyền Việt Nam trong sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân (tập sách ảnh song ngữ Việt -Anh). Vụ Y học cổ truyền Bộ Y tế - 1996
7. Thuốc Đông y cách sử dụng - Bào chế - Bảo quản. Nhà xuất bản Y học - 2002
8. Dược liệu Việt Nam (hiệu đính). Nhà xuất bản Y học - 1972
9. Sổ tay Dược sĩ thực hành - Bào chế Dược chính. Nhà xuất bản Y học - 1981
10. Sổ tay Dược sĩ thực hành - Dược liệu. Nhà xuất bản Y học - 1983
11. Chủ tịch Hồ Chí Minh với Y tế (Đề tài khoa học). Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - 1999
12. Những bài thuốc kinh nghiệm của các Lương y tỉnh Hà Tây. Hội Y học cổ truyền Hà Tây - 2000

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC
352 ĐỘI CẤN - BA ĐÌNH - HÀ NỘI
ĐT: 7625934 - FAX: 7625923 - EMAIL: xuatbanyhoc@netnam.vn

MS 61 - 619 / YH - 2004 97 - 2004

GIÁ: 165.000Đ